959.7
Đ103V
CV.001374

[V]IỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

Tổ chức công trình: Dương Thị The
Dịch và chú thích: Lê Văn Bảy, Nguyễn Thị Thảo, Dương Thị The, Phạm Thị Thoa

2018 | PDF | 781 Pages
buihuuhanh@gmail.com

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ
TIỀN BIÊN

Tổ chức công trình:
DƯƠNG THỊ THE

Dịch và chú thích:
LÊ VĂN BẢY – NGUYỄN THỊ THẢO
DƯƠNG THỊ THE – PHẠM THỊ THOA

Hiệu đính:
LÊ DUY CHƯỞNG

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Đại Việt sử ký tiền biên / Dịch, chú thích: Lê Văn Bảy, Nguyễn Thị Thảo, Dương Thị The, Phạm Thị Thoa ; Lê Huy Chưởng h.đ.. - H. : Hồng Đức, 2018. - 772tr. ; 24cm

ĐTTS Ghi: Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia. Viện Nghiên cứu Hán Nôm

1. Lịch sử cổ đại 2. Lịch sử trung đại 3. Việt Nam

959.7 - dc23

HDH0042p-CIP

✓*Những thư viện mua sách của Nhà sách Thăng Long được biên mục chuẩn Marc 21 miễn phí.*

✓*Dữ liệu được Nhà sách Thăng Long chép vào đĩa mềm, hoặc gửi email đến thư viện, hoặc download từ trang web:thanglong.com.vn*

959.7
Đ103V

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ
TIỀN BIÊN

THƯ VIỆN
TỈNH VĨNH LONG
PĐ.TRA CỨU
CV - 19
1374

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Lời giới thiệu

Cùng với **Đại Việt sử ký** toàn thư và Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Đại Việt sử ký tiền biên (ĐVSKTB) là một trong ba bộ quốc sử lớn của nước ta còn lại đến ngày nay.

Sau **Đại Việt sử ký toàn thư** khắc in và công bố vào năm Đinh Sửu niên hiệu Chính Hòa thứ 18, triều Lê Hy Tông (1697), ĐVSKTB là bộ quốc sử thứ hai được khắc in trong ba năm Mậu Ngọ, Kỷ Mùi, Canh Thân, hoàn thành vào năm Canh Thân, niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 8 (1800) triều Tây Sơn.

Bộ sử 17 tập này được Sử quán triều Tây Sơn cho khắc in trên cơ sở công trình biên soạn của sử gia Ngô Thì Sĩ, được con ông là Ngô Thì Nhậm tu đính, đây thực sự là một thành tựu quan trọng về sử học của vương triều tiến bộ nhưng quá ngắn ngủi ấy.

Tác giả Ngô Thì Sĩ (1726-1780) là một nhà thơ, nhà văn, nhà sử học, nhà văn hóa lớn của nước ta ở thế kỷ XVIII, mà các tác phẩm cũng như công trình biên khảo đều toát lên một tinh thần yêu nước nồng nàn, đồng thời cũng thể hiện một trình độ học vấn uyên bác, một thái độ trị học nghiêm túc, giàu tinh thần phê phán. Trên phương diện sử học, ĐVSKTB cũng như **Việt sử tiêu án** của ông đều là những công trình như vậy.

Con ông, Ngô Thì Nhậm (1746-1803) - người biên tập và tu đính văn bản - là một trí thức lớn, sáng suốt và nhạy bén, đã sớm tham gia phong trào Tây Sơn, cộng tác đắc lực và trung thành với Quang Trung Nguyễn Huệ, đồng thời đã cống hiến cho văn hóa nước nhà nhiều công trình sáng giá như: **Hàn các anh hoa, Hy Doãn thi văn tập, Bang giao hảo thoại, Xuân Thu quản kiến, Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh...**

ĐVSKTB, về phương diện sử liệu, căn bản dựa theo **Đại Việt sử ký toàn thư**, nhưng giá trị chủ yếu là ở những bình luận sắc sảo và những vấn đề tác giả nêu lên để đính chính hoặc đánh giá lại.

Từ cách xếp Triệu Đà thành "Kỷ ngoại thuộc Triệu Vũ Đế", đến việc không đặt Sĩ Nhiếp thành một kỷ riêng, không gọi Sĩ Nhiếp là Sĩ Vương v.v..., tác giả đều tỏ rõ quan điểm độc lập của mình.

Tính chất sử luận đậm nét trong ngót 500 "lời bàn" của các sử gia nổi tiếng đời trước như Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Lê Tung, Ngô Sĩ Liên và của chính tác giả, ở đó toát lên lòng tự hào dân tộc và lòng yêu nước sâu sắc.

Ngày nay đọc lại, chẳng hạn, đoạn bình luận về Hai Bà Trưng, lập luận chặt chẽ mà sắc bén, văn phong súc tích giàu chất trữ tình còn khiến ta xúc động và cảm phục:

> *"Không gì khó thu phục bằng nhân tâm, không gì khó nắm vững hơn thế nước. Nhưng điều khó hơn nữa là đàn bà mà tập hợp được cả dân chúng trai tráng làm đồng chí. Nước ta bị nội thuộc đã lâu, sự phục tòng pháp chế của ta đã quen, người Trung Hoa cho là yên, rất coi thường cách cai trị của các quan tướng họ. Những điều oán hận chất thành gò, họ gạt đi cho là tâm địa trẻ con, thường khi nghĩ đến chuyện nổi dậy thì họ cho là phương Nam không phải đất dụng võ mà người thì nhút nhát. Lại chính lúc nhà Hán vừa trung hưng, đông đảo người trí dũng, ai dám đưa chút thân hèn mọn chạm vào cơn tức giận của hùm beo.*
>
> *Thế mà Bà Trưng là đàn bà góa búi cao mớ tóc, trai tráng trong nước đều cúi đầu nghe bà chỉ huy, những người lớn ở năm mươi mấy thành cũng phải nín hơi không dám trái lệnh. Lưu Văn từng diệt được quần hùng, chống nổi đại địch, lại được quyền họp binh sai tướng, cấp đủ xe thuyền lương thực, thế mà phải ăn trưa ngủ muộn, dốc cả vào việc cơ mưu. Mã Phục Ba từng làm cỏ nước Tiên Linh, phá tan đất Tam Lang một cách dễ dàng, thế mà khi sang đóng đồn ở Lãng Bạc phải náu quân gò ngựa đi chậm, giấu xe dưới chằm, bụng lo rầu ngay ngáy, miệng nói năng dè dặt. Tiếng tăm của hai bà chấn động cả Di Hạ; cơ nghiệp của hai bà dọc ngang khắp trời đất. Ôi, anh hùng quá!"...*

Tóm lại, ĐVSKTB là một bộ quốc sử có giá trị về nhiều mặt. Các nghiên cứu viên Dương Thị The, Lê Văn Bảy, Nguyễn Thị Thảo, Phạm Thị Thoa ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm đã dành nhiều năm lao động học thuật cần cù và bền bỉ để hoàn thành việc biên dịch và khảo chú.

Tôi trân trọng giới thiệu bản dịch ĐVSKTB này với độc giả trong và ngoài nước. Các dịch giả đã cố gắng hết sức, song sai sót là điều khó tránh khỏi, mong được độc giả vui lòng chỉ giáo. Ý kiến xin gửi về Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 99B Đặng Tiến Đông - Đống Đa - Hà Nội.

Xuân Ất Hợi 1995

PHAN VĂN CÁC

Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Từ cách xếp Triệu Đà thành "Kỷ ngoại thuộc Triệu Vũ Đế", đến việc không đặt Sĩ Nhiếp thành một kỷ riêng, không gọi Sĩ Nhiếp là Sĩ Vương v.v..., tác giả đều tỏ rõ quan điểm độc lập của mình.

Tinh thần ấy cũng thể hiện trong ngót 500 "lời bàn" của các sử gia nổi tiếng như Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Lê Tung, Ngô Sĩ Liên và của chính tác giả, ở đó toát lên lòng tự hào dân tộc và lòng yêu nước sâu sắc.

Ngày nay đọc lại, chẳng hạn, đoạn bình luận về Hai Bà Trưng, lập luận chặt chẽ mà sắc bén, văn phong súc tích giàu chất trữ tình còn khiến ta xúc động và cảm phục:

"Không gì khó thu phục bằng nhân tâm, không gì khó nắm vững hơn thế nước. Nhưng điều khó hơn nữa là đàn bà mà tập hợp được cả dân chúng trai tráng làm đồng chí. Nước ta bị nội thuộc đã lâu, sự phục tùng pháp chế của ta đã quen, người Trung Hoa cho là yên, rất coi thường cách cai trị của các quan tướng họ. Những điều oán hận chất thành gò, họ coi đi cho là sâu kiến trẻ con, thường khi nghĩ đến chuyện nổi dậy thì họ cho là phương Nam không phải đất dụng võ mà người thì nhút nhát. Lại chính lúc nhà Hán vừa trung hưng, đông đảo người tài năng, ai dám đưa chút thân hèn mọn chạm vào cơn tức giận của hùm beo.

Thế mà Bà Trưng là đàn bà góa bùi cao mớ tóc, trai tráng trong nước đều cúi đầu nghe bà chỉ huy, những người lớn ở năm mươi mấy thành cũng phải nín hơi không dám trái lệnh. Lưu Văn từng diệt được quần hùng, chống nổi đại địch, lại được quyền hợp binh sai tướng, cấp đủ xe thuyền lương thực, thế mà phải ăn trưa ngủ muộn, dốc cả vào việc cơ mưu. Mã Phục Ba từng làm cỏ nước Tiên Linh, phá tan đất Tam Lang một cách dễ dàng, thế mà khi sang đóng đồn ở Lãng Bạc phải nấu quân gà ngựa đi chậm, giấu xe dưới chăm, bụng lo rầu ngày ngày, miệng nói nóng để đốt. Tiếng tăm của hai bà chấn động cả Di Hạ; cơ nghiệp của hai bà dọc ngang khắp trời đất. Ôi, anh hùng quá!"...

Tóm lại, ĐVSKTB là một bộ quốc sử có giá trị về nhiều mặt. Các nghiên cứu viên Dương Thị The, Lê Văn Bảy, Nguyễn Thị Thảo, Phạm Thị Thoa ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm đã dành nhiều năm lao động học thuật cần cù và bền bỉ để hoàn thành việc biên dịch và khảo chú.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

TÌNH TRẠNG VĂN BẢN - ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG - GIÁ TRỊ TÁC PHẨM

Đại Việt sử ký tiền biên (ĐVSKTB) của danh gia Ngô Thì Sĩ được con là Ngô Thì Nhậm sửa sang dâng vua cho in năm Canh Thân (1800), niên hiệu Cảnh Thịnh đời vua Quang Toản, vương triều Tây Sơn còn lại đến ngày nay là 1 trong 3 bộ quốc sử lớn của nước ta *(Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Việt sử ký tiền biên* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục).*

I. TÌNH TRẠNG VĂN BẢN

1. Vấn đề dị bản:

Sơ bộ điều tra, ĐVSKTB hiện còn 13 bản lưu giữ ở các nơi sau:

(1) Pari - Pháp 3 bản, trong đó có 1 bản viết.[1]

(2) Thư viện Viện sử học Hà Nội 2 bản in.

(3) Thư viện Khoa sử Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội 1 bản in.

(4) Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm Hà Nội 7 bản in.

Trong số 13 bản trên chỉ có 1 bản ký hiệu A2/1 - 7, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm là đủ 17 quyển. Các bản khác đều thiếu ở mức độ khác nhau. So sánh đối chiếu các bản in không thấy có sự khác nhau về

---

[1] *Di sản Hán Nôm Việt Nam thư mục đề yếu.* Tập I. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội - 1993. tr 525.

khuôn khổ, khuôn chữ, nội dung. Song có đôi chút sửa đổi ở tờ mặt. Căn cứ vào sự sửa đổi đó chúng tôi chia làm 3 loại:

a) Loại còn đầy đủ các chi tiết trên tờ mặt của lần in đầu tiên có khung trang trí 2 rồng chầu mặt trời, xung quanh có hoa văn, giữa có 6 chữ lớn 大越史記前編 (Đại Việt sử ký tiền biên), bên phải là 6 chữ nhỏ hơn 史館欽奉編定 (Sử quán khâm phụng biên định); bên trái có 6 chữ 北城學堂藏板 (Bắc thành học đường tàng bản). Cuối bài đề từ là dòng niên đại 景盛萬萬年之捌仲秋望日.Hoàng triều Cảnh Thịnh vạn vạn niên chi bát trọng thu nguyệt vọng nhật). Loại này hiện nay chưa tìm thấy.

b) Loại tờ mặt chưa sửa nhưng dòng niên đại ở cuối bài đề từ bị đục 2 chữ "Cảnh Thịnh". Loại này chắc chắn được in lần thứ 2 vào thời đầu đời Gia Long, người có nhiều thù hằn với Tây Sơn. Loại này hiện nay còn có đủ 1 bản 17 quyển ký hiệu A2/1 - 7 Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

c) Loại tờ mặt có sửa chữa, không trang trí hình rồng, hoa văn, 6 chữ "Sử quán khâm phụng biên định" và 2 chữ "Bắc Thành" đã bị đục bỏ. Hai chữ "Cảnh Thịnh" của dòng niên đại sau bài đề từ cũng bị đục bỏ. Loại này chắc được in lần thứ 3 vào đời Minh Mệnh khi Bắc Thành đã được đổi thành Hà Nội. Loại này hiện còn 4 bản thiếu ở mức độ khác nhau, lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm 2 bản, Khoa sử Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội 1 bản, Viện sử học 1 bản.

Những bản khác đều mất tờ mặt và cũng thiếu ở các mức độ khác nhau. Như vậy ĐVSKTB không còn dị bản. Trong số 13 bản trên, chúng tôi chọn bản in lần thứ 2 đầy đủ nhất (17 quyển), ký hiệu A2/1 - 7 của Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm để biên dịch và chú thích.

2. Tác giả và niên đại biên soạn tác phẩm:

Sách có bài đề từ song không ghi tên tác giả, có dòng niên đại sau bài đề từ lại bị đục niên hiệu. Bởi thế vấn đề niên đại và tác giả của tác phẩm cần phải nghiên cứu xác định. Trước hết ta hãy xét bài đề từ của chính tác phẩm và bài *Kim tiên* của họ Ngô.

a) Bài đề từ:

"Mùa xuân năm Mậu Ngọ (1798), vua ta lên ngôi ban chiếu cho quan xứ Bắc Thành san khắc ngũ kinh, tứ thư và các sử để ban hành trong thiên hạ. Trong đó, bản in kinh truyện cũ qua thu thập điểm lại còn được sáu phần mười. Trong đó có bản in mục nát mọt ăn phải gia

công bổ khuyết. Duy có nguyên bản *Đại Việt sử ký* đều đã thất lạc. Nhân các sách còn lại của các quan viết sử đời trước chia lại biên tập từ họ Hồng Bàng đến Ngô sứ quân là Ngoại kỷ; từ Đinh Tiên Hoàng đến thời thuộc Minh là Bản kỷ. Tất cả gồm 17 quyển. Mùa thu năm Canh Thân (1800), san định xong sắp xếp cẩn thận thành từng tập kính dâng vua xem. Vâng mệnh cho phép lưu giữ tại Bắc Thành học đường rồi in ra lưu hành để tiện cho người học.

Về quốc sử từ ngoại kỷ An Dương Vương năm Nhâm Tuất trở xuống đến bản kỷ thuộc Minh năm Đinh Mùi trở lên gồm 4.354 năm. Theo sách *Xuân Thu nguyên mệnh bao* thì năm Hoàng Đế thứ 8 Giáp Tuất là Giáp Tý thứ nhất; giữa thời Hùng Vương đến thời thuộc Minh năm Đinh Mùi, Tuyên Tông, Tuyên Đức, thứ 2 là Giáp Tý thứ 69. Vâng mệnh lấy tên là Đại Việt sử ký tiền biên và liệt kê mục lục niên biểu thế thứ các đời cùng với các nhà làm quan viết sử thời trước theo thứ tự trên đầu sách để đợi người tra xét và chứng minh.

Ngày rằm tháng giữa thu niên hiệu [Cảnh Thịnh] thứ 8 Hoàng triều muôn năm.

b) Tờ Kim tiên trong Ngô gia văn phái:[1]

"Vâng mệnh cha tôi truyền bảo làm thay tờ Kim tiên nói về bộ Quốc sử đã khắc xong, dâng cúng tiên tổ Ngọ Phong công.Nay buổi giao thời, vận đương hanh thái, nghiệp to lớn vững tựa [Thái Sơn].Kính nghĩ Hoàng thượng ta nay để lòng đến cổ điển, đặc chiếu cho khắc in lại bộ Quốc sử. Con cũng dự vào hàng sửa chép. Kính đem bộ sử của nhà ta chứa riêng, đệ lên Quốc sử quán, tuân chỉ sửa định lại, giao cho thợ khắc in. Trải qua 3 năm: Mậu Ngọ, Kỷ Mùi, Canh Thân (1798-1800) khắc xong dâng lên ngự lãm. Kính được hoàng thượng coi đọc, hạ chỉ ngợi khen. Áng văn chương để lại của tổ tiên, những mong nối chí, nơi tiên sơn vừa ngày sinh nhật, kính cáo thành công. Kính cẩn dâng Kim tiên chúc mừng.

Cúi nghĩ: Sao Khuê giáng xuống trần thế, lòng nghĩ toàn dọc đất ngang trời; biển học tóm về chính thống, huấn thường là ngoài vương trong thánh. Tiếng nói ban đầu phát hiện huyền bí, đức sáng để lại khắp nơi thấm nhuần.

---

[1] Bài Kim tiên này trích trong *Ngô gia văn phái* tập Dưỡng Chuyết thi văn của Tĩnh Trai công. Tĩnh Trai công là tên hiệu của Ngô Thì Điển, con trai Ngô Thì Nhậm, cháu đích tôn Ngô Thì Sĩ vâng lời cha viết tờ Kim tiên, lá thư dâng cúng tổ tiên báo việc bộ Quốc sử đã làm xong.

承嚴命。國史刻成。代擬上先祖午峰公金箋。
　　兹者。泰開交運。盤奠鴻圖。欽奉今
上。留情古典。特詔重鋟國史。兒預列載
筆。謹以家藏越史一部。送上國館。遵旨
校定。付工鋟梓。閱戊午己未庚申三秋。
鋟完進覽。欽奉宸旒凝注。温旨優褒。仰
手澤之遺文。廣思繼志。适仙山之誕節。
只告慶成。謹奉金箋稱賀者。
　　伏審。文奎降世。經天緯地之心思。
學海統宗。內聖外王之彝訓。元音發秘。
弘淵流光。恭惟。
　　先親(官)。蘊藉六經。含藏八极。禮
樂詩書存講貫。正學恢賢聖之淵源。文章
事業啟繩承。崇基拓侯王之門戶。纂述儼
儒林標準。文義思史館權衡。編年集黎潘
暨楊阮諸家。十七卷心述精神之所寓。持
世述雄豁迄丁黎以下。四千年典章文献之
足征。直筆標太史董狐。大義揭紫陽司馬。
賊子亂臣誅既死。斷例明泗水之刑書。宏
綱實用示諸生。典要立泰山之史學。剞劂
甫完于玉帙。裝璜上達于金閨。堂皇治鑒
昭彰。瀾冊稱宸綸之褒獎。洋溢稷契傳播。
璧書垂髦俊之范模。肅雍仰對真容。雅典
奉揚玉訓。伏望。格思無射。顯若有孚。
發揮忠正典常。大方家衍無疆之命脈。仰
藉扶持功用.永錫類留不匱之根基。
吳家文派。養拙詩文。

Tờ mặt bản in lần thứ 2, chưa sửa chữa

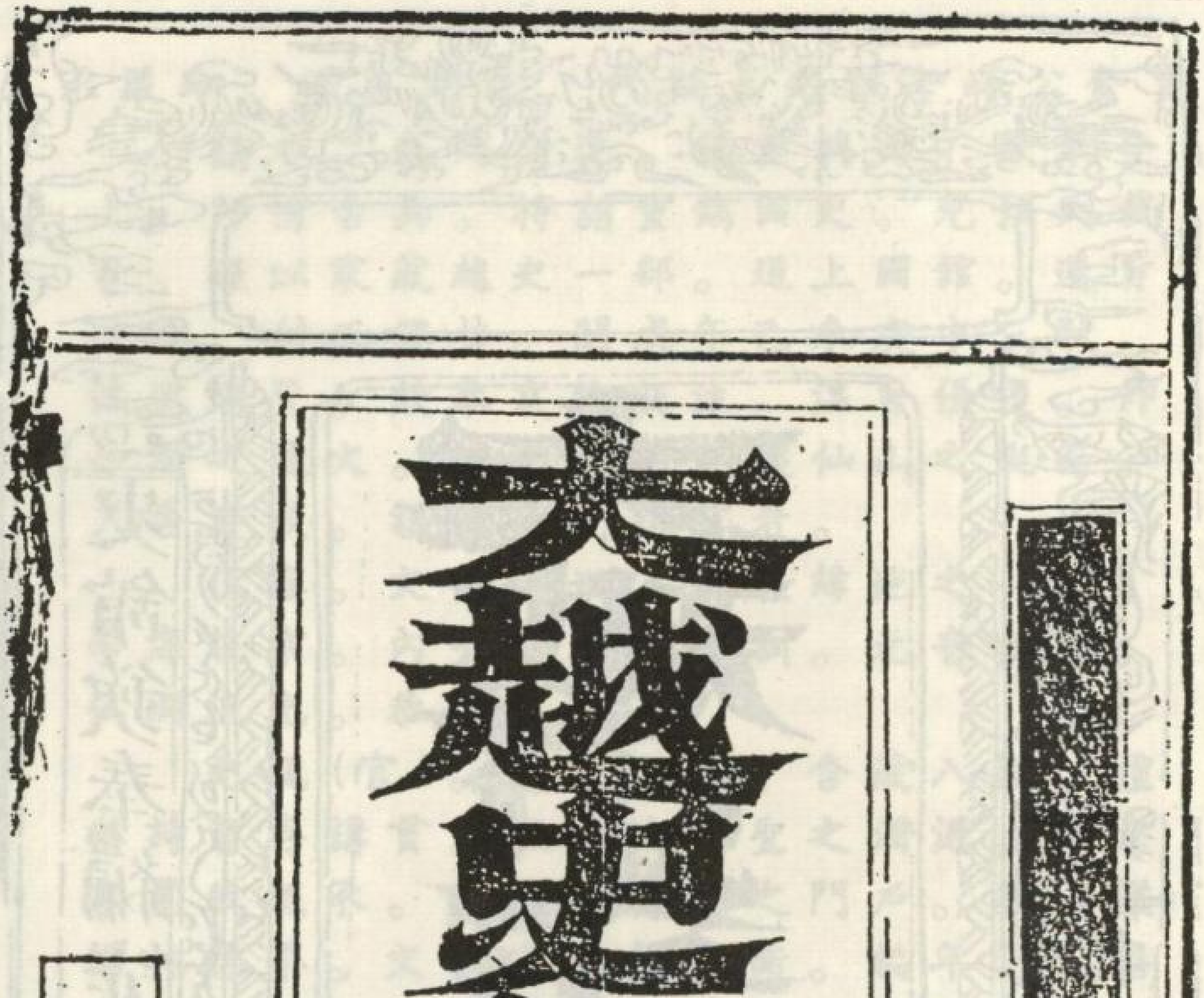

[redacted]

大越史記前編

學堂藏板

Tờ mặt bản in lần thứ 3, có sửa chữa

Kính nghĩ: Tiên phụ [quan tước] học uẩn súc sáu kinh, dạ bao hàm tám cõi. Lễ nhạc thi thư vẫn còn giảng đọc, chính học mở rộng nguồn gốc của thánh hiền thuở xưa. Văn chương chính sự mở lối noi theo, nền cao mở mang nhà cửa của vương hầu bao kẻ. Danh dự thay cho rừng nho mẫu mực; văn nghĩa nghĩ sử quán phẩm bình. Biên niên hợp cả Lê, Phan và Dương, Nguyễn các nhà, 17 quyển ngụ tâm thuật tinh thần vào trong đó; các đời Hùng Lạc đến Đinh, Lê trở xuống 4.000 năm có điển chương văn vật đủ làm bằng. Chép thẳng tay nêu tiếng Thái sử, Đổng Hồ(1); nêu nghĩa lớn khác đâu Tử Dương, Tư Mã(2). Bọn tặc tử loạn thần đã giết chết, lệ phán đoán rõ như hình thư ở sông Tứ(3) ngày xưa, lấy đại thực dụng bảo học trò, các điển yếu dựng nền sử học như Thái sơn vững chắc. Pho sách quý khắc in vừa đoạn; chốn cửa vàng(4) sửa soạn dâng lên. Gương chính trị rõ ràng, sách uyên thâm xứng với lời vua khen ngợi. Tiếng truyền tụng càng nhiều, sách trong vách(5) dùng làm khuôn mẫu cho nhân tài. Kính hòa trên đối với chân dung. Thâm tuý kính nêu làm bảo huấn.

Cúi mong: Tinh linh xét đến mãi mãi, ngưỡng vọng rất là tín thành. Điển thường trung chính được phát huy, mệnh mạch của đại phương dài mãi, công dụng phù trì nhờ giúp đỡ, căn cơ lưu truyền mãi không cùng(6).

---

(1) Tên quan chép sử nước Tấn thời Xuân Thu có tiếng là chép sử thẳng thắn.

(2) Nơi Chu Hy dạy học làm sử nên người ta dùng để gọi thay cho Chu Hy. Tư Mã tức Tư Mã Thiên, Tư Mã Quang là hai nhà viết sử.

(3) Nơi Khổng Tử giảng bài và làm kinh Xuân Thu.

(4) Chỉ điện nhà vua.

(5) Sách tìm được trong vách nhà họ Khổng, ý nói sách Xuân Thu.

(6) Xem Trần Văn Giáp – *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm. Tập I.* NXB Văn Hóa, Hà Nội, 1984, tr88.

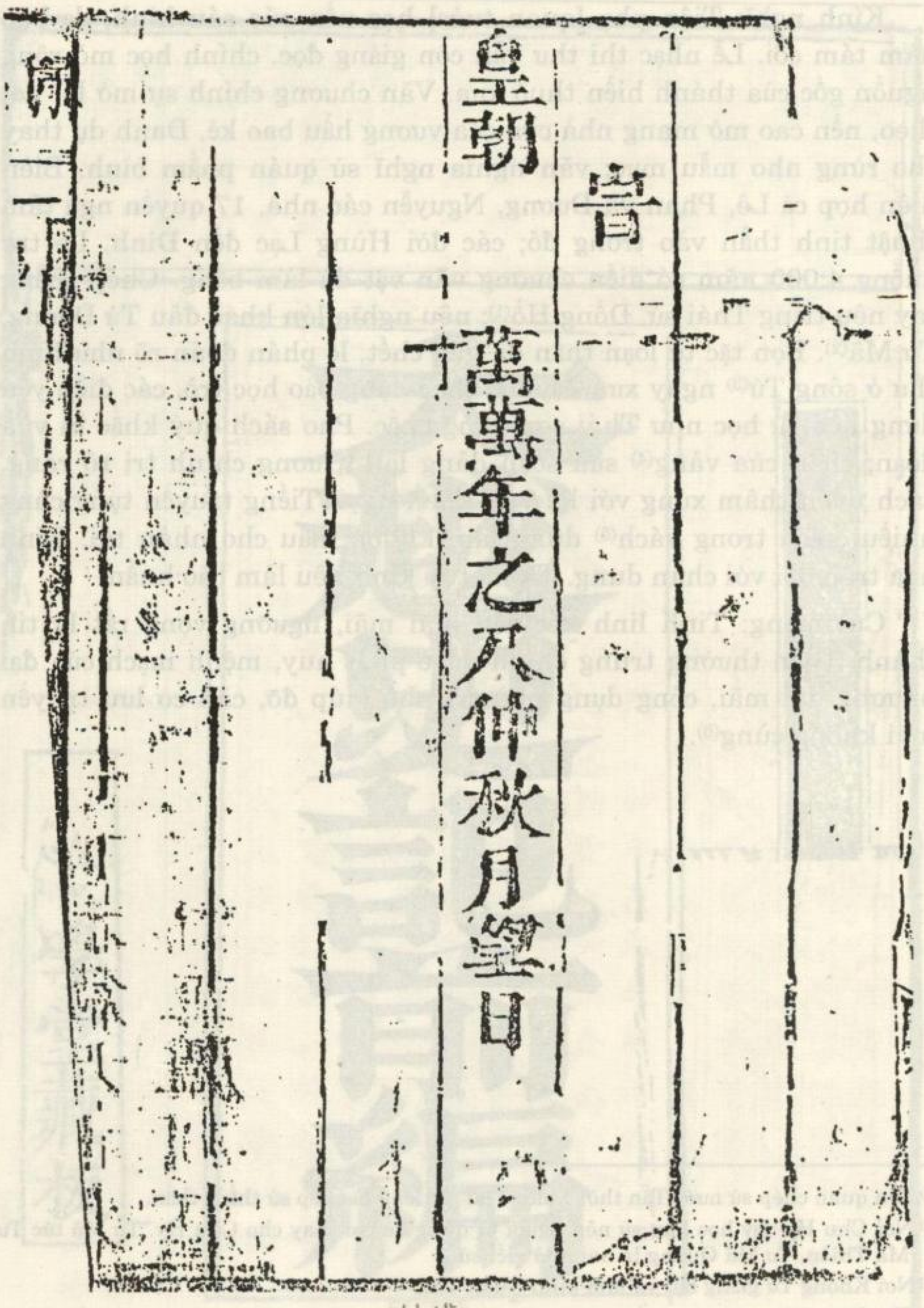

旨

皇朝萬萬年之乙亥仲秋月望日

Hai chữ "[illegible]" đã bị đục bỏ.

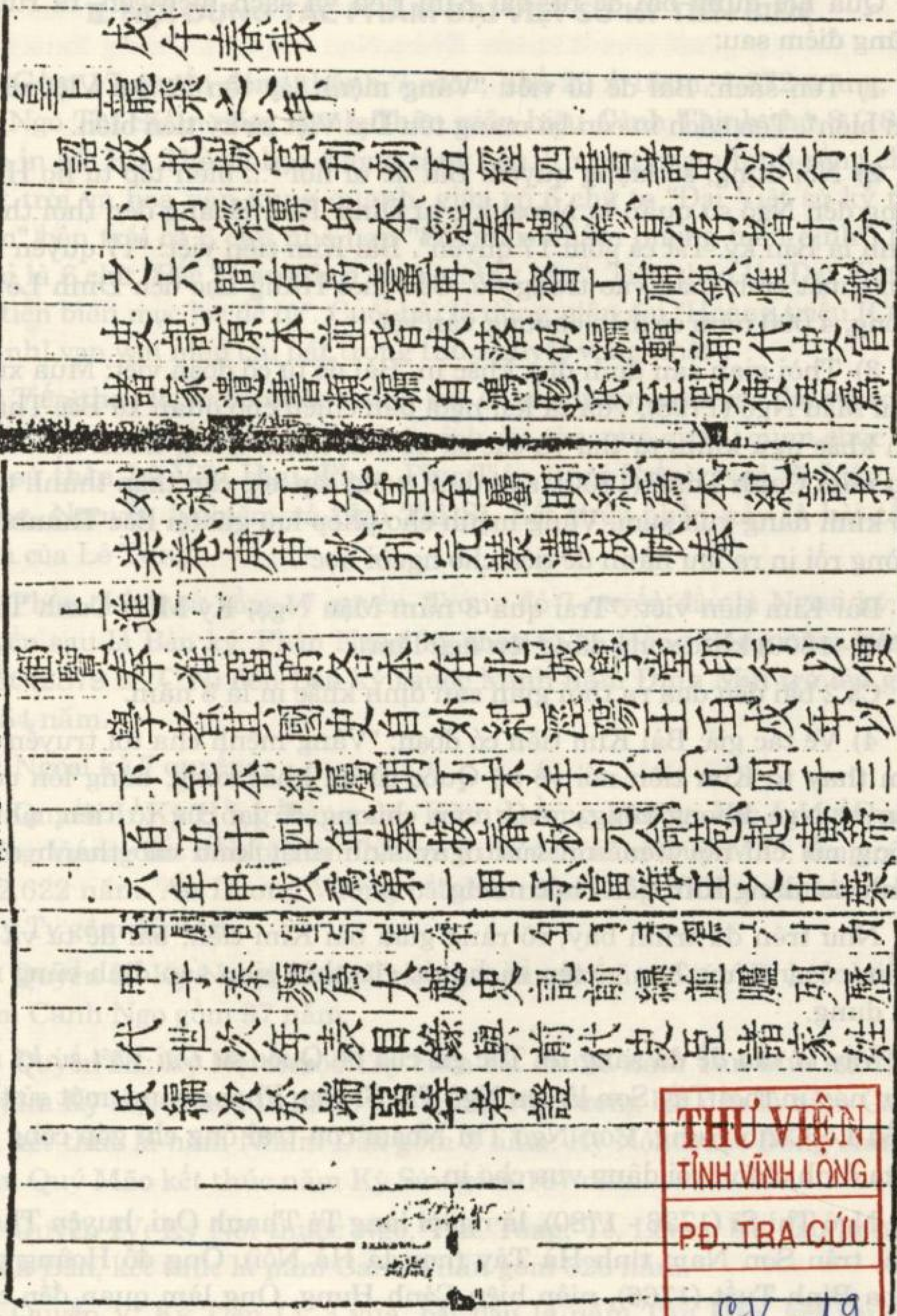
戊午春我
皇上龍飛之年
詔發北城官刊刻五經四書諸史攽行天
下內經傳印本經奉撥給見存者十分
之六間有朽蠹再加督工補缺惟大越
史記原本並或皆失落仍纂輯前代史官
諸家遺書纂編自鴻厖氏至吳使君為
外紀自丁先皇至屬明紀為本紀詳加
考卷庚申秋刊完裝潢成帙奉
上進
御覽奉准留貯欽本在北城學堂印行以便
學者其國史自外紀涇陽王壬戌年以
下至本紀屬明丁未年以上凡四千三
百五十四年奉按春秋元命苞起黃帝
八年甲子為第一甲子當帝王之中葉
[illegible]
甲子奉頒為大越史記前編並隨列歷
代世次年號目錄與前代史臣諸家綜
氏編次參補留為考證

Bài đề từ

THƯ VIỆN
TỈNH VĨNH LONG
PĐ. TRA CỨU
CV-19
1374

Qua nội dung bài đề từ, bài Kim tiên và sách hiện còn, ta rút ra những điểm sau:

1) Tên sách: Bài đề từ viết: "Vâng mệnh lấy tên là Đại Việt sử ký tiền biên". Tên sách in còn lại mang tên Đại Việt sử ký tiền biên.

2) Nội dung, số lượng quyển: Bài đề từ nói "... biên tập từ họ Hồng Bàng đến Ngô sứ quân là Ngoại kỷ; từ Đinh Tiên Hoàng đến thời thuộc Minh là Bản kỷ. Tất cả gồm 17 quyển". Bài Kim tiên viết: "17 quyển ngụ tâm thuật tinh thần vào trong đó. Các thời Hùng Lạc đến Đinh Lê trở xuống, 4.000 năm có điển chương văn vật

3) Thời gian san định đưa khắc in. Bài đề từ có đoạn viết: Mùa xuân năm Mậu Ngọ (1798), vua ta lên ngôi ban chiếu cho quan xứ Bắc Thành san khắc ngũ kinh, tứ thư và các sử để ban hành trong thiên hạ... Mùa thu năm Canh Thân (1800), san định xong sắp xếp cẩn thận thành từng tập kính dâng vua xem. Vâng mệnh cho phép lưu giữ tại Bắc Thành học đường rồi in ra lưu hành để tiện cho người học".

Bài Kim tiên viết: "Trải qua 3 năm Mậu Ngọ, Kỷ Mùi, Canh Thân (1798 - 1800) khắc xong dâng lên ngự lãm".

Cả 2 bài đều đưa ra thời gian san định khắc in là 3 năm.

4) Về tác giả: Bài Kim tiên có đoạn: "Vâng mệnh cha tôi truyền bảo làm thay tờ Kim tiên nói về bộ Quốc sử đã khắc xong, dâng lên cúng tiên tổ Ngọ Phong công... Áng văn chương để lại của tổ tiên, những mong nối chí nơi tiên sơn vừa ngày sinh nhật kính cáo thành công. Kính cẩn dâng Kim tiên chúc mừng".

Như trên đã trình bày, rõ ràng giữa bài Kim tiên, bài đề từ và tác phẩm có sự trùng hợp về tên sách, tác giả, thời gian san định cũng như nội dung.

Vậy là vấn đề đã sáng tỏ: Tác giả của bộ Quốc sử *Đại Việt sử ký tiền biên* này in thời Tây Sơn là của Ngô Thì Sĩ Ngọ Phong công, một sử thần triều Lê Cảnh Hưng. Còn Ngô Thì Nhậm con trai ông chỉ góp công sửa chữa đính chính rồi dâng vua cho in.

Ngô Thì Sĩ (1726 - 1780), là người làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, trấn Sơn Nam tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội). Ông đỗ Hoàng giáp khoa Bính Tuất (1766), niên hiệu Cảnh Hưng. Ông làm quan đến chức Thiêm đô Ngự sử, làm Đốc trấn Lạng Sơn kiêm Quốc sử hiệu chính. Hiệu là Ngọ Phong cư sĩ. Ông soạn sách *Việt sử tiêu án*, *Đại Việt sử ký tiền biên* và nhiều tập thơ, văn để lại cho đời.

II. NỘI DUNG TÁC PHẨM ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

Gồm 17 quyển đóng thành 7 sách, khổ 29 x 18cm, 1.372 trang, tác giả Ngô Thì Sĩ, in năm Canh Thân niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 8 (1800) ván in gỗ. Bắc Thành học đường tàng bản. Tờ mặt chạm hình rồng chầu mặt trời và hoa văn xung quanh, giữa có 6 chữ to "Đại Việt sử ký tiền biên" bên trái có 6 chữ nhỏ hơn "Sử quán khâm phụng biên định"; bên phải là 6 chữ "Bắc Thành học đường tàng bản". Tiếp theo là "Đại Việt sử ký tiền biên mục lục đề từ". Cuối bài là dòng niên đại "Hoàng triều [Cảnh Thịnh] vạn vạn niên chi bát trọng thu nguyệt vọng nhật".

Tiếp theo là sơ đồ quốc thống khi chia khi hợp qua các đời và sơ đồ các vua truyền kế. Tiếp là mục lục sách, họ tên, quê quán, quan chức của các sử thần Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên (thời Trần), Ngô Sĩ Liên, Lê Tung, Nguyễn Nghiễm và Ngô Thì Sĩ. Kết thúc phần này là bài tổng luận của Lê Tung.

Phần chính sử gồm 17 quyển. Trong đó 7 quyển đầu là Ngoại kỷ; 10 quyển sau là Bản kỷ. Phần Ngoại kỷ chép từ họ Hồng Bàng năm Nhâm Tuất (2879 tr. C.N) đến Bản kỷ thuộc Minh năm Đinh Mùi trở lên gồm 4.354 năm.

Ngoại kỷ 7 quyển:

Quyển I: Kỷ Hồng Bàng thị, Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân, Hùng Vương bắt đầu từ năm Nhâm Tuất đến năm Quý Mão, tổng cộng là 2.622 năm. An Dương Vương bắt đầu năm Giáp Thìn, kết thúc năm Quý Tỵ gồm 50 năm.

Quyển II: Kỷ Ngoại thuộc Triệu bắt đầu từ năm Giáp Tý kết thúc là năm Canh Ngọ gồm 97 năm.

Quyển III: Kỷ Nội thuộc Tây Hán bắt đầu là năm Tân Mùi kết thúc là năm Kỷ Hợi gồm 149 năm. Kỷ Trưng Nữ Vương bắt đầu là năm Canh Tý, kết thúc là năm Nhâm Dần gồm 3 năm. Kỷ Nội thuộc Đông Hán từ năm Quý Mão kết thúc năm Kỷ Sửu gồm 167 năm.

Quyển IV: Kỷ Nội thuộc Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương bắt đầu là năm Canh Dần, kết thúc là năm Canh Thân gồm 323 năm.

Quyển V: Kỷ Tiền Lý 3 vua, bắt đầu là năm Tân Dậu, kết thúc là năm Nhâm Tuất gồm 62 năm.

Quyển VI: Kỷ Nội thuộc Tùy, Đường bắt đầu là năm Quý Hợi, kết thúc là năm Bính Dần gồm 304 năm.

Quyển VII: Kỷ Nam Bắc phân tranh bắt đầu là năm Đinh Mão, kết thúc năm Mậu Tuất gồm 32 năm. Kỷ họ Ngô 3 vua và Dương Tam Kha tiếm vị bắt đầu là năm Kỷ Hợi, kết thúc là năm Đinh Mão gồm 29 năm.

Bản kỷ 10 quyển:

Quyển I: Kỷ nhà Đinh 2 vua, bắt đầu là năm Mậu Thìn, kết thúc là năm Canh Thìn gồm 13 năm. Kỷ nhà Lê 3 vua, bắt đầu là năm Tân Tỵ, kết thúc là năm Kỷ Dậu gồm 29 năm.

Quyển II, III, IV: Kỷ nhà Lý 9 vua, bắt đầu năm Canh Tuất, kết thúc là năm Ất Dậu gồm 216 năm.

Quyển V, VI, VII, VIII, IX, X: Kỷ nhà Trần 12 vua, phụ kỷ Hồ Quý Ly, nhà Hậu Trần 2 vua và kỷ Nội thuộc Minh, bắt đầu là năm Bính Tuất, kết thúc là năm Đinh Mùi gồm 202 năm.

Theo biểu đồ ở phần đầu sách, sau phần Nội thuộc Minh còn có *Lê kỷ tục biên*. Chính sử không thấy chép. Không hiểu phần này tác giả đã chép xong chưa? In chưa? Hay in thành sách riêng? Bài đề từ đầu sách không thấy nhắc tới? Hay *Lê kỷ tục biên* là phần thứ 2 của *Đại Việt sử ký tiền biên*...Vấn đề này chưa được sáng tỏ.

III. ĐẶC ĐIỂM VÀ GIÁ TRỊ CỦA ĐVSKTB

1) ĐVSKTB là bộ Quốc sử mang tính sử luận đậm nét. Tác giả đã tập hợp được nhiều lời bàn của các sử gia nổi tiếng như Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Lê Tung, Ngô Sĩ Liên và của chính tác giả về các sự kiện, nhân vật, về thời cuộc về vận nước. Tất cả có tới 512 lời bàn. Các lời bàn thể hiện quan điểm tình cảm, lòng trung quân ái quốc, tinh thần tự hào dân tộc, biết phân biệt cái đúng cái sai, đồng thời cũng thể hiện những hạn chế của tác giả. Sau mỗi triều đại lại có một bài thông luận, tóm tắt những sự kiện lớn của đương triều, có phê phán, đánh giá những sự kiện, việc làm của những người có chức có quyền. Xem các bài thông luận ta có thể biết triều đại đó tốt hay xấu, có vua giỏi tôi hiền hay không. Các lời bàn rất xác đáng, khen, chê rõ ràng. Tác giả rất khâm phục các anh hùng dân tộc như Hai Bà Trưng: "Tiếng tăm của Hai Bà chấn động cả Man Di Hoa Hạ, cơ nghiệp mở mang của Bà khuấy động cả đất trời. Ôi! thật anh hùng!" (NKQ III tr. 7b).

Với Ngô Quyền tác giả viết: "Vua diệt giặc trong nước để trả thù cho chủ, đuổi giặc ngoại xâm để cứu nạn cho nước, xây dựng quốc gia, khôi

phục quốc thống, công nghiệp thật là vĩ đại" (NKQ VI tr. 6a). Với triều Lý tác giả rất khen, nhưng có những việc vẫn bị chê: "Những việc xây dựng cung điện không khỏi làm cho dân cùng khổ, lại còn nhiều lần làm hại đến nông nghiệp trong khi thu hoạch. Cho nên ghi lại những việc ấy [việc xây dựng quá nhiều chùa chiền cung điện] và chép ra để chê trách" v.v...

2) Quan điểm viết sử của các tác giả có nhiều điểm khác:

a) Xếp Triệu Đà ở thời ngoại thuộc và gọi là "Kỷ ngoại thuộc Triệu Vũ Đế". Tác giả trình bày: "Từ khi An Dương mất, nền quốc thống bị gián đoạn, người làm sử thấy việc Triệu Đà thôn tính được Giao Chỉ làm vua Nam Việt xưng hiệu "đế" bèn ghi kỷ tiếp theo chép chữ to chữ đặc biệt tựa hồ muốn khoe sự hưng thịnh bắt đầu dựng nghiệp đế của nước ta. Người đời sau noi theo không ai biết cái sai đó. Xét nước Việt của Nam Hải, Quế Lâm không phải đất Việt của Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. Triệu Đà nổi lên ở Long Xuyên đóng đô ở Phiên Ngung chỉ muốn mở rộng bờ cõi bèn thôn tính nước ta làm quận phụ thuộc, đặt chức chủ trì việc giám sát để ràng buộc mà thôi. Thực ra là chưa từng làm vua ở nước ta. Nếu cứ thấy người xưng vương ở đất Việt mà coi là vua thì sau đấy có Lâm Sĩ Hoằng nổi lên ở Bàn Dương và Lưu Nham nổi lên ở Quảng Châu đều xưng là Nam Việt Vương, sau đó lại tiếm xưng đế hiệu, cũng cho là một kỷ tiếp với trang quốc thống của ta hay sao?

Hoặc nói rằng Triệu Đà là người Hán, An Dương là người Thục cũng như nhau thôi. Đà diệt An Dương cũng như An Dương diệt Hùng Vương. Thế mà khen chê lại khác nhau là thế nào? An Dương đóng đô ở Cổ Loa, tiếp đến Hùng Lạc làm chủ ở Giao Nam. Đà ở Phiên Ngung, ta ở Giao Nam. Sao chỉ theo cái lệ chép về An Dương mà chép cho Đà còn họ nổi lên từ đất nào thì không kể. Đà thôn tính Giao Châu cũng như Ngụy thôn tính Thục, Tấn lấy nước Ngô. Hai họ Tôn, Lưu mất thì quốc thống hết. Nếu sử nước ta có thể lấy sử nước Ngụy tiếp vào Lưu Thiện, sử nước Ngô có thể lấy kỷ nhà Tấn tiếp vào Tôn Hạo được thì sử nước ta mới có thể lấy kỷ nhà Triệu tiếp vào An Dương. Nước ta gọi là nước Văn Hiến, sử của một nước chẳng nhẽ lại lấy sử của một nước khác chép làm của mình? Tôi mạnh dạn cải chính bỏ kỷ Triệu Đà. Bởi vì quốc thống quy về Triệu Đà là không đúng phép làm sử. Đà đối địch với nhà Hán mà Giao Châu vẫn chưa thông với Trung Quốc, cho nên tôi đặt ra lệ ngoại thuộc để phân biệt với nội thuộc (NKQ II tr. la) "Không nhận Đà là vua nước ta là để nước ta tự thành một nước riêng đấy" (NKQ II tr.23).

b) Không xếp Sĩ Nhiếp riêng một kỷ, không gọi Sĩ Nhiếp là Sĩ

Vương, tác giả viết: "Xét sử cũ chép, Sĩ Nhiếp làm Thái thú Giao Chỉ, người trong nước yêu mến đều gọi ông là Sĩ Vương", bèn lấy Sĩ Vương xếp vào kỷ biên niên, xếp theo lệ chính thống, đấy có lẽ là ân hận hàng trăm năm không có chính thống, Thái thú phương Bắc tham tàn không kể đến nỗi khốn khổ, một sớm có chỗ dựa, người trong nước yên ổn tới 40 năm cho nên nhân đấy mà tôn là Vương làm cho lắng sự căm phẫn của một nước đấy thôi! Không nghĩ rằng Sĩ Nhiếp tuy hiền tài nhưng là người phương Bắc sai sang làm Thái thú, cũng là người phương Bắc đến giữ nước này, huống chế độ nhà Hán lấy châu lĩnh quận? Hiến Đế đã sai Trương Tân làm Thứ sử; Tôn Quyền lại sai Bộ Chất làm Thứ sử. Nhiếp tuy có tiếng là coi giữ 7 quận nhưng thực chưa từng được tự chuyện. Một Thái thú Giao Chỉ làm vua mà không biết rằng Cửu Chân, Nhật Nam thuộc vào đâu? Nếu bảo "Nhiếp tuy làm Thái thú nhưng bảo toàn được 1 quận, uy thế được tôn hàng vạn dặm "thì như Viên Huy đã từng nói "còn chưa được như Đào Hoàng 4 đời, Đỗ Viện 3 đời làm Thứ sử ở châu ấy, đời đời trăm họ được hòa thuận riêng chuyên một chế độ". Hai họ Đào, Đỗ không được chép lớn là kỷ hay sao? Nếu bảo "nước ta thông thi thư, quen lễ nhạc, là nước văn hiến bắt đầu từ Sĩ Vương" như sử thần Ngô Sĩ Liên nói thì Sĩ Nhiếp vốn có học vấn, biết kinh Xuân Thu, thông kinh Thượng thư là điều tự đắc mà chưa từng dạy cho người trong nước. Vẫn chưa được như Tích Quang lấy lễ nghĩa dạy dân Giao Chỉ, Nhâm Diên lấy lễ hôn nhân dạy quận Cửu Chân, làm cho mọi người biết có luân lý vợ chồng, thiên tính cha con, đã từng trước đấy xướng lên văn phong ở Lĩnh Nam rồi. Hai ông Tích Quang, Nhâm Diên cũng còn chưa được chép lớn là kỷ, huống là Sĩ Nhiếp? Cho nên tôi đã tước bỏ đi cho vào trong kỷ nội thuộc, theo vào lệ quan Thú mục" (NKQ III tr. 14a).

c) Quan niệm về kỷ chính thống, tác giả đổi lại phụ chép Triệu Việt Vương, còn Đào Lang Vương được đưa lên. Tác giả nêu: Xét sử cũ, Tiền Lý Nam Đế mất năm Mậu Thìn [548] Triệu Việt Vương bắt đầu năm Kỷ Tỵ [549], trong thời gian từ năm Kỷ Tỵ đến năm Canh Dần là hết đời Triệu Việt Vương, tất cả là 24 năm. Sử cũ lấy Triệu Việt Vương kế tiếp Tiền Lý Nam Đế làm chính thống, mà chép Đào Lang Vương làm phụ. Thế nhưng Triệu Việt Vương là bề tôi của Lý Nam Đế, Đào Lang Vương lại là anh của Nam Đế, nối nghiệp giữ nước, về danh nghĩa là đúng, mặc dù ông chỉ ở xứ Đào Giang mà chưa có được thành Long Biên nhưng nước vẫn là nước của ông. Cứ theo cách chép sử của Tử Dương thì phải chép bằng chữ to kỷ Đào Lang Vương kế tiếp vào kỷ Tiền Nam Đế mà chép Triệu Việt Vương làm phụ. Chép Hậu Nam Đế lại kế tiếp vào kỷ Đào Lang Vương, đến năm

Nhâm Tuất thì hết, may chăng kỷ chính thống mới không bị lẫn lộn, mà phương pháp viết sử mới mẫu mực (NKQ III tr. 6a).

d) Quan niệm về những truyền thuyết: Ở phần Ngoại kỷ tác giả viết: "Hỡi ôi! Ngoại chuyện sao mà nhiều chuyện càn rỡ thế! con rùa biết nói thì có lý hay không?... ma mà đạp đổ được thành thì có tin được không? rằng phàm vật gì trái lẽ thường thì gọi là yêu; yêu khí mạnh tất phải có cái gì dựa vào nhưng dựa vào con gà và người con gái mà đạp đổ thành thì rõ ràng là muôn phần không có lý đấy.

Việc rút móng thì như thế nào? thưa rằng rùa nếu biết nói thì khó gì trong việc truốt móng của nó? Đã giúp vua An Dương xây thành thì tiếc gì một cái móng mà không cho. Chỉ sợ rằng không có con rùa đó mà thôi!... Cho nên nói chuyện ở Ngoại kỷ phần nhiều là càn rỡ v.v... (NKQ I tr. 12).

3) ĐVSKTB bổ sung, cải chính nhiều sự kiện, đưa ra nhiều điều khác với sử cũ.

+) Về thắng lợi của Hai Bà Trưng, tác giả nêu: "Tổng cộng là 56 thành, sử cũ theo sử nhà Hán lầm là 65 thành cho nên cải chính" (NKQ I tr. 12b).

+) Về cái chết của Lý Nam Đế, tác giả nói: "Vua Lý Nam Đế ở trong động Khuất Liêu bị người trong động giết chết cắt tai dâng nhà Lương là nói láo đấy" (NKQ V tr. 4b).

+) Với sự kiện Mai Hắc Đế tác giả phê phán sử cũ: Đương lúc Nội thuộc, Mai Hắc Đế ở Nam Đường khởi binh chiếm giữ châu, không chịu sự trói buộc của quan lại bạo ngược, cũng là tay lỗi lạc trong bậc thổ hào. Thành công thì có Lý Bôn, Triệu Quang Phục; không thành công thì có Phùng Hưng, Mai Thúc Loan. Họ đáng được nêu ra mà biểu dương. Nhưng sử cũ lại chép là "tướng giặc" là sai lầm. Cho nên tôi sửa lời văn mà chép chữ "dân châu". (NKQ VI tr. 6b).

+) Về sự kiện Thứ sử Dương Thanh thời Nội thuộc Đường tác giả nói: "Sử cũ chép rằng Dương Thanh khoảng năm Khai Nguyên (713 - 742) nhà Đường làm Thứ sử Châu Hoan". Thế thì từ năm Khai Nguyên đến năm Nguyên Hoà, qua 5 triều vua gần 100 năm mà Dương Thanh vẫn làm Thứ sử, cho đến đầu niên hiệu Thái Hòa đời Văn Tông vẫn hãy còn? Trong đó có nhiều chỗ lầm lẫn... điều nữa là người thay Trọng Vũ là Hành Lập, người thay Hành Lập là Nguyên Tố [thế mà trong sử cũ] nảy ra một ông Đô hộ Nguyên Gia cùng thời với Trọng Vũ. Đây có lẽ là khảo cứu không được rõ, cho nên nhất thiết phải cải chính (NKQ VI tr. 12).

+) Về quê quán của Lê Đại Hành, tác giả nêu: "Xét thấy Lê Đại Hành là người làng Bảo Thái, huyện Thanh Liêm chứ không phải người Châu Ái. Sử cũ chép nhầm" (BKQ I tr. 19).

+) Về việc cống nạp tác giả cũng nêu lên sự nhầm lẫn "Đầu đời Hưng Thống (989 - 994), vua thường bảo sứ nhà Tống là Cao Tông rằng: "Ngày sau có quốc thư nên đưa đến chỗ đầu địa giới giao nhận chớ phiền sứ quân phải đến đây để nhân việc bổ thuế tiến cống phiền phức mà đổ tiếng ác cho nhà Tống. Tống Chân Tông không muốn sứ Tống mang tiếng yêu sách cũng như việc năm Ứng Thiên thứ 6 (999), quan Nội thị của nhà Tống là Bùi Dũ có việc sang nước ta bảo nước ta dùng nhị hoa long nhõn là của hiếm có sung vào lễ cống, vua ta làm theo. Vua Tống giận truất Dũ đầy ra Chu Nhai và ban chiếu cho nước ta miễn cống thứ ấy. Cái ý từ đấy về sau, không cho sứ sang có lẽ là vì việc ấy. Sử cũ chép nhầm, nay cải chính (BKQ I tr. 30).

+) Về quan chức của em Khương Công Phụ, tác giả viết: "Em ông là Công Phúc cũng đỗ tiến sĩ, làm đến chức Tỷ bộ lang trung. Chữ "tỷ" sử cũ chép thành chữ "bắc" là lầm (NKQ VI tr. 8a).

+) Tác giả chú được nhiều sự thay đổi về địa danh: "... nhưng sự thay đổi từ thời Hán thời Tấn trở về sau cũng nên biết rõ. Thời Hán quận Giao Chỉ có 10 huyện *(Hán chí* chép thêm huyện Phong Khê, Vọng Hải là 12 huyện); Nhật Nam có 5 huyện, Cửu Chân có 7 huyện... chưa hẳn đã là đất An Nam, có lẽ vì đất đai ấy liền sát với Nam Giao cho nên đem lệ vào đô hộ đó thôi" (NKQ VI tr. 4b).

IV. NHỮNG HẠN CHẾ CỦA TÁC GIẢ THỂ HIỆN QUA TÁC PHẨM

ĐVSKTB là bộ sử có giá trị lớn về nhiều mặt song cũng còn những hạn chế nhất định, dù là những hạn chế mang tính lịch sử của nó.

1) Quan niệm Nho giáo trọng nam khinh nữ

Với cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, tác giả khen hết lời và cũng rất đề cao "Vương là con gái, hô một tiếng mà đuổi được bọn Thái thú phương Bắc như là đuổi bọn nô lệ. Bình được đất Ngũ Lĩnh, dựng nước xưng vương, thực là bậc hào kiệt trong nữ giới đấy!" hoặc "Trưng Trắc là người đàn bà góa trong Bộ Giao Châu không có một tấc đất, một người dân. Chỉ vì mối thù của chồng mà dấy binh phất cờ mà 6 bộ theo như hình theo bóng. Chiếm được đất đai 56 thành dễ như người phủi bụi trên

rương, trên hòm, khiến cho các quan thú quan uý cai trị đã 150 năm nay cũng phải bó tay chẳng làm gì được..." Nhưng cuối cùng tác giả lại kết luận: "Ôi! khí anh linh của trời đất không chung đúc vào bậc nam tử, mà lại chung đúc vào người đàn bà như thế!" (NKQ II tr. 5).

2) Tin vào mệnh trời

Với Lý Bôn, tác giả viết: "...Vua chán ghét loạn lạc thời Nội thuộc, dấy binh đánh đuổi Tiêu Tư, phá tan Lâm Ấp, dựng nước đổi niên hiệu, đúng là bậc hào kiệt một thời. Nhưng vận trời không thuận, bị Trần Bá Tiên đánh bại, ốm chết, không làm được việc lớn, thực tiếc thay!" (NKQ V tr. 1a).

Vua Lý Anh Tông là vị vua tài giỏi được tác giả viết: "Không phân biệt được kẻ gian tà, không sáng suốt trong việc hình phạt cho nên trời sinh tai biến để răn đe, giặc cướp nổi lên, rường mối loạn không kể xiết".(BKQ IV tr. la). V. V...

Tóm lại Đại Việt sử ký tiền biên là bộ Quốc sử lớn, mang tính sử luận phong phú, cung cấp được nhiều sử liệu có giá trị, thể hiện tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc rõ nét, thể hiện quan điểm tư tưởng mới, đáng được trân trọng và đánh giá cao, đích thực là một di sản quý hiếm của cha ông để lại, một di sản đặc biệt của nền văn hiến nước ta. Đây là công trình biên dịch tập thể, những người dịch mặc dù đã cố gắng hết sức, nhưng chắc chắn không tránh khỏi sai sót, rất mong nhận được sự chỉ giáo chân tình của bạn đọc gần xa.

Trong khi biên dịch, chú thích giới thiệu bộ sử này, chúng tôi đã được sự giúp đỡ nhiệt tình của Viện Sử học, Thư viện khoa sử Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Nhà xuất bản Khoa học xã hội và sự chỉ bảo ân cần của Giáo sư Phan Huy Lê, Phan Văn Các. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 1994

DƯƠNG THỊ THE

KÝ HIỆU CHỮ VIẾT TẮT

<1a>	Tờ 1 mặt a theo bản Đại Việt sử ký tiền biên.
[...]	Đổi ra năm dương lịch hoặc nội dung của người dịch thêm vào.
(...)	Chú thích của nguyên bản chữ Hán.
(1)	Số thứ tự chú thích của người dịch.
ĐVSKTT:	Đại Việt sử ký toàn thư
CM:	Khâm định Việt sử thông giám cương mục.
VLS:	Việt sử lược.
CMCB3:	Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Chính biên 3.
CMTB3:	Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Tiền biên 3.
ĐVSKTB:	Đại Việt sử ký tiền biên.
NKQ I tr. 2:	Đại Việt sử ký tiền biên, Ngoại kỷ quyển I trang 2.
BKQ I tr. 4:	Đại Việt sử ký tiền biên, Bản kỷ quyển I trang 4.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

MỤC LỤC VÀ LỜI NÓI ĐẦU
SÁCH *ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN*

<1a> Mùa xuân năm Mậu Ngọ (1758), vua ta lên ngôi ban chiếu cho các quan xứ Bắc Thành san khắc ngũ kinh, tứ thư và các sử để ban hành trong thiên hạ. Trong đó có bản in kinh truyện cũ, qua thu thập điểm lại còn được sáu phần mười. Trong đó có bản in mục nát mọt ăn, phải gia công bổ khuyết. Duy có nguyên bản Đại Việt sử ký đều đã thất lạc. Nhân các sách còn lại của các quan viết sử đời trước, chia loại biên tập từ họ Hồng Bàng đến Ngô sứ quân **<1b>** là Ngoại kỷ; từ Đinh Tiên Hoàng đến thời thuộc Minh là Bản kỷ. Tất cả gồm 17 quyển. Mùa thu năm Canh Thân, san định xong, sắp xếp cẩn thận thành từng tập kính dâng vua xem. Vâng mệnh cho lưu trữ tại Bắc Thành học đường rồi in ra cho lưu hành để tiện cho người học.

Về Quốc sử từ Ngoại kỷ Kinh Dương Vương năm Nhâm Tuất trở xuống, đến Bản kỷ thuộc Minh năm Đinh Mùi trở lên gồm 4354 năm. Theo sách Xuân Thu nguyên mệnh bao thì năm Hoàng Đế thứ 8 Giáp Tuất là Giáp Tý thứ 1; giữa thời Hùng Vương đến thời thuộc Minh năm Đinh Mùi Tuyên Tông, Tuyên Đức thứ 2 là Giáp Tý thứ 69. Vâng mệnh lấy tên là Đại Việt sử ký tiền biên và liệt kê mục lục, niên biểu, thế thứ các đời cùng với các nhà làm quan viết sử đời trước chép theo thứ tự trên đầu sách, để đợi người tra xét và chứng minh.

SƠ ĐỒ QUỐC THỐNG CÁC ĐỜI THUỘC TIỀN BIÊN KHI CHIA KHI HỢP

HỒNG BÀNG THỊ → KINH DƯƠNG VƯƠNG → LẠC LONG QUÂN → HÙNG VƯƠNG

AN DƯƠNG VƯƠNG → NGOẠI THUỘC TRIỆU VŨ ĐẾ → NỘI THUỘC TÂY HÁN → TRƯNG NỮ VƯƠNG

NỘI THUỘC ĐÔNG HÁN → NỘI THUỘC NGÔ TẤN TỐNG TỀ LƯƠNG → TIỀN LÝ → NỘI THUỘC TÙY ĐƯỜNG

NAM BẮC PHÂN TRANH → NGÔ → ĐINH

LÊ → LÝ → TRẦN

NỘI THUỘC MINH → LÊ KỶ TỤC BIÊN

SƠ ĐỒ ĐẾ VƯƠNG CÁC ĐỜI TRUYỀN KẾ THUỘC TIỀN BIÊN

HỒNG BÀNG THỊ → KINH DƯƠNG VƯƠNG → LẠC LONG QUÂN →

HÙNG VƯƠNG → AN DƯƠNG VƯƠNG → NGOẠI THUỘC TRIỆU VŨ ĐẾ →

TRƯNG NỮ VƯƠNG → TIỀN LÝ NAM ĐẾ → ĐÀO LANG VƯƠNG (TRIỆU VIỆT VƯƠNG)

HẬU NAM ĐẾ → NGÔ: TIỀN NGÔ VƯƠNG HẬU NGÔ VƯƠNG, DƯƠNG TAM KHA

NGÔ SỨ QUÂN → (CÁC SỨ QUÂN) → ĐINH TIÊN HOÀNG → (PHẾ ĐẾ)

LÊ (ĐẠI HÀNH, TRUNG TÔNG, KHAI MINH VƯƠNG) → LÝ (THÁI TỔ, THÁI TÔNG, THÁNH TÔNG

NHÂN TÔNG, THẦN TÔNG, ANH TÔNG, CAO TÔNG, HUỆ TÔNG, CHIÊU HOÀNG →

TRẦN (THÁI TÔNG, THÁNH TÔNG, NHÂN TÔNG, ANH TÔNG, MINH TÔNG, HIẾN TÔNG)

DỤ TÔNG, NGHỆ TÔNG, DƯƠNG NHẬT LỄ, DUỆ TÔNG, PHẾ ĐẾ, THUẬN TÔNG, THIẾU ĐẾ

HỒ QUÝ LY, HÁN THƯƠNG

HẬU TRẦN (GIẢN ĐỊNH ĐẾ), TRÙNG QUANG ĐẾ → NỘI THUỘC MINH

<4a>

MỤC LỤC TIỀN BIÊN

I. NIÊN BIỂU, THẾ THỨ CÁC ĐỜI

1. Kỷ họ Hồng Bàng

Kinh Dương Vương

Lạc Long Quân

Hùng Vương: Bắt đầu từ Hồng Bàng thị đến Hùng Vương từ năm Nhâm Tuất (ngang thời Đế Minh) kết thúc năm Quý Mão (thời Chu Noãn Vương) gồm 2.622 năm.

An Dương Vương: Bắt đầu từ An Dương Vương từ năm Giáp Thìn (thời Chu Noãn Vương năm thứ 58) đến năm Quý Mão (Tần Nhị Thế năm thứ 2) gồm 50 năm <4b>.

2. Kỷ Ngoại thuộc Triệu

Bắt đầu là Triệu Vũ Đế năm Giáp Ngọ (Tần Nhị Thế năm thứ 3) đến Thuật Dương Vương năm Canh Ngọ (thời Hán Nguyên Đỉnh năm thứ 6) gồm 97 năm.

3. Kỷ Nội thuộc Tây Hán

Bắt đầu từ Hán Vũ Đế năm Tân Mùi niên hiệu Nguyên Phong thứ 1 đến Hán Quang Vũ năm Kỷ Hợi Kiến Vũ thứ 15 gồm 149 năm.

4. Kỷ Trưng Nữ Vương

Trưng Vương: Trưng nữ Vương bắt đầu từ năm Canh Tý (Hán Kiến Vũ năm thứ 16), kết thúc năm Nhâm Dần (năm Kiến Vũ thứ 19) gồm 3 năm.

5. Kỷ nội thuộc Đông Hán

Bắt đầu năm Quý Mão, Quang Vũ Đế hiệu Kiến Vũ năm thứ 19 <5a>đến Hiến Đế năm Kỷ Sửu hiệu Kiến An năm thứ 14 gồm 167 năm.

6. Kỷ nội thuộc Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương

Bắt đầu từ Ngô Tôn Quyền năm Canh Dần niên hiệu Hoàng Vũ năm thứ nhất kết thúc năm Canh Thân thời Vương Vũ Đế nặm Đại Đồng thứ 6 gồm 323 năm.

7. Kỷ nhà Tiền Lý có 1 niên hiệu: Thiên Đức

- Đào Lang Vương phụ Triệu Việt Vương

- Hậu Nam Đế: Trên là nhà Tiền Lý có 3 vua bắt đầu năm Tân Dậu (năm Lương Đại Đồng thứ 7) kết thúc năm Nhâm Tuất (Tùy Nhân Thọ năm thứ 2) <5b> gồm 62 năm.

8. Kỷ nội thuộc Tùy, Đường

Bắt đầu năm Quý Hợi Nhân Thọ năm thứ 2 đến Đường Ai Tông năm Bính Dần Thiên Hựu thứ 3 gồm 304 năm.

9. Kỷ Nam Bắc phân tranh

Từ Lương Thái Tổ năm Đinh Mão Khai Bình thứ 1 đến Tấn Cao Tổ năm Mậu Tuất Thiên Phúc thứ 3 gồm 32 năm.

10. Kỷ nhà Ngô

- Tiền Ngô Vương

- Hậu Ngô Vương

- Phụ Dương Tam Kha

Ngô sứ quân

<6a> Phụ các sứ quân

Trên là nhà Ngô có ba vua và Dương Tam Kha cướp ngôi bắt đầu năm Kỷ Hợi (Tấn Thiên Phúc năm thứ 4) kết thúc năm Đinh Mão (Tống Kiền Đức năm thứ 5) gồm 29 năm.

11. Kỷ nhà Đinh

Tiên Hoàng đế có một niên hiệu Thái Bình.

Phế Đế vẫn lấy niên hiệu Thái Bình.

Trên là nhà Đinh có 2 vua bắt đầu từ năm Mậu Thìn (Tống Khai Bảo năm thứ 1) kết thúc năm Canh Thìn (ngang với Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 5) gồm 13 năm.

12. Kỷ nhà Lê (Tiền Lê)

<6b> Đại Hành Hoàng đế có 3 niên hiệu: Thiên Phúc, Hưng Thống, Ứng Thiên.

Trung Tông Hoàng đế vẫn dùng niên hiệu Ứng Thiên.

Khai Minh Vương, một niên hiệu là Cảnh Thuỵ. Nhà Lê có 3 vua, bắt đầu từ năm Tân Tỵ (Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 6), kết thúc năm Kỷ Dậu (Tống Đại Trung, Tường Phù năm thứ 2) gồm 29 năm.

13. Kỷ nhà Lý

- Thái Tổ Hoàng đế có 1 niên hiệu: Thuận Thiên.

<7a> Thái Tông Hoàng đế có 6 niên hiệu: Thiên Thành, Thông Thuỵ, Càn Phù Hữu Đạo, Minh Đạo, Thiên Cảm Thánh Vũ, Sùng Hưng Đại Bảo.

- Thánh Tông Hoàng đế có 5 niên hiệu: Long Thụy Thái Bình, Chương Thánh Gia Khánh, Long Chương Thiên Tự, Thiên Huống Bảo Tượng, Thần Vũ.

- Nhân Tông Hoàng đế có 8 niên hiệu: <7b> Thái Ninh, Anh Vũ, Chiêu Thắng, Quảng Hựu, Hội Phù, Long Phù, Hội Tường Đại Khánh, Thiên Phù Duệ Vũ, Thiên Phù Khánh Thọ.

- Thần Tông Hoàng đế có 2 niên hiệu: Thiên Thuận, Thiên Chương Bảo Tự

- Anh Tông Hoàng đế có 4 niên hiệu: Thiệu Minh, Đại Định, Chính Long Bảo Ứng, Thiên Cảm Chí Bảo.

- Cao Tông Hoàng đế có 4 niên hiệu: <8a> Trinh Phù, Thiên Tư Gia Thuỵ, Thiên Gia Bảo Hựu, Trị Bình Long Ứng.

- Huệ Tông Hoàng đế có 2 niên hiệu: Kiến Gia, Thiên Chương Hữu Đạo.

Trên đây là nhà Lý, có 9 vua, bắt đầu từ Thái Tổ năm Canh Tuất (Tống Đại Trung Tường Phù năm thứ 3), kết thúc là Chiêu Hoàng năm Ất Dậu (Tống Khánh Bảo năm thứ 1) gồm 260 năm.

14. Kỷ nhà Trần

- Thái Tông Hoàng đế có 3 niên hiệu: <8b> Kiến Trung, Thiên Ứng Chính Bình, Nguyên Phong.

- Thánh Tông Hoàng đế có 2 niên hiệu: Thiệu Long, Bảo Phù.

- Nhân Tông Hoàng đế có 2 niên hiệu: Thiệu Bảo, Trùng Hưng.

- Anh Tông Hoàng đế có 1 niên hiệu: Hưng Long.

- Minh Tông Hoàng đế có 2 niên hiệu: Đại Khánh, Khai Thái.

<9a> - Hiến Tông Hoàng đế có 1 niên hiệu: Khai Hựu.

- Dụ Tông Hoàng đế có 2 niên hiệu: Thiệu Phong, Thái Trị.

- Nghệ Tông Hoàng đế có 1 niên hiệu: Thiệu Khánh.

- Phụ Hôn Đức Công Dương Nhật Lễ 1 năm, có 1 niên hiệu: Đại Định.

- Duệ Tông Hoàng đế có 1 niên hiệu: Long Khánh.

<9b> - Phế Đế có 1 niên hiệu: Xương Phù.

- Thuận Tông Hoàng đế có 1 niên hiệu: Quang Thái.

- Thiếu Đế có 1 niên hiệu: Kiến Tân.

Trên là nhà Trần có 12 vua, bắt đầu là vua Thái Tông năm Bính Tuất (Tống Bảo Khánh năm thứ 3) kết thúc là vua Thiếu Đế năm Kỷ Mão (ngang với Minh Kiến Văn năm thứ 1) gồm 174 năm.

- Phụ Hồ Quý Ly có 1 niên hiệu: Thánh Nguyên.

<10a> - Hán Thương có 2 niên hiệu: Thiệu Thành, Khai Đại.

Trên là thời Nhuận Hồ từ năm Canh Thìn (Minh Kiến Văn năm thứ 2 đến năm Bính Tuất (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 4) gồm 7 năm.

15. Kỷ nhà Hậu Trần

- Giản Định Đế có 1 niên hiệu: Hưng Khánh.

- Trùng Quang Đế có 1 niên hiệu: Trùng Quang.

Trên là Hậu Trần có 2 vua, từ năm Đinh Mão (Minh **<10b>**Vĩnh Lạc năm thứ 11) gồm 7 năm.

16. Kỷ thuộc Minh

Bắt đầu từ năm Giáp Ngọ tức vua Thành Tổ niên hiệu Vĩnh Lạc năm thứ 12, kết thúc năm Đinh Mùi tức là vua Tuyên Tông niên hiệu Tuyên Đức năm thứ 2, gồm 14 năm. Thống kê từ ngoại thuộc Triệu Đà năm Giáp Ngọ đến khi người Minh rút hết là năm Đinh Mùi, gồm 1.634 năm và Ngoại kỷ 2.672 năm. Tổng cộng là 4.354 năm[1].

---

[1] Tổng cộng 4306 năm.

II. HỌ TÊN SỬ THẦN CÁC TRIỀU ĐẠI

1. Triều nhà Trần

a) Lê Văn Hưu: Người xã Phủ Lý, huyện Đông Sơn, Thanh Hoá, đỗ Bảng nhãn khoa Đinh Mùi, niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình, làm quan đến chức Binh bộ Thượng thư, tước Nhân Uyên hầu hàm Hàn lâm học sĩ, giám tu quốc sử, làm sách Đại Việt sử ký <11a> 30 quyển.

b) Phan Phu Tiên: Người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Sơn Tây[1], đỗ Thái học sinh khoa Bính Tý năm Quang Thái, lại trúng khoa Minh kinh năm Kỷ Dậu niên hiệu Thuận Thiên triều Lê, làm đến chức Tri quốc sử viện, làm sách Quốc sử biên lục.

2. Triều Lê

a) Ngô Sĩ Liên: Người xã Chúc Lý, huyện Chương Đức, trấn Sơn Nam, đỗ Đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo, làm đến chức Lễ bộ Tả thị lang, kiêm sử quán tu soạn.

<11b > b) Lê Tung: Vốn họ Dương, tên là Bang Bản, người xã An Cư, huyện Thanh Liêm, trấn Sơn Nam, đỗ Hoàng giáp khoa Giáp Thìn năm Hồng Đức, được cho theo họ vua, đổi tên là Lê Tung. Làm đến chức Lễ bộ Thượng thư, Thái bảo kiêm Đông các Đại học sĩ, Tri kinh diên tước Đôn Hòa bá, biên tu Quốc sử, làm bài Việt sử tổng luận.

Nguyễn Nghiễm: Người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, Nghệ An[2], đỗ Hoàng giáp khoa Tân Hợi năm Vĩnh Khánh, làm quan đến chức Nhập thị Tham tụng, Hộ bộ Thượng thư, Đại tư đồ, tước Xuân quận công, kiêm Quốc sử tổng tài, làm sách Việt sử bị lãm, hiệu Tư Phủ.

c) Ngô Thì Sĩ: Người làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, Trấn Sơn Nam, đỗ Hoàng giáp khoa Bính Tuất năm Cảnh Hưng, **<12a>** làm đến chức Thiêm đô Ngự sử, ra làm Đốc trấn trấn Lạng Sơn kiêm Quốc sử hiệu chính, làm sách Việt sử tiêu án, hiệu là Ngọ Phong cư sĩ.

---

[1] Nay thuộc Hà Nội.

[2] Nay là Hà Tĩnh.

TỔNG LUẬN

Tổng luận của sử thần Lê Tung: Thần nghe: Sách Chu Dịch[(1)] nói rằng: "Có trời đất rồi mới có muôn vật; có muôn vật rồi mới có vợ chồng; có vợ chồng rồi mới có cha con; có cha con rồi mới có vua tôi. Đạo cương thường do đó mà sáng tỏ"

Đại Học[(2)] nói: Tâm đúng đắn thì lòng mình mới nghiêm túc, mình nghiêm túc thì sau nhà mới tề được, nhà có tề được thì sau nước mới ổn định, nước ổn định thì sau thiên hạ mới thái bình. Đấy là nguyên do khiến cho đạo trị nước bình thiên hạ được thi hành đấy. Thế thì đạo trời đất không thể lập cách ngoài cương thường, mà đặt ra đạo cao nhất, đạo đế vương lại có thể ngoài cương thường mà yên chính sự được sao? Kể từ khi Kinh Dương Vương họ Hồng Bàng nối dòng dõi vua Thần Nông, lấy con gái vua Động Đình làm sáng rõ đạo vợ chồng, làm đúng đắn nguồn gốc phong hoá. Vua thì lấy đức cảm hóa dân, chỉ rủ áo chắp tay[(3)]; dân thì cày ruộng đào giếng, sớm làm tối nghỉ, đấy là phong hóa thái cổ thời Viêm Đế đấy chăng? Lạc Long Quân kế tiếp họ Hồng Bàng **<13a>** lấy con gái họ Âu Lạc có điềm lành sinh ra trăm con trai, tổ của Bách Việt thực sự bắt đầu từ đấy, hưởng nước rất lâu dài, giàu có sống lâu và nhiều con trai, từ xưa tới nay chưa từng có vậy.

Hùng Vương nối nghiệp vua Lạc Long chăm ban đức ban ơn vỗ về dân chúng, chuyên nghề làm ruộng nuôi tằm không lo tới việc binh đao chinh chiến. Con cháu nối truyền đều lấy hiệu là Hùng Vương. Giữ cơ nghiệp gồm 18 đời, trải hơn 2.000 năm, làm chính sự theo lối thắt nút dây, dân không gian dối. Có thể thấy được phong tục thuần hậu quê mùa. Vị vua sau đạo đức suy đồi, lười làm chính sự, bỏ việc võ bị mà

---

(1) Chu Dịch: Tên sách của Trung Quốc do Văn Vương, Chu công, Khổng Tử làm ra.

(2) Đại Học: Một trong bốn sách (Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh Tử) của Trung Quốc.

(3) Rủ áo chắp tay: Dịch từ " Thùy y củng thủ" ý nói vua không phải làm gì mà nước vẫn yên ổn.

không sửa sang, ham mê tửu sắc cho là vui, một khi quân Thục đến thì quốc thống liền mất.

An Dương Vương dời sang Ba Thục ở phía Tây, diệt vua Hùng Vương ở phía Nam, đóng đô ở Loa Thành, giữ nước Âu Lạc, được nỏ móng rùa đánh tan quân Tần. Quen mùi chiến thắng, yên vui sinh kiêu căng, quân Triệu tiến đến đánh, bờ cõi **<14a>** không giữ được.

Triệu Vũ Đế nhân lúc loạn nhà Tần, chiếm đất Lĩnh Biểu, đóng đô ở Phiên Ngung, cùng Hán Cao Tổ đều xưng đế một phương, có lòng nhân thương dân, có mưu trí giữ nước. Võ công khiến Tàm Tùng[1] phải khiếp sợ; văn giáo khiến Tượng quận được chấn hưng. Lấy thi thư mà giáo hóa tục nước, lấy nhân nghĩa mà cố kết lòng người. Dạy dân cấy trồng, nước giàu binh mạnh cho đến một việc cho sứ sang [nhà Hán], lời lẽ cùng khiêm tốn. Nam Bắc kết giao, thiên hạ vô sự, hưởng nước hơn 100 năm, thực là vị vua anh hùng tài lược. Văn Vương là cháu đích tôn của Võ Vương, nối giữ nghiệp cũ. Phàm chế độ điển chương, tất cả đều theo phép của đời vua trước. Lấy điều nghĩa mà cảm hóa nước láng giềng, đánh giặc để giữ yên bờ cõi, cũng là bậc vua nối được cơ nghiệp. Minh Vương buổi đầu nối cơ nghiệp, yên bề phóng túng, Cù Hậu được yêu, Việt Cơ bị bỏ, trong nước không hòa thuận, kỷ cương rối loạn. Ai Vương tuổi còn thơ ấu không biết phép **<14b>**trị nước, mẫu hậu kiêu dâm, quyền thần giữ chính sự, cơ nghiệp họ Triệu rút cục bị lụn bại. Thuật Dương Vương là anh Ai Vương được lập lên từ tay quyền thần, trí lực kém cỏi, quân giặc xâm lăng, cơ đồ nhà Triệu từ đấy sụp đổ. Xét tai họa của Ai Vương tuy là ở Lữ Gia, nhưng thực tế lại do Minh Vương yêu Cù Hậu. Sắc đẹp của đàn bà làm nghiêng nước người ta như thế rất nên lấy đó làm răn.

Còn như Trưng Vương là con cháu Hùng Vương, chị em đều nổi tiếng là dũng cảm mưu lược, căm hờn chính sách hà khắc của Tô Định, xướng xuất các bộ, nổi quân hùng mạnh, lừng lẫy tiếng tăm, quận huyện hưởng ứng cho nên đã bình định được 65 thành ở Lĩnh Ngoại, thu lại đất đai cũ của Nam Việt. Cũng là bậc hào kiệt trong nữ giới đấy. Nhưng trời không giúp họ Lạc, quân nhà Hán đến xâm lược, giả sử lúc đó có vua anh hùng tài lược thì quân nhà Hán há dám dòm ngó đất Mai Lĩnh! **<15a>** Sĩ Vương tập phong hóa nước Lỗ, học vấn rộng rãi, khiêm tốn với kẻ sĩ, dùng thi thư mà giáo hóa phong tục, dùng lễ nhạc mà tôi luyện lòng người, trị nước hơn 40 năm, trong nước vô sự nhưng vì con là Huy

---

[1] Tàm Tùng: Tên vua đất Thục thời xưa.

nhẹ dạ tin lời Sĩ Khuông, không đặt binh bị nên bị Lữ Đại giết hại.

Triệu Ẩu là con gái quận Cửu Chân, tụ tập quân trong núi, đánh phá thành ấp, các bộ theo như bóng theo hình, dễ như trở bàn tay. Tuy chưa chiếm được Lĩnh Biểu như việc của Trưng Vương nhưng cũng là bậc hùng tài trong nữ giới đấy.

Tiền Lý Nam Đế thông minh, đủ tài văn võ. Đánh đuổi Tiêu Tư ở phía Bắc, dẹp yên Lâm Ấp ở phía Nam. Dựng quốc hiệu chính ngôi tôn, đặt trăm quan, định niên hiệu, có đại lược quy hoạch của bậc đế vương. Nhưng quân Triệt Hồ[1] đã tan mà giặc Bá Tiên đang mạnh, thì có lẽ có chữ trên lưng nghé trắng[2] là do số trời đấy. Đào Lang Vương là anh Nam Đế, thu nhặt quân còn lại, đánh một trận đã bị thua ngay **<15b>** rút quân về giữ động Dã Năng, có lẽ vì uy lực không đầy đủ đấy.

Triệu Việt Vương kế tiếp Tiền Nam Đế, giữ đất Chu Diên. Lúc đầu cùng với Đào Lang Vương nhân thời mà xưng vương, cuối cùng lại cùng Hậu Lý Nam Đế chia nước cùng trị may được cái móng rồng là điềm tốt, phá tan được toàn bộ quân Lương. Vì sao mà Loa Thành đất đắp chưa khô, quân biển Nha liền bị chết đuối, cái tai họa lông ngỗng là lỗi tại ai?

Hậu Nam Đế nối cơ nghiệp của hai anh. Trị vì hơn 4 kỷ[3], nhưng bội nghĩa mà diệt họ Triệu, nghe phong thanh đã hàng nhà Tùy, đến nỗi bị nhục đưa sang phương Bắc, là do mình chuốc lấy đấy. Than ôi! mệnh trời không thường, lòng người khó tin. Trước kia An Dương Vương cậy có điềm tốt móng rùa, một khi sinh lòng biếng nhác thì nước liền bị diệt, về sau Triệu Việt Vương cậy có điềm tốt có móng rồng, một khi sinh lòng kiêu căng thì nước liền bị mất. Việc điềm lành có ích gì đâu! Triệu Vũ Đế sai Trọng Thủy giả cầu hôn với con gái An Dương Vương **<16a>** rồi lấy cắp móng rùa để đánh An Dương Vương mà cướp lấy nước. Kế của Triệu Vũ Đế là nham hiểm đấy nhưng họ Triệu liền bị nhà Hán tiêu diệt. Hậu Nam Đế sai Nhã Lang giả lấy con gái Triệu Việt Vương, rồi lấy cắp móng rồng để đánh Triệu Việt Vương và giành lấy ngôi thì thuật của Hậu Nam Đế là sâu đấy! Nhưng rồi nhà Lý cũng bị mất vào nhà Tùy.

Ôi! Diệt nước người ta, người ta diệt nước mình, đạo trời rõ ràng đủ là bài học.

---

[1] Quân Triệt Hồ: Tức quân ở hồ Điển Triệt bị quân Lương đánh tan.

[2] Theo truyền thuyết bấy giờ có con trâu đen đẻ con nghé trắng, trên lưng có 4 chữ "nhật phụ mộc lai" ghép lại chữ "Trần" ứng với việc Trần Bá Tiên đem quân sang đánh.

[3] Kỷ: 12 năm gọi là 1 kỷ. Hậu nam Đế trị vì 32 năm mà sách ghi hơn 4 kỷ có lẽ là lầm.

Mai Hắc Đế dấy quân từ Hoan Châu, căm giận chính sách bạo ngược của Sở Khách, đem quân tiến đánh. Phía Nam giữ đất Hải Lĩnh, phía Bắc chống lại nhà Đường. Đáng được gọi là vị vua hào kiệt. Tiếc rằng không có tài chống giặc, lòng người ít theo giúp, nên không ngăn được cuộc loạn của Dương Tư Húc. Phùng Bố Cái là bậc anh hào ở Đường Lâm, ghét chính sách ngược đãi hà khắc của Chính Bình, anh em thừa thời nổi dậy cứu dân dẹp loạn, ban đức lập công. Có thể gọi là vị vua nhân hậu **<16b>** chỉ tiếc con ông là An không biết nối giữ cơ nghiệp được lập nên do Phá Lặc[1], rồi đầu hàng Triệu Xương, dù có Đỗ Anh Hàn là bề tôi lo việc nước cũng không cứu nổi sự diệt vong của họ Phùng.

Khúc Tiên chủ đời đời là hào tộc, mạnh bạo, sáng suốt, thông minh, mưu lược, nhân khi nhà Đường mất, lòng người yêu mến suy tôn làm chúa, đóng đô ở La Thành, dân yên nước trị, công đức dài lâu. Hưởng thụ chẳng được bao lâu, Khúc Trung Chủ[2] nối cơ nghiệp trước, phảng phất giống ông, tính mưu quyết thắng vượt qua ý nghĩ của mọi người. Chống chọi với các nước Bắc Triều, là vua hiền của nước Việt ta. Đặt chức Quản giáp, mới lập chế độ giữa chừng thì mất, đến đời Hậu Chủ hay gây việc can qua, thuế hóa sai dịch nặng nề, trăm họ ta oán liền bị nhà Nam Hán tiêu diệt.

Dương Chính Công[3] nghĩ về đất đai nước Việt từ lâu bị quân Nam Hán thôn tính, bèn thu dùng bậc hào kiệt, mộ quân khởi nghĩa lớn, hai lần đánh bại tướng giặc thu lại cả cơ đồ. Nhưng không phòng tai họa **<17a>** rồi bị con nuôi giết chết.

Ngô Tiên Chủ giết được đứa nghịch thần là Công Tiễn, phá được tên giặc mạnh là Hoằng Thao, đặt ra cấp bậc cho trăm quan văn võ, định chế độ, luật lệnh, y phục.Thật là bậc tài giỏi giúp đời. Nhưng ký thác không được người tốt, để tai họa cho con. Dương Tam Kha là thân thích họ ngoại, nhận lời ký thác đứa con côi, rồi bỏ chúa mà tự làm vua, tránh sao cái tội cướp ngôi bị giết. Ngô Hậu Chủ khôi phục cơ nghiệp của tổ tông, giữ yên dân trong bờ cõi, đủ là bậc vua thừa hưởng thái bình. Nhưng làm chính sự cầu an ngại khó, quá ham võ công, tự chuốc tai họa vào thân.

---

(1) Phá Lặc: Tức Bồ Phá Lặc, võ tướng của Phùng Hưng.

(2) Khúc Trung Chủ: Khúc Thừa Hạo.

(3) Dương Chính Công: Dương Đình Nghệ.

Thiên Sách Vương(1) là con đích của tiên chúa, ban đầu bị gian thần cướp ngôi mà không trị tội; sau bị Nam Tấn Vương cưỡng bức mà không biết nhường công, chuyên quyền làm oai làm phúc, mất tình anh em, đều là bậc vua tầm thường. Than ôi! Từ khi có trời đất là có cương thường. Cha làm rường cột cho con, vua làm rường cột cho bề tôi, muôn đời dứt khoát **<17b>** không thể rối loạn được. Kiều Công Tiễn là con nuôi của Dương Chính Công, quên công nuôi dưỡng, đem bè đảng mà giết Chính Công. Như vậy là con giết cha, rốt cuộc bị Tiên chúa giết chết. Tam Kha là bề tôi cũ của Ngô Xương Ngập, phản bội lời ký thác, đuổi vua đi mà tự làm vua. Như vậy là bề tôi mà phản vua, lại bị Hậu chúa giết chết(2). Bọn loạn tặc khi còn sống thì trời đất chẳng dung, sau khi chết cũng không tránh được lời chê trách của kinh Xuân Thu. Cho nên quan chép sử chép vào sách thông giám đã để ý kỹ vào chỗ ấy.

Nhà Ngô mất, 12 sứ quân thừa cơ nổi lên như ong. Ngô Nhật Khánh chiếm Đường Lâm, Lãng Công chiếm Siêu Loại, Kiều Thuận chiếm Hồi Hồ, Ngô Nam Đế chiếm Dạ Trạch, Nguyễn Siêu chiếm Phù Liệt(3), Phạm Phòng Át chiếm Đằng Châu, Ngô Xương Xí chiếm Bình Kiều; Kiều Công Hãn chiếm Phong Châu, Nguyễn Thái **<18a>** chiếm Tam Đái, Đỗ Cảnh Thạc chiếm Đỗ Động, Nguyễn Thủ Tiệp chiếm Tiên Du(4) đều giữ bờ cõi, chẳng ai thôn tính được nhau. Đạo đức trên đời đến như vậy, thì phong tục kiêu bạc hết mức đấy. Sao lại như vậy? 12 sứ quân đều là bề tôi cũ của Ngô Vương, sao đương khi Hậu chúa phải đi đánh hai thôn Đường, Nguyễn, bị trúng tên thuốc độc chết, kẻ làm tôi lẽ ra phải đi đánh trả thù rửa nhục cho Hậu chúa bàn lập vua nối ngôi để kế tiếp quốc thống của vua đời trước mới phải. Thế mà nhà vua bị hại, mà bề tôi lại yên lòng, tự xưng hùng trưởng với nhau, tiếm ngôi rối ren, đặt ngụy hiệu lung tung, chẳng những chỉ có tội với đương thời, mà còn để tiếng chê cho đời sau. Rốt cuộc bị Đinh Tiên Hoàng dẹp đi là đáng lắm. Cho nên quan chép sử xếp 12 sứ quân trở về trước là Ngoại kỷ, để phân biệt nội ngoại. Từ Đinh Tiên Hoàng trở về sau là Chính kỷ, để tỏ danh phận vua tôi. Cái cơ đạo đức trên đời khi lên khi xuống đến đây có thể thấy được **<18b>**.

---

(1) Thiên Sách Vương: Ngô Xương Ngập.

(2) ĐVSKTT lại chép là Dương Tam Kha bị giáng làm Chương Dương công, cho đất Chương Dương làm thực ấp chứ không bị hậu chúa giết chết.

(3) ĐVSKTT chép là Nguyễn Siêu chiếm Tây Phù Liệt.

(4) ĐVSKTT chép là Trần Minh Công chiếm Bố Chính Hải Khẩu.

Đinh Tiên Hoàng nhân lúc nước Ngô rối loạn, dẹp 12 sứ quân. Trời cho, người theo, thống nhất đất nước, dùng các bậc Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Lưu Cơ, Trịnh Tú làm người phò tá, đặt ra nghi lễ triều đình, lập ra quân đội.Vua chính thống của nước Việt ta là bắt đầu từ đấy. Bàn về công đánh dẹp quân giặc thì vĩ đại đấy.Nhưng nhà tông miếu chưa lập, trường học chưa xây, đặt vạc, nuôi hổ để làm công cụ hình ngục; biếu tê nạp voi, chỉ vất vả về việc cống hiến. Lễ nhạc hành chính không sửa sang, mấy lần cửa canh phòng không cẩn thận, cuối cùng chính mình bị giết, nước bị nguy, tai họa đến cả đời con. Đó là không biết mưu tính đề phòng từ lúc việc còn nhỏ bé đấy. Thiếu Đế tuổi còn thơ ấu, nối giữ cơ nghiệp lớn lao lúc khó khăn, đất nước nhiều tai hoạ, xã tắc lâm nguy, lại thêm giặc Chiêm Thành quấy nhiễu ở phía Nam, quân Tống xâm lược ở phía Bắc. Bọn quyền thần nhiếp chính, lòng dân trong nước lìa tan. Nhà Đinh thôi không chép nữa là vì không có mưu kế giữ **<19a>** nước cai trị dân đấy. Có lẽ khi nhà Đinh dấy lên tuy là do tự số trời, còn lúc suy là do đạo "tam cương" không đứng đắn đấy. Tiên Hoàng bỏ con đích lập con nhỏ, ân tình cha con sai trái. Lập 5 Hoàng hậu, tình nghĩa vợ chồng rối loạn. Yêu quý Đỗ Thích để sinh họa chém giết cướp ngôi vua, mất hết đạo vua tôi. Thế thì họ Đinh dấy lên là do Tiên Hoàng, họ Đinh mất nước cũng là do Tiên Hoàng, chẳng phải trời không giúp mà mưu của người không ra gì đấy.

Lê Đại Hành cầm quyền10 đạo, giữ chức nhiếp chính. Vua còn nhỏ, nước lâm nguy nhân thời cơ nhận mệnh trời. Giết chúa Chiêm Thành, rửa nhục cho việc sứ thần bị bắt, đánh bại quân Triệu Tống, để làm gãy cái mưu quyết thắng của nó, Dùng bọn Hồng Hiến, Cự Lạng, Từ Mục, Tử An làm người giúp đỡ. Cày ruộng tịch điền ở Long Đội, mở đường bộ ở châu Ô, châu Lý, tuyển dụng người hiền tài, sáng lập trường học, có mưu lược lớn của bậc đế vương. Nhưng rồi làm nhiều việc thổ mộc **<19b>**, lấy vàng ngọc mà trang sức cung điện, luôn gây việc can qua, coi dân như cỏ rác thì làm sao không suy được. Trung Tông vâng di chiếu của Đại Hành vào nối ngôi vua, tha cho em cùng mẹ tội cướp ngôi, giết vua thì chính sự sai lầm vì nhu nhược. Ngọa Triều không xứng ngôi vua, giết anh, ngược đãi dân chúng, dùng hình phạt bằng lửa đốt, dao cưa, làm ngục ở ngọn cây, hầm nước. Ham mê tửu sắc, trái với tính người, làm hại sinh mệnh, dù muốn không mất nào có được đâu. Có lẽ Đại Hành dấy lên tuy là bởi tự lòng dân, đến khi mất cũng vì "tam cương" không đúng đắn đấy. Đại Hành phế bỏ con Đinh Hoàng mà giáng làm Vệ Vương thì không còn nghĩa vua tôi. Sinh 9 con trai mà

không sớm lập Thái tử, thế là không có ân cha con. Lập 5 Hoàng hậu mà lại gian dâm với bề trên là Hoàng hậu nhà Đinh, thế là không có đạo nghĩa vợ chồng, chỉ biết có dục vọng mà không biết có nghĩa, chỉ biết có mình mà không biết đến con, hay chém giết **<20a>** mà không tiếc sinh mệnh, thích hình phạt mà không thích đạo đức. Thân đã mất, nước cũng mất theo, là do chứa nhiều điều bất nhân đấy.

Lý Thái Tổ nhân khi Ngọa Triều thất đức, kết hợp việc điềm lành sét đánh thành chữ, hợp ý trời vừa lòng người, thừa thời mở vận; có đức độ rộng lớn nhân từ, có quy mô vừa xa vừa rộng; rời đô định đỉnh, kính trời yêu dân; tô ruộng được tha, có chế độ nộp thuế sai dịch; Bắc Nam thông hiếu, thiên hạ bình yên. Nhưng không nghe đạo thánh học, chưa chấn hưng phong hóa đạo Nho. Sư sãi chiếm nửa số dân, chùa chiền dựng khắp thiên hạ, không phải là đạo mở nghiệp rủ mối. Thái Tông dũng trí kiêm toàn, đánh thắng 4 phương; có đức hiếu hữu, học tập văn hóa lễ nhạc, đánh giặc, dẹp rợ nhung, khuyến khích việc làm ruộng, cày ruộng tịch điền, có chuông kêu oan, có luật xử việc hình, là bậc vua giỏi giữ nề nếp vậy. Nhưng say cảnh thiền, làm thơ đọc kệ ở chùa Tiên Du, mê khúc nhạc điệu hát Tây Thiên, không phải là đạo kinh lý việc nước, coi dân như con. Thánh Tông quý dân, trọng người làm ruộng **<20b>** vỗ người ở xa, yêu mến kẻ ở gần, đặt khoa Bác học, trọng lệnh dưỡng liêm, đặt quan bí các, đặt chế độ minh luân, sửa sang việc văn, chuẩn bị việc võ, trong nước được yên. Là vị vua hiền nối dõi. Nhưng dùng sức dân quá nhiều để dựng tháp Báo Thiên, hao phí tiền của dân để làm cung Dâm Đàm. Đấy là chỗ kém. Nhân Tông thiên tư nhân hiếu, có tiếng là đức tốt, trọng việc tuyển chọn danh thần. Đặt khoa Tiến sĩ, có quan hầu Kinh diên, ban chiếu mở đường cho người được nói. Cầu người hiền, nhận lời oan, giảm nhẹ thuế khóa phu dịch, cho nên tự mình làm nên thái bình, dân được giàu có. Đáng là vua tốt, thừa hưởng thái bình. Nhưng mở yến ở Lãm Sơn mà để mẹ vua rong chơi, đúc chuông Quy Điền để bọn tăng ni mê hoặc. Đó là chỗ kém. Thần Tông mở mang chính sự, sử dụng hiền năng, đặt khoa Hoành từ, đặt lệnh binh nông, chính sự rất siêng năng. Nhưng quá thích điềm lành, tôn chuộng đạo Phật, đánh giặc **<21a>** cũng quy công cho Phật; dâng hươu cũng cho làm chức quan. Sao mà ngu thế! Anh Tông đặt trường dạy võ để cho võ bị được nghiêm; sửa miếu Khổng Tử để văn phong được chỉnh; cày ruộng tịch điền, đặt phép tiền tệ, trị nước thế là kỹ lưỡng đấy. Nhưng không phân biệt được kẻ gian tà, thưởng phạt bất minh, yêu quý gian thần mà mở đường tượng cước, sùng tín Phật, Lão mà đặt khoa thi Đăng đạo. Sao mà tối

tăm đến thế! Cao Tông lúc ban đầu chỉ tin dùng các hiền thần là Tô Hiến Thành, Lý Kính Tu cùng lo việc chính trị, giáo hoá, ban lệnh cứu giúp người nghèo, xuống chiếu cầu bậc hiền tài, cho nên từ năm Thiên Tư Gia Thụy về trước chính sự còn coi được. Đến năm Thiên Gia Bảo Hựu về sau, việc thổ mộc mọc lên như nấm, giặc giã nổi lên như ong. Điềm mất nước bắt đầu từ đấy. Huệ Tông say đắm hoang dâm, giao chính sự cho bọn quyền thần là Tô Trung Tự, Trần Tự Khánh[1]. Vua yếu tôi mạnh, trời oán dân căm, chính sách bạo ngược, hình pháp phiền phức, dân cùng cực, trộm cướp nổi lên. **<21b>** Điềm mất nước quyết định từ đấy; lại thêm Chiêu Hoàng là vua con gái, gánh vác không nổi. Họ Trần nhân đó mà di chuyển ngôi vua nhà Lý. Thật đáng tiếc thay.

Và lại bàn rằng: triều nhà Lý qua 8 đời vua, truyền ngôi hơn 200 năm. Những bậc đáng khen như: Thái Tổ có độ lượng của bậc đế vương; Thái Tông có tư chất thông minh dũng cảm; Thánh Tông có lòng nhân đức thương dân; Nhân Tông có đức tính ban ơn cho dân. Nhưng Thái Tổ lập 3 Hoàng hậu, tình vướng víu mà đạo nhà không đúng đắn. Thái Tông làm 5 ngọn núi. Đang lúc có tang mà lại vui chơi, là kém về đạo hiếu. Thánh Tông đi theo vết xe của Thái Tổ mà lập Hoàng hậu quá chế độ, Nhân Tông nghe lời mẹ đẻ mà giam giết mẹ đích. Việc cấm các quan gả chồng cho con gái là do Thần Tông ham mê sắc đẹp, yêu chuộng kẻ bề tôi dâm loạn đều là cái lỗi Anh Tông yêu dùng kẻ gian tà đấy. Cao Tông lấy hoang dâm làm thích, Huệ Tông **<22a>** lấy tửu sắc làm vui; đạo tu, tề, trị, bình của bậc đế vương quả như thế đó sao? Bề tôi trong triều, có Lý Đạo Thành là người được ký thác con côi, Tô Hiến Thành giúp chính sự, cũng gần như lòng trung ái của Y Doãn, Chu Công. Cố nhiên là đáng khen đấy. Còn các bậc như Đào Cam Mộc, Đào Thạc Phụ, Lương Nhận Văn, Đào Xử Trung, Lý Đạo Kỷ, Liêu Gia Trinh, Kim Anh Kiệt, Tào Lương Hàn, Dương Cảnh Thông, Ngụy Trung Hoàng, Lưu Vũ Nhị, Lý Công Bình, Hoàng Nghĩa Hiền, Lý Kính Tu không biết giúp vua để trở thành phong tục tốt đẹp, cho nên nền thịnh trị không bằng đời xưa là phải. Còn như Đỗ Anh Vũ kiêu dâm, Đàm Dĩ Mông ngang ngược có kể làm gì.

Trần Thái Tông chịu mệnh trời, nhận ngôi của Lý Chiêu Hoàng, có đức nhân hậu, có nét giản dị trang trọng, đánh giặc bảo vệ dân, đặt khoa thi chọn hiền tài. Tể tướng thì chọn người tôn thất tài năng; triều điển

---

[1] Trần Tự Khánh: ĐVSKTT chép là Trần Khánh Dư.

thì định ra lễ nghi hình luật. Chế độ <22b> nhà Trần từ đấy thịnh hưng. Nhưng đức xấu chốn buồng the là noi theo thói dâm hôn của Đường Thái Tông. Thánh Tông có lòng nhân thứ, có đức hiếu đễ, yêu quý hòa thuận với họ hàng, tôn người hiền, trọng đạo đức. Chọn người tài giỏi để hầu Kinh diên, tuyển người đức hạnh để phò Thái tử. Cơ nghiệp nhà Trần do đó mà vững chắc. Nhưng say mê đạo Phật, trở thành tệ như Lương Vũ Đế. Nhân Tông được tinh hoa của bậc thánh hiền, có tướng mạo của thần tiên, thể chất hồn hậu vẹn toàn, nhân từ hòa nhã bình dị, ban chiếu cứu trợ người nghèo, do đó lòng người càng cố kết. Chọn tướng chống giặc, dẹp yên được giặc Nguyên, sự nghiệp trùng hưng rực rỡ thiên cổ, đủ gọi là bậc vua hiền của nhà Trần. Nhưng, lưu tâm vào đạo Phật mà dựng am Thiên Kiện, nuôi dưỡng tăng ni mà đúc đỉnh Phổ Minh, chẳng phải là đạo của bậc đế vương. Anh Tông định ra cấp bậc quan văn, võ ở triều đình, đặt ra chế độ khoa cử cho học trò. Khi đại hạn thì soát ngục tha tù; năm đói to thì cho vay phát chẩn. <23a> Đạo trị nước thì lấy việc nuôi dân làm gốc; về chính sự thì dùng phong hoá, phép tắc làm đầu. Văn vật chế độ đổi mới. Cũng đủ là bậc vua hiền của nhà Trần. Nhưng theo bọn sa môn ở núi Yên Tử, làm nhọc sức dân, xây gác Ánh Vân, không phải là độ lượng của bậc đế vương.

Minh Tông nối ngôi giữ cơ nghiệp, chăm việc chính sự, xét kỹ việc làm. Cấm cha con tố giác nhau cho đạo đức của dân được đôn hậu; cấp hộ khẩu cho quan văn võ để nuôi dưỡng tính liêm khiết của bề tôi. Sai tế thần khi thu hoạch ruộng tịch điền, là coi trọng việc nông trước đấy. Dựng nhà Thái học để cho thi học trò là chăm lo chọn học trò đấy. Khoảng năm Đại Khánh, Khai Thái việc lớn việc nhỏ đều được tiến hành, trong ngoài đều yên ổn, đủ gọi là đời vua thái bình thịnh trị. Nhưng tuổi tác đã cao, ngôi Thái tử chưa định, nghe lời gian thần là Trần Khắc Chung để đến nỗi Quốc Chẩn phải chết. Há chẳng phải làm thương tổn cho sự thông minh nhân nghĩa đó sao? Hiến Tông nhỏ tuổi nối ngôi, trên có Minh Tông nắm quyền, dưới có hiền thần phò chính, trên dưới cùng sửa sang, hành động không bị lầm lỗi, nếu trời cho tuổi thọ thì đạo đức <23b> của vua, chính sự của nước cũng có thể coi được, nhưng hưởng lộc nước không được lâu, tiếc thay!

Dụ Tông tính thông minh nhanh nhẹn, học vấn cao minh, giỏi võ hay văn, tứ Di đều phục. Thời Thiệu Phong Đại Trị chính sự đều được ban hành, dường như có phần đáng khen đấy. Nhưng khi tuổi già, tin

dùng Trâu Canh làm điều loạn luân[(1)] mở sòng đánh bạc, rong chơi không chừng mực, đói kém xảy ra luôn. Cơ nghiệp nhà Trần suy yếu từ đấy. Nghệ Tông dẹp yên tai nạn bên trong, khôi phục ngôi cũ, thực lòng kính trời thương dân, có quy mô giữ nước mưu trị, có khoa thi lấy học trò ở Tiên Du, làm tập Dư hà ở cung Bảo Hoà, định chế độ lễ nghi trong triều đình, bỏ lệnh cắt lấy đất bãi. Quy mô công trạng rạng rỡ đất trời. Nhưng đức cung kiệm có thừa, mà tài quyết đoán không đủ. Ngoài thì giặc Chiêm Thành xâm lấn kinh kỳ, trong thì giặc Hồ ngấp nghé ngôi báu. Cơ nghiệp nhà Trần do đấy mà mất **<24a>**. Duệ Tông lúc mới lên ngôi, lưu tâm tính việc trị nước, tuyển tướng luyện binh, đặt khoa thi lấy học trò có bài để chấm, có sách Hoàng huấn, dường như có thể làm khá được, nhưng tin dùng người họ ngoại, mở ra mưu kế của kẻ gian thần tiếm ngôi, gạt tờ sớ can ngăn trung thực của Lê Tích, nghe lời tâu gian trá của Tử Bình, thân chinh đánh Chiêm Thành, khinh thường vào động Y Mang, vội vã dùng binh chuốc lấy tai vạ, rốt cuộc bỏ mình. Giản Hoàng càng như lòng dạ trẻ con, giữ đức tính không thường, chuyển của quý dấu ở núi Thiên Kiện, ban cờ kiếm hậu đãi cho Quý Ly, chống giặc không có mưu, uy lệnh không chấn chỉnh. Cuối cùng khiến cho người mặc áo Bồ Hoàng[(2)] đắc chí, mà mình phải cầm tù ở chùa Tư Phúc.

Thuận Tông nghe theo mệnh lệnh của đứa quyền thần, ngồi giữ ngôi không. Công việc ở Kim Âu chưa xong, tiệc yến ở Thạch Thành đang nồng thì các công hầu người bị giết, người thì về núi Chí Linh ở ẩn[(3)] rốt cuộc để cho Xích Chuỷ[(4)] hoành hành rồi bị bức giết ở quán Ngọc Thanh[(5)]. Thiếu Đế đương tuổi trẻ thơ, quyền bỏ vua lập vua đều từ miệng Hồ Quý Ly đưa ra và cơ **<24b>** nghiệp nhà Trần bị mất.

Và lại bàn rằng: Nhà Trần trải qua 12 đời vua, hưởng nước hơn 170 năm. Các vua đáng khen như Thái Tông có độ lượng của bậc đế vương, Thánh Tông có đức nhân hậu, Nhân Tông có công lấy lại cơ đồ, Anh Tông có lòng đại hiếu, Minh Tông có tài văn trị, Nghệ Tông có công khôi phục, nhưng Huệ Tông bị giết, mất đạo vua tôi. Người nhân không làm như vậy. Lấy Linh Từ làm vợ là trái đạo vợ chồng, người nghĩa không làm như vậy. Đường đường là thiên tử mà làm sư ở Trúc Lâm, người trí

[(1)] Điều loạn luân: Chỉ việc Dụ Tông thông dâm với chị ruột là Thiên Ninh.

[(2)] Áo Bồ Hoàng: Chỉ Hồ Quý Ly.

[(3)] Chỉ Trần Nguyên Hãn

[(4)] Chỉ Hồ Quý Ly.

[(5)] Quán Ngọc Thanh: Thuận Tông bị bức chết ở quán Ngọc Thanh sau khi đã nhường ngôi.

không làm như vậy. Là con gái nhà vua nghiêm chỉnh mà gả cho Chiêm Thành, lễ không làm như vậy. Đích thân đi đón vợ của con là loạn luân đấy, yêu mến quyền thần họ ngoại là chính sự mục nát đấy. Đạo tu, tề, trị, bình **<25a>** của bậc đế vương quả là như thế chăng? Bề tôi ở triều đình, có Trần Nhật Duật lập công ở cửa ải Hàm Tử, Trần Quốc Tuấn dâng tích chiến thắng ở sông Bạch Đằng, cũng ngang với danh dự Quách Phần Dương và Khấu Lại Công, tất nhiên là cũng đáng khen. Còn các bậc hiền tài như Trần Quang Khải, Phùng Tá Chu, Trần Nguyên Đán, Phạm Ngũ Lão. Đoàn Nhữ Hài, Trương Hán Siêu, Đinh Củng Viên, Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Trung Ngạn, Lê Bá Quát đều không ngăn chặn được lầm lỗi của vua thì sự thịnh trị không bằng đời xưa. Còn gian tà như Trần Khắc Chung, tham bẩn như Trần Khánh Dư, thì bàn làm gì? Đại để sự suy vong của triều Lý, triều Trần, tuy là do cương thường rối loạn, mà cũng còn do mê tín dị đoan, phát tiền kho để làm tượng Phật, phát kho đồng để đúc chuông to, phát kho giấy để viết kinh Phật. Triều nhà Lý thờ Phật cẩn thận đấy, nhưng giết con cháu nhà họ Lý lại là Trần Thủ Độ, con người gian hiểm. Là thiên tử mà làm đại sĩ; **<25b>** là phi tần mà làm sãi vãi; là vương chúa mà làm tăng chúng, nhà Trần thờ Phật kính cẩn đấy, nhưng giết các tôn thất nhà Trần đều do sự gian giảo của Hồ Quý Ly. Khi mất nước mà Phật cũng không che chở được. Vậy việc thờ Phật, nào có ích lợi gì đâu.

Còn như Hồ Quý Ly dựa vào người thân ở nội đình, quen thói ác của kẻ gian thần, tàn bạo với dân, lừa vua để cướp ngôi báu, tội chất nặng, dân oán hờn, giặc Minh vào đánh, thân bị tù, nước bị mất, chết làm vua quê người cuối cùng bị thiên hạ chê cười. Hồ Hán Thương kế thừa ngôi cướp được, thi hành chính sách tàn bạo với dân. Người Minh sang xâm lược nước Nam thì non sông bị mất, xã tắc thành gò hoang, lưới trời lồng lộng, thưa mà không lọt. Than ôi, lễ không gì lớn bằng phận, phận không gì lớn bằng danh. Danh phận là đê phòng của Nhà nước, không thể không cẩn thận. Danh phận chính thì cương thường vững. Long Đĩnh là em mà giết anh **<26a>** để cướp nước, là tên loạn tặc hạng nặng, thế mà sử thần lại chép là "hoàng đế" thì là danh không chính đáng. Quý Ly là bề tôi giết vua để cướp ngôi, tức là đầu sỏ bọn gian thần, thế mà sử thần lại chép là "thiên chúa", thế là danh phận không rõ ràng đấy. Nếu theo phép *Kinh Xuân Thu*, định khen chê công bằng, cố nhiên phải tước bảng hiệu giả của Ngọa Triều để trừ kẻ nghịch tặc, bỏ hiệu lấn cướp của Quý Ly để trừng trị kẻ gian thần. Như vậy mới chính được danh phận ở đương thời, giữ gìn cương thường cho muôn đời, mà sự sai

lầm của sử thần mới rửa hết được. Còn như bề tôi trung nghĩa của nhà Trần như Chu Cư Kính, Trần Bình Trọng, Nguyễn Hàn, Trần Tích, Nguyễn Cán, Đào Khiết, Trần Thực, Lê Giác, Trần Thiệu, Phạm Huyền Linh, Lê Á Phu, Nguyễn sử[1], Nguyễn Văn Nghê, Nguyễn Kha, Lê Lặc, Lưu Thường, Nguyễn Kháng, Hà Đức Lân, Trần Khát Chân, Lê Nguyên Bưu, chính khí vẫn còn, tiếng thơm không mất và lời khen tiết nghĩa không thể thiên lệch được. Vì nhà Trần muốn báo thù thì lòng của Bùi Bá Kỳ cũng như lòng của Bao Tư, Dự Nhượng[2] đấy. Xin lập con cháu nhà Trần làm vua thì lòng của Lê Cảnh cũng như lòng của Cữu Phạm, Nhân Kiệt đấy. Tờ thư Vạn ngôn, lòng trung thành thấu tới mặt trời mặt trăng, há chẳng phải do sức của đạo Nho đó sao? Tờ sớ thất trảm, nghĩa khí cảm động quỷ thần, há chẳng phải công của đạo Nho đó sao? Tiếc rằng vua thời đó tối tăm không biết nghe theo để đến nỗi diệt vong, không đáng cho là lạ.

Đến khi Giản Định Đế đời Hậu Trần lên ngôi trong lúc phiêu dạt, có các ông Đặng Tất, Cảnh Chân hiệp mưu giúp đỡ, hăng hái cầm quân đi đánh giặc Minh. Trận đánh ở Bô Cô, khôi phục được ngôi vua nhà Trần tức là đạo quân nhân nghĩa đấy. Sao lại nhẹ dạ nghe lời gièm pha vội giết tướng giỏi, nhanh chóng chuốc lấy sự thất bại. Trùng Quang đế lên ngôi trong lúc loạn li, có các bậc như Đặng Dung, Nguyễn Suý cùng nhau giúp sức, mưu tính cơ nghiệp nhà vua <27a>. Trận đánh thắng ở Thái Dà, thanh thế quân lừng lẫy, đáng gọi là trận đánh phục thù. Rồi sao tướng suý lại bất hoà, bỏ lỡ cơ hội, dẫn đến chỗ mất nước. Than ôi! Đặng Tất, Cảnh Chân vì lời gièm bị giết, rồi người Minh vào cướp nước.

---

[1] ĐVSKTT chép là Nguyễn Quyết.

[2] Bao Tư, Dự Nhượng: Bao Tư là quan đại phu nước Sở thời Xuân Thu và là bạn thân của Ngũ Viên. Ngũ Viên bị vua Sở giết và cả gia đình phải ra nước ngoài. Khi đi trốn gặp Bao Tư, Ngũ Viên nói "Tôi quyết diệt nước Sở" - Bao Tư nói: "Tôi quyết giữ nước Sở". Ngũ Viên mượn quân nước Ngô về đánh nước Sở, đào mộ vua Sở đánh vào thây. Bao Tư mượn quân Tần, vua Tần không cho, Bao Tư đứng ngoài sân vua Tần khóc 7 ngày, vua Tần cảm động phải cho quân sang đuổi quân Ngô về nước.

Dự Nhượng là người nước Tần thời Chiến Quốc. Lúc đầu thờ Trung Hàng, sau bỏ Phạm Trung Hàng thờ Trí Bá rất được Trí Bá tôn trọng, sau Trí Bá bị Triệu Tương Tử giết chết.Ông đã bôi sơn vào mình giả làm hủi, nuốt than giả câm để lừa giết Triệu Tương Tử nhưng bị bắt. Khi bị bắt Triệu Tương Tử hỏi: "Sao đã thờ Phạm Trung Hàng lại thờ Trí Bá?". Dự Nhượng nói: "Phạm Trung Hàng đãi tôi như một người thường thì tôi cũng đối xử như một người thường. Trí Bá đãi tôi như một bậc quốc sĩ (người được cả nước tôn trọng) nên tôi cũng lấy tư cách một bậc quốc sĩ đáp lại".

Xem như Đàm ĐạoTế[(1)] bị giết thì người Ngụy đến xâm lăng, Nhạc Vũ Mục[(2)] bị giết thì người Kim vào đánh chiếm. Kẻ gian nịnh gièm pha làm đổ nước người ta, trước sau cũng một lối. Khi nhà vua dùng người bỏ người không thể không cẩn thận.

Nhà Nhuận Hồ bị bắt; Hậu Trần cũng mất theo. Đất nước bị chia sẻ, như bổ quả dưa, như xé mảnh vải hơn cả cuối thời Chu. Quan lại hình phạt thảm khốc hơn ngày nhà Tần khi mất nước. Do đấy người Minh thả sức tàn bạo, dân chúng lầm than chưa bao giờ như lúc này.

May nhờ đạo trời trở lại, lòng người hợp thuận, quốc triều Thái Tổ Cao Hoàng Đế có tư chất trí dũng như Thành Thang nhà Ân, dấy quân nhân nghĩa như Vũ Vương nhà Chu, thu dùng bậc hào kiệt quét sạch yêu ma. Tuy tướng nhà Minh dữ tợn <27b> như bọn Liễu Thăng, Lương Minh cũng phải thua trận mà chở xác về. Xảo quyệt như lũ Thôi Tụ, Hoàng Phúc cũng phải hết kế và tự trói tay đầu hàng. Hơn 20 năm loạn lạc, một sớm dẹp yên. Non sông nhờ thế mà đổi mới, đất nước nhờ thế mà bình yên. Do nhà vua có đức tính trí dũng, khoan nhân, vua tôi đồng tâm hiệp lực mới được như vậy.

HẾT PHẦN TỔNG LUẬN

(1) Đàm Đạo Tế: Người nước Tống. Đánh Tần diệt Ngụy có công nhưng bị triều đình ngờ vực giết chết.

(2) Nhạc Vũ Mục tức Nhạc Phi người thời Tống đánh thắng quân Kim, sau vì Tần Cối gièm pha mà ông bị giết chết.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

NGOẠI KỶ

QUYỂN I

<1a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Theo thiên Vũ Cống* [1] *thì nước Việt ở phía Nam Dương Châu. Theo sách* **Thiên quan** *từ sao Đẩu 11 độ qua sao Khiên Ngưu đến Tu Nữ 7 độ là Tinh Kỷ. Nói về sao là ở ngôi sửu cùng phận dã với nước Ngô. Vua Nghiêu sai Hy Thị ở Nam Giao, tức là đất An Nam ta ngày nay. Tương truyền cõi phía Nam là của đất Việt, có rất nhiều xứ như Âu Việt, Mân Việt, Lạc Việt. Cho nên gọi là Bách Việt. Và miền này ở phía Nam Dương Châu nên lại gọi là Nam Việt. Từ thời Hán trở về trước thì Ngũ Lĩnh về phía Nam thuộc đất Nam Việt; An Nam là địa giới phía Nam đất Việt bèn đặt làm quốc hiệu chung.*

KỶ HỌ HỒNG BÀNG

<1b> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét từ sau khi hội dần sinh ra loài người, loài người đã nhiều, tất phải có người trội hơn làm vua. Bắt đầu từ Nhân Hoàng cho đến Thần Nông có lẽ là kỷ thứ 9 trong 10 kỷ gọi là Thiền Thông đấy. Từ Thiền Thông trở về trước mấy vạn năm há đều là mờ mịt cả sao? Cõi Nam dằng dặc, có núi sông tất có loài người. Thế mà mãi đến cháu 4 đời của vua Thần Nông là kỷ Sơ hất, bắt đầu của 10 kỷ, rồi sau mới có địa vị để vương hay sao? Huống hồ sử thời Thần Nông chép rằng: "Phía Nam vỗ về đất*

---

[1] *Vũ Cống*: Tên sách cổ của Trung Quốc.

Giao Chỉ", thì vốn đã tự thành một nước, không lẽ không thống thuộc vào đâu. Không đủ sách vở và bậc hiền tài, không được nghe truyện ký. Trước thời Hồng Bàng, cho rằng không có vua chăng? Hay là có vua chăng? Sẽ khảo cứu vào đâu? Truyện đặt ra trước, sử thuật lại sau, nhân đấy chép lên đầu Ngoại kỷ.

<2a>

KINH DƯƠNG VƯƠNG

Tổ tiên nước Việt ta tương truyền vua đầu tiên gọi là Kinh Dương, là dòng dõi vua Viêm Đế, họ Thần Nông; trước kia cháu 3 đời của họ Thần Nông là Đế Minh, đi tuần thú đến Hải Nam, gặp con gái Vụ Tiên lấy làm vợ, sinh con là Lộc Tục. Lộc Tục tinh thần đoan chính, có đức tính của thánh nhân. Đế Minh yêu quý lạ thường, muốn lập làm thừa kế. Lộc Tục cố nhường cho anh là Nghi. Đế Minh bèn phong cho đất Nam Việt. Đó là Kinh Dương Vương; Kinh Dương Vương lấy con gái vua Động Đình sinh ra Lạc Long Quân (sử cũ chép: năm Nhâm Tuất thứ 1, Kinh Dương Vương đặt quốc hiệu là Xích Quỷ, nay bỏ đi).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Nước Nam gây dựng, tuy sau đời vua Hy và Hiệt mà chữ nghĩa chưa lưu hành, ghi chép thiếu sót thứ tự đời trước đời sau, năm tháng gần hay xa, trong vòng cha con vợ chồng, chính trị, vua tôi, nhân vật phong tục, truyền đúng hay sai, tất cả đều không có chứng cớ. Khổng Tử nói rằng: "Ta vẫn thấy* **<2b>** *chép sử có chữ phải bỏ thiếu dấu". Chu Khảo Đình nói rằng: "Đọc sách không nên để quan làm sử lừa dối. Cho nên chữ Quách Công, Hạ Ngũ trong Kinh Xuân Thu còn tồn nghi. Mạnh Tử đối với Thiên Vũ thành chỉ lấy hai, ba đoạn mà thôi. Nếu sưu tầm rộng rãi chỉ dùng lời mà không xét đến lẽ, tác giả dối ta, ta tin rồi lại đi dối người khác. Bậc quân tử đối với điều mình không biết há lại bừa bãi thế sao? Nay xét phần Ngoại kỷ chép: Năm Nhâm Tuất thì bắt đầu Giáp Tý là năm nào? Ghi chép tên húy Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân sao riêng lược bỏ vua Hùng Vương? Thời Ngũ Đế trở về trước chưa từng gọi là vương. Xích Quỷ là tên nào, mà để làm tên nước. Một loạt hoang đường càn rỡ đều là đáng bỏ đi. Cái lỗi ấy lại tại kẻ hiếu sự thấy*

*trong Liễu Nghi truyện thư. Trong truyện nói con gái vua Động Đình gả cho con thứ của Kinh Xuyên Vương, tưởng càn Kinh Xuyên là Kinh Dương. Đã có vợ chồng thì có cha con, vua tôi nhân đó mà thêu dệt thành văn, cốt cho đủ số đời vua, nhà làm sử theo đấy mà chọn **<3a>** dùng, và cho là sự thực. Phàm những chuyện lấy từ [Lĩnh Nam] chích quái, [Việt điện] u linh, cũng như Bắc sử lấy ở Kinh Nam Hoa[1] và thiên Hồng Liệt đấy[2]. Như vậy là có đất thì có vua, sự vật tất phải có lúc ban đầu. Nếu cho tất cả dã sử là không đủ tin thì căn cứ vào đâu để chuẩn bị cho những tác phẩm lớn? Cái gì gần với lẽ phải thì giữ lại, những lời thô bỉ, không căn cứ thì tước bỏ đi là được đấy. Sử chép: Đế Minh lấy con gái Vụ Tiên sinh được Kinh Dương Vương và sử Nguyên Ngụy chép lời ngạn ngữ rằng: Cật Phân Hoàng đế không có vợ, việc đó cũng tương tự. Bậc đế vương nổi lên chung đúc điềm lành khác với người thường có thể có lý. Còn như việc Kinh Dương Vương lấy con gái vua Động Đình, Lạc Long Quân lấy Âu Cơ, dưới nước trên cạn kết hôn với nhau, người với thần ở lẫn với nhau, lời nói như không hợp lẽ thường. Tôi trộm nghĩ, trời đất từ khi mở mang đến nay, nước ta ở nơi hoang phục xa xôi, văn hóa so với Trung Châu là chậm nhất, nước lụt thời vua Nghiêu chưa rút hết, vạc thời vua Vũ chưa đúc, mênh mang biển quế[3] **<3b>** vẫn là một cái đầm của rồng rắn ma quỷ. Những chuyện quỷ quái chỗ nào mà chẳng có. Nước rãi rồng sinh ra người con gái[4], chuyện xưa còn có, huống hồ thời Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân. Việc như là lạ mà không phải là lạ, cũng không nên tự coi mình nhỏ bé như con sâu mùa hè vậy.*

LẠC LONG QUÂN

Con Kinh Dương Vương là Sùng Lãm lên ngôi, gọi là Lạc Long Quân. Long Quân lấy Âu Cơ sinh 100 con trai (tục truyền Âu Cơ sinh 1

---

(1) Nam Hoa: Tên sách kinh của Trung Quốc.

(2) Hồng Liệt: Tên sách, tên gọi tắt của Hồng Liệt huấn.

(3) Biển Quế: Dịch chữ là "Quế hải", phương Nam có nhiều quế nên gọi là Quế Hải.

(4) Rãi con rồng mà sinh ra người con gái: Chỉ việc vua nhà Hạ sai bốc rãi con rồng cất vào rương, qua nhà Hạ, nhà Ân đến thời Lệ Vương nhà Chu mới mở ra xem, rãi con rồng chảy ra hóa thành con dải chảy vào hậu cung, đứa con thứ 7 của vua lên 8 tuổi giẫm phải rồi có thai. Đến năm 15 tuổi đẻ ra 1 người con gái, chính là Bao Tự.

bọc có 100 trứng nở thành 100 người con trai), một hôm, bảo Âu Cơ rằng: ta là Rồng, Âu Cơ là Tiên, nước lửa xung khắc, khó sống với nhau. Thế là chia nhau, 50 người con theo cha về biển, 50 người con theo mẹ lên núi, suy tôn người con cả làm vua nối ngôi hiệu là Hùng Vương.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Theo truyện chép thì Lạc Long Quân thường về động dưới nước,* ***<4a>*** *dân có việc gì thì hô to rằng: "Bố ở đâu? lại đây giúp ta", Long Quân lại ngay. Lúc đó Đế Lai con của Đế Nghi, đi tuần đến phương Nam, đi chơi khắp núi sông xem phong cảnh. Người vua yêu là nàng Âu Cơ một mình ở lại hành cung. Người trong nước khổ về vua phương Bắc quấy nhiễu, lại gọi Long Quân ra. Long Quân thấy Cơ thì thích đưa về biển. Đế Lai đến hành cung không thấy Cơ đâu, buồn bã quay về Bắc. Nhà viết sử tránh việc ấy, mà nói là lấy con Đế Lai, vì cho việc con gái theo trai như con chim Thuần và nói chuyện đức hạnh như con chim là xấu hổ, đều không nên nói, chi bằng bỏ đi. Truyện lại chép: Lạc Long Quân ở dưới nước lâu, mẹ con Âu Cơ muốn về Bắc nhưng không được, kêu gọi Long Quân, Long Quân bèn chia đôi số con, mỗi bên một nửa, theo mẹ lên núi và theo cha xuống nước, có việc gì thì cho nhau biết. Khi đã từ biệt nhau, Âu Cơ dắt 50 người con lên ở Phong Sơn, suy tôn người con trưởng làm vua gọi là Hùng Vương. Người làm sử* ***<4b>****muốn lấy việc theo cha là chính thống, do đó đã thay đổi lời văn là 50 người con theo cha ở phía Nam, mà chép nối chữ "Hùng Vương" xuống dưới, làm cho sự thực lẫn lộn, độc giả không thể không nghi ngờ. Giả sử Long Quân không phải là giống của Động Đình thì không bàn làm gì; Long Quân mà quả là giống của Động Đình, thì giống ở dưới nước không thể lên cạn được; những người con theo mẹ ai mà không thuộc vào Long Quân, sao lại cứ người theo cha mới làm vua còn người theo mẹ là man di? Xét sử cũ, sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thời Hùng Vương đặt chư hầu làm phên giậu chia nước ra làm 15 bộ. Ngoài 15 bộ ra, các nơi đều có trưởng tá, còn các con thứ đều theo thứ tự chia nhau mà trị. Lời nói rõ ràng cẩn mật, hoàn tất, hình như không phải là quy mô thời xa xưa. Lại ngoài 15 bộ còn có đất nào có thể chia được? Lại bảo 15 người con theo mẹ về núi, mẹ làm quận trưởng* ***<5a>*** *các con đều làm chủ một phương, rồi lấy man tù. Ngày nay có tên gọi là "nam phụ đạo", "nữ phụ đạo" làm chứng. Không biết rằng cái thuyết ấy có cơ sở hay không? Có người hỏi rằng: Cái bọc trăm trứng có hay không? Trả lời rằng: Con rồng sinh ra tức là phi thường, việc đẻ ra trứng có gì là lạ, cũng là thuyết vớ vẩn.*

HÙNG VƯƠNG
(CON CỦA LẠC LONG QUÂN)

Hùng Vương đã lên làm vua, đặt quốc hiệu là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu (theo sử cũ thì nước phía Đông giáp biển, phía Tây đến Ba Thục, phía Bắc đến hồ Động Đình, phía Nam giáp nước Hồ Tôn tức Chiêm Thành ngày nay), chia nước làm 15 bộ, gọi là Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Vũ Định, Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Tân Hưng và Cửu Đức. Nơi vua ở gọi là Văn Lang, con trai vua gọi là Quang Lang, con gái vua gọi là Mỵ Nương, tướng văn gọi là Lạc hầu, tướng võ gọi là Lạc tướng, các quân gọi là Bồ chính. Đời đời cha truyền cho con gọi là Phụ đạo. <5b> Tương truyền là đã truyền cho nhau 18 đời đều gọi là Hùng Vương.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét bờ cõi đất đai nước Việt ta, từ thời Hán đã chia làm 7 quận, 56 huyện gọi là bộ Giao Châu, bắt đầu có chỗ để khảo chứng. Đến thời Tấn, thời Tùy về sau có cả sự theo cũ, đổi mới. Đến thời Đường đặt ra đạo Lĩnh Nam, là lấy An Nam riêng làm phủ đô hộ, gồm 12 quận, 59 huyện tức là 3 quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam trong số 7 quận của thời Hán. Trong đó có những nơi theo cũ, nơi đổi mới, tách chỗ này ra thuộc vào chỗ kia và cương giới nước An Nam! Ta đến đây mới ổn định. Nay lấy tên bộ do Hùng Vương đặt ra mà tìm địa chỉ các đời. Ở Đường thư gọi là Giao Chỉ, gọi là Chu Diên thuộc quận Giao Chỉ; gọi là Cửu Chân thì thuộc quận Ái Châu; gọi là Cửu Đức gọi là Việt Thường thì thuộc quận Hoan Châu; gọi là Phúc Lộc thì thuộc quận Đường Lâm; gọi là Thang Tuyền thì thuộc quận Thang Tuyền (sử cũ nói Dương Tuyền là nhầm); gọi là Ninh Hải* **<6a>** *thì thuộc quận Lục Châu; gọi là Hoài Hoan thì thuộc quận Diễn Châu; Vũ Định trước thuộc quận Giao Chỉ thời Tùy đổi thành Long Bình. Lại theo Đường thư có 3 huyện thuộc châu Vũ Định gọi là Nhu Viễn, Phúc Lộc, Đường Lâm. Có thể lúc đó lấy Nhu Viễn hoặc Đường Lâm làm Vũ Định cùng với Phúc Lộc đều làm bộ. Vũ Ninh ở thời Tấn là huyện thuộc Giao Chỉ; Tân Hưng ở Phong Châu, Giao Chỉ thời Ngô mới chia đặt làm quận. Riêng Lục Hải, Bình Văn về sự thay đổi thì không rõ, tưởng cũng là quận huyện thuộc địa giới phủ đô hộ mà người thời Đường thay tên mới không thể tra cứu được đấy thôi. Nếu nói nước Văn Lang phía Bắc đến Động Đình, tức là thời Hùng Vương đã có đất*

7 quận của nhà Hán. Xét ra Nam Hải, Quế Lâm và nửa Tượng Quận, từ thời Tần chưa đặt ra, trở về trước đều là nòi giống bộ lạc mọi rợ, như Đông Giao, Linh Bật đều xưng vương xưng trưởng với nhau. Hùng Vương làm sao mà có được. Lại Hùng Vương ở thời Nghiêu Thuấn, miền hiểm **<6b>** *Động Đình là nơi hiểm trở đương bị tam Miêu ngăn trở thì sao địa giới phía Bắc nước ấy lại có thể đến đó được. Có lẽ từ khi Tần hàng phục được Bách Việt, Lưỡng Quảng mới làm quận huyện, Triệu Vũ nhờ mệnh lệnh của nhà Tần nhân khi loạn mới chiếm cứ được. Từ Nam Hải, Phiên Ngung trở vào phía Nam, từ Khánh Viễn, Tư An, Thái Bình trở ra phía Bắc, nơi gọi là Nam Việt thì Giao Châu không ở trong đó. An Dương kỷ có chép là Nhâm Hiêu, Uý Đà đem quân đến xâm lấn; lại trong Đông Hán địa chí thì Giao Chỉ là nước của An Dương Vương cách phía Nam Lạc Dương một vạn một nghìn dặm, há chẳng phải rõ ràng là nước của An Dương Vương trở về trước là bờ cõi của đất An Nam ngày nay đó sao? Thiên Nghiêu điển nói: Ở đất Nam Giao. Sử nhà Chu nói: Phía Nam đất Giao Chỉ. Vậy từ thời Nghêu đến thời Chu nước ta đã có giới hạn rõ ràng. Cái gọi là phía Tây đến đất Ba Thục! Xét thấy nay miền tận cùng đất Hưng Hóa thông đến đất Vân Nam là đất Thục Xưa. Cho nên An Dương Vương từ Ba Thục mà thôn tính Văn Lang. Như thế là chứng nghiệm được đấy* **<7a>** *Theo Hoàng Gián lục ghi chép đất của nước ta: Phía Đông đến biển, phía Tây đến Vân Nam, phía Nam đến Chiêm Thành, phía Bắc đến Quảng Tây, phía Đông Bắc đến Quảng Đông, phía Tây Nam đến Lão Qua cùng với sử cũ ghi chép cũng như nhau. Nhưng cho Hồ Tôn là Chiêm Thành là không kê cứu đấy. Người xưa làm địa chí 1 châu 1 huyện cũng phải nói rất rõ về 8 cõi, huống hồ là một nước? Cho nên không thể không biện luận!*

Lúc bấy giờ dân ở rìa núi thấy vùng nước như các sông ngòi có cái lợi tôm cá, kéo nhau đi bắt để ăn, thường bị các loài rắn cắn hại, bèn tới vua nói rõ việc ấy. Vua nói: Giống man núi thật khác với loài ở dưới nước, nó yêu loài giống nhau, ghét loài khác nhau cho nên như thế, bèn sai mọi người lấy mực vẽ loài quỷ quái vào mình. Từ đó các loài rắn trông thấy không cắn lại nữa. Tục vẽ mình của người Bách Việt có lẽ bắt đầu từ đó.

Nước Việt ta bắt đầu thăm hỏi nhà Chu, tự xưng là Việt Thường thị **<7b>** dâng con bạch trĩ, 9 lần phiên dịch mới tới được. Chu Công uý lạo cho về, ban cho 5 cỗ biền xa làm phép hướng về phương Nam, cho sứ giả chở về.

Lập đền thờ thần ở hương Phù Đổng (sử cũ chép thời Hùng Vương, hương Phù Đổng, bộ Vũ Ninh có một người nhà giàu, sinh ra đứa con 3 tuổi ăn uống béo tốt mà không biết nói cười. Gặp khi trong nước có giặc, nhà vua sai người tìm người đánh giặc, bỗng em bé bảo với mẹ mời sứ giả đến rồi nói: "Ta được một thanh kiếm, một con ngựa thì nhà vua không phải lo". Nhà vua ban cho kiếm và ngựa, em bé lập tức nhảy lên ngựa, vung kiếm lao về phía trước, quan quân chạy theo sau đánh nhau với giặc ở núi Vũ Ninh. Bọn giặc trở giáo đánh nhau, chết rất nhiều. Bọn còn lại lạy hô là tướng của trời, liền đầu hàng cả. Em bé nhảy lên ngựa bay lên không trung, rồi biến mất. Nhà vua sai mở mang vườn nhà ở và lập đền thờ cúng. Sau Lý Thái Tổ phong làm Xung Thiên Thần Vương. Đền thờ tại hương Phù Đổng bên cạnh chùa Kiến Sơ).

Vua nhà Thục sai sứ sang cầu hôn, Hùng Vương khước từ (sử cũ chép rằng: Cuối thời Hùng Vương, vua có con gái gọi là Mỵ Nương. Vua Thục nghe nói bèn sai sứ sang cầu hôn. Vua muốn gả cho, nhưng Lạc hầu ngăn và nói rằng: "Họ mưu tính chiếm nước ta, lấy danh nghĩa là cầu hôn đấy thôi". Vua liền thôi. Vua muốn tìm người có thể gả con gái được, bỗng thấy 2 người từ ngoài đến yết kiến đều muốn xin lấy con gái vua. Vua lấy làm lạ hỏi. Một người xưng là Sơn Tinh, một người xưng là Thủy Tinh. Vua nói: "Ta có một con gái làm sao lấy được cả hai chàng. Hẹn nếu ai đem lễ vật đến trước, sẽ gả. Hôm sau Sơn Tinh đến trước sắm đủ lễ vật, châu báu, vàng bạc, chim thú rừng không gì không có. Vua y lời hẹn gả cho Sơn Tinh đón về Tản Viên ở trên núi cao. Thủy Tinh đến muộn hận là không kịp, bèn **<8a>** dâng nước tràn lên, dẫn các loài thủy tộc đuổi theo. Nhà vua cùng với Sơn Tinh chăng lưới sắt ngang thượng lưu huyện Từ Liêm chặn lại. Thủy Tinh theo đường sông khác từ Lý Nhân vào chân núi Quảng Oai đi men bờ lên cửa sông Hát, ra sông Cái vào sông Đà, đánh núi Tản Viên. Đi đến đâu cũng tạo thành đầm vực, tích nước để đánh Sơn Tinh. Sơn Tinh biết phép biến hóa thần thông, sai người Man đan tre thành phên ngăn nước, dùng nỏ bắn ra, các loài có vảy bị trúng tên chạy trốn. Cuối cùng không đánh được).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Sử cũ chép việc Phù Đổng Thiên Vương xin kiếm đánh giặc và việc Sơn Tinh, Thủy Tinh tranh giành một Mỵ Nương, đều do truyện Lĩnh Nam chích quái tô vẽ lời văn. Truyện Phù Đổng không nói tới quân nhà Ân, không nói tới việc đúc ngựa sắt, không nói hắt hơi thành mình dài cao, cũng đã nghi là quái đản rồi. Còn đến hai chàng Sơn Tinh, Thủy*

Tinh tranh vợ có lẽ do kẻ hiếu sự cho việc nước dâng ngập núi non đó là núi sông thù nhau, bèn viết ra một chuyện để chứng thực. Người đời sau lại tin theo biến thành thực lục trong sách vở rườm rà mà không chán. Truyện thoát móng rùa ở đời trước, thoát móng rồng ở đời sau, truyện con rể ăn cắp móng, trước sau phù hợp, thậm chí thơ chiêm bao, lời ma quỷ không gì không chép. Thuật đầu thai, ca dao chữa thuốc cũng lấy làm ký. Kể việc mà không xét lý, tin chuyện ma quái mà trở thành nói càn. Có lẽ nào đem bộ sử tin cậy của một nước mà làm thành bộ chép chuyện kỳ quái được. Riêng có núi Tản Viên là núi tổ của nước ta, linh ứng rất rõ ràng, quan hệ đến mệnh mạch của nước. Xung Thiên Vương cũng vốn là vị thần nổi tiếng của nước, cho nên nhân sử cũ ghi chép mà ghi chú việc ấy để giữ lại chuyện cũ đấy thôi. Ngoài ra cũng theo như thế.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Truyện Sơn Tinh Thủy Tinh cũng thật là quái đản. Tin sách chẳng bằng không có sách, hãy xin thuật lại chuyện cũ để truyền nghi.*

Trên đây là Hồng Bàng thị từ Kinh Dương Vương đồng thời với Đế Nghi (sử cũ chép: Khởi đầu năm Nhâm Tuất thụ phong), đến Hùng Vương (sử cũ chép đến năm Quý Mão là hết, lúc đó là Chu Noãn Vương năm thứ 57). Cộng 2.622 năm **<9a>** (tham khảo Thông giám ngoại kỷ thấy ghi 2.590 năm).

Thông luận của sử thần Ngô Thì Sĩ: *Thường đọc sách Ngoại kỷ từ Lạc Long Quân đến đầu thời Hùng Vương, ước chừng vào thời Hiên, Hiệu, Tân, Dương bên Trung Quốc. Những chỗ lẫn lộn thì đã có thứ tự, người non trẻ dần dần biết được máy móc còn nước ta thì ngơ ngơ, ngác ngác không nghĩ gì, không làm gì, giống như thế giới Sào, Toại*[1] *về trước. Có người nói giữa thời Hùng Vương về sau, vũ trụ thời Nghiêu, Thuấn đã chuyển sang Hạ, Thương, Chu rồi. Núi sông tuy xa cách, phong hóa dần dần được mở mang, kẻ để chỏm tóc*[2] *xưa kia sẽ dần dần có sự ham muốn sao có thể ngăn chặn được sự dòm ngó, sao có thể cấm chỉ sự soán đoạt, cha truyền con nối, đời đời làm vua kiêm cả sự nghiệp hoàng đế vương bá lâu dài như thế được chăng? Nói rằng:*

---

[1] Sào Toại: Tức Hữu Sào và Toại Nhân Thị đều là vua thời cổ Trung Quốc.

[2] Để chỏm tóc: Chỉ các dân tộc ở vùng biên giới phía Nam.

Lấy phong tục 3 miền khe động ngày nay để chứng nghiệm thì Đại đồng Tiểu khang đều tùy từng vận hội. Vận hội chưa mở, **<9b>** *thì dân còn chất phác, vận hội đã mở rồi thì dân kiêu bạc, khí của trời đất đến thì khí của muôn loài cũng đến. Chỉ khác nhau là đến trước đến sau thôi. Phong khí nước ta riêng ở sau miền trung thổ, nên mở mang chậm chạp là lẽ đương nhiên. Trung thổ từ Đường Ngu cho đến Thương Chu, phong khí đã mở, nhân văn rất rạng rỡ, nên thế đạo thay đổi, đã có hậu bạc, thịnh suy. Nước ta khi ở thời Lạc Long, Hùng Vương, vua với dân cùng cày, cha với con cùng tắm, không phải đề phòng, không phân biệt cấp bậc, rào gai là có thể ở được, người vật ở chung, ruộng hoang cũng có thể cày, tùy theo nước triều lên xuống. Dân sống với nhau trong đấy, chơi đùa với nhau trong khu vực không lạnh không nóng. Người già chết đi, trẻ con lớn lên, không biết đến binh đao, qua lại ở nhờ nhau. Có thể gọi là đời rất có đạo đức, nước rất vui vẻ đấy. Bậc quân trưởng thì cũng cảm hóa ngồi yên lặng, thuần hoá, dân vẽ mình, uống nước bằng mũi, không có sự phiền nhiễu về sự đốc thúc, không có sự phiền hà về thuế khoá, không* **<10a>** *có sự quấy nhiễu sai phái, không bó buộc cẩn mật, không bị thay đổi vì ăn vì ở. Vua với dân thân nhau, đến vài nghìn năm không có điều gì khác. Tuy vậy, đấy mới chỉ bàn về phong khí đó thôi. Thời Tam Đại trở về trước, Nam Việt còn chưa thông với Trung Quốc, huống hồ An Nam lại ở phía ngoài Nam Việt. Từ thời Tần, mở đặt quận huyện, chia đặt chức Thủ uý. Họ Triệu mới nổi lên ở Nam Hải. Về sau sử Biên niên của nước ta mới có Bắc sử để tham khảo kê cứu. Như Kinh Dương đến An Dương trên dưới hơn 2600 năm, mấy triều mấy đại, mấy đời mấy năm, Giáp Tý nào dấy lên, Giáp Tý nào thì thôi, há có người giắt bút đứng chỗ đầu con ly mà ghi chép hằng ngày khi dậy khi nghỉ. Rõ ràng thời Hồng Bàng bắt đầu là năm Nhâm Tuất kết thúc là năm Quý Mão và Hùng Vương mất, An Dương Vương dấy lên chính xác thuộc về năm 57, 58 đời Chu Noãn Vương. Lại làm một con tính, từ Kinh Dương Vương đến Hùng Vương gồm 20 đời, cộng 2.622* **<10b>** *năm, nhiều ít chia đều thì mỗi đời vua là 130 năm. Người chứ đâu phải vàng đá mà hết thảy sống lâu được như Tiền Khanh*[1]*, là điều lại càng không thể tin được. Sử và*

---

[1] Tiền Khanh: Tức Bành Tổ người thời thượng cổ ở Trung Quốc, tương truyền ông sống tới 800 năm.

truyện khổ vì nỗi văn hiến không đầy đủ đấy. Lấy khởi đầu là Kinh Dương Vương thì tất phải có vua cuối cùng, nhưng hãy lấy cái năm hưởng quốc đồng thời với Đế Nghi, tính xuôi đi, cho đến vua nào đó thời Chu năm thứ mấy, tổng cộng là mấy nghìn mấy trăm năm, rồi lại lấy số năm An Dương Vương trị nước tính ngược lại từ khi Tần Thủy Hoàng đặt quận huyện trở về trước đến năm thứ mấy đời vua nào của nhà Chu cộng mấy chục năm, rồi lấy số năm thừa của An Dương Vương trở về trước thì quy cho Hùng Vương, về sau thì quy cho An Dương Vương cho đủ 2 kỷ, còn như Hùng Vương truyền cho vua nào về danh hiệu, số đời đều không biết, cho nên bất đắc dĩ đều gọi là Hùng Vương rồi ước chừng 18 đời thì kết thúc. Ôi! Tác giả cũng khổ tâm lắm đấy. Độc giả cũng không thể <11a> xét rõ.

AN DƯƠNG VƯƠNG

(Húy Phán, người Ba Thục ở ngôi 50 năm. Sử cũ chép là họ Thục. Không đúng)

Giáp Thìn, năm thứ 1 (257 tr.CN) (Chu Noãn Vương năm thứ 58), vua dấy binh đánh diệt nước Văn Lang. Lúc đầu vua thường đánh Hùng Vương nhưng Hùng Vương quân khoẻ tướng mạnh, nhiều lần vua bị thua. Hùng Vương bảo: Ta có sức mạnh của thần, nước Thục không sợ ư? Rồi bỏ việc quân, không phòng bị, ngày ngày chỉ ăn chơi hưởng lạc. Quân nước Thục kéo đến nơi, vẫn còn say mềm chưa tỉnh, rồi thổ huyết nhảy xuống giếng chết. Quân còn lại đều quay giáo xin hàng. Thục Vương đã thôn tính được nước ấy, mới đổi quốc hiệu là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê (Sử cũ nói rằng: Tổ tiên vua Thục kết hôn với con gái HùngVương là Mỵ Nương không được, lấy làm căm giận, di chúc cho con cháu đời sau phải diệt nước Văn Lang. Đến đây vua có đủ dũng cảm mưu lược bèn thôn tính. Phong Khê nay là thành cổ Loa).

XÂY LOA THÀNH

(Sử cũ chép rằng: Vua xây thành ở đất Việt Thường rộng 1.000 trượng, xoáy quanh như hình con ốc, gọi là Loa Thành còn gọi là thành Tư Long. Người Đường gọi là thành Côn Lôn, bảo là thành này rất cao) **<11b>**. Bính Ngọ năm thứ 3 (255 tr.CN) (Chu, Đông Chu Quân năm thứ 1), Loa Thành xây xong (Sử cũ chép: "Mới đầu vua xây Loa Thành,

xây đến đâu lại bị đổ đến đó. Vua rất lo, bèn ăn chay cầu khấn rồi lại xây. Đến khi ấy có vị thần hiện lên ở cửa thành. Vua mời vào hỏi, thần rằng: đợi Thanh Giang sứ đến. Nói rồi từ biệt. Sáng sớm hôm sau vua dậy, ra thành thấy con rùa vàng bơi từ phía Đông sông tới xưng là Thanh Giang sứ, biết nói tiếng người, nói việc tương lai. Vua vui mừng đặt vào mâm vàng rồi hỏi nguyên do thành bị đổ. Rùa vàng rằng: Tinh hoa của núi sông bị con vua trước nhập vào. Để báo thù cho nước, đã ẩn vào núi Thất Diệu. Núi có ma, đó là hồn phách của người con hát đời trước hóa ra. Cạnh đó có cái quán, chủ quán là Ngộ Không, có một người con gái, nhà nuôi một con gà trắng, yêu tinh ấy nhập vào, thường hay hại người đi đường. Yêu khí ngày càng mạnh, cho nên có thể đạp đổ thành. Nếu giết chết được con gà đó thì thành sẽ tự đứng vững. Vua bèn dẫn rùa vàng tới quán, ngủ lại ở đó. Đêm có ma đến gõ cửa. Rùa vàng quát mắng, ma không dám vào. Đến gà gáy đều bỏ đi. Rùa vàng bảo vua đuổi theo. Đến núi Thất Diệu thì không thấy gì nữa. Khi về quán, chủ quán sợ lắm bèn hỏi vua dùng phép gì mà trừ được ma. Vua nói: giết con gà của ngươi mà tế có thể trừ được mối lo. Con gà bị giết, người con gái cũng chết, rồi cho đào núi, được nhạc khí cổ và nắm xương tàn đem đốt rồi tung lên, ma ấy sẽ hết, thành chỉ xây trong nửa tháng là xong, rùa vàng từ biệt ra về. Vua cảm tạ và xin cho kế chống ngoại xâm. Rùa vàng tuốt móng trao cho và nói: "Quốc gia yên nguy tự có số trời, người cũng phải đề phòng, khi giặc đến dùng cái móng đó làm lẫy nỏ bắn vào quân giặc thì không lo gì nữa. Vua sai bề tôi là Cao Lỗ làm nỏ thần, lấy móng ấy làm lẫy nỏ và gọi là nỏ thần Linh Quang móng vàng (truyện chép ở Lĩnh Nam chích quái). Lại chép: Cao Biền thời Đường diệt quân Nam Chiếu, khi về qua châu Vũ Ninh, đêm nằm mơ thấy người lạ tên là Cao Lỗ, tự nói rằng: Xưa kia giúp An Dương Vương, **<12a>** có công dẹp giặc, bị lạc hầu gièm pha, Thiên Đế thương là không có lỗi, cho một dải núi sông quản lĩnh. Đô thông tướng quân lúc đi đánh giặc, lúc việc cấy trồng đều làm chủ.

Nay xin theo ông để đánh giặc, xong rồi lại trở về Bộ của tôi. Nói đoạn xin cảm tạ rồi về. Cao Biền tỉnh dậy nói chuyện với bọn nha lại. Có thơ rằng:

Đẹp thay đất Giao Châu,
Dằng dặc đã từ lâu.
Người xưa nay được thấy,
Thực chẳng phụ lòng đâu.

(Truyện chép ở Việt điện u linh) Núi Thất Diệu ở xã Yên Khang, huyện Yên Phong. Cái quán tương truyền là quán Ma Lôi, nay ở xã Xuân Lôi. Loa Thành nay ở xã Cổ Loa, huyện Đông Ngàn).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Hỡi ôi! Ngoại kỷ truyện lại sao mà nhiều chuyện càn rỡ thế. Con rùa nói thì có lý hay không? Rằng Bồ Kiến thời Tần được con rùa lớn 2 thước 6 tấc, nuôi 16 năm thì chết, lấy xương nó để hỏi việc lành hay dữ, gọi là rùa khách. Rùa nói: "Tướng của ta về Giang Nam không gặp, chết ở Tần, có lẽ là lời nói của người bói rùa, cũng còn có lý. Ma mà đạp đổ được thành thì có tin được không? Rằng phàm vật gì trái với thường thì gọi là yêu, yêu khí mạnh tất phải có cái gì để dựa vào, nhưng dựa vào con gà và người con gái mà đạp đổ được thành* **<12b>** *thì rõ ràng là không có lý.*

Việc rùa rút móng thì như thế nào? thưa rằng: Rùa nếu biết nói thì khó gì trong việc rút móng của nó? Đã giúp vua An Dương Vương xây xong thành thì tiếc gì một cái móng mà không cho. Chỉ sợ rằng không có con rùa đó mà thôi!

Dương Hùng làm bản kỷ Thục Vương nói rằng: Trương Nghị xây thành, theo đúng vết chân rùa đi để xây. Hoặc có thể An Dương Vương xây thành, ngẫu nhiên thấy con rùa lớn, nhân đó cho là thần, người đời sau do đấy nói ngoa lên cho là việc lạ. Nếu không như vậy người làm truyện có thể nghe thuyết dựa vào dấu rùa đi mà xây thành, cho nên nhận nước Thục nọ ra nước Thục kia, mà diễn ra một pho truyện lạ, bất tất là có việc đó. Lại sách ***Bác Vật chí:*** *An Dương Vương có người tên là Cao Thông làm nỏ cho An Dương Vương, bắn một phát giết được 200 người, thì việc làm nỏ là thần chứ không phải là người. Biết đâu, người làm truyện không lấy ở chuyện này mà cố ý làm cho hơi khác đi, cho cái móng của rùa truốt ra là thần, để dọa đời* ***<13a>*** *sau chăng? Cho nên nói: Truyện ở* ***Ngoại kỷ*** *phần nhiều là càn rỡ.*

Nhâm Tý năm thứ 9 (249 tr.CN) (Chu, Đông Chu Quân năm thứ 7. Lúc này có 7 nước: Tần, Sở, Yên, Ngụy, Hàn, Tề), năm ấy nhà Chu mất. Canh Thìn, năm thứ 37 (Tần Thủy Hoàng, Lã Chính năm thứ 26), Tần đã thôn tính được 6 nước đổi gọi là Hoàng đế, đó là Thủy Hoàng. Người nước ta là Lý Ông Trọng làm quan với nhà Tần (sử cũ chép Lý Ông Trọng là người Từ Liêm, cao 2 trượng 3 thước. Lúc ít tuổi phục dịch hương ấp bị Trưởng quan đánh bằng roi bèn vào làm quan cho nhà Tần

đến chức Tư lệ Hiệu uý, Thủy Hoàng sai đem quân đi đánh Lâm Thao, tiếng tăm chấn động Hung Nô, lúc già về quê thì chết. Thủy Hoàng cho là lạ, sai đúc tượng đồng, đặt ở cửa Tư Mã thành Hàm Dương. Trong bụng tượng chứa được vài chục người, ngầm cho chuyển động. Hung Nô cho là Hiệu uý còn sống không dám xâm phạm, về sau đến Triệu Xương thời Đường làm Đô hộ thường nằm mơ thấy cùng Ông Trọng giảng sách Xuân Thu Tả thị truyện, nhân hỏi mới biết nhà cũ của ông ở đấy, bèn lập đền thờ. Đến khi Cao Biền đánh quân Nam Chiếu thường hiển linh phù trợ. Biền sửa lại đền miếu, tạc tượng gỗ, gọi là Lý Hiệu uý. Nay đền ở làng Thụy Hương, huyện Từ Liêm.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: sử cũ chép Lý Ông Trọng thân hình cao cùng với việc từ đầu đến cuối ông làm quan với nhà Tần, e rằng chưa chắc đã là sự thật. Theo Thập thất quốc sử; Thời Tần Thủy Hoàng <13b> có người cao tới 5 trượng hiện ra ở Đãng Cừ. Sử gia thời Tần là Hồ Mẫu Kính nói: 500 năm đất này tất có người lạ, là người lớn lắm. Lúc ấy người nước ta làm quan với nhà Tần, có thể có người thân thể to lớn, người lúc đó gọi tên là Ông Trọng. Ngoại sử kết hợp với Thập thất sử chép về người cao thời Tần, để cho việc ấy là có thực. Cho đến việc lập công ở khu vực khác, nhà Tần đúc tượng đồng để dọa Hung Nô, chưa chắc đã có. Từ Tần Hán tới nay, cung khuyết phần nhiều đặt người bằng đồng, ngựa bằng đồng để trấn giữ. Tần Thủy Hoàng đúc 12 người vàng, cũng không đặt tên. Vua Ngụy là Duệ cũng muốn chuyển những người bằng đồng ở Trường An về đất Nghiệp, nhưng nặng quá không chuyển được, bèn phát nhiều đồng đúc 2 người gọi là Ông Trọng, đặt ở ngoài cửa Tư Mã. Lại theo Thủy Kinh chú, ở động phía Đông bắc đàn miếu đình Thiên Thu, ở Hạo Nam có 2 tượng đá đối diện nhau liền gọi là Ông Trọng. Như vậy cái tên Ông Trọng cũng đại loại như tên Phi Liêm [1]. Người đời sau <14a> thấy Ông Trọng linh thiêng, nhân đó phụ thêm để thần thánh hóa chuyện lên mà thôi. Xem như trong truyện kể đoạn Ông Trọng giả chết, Tần Thủy Hoàng sai sứ khám bệnh càng là hủ lậu quê mùa, vì thế càng biết được truyền thuyết ấy là sai đấy.

Đinh Hợi, năm thứ 44 (214 tr.CN) (Tần Thủy Hoàng năm thứ 33), lúc đó nhà Tần thấy mối lợi ở đất Việt nhiều châu báu, muốn lấy đất ấy

[1] Phi Liêm: Là người thời vua Trụ ở Trung Quốc lớn khỏe mạnh lạ thường.

đặt thành quận huyện, phái những người trốn tránh, người ở rể, người đi buôn ra làm lính, sai Hiệu uý là Đồ Thư ra làm tướng, sai Sử Lộc đào ngòi chở lương, vào sâu đất. Lĩnh Nam, giết vua Tây Âu là Dịch Hu Tống, đánh chiếm đất Lạc Lương, đặt ra Quế Lâm, Nam Hải và Tượng Quận. Người Việt vào hết trong rừng rú không ai chịu người Tần, rồi ngầm đặt Kiệt Tuấn làm tướng, đêm ra đánh giặc Tần, giết chết Hiệu uý Đồ Thư. Nhà Tần phải đưa 50 vạn người bị tội đồ, cho Nhâm Hiêu làm Nam Hải uý, Triệu Đà làm Long Châu lệnh, sang đóng ở Ngũ Lĩnh. Hiêu, Đà có mưu chiếm cứ thôn tính nước ta **<14b>** (sử chép Lộc đào ngòi ở Quế Lâm, huyện Lý Định dài hơn 40 dặm, gọi là ngòi Linh, đưa nước sông Ly vào để vận chuyển lương thực. Đất Lục Lương ở Giang Nam, Như Thuần nói: Là người Lĩnh Nam, phần nhiều ở núi rừng vùng cạn, tình tình mạnh bạo táo tợn cho nên gọi là Lục Lương. Gọi là Quế Lâm, xưa là đất Bách Việt, nhà Hán đổi là Nam Hải, Uất Lâm thời Xuân Thu là đất Nam Việt, thời Ngô trở về sau là đất Quảng Châu. Tượng quận xưa là đất Nam Việt, Long Châu là thuộc huyện của Nam Hải).

Tân Mão, năm thứ 48 (210 tr.CN) (Tần Thủy Hoàng năm thứ 37), mùa đông, tháng 10, Tần Thủy Hoàng mất ở Sa Khâu. Con là Hồ Hợi lên, đấy là Nhị Thế Hoàng đế, vua đời thứ 2 thời Tần. Nam Hải uý Nhâm Hiêu và Long Châu lệnh Triệu Đà đem quân sang xâm lấn. Đà đóng quân ở núi Tiên Du, Bắc Giang. Nhà vua đem quân đến đánh. Đà thua chạy. Bấy giờ Hiêu đem thủy quân đóng ở Tiểu Giang (sử cũ chép là Đô hộ phủ, sau lầm là bến Đông Hồ) bị ốm rút về, đem quân cho thuộc vào Đà (sách cũ ghi Hiêu nói với Đà rằng nhà Tần mất rồi, dùng kế đánh Thục Phán, có thể lập được nước. Đấy là văn trong sử tô điểm khéo léo. Nam Hải có thể dựng nước, sao phải đến lúc kiêm tính Thục Phán. Có lẽ phỏng theo lời nói của Hiêu bảo Đà ở đoạn dưới mà thêm lên như vậy. Cho nên xin sửa lại). Đà biết vua có phòng bị nên rút về núi Vũ Ninh, sai sứ đến xin hoà. Vua mừng bèn chia từ Bình Giang về phía Bắc thuộc về Đà (Bình Giang sử cũ chép là Đông Ngàn **<15a>** sông Thiên Đức) về phía Nam, thuộc về vua ngự trị. Đà liền cho con là Trọng Thủy làm con tin, nhân đó cầu hôn, vua liền gả con gái là Mỵ Châu cho (sử cũ chép Đà đến xâm lược, đóng quân ở Bắc Giang, đánh nhau với vua, vua lấy nỏ thần bắn, Đà thua chạy. Đà biết vua có nỏ thần, không thể địch nổi, mới mưu thông hiếu. Lúc ấy vua đem con gái là Mỵ Châu gả cho con của Đà là Trọng Thủy. Trọng Thủy dụ dỗ Mỵ Châu lấy trộm nỏ thần cho xem, rồi ngấm ngầm làm hỏng lẫy mà đổi đi, rồi nói thác là về Bắc thăm cha. Khi tạm biệt Mỵ Châu, nói rằng: Ngày khác ta lại đến,

vạn nhất hai nước có sự bất hòa thì lúc ấy làm thế nào để nhận được nhau? Mỵ Châu nói: Thiếp có chiếc đệm gấm bằng lông ngỗng, thường khoác trên mình khi đến đường chẽ sẽ rắc lông ngỗng làm dấu, nhận dấu ấy sẽ biết nơi thiếp ở, Trọng Thủy về nói với Đà).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Thuyết rùa vàng có đáng tin không? Thần nước Hữu Sần giáng xuống thì đã biết nói, cũng có lẽ thần dựa vào người mà hành động, nhờ vào vật mà nói đấy. Khi nước sắp hưng thịnh thì thần minh giáng xuống để xét đạo đức, khi nước sắp mất thì thần cũng giáng xuống để xem điều ác. Cho nên có khi thần giáng mà hưng thịnh, cũng có khi thần giáng mà mất nước. Việc An Dương Vương khởi công xây thành cũng có thể không dè sức dân, cho nên thần thác vào rùa vàng để bảo. Thế chẳng phải động lòng oán hận của dân mà* **<15b>** *như vậy ư? Cũng giống như vậy, đến khi lo hoạn nạn mới cầu xin với thần, thì là ý riêng nảy ra đấy. Một khi ý riêng nảy ra thì lẽ trời cũng theo đó mà mất, sao thần không giáng tai hoạ! Về việc truốt móng thiêng trao cho, bảo rằng đủ để đánh được địch, là mầm họa nảy sinh đó chăng. Cũng như việc thần cho nước Quắc ruộng đất, rồi nước Quắc theo đó mà mất. Về sau quả như vậy. Như thế chẳng phải không việc gì là thần không dựa vào người mà hành động đó sao. Nếu không có lời cầu xin cứ theo lẽ trời mà làm, thì biết đâu nước lại chẳng được dài lâu? Còn việc Mỵ Châu rải lông ngỗng chỉ đường, chưa chắc đã là có. Nếu như là có, thì chỉ thấy một lần là còn được, sau con gái Triệu Việt Vương cũng bắt chước như vậy là cớ làm sao? Có lẽ người chép sử do việc nhà Thục mất nước về tay họ Triệu đều từ việc ở rể, cho nên nhân một việc mà nói hai lần chăng? Thế thì việc ma làm đổ thành cũng đáng tin chăng? Thưa rằng cũng như loại Bá Hữu làm quỷ dữ đấy* **<16a>**. *Sau lập con cháu của Hữu, Hữu có nơi về bèn thôi. Thế là trừ được tai hoạ. Ma quỷ không nương tựa vào đâu được thì cũng thôi. Còn như sử chép: An Dương Vương bị bại vong là vì nỏ thần bị đổi lẫy; Triệu Việt Vương bị bại vong là do mũ đâu mâu bị mất móng rồng, thế là mượn lời để thần thánh hóa vật ấy đấy. Còn như giữ nước chống giặc tự có lý của nó. Đúng lý thì nhiều người giúp mà nước hưng thịnh; trái lý thì được ít người giúp mà nước bị mất, chứ chẳng phải vì những cái đó.*

Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Cái lý trong thiên hạ chỉ có đúng mà thôi. Lý đúng thì việc có hay không có, điều đáng tin*

hay không đáng tin, dù qua ngàn đời cũng có thể biết được đấy. Có lẽ từ họ Hồng Bàng gây ra cơ sở, xứ Âu Lạc mở ra bờ cõi, khi non trẻ, bắt đầu mở mang, sách vở còn thiếu. Nay những ghi chép ở phần Ngoại kỷ đều được nghe từ những truyền thuyết, trong đó thánh thần kế tiếp sinh ra. Đời không ít chuyện thần kỳ. Một bọc mà mở ra bờ cõi xứ Bách Việt; 3 tuổi mà có sức địch muôn người, có lẽ là những bậc trội hơn cả nòi giống, có điều khác với người thường, không đáng cho là lạ. Đến như giống Rồng giống Tiên cũng là hoang đường; Sơn Tinh, Thủy Tinh cũng là huyền ảo; chuyện ma quái ở núi Thất Diệu, việc Tiên bay ở đầm Nhất Dạ đều là quái đản không hợp đạo thường, chẳng thể tin được. Ôi! Điều tin thì truyền cho người ta tin, điều ngờ thì truyền cho người ta ngờ. Bậc nhà nho có đạo chủ yếu là suy cho cùng lý. Khổng Tử nói: "Được nghe nhiều thì ít ngờ vực". Mạnh Tử nói: "Tin cả vào sách chẳng bằng không có sách". Người đọc sử phải lấy lý mà suy, lấy tâm mà hiểu, bỏ cái quái đản mà giữ cái bình thường, không bị sự lưu truyền mê hoặc là được đấy.

Quý Tỵ, năm thứ 50 [1208 tr. CN] (Tần Nhị Thế năm thứ 2), Hành Nam Hải uý của nhà Tần là Triệu Đà lại đến xâm lược. Nam quân tan vỡ. Vua chạy ra biển. Thục mất (theo sử cũ, Đà đem quân đánh vua. Vua không biết lẫy nỏ thần đã mất, ngồi đánh cờ cười mà rằng: Đà **<17a>** không sợ ta có nỏ thần hay sao? Quân của Đà kéo sát tới nơi, dàn trận, vua giương nỏ, lẫy nỏ gẫy, quân tan vỡ. Vua liền cùng Mỵ Châu lên ngựa chạy về phía Nam. Trọng Thủy nhận ra lông ngỗng đuổi theo. Vua đến bờ biển hết đường, vội vàng gọi: "Thanh Giang sứ ở đâu?" Rùa vàng hiện lên mặt nước nói: "Người ngồi phía sau ngựa là giặc đấy, sao không giết đi". Vua rút gươm toan giết Mỵ Châu, Mỵ Châu khấn rằng: "Tôi một lòng trung tín, bị người ta lừa dối, xin hóa thành ngọc trai để rửa mối thù này". Khấn xong vua chém chết, máu chảy xuống nước, con trai ngậm lấy hóa thành ngọc trai. Vua cầm vân tê 7 tấc nhảy xuống biển chết. Trọng Thủy tới nơi thấy Mỵ Châu chết, khóc rất thảm thương, ôm xác Mỵ Châu về chôn ở Loa Thành, đến chỗ Mỵ Châu thường tắm gội, thương tiếc quá, bèn nhảy xuống giếng chết. Người đời sau bắt được hạt ngọc minh châu ở biển Đông, lấy nước giếng này rửa thì ngọc càng sáng. Lại xét, mẹ Trọng Thủy là Trình Thị người làng Đường Thâm quận Giao Chỉ đổi là Đà, nay làng Đường Thâm, huyện Chân Định có miếu thờ Triệu Đà, Trình Thị được thờ phụ).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Nhà Tần mở mang đất Dương Việt, cho Nhâm Hiêu làm tướng, là kế khai thác đất nơi xa, mà sau lại làm nơi cho Triệu Đà chiếm cứ. Đà mượn sức của Hiêu, theo lời dạy của Hiêu, cuối cùng từ một chức huyện lệnh mà dựng được nước, chống nhau với nhà Hán. Còn việc xu thời, lợi dụng cơ hội thì không ngoài sự tính toán hằng ngày của Nhâm Hiêu. Ôi! Hiêu có thể gọi là vị hào kiệt của một đời đấy. Giả sử Nhâm Hiêu không chết, Triệu Đà đương ở trong vòng khống chế, trời buộc Hiêu chết, cho Đà lên* <17b>*, thế thì trong vòng người với trời có dễ nói đâu.*

Lại xét sử cũ chép: Đà cho con là Trọng Thủy vào làm con tin với An Dương Vương. Xét ra, Đà có toàn lực của Quế Quảng, đang hăng việc kiêm tính, có sợ gì mà phải cho con làm tin? Hoặc giả cố ý đầu hàng khuất phục, để cho An Dương Vương kiêu căng, rồi không cần đánh mà lấy được chăng? Còn như việc Trọng Thủy ăn trộm móng rùa, Mỵ Châu rắc lông ngỗng đều là sự nói bịa không cần phải biện luận nhiều. Cả đến việc nước giếng rửa hạt châu sử chép là việc thần dị để mê hoặc đời sau. Nay miếu ở Loa Thành các đời theo nhau thờ phụng được ghi trong sách Việt Điện u linh, nếu muốn trở lại đạo thường mà không có sự tà quái thì hãy gạt hết những ngoa truyền của sử cũ là được đấy.

Trên đây là sử An Dương Vương bắt đầu từ năm Giáp Thìn, kết thúc là năm Quý Tỵ, gồm 50 năm.

Thông luận của sử thần Ngô Thì Sĩ: *An Dương Vương dấy lên từ đất Ba Thục,* <18b> *bờ cõi khác với nước Việt. Nhân lúc Hùng Lạc suy yếu, một lần khởi binh mà lấy được một nước 2.000 năm, dễ như trở bàn tay, sao mà mạnh thế! Ý là con cháu nhà Thục dựa vào nền của cha ông, mưu báo thù sâu sắc. Công cụ đánh nhau như nhà chép sử truyền lại thì cũng chưa thể biết được. Còn việc dựng nước đóng đô xây thành, đặt chỗ hiểm, trị kẻ địch, chống kẻ khinh nhờn giặc, lo phòng hoạn nạn khiến cho hơn 40 năm không phải lo việc canh phòng giặc, trong nước vô sự, có thể nói là bậc có mưu lược dựng nước và giữ nước đấy.*

Nhưng xét về hình tích thắng bại khi lẫy nỏ còn thì quân xâm lược phương Bắc phải tan; lẫy nỏ gẫy thì hết đường, chạy về phía Nam. Ngoài cái móng rùa thì việc người đều không dự đến. Giả sử nỏ mà không có móng rùa thì chưa chắc đã chống lại được Hiêu. Nước địch ở bên cạnh, đáng ra phải có quy mô luyện binh

tuyển tướng, phải có kế hoạch dẹp loạn mưu sự sinh tồn, sao lại dám yên lặng vui chơi, dẫn cừu thù vào nơi cung khuyết, đặt mưu kế giữ biên giới vào cuộc an nhàn? <18b> Chỉ vì nỏ có móng rùa. Vì trận thắng nhỏ mà lòng kiêu căng lớn lên, để đến nỗi lứa đôi thành thù địch, nước non Âu Lạc như đẩy bàn cờ ra là hết. Mỵ Châu chết uổng, không cứu được sự diệt vong. Đó chẳng phải là móng rùa làm ma ám ảnh đó sao? Truyền rằng: Nước sắp mất thì nghe cận thần, đó là nói về An Dương Vương đấy.

Than ôi! Rùa vàng đến lần thứ nhất thì tặng cho An Dương Vương cái mầm tai họa, rùa vàng đến lần thứ hai thì đưa An Dương Vương tới con đường chết. Loài vật có mai kia đối với nhà Thục có ích gì? Vua Thục cố tình đưa đón cầu xin, kêu khấn đến chết mà cũng không hối, thật là quá ngu đấy! Hoặc có người nói: An Dương Vương bị mất nước là không giữ được cái móng thiêng đó thôi, chứ rùa đâu có phụ. Đáp rằng: An Dương Vương chỉ cậy sức mạnh của thần, không sang sửa chính sự có đạo đức, biên giới không đề phòng, quân giặc vào sát cõi mà chưa từng sai một quan tướng, ra một đạo quân. Đợi đến lúc giặc vào tới quốc đô, vẫn còn muốn giải quyết cơ mưu trong chốc lát, khác nào lửa cháy đến mái nhà vẫn cứ ngồi yên. Mê muội đến thế! Giả sử có thiên tướng thần binh <19a> cũng chẳng thể nào đuổi giúp được giặc, huống chi một chiếc móng rùa?

An Dương Vương và Đà thế lực không tương đương, hình thắng bại như núi Thái Sơn đè lên quả trứng. Triệu Đà được móng rùa cố nhiên là không dùng làm gì, mang uổng cái tiếng phụ lời thề, khiến cho Trọng Thủy vì phụ lòng mà thẹn chết đấy thôi. An Dương Vương ban đầu vì chú ý đến một cái thành mà dẫn đến một con Rùa vàng khiến cho thành còn mà nước mất. Đến nay thành vẫn còn nguy nga ngàn đời. Nên vì An Dương Vương mà viếng thăm cảm khái để răn những kẻ hay bàn chuyện linh dị trong đời. Còn việc có hay không có thì sử thần Ngô Sĩ Liên đã bàn rồi.

HẾT QUYỂN I NGOẠI KỶ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

NGOẠI KỶ

QUYỂN II

KỶ NGOẠI THUỘC TRIỆU

<1a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Từ khi An Dương mất, nền quốc thống[1] bị gián đoạn, người làm sử thấy việc Triệu Đà thôn tính được Giao Chỉ làm vua Nam Việt, xưng hiệu đế bèn ghi kỷ tiếp theo, chép chữ to chữ đặc biệt tựa hồ muốn khoe sự hưng thịnh bắt đầu dựng nghiệp đế của nước ta. Người đời sau noi theo, không ai biết cái sai đó. Xét ra nước Việt của Nam Hải, Quế Lâm không phải nước Việt của Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. Triệu Đà nổi lên ở Long Xuyên [2], đóng đô ở Phiên Ngung [3], chỉ muốn mở rộng bờ cõi bèn thôn tính nước ta làm quận phụ thuộc, đặt chức chủ trì việc giám sát để ràng buộc mà thôi. Thực ra là chưa từng làm vua ở nước ta. Nếu cứ thấy người xưng vương ở đất Việt, mà coi là vua thì sau đấy có Lâm Sĩ Hoằng[4] nổi lên ở Bàn

---

(1) Quốc thống: Sự nối tiếp chủ quyền trong một nước. Dưới chế độ phong kiến, chỉ sự nối tiếp các triều đại.

(2) Long Xuyên: Tên huyện thuộc Trung Quốc.

(3) Phiên Ngung: Tên huyện thuộc Trung Quốc.

(4) Lâm Sĩ Hoằng: Người Bàn Dương thời Đường, cuối thời Tùy theo người làng là Thao Sư Hất xưng là Nguyên Hưng Vương khởi nghĩa, sau khi Sư Hất chết, Sĩ Hoằng chiếm giữ Kiền Châu xưng đế, đặt niên hiệu là Thái Bình. Hào kiệt trong vùng nhiều người theo.

Dương và Lưu Nham[1]*<1b> nổi lên ở Quảng Châu, đều xưng là Nam Việt Vương, sau đó lại tiếm xưng đế hiệu, cũng cho là một kỷ tiếp với trang quốc thống ta ư? Hoặc nói rằng Triệu Đà là người Hán, An Dương là người Thục cũng như nhau thôi. Đà diệt An Dương cũng như An Dương diệt Hùng Vương. Thế mà khen chê lại khác nhau là thế nào? An Dương đóng đô ở Cổ Loa, tiếp đến Hùng Lạc làm chủ ở Giao Nam. Đà ở Phiên Ngung, ta ở Giao Nam, sao chỉ theo cái lệ chép về An Dương mà chép cho Đà, còn họ nổi lên từ đất nào thì không kể. Đà thôn tính Giao Châu cũng như Ngụy thôn tính Thục, Tấn lấy nước Ngô. Hai họ Tôn [Quyền], Lưu [Bị] mất thì quốc thống hết. Nếu sử nước ta có thể lấy sử nước Ngụy tiếp vào Lưu Thiện*[2]*, sử nước Ngô có thể lấy kỷ nhà Tấn tiếp vào Tôn Hạo*[3] *được, thì sử nước ta mới có thể lấy kỷ nhà Triệu tiếp vào An Dương. Nước ta gọi là nước văn hiến, sử của một nước chẳng nhẽ lại lấy sử của một nước khác chép làm của mình? [Tôi] bèn mạnh dạn cải chính, bỏ kỷ Triệu Đà <2a>. Bởi vì lấy quốc thống quy về Triệu Đà là không đúng phép làm sử. Đà đối địch với Hán, mà Giao Châu lúc ấy chưa thông với Trung Quốc. Cho nên tôi đặt ra lệ ngoại thuộc để phân biệt với nội thuộc.*

Giáp Ngọ [207 tr. CN] (Tần Nhị Thế năm thứ 3, Triệu Vũ Đế Đà năm thứ 1), Triệu Đà tự lập làm Nam Việt Vương. Đà người huyện Chân Định. Trước đấy viên uý Nam Hải nhà Tần là Nhâm Hiêu lâm bệnh sắp chết bảo Đà rằng: "Nhà Tần vô đạo, thiên hạ khổ vì Tần. Nghe tin bọn Trần Thắng nổi loạn, lòng dân chưa biết theo ai. Đất này hẻo lánh xa xôi, ta e rằng bọn giặc cướp xâm lấn nên muốn dấy binh cắt đường sạn đạo[4] để tự phòng thủ đợi sự biến động của chư hầu. Vả lại đất Phiên Ngung dựa núi cách sông, Đông và Tây mỗi bên vài nghìn dặm, lại có người Trung Quốc giúp đỡ, có thể lập được nước. Bọn trưởng

---

[1] Lưu Nham: Còn có tên là Nghiễm, em ruột Lưu Ẩm thời Nam Hán. Ẩm chết, Nham lên thừa kế cơ nghiệp. Đến năm Trinh Minh [915-919] thời Lương, tự xưng đế, lấy quốc hiệu là Hán, ở ngôi 32 năm thì mất.

[2] Lưu Thiện: Tức Thục hậu chưa, con Lưu Bị khi mới lên ngôi dùng Gia Cát Lượng làm phụ chính, nước được yên. Sau khi Lượng chết, nước Ngụy sai Đặng Ngải đến đánh Thiện chưa đánh đã ra hàng, được vua Ngụy phong cho tước An Lạc Công.

[3] Tôn Hạo: Cháu nội Ngô Tôn Quyền, sau khi Ngô chúa là Hựu mất, được triều đình rước lên ngôi. Năm 279 bị quân nhà Tấn tiến công, Hạo đầu hàng, nhà Ngô mất.

[4] Sạn đạo: Đường do dùng thân cây ghép thành ở những chỗ núi non hiểm trở, theo chúng tôi loại cầu treo bằng mây của các dân tộc miền núi cũng là một loại hình sạn đạo.

lại trong quận không có ai đáng cùng mưu sự. Cho nên mời riêng ông đến mà bảo cho biết". Viết thư cho Đà tức là làm công việc của quan uý Nam hải. Hiêu chết, Đà bèn truyền hịch cho các cửa ải Hoành Bồ[1], Dương Sơn[2], Hoàng Khê[3], rằng: "Quân cướp sắp đến, phải gấp rút cắt đường tự thủ". Hịch chuyển đến các châu quận **<2b>** mọi nơi đều hưởng ứng.

Nhân đấy Đà dần dần tìm cách giết bọn trưởng lại của nhà Tần, lấy người thân thuộc bè đảng của mình làm chức giả thú[4] thôn tính đất Quế Lâm, Tượng quận, đánh diệt An Dương Vương rồi tự lập làm vua nước Nam Việt. Vũ Vương sai hai viên thư lại trông coi 2 quận Giao Chỉ, Cửu Chân (theo Lục Châu ký của án sát họ Diên. An Nam ta thuộc về Triệu).

Ất Mùi [206 tr CN] (Hán vương Lưu Bang năm thứ 1, Tây sở Hạng Tịch năm thứ 1, Triệu Vũ Đế năm thứ 2), năm ấy nhà Tần mất.

Kỷ Hợi [202 tr. CN] (Hán Cao Đế năm thứ 5, Triệu Vũ Đế năm thứ 6), mùa xuân tháng Giêng, Hán Vương Lưu Bang lên ngôi hoàng đế, tức Cao Đế. Năm ấy Tây Sở mất.

Ất Tỵ [196 tr. CN] (Hán Cao Đế năm thứ 11, Triệu Vũ Đế năm thứ 12), nhà Hán đã bình định thiên hạ, nghe tin Đà cũng xưng vương ở đất Việt bèn sai Lạc Giả[5] sang ban ấn cho Đà lập làm Nam Việt Vương, trao phù tín[6] thông sứ giả, bảo Đà hòa hợp ở Bách Việt chớ gây hại ở biên giới phía Nam. Giả đến, Đà búi tóc ngồi xổm tiếp kiến Giả. Giả nói: **<3b>** "Vương vốn là người Hán, họ hàng phần mộ đều ở Chân Định, nay lại trái tính bỏ đai mũ hòng trỗi dậy ở đất này, làm nước đối địch chống nhau với nhà Hán, chẳng đã lầm lẫn đó sao? Vả lại nhà Tần chính sự sai trái, hào kiệt đều nổi dậy, chỉ có Hán Đế vào Quan Trung trước tiên chiếm giữ Hàm Dương nổi lên ở Ba Thục, cuối cùng diệt được họ Hạng trong vòng 5 năm, bình định được thiên hạ. Đó không phải là sức người làm nổi mà là trời gây dựng nên đấy. Thiên tử nhà Hán nghe Vương

---

1) Hoành Bồ: Cửa quan ở Tây Bắc, huyện Nam Hành, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

2) Dương Sơn: Cửa quan ở Tây Bắc, huyện Dương Sơn, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

3) Hoàng Khê: Cửa quan ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

4) Giả thú: Chức Thái Thú tạm thời.

5) Lục giả: Người đất Sở, theo Hán Cao Tổ thống nhất thiên hạ, làm đến chức Đại Trung đại phu, hai lần đi sứ sang Nam Việt.

6) Nguyên văn là chữ " Phẫn phù" (vật tin bẻ làm đôi) chỉ vật chế bằng ngọc hoặc kim loại, hay bằng tre, gỗ, trên mặt có khắc chữ, bẻ ra làm đôi, triều đình và viên quan ngoài biên trấn mỗi bên giữ một nửa. Khi có việc cần trao đổi, sai người đến, phải mang nửa này đến để ráp với nửa kia làm tin.

xưng vương ở đất này toan đưa quân xuống phía Nam, chỉ vì trăm họ khó nhọc vừa xong nên sai sứ trao ấn cho Vương. Đáng lẽ Vương nên ra đón bái yết ngoài thành quay mặt về hướng Bắc mà nhận làm bề tôi, thế mà Vương lại muốn cậy có nước Việt chưa yên mà khinh nhờn sứ giả của thiên tử. Nhà Hán nếu nghe biết chuyện này, phát binh đến đất Việt thì Vương làm thế nào?". Đà đứng dậy nói: "Tôi ở đây lâu ngày quên mất cả lễ nghĩa". Nhân đấy hỏi Giả rằng: "Tôi với Tiêu Hà, Tào Tham, Hàn Tín ai hơn?" Giả đáp: "Có lẽ Vương hơn". Đà lại hỏi: "Tôi với Hoàng đế, ai hơn?" Giả đáp: "Hoàng đế **<3b>** nối nghiệp Ngũ Đế Tam Vương thống trị Trung Quốc, người Trung Quốc có tới hàng ức vạn, đất rộng muôn dặm, của lắm dân giàu, chính lệnh do một nhà mà ra. Từ khi có trời đất đến nay chưa có đời nào được thế. Nay dân chúng của Vương chẳng qua được vài chục vạn ở lẫn vào giữa khoảng núi và biển, chỉ như một quận của nhà Hán, sao mà so với Hán được" Đà cười nói. "Tôi ân hận không dấy lên ở Trung Quốc nên làm vua ở đây, sao vội cho tôi không bằng nhà Hán", rồi giữ Giả ở lại vài tháng. Đà còn nói: "'Trong nước Việt không có ai đáng nói chuyện, nay tiên sinh đến đây, hằng ngày tôi được nghe những điều chưa được nghe. Lại còn hẹn cho Giả châu báu trong núi đáng giá ngàn vàng. Đến lúc Giả về lại cho thêm ngàn vàng.

Bính Ngọ [195 tr. CN] (Hán Cao Đế năm thứ 12, Triệu Vũ Đế năm thứ 13), mùa hạ tháng 4, vua Hán băng, miếu hiệu là Thái Tổ, con là Doanh lên ngôi tức là Hiếu Huệ Đế.

Quý Sửu [188 tr. CN] (Hán Hiếu Huệ năm thứ 7, Triệu Vũ Đế năm thứ 20), mùa thu tháng 8, vua Hán mất, mẹ là Lã Thái hậu tên là Trĩ **<4a>** nắm quyền thiên tử đặt là Cao Hậu.

Mậu Ngọ [183 tr. CN] (Hán Cao Hậu năm thứ 5, Triệu Vũ Đế năm thứ 25), nhà Hán cấm nước Nam Việt mua bán đồ sắt ở cửa quan. Nam Việt Vương Đà nghe tin ấy nói: "Khi Cao Đế lên ngôi, ta cùng trao đổi sứ thần và phẩm vật. Nay Cao Hậu nghe bề tôi gièm pha, phân biệt Hán với Việt, ngăn cách việc trao đổi đồ vật. Việc này ắt là mưu kế của Trường Sa Vương muốn dựa uy thế của nhà Hán mưu lấy nước ta mà làm vua cả, để lập công cho mình đó thôi". Đà bèn tự xưng là Nam Việt Vũ Đế, sai quân sang đánh những ấp biên giới của Trường Sa, đánh bại vài huyện rồi trở về.

Canh Thân [181, tr. CN] (Hán Cao Hậu năm thứ 7, Triệu Vũ Đế năm thứ 27), nhà Hán sai Lâm Lư hầu là Chu Táo đánh Việt để báo thù việc đánh Trường Sa. Gặp mùa nắng nóng ẩm thấp, bị nạn dịch lớn

không thể vượt qua được Ngũ Lĩnh, bèn phải bãi binh. Nhân dịp ấy, Đà lấy binh lực và của cải chiêu dụ dân Việt và Tây Âu Lạc lệ thuộc vào mình, đông tây hơn vạn dặm, ngồi xe mui vàng, dùng cờ tả đạo xưng là Thiên tử ngang hàng với nhà Hán. (Theo Hoàn Vũ ký, Vĩnh Gia là Đông Âu, Uất Lâm là Tây Âu. Dư địa chí **<4b>** chép: Giao Chỉ thời Chu là Lạc Việt, thời Tần là Tây Âu, sách ẩn[1] nói: Nay Chu Nhai, Đạm Nhĩ gọi họ là người Âu (tức Âu Việt).

Tân Dậu [179 tr. CN] (Hán Cao Hậu năm thứ 8, Triệu Vũ Đế năm thứ 28), mùa thu tháng 7, Cao Hậu băng, các đại thần nhà Hán rước con thứ của Cao Đế là Đại vương Hằng lên làm vua tức Văn Đế.

Nhâm Tuất [180 tr. CN] (Hán Văn Đế năm thứ 1, Triệu Vũ Đế năm thứ 29), vua Hán đặt người trông nom phần mộ tổ tiên của Nam Việt Vương Đà ở Chân Định trông coi ấp hằng năm theo mùa thờ cúng. Vời anh em của Đà cho làm quan to, ban cho rất hậu.

Hán Văn Đế hỏi tướng Trần Bình cử ai sang sứ nước Việt được? Bình nói: "Lục Giả thời tiên đế đã từng sang sứ nước Việt", Vua Hán bèn vời Giả cho làm Thái Trung đại phu[2] và một viên yết giả[3] làm phó sứ, sang đưa thư cho Đà nói rằng: "Kính thăm Nam Việt Vương rất lao tâm khổ tứ. Trẫm là con vợ lẽ của Hoàng đế bị ruồng bỏ ra ngoài làm phiên vương đất Đại, đường sá xa xôi, lại quê kệch dốt nát nên chưa từng gửi thư cho vương. Cao Hoàng Đế lìa bỏ bề tôi. Hiếu Huệ Đế qua đời, Cao Thận tự ý lên nắm chính sự **<5a>** không may lâm bệnh, bọn họ Lữ làm loạn, nhờ anh linh của tông miếu, công sức của công thần đã giết được hết. Trẫm vì lẽ vương hầu và quan lại không tha cho, nên không thể không lên ngôi. Mới rồi nghe nói Vương gửi thư cho Long Lư hầu, muốn tìm anh em thân và xin bãi chức 2 tướng quân ở Trường Sa. Trẫm vì thư của Vương đã bãi bỏ tướng quân Bạc Dương hầu rồi. Còn anh em thân thích của Vương hiện ở Chân Định, trẫm đã sai người thăm hỏi và đắp sửa phần mộ tổ tiên của Vương. Ngày trước nghe tin Vương đem quân cướp phá liên miên ở ấp biên giới, dân Trường Sa khổ vì việc đó mà Nam Quận[4] là khổ nhất. Như thế nước của Vương phỏng có được lợi riêng gì? Ắt sẽ giết nhiều quân lính, hại lắm tướng tài, làm cho vợ người ta phải góa

---

[1] Sách ẩn: Phần chú thích sách Sử ký do Tư Mã Trinh thời Đường biên soạn.

[2] Thái Trung đại phu: Chức quan nắm giữ việc bàn bạc thảo luận công việc trong triều đình, có từ thời Tần.

[3] Yết giả: Chức quan giữ công việc tân khách yến tiệc, đặt ra từ thời Hán, như quan lễ tân.

[4] Nam Quận: Quận là do nhà Tần đặt ở phía Nam tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc.

bụa, con người ta phải côi cút, cha mẹ người ta phải cô đơn được một mất mười. Trẫm đây không nỡ làm thế. Trẫm muốn định lại chỗ địa giới lồi lõm, cài nhau như răng lược mới đem việc đó để hỏi các quan thì họ nói: Cao Hoàng Đế sở dĩ đã lấy Trường Sa làm giới hạn vì đấy là đất của Vương nên không tự tiện thay đổi. Nay dù lấy được đất của Vương cũng là không lớn thêm được và lấy được của cải của Vương **<5b>** cũng không giàu thêm. Từ Ngũ Lĩnh trở về nam, Vương cứ tự cai trị. Dẫu vậy, nhưng Vương xưng là đế, hai vị hoàng đế cùng ở ngôi mà không biết nhường thì người nhân không làm thế. Trẫm nguyện cùng Vương đều bỏ hiềm oán cũ, từ nay về sau lại thông hiếu như xưa. Vậy sai Lục Giả sang đưa tờ dụ để tỏ ý với Vương về bản ý của trẫm. Vương hãy nên nghe theo, chớ gây sự tai ương cướp phá nữa. Nhân gửi biếu Vương 50 chiếc áo thượng giả, 30 chiếc áo trung giả, 20 chiếc áo hạ giả. Mong rằng Vương hãy nghe âm nhạc, quên nỗi lo buồn mà thăm hỏi đến nước láng giềng".

Giả đến, Đà cảm tạ nói: "Tôi kính vâng chiếu chỉ xin làm phiên thần giữ mãi lễ cống". Thế rồi hạ lệnh cho trong nước biết rằng: Ta nghe nói hai anh hùng không cùng đứng với nhau được, hai hiền tài không cùng sống trong một thời được. Hoàng đế nhà Hán là bậc thiên tử giỏi, vậy từ nay ta bỏ đế chế, thôi dùng xe mui vàng, cờ tả đạo". Nhân đấy viết thư rằng: "Đà tôi kẻ đại trưởng lão phu ở Man di, mạo muội cam tội chết, vái hai vái dâng thư lên Hoàng đế bệ hạ: Lão phu vốn là lại cũ ở đất Việt **<6a>**, Cao Đế ban cho ấn tín, phong làm Nam Việt Vương. Hiếu Huệ Hoàng đế lên ngôi, giữ ân nghĩa không nỡ dứt bỏ, đã ban cho lão phu rất hậu. Cao Hậu nắm giữ việc nước, phân biệt Hoa với Di, ra lệnh không cho Nam Việt đồ dùng bằng sắt để làm ruộng. Ngựa, trâu, dê, có cho thì cho con đực, không cho con cái. Lão phu ở nơi hẻo lánh, ngựa, trâu, dê đã già cả, tự nghĩ không lấy gì để cúng tế thì tội đáng chết, nên mới sai Nội sử[1] là Phan, Trung uý[2] là Cao và Ngự sử[3] là Bình gồm ba bọn sang dâng thư tạ tội, đều không thấy trở về. Lại nghe phong thanh là mồ mả cha mẹ của lão phu bị san phá, anh em họ hàng bị giết chết. Cho nên các quan lại bàn nhau rằng: Bây giờ, trong thì không được động đến nhà Hán, ngoài thì không có gì làm cho mình lạ lẫm khác người. Cho nên đổi hiệu là đế, chỉ là tự xưng đế ở nước mình, không dám có ý hại

---

[1] Nội sử: Chức quan ở nước chư hầu. Thời Hán về sau các nước chư hầu đều đặt quan nội sử để cai trị trong nước giống chức quận thú.

[2] Trung úy: Chức quan tuần xét ở Kinh sư, đặt từ thời Chiến Quốc.

[3] Ngự sử: Chức quan nắm giữ việc soạn thảo sắc dụ chiếu biểu luật lệnh, là quan thân cận của vua.

đến thiên hạ. Cao Hậu nghe tin cả giận, xóa sổ Nam Việt, khiến sứ giả không qua lại được. Lão phu trộm ngờ là Trường Sa Vương gièm pha nên đem quân đến đánh biên giới phía ấy. Hơn nữa, phương Nam là nơi ẩm thấp, trong đám Nam Di như Đông Mân, Tây Âu **<6b>** đều xưng vương cả. Lão thần xưng đế cũng tạm để tự vui thôi, đâu dám để tiếng lọt đến tai thiên tử. Lão phu ở đất Việt đã 49 năm nay, đã có cháu rồi, thế nhưng khuya nằm sớm dậy, ngủ chẳng yên ăn chẳng ngon, mắt không dám nhìn sắc đẹp, tai không dám nghe chuông trống, chỉ vì không được thờ nhà Hán. Nay được bệ hạ rủ lòng thương yêu, cho theo hiệu cũ, sứ giả thông hiếu như trước. Lão phu này dù chết, xương cũng không mục. Vậy xin đổi hiệu không dám xưng đế nữa. Nhân có sứ giả đến, kính dâng đôi ngọc bích trắng, 1.000 chiếc lông cánh chả, 10 chiếc sừng tê, 500 tử bối[1] một hộp tổ sâu quế, 40 đôi chim trả sống, hai đôi chim công. Mạo muội liều chết lạy hai lạy dâng lên Hoàng đế bệ hạ". (Sách Lục thị Việt ký chép: Sâu quế ở vùng Quế Lâm, ngọt hơn mật ong, vị cay thơm lạ thường).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét thấy bức thư của Hán Văn Đế gửi cho Việt Vương các bậc tiên nho đã từng khen,* ***<7a>*** *riêng có bức thư đáp lại của Nam Việt Vương, đầu thư xưng là "Lão phu ở nơi Man Di" mà không e ngại gì, cùng với thư của vua Hán không kiêng nói: "Trẫm là con vợ lẽ", hai câu đó chiếu ứng với nhau. Trong thư không hề giấu giếm việc xưng đế, phát binh. Một bên thì quy lỗi về Lữ Hậu, một bên thì buộc tội cho Trường Sa. Ngày trước xưng đế thì khác là để tự vui, về sau đổi hiệu thì nói là mừng được thờ Hán. Lời lẽ uyển chuyển mà không tự ti, thẳng thắn mà không gay gắt, ý tứ chu đáo, từ ngữ cứng cỏi, có bút pháp của Tả truyện, Quốc ngữ. Có thể tưởng tượng thấy được văn tự thời Tiền Hán chứ không thể cho rằng đời sau không thể sánh kịp. Những người phò tá của Đà, nhân tài cũng nhiều vì thế mà Đà trở nên hùng bá được.*

Giáp Thân [157 tr.CN] (Hán Văn Đế năm thứ 7, Triệu Vũ Đế năm thứ 51), mùa hạ tháng 6, vua Hán băng, con là Khải lên ngôi, tức Hiếu Cảnh Đế.

Đinh Dậu [144 tr.CN] (Hán Cảnh Đế năm thứ 6, Triệu Vũ Đế năm thứ 64), bấy giờ đều xưng vương. Mỗi lần sai sứ sang Hán **<7b>**, lễ triều yết theo như các nước chư hầu. Còn đối với trong nước thì vẫn hiệu đế như cũ.

(1) Tử bối: Một thứ vỏ sò biển có vân tía óng ánh, người xưa dùng làm tiền để mua bán.

Canh Tý [141 tr.CN] (Hán Cảnh Đế năm Hậu Nguyên thứ 3, Triệu Vũ Đế năm thứ 67), mùa xuân tháng giêng, vua Hán băng. Con là Triệu lên ngôi tức Hiếu Vũ Đế.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét thấy một thời đại ngoại thuộc họ Triệu, sử cũ chép từ Vũ Đế đến Thuật Dương Vương đều phỏng theo sử nhà Hán mà biên chép thành sách. Ở thời Vũ Đế chép về nhật thực có 18 lần (Đinh Dậu năm thứ 4, mùa đông tháng 10, ngày 30 nhật thực; tháng 11 ngày 30 nhật thực; Quý Sửu năm thứ 20 [188 tr.CN], mùa xuân tháng giêng ngày mồng 1 nhật thực; mùa hạ tháng 5 nhật thực mặt trời bị che hết; Ất Mão năm thứ 22 [186 tr.CN], mùa hạ tháng 6 ngày 30 nhật thực; Quý Hợi năm thứ 30 [178 tr. CN], mùa đông tháng 10 ngày 30 nhật thực; Giáp Tý năm thứ 31 [177 tr.CN], mùa đông tháng 10 ngày 30 nhật thực; tháng 11 ngày 30 nhật thực; Tân Tỵ năm thứ 48 [160 tr.CN], mùa hạ tháng 4 ngày 30 nhật thực; Đinh Hợi năm thứ 54 [154 tr.CN], mùa xuân tháng giêng ngày 30 nhật thực; Mậu Tý năm thứ 55 [143 tr.CN], mùa đông tháng 10 ngày 30 nhật thực; Quý Tỵ năm thứ 60 [148 tr.CN], mùa thu tháng 9 ngày 30 nhật thực; Ất Mùi năm thứ 62 [146 tr.CN], mùa đông tháng 10 ngày 30 nhật thực; Đinh Dậu năm thứ 64 (144 tr.CN], mùa thu tháng 7 ngày 30 nhật thực; Mậu Tuất năm thứ 65 [143 tr.CN], mùa thu, tháng 7 ngày 30 nhật thực* **<8a>**; *Nhâm Dần năm thứ 69 [139 tr.CN], mùa xuân tháng giêng ngày 30 nhật thực; Quý Mão năm thứ 70 [138 tr.CN] tháng 9 ngày 30,nhật thực). Các sao biến dị có 9 lần: Mậu Tuất năm thứ 5 [203 tr.CN], mùa thu, tháng 7 có sao Chổi- mọc ở vùng ao Đại Giác; Giáp Thân năm thứ 51 [157 tr.CN] tháng 9, có sao Chổi mọc ở phương Tây; Bính Tuất năm thứ 53 [155 tr.CN], mùa đông tháng 11, có sao Chổi mọc ở phương Tây; Đinh Hợi năm thứ 54 [154 tr.CN], mùa xuân, tháng giêng, có sao Chổi đuôi dài mọc ở phương Tây; Quý Tỵ năm thứ 60 [148 tr.CN], mùa hạ tháng 4, có sao Chổi mọc ở Tây Bắc; Giáp Ngọ năm thứ 61 [147 tr.CN], mùa thu tháng 9, có sao Chổi mọc ở Tây Bắc; Canh Tý năm thứ 67 [141 tr.CN], tháng 12, mặt trời đỏ tía, 5 sao đi ngược chiều giữ lấy sao Thái Vi, mặt trăng đi thiên vào trong thiên đình. Nhâm Dần năm thứ 69 [139 tr.CN], mùa hạ tháng 4, có vì sao như mặt trời mọc ban đêm; Quý Mão năm thứ 70 [138 tr.CN], mùa thu tháng 7, có sao Chổi mọc ở Tây Bắc. Đại khái phần nhiều dựa theo sử nhà Hán mà ghi chép, riêng có*

năm Quý Mão thứ 10 [208 tr.CN], mùa hạ, tháng 6, ngày 30, nhật thực bỏ sót không ghi; năm Canh Thân thứ 27 [181 tr.CN], mùa xuân, tháng giêng, năm ấy có nhật thực nhưng Cao Hậu ghét chuyện đó nói rằng: "Đấy là điềm ứng vào ta đó" cho nên sử nước Việt không chép.

Xét ra thì nhật thực, nguyệt thực muôn nước đều chung độ số, khi nó tròn trở lại cũng cùng nhìn thấy ánh sáng, ghi chép việc đó về lý tựa hồ không hại gì lắm, nhưng ở thiên văn thì cho rằng nhật thực ở độ nào, sao nào, trong 28 vì sao thì thuộc về việc nào **<8b>**. *Ví như ở khu vực sao Tất là việc binh đao; ở khu vực sao Vị là việc kho tàng, độ nào thì thuộc về địa phận của nước nào, ví như 11 độ sao Đẩu thì thuộc về nước Ngô, 5 độ sao Giác thì thuộc về nước Trịnh. Kẻ suy xét tinh thì chưa việc gì không nhận biết được. Chuyện sao biến dị cũng như vậy.*

Nhân sự có duyên do, phận đã có chỗ hệ thuộc, ánh sáng có lúc nhiều lúc ít, ứng nghiệm có khi chậm khi nhanh. Giả sử các triều đại ở nước mình có lịch hằng ngày, có quan xem sao, thấy việc gì không ứng với nước mình thì không ghi cũng đúng thôi. Hơn nữa Đà đang thuộc Hán, Giao Nam ta lại thuộc Đà, nên những hiện tượng biến dị của trời ứng với Đà cũng đã không đáng ghi rồi, huống chi nhà Hán thống trị Trung Quốc, sử nhà Hán chép sự biến dị của Mặt Trời và sao là để giúp cho việc chiêm nghiệm chứ liên quan gì đến Đà. Nay đã nhầm, mà đưa Đà hệ thuộc vào quốc thống lại theo đấy mà bắt chước sự ghi chép của sử Hán cốt cho đầy đủ, không xét xem có đúng hay không. Như thế thì đáng gọi là "dã" chứ không phải là "sử". Cho nên nhất thiết phải bỏ đi. Từ đây về sau cứ theo như thế. Còn việc nhà Hán dựng nhà Nguyên miếu[1] **<9a>** *ban chiếu để tang ngắn ngày, hạ lệnh cho các quận các nước dựng miếu Thái Tông*[2] *đều là việc đặt lễ nghi của Trung Quốc, làm sao mà phải ghi cả vào. Nếu nước ta thời thuộc Hán còn không đáng ghi, huống chi thuộc Đà. Cho nên chỉ ghi việc của Đà thôi. Còn việc của Hán thì chỉ nên ghi việc vua mất hoặc lên ngôi để biết được thứ tự các đời của Trung Quốc là được rồi, há phải ghi chép nhầm như thế. Cho nên theo lệ tước bỏ đi.*

---

[1] Nguyên miếu: Miếu thờ thủy tổ.

[2] Miếu Thái Tông là miếu thờ Hán Văn Đế.

Giáp Thìn [137 tr.CN] (Hán Vũ Đế năm Kiến Nguyên thứ 4, Triệu Vũ Đế năm thứ 71), Triệu Vũ Đế Đà mất, cháu là Hồ lên ngôi, tức Văn Vương (Hồ là con Trọng Thủy. Triều nhà Trần truy phong là Hoàng đế, sử cũ chép nay bỏ đi).

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Đất Liêu Đông không có Cơ Tử*[1]*, thì không thể có phong tục mặc áo đội mũ; đất Ngô Cối không có Thái Bá*[2] *thì không thể cường thịnh thành nghiệp vương nghiệp bá. Đại Thuấn là người Đông Di mà là bậc vua giỏi trong ngũ đế, Văn Vương là người Tây Di là bậc vua hiền trong tam vương. Thế mới biết người giỏi trị nước thì không cứ gì rộng hay hẹp, người Hoa hay người Di, chỉ trông vào đạo đức mà thôi* **<9b>***. Triệu Vũ Đế khai thác đất Việt ta tự xưng đế trong nước, chống chọi với nhà Hán, là người mở đầu cơ nghiệp đế vương cho nước ta. Công ấy có thể nói là lớn đấy! Người làm vua nước Việt sau này, nếu biết bắt chước Triệu Vũ Đế mà giữ vững bờ cõi, đặt quan cai trị nước, có đường lối để giao thiệp với láng giềng, lấy nhân nghĩa mà giữ ngôi báu thì giữ được bờ cõi lâu dài, người phương Bắc không thể trừng mắt với ta được.*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Truyện có câu: "Người có đức lớn ắt có địa vị, có danh vọng, được sống lâu". Vũ Đế tu dưỡng thế nào mà được như thế? Cũng chỉ ở chỗ có đạo đức đấy thôi. Xem câu trả lời của Đà với Lục Giả thì uy thế Anh Vũ* [3] *chẳng kém gì Hán Cao Đế. Đến khi nghe Văn Đế đặt thủ ấp để trông coi phần mộ tổ tiên của vua, hằng năm cúng tế và ban thưởng rất hậu cho anh em thì lại khuất phục nhà Hán. Do đó mà tông miếu được cúng thờ, con cháu được bảo tồn, chẳng phải là vì đạo đức đó sao?* **<10a>** *Kinh Dịch nói: "Biết khiêm tốn thì ở ngôi cao đức sẽ càng sáng, ở ngôi thấp cũng không ai dám vượt qua"*[4]*. Triệu Đà là hợp với câu ấy đấy.*

---

[1] Cơ Tử: Tên là Tử Dư, làm quan Thái sư được phong tước Tử và được nước ở đất Cơ nên gọi là Cơ Tử. Vua Trụ vô đạo, Cơ Tử can ngăn vua không nghe còn bỏ tù ông. Vũ Vương diệt Trụ, Cơ Tử đưa 5.000 người tránh sang Cao Ly và làm vua ở đó.

[4] Thái Bá: Con cả của Chu Thái Vương, em thứ hai là Trọng Ung, em út là Quý Lịch. Quý Lịch hiền tài lại có đứa con là Xương cũng giỏi. Bởi thế Thái Vương muốn lập Quý Lịch để về sau sẽ truyền ngôi cho Xương. Bấy giờ Thái Bá, Trọng Ung trách Quy Lịch đến ở đất Kinh Man tự xưng hiệu là Câu Ngô. Dân ở Kinh Man cảm cái nghĩa của ông theo về hơn 1000 nhà, lập ông làm Ngô Thái Bá.

[3] Anh Vũ: Tức Đỗ Anh Vũ, quan đại thần thời Lý.

[4] Câu này ở soán từ của quẻ Khiêm (Kinh Dịch).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Triệu Đà cuối thời Tần chỉ là một quan lệnh mà thôi, nhân nhà Tần loạn, chiếm cứ đất Lưỡng Quảng, đang giành địa vị ở Trung Nguyên, chưa để mắt đến đất Lĩnh Nam. Sau khi việc nhà Hán đã ổn định, Cao Tổ cũng thấy ghét binh đao chán công trạng. Văn Đế nối ngôi lại càng ngại dùng vũ lực. Cho nên lần trước ban cho phù tiết, lần sau sai sứ đưa thư Lục Giả hai lần sang nước Việt. Đà nhân đấy buộc Mân Việt, Tây Âu phải lệ thuộc vào mình, ngồi xe mui vàng xưng là hoàng đế để tự đề cao mình cho khác biệt. Song tự biết sức không thể địch nổi nhà Hán bèn nhân Văn Đế vỗ về, từ đấy dùng lời lẽ nhún nhường bỏ hiệu đế, tự xưng là bề tôi dâng lễ cống để làm vừa lòng nhà Hán. Đây lại càng thấy rõ chỗ quỷ quyệt của Đà. Nếu không phải là người hiểu thấu được cái lẽ nên cứng nên mềm, khi co khi giãn, thì không thể làm thế được. Đà mở được nước rộng muôn dặm, truyền ngôi hàng trăm năm, thay tục búi tóc thành tục đội mũ đai, xếp bỏ can qua mà dùng ngọc lụa*[1] *bồng cháu làm vui, tuổi cao mà vẫn còn mạnh khoẻ* **<10b>**. *Buổi đầu thời Hán, trong thì chư hầu, ngoài thì nhiều nước không ai sánh kịp sự lâu dài ấy. Người bình luận đời sau khen là bậc vua nổi tiếng, chẳng phải là anh hùng một thời đó sao? Song các nhà làm sử như Lê Văn Hưu, Ngô Sĩ Liên ví Đà như Cơ Tử, Thái Bá và lấy công mở nghiệp để mà quy cho Đà; thậm chí cho Đà là người có đức tứ ứng*[2] *ngang với Thuấn, hết sức tán dương đức khiêm tốn của Đà thì là sai đấy. Sao lại nói thế? Vì rằng với Thuấn thì Đà vốn không thể sánh kịp rồi. Còn như Cơ Tử đến Triều Tiên đặt ra lệnh cấm, biến đổi phong tục cho dân, nền giáo hóa nhân đức hiền từ ấy đến nay vẫn còn. Thái Bá ba lần nhường thiên hạ*[3] *đức lớn ấy không thể tả nổi chứ không phải giáo hóa của ông chỉ ở Kinh Man mà thôi. Đất Giao Nam từ đời Hoàng đế Chuyên Húc cho đến nhà Chu chỉ sai sứ tiến cống tự thành một nước riêng. Ngay mạnh như nhà Tần, uy lực của Thủy Hoàng trong ngoài 9 châu, đánh đâu mà không được, gọi ai mà không đến, nhưng dốc hết binh lực của Vương Tiễn*[4] *cũng chỉ mở đến*

---

[1] Ngọc lụa: Thứ quý báu, thời xưa dùng để làm lễ cống nạp.

[2] Người có đức "tứ ứng" là người được báo ứng 4 điều: địa vị, phúc lộc, danh tiếng, sống lâu.

[3] Thái Bá ba lần nhường thiên hạ, không lên ngôi, bỏ trốn đến đất Ngô Cối, cắt tóc vẽ mình thay đổi tập tục để không giống người Trung Quốc nữa.

[4] Vương Tiễn: Người Tần Dương thời Tần theo Tần Thủy Hoàng làm tướng quân, từng đánh được các đất Triệu, Yên, Tô.

Bách Việt thôi chứ không đến được Giao Chỉ. <11a> Đà chiếm Ngũ Lĩnh, chỉ khổ vì lòng tham không biết thế nào cho đủ, lại tiêu diệt An Dương mà thôn tính, truyền được vài đời thì mất. Bản đồ sổ sách thuộc nước cũ của An Dương phải nhập về nhà Hán. Do đó nước ta trở thành nguồn lợi cho Trung Quốc. Châu ngọc chứa đầy kho, quất vải đặt thành chức quan (Hán Vũ Đế đánh Nam Việt, dựng cung Phù Lệ trong vườn Thượng Uyển để trồng các thứ cây lấy được như nhãn, vải, xương bồ, mỗi thứ hơn trăm gốc. Vải xứ Giao Chỉ dời đến trồng ở trong sân, không sống được một cây nào. Tại Giao Chỉ có chức Quất quan đặt một người trưởng quan, phẩm trật hưởng 300 thạch, chủ yếu coi việc cống quất cho vua hằng năm). Giả sử Đà không gây nên mối binh đao thì cho dù Hán Vũ Đế có tham mở đất, thích lập công, chẳng qua cũng chỉ diệt họ Triệu để lấy lại quận huyện của nhà Tần xưa mà thôi, chứ cũng không đến được Giao Chỉ. Nước ta ngoại thuộc vào Triệu nên nội thuộc vào Hán cho mãi đến thời Đường, quốc thống bị đoạn tuyệt, suy nguồn gốc, người đầu tiên gây nên tai vạ không phải Đà thì còn ai? Hơn nữa Đà đặt nước ta làm quận huyện, chỉ biết tịch thu đất đai, vơ vét thuế má, chỉ cốt lấy đầy ngọc bích cho triều đình nhà Hán, chất túi Lục Giả có đủ nghìn vàng. Còn như giáo hóa phong tục không mảy may để ý đến. Nghề cày cấy là cội gốc để nuôi dân **<11b>**, *việc cưới xin là việc lớn của con người, thì bấy giờ dân ta vẫn tối tăm không biết gì hết. Trải qua hàng trăm năm đất nước chỉ là lệ thuộc. Công đức của Cơ Tử, Thái Bá lẽ nào lại như thế ư? Còn như suy rộng công của Đà cho là người mở đầu cơ nghiệp đế vương, thì tôi đã bàn rồi. Lê Văn Hưu đặt phép chép sử đó, lập lối nghị luận đó, Ngô Sĩ Liên theo lối hiểu nông cạn đó mà không sửa đổi, cho đến bài Tổng luận của Lê Tung, thơ vịnh sử của Đặng Minh Khiêm*[1]*, cùng nhau ca tụng, cho Đà là bậc vua giỏi của nước mình, đến nay đã trải hàng nghìn năm không ai cải chính, bởi vậy tôi phải luận thật sâu.*

Bính Ngọ [135 tr.CN] (Hán Kiến Nguyên năm thứ 6, Triệu Văn Vương - Hồ năm thứ 2), mùa thu tháng 8, Mân Việt Vương Sính xâm

---

(1) Đặng Minh Khiêm: Tự là Trinh Dự, hiệu là Thoát Hiên, quê ở Can Lộc, Hà Tĩnh, sau ra ở huyện Sơn Vi, tỉnh Phú Thọ. Ông đậu Hoàng giáp năm Hồng Đức thứ 18 [1487], làm quan Hàn lâm bị thư, sau chạy theo Lê Chiêu Tông rồi mất ở Châu Hoá. Ông soạn sách Việt giám vịnh sử thi tập.

lấn áp biên giới. Nam Việt Vương - Hồ giữ lời ước với nhà Hán, không tự tiện dấy quân, sai người đem thư báo việc đó với nhà Hán, nhà Hán khen Hồ khéo giữ chức phận, hẹn sẽ vì Hồ dấy binh. Thế rồi sai Vương Khôi Dự Chương, Hàn An Quốc <12a> đem quân ra Cối Kê đánh Mân Việt. Hoài Nam Vương là An dâng thư can, vua Hán không nghe.

Bấy giờ, quân Hán chưa vượt qua Ngũ Linh, em Mân Việt Vương là Dự Thiện cùng với người trong họ bàn mưu giết Sính để đầu hàng. Vương Khôi thấy thuận lợi, bèn bãi binh. Vua Hán sai Trang Trợ sang ngỏ ý chiêu dụ. Hồ giập đầu nói: "Thiên tử vì quả nhân mà dấy quân diệt Mân Việt, quả nhân dù phải chết cũng không đủ để báo đáp ân đức ấy", rồi sai Thái tử là Anh Tề sang làm con tin. Nhân đấy bảo với Trợ rằng: "Nước mới bị cướp phá xin sứ giả về trước đi, quả nhân đang ngày đêm sắm sửa hành trang để vào yết kiến thiên tử đấy". Trợ về, các đại thần đến can rằng: "Quân nhà Hán giết Sính có ý muốn làm cho nước ta kinh sợ, vả lại tiên đế đã nói thờ nhà Hán cốt để khỏi thất lễ, chớ nên nghe lời ngon ngọt của họ mà vào triều kiến, vào rồi không về được là thế mất nước đấy". Hồ bèn nói thác là bị bệnh không vào triều kiến nữa.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Hai nước Việt đánh nhau không phải là việc của nước mình. Hơn nữa* <12b> *Hoài Nam can việc đánh Mân Việt mà người Hán không nghe, việc đó cũng không phải là bức thiết. Bức thư can gián của Hoài Nam mà sử cũ chép đã thấy trong sử nhà Hán rồi cho nên bỏ đi. Còn như em Mân Việt Vương Sính là Dự Thiện giết Sính để đầu hàng nhà Hán, thì đạo trời, lòng người đến thế là đáng buồn.*

Xét ra, Sính xâm lấn Hồ, lỗi là ở chỗ thích dùng binh thôi, chứ thực ra không có tội gì với nước ấy, thế mà em và người trong họ quả quyết giết để đầu hàng nơi cửa quân. Quân Hán đến Mân Việt, không đánh cũng đã tự tan vỡ, có quý hóa gì Dự Thiện là đứa giết vua, giết anh mà nhận cho đầu hàng. Vũ Đế như thế là làm sai hình phạt đấy. Tuy nhiên bọn loạn thần tặc tử, ban đầu thì kết bè đảng làm điều hung ác, ăn gan nếm mật thề bồi, nhưng gặp lúc nguy cấp thì kẻ dâng công để lấy thưởng lại thường từ trong bọn chúng mà ra. Kẻ như Dự Thiện thì nhiều lắm. Ghi lấy việc này để cho người làm vua thiên hạ đời sau không thể không lo tính khi việc mới chớm nở.

<13a>Ất Mão [126 tr.CN] (Hán Nguyên Sóc năm thứ 3, Triệu VănVương năm thứ 11), Triệu Vương là Hồ ốm nặng, Thái tử Anh Tề từ

Hán về (sử nhà Hán chép: "Anh Tề thượng lạc" nghĩa là Anh Tề chuộng hưởng lạc).

Bính Thìn [125 tr.CN] (Hán Nguyên Sóc năm thứ 4, Triệu Văn Vương năm thứ 12), Triệu Văn Vương Hồ băng, Thái tử Anh Tề lên ngôi tức là Minh Vương.

Đinh Tỵ [124 tr.CN] (Hán Nguyên Sóc năm thứ 5, Triệu Minh Vương - Anh Tề năm thứ 1), nhà Triệu dùng Lữ Gia làm Thái phó.

Mậu Thìn [123 tr.CN] (Hán Nguyên Đỉnh năm thứ 4, Triệu Minh Vương năm thứ 12, Ai Vương Hưng năm thứ nhất), trước kia, Triệu Vương Anh Tề làm thế tử, sang làm con tin với nhà Hán ở Trường An, lấy con gái ở Hàm Đan là Cù thị, sinh con là Hưng. Đến khi lên ngôi lấy ấn của tiên vương dâng thư cho nhà Hán, xin lập Cù thị làm Hoàng hậu,Hưng làm thế tử. Nhà Hán nhiều lần sai sứ giả sang khuyên Anh Tề vào chầu. Anh Tề sợ vào yết kiến phải theo luật nhà Hán, bị liệt vào hạng chư hầu, bên trong, cố ý cáo ốm không đi, bèn sai con là Thứ Công vào làm con tin. Năm ấy Anh Tề băng **<13b>**, con thứ là Hưng lên ngôi tức là Ai Vương.

Hưng lên ngôi, tôn mẹ là Cù thị làm Thái hậu. Trước kia khi Cù Hậu chưa lấy Anh Tề từng đã thông dậm với An Quốc Thiếu Quý người Bá Lăng. Bấy giờ nhà Hán sai Thiếu Quý sang dụ Hưng và Cù thị vào chầu, lại sai biện sĩ(1) gián nghị đại phu(2) là Chung Quân tuyên lời dụ, dũng sĩ là bọn ngụy thần giúp việc giải quyết, vệ uý(3) là Lộ Bác Đức đưa quân đóng ở Quế Dương để đợi sứ giả. Bấy giờ vua còn ít tuổi, Cù Hậu là người nhà Hán, Thiếu Quý đến lại tư thông với Cù Hậu, người trong nước biết chuyện đó, phần nhiều không theo Thái hậu. Thái hậu sợ sẽ sinh loạn, muốn dựa vào uy của nhà Hán thường khuyên vương và quần thần xin phụ thuộc vào nhà Hán, liền nhân có sứ giả nhà Hán, nhờ dâng thư xin theo như chư hầu ở Trung Quốc, 3 năm một lần vào chầu, bỏ quan ải ở biên giới. Vua Hán bằng lòng, ban cho vương và thừa tướng là Lữ Gia ấn bằng bạc và các ấn nội sử trung uý, thái phó, ngoài ra các chức khác được tự đặt lấy. Bỏ hình phạt cũ như thích vào mặt, cắt mũi mà dùng pháp luật nhà Hán như các chư hầu ở Trung Quốc. Sứ giả ở lại để trấn giữ vỗ về dân **<14a>** (Cù thị thấy trong sách dã sử của Nguyễn Đăng Bính nói người đương thời gọi là Câu La Ma).

(1) Biện sĩ: Người có tài ứng đối, hùng biện, thường dùng vào việc đi sứ, thuyết khách.

(2) Gián nghị đại phu: Chức quan Ngự sử, can ngăn vua, đặt từ thời hán, thường gọi tắt là gián nghị.

(3) Vệ úy: Chức quan cai quản lính canh trong cung đình, có từ thời Tần, Sang thời Tùy giữ chức nắm các việc binh khí, nghi trượng, trướng mạc.

Kỷ Tỵ [112 tr.CN] (Hán Nguyên Đỉnh năm thứ 5, Ai Vương Hưng năm thứ 2). Triệu Vương Hưng và Cù Thái hậu sửa soạn hành trang đem nhiều lễ vật quý trọng để vào chầu. Bấy giờ Tể tướng là Lữ Gia tuổi đã cao, làm tướng qua 3 triều, họ hàng làm quan to đến hơn 70 người, con trai đều lấy công chúa, con gái đều gả cho con em hàng tôn thất của nhà vua và thông gia[1]với Tần Vương ở Thương Ngô[2]. Trong nước rấtt rọng, mọi người xin theo, nhiều kẻ làm tai mắt cho ông được lòng dân hơn cả vua và Hưng. Gia nhiều lần can Hưng đừng vội phụ, nhưng Hưng không nghe, nhân thế có lòng muốn phản, thường cáo ốm không tiếp kiến sứ giả nhà Hán. Sứ giả nhà Hán đều chú ý đến Gia, nhưng thế chưa thể giết được. Hưng và Thái hậu rất sợ bọn Gia khởi sự trước, nên đặt tiệc rượu mời sứ giả giúp, bàn mưu giết họn Gia. Sứ giả uống rượu, các đại thần đều ngồi hầu. Sứ giả ngồi hướng Đông, Thái hậu ngồi hướng Nam **<14b>**, Triệu Vương Hưng ngồi hướng Bắc, Tể tướng Lữ Gia và các đại thần đều ngồi hướng Tây. Em Gia là tướng võ, đemquân đóng ở ngoài cung. Khi uống rượu, Thái hậu nói với Lữ Gia: Nam Việt nội thuộc vào Hán là có lợi cho nước, mà tướng quân lại cho là bất tiện là cớ làm sao? Cốt để chọc tức sứ giả. Sứ giả hồ nghi, giữ miếng nhau (chữ trượng "**TRANG 74**" nghĩa là giữ miếng), không ai dám hành động. Gia thấy tai mắt họ có vẻ khác, liền đứng dậy đi ra ngoài. Thái hậu tức giận muốn lấy mâu đâm Lữ Gia, Hưng ngăn lại, Gia bèn đi ra, chia lấy quân của em về nhà cáo ốm không chịu gặp sứ giả và vương, rồi ngầm cùng các đại thần mưu nổi loạn. Hưng vốn không có ý giết Gia, Gia cũng biết điều đó, vì thế đến mấy tháng không hành động gì. Riêng Thái hậu muốn giết Gia, nhưng sức không thể giết nổi. Vua Hán nghe tin Gia không nghe theo mệnh, Triệu Vương Hưng và Thái hậu lẻ loi yếu đuối không chế ngự được, sứ giả nhút nhát không quyết đoán, lại cho rằng mẹ con Triệu Vương đã nội phụ, riêng Lữ Gia làm loạn, không đáng dấy quân, muốn sai Trang Sâm đem 2.000 người sang sứ. Trang Sâm nói: "Vì sự hòa hiếu mà sang **<15a>**thì vài người là đủ rồi, lấy vũ lực mà sang thì 2.000 người cũng không làm được gì". Sâm từ chối không nhận, vua Hán bèn bãi chức Trang Sâm. Tướng Tế Bắc cũ là Hàn Thiên Thu hăng hái nói: "Một nước Việt cỏn con, lại có vương và Thái hậu làm nội ứng, một mình Thừa tướng Lữ Gia làm loạn xin cho tôi 300 dũng sĩ, nhất định sẽ chém được Gia để báo tin về". Thế rồi nhà Hán sai Thiên Thu và em Thái hậu là Cù Lạc đem 2.000 quân tiến vào đất Việt. Lữ Gia

[1] Thông gia: Dịch từ chữ "liên"

[2] Thương Ngô ở trong nước Việt, vương tự xưng là Tần Vương.

bèn hạ lệnh cho trong nước rằng: "Vua tuổi còn nhỏ, Thái hậu vốn là người nhà Hán lại dâm loạn với sứ giả nhà Hán chuyên muốn nội phụ Trung Quốc, đưa hết những đồ châu báu của tiên vương dâng cho nhà Hán để nịnh bợ, đem nhiều người, đi theo đến Tràng An bán đi làm đầy tớ để kiếm món lợi nhất thời cho mình, không đoái gì đến xã tắc họ Triệu và chẳng có ý lo gì đến mưu kế cho muôn đời", thế rồi cùng em đưa quân đánh Hưng, giết Hưng và Cù Hậu, giết hết sứ giả nhà Hán. Hưng chết đặt tên thụy là Ai Vương. Gia sai người báo với Tần Vương ở Thương Ngô **<15b>** cùng các quận ấp lập con cả của Anh Tề là Thuật Dương hầu Kiến Đức làm vua tức là Thuật Dương Vương. Kiến Đức đã lập lên rồi, quân của tướng nhà Hán là Hàn Thiên Thu kéo vào bờ cõi, đánh phá mấy ấp nhỏ. Lữ Gia bèn mở con đường thẳng để cung cấp lương. Quân Hán vào cách Phiên Ngung chưa đến 40 dặm, thì Gia cho quân đánh, giết được bọn Thiên Thu, sai người gói cờ tiết sứ giả của nhà Hán đặt ở biên giới (sử cũ chép là ở đèo Đại Dũ), khéo dùng những lời giả dối để tạ tội rồi cho quân giữ nơi hiểm yếu (bây giờ là mùa đông tháng 11). Vua Hán nghe tin sai Phục Ba tướng quân [(1)] là Lộ Bác Đức đem quân từ Quế Dương đi xuống Ung Thủy, Lâu thuyền tướng quân [(2)] là Dương Bộc đem quân từ Dự Chương đi xuống Hoành Phố". Hai người ở đất Quy Nghĩa, Việt Hầu xưa, Nghiêm là Qua thuyền tướng quân[(3)] và Giáp là Hạ lại tướng quân[(4)] (cả hai người đều không chép họ) ra Linh Lăng, đi xuống Ly Thủy, đến Thương Ngô, Tri Nghĩa hầu là Quý đem quân Dạ lang[(5)] đến sông Tường Kha[(6)] đều hội ở Phiên Ngung. Bấy giờ Tri Nghĩa hầu cầmquân Man đi xuống phương Nam, vua Thả Lan[(7)] sợ đi xa nước bên cạnh, bọn tôi mọi toàn người già yếu **<16a>** bèn cùng với quân lính làm phản giết sứ nhà Hán. Nhà Hán bèn đưa bọn tù người Ba Thục từng đánh Nam Việt, gồm 8 hiệu uý đi đánh Thả Lan.

---

(1) Phục ba tướng quân: Danh hiệu đặt cho những tướng được phái đi đánh ở miền biển phương Nam (phục ba nghĩa là dẹp sóng).

(2) Lâu thuyền tướng quân: Danh hiệu đặt cho những tướng chỉ huy thủy quân, đi thuyền lớn có lầu ở trên.

(3) Qua thuyền tướng quân: Danh hiệu của những tướng chỉ huy các đội thuyền có cắm ngọn giáo ở đầu thuyền.

(4) Hạ lại tướng quân: Danh hiệu đặt cho những tướng chỉ huy các đội thuyền thạo việc xuôi thác ghềnh.

(5) Dạ lang: Một nước cổ, bị nhà Hán tiêu diệt và đặt làm huyện. Nay là địa danh ở Trung Quốc.

(6) Tường Kha: Nay gọi là sông Bắc Bàn của Trung Quốc.

(7) Thả Lan: Một nước thời cổ bị Hán Vũ Đế tiêu diệt và đặt làm quận. Nay là địa danh ở Trung Quốc.

***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:** Tai vạ của Ai Vương dù là do Lữ Gia nhưng thực lại là Cù Hậu. Xét ra nữ sắc làm đổ nước người ta có nhiều mối, nhưng cái triệu chứng nảy sinh thì không thể thấy trước được. Cho nên các tiên vương phải đặt ra lễ đại hôn* [1]*, cẩn thận chỗ quan hệ vợ chồng, phân biệt chỗ hiềm nghi, làm rõ việc mới manh mún, làm đúng đắn ngôi thứ trong ngoài, phải ngăn ngừa việc vào ra, dạy đủ đạo Tam tòng. Như thế tai vạ về sau mới không sinh ra được. Ai Vương ít tuổi không ngăn cấm được mẹ. Lữ Gia đảm đương việc nước, công việc trong ngoài há lại không dự đoán mà biết trước được sao? Khách nước lớn đến, tiếp đón có lễ nghi, chỗ ở có thứ bậc, có số mục cung cấp, có người thù tiếp thì làm sao mà thông dâm với mẫu hậu được? Mẫu hậu ở sâu trong cung, không dự việc bên ngoài,* **<16b>** *có việc ra ngoài thì đi xe bọc da cá, cắm cờ lông đuôi trĩ, cung tần theo hầu, thì sao thông dâm với khách đi sứ được? Bọn Gia toan dập ngọn lửa trong lúc đang cháy khắp đồng, sao bằng ngăn chặn cái cơ họa loạn từ khi chưa nảy nở có hơn không? Cho nên có câu: "Làm vua mà không biết nghĩa của Kinh Xuân Thu, tất phải chịu cái tiếng đứng đầu tội ác; làm bề tôi mà không biết nghĩa của Kinh Xuân Thu tất mắc vào tội giết vua". Minh Vương, Ai Vương, Lữ Gia là những người như thế đấy.*

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Người xưa có câu: "Nước loạn mong có vị tướng giỏi", lại nói: "nhà suy đều bởi tự đàn bà". Trách nhiệm của quan tể tướng, quan hệ của bậc phi tần là rất hệ trọng. Cù Hậu chỉ là gái giăng hoa ở Hàm Đan, tình cờ gặp được con tin là Anh Tề lên làm Hoàng hậu của một nước. Đạo đức làm vợ, nghi thức làm mẹ, ân nghĩa của chồng, kế hoạch cho con, chẳng lẽ tối tăm không biết gì hay sao? Lại còn thèm rỏ rãi đứa trẻ ranh, cam tâm làm tì thiếp cho Hán lật đổ nước người ta, tai họa đến thân. Kẻ cuồng dâm* **<17a>** *như thế không đáng đếm xỉa nữa rồi. Sứ thần của Trung Quốc chẳng lẽ không còn một người nào có thể sai được,mà phải dùng đến người đã từng "trên Bộc trong dâu"*[2] *với Cù Hậu lúc tuổi trẻ. Rõ ràng là đưa mỡ đến*

[1] Lễ đại hôn: Là lễ cưới của các bậc đế vương.

[2] Chữ Hán là "Tang trung kỳ thượng" (trên kỳ trong dâu) câu này trong thơ "Tang trung" ở Vệ phong (Kinh Thi). Sông Kỳ còn có tên là Sông Bộc, nên còn nói "tang gian bộc thượng" (trên bộc trong dâu). Người xưa thường dùng câu này để nói quan hệ trai gái bất chính. Truyện Kiều của Nguyễn Du có câu:

"Những phường trên Bộc trong dâu,
Thì con người ấy ai cầu làm chi".

miệng mèo mà không phiền đến can qua, không cần gì văn cáo. Thế là khinh rẻ người trong nước, làm nhục đến quốc thể, còn gì tệ hơn nữa. Lữ Gia nắm quốc chính, nắm binh quyền, trong ngoài cung phủ không đâu là không do Chủng tể [1] cai quản. Nếu sáng suốt một chút thì phải nghiêm mật phòng ngừa, đặt người dò xét. Lời nói nơi sứ quán không được lọt vào cung cấm, cung tần thị nữ không được ra ngoài cung. Lấy lễ hậu mà tiếp đãi sứ thần, lấy lời khiêm tốn mà tâu lại với thiên triều. Bên ngoài thì tỏ lòng thờ nước lớn, bên trong thì chuẩn bị chống xâm lăng. Họ biết nước mình có người giỏi, dù có mưu đồ thôn tính cũng phải thay đổi, nạn binh đao sẽ được ngăn chặn từ đó. Nhưng lại để cho Cù Hậu gặp Thiếu Quý, công nhiên dâm loạn ở nước mình, cùng nhau bàn mưu đi sang Hán. Ngày tháng dần dà, thư từ qua lại **<17b>**, *đợi đến khi hành trang đã sắm xong, mới dâng thư can. Tiệc rượu không hay, bèn mưu khởi loạn, đến khi quân Hán vào nước, không nghĩ ra được kế gì bèn giết vua, giết sứ giả để chóng diệt vong. Lẽ nào mưu tính việc nước như thế mà muốn thành công được? Cho nên trông vào việc Cù Hậu cuồng dâm và Lữ Gia ngu xuẩn thì biết được sự diệt vong của họ Triệu đã nảy mầm từ khi Anh Tề lập phi và dùng tướng rồi. Bậc làm vua đối với việc kén vợ há không thận trọng được sao?*

Canh Ngọ [111 tr.CN] (Hán Nguyên Đỉnh năm thứ 6, Triệu Thuật Dương Vương năm thứ 1), mùa đông, Dương Bộc nhà Hán đưa 9 nghìn tinh binh, trước tiên đánh hãm Trần Hiệp, phá Thạch Môn (Lữ Gia chất đá ở sông gọi là Thạch Môn), bắt được thuyền chở lương của Việt, nhân buộc thuyền lại, lấy vài vạn người đợi Bác Đức dẫn tội nhân đi đường xa, sau kỳ hẹn mới đến hội với Lâu thuyền tướng quân được hơn nghìn người cùng tiến.

Bác Đức dẫn tội nhân xuất phát từ Thục, đường xa cho nên đến sau kỳ hội quân. Tội nhân chỉ có hơn nghìn người làm lính <18a>. (Sử cũ chép: Bác Đức nói: "Vì đường xa nên đến sau kỳ hẹn" là sai ý của chính văn). Dương Bộc đi trước đến Phiên Ngung, trước Kiến Đức và Lữ Gia đều giữ thành. Bộc tự chọn chỗ tiện lợi đóng ở mặt Đông nam, Bác Đức đóng ở mặt Tây bắc. Vừa chập tối Bộc tấn công đánh bại quân Việt rồi châm lửa đốt thành. Trong thành vốn đã nghe tiếng Bác Đức. Vì trời tối

---

(1) Chủng Tể: Chức quan đặt từ thời Chu, là chức đứng đầu trong lục khanh. Về sau là chức Thượng Thư bộ Lại.

nên không biết quân trong thành nhiều hay ít, Bác Đức bèn đóng doanh trại, sai sứ chiêu dụ những người đầu hàng, cho ấn tín, lại tha cho về để chiêu dụ lẫn nhau. Bộc cố sức đánh đuổi vào trong doanh trại của Bác Đức. Đến tảng sáng trong thành đều hàng. Kiến Đức và Lữ Gia cùng vài trăm người đang đêm bỏ chạy ra biển, lấy thuyền đi về hướng tây. Bác Đức lại dò hỏi những người đầu hàng, biết được chỗ Lữ Gia ở, sai người đuổi theo. Hiệu uý Tư mã cũ là Lưu Hoằng bắt được Kiến Đức, Lữ Gia. Bấy giờ quân của Hạ lại tướng quân, Qua thuyền tướng quân và quân Dạ Lang của Tri Nghĩa hầu chưa đến mà quân Việt đã bị Bác Đức dẹp yên. (Bấy giờ 3 sứ giả trong nước Việt dắt 300 con bò, mang 1.000 vò rượu, cầm sổ hộ của 3 quận Giao Chỉ, Cửu Chân,Nhật Nam **<18b>** đến xin hàng. Lộ Bác Đức nhân đây phong cho 3 sứ giả làm Thái thú 3 quận để cai trị dân như cũ. Xét ra thì Tri Nghĩa chỉ huy quân Dạ Lang, Dạ Lang không chịu theo mà những tội nhân do Bác Đức dẫn đi là những người lấy từ Ba Thục còn Tri Nghĩa đang bị Thả Lan đánh làm sao đến Việt được. Có lẽ đấy là Hạ lại tướng quân. Qua thuyền tướng quân chưa đến kịp, mà sử chép luôn cả là quân Tri Nghĩa hầu chưa đến. Bởi vì theo sự ghi chép cũ của sử nhà Hán mà chưa khảo kỹ đấy thôi). Rồi lấy đất Việt đặt làm 9 quận: Nam Hải (quận cũ của nhà Tần nay là Quảng Đông), Thương Ngô, Uất Lâm (thời Tần là Quế Lâm, Hán Vũ Đế đổi tên), Hợp Phố (thời Tần là Tượng Quận hay là Liên Châu) và Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam (là Tượng Quận thời Tần), Chu Nhai, Đạm Nhĩ (đều ở giữa biển, nay là Quỳnh Châu, Đam Châu). Nhà Hán mỗi quận đều đặt quan Thứ sử, Thái thú để cai trị (Xét thấy Hán Kiến Nguyên năm thứ 6, [135 tr.CN], Thái Thành Vương là Khôi đánh phá Đông Việt nhân uy thế của quân lính sai phiên Dương lệnh là Đường Mông đến ngỏ ý hiểu dụ Nam Việt. Việt Vương lấy cẩu tương[1] của nước Thục đãi Mông, Mông hỏi: "Thứ này ở đâu đưa đến? " Vương trả lời: "Ở quận Tường Kha[2] phía Tây bắc đạo, sông Tường Kha rộng vài dặm chảy ra phía dưới thành Phiên Ngung". Mông về hỏi người đi buôn nước Thục. Người đi buôn nói là chỉ nước Thục có cẩu tương, phần nhiều đem ra bán trộm cho Dạ Lang, Dạ Lang ở sát sông Tường Kha, Nam Việt lấy của cải mua chuộc Dạ Lang, đến đất Đông Sư ở phía Tây nhưng cũng không thần phục được. Mông bèn dâng thư tâu với vua Hán rằng: "Nam Việt Vương đi xe mui vàng

---

[1] Cẩu tương: Một loại cây mọc ở đất Thục, thân như cây dâu, quả dài đến 2,3 tấc, vị chua. Quả dùng làm tương ăn rất ngọt.

[2] Nguyên bản thiếu chữ "Tường Kha", chúng tôi đối chiếu truyện Tây Nam di trong Sử ký mà thêm.

cắm cờ tả đạo, đất đai đông tây rộng hàng vạn dặm, tiếng là ngoại thần nhưng làm chúa một châu. Thần trộm nghe Dạ Lang có thể có được hơn 10 vạn tinh binh, thả thuyền trên sông Tường Kha để "xuất kỳ bất ý", đấy là một kế kỳ diệu để trị nước Việt đấy". Vua Hán cho phép. Thế là sự binh đao ở nước Việt khơi ra từ cẩu tương. Nhà Hán đánh Việt cólệnh phát binh từ Dạ Lang <19a> kéo xuống Tường Kha, thực là vì lời nói của Đường Mông đấy". Nay chép cả lại).

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Lữ Gia can ngăn Ai Vương và Cù Thái hậu chớ xin làm chư hầu nhà Hán, đừng bỏ cửa quan ởbiên giới, có thể gọi là biết trọng nước Việt đấy! Song can không nghe thì về nghĩa là nên đưa hết các bề tôi đến triều đình, trước mặt vua trình bày lợi hại về việc làm tôi nhà Hán xưng đế đất Việt (sử cũ chép "đế Hán" [làm vua nước Hán] có lẽ lầm, chữ "thần Hán" [làm tôi nhà Hán] mới phải) thì Ai Vương và Thái hậu cũng nghe ra mà tỉnh ngộ. Nếu vẫn không nghe theo thì nên tự nhận lỗi mà nên lánh bỏ ngôi của mình. Không thế thì làm như việc cũ của họ Y[1] họ Hoắc[2] là chọn một người con của Minh Vương mà thay ngôi, để cho Ai Vương được như Thái Giáp và Xương Ấp, giữ toàn được tính mệnh mà không mất đường tiến thoái. Nay lại giết vua để hả lòng oán riêng, không cố chết giữ lấy nước khiến cho nước Việt bị chia xẻ, lại vào làm tôi nhà Hán. Tội của Lữ Gia giết chết cũng chưa đáng.*

<19b>Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Ngũ Lĩnh ở nước Việt là hiểm trở, là cửa ngõ của nước, cũng như Hổ Lao[3] của nước Trịnh, Hạ Dương[4] của nước Quắc. Dấy lên làm vua ở nước Việt tất phải canh phòng nơi hiểm trở, để giữ nước không thể để cho mất được. Họ Triệu một khi để mất Ngũ Lĩnh thì nước bị mất, quốc thống bị đứt đoạn, bờ cõi bị cấu xé. Nước Việt ta lại thành cái thế bị cấu xé rồi. Sau này có bậc đế vương nào nổi dậy mà nơi đất hiểm đã bị mất rồi thì khôi phục lại tất nhiên là khó. Cho nên Trưng Nữ*

---

[1] Họ Y: Tức Y Doãn, công thần của vua Thang nhà Thương. Thái Giáp con vua Thang vô đạo, không nghe lời can của Y Doãn, Doãn đầy Thái Giáp ra đất Đồng, sau Giáp hối cải, Doãn lại đón về làm vua.

[2] Họ Hoắc: Tức Hoắc Quang thời Hán, nhận di chiếu của Vũ Đế cho phụ chính giúp Chiêu Đế. Chiêu Đế chết, Quang rước lập Xương Ấp Vương, nhưng Xương Ấp Vương dâm loạn, Quang lại phế đi mà lập Tuyên Đế.

[3] Hổ Lao: Địa danh thuộc Trung Quốc.

[4] Hạ Dương: Kinh đô của nước Bắc Quắc thời Xuân Thu, nay là địa danh của Trung Quốc.

Vương tuy bình định được đất Lĩnh Nam, nhưng không giữ được đất hiểm Ngũ Lĩnh nên cũng mất nước. Sĩ Vương tuy được toàn thịnh nhưng còn là chư hầu của thời ấy, chưa chính vị hiệu, sau khi chết lại bị mất hết. Các triều Đinh, Lê, Lý, Trần chỉ có từ đất Giao Châu trở về nam, không thu phục được đất cũ của Triệu Vũ Đế là thế phải buộc như vậy thôi.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét theo sách Việt chí thì phía Tây huyện Hưng Yên tỉnh Quảng Tây 40 dặm* **<20a>**, *có các thành tương truyền do Tần Thủy Hoàng đắp đê ngăn cách nước Việt. Phía Bắc thành nhà Tần 20 dặm có cửa Nghiêm Quan*[1] *có hai ngọn núi đứng dựa vào nhau, ở giữa chỉ đi lọt một con ngựa Tuyết miền rợ Hồ đến đó thì hết. Tuyết lớn có thể xuống đến Quế Lâm chứ cũng không thể xuống đến phía Nam được nữa. Xét ra việc đắp thành nhà Tần có lẽ vào lúc Thủy Hoàng chưa mở đất Dương Việt, mà khí trời hình đất đã có nam bắc nhất định. Đến khi nhà Tần đặt đất ấy làm quận huyện, Ngũ Lĩnh liền trở thành đất của Trung Quốc. Họ Triệu chiếm cứ của Tần, nhà Hán diệt Triệu mà thu về. Giao Nam ta ở ngoài Ngũ Lĩnh, ban đầu thuộc về Triệu vì Triệu mất, sau gộp vào nhà Hán. Thế là Ngũ Lĩnh vốn đã không phải là địa giới của Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. Giả sử Triệu mà giữ được thì 3 quận ấy cũng chẳng qua là lệ thuộc vào Triệu mà thôi, về sau các triều Đinh, Lê, Lý, Trần chỉ có đất Giao Châu trở về nam,* **<20b>** *không thu phục đất cũ của Triệu Vũ đế không phải là do họ Triệu để mất đất hiểm mà đến nỗi như vậy. Nơi nhà Triệu đặt 3 sứ giả ở trong nước Việt, tức là đất 3 quận ngày nay. Sao lại nhận Ngũ Lĩnh là đất hiểm trở của 3 quận mà tiếc cho triều Đinh, Lê, Lý, Trần không thu lại đất cũ? Nhưng khí trời thế đất đã sắp đặt rồi, thì Giao Nam ta cũng phải có thánh hiền hào kiệt ứng vận trời mà sinh ra. Thành Thang có 70 dặm, Văn Vương có 100 dặm mà cũng đều làm cho chư hầu phải thần phục và có đượcthiên hạ. Nếu sao Đẩu, sao Ngưu gặp thời, ứng với vận trời lại không đáng vượt quá Ngũ Lĩnh lấy cả Trung Nguyên, lại chỉ bo bo ở trong Ngũ Lĩnh mà thôi sao? Tóm lại Lữ Gia là bề tôi lâu của nhà Triệu, đang lúc vua bé nhỏ, nước gian nguy, thờ nước lớn thì vô lễ, mưu giữ bờ cõi*

[1] Nghiêm Quan: Cửa ải hiểm trở, ở cách huyện Hưng Yên, tỉnh Quảng Tây Trung Quốc 17 dặm về phía Nam.

thì trái sách, bên trong thì để Cù Hậu thành được mưu gian, bên ngoài thì gây cho vua Hán động lòng tức giận, không biết lượng sức mình tự chuốc lấy sự diệt vong. Phiên Ngung không giữ nổi như đất lở không cách gì cứu được, bèn để mất cả nước cũ của An Dương Vương <21a>, khiến cho vùng đất Hòa Trọng [1] *chọn ở phải làm tôi tớ cho người phương Bắc. Từ thời Hán cho đến thời Đường năm sáu trăm năm, xét tội người đầu tiên gây ra tai họa thì Lữ Gia không thể tránh được. Nhưng cái đó đều là việc đã qua. Riêng mình Gia không cho việc đượcnhận ấn nhà Hán là vinh dự, dứt khoát giữ vững lập trường cho nội phụ là không lợi, thì không thể bảo là không phải người trí; giết Thiếu Quý, diệt Thiên Thu, đóng gói cờ tiết sứ giả, chiếm giữ nơi trọng yếu, làm hả cơn giận của vua trước ở nơi chín suối, thì không thể bảo là không phải người dũng. Phế bỏ một vua lập một vua, chỉ biết có con cháu Vũ Đế và xã tắc họ Triệu, sống chết vì đó, không nghĩ gì khác thì không thể bảo là người không trung được. Người quân tử bàn về người, nên bàn ở khí tiết. Còn như để mất đất hiểm mà mất nước thì cố nhiên là có tội với họ Triệu, mà từ họ Triệu cho đến ngày nay chưa thể thu hồi được toàn bộ Ngũ Lĩnh để nhìn thẳng vào Trung Nguyên mà tranh giành thì còn phải chờ thời kỳ thánh hiền hào kiệt sinh ra chứ cũng không thể lấy cái đó mà quy tội cho Lữ Gia được.*

<21b> Trên đây kỷ Ngoại thuộc Triệu bắt đầu từ Vũ Đế năm Giáp Ngọ [207 tr.CN] đến Thuật Dương Vương năm Canh Ngọ [111 tr.CN], gồm 97 năm.

Thông luận của sử thần Ngô Thì Sĩ: *Xét từ sau khi HánVũ Đế diệt họ Triệu, đặt đất ấy làm 9 quận trừ khu Chu, Đạm ở giữa biển còn Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam cùng với Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố đều liệt vào bộ Giao Châu, chưa từng có sự phân biệt. Đến Ngô Tôn Quyền mới bắt đầu chia Giao Châu, đặt thêm Quảng Châu. Nhà Đường bắt đầu đặt An Nam Đô hộ, trị sở ở Giao Chỉ thì quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam mới gọi là Giao Châu. Còn An Nam là bắt đầu từ thời Ngô và thời Đường. Thời Hán trở về trước, 9 quận đều thuộc vào nước*

[1] Kính thư thiên Nghiêu điển chép: Vua Nghiêu sai Hy Thúc đánh ở Nam Giao, sai Hòa Trọng đến ở đất phía Tây. Nhưng ở đây tác giả cho rằng nước ta là nơi Hòa Trọng chọn ở. Như vậy có lẽ là nhầm chăng?

Việt. Triệu Đà chuyên chế đất ấy. Riêng 3 quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam thì dùng 3 quan Điển sứ quản lĩnh. Khi nhà Triệu đã bị nhà Hán thôn tính, 3 quan sứ đưa sổ hộ của 3 quận xin hàng **<22a>**, *nhà Hán nhân đấy đặt chức Thứ sử và gọi chung đất Việt là Giao Châu. Có lẽ trong 9 quận ấy thì 3 quận thuộc Giao Châu, 6 quận thuộc Quảng Châu. Lúc bấy giờ Giao Châu trước thuộc về Triệu, sau thuộc về Hán mà Hán thì mạnh hơn Triệu, về sau bị Thứ úy ức hiếp, lý và thế phải như vậy. Đương thời nhà Triệu phải cam tâm chịu sự ức chế của quan Điển sứ, đến khi họ Triệu mất, trong khoảng hơn 90 năm, không một người nào xướng lên tiếng nói chính nghĩa để khôi phục lại đất đai bờ cõi của An Dương Vương là vì sao? Thưa rằng Triệu Vũ là một quan lệnh dấy lên, trí khôn đủ để nhân lúc nhà Tần loạn mà chiếm cứ, về mưu lược thì khuất phục được nhà Hán để tự cường, về sức mạnh đủ sai khiến được Mân Việt, Tây Âu mà ngự trị hàng muôn dặm. Về việc đánh Thục An Dương không mất một mũi tên hòn đạn, lấy được nước và giữ được hơn 50 năm dễ như phủi bụi. Uy danh vang dội, mưu lược bao quát vốn đã không ai dám làm gì. Điển sứ nhận mệnh củaTriệu đến cai trị châu ấy* **<22b>**, *người trong nước coi họ cũng như An Dương từ nước Thục đến làm chủ nước ta. Điển sứ ở kề bên Đà không dám tự xưng vương như An Dương nhưng vận mệnh của Đà nhờ uy của Đà về khí thế mạnh mẽ không khác gì An Dương. Vận hội nước ta chưa mở mang, sau thời Hùng Lạc, dân ta còn chất phác quê mùa cho nên cúi đầu để cho Điển sứ cai trị, cũng như ngày trước cúi đầu với An Dương mà thôi. An Dương quy hoạch Giao Châu làm nước, mà Đà thực kiêm giữ cả Giao Châu và Quảng Châu, thì thế lực của Đà còn gấp 5 lần An Dương. Người phương Bắc thống trị nước ta là vận trời xui nên như thế, chưa có bậc tài đức hơn người sinh ra thời ấy cho nên phải chịu sự thống trị của Triệu, cho đến Hán Đường. Đấy không phải là sức người làm được. Song mạch đất Giao Châu ta thực là từ núi Côn Lôn ăn xuống, về sau Hai Bà Trưng còn biết đem thân con gái mà chống trả với nhà Hán thì đó là một chứng nghiệm: "Đất linh thiêng sinh người hào kiệt"* **<23a>**. *Biết đâu lại không có kẻ chờ thời thế để đắc chí hoành hành ở Trung Quốc cho thỏa sự căm phẫn bị người phương Bắc thống trị chúng ta. Cho nên tôi lấy ngoại thuộc đặt vào họ Triệu, không nhận Đà là vua nước ta là để nước ta tự thành một nước riêng đấy. Đông Di*

sinh ra Thuấn, Tây Di sinh ra Văn Vương. Thuấn và Văn Vương đâu phải ấn định là phải ở đất Trung Quốc mới sinh ra đâu. Khí đến đâu thì lý đến đấy, khí lý đến thì đúng như lời Khổng Tử đã nói: "Việc sau trăm đời có thể biết trước được" là như thế đấy.

HẾT QUYỂN II, NGOẠI KỶ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

NGOẠI KỶ

QUYỂN III

<1a>

KỶ NỘI THUỘC TÂY HÁN[1]

Tân Mùi [110 tr.CN] (Hán, Nguyên Phong năm thứ 1), Hán đã diệt được nhà Triệu, nước Nam ta lại thuộc về Hán. Nhà Hán cho Thạch Đái làm Thứ sử (chế độ nhà Hán lấy châu lãnh quận, trừ Chu Nhai và Đạm Nhĩ đều ở phía biển, còn 7 quận thuộc Giao Châu, Đái làm Thứ sử ở châu. Lỵ sở của châu thời Tây Hán ở Long Biên, thời Đông Hán ở Mê Linh[2]. Sách *Giao Quảng Xuân Thu* của Vương Phạm gọi là Giao Châu, trị sở ở huyện Luy Lâu[3] năm Nguyên Phong thứ 5, chuyển trị

[1] Về trị Sở của Giao Châu mà sử chép là "Thời Tây Hán ở Long Biên, thời Đông Hán ở Mê Linh, có lẽ đều sai. Đến cuối thời Đông Hán sau khi Sĩ Nhiếp kiêm nhiệm 7 quận thì trị sở mới rời đến Long Biên. CMTB quyển 2 chép: khi nhà Hán đặt bộ Giao Chỉ, lỵ sở ở Biên Thụ, năm Nguyên Phong thứ 5, dời sang huyện Quảng Tín, quận Thương Ngô. Đến năm Kiến An thứ 15, đóng trị sở ở huyện Phiên Ngung, nhà Ngô lại dời lỵ sở sang Long Biên còn lỵ sở cũ đặt làm Quảng Châu, như thế thì về thời Tây Hán chưa hề đóng trị sở ở Long Biên; thời Đông Hán chưa hề đóng lỵ sở ở Mê Linh. Việc này sử cũ chép nhầm".

Còn địa điểm Long Biên, thời xưa cho là thành Thăng Long tức Hà Nội ngày nay. Gần đây nhiều nhà nghiên cứu lịch sử cho là vùng Thị Cầu, Bắc Ninh. Tới nay cũng chưa khẳng định.

[2] Mê Linh: Trước là bộ lạc Mê Linh, tương đương với miền Sơn Tây, Phúc Thọ, Thành Mê Linh ở làng Hạ Lôi, huyện Yên Dũng tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay.

[3] Luy Lâu: Tên huyện, đặt từ thời Hán. Nay ở xã Lũng Khê, huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh, còn có dấu vết cũ của thành.

sở về huyện Quảng Tín quận Thương Ngô[1]; năm Kiến An thứ 15, trị sở ở Phiên Ngung. Theo chiếu thư, vì châu ở nơi biên giới khi sai sứ cầm phù tiết, gộp cả 7 quận, đều giao cho kèn trống để thêm uy thế.

Ất Mùi (Hán Chiêu Đế, Thủy Nguyên năm thứ 1), nhà Hán cho Chu Chương làm Thái thú Giao Châu (Thạch Đái mất cho nên Chu Chương thay. Sau các quan thú nhiệm không rõ).

Vương Mãng cướp ngôi. Lúc ấy Giao Châu mục là Đặng Nhượng cùng các quận đóng giữ bờ cõi. Về sau tôn thất nhà Hán là Lưu Tú dấy binh tức là Quang Vũ, tướng là Sầm Bành, vốn thân với Nhượng **<1b>** bày tỏ uy đức của nhà Hán, do đó xướng xuất cho Thái thú Giao Chỉ là bọn Tích Quang cống hiến nhà Hán. Nhà Hán đều phong là Liệt hầu. Lúc ấy năm Kỷ Sửu, Kiến An thứ 5.

Tích Quang là người Hán Trung, thời vua Bình Đế là Thái thú Giao Chỉ. Ở châu ông dạy dân biết lễ nghĩa. Lại có Nhâm Diên người đất Uyển, làm Thái thú Cửu Chân. Tục của người Cửu Chân là đánh cá săn bắn, không biết trồng cấy. Diên bèn sai sắm khí cụ làm ruộng, dạy dân khai khẩn, hằng năm trồng trọt, nhân dân sống đầy đủ. Lại vì dân không biết lễ phép, lấy vợ lấy chồng, không biết thiên tính cha con, đạo nghĩa vợ chồng, bèn dạy dân trong bộ theo lứa tuổi mà lấy nhau. Người nghèo không có lễ cưới thì sai từ quan Trưởng sử trở xuống bớt bổng lộc để giúp đỡ. Cùng một thời kỳ có tới 2.000 người lấy vợ lấy chồng. Những đứa trẻ đẻ ra mới biết họ, biết dòng giống. Mọi người nói: Ta có đứa con này là nhờ có ông Nhâm Diên đấy. Nhiều người còn lấy tên ông để đặt tên cho con[2], ông làm việc 4 năm thì có chiếu đòi về. Người Cửu Chân lập đền thờ sống, văn hóa Lĩnh Nam **<2a>** bắt đầu có là từ hai Thái thú này.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét dã sử thì Hán Vũ Đế năm Bính Tý Nguyên Phong năm thứ 6, cho Thạch Đức làm Thái thú, nhậm chức được 19 năm. Thiếu Đế năm Ất Mùi, Thủy Nguyên năm thứ 1, cho Chu Chương làm Thái thú, nhậm chức 13 năm. Tuyên Đế năm Mậu Thân là năm Bản Thủy thứ 1, cho Ngụy Lãng làm Thái thú, nhậm chức được 25 năm. Nguyên Đế năm Quý Dậu là năm Sơ Nguyên thứ 1, cho Tích Quang làm Thái thú, nhậm chức được 16 năm. Thành Đế năm Kỷ Sửu là năm Kiến Thủy thứ 1, cho Nhâm Diên làm Thái thú Cửu Chân, nhậm*

---

[1] Quảng Tín: Sau đổi làm huyện Thương Ngô, nay thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

[2] Xem Hậu Hán thư quyển 76 Nhâm Diên truyện; quyển 86, Nam Man truyện.

chức được 26 năm. Ai Đế năm Kỷ Mão là năm Kiến Bình thứ 1, cho Đặng Nhưỡng làm Thái thú Giao Chi, lãnh chức châu mục trước sau 30 năm. Ghi chép thế thứ khá rõ. Lại xét sử nhà Hán thời vua Vũ Đế trong năm Chính Hoà, cho Lã Hoằng làm Thứ sử Giao Chi. Thời vua Bình Đế năm Nguyên Thủy cho **<2b>** *Hà Xưởng làm Thứ sử Giao Chi. Sử cũ không chép.*

Nhân chép ra để phòng khi tham khảo.

Giáp Ngọ [34] (Hán Quang Vũ năm Kiến Vũ thứ 10), nhà Hán cho Tô Định làm Thái thú Giao Chi.

Đinh Dậu [37] (Hán Kiến Vũ năm thứ 13) quận Nhật Nam dâng trĩ trắng và thỏ trắng cho nhà Hán, Kỷ Hợi [39] (Hán Kiến Vũ năm thứ 15), Thái thú Giao Chi là Tô Định làm chính sự tham tàn bạo ngược. Trưng Trắc ở Phong Châu nổi binh đánh lại.

Trên đây là thời kỳ thuộc Tây Hán, từ năm Tân Mùi Nguyên Phong năm thứ 1 đến năm Kỷ Hợi Kiến Vũ thứ 15 gồm 149 năm.

Sử thần Ngô Thì Sĩ thông luận: *Từ Triệu Đà làm vuanước Việt chiếm cứ Nam Hải, rồi kiêm tính Giao Châu, hưởng sự tôn quý cưỡi xe hoàng ốc, dựng cờ tả đạo*(1) *hưởng sự giàu có bằng văn tế tứ bối uy danh chế ngự muôn dặm, sai khiến cả các Man Di. Vua nhà Hán nghe tin ấy vốn thường nghĩ tới Vương Tiễn*(2) *oán giận Nhâm* **<3a>** *Hiêu, từ Ngũ Lĩnh trở về phía Nam đâu có tâm để cho họ khác cai trị, chỉ vì vị trưởng lão hàng trăm tuổi không có sơ hở nào có thể thừa cơ, cho nên sứ giả và con tin qua lại thong dong mấy đời, vài quận của Giao Chi vẫn là bày tôi của họ Triệu, cho đến khi bà Hoàng hậu đa dâm động lòng nhớ tới quê hương, quên mưu mô trị nước, dân thì mang đủ giá cơm bầu nước, quân sĩ thì mang theo áo giáp mũ trụ, nên sau Phục ba mới nhân có nhuệ khí mà đón quân. Tuy nói là công việc của người nhưng cũng là thời vận của trời. Ngũ Lĩnh không giữ đượcmà 3 quận cũng mất. Cho nên ban đầu thì ngoại thuộc vào nhà Triệu, nhà Triệu mất thì cuối cùng lại nội thuộc vào nhà Hán. Có lẽ là vận hội đến lúc như vậy đâu phải là người nghĩ đến được. Từ năm Nguyên Phong thời Tây Hán đến năm Kiến Vũ thời Đông Hán khoảng 150 năm, người đến giữ nước ấy chỉ có Tích Quang, Nhâm Diên là chính sự tốt khá rõ rệt. Đâu phải là sử sách ghi*

(1) Cưỡi xe hoàng ốc dựng cờ tả đạo: Ý nói được giữ ngôi báu hưởng giàu sang.

(2) Vương Tiễn: Là một tướng giỏi nổi tiếng của Trung Quốc thời Tần Thủy Hoàng.

chép thiếu, hay là khó có người quan lại lương thiện, mà trong 150 năm không hề có sự phản trắc nếu không phải cái khổ bị xâm lăng không thậm tệ như quan lại ở Chu Nhai **<3b>** *Đạm Nhĩ, tức là phong tục chất phác quê mùa cũng dễ trị hơn dân ở Chu Nhai, Đạm Nhĩ. Cho nên người Hán không cưỡng ép hai quận nội thuộc. Hán Nguyên Đế năm Sơ Nguyên thứ 1, mùa xuân, người Hán bãi bỏ quận Chu Nhai. Quận Chu Nhai, Đạm Nhĩ ở bãi giữa biển. Quan quân của Chu Nhai đều là người Hán phần lớn là xâm lăng. Dân ở đó vài mươi năm một lần phản lại, giết quan lại, người Hán liền cho quân đánh dẹp đến bấy giờ các huyện chống lại, nhà Hán liền mấy năm không bình định được. Vua Hán bàn với quần thần dùng kế sách của Giả Quyên Chi* [1] *bãi bỏ đi. Có ai muốn nội thuộc thì cho ở, không muốn thì không ép thế mà Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam lại không chịu bỏ. Có lẽ lúc đó không có người hào kiệt nổi lên, cho nên phải cam tâm làm tôi tớ cho người phương Bắc. Thật là một điều đáng than thở cho cái đạo ở đời đấy, chỉ vì nước ta ở xa ngoài biển, văn vật thời Hán, thời Chu thấm thía hơi chậm. Có Tích Quang thì giáo hóa về lễ nghĩa sáng sủa, có Nhâm Diên thì luân lý vợ chồng được đúng đắn. Bắt đầu từ giáohóa của một thời, dần dần thành phong hóa đẹp hàng trăm đời, khiến cho nước nổi tiếng văn hiến; được Bắc triều tôn trọng, các nước phải kính nể, suy nguyên từ đầu thì công của hai Thái thú là lớn lắm đấy. Còn như Triệu Đà bắt nước ta lệ thuộc mà không có* **<4a>** *công đức gì đến đời sau thì há chẳng phải là người có tội với hai Thái thú đó sao?*

<4a>

KỶ TRƯNG NỮ VƯƠNG

Trưng Vương (Họ Trưng húy Trắc, người huyện Mê Linh thuộc Phong Châu là con gái quan Lạc tướng và là vợ Thi Sách người huyện Chu Diên[2]. Dấy binh được 3 năm thì mất. Đóng đô ở Mê Linh. Vương là người con gái, hô một tiếng mà đuổi được bọn Thái thú phương Bắc như là đuổi

[1] Giả Quyên Chi: Người thời Hán, tự là Quân Phòng, thời Nguyên Đế dâng sớ tâu việc thắng bại, được mời vào làm chức đãi chiếu. Chu Nhai làm phản, triều đình bàn đưa quân đi đánh, Giả Quyên Chi cho là không nên, do đó bãi bỏ quận Chu Nhai.

[2] Chu Diên: Huyện Chu Diên, trước là bộ lạc Chu Diên tương đương với đất tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) và tỉnh Nam Định ngày nay.

bọn nô lệ, bình định đất Ngũ Lĩnh, dựng nước xưng vương, thực là bậc hào kiệt trong giới nữ đấy. Nhưng vì tài yểu điệu, lại là lúc vận nước đương đen tối nên không thể giữ trọn được công lao. Đáng tiếc thay!)

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Xét thấy sau thời Hùng Lạc, quốc thống bị mất từ lâu. Đến bây giờ Trưng Vương tự lập. Sử cũ vội cho là chính thống nhưng xét họ Trưng dựng nước, trước sau mới 3 năm, bỗng chốc dấy lên, bỗng chốc bị diệt. Có lẽ chưa thành một nước, cho nên xử chí theo chế độ các nước mà chia dòng ghi chú số năm vào giữa triều nhà Hán.*

Canh Tý [40] (Trưng Nữ Vương năm thứ 1, Hán Kiến Vũ năm thứ 16), tháng 2, mùa xuân, Trưng Trắc, người con gái **<4b>** huyện Mê Linh thuộc Phong Châu, nổi binh đánh đuổi Thái thú là Tô Định. Trước kia, chồng Trưng Trắc bị Định giết chết, Trắc căm thù, lại khổ vì bị Tô Định lấy pháp luật gò bó, bèn cùng em gái là Trưng Nhị khởi binh, đánh hãm lỵ sở của châu, Tô Định bỏ chạy về. Trưng Trắc thực là hùng dũng, đến đâu đều như có gió cuốn, mường mán ở Nam Hải, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng. Bình định được hơn 50 thành(1) ở Lĩnh Nam, tự lập làm vua. Thứ sử và các Thái thú chỉ tự giữ được nơi mình ở (theo dã sử, lúc vua xuất quân, tang chồng chưa hết, bà trang điểm rất đẹp, các tướng hỏi, bà nói: Việc binh không để ảnh hưởng. Nếu giữ lễ mà làm xấu dung nhan thì nhuệ khí tự nhiên suy kém. Cho nên ta mặc đẹp để mạnh thêm màu sắc của quân,và khiến cho bọn giặc trông thấy động lòng, lợi là chí tranh đấu, thì dễ giành phần thắng. Mọi người tạ từ, cho mình không theo kịp(2).

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Xét từ khi Vũ Đế dẹp được Nam Việt, đặt 7 quận Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam gọi tắt là Giao Châu quận. Thuộc về Nam Hải gồm 7 thành là Phiên Ngung, Bác La, Trung Túc, Long Xuyên, Tứ Hội, Yết Dương, Tăng Thành; thuộc về Thương Ngô, gồm 11 thành là Quảng Tín, Tạ Mộc, Cao Yến, Phong Dương, Lâm Hạ, Đoan Khê, Phùng Thừa, Phú Xuyên, Lệ Phố, Mãnh Lăng, Chương Bình. Thuộc về Uất Lâm gồm 11 thành là Bố Sơn, An Quảng, A Lâm, **<5a>** Quảng Châu, Uất*

(1) Các sách khác đều chép 65 thành.

(2) Sự tích về Hai Bà Trưng, ngoài các bộ sử chép ra còn thấy chép trong *Lĩnh Nam Chích quái, Việt điện U linh* và các thần tích, phả lược, bi ký.

Lâm, Trung Truy, Quế Lâm, Hôn Trung, còn 3 thành khuyết danh; thuộc về Hợp Phố gồm 5 thành là Hợp Phố, Từ Văn, Cao Lương, Lâm Nguyên, Chu Nhai; thuộc về Giao Chỉ gồm 12 thành là Long Biên, Luy Lâu, Yên Định, Câu Lâu, Mệ Linh, Khúc Dương, Bắc Đới, Kê Từ, Tây Vũ, Chu Diên, Phong Khê, Vọng Hải; thuộc về Cửu Chân gồm 5 thành là Tế Phố, Cư Phong, Hàm Hoan, Võ Công, Vô Biên; thuộc về Nhật Nam gồm 5 thành là Tây Quyển, Chu Ngô, Lư Dung, Tượng Lâm, Tỷ Can. Tổng cộng là 56 thành. Mới đặt hai thành là Phong Khê và Vọng Hải thôi. Sử cũ theo sai lầm của sử nhà Hán chép là 65 thành cho nên cải chính lại. Xét ra Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam là đất Thục, không giữ đượcmà rơi vào nhà Triệu. Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố là đất của nhà Triệu không giữ được mà bị nhà Hán thôn tính. Trưng Trắc là người đàn bà góa trong bộ Giao Châu, không có một tấc đất, 1 người dân. Chỉ vì mối thù của chồng đã nổi binh phất một ngọn cờ mà 5 bộ theo như hình theo bóng. Chiếm được đất đai 56 thành dễ như người phủi bụi trên rương trên hòm, khiến cho các quan thú, quan uý cai trị 150 năm nay cũng **<5b>** *phải bó tay chẳng làm gì được. Ôi! Khí anh linh của trời đất không chung đúc vào bậc nam tử mà lại chung đúc vào người đàn bà như thế. Giả sử lòng trời ban phúc cho đất Lạc Việt thì cả trong vùng đất Kinh Dương cũng có thể có được chứ đâu phải chỉ đất Ngũ Lĩnh mà thôi. Cho nên người tiếc đất Ngũ Lĩnh thì nên tiếc vào sau khi Bà Trưng mất chứ không đáng tiếc vào trước khi nhà Triệu mất.*

Tân Sửu [41] (Trưng Nữ Vương năm thứ 2, Hán Kiến Vũ năm thứ 17), nhà Hán vì thấy Bà Trưng xưng Vương, đem quân sang đánh hãm thành ấp, các quận biên giới bị khổ sở, bèn hạ lệnh cho Trường San, Hợp Phố, và Giao Châu chuẩn bị xe thuyền, sửa sang cầu đường, thông khe suối, tích lương thực, cho Mã Viện làm Phục ba tướng quân, Phù Lạc hầu Lưu Long làm phó. Viện đem Lâu thuyền tướng quân là bọn Đoan Chí sang xâm lấn.

Nhâm Dần [42] (Trưng Nữ Vương năm thứ 3, Hán Kiến Vũ năm thứ 18), mùa xuân, tháng giêng, Mã Viện men theo đường biển mà tiến, san núi làm đường hơn một ngàn dặm đến hồ Lãng Bạc (con đường phía Tây của LaThành tức Hồ Tây ngày nay), đánh nhau với Trưng Vương. Trưng Vương**<6a>** thấy quân Hán mạnh, tự nghĩ quân mình ô hợp, sợ

không chống nổi, lui quân về giữ đất Cấm Khê[1] (sử cũ chép là Kim Khê), quân cũng cho rằng vua là đàn bà không địch nổi quân Hán, bèn chạy tán tác. Quốc thống lại mất.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Trưng Trắc, Trưng Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà cả Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố và 56 thành ở Lĩnh Ngoại đều hưởng ứng. Bà dựng nước, xưng vương dễ như trở bàn tay. Như thế đủ thấy hình thế đất Việt ta có thể dựng được cơ nghiệp bá vương. Tiếc rằng người tiếp sau họ Triệu đến trước thời Ngô, trong khoảng hơn một ngàn năm, đàn ông chỉ cúi đầu, bó tay làm tôi tớ cho người phương Bắc, không biết xấu hổ với hai chị em họ Trưng là đàn bà, ôi có thể gọi là tự bỏ mình đấy!*

Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Từ khi Cù Thị gây nạn, vua Nguyên Đỉnh[2] dùng hết sức quân, 7 quận Lĩnh Nam bị người ta sai khiến, những người có trách nhiệm chăn dắt dân, ngoài 2 Thái thú Tích Quang, Nhâm Diên ra, thì Thạch Đái* **<6b>** *Chu Chương không có chính sự gì đặc biệt mà còn tham lam hà khắc, dân không chịu nổi. Còn như Tô Định lại có thể nào dung thứ cho chúng một ngày làm càn được sao! Trưng Vương là dòng dõi bực thần minh, nhân lòng dân oán hận, nổi giận, khích lệ người cùng chung mối thù. Nghĩa binh đi đến đâu gần xa đều hưởng ứng 65 thành ngoài miền Ngũ Lĩnh một buổi sớm đều được thu phục, người dân chịu khổ sở từ lâu, không khác gì đã ra khỏi vực thẳm được thấy mặt trời. Bà quả là bậc anh hùng khí khái hơn người. Tuy rằng quân mới tập hợp, bị tan rã khi đã thành công, cũng làm hả được lòng căm phẫn của thần dân một chút. Lại cảm nghĩ rằng cơ nghiệp giàu mạnh của họ Triệu, rút cuộc bị một mụ đàn bà ở Hàm Đan cướp đoạt. Khi đất nước bị chìm đắm, thì lại hầu như được khôi phục do một nữ chúa ở Mê Linh. Lúc đó bậc con trai mày râu phải cúi đầu ngoan ngoãn tuân theo không dám làm gì, chẳng đáng khen lắm sao?* **<7a>**.

Trên đây Trưng Nữ Vương bắt đầu từ năm Canh Tý [40] (Hán Kiến Vũ năm thứ 16) kết thúc năm Nhâm Dần [42] (năm Kiến Vũ thứ 18) gồm 3 năm.

---

[1] Địa điểm Bà Trưng lui quân về giữ có hai ý kiến: Một cho là vùng huyện Cấm Khê, tỉnh Vĩnh Phúc, ý kiến nữa cho rằng chữ Cấm Khê gần với chữ Kim Khê mà Kim Khê là dịch từ tên khe vàng ở Hà Tây.

[2] Vua Nguyên Đỉnh: Tức Hán Quang Vũ.

Sử thần Ngô Thì Sĩ thông luận: *Không gì khó thu phục bằng lòng người, không gì khó tập hợp bằng thế nước, càng không gì khó bằng một phụ nữ mà tập hợp được nhiều nam giới làm người cùng chí hướng với mình. Nước An Nam nội thuộc đã lâu, phục tùng pháp chế cho là nên, chịu bọn tướng lại thống trị cho là thường, người căm phẫn thì cây trên mộ đã vừa người ôm, kẻ sinh sau lòng vẫn bình thản, người muốn hăng hái lên cũng không có đất dụng võ, mà người phương Nam phải khiếp sợ. Viêm Chính trùng hưng, bậc trí dũng tập hợp lại, ai dám vì thấy người phụ nữ mềm yếu trỗi dậy, mà chống với lòng phẫn nộ của con hổ dựa vào vách núi được sao? Bà Trưng, một đàn bà góa vấn tóc lên, con trai trong cả nước đều cúi đầu chịu sự chỉ huy. Quan chức ở hơn 50 thành cũng phải nín hơi không dám kháng cự. Lưu Văn Thúc[1] là người* **<7b>** *diệt được quần hùng, chống được đại địch mà khi tập hợp quân, điều khiển tướng cùng dụng cụ xe thuyền lương thực đến nỗi mất ăn mất ngủ vì lo việc ngoài biên. Mã Phục ba[2] làm cỏ nước Tiên Linh[3], đánh tan nước Tham Lang[4] một cách an nhàn, thế mà khi đóng quân ở Lãng Bạc, khi nghĩ đến được ngồi xe hạ trạch, cưỡi ngựa khoản đoạn[5] mà bây giờ phải đau đáu buồn về lời nói của Thiếu Du[6] muốn làm mà không được.*

Tiếng tăm của Bà chấn động cả Man Di, Hoa Hạ, cơ nghiệp mở mang của bà khuấy động cả đất trời. Ôi thật anh hùng thay! Còn việc thắng bại của nhà binh là không thường số năm dài ngắn là có số, người quân tử không kể đến. Theo Bắc sử, thời Hán thời Đường cũng có vua đàn bà. Lã Trĩ [7], Võ

---

[1] Lưu Văn Thúc: Tên của Hán Quang Vũ.

[2] Mã Phục ba: Tức Mã Viện.

[3] Nước Tiên Linh: Một trong những tộc Khương ở phía Tây thời Hán, bao gồm miền đất từ huyện Đạo Hà tỉnh Cam Túc đến vùng Thanh Hải, Trung Quốc.

[4] Tham Lang: Một bộ tộc ở Tây Thành, Trung Quốc.

[5] Xe hạ trạch: Là loại xe trục ngắn có thể đi qua chằm nước được; Ngựa khoản đoạn: Ngựa đi thong thả. Câu này ý nói khi Mã Viện đi đánh Tiên Linh và Tham Lang thì thong dong, mà đến đây thì phải lo sợ vất vả.

[6] Hậu Hán thư, Mã Viện truyện chép: Viện nói với liêu thuộc rằng: "Em họ ta là Thiếu Du, thường thường khen ta là người khảng khái, có nhiều chí lớn, nhưng lại nói với ta rằng: "Người sĩ phu sống ở đời chỉ cốt làm sao cho đủ ăn đủ mặc cưỡi con ngựa đi thủng thẳng, ngồi cỗ xe lăn khoan thai, làm cái chức chuyên lại để giữ mồ mả cha ông, làng xóm khen là được rồi muốn cầu cho thừa thãi chỉ khổ đến thân mà thôi".

[7] Lã Trĩ: Tức Lã Hậu vợ Hán Cao Tổ.

Chiếu [1] *đều dựa vào sự tôn quý của mẫu hậu, nước là nhà, vua là con nắm quyền sinh sát định đoạt, để dễ bề lung lạc bốn bể, cổ vũ hào kiệt. Còn như Bà Trưng chỉ là một đàn bà bình thường thì thực là khó đấy. Trong Nam sử, thời nội thuộc nhà Lương nhà Trần có Lý Nam Đế và Triệu Việt Vương, hoặc là nhà hào phú hoặc nhà đời đời làm tướng, hoặc làtrong dòng họ, lòng người <8a> vốn đã phục, thế nước ổn định. Còn Bà Trưng là đàn bà con gái thì lại khó đấy. Tuy thế cũng chưa phải là lạ lắm. Chỉ vì chồng mà căm phẫn, em vì chị cố gắng, tiết phụ nghĩa nữ ở cả trong một nhà, đó mới là lạ. Những vua mất nước thì hoặc bị bắt hoặc đầu hàng, con gái trong cảnh nhà tan hoặc bỏ đi hoặc chịu nhục. Bà Trưng chị chết vì xã tắc 3 năm, Bà Trưng em cũng tuẫn tiết. Sợi dây buộc cổ của Tử Anh*[2] *không dùng vào đâu, cung của hai cô họ Kiều*[3] *xây dựng uổng. Vua tôi Văn Thúc không được mát dạ vẫn thỏa lòng. Tuy bại mà vẫn vẻ vang, tuy chết mà tiếng bất hủ, thế mới càng lạ. Ôi son phai phấn nhạt, xưa nay chôn vùi biết bao nhiêu khách má hồng! Từ khi bà Nữ Oa luyện đá vá trời* [4] *về sau chỉ còn chị em nhà họ Trưng mà thôi. Còn tẹp nhẹp như Triệu Ẩu, Trần Thạc Trinh thì kể làm gì (đời Đường Cao Tông, con gái châu mục là Trần Thạc Trinh làm phản, tự xưng là Văn Giai Hoàng đế).*

KỶ NỘI THUỘC ĐÔNG HÁN

<8b> Quý Mão [43] (Hán Kiến Vũ năm thứ 19, năm ấy họ Trưng mất), mùa xuân, tháng giêng, Trưng Trắc cùng em là Trưng Nhị đánh nhau với quân nhà Hán, bị thua chỉ còn lại bọn Đô Dương về tụ tập ở

[1] Võ Chiếu: Tức Võ Tắc Thiên vợ Đường Cao Tông.

[2] Triệu Cao giết Nhị Thế lập Tử Anh lên, bỏ đế hiệu, xưng vương. Khi quân Bái Công đến Bái Thượng, Tử Anh đi xe trắng ngựa trắng, quấn sợi dây vào cổ đến tận nơi dâng ấn xin hàng. Ở đây ý nói Hai Bà không đầu hàng giặc.

[3] Hai người con gái của Kiều Huyền đều là người xinh đẹp nổi tiếng trong nước. Cô chị gả cho Tôn Sách, cô em gả cho Chu Du. Tào Tháo xây cung Đồng Tước trên sông Chương Hà, định đánh Đông Ngô bắt hai chị em cô Kiều về sống ở cung để vui thú tuổi già. Thế nhưng sau trận Xích Bích, quân Tào Tháo bị đại bại, Tháo chạy thoát thân, rốt cuộc cung Đồng Tước vẫn bỏ không.

[4] Theo thần thoại, xưa kia trời thiếu góc tây bắc, Nữa Oa luyện đã ngũ sắc để vá, từ đấy trời mới đầy đủ trọn vẹn.

Cửu Chân. Viện lại truy kích đến huyện Cư Phong[1] thì đầu hàng. Kiều Nam bị bình định hết, [Mã Viện] bèn dựng cột đồng ở Kiều Nam biên giới cuối cùng của nhà Hán, nêu rõ pháp chế cũ để cai quản, từ đấy về sau xứ Lạc Việt phải làm theo công việc cũ của Mã tướng quân. Nước Việt ta lại thuộc vào nhà Hán (theo sách *Thủy Kinh chú,* nói Mã Văn Uyên[2]) dựng kim tiêu làm địa giới cuối cùng ở phía Nam. Kim tiêu tức cột đồng đấy. Theo sách Thông giám, Kỷ nhà Tùy thì Lưu Phương qua sông Đồ Lê đánh tan quân Lâm Ấp. Đuổi quá phía Nam cột đồng của Mã Viện, 8 ngày đến thủ đô của nước ấy, Đỗ Hựu nói phía Nam Lâm Ấp đi hơn 2 nghìn dặm có 2 cột đồng của Mã Viện chôn ở Tây Đồ Di đó là chỗ nêu địa giới đấy. Núi Đồng Trụ chu vi 10 dặm,hình như cái lọng. Phía Tây vượt qua mấy tầng đồi núi, phía Đông đến biển lớn. Tống Bạch nói: Mã Viện đánh Giao Chỉ. Từ Nhật Nam đi hơn 400 dặm đến Lâm Ấp. Lại đi về phía Nam hơn hai nghìn dặm có nước Tây Đồ Di. Viện tới nước ấy, đúc 3 cột đồng ở biên giới Tượng Lâm để chia bờ cõi với Tây Đồ Di, từ Giao Chỉ đến cột đồng 5 nghìn dặm. Theo thuyết họ Tống, họ Đỗ thì cột đồng ở phía Nam Lâm Ấp. Theo sử nhà Tùy chép: Lưu Phương đánh Lâm Ấp, đuổi quá cột đồng Mã Viện 8 ngày đến thủ đô của nước ấy. Vậy thì Lâm Ấp lại ở phía Nam cột đồng. Hoặc là Lâm Ấp sau này càng lớn kiêm tính Tây Đồ Di làm thành một nước **<9a>** cũng chưa biết được. Theo sách *Minh thống chí* thì cột đồng ở trên động Cổ Xâm[3], Mã Viện có lời thề rằng: "Cột đồng gãy thì Giao Chỉ bị diệt". Người Việt ta mỗi lần đi qua, thường lấy đá đắp vào, bèn thành gò cao vì sợ cột gãy đấy. Khâm Châu ở phía Tây châu Hải Đông[4] của nước ta, cách 300 dặm có núi Phân Mao[5], ở giữa núi có cột đồng lớn hơn 2 thước. Trong năm Nguyên Hòa nhà Đường, Đô hộ là Mã Tổng lại dựng cột đồng ở chỗ cũ của nhà Hán. Chỗ ấy có thể là của Tổng dựng để nêu rõ là con cháu Mã Viện), Mã Viện vì thấy huyện Tây Vu có 3 vạn 3 nghìn hộ, nhân đó xin chia làm 2 huyện Phong Khê và Vọng Hải, vua Hán nghe theo. Viện lại đắp thành

---

[1] Cư Phong: Tên huyện Cửu Chân tương đương với miền đất huyện Thọ Xuân và huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa.

[2] Mã Văn Uyên: Mã Viện.

[3] Cổ Xâm: Tên động ở phía Nam Châu Khâm gần biên giới nước ta.

[4] Hải Đông nay là tỉnh Quảng Ninh.

[5] Núi Phân Mao: Theo *Đại Thanh nhất thống chí* thì núi Phân Mao ở động Cổ Xâm, cách Châu Khâm 3 dặm về phía Tây. Tục Truyền trên đỉnh núi cỏ tranh mọc san sát, ngọn cỏ tự nhiên rẽ hai hướng bắc và nam cho nên gọi là núi Phân Mao.

Kiển Giang[1] ở Phong Khê. Thành tròn như cái kén cho nên lấy nó làm tên. Sau 3 năm, Viện về, người ở đó thương mến Trưng Vương lập đền thờ Bà (đền ở sông Hát Giang, huyện Phúc Lộc. Theo *Biệt Lục* chép, quân của Hai Bà thua, lên núi Hy Sơn rồi không biết đi đâu. Đền thờ Bà Trưng hương án đồ thờ toàn sơn đen, tuyệt nhiên không có màu đỏ. Dân ở địa phương không dám mặc áo đỏ. Những người đến yết cáo thăm hỏi mặc áo đỏ đều phải cởi ra không ai dám phạm đến lệ cấm. Tục truyền rằng: Trưng Vương chết vì việc binh đao, nên kiêng màu đỏ vì đó là màu máu).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Bà Trưng căm phẫn nhà Hán bạo ngược, vung tay hô một tiếng mà quốc thống nước ta gần như được khôi phục. Khí khái anh hùng đâu có phải chỉ riêng lúc sống* **<9b>** *dựng nước xưng vương mà sau khi mất đi vẫn có thể chống được tai hoạ. Phàm gặp phải nạn hạn lụt, cầu khấn đều có linh ứng, Bà Trưng em cũng như vậy, có lẽ người con gái có đức hạnh của kẻ sĩ, khí hùng dũng ở trong trời đất không vì bản thân mất đi mà sút kém đấy. Bậc đại trượng phu há lại không nuôi dưỡng chí khí cương trực chính đại hay sao?*

Giáp Tuất [74] (Hán Minh Đế, Vĩnh Bình thứ 17), Đạm Nhĩ đến cống nhà Hán, (người Đạm Nhĩ sinh ra thường xăm ở mặt xuống đến tai làm vài giòng thành hình như lòng gà loăn quăn rủ xuống đến vai).

Giáp Thân [84] (Hán Chương Đế, Nguyên Hòa năm thứ 1), Nhật Nam dâng tê sống và trĩ trắng cho nhà Hán.

Canh Tý [100] (Hán Hòa Đế, Vĩnh Nguyên năm thứ 12), mùa hạ, tháng 4, Man Di ở Nhật Nam, Tượng Lâm làm phản, quân của quận đến đánh dẹp được.

Tân Sửu [101] (Hán Vĩnh Nguyên năm thứ 13) vua nhà Hán ban chiếu phát chẩn và cho người nghèo vay ở Nhật Nam. Lại ban chiếu**<10a>** cho dân ở Tượng Lâm ai làm ruộng và trồng dâu thì cấp cho thóc giống và cho người quá nghèo thóc ăn.

Nhâm Dần [102] (Hán Vĩnh Nguyên năm thứ 14), Hán bắt đầu đặt chức quan Tướng binh trưởng sử (Tướng binh trưởng sử ở quận Nhật Nam còn gọi Tướng binh tư mã). Tháng 7, nhà Hán ban chiếu miễn cho huyện Tượng Lâm thuế canh tô ruộng và cỏ khô 2 năm.

---

[1] Thành Kiển Giang: Mã Viện xây ở Phong Khê, có lẽ là nhân địa điểm thành Cổ Loa cũ mà xây lên.

Giáp Dần [114] (Hán An Đế, Nguyên Sơ năm thứ 1), tháng 3 năm Kỷ Mão, đất Nhật Nam bị rạn tới 182 dặm (theo sử cũ, nước Việt ta nội thuộc từ năm Hán Kiến Vũ trải đến Minh, Chương, Hoà, Thương, An đế gồm 5 đời cộng 82 năm. Riêng thời Minh đế người Nam Dương là Lý Thiệu làm Thái thú Nhật Nam thi hành chính sách ban ơn, đưa tục lạ đến, đổi Thái thú Cửu Chân. Quan lại có năng lực là như vậy, bởi vậy chép lại tất cả để tham khảo cho đầy đủ).

Bính Tý [136] (Hán Thuận Đế, Vĩnh Hòa năm thứ 1), Thái thú Giao Chỉ là Chu Xưởng cho rằng Giao Châu ở ngoài 9 châu, ngoài đất Bách Việt, bèn dâng biểu xin đặt chức quan Phương bá[1]. Nhà vua cho Xưởng làm Thứ sử đô giám quận huyện. **<10b>**

Đinh Sửu [137] (Hán Vĩnh Hòa năm thứ 3), người Man ở Tượng Lâm, Nhật Nam, là bọn Khu Liên đánh quận huyện, giết trưởng lại. Thứ sử Giao Châu là Phàn Diễn đem quân ở châu và ở quận Cửu Chân hơn 1 vạn người đến cứu, quân sĩ sợ đi xa. Mùa thu, tháng 7, quân ở 32 quận làm phản, đánh phủ trị. Diễn tuy đánh tan kẻ làm phản, nhưng thế của Man lại mạnh lên (theo Hán sử, huyện Tượng Lâm quận Nhật Nam xưa kia là địa giới Việt Thường tức là Lâm Ấp. Từ khi Mã Viện mở rộng cảnh thổ phía Nam của nhà Hán, đặt ra huyện này. Đất ở huyện này bề rộng tới 600 dặm, cách biên giới Nhật Nam hơn 400 dặm, phía Bắc sát với Cửu Đức, cho nên nó đến xâm lược bất thường. Cuối thời Hán đại loạn, con của Công Tào[2] là Khu Liên giết huyệnlệnh tự lập làm vua. Có bản chép là Khu Đạt (區達) bản này chú là Khu Lân (區憐) có lẽ là đồng âm mà đọc sai đấy).

Mậu Dần [138] (Hán Vĩnh Hòa năm thứ 3)[3] Mùa hạ, tháng 5, thị Ngự sử là Giả Xương cùng với châu quận đánh bọn Khu Liên không được, bị quân Khu Liên vây đánh. Hơn một năm quân lương không tiếp tục chuyển được, vua Hán triệu tập công khanh trăm quan, và các thuộc lại 4 phủ để hỏi phương lược, mọi người đều bàn nên sai tướng đưa 4 vạn người ở 4 châu Kinh, Dương, Duyên, Dự tới đó. Lý Cả bác đi nói rằng: "Kinh Dương giặc giã tụ tập. Trường Sa **<11a>**", Quế Dương đã nhiều lần bị điều động, nếu nay lại huy động thì tất sinh hoa. Người Châu Duyên, Châu Dự phải đi xa hàng vạn dặm, chiếu thư thúc giục tất họ sẽ chạy

[1] Phương bá: Chức đứng đầu chư hầu một phương.

[2] Công tào: Chức quan ở quận giữ việc xét chọn người có công lao.

[3] ĐVSKTT chép là Hán Hoàn Đế Nguyên Gia năm thứ 2.

trốn làm phản. Phía Nam châu ẩm thấp nóng nực lại thêm chướng khí, cơ bị bại vong 10 phần chắc đến 4, 5. Đi xa hàng vạn dặm, quân lính mỏi mệt, khí giới Lĩnh Nam không thể chiến đấu được, quân đi mỗi ngày được 30 dặm mà Châu Duyên, Châu Dự cách Nhật Nam hơn chín nghìn dặm, đi 300 ngày mới tới. Tính ra mỗi người lương ăn mỗi ngày phải 5 thăng, gạo phải dùng tới 60 vạn hộc, chưa kể đến lương thực của tướng lại ngựa lừa. Đóng quân ở đó bị chết ắt nhiều. Đã không đủ sức chống giặc, lại còn phải bắt thêm. Như vậy là cắt lòng ruột để vá chân tay. Cửu Chân, Nhật Nam cách nhau nghìn dặm, đến lại dân nơi ấy họ còn không chịu, huống chi lại làm khổ quân ở 4 châu để cứu nạn cách hàng vạn dặm. Trước kia trung lang tướng là Doãn Tựu đánh họ Khương làm phản ở Ích Châu. Người Ích Châu có câu rằng: "Giặc đến còn khá, họ Doãn đến thì ta chết". Sau đến vời về, đem quân giao cho **<11 b>** Thứ sử là Trương Kiều. Kiều sẵn tướng lại ấy, chỉ trong 10 hôm diệt được hết bọn cướp. Như vậy kết quả là sai tướng đi cũng vô ích, và kinh nghiệm về châu quận có thể dùng được đấy. Vì thế lại chọn những người dũng lược nhân huệ, có thể làm tướng suý được cho làm thái sử, Thái thú. Di chuyển những lại dân ở Nhật Nam về phía Bắc dựa vào Giao Chỉ. Lại mộ người Man Di khiến họ đánh lẫn nhau, chuyên chở vàng lụa cho làm của riêng, kẻ nào làm kế phản gián gọi đến, đầu hàng thì hứa cắt đất trước kia phong cho. Thứ sử Tính Châu là Chúc Lương, tính dũng cảm cương quyết; Trương Kiều trước kia ở Ích Châu có công đánh giặc, đều nên bổ dụng. Bốn phủ đều theo lời bàn của Lý Cố. Cho Lương làm Thái thú Cửu Chân, Kiều làm Thứ sử Giao Châu. Kiều đến với lòng thành thực an cư, dụ dỗ mọi người đều hàng phục. Lương một mình đi xe đến Cửu Chân nói rõ uy tín, người ra hàng có tới hàng vạn, rồi xây dựng phủ trị cho Lương. Lĩnh Ngoại lại được dẹp yên.

Giáp Thân [144] (Hán Kiến Khang năm thứ 1), mùa thu, tháng 8, vua Hán mất. Mùa đông, tháng 10, Nhật Nam lại đánh phá **<12a>** đốt quận ấp. Thái thú Cửu Chân là Hạ Phương gọi người đầu hàng mà vỗ về yên ủi, liền chuyển làm Thái thú Quế Dương, lấy Lưu Tảo thay chức của Phương.

Đinh Dậu [157] (Hán Hoàn đế Vĩnh Thọ năm thứ 3), mùa hạ, tháng 4,quận Cửu Chân nổi lên bị người Hán đánh tan.

Canh Tý [160] (Hán Diên Hy năm thứ 3), mùa đông, tháng 11, người quận Cửu Chân lại đóng đồn chiếm cứ quận Nhật Nam, chúng trở thành mạnh mẽ. Lúc đó Hạ Phương đã đổi làm Thái thú Quế Dương, nhân lại cho làm Thứ sử Nhật Nam, uy thế ơn huệ của Phương vốn nổi tiếng, khi đến

quận, chúng lại tụ họp hơn vạn người đem nhau đến đầu hàng Phương.

Át Tỵ [165] (Hán Diên Hy năm thứ 8), bọn giặc Quế Dương chạy sang Thương Ngô, bị Thứ sử Giao Chỉ là Trương Bàn đánh tan.

Mậu Ngọ [168] (Hán Linh Đế Quang Hòa năm thứ 1), mùa hạ, tháng 4, người Giao Châu và Ô Hử Man ở Hợp Phố làm phản (xét theo Đường sử Ô Man ở đất cũ của Tây Di, chia làm 7 bộ lạc. Kết hôn với người Nam Chiếu, có lẽ là Tây Di đấy. Nam Di có hai loại Di, một loại là Đông Di Ô Man, **<12b>** một loại là Tây Di Bạch Man).

Tân Dậu [181] (Hán Quang Hòa năm thứ 4), mùa hạ, người Ô Man làm loạn đã lâu. Quan thú mục là Chu Ngung không chống cự được. Người ở châu là Lương Long nhân đó dấy binh đánh phá quận huyện, có tới vài vạn quân: Vua Hán cho Chu Tuấn làm Thứ sử Giao Cháu đánh dẹp. Tuấn là người Thương Ngô Cối Kê. Đi đường qua quê nhà, mộ quân nhà và quân được điều là 5 nghìn người đi theo 2 đường vào. Trước hết sai người đến xem hư thực, tuyên dương uy đức để dao động lòng người, rồi 2 cánh quân tiến sát giết được Lương Long, có tới vài vạn người ra hàng[1].

Giáp Tý [184] (Hán Trung Bình năm thứ 1), lại dân Giao Chỉ giết Thứ sử là Chu Ngung, sai người đến cửa khuyết vạch tội Ngung. Vua Hán nghe được ban chiếu chọn kỹ các quan lại tài năng. Quan Tam Phủ tiến cử Giả Tống[2] người Liêu Thành, Đông Quận làm Thứ sử. Châu có nhiều của báu, các Thứ sử trước sau đều không có đức hạnh trong sạch, **<13a>** lấy của đầy đủ rồi lại xin đổi, cho nên lại dân đều làm phản. Tông đến tra hỏi về tình trạng làm phản, họ đều nói là dân trăm họ khổ vì chính sách hà khắc của quan trước, nhưng kinh sư xa xôi không tố cáo vào đâu được. Cho nên phải họp nhau lại trốn đi cho được sống, thực không phải là làm phản. Tông bèn sai người đưa thư dụ dỗ, yên ủi khiến họ yên tâm làm ăn, kêu gọi vỗ về những nơi hoang tàn tan tác, tha cho việc sai dịch, giết những tên đầu sỏ gây loạn, kén chọn quan lại lương thiện giữ các quận huyện, khoảng một năm thì ổn định, trăm họ được yên nghiệp. Các xóm ngõ đặt câu hát rằng: "Giả phụ lai vãn, sử ngã tiên phản, kim kiến thanh bình, bất cảm phục phản" (ông Giả đến muộn, khiến ta làm phản trước, nay thấy thanh bình, không dám làm phản nữa). Tông làm việc 3 năm, được triệu về làm chức Nghị lang, sai Lý Tiến sang thay (Lý Tiến người Giao Châu).

---

(1) Xem Hậu Hán thư quyển 71, *Chu Tuấn truyện*

(2) CM chép là Giả Mạnh Kiên

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét trong Hán thư, có ông Mạnh Thường người ở Thương Ngô Cối Kê. Cuối đời Hán làm Thái thú Hợp Phố. Quận không sản xuất thóc lúa, nhưng biển có nhiều châu báu, sát địa giới với Giao Chỉ buôn bán mua lương thực với Giao Chỉ* **<13b>**. *Trước kia quan Thái thú ấp tể nhiều kẻ tham tàn, cưỡng bức người đi tìm kiếm không có chừng mực. Hạt châu dần dần chuyển sang địa giới quận Giao Chỉ. Thường đến làm quan, bỏ tệ nạn trước. Chưa đầy một năm, châu báu bỏ đi lại trở về. Dân lại trở về làm ăn như cũ, gọi ông là thần minh. Than ôi! Trong vài quận nếu quan thú mục đều được như Mạnh Thường thì dân ta làm gì đến nỗi khổ mà phải làm phản.*

Đinh Mão [188] (Hán Trung Bình năm thứ 4), vua Hán cho Sĩ Nhiếp làm Thái thú Giao Chỉ. Nhiếp tự là Ngạn Uy, người Quảng Tín quận Thương Ngô. Tiên tổ người Văn Dương nước Lỗ. Tránh loạn Vương Mãng dời sang ở đất Việt đã 6 đời. Cha là Tứ làm Thái thú ở Nhật Nam thời Hoàn Đế. Lúc nhỏ Nhiếp theo Lưu Tử Kỳ người Dĩnh Xuyên chuyên học Tả thị Xuân Thu, đỗ hiếu liêm(1) bổ làm Thượng thư lang. Vì việc công mà bị bãi quan. Hết tang cha lại đỗ mậu tài(2) bổ chức Huyện lệnh đất Vu, rồi chuyển sang chức này. Lúc ấy Thứ sử là Chu Phù bị giặc **<14a>** Di giết chết, châu quận bị rối loạn. Nhiếp tiến cử em là Nhất lãnh chức Thái thú Hợp Phố, Thứ Vĩ làm Thái thú Cửu Chân, Thứ Nhị lĩnh chức Thái thú Nam Hải. Nhiếp là người rộng rãi nhân hậu, khiêm tốn tôn trọng kẻ sĩ, ham xem Kinh Xuân Thu làm lời chú giải. Kẻ sĩ người Trung Quốc đi lánh nạn sang nhờ cậy ông có tới hàng trăm (Vĩ, sử nhà Ngô chép là Vĩ).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét sử cũ chép: "Sĩ Nhiếp làm Thái thú Giao Chỉ, người trong nước quý mến đều gọi ông là Sĩ Vương", bèn lấy Sĩ Vương xếp vào kỷ biên niên, xếp theo lệ chính thống, đấy có lẽ là vì ân hận hàng trăm năm không có chính thống, Thái thú phương Bắc tham tàn không kể nổi khốn khổ. Một sớm có chỗ dựa, người trong nước yên ổn tới 40 năm cho nên nhân đấy mà tôn là vương, làm cho lắng sự căm phẫn của một nước đấy thôi! Không nghĩ rằng Sĩ Nhiếp tuy hiền tài nhưng là người phương Bắc sai đến làm Thái thú, cũng là người phương Bắc đến giữ nước này, huống chế độ nhà Hán lấy châu lĩnh quận? Hiến Đế*

---

(1) Hậu Vũ Đế lệnh cho các quận cử những người có học thức tài năng, mỗi quận được cử một người gọi là hiếu liêm.

(2) Những người có học thức tài năng do chân cử lên hàng năm gọi là tú tài, về sau vì kiêng tên Hán Quang Vũ đổi là mậu tài.

đã sai Trương Tân làm Thứ sử. Tôn Quyền **<14b>** *lại sai Bộ Chất làm Thứ sử. Nhiếp tuy có tiếng là coi giữ 7 quận nhưng thực chưa từng được tự chuyên. Một Thái thú Giao Chỉ, làm vua mà không biết rằng Cửu Chân, Nhật Nam thuộc vào đâu? Nếu bảo là Nhiếp tuy làm Thái thú nhưng bảo toàn được một quận, uy thế được tôn hàng vạn dặm thì như Viên Huy đã từng nói "Còn chưađược như Đào Hoàng 4 đời*(1)*, Đỗ Viện 3 đời*(2) *làm Thứ sử ở châu ấy, đời đời trăm họ được hòa thuận, riêng chuyên một chế độ". Hai họ Đào, Đỗ riêng không được chép lớn là kỷ hay sao? Nếu bảo "nước ta thông thi thư, quen lễ nhạc, là nước văn hiến, bắt đầu từ Sĩ Vương" như sử thần Ngô Sĩ Liên đã nói, thì Sĩ Nhiếp vốn có học vấn, biết Kinh Xuân Thu, thông Kinh Thượng thư là điều tự đắc mà chưa từng dạy cho người trong nước, vẫn chưa được như Tích Quang, lấy lễ nghĩa dạy dân Giao Chỉ, Nhâm Diên lấy lễ hôn nhân dạy quận Cửu Chân* **<15a>** *làm cho mọi người biết luân lý vợ chồng, thiên tính cha con, đã từng trước đấy xướng lên văn phong ở Lĩnh Nam rồi. Hai ông Tích Quang, Nhâm Diên cũng còn chưa được chép lớn là kỷ, huống là Sĩ Nhiếp? Cho nên tôi đã tước bỏ đi, cho vào trong kỷ nội thuộc, theo vào lệ quan thú mục.*

Canh Thìn [200] (Hán Hiến Đế Kiến An năm thứ 5), đầu thời nhà Hán tuyển dụng những người nước ta thi đỗ mậu tài, hiếu liêm làm Huyện lệnh, mỗi loại 1 người. Trước đây Lý Tiến làm Thứ sử tâu với vua nhà Hán rằng: "Khắp cả mặt đất không ai không phải là bề tôi của vua, nay người làm quan trong triều đình đều là sĩ phu miền Trung Châu, chưa từng khuyến khích người xa". Từ ý tha thiết, đưa nhiều dẫn chứng. Vua Hán ban chiếu cho châu ta người nào đỗ hiếu liêm, mậu tài thì cho được bổ làm Trưởng lại của châu, không được nhậm chức ở Trung Châu. Tiến lại dâng sớ rằng: Người được cử hiếu liêm xin cùng với bác sĩ 12 châu lấy tư cách là bậc nhân tài mà đối đáp. Nhưng quan lại sợ người phương xa càn rỡ, phỉ báng Trung Quốc nên không cho. Lúc đó người nước ta là Lý Cầm làm túc vệ **<15b>** ở lâu, rủ bọn Bốc Long 5, 6 người đúng đến ngày triều hội tết Chính nguyên, phủ phục tại sân điện nói rằng: "Vua ban ơn không đều". Quan hữu ty hỏi duyên cớ. Cầm nói: "Nam Việt ở xa, không được trời che đất chở, cho nên mưa ngọt không thấm, gió mát không về". Lời nói rất khẩn khoản đau xót, vua liền ban chiếu yên ủi và lấy một người

---

(1) Thời thuộc Tấn có Đào Hoàng, Đào My, Đào Thục, Đào Tuy kế tiếp nhau làm Thứ sử ở nước ta.

(2) Cũng trong thời Tấn có Đỗ Viện, Đỗ Tuệ Độ, Đỗ Hoành Văn nối đời làm Thứ sử ở nước ta.

nhân tài nước ta làm Hạ dương lệnh, một người hiếu liêm làm lục hợp lệnh. Sau Lý Cầm làm quan đến Tư lệ hiệu uý. Nhân tài nước Việt ta cùng được tuyển với người Hán thì Cầm, Tiến là người mở đầu đấy. (Cầm là người Giao Châu. Thời Tấn Minh Đế, người Nhật Nam là Trương Trọng làm quan đến Thái thú Kim Thành. Minh Đế hỏi: "Ở Nhật Nam hướng về bắc để nhìn mặt trời chăng?"Trọng trả lời rằng: "Nay tên quận có nơi gọi là quận Vân Trung chưa chắc đã là có thực. Còn như phong khí ấm áp bóng mặt trời ở ngay trên đầu thì là có đấy").

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Về lời nói thì bậc quân tử không thể không có được. Ngày xưa Tông Miệt*[1] *nếu như không nhờ có lời nói thì cuối cùngmục nát loài cỏ cây mà thôi. Lý Cầm nếu không nhờ có lời nói thì làm sao có thể* **<16a>** *được dùng ở đời. Mà những người tài đặc biệt ở nước ta, người phương Bắc sao mà biết được. Không thể không có lời nói là như thế đấy. Tuy vậy cũng chỉ là bàn về nhân tài mà thôi, còn như Nhan Hồi, Mẫn Tử thì không nói như thế được.*

Đinh Hợi [207] (Hán Kiến An năm thứ 12), khi ấy Viện Huy người nước Trần trú ngụ ở Giao Châu gửi thư cho Thượng thư lệnh là Tuân Húc. Thư viết: "Sĩ phủ quân ở Giao Châu, học vấn đã rộng lại giỏi về chính sự, ở vào lúc đại loạn, mà giữ toàn vẹn được một quận hơn 20 năm, biên cương vô sự, dân không thất nghiệp. Những khách trú ngụ đều được đội ơn. Dù Đậu Dung[2] giữ Hà Tây cũng không hơn được. Lúc việc quan nhàn hạ liền đọc thư truyện, Xuân Thu Tả thị truyện, những chỗ sắp xếp lựa chọn tinh vi, những chỗ ngờ trong truyện, tôi hỏi đều có sự giảng giải của một bậc thầy, ý tứ rất cẩn mật, lại kiêm thông Kinh Thượng thư, nghĩa lớn hiểu rõ ràng đầy đủ. Anh em đều làm quan ở quận, là bậc hùng trưởng ở một châu, ở xa muôn dặm **<16b>** uy thế không ai hơn, khi ra khi vào nổi chuông nổi khánh uy nghi đầy đủ, đánh trống thổi kèn, xe ngựa đầy đường, người Hồ đốt hương đi kèm bên xe thường có tới hàng vài chục. Vợ cả, vợ hầu đi kiểu xe dành riêng cho phụ nữ, con em theo quân cưỡi ngựa. Đương thời được quý trọng, trấn phục được các Man Di, Uý Đà cũng không thể vượt qua được. Em Nhiếp là Vũ bị ốm chết. Vua

---

(1) Tông Miệt: Người nước Trịnh thời Xuân Thu. Khi Thúc Hướng sang nước Trịnh, Miệt cầm vũ khí đứng ở dưới sân, vì có tài đối đáp nên Thúc Hướng cầm tay mời lên trên. Sau được Tử Sản tin dùng.

(2) Đậu Dung: Người Bình Lăng, thời Hán được tiến cử làm Thái thú quận Cự Lộc. Dung thấy phương đông còn nổi loạn mà cha ông mấy đời ở Hà Tây biết được phong tục của địa phương, bèn từ chối Cự Lộc mà xin đến Hà Tây. Đến nơi, ông tụ tập được các anh hùng, dẹp tan được rợ Khương, nhân dân vui vẻ theo về, sau làm đến chức đại tư không.

Hán sai Trương Tân người Nam Dương làm Thứ sử. Tân thích việc quỷ thần, thường đội khăn đỏ gảy đàn thắp hương đọc sách đạo, nói rằng có thể giúp việc giáo hoá. Sau bị tướng của mình là Khu Cảnh giết chết. Đến khi Kinh Châu mục là Lưu Biểu sai Linh Lăng lệnh là Lại Cung thay Tân, thì Thái thú Thương Ngô là Sử Hoàng chết, Biểu lại sai Ngô Cự đến thay, cùng đến với Cung. Vua Hán nghe tin Tân chết bèn ban chiếu thư cho Nhiếp rằng: Giao Châu là cõi rất xa, phía Nam là sông biển, ơn bề trên không tới, nghĩa kẻ dưới bị che lấp, biết được tên nghịch tặc là Lưu Biểu lại sai Lại Cung sang dòm ngó đất phía Nam. Nay cho khanh làm Tuy nam trung lang tướng trông nom 7 quận <17a> lĩnh chức Thái thú Giao Chỉ như cũ. Nhiếp sai Trương Mân sang cống nhà Hán. Lúc đó thiên hạ rối loạn, đường sá bị tắc nghẽn, Nhiếp vẫn không bỏ chức trách tiến cống. Vua Hán lại ban chiếu cho làm An viễn tướng quân, phong tước Long Độ Đình hầu. Về sau Ngô Cự mâu thuẫn với Cung đem quân đi đánh Cung, Cung chạy về Linh Lăng.

Trên đây là thời thuộc Đông Hán từ năm Quý Mão (Hán Kiến Vũ năm thứ 19) đến năm Kỷ Sửu (Kiến An năm thứ 14) gồm 167 năm.

Sử thần Ngô Thì Sĩ thông luận: *Từ khi ta mất nơi hiểm trở ở Kim Khê theo cột đồng chia bờ cõi, người Hán đối đãi bằng cách ràng buộc. Dân Man ngoài biên cho việc rối loạn là có lợi. Nhật Nam, Cửu Chân đánh cướp lẫn nhau. Bọn Ô Hử, Tượng Lâm thường thả sức dòm ngó. Quan lại ít kẻ hiền lành, dân không có nơi tố cáo. Coi Giả Tông như bố, tôn Sĩ Nhiếp là Vương trong một trăm năm mươi, sáu mươi năm nhao nhao chỉ muốn theo về* ***<17b>*** *quan thú mục tốt. Những người hơi trội hơn như Lương Long chẳng qua cũng là đứa đào tường ăn trộm mà thôi, chưa có trận đánh, ngọn cờ đường đường chính chính có thể cho người trong nước trông vào vận đời đen tối, nhân tài thiếu thốn, há không vì đó mà than thở được sao! Do đó không chiêu nạp Trương Kiều, Chúc, Lương thì Khu Liên xâm lược không khi nào thôi; không có sự vỗ về đánh dẹp như Hạ Phương, Chu Tuấn thì bọn Hoan, Thoan tụ họp không năm nào yên. Do đó có sự trừng trị bọn tham nhũng, vỗ về dân chúng cho dân yên ổn làm ăn, khiêm tốn làm chính sự cho giữ ngôi được lâu để thoát nạn can qua thì há không vỗ tay ca hát, đốt hương để đón hay sao ? Tuy thế chỉ là cái may của kẻ tiểu nhân mà cũng là cái xấu của người quân tử đấy. Còn như là người nước ta làm quan với Trung Châu mà nêu được bực hiền tài khiến họ giao chính quyền trị dân, để biểu dương với*

thượng quốc để tiếng khen cho đời sau, nổi lên từ chức huyện lệnh nhỏ bé, kế đấy mà có chức châu thứ, lại kế đấy mà có chức tể tướng, cho đến nay họ sợ như sợ hổ báo, đến cái rau trong núi cũng không dám hái. Tôi có ý khen Lý Tiến, Lý Cầm đấy!

HẾT QUYỂN III. NGOẠI KỶ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

NGOẠI KỶ

QUYỂN IV

<1a>

KỶ NỘI THUỘC NGÔ, TẤN, TỐNG, TỀ, LƯƠNG

Canh Dần [210] (Hán Kiến An năm thứ 15, Ngô Tôn Quyền Hoàng Vũ năm thứ 1), Ngô Tôn Quyền sai Bộ Chất sang làm Thứ sử Giao Châu. Bộ Chất mang theo 1.000 quan Vũ xạ(1) từ Phiên Dương thẳng đường tới nơi làm quan.

Tân Mão [211] (Hán Kiến An năm thứ 16, Ngô Hoàng Vũ năm thứ 2), Ngô Tôn Quyền phong cho Bộ Chất làm Chinh nam trung lang tướng. Lúc đó Thái thú Thương Ngô là Ngô Cự ngầm ở hai lòng. Chất giả ý dụ dỗ xin mời gặp nhau rồi nhân đó giết chết bêu đầu. Anh em Sĩ Nhiếp cùng nhau tuân mệnh thù phụng Tiết độ sứ. Quyền thăng Nhiếp làm Tả tướng quân. Nhiếp cho con là Ngẩm vào làm con tin ở nước Ngô, Tôn Quyền cho làm Thái thú Vũ Xương. Các con Sĩ Nhiếp, Sĩ Nhất ở phương Nam đều được phong làm trung lang tướng. Sĩ Nhiếp lại dụ dỗ bọn Hào trưởng ở Ích Châu là Ung Khải đem dân trong quận từ xa quy phục về Đông Ngô, Tôn Quyền lại cũng khen ngợi thăng làm <1b> Vệ tướng quân tước Long Biên hầu. Sĩ Nhiếp thường sai sứ sang Ngô đưa biếu các loại hương, vải thiều kể tới hàng nghìn. Các vật lạ như ngọc trai,

(1) Vũ xạ: Chức nhỏ trong đội quân bắn cung.

xà cừ, lưu ly, lông chim trả, đồi mồi, sừng tê, ngà voi, các quả quý như chuối, dừa, nhãn không năm nào không tiến. Sĩ Nhất thường cống ngựa hàng mấy trăm con. Quyền thường gửi thư sang và ban cho rất hậu để an ủi lại.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Sĩ Vương biết lấy lòng khoan hậu khiêm tốn, tôn trọng kẻ sĩ, được mọi người mến và làm nên một thời thịnh vượng. Ông lại rõ nghĩa lý, biết thời thế. Tuy tài dũng không bằng Triệu Vũ Đế, nhưng hạ mình thờ nước lớn, để bảo toàn bờ cõi. Có thể gọi là bậc trí. Chỉ tiếc là con nối dõi không gánh vác được cơ nghiệp của tổ tiên, khiến cho nước Việt đã toàn vẹn cường thịnh mà lại bị chia cắt. Thật đáng buồn thay!*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Từ sau khi nước nhà nội thuộc <2a> các quan thú mục của Trung Quốc sai sang thường thay đổi luôn, nhưng chưa có ai ở lâu được như Sĩ Phủ quân [Sĩ Nhiếp]. Xem như sử chép thì đối với nhà Hán, sự tiến cống không dứt; với nước Ngô thì sự tiến cống cũng chẳng ngừng. Vật quý giá như châu báu phải đóng sọt tiến hằng năm; vật nhỏ nhen như hoa quả cũng chạy trăm hàng ngàn dặm. Tuy có tiếng là được cai trị 7 quận, nhưng cơm ăn áo mặc chỉ trông vào thuế của một Giao Châu mà thôi, về phát lương cho tướng lại, việc cung cấp cho vợ con, sự chi tiêu trong 40 năm kể cũng lớn. Công sức của một châu lấy gì mà chịu nổi. Nhưng sở dĩ không bị nhân dân oán ghét là do ông biết tự khiêm tốn, khéo vỗ về. Ở nơi đất đai màu mỡ sự tiến cống không thể thiếu được. Ngoài việc cống tiến ra, không dám bóc lột dân để vui trong xa xỉ. Người trong châu từ lâu tin tưởng ông, do đó đã không có lòng phản trắc, cũng không có lời kêu ca về sự tham tàn. Lại phàm việc gì cũng chu đáo thận trọng. Người Hán nương nhờ thì vui được có chốn, sứ <2b> Ngô thường đến cũng mừng vì được thù phụng tôn thờ. Cho nên trong thì được lòng hòa thuận của người Việt, ngoài thìđược lòng yêu mến của vua Ngô. Giữ gìn danh vị được đến trọn đời, không thể không gọi là bậc trí được. Văn Hưu khen là: "biết hạ mình thờ nước lớn để bảo toàn bờ cõi". Xét ra việc gửi con tin để thờ người thì nói gì là nước lớn nước nhỏ. Bề tôi giữ đất cho vua thì làm gì có một thước một tấc đất riêng nào!*

Bính Ngọ [226] (Hán Hậu chủ Thiền Kiến Hưng năm thứ 4, Ngô Vũ Hoàng năm thứ 5), Sĩ Nhiếp quận Thái thú Long Biên hầu mất. (Nhiếp

ốm, chết được 3 ngày, người tiên là Đổng Phụng, lấy một viên thuốc cho ngậm với nước, nâng đầu lên lắc lắc, một lát sau mở mắt được, tay động đậy, sắc mặt dần dần bình thường. Nửa ngày sau thì ngồi được, 4 ngày sau nói được và dần dần trở lại bình thường, đến khi mất là năm ông 90 tuổi, làm việc ở châu 40 năm).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Nước ta thông thi thư, quen lễnhạc, là một nước văn hiến, bắt đầu từ Sĩ Vương. Công đức ấy chẳng những thấy ở đương thời, mà còn truyền mãi đến đời sau. Há chẳng tốt đẹp lắm sao! Con mà không được như cha là tội của con thôi* **<3a>**. *Đời còn truyền sau khi Sĩ Vương chết, chôn cất tính đến thời Tấn là hơn 160 năm*[1]*, người Lâm Ấp vào cướp phá đào mộ ông lên (mộ ở xã Tam Á* [2] *huyện Gia Định), thấy thi thể vẫn như còn sống, sợ quá họ bèn lấp lại. Người địa phương cho là thần, lập miếu thờ gọi là Sĩ Vương tiên. Vì là khí anh linh không bị huỷ diệt cho nên được làm thần vậy.*

Đinh Mùi [227] (Hán Kiến Hưng năm thứ 5, Ngô Hoàn Vũ năm thứ 6). Vuanước Ngô là Tôn Quyền nghe tin Sĩ Nhiếp mất cho là Giao Châu xa xôi, bèn chia từ Hợp Phố về phía Bắc là Quảng Châu do Lữ Đại làm Thứ sử, từ Giao Chỉ xuống phía Nam là Giao Châu do Đái Lương làm Thứ sử, sai Hiệu uý Trần Thì làm Thái thú thay Sĩ Nhiếp. Đại ở lại Nam Hải. Lương và Thì đi trước. Đến Hợp Phố thì con Sĩ Nhiếp là Sĩ Huy đã tự làm Thái thú Giao Chỉ, bèn đem tông binh chống lại (cuối thời Hán anh em trong họ đánh lẫn nhau. Người phương Nam tụ tập trong họ làm quân để tự vệ nên gọi là tông binh). Lương ở lại Hợp Phố, lại viên cũ của Nhiếp là Hoàn Lân rập đầu can Huy nên đón tiếp Lương. Huy nổi giận **<3b>** lấy roi đánh chết Lân. Anh của Lân là Trị, con là Phát lại tập hợp tông binh đánh Huy. Huy đóng cửa thành để cố thủ. Bọn Trị đánh thành vài tháng không hạ được, bèn giảng hòa rồi cùng bãi binh. Lữ Đại vâng chiếu của vua Ngô giết Huy. Đại đem quân từ Quảng Châu ngày đêm đi gấp qua Hợp Phố cùng tiến với Lương. Con của Nhất là Khuông, làm Trung lang tướng, là bạn cũ của Đại. Đại coi Khuông là Sư hữu[3] đưa theo làm việc, đưa giấy trước cho quận Giao Chỉ, nói rõ họa phúc rồi sai Khuông gặp Huy, bảo Huy nên phục tội dù có mất chức Quận thú nhưng bảo đảm không có điều lo lắng khác. Đại liền theo Khuông đến

---

[1] CM chép là 600 năm.

[2] Tam Á: Nay thuộc xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

[3] Sư hữu: Chức quan đặt từ thời Tấn, chuyên việc dạy dỗ các con cái vua chúa.

sau. Bọn anh Huy là Chỉ, em Huy là Cán, Tụng 6 người mình trần đón tiếp Đại. Đại cảm ơn cho mặc áo (sử cũ chép Đại mặc áo giả làm người thường là nhầm) rồi đến quận. Sớm hôm sau rủ màn trướng mời anh em Huy lần lượt vào. Tân khách ngồi đông đủ, Đại đứng dậy cầm cờ tiết đọc chiếu kể tội Huy, tả hữu nhân đó đổ tới bẻ quặt tay anh em Huy rồi chém tất, đem đầu về Vũ Xương.

<4a> ***Sử thần Ngô SĩLiên bàn:*** *Từ xưa, những vua giết bề tôi can mình chưa từng không bị diệt vong. Nước Trần giết Tiết Dã*(1)*, nước Tề giết Cô Huyên. Việc nước Trần, nước Tề thực đáng làm gương cho người đời, thế mà vẫn có việc giết bề tôi can mình như Sĩ Huy. Nối nghiệp chưa kịp quay gót đã bị giết. Thực đáng lắm!*

Lại bàn: Sĩ Huy, cha mất chưa xin mệnh trên đã dám tự lập lại, còn đem quân chống mệnh, về nghĩa thì cố nhiên là đáng đánh, nhưng Lữ Đại cho hàng mà còn giết đi thì trái lắm. Ôi chữ tín là điều quý giá của một nước. Huy đã ra hàng, đáng lẽ chỉ trói lại đưa về Vũ Xương để quyền sinh sát cho bề trên, để uy tín của mình đượctới kẻ dưới há chẳng phải là tốt đẹp lắm ru? Tôn Thịnh(2) *nói: "Vỗ về người phương xa, yêu mến kẻ ở gần, không gì hay bằng điều tín". Lữ Đại giết kẻ đầu hàng để cầu công, người quân tử chê trách lắm. Như vậy đủ biết họ Lữ không thể bền lâu được là đúng lắm.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Sĩ Nhiếp làm Thái thú Giao Châu. Khi mất, Quyền lấy Huy làm Thái thú Cửu Chân, mà Giao Châu lại thay bằng Trần Thì là không muốn cho Huy tiếp tục giữ đất của cha. Nếu* ***<4b>*** *Huy chịu nghe mệnh của Quyền cũng còn lo chưa chắc giữ được, huống hồ lại tự mình nhậm chức, rồi lại đem quân chống lại. Sự diệt vong ấy là do mình chuốc lấy.*

Nhất, Vĩ và Khuông ra sau, vua Ngô tha tội. Còn Ngẩm con Nhiếp đi làm con tin đều bị cách chức làm dân thường. Được vài năm Nhất và Vĩ can tội bị giết. Chỉ riêng Khuông là bị bệnh chết trước. Ngẩm chết không có con. Tướng của Huy là Cam Lễ và Hoàn Trị đem lại dân cùng tiến công Đại. Đại đánh tan được. Từ đó bỏ Quảng Châu lại đặt Giao Châu như cũ. Đại tấn công Cửu Chân chém hàng vạn người.

---

(1) Tiết Dã: Người nước Trần. Khi Trần Linh Công cùng Khổng Ninh và Hàng Phủ thông dâm với Hạ Cơ, Tiết Dã can Linh Công rằng: "Công khanh mà dâm loạn một cách công khai như thế, thì dân chúng còn học tập được cái gì nữa".Linh Công nói với hai người kia, bọn chúng xin cho giết Tiết Dã, Linh Công không ngăn cấm. Thế là Tiết Dã bị giết.

(2) Tôn Thịnh: Người nước Tấn, học rộng biết nhiều, hay có những câu danh ngôn.

Tân Hợi [231] (Hán Kiến Hưng năm thứ 9, Ngô Hoàng Long năm thứ 3), Ngô cho Lữ Đại làm Trấn Nam tướng quân. Người Man ở Ngũ Khê, Vũ Láng làm phản. Vua Ngô cho là đất phía Nam đã yên tĩnh, triệu Thứ sử Lữ Đại về. Thái thú Hợp Phố là Tiết Tông[1] sợ kẻ thay Đại không được tốt nên dâng sớ rằng: "Xưa kia **<5a>** vuạ Thuấn đi tuần phương Nam rồi mất ở Thương Ngô. Nhà Tần đặt ra Quế Lâm, Nam Hải, Tượng Quận, thế thì 4 quận ấy nội thuộc đã lâu rồi. Triệu Đà nổi lên ở Phiên Ngung thần phục được vua Bách Việt tức là phía Nam quận Chu Nhai[2] vậy".

Hiếu Vũ giết Lữ Gia mở 9 quận, đặt Thứ sử Giao Chỉ để cai trị. Đưa những tội phạm của Trung Quốc ở lẫn trong đó, cho học qua sách vở tạm biết nói năng, để các sứ dịch, đi lại thấy được lễ nghĩa, giáo hoá. Đến khi Tích Quang làm Thái thú Giao Chỉ, Nhâm Diên làm Thái thú Cửu Chân thì dạy cho họ cày bừa, dạy cho đội mũ đi giày, đặt quan làm mối để cho biết lấy chồng, lấy vợ. Xây dựng trường học dạy cho biết nghĩa kinh. Từ đó về sau hơn 400 năm, dân đã hơi giống. Nhưng vì đất rộng, người đông [địa thế] hiểm trở, [khí hậu] độc hại, dễ sinh loạn, bổ nhậm bậc trưởng lại nếu chọn không tinh, pháp luật nhà Hán lại rộng rãi, dễ sinh bừa bãi. Việc bỏ Chu Nhai cũng là ở trưởng lại. Cứ xem việc họ thích cắt tóc để làm độn và việc Hoàng Cái người Nam Hải làm Thái thú Nhật Nam vừa đến nhận việc, vì sự cung ứng không hậu, đã đánh chết **<5b>** chủ bạ, thế là bị đuổi. Thái thú Cửu Chân là Đam Manh thay bố vợ là Chu Kinh làm chủ [bữa tiệc] có các quan to, khi rượu say mua vui, Công tào là Phiên Hâm đứng dậy múa, mắt nhằm vào Chu Kinh, Kinh không chịu đứng dậy, Hâm muốn cưỡng bách, Manh giận giết Hâm. Em Hâm đem quân đánh Manh chết. Thái thú Giao Chỉ là Sĩ Nhiếp đem quân đến đánh cũng không thắng nổi. Rồi việc Thứ sử cũ là Chu Phù phần nhiều lấy người làng là bọn Ngu Bạo và Lưu Ngạn chia nhau làm trưởng lại, tàn bạo với dân chúng, cưỡngbức thu thuế của dân. Một con cá vàng thu một hộc lúa. Dân chúng oán giận. Lũ giặc núi kéo ra đánh châu, phá quận. Phù phải chạy ra biển. Còn Trương Tân uy vũ không đủ, Lại Cung thì không hiểu thời sự, Ngô Cự thì vũ phu ngỗ ngược, đuổi Cung để cầu cạnh Bộ Chất. Lúc bấy giờ tướng cũ của Trương Tân là bọn Di Liêu, Tiền Bác vẫn còn nhiều, bị Chất lần lượt trừ bỏ. Kỷ cương được

---

[1] CM chép là Tiết Kính Vân.

[2] ĐVSKTT và CM chép là "Châu Quan" có lẽ đúng hơn vì quận Hợp Phố cũ, nhà Ngô đổi làm quận Châu Quan.

ổn định thì cũng là lúc bị gọi về. Lữ Đại đến dẹp loạn Sĩ Huy, đổi đặt trưởng lại làm sáng <6a> tỏ kỷ cương, uy danh khắp muôn dặm, lớn nhỏ đều theo phong hoá. Xem đây thì thấy việc giữ yên được nơi biên giới, vỗ về được nơi xa xôi là do từng người, trách nhiệm Mục bá(1) phải chọn người thanh bạch. Ngoài miền hoang phục họa phúc càng dữ. Nay Giao Châu tạm ổn nhưng còn có bọn giặc ở Cao Lương. Bốn quận Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Chu Nhai chưa yên, vẫn tụ tập làm trộm cướp. Nếu như Lữ Đại không trở lại phương Nam thì chọn Thứ sử mới, tài trí mới có thể trị được bọn giặc Cao Lương. Nhà vua ban cho uy quyền và sự yêu quý để đòi họ phải làm việc thành công thì may ra mới có thể yên được. Còn như những người trung bình giữ phương pháp bình thường, không có mưu hay thuật lạ thì bọn gian ác ngày càng nhiều, lâu dần thành có hại. Cho nên sự yên nguy trong nước là ở việc dùng người, vì thế không thể không xét kỹ được. Vua Ngô bèn phong cho Đại làm Trấn Nam tướng quân, phong tước Phiên Ngung hầu.

Mậu Thìn [428] (Hán Diên Hy năm thứ 11, Ngô Xích Ô năm thứ 11), người Cửu Chân lại đánh hãm thành ấp, châu quận <6b> náo động. Vua Ngô cho Đốc quân Đô uý Hành Dương là Lục Dận làm Thứ sử kiêm Hiệu uý. Dận vừa vào đến biên giới bèn dụ dỗ bằng ấn tín, có tới hơn 3 vạn nhà ra hàng. Châu trở lại thanh bình. Sau đó người con gái tên là Triệu Ẩu ở huyện Ninh Hoá(2) quận Cửu Chân tụ tập nhiều người đánh phá quận huyện Dận dẹp yên *(Giao Chỉ chí* chép; Trong núi Cửu Chân có người con gái là em gái họ Triệu, vú dài 3 thước, không lấy chồng, kết đảng đánh phá quận huyện, thường mặc áo giáp vàng, đi guốc có răng, cưỡi đầu voi đánh trận. Chết làm thần có ghi ở thiên trung ký).

Quý Mùi [263] (Hán Viêm Hưng năm thứ 1, Ngô Chủ Tôn Hưu Vĩnh An năm thứ 6), mùa hạ, tháng 4, Quận lại Giao Chỉ là Lữ Hưng giết Thái thú. Tôn Tư đem quận hàng nước Ngụy. Lúc đầu Tôn Tư làm Thái thú Giao Chỉ, tính tham lam bạo ngược. Thu hơn 1 nghìn thợ thủ công của quận về Kiến Nghiệp. Dân chúng khổ vì việc đó. Gặp Sát chiến Đặng Tuân đến quận (Sát chiến là tên một quan chức do vua Ngô sai sang), lại tự tiện bắt dân phải nộp 3.000 con chim công đưa sang Mạt Lăng, dân sợ sai dịch xa đều lăm le mưu làm loạn, Hưng nhân đó nổi loạn, giết Tư và Tuân rồi đem quận hàng nước Ngụy, Cửu Chân, Nhật Nam đều hưởng ứng, năm ấy nhà Hán mất.

(1) Chức quan đứng đầu một quận.

(2) Nay là huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa còn đền thờ và lăng Bà Triệu.

Giáp Thân [264] (Ngụy Tào Hoán Hàm Hy năm thứ 1, Ngô, Tôn Hạo Nguyên Hưng năm thứ 1), mùa thu, tháng 7, vua Ngô chia Giao Châu, Quảng Châu. Nămấy Ngụy bắt đầu đặt Thái thú quận Giao Chỉ. Cho An Nam tướng quân Lữ Hưng làm Thái thú Giao Chỉ. Dùng Giám quân Hoắc Giặc giao lĩnh chức Thứ sử Giao Châu được tùy tiện chọn dùng trưởng lại. Giặc dâng biểu xin cho Thoán Cốc làm Thái thú đôn đốc bọn nha môn tướng là Đồng Nguyên, Vương Tố đem quân giúp Hưng. Chưa đến thì Hưng đã bị Công tặc là Lý Thống giết và Cốc cũng bị giết.

Ất Dậu [265] (Ngụy Hàm Hy năm thứ 2, tháng 12 trở về sau là Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm, Thái Thủy năm thứ 1, Ngô Cam Lộ năm thứ 1), tháng 12, Tư Mã Viêm nhà Tấn bắt đầu nhận sự nhường ngôi của nước Ngụy. Vua Tấn sai Mã Dung người Ba Tây thay Thoán Cốc làm Thái thú Giao Chỉ. Dung bị bệnh chết; giặc lại sai Dương Tắc người Kiến Vi thay (Sử Tấn nói là thay làm Thứ sử, sử cũ chép là thay làm Thái thú).

<7b> Mậu Tý [268] (Tấn Thái Thủy năm thứ 4, Ngô Bảo Đỉnh năm thứ 3), Ngô dùng Lưu Tuấn làm Thứ sử. Tuấn cùng với Tiền bộ đốc Tu Tắc (sử cũ chép là Tắc (㮛) là lầm). Tướng quân Cố Dung trước sau 3 lần đánh Giao Châu, Dương Tắc đều chống được. Quận Uất Lâm, Cửu Chân đều theo về Tắc. Tắc cùng với tướng quân là Mao Cảnh[1], Thái thú Cửu Chân là Đổng Nguyên và bọn nha môn là Mạnh Cán, Mạnh Thông, Lý Tung, Vương Nghiệp[2] Thoán Năng từ Thục sang Giao Chỉ đánh tan quân Ngô ở Cổ Thành [3] chém Tu Tắc và Lưu Tuấn, quân còn lại tản về Hợp Phố. Dương Tắc dâng sớ xin Cảnh làm Thái thú Uất Lâm.

Kỷ Sửu [269] (Tấn Thái Thủy năm thứ 5, Ngô Kiến Thành năm thứ 1), mùa đông, tháng 10, vua Ngô sai Giám quân là Ngu Tỵ[4], Uy nam tướng quân là Tiết Hủ, Thái thú Thương Ngô là Đào Hoàng theo đường Kinh Châu, Giám quân là Lý Húc, Đốc quân là Từ Tồn theo đường bể Kiên An, gặp nhau ở Hợp Phố để đánh Tắc. Húc cho là đi đường Kiến An không lợi nên đã giết tướng dẫn đường là Phùng Phỉ rồi đem quân về. Vua Ngô cho là Húc giết oan Phỉ, tự tiện rút quân về nên bắt chịu tội chết <8a> cùng Từ Tồn.

Tân Mão [271] (Tấn Thái Thủy năm thứ 7, Ngô Kiến Hành năm thứ 3), mùa hạ tháng 4, Đào Hoàng nước Ngô đánh bọn Dương Tắc nước

[1] ĐVSKTT chép là Mao Linh.

[2] CM chép là Vương Tố.

[3] Cổ thành: Tức quận lỵ Hợp Phố.

[4] Ngu Tỵ: ĐVSKTT và CM chép là "Ngu phiếm".

Ngụy ở thành Giao Châu, bắt được Tắc. Lúc đầu Hoàng và Ngu Tỵ, Tiết Hủ chống nhau với Tắc ở Phần Thủy[1]. Hoàng thua rút về giữ Hợp Phố, chết mất 2 tướng. Hủ nổi giận bảo Hoàng: "Nếu như tự dâng biểu xin đánh giặc mà mất 2 tướng thì trách nhiệm ở đâu?" Hoàng nói: "Bề dưới không được làm theo ý muốn, các quân không nghe nhau cho nên đi đến thất bại". Hủ nổi giận muốn dẫn quân về. Đêm Hoàng đem vài trăm quân đánh úp Đồng Nguyên, thu được báu vật dùng thuyền chở về. Hủ bèn tạ lỗi, rồi cho Hoàng lãnh chức Tiền bộ đốc Giao Châu. Hoàng lại theo đường biểnbất thình lình đến thẳng Giao Châu liền bị Nguyên chống lại. Các tướng muốn đánh, Hoàng nghi là chỗ tường đổ có quân mai phục bèn dàn quân cầm giáo ở đằng sau. Quân mới gặp nhau, Nguyên vờ rút, Hoàng đuổi theo, quả nhiên quân mai phục xông ra. Quân cầm giáo đón đánh tan được bọn Nguyên rồi đem những thứ khi trước lấy được như <8b> thuyền, hàng hóa và gấm quý hàng mấy nghìn tấm cho tướng giặc Phù Nghiêm là Lương Kỳ. Kỳ đem hơn 1 vạn quân giúp Hoàng. Lúc ấy Tắc đem tướng của mình là Vương Tố thay Nguyên. Nguyên có dũng tướng là Giải Hệ cùng ở trong thành. Hoàng sai em Hệ là Tượng viết thư cho Hệ, rồi sai Tượng đi xe của Hoàng có người đánh trống thổi kèn theo hầu dẫn đường. Bọn Nguyên nói; "Tượng còn như thế, Hệ tất có lòng bỏ mình mà đi", bèn giết Hệ. Hủ, Hoàng liền vây hãm châu, bắt bọn Dương Tắc, Mao Cảnh. Bọn Cảnh lập mưu đánh úp Hoàng, việc bị lộ, Hoàng liền giết Cảnh rồi bắt đưa bọn Tắc về Ngô, Tắc đi đến Hợp Phố thì bị ốm chết. Bọn Mạnh Cán, Thoán Năng, Lý Tùng đi đến Kiến Nghiệp. Cán trốn về nước Tấn. Vua Tấn dùng làm Thái thú Nhật Nam. Tùng và Năng đều bị vua Ngô là Hạo giết, Vua Tấn tặng cho Tắc làm Thứ sử Giao Châu, Cảnh và con Tùng, con Năng đều được phong tước Quan Nội hầu Công tào quận Cửu Chân là Lý Tộ giữ lấy quận theo vào nước Tấn. Hoàng sai tướng đi đánh nhưng không được. Cậu của Tộ là Lê Hoàng <9a> đi theo quân khuyên Tộ ra hàng. Tộ trả lời rằng: Cậu tự làm tướng nước Ngô, Tộ tự làm tôi nước Tấn chỉ trông vào sức mạnh mà thôi. Một lúc sau thì thành bị hạ. Năm ấy Ngô đặt Giao Chỉ làm quận Tân Xương.

Trước kia Hoắc Giặc sai Dương Tắc, Mao Cảnh đóng thú thề với nhau rằng: Nếu như giặc vây thành chưa được 100 ngày mà hàng thì gia thuộc bị giết, nếu quá 100 ngày mà thành bị mất thì Thứ sử phải chịu tội. Đến khi Hoàng vây thành, bọn Tắc chưa đủ ngày hẹn đã hết

---

[1] Phần Thủy: Sông ở huyện Tân Hội, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

lương, bèn xin hàng. Hoàng không nghe mà cấp lương để giữ. Người Ngô đều can. Hoàng nói: "Hoắc Giặc đã chết, không thể đến được, có thể đợi đến lúc lương hết, rồi sau đó mới nhận, khiến họ đến sẽ vô tội, mà ta lấy là có nghĩa. Như thế, trong thì dạy được dân ta, ngoài thì nước láng giềng mến phục, chẳng được sao?" Tắc, Cảnh hết lương thực, quân cứu viện không đến, bèn nhận cho hàng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Bề tôi giữ đất mà giữ được cả lòng mình như Lý Tộ thì có thể gọi là trung với người mình thờ vậy.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Theo Kinh Dịch, sau quẻ Càn là quẻ Khôn, qua 6 quẻ Khảm mới đến quẻ Thái. Nước ta trong thời ấy chính là lúc 6 quẻ Khảm đấy. Người phương Bắc đến cai trị nước ta, chia đất làm quận huyện, bắt dân làm tôi tớ. Ngược đãi mà không dám thù hằn, mệt nhọc mà không dám oán giận. Lời ví dụ "nước chở thuyền, nước lại làm đắm thuyền" sao mà không nghiệm*[1]*. Thiên hạ chỉ có lý và thế mà thôi, kẻ mạnh nhờ thế mà thắng, kẻ yếu nhờ lý mà thắng, nhưng đều phải tùy vận hội. Không ai mạnh như rợ Hồ mà cũng phải gõ cửa quan xin phục nhà Hán, sắm mũ đai vào chầu nhà Đường. Đến khi vận thế thắng thì Liêu, Kim, Nguyên nổi dậy làm vua Trung Quốc. Không ai yếu như đất Việt, mà vua Nguyên nhà Tấn, Cao Tông nhà Tống cũng không thể vùng lên được. Đến khi vận lý thắng thì vua Thái Tổ nhà Minh nổi lên ở đất Cú Dung mà có Trung Nguyên. Nước Nam Việt ta lại ở phía Nam Châu Dương, phong khí vừa đến* **<10a>** *vận hội hơi chậm, cho nên sau vua Hùng Lạc hơn 1.000 năm chịu sự chế ngự của phương Bắc. Đến đời Đinh, Lê tới nay mới tự làm vua được nước của mình và thanh danh văn vật thực cũng không kém Trung Hoa. Xét ra nếu như vận hội thắng thì từ nay về sau cũng sẽ có những bậc thánh hiền hào kiệt ứng vận sinh ra. Vận hội từ Khảm đến Thái sao mà có thể lường được? Đọc sử đến đây tôi chưa từng không gấp sách lại mà thở dài. Bởi vì chỉ biết những cái có thể biết được, mà không biết những cái chưa thể biết. Bậc nho thì không gì hơn là suy cho cùng lý, nên lấy lý mà suy là được.*

Vua Ngô dùng Đào Hoàng làm Thứ sử, Trì tiết Đô đốc Giao Châu chư quân sự tiền tướng quân Giao Châu mục. Hoàng có mưu lược hay

[1] Sách Gia Ngữ chép: Vua là thuyền, thứ dân là nước. Nước có thể *chở thuyền cũng có thể lật thuyền.*

chu cấp người nghèo, thích bố thí, được lòng người, mọi người thích được ông sử dụng. Cho nên đi đến đâu ông cũng thành công. Ông đã đánh được bọn Tắc, dẹp yên được Giao Châu. Vua Ngô nhân đó dùng làm Thứ sử **<10b>**. Lúc đó Vũ Bình, Cửu Đức, Tân Xương đất đai hiểm trở, Di Liêu hung hãn mấy đời không chầu phục, Hoàng đều đánh dẹp bình định được. Mở đặt 3 quận và lấy 30 huyện của quận Cửu Chân cho thuộc vào nước Ngô. Vua Ngô triệu Hoàng cho làm Đô đốc Vũ Xương. Lấy Thái thú Hợp Phố là Tu Doãn thay chức cũ của Hoàng. Doãn liền chuyển về Quế Lâm. Bộ hạ của Doãn là Quách Mã làm phản, hàng nghìn dân bản xứ xin giữ Hoàng lại. Vua Ngô đành cho Hoàng về giữ chức cũ. Nhân sai Hoàng đem quân do mình quản lĩnh và quân ở các quận Hợp Phố, Uất Lâm cùng với quân phía Đông, phía Tây thuộc Đằng Tuần, Đào Tuấn cùng đánh Mã. Đến khi vua Ngô hàng nhà Tấn và ban sắc cho Hoàng phải về theo. Hoàng nhỏ lệ mấy ngày rồi sai sứ đem ấn tín đến Lạc Dương. Vua Tấn ban chiếu cho trở lại chức cũ. Phong tước Uyển Lăng hầu, đổi làm Quán quân tướng quân. Ngô đã dẹp được, vua Tấn ban chiếu giảm binh ở châu quận. Hoàng tâu lên rằng: "Giao Châu xa thẳm trơ trọi ở một phương, cách Lâm Ấp chỉ 700 dặm, Phạm Hùng đời đời làm giặc cướp lẩn tránh và liên kết với quân Phù Nam, bè đảng dựa nhau. Chúng **<11a>** cậy thế hiểm trở không thuần phục. Trước kia khi còn phụ thuộc nước Ngô, cướp bóc lương dân, giết hại quan lại. Thần trước kia được nước cũ chọn dùng đóng thú phương Nam hơn 10 năm tuy đã chém giết những bọn đầu sỏ, nhưng vì trong hang sâu núi thẳm còn kẻ ẩn nấp. Lúc đầu quân lính do thần thống lĩnh vốn hơn 7.000 người. Đất phương Nam ẩm ướt nhiều khí độc, nhiều năm đi đánh dẹp, bị chết chóc hao tổn nhiều. Hiện nay chỉ còn 2.420 người. Nay bốn bể một nhà, không đâu là không phục. Đáng ra phải nên cuốn giáp gươm, chăm việc lễ nhạc. Nhưng người của châu này thích gây loạn, hơn nữa miền Nam Quảng Châu quanh co hơn 6.000 dặm, kẻ không chầu phục có tới hơn 5 vạn hộ. Quế Lâm cũng tới hàng vạn hộ không chịu sự ràng buộc. Chỉ được hơn 5.000 chịu phục tùng. Quan lại hai châu như môi với răng, chỉ dựa vào quân lực để trấn thủ. Lại vùng Ninh Châu, Hưng Cổ, tiếp giữ miền thượng lưu, cách quận Giao Chỉ 1.600 dặm, đường thủy đường bộ đều thông, che chở lẫn nhau, quân của châu chưa nên giảm bớt để lộ ra sự cô đơn trống rỗng. Xét ra sự đời thay đổi **<11b>** không bình thường. Thần, một kẻ sống thừa của một nước bị mất, lời bàn không đáng dùng. Những điều trải qua, trông thấy xin mạo muội trình tâu". Vua Tấn nghe theo. Hoàng ở châu 30

năm, có uy danh có ơn huệ, được dân khác phong tục ở phương xa yêu mến. Khi mất, cả châu kêu khóc như mất cha mất mẹ.

Vua Tấn dùng Viên ngoại lang tán kỵ thường thị là Ngô Ngạn làm Đô đốc Thứ sử. Lúc đầu khi Hoàng mất, lính thú ở Cửu Chân nổi loạn đuổi Thái thú. Tướng giặc là Triệu Chỉ bao vây quận, Ngạn dẹp yên. Ở chức được 25 năm, uy ân rõ rệt, dân trong châu được yên ổn, ông tự dâng biểu xin thay. Vua Tấn cho Viên ngoại lang tán kỵ thường thị là Cố Bí sang thay. Bí là người ôn hòa nhã nhặn, cả châu yêu mến. Chẳng được bao lâu Bí chết, người trong châu ép con là Tham làm việc ở châu. Không được bao lâu Tham lại chết. Em của Tham là Thọ lãnh việc châu, người trong châu không nghe, Thọ cố xin được. Thọ giết Trưởng lại là Hồ Triệu, lại toan giết cả đốc quân dưới trướng là Lương Thạc, Thạc chạy thoát <12a> khởi binh đánh lại, bắt được Thọ và mẹ, y phải uống thuốc độc chết. Thạc nắm quyền, sợ dân tình không thuận, Thạc bèn đưa con của Hoàng là Uy, Thái thú Thương Ngô lãnh chức Thứ sử. Uy làm việc rất được lòng dân, được 30 năm thì mất. Em Uy là Thục, con là Tuy kế tiếp nhau làm Thứ sử.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét các chức Thái thú, Thứ sử của châu ta, từ sau khi phụ thuộc Tây Hán trải qua các triều đều chú trọng việc tuyển lựa, chưa bao giờ có kẻ xấu lạm nhận, cũng chưa từng được tự chuyên. Thế mà từ anh em Cô Thoan cho đến những người như Lương Thạc, Đào Uy đều ở ngoài cõi tự nhận chức không bẩm với triều đình mà cũng không thấy ai nhắc tới chuyện đó. Có lẽ lúc ấy nhà Tấn nhiều việc, cho nên việc quan thú mục bên ngoài tốt hay xấu, mệnh lệnh triều đình có hay không chắc cũng chẳng có thì giờ mà hỏi đến? Việc ấy cũng không thể tra cứu được. Lại sau khi Tấn Vũ Đế dẹp được nước Ngô bèn giảm quân của châu quận. Quân của Giao Châu cũng trong lệ phải giảm. Lúc đó Hoàng làm Thứ sử* ***<12b>*** *đã nói rõ việc không nên giảm binh. Sử cũ chú nhầm là nhà Tấn lấy quân ở Giao Châu cho nên Hoàng nói vậy. Nay chép toàn bản sớ của Hoàng thì thấy được địa thế và tình hình địch lúc ấy cùng sự lợi hại của việc giảm quân. Lời nói của Hoàng có thể nói là biết điều và mấu chốt đấy.*

Mậu Dần [318] (Đông Tấn Nguyên Đế, Tư Mã Duệ, Đại Hưng năm thứ 1), mùa đông tháng 10, vua Tấn ban chiếu thăng Thứ sử Quảng Châu là Đào Khản(1) làm Đô đốc Giao Châu chư quân sự. Lúc ấy người

(1) Xem *Tấn thư* quyển 66, *Đào Khản truyện*.

Trường Sa là Vương Cơ, cha là Nghị làm Thứ sử Quảng Châu rất được lòng người Nam Việt. Sau đó người Quảng Châu đón Cơ về làm Thứ sử gặp lúc dư đảng nước Thục là Đỗ Hoằng đưa vàng cho Cơ và xin đánh bọn giặc Quế Lâm để tự lập công, Cơ bèn tâu lên triều đình. Vương Đôn cho Cơ là kẻ khó chế ngự, nhưng vì có công, hàng phục được Đỗ Hoằng, lại muốn nhờ Cơ đánh Lương Thạc, bèn chuyển làm Thứ sử Giao Châu. Thạc nói: "Anh họ Vương đã làm **<13a>** nát Quảng Châu sao lại còn trở lại phá Giao Châu?" Bèn cấm người ở châu đón.

Quan Tư mã ở phủ là Đỗ Tán vì thấy Thạc không đón Cơ, đem quân đánh Thạc, bị Thạc đánh thua. Thạc tự lãnh chức Thái thú Giao Chỉ. Cơ bị Thạc chống lại bèn ở Uất Lâm. Đến khi Đỗ Hoằng đánh tan giặc Quế Lâm, trở về gặp Cơ ở đường, Cơ khuyên Hoằng nên lấy Giao Châu, rồi cùng Hoằng và tú tài Giao Châu là bọn Lưu Trầm làm phản. Khản cho quân đánh tan, bắt sống Lưu Trầm, chém chết Cơ. Khản vì có công nên được nhận mệnh làm Thứ sử.

Nhâm Ngọ [322] (Tấn Vĩnh Xương năm thứ 1), Vương Đôn nhà Tấn dùng Vương Lương làm Thứ sử, sai đi đánh Lương Thạc. Thạc đem quân bao vây Lượng ở Long Biên (xét thời nội thuộc, những viên Thái thú, Thứ sử mà người phương Bắc đưa đến cai trị, họ đều đưa bậc thổ hào hoặc giỏi chính sự, hoặc có chiến công, hoặc vì làm phản hay vì cớ nào đó bị bỏ, hoặc có sự thay đổi, hoặc bị chết ở nơi làm quan thì vẫn theo những điều sách cũ chép, chỗ nào thiếu thì bổ sung như thời Tống Nguyên Gia năm thứ 14, Từ Sâm Chi năm thứ 23, tức thời Tiêu Cảnh Hiến, lúc ấy Hòa Chi còn làm Thứ sử, hoặc cho nhận chức phương xa và các loại như Viên Văn, Đàn Dực trong niên hiệu Đại Minh **<13b>** Lưu Mục đầu năm Cảnh Hoà, vua Phế Đế và Trần Bá Thiệu trong năm Thái Thủy, Thân Hy Tổ trong năm Xương Long, vua Tề Phế Đế, Vương Dịch trong năm Đại Thông Lương Vũ Đế, đều làm Thứ sử. Người có việc đáng chép thì chép. Có người không được chép vào là vì không ghi xuể, trước sau đều theo như vậy).

Quý Mùi [323] (Tấn Minh Đế, Thiệu, Thái Ninh năm thứ 1), tháng 5, mùa hạ, Bình nam tướng quân nhà Tấn là Đào Khản sai tham quân là Cao Bảo đánh tan Lương Thạc ở Long Biên, Giao Châu được yên ổn. Ban đầu Vương Lượng bị vây, Khản sai quân cứu viện, chưa kịp đến, Thạc liền đánh Long Biên, cướp cờ tiết của Lượng, Lượng không cho.Thạc chặt đứt cánh tay trái của Lượng. Lượng nói: "Chết còn không thèm tránh, chặt cánh tay là gì?", hơn 10 ngày sau thì Lượng chết.

Thạc chiếm giữ châu, tính hung hãn, mất lòng mọi người. Khản sai Cao Bảo chém chết Thạc. Vua Tấn cho Khản làm Thứ sử Giao Châu. Chẳng bao lâu Lại bộ lang Nguyễn Phóng xin làm Thứ sử, vua Tấn ưng thuận, bổ chức Giao Châu Giám quân sự. Phóng đến Ninh Phố gặp Bảo từ châu trở về bèn làm cỗ mời Bảo rồi sai quân mai phục giết Bảo. Quân của Bảo đánh lại Phóng. Phóng chạy thoát đến châu một lát bỗng khát nước dữ dội, rồi thấy Bảo làn; ma hiện đến bắt chết.

<14a> Kỷ Sửu [329] (Tấn Thành Đế, Hàm Hòa năm thứ 4), Thứ sử Giao Châu là Trương Liễn chiếm cứ Thủy Hưng, tiến đánh Quảng Châu. Vua Tấn sai bọn Tăng Hiệp đánh tan.

Quý Sửu [353] (Tấn Mục Đế, San, Vĩnh Hòa năm thứ 9), mùa xuân, tháng 3, Thứ sử Giao Châu nhà Tấn là Nguyễn Phuđánh Phạm Phật người Lâm Ấp ở Nhật Nam, phá hơn 50 lũy (xét Lâm Ấp vốn là đất huyện Lâm Ấp thuộc Tượng quận thời Tần, thời Hán đổi là huyện Tượng Lâm thuộc quận Nhật Nam. Phía Đông sát bể, phía Tây đến Qua Oa, phía Nam thông đến Chân Lạp, phía Bắc sát với cõi đất Châu Hoan của An Nam. Đất đai phía Nam gọi là châu Thi Bị, phía Tây là châu Thượng Nguyên, phía Bắc là châu Ô Lý thông thuộc tất cả 38 châu lớn nhỏ. Cuối thời Hán loạn lớn, viên Công tào là Khu Đạt (có sách chép Khu Liên) giết huyện lệnh, tự lập làm vua, truyền được vài đời, sau lập cháu gọi bằng cậu là Phạm Hùng. Hùng chết, con là Dật lên thay. Tấn Thành Đế, Hàm Khang năm thứ 3 [335], Dật chết. Phạm Văn cướp ngôi tự lập. Văn là người hầu của Phạm Trĩ cầm đầu bọn di huyện Tây Quyển, đem quân tiêu diệt các nước láng giềng. Quân có tới 4, 5 vạn người. Lúc đó Thứ sử Giao Chỉ là Khương Trang (có sách chép là Tráng) sai người thân là Hán Chấp lãnh chức Thái thú Nhật Nam. Lúc đầu các nước ngoài thường chở vật quý từ đường biển đến buôn bán, nhưng Thứ sử Giao Châu và Thái thú Nhật Nam phần nhiều tham lợi cướp đoạt. Mười phần hao tới hai ba. Đến khi Chấn lãnh chức thú thì đã hao đến quá nửa. Lại khám thuyền sách nhiễu, các nước khổ về chuyện đó. Hơn nữa Lâm Ấp ít ruộng, tham đất Nhật Nam màu mỡ thường muốn cướp đất ấy. Chấp chết, tiếp đó là Tạ Trạc (có sách chép là Trĩ) cũng vẫn cướp đoạt như trước. Mục Đế, Vĩnh Hòa năm thứ 3, Đài khiển là Hạ Hầu Lãm làm Thái thú. Lãm đến quận lại hay rượu, chính sự giáo hóa càng rối loạn. Nhân lúc dân oán ghét, Văn bèn đem quân đánh úp Nhật Nam, giết Lãm, san bằng thành huyện Tây Quyển. Văn ở Nhật Nam 3 năm thì về.

Mùa thu, tháng 7, Thứ sử Giao Châu là Chu Phiên lại sai Lưu Hùng đóng thú ở Nhật Nam, (Lưu Hùng có sách chép là Lưu Hùng Ngụy) bị Văn giết.

Vĩnh Hòa năm thứ 4, mùa hạ, tháng 4, Văn tiến đến xâm lược Cửu Đức (còn chép là Cửu Chân), tàn hại dân, mười phần mất tới tám chín. Lại sai sứ báo với Phiên xin lấy Hoàn Sơn ở phía Bắc Nhật Nam làm địa giới. Phiên không cho và sai bọn đô hộ là Đào Hoản sang đánh. Văn trở về Lâm Ấp, đóng đồn ở Nhật Nam. Vĩnh Hòa năm thứ 5, Hoàn Ôn nước Tấn sai Chinh tây đốc hộ là Đằng Tuấn và Thái thú Cửu Chân là Quán Toại đem quân Giao [Châu] Quảng [Châu] đánh Văn ở Lư Dung[(1)] bị Văn đánh thua phải rút về đóng ở Cửu Chân. Năm ấy Văn chết, con là Phật lên thay.

Năm thứ 7, Thứ sử Giao Chỉ là Dương Bình đánh Phật. Phật bỏ chạy rồi xin hàng. Sau trận ấy người Man dần dần biết sợ, nhưng con cháu của Phật vẫn tàn bạo như cũ. Đến hết thời Tấn mà cũng chưa cản được khí thế đội quân ấy. Thuyết khác nói rằng: Quán Toại đánh Phật, tiến đến Lâm Ấp (bấy giờ là tháng 5, dựng cột đồng hồ. Mặt trời ở phía Bắc cột, bóng ở phía Nam cột 8 tấc 1 phân kể từ phía Nam của bóng phía Bắc, cho nên mở cửa phương Bắc để hướng về mặt trời).[(2)]

Kỷ Mùi [359] (Tấn Thăng Bình năm thứ 3), tháng 12, Thứ sử Giao Châu là Ôn Phóng Chi đem quân đánh Lâm Ấp, Lâm Ấp đầu hàng.

<15a> Canh Thìn [380] (Tấn Võ Đế, Xương Minh, Thái Nguyên năm thứ 5), mùa đông, tháng 10, Thái thú Cửu Chân là Lý Tốn chiếm châu làm phản. Cha conTốn dũng cảm, khoẻ mạnh lại có quyền lực, uy danh chấn động cả đất Nam. Nghe nói Thứ sử Đằng Đôn Chi sẽ đến, liền sai hai cha con chia ra chặn nơi hiểm yếu của đường thủy đường bộ để chống lại.

Tân Tỵ [381] (Tấn Thái Nguyên năm thứ 6), mùa thu, tháng 7, Thái thú Giao Chỉ là Đỗ Viện chém được Lý Tốn, châu lại được yên. Vua thăng cho Viện làm Thứ sử Giao Châu (Viện là người Chu Diên nước ta, vốn thuộc đất Kinh Triệu, ông tổ bốn đời làm Thái thú Ninh Phố nên ở lại đất Giao Chỉ).

Kỷ Hợi [399] (Tấn An Đế, Đức Tông, Long An năm thứ 3), mùa xuân, tháng 3, vua Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt đánh hạ thành Nhật Nam, bắt Thái thú Cảnh Nguyên, lại xâm lược Cửu Chân, bắt Thái thú Tào Bính rồi đem quân xâm lược Giao Châu. Đỗ Viện **<15b>** sai Đốc hộ Đặng Dật đánh tan.

---

(1) Lư Dung: Nay thuộc tỉnh Quảng Nam.

(2) Xem Tấn thư quyển 10 Nam Man truyện.

Đinh Mùi [407] (Tấn Nghĩa Hy năm thứ 3), vua Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt xâm lược Nhật Nam giết quan Trưởng sử. Đỗ Viện sai Hải La, Đốc hộ là Nguyễn Phí đánh, giết được rất nhiều (Hồ Đạt là con của Phật, có bản chép là cháu của Phật),

Tân Hợi [411] (Tấn Nghĩa Hy năm thứ 7), mùa hạ, tháng 6, Thứ sử Giao Châu là Đỗ Tuệ Độ đánh tan Lô Tuần ở Long Biên. Trước đấy Thứ sử Quảng Châu nhà Tấn là Lô Tuần làm phản, bị tướng của Lưu Dụ là Lưu Phiên đánh bại, chạy vềGiao Châu. Khi ấy là tháng 6. Thứ sử trước là Đỗ Viện chết, vua Tấn cho con của Viện là Tuệ Độ thay làm Thứ sử, chiếu thư chưa đến, Tuần đã đánh Hợp Phố đi thẳng tới Giao Châu. Tuệ Độ đem văn võ 6.000 người đánh tan quân Tuần ở Thạch Kỳ. Quân của Tuần vẫn còn 2.000. Con cháu Lý Tốn là bọn Lý Dịch, Lý Di, Lý Thoát cấu kết với dân Lái Lão thành đội ngũ. Tuần sai sứ vời, bọn Dịch nhận mệnh lệnh của Tuần, họ đem quân tiếp ứng với Tuần. Tháng 6, Tuần đến bến Long Biên. Tuệ Độ bỏ hết gia tài chia thưởng quân sĩ, đánh nhau với Tuần. Ném đuốc đuôi trĩ đốt thuyền của Tuần rồi lấy bộ binh từ hai bờ bắn lại. Thuyền của Tuần **<16a>** bốc cháy hết. Tuần bị trúng tên nhảy xuống nước chết. [Tuệ Độ] chém xác Tuần và cha Tuần là Dã cùng hai con là Hưng, Thoát đem đầu về Kiến Khang.

Quý Sửu [413] (Tấn Nghĩa Hy năm thứ 9), mùa xuân, tháng 2, Phạm Hồ Đạt nước Lâm Ấp vào cướp Cửu Chân. Tuệ Độ đánh tan được, chém bọn Tức Giao Long, Vương Nhân Tri và tướng của Đạt là Phạm Kiện. Bắt sống con của Đạt là Tức Na Năng và hơn 100 người (Hồ Đạt có bản chép là Tu Đạt. Sử cũ chép là năm ấy Tu Đạt cướp Cửu Chân. Tuệ Độ chém được. Kẻ bị chém là con của Tu Đạt chứ không phải Tu Đạt. Sử nước Tấn chưa biết rõ. Sử cũ vẫn theo. Nay cải chính).

Ất Mão [415] (Tấn Nghĩa Hy năm thứ 11), mùa đông, tháng 12, Lâm Ấp xâm phạm Giao Châu bị tướng của Giao Châu đánh tan.

Canh Thân [420] (Tấn Cung Đế Đức Văn, Nguyên Hy năm thứ 2, năm ấy nhà Tấn mất, Tống Vũ Đế Vĩnh Sơ năm thứ 1), mùa thu, tháng 7, Tuệ Độ đánh tan Lâm Ấp, giết chết quá nửa. Lâm Ấp xin hàng, Độ cho. Những người bị bắt đều sai về, ai nộp voi lớn, vàng bạc, đồi mồi cổ thì được tha. Lệnh cho Trưởng sử Giang Du **<16b>**dâng biểu mừng tin chiến thắng. Tuệ Độ ở châu mặc áo vải ăn cơm rau, cấm thờ nhảm, sửa trường học. Năm đói kém lấy lộc riêng để chẩn cấp cho dân. Làm việc chu đáo, công cũng như tư. Dân sợ nhưng yêu mến ông, cửa thành đêm vẫn mở, ngoài đường không một ai nhặt của rơi. Đến lúc chết được phong tặng là Tả tướng quân, cho

con trưởng là Hoằng Văn làm Thứ sử. Trước kia Tống Vũ Đế đi đánh phương Bắc, Tuệ Độ tiến cử Hoằng Văn làm Thái thú Cửu Chân. Nay Văn lại kế nhậm chức của cha, cũng hòa nhã rộng rãi, được lòng dân chúng, được nối tước Long Biên hầu. (Xét thấy vua Lâm Ấp, là Phạm Tu Đạt chết, con là Đích Chân nối ngôi. ĐíchChân bỏ nước sang nước Thiên Trúc. Em là Đích Khải lên thay, đại thần nước ấy là Phạm Chư Nông tự lập làm vua. Chư Nông chết, con là Dương Mại lên thay, Lâm Ấp bị đánh năm ấy chưa rõ là năm nào, cho nên chép cả).

Đinh Mão [427] (Tống Văn Đế Nghĩa Long, Nguyên Gia năm thứ 4), mùa hạ, tháng 4, vua Tống cho Hoằng Văn làm Đình uý, cho Vương Huy làm Thứ sử. Lúc đó Hoằng Văn bị ốm tự ngồi xe đi. Có người khuyên là đợi khỏi bệnh, Hoàng Văn nói: "Ta cầm cờ tiết đã 3 đời, hằng muốn đem thân lạy trước sân nhà vua, huống chi nay lại được vời về". Nói xong quyết đi **<17a>** và bị mất ở Quảng Châu.

Tân Mùi [431] (Tống Nguyên Gia năm thứ 18), Lâm Ấp vào xâm chiếm. Vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại đem hơn 100 lâu thuyền đến đánh Cửu Chân. Vào cửa sông Tứ Hội (tên huyện thuộc Quảng Châu). Thứ sử Giao Châu là Nguyễn Di Chi sai đội chủ là Tướng Đạo Sinh đem quân đi đánh. Đánh vào thành Khu Túc(1) không được, lại đem quân về. Trước kia, từ sau khi Thứ sử châu là Đỗ Viện mất, Lâm Ấp không năm nào là không tới cướp phá các quận Nhật Nam, Cửu Đức giết hại nhiều người. Giao Châu bị suy yếu. Đầu năm Nguyên Gia [424], Dương Mại xâm lấn càng dữ, Đỗ Hoằng Văn, Kiến Nha định đi đánh nhưng nghe tin có người sang thay nên lại thôi. Đến khi ấy lại đem quân cả nước sang cướp phá. Hai biên giới lại sinh chuyện. (Sử cũ chép: "Dương Mại cướp phá Cửu Chân, quân ở châu đánh đuổi được" là sai với sự thực. Xét ra vua Lâm Ấp là Dương Mại chết trong năm Vĩnh Sơ [420] thời Tống, con là Đốt cướp ngôi của cha lại xưng là Dương Mại. Năm ấy kẻ đến cướp phá là Dương Mại con chứ không phải là Dương Mại cha. Cho nên chép đủ để thấy được từng lời của bọn chúa Di. Trước kia khi mẹ mới sinh Dương Mại cha, bà mơ thấy có người đặt vàng lên chiếu cạnh đứa con. Người Di thường gọi vàng là Dương Mại. Cho nên lấy chữ đó để đặt tên.

<17b> Quý Dậu [433] (Tống Nguyên Gia năm thứ 10), mùa hạ, tháng 5, vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại sai sứ sang cống nước Tống xin quản lĩnh Giao Châu. Vua Tống ban chiếu trả lời là vì đường xa

(1) Thành Khu Túc: Dấu vết thành cũ, nay còn ở làng Cao Lao Hạ, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

không cho. Năm ấy vua Tống cho Hữu tham quân Lý Tú Chi làm Thứ sử Giao Châu.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Dù như Bôn, Dục*[1]*, lúc non trẻ cũng không chống nổi người gầy còm đã trưởng thành. Lâm Ấp thừa lúc nước ta không có vua bèn cướp phá Nhật Nam, Cửu Chân mà xin thống lĩnh. Há phải lúc đó nước ta không chống được với Lâm Ấp đâu. Chỉ vì không có người đứng ra thống lĩnh mà thôi. Thời không suy mãi mà phải có lúc thịnh; thế không khuất mãi mà phải có khi vươn.*

<18a> Giáp Tuất [434] (Tống Nguyên Gia năm thứ 11), vua Tống cho Thái thú Giao Chỉ là Lý Cảnh Chi làm Thứ sử Giao Châu.

Ất Hợi [435] (Tống Nguyên Gia năm thứ 12), vua Tống cho Hữu quân hành tham quân Tuần Đạo Phúc làm Thứ sử Giao Châu.

Bính Tý [436] (Tống Nguyên Gia năm thứ 13), mùa xuân, tháng 2, vua Tống cho Đàn Hòa Chi làm Thứ sử Giao Châu, đánh thắng nước Lâm Ấp. Đầu năm Nguyên Gia, vua Lâm Ấp là Dương Mại tuy có công chút ít, nhưng vẫn không ngừng cướp bóc. Hơn nữa, đồ cống tiến cũng đơn bạc. Vua Tống cũng bực về sự ngạo nghễ của nó, bèn sai Hòa Chi sang đánh. Lúc đó người Nam Dương là Tông Xác, mấy đời theo Nho học. Riêng Xác rất thích việc võ, ông thường nói: "Tôi chỉ muốn cưỡi luồng gió to mà phá tan muôn dặm sóng". Đến khi ấy hăng hái xin tòng quân, được bổ chức Chấn vũ tướng quân, làm Quân phó cho An Tây Tham quân Tiêu Cảnh Hiến. Hòa Chi sai Xác làm quân tiền phong. Dương Mại nghe tin xuất quân, bèn sai sứ dâng biểu xin trả lại những người dân Nhật Nam bị bắt trước và nộp 1 vạn cân vàng, 10 vạn cân bạc **<18b>**. Vua Tống ban chiếu cho Hòa Chi: "Nếu Dương Mại thực có lòng thành thì cho quy thuận". Song vì Dương Mại mê hoặc lời can của đại thần là Độc Tăng Đạt nên lại thôi. Hòa Chi đến đồn thú Chu Phẫu (chữ Phẫu 剖) có bản chép là chữ ngô (吳). Huyện Chu Phẫu từ thời Hán tới nay thuộc quận Nhật Nam. Lúc ấy đóng đồn thú ở đấy. Giao Châu ký chép: "Dân nơi ấy dựa vào vùng biển không ăn gạo, chỉ nhờ vào cá", sai bọn Hộ tào tham quân thuộc phủ là Khương Trọng Cơ (phủ là phủ Thứ sử Giao Châu) đến đọc ân chỉ của vua. Dương Mại bắt rồi sai đại sứ là Phạm Phù Long đưa lên đóng quân ở biên giới phía Bắc. Hòa Chi giận,

[1] Bôn, Dục: Bôn là Mạnh Bôn, một lực sĩ nhà tần thời Chiến Quốc. Dục là Hạ Dục, là lực sĩ của thời Chu.

bọn Cảnh Hiến bèn tiến quân bao vây Phù Long ở thành Khu Túc. Dương Mại sai tướng của hắn là Phạm Côn Sa Đạt đến cứu. Hòa Chi cho đạo quân nhỏ ra chống lại, bị giặc đánh thua, bèn sai Xác ngầm đem quân đón đánh tan quân Sa Đạt. Tháng 5, bọn Hòa Chi hạ được thành Khu Túc, chém Phù Long, thừa thắng kéo vào Tượng Phố. Dương Mại dốc lực lượng cả nước ra đánh, trang bị đầy đủ cho voi, ùn ùn kéo đến. Xác nói: "Ta nghe nói nước ngoài có sư tử uy phục được trăm thú dữ", bèn chế hình sư tử để chống **<19a>** với voi. Quả nhiên voi sợ bỏ chạy. Quân Lâm Ấp đại bại. Hòa Chi lấy được Lâm Ấp. Dương Mại và con chạy thoát. Hòa Chi thu được nhiều của quý lạ chưa từng có, lại phá người vàng lấy được mấy chục cân. Tục Lâm Ấp theo đạo Ni Kiền[1] đúc tượng người bằng vàng bạc, to đến 10 ôm. Xác không lấy một thứ gì. Ngày về nhà, áo quần khăn lược nhẹ tênh. Hòa Chi vì có công được phong tước Vân Xã Huyện tử (năm Hiếu Kiến thứ 3, Hòa Chi chuyển làm. Thứ sử Châu Duyên, can tội say rượu, lạm dụng của cải bị bãi quan. Lúc ốm, ông thấy mình bị thần rợ Hồ về hành hạ, rồi chết).

***Sử thầnNgô Sĩ Liên bàn**: Người cótài hữu dụng thì không thể không đem ra thi thố, há phải câu nệ ở thói đời sao? Chỉ có cách lập chí khác nhau thôi! Kẻ lập chí về đức thì công danh không đủ để động lòng họ. Kẻ lập chí về công danh thì giàu sang không đủ để động tâm họ. Chí của Tông Xác là chí về công danh đó chăng? Ngày về nhà, của cải một chút cũng không hề lấy. Đó thực là giàu sang không đủ để động lòng vậy. So với người lập chí về đạo đức **<19b>** cố nhiên là không thể kịp. Nhưng so với kẻ lập chí về giàu sang thì hạng này là kém đấy.*

Đinh Sửu [437] (Tống Nguyên Gia năm thứ 14), vua Tống cho Thượng thư Kim bộ lang là Từ Kim Chi làm Thứ sử Giao Châu (sử cũ chú năm ấy Đàn Hòa Chi bỏ quan về là không đúng sự thực nay bỏ đi).

Bính Tuất [446] (Tống Nguyên Gia năm thứ 23), vua Tống cho Long Nhương tư mã là Tiêu Cảnh Hiến làm Thứ sử Giao Châu.

Bính Thân [457] (Tống Hiếu Vũ Đế, Hiếu Kiến năm thứ 3 vua Tống cho Bắc Quân trung lang là Phí Yêm làm Thứ sử Giao Châu.

Ất Tỵ [465] (Tống Phế Đế Cảnh Hòa năm thứ 11), vua Tống cho Hậu quân tưmã là Lưu Mục làm Thứ sử Giao Châu.

---

[1] Ni Kiền: Phái tu hành tự cổ xưa ở Ấn Độ, phái này không mặc quần áo, họ cho rằng mặc quần áo là bị ràng buộc.

Mậu Thân [468] (Tống Minh Đế, Lưu Úc Thái Thủy năm thứ 4), mùa xuân, tháng 3, Thứ sử Lưu Mục ốm chết. Người ở châu là Lý Trường Nhân giết bộ thuộc của châu mục đưa từ phương Bắc sang, chiếm châu làm phản tự xưng Thứ sử.

Mùa thu, tháng 8, vua Tống cho tướng ở Nam Khang là Lưu Bột sang làm Thứ sử. Bột sang bị Trường Nhân **<20a>** chống lại, chẳng bao lâu Bột chết. Tháng 11, Trường Nhân sai sứ sang xin hàng, tự biếm làm Hành châu sự[1], vua chấp thuận.

Kỷ Mùi [479] (Tống Thuận Đế Tiêu Đạo Thăng Minh năm thứ 3, Tề Cao Đế, Chuẩn Thành Kiến Nguyên năm thứ 1), mùa thu, tháng 7, vua Tề cho Lý Thúc Hiến làm Thứ sử Giao Châu. Thúc Hiến là em họ Trường Nhân. Khi Trường Nhân mới chết, Thúc Hiến tạm làm Thái thú ở quận Vũ Bình thay lãnh việc ở châu, không chịu thi hành lệnh, sai sứ xin vua Tống cho làm Thứ sử. Vua Tống cho Trần Hoán, Thái thú Nam Hải làm Thứ sử; Thúc Hiến làm Tư mã quận Ninh Viễn và Thái thú hai quận Vũ Bình, Tân Xương, Thúc Hiến đã nhận mệnh, thu phục được lòng người bèn đưa quân giữ nơi hiểm yếu không nạp cho Hoán. Hoán ởUất Lâm rồi chết, Thúc Hiến lên làm Thứ sử, phủ dụ đất An Nam. Năm này nhà Tống mất.

Ất Sửu [485] (Tề Vĩnh Minh năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, vua Tề cho Đại tư nông Lưu Khải làm Thứ sử **<20b>** cho quân ở Nam Khang, Lư Lăng, Thủy Hưng đi đánh Lý Thúc Hiến. Lúc đầu Thúc Hiến đã nhận mệnh nhưng lại cắt việc cống nạp vì thế nên bị đánh. Thúc Hiến sai sứ sang xin bãi binh. Thúc Hiến dâng 20 bộ đâu mâu bằng bạc và lông chim công (lông chim công dùng để trang sức), vua Tề không nhận. Thúc Hiến sợ Khải đánh úp bèn đi tắt từ Tương Châu vào châu. Khải vào trấn.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Người Tề thế là mất hình luật rồi! Thúc Hiến với tình thân nơi xa xôi đượcnhậm chức ở châu. Không chịu thi hành mệnh lệnh, xin làm Thứ sử ở Trung quốc, được vào châu lại quay sang đánh Thứ sử cũ ở Uất Lâm. Vua Tề phải chống lại, đã được trao chức Thứ sử thật sự, quyền chức được tăng lại cắt đứt cống nạp. Đến khi Lưu Khải nhận lệnh đánh, vua biết Hiến đi đường tắt vào châu, thế mà không thấy có hình phạt chỉnh đốn. Sự tích Đăng Chi cũng y như vậy. Như thế thì làm sao thu phục được lòng người, soi sáng được quốc thể?*

---

(1) Hành châu sự: Người làm việc ở châu.

<21a> Mậu Thìn [488] (Tề Vĩnh Minh năm thứ 6), vua Tề cho Thái thú Thủy Hưng là Phòng Pháp Thừa làm Thứ sử Giao Châu.

Canh Ngọ [490] (Tề Vĩnh Minh năm thứ 8), mùa đông, tháng 10, Trưởng lại ở châu là Phục Đăng Chi bắt Thứ sử Phòng Pháp Thừa, vua Tề cho Đăng Chi làm Thứ sử. Pháp Thừa chuyên thích đọc sách, ốm đau không làm việc, do đó Trưởng lại Kiến Vũ là Phục Đăng Chi chuyên quyền, thay đổi tướng lại cũng không cho Pháp Thừa biết. Lục sự Phòng Tấu Văn bẩm trình, Pháp Thừa cả giận bắt Đăng Chi giam vào ngục. Được hơn chục ngày, Đăng Chi hối lộ em rể Pháp Thừa là Thôi Cảnh Thúc nên lại được tha. Nhân đó lại tập hợp bộ hạ ở châu bắt Pháp Thừavà nói: "Ông ốm yếu không nên làm việc cho mệt", rồi giam Pháp Thừa ở một nhà khác. Pháp Thừa không biết làm gì lại đến xin Đăng Chi cho đọc sách, Đăng Chi nói: "Ông tĩnh dưỡng một nơi còn sợ ốm, làm sao mà đọc sách được" rồi không cho và còn tâu lên là Pháp Thừa **<21b>** bệnh tâm không thể làm việc được. Tháng 11, vua Tề cho Đăng Chi làm Thứ sử, Pháp Thừa về đến Ngũ Lĩnh thì chết.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Phòng Pháp Thừa ham đọc sách bỏ việc, đến nỗi để trưởng lại chuyên quyền, thay đổi tướnglại là tại lỗi nghiện sách đấy. Đến lúc bắt giam ngục để mà trị tội là đã sửa sai rồi. Đến khi nghe theo lời van nài mà bỏ mặc không hỏi đến nữa thì lại phạm tội to quá, bị phản lại là đáng lắm, may mà không chết đấy. Cho nên đại phàm làm việc không giữ ở mức trung, chưa bao giờ lại không tai hại.*

Nhâm Ngọ [502] (Lương Vũ Đế Tiêu Diễn, Thiên Giám năm thứ 1), năm này nhà Tề mất. Nhà Lương cho Lý Nguyên Khải làm Thứ sử Giao Châu.

Ất Dậu [505] (Lương Thiên Giám năm thứ 4), mùa xuân, tháng 2, Thứ sử Giao Châu là Lý Nguyên Khải chiếm giữ châu làm phản. Trưởng lại Lý Tắc **<22a>** dẹp được, vua vẫn phải tha tội Giao Châu. Lúc đầu Khải thay Đăng Chi làm Thứ sử, tưởng rằng nhà Lương nhận ngôi của Tề, ân uy chưa có, nên nhân đó giữ châu làm phản. Đến đây Tắc đem tông binh đánh, giết được Chi. Nhà Lương cho Tắc làm Thứ sử.

Bính Thân [516] (Lương Thiên Giám năm thứ 15), mùa đông, tháng 11, chém Nguyễn Tông Hiếu làm phản, bêu đầu về Kiến Giang. Châu lại bình yên. Nhà Lương tha tội cho Giao Châu.

Quý Mão [523] (Lương Phổ Thông năm thứ 4), nhà Lương chia Giao Châu đặt Ái Châu (xét ra từ thời Hán tới nay, lấy châu lãnh quận, lục triều vẫn theo như thế. Đại khái gọi là Giao Châu là để nhậm chức Thứ sử. Các quận thú thống lĩnh 7 quận không được gọi là châu. Sách vở cũ

không nghiên cứu vấn đề này cho nên Thái thú Giao Chỉ đại khái chép là Giao Châu. Vì thế phải cải chính. Như thế may ra mới còn lại được chế độ chia châu đặt quận).

Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Đọc sử đến đây thật đáng cảm khái sâu sắc. Ôi! Đạo ở đời một lần biến cũng đã đáng than thở rồi. Đạo trời một lần biến lớn thế sao? Có lẽ tự trời đất định vị* ***<22b>*** *Nam Bắc khác nhau, chứ đâu phải chỉ do ngôn ngữ không thông, ham muốn không giống nhau, núi sông ngăn cách, phong khí trở ngại. Những điều không hợp được mà cố hợp lại làm thành thể thống nhất tất phải chống lại lẽ thường; hợp lại một cách cưỡng ép, tất sinh biến. Cũng như thời Nhị Đế Tam Vương, đạo đức giáo hóa hòa hợp. Nơi nào muốn được cùng thanh giáo thì đến, nơi nào không muốn thì không ép. Thời Tần, Hán đạo đức suy kiệt, bên trong trống rỗng, ngoài thì tham lam, làm việc ở 9 quận lúc được lúc mất, quân lính mệt mỏi, kho thành trống rỗng. Như thế có thôn tính cũng vô ích, điều này rất nghiệm. Đến cuối đời, Đông Hán đang bị Tam Quốc cát cứ; Lưỡng Tấn bị Ngũ Triều quấy nhiễu; Ngũ Đại đã hàng, tôi tớ tan rã, bản thân không tranh chấp nhưng lại mưu tính cho người. Quận huyện được đặt ra, thú mục được sắp xếp, những thứ cần thu như vỏ sò, hạt minh châu, lông chim công, chim trả, sừng tê, ngà voi đều là những vật vô ích* ***<23a>****, trút đầy túi bọn quan lại. Khi có việc khẩn vẫn cần đến tướng sĩ chạy hàng vạn dặm gian nan vất vả, đem vàng lụa lấp nơi hải ngoại, để quân lính phải mệt nhọc chở của đường xa. Đạo trời quay tròn, đánh nước người ta tất người ta sẽ đánh nước mình. Vài đời như vậy có ích lợi gì? Ngạn ngữ có câu: "Đất rộng lắm tất bỏ hoang, đức rộng sẽ mạnh". Những người cầm đầu thiên hạ, cầm đầu quốc gia, phải biết giới hạn địa phận của mình, phải cho có đức. Những gì mình không muốn, đừng bắt người khác phải làm. Như thế dân Nam Bắc mới yên ổn vô sự với nhau, không bị sai lầm mà hám điều to lớn, như vậy mới tốt đẹp được.*

Trên là kỷ thuộc Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương bắt đầu năm Canh Dần [210] (Hán Kiến An năm thứ 15, Ngô Hoàng Vũ năm thứ nhất), kết thúc năm Canh Thân [540] (Lương Đại đồng năm thứ 6), tổng cộng là 330 năm[1].

<23b> Thông luận của sử thần Ngô Thì Sĩ: *Nước An Nam ta ở vùng biển, vàng bạc, châu báu, ngọc ngà, lông chim, da thú*

[1] Nguyên bản chép 323 năm.

quý, không gì không có, đất đai màu mỡ, tục dân rất nhu mì, chậm chạp. Người phương Bắc cho đất này là nơi chướng khí, dân ở đây là những người ngu, người đáng ngờ, xảo trá. Thực ra chỉ là những lời nói thêm lên chứ không phải là việc đáng bàn. Ý của họ là lợi cho việc làm giàu, cái may cho họ là ta yếu. Lúc bấy giờ chưa có anh hùng nổi lên, cho nên từ Triệu Vũ kiêm tính được đất đai, các đời sau theo đó mà chia thành quận huyện. Giả sử cằn cỗi như đất Ngụy, bướng bỉnh hung hãn như tục nước Tần thì kẻ chiếm được cũng khó mà cày cấy chăn nuôi, kẻ trông thấy cũng chẳng dám dòm ngó. Từng thấy Sĩ Nhiếp theo lệnh nhà Ngô đến làm Thái thú, dàn dân giữ biên giới, để có chỗ tin; Tôn Quyền cho Thứ sử chế ngự, mà không lo bị chuyên quyền ư? Nhiếp chết, Huy chuyên quyền rồi cuối cùng vẫn bị diệt vong. Huy sang cầu cứu nhà Ngô nhưng về thế cũng không thể đánh úp Long Biên **<24a>** *mà đời đời phải giữ ở bang. Từ đó về sau quan thú mục phải thay đổi luôn. Làm điều càn rỡ, bừa bãi, sai dịch nhiều, dân không chịu nổi. Bên trong nước Ngô nước Ngụy tranh giành, bên ngoài thì Đạt, Mại cướp phá; tù trưởng đất Quảng và giặc Thục không ngày nào không gây sự; Nhật Nam, Quảng Đức, chẳng năm nào không lấy quân.Dân ta khốn khổ vì nghèo túng, tiều tụy vì chiến tranh, chưa bao giờ thậm tệ đến như vậy! Mặc dù cũng có lúc làm phản rồi lập tức lại bị diệt, người phương Bắc vui vì thấy ta dễ trị, rốt cuộc không chịu buông tha. Đọc sách thấy ghi: Tháng 4 năm Thái Thủy thứ 5, Tấn Vũ Đế tha hình phạt 5 năm cho Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. Đến thời Lương Vũ Đế chỉ có hai lần xá cho Giao Châu mà thôi. Ngoài ân xá này ra không thấy nói nữa. Có lẽ vì khinh dân ta là Man Di, thực ý không coi ta là bên trong, chỉ để tâm vào mối lợi. Chẳng phải là đất không ở được, dân không sai khiến được mà liệt vào làm huyện* **<24b>**. *Khổ đến như vậy. Kinh Dịch có cái lý hội thông là tất nhiên. Do đó có câu thần ngôn: "Non sông nước Nam vua nước Nam ở" không sai, đạo trời không trái. Người nắm quyền hành trong nước phải biết cẩn thận từ cây cối, cây dâu thì lụa vải sẽ đầy nhà. Làm vua của nước coi dân như con, vận không hết được, hưng thịnh đâu phải điều to lớn. Người Minh có câu: "Giữ khoảng trời non xanh nước biếc, tất phải có vị áo vàng xưng "trẫm". Trời sinh ra các nước, há chẳng phải do Thượng Hoàng sắp đặt? Làm gì phải giận dữ việc đã rồi, mà không cố gắng tự cường?*

HẾT QUYỂN IV NGOẠI KỶ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

NGOẠI KỶ

QUYỂN V

<1a>

KỶ TIỀN LÝ

LÝ NAM ĐẾ

(Vua họ Lý, húy là Bôn, người Long Hưng, Thái Bình(1). Tổ tiên là người phương Bắc. Cuối thời Tây Hán cực khổ vì chiến tranh, lánh nạn sang ở đất Nam. Đến đời thứ 7 thành người phương Nam. Vua đuổi được Thái thú phương Bắc, dẹp xong Lâm Ấp bèn xưng là Nam Đế, ở ngôi được 8 năm, mất ở động Khuất Liêu(2) không rõ tuổi thọ. Vua chán ghét loạn lạc, thời nội thuộc, dấy nghĩa binh đánh đuổi Tiêu Tư phá tan Lâm Ấp, dựng nước đổi niên hiệu, đúng là bậc hào kiệt một thời. Nhưng vận trời không thuận, bị Trần Bá Tiên đánh bại, ốm mà chết, không làm nên việc lớn, thật tiếc thay).

Tân Dậu năm thứ 1 [541] (Lương Đại Đồng năm thứ 7), vua khởi binh, Thứ sử Giao Châu là Vũ Lâm hầu Tiêu Tư trốn về nước. Vua là

---

(1) Long Hưng: Trước là hương Đa Cương. Mộ tổ nhà Trần táng ở đó nên đổi là Long Hưng, nay là địa phận Hưng Hà, Đông Hưng, Thái Bình.

(2) Đời truyền rằng động Khuất Liêu, chỗ Lý Bôn rút lui, là chỗ làng Đào Xá, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Hiện ở đấy còn có đền thờ Lý Bôn.

con nhà hào tộc, có tài văn võ, làm quan với nhà Lương, bất đắc chí bỏ về Thái Bình. Lúc đó Thứ sử Giao Châu là Tiêu Tư, vì hà khắc tàn bạo nên mất lòng dân. Vua mưu khởi binh đánh đuổi. [Bấy giờ] có Tinh Thiều là người giỏi văn chương, sang nhà Lương ứng tuyển, xin làm quan. Thượng thư bộ Lại nhà Lương là Sái Tôn cho rằng Tinh Thiều **<1b>** không phải là dòng dõi quan lại, nên chỉ cho làm chức Quản dương môn lang. Thiều lấy làm nhục, bỏ về làng, theo vua khởi nghĩa.

Vua lúc bấy giờ làm chức Giáng Quân ở châu Cửu Đức[1], nhân đó liên kết với mấy châu ở gần. Những bậc hào kiệt đều hưởng ứng. Có người tù trưởng ở Chu Diên là Triệu Túc, phục tài đức của vua, đem quân theo vua đầu tiên. Tiêu Tư biết được tin đem của cải nộp cho vua, rồi chạy về Quảng Châu (có bản chép là Việt Châu). Vua ra giữ thành của châu (tức thành Long Biên).

Nhâm Tuất, năm thứ 2 [542] (Lương Đại Đồng năm thứ 8), mùa đông, tháng 12, vua nhà Lương sai Lô Tử Hùng và Tôn Quỳnh sang xâm lấn. Bấy giờ là mùa xuân, khí độc đang bốc lên, Tử Hùng xin đợi đến mùa thu sẽ đi đánh. Thứ sử Quảng Châu là Tân Dụ hầu Tiêu Ánh không cho, Vũ Lâm hầu là Tư, lại thúc giục, Tử Hùng bất đắc dĩ đành phải đi. Đến Hợp Phố, mười phần chết tới sáu bảy, quân tan vỡ phải quay về. Tư tâu với vua Lương rằng: "Tử Hùng và Quỳnh thông đồng với xứ ngoài, dùng dằng không chịu tiến quân". Vua Lương bắt họ đều phải tự tử ở Quảng Châu.

<2a> Quý Hợi, năm thứ 3 [543] (Lương Đại Đồng năm thứ 9), mùa hạ, tháng 4, vua Lâm Ấp cướp phá quận Nhật Nam (có bản chép là Đức Châu). Vua sai tướng là Phạm Tu phá tan giặc ở Cửu Đức. Vua Lâm Ấp thua chạy (nhà Lương đổi Nhật Nam làm Đức Châu. Xét các đời vua trước Lâm Ấp thì thấy từ thời Tống Nguyên Đế năm Nguyên Gia trở về sau là Dương Mại; thời Hiếu Vũ Đế, trong những năm Kiến Nguyên, Đại Minh là Phạm Thần Thành; thời Tề năm Vĩnh Minh là Phạm Văn Tán; thời Lương năm Thiên Giám là Thiên Khải, được ít lâu Thiên Khải mất, con là Bật Nhuế Bạt Ma lên ngôi; năm Phổ Thông thứ 7 (527), vua là Cao Tuất Thắng Khải Trung, năm Đại Thông, quyền vua Lâm Ấp là Cao Tuất Luật Thi La Bạt Ma; đến thời Tùy vua là Phạm Phàn Chí; thời Đường năm Trinh Quán vua là Đầu Lê. Từ nhà Lương đến nhà Tùy đổi mấy đời vua, sau đó mới có Phạm Phàn Chí. Năm Lâm Ấp vào cướp phá

[1] Cửu Đức: Tên đất. Nhà Ngô đặt làm quận thống lãnh 8 huyện. Thời Tấn, Tống, Tề vẫn theo như cũ. Nhà Lương đổi làm huyện Cửu Đức thuộc vào quận Nhật Nam. Nhà đường đổi thuộc Hoan Châu.

Nhật Nam, cũng chưa rõ là vua nào, Ngô Sĩ Liên cho là Phàn Chí là không đúng).

Giáp Tý Thiên Đức năm thứ 1 [544] (Lương Đại Đồng năm thứ 10), mùa xuân, tháng giêng, vua nhân đánh thắng địch bèn tự xưng là Nam Việt Đế. Vua lên ngôi, đổi niên hiệu, đặt ra trăm quan. Đặt quốc hiệu Vạn Xuân là mong muốn xã tắc truyền được đến muôn đời vậy. Vua xây điện Vạn Thọ(1) để làm nơi triều hội, lấy Triệu Túc làm Thái phó. Các ông Tinh Thiều, Phạm Tu đều được bổ làm tướng văn, tướng võ. Vua nhà Lương sai Tả vệ tướng quân đi đánh dẹp, <2b> qua được Ngũ Lĩnh thì ốm chết.

Ất Sửu năm thứ 2 [545] (Lương Đại Đồng năm thứ 11), mùa hạ, tháng 6, nhà Lương cho Dương Phiêu làm Thứ sử Giao Châu, Trần Bá Tiên làm Tư mã, sai đem quân sang xâm lấn. Lại sai Thứ sử Giao Châu (có bản chép là Quảng Châu) là Tiêu Bột hội với Phiêu ở Giang Tây. Bột biết là quân sĩ sợ đi đánh xa, vì thế nói dối, để giữ Phiêu ở lại. Phiêu tập họp các tướng lại để hỏi mưu kế. Bá Tiên nói: "Giao Châu làm phản, tội là do người trong tôn thất để cho [giặc cướp] gây biến loạn ở mấy châu mà trốn tránh tội chết hàng mấy năm nay, [Thứ sử] Giao Châu thì chỉ muốn tạm yên trước mắt, không nghĩ đến kế lớn. Đã nhận mệnh đi đánh kẻ có tội, sống chết cũng vì việc đó, há lại có thể dùng dằng không tiến, để đợi giặc mạnh lên cản trở quân ta hay sao?". Thế rồi Bá Tiên dàn quân đi trước. Phiêu lấy Bá Tiên làm quân tiên phong. Khi đến Giao Châu, vua đem 3 vạn quân chống lại, bị thua ở Chu Diên, quân về đến sông Tô Lịch lại thua to. Vua chạy về thành Gia Ninh (Gia Ninh xưa thuộc quận Giao Chỉ, thời Đường Vũ Đức năm thứ 4 [622] mới thuộc Phong Châu), quân nhà Lương đuổi theo bao vây.

<3a> Bính Dần năm thứ 3 [546] (Lương Trung Đại Đồng năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, bọn Dương Phiêu đánh hạ thành Gia Ninh. Vua chạy vào đất người Liêu ở Tân Xương (tên huyện thuộc Phong Châu). Quân Lương đóng ở cửa sông Gia Ninh. Mùa thu, tháng 8, vua lại đem 2 vạn người từ trong vùng dân tộc Liêu ra đóng ở hồ Điển Triệt(2), đóng rất nhiều thuyền, đậu chật cả trong hồ. Quân Lương sợ, dừng lại ở cửa hồ không dám tiến. Bá Tiên nói với các tướng rằng: "Quân

(1) CM chép xây điện Vạn Xuân, có lẽ đúng hơn. Trong Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc sử có chép rằng huyện Long Biên có đài Vạn Xuân. Đài này do Lý Bôn ở Giao Chỉ xây năm Đại Đồng nhà Lương, ở Thanh Trì, Hà Nội có hồ Vạn Xuân.

(2) Hồ Điển Triệt ở huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay.

ta ở lâu không có quân tiếp viện, đi sâu vào đất người, nếu như một trận mà không thắng thì còn mong gì sống. Nay nhằm lúc địch thua chạy, lòng người chưa cố kết, chính là lúc cần phải bỏ hết sức ra liều chết mà giành lấy, không thể vì cớ gì đó mà ngừng lại, thời cơ sẽ qua mất". Các tướng không ai hưởng ứng. Đêm hôm ấy, nước sông lên to tới 7 thước, chảy như trút vào trong hồ. Bá Tiên đem bộ thuộc của mình theo dòng nước tiến lên trước. Quân Lương đánh trống reo hò tiến theo. Vua vốn không chuẩn bị do đó bị tan vỡ, lui giữ động Khuất Liêu để sửa soạn lực lượng đánh lại. Vua giao cho đại tướng là Triệu Quang Phục giữ việc nước, điều quân đánh Bá Tiên.

<3b> Đinh Mão, năm thứ 4 [547] (Lương Thái Thanh năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một nhật thực. Triệu Quang Phục cầm cự với Trần Bá Tiên chưa phân thắng bại, quân của Bá Tiên rất đông, Quang Phục liệu thế không chống nổi, bèn rút về giữ đầm Dạ Trạch. Đầm này ở Chu Diên, chu vi không biết bao nhiêu dặm, cỏ cây um tùm, bụi rậm che kín, bên trong có nền đất có thể ở được. Bốn bề bùn lầy, sâu trũng, người ngựa khó đi, chỉ có thể dùng thuyền độc mộc nhỏ, chống sào lướt trên cỏ nước thì mới đến được, nếu không quen lối thì sẽ bị lạc, không biết nơi nào mà lần, nhỡ ra rơi xuống nước thì bị rắn rết cắn chết.Quang Phục có 2 vạn quân đóng ở trong đầm, ban ngày mất hút không một vệt khói, một bóng người, ban đêm thì cho quân ra đánh bất ngờ vào doanh trại giết được rất nhiều quân Lương, rồi dùng lương thực thu được để làm kế cầm cự lâu dài. Bá Tiên lén đánh, cuối cùng cũng không thắng được. Người trong nước gọi ông là Dạ Trạch Vương. (Người đời truyền rằng, thời Hùng Vương, con gái vua là Tiên Dung Mị Nương ra chơi cửa biển, thuyền về đến bãi làng nhà họ Chử, nàng đi bộ trên bãi, gặp Chử Đồng Tử cởi trần truồng nấp sẵn trong bụi lau. Nàng tự cho là có nhân duyên từ kiếp trước **<4a>** bèn kết làm vợ chồng. Vua vặn hỏi, nàng sợ phải tội, bèn trốn lên ở bên bờ. Chỗ nàng ở tự nhiên biến thành nơi đô hội. Vua giận bèn cho quân đến đánh. Đồng Tử và Tiên Dung sợ hãi chờ tội. Bỗng nửa đêm, mưa to gió lớn kéo đến, bốc cả nhà cửa, người, gà, chó bay lên trời, chỉ còn trơ lại nền đất không. Từ đó người ta gọi bãi ấy là bãi Tự Nhiên, đầm ấy là đầm NhấtDạ[1]. Nay vẫn giữ tên cũ. Theo *Lĩnh Nam chích quái).*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét thời Nam Đế, Nam Bắc đánh nhau nhiều năm không ngớt. Nam Đế tiếng là dựng nước, nhưng*

---

[1] Đầm Nhất Dạ: Còn gọi là đầm Dạ Trạch. Đầm này ở bãi Tự Nhiên (Mậu Trù Châu), nay thuộc Chử Xá, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

nhà Lương vẫn sai Thứ sử đến cai trị châu ấy. Viên Đàm Hoãn bí mật gửi vàng về trả nợ và cho con tới bốn năm trăm lạng. Âu Dương Thịnh lấy nhiều trống đồng, súc vật đồ công hiếm quý lạ, tích lại rất nhiều. Bọn quan lại tham tàn đi lại luôn luôn. Dân lúc bấy giờ hoặc phải chịu phục dịch nhà Lương, hoặc lệ thuộc vào nhà Lý, thuế khóa nặng nề, bắt bớ phiền nhiễu. Quan thú mục đục khoét bóc lột, nạn binh lửa giày xéo đau thương. Khổ sở nhiều bề mà chẳng biết kêu ai. Người dân <4b> *đôn hậu sao không may mà gặp phải vận hội này!*

Mậu Thìn, năm thứ 5 [548] (Tháng 4 trở về sau là Triệu Việt Vương, Quang Phục năm thứ 1; Lương Thái Thanh năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, Nam Đế mất ở động Khuất Liêu. (Sử cũ chép Nam Đế ở trong động Khuất Liêu lâu ngày, nhiễm phải khí độc, bị bệnh rồi mất. Sử nhà Lương chép là vua ở trong động Khuất Liêu bị người trong động giết, cắt tai dâng cho nhà Lương là nói khoác đấy).

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Sách Binh pháp nói rằng 3 vạn quân đồng lòng chung sức thì thiên hạ không ai có thể địch nổi. Nay Lý Bôn có 5 vạn quân mà không thể giữ được nước, vậy thì Lý Bôn kém tài làm tướng chăng? Hay là vì quân mới tập hợp nên không thể chiến đấu được? Bôn cũng là tướng bậc thường, khi gặp địch nghĩ mưu đánh thắng cũng không phải là không làm được.Thế mà cuối cùng bị 2 lần thất bại rồi mất, có lẽ vì không may gặp phải Trần Bá Tiên là tay giỏi dùng binh chăng?*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Tiền Nam Đế khởi binh trừ kẻ bạo ngược, đúng là thuận với lẽ trời* <5a> *nhưng cuối cùng đến nỗi bại vong, có lẽ trời chưa muốn cho nước ta được thái bình chăng? Than ôi! [Nam Đế] không những chỉ gặp phải Bá Tiên giỏi dụng binh mà còn gặp lúc nước sông đột ngột dâng lên to để giúp cho thế giặc, chẳng phải là tự trời đó sao?*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Tài dụng binh của Bá Tiên thì Lý Nam Đế cố nhiên không địch nổi. Thế nhưng do cái thế chủ khách khác nhau, thế quân vất vả nhàn rỗi khác nhau, vả lại xua quân sĩ Giang Nam lặn lội ở đất lam sơn chướng khí [nên đến nỗi như vậy]. Hãy xem việc Bá Tiên nhún nhường Hồ Dĩnh, khiến cho hắn theo phục dịch, đãi ngộ rất hậu cho Bảo Độ, để khiến hắn tòng quân. Người trí sĩ, kẻ dũng phu đều được đãi ngộ. Buổi đầu xâm lược nước Nam, đem theo cả vợ con, đến khi ở lâu mà chưa*

hạ được, đến nỗi phải gửi vợ con theo tham quan của Tiêu Ánh là Thẩm Khác về quê, lúc nào cũng đau đáu lo sợ không thể thắng được. Lý Bôn tuy kém về tài làm tướng, nhưng chẳng lẽ đến nỗi phải bó tay chịu sự chế ngự, để 2 lần thất bại mà mất nước hay sao? Ý trời không giúp, cơ sự biến đổi **<5b>***không thường. Cứ xem câu sấm "nhật phụ mộc lai" thì dù 5 vạn người đều có sức như hùm beo và trong hồ không có nước dâng lên đột ngột, thì cuối cùng cũng thất bại thôi. (Dã sử chép rằng: Thời ấy, có con trâu đen sinh ra con nghé trắng [trên lưng] có mấy chữ "nhật phụ mộc lai" có lẽ là chữ Trần đấy. Về sau Trần Bá Tiên sang xâm lấn cõi Nam, lời sấm ấy quả là đúng).*

Tháng 5, vua Lương xá tội cho Giao Châu và Ái Châu. Anh Nam Đế là Lý Thiên Bảo đánh úp Ái Châu, bị Trần Bá Tiên nhà Lương đánh bại. Trước kia Thiên Bảo theo Nam Đế lánh ở động Khuất Liêu, đến bây giờ ông cùng với tướng trong họ là Lý Phật Tử thu thập quân còn lại, được 3 vạn người, tiến vào Cửu Chân, rồi bao vây Ái Châu. Bá Tiên đem quân đánh tan được. Vua Lương ban chiếu cho Bá Tiên làm Đốc hộ Giang Tây, lĩnh chức Thái thú Cao Yêu, trông việc quân của 7 quận.

ĐÀO LANG VƯƠNG

(Vua húy là Thiên Bảo, anh Nam Đế, dựng nước ở động Dã Năng, mọi người suy tôn làm vua, ở ngôi 7 năm, không rõ tuổi thọ).

Phụ: TRIỆU VIỆT VƯƠNG

(Vua họ Triệu, húy là Quang Phục, người Chu Diên, con Triệu Túc. Vua là người oai hùng dũng mãnh, theo Nam Đế đánh dẹp có công được phong chức Tả **<6a>** tướng quân, Nam Đế mất, bèn xưng vương, đóng đô ở Long Biên, giữ nước được 24 năm).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét sử cũ Tiền Lý Nam Đế mất năm Mậu Thìn [548], Triệu Việt Vương bắt đầu từ năm Kỷ Tỵ [549], trong thời gian từ năm Kỷ Tỵ đến năm Canh Dần là hết đời Triệu Việt Vương, tất cả là 24 năm. Sử lấy Triệu Việt Vương kế tiếp Tiền Lý Nam Đế làm chính thống, mà chép Đào Lang Vương làm phụ. Thế nhưng Triệu Việt Vương là bề tôi của Nam Đế, Đào Lang Vương là anh của Nam Đế, nối nghiệp giữ nước, về*

danh nghĩa là đúng, mặc dù ông chỉ ở xứ Đào Giang, mà chưa có được thành Long Biên, nhưng nước vẫn là nước của ông. Cứ theo cách chép sử của Tử Dương [1] thì phải chép bằng chữ to kỷ Đào Lang Vương kế tiếp vào kỷ chính thống mà chép Triệu Việt Vương làm phụ. Chép Hậu Nam Đế lại kế tiếp vào kỷ Đào Lang Vương, đến năm Nhâm Tuất thì hết, may chăng kỷ chính thống mới không bị lẫn lộn, mà phương pháp viết sử mới mẫu mực.

<6b> Kỷ Tỵ năm thứ 1 [549] (Triệu Việt Vương, Quang Phục năm thứ 2; Lương Thái Thanh năm thứ 3), Lý Thiên Bảo giữ động Dã Năng tự xưng là Đào Lang Vương. Trước kia Thiên Bảo bị quân nhà Lương đánh bại, thu nhặt được 1 vạn quân còn lại, chạy sang Di Liêu ở đất Ai Lao, thấy động Dã Năng ở đầu nguồn sông Đào Giang, đất rộng màu mỡ, có thể ở được, ông bèn đắp thành ở đó, nhân đấy lấy tên đất mà đặt quốc hiệu là Dã Năng. Bấy giờ mọi người suy tôn làm vua, xưng là Đào Lang Vương.

Triệu Việt Vương ở trong đầm Dạ Trạch, vì quân nhà Lương không chịu rút lui, bèn thắp hương cầu trời, được điềm tốt, lấy móng rồng làm mũ đâu mâu đánh giặc. Từ đấy thanh thế quân sĩ lừng lẫy, đến đâu cũng không ai địch nổi. (Tục truyền vua ở trong đầm Dạ Trạch, Chử Đồng Tử cưỡi rồng vàng từ trên trời xuống, nhổ móng rồng trao cho, bảo vua đính trên mũ đâu mâu mà đi đánh giặc. Chép theo sách*Lĩnh Nam chích quái).*

Canh Ngọ, năm thứ 2 [549] (Triệu Việt Vương năm thứ 3, Lương Giản Văn Đế -Cương, Thái Bảo năm thứ 1), mùa xuân, tháng Giêng,nhà Lương trao cho Trần Bá Tiên chức Uy Minh tướng quân, lãnh Thứ sử Giao Châu. Bá Tiên nhận thấy Triệu Việt Vương giữ nơi hiểm trở là muốn tính kế cầm cự lâu dài, **<7a>** bèn cắt đứt đường chuyển vận lương và đưa quân tiếp viện để cho quân của Việt Vương rã rời mới đánh. Gặp lúc nhà Lương có loạn Hầu Cảnh[2]gọi Bá Tiên về. Khi Bá Tiên qua Ngũ Lĩnh thì bị bọn giặc cướp ngăn trở. Giang Châu Giám quân là Hoàng Pháp Câu giúp đánh dẹp bè đảng của Cảnh ở đất Khánh có công, Lương Nguyên Đế năm Thừa Thánh, trao cho Câu chức Siêu mãnh tướng quân, lĩnh Thứ sử Giao Châu.

---

[1] Tử Dương: Tức Chu Hy, một danh nho thời Tống, ông trước tác khá nhiều, trong đó có bộ sử Thông Giám cương mục được người đời cho là mẫu mực.

[2] Hầu Cảnh: Thời Hậu Ngụy làm Thứ sử Định Châu sau theo nhà Lương được phong Hào Nam Vương, rồi làm phản, đánh kinh đô Kiến Khang, vây Đài Thành vây hãm Lương Vũ Đế đến chết đói, lại giết Giản Văn Đế để tự lập, xưng là Hán Đế. Nhà Lương phải triệu Bá Tiên về để đi đánh Hầu Cảnh.

Bá Tiên đã đem quân về để lại tỳ tướng là Dương Sàn đánh nhau với Triệu Việt Vương. Việt Vương tung quân ra đánh. Sàn chống cự lại bị thua rồi chết. Quân nhà Lương tan vỡ bỏ về Bắc. Triệu Việt Vương vào ở thành Long Biên.

Sử thầnNgô Thì Sĩ bàn: *Xét từ khi Triệu Việt Vương giữ đầm Dạ Trạch chống quân phương Bắc, đến khi vào thành giữ nước, là vào khoảng cuối thời Lương, chỉ có Lương Nguyên Đế năm Thừa Thánh [552 - 554] trao cho hai người là Pháp Câu và Lý Cảnh Thịnh làm Thứ sử Giao Châu mà thôi. Từ đó đến hết thời Trần, Thứ sử Quảng Châu có khuyết thì bổ sung ngay, còn chức Đô đốc Giao Quảng quân sự cũng có khi có* **<7b>**, *nhưng ở Giao Châu thì thời Văn Đế, năm Thiên Gia thứ 1 [560], lấy Nguyễn Trác làm Chiêu uý sứ, còn chức Thứ sử thì bỏ trống, không đặt lại nữa. Thế là Việt Vương lúc ấy đã chuyên chế được một vùng hơn 20 năm, cũng có thể gọi là anh hùng đấy. Xét ra Giao Châu, Quảng Châu đều là trấn quan trọng của Lĩnh Nam. Thời nhà Lương nhà Trần tuy nhiều sự cố, nhưng Quảng Châu có biến loạn thì lập tức sai tướng trao chức Đốc quân, thay đặt trưởng lại hoặc vỗ về hoặc đánh dẹp cho bằng yên mới thôi, thế mà Giao Châu lại giao cho một mình Dương Sàn, sau Dương Sàn không có quân sang phương Nam nữa, có phải vì Giao Châu hiểm trở xa xôi, Quang Phục khó trị cho nên phải vứt bỏ chăng? Không phải thế, mà vì Quảng Châu là cửa ngõ nước Ngô, mà Giao Châu lại là phên dậu của Quảng Châu. Quảng Châu không giữ được, thế tất [bọn giặc ở đấy] phải thôn tính cả Giao Châu để mở rộng, thế là cửa ngõ không thông. Dù Giao Châu không phụ thuộc, thì [bọn giặc] cũng không thể vượt qua Quảng Châu mà gây trở ngại được, thế thì phên dậu không có hại gì. Vì thế họ coi trọng Quảng Châu coi thường Giao Châu chăng?* **<8a>** *Hơn nữa khi Bá Tiên từ Giao Châu về là lúc cha con Tiêu Bột đang làm phản ở Quảng Châu. Bột giết cha con Âu Dương, Ngỗi Hột, có được đất Việt, Bột lại đem quân chống mệnh. Những người được lần lượt sai sang như Hầu An Đô, Chu Văn Dục, Trương Chiêu Đạt đều là những danh tướng một thời, đánh mãi mới dẹp yên được. Sau đó Mã Tịnh, Phương Khánh kế tiếp nhau gây rối. Quảng Châu không ngày nào là không có chuyện, cho nên không có thì giờ để ý đến Giao Châu. Việt Vương được chuyên chế đất phương Nam không phải lo phòng quân phương Bắc, cũng là cái*

may của trời cho đấy. Duy nước ta từ khi thuộc Hán đến nay, một chức quận thú, một kẻ man tù, dù vừa nổi lên đã bị dập tắt ngay mà cũng không người nào là không chép. Riêng Hậu Lý và Việt Vương nắm binh giữ nước nhiều năm, những sự tích cũng không phải là nhỏ lắm, mà 2 kỷ nhà Lương nhà Trần đều không chép. Có lẽ là sự thiếu sót của sử Bắc vậy.

ẤtHợi năm thứ 7 [555] (Triệu Việt Vương năm thứ 8; Lương Kính Đế Phương Trí, Thiệu Thái năm thứ 1), Đào Lang Vương mất ở nước Dã Năng **<10b>** không có con, mọi người suy tôn Lý Phật Tử lên nối ngôi thống lĩnh ba quân.

HẬU NAM ĐẾ

(Vua húy là Phật Tử, làm tướng cùng họ với Tiền Nam Đế, đánh Triệu Việt Vương lấy lại nước, ở ngôi 47 năm, về sau hàng nhà Tùy, không rõ tuổi thọ. Vua biết ẩn náu để chờ thời, lấy lại được nước cũ, nhưng lừa dối để lấy nước, trông thấy kẻ địch đã hàng trước, bất nghĩa vô dũng, đấy là điều đáng khinh).

Đinh Sửu, năm thứ 2 [557] (Triệu Việt Vương năm thứ 10; Lương Thái Bình năm thứ 2, Trần Vũ Đế Bá Tiên, Vĩnh Định năm thứ 1), Hậu Nam Đế đem quân xuống phía Đông, đánh nhau với Triệu Việt Vương ở huyện Thái Bình, năm lần giao chiến không phân thắng bại. Quân của Hậu Nam Đế tạm lui, Hậu Nam Đế nghi là Triệu Việt Vương có thuật lạ, bèn giảng hòa xin hội thề. Triệu Việt Vương vì thấy Hậu Nam Đế là họ với Tiền Nam Đế, không nỡ cự tuyệt, bèn chia địa giới ở bãi Quân Thần (nay là 2 xã Hạ Cát và Thượng Cát huyện Từ Liêm). Triệu Việt Vương ở phía Tây Nam nước ta [Hậu Nam Đế] rồi về thành Ô Diên[1],con HậuNam Đế là Nhã Lang cầu hôn với con gái vua là Cảo Nương được vua bằng lòng trở thành thông gia. Vua yêu quý Cảo Nương, cho Nhã Lang ở rể. (Nay xã Hạ Mỗ, Từ Liêm còn có đền thờ Bát Lang, có lẽ là đền thờ Nhã Lang).

<9a> Canh Dần, năm thứ 15 [570] (Triệu Việt Vương, năm thứ 23; Trần Tuyên Đế - Húc, Đại Kiến năm thứ 2), Nhã Lang về Ô Diên (Nhã Lang ngầm ý khác, bảo với vợ rằng: "Trước kia hai vua cha thù địch nhau, nay làm thông gia chẳng phải là tốt đẹp đó sao? Nhưng Nhạc gia

[1] Thành Ô Diên là đất huyện Ô Diên, năm Vũ Đức thứ 4 (621) nhà Đường đặt ra huyện Ô Diên cùng với Từ Liêm và Vũ Lập là 3 huyện đều thuộc Giao Chỉ (CMTB 4).

trước kia đánh lui được quân, chắc phải có thuật gì", Cảo Nương bí mật lấy mũ đâu mâu có móng rồng ra cho xem, Nhã Lang ngầm mưu đổi móng ấy, đoạn xin về thăm cha, rồi cùng cha lập mưu đánh úp Triệu Việt Vương, lấy được nước).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Con gái lấy chồng gọi là về, vậy nhà chồng chính là nhà mình. Con gái vua lấy Nhã Lang thì sao không cho về nhà chồng mà lại theo tục ở rể của nhà Doanh Tần*[1] *để đến nỗi bại vong!*

Tân Mão, năm thứ 16 [571] (Triệu Việt Vương, năm thứ 24, năm này nhà Triệu mất; Trần, Đại Kiến năm thứ 3), Hậu Nam Đế đem quân tiêu diệt Triệu Việt Vương. Quân Nam Đế đến, Triệu Việt Vương bất ngờ, vội vàng đem quân đội mũ đâu mâu đứng đợi. Quân Nam Đế càng tiến mạnh, Triệu Việt Vương tự biết thế kém, không chống đỡ được **<9b>**, bèn dắt con gái chạy về phía Nam, muốn tìm nơi hiểm để ẩn náu. Nhưng đi đến đâu cũng bị quân của Nam Đế đuổi theo. Triệu Việt Vương thúc ngựa chạy đến cửa biển Đại Nha[2] bị nước chắn lại bèn than rằng: "Ta hết đường rồi!", liền nhảy xuống biển. Nam Đế đuổi đến nơi, không biết Việt Vương đi đường nào, bèn quay về. Nhà Triệu mất (người đời sau thấy thiêng bèn lập đền ở cửa biển Đại Nha để thờ cúng. Đại Nha này là cửa biển Đại Ác, huyện Đại An[3]. Theo *Lĩnh Nam chích quái).*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Xét về thuật bá thì Hậu Nam Đế đánh Triệu Việt Vương là đắc sách, nhưng lấy đạo vương mà xét, thì lại không bằng loài chó lợn. Sao thế? Nam Đế ở trong động Khuất Liêu đem việc quân giao cho Triệu Việt Vương, Việt Vương thu nhặt tàn quân giữ đầm Dạ Trạch bùn lầy, đương đầu với Bá Tiên là kẻ mạnh một thời, cuối cùng bắt được tướng của Bá Tiên là Dương Sàn, người phương Bắc, vì thế phải lui quân. Lúc ấy vua lẩn trốn trong vùng mọi rợ, chỉ mong thoát khỏi miệng hổ mà thôi. May mà Bá Tiên trở về Bắc, sau đó Thiên Bảo cũng mất, [Phật Tử] liền đem quân đánh Việt Vương* ***<10a>****, dùng kế quỷ quyệt xin hoà, ước hẹn làm thông gia. Việt Vương lấy lòng thành đối đãi, cắt đất cho ở. Tất cả việc làm đều xuất phát từ sự đúng đắn. Nếu [Hậu Nam Đế] biết giao hảo phải đạo, triều sính phải thời, chẳng phải là cách trị yên lâu dài đấy sao! Thế mà lại dùng mưu gian của Nhã Lang làm trái với chính*

(1) Vua sáng nghiệp nhà Tần là họ Doanh nên gọi là Doanh Tần.

(2) Cửa bể Đại Nha: Còn gọi là Đại An nay thuộc huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

(3) Nay ở huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định có nhiều đền thờ Triệu Quang Phục.

đạo của loài người, chỉ vội tham công trục lợi, làm mất hết nhân nghĩa. Tuy rằng đánh lấy được nước nhưng Nhã Lang thì chết trước, bản thân cũng không khỏi bị bắt làm tù binh thì có lợi gì đâu!

***Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn:** Triệu Việt Vương cho Nhã Lang ở rể làm thông gia mà dẫn giặc cướp đến. Tuy nhiên việc đó đâu phải khôn ngoan mà có thể nghĩ tới được?*

Tiền Nam Đế vất vả trăm trận, tạm yên được một thời. Việt Vương và Phật Tử vì là công thần thân thuộc của nhà vua mà vuibuồn cùng có nhau, một hôm nước hồ Điển Triệt dâng lên làm cho quân tan vỡ, vua mất ở động Khuất Liêu. Việt Vương, bản thân phải gánh trách nhiệm giữ nước, náu mình trong đầm Dạ Trạch, rồi lấy lại được Long Biên, đánh tan quân giặc, bêu đầu tướng nhà Lương. Không những **<10b>***làm hả được lòng tức giận của tiên đế mà Phật Tử còn được xưng hùng ở động Dã Năng, đi xe hoàng ốc cắm cờ tả đạo, xưng vua dựng nước, nếu không nhờ có sự đóng góp của Triệu Việt Vương thì sao được như thế. Thế rồi giao chiến 5 trận ở Thái Bình, do sức đuối mà xin giảng hoà. Lại vì nghĩa họ hàng của vua cũ mà [Việt Vương] không nỡ cự tuyệt, cắt đất kết hội thề, chia nhau cai trị ở phía Đông và phía Tây. Nhã Lang xin ở rể, [Việt Vương] cũng cả nể mà bằng lòng. Buổi đầu có phải [Việt Vương] đắm đuối trong tình riêng mà quên sự phòng bị đâu. Chỉ vì Bá Tiên chăm chú rình mò ở sự thịnh suy của nước [mà vua thì] không tập hợp được những người cùng chung một chí hướng với mình, nên không thể chống lại kẻ xâm lược bên ngoài. Chỉ chăm chú lo toan cho quốc gia của một dòng họ, còn người ta nói dối, không giữ lòng tin thì không kịp dự đoán được. Vợ Nhã Lang là con gái yêu của vua, nhờ vào cái móng thiêng của người mà cha con hí hửng cho là đắc kế, chẳng được bao lâu lại trở thành tù binh của Lưu Phương. Âm mưu quỷ kế có ích gì đâu.*

Người đời ai bội nghĩa cầu lợi, phản người thân để theo kẻ thù, hãy nên lấy đó làm gương.

<11a>*Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Triệu Việt Vương nổi lên từ một gia đình đời đời làm tướng, được vua Tiền Lý giao cho binh quyền, giữ vùng Kim Ngưu hiểm trở, được điềm tốt rồng vàng, lại may gặp khi Giang Tả có nhiều biến cố, quân Lương phải về Bắc, vua có cả kinh thành đất nước, nghiễm nhiên lên ngôi tôn quý. Thế mà vua cũ mất, không chút mảy may thương tiếc.*

Thiên Bảo vất vả ở trong vùng di liêu, há không phải là hương hỏa nhà thờ cả nhà Lý trông cậy vào đấy sao? Việt Vương đã không biết giúp đỡ để lập lên, đặng mong giữ lấy quốc thống trong lúc bị diệt vong, cũng không chút qua lại thăm hỏi. Nghĩ lại công lao khó nhọc tôn phò của cha mình và trọng trách của vua trước uỷ thác cho, chẳng lẽ không tự thẹn với lòng mình sao? Còn như việc Nhã Lang lấy trộm móng rồng, cũng giống chuyện Trọng Thủy, có lẽ là sử trước truyền lại sai ngoa. Nếu quả thực là có, thì cũng do nhẹ dạ cả tin ở kẻ thù mà sơ suất việc nội trị và cũng là vì trời mở ra mầm mống khôi phục nhà Lý đấy. Họ Triệu may nhờ họ Lý gặp loạn mà lấy được nước. Họ Lý cũng nhân họ Triệu **(NKV 11b)** *ngu muội mà đánh lại. Mình gây ra thì mình phải chịu, không có gì là lạ.*

Đối với Phật Tử, cái mưu gian dối để cầu may, cố nhiên là đáng xấu hổ, nhưng cái chí khôi phục thì lại đáng thương. Sĩ Liên còn mắng là con chó con lợn cũng là quá đáng.

Có người nói: Triệu Việt Vương lấy quân yếu mà địch với giặc mạnh. [Lúc ấy] Thiên Bảo và Phật Tử im hơi lặng tiếng ẩn náu ở nơi xó xỉnh không chịu làm thế ỷ dốc với Việt Vương. Thế thì Việt Vương lẽ nào có thể để cho nước một ngày không có vua mà phải đến tận Cửu Chân, Ai Lao tìm [Thiên Bảo, Phật Tử], để làm cái hình thức chắp tay nhường ngôi hay sao? Đối với việc cân nhắc sự nặng nhẹ của việc nước thì bậc quân tử cũng nên tha thứ. Xin trả lời rằng: Lấy nghĩa chuông đạo chính mà xét, thì Triệu Việt Vương tuy đối chọi được với người phương Bắc, nhưng nay vua gặp tai nạn mà chiếm cứ lấy nước là lỗi đạo làm tôi đấy.

Vua đã diệt được Triệu, vẫn xưng hiệu là Nam Đế, đóng đô ở Ô Diên, rồi dời về Phong Châu (Ô Diên (烏鳶)) còn có tên là Ô Diên (烏延). Thời Đường năm Vũ Đức thứ 4 [621], theo tên cũ đặt 3 huyện Từ Liêm, Ô Diên, Vũ Lập làm Từ Châu. Năm Trinh Quán thứ 1 [627] đổi đặt làm Giao Chỉ).

<12a> Canh Tuất, năm thứ 35 [591] (Tùy Văn Đế, Vương Kiên Khai Hoàng năm thứ 10), nhà Tùy sai Dương Tố sang xâm lược. (Xét sử nhà Tùy, tháng 11 năm ấy, Lý Xuân ở Giao Chỉ tự xưng là Đại đô đốc, đánh hãm châu huyện, [Vua Tùy] sai Việt quốc công là Dương Tố đánh dẹp được. Lý Xuân có lẽ là Lý Vạn Xuân, "Vạn Xuân" là quốc hiệu của Tiền Nam Đế, hậu Lý nối ngôi vẫn lấy quốc hiệu ấy. Đến lúc này là hai

chục năm, mới sai Dương Tố đến đánh, không thắng phải quay về. Sử Bắc né tránh việc đó, sử Nam lại không chép. Rồi 12 năm sau mới sai Lưu Phương đến đánh dẹp, đến đây sử Bắc mới ghi sự thực đó).

Nhâm Tuất, năm thứ 47 [602] (Tùy Nhân Thọ năm thứ 2), Nam Đế sai con của anh mình là Đại Quyền giữ thành Long Biên, biệt suý là Lý Phổ Đỉnh giữ thành Ô Diên.

Vua Tùy sai Lưu Phương đến xâm lấn, vua đầu hàng ở trước quân. Người nhà Tùy đem vua về Bắc. Nhà Lý Mất.

[Trước kia] vua Tùy hỏi Dương Tố để chọn người làm tướng, Tố tiến cử Thứ sử Quảng Châu là Lưu Phương, người ở Trường An có tài làm tướng. Vua Tùy ban chiếu cho làm Giao Châu đạo Hành quân tổng quản, thống lĩnh 27 doanh đến xâm lược. Quân lệnh của Phương rất nghiêm, ai phạm tội là bị chém. Nhưng tính ông nhân ái, quân lính ai bị ốm đau, ông thân chinh đến an ủi chăm sóc. Do đó người ta sợ **<12b>** nhưng lại mến ông. Quân đi đến núi Đô Long gặp toán giặc cỏ đánh tan được, rồi tiến quân đến doanh trại của vua, trước tiên bảo rõ họa phúc, vua sợ xin hàng, về Bắc thì mất. Người đời sau lập đền thờ ở cửa Tiểu Nha[1] đối diện với đền thờ Triệu Việt Vương).

***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:** Nam, Bắc khi mạnh khi yếu đều có từng lúc, lúc phương Bắc yếu thì ta mạnh, nhưng lúc phương Bắc mạnh thì ta cũng vì đó mà trở thành yếu. Thiên hạ, đại thể là như thế. Làm vua một nước phải sửa sang giáp binh, chỉnh đốn xe cộ quân lính, có sự chuẩn bị thì vô lo, phòng chỗ hiểm để giữ nước, theo điều lễ để thờ nước lớn, lấy điều nhân mà vỗ về nước nhỏ. Lúc nhàn rỗi thì dạy điều hiếu, đễ, trung, tín, khiến cho người trong nước biết nghĩa mà thân với người trên, liều chết để bảo vệ cho bậc trưởng. Hoặc khi thấy đất nước bị xâm lăng thì lấy lời văn cáo mà điều đình, đem lụa ngọc làm lễ tiến cống; nếu vậy còn không tránh được thì dù khốn khổ cũng phải giữ thành, rồi đánh một trận, thề sống còn cùng xã tắc **<13a>** thì sau mới không hổ thẹn. Chứ tại sao khi giặc mới đến bờ cõi chưa chạm mũi giáo đã sợ mà xin hàng? Vua đã hèn nhát mà tướng văn tướng võ lúc ấy cũng không một ai nói gì. Như vậy thì có thể bảo là nước không còn người nữa.*

[1] Cửa biển Tiểu Nha: Tức là cửa Sông Càn ở phía Nam cửa Đại An; còn gọi là Tiểu Khang, nay thuộc huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Từ khi nước Việt ta thuộc vào Đông Hán, trải qua khoảng mấy trăm năm mà chưa từng có kẻ đắc chí. Tiền Nam Đế trỗi dậy nơi đất khách, hăng hái mưu khôi phục đất nước, văn chương thì đã có Tinh Thiều bày mưu kế; võ dũng thì đã có Triệu Túc ra chiến trường, vì thế mà đuổi được Tiêu Tư về phương Bắc, dẹp được Lâm Ấp ở phương Nam, dựng đô, đặt quốc hiệu, khôi phục bờ cõi nước ta. Nếu không phải là người văn võ toàn tài, mưu lược, thì chưa dễ đã làm được. Tiếc là đại quân mới tập hợp, thế nước chưa vững vàng mà kẻ chống chọi lại không phải là địch thủ. Nhà viết sử cho rằng: chữ [trên lưng] nghé trắng có lẽ là có số trời, cũng có thể đúng như vậy đấy.*

Triệu Việt Vương đương lúc xe vua phải lánh nạn **<13b>**, *được giao phó việc nước nặng nề, cầm quân ở Dạ Trạch, xuất quỷ nhập thần, dù Bá Tiên có vận dụng mưu thần, cũng không thể làm gì được. Rút cục đợi thời mà hành động, đánh tan được quân Lương, lấy lại được thành Long Biên, nối lại được cơ nghiệp trước. Lại vì lẽ là người họ hàng với Tiền Nam Đế nên mới cùng Hậu Nam Đế chia nước cùng cai trị. Anh hùng nghĩa khí dễ có mấy ai được như thế. Hậu Nam Đế nên coi đó là điều ân đức chứ không nên coi đó là điều oán thù, thế mà lại mượn cái tiếng thông gia để làm việc trộm cắp. [Triệu Việt Vương] ở cửa Đại Nha không trở về, mà quân [Lưu Phương] ở đèo Đô Long kéo đến. [Hậu Nam Đế] đành đầu hàng chịu tội để kéo dài sinh mệnh thêm giây lát. Làm như thế há có được lợi riêng gì? Than ôi! Gió nam không mạnh, muôn họ cùng thù, một khi đã vươn lên sau bao nhiêu lâu bị khuất phục, lại không biết đồng tâm giúp sức bảo vệ nhân dân, quay giáo đánh nhau để làm mồi cho quân giặc. Vận thế suy đổi*<14a>*lòng người chìm đắm, cũng đáng than thở lắm thay!*

Trên đây là thời Tiền Lý, có 3 vua, bắt đầu từ năm Tân Dậu [540] (Lương Đại Đồng năm thứ 7) kết thúc năm Nhâm Tuất [602] (Tùy Nhân Thọ năm thứ 2) cộng là 62 năm.

Thông luận của sử thần Ngô Thì Sĩ: *Tiền Nam Đế là một nhà hào tộc khởi binh, có Tinh Thiều giúp việc mưu mô, có Triệu Túc chủ việc quân ngũ. Châu quận hưởng ứng, hào kiệt đồng tâm, trục xuất được Tiêu Tư, đánh đuổi được Tử Hùng, lại phá được quân Lâm Ấp ở Cửu Đức. Uy binh vang dội, thế mạnh dần lên, rồi lên ngôi vua, đặt niên hiệu, đặt tên nước là Vạn Xuân, hiệu vua xưng là Nam Việt. Có nơi triều hội, có tướng võ tướng văn, quy mô*

dựng nước hoàn chỉnh có thể coi được. Cho nên sử phương Bắc đối với việc xưng đế đặt niên hiệu, việc sai tướng đánh tan quân địch đều không bỏ mất sự thực, mà có ghi chép. Không thể ví như những kẻ vô danh, vùng lên trộm giữ. Từ sau khi hai Bà Trưng mất **<14b>***tới đây là 490 năm nội thuộc làm châu phụ biên, một khi vùng lên chống chọi với binh hùng tướng mạnh của Tam Ngô, khiến cho người trong nước có chỗ nương nhờ, quốc thống có nơi hệ thuộc. Ở vào thế rất khó khăn, mà lập được công rất kỳ diệu. Bọn giặc Man do đó hết cơhội quấy rối, quân phương Bắc vì thế cũng nhụt chí xâm lăng. Cho nên Triệu Việt Vương, Hậu Lý cũng được nhờ để dựng nước, quân Lâm Ấp cũng không dám nhòm ngó ngoài biên. Hơn 60 năm, công lao của ông không thể mai một được, xứng đáng vào hạng người như Đinh Tiên Hoàng. Còn như ra quân lần thứ nhất thua ở Chu Diên, lần thứ hai tan vỡ ở hồ Điển Triệt, phải nương náu ở động Khuất Liêu rồi đến mất nước, cũng chẳng phải là vua không có tài, quân không mạnh, bề tôi không cố sức, mà bởi vì vận nước khôi phục chỉ có số năm như vậy. Nam Đế làm vua được 8 năm, kế đó lại có hai vua. Cơ thắng bại, vận vắn dài ăn khớp với nhau. Dù cho có giỏi như Y Đán cũng không thể lo toan được; dù khoẻ như Bôn Dục cũng không thể cứu vãn được. Vậy không nên vì đó mà chê bai bậc anh hùng. Chẳng thế mà khi Nam Đế mất, Triệu Việt Vương lên ngôi mới cách có 1 năm Kỷ Tỵ [549], tức là trước năm Mậu Thìn [548], quân Lương vẫn sang tấn công mạnh, khiến vua phải khốn đốn về việc chống đỡ. Thế mà đến sau năm Canh Ngọ [550], Hầu Cảnh quấy nhiễu nhà Lương, khiến cho nhà Lương không có thì giờ mà để ý tới phương Nam. Như vậy chẳng phải rõ ràng là việc thành hay bại là ý của trời sao? Riêng về Tinh Thiều thì giỏi bày mưu kế, Triệu Túc, Phạm Tu thì giỏi ra chiến trường mà đều bị mai một tung tích, có lẽ là thiếu sót của nhà viết sử đấy.*

Đào Lang Vương là anh ruột của Nam Đế giữ nghĩa cứu giúp khi hoạn nạn, tập hợp người cùng chí hướng, theo đuổi trong buổi gian nan. Đến khi vua mất, không kịp nhất tề vùng lên. Tuy ở Ái Châu không lập được công, chưa địch được với Bá Tiên, nhưng đã giữ được những chỗ hiểm dựng thành một nước, mưu sự bảo tồn trong khi diệt vong. Trong 8 năm, dòng họ Lý mỏng manh như sợi chỉ, không bị tuyệt hẳn, thì không thể gọi là không có chí được. Nhưng gặp phải Triệu Quang Phục là một tay cường bạo có lòng lấy nước làm lợi riêng **<15b>** không có ý lập lại chính thống, chỉ giữ được mình rồi ôm hận mà mất, đáng thương thay!

Hậu Nam Đế là bậc tông phiên[1] nổi lên nối giữ nghiệp cũ của Đào Lang Vương, thu thập nắm quân tàn của nước Dã Năng, đánh 5 trận ở Thái Bình, chia bờ cõi với Triệu [Việt Vương], rồi từ Đào Giang dời nước về Ô Diên, tiêu diệt nhà Triệu mà lên thay, để kế tục chính thống nhà Lý, rửa được cái nhục trước đây ởđộng Khuất Liêu, rạng rỡ ấp mối ở Phong Châu, dựng lại cơ nghiệp, có điều đáng khen đấy. Chỉ tiếc rằng buổi đầu dấy binh, vừa ra khỏi vùng di liêu là đến đồng bằng, lúc ấy đã có được thế mạnh vùng lên không thể ai chống được. Giả sử cầm cự đã lâu chưa phân thắng bại thì cũng nên dần dần nghĩ cách đánh giữ, không cần phải cắt đất, làm thông gia. Đến lúc đã hòa hảo với nhau mà lại bội ước. Còn việc binh thắng, hay bại, vận nước thịnh hay suy, cứ xem việc làm của người là biết được vận trời. Một cái mũ có móng rồng thì có nặng nhẹ gì cho lực lượng hai bên? Rồi nghe lời dối trá của con trẻ, tự bội tín trước. Việc ăn trộm móng rồng thì cũng giống như chuyện Triệu Đà Trọng Thủy **<16a>** chắc hẳn là chuyện hoang đường của kẻ hiếu sự đặt ra. Giả sử có chuyện đó thì Lý Phật Tử ngu dại quá lắm!

Còn như quân nhà Tùy kéo đến, chưa bắn mũi tên nào đã tự cam chịu cái nhục đầu hàng. Thực là quái lạ!

Xét ra đương khi quân nhà Lương đánh úp, tìm trăm phương nghìn kế để tiêu trừ, vua lặn lội gian khổ, trải nếm bao cay đắng ở nơi lam sơn chướng khí đến 16 năm trời, sau mới xuất quân. Việc chấn giữ khi gian nguy, lo tính xa xôi không gì là không làm được; lấy nhiều dùng rộng không gì là không tham dự. Đánh úp nhà Triệu, lấy đượcnước, lên ngôi vua trị dân cả một nước, kéo dài được 32 năm. Thế nhưng đã biết che giấu nanh vuốt để tránh mũi nhọn của Bá Tiên mà không biết tùy cơ ứng biến rút lui để giữ, đợi cho quân Lưu Phương mệt mỏi rồi mưu tính dấy quân về sau.

Đánh 5 trận rồi ăn thề, khuất phục được lực lượng của Triệu Việt Vương mà sao không thể giữ thành liều đánh, cố chết với xã tắc họ Lý, mà mới nhận được một lá thư đã vội hàng trước? Sao trước thì khôn mà sau lại ngu, trước thì mạnh mà sau lại hèn thế? **<19b>** Như vậy là chỉ mạnh với phương Nam mà sợ phương Bắc chăng? Hay là tinh nhanh lúc trẻ khoẻ mà mê muội lúc tuổi già chăng? Xét về sử từ năm Tân Mão [571] mới dựng nước đến năm Nhâm Tuất [602] mất nước, chỉ thấy có

---

[1] Tông phiên: Người được vua cho cùng họ, được giao trách nhiệm nắm giữ vùng ngoài biên ải làm phên giậu cho vua.

một việc sai tướng giữ thành, ngoài ra không thấy kiến thiết được gì. Thực là không có chính sự.

Sau khi Nam Đế bị bắt về Bắc, cũng im ắng không có người nhen nhóm tập hợp để phục thù cho nước. Đúng là không có nhân tài. Đã không có chính sự để đề phòng lại không có nhân tài để gìn giữ. Như thế hỏi rằng không mất nước sao được!

Tuy vậy, nhưng đúng là lúc vận trời làm mất nhà Lý, đất về với nhà Đường. Giả sử có tài như vua Cao, vua Quang[1], mạnh như họ Hàn, họ Bành mưu lược như họ Khấu họ Đặng[2] cũng không làm gì được, huống hồ vua tôi nhà Hậu Lý. Còn đáng trách gì!

HẾT QUYỂN V NGOẠI KỶ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

---

[1] Tức Hán Cao Tổ và Hán Quang Vũ, vua sáng nghiệp và trung hưng thời nhà Hán.

[2] Tức Khấu Tuân và Đặng Vũ người Đông Hán đều là bậc có tài mưu lược nổi tiếng thời bấy giờ.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

NGOẠI KỶ

QUYỂN VI

KỶ NỘI THUỘC TÙY ĐƯỜNG

<1a> Quý Hợi [603] (Tùy Nhân Thọ năm thứ 3), Lưu Phương nhà Tùy bắt được tướng cũ của Hậu Nam Đế là Mục Hy, Kiệt Hiệt đem chém cả.

Ất Sửu [605] (Tùy Dạng Đế Quảng, Đại Nghiệp năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, Lưu Phương mới bình định được nước ta. Bọn bề tôi nhà Tùy có người nói Lâm Ấp nhiều của báu lạ, vua Tùy bèn giao cho Phương làm Hoan Châu đạo Hành quân tổng quản đi đánh Lâm Ấp.

Phương sai Thứ sử Khâm Châu là bọn Nịnh Trường Chân, đem hơn 1 vạn bộ binh và kỵ binh kéo đến Việt Thường(1). Phương tự đem đại tướng là bọn Trương Tốn cùng thủy quân kéo ra đường Tỷ Ảnh(2) (Tỷ Ảnh do nhà Hán đặt, thuộc quận Nhật Nam, sử cũ viết chữ "cảnh" " " là sai). Tháng ấy, quân đến cửa biển. Tháng 3, vua Lâm Ấp là Phạn Chí sai quân giữ nơi hiểm trở, Lưu Phương đánh đuổi được. Quân Lưu Phương qua sông Đồ Lê, quân Lâm Ấp cưỡi voi lớn từ bốn phía đến, <1b> Phương đánh không được, bèn đào nhiều hố nhỏ, phủ cỏ lên trên rồi đem quân khiêu chiến, đang đánh nhau Phương vờ thua chạy, quân

---

(1) Việt Thường: Vùng huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh ngày nay.

(2) Tỷ Ảnh: Thời Hán ở vào khoảng phía Bắc Đèo Ngang. Quận Tỷ Ảnh của nhà Tùy cũng ở miền ấy, tức khoảng huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh ngày nay.

Lâm Ấp đuổi theo, phần lớn voi bị sa xuống hố ngã què, sợ hãi, quân rối loạn, Phương lấy nỏ bắn, voi chạy lùi, giẫm vào trận địa. Nhân đó Phương đem quân tinh nhuệ đuổi theo, quân Lâm Ấp bị thua to, vừa bị bắt sống, vừa bị chém chết kể tới hàng vạn, Phương thúc quân đuổi theo, mấy lần đánh đều thắng. Vượt quá cột đồng Mã Viện về phía Nam đi 8 ngày thì tới kinh đô nước Lâm Ấp(1).

Mùa hạ, tháng 4, Phạn Chí bỏ thành chạy ra cửa biển, Phương vào thành lấy được 18 thần chủ thờ ở miếu (nước có 18 đời vua) đều đúc bằng vàng. Sau đó Phương khắc đá ghi công và kéo về. Quân lính chân bị phù thũng, mười phần chết tới bốn, năm. Phương cũng bị bệnh chết ở dọc đường.

> ***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Nước Lâm Ấp tự chuốc lấy bại vong là có duyên do. Từ khi Phạm Hồ Đạt chiếm giữ Cửu Chân, Nhật Nam, cướp Giao Châu đã bị Đỗ Viện đánh tan mà không biết chừa* **<2a>**. *Năm nay cướp Cửu Chân, sang năm cướp Giao Châu, bị Đỗ Tuệ Độ đánh tan, giết chết quá nửa. Dương Mại lại cướp Cửu Đức, bị Đàn Hòa Chi đánh buộc phải phục tội, mặc dù có sai sứ sang tiến cống nhưng vẫn cướp phá như trước. Tông Sác, Hòa Chi phải đuổi vào sâu mới thắng được Lâm Ấp. Dương Mại may mà thoát khỏi miệng hổ, bỏ chạy văng mạng. Từ đấy, biển êm sóng lặng, tưởng chừng cũng răn ngừa được lâu. Phạn Chí nổi lên cướp Nhật Nam bị Phạm Tu đánh tan ở Cửu Đức. Suốt thời Hậu Nam Đế, Lâm Ấp không dám dòm ngó phương Bắc, mà vẫn giàu có. Đến đây nhà Tùy tham của báu của nước ấy, đem quân đi đánh, dày xéo kinh đô, làm nhơ bẩn cung điện. Tuy nói là quân tham bạo, nhưng Man di quấy rối Hoa hạ, cũng nên lấy đấy làm răn. (Xét thấy Hòa Chi đánh Lâm Ấp, lấy Tông Sác làm quân tiên phong chỉ là một việc, vậy mà Ngô Sĩ Liên chia làm hai và nói rằng Phạn Chí bị Phạm Tu đánh tan là sai).*

<2b> Mậu Dần [618] (Đường Cao Tổ, Lý Uyên, Vũ Đức năm thứ 1), trước đó, cuối năm Đại Nghiệp, Hải Nam khổ về bọn quan lại xâm chiếm, thường nổi dậy làm phản. Tùy Dạng Đế thấy Khâu Hòa làm Thứ sử ở đâu cũng được khen là người tốt, hơn nữa Bùi Củ cũng tiến cử ông, bèn phong ông làm Thái thú Giao Châu(2). Ông tận tình vỗ về yên ủi, cõi hoang phục

(1) Theo như mô tả trong sách Thủy Kinh chú thì Kinh đô Lâm Ấp thời Phạm Dương Mại là ở vào khoảng xã Trà Kiệu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, về sau nước ấy mới lần lượt dời đô đến miền Phan Rang, cuối cùng đóng đô ở Phật Thệ tức là Đồ Bàn trong tỉnh Bình Định.

(2) CM chép là Giao Chi có lẽ đúng, vì chức Thái thú là chức ở quận, còn châu là chức Thứ sử.

cùng được yên cho đến khi Dạng Đế bị giết mà Hòa vẫn chưa biết. Lúc đó Thứ sử Trường Châu là Nịnh Trường Chân, đời đời làm tướng ở Nam Bình, đem đất Uất Lâm mới được yên theo về Tiêu Tiển[1], Thái thú Hán Dương là Phùng Áng đem đất Thương Ngô, Cao Yêu, Chu Nhai, Phiên Ngung phụ theo Lâm Sĩ Hoằng. (Sĩ Hoằng người Phiên Dương, năm Đại Nghiệp thứ 12, chiếm Kiền Châu, hiệu là Nam Việt Vương, rồi tiếm xưng đế, đặt quốc hiệu là sở, niên hiệu là Thái Bình). Tiển và Sĩ Hoằng đều sai người chiêu dụ Hoà, Hòa không theo. Các nước Lâm Ấp nhiều lần biếu Hòa hạt minh châu, sừng tê vằn, vàng và của báu, cho nên Hòa giàu ngang bọn vua chúa. Tiển nghe biết, cho là mối lợi, sai Trường Chân đem quân Man Lý ở Nam Việt đi đường biển sang đánh Hoà. Hòa muốn ra tiếp đón, Trưởng sử Cao Sĩ Liêm nói với Hòa rằng: "Số quân Trường Chân tuy nhiều nhưng từ nơi xa đến **<3a>**, lương ít, không thể cầm cự được lâu, quân giỏi trong thành cũng đủ địch nổi, tại sao mới nghe tiếng mà đã chịu để người ta áp chế". Hòa nghe theo, cho Sĩ Liêm làm hành quân tư mã, đem các quân thủy bộ đón đánh tan quân địch. Trường Chân chỉ chạy thoát được thân, quân sĩ bị bắt hết. [Dân] ở quận dựng bia đá ghi công. Hòa bèn đắp thành ở Giao Châu, chu vi 800 bước để phòng giữ. Gặp lúc Kiêu Quả nhà Tùy từ Giang Đô đến, Hòa biết nhà Tùy đã mất, lập tức quay về thần phục nhà Đường.Miền Lĩnh Kiệu[2] bị bế tắc, tạm theo vào Tiển. Đến khi Lý Tĩnh đánh Tiển, Hòa cùng Sĩ Liêm và Tư mã là Đỗ Tùng Chi đến hàng Tĩnh. Vua Đường ban chiếu cho Lý Đạo Du, giao cho Hòa chức Đại tổng quản Giao Châu, phong tước Đàm quốc công. Hòa sai Sĩ Liêm dâng biểu xin vào châu. [Vua] ban chiếu cho con của Hòa là Sư Lỵ đi đón[3]. Năm ấy nhà Tùy mất.

(Sử cũ chép: "Hòa sai Sĩ Liêm dâng biểu xin vào chầu [vua] sai ban chiếu cho quân ra đón "có lẽ là lầm chữ "Sư lỵ" ((師利)) (Sử cũ chép thiếu chữ Lỵ. Thực tế là "cho Sư Lỵ ra đón" chứ không phải "cho quân ra đón". Lại xét Hòa cuối năm Đại Nghiệp làm ở Giao Châu, đầu năm Vũ Đức theo về Đường, năm Trinh Quán thứ 11 [637] mất. Sử cũ cho rằng ở châu hơn 60 năm là không đúng. Lại chép: Nhà Đường lấy Giao Châu đặt làm An Nam đô hộ phủ là việc ở năm Điều Lộ thứ 1 [679] **<3b>** mà sử cũ cho là năm Vũ Đức thứ 5 [622] cũng không phải, cho nên ghi cả ra đây).

---

[1] Tiêu Tiển: Cháu 4 đời của Tuyên Đế nhà Lương. Năm Đại Nghiệp thứ 13, đời Dạng Đế nhà tùy, Tiêu tiển khởi binh tự xưng là Lương Vương. Đến đời Cung Đế năm Nghĩa Ninh thứ 2, tự xưng là đế, về sau đầu hàng nhà Đường.

[2] Lĩnh Kiệu: Tức Lĩnh Nam, còn gọi là Kiệu Nam, đều chỉ miền Nam Ngũ Lĩnh.

[3] Xem Cựu Đường thư, quyển 59, Khâu Hòa truyện.

Nhâm Ngọ [622] (Đường Vũ Đức năm thứ 5), nhà Đường lấy hai huyện Văn Cốc, Kim Ninh[1] của quận Nhật Nam đặt làm Trí Châu. Năm ấy nhà Đường cho Vương Chi Viễn làm Đô đốc Giao Châu.

Mậu Tý [628] (Đường Thái Tông Trinh Quán năm thứ 2), trước kia người tôn thất nhà Đường là Lý Thọ làm Đô đốc Giao Châu, tham lam bị tội. Vua Đường muốn lấy Thứ sử Doanh Châu là Lư Tổ Thượng thay. Tổ Thượng lấy cớ ốm từ chối, [vua] sai chém ngay tại triều đường.

Ất Mùi [635] (Đường Trinh Quán năm thứ 9), vua Đường lấy Lý Đạo Hưng làm Đô đốc Giao Châu, ít lâu bị chết, [vua] lại lấy Lý Đạo Ngạn thay (Đạo Hưng là em Đạo Tông, vì thấy phương Nam là nơi chướng khí, dịch bệnh, lo lắng rồi chết ở nơi làm quan. Đạo Ngạn là con Thần Thông).

Quý Mão [634] (Đường Trinh Quán năm thứ 17), vua Đường biếm Đỗ Chính Luân làm Đô đốc Giao Châu. Sau vài năm thì được triệu về, đưa Liễu Sở Hiền sang thay.

<4a>Canh Tuất [650] (Đường Cao Tông Vĩnh Huy năm thứ 1), nhà Đường lấy Giao Châu đặt làm An Nam đô hộ phủ. (Đô hộ phủ vốn là lỵ sở quận Giao Chỉ; đổi Giao Chỉ là Giao Châu, thống lĩnh 8 huyện là Tống Bình, Nam Định, Thái Bình, Giao Chỉ, Chu Diên, Long Biên, Bình Đạo, Vũ Bình, phải cống thổ sản là chuối, trầu, cau, da cá sấu, mật trăn, lông chim trả. Lục Châu có 3 huyện lệ thuộc là Ô Lôi, Thanh Hoa, Ninh Hải, phải cống thổ sản là bạc, đồi mồi, da tê tê, lông chim trả, hương tốt. Phong Châu có 5 huyện lệ thuộc là Gia Ninh, Thừa Hoá, Tân Xương, Cao Sơn, (Cao Sơn có bản chép là Tung), Chu Lục phải cống thổ sản là bạc, đồ dùng bằng mây, mật trăn, đậu khấu. Ái Châu có 6 huyện lệ thuộc là Cửu Chân, An Thuận, Sùng Ninh, Quân Ninh, Nhật Nam, Trường Lâm (có bản chép là Vô Biên), phải cống thổ sản là vải, the, lông đuôi chim công. Hoan Châu có 4 huyện lệ thuộc là Cửu Đức, Phố Dương, Việt Thường, Hoài Hoan, phải cống thổ sản là vàng, bạc, bột vàng, ngà voi, sừng tê, trầm hương, trúc đốm. Trường Châu có 4 huyện lệ thuộc là Văn Dương, Đồng Sái, Trường Sơn, Tư Thường, phải cống thổ sản là vàng, bạc. Châu Phúc Lộc có 3 huyện lệ thuộc là Nhu Viễn, Đường Lâm, Phúc Lộc, phải cống thổ sản là sáp trắng, cánh kiến. Thang Châu có 3 quận lệ thuộc là Thang Tuyền, Lục Thủy, Làng Thiều, phải cống thổ sản là vàng. Chi Châu có 7 huyện lệ thuộc là Hân Thành, Phú Châu, Bình Tây, Lạc Quang, Lạc Diệm, Đa Văn, Tư Long. Châu Vũ Nga có 7 huyện

[1] Văn Cốc, Kim Ninh là 2 huyện đặt từ thời Lương, đến thời Đường năm Trinh Quán, nhập vào huyện Việt Thường.

lệ thuộc là Vũ Nga, Như Mã, Vũ Nghĩa, Vũ Dị, Vũ Duyên, Vũ Lao, Lương Sơn, thổ sản cống của châu trên không rõ. Diễn Châu có 6 huyện lệ thuộc là Trung Nghĩa, Long Trì, Tư Nông, Vũ Lang, Vũ Dung, Vũ Kim phải cống thổ sản là vàng, vải Triều Hà. Lại trong năm Khai Nguyên [713 - 742] có Bàng Châu thuộc An Nam thống lĩnh, phải cống thổ sản là lông đuôi chim công, cánh kiến. Lại có châu Nam Đăng, sau đều bỏ bớt. Các châu kể trên là nơi uy đức giáo hóa được ban tới, cho nên được ghi chép vào sổ sách triều đình, do quân đô đốc thống lĩnh. Còn những châu gọi là ràng buộc thì thủ lĩnh của họ cho làm Đô đốc hay Thứ sử đều theo cha truyền con nối **<4b>** sổ sách tiền công thuế khóa không phải đưa lên bộ Hộ. Gọi là châu Đức Hoá, Lang Mang, Long Vũ, Quy Hóa, Châu Lạng, Châu Lục, Tân An, Châu Long... gồm hơn 40 châu đều lệ thuộc vào An Nam phủ đô đốc. Ý chừng đều là những miền biên giới cực xa của Tuyên Quang, Hưng Hoá, Thái Nguyên, Lạng Sơn ngày nay. Lúc đó, hoặc chiêu dụ họ phụ thuộc vào, hoặc đặt riêng các châu huyện đều lấy tù trưởng địa phương là người đứng đầu, điển chế hãy còn sơ lược cho nên gọi là châu "ràng buộc". Một bản khác chép là đặt đô hộ vào ngày Tân Mão, tháng 8, Khai Diệu năm thứ 1 [682] đời Đường Cao Tông. Chưa rõ bản nào đúng).

Sử thầnNgô Thì Sĩ bàn: *Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, là đất cũ của An Nam ta. Từ thời Hán trở về sau, khi thì đặt lại, khi thì bỏ bớt, dần dần mất hẳn dấu tích cũ. Đến nhà Đường mới đặt ra An Nam đô hộ, lấy bao nhiêu châu, bao nhiêu huyện cho phụ thuộc vào, cũng chưa hẳn là đất cũ của Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. Trong đó có nhiều đất của Tượng Quận thời Tần. Riêng mấy châu huyện thuộc Giao Châu cai quản này tuy ngày nay có tên châu huyện không thể tra cứu được, nhưng sự thay đổi từ thời Hán, thời Tấn trở về sau cũng nên biết rõ. Thời Hán quận Giao Chỉ có 10 huyện (Hán chí có thêm huyện Phong Khê, Vọng Hải là 12 huyện). Nhật Nam có 5 huyện, Cửu Chân có 7 huyện (Theo Quận quốc chí thời Hán thì Cửu Chân có 5 huyện, không có 2 huyện Đô Bàng và Dư Phát). Thời Tấn quận Giao Chỉ có* **<5a>** *14 huyện (không có huyện Phong Khê, Vọng Hải thời Hán mà thêm huyện Giao Hưng, Vũ Ninh, Nam Định, Hải Bình là 14 huyện). Nhật Nam vẫn như thời Hán có 5 huyện. Cửu Chân vẫn có 7 huyện. Thêm quận Cửu Đức có 8 huyện (Cửu Đức, Hàm Hoan, Nam Lăng, Dương Toại, Phù Lệnh, Khúc Tư, Phố Dương, Đô Giao). Thời Tùy, Giao Chỉ có 9 huyện (Tống Bình,*

Long Biên, Chu Diên, Long Bình, Giao Chỉ, Gia Ninh, Tân Dương, An Nhân, Bình Đạo), Cửu Chân có 7 huyện (Cửu Chân, Di Phong, Tư Phố, Long An, Quân An, Thuận An). Nhật Nam có 8 huyện (Cửu Đức, Hàm Hoan, Phố Dương, Việt Thường, Kim Ninh, Giao Cốc, An Viễn, Quang An). Thêm quận Lâm Ấp có 4 huyện (Tương Phố, Kim Sơn, Giao Giang, Nam Cự. Quận Lâm Ấp thời Hán là huyện TượngLâm thuộc quận Nhật Nam). Quận Tỷ Ảnh có 4 huyện (Tỷ Ảnh, Chu Ngô, Thọ Lĩnh, Tây Quyển, huyện Thọ Lĩnh là huyện thuộc quận Giao Chỉ thời Hán. Tỷ Ảnh, Chu Ngô, Tây Quyển là thuộc huyện Nhật Nam thời Hán). Thời Đường đổi làm An Nam đô hộ phủ. Nay xét nơi gọi là An Nam tức đất Lạc Việt xưa, thời Hán là địa giới hai quận Giao Chỉ, Nhật Nam; Hậu Hán theo đó gộp lại đặt làm Giao Châu. Thời Tấn, Tống, Tề vẫn theo như thế, thời Tống đặt thêm quận Quảng Bình. Gọi là Ái Châu thì thời Tần là đất Tượng Quận, Hán Vũ Đế đặt ra, quận Nguyên Chân. Thời Đông Hán cũng thế. Thời Tấn, Tùy về sau, có khi thuộc Giao Châu, có khi thuộc Cửu Chân. Gọi là Châu Phúc Lộc thì cũng là đất Tượng Quận. Tổng Chương năm thứ 2 [670] thời Đường, Thứ sử Trí Châu là Tạ Pháp Thành chiêu tập đưa đếnđấy hơn 7.000 thôn của các châu Sinh Liêu, Côn Minh, Bắc Châu, lấy đất châu Đường Lâm cũ để đặt. Gọi là quận Phúc Lộc, gọi là Hoan Châu tức nước Việt thượng cổ [mà sử nhà Hán chép là] 9 lần dịch tiếng [khi đến hiến chim trĩ], thời Tần thuộc Tượng Quận, hai thời Tây Hán và Đông Hán thuộc Cửu Chân, thời Ngô chia đặt làm quận Cửu Đức, thời Tấn, Tống, Tề theo như cũ, thời Tùy đặt làm Hoan Châu, sau gọi là Nhật Nam thời Đường đặt lại lam Hoan Châu hoặc gọi là quận Nhật Nam. Gọi là Phong Châu thì xưa là nước Văn Lang, có sông Văn Lang, lại cũng là đất Lục Lương; thời Tần thuộc Tượng Quận, hai thời Đông Hán và Tây Hán thuộc Giao Chỉ, thời Ngô chia đặt làm quận Tân Hưng, thời Tấn đổi làm quận Tân Xương, thời Tống Tề cùng theo như thế, thời Tần đặt làm Hưng Châu, thời Tùy đặt lại làm Phong Châu, Dạng Đế nhập vào quận Giao Chỉ. Năm Vũ Đức thứ 4 [621] thời Đường, lấy huyện Gia Ninh của quận Giao Chỉ đặt làm Phong Châu. Gọi là Lục Châu thì thời Tần là đất Tượng Quận, thời Hán về sau thuộc quận Giao Chỉ, thời Lương chia đặt làm quận Hoàng Châu và quận Ninh Hải, thời Tùy đổi

làm Ngọc Châu, thời Đường vẫn theo như thế; trong niên hiệu Thượng Nguyên [674 - 676] lại đổi là Lục Châu. Gọi là Diễn Châu thì đất đai cũng như Hoan Châu; thời Đường Vũ Đức năm thứ 5 [622], lập ra Hoan Châu, Trinh Quán năm thứ 5 [631], đổi làm Diên Châu và tách riêng lập ra Hoan Châu vốn là quận Trung Nghĩa, còn gọi là quận Long Trì, lại gọi là quận Diễn Thủy. Gọi là Trường Châu thì địa lý cũng giống châu Phúc Lộc.

Các châu kể trên đều thuộc địa giới nước ta ngày nay, còn như các châu thuộc đô hộ như Thang Châu, Chi Châu, Vũ Nga Châu, Vũ An Châu v. v... chưa hẳn đã là đất An Nam, có lẽ vì đất đai ấy liền sát với Nam Giao cho nên đem lệ vào đô hộ đấy thôi.

Lại còn nơi gọi là **<6a>** *châu Nhật Sơn thì địa lý cũng đồng với Hoan Châu, nhưng sử cũ nhà Đường không ghi chép là nơi thuộc đô hộ. Gọi là Lâm Châu thì có 3 huyện lệ thuộc là Lâm Ấp, Kim Long, Hải Giới, thời Tần là đất Tượng Quận, thời Hán là đất Nhật Nam, thời Tống, Tấn về sau bị Lâm Ấp chiếm cứ, thời Tùy, dẹp được Lâm Ấp đặt làm quận Lâm Ấp, đầu thời Đường đặt làm Lâm Châu, Trinh Quán năm thứ 9 [635], vỗ về Lâm Ấp đặt nhờ quận lỵ ở đất phía Nam Hoan Châu. Gọi là Ảnh Châu thì có 3 huyện lệ thuộc là Tỷ Ảnh, Do Văn, Chu Ngô, địa lý cũng giống Lâm Châu, thời Tùy bình định nước Lâm Ấp đặt quận Tỷ Ảnh, thời Đường Trinh Quán năm thứ 2 [629], vỗvề Lâm Ấp mà đặt nhờ quận lỵ ở phía Nam Hoan Châu. Hai châu này thời Đường lại mất về Lâm Ấp, cho nên Địa lý chí không chép. Thuận Hoá, Quảng Nam ngày nay tức là đất đó.*

Đinh Hợi [687] (Đường Trung Tông, Tự Thánh năm thứ 4), mùa thu, tháng 7, Lý Tự Tiên (chữ "Tiên" (先) có bản chép là (仙) Tiên) ở An Nam làm phản. Các hộ người Lý ở Lĩnh Nam theo lệ cũ nộp một nửa kỳ thuế. Đô hộ là Lưu Diên Hựu bắt phải nộp cả. Dân Lý oán giận mới mưu làm loạn. Lý Tự Tiên là chủ mưu bị Diên Hựu giết chết. Dư đảng của Tự Tiên là bọn Đinh Kiến tập hợp quân vây phủ thành. Trong thành quân ít không chống nổi, bèn đóng cửa thành, đợi quân tiếp viện. Hào tộc ở Quảng Châu là **<6b>** Phùng Tử Du, mong để lập công, giữ quân lại không đi cứu. Kiến giết Diên Hựu. Tư mã Quế Châu là Tào Huyền Tĩnh giết Kiến[1].

---

[1] Xem Tân Đường thư, quyển 201, Diên Hựu truyện.

Nhâm Tuất 1722] (Đường Huyền Tông, Khai Nguyên năm thứ 10), bấy giờ người Hoan Châu là Mai Thúc Loan chiếm cứ Hoan Châu tự xưng là Hắc Đế, bên ngoài liên kết với người Lâm Ấp, Chân Lạp, quân số có tới 30 vạn[1]. Quân nhà Đường sai nội thị Tả đô hộ là Nguyên sở Khách dẹp yên được[2] (Thúc Loan người Hương Lãm, huyện Nam Đường, nay có đền thờ ở thôn chợ Sa Nam tức là nhà ông. Tư Húc tính tàn nhẫn, bắt được tù binh hoặc lột da mặt, hoặc bóc da đầu, mọi người đều khiếp sợ).

Theo *Đường thư,* có người là Tống Chi Đễ tức là em Chi Vấn từng làm quan tiết độ sứ ở Kiếm Nam bị lỗi phải đày đi Chu Diên, gặp lúc quân Man đánh hãm Hoan Châu, Chi Đễ được giao chức Tổng quản đi đánh. Ông mộ được 8 người tráng sĩ, mặc 2 lần áo giáp đến sát thành mà hô lớn rằng: "Bọn Liêu chúng mày hễ động đậy là chết ngay tức khắc". Giặc có tới 700 người đều nằm im, không dám đứng dậy, thế là dẹp được.

Xét về thời gian của việc ghi chép ở trên thì ngang với thời bọn Tư Húc, còn đi đánh bọn Man Liêu tất phải là bọn Chiêm Thành, Chân Lạp mà Thúc Loan liên kết đấy. Còn việc ra mệnh lệnh cho làm tổng quản và công bình định Hoan Châu không thấy ghi ở sử, có lẽ người làm sử lược bỏ đi đấy thôi.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Đương lúc nội thuộc, Mai Hắc Đế ở Nam Đường khởi binh chiếm giữ châu* **<7a>** *không chịu sự trói buộc của bọn quan lại bạo ngược, cũng là tay lỗi lạc trong bậc thổ hào. Thành công thì có Lý Bôn, Triệu Quang Phục, không thành công thì có Phùng Hưng, Mai Thúc Loan. Họ đáng được nêu ra mà biểu dương. Nhưng sử cũ lại chép là "tướng giặc"là sai lắm. Cho nên [tôi] sửa lời văn mà chép cho chữ "dân châu").*

Mậu Tuất [758] (Đường Túc Tông, Chí Đức năm thứ 3), nhà Đường đổi An Nam đô hộ phủ là Trấn Nam đô hộ phủ.

Bính Ngọ [766] (Đường Đại Tông, Vĩnh Thái năm thứ 2, năm ấy đổi là Đại Lịch năm thứ 1), lúc đó Lâm Đồ Phù Sinh Nam ở An Nam đem

[1] CM chép 40 vạn.

[2] Tân Đường thư quyển 207, Dương Tư Húc truyện chép rằng: "Đầu đời Khai Nguyên, thủ lĩnh Man ở An Nam là Mai Thúc Loan tự hiệu là Hắc Đế nổi binh 32 châu làm phản, bên ngoài câu kết với Lâm Ấp, Chân Lạp, Kim Lân giữ miền biển phương Nam, quân đông đến 40 vạn người. Dương Tư Húc mộ con em các thủ lĩnh đến 10 vạn người cùng với Đại đô hộ An Nam là Nguyên Sở Khách đi theo đường của Mã Viện, xuất kỳ bất ý, giặt sợ hãi, không kịp mưu tính bị thua to".

bộ lạc theo nhà Đường. Nhà Đường đặt 4 huyện này ràng buộc vào đô hộ phủ là Đức Hoá, Quy Nghĩa, Lang Mang, Cổ Dũng.

Đinh Mùi [767] (Đường Đại Lịch năm thứ 2), người các nước Côn Lôn, Đồ Bà đến vây hãm châu thành. Kinh lược sứ là Trương Bá Nghi cầu cứu Đô uý Vũ Định là Cao Chính Bình. Quân cứu viện đến, đánh tan được quân Côn Lôn và Đồ Bà[1] ở Chu Diên. Bá Nghi lại đắp La Thành để phòng bị. (Xét thấy Bá Nghi từng làm tướng ở Kinh Nam, nhiều lần bị giặc làm cho cùng quẫn, nhà Đường phải cho Lý Phúc đến, giúp đỡ, nay ở An Nam lại phải có Chính Bình cứu viện mới dẹp yên được nạn quân Đồ Bà, thế là tài lược kém đấy. Man Đề Bồ là Chu **<7b>**. Ba thời xưa, tự xưng hiệu là Đột La Chu. Phía Đông Đồ Bà là Lục Chân Lạp, phía Tây sát với động Thiên Trúc, phía Nam thuộc 298 bộ lạc. Nam Chiếu ở Bắc Hải, lại có nước tiểu Côn Lôn, vua là Mang Tất Việt. Nước Đại Côn Lôn vua gọi là Tư Lợi Bạc. Lại có nước Đồ Bà ở trong Nam Hải. Nước ấy phía Đông đi một tháng đến bể, phía Nam đi 3 ngày đến bể, phía Bắc đi 4 ngày đến bể, phía Tây Bắc đi đường bể 15 ngày đến Bột Nê, đi 10 ngày đến Tam Phật Tề, đi 7 ngày đến nước Cổ La, đi 7 ngày nữa đến nước Tử Phi Đình Giáp với Giao Chỉ. Nước ấy có 3 vạn lính giỏi).

Lúc ấy An Nam có Đào Tề Lượng họp bè đảng cướp thành ấp. Mẹ Lượng là Kim thị, thường lấy trung nghĩa dạy bảo Lượng, Lượng ngoan cố không chịu nghe, bà liền đoạn tuyệt với Lượng, tự làm ruộng để nuôi mình, tự dệt vải để mặc. Vua Đường ban chiếu cho 2 người đến hầu hạ nuôi dưỡng. Sứ giả ở đạo ấy quanh năm phải đi lại thăm hỏi đến hết đời bà[2].

Mậu Thân [768] (Đường Đại Lịch năm thứ 3), nhà Đường lại đổi Trấn Nam làm An Nam đô hộ phủ.

Canh Thân [780] (Đường Đức Tông, Kiến Trung năm thứ 1), nhà Đường lấy Phụ Lương Giao làm An Nam đô hộ.

Nhâm Tuất [782] (Đường Kiến Trung năm thứ 3), mùa thu, tháng 8, Tư mã Diễn Châu là Lý Mạnh Thu, Thứ sử Phong Châu là **<8a>** Bì Kỳ làm phản đều chịu tội chết.

Giáp Tý [784] (Đường Hưng Nguyên năm thứ 1), lúc ấy người ở quận Cửu Chân nước ta là Khương Công Phụ làm quan với nhà Đường. Công Phụ có tài cao, đỗ tiến sĩ làm bài văn sách hơn người, được bổ làm Hiệu thư lang, rồi sang chức Hữu thập di kiêm chức Kinh triệu hộ tào tham

---

[1] Côn Lôn: Chỉ các đảo ở miền Nam Hải; Đồ Bà còn gọi là Chà và tức là Java ở quần đảo Nam Dương.

[2] Xem Tân Đường thư quyển 205, Liệt Nữ truyện Kim tiết phụ.

quân, lại được vời làm Hàn lâm học sĩ. Mỗi lần yết kiến, ông tâu bày rõ ràng, rành mạch, vua Đường rất trọng ông, dần dần ông làm đến Gián nghị đại phu, tiến đến chức Trung thư môn hạ bình chương sự. Vì ông can ngăn thẳng thắn, trái ý vua nên bị biếm quan. Em ông là Công Phúc cũng đỗ tiến sĩ, làm đến chức Tỷ bộ lang trung (chữ "tỷ", sử cũ chép chữ "bắc" là lầm).

(Công Phụ là người Sơn Ôi, huyện Yên Định, cha là Đĩnh. Công Phụ làm quan với nhà Đường, lần lần đến chức Hàn lâm. Ông từng đi theo vua trong những lúc hiểm nghèo, dâng kế hay, can việc dở, phần nhiều là có ích. Khi vua đến Phụng Thiên, ông xin cho bắt Chu Thử đi theo và khuyên vua đưa hết các đạo binh vào trong thành. Những việc xảy ra hết thảy đều như dự đoán của ông[1]. Đức Tông khen ông có tài năng, cất nhắc lên làm Tể tướng. Sau vì can việc chôn cất con gái cả của vua là Đường An công chúa quá hậu, trái ý vua bị giáng chức Tả thứ tử, lại bị biếm làm Tuyền Châu biệt giá.

Đường Thuận Tông lên ngôi, cho ông làm Thứ sử Cát Châu, chưa nhậm chức thì mất, được tặng Lễ bộ thượng thư[2]. Công Phụ giỏi văn chương, có làm bài phú "Bạch vân chiếu xuân hải" (Mây trắng trên biển xuân). Lời văn như sau:

"Mây trắng ùn ùn, kéo là đà trên mặt biển xuân; khoảng không sạch bách; tầng hán trải giăng. Bóng sắp so le bao bọc xung quanh cõi nhật; vẻ lồng chồng chập, rẽ chia cách nẻo **<8b>** *cung trăng".*

Lúc ban đầu.
Cửa trời mở; yên quang chưa.
Bèn phơi phới mà theo rồng; rồi nhẹ nhàng mà phất đá
Ra hang cùng mà cao bay; vượt sông ngang mà xa bủa

Cho nên:

Biển in mây mà thêm xuân; mây soi biển mà sinh trắng.
Khi hây hây mà sáng ngời; lúc trầm trầm mà biếc hắn.

---

(1) ĐVSKTT chép: Công Phụ từng xin giết Chu Thử, vua Đường không nghe, bỗng kinh sư có loạn, vua Đường từ cửa vườn đi ra, Công Phụ giữ cửa lại can rằng: " Chu Thử đã làm tướng ở đất Kinh đất Nguyên được lòng quân lính, vì Chu Thử làm phản nên bị cách chức, thường ngày vẫn phẫn uất, xin bắt ngay đi theo chớ để bọn hung ác đón được" . Lại chép vua Đường đi Phụng Thiên, có người nói thử làm phản xin phòng giữ. Vua Đường nghe lời Lư Kỷ chiếu cho quân các đạo đóng cách xa thành 1 xã, muốn đợi Thử đến đón". Công Phụ can rằng: "Nay cấm binh đã ít mà quân lính và ngựa đều ở ngoài, thần thấy nguy cho bệ hạ lắm" Vua Đường khen là phải, cho gọi hết vào trong thành.

(2) Xem Đường Thư quyển 138, Khương Công Phụ truyện.

Bầu không mới nổi, đồng vẻ đẹp mà đều trôi, khí biển vừa thâu
với áng trong mà chiếu bắn.
Mây vốn vô tâm mà giăng cuốn, biển há có ý gì mà đầy vơi.
Bên thì chứa chan tràn đất; bên thì buông thả đầy trời.
Bóng rợn nước mà rung động; hình theo gió mà đổi đời.
Soi bóng hồng mà cùng rạng; ngang nước lục mà đều tươi.
Khi bấy giờ:
Trên đảo giá tan, bên bờ tuyết sạch.
Cung đền vẽ cảnh bồng lai; hoa cỏ ngỡ gương thủy mặc.
Cây Quỳnh bóng gác thêm xinh; Đài Diêu (ngọc) mây che càng rực.
Chim cùng bay cao thấp tầng không; cá đua lội thảnh thơi dưới vực.
Thảy đều.
Thích ý muôn loài; phỉ tình mỗi vật.
Trèo lên đầu ghềnh trông mây trông bể.
Mây thì khoe gấm phơi màu; bể thì văn khôi rạng vẻ,
Sắc chi bằng sắc trắng tinh; mùa nào bằng mùa xuân trẻ.
Đẹp thay sắc xuân rực rỡ biết bao,
Xinh thay mây trắng trong ngần xiết kể.
Đến dòng xanh ngày đêm ấy, ngắm cảnh lạ lúc bấy giờ
Kìa ai tốt đẹp, mắt ngó sững sờ
Buông chèo quế; phất buồm hoa
Lòng vơi vơi nơi đầu bãi; mắt vọi vọi bên cùng bờ
Hỡi mây người ngọc thiết tha"(1)

Thời nhà Đường suy tôn cho là kiệt tác)

Tân Mùi [791] (Đường Chinh Nguyên năm thứ 7), mùa hạ, tháng 4, An Nam kinh lược sứ là Cao Chính Bình làm chính sự [bắt dân] đóng thuế nặng. Người Đường Lâm thuộc Giao Châu là Phùng Hưng khởi binh đánh lại, chiếm giữ thành. Phùng Hưng là nhà hào phú **<9a>** có sức khoẻ, có thể vật trâu bắt hổ. Trong năm Đại Lịch nhà Đường, nhân Giao Châu có loạn(2), em Hưng là Hãi, hàng phục được các ấp lân cận. Hưng xưng là Đô Công, Hãi xưng là Đô Bảo đánh nhau với Chính Bình

(1) Chúng tôi sử dụng bản dịch của Sáng Đình in trong sách *Lịch sử văn học Việt Nam* của Nguyễn Đổng Chi xuất bản năm 1942.

(2) Văn bản là chữ “ký” (既), phải là chữ “loạn” (乱) mới đúng.

rất lâu mà không thắng được. Đến khi ấy dùng kế của người làng là Đỗ Anh Hàn đem quân vây phủ, Chính Bình lo sợ phẫn uất sinh ung thư ở lưng rồi chết. Hưng vào ở trong phủ lỵ cho Hãi làm Thái úy, chẳng bao lâu thì Hưng mất. Mọi người muốn lập Hãi thay. Trong tướng tá của Hưng có Bồ Phá Lặc, có sức bạt núi, không chịu nghe theo. Mọi người bèn lập con Hưng là An làm Đô phủ quân. Hãi lánh Bồ Phá Lặc, vào ở động Chu Nham. An đã được lập liền tôn cha là Hưng làm Bố Cái Đại Vương. (Tục gọi cha là bố, mẹ là cái cho nên lấy chữ "bố cái" làm hiệu). Người địa phương thấy sự linh ứng bèn lập đền thờ ở phía Tây Đô phủ[1]. (Đền thờ này ở phường Thịnh Quang. Dân phường Đông Tây gọi ông là Tây Hưng Vương. Xét thấy sách *Dã sử biệt lục* chép: "Khi Phùng Hưng đánh đô hộ phủ, có Đỗ Luân đem kỳ binh[2] đến hội chiến, khói lửa thâu đêm, chiêng trống vang trời. Chính Bình kinh sợ mà chết. Lại theo sử nhà Đường chép: Năm Trinh Nguyên thứ 7 [792] tháng 4, thủ lĩnh An Nam là Đỗ Anh Hàn làm phản phải chịu tội chết, chứ không đề cập đến việc Phùng Hưng **<9b>.** Truyện Phùng Hưng là theo sách *Cứ Trang lục* thuật lại. Còn đầu đuôi việc Anh Hàn cũng không ghi rõ. Lại chép từ sau Trương Bá Nghi thì Cao Chính Bình thay [3] làm kinh lược, Trương Ứng Kế lại thay Chính Bình làm kinh lược, Ứng Kế mất, bọn liêu tá là Lữ Nguyên Khánh, Hồ Hoài Nghĩa nhân đấy dựa vào quân lính mà bức hiếp châu huyện, thả sức làm càn. Nhà Đường cho người tôn thất là Lý Phúc làm Lĩnh Nam tiết độ. Lý Phúc[4] đến nơi, dụ Hoài Nghĩa đến đánh chết, bắt Nguyên Khánh đi đày; cõi Nam được yên ổn. Phúc còn dạy dân đúc ngói. Người phương Nam biết lợp nhà ngói là bắt đầu từ Phúc. Ứng Xứng chú rằng Đường Lâm ở huyện Phúc Lộc và cho là Phúc Lộc ngày nay. Xét theo Đường địa chí thì châu Phúc Lộc có 3 huyện là Nhu Viễn, Đường Lâm và Phúc Lộc. Từ Hoan Châu đi về phía Đông 2 ngày đến châu Đường Lâm. Huyện An Viễn tức huyện Nhu Viễn, đi về phía Nam qua sông Cổ La 2 ngày thì đến sông Đàn Động nước Hoàn Vương. Xét về địa lý thì rất gần với Nhật Nam, hẳn không phải là đất Sơn Tây ngày nay. Một bản khác chép là huyện Phúc Lộc ngày nay có xã Đường Lâm, ý là Phùng Hưng người xã đó. Xét trong sử, Ngô sứ quân là Nhật Khánh chiếm cứ Đường Lâm, mà Đường Lâm và An Viễn

---

[1] Nay ở xã Cam Lâm, huyện Phúc Thọ, Hà Nội, còn có đền thờ Phùng Hưng.

[2] Văn bản là chữ "ngô" (吳), phải là chữ "binh" (兵) mới có nghĩa.

[3] Nguyên bản là chữ "thị" (氏), phải là chữ "đại" (代) mới có nghĩa.

[4] Nguyên bản là "Hoài Phúc" sửa lại là "Lý Phúc".

nối tiếp nhau[1], An Viễn nay là Gia Viễn. Đỗ Động, Đường Lâm núi sông liền một dải, thế thì Đường Lâm là ở khoảng giữa Hoài An[2] và Mỹ Lương[3]. Đỗ Động nay là phủ Ứng Thiên[4]. Thay đổi qua nhiều đời nay ghi cả lại).

Tháng 5, nhà Đường đặt quận Nhu Viễn ở phủ trị. Tháng 7, lấy Triệu Xương làm đô hộ. Xương đến nơi, lòng dân mới yên. Xương sai sứ dụ [Phùng] An, Phùng An đem quân ra hàng. Xương bồi đắp La Thành cho thêm vững chắc. Ông ở châu 17 năm, sau vì đau chân xin về, vua Đường cho phép và lấy Lang trung bộ Binh **<10a>**là Bùi Thái thay làm kinh lược sứ[5].

Quý Mùi [803] (Đường Trinh Nguyên năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, Bùi Thái sai san đất bờ ngòi trong thành, nhập lại làm một thành (đất bờ ngòi, có bản chép là ngòi ao). Tướng ở châu (chữ "châu" có bản chép là chữ "nha") là Vương Quý Nguyên đánh đuổi Thái. Thái chạy về Chu Diên (nay là huyện Yên Lãng). Binh mã sứ là Triệu Quân giết Nguyên và đồng đảng, rồi đón Thái về khôi phục chức cũ. Vua Đường cho gọi Triệu Xương đến hỏi tình hình. Xương đã ngoài 70 tuổi mà tâu bày vẫn rõ ràng rành mạch. Vua Đường rất lấy làm lạ, phong làm đô hộ. Xương đến nơi, người trong châu đều mừng, loạn lại yên. Năm ấy nhà Đường đặt phủ đô đốc ở 2 châu Phong và Hoan (Phong Châu thống lĩnh 18 châu ràng buộc thuộc Man Thục Thoan).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Diên Hựu ngược đãi các hộ dân Lý, gây nên cuộc nổi loạn của Định Kiến. Chính Bình đánh thuế ở châu nặng đã thúc đẩy Anh Hàn phải khởi binh. Triệu Xương đến lần thứ nhất thì dân được yên, đến lần thứ hai thì loạn cũng hết. Những quan lại ở biên giới tốt hay xấu hệ trọng đến như vậy đấy. Đại để người phương* **<10b>***Bắc khinh suất, cho Giao Châu là nơi xa xôi hoang vắng, nên coi nhẹ việc tuyển lựa quan lại. Trong thời ấy, dân ta bị rơi vào cảnh lầm than, không kêu ai được. Nước ta tuy có người nổi loạn, nhưng chưa có người dẹp loạn ra đời. Đọc sử đến đây thật đáng ngậm ngùi than thở cho thời bấy giờ.*

---

(1) Văn bản là chữ "án" (案), phải là chữ "tiếp" (接) mới đúng.

(2) Hoài An: Nay là huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây.

(3) Mỹ Lương: Huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình ngày nay.

(4) Phủ Ứng Thiên: Nay thuộc địa phận Hà Nội.

(5) Xem Tân Đường thư, quyển 170 (Triệu Xương truyện).

Mậu Tý [808] (Đường Hiến Tông, Nguyên Hòa năm thứ 3) Trương Chu làm An Nam đô hộ, đắp thêm thành Đại La, đóng 300 thuyền chiến, mỗi thuyền chứa 25 người lính chiến, 38 người phu chèo, thuyền xuôi ngược nhanh như bay. Lúc bấy giờ nước Hoàn Vương không triều cống nhà Đường. Chu sai quân đến đánh, bắt được Đô thống Châu Hoan, Châu Ái của Ngụy, chém 3 vạn đầu, bắt sống 50 người con của vua nước ấy, thu được voi chiến, áo giáp, khí giới rất nhiều. Lại thấy 2 thành của Châu Hoan, Châu Ái bị Hoàn Vương phá huỷ, sai đắp lại toàn vẹn (xét thấy Hoàn Vương ở Lâm Ấp còn gọi là Chiêm Bất Lao, cũng gọi là Chiêm Bà. Chỗ vua ở gọi là Chiêm Thành, nơi ở riêng gọi là Tề Quốc, lại gọi là Bỗng Bì Thế. Trước kia trong năm Nhân Thọ nhà Tùy [601 - 605], vua Lâm Ấp là Phạn Chí, bị Lưu Phương đánh bại, tháo chạy văng mạng, thế rồi tập hợp tàn quân dựng nước riêng. Trong năm Trinh Quán [627 - 650], vua nước ấy là Đầu Lê. Đầu Lê mất <11a> con là Chấn Long lên ngôi, nămTrinh Quán thứ 19 [646], Chấn Long bị giết và tru di cả họ. Họ Phạn tuyệt nòi. Người trong nước lập con rể Đầu Lê là Bà La môn làm vua, nhưng các quan đại thần phế bỏ, thay lập con gái Đầu Lê cũng không ổn định được đất nước. Các quan đại thần lại đón người con cô của Đầu Lê và Gia Cát Địa lập làm vua. Sau niên hiệu Chí Đức [756 - 758], đổi hiệu là Hoàn Vương. Đầu niên hiệu Nguyên Hòa [806 - 821], vì không chịu triều cống, cho nên Trương Chu sang đô hộ. Chu làm An Nam kinh lược tuần quan, dần dần thăng lên phó đô hộ, ít lâu thăng đô hộ. Lại được sung chức An Nam bảo quản kinh lược Chiêu thảo sứ, xử trí sứ... Lại theo bài chí ở mộ ông đô hộ họ Trương của Liễu Tông Nguyên lược chép như sau: Ông từ khi làm lại, quen thuộc các nước vùng biên, đến khi nhận mệnh chuyên đi chinh phạt, được trình bày mưu hay, thề sẽ nhổ hết gốc tai họa. [Khi ông đến] cất chứa quân lương, đắp xây thành lũy. Hoàn Vương cậy sức bội nghĩa, ông lại cất quân đánh lần thứ hai, tiêu diệt được đồ đảng của chúng, mở mang thêm được mấy khu đất. Ô Man cậy thế hiểm trở, khinh thường đạo đức. [Ông] vừa ra tay đã bắt hết bọn cầm đầu, chúng phải hàng phục, thu được 20 châu. Ông lo việc vượt bể có thể qua được, cũng có thể bị đắm, bèn san núi Liên Ô mở thành đường bằng, lấp hẹp biển cả biến thành mương rãnh, bạt núi chọc trời phá làm bờ cao, mà đời đời được hưởng lợi. Ông lo ở biên giới có thể khi thế này, khi thế khác bèn dựng lại cột đồng để làm quy định chính thức. Khi cột đồng đã dựng lên thì sự an ninh ở biên giới cũng được củng cố. Nơi bình thường ông cũng phòng thủ như nơi gò đông hiểm trở, cho nên muôn đời không có nỗi lo lắng gì[1]. Đấy là khi Trương Chu ở An Nam.

---

[1] Nguyên văn cả bài khá dài, nhưng ở đây tác giả chỉ trích lược một số đoạn, cho nên ý trong bài bị rời rạc.

Cái lợi đào cảng của ông hơn cả Cao Biền, tác dụng cột đồng biên giới của ông hơn hẳn Mã Viện. Công lao ấy của ông có thể nói là vĩ đại đấy).

Kỷ Hợi [819] (Đường Nguyên Hòa năm thứ 14), mùa đông, tháng 10, Thứ sử Hoan Châu là Dương Thanh đánh úp phủ thành. Đô hộ là Lý Tượng Cổ bị giết. Tượng Cổ từ Thứ sử Hành Châu được nhắc lên làm An Nam đô hộ. Tượng Cổ người tham lam, bừa bãi không tuân theo pháp luật. <11b> Dương Thanh đời đời làm tù trưởng xứ Man, Tượng ghen ghét với sự giàu có của Thanh bèn gọi Thanh đến cho làm nha môn tướng. Thanh ấm ức muốn làm loạn. Gặp lúc sai đi đánh bọn Man Hoàng Động, Tượng Cổ trao cho 3000 quân giúp Thanh đi đánh. Thanh và con là Chí Liệt quay về đánh úp và chiếm được phủ thành, giết Tượng Cổ và cả gia đình. Vua Đường lấy Thứ sử Đường Châu là Quế Trọng Vũ thay làm đô hộ đi đánh Thanh. Trọng Vũ chần chừ không dám tiến. Thanh vào trong xứ Man làm loạn, rồi dẫn người Man Hoàng Động kết hợp với người của Hoàn Vương vào cướp phá (Tượng Cổ là cháu Tào Phục Minh, con Lý Cao thời Đường). Xét thấy người Man Hoàng Động ở phía Nam Quảng Châu, Dung Châu, phía Tây Ung Châu, Quế Châu, họ là Hoàng, ở động Hoàng Đăng bị lệ thuộc vào họ Nịnh. Đất đai phía Tây giáp Nam Chiếu, đầu năm Thiên Bảo [742 - 756], họ Hoàng mạnh lên liên kết với các tộc Man nổi loạn, đánh 18 châu của Quế Quản, đến đâu cũng đốt phá cướp bóc. Trảiqua các năm Trinh Nguyên [795 - 805], Nguyên Hòa [806 - 821], lúc nổi loạn lúc hàng phục rất thất thường. Biên giới phía Nam khổ về chuyện đó. Đến khi quân An Nam nổi loạn giết đô hộ là Lý Tượng Cổ, nhà Đường sai Trọng Vũ đánh Dương Thanh, không thắng nổi, lại lấy quan sát sứ của Quế Quảng là Bùi Hành Lập sang thay. Ít lâu sau bị gọi về rồi chết. Đầu năm Trường Khánh [821 - 825], lấy Nghiêm Công Tố làm kinh lược sứ, Thôi Kết làm phó sứ. Giặc Hoàng lại nổi lên. Năm Trường Khánh Bảo Lịch [825 - 827], nhiều lần vào cướp phá lại thành mối lo cho An Nam.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét Tông tử liệt truyện trong Đường thư: Dương Thanh chiếm An Nam, giết <12a> Tượng Cổ, vua Đường tha tội cho Thanh, đổi đi làm Thứ sử Quỳnh Châu, lấy Trọng Vũ làm đô hộ. Thanh chống lại mệnh lệnh, Quế Trọng Vũ chia nhau dụ dỗ bọn tù trưởng đầu sỏ, quân lính đều theo, phá thành chém Thanh, tru diệt cả họ. Lại theo bản của Triệu Kinh Bang: Tháng 6 năm ấy, tướng sĩ An Nam mở cửa thành, cho Quế Trọng Vũ vào, bắt Thanh chém chết. [Vua Đường] vẫn dùng Trọng Vũ làm đô hộ. Như vậy thì rất khác với sử [của ta chép].*

Sử cũ chép rằng: Dương Thanh, khoảng năm Khai Nguyên [713 - 742] nhà Đường, làm Thứ sử Châu Hoan. Thế thì từ năm Khai Nguyên [713 - 742] đến năm Nguyên Hòa [806 - 821] qua 5 triều vua gần 100 năm mà Dương Thanh vẫn làm Thứ sử, cho đến đầu niên hiệu Thái Hòa [827 - 836] đời Văn Tông vẫn hãy còn? Trong đó có nhiều chỗ lầm lẫn, có lẽ tổ tiên của Thanh,năm Khai Nguyên làm Thứ sử Hoan Châu thì phải hơn. Điều nữa là người thay Trọng Vũ là Hành Lập, người thay Hành Lập là Nguyên Tố [thế mà trong sử cũ] tự dưng nảy ra một ông đô hộ Nguyên Gia cùng thời với Trọng Vũ. Đây có lẽ là khảo cứu không được kỹ. Cho nên nhất thiết phải cải chính **<12b>**.

Quý Mão [823] (Đường Mục Tông, Trường Khánh năm thứ 3), mùa đông, tháng 10, người Man Hoàng Động vào cướp phá.

Giáp Thìn [824] (Trường Khánh năm thứ 4), mùa đông, tháng 11, Đô hộ Lý Nguyên Tố(1) dời phủ thành ra ngoài cửa Đông Quan. Nguyên Tố vì thấy cửa thành có dòng nước chảy ngược, sợ người trong châu sinh ý làm phản, nhân đó dời phủ lỵ (nay phía ngoài thành Đông Quan gọi là La Thành. Lúc đó Nguyên Tố dời phủ lỵ về mạn sông Tô Lịch. Khi đang đắp thành nhỏ, có người xem địa lý nói: "Sức nhà ngươi không đủ để xây thành lớn, 50 năm sau sẽ có người họ Cao định đô xây phủ ở đây". Đến năm Hàm Thông [860 - 874], Cao Biền xây La Thành, đúng như lời người ấy nói).

Bính Ngọ [826] (Đường Kính Tông, Bảo Lịch năm thứ 2), người Man Hoàng Động hợp binh với Hoàn Vương, lại vào cướp phá Lục Châu, giết Thứ sử Cát Duy (xét thấy trong sử nhà Đường chép việc ấy do An Nam đô hộ là Lý Nguyên Tố tâu lên. Vậy thì Nguyên Tố làm đô hộ có lẽ là ở thời ấy, mà sử cũ chép Nguyên Gia là lầm).

Đinh Mùi [827] (Đường Bảo Linh năm thứ 3), nhà Đường dời phủ lỵ đô hộ sang huyện Tống Bình(2) (Tống Bình là tên huyện đặt năm Vũ Đức thứ 4 [622], năm thứ 5 [625] đặt làm 2 huyện Giao Chi,Hoài Đức thuộc vào Giao Châu).

<13a> Mậu Thân [828] (Đường Văn Tông, Thái Hòa(3) năm thứ 2), mùa hạ, tháng 6, Thứ sử Phong Châu là Vương Thăng Chiêu làm phản, bị

---

(1) ĐVSKTT và CM đều chép là Lý Nguyên Gia.

(2) Sự kiện này CM chép lùi lại ở năm Bảo Lịch thứ 1 [825].

(3) Văn bản là chữ "tông" 宗 nay sửa lại là chữ "hoà" 和 cho đúng với niên hiệu.

Đô hộ Hàn Ước giết. Tháng 9, quân ở phủ nổi loạn, Ước bị Dương Thanh đánh đuổi, chạy về Quảng Châu. (Xét thấy đoạn này vẫn dựa theo sử cũ và có tham khảo sử nhà Đường. Duy chỉ có một việc Dương Thanh, theo *Tôn thất truyện* trong *Đường thư* thì đã bị Trọng Vũ giết, theo *Đường thế kỷ* thì năm ấy Thanh còn đuổi Hàn Ước. Vậy thì Dương Thanh sống hay chết, mất hay còn, không khảo cứu vào đâu được. Hãy để tồn nghi).

Tân Dậu [814] (Đường Vũ Tông Hội Xương năm thứ 1), nhà Đường lấy Vũ Hồn thay Hàn Ước làm Kinh lược sứ.

Quý Hợi [842] (Đường Hội Xương năm thứ 2), mùa đông, tháng 11, Kinh lược sứ là Vũ Hồn sai tướng sĩ giữ phủ thành. Quân ở phủ nổi loạn, đốt lầu ở thành, cướp kho trong phủ. Hồn chạy sang Quảng Châu. Giám quân là Đàm Sĩ Tắc vỗ về quân làm loạn, châu lại được yên.

Bính Dần [8461 (tháng 3 trở về trước là Đường Vũ Tông Hội Xương năm thứ 6, tháng 4 về sau là Tuyên Tông, Đại Trung năm thứ 1), mùa thu, tháng 7, Nam Chiếu vào cướp phá. Kinh lược sứ nhà Đường là Bùi Nguyên Dụ đem quân các đạo dẹp yên được (xét theo sử nhà Đường chép Nam Chiếu là Man **<13b>** Vân Nam. Sử cũ chép theo đó nhưng bỏ sót chữ "Vân" (雲) mà chỉ chép là Nam Man vào cướp. Lại chữ Nguyên Dụ, sử cũ chép lã Nguyên Hựu là lầm)

Đinh Sửu [857] (Đường Đại Trung năm thứ 11), mùa hạ, tháng 4, nhà Đường lấy Hữu Can Ngưu Vệ đại tướng quân là Chu Nhai làm An Nam Kinh lược sứ.

Mậu Dần [858] (Đường Đại Trung năm thứ 12), mùa xuân, tháng giêng, nhà Đường dùng Vương Thức làm An Nam đô hộ. Thức là người có tài lược, đến phủ ông cho trồng cây lau làm hàng rào (chữ 芀 âm là "điều" nghĩa là cây lau, rậm rạp như loài sậy, trồng xen với cây gỗ để làm hàng rào). Bên ngoài đào hào sâu để tiêu nước ở trong thành; ngoài hào trồng tre gai, giặc cướp không thể xông vào được. Ông kén chọn dạy bảo quân lính rất tinh nhuệ, chẳng bao lâu quân Man Vân Nam kéo đến rất nhiều, đóng lại ở bến Cẩm Điền cách châu nửa ngày đường. Thức bình tĩnh sai người phiên dịch đến dụ dỗ, nói đúng điều lợi hại, chỉ một đêm là người Man kéo đi và sai người đến tạ lỗi nói: "Chúng tôi chỉ đến bắt bọn Liêu làm phản thôi chứ không phải đến cướp phá". Lại có Đỗ Hiệu (còn gọi là Đô Hiệu tướng) là La Hành Cung chuyên chính ở Phủ đã lâu, quân tinh nhuệ dưới quyền chỉ huy đến 2.000 người, mà quân trong phủ đô hộ **<14a>** chỉ có vài trăm người gầy còm. Thức đến, dùng gậy đánh vào lưng Hành Cung rồi truất ra nơi biên giới.

Trước kia kinh lược sứ An Nam là Lý Trác, hà khắc tham lam tự tư tự lợi, cưỡng mua của người Man một con bò chỉ trả họ một đấu muối, lại giết tù trưởng Man là Đỗ Tồn Thành. Người Man oán giận, dẫn đường cho người Nam Chiếu đến cướp biên giới. Vua Nam Chiếu là Phong Hựu sai tướng là Đoàn Tù Thiên vây hãm An Nam đô hộ phủ. Họ tự xưng là "Bạch y một mệnh quân"(1). Nam Chiếu lại đưa ra 3.000 quân Chu Mỗ khư thư (lính thân cận nhà vua gọi là Chu Mỗ khư thư. Chữ "thư" nghĩa là đai bằng vỏ sậy) để trợ thủ. Người Đào Lâm, Phong Châu, An Nam ở động Thất Quan (có bản chép là "Quán" (館) Lâm Tây Nguyên, do thủ lĩnh là Lý Do Độc làm chủ, hằng năm vẫn đóng thú 3 biên giới gọi là phòng thủ binh, lại thường giúp Trác nộp tô thuế. Viên tri châu Phong nói với Trác hãy xin bãi quân đóng thú, chuyên ủy cho Do Độc phòng giữ. Trác tâu xin bãi 6.000 người ở phòng thu binh và bảo: Do Độc có thể tương đương một đội, ngăn được quân rợ Man xâm nhập. Thế là Do Độc thế cô không tự lập được. Quan Thác đông tiết độ **<14b>**(Thác đông là nói sẽ khai thác biên giới phía Đông. Giao Chỉ ở phía Đông Nam Chiếu cho nên đặt chức ấy) của Nam Chiếu viết thư mời Do Độc, rồi đem con gái gả cho con trai Độc, bổ làm Thác đông Thác nha. Do Độc bèn đem quân phụ thuộc vào Man. Từ đó An Nam bắt đầu có mối lo về người Man. Tháng 5 năm ấy, người Man đến cướp phá bị Thức đánh lui. Mùa thu, tháng 7, có bọn gian ác nhiều lần nổi loạn, phao tin nói là nghe tin Kinh lược sứ Chu Nhai (Chu Nhai ở Quảng Châu) sai quân dưới trướng là quân Hoàng đầu (quân đội mũ màu vàng nên gọi là quân Hoàng đầu) vượt biển sang đánh úp ta. Bọn họ đêm đến vây thành, đánh trống reo hò: "Xin đuổi Thức về Bắc để chúng tôi đóng ở thành này chống giữ quân Hoàng đầu phương Bắc". Lúc ấy Thức đang ăn, có người khuyên Thức nên lánh đi. Thức nói: "Ta rời một chút thì thành này vỡ ngay", rồi lại ngồi ăn thong thả đến xong bữa. Đoạn mặc áo giáp đưa tả hữu lên thành, dựng cờ đại tướng, ngồi quát mắng, bọn làm loạn bỏ chạy, hôm sau bắt được giết hết. Lúc bấy giờ Giao Châu luôn đói kém và loạn lạc, 6 năm không nộp thượng cung (thượng cung là tiền lụa nộp sang kinh sư để cung cấp cho vua dùng) trong quân không có khao thưởng. Thức bắt đầu sửa sang việc tiến cống, khao thưởng quân sĩ **<15a>**.Chiêm Thành, Chân Lạp lại cho sứ qua lại(2).

Canh Thìn [860] (Đường Ý Tông, Hàm Thông năm thứ 1), mùa xuân, giặc ở Chiết Đông là Cừu Phủ làm loạn. Nhà Đường vời Vương

(1) Bạch y một mệnh quân: Là "quân áo trắng liều mạng".

(2) Xem Tân Đường Thư, quyển 167, Vương Bá truyện, phụ Vương Thức truyện.

Thức về phong làm Quan sát Chiết Đông, sai đi đánh dẹp. Lấy Lý Hộ thay làm đô hộ.

Tháng 11, người Thổ Man dẫn quân Nam Chiếu, cộng hơn vạn người, nhân khi sơ hở đánh chiếm phủ thành. Đô hộ Lý Hộ và Giám quân đóng ở Vũ Châu bị quân Man đánh, phải bỏ châu chạy. Lúc ấy Phong Hựu ở Nam Chiếu đã chết, con là Tù Long lên thay, tiếm xưng đế, đổi niên hiệu gọi là nước Đại Lễ. Long thích chém giết, luôn luôn xuất quân đi đánh, không năm nào yên. Con trai 15 tuổi trở lên đềubị bắt ra trận.

Tân Tỵ [861] (Đường Hàm Thông năm thứ 2), mùa xuân, tháng giêng, vua Đường ban chiếu phát quân ở Ung Quản và đạo lân cận để cứu Lý Hộ đánh Nam Di.

Mùa hạ, tháng 6, nhà Đường cho phòng ngự sứ Diêm Châu là Vương Khoan làm An Nam đô hộ, kiêm các chức Kinh lược sứ, xử trí sứ. Lúc ấy Lý Hộ từ Vũ Châu thu thập **<15b>**quân sĩ bản xứ đánh bọn người Man lấy lại được Châu Thành. Vua Đường trách về tội bỏ mất Châu Thành, biếm làm tư hộ Đam Châu. Lại bị tội tự tiện giết Man tù là Đỗ Thủ Đăng kích động người Man khởi biến, bị đầy đi Chu Nhai. Mùa đông, tháng 10, nhà Đường sai Thần sách tướng quân là Khang Thừa Huấn đem quân cấm binh và quân ở Giang Tây, Hồ Nam đến An Nam. Quân Man phải rút đi.

Nhâm Ngọ [862] (Đường Hàm Thông năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, người Nam Chiếu lại vào cướp phá. Vương Khoan nhiều lần sai sứ sang cáo cấp. Vua Đường lấy quan sát sứ Hồ Nam trước là Sái Tập sang thay và đem đạo binh các châu Hứa, Hoạt, Từ, Biện, Kinh, Tương, Đàm, Ngạc, cộng 3 vạn người giao cho Tập để chống cự. Thế quân đã mạnh, quân Nam Chiếu sợ không dám ra. Đến đây có chiếu cho Tả thứ tử là Sái Kinh đi cai quản miền Lĩnh Nam. Trước kia Lĩnh Nam chia làm 5 quản. Giao Châu, Quảng Châu, Quế Châu, Ung Châu đều thuộc vào Lĩnh Nam. Sái Kinh tâu xin chia làm 2 đạo và tự làm tiết độ sứ 2 đạo Lĩnh Nam. Kinh vì thấy Sái Tập đem quân của các **<16a>** đạo đi chống cự người Man, sợ Tập lập được công, có ý ghen ghét, vì thế tâu rằng: "An Nam không đáng lo, kẻ vũ phu cầu công, tụ tập nhiều quân, hao tổn lương thực, xin bãi bỏ lính thú. Tập cho là do tiếc của cải, nên vẫn xin lưu lại 5.000 quân. Tập nhiều lần dâng biểu, nhưng không được trả lời, do đó lại trình bày rằng Nam Chiếu rình mò sơ hở của ta từ lâu, tất sẽ lại đến. Lúc bấy giờ quân và lương đều thiếu, trí lực đều cùng kiệt, mới làm tờ trạng nêu 10 điều nguy ngập trình với quan Trung thư. Lúc đó Tể tướng tin lời Sái Kinh, rút cục vẫn không xét đến tờ trạng[1].

[1] Xem *Đường Thư*, quyển 222 thượng, Nam Man truyện.

Mùa thu, tháng 7, vua Đường biếm Sái Kinh làm tư hộ Chu Nhai, rồi lệnh bắt phải tự tử. Lấy quan sát Quế Quản là Trịnh Ngu làm tiết độ (xét thấy Sái Kinh tuy cai quản công việc ở Lĩnh Nam, nhưng lãnh trấn ở Châu Ung, Sái Kinh đặt ra những hình pháp hà khắc với kẻ dưới như nướng, hun, róc, chém, bị người Châu Ung đuổi đi chứ không phải người Giao Châu đuổi).

Mùa đông, tháng 10, Nam Chiếu đánh Giao Châu, tiến vào xâm lược An Nam, quân sĩ có tới 5 vạn người. Tập sai sứ cáo cấp với nhà Đường. Vua Đường ban chiếu phát 3.000 quân ở hai đạo Kinh [Nam], Hồ [Nam], 3.000 con em nghĩa chinh (vì họ ứng mộ tòng quân, cho nên gọi thế) ở Quế Quản đóng ở Ung Châu. Vì Trụ ở Lĩnh Nam tâu rằng quân Nam Chiếu tất đánh úp Ung Quản, trước hết hãy nên phòng bị nơi gần, chưa nên mưu tính ở đâu xa **<16b>.** Vua bèn ban chiếu cho Tập cắm quân ở trấn Hải Môn, sai Trịnh Ngu chia quân phòng ngự. Tháng 12, Tập lạixin thêm quân. Vua ban sắc cho Sơn Nam đông đạo phát 1000 tay nỏ đến. Tù tướng của Nam Chiếu là Dương Tư Tấn, Ma Quang Cao đem 6.000 quân đóng sát thành. Quân cứu viện không đến được. Tập chỉ đóng cửa thành cố giữ mà thôi.

Quý Mùi [863] (Đường Hàm Thông năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, Nam Chiếu đánh chiếm phủ thành đô hộ. Lúc đó Nam Chiếu đánh thành đang mạnh, quân tả hữu của Tập đều hết nhẵn, Tập đi bộ cố sức đánh, trên mình trúng 10 mũi tên, muốn xuống thuyền của giám quân thì thuyền đã ra xa bờ bèn nhảy xuống biển chết, tất cả nhà 70 người đều bị giết. Liêu tá dưới trướng là Phàn Xước, đem ấn phù của Tập qua sông trước nên thoát được. Tướng sĩ Kinh Nam hơn 4 vạn người[1] chạy đến bờ sông phía Đông thành. Bọn Ngu hầu Nguyễn Duy Đức nói với mọi người rằng: "Chúng ta không có thuyền, xuống nước ắt sẽ chết, chi bằng hãy quay về thành đánh nhau với người Man, lấy một người mình đổi lấy hai người Man thì <17a>cũng có lợi". Bèn quay về thành vào cửa Đông La (Đông La là thành của An Nam), người Man không phòng bị, bọn Duy Đức xua quân giết được hơn 2.000 người Man. Đến đêm tướng quân Man là Dương Tư Tấn mới từ thành con (thành nhỏ trong thành) ra cứu. Bọn Duy Đức đều bị chết. Quân Nam Chiếu hai lần vây hãm An Nam, giết và bắt sống gần 15 vạn người, để lại 2 vạn quân, sai Tư Tấn giữ thành An Nam. Người Di Liêu ở khe động không cứ xa gần, đều ra hàng. [Vua] Nam Chiếu cho thuộc hạ của mình là Đoàn Tù

[1] ĐVSKTT chép là 400 người.

Thiên lãnh chức Tiết độ sứ ở phủ. Vua Đường ban chiếu gọi viện binh các đạo về, chia giữ đạo phía Tây Lĩnh Nam(1).

Từ khi phủ thành bị chiếm, các tướng lại nhà Đường sai sang phần nhiều tạm nấp ở khe động. Vua Đường ban chiếu cho quân sở tại gọi về cứu giúp miễn thuế cho An Nam 2 năm.

Mùa hạ, tháng 6, nhà Đường bỏ An Nam đô hộ phủ, đặt chức Hành Giao Châu ở trấn Hải Môn(2) cho Hữu Giám môn tướng quân là Tống Nhung làm Thứ sử Hành Giao Châu.

Trịnh Ngu tự trình bày là không có tài làm tướng suý, xin thay chọn người khác. Gặp khi **<17a>** Khang Thừa Huấn từ Nghĩa Thành đến châu, bèn bổ làm Lĩnh Nam Tây Đạo tiết độ sứ, phát 1 vạn quân ở các châu Kinh, Tương, Hồng. Ngạc đi theo. Tháng 7, lại đặt An Nam đô hộ phủ ở Hành Giao Châu, lấy Tống Nhung làm Kinh lược sứ, bỏ chức Tiết độ của Thừa Huấn, lấy Kinh Lược sứ ở Dung Quản là Trương Nhân sang thay, thêm chức Câu dương Giao Châu sự, thêm quân ở trấn Hải Môn cho đủ 2 vạn 5 nghìn người, sai người đi kính lược An Nam để hòng tiến vào lấy phủ thành. Nhân chần chừ không dám tiến (xét thấy sử cũ chép các đạo quân nhà Đường đến cứu viện, đóng ở Lĩnh Nam không tiến, làm uổng phícông vận chuyển lương thực. Người ở Nhuận Châu là Trần Bàn Thạch dâng tấu xin cho đóng thuyền lớn nghìn hộc, từ Phúc Kiến chở gạo vượt biển đến Quảng Châu, quân lại đủ lương ăn. Nhưng quan giữ việc mượn tiếng là thuê rồi cướp thuyền của thương nhân, vứt bừa bãi hàng hóa lên bờ. Thuyền ra biển có khi gặp sóng gió bị đắm, lại bắt họ phải đền gạo, mọi người rất khổ về việc đó. Đoạn này là chép theo sử nhà Đường, còn như việc dụng binh của đô hộ phủ, không có quan hệ gì, không phải kỷ của nước ta cho nên theo đoạn văn đã lược đi mà chia đôi dòng chú, giữ lại sự ghi chép cũ).

Giáp Thân [864] (Đường Hàm Thông năm thứ 5), lúc đó quân sĩ tinh nhuệ Lưỡng Hà (3) đóng lâu ở An Nam bị khí độc, mười phần chết tới bảy **<18a>** .Hạ Hầu Khảo cho rằng Trương Nhân nhu nhược không đủ sức làm việc bèn tiến cử Kiêu Vệ tướng quân là Cao Biền thay làm đô hộ, kiêm Tổng quản kinh lược chiêu thảo sứ. Quân do Nhân nắm giữ đều trao hết cho Biền (Biền tên tự là Thiên Lý, cháu Cao Sùng Văn, đời đời

(1) Xem *Đường thư*, quyển 222 thượng.

(2) Trấn Hải Môn: Địa danh Trung Quốc.

(3) Có lẽ Lưỡng Quản hay Lưỡng Hồ thì đúng hơn.

coi giữ cấm binh, rất chịu khó học tập, thích bàn luận việc xưa nay, người trong hai quân(1) rất khen ngợi. Lúc còn nhỏ theo hầu Chu Thục Minh. [Một hôm] có hai con chim cắt cùng bay, [Biền] dương cung và khấn rằng: "Nếu ta lớn lên được quý hiển thì hãy bắn trúng". Khấn xong bắn một phát trúng luôn hai con chim, mọi người rất kinh ngạc. Vì thế đặt hiệu là Lạc Điêu Thị Ngự (Quan Thị ngự bắn rơi chim cắt), lần lần được thăng đến Tả thần sách đô Ngu hầu. Bọn Đảng Hạng(2) làm phản, Biền đem hơn 1 vạn cấm quân đóng thú ở Trường Vũ, nhiều lần lập công, đổi làm chức phòng ngự ở Tần Châu, đến lúc này được tiến cử thay Nhân.

Ất Dậu [865] (Đường Hàm Thông năm thứ 6), mùa thu, tháng 7, Biền luyện quân ở trấn Hải Môn, chưa tiến. Giám quân là Lý Duy Chu ghét Biền, muốn đẩy Biền đi, nhiều lần giục Biền tiến quân. Biền đem hơn 5000 quân qua sông, hẹn Duy Chu đem quân ứng viện. Biền đi rồi, Duy Chu đưa quân còn lại đóng ở trấn Hải Môn không cho đi. Tháng 9, Biền đến Nam Định(3) (Nam Định là tên nhà Đường đặt năm Vũ Đức thứ 4 [621] thuộc Giao Châu, có bản không có chữ Nam Định). Người Man ở Phong Châu đông gần 5 vạn đang gặt ở ruộng, Biền ập lại đánh tan, thu số lúa đã gặt dùng nuôi *<18b>*quân.

Bính Tuất [866] (Đường Hàm Thông năm thứ 7), mùa hạ, tháng 4, Nam Chiếu bổ Đoàn Tù Thiên làm Di tập Thiện xiển tiết độ sứ, sai Dương Trấp Tư (sử cũ chép là Trương Trấp là lầm) giúp Tù Thiên cùng giữ An Nam. Lấy Phạm Ni Ta làm phủ đô thống, Triệu Nặc làm đô thống ở Phù Da (Phù Da chưa rõ ở đâu). Giám trận nhà Đường sai Vi Trọng Tể đem 7000 quân đến Phong Châu.

Biền được thêm quân. Tháng 6, Biền đến Giao Châu, tiến đánh Nam Chiếu, nhiều lần đánh tan được. Tin thắng trận tâu về đến trấn Hải Môn, Duy Chu đều giấu đi. Mấy tháng không có tin tức, vua Đường lấy làm lạ, xuống chiếu hỏi tình hình. Duy Chu tâu rằng: "Biền đóng quân ở Phong Châu nhởn nhơ không chịu tiến". Vua Đường tức giận lấy Hữu vũ vệ tướng quân là Vương Yến Quyền thay Biền và gọi Biền về kinh đô, định phạt nặng. Tháng ấy, Biền đánh tan Nam Chiếu, chém tướng Nam

(1)Vệ binh và cấm binh.

(2)Đảng Hạng: Một dân tộc thiểu số ở Trung Quốc.

(3)Nam Định: Theo Đường thư địa lý chí thì huyện Nam Định đặt năm Vũ Đức thứ 4 thuộc Giao Châu. Theo Thái bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử thời Tống thì ở huyện Nam Định có núi Đông Cứu. Theo Thanh nhất thống chí thì núi Đông Cứu ở huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Huyện Nam Định có thể ở địa giới huyện Gia Bình ngày nay.

Chiếu là Trương Thuyên, Lý Tra, Long Man, đưa về hàng vạn quân đầu hàng và nhổ được 3 lũy ở Ba Phong. **<19a>** Nam Chiếu dẫn tàn quân vào thành cố giữ. Mùa đông, tháng 10, Biền vây thành hơn 10 ngày, người Man rất khốn đốn. Thành sắp bị hạ, gặp lúc nhận được thông điệp của Vương Yến Quyền nói là đã cùng Duy Chu đem đại quân xuất phát từ Hải Môn đến, Biền lập tức trao việc quân cho Trọng Tể, rồi cùng bộ hạ hơn một trăm người về Bắc[1].

Trước đây, Trọng Tể sai Tiểu sứ là Vương Tuệ thay, Biền sai Tiểu hiệu là Tăng Cổn cùng mang thư báo tin thắng trận về Đường. Đến giữa biển ngóng thấy cờ xí từ phía Đông tới, hỏi những thuyền qua lại, biết đó là quan Kinh lược sứ mới và quan giám quân sang, hai người bàn với nhau rằng Duy Chu nhất định sẽ cướp lấy tờ biểu này và bắt giữ ta lại, bèn trốn vào trong hải đảo để Duy Chu đi qua sẽ lập tức phóng về kinh sư. Vua Đường nhận được tờ tấu mừng lắm, liền phong cho Biền làm chức Kiểm hiệu Công bộ thượng thư, sai Biền trở lại đánh quân Man. Biền đến trấn Hải Môn thì trở về. Yến Quyền dốt nát, lười nhác, động một tí là phải bẩm xin mệnh lệnh của Duy Chu. Duy Chu thì hung ác tham lam, các tướng không ai chịu cộng sự với họ, nên bỏ lỏng vòng vây, người Man trốn đi quá nửa. Biền đến **<19b>**lại đốc thúc tướng sĩ đánh thành, tướng Man là Trấp Tư bị thương phải chạy về, quân của Biền nhân đó băng qua tường hạ được thành, chém Tù Thiên, Ni Ta, Nặc Mi và bọn Thổ Man, Chu Cổ Đạo, kẻ dẫn đường cho Nam Chiếu hơn 3 vạn đầu. Quân Nam Chiếu bỏ trốn, Biền lại đánh phá 2 động Thổ Man theo Nam Chiếu, giết tù trưởng của chúng. Người Thổ man kéo theo quy phục tới 1 vạn 7 nghìn người.

Tháng 11, vua Đường ban chiếu cho quân các bộ Giao Châu, Ung Châu, Tây Xuyên, đều phải giữ bờ cõi, không được tiến đánh nữa. Đặt Tĩnh Hải quân ở Giao Châu, trao cho Biền chức tiết độ, kiêm chức hành dinh chiêu thảo sứ các đạo (từ đó đến đời Tống, An Nam là Tĩnh Hải quân tiết trấn). Do Lý Trác tham bạo, người Man gây tai họa tới gần 10 năm, đến đây mới yên. Biền ở phủ trị đắp thành Đại La[2] (Thành chu vi 1982 trượng 5 thước, thân thành cao 2 trượng 6 thước, chân rộng 2 trượng 5 thước, tường nhô trên bốn mặt 5 thước 5 tấc, có 55 chòi gác, 6

---

[1]Xem Tân Đường thư, quyển 224 hạ, Cao Biền truyện.

[2] Thành Đại La do Bá Nghi đắp từ năm Đại Lịch thứ 2 [761] thời Đường; năm 791, Triệu Xương đắp thêm; năm 808, Trương Chu lại đắp thêm. Đến khi Cao Biền lại cho đắp thành ngoài bao quanh gọi là La Thành. Dấu tích thành cũ nay vẫn còn.

cửa tò vò, 3 mương nước, 34 lối leo lên thành. Lại đắp con đê nhỏ vòng quanh thành dài 2.112 trượng 8 thước, <20a>cao 1 trượng 5 thước, rộng 2 trượng và dựng hơn 40 vạn gian nhà. Biền đến đâu cũng thích xây thành. Thành xây bằng đá gạch vữngthành ở nước ta làm tàn hại đến hình thế đất và chắn đứt long mạch ắt là nhiều. Đến nay nền thành vẫn còn, ở dưới móng đều xây bằng đá xanh, phu dịch rất nặng nề. Lại xét Nam Chiếu vốn là một giống Ô Man khác dòng dõi của Di Ai Lao. Tiếng Di gọi vua là chiếu. Người cầm đầu của họ trước kia có 6 vị, tự xưng là 6 chiếu, đó là Mông Xá, Mông Tuấn, Việt Tích, Lãng Khung, Đặng Thiềm, Thi Lãng. Mông Xá chiếu ở phía Nam các bộ cho nên gọi là Nam Chiếu So với 5 chiếu kia thì nó là mạnh nhất, ở vào khoảng giữa Vĩnh Xương và Châu Diên, phía Đông giáp với Thoán phía Đông Nam thuộc Giao Chỉ phía Bắc đến Ích Châu, phía Tây Bắc giáp Thổ Phồn, phía Tây là Nam Phiêu kinh đô của vua ở thành Dương Thư Mỹ, kinh đô khác nữa là Thiên Xiên. (Từ châu Long Vũ An Nam đi 1.353 dặm thì đến thành Mông Xá, lại từ Mông Xá đi 110 dặm đến thành Dương Thư Dương).

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Một tên Lý Trác tham bạo mà đến nỗi dẫn họa giặc Man vài chục năm, huống lại có kẻ tàn ngược hơn Lý Trác nữa thì sao? Một mình Cao Biền đốc xuất thuộc tướng mà đã mạnh đến mức chém được vài chục vạn quân giặc, huống còn còn người giỏi hơn Cao Biền thì sao? Cho nên Trác không thể tự giữ mình được, còn Biền lại chiếm được thành mà xưng vương. Người giỏi trị nước phải nên chọn người cho cẩn thận.*

<20b> Đinh Hợi [867] (Đường Hàm Thông năm thứ 8), mùa xuân, tháng giêng.

Cao Biền đào cảng Dung Châu[1] (Biền đi tuần đến đồn phía Bắc Dung Châu, thấy đường vận chuyển trên sông nguy hiểm, có nhiều đá ngầm lớn, thuyền vấp phải sẽ bị đắm, bèn ra lệnh cho Trưởng sử là Lâm Phúng, tướng quán Hồ Nam là Dư Tồn Cổ đem quân bản bộ và thủy thủ hơn 1 nghìn người đi khơi thông nơi ấy. Biền dụ họ rằng: "Đạo trời giúp người nhu thuận, công thần giúp kẻ ngay thẳng, nay khơi dòng nước biển để giúp sinh dân, nếu không vì lợi riêng thì có khó khăn gì. Đô hộ trước kia khao quân không chu đáo, giữ phép không kiên quyết, phụ lời hẹn, mưu lợi riêng, vì vậy mọi người đều lười biếng. Nay ta không như vậy, mà chỉ cần giúp được việc cho nhà vua thôi". Bọn Phúng lãnh mệnh

[1] Cảng Dung Châu, Thiên Hy thuộc Trung Quốc.

đi. Mùa hạ, ngày 5 tháng 4, mộ thợ san đào, qua 1 tháng gần như thông được, chỉ có 2 nơi ở quãng giữa đá to dựng đứng cao đến vài trượng, dùng búa, dao cũng không thể phá được, công việc tưởng chừng phải bỏ dở, thì ngày 26, tháng 5, ban ngày bỗng nhiên trời tối sầm lại, gió bão nổi lên, rồi sét đánh vài trăm tiếng ở nơi đá to ấy, phút chốc trời lại sáng sủa, đá đã bị nát vụn. Biền lại thấy sứ giả hàng năm phải qua lại nên lại muốn đục đá làm 5 con đường, đặt quân hộ tống. Các con đường đó đều là đá xanh. Có người truyền là Mã Viện đã không thể đục nổi. Mọi người thợ đều cho là khó. Ngày 21, tháng 6, lại có sét lớn như trước, đá to đều nát vụn, đường được thông. Vì vậy mới gọi là cảng "Thiên uy", cảng này ở phía Tây Nam, cách huyện Bác Bạch thuộc Bạch Châu 100 dặm[1].

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Việc Cao Biền đào cảng sao mà lạ vậy. Có lẽ việc làm hợp lẽ phải cho nên được trời giúp. Trời tức là lẽ phải mà thôi. Trái đất có chỗ hiểm, chỗ bằng* **<21a>** *đấy là lẽ thường. Sức người có thể vượt được chỗ hiểm cũng là lẽ thường. Nếu chỗ hiểm mà không vượt được, thì trời còn nhờ gì ở người nữa? Vua Vũ trị thủy, nếu không hợp với lẽ phải thì làm sao mà trời giúp cho hoàn thành được? Việc đưa đến một con rùa ở sông Lạc[2] để báo điềm lành há chẳng phải là trời giúp đó sao? Xem Biền nói rằng: "Nay khơi dòng nước biển để giúp sinh dân". Lòng thành thể hiện ra ở lời nói thì niềm tin cảm thấu đến cả đá vàng huống là trời sao? Trời đã giúp tức là thuận. Kinh dịch nói rằng: "Vững lòng tin mà suy nghĩ điều thuận thì tự trời sẽ giúp cho điều tốt, không có việc gì là không lợi"[3]. Vậy thì sét đánh tan đá để giúp có gì là lạ.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Cao Biền ở đất Giao Namta, đánh tan quân Nam Chiếu, cứu vớt nhân dân một thời xây đắp La Thành, làm vững đô ấp mãi mãi, công ấy thực là lớn lắm. Còn như khai thông đường vận chuyển, đặt nhà trạm sứ, tất cả những việc ấy đều là theo phép công mà làm, không có một chút lợi riêng,* **<21a>** *Tinh thần chí khí khi ấy có thể cảm cách được quỷ thần trở thành linh ứng. Sét đánh tan đá thực là trời giúp để biểu dương sự siêng năng của ông. Thời Ngũ Đại, Vương Thẩm*

---

[1]Xem Tân Đường thư, quyển 224 hạ, Cao Biền truyện.

[2]Vua Vũ đi trị thủy, có một con rùa to nổi lên ở sông Lạc dâng một cuốn sách. Vua Vũ bắt chước mà trình bày thành thiên hồng phạm.

[3]Câu này ở quẻ "Lý" trong Kinh Dịch.

Tri[1] ở đất Mân, người buôn bán của Man Di qua lại trên biển bị ngăn trở ở Hoàng Kỳ[2], một đêm sét đánh mở ra thành cảng. Người Mân quy cho là nhờ đức độ của Thẩm Tri cảm thấu đến trời, nên mới gọi là cảng Cam Đường. Việc của Biền thực giống việc này. Còn như việc trị thủy của vua Vũ, công để lại muôn đời, làm sao việc của Biền có thể giống được? Ngô Sĩ Liên lấy Vũ để so sánh với Biền là so sánh không đúng đấy. Đào cảng không nằm trong địa phận nước ta đáng ra là bỏ đi. Thế nhưng cứ ghi lại để khảo cứu cho nên chia đôi dòng chú việc ấy.

Mậu Tý [868] (Đường Hàm Thông năm thứ 9), mùa thu, tháng 7, Cao Biền vì có công đục đá thông đường vận chuyển nên được thăng chức Kiểm hiệu thượng thư hữu bộc xạ. Trước kia khi Biền ra trận, cháu họ của Biền là Cao Tầm đã từng làm tiên phong, xông pha mũi tên hòn đạn, làm gương cho **<22a>** quân sĩ. Khi Biền dời sang Thiên Bình, tiến cử Tầm sang thay mình, được chiếu phong cho Tầm làm Tiết độ sứ ở Giao Châu. Hy Tông lên ngôi, vì Nam Chiếu cướp phá Thành Đô, đổi Biền làm Tiết độ sứ Kiếm Nam, Tây Xuyên (Biền ở trấn từ niên hiệu Hàm Thông năm Quý Mùi [863] đến năm Mậu Tý [868]. Tầm từ niên hiệu Càn Phù năm Ất Mùi [875] đến năm Mậu Tuất [878].

Canh Tý [880] (Đường Hy Tông, Quảng Minh năm thứ 1), mùa xuân, tháng 3, Tù trưởng Nam Chiếu là Pháp (Long đã chết, con là Pháp lên thay) vào cướp phá. Lúc ấy Cao Biền chuyển sang Trấn Hải, Thôi An Tiềm làm tiết độ Tây Xuyên. Nam Chiếu biết Thục mạnh, nên lại đánh úp An Nam và phá được thành. Đô hộ là Tăng Cổn(bản khác chép là Duệ) chạy sang Ung Phủ. Quân đóng thú cũng tan vỡ (sử cũ chép là quân nổi loạn là vì không rõ đấy. Cổn trước kia là tiểu tướng của Biền, đến khi thay Biền, nổi tiếng là khéo vỗ về. Mọi người gọi là Tăng Thượng thư, đã từng soạn thiên *Giao Châu ký).* Vua Đường vì thấy Nam Chiếu đã lâu ngày ngang ngạnh, nên dùng kế kết thân, đem con gái tôn thất là công chúa An Hóa gả cho tù trưởng Pháp. Pháp sai tể tướng là bọn Triệu Long Mị, Dương Kỳ Hỗn, Đoàn Nghĩa Tông đi đón công chúa. Lúc đó Biền ở Dương Châu, tâu rằng ba người ấy đều là kẻ tâm phúc **<22b>** của Nam Chiếu, xin đánh thuốc độc giết đi thì đất Man có thể lấy được, vua Đường nghe theo. Ba người ấy đều bị chết. Nam Chiếu hết

[1] Vương Thẩm Tri: Người thời Ngũ Đại, theo Vương Tự, sau khi Vương Tự bị giết, được dùng làm phó sứ, sau lại làm Vũ uy quân tiết độ sứ được phong Mân Vương.

[2] Hoàng Kỳ: Địa danh Trung Quốc.

mưu thần, bị suy thoái. Từ đó không dám dòm ngó nước ta nữa. (Xét thấy Cao Biền ở đô hộ, công trạng cũng có cái đáng thuật lại. Từ khi Cao Biền dời đến trấn ở Xuyên Thục, lại chuyển về Hoài Nam, đắp xong thành, mộ đủ quân, người đương thời đều dựa vào Biền và rất kính trọng. Thế nhưng Biền lại giữ lòng dạ lừng khừng để mặc cho Hoàng Sào đánh hạ hai kinh. Người nhà Đường vẫn mong Biền lập công, vẫn yêu mến nhờ cậy như cũ, lần lần thăng đến chức Bột Hải quận vương. May lúc trong nước loạn lạc, Biền âm mưu cát cứ. Một khi bị thất thế, uy danh mất hết bèn chú ý vào phép tiên. Biền đem việc quân giao hết cho Lữ Dụng Chi. Dụng Chi là kẻ gian tà tiểu nhân, dùng lời phù phiếm dối trá đùa dỡn Biền như con trẻ. Dụng Chi từng tiến người điên là Gia Cát Ân làm thầy tướng và nói dối rằng: Thượng đế cho người thần để làm vây cánh. Biền vui mừng một cách lạ thường. Chi lại sai đồng đảng của nó đem dâng Biền một con dao găm bằng đồng và nói dối rằng vua phương Bắc đã từng đeo nó. Biền lấy làm quý và giữ kín, khi đứng khi ngồi cũng mang theo bên mình. Biền làm lầu cao 80 thước gọi là lầu nghênh tiên, tắm gội ăn chay ở trên đó, mong được tiếp xúc với tiên. Biền lại làm con chim hộc giả để giữa sân, rồi đặt máy ở trong đó, hễ người chạm đến là nó bay. Dụng Chi lại dạy Biền phải cắt đứt vợ lẽ con hầu, từ giã tướng lại để đề phòng kẻ phát hiện sự gian dối của mình. Biền bị Dụng Chi mê hoặc, cuối cùng Dụng Chi bắt Biền bỏ tù cho đến chết.

Sau Dương Hành bí mật đào đất, được tượng người bằng đồng, cao 3 thước, thân bị đóng gông và đóng đinh vào mồm, khắc tên Biền vào lưng. Có lẽ là Dụng Chi yểm Biền đấy. Sự ngu muội của Biền một sớm mà đến nỗi như thế. So với mưu lược đánh phá quân Man, trí khôn xây đắp La Thành, việc đào cảng thấu đến uy trời trước kia, thì như chia ra hai loại người khác hẳn là tại làm sao vậy? Nay người nước ta truyền rằng Biền rắc hạt đậu xuống đất, đọc câu thần chú, hạt đậu biến thành quân, nhưng vì đào lên trước kỳ hạn nên non yếu không đứng lên được. Lại truyền rằng Biền cưỡi con ***<23a>***diều bằng giấy để tìm huyệt đất trong cõi nước ta. Có lẽ cũng vì nghe được việc Biền học phép tiên và chuyện Biền cưỡi con chim hộc mà nói ngoa ra. Cho nên nhân đây viết phụ truyện Cao Biền vào để xóabỏ sự mê hoặc của người đời. Lại còn bản *Địa lý di cảo*(1) ở nước ta, người ta cứ đua nhau suy tôn và bàn tán về môn địa lý [phong thủy] của Cao Vương, nhưng khi Biền ở nước ta, đang

(1) Hiện nay trong kho sách Hán Nôm thuộc Viện Nghiên cứu Hán Nôm còn bản *Địa lý di cảo* ký hiệu A. 536. Sách nói về các kiểu đất của tỉnh Sơn Tây cũ.

lúc Đường Lý rối ren, Nam Chiếu dòm ngó, phải lo việc quân còn chưa rỗi, việc chiến trường mới tạm yên, lại phải dời về Tây Xuyên, đâu còn có công phu nhàn rỗi mà cắp địa bàn đi hàng vài nghìn dặm để xem long mạch đất cát sông ngòi làm ra sách Kiềm ký, để chọn đất sẵn cho người đời sau được? Di cảo ấy có lẽ là thời Trần có một nhà địa lý giả tên Cao Biền để làm cho thần kỳ cái thuật của mình đấy thôi. Sách của Hoàng Phúc cũng vậy)(1).

Ất Sửu [905] (Đường Ai Đế, Thiên Hựu năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, Chu Toàn Trung nhà Đường cho rằng Tiết độ sứ Giao Châu là Chu Toàn Dục, ngu xuẩn không có tài, tự xin với vua Đường bãi bỏ Toàn Dục (Toàn Dục là anh Toàn Trung, chỉ ở xa lĩnh chức chứ không phải thực sự đến trấn lĩnh).

Bính Dần [906] (Đường Thiên Hựu năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, thăng cho Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ là Khúc Thừa Hựu, chức Đồng bình chương sự. Trước đây Giao Châu loạn, Tiết độ là Tăng Cồn bỏ thành chạy về Bắc. Thừa Hựu vốn là thổ hào, tự xưng là tiết độ rồi xin mệnh với nhà Đường, vua Đường nhân đó trao cho chức ấy.

Trên đây là kỷ Nội thuộc Tùy Đường từ năm Quý Hợi [601] (Tùy Nhân Thọ năm thứ 2) đến năm Bính Dần [905] (Đường Thiên Hựu năm thứ 3), tổng cộng là 304 năm.

<23b> Thông luận của sử thần Ngô Thì Sĩ: *Xét thấy từ đầu thời Đường, chia thiên hạ làm 15 đạo, lấy đất 9 quận của nhà Hán làm đạo Lĩnh Nam, trong đó các quận Thiều, Quảng, Khang, Đoan, Phong, Bội, Đằng, Làng, Lôi, Nhai về phía Đông thuộc phận dã tinh kỷ; các quận Quế Liễu, Uất Lâm, Phúc Chiêu, Cung Mông, Tú Dung, Bạch La về phía Tây, và An Nam đều thuộc phận dã Thuần Vĩ. Trong 5 quản thì Quế, Quảng, Ung, Dung, đặt đô đốc phủ, riêng An Nam đặt Đô hộ phủ và đều thống thuộc vào Lĩnh Nam. Năm Vũ Đức thứ 5 [622] (gọi là Giao Châu, lúc đó còn đặt đô đốc, phần nhiều dùng người tôn thất làm chức đó. Sau đổi đặt là đô hộ, thỉnh thoảng dùng đến cả bề tôi có tài năng, không phải chỉ chuyên dùng người tôn thất(2). Quận thuộc đô hộ đều đặt chức Thứ sử. Riêng Hoan Châu, Phong Châu lại*

(1) Hoàng Phúc là tướng nhà Minh, tương truyền là người giỏi về phong thủy, có viết sách Kiềm ký. Nay còn có sách *Địa lý Hoàng Phúc cảo.*

(2) Văn bản là chữ "thành" 成 theo chúng tôi ở đây phải là chữ "thất" 室 mới đúng.

còn đô đốc. Chức gọi là Tiết độ thì nắm tổng quát các chức mà thôi, cùng với chức Thái phỏng sứ đều đặt trụ sở ở Quảng Cháu. Còn gọi là Kinh lược thì lúc cần **<24a>** *mới đặt ra, không phải là chức quan chính. Từ năm Điều Lộ [679] về sau, không gọi là Giao Châu mà gọi là An Nam. An Nam ta từ Triệu Vũ Đế Đà về sau, hơn một nghìn năm lệ thuộc vào phương Bắc, dù các nước nhỏ như Lâm Ấp, PhúNam, Chân Lạp, Ai Lao họ cũng đều có vua riêng, chứkhông có nước nào quá đổi như nước ta, tại sao vậy? Các nước ấy ở nơi chân trời góc bể, nhân dân của cải đều không đủ làm lợi cho Trung Quốc, họ làm phản thì bị đánh, phục tùng thì tha, có triều cống hay không cũng không đáng trách. An Nam ở phương Nam là một nơi đô hội lớn, ruộng ưa trồng lúa, đất ưa trồng dâu, núi thì sản sinh vàng bạc, bể thì sẵn có ngọc châu. Kẻ buôn bán đến đây phần nhiều giàu có. Họ lấy làm thèm thuồng muốn đặt nước ta làm quận huyện, bắt dân ta phải làm tôi tớ đã từ lâu. Khi chưa được thì muốn cho được, đã được rồi thì há chịu buông tha. Đường đường một nước đâu phải là không có anh hào, sao lại phải cúi đầu cúi mặt mà vui lòng chịu sự sai khiến của* **<24b>** *đô đốc, Thứ sử?*

Nước nội thuộc đã từ lâu, bị chia quận đặt quan lại, như bày bàn cờ trên đất ta, quyền ra oai làm phúc ở trong tay thì ai mà không kính cẩn tuân theo. Một thổ hào nổi lên thì quận thúdập tắt; một quận thú nổi lên thì Thứ sử tập hợp lại mà đánh; Thứ sử nổi lên thì Trung Quốc dốc toàn lực mà trị ngay. Lý Tốn, Lương Thạc thời Tấn; Dương Thanh, Lý Mạnh Thu, Bì Ngạn, Mai Thúc Loan, Vương Thăng Triều v.v... thời Đường đều như vậy.

Hai vua Lý và vua Triệu có lẽ vì đương lúc nhà Lương nhà Trần chỉ yên ổn được một vùng, miền Giang Tả nhiều việc, không để ý lắm đến Giao Châu cho nên mới giữ được đất đai mà đặt quốc hiệu đến năm sáu mươi năm. Nếu ở vào thời Hán Đường toàn thịnh, thì họ há lại chịu bỏ mất đất đai đã chiếm được, bỏ sự cống hiến đã có được để cho mình tự làm một nước lớn ngoài miền Ngũ Lĩnh hay sao? Vì thế mà nổi lên rồi bị dập tắt, cứ kế tiếp nhau. Rút cuộc cũng chỉ là chuyện nổi loạn. Lúc cúi mặt lúc ngẩng đầu, hàng nghìn năm làm quận huyện nội thuộc. Ôi cũng là cái thế xui nên như vậy. Hơn nữa ý trời chưa muốn **<25a>** *ta được bình trị mà cứ đổ cho việc tại người thì có được chăng? Còn*

như nước Chiêm Hoàn từ khi bị Lưu Phương quét cho một trận thua đau, qua vài đời, sau khi tụ tập được, lại dòm ngó biên giới phía Nam. Nam Chiếu tuy lớn mạnh, chà đạp lên đất Quảng đất Thục, đi đến đâu như quét tới đó. Đáng ra là tạm thỏa mãn mới phải, thế mà hằng năm vẫn cướp phía Nam không thôi. Quân Man ấy chẳng phải là tham nước ta giàu có cho nên không sợ sóng gió, vượt hiểm trở, mong tranh chấp của cải với người Đường để dùng về việc quân, việc nước đấy sao?

Trương Chu đánh nước Chiêm Hoàn xây thành ở Hoan Châu, Ái Châu, Cao Biền nhiều lần đánh bại Nam Chiếu, bảo toàn An Nam, họ đều có công với đất nước ta mà Biền lại nhậm chức lâu hơn Chu. Nay trong nước, đàn bà trẻ con đều biết nói rằng các quan thú mục tướng suý trước sau đều không bằng Cao Biền.

Công danh của Biền là khá hơn đấy.

HẾT QUYỂN VI NGOẠI KỶ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

NGOẠI KỶ

QUYỂN VII

<1a>

KỶ NAM BẮC PHÂN TRANH

Đinh Mão [907] (Đường Thiên Hựu năm thứ 4, Lương Thái Tổ, Chu Toàn Trung đổi tên là Hoảng, Khai Bình năm thứ 1. Năm này nhà Đường mất), nhà Lương cho Tiết độ sứ Quảng Châu là Lưu Ẩn kiêm Tĩnh Hải quân tiết độ sứ An Nam đô hộ, ít lâu sau phong Nam Bình Vương, lúc đó Ẩn chiếm giữ Phiên Ngung; người Giao Châu là Khúc Hạo giữ trị sở châu, xưng tiết độ sứ. Họ chỉ muốn thôn tính nhau.

Tân Mùi [911] (Lương Cần Hóa[1] năm thứ 1), nhà Lương tiến phong Lưu Ẩn làm Nam Hải Vương. Năm ấy Ẩn mất, em là Nghiễm nối ngôi.

Đinh Sửu [917] (Lương Mạt Đế, Hữu Trinh đổi tên là Húc, Trinh Minh năm thứ 3), Nam Hải Vương là Lưu Nghiễm lên ngôi hoàng đế, đặt quốc hiệu là Đại Việt, đổi niên hiệu là Càn Hanh năm thứ 1, rồi lại đổi quốc hiệu là Hán (tức Nam Hán). Khúc Hạo <1b>sai con là Thừa Mỹ làm hoan hảo sứ đến Quảng Châu dò xét hư thực. Hạo mất, Thừa Mỹ lên nối ngôi.

Kỷ Mão [919] (Lương Trinh Minh năm thứ 5), Khúc Thừa Mỹ sai sứ

---

(1) Văn bản là năm "Càn Nguyên" nhưng tra trong niên hiệu thì thời Lương chỉ có niên hiệu Càn Hóa [911-913] nên sửa lại.

sang nhà Lương xin tiết việt[1] nhà Lương trao cho, rồi cho cai quản 12 châu. Vua Hán nghe tin giận lắm.

Quý Mùi [923] (Lương Long Đức năm thứ 3; Đường Trang Tông Lý Tồn Húc, Đồng Quang năm thứ 1), năm ấy nhà Lương mất. Mùa thu, tháng 7, vua Hán là Nghiễm sai kiêu tướng là Lý Khắc Chính (có bản chép là Lý Thủ Dung, Lương Khắc Trinh, cũng có bản chép là Lý Hòa Thuận) lĩnh quân đánh Giao Châu, bắt tiết độ sứ là Thừa Mỹ đem về, cho tướng là Lý Tiến thay. Khắc Chính ở lại giữ châu, bị tướng của Khúc Hạo là Dương Đình Nghệ, người Ái Châu đánh đuổi. Vua Hán trao tước vị cho Đình Nghệ, lấy Lý Tiến làm Thứ sử Giao Châu, cùng Lý Khắc Chính giữ thành ấy. Vua Hán nói với tả hữu rằng: "Dân Giao Chỉ thích làm loạn, chỉ nên ràng buộc mà thôi". (Thừa Mỹ đến Nam Hải, vua Hán là Nghiễm lên lầuNghi Phượng nhận tù binh và bảo rằng <2a>: "Ngươi đang cho ta là triều đình ngụy, nay lại bị trói đưa về đây là tại sao vậy?"). Thừa Mỹ cúi đầu nhận tội, bèn tha).

Xét thấy dã sử chép họ Khúc là người Hồng Châu[2], đời đời là dòng họ lớn, ông nội là Thừa Dụ tính khoan hoà, yêu quý người, được mọi người suy tôn mến phục. Tăng Cổn thời Đường bỏ phủ thành chạy, Thừa Dụ tự xưng là Tiết độ, xin mệnh triều đình. Vua Đường nhân đó trao cho chức ấy. Hạo dựa vào cơ nghiệp cũ, giữ La Thành xưng là Tiết độ, chia đặt các xứ, lộ, phủ, châu, xã; đặt chức Lệnh trưởng chánh và tá, chia thuế ruộng, trừ bỏ việc phu phen, lại làm sổ hộ, ghi họ tên quê quán do giáp trưởng đốc suất làm việc ấy. Chính sự rộng rãi giản dị, dân được yên ổn.

Họ khúc truyền ba đời, bắt đầu từ năm Canh Tý [820] đến hết năm Canh Dần [930] tổng cộng là 51 năm[3].

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Lưu Nghiễm đương lúc Bắctriều rối loạn, kế tục nghiệp cũ của anh, xây dựng nước, đặt niên hiệu, tranh nghiệp bá với Khúc Hạo, cuối cùng bắt được Thừa Mỹ, lấy được Giao Châu, hùng cứ một phương. Cũng gần ngang với các nước tiếm ngôi ở Bắc triều, cho nên Tiền Ngô vương trỗi dậy, tuy có giết được con của họ, diệt được quân của họ*

(1) "Tiết" là cờ mạo, "Việt" là búa cán dài. Khi xưa, vua phong ai làm tướng thì trao cho 2 thứ ấy để làm vật tượng trưng cho sự được thay quyền vua.

(2) Hồng Châu: Xưa là 2 phủ Thượng Hồng và Hạ Hồng, nay thuộc tỉnh Hải Dương.

(3) Nói 51 là gộp những năm ở ngôi của Khúc Thừa Dụ, Khúc Thừa Hạo, Khúc Thừa Mỹ ở từng thời chứ không phải 3 ông truyền nối nhau ở ngôi liên tục 51 năm.

nhưng cũng không giữ được đất. Quốc thống họ Lưu kéo dài mãi mãi, đến khi Tống Tổ nổi lên thì đất đai mới thuộc về nhà Tống.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét gia thế nhà Nam Hán thì ông của Nghiễm là An Nhân, là một nhà buôn ở Nam Hải* ***<2b>.*** *Cha của Nghiễm là Khiêm, anh Nghiễm là Ẩn. Gặp thời có nhiều biến cố, nhiều lần có công với Lĩnh Nam. Thế rồi đánh úp Nam Hải và chiếm giữ được. Khi Nghiễm lên ngôi, các anh hùng ở Lĩnh Nam chia nhau chiếm cứ cai quản. Nghiễm đã lấy được đất Dung, đất Ung, lại bắt được Thừa Mỹ ở Giao Châu. Nghiễm tính hay khoác lác, thường tự nói nhà mình vốn ở Hàm Tần*(1)*, lấy làm xấu hổ vì phải làm vua Man Di; gọi thiên tử nhà Đường là Thứ sử Lạc Châu. Đường Trang Tông cũng không thể đưa quân đi đánh được. Cuối cùng truyền cho con là Bân Thạnh, cháu là Xưởng. Từ khi tiếm hiệu đến khi mất nước là 55 năm.*

Những tay bá chủ trong các trấn cuối thời Đường thì Lưu Nghiễm là kẻ ghê gớm hơn cả, thế mà khi xâm lấn phương Nam mới bắt được Thừa Mỹ. Đến trận thứ hai thì bị bại, lại tự đốc chiến mà chết mất đứa con, cuối cùng không thể dòm ngó được Giao Nam nữa. Ý chừng trời cũng chán sự phân tranh, muốn mở ra sự nghiệp thống nhất, cho nên Nghiễm dù cường bạo cũng không bừa bãi được, nên mới như thế chăng?

Tân Mão [931] (Đường Trang Tông(2) Tự Nguyên, Trường Hưng năm thứ 2), mùa đông, tháng 12, Dương Đình Nghệ đem quân đánh Giao Châu ***<3a>.*** Thứ sử là Lý Tiến bỏ thành chạy trốn. Vua Hán là Nghiễm sai Thừa chỉ là Trần Bảo (chữ Trần có bản chép là Trình)(3) đến đánh, lại bị Đình Nghệ đánh bại. Lúc ấy Đình Nghệ nuôi 3 nghìn người làm con nuôi mưu đồ khôi phục. Tiến ở châu biết được chuyện đó, chạy đến bảo với Nghiễm. Đình Nghệ vây Tiến. Nghiễm sai Bảo đem quân đến cứu. Bảo chưa đến thì thành đã bị hạ, Tiến phải trốn về, Bảo đến vây thành, Đình Nghệ ra đánh, Bảo bị thua rồi chết. Bấy giờ Đình Nghệ tự

---

(1) Hàm Tần: Tức Hàm Dương. Vì nhà Tần thống nhất thiên hạ đóng đô ở Hàm Dương nên gọi là Hàm Tần.

(2) Nguyên bản là "Trang Tông", nhưng tra trong Ngũ Đại sử thì Lý Tự Nguyên là Đường Minh Tông chứ không phải là Đường Trang Tông.

(3) Cung từ Hoàng Thái hậu vợ Lê Thái Tổ tên là Trần nên thời Lê viết là "Trần" (陳) ra chữ "Trình" 程.

xưng là tiết độ sứ, lãnh việc ở châu (trước kia Đình Nghệ muốn trả mối thù của Khúc Hạo, bèn đặt ra trường thi vật. Ông chiêu tập người hào kiệt trong châu lại, lấy nghĩa lớn mà kích động, họ đồng tình nổi lên đánh bại tướng nhà Hán là Lý Khắc Chính).

Bính Thân [936] (Đường Phế Đế, Tòng Kha, Thanh Thái năm thứ 3, Tấn Cao Tổ, Thạch, Kính Đường, năm Thiên Phúc thứ nhất), năm ấy nhà Đường mất.

Đinh Dậu [937] (Tấn, Thiên Phúc năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, nha tướng của Đình Nghệ là Kiều Công Tiễn (sách *Cương mục*[1] chép là Hạo (皎) giết Đình Nghệ và lên thay.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Cuối thời Hán, Đường, nhiều người nuôi con nuôi <3b>. Có lẽ đương lúc trí lực chọi nhau, hoặc hoạn nạn liên tiếp, trong hoàn cảnh gấp gáp được người có sức mạnh thì nhận làm con nuôi để hòng làm tâm phúc cho mình, biết đâu rằng sói con khó dạy, cất của hớ hênh là xui người lấy trộm. Tính trời không thể mượn được. Thế mà Đình Nghệ lại nuôi con nuôi tới 3 nghìn người, bị nạn còn hối sao được.*

Mậu Tuất [938] (Tấn Thiên Phúc năm thứ 3), mùa đông, tháng 12, nha tướng của Đình Nghệ là Ngô Quyền khởi binh từ Ái Châu, đánh Kiều Công Tiễn. Tiễn sai sứ hối lộ để sang cầu cứu nhà Hán. Vua Hán là Nghiễm muốn nhân cuộc loạn này mà lấy nước Nam, bèn cho con là Vạn Vương Hoằng Thao (Hoằng có bản chép là Hồng (洪)) làm Tĩnh Hải quân tiết độ, đổi phong là Giao Vương, đem quâncứu Công Tiễn, còn Nghiễm tự đóng quân ở Hải Môn[2] để giúp thêm thanh thế. Vua lại hỏi kế sách ở Sùng văn sứ là Tiêu Ích. Ích nói: "Nay mưa dầm mấy tuần, đường bể nguy hiểm xa xôi, Ngô Quyền là người kiệt hiệt, không thể khinh thường được, đại quân đi phải nên cân nhắc thận trọng dùng nhiều người đưa đường rồihãy tiến quân", <4a> Nghiễm không nghe, sai Hoằng Thao đem thủy quân theosông Bạch Đằng tiến vào. Lúc ấy Quyền đã giết được Công Tiễn, nghe tin Hoằng Thao sắp đến, liền nói với tướng tá rằng: "Hoằng Thao là một đứa nhãi con ngu dại, mang quân từ xa đến, quân lính mệt mỏi, lại nghe tin Công Tiễn chết, không có nội gián, cũng đã mất vía trước rồi. Quân ta đang nhàn rỗi mà đánh kẻ mệt mỏi thì tất nhiên sẽ phá tan được. Nhưng lợi khí của chúng là có thuyền

---

[1] Sách Cương mục này là sách của Trung Quốc do Chu Hy soạn.

[2] Hải Môn: Thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

chiến, nếu không phòng bị trước thì tình hình thắng bại cũng không thể biết được. Nếu ta sai người đến đóng cọc ngầm ở cửa biển trước, vạt nhọn mũi và bọc sắt ở đầu, khi nước thủy triều lên, thuyền của chúng vào trong khu vực có cọc, sau đó ta sẽ dễ bề chế ngự. Không còn kế gì hơn kế này". Rồi bèn cho đóng cọc ở hai bên cửa sông. Nước triều dâng lên. Quyền cho thuyền nhẹ ra khiêu chiến, giả vờ thua chạy. Hoằng Thao quả nhiên đem toàn bộ quân đuổi theo. Thuyền quân Hán nhân lúc nước triều dâng to, tiến cả vào. Quyền mới đem quân đón đánh, nước triều rút rất nhanh, thuyền giặc đều vướng phải cọc mà đắm, cuống quít tan vỡ, quân lính chết đuối quá nửa. Quyền thừa thắng tiến lên bắt sống Hoằng Thao và giết chết <4a>. Nghiễm khóc rống lên rồi thu tàn quân về.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Lưu Nghiễm tham đất đai của người, muốn chiếm cứ bờ cõi nước ta, chưa được thì đã hại đến đứa con của mình và lây cả đến dân. Tức như lời Mạnh Tử nói: "Vì cái mình thích mà để hại lây đến cái mình không muốn đấy chăng?".*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Lưu Nghiễm dòm ngó Giao Châu, nhưng lúc Đình Nghệ mất, cậy có nội ứng của Công Tiễn, đốc quân cả nước sang cướp để phong [tước vương] cho đứa con yêu, tự mình đóng đại binh [ở Hải Môn]. Hắn tưởng là một trận có thể đánh tan được Ngô Quyền, rồi nhân đó giết Công Tiễn mà lấy nước Nam, vơ vét sổ sách báu vật ở kho nước ngoài gói ghém đem về Bắc, sau đấy bắt dân ta phải phụ thuộc mà làm dân Hán. Lần ấy giả sử Ngô Quyền không đánh cho một trận thật đau để đạp tan nhuệ khí, bẻ gãy mũi nhọn thì bọn chúng sớm muộn sẽ đắc chí. Cái thế ngoại thuộc lại dần dần hình thành. Cho nên chiến thắng Bạch Đằng* **<5a>** *là cơ sở của việc phục hồi quốc thống, về sau đến thời Đinh, Lê, Lý, Trần vẫn còn nhờ vào dư âm lẫm liệt của trận ấy. Võ công lớn ấy còn vĩ đại đến nghìn năm, chứ có phải chỉ rạng rỡ một thời mà thôi đâu!*

Trên đây là kỷ thời Nam Bắc phân tranh từ năm Đinh Mão [906] (Lương Khai Bình năm thứ nhất) đến năm Mậu Tuất [938] (Tấn Thiên Phúc năm thứ 3) gồm 32 năm.

Thông luận của sử thần Ngô Thì Sĩ: *Chu Ôn*[1] *cướp ngôi vua Đường, ở riêng một xó Biện Lương, nên các quân trấn sở tại chia nhau đất đai. Quảng Châu bị Lưu Ẩn chiếm giữ,*

[1] Chu Ôn: Tức Chu Toàn Trung, vua nhà Hậu Lương thời Ngũ Đại.

còn Giao Châu thì vất bỏ. Từ thời Lương đến thời Chu, một con ngựa, một chiếc thuyền của Trung Quốc cũng không đến cõi Giao Châu nữa. Nghiễm lúc mới bắt được Thừa Mỹ còn có chí hăng hái thôn tính [Giao Châu], nhưng đến khi thua Đình Nghệ một trận, tiếp đến lại thua Ngô Quyền một trận nữa, thế là ý chí cai trị phương Nam cũng nguội lạnh như tro tàn. Từ đó về sau, khi lớn khi nhỏ, khi mạnh khi yếu cũng có 5 lần dấy lên rồi lắng xuống, đều là do các bậc hào kiệt trong nước làm cả. Họ Ngô lấy được nước, truyền cho con, đặt ra quy mô giữ nước, quốc thống có chỗ hệ thuộc, lòng người biết nơi nương tựa, đời sau kế tiếp, cùng với triều đình phương Bắc mỗi bên làm vua một phương. Nền móng thực bắt đầu từ đó. Có lẽ vì lòng trời chán ghét loạn lạc, mới sinh ra bậc hào kiệt để giao cho. Cũng là bắt đầu một cuộc thịnh trị đấy.

Khúc Thừa Mỹ nhận mệnh nhà Lương dựng cờ tiết là biết kế tục cơ nghiệp của cha ông, nhưng lại bị ở triều đình giặc bắt. Dương Đình Nghệ đuổi tướng Hán để lãnh châu, là rửa được cái nhục của vua cũ, mà lại bị nha tướng giết hại. Truyện có câu rằng: "Không có kẻ bị phế bỏ thì vua làm sao dấy lên được" là nói việc này đấy chăng?

Nam Hán có 3 phần 5 đất Lĩnh Nam, đất rộng quân mạnh, Giao Nam khó có thể địch nổi. Thế mà không biết giữ lòng tin, hòa thuận với nước láng giềng, lấy điều nhân vỗ về nước nhỏ, dòm ngó nước người ta, có thể gọi là trái với ý trời, trái với lòng người, không biết lường biết liệu thời kỳ thất bại há chẳng đáng lắm sao?

<6a>

KỶ NHÀ NGÔ

TIỀN NGÔ VƯƠNG

(Vua họ Ngô, húy là Quyền, người Đường Lâm[1] ở ngôi 6 năm, thọ 47 tuổi. Vua diệt giặc trong nước để trả thù cho chúa, đuổi giặc ngoại xâm để cứu nạn cho nước, xây dựng quốc gia, khôi phục quốc thống, công nghiệp thực là vĩ đại).

---

[1] Đường Lâm: Tên xã, sau là xã Cam Lâm thuộc huyện Phúc Thọ, nay thuộc Hà Nội.

Vua đời đời là quí tộc ở Đường Lâm, cha là Mân làm quan mục ở châu đó. Khi vua mới sinh ra có một luồng ánh sáng lạ tỏa khắp nhà. Vua hình dạng khác thường, sau lưng có 3 nốt ruồi, người xem tướng cho là khác thường, bảo rằng người này có thể làm chúa một phương, bèn đặt tên là Quyền. Khi lớn lên, vẻ khôi ngô, mắt sáng như tia chớp, đi thong thả như dáng cọp, có chí dũng, sức có thể gio nổi vạc, làm nha tướng cho Đình Nghệ, Nghệ gả con gái cho, Quyền cai quản Ái Châu. Đến khi ấy giết Công Tiễn, tự lên ngôi làm vua, đóng đô ở Loa Thành.

Kỷ Hợi năm thứ nhất [939] (Tấn Thiên Phúc năm thứ 4), mùa xuân, vua bắt đầu xưng vương, lập Dương thị làm Hoàng hậu, đặt trăm quan **<6b>**, định ra triều nghi phẩm phục.

Giáp Thìn năm thứ 6 [944] (Tấn, Tề Vương, Trọng Quý Khai Vận năm thứ 1) vua mất.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Tiền Ngô vương biết dùng quân mới tập hợp được của nước Việt ta mà đánh tan hàng trăm vạn quân của Lưu Hoằng Thao, mở đất xưng vương, khiến cho quân phương Bắc không dám trở lại, có thể nói là một cơn giận mà yên được dân, giỏi mưu tài đánh. Tuy chưa xưng đế và đặt niên hiệu nhưng chính thống của nước ta hầu như đã được nối lại.*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Tiền Ngô Vương nổi lên, không những có công chiến thắng, lại đặt ra trăm quan, chế định triều nghi, đặt ra phẩm phục, quy mô đế vương cũng đã thấy được. Nhưng vua hưởng lộc nước không được lâu dài, chưa thấy được hiệu quả của việc trị nước. Đáng tiếc thay!*

Hậu Ngô Vương (Vua húy là Xương Văn, con thứ của Tiền Ngô Vương, Tam Kha cướp ngôi đưa về làm con nuôi, 3 năm sau truất bỏ Tam Kha, trở lại ngôi vua, ở ngôi 15 năm **<7a>**). Vua làm ngay ngắn được kỷ cương dựng lại cơ nghiệp cũ, nhưng gây việc binh đao trong nước, lại bị thiệt mạng. Đáng tiếc thay!

Phụ: Dương Tam Kha (Người Dương Xá[1] Đông Sơn, anh Dương Hậu, là gia thần của Tiền Ngô Vương, tiếm xưng là Bình Vương, cướp ngôi 6 năm, bị Hậu Ngô Vương truất bỏ).

Sửthần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét thấy sử cũ chép năm ấy lấy Tam Kha đứng đầu kỷ, ý chừng vì Ngô Vương đã mất, Xương*

---

(1) Dương Xã: Tên xã ở huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Văn chưa lập, trong nước không có thống thuộc mà Tam Kha đã xưng vua cho đó là ngôi nhuận, chứ không biết rằng ngôi nhuận cũng xếp vào niên biểu. Chỉ vì truyền không được lâu nên mới gọi là nhuận, như thời Tấn thời Tùy chẳng hạn. Lúc ấy Xương Văn tuy chưa chính thức ở ngôi, nhưng Ngô Vương đã truyền lại mệnh lệnh cho Tam Kha giúp rập. Ngô Vương mất ngôi vua thì vẫn là ngôi của Xương Văn. Xương Văn chưa xưng vương vì Tam Kha cướp ngôi đấy thôi. Xương Văn vẫn còn thì quốc thống vẫn hệ thuộc vào. Tam Kha có thể gọi là cướp ngôi chứ không thể gọi là ở ngôi nhuận được **<7b>** *cho nên theo cách chép của sử thời Hán về Nhụ Tử Anh*[1] *thì phải chép lớn là "Hậu Ngô Vương", mà lấy Dương Tam Kha chép phụ vào để tỏ rằng thống thuộc nhà Ngô chưa từng bị dứt và ngôi vua của Xương Văn không đợi đến sau khi đánh Tam Kha mới định.*

Ất Tỵ [945] (Năm đầu Dương Kha cướp ngôi, Tấn Khai Vận năm thứ 2), trướckia Ngô Vương bị bệnh nặng có để lại mệnh cho anh[2] Dương hậu là Dương Tam Kha giúp đỡ con mình. Vua mất, Tam Kha cướp ngôi xưng là Bình Vương. Con trai trưởng của Ngô Vương là Xương Ngập sợ chạy về trú ở nhà Phạm Lệnh Công miền Trà Hương (nay đổi là huyện Kim Thành) sông Nam Sách (chữ "Nam Sách" (**TRANG 171**) đổi thành chữ "Nam Sách" (**TRANG 171**) này). Tam Kha lấy conthứ hai của Ngô Vương làXương Văn làm con mình. Con thứ của Ngô Vương là Nam Hưng, Càn Hưng còn nhỏ, đều theo Dương quốc mẫu. Ít lâu sau Tam Kha sai chỉ huy sứ là Dương Tất Lợi, Đỗ Cảnh Thạc 3 lần đem quân đến nhà Lệnh Công tìm Xương Ngập đều không bắt được. Lệnh Công sợ bèn giấu Xương Ngập vào trong núi. Tam Kha biết lại sai tìm như trước, vẫn không tìm được.

<8a> Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Dụng tâm của Phạm Lệnh Công thực là trung nghĩa lắm thay! Tam Kha là bậc gia thần lại đuổi con đích của vua mà cướp ngôi, lấy Xương Văn làm con mình là giả dối đấy thôi, ai mà biết được! Hơn nữa lúc ấy người trong nước đều đã coi Tam Kha là vua, thế mà Lệnh Công*

[1]Nhụ Tử Anh: Vua nhỏ tuổi ở ngôi thời Tây Hán năm Nguyên Thủy thứ 5, Vương Mãng cho Bình uống rượu say rồi giết chết, chọn chắt của Tuyên Đế lên ngôi. Tử Anh mới 2 tuổi được chọn làm Thái tử, Vương Mãng nhiếp chính, được 2 năm thì Vương Mãng cướp ngôi.

[2]Văn bản là chữ "đệ" (弟) là em; nhưng ở đoạn trên đã nói 哥 là "anh" và các sách khác cũng chép là anh. Như vậy ở đây phải là chữ "huynh".

dám giấu Xương Ngập là muốn khỏi mất dòng dõi họ Ngô đấy. Việc của Trình Anh, Chử Cữu[1] lại xuất hiện ở đây. Ai bảo là trong nước không có kẻ trung thần nghĩa sĩ?

***Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn:** Phạm Lệnh Công là người trung, nhưng thành được đạo trung ấy mà không phải là bậc đại trí đại dũng thì cũng không như vậy được. Ngô Tiên chủ đem đứa con côi nhỏ giao phó vào tay Tam Kha, tin là người bề tôi tâm phúc, người bà con ruột thịt, nên nghĩ rằng có thể gửi gắm xã tắc vào đấy được. Nhưng Tam Kha một khi nắm địa vị trọng yếu rồi thì cướp lấy ngôi. Đứa trẻ phải chạy trốn* **<8b>** *may mà thoát được miệng hổ, về với Lệnh Công, tiếng tăm trung tín tiết nghĩa của ông được người ta biết đến là đáng lắm. Còn việc Tam Kha biết mà đi tìm rút cuộc vẫn không thấy, và cũng không làm gì được, nếu bản thân [Lệnh Công] không phải là bậc trí mưu, tiết nghĩa hơn hẳn mọi người thì sao được như thế? Tiếc thay tên của Lệnh Công không được lưu truyền ở đời, nhưng tấm lòng của Lệnh Công thì sau nghìn năm vẫn còn tưởng tượng thấy được. Hơn nữa tôi lại cảm thấy rằng: Công Tiễn giết cha nuôi, rồi lên thay trở thành kẻ thù, Ngô Tiên chủ diệt được, Tam Kha đuổi con vua để cướp ngôi mà Phạm Lệnh Công bảo toàn được con nhỏ, so sánh mấy việc thì về thiện ác cũng như vua Nghiêu và vua Kiệt, về thuận nghịch cũng như Cơ Đán và Vương Mãng. Tiếng khen thì tốt đẹp như được tặng áo cổn hoa, lời chê thì xấu hổ như bị đánh ở giữa chợ. Người đời sau cũng nên biết mà lấy đó làm gương.*

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Tam Kha là người thân ruột thịt, nhận sự ký thác phúc tâm* **<9a>** *[thế mà] lừa con côi, dối bà goá, tự mình làm giặc, cướp ngôi họ Ngô, lại lấy Xương Văn làm con là tại sao?Xương Văn do Dương Hậu sinh ra, chính sự trong nước tuy Dương Hậu không tự chủ được, nhưng đã che chở được cho đứa con mình. Tam Kha vì cớ là cậu cháu mà bao lấy nhận nuôi, còn Xương Ngập là anh khác mẹ của Xương Văn, cho nên mới truy gấp hòng giết đi. Họ ngoại làm hại nước người ta đến như thế! Ngô Quyền tuy là anh hùng hào kiệt một thời mà không biết được việc xưa nay, đem chính sự giao cho mẫu hậu, phó thác*

---

[1] Trình Anh, Chử Cữu: Theo sử ký của Tư Mã Thiên về đời Cảnh Tông năm thứ 3, Đỗ Ngạn Giả giết con Triệu Sóc và tru di cả họ. Trình Anh, Chữ Cữu là bạn của Triệu Sóc cùng nhau liều chết đem dấu con Triệu Sóc là Triệu Vũ để bảo tồn dòng dõi họ Triệu.

đứa con côi cho họ ngoại, khiến cho ngôi báu đổi dời, con côi không nơi nương tựa. Xương Văn kéo dài hơi thở trong tay loạn thần, Xương Ngập giữ được cuộc sống do người nghĩa sĩ, đều là do ở trời vậy.

Ngô Quyền biết lấy điều nghĩa báo đáp Đình Nghệ, cho nên Lệnh Công lại lấy điều nghĩa báo đáp Ngô Quyền. Điều báo đáp trung nghĩa có lẽ là trời không sai.

Lệnh Công kia là người như thế nào? Một lòng giữ đứa con côi, long đong nguy hiểm mà không nhụt ý chí. Tam Kha lấy quyền lực cả một nước **<9b>**, *tìm Xương Ngập không được đành bỏ không làm gì được. Ỹ chừng Lệnh Công mưu kế cũng sâu, tài lực cũng giỏi, họ hàng cũng mạnh, đủ để khuất phục được Tam Kha. Thế mà không rõ được lý lịch của ông là đáng tiếc thay!*

Đinh Mùi [947] (Dương Tam Kha cướp ngôi năm thứ 3, Hậu Hán Cao Tổ Lưu Chi Nguyễn lên ngôi vẫn xưng là Tấn, Thiên Phúc năm thứ 12), năm ấy nhà Tấn mất.

Canh Tuất [950] (Dương Tam Kha cướp ngôi năm thứ 6, Hán Ẩn Đế, Thừa Hựu vẫn xưng Càn Hựu năm thứ 3, năm ấy nhà Tấn mất. Con thứ của Ngô Vương là Xương Văn đánh Tam Kha, phế bỏ ngôi vua), Tam Kha sai Xương Văn và hai sứ Dương, Đỗ(1) đem quân đánh hai thôn Đường, Nguyễn ở Thái Bình(2). Khi đi đến Từ Liêm, Xương Văn ung dung nói với hai sứ rằng: "Đức của Tiên vương ta thấm khắp lòng dân, phàm những lệnh ban ra không ai là không vui vẻ nghe theo, không may phải xa bỏ quần thần, Bình Vương tự làm điều bất nghĩa, cướp ngôi của anh em ta, tội không gì lớn bằng. Nay lại sai ta đi đánh một ấp vô tội, may mà thắng thì thôi, nếu như họ không khuất phục **<10a>** thì làm thế nào?". Hai sứ trả lời: "Tùy ngài ra lệnh". Xương Văn nói: "Bình Vương có ơn với ta, sao lại nỡ trị tội". Bèn giáng làm Chương Dương Công, cho đất Chương Dương để làm thực ấp (nay là bến Chương Dương)(3).

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Đuổi con vua mà tự lập là tội về công việc. Nuôi con của vua, làm con của mình mà cho thực ấp là*

(1) Tức Dương Cát Lợi và Đỗ Cảnh Thạc.

(2) Địa lý chí trong Đường thư chép " huyện Thái Bình bị cắt ra đặt làm Phong Khê". Lại nói "Phong Khê thuộc Phong Châu". Các sách chép không rõ nên chưa xác định được. Hai thôn Đường, Nguyễn thuộc Thái Bình có lẽ cũng là ở đấy. Còn bảo đấy là Thái Bình thuộc Sơn Nam thì không phải (CMTb4).

(3) Bến Chương Dương: Nay thuộc huyện Thường Tín, nay thuộc Hà Nội.

ơn riêng. Hậu Ngô Vương không xử đúng đắn cái tội cướp ngôi phản nghịch mà lại vì ơn riêng nuôi nấng không nỡ gia hình, còn cho thực ấp chẳng phải là sai lầm lớn đó sao?

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Thân hậu*[1] *đời Chu giết U Vương lập Bình Vương, Bình Vương cảm ơn lập mình mà quên mối thù giết cha. Sai quân đóng thú đất Thân là lấy quân đánh giặc trả thù **<10b>** làm việc đền ơn báo nghĩa. Nay Xương Văn đối với Tam Kha không trừng phạt tội cướp ngôi phản nghịch mà lấy sự nuôi dưỡng làm ơn. Nhà vua không tra tội mà lại yêu quý cho phong tước thì cũng giống như Bình Vương đối với Thân hậu?*

Tân Hợi [951] năm thứ nhất (Chu Thái Tổ, Quách Uy, Quảng Thuận năm thứ 1), vua truất bỏ Tam Kha, lên ngôi xưng là Nam Tấn, sai sứ đón anh là Xương Ngập về kinh sư cùng lo việc nước. Xương Ngập xưng là Thiên Sách Vương.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Nam Tấn đón Xương Ngập về để cùng nắm chính quyền có thể gọi là rất biết kính anh, muốn cho anh cùng hưởng phú quý. Nếu Xương Ngập biết mình không có công mà nhường Xương Văn để cùng hưởng phúc lộc đức ấy chẳng phải là sáng tỏ ư? Nhưng lại, câu nệ vào danh phận là con đích rồi xưng vương, trông nom chính sự, chuyên quyền làm oai làm phúc, đến nỗi làm cho Nam Tấn vương không được dự chính sự, rất sai với nghĩa hòa thuận anh em. Chí khí thực là nhỏ nhen thấp kém đấy.*

Lúc ấy người động Hoa Lư là Đinh Bộ Lĩnh, cậy núi khe hiểm trở kiên cố, không giữ chức phận làm tôi, hai vua định đem quân đi đánh, Bộ Lĩnh sợ, sai con là Liễn vào làm con tin, để ngăn việc khởi binh. Liễn đến, hai vua trách là không đến chầu, rồi bắt giữ Liễn và đem quân đi đánh, hơn một tháng vẫn không thắng được bèn đem treo Liễn lên trên cây sào, cho người bảo Bộ Lĩnh rằng: "Không hàng thì giết Liễn". Bộ Lĩnh giận và nói rằng: "Bậc trượng phu quyết lập công danh, há lại bắt chước đàn bà mà thương tiếc con ư?". Bèn sai hơn 10 tay nỏ nhằm Liễn bắn. Hai vua kinh ngạc và nói: "Ta treo con hắn lên, là muốn ràng buộc tâm địa hắn, nay hắn tàn nhẫn đến như vậy giết cũng vô ích" liền rút quân và đem Liễn về.

---

[1] Thân Hậu: Sống ở thời U Vương nhà Chu. Còn ghi Thân Hậu là vợ U Vương, sinh Thái tử Tuyên Cữu, U Vương yêu Bao Tự, phế bỏ Thân Hậu và Thái tử. Thân hậu giận, bèn cùng với Tây Di, Khuyển Nhung đánh U Vương, lập Thái tử Tuyên Cữu tức Bình Vương.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Việc Đinh Tiên Hoàng nhằm vào con mà bắn cũng như việc Hán Cao Tổ xin [Hạng Vũ] chia canh (1)*. Kẻ anh hùng hào kiệt thì ý chí giống nhau. Nói chung đều là kẻ vũ phu không có học, cho nên thường lấy cha con là chỗ tình thân trời sinh, đem ra thử, coi như cuộc đánh bạc, thật là không có đạo đức. Nhưng Hán Cao Tổ biết rằng Hạng Vũ không dám giết Thái Công cho nên mới dám nói như thế. Còn Đinh Tiên Hoàng thì không cần đến sự Ngô Vương không nỡ giết Liễn, bởi vì trong lòng ông coi như không có Liễn từ lâu rồi, cho nên sau khi được nước đã bỏ Liễn mà lập con út là Hạng Lang. Tính ác như vậy thì muốn không nhanh mất nước sao được?*

Giáp Dần [954] năm thứ 4 (Chu Thế Tông, Sài Vinh, Hiển Đức năm thứ 1), lúc ấy Thiên Sách chuyên làm uy làm phúc, vua [Xương Văn] không dự chính sự nữa. Hai vua sinh ra hiềm khích với nhau. Đến lúc này Thiên Sách Vương mất. Vua [Xương Văn] lại lên ngôi, sai sứ sang xin mệnh lệnh với vua Hán là Lưu Thạnh (sử cũ chép là Xương, chưa rõ thế thứ). Thạnh sai cấp sự trung là Lý Dư đem cờ tiết trao cho vua làm Tĩnh Hải tiết độ sứ kiêm đô hộ. Dư đến Bạch Châu, vua lại sai người ngăn lại nói rằng: "Giặc bể làm loạn, đường xá không thông" thành ra Dư không sang nữa.

<12a> ***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Nam Tấn đã xin mệnhlệnh nhà Hán, lại ngăn sứ sang phong là tại làm sao? Ý là nước mới khôi phục, sợ người Hán mưu báo thù, cho nên tỏ ra khuất phục để thử xem. Đến khi thấy rằng vừa xin đã trao ngay thì biết là cũng dễ dàng thôi, rồi mới ngăn sứ giả là để phòng sự dòm ngó mà giữ uy tín đấy chăng?*

Canh Thân, năm thứ 10 [960] (Chu Cung Đế, Tông Điều(2) năm thứ 1, Tống Thái Tổ, Kiến Long năm thứ 1), năm ấy nhà Chu mất.

Ất Sửu, năm thứ 15 [965] (Tống Càn Đức năm thứ 3), Ngô Vương đem quân đi đánh 2 thôn Đường và Nguyễn ở Thái Bình, quân vào đến cõi, đỗ thuyền lại, lên bờ đánh nhau, bị nỏ của quân phục kích bắn chết.

---

(1) Hạng Vũ bắt được Thái Công là bố Lưu Bang dọa sẽ giết nấu canh, để chiêu hàng Lưu Bang. Lưu Bang đáp rằng: " Bố ta cũng như bố ngươi nếu giết thì hân hạnh được xin người bát canh" cuối cùng Thái Công không bị giết.

(2) Nguyên bản viết là "Tông Điều nguyên niên" (宗調元年) ĐVSKTT chép "Tông Huấn" (宗訓

Đinh Liễn lại trở về Hoa Lư (lúc này người quận Thao Giang là Chu Thái quật cường không khuất phục. Vua tự đi đánh bắt Chu Thái giết chết. Cậy chiến thắng sinh kiêu căng, cho nên đến trận đánh 2 thôn mới bị nạn.

Xét thập quốc thế gia Ngô Xương Văn mất ở Giao Châu, tướng tá của ông là Lã Xứ Bình và Thứ sử Phong Châu là Kiều Tri Hựu tranh nhau lên thay. Giao Chỉ đại loạn, Đinh Liễn ở Giao Châu đánh tan hai người ấy, Xưởng giao cho Liễn làm Tiết độ Giao Châu. Theo như sách chép thì, lúc đó Nam Tấn mới mất, trong nước rối ren, Đinh Liễn có công dẹp loạn, lại được phong tước, chứ chẳng như những con tin tầm thường nhân lúc loạn mà trốn về. Lại chép **<12b>** trong 12 sứ quân có Trần Minh Công là người mà Đinh Bộ Lĩnh và Đinh Liễn đến nương tựa. Liễn đã lập được công uy quyền danh vọng ngày càng lớn, chẳng lẽ đến nỗi phải dựa vào người rồi sau mới tự lập được sao? Hoặc giả nhún nhường đánh đòn tình cảm cũng là một thuật dùng binh đấy chăng? Nói là Đinh Liễn về Hoa Lư thì có thể do nhà viết sử không biết rõ đấy thôi. Lại việc Xứ Bình và Tri Hựu tranh nhau lên thay, cũng không thấy ở sử, có lẽ là chú thiếu đấy).

Sử thần Lê Văn Hưu bàn:*Ngô Tam Tấn trước bị gia thần là Tam Kha giam giữ, sau bị anh là Xương Ngập chèn ép, một khi đắc chí, không biết tự thận trọng, ngày ở ngôi ngắn ngủi, chính sự không có gì nổi tiếng, đáng tiếc thay! Cứ xem việc tha tội cho Bình Vương há chẳng phải là nhân ư? Bao dung cho Xương Ngập kiêu ngạo, há chẳng phải là kính ư? Lòng nhân và kính ấy thì tư cách làm người của Ngô Vương cũng có thể thấy được.*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Ngô Nam Tấn giữ nghĩa trừ kẻ tàn bạo khôi phục cơ nghiệp cũ, đủ yên ủi được vong linh tổ tiên, hả được lòng căm phẫn của thần dân. Đối với chính trị đương được đổi mới, **<13a>**nhưng vì nhẫn đức nhu nhơ cầu thả không trừng trị đúng đắn tội cướp ngôi của Tam Kha, gây việc binh đao, lại cất quân xằng bậy ở thôn Đường thôn Nguyễn, rốt cuộc lại tự hại mình. Đáng tiếc thay!*

NGÔ SỨ QUÂN

(Vua húy là Xương Xí, khi Thiên Sách Vương đi lánh nạn lấy con gái ở sông Nam Sách, sinh ra vua là cháu con chú của Nam Tấn Vương, ở ngôi được 2 năm).

Phụ: CÁC SỨ QUÂN

Bính Dần năm thứ 16 [967] (Tống Càn Đức, năm thứ 4), nhà Nam Tấn mất. Bọn quan tham mưu của Ngô Vương là Ngô Xứ Bình (một bản chép là Ứng Bình) Thứ sử Phong Châu là Kiều Tri Hựu, Thứ sử châu Vũ Ninh là Dương Huy, nha tướng là Đỗ Cảnh Thạc, tranh nhau lên ngôi. Trong nước khắp nơi nổi loạn, ai nấy đều chiếm cứ huyện ấp, mưu thôn tính lẫn nhau. Ngô Xương Xí chiếm cứ Bình Kiều(1), Kiều Công Hãn xưng là Kiều Tam Chế, chiếm cứ Phong Châu (nay là huyện Bạch Hạc)(2), Nguyễn Khoan xưng là Nguyễn Thái Bình, chiếm cứ Tam Đái(3) và Nguyễn Gia Loan, Ngô Nhật Khánh xưng là Ngô Lãm Công, chiếm cứ Đường Lâm(4) (có bản chép là Giao Thủy), Đỗ Cảnh Thạc xưng là Đỗ Cảnh Công chiếm cứ Đỗ Động Giang(5) (nay ở làng Bảo Trạch, huyện Thanh Oai, phủ Ứng Thiên, tỉnh Hà Tây, vẫn còn nền thành cũ), Lý Khuê xưng là Lý Lãng Công **<13b>** chiếm cứ Siêu Loại(6), Nguyễn Thủ Tiệp xưng là Nguyễn Lệnh Công chiếm cứ Tiên Du(7) (nay ở xã Xung Dung, huyện Tiên Du, có đền thờ), Lã Đường xưng là Lã Tá Công chiếm cứ Tế Giang (nay là Văn Giang)(8), Nguyễn Siêu xưng là Nguyễn Hữu Công chiếm cứ Tây Phù Liệt(9), Kiều Thuận xưng là Kiều Lệnh Công chiếm cứ Hội Hồ(10) (nay xã Trần Xá, huyện Hoa Khê còn có nền thành cũ); Phạm Bạch Hổ xưng là Phạm Phòng Át chiếm cứ Châu Đằng(11), (nay là huyện Kim Động), Trần Lãm xưng là Trần Minh Công chiếm cứ cửa biển Bố Chính(12). Tất cả là 12 sứ quân.

---

(1) Bình Kiều: Còn dấu thành xưa là ở làng Gi Linh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

(2) Nay còn dấu thành xưa ở làng Phù Lâm, huyện Bạch Hạc, tỉnh Phú Thọ.

(3) Tam Đái: Thời Trần gồm miền xung quanh ngã ba Bạch Hạc, nay còn dấu thành cũ ở xã Vĩnh Mụ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

(4) Đường Lâm: Miền Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây cũ. Xưa lại có huyện Đường Lâm thuộc châu Phúc Lộc, Hà Tĩnh. Theo chúng tôi có lẽ là miền Phúc Thọ - Hà Nội ngày nay).

(5) Sông Đỗ Động: Theo C, M, song Đỗ Động bắt nguồn từ xã Đàn Viên (Thanh Oai) chảy qua Sinh Quả, Ức Lý, rồi chảy đến xã Thượng Cung (Thường Tín) thì hợp với Sông Nhuệ. Sông ấy đã cạn. Hiện nay ở Bình Đà còn vết thành cũ của sứ quân.

(6) Siêu Loại: Nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

(7) Tiên Du: Nay là huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

(8) Nay ở Phụng Công, huyện Văn Lâm tỉnh Hưng Yên còn có đền thờ.

(9) Hiện nay ở thôn Đông Phù, xã Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội còn có miếu thờ Nguyễn Siêu.

(10) Hội Hồ: Thuộc huyện Cẩm Khê, tỉnh Sơn Tây, nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

(11) Ở xã Xích Đằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên còn miếu thờ sứ quân.

(12) Các sách ĐVSKTT,CM, VSL đều chép là Bố Hải Khẩu. Nhưng riêng sách này chép là Bố Chính Hải Khẩu. Có lẽ Bố Hải Khẩu thì đúng hơn. Theo sách CM chú thì huyện Vũ Tiên,

Đinh Mão, năm thứ 17 1967] (Tống Càn Đức, năm thứ 5), khi ấy trong nước không có chủ, 12 sứ quân tranh nhau làm quân trưởng, không ai thống lĩnh được. Đinh Bộ Lĩnh nghe nói Trần Minh Công nhân đức mà không có con, bèn cùng con là Liễn đến nương tựa. Minh Công thấy Bộ Lĩnh có tướng lạ, lại có tình cũ với cha [Bộ Lĩnh] là Công Trứ bèn nuôi làm con. Minh Công thấy Bộ Lĩnh tài khí phi thường, đãi ngộ ngày càng hậu, giao quân sai đi đánh bọn hùng trưởng đều thắng được. Phạm Phòng Át đem quân đến hàng (triều Đinh [Phòng Át] làm thân vệ tướng quân). Đến khi Minh Công mất, Bộ Lĩnh thống lĩnh số quân ấy, vừa lúc hơn 500 con em của Ngô Tiên chủ từ Đỗ Động <14a> Giang đem nhau đến đánh, mới đến Ô man đã bị người làng là Ngô phó sứ đánh bại phải trở về. Bộ lĩnh nghe tin bèn đem quân đến đánh ở Giang và Động[1]. Những bộ lạc ông đến không đâu là không hàng phục. Do đó lại, dân ở kinh ở phủ đều hướng về ông. (Xét thấy *Thập quốc chí* chép: Đinh Bộ Lĩnh và con là Liễn đánh bại bọn Xứ Bình, bọn giặc tan vỡ, trong cõi yên ổn, dân bộ yêu mến suy tôn ông làm Giao Châu suý. Ở đây chép là đánh Ngô phó sứ, ắt là Xứ Bình không còn nghi ngờ gì nữa, mà Tiên Hoàng dẹp được 12 sứ quân, trận này là trận cơ bản. Sử không chép rõ đấy thôi).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Vận hội của trời đất "bĩ" tất có lúc "thái", Bắc Nam cũng cùng một lẽ ấy. Thời Ngũ Đại ở Bắc triều rối loạn, thì Tống Thái Tổ nổi lên, 12 sứ quân ở Nam Triều giành nhau thì Đinh Tiên Hoàng trỗi dậy, chẳng phải ngẫu nhiên đâu mà do trời đấy.*

Trên đây là 3 vua họ Ngô và Dương Tam Kha cướp ngôi, bắt đầu từ năm Kỷ Hợi [939] đến năm Đinh Mão [967] cộng là 29 năm.

<14b>Thông luận của sử thần Ngô ThìSĩ: *Ngô Tiên chủ nổi lên từ bậc danh gia, làm rể nhà tướng suý, phong tư được cả nước yêu mến, uy danh khiến các tướng phục tùng, lại giết Công Tiễn trả thù cho Đình Nghệ, thỏa được sự căm phẫn của thần dân, tinh thần chiến đấu của tướng sĩ đều hăng.*

Chiến thắng Bạch Đằng đánh bại bọn cường Hán, thế nước từ đấy mạnh lên. Tuy chưa đặt quốc hiệu, nhưng đã ở ngôi vua

phủ Kiến Xương là nơi trước kia sứ quân Trần Lãm tụ tập quân đóng giữ. Bấy giờ chỗ ấy còn là cửa biển nên gọi là Bố Hải Khẩu.

[1] ĐVSKTT và CM chép là đánh Đỗ Động Giang.

tôn quý, có cả muôn dân, đặt trăm quan, định ra triều nghi, chế ra phục sắc, làm cho quy mô đổi mới, giữ yên nước Nam, hết lo quân Bắc. Công nghiệp của họ Triệu họ Lý chưa thể hơn được. Nhưng không có người giỏi phó thác, ngôi báu suýt bị đổi thay. Gây dựng thì dễ, giữ gìn thì khó, đấy là điều ân hận của xưa nay.

Tam Kha ở địa vị họ ngoại, dựa vào xã tắc làm càn, bắt chước bọn Vương Mãng, Tào Tháo, đầu têu cho Quý Ly, Đăng Dung. Tội ác của nó không ghi xuể được.

Hậu Ngô Vương vì tư chất còn non trẻ, được nuôi dưỡng trong thâm cung, sớm tối ở chung, mà bọn gian thần không nghi kỵ, đi đánh giữa đường lại quay về lấy nước mà các tướng không dám trái lời. Tên đại gian 6 năm cướp ngôi chuyên quyền, một mai bị truất bỏ mà im lặng tăm hơi, dễ như đổi quân cờ. Ông quả là thông minh và khéo che đậy. Oai vũ đủ để khuất phục được người, tính trầm lặng quả quyết sâu sắc kín đáo, tư chất cao siêu, vốn không phải là người tầm thường có thể theo kịp. Ông trở về kinh đô, không để mất cơ nghiệp cũ, phía Bắc thì khước từ sắc mệnh của triều Ngụy, phía Nam thì dẹp nạn binh đao, ở ngôi giữ nước qua 15 năm, đáng là một vị vua hiền giữ nghiệp cũ. Sinh con như thế, Ngô Quyền có thể được coi là người sống mãi không mất. Còn như Thiên Sách chuyên quyền mà không được dự chính sự, Tam Kha cướp ngôi mà không nỡ gia hình, người bình luận thường thường chỉ trích [Xương Văn] là nhu nhược cẩu thả. Tội trộm cho là Nam Tấn truất bỏ Tam Kha có lẽ vì đau đớn cho cơ nghiệp của tiên vương, không nỡ để rơi vào họ khác cho nên tức giận mà nổi lên, chí là mưu cho cơ nghiệp của tổ tông, còn lòng mình thì thờ ơ chưa từng **<15b>** *ham thích về ngôi báu. Vì thế giữ nết kính anh để trọng dòng con trưởng, để cậu sống cho mẹ được vui lòng. Nếu anh không hòa thuận, thì em cũng không dám không kính; nếu cậu có tội mà giết đi thì hại đến ân tình, trong lòng cũng không nỡ. Nếu [Xương Văn] không phải là người bình thản rộng rãi, không thiên vị ai thì dù không hại Xương Ngập như "củi đậu nấu đậu trong chõ"*[1] *há lại chịu làm việc "đưa*

(1) Tào Phi, Tào Thực đều là con Tào Tháo. Tào Phi muốn giết Tào Thực, gọi Tào Thực đến ra lệnh đi 7 bước phải làm xong bài thơ, không làm được sẽ bị giết. Tào Thực ứng khẩu đọc ngay bài thơ " Chử đậu nhiên đậu cơ, Đậu tại phẩu trung khấp. Bản thị đồng căn sinh,

dê non"(1) mà mờiTam Kha hay sao? Còn như Tấn Vương, nếu lấy đạo Trung dung mà xét thì không phải thế, mà thực là có phong thái như Hứa Do(2), Quý Trát(3), đến nay tưởng tượng tư cách làm người của ông thì từ thời Tam Đại về sau chưa dễ mấy ai được như vậy. Thế nhưng dùng nỏ nghìn cân để bắn con chuột nhắt, rồi đến nỗi mắc phải cái họa "mũi tên hòn đạn" thì phải nói là cái khí anh hùng của tuổi trẻ chưa trừ bỏ được. Đó là điều đáng tiếc đấy! Ngô sứ quân là con thứ của dòng họ lớn nối cơ nghiệp đã suy của cha chú, ngôi báu đã mất, lòng người chia lìa, hào kiệt trong nước thừa cơ mà nổi dậy, chia cắt huyện ấp, cắn xé lẫn nhau **<16a>***thế mà [Xương Xí] đã lấy chút đèn tàn ở xứ Bình Kiều mà dự vào trong hàng ngũ sứ quân.*

Sau khi quân ô hợp tan rã, phải gian nan vất vả ở chốn thôn quê để mưu đồ gìn giữ cơ nghiệp sắp mất. Chí của ông thực cũng đáng khen, nhưng không có tài trị loạn, ít người giúp đỡ chống kẻ thù chung. Buổi sớm thổi cơm, buổi chiều đắp luỹ, giữ bên Đông thì lệch bên Tây, tài đức lực lượng đã không vượt nhau, lấy ít địch nhiều thì khó nổi, sức kiệt thế cùng được một năm là mất. Thực đáng thương thay!

Xét họ Ngô nổi lên, từ bậc thế gia quý tộc, cha làm quan mục ở Đường Lâm, con thì cai quản Ái Châu, công đức thấm đến nhân dân, tích luỹ mấy đời, gốc rễ không phải là không bền vững. Dẹp thù trong đánh giặc ngoài, võ công lừng lẫy, ngoài biên thuỳ không còn tin cấp báo, uy chiến thắng thực đã có tiếng vang. Thế nước không phải là không hùng cường. Tiền Ngô Vương lấy điều trung nghĩa mà lập cơ nghiệp, Hậu Ngô Vương lấy điều hiếu hữu mà giữ nước nhà, đời cha xây móng đời con dựng nhà, bề tôi tin tưởng, nhân dân được phúc. Gặp khi biến cố mà bề tôi cũ không ở hai lòng, anh em bất hòa mà bọn ngoại xâm không dám dòm

---

Tương tiêu hà thái cấp" (Nấu đậu đốt củi đậu, Đậu khóc ở trong chõ, Vốn sinh cùng một gốc, Nấu nhau sao quá gấp).

(1) Thiên Phạt mộc trong Kinh Thi có câu: "Ký hữu phì chư dĩ tốc chư phụ" (Đã có con dê mời các cậu). Đoạn này ý nói: nếu Tấn Vương không phải là người tốt thì dù không giết Xương Ngập cũng không không nên hậu đãi Tam Kha).

(2) Hứa Do: Người giỏi ở thời cổ của Trung Quốc, ẩn dật ở Bái Trạch, vua Nghiêu nhường ngôi không nhận trốn đến cầy ruộng ở Trang Nhạc. Vua Nghiêu lại muốn gọi về làm quận trưởng Cửu Chân. Do không muốn nghe, rửa tai ở bến Đĩnh Thủy. Chết, hiệu là Cơ Sơn công thần.

(3) Quý Trát là con út Thọ Mông vua Ngô thời Xuân Thu.

ngó. Lòng người không phải là không phục tùng. Nhưng <16b>Nam Tấn vừa mất thì đất đai bị quần hùng chia cắt. Xã tắc chỉ giữ lại được một năm, như tấm vải bị xé ra không thể liền lại, như đám tro sắp lạnh không thể nhen lên, sao mà sự bại vong lại nhanh chóng thế?

Có người nói: Vận số trời đất khi chia khi hợp, khi trị khi loạn, khi lâu khi chóng, thường kế tiếp nhau, sắp có người thu thập ắt có kẻ dọn đường. Từ xưa đến nay, chiêm nghiệm không phải là một lần như thế. Nước ta trải qua mấy đời nội thuộc, rồi kế đến kẻ tranh giành, người trỗi dậy. Trời sắp thu thập về cho họ Đinh cho nên những kẻ dọn đường cho họ Đinh nhiều thì được vài mươi năm, hoặc vài bốn đời, ít thì cũng được dăm ba năm hoặc chỉ đời mình. Kẻ có cơ dẫn đến bại vong thì tối tăm trong lòng,người không có nguyên nhân sinh loạn thì trời sẽ giúp, tạo hóa có vận số nhất định mà người ta noi theo trong đó. Nào nói là cứu vãn, nào nói là xoay chuyển, nhưng xét cho đến cùng thì cũng không lọt ra ngoài sự điều khiển của trời. Đó là điều có thể biện bạch cho Nam Tấn Vương đấy. Nếu bảo rằng bỏ việc người mà bàn số trời thì không phải là lời bàn mấu chốt <17a> những việc trị đời, lý và số thường liên quan với nhau. Có cái số hoặc là như thế, cũng có cái lý tất phải như thế. Lành dữ lâu chóng vốn là do trời xui nên, nhưng không có cái gì là không phải do người làm nên. Nói do người làm là ở chỗ lúc ban đầu xây nền đắp móng, kẻ nối ngôi, hưởng phúc, đúng đắn, phép tắc rõ ràng, thì chưa từng không được cai trị nước lâu dài; kẻ làm trái thì chưa từng không chóng sinh ra loạn. Ngô Tiên chủ không lập con trưởng mà gửi con nhỏ cho Tam Kha, thế là trong lòng ông ta đã mê hoặc về sự riêng tư. Quyền bính trong triều, mệnh lệnh trong nước liền bị tên đại gian làm thương tổn. Tuy Hậu Ngô Vương có tài dẹp loạn, dựng lại ngôi vua, nhưng gốc rễ đã bị lung lay, cành lá cũng theo mà tàn tạ. Ôi! Đó cũng là cái lý tất nhiên.

Người làm vua đối với đạo chính tâm, tu thân, tề gia, không được có chút lơ là, cái gốc thịnh trị lâu dài là ở đấy.

HẾT QUYỂN VII NGOẠI KỶ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

BẢN KỶ

QUYỂN I

KỶ NHÀ ĐINH

<1a>

ĐINH TIÊN HOÀNG ĐẾ

(Vua họ Đinh, tên húy là Bộ Lĩnh, người động Hoa Lư[1] châu Đại Hoàng[2], là con Đinh Công Trứ, Thứ sử Hoan Châu. Vua dẹp loạn 12 sứ quân, tự lập làm vua, ở ngôi 12 năm, bị người trong cung là Đỗ Thích giết, thọ 56 tuổi, táng ở Sơn Lăng[3], Trường An[4]. Vua dũng lược hơn đời, quét sạch bọn hùng trưởng, mở rộng bờ cõi, nối tiếp quốc thống họ Ngô[5]. Nhưng lập con nối ngôi không rõ ràng, phòng ngừa không cẩn mật, để cung đình xảy ra biến loạn, vận mệnh của nước cũng theo đó mà mất).

Trước đây, cha vua là Đinh Công Trứ, làm nha tướng của Dương Đình Nghệ[6], được Đình Nghệ trao quyền nhiếp chức Thứ sử Hoan Châu kiêm chức ngự phiên đô đốc, sau theo về Ngô Vương, được làm chức cũ. Mẹ vua là Đàm Thị, từng chiêm bao thấy một bậc trượng phu[7] tay cầm ấn xin gửi thân làm con, tỉnh ra liền có thai, rồi sinh ra vua. Vua phong

---

(1) Động Hoa Lư: Thuộc địa phận hai xã Uy Viễn và Uy Tế, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

(2) Châu Đại Hoàng: Thuộc tỉnh Ninh Bình.

(3) Sơn Lăng: Nơi chôn cất các vua.

(4) Trường An: Thuộc châu Đại Hoàng. Xem chú thích 2.

(5) Họ Ngô: Tức Ngô Quyền.

(6) Dương Đình Nghệ: CM chép là Dương Diên Nghệ.

(7) Trượng Phu: Con trai đã đứng tuổi.

tư đẹp đẽ lạ thường. Cha vua rất mừng, nhưng thấy việc đời ngày càng sai trái bèn bỏ quan về, chẳng được bao lâu thì mất.

Vua khi ấy còn nhỏ, mẹ con dắt díu dời vào ở bên cạnh đền thờ thần núi trong động, chăn trâu với trẻ cùng thôn. Bọn <1b>trẻ đều suy tôn vua cầm đầu. Khi chơi đùa, chúng bắt chéo tay nhau công kênh vua, làm kiệu vua ngồi, lại lấy hoa lau rước dẫn hai bên làm như nghi vệ của thiên tử. Ngày rỗi sang đánh trẻ con thôn khác, đi đến đâu bọn trẻ cũng đều sợ phục, cùng nhau hằng ngày nộp củi phục dịch. Mẹ mừng rỡ, bèn mổ lợn nhà khao chúng ăn, bậc phụ lão ở các sách[1] phần nhiều đem con em đến xin đi theo. Vua cùng mọi người dời đến ở sách Đào Áo. Chú của vua giữ sách Bông chống nhau với vua. Vua nhỏ không chống cự nổi, vì thế bỏ chạy, qua vũng Đàm Gia Nương[2] cầu gãy bị rơi xuống. Người chú đuổi theo đâm, thấy hai con rồng vàng kèm che hai bên, chú sợ phải rút lui. Vua thu thập quân còn lại đánh tiếp. Người chú đầu hàng. Từ đấy mọi người sợ phục, mỗi lần đánh đều thắng, nên gọi là Vạn Thắng Vương.

Bấy giờ, 12 sứ quân tự xưng hùng xưng trưởng với nhau cắt giữ đất đai: Ngô Xương Xí chiếm giữ Bình Kiều[3], Ngô Nhật Khánh chiếm giữ Đường Lâm[4], Kiều Tam Chế chiếm giữ Châu Phong[5], <2a> Nguyễn Thái Bình chiếm giữ Nguyễn Gia Loan[6], Đỗ Cảnh Thạc chiếm giữ Đỗ Động Giang[7], Nguyễn Lệnh Công chiếm giữ Tây Phù Liệt[8], Lữ Tá Đường chiếm giữ Tế Giang[9], Nguyễn Thủ Tiệp chiếm giữ Tiên Du[10], Lý Lãng Công chiếm giữ Siêu Loại[11], Kiều Lệnh Công chiếm giữ Hồi Hồ[12], Phạm Phòng Át chiếm giữ Đằng Châu[13], Trần Minh Công chiếm giữ Bố Hải[14].

---

[1] Sách: Một đơn vị hành chính ở miền núi, tương đương với bản ngày nay.

[2] Đàm Gia Nương: Tên thôn thuộc xã Điền Xá, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

[3] Bình Kiều: Xem chú thích phần ngoại kỷ Q.VIII.

[4] Đường Lâm: Xem chú thích phần ngoại kỷ Q.7.

[5] Châu Phong: Nay là huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

[6] Nguyễn Gia Loan: Dấu thành xưa, nay vẫn còn ở xã Vĩnh Mụ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

[7] Đỗ Động Giang: Xem chú thích phần ngoại kỷ Q. VII.

[8] Tây Phù Liệt: Ở huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông nay thuộc Hà Nội.

[9] Tế Giang: Xem chú thích phần ngoại kỷ Q. VII.

[10] Tiên Du: Nay là huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Chân núi Bát Vạn Sơn thuộc vùng này có thành cũ.

[11] Siêu Loại: Xem chú thích phần Ngoại kỷ Q. VII.

[12] Hồ Hồi: Ngày nay ở xã Trần Xá, huyện Hoa Khê còn nền thành cũ.

[13] Đằng Châu: Xem chú thích phần Ngoại kỷ Q. VII.

[14] Bố Hải: Sau là xã Kỳ Bá. Huyện Vũ Tiên, tỉnh Thái Bình.

Minh Tông mất, nhân có quân sĩ đó vua bèn nổi lên dẹp được các sứ quân mạnh, tự lập làm vua.

(Xét thấy ngoại truyện chép: Đinh Tiên Hoàng lúc còn bé, chơi đùa với bọn trẻ chăn trâu, được chúng tôn làm vua. Tiên Hoàng mừng, nhầm lúc mẹ đi vắng, dẫn bọn trẻ chăn trâu bắt trộm lợn nhà làm thịt khao chúng ăn. Mẹ về, sợ tai vạ đến thân, liền đem chuyện nói với người chú là Đinh Dự, Dự nổi giận cầm dao tìm khắp cánh đồng. Tiên Hoàng đang cùng bọn trẻ bày đặt ăn uống, bọn [Đinh] Điền, [Nguyễn] Bặc ra chống cự với Dự để cho Tiên Hoàng thừa cơ chạy trốn. Dự đuổi theo đến sông, thấy rồng vàng vắt qua sông làm cầu phao cho Tiên Hoàng chạy qua. Dự sợ, vứt dao trở về. Tiên Hoàng bèn sang huyện Giao Thủy theo nhà thuyền chài đi đánh cá bắt được viên ngọc khuê. Việc khi ấy là thế. Việc sử cũ chép là mẹ vua mổ lợn cho bọn trẻ chăn trâu ăn và Tiên Hoàng cùng người chú, mỗi người chiếm cứ một sách chống nhau. Lấy lý mà suy thì theo ngoại truyện là đúng. Vậy xin chép cả vào đây).

Mậu Thìn, năm thứ 1 [968] (Tống Khai Bảo năm thứ 1) vua buổi đầu lên ngôi, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư **<2b>.** Trước kia vua muốn đóng đô ở thôn Đàm, nhưng cho là nơi ấy thế đất chật hẹp, lại không có lợi thế, nên dời sang động Hoa Lư, đặt kinh đô mới, đắp thành đào hào, dựng cung điện, đặt triều nghi, các bề tôi dâng tôn hiệu là Đại Thắng Minh Hoàng đế. Nhà vua muốn lấy uy để trị thiên hạ, bèn đặt vạc lớn giữa sân, nuôi hổ dữ trong cũi, hạ lệnh: Người nào trái phép sẽ phải chịu tội bỏ vào vạc nấu, hoặc cho hổ ăn thịt. Mọi người đều sợ phục, không ai dám can phạm.

> ***Sử thần Lê Văn Hưu bàn:** Đinh Tiên Hoàng nhờ tài năng sáng suốt hơn người, dũng lược hơn đời, đương lúc nước Việt ta không có chủ, lũ hùng trưởng cát cứ, một lần nổi lên mà 12 sứ quân phải hàng phục. Đến việc mở nước đóng đô, xưng Hoàng đế, định trăm quan, đặt 6 quân chế độ tạm đủ, có lẽ ý trời sinh ra cho nước Việt ta, bậc thánh nhân sáng suốt để nối tiếp quốc thống đấy chăng?*

<3a> Kỷ Tỵ, năm thứ 2 [969] (Tống Khai Bảo năm thứ 2), tháng 5 nhuận, phong con trưởng là Liễn làm Nam Việt Vương.

Canh Ngọ, Thái Bình năm thứ 1 [970] (Tống Khai Bảo năm thứ 3), vua sai sứ giả sang nước Tống. Bấy giờ nhà Tống sai Đại tướng là Phan Uỷ đánh dẹp Lĩnh Nam, nên mới có lệnh ấy (xét thấy niên hiệu thì đã có từ thời Vũ Đế nhà Hán. Ở nước ta vua Lý Nam Đế đã từng đặt niên hiệu

là Thiên Đức. Cho nên, việc đặt niên hiệu ở đây không phải là điều gì mới sáng tạo, mà sử cũ vào năm này chép to chữ "đặt niên hiệu" là không đúng, xin bỏ).

Lập năm Hoàng hậu là: Đan Gia, Trinh Minh, Kiều Quốc, Cồ Việt, Ca Ông.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Trời đất cùng che chở, mặt trăng mặt trời cùng soi sáng, nên mới sinh ra muôn vật, nuôi dưỡng mọi loài, cũng như Hoàng hậu sánh với nhà vua, nên mới đứng đầu làm tiêu biểu trong cung, giáo hóa cho thiên hạ. Từ xưa chỉ lập một Hoàng hậu, để làm chủ việc cai quản trong cung mà thôi, chưa hề nghe thấy có 5 Hoàng hậu. Tiên Hoàngkhông kê cứu cổ học, các bề tôi lúc bấy giờ lại không ai biết lấy nghĩa để giúp vua làm đúng, khiến vua đắm đuối trong tình ái riêng mà lập 5 Hoàng hậu. Về sau, đến <3b>hai triều Lê và Lý cũng phần nhiều bắt chước làm theo, đều bởi Tiên Hoàng khơi ra mối loạn ấy.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Một âm một dương gọi là đạo, cho nên quan hệ vợ chồng là đầu mối luân thường của con người, là nền tảng giáo hóa của nhà vua. Thời dấy lên nhà Hạ nhà Chu cũng chưa nghe có hai [Hoàng hậu]. Chỉ từ Thiên Nguyên nhà Bắc Chu*[1]*hoang dâm cường bạo, tự cho mình là trời. Cho nên, trong chốn cung đình danh hiệu Hoàng hậu không phải là một. Hoàng hậu cóbốn bà, mỗi bà cho thêm chữ "thiên" [ở đầu tên hiệu]; lại đặt một bà Thiên Trung Đại Hoàng hậu chuyên chủ việc thổi xôi thờ cúng, cộng là năm Hoàng hậu.Bài văn sách phong Hoàng hậu có câu: "Khôn nghi tỉ đức, Thổ số duy ngũ" (nghĩa là: đức sánh với khôn mà khôn thì tượng thổ, độ số của thổ là 5). Vin vào kinh nghĩa mà tô vẽ để che lấp cái lỗi của mình. Còn Tiên Hoàng thì không biết sách vở, xướng xuất càn những việc nhàm cả lễ nghĩa, loạn phép luân thường. Kẻ sinh vào đời trước, người sinh ở đời sau, kẻ ở đất Nam, người ở đất Bắc, mà cùng một duộc. Hoàng hậu nhà Chu thì đi tu, Hoàng hậu nhà Đinh đi lấy chồng khác, đều bị đời sau chê cười. Triều Lý, triều Lê đều noi theo việc trước <4a>không biết cái sai của nó. Nhà Đinh cố nhiên là đầu têu của hai đời sau rồi, nhưng gương xấu ở ngay nhà Đinh mà nhà Lê nhà Lý vẫn điềm nhiên làm theo không hề biết sợ! (huống hồ đối với Đinh Tiên Hoàng thì trách làm gì!)*

---

(1) Bắc Chu: Tên một triều đại của Trung Quốc.

Tân Mùi, năm thứ 2 [971] (Tống Khai Bảo năm thứ 4), bắt đầu định thứ bậc phẩm trật cho các quan văn võ và tăng đạo. Cho Nguyễn Bặc làm Định quốc công, Lưu Cơ làm Đô hộ phủ sĩ sư [1], Lê Hoàn làm thập đạo tướng quân[2] Tăng Thống[3] là Ngô Chân Lưu được ban hiệu là Khuông Việt đại sư, Trương Mã Ni làm tăng lục[4] đạo sĩ. Đặng Huyền Quang được trao chức sùng chân uy nghi[5].

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Đinh Tiên Hoàng dấy lên từ đất Hoa Lư. Nguyễn Bặc, Lưu Cơ, Đinh Điền, Trịnh Tú đều là cùng làng cùng lứa tuổi với vua, lúc nhỏ tôn Tiên Hoàng làm chúa, bọn Bặc thường ở bên cạnh làm như quan thị vệ tôn quý thân cận. Khi Tiên Hoàng bị chú đuổi đánh, trú ngụ không yên, thì bốn người ấy đã lần lượt ngầm đem cơm nước cho. Đến sau Tiên Hoàng lánh nạn sang Giao Thủy,* ***<4b>*** *họ không thể sang theo, khi được biết vua về cùng Trần Minh Công thì mới đưa nhau đến theo. Phàm Tiên Hoàng mưu tính đánh trận nào, tất cùng bốn người đó bàn bạc. Họ đều là những người có công đầu giúp đỡ mệnh vua, đến bấy giờ xét công ban thưởng, chẳng lẽ lại bỏ quên riêng Đinh Điền, Trịnh Tú sao? Có lẽ do sử chép sót mà thôi. Còn như cái gọi là tăng đạo là cái thứ gì? Lấy bản pháp của họ mà nói, thì họ chỉ là hạng thanh hư tịch diệt, mà cũng được tôn sùng phong cho phẩm trật, ngang hàng với quan văn quan võ! Khiến cho bọn đội mũ vàng mặc áo nâu[6] đàn đàn lũ lũ xếp hàng với các bậc ấnvàng dây tía, ấn bạc dây xanh[7], làm xấu hổ cả triều đình, mà nhục quốc thể. Chẳng thậm tệ lắm sao!*

Gả công chúa Minh Châu cho Trần Thăng, phong Thăng làm phò mã đô uý[8] (Thăng là em trai Trần Minh Công).

Nhâm Thân, năm thứ 3 [972] (Tống Khai Bảo năm thứ 5), sai Nam Việt Vương là Đinh Liễn sang thăm hỏi nhà Tống.

---

(1) Đô hộ phủ sĩ sư: Chức quan coi việc hình ấn ở đô hộ.

(2) Thập đạo tướng quân: Chức quan đứng đầu quân đội thời bấy giờ.

(3) Tăng thống: Chức quan đứng đầu các sư sãi.

(4) Tăng lục: Chức quan thứ 2 sau chức tăng thống.

(5) Sùng chân uy nghi: Chức quan coi riêng về tôn giáo.

(6) Đội mũ vàng mặc áo nâu: Chỉ các đạo sĩ, sư sãi.

(7) Ấn vàng dây tía, ấn bạc dây xanh: Thời Tần Hán, quan thừa tướng dùng ấn bằng vàng, dây đeo màu tía, quan đại phu dùng ấn bằng bạc, dây đeo màu xanh. Ở đây ý nói cho sư sãi ngang hàng với các quan chức của triều đình.

(8) Phò mã đô úy: Một tước của người được lấy công chúa.

Quý Dậu, năm thứ tư [973] (Tống Khai Bảo năm thứ 6), Nam Việt Vương Liễn từ nước Tống về. Vua Tống sai sứ sang sách phong, lại trao cho Liễn chức Kiểm hiệu Thái sư, Tĩnh Hải quân tiết độ sứ An Nam đô hộ **<5a>**. Những ai tiến cử đều được làm quan (nhà Tống phong vua làm Giao Chỉ quận vương, lời chế đại lược nói rằng: Họ Đinh đời đời là dòng họ lớn, giữ được phương xa, lòng chuộng phong hóa Trung Hoa, luôn muốn nội phụ[1]. Nay chín châu đã thống nhất ngoài Ngũ Lĩnh đã quét sạch, đã sai sứ trèo non vượt biển sang dâng đồ cống. Khen cái ý người con tốt biết giữ phận phiên thần, ban cho cha ngươi theo lối cắt đất phong tước, ban tước trật được nắm binh quyền[2], hưởng tô thuế theo chế độ tỉnh điền[3] là để khen người già có đức, chứ không hạn chế ở điển chương thường lệ).

Giáp Tuất, năm thứ 5 [974] (Tống Khai Bảo năm thứ 7), mùa xuân, tháng 2 quy định 10 đạo quân, 1 đạo có 10 quân, mỗi quân có 10 lữ, mỗi lữ có 10 tốt, mỗi tốt có 10 ngũ, mỗi ngũ có 10 người. Tất cả đều đội mũ vuông chóp bằng (mũ ấy làm bằng da, bốn bề khâu lại liền nhau, trên hẹp dưới rộng, gọi là mũ chóp bằng).

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Xét về quy chế các quân lữ này, tính từ mệnh ngũ 10 người cho đến một đạo 10 quân, thì số của mỗi quận lên đến một vạn người, hợp cả số quân 10 đạo thì lên đến trăm, vạn người. Để có đủ quần áo lương thực cung cấp cho trăm vạn người ấy, phải phiền đến sự cung đốn của vài ức vạn người. Thế thì sức dân của một nước làm sao đương nổi. Chắc là lúc bấy giờ binh và nông chưa* **<5b>** *phân biệt, còn tình trạng hễ có việc là gọi ra, xong việc thì giải tán về đồng ruộng. Hoặc giả cũng như cách kén lính ở bốn trấn ngày nay; chỉ cần ghi tên theo ngạch ở sổ lính mà thôi. Sách vở vốn đã ít, thời đại lại cách xa, khiến người đọc sử không hiểu được đầu đuôi cách đặt phép tắc của các đời như trường hợp trên đây là rất nhiều.*

Sinh Hoàng thứ tử Toàn.

Ất Hợi, năm thứ 6 [975] (Tống Khai Bảo năm thứ 8), mùa xuân, quy định áo mũ cho các quan văn võ.

---

[1] Nội phụ: Theo về Trung Quốc.

[2] Ban tước trật, được nắm binh quyền: Dịch theo nghĩa là từ hào "cửu thị" quẻ "sư" Kích Dịch.

[3] Chế độ tỉnh điền: Phép chia ruộng theo hình chữ "tỉnh" (井), nghĩa là 1 khoảnh ruộng hình vuông chia làm 9 ô; 8 ô xung quanh chia làm 8 hộ. Còn 1 ô ở giữa do 8 hộ cùng làm để thu hoạch cho vua.

Vua sai sứ sang nước Tống, vua Tống phong Liễn làm Giao Chỉ quận vương. Lúc đó vua sai Trịnh Tú đem voi đã thuần dưỡng và vàng lụa sang biếu nhà Tống. Nhà Tống sai Hồng lô tự khanh là Cao Bảo dẫn Lương Ngạn Phù mang chế sách sang gia phong cho Nam Việt Vương Liễn làm khai phủ nghi đồng tam ti, kiểm hiệu Thái sư, Giao Chỉ quận vương. Từ đó về sau sai sứ sang Tống, đều do Liễn làm chủ.

> ***<6a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Tiên Hoàng dấy lên từ một người áo vải, một lần nổi lên dẹp được 12 sứ quân. Rồi dựng nước, dựng kinh đô, đổi niên hiệu, chính ngôi vua. Võ công vang khắp, văn hóa đều đổi mới. Trị vì ba năm, mới bắt đầu thông hiếu với nhà Tống, điển chương nhà vua, tước trật của quân đội, rất mực đáng khen. Con là Liễn lại được trao tước quận vương: Sự nghiệp mở mang, có thể nói là rất lớn! Tiên Hoàng lúc đó tuổi quá năm mươi, nắm giữ vận nước khi thái bình, được khen là có đức lớn, tự nhìn thấy con mình được nhận mệnh của vua thiên tử, đứng chủ tên trong biểu chương của nước, cha con như thế, còn có gì đáng buồn! Nếu vua biết nhường ngôi cho con rồi lên làm thượng hoàng, dự vào chính sự lớn của nước, giữ gìn bờ cõi, ngăn sự nhòm ngó của người khác, là kế ngàn vạn năm vững bền, thì loạn từ đâu mà sinh ra được? Vua không nghĩ rađiều đó, mà tham giữ ngôi báu, chìm đắm trong cảnh yên vui, bỏ con trưởng, lập con thứ, mầm tai ác làm ngần trở đã giết Hạng Lang mà không lập Đinh Liễn, danh phận không ổn định* ***<6b>*** *gốc rễ trước đã lung lay, khiến cho tai biến xảy ra ngay trong nhà mình, tàn khốc như con bệnh thú cắn con ngựa tham[1] gian nan như người phải nuốt đất khiến cho khí thế bậc anh hùng bỗng chốc phải tiêu vong: Đến khi vua vương cầu phong, người Tống kiên quyết từ chối, đến nỗi ban dụ đòi mẹ con vua phải sang chầu, yếu đến thế! Dầu bảo do số trời, nhưng há chẳng phải là do Tiên Hoàng tự cắt gốc rễ của mình nên chóng đến chỗ diệt vong đấy sao.*

Bính Tý, năm thứ 7 [976] ((Tống Khai Bảo năm thứ 9), từ tháng 10 về sau thuộc Tống Thái Tông, Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 1).

Vua sai Trần Nguyên Thái sang đáp lễ nước Tống, (xét sử cũ

---

[1] Con bệnh thú cắn con ngựa tham: Vua Văn Hộ nhà Chu giết Hiến Mẫn Đế; sau Vũ Đế giết hộ rồi ban chiếu rằng: “con ngựa thú cắn con ngựa thanh, lũ cú diều xúm xít trên điện”. Đó là lời tố cáo bọn giết vua.

chép): "Năm ấy có thuyền buôn các nước ngoài đến dâng các sản vật địa phương. Việc khách đường biển đến dâng các sản vật, cũng như việc hỏi xét ở cửa quan bến cảng, không liên quan gì đến thế nước, nên bỏ không chép, thời Lý, thời Trần về sau cũng chép phỏng theo như thế).

Mùa đông, tháng 10, Vua Tống mất, miếu hiệu là Thái Tổ. Em là Quang Nghĩa lên ngôi, tức là Thái Tông.

Đinh Sửu, năm thứ 8 [977] (Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 2), vua sai sứ sang nước Tống, mừng vua Tống lên ngôi. <7a>Mậu Dần, năm thứ 9 [978] ((Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, động đất.

Vua lập con là Hạng Lang làm Hoàng Thái tử, phong con thứ là Toàn làm Vệ Vương.

Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Đinh Tiên Hoàng như thếlà không có phép nhà đúng đắn đấy. Điều lệnh cấm của nhà vua họp ở Quỳ Khâu*[1] *thì điều đầu tiên nói rằng: "Không được thay đổi con trưởng, không được đưa vợ lẽ làm vợ cả". Thánh nhân sở dĩ dùng hai điều ấy là vì con thứ không thể lấn hàng con trưởng, vợ lẽ không thể lấn át vợ cả. Trong cương thường của nước, hai điều đó thật là hệ trọng. Vợ lẽ ngang với vợ cả, đều làm Hoàng hậu, là nguyên do gây lên mối loạn đấy Tiên Hoàngyêu con nhỏ nên lập Hạng Lang làm Thái tử, nhiều vợ yêu mà lập năm Hoàng hậu, đắm đuối theo tình riêng mà gây nên mầm hại hoạ. Phép nhà không đúng đắn, thì làm sao mà trị nước được? Rốt cuộc đã gây nên sự chia rẽ trong gia đình, tai biến này ra trong kẽ nách, họa đến thân, mà hại lây cả con cháu đời sau, cũng do phép nhà không đúng đắn mà gây nên đấy.*

<7b> *Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:* *Từ xưa những ông vua mê muội, bỏ con trưởng, lập con thứ cũng đã có đấy. Nhưng chưa ai ngu muội vô đạo như việc làm của nhà Đinh trước, nên hậu quả đến thế là đáng lắm!*

Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Xét việc Tiên Hoàng lập Hạng Lang, thì trước đó xảy ra động đất; sau đó xảy ra mưa đá và hạn, trời răn bảo cho người đã rõ ràng đấy, thế mà bỏ qua*

(1) Điều lệnh của vua họp ở Quỳ Khâu: "Có lệnh cấm không được thay đổi con trưởng, không được đưa vợ lẽ làm vợ cả.

không mưu tính đến, lúc tỉnh ra thì đã muộn rồi, để tai vạ cho con cháu đời sau đáng nói là thảm hại đấy.

Tháng 2, mưa đá.

Mùa hạ, tháng 6, trời hạn.

Kỷ Mão, năm thứ 10 [979] (Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 4), mùa xuân, Nam Việt Vương là Liễn giết Thái tử Hạng lang, Liễn là con trưởng của vua, từng trải gian khổ, khi vua lấy được nước, phong làm Nam Việt Vương, lại từng xin mệnh nhận sắc phong của nhà Tống, về sau sinh Hạng Lang, vua yêu quý lắm, bèn lập làm Thái tử **<8a>**. Liễn thấy thế không bằng lòng, sai người ngầm giết Hạng Lang.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Dùng con đích nối ngôi là đạo thông thường của muôn đời. Nam Việt Vương Liễn là con trưởng, lại có công, chưa có lỗi gì, thế mà Tiên Hoàng lại yêu con nhỏ mà quên con đích, vua cho là sẽ thỏa được mối tình yêu quý, mà không biết là làm hại con đấy, Liễn thì nhẫn tâm đến nỗi giết em, mất cả đạo trời, tai họa đến phải bỏ mình dây đến cả cha, há chẳng phải là khốc liệt lắm sao ?*

Mùa đông, tháng 10, Chi hậu nội nhân là Đỗ Thích giết vua và Nam Việt Vương Liễn. Bọn Định quốc công là Nguyễn Bặc giết Đỗ Thích; trước kia Thích làm quan ở Đồng Quan, đêm nằm trên cầu, bỗng thấy sao rơi vào mồm, cho là điềm tốt, bèn ngấm ngầm ôm ấp mưu đồ khác. Đến bấy giờ, nhân nhà vua ăn yến ban đêm nằm trong sân cung, Thích bèn giết vua và Nam Việt Vương Liễn. Lúc ấy, việc lùng bắt hung thủ rất ngặt. Thích nấp trên máng nước trong cung **<8b>** hơn 3 ngày, khát quá gặp trời mưa, thò tay ra hứng nước uống, cung nữ nhìn thấy, liền báo với Bặc, Bặc sai người bắt Thích đem về xử chém, rồi đập vụn xương vằm nát thịt, người trong nước ai cũng giành nhai thịt nó (trước kia, lúc vua còn hàn vi, thường đánh cá ở sông Giao Thủy, kéo lưới và bắt được viên ngọc khuê to, va vào mũi thuyền, sứt mất một góc. Đêm ấy vào ngủ nhờ ở chùa Giao Thủy, giấu ngọc khuê ở đáy giỏ cá. Đến đêm khuya ngủ say, trong giỏ bỗng phát ra ánh sáng khác thường, nhà sư dậy hỏi nguyên cớ, vua lấy ngọc khuê đưa cho sư xem, nhà sư thở dài nói: "Anh sau này quý hiển không thể nói hết, chỉ tiếc cho phúc chẳng được bền". Lại vào năm Thái Bình thứ 5 [974], vua nghe được lời sấm rằng:

Đỗ Thích thí Đinh Đinh,
Lê gia xuất thánh minh.

Cạnh đầu da hoành nhi,
Đạo lộ tuyệt nhân hành.
Thập nhị xưng đại vương,
Thập ác vô nhất thiện.
Thập bát tử đăng tiên,
Kế đô thập nhị thiên.

(Đỗ Thích giết hai Đinh
Nhà Lê sinh thánh minh
Tranh nhau nhiều kẻ ngược,
Đường xá người vắng tanh.
Mười hai tên xưng vương,
Toàn ác không một thiện.
Thập bát tử lên tiên,
Kể hai chục ngày liền)

Ai cũng cho là số trời đã định rồi.

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn**: Loạn thần tặc tử*[1] *không đời nào không có. Nhưng mưu đồ trái với danh phận của họ thì bao giờ cũng bắt đầu từ sự tự lừa dối ở điềm quái gở hoặc tốt lành. Xưa Linh Bảo*[2] *cướp ngôi nhà Tấn, Lộc Sơn phản bội vua Đường*[3] *cũng đều thế cả (mẹ của Huyền là người họ Mã, thấy nuốt sao sa vào mồm, bèn có thai Huyền; Khi sinh An Lộc Sơn có ánh sáng tỏa ra khắp nhà, chim muông đều khiếp sợ) song bọn ấy còn trong tay nắm quân mạnh, ở địa vị trọng yếu, mà không biết tự liệu sức, và cuối cùng phải chuốc lấy sự diệt vong* **<9a>**. *Còn như Đỗ Thích chỉ là một viên lại ở Đại Đễ Thiên Bản*[4] *chỉ vì một cái điềm sao sa quái gở, mà mưu đồ cướp ngôi một cách cuồng loạn, làm hư hỏng việc nước, chuốc tai vạ vào thân. Xưa kia thời các bậc tiên vương, những người hầu hạ không ai không ngay thẳng. Chu Công lập ra chính sự thì chăm chút đe răn về việc ít quan*

---

[1] Loạn thần tặc tử: Kẻ bề tôi làm loạn nước, đứa con hư làm hại nhà.

[2] Linh Bảo: Tên tự của Hoàn Huyên thời Tấn. Vì cướp ngôi vua của Tấn An Đế bị bọn Lưu Nghị, Lưu Dụ giết chết.

[3] Lộc Sơn phản bội vua Đường: An Lộc Sơn là người rợ Hồ ở Liễu Thành, làm quan với Đường Huyền Tông; sau cướp ngôi vua Đường và bị Khánh Tự và Lý Chư Nhi giết chết.

[4] Thiên Bản: Thuộc tỉnh Nam Định ngày nay.

tâm chăm sóc đến người hầu hạ bên màn trướng của vua. Cho nên chọn quân túc vệ ở bên cạnh vua không thể không thận trọng được. Vua Vũ Đế nhà Hán dùng Hàn An Quốc để giữ ống nhổ; vua Tuyên Đế dùng Ngụy Tướng làm cấp sự trung, lúc bình thường trong cung cấm, vua vẫn cùng các quan sĩ đại phu quanh quẩn bên nhau là nắm được ý của người xưa. Đời sau, vua tôi ngày càng xa cách, thời gian vua ở cung cấm nhiều hơn, nên mới đến nỗi xảy ra chuyện trao ngược lưỡi kiếm Thái A[1]*, ngôi vua ngầm bị xâm phạm, liên tiếp theo vết xe đổ, mà không biết tỉnh ngộ. Đọc đến đoạn này thật đáng ngậm ngùi!*

PHẾ ĐẾ

(Vua tên húy là Toàn, con thứ của Đinh Tiên Hoàng, ở ngôi 8 tháng, Lê Hoàn cướp ngôi, giáng làm Vệ Vương, thọ 18 tuổi. Vua còn thơ ấu, nối nghiệp lớn lúc gian nan, cường thần nhiếp chính, không được tự chủ, bèn để mất ngôi báu, thật đáng buồn thay) **<9b>**.

Các ông Định quốc công Nguyễn Bặc, ngoại giáp là Đinh Điền, cùng với Thập đạo tướng quân là Lê Hoàn, rước Vệ vương lên ngôi hoàng đế; truy tôn huy hiệu Tiên hoàng đế, đưa về táng ở Sơn Lăng, Trường An, tôn mẹ đích Dương thị làm hoàng Thái hậu.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Việc các bậc đế vương nổi dậy không bao giờ là không do ở trời. Song bậc thánh nhân không ỷ vào mệnh trời, mà càng đòi hỏi ở mình làm hết phận sự, khi sự việc đã thành rồi càng phải lo hoạn nạn mà dự phòng; tu sửa lễ nhạc hành chính để ngăn ngừa lòng người, đặt nhiều lần cửa canh gác để giữ trộm cướp. Vì lòng ham muốn của con người là vô cùng, việc biến cố trong đời là không bờ bến, nên không thể không phòng trước được, sự lo lắng thật là xa xôi. Tiên Hoàng không được chết yên lành là do việc người làm không chu đáo, chứ không phải mệnh trời không giúp, vì không dự phòng tốt, để cho thuyết đồ sấm trở nên thắng thế* ***<10a>*** *người đời sau không thể không ngờ vực.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Đinh Tiên Hoàng dấy lên từ nơi hang động, những người giúp vua lúc ấy như Đinh Điền, Nguyễn*

[1] Trao ngược lưỡi kiếm Thái A: Ý nói trao quyền cho người khác.

Bặc đều là hàng vũ phu cứng nhắc không biết phương pháp trị dân giữ nước, không biết nghiên cứu văn chương nghi lễ đời xưa, khiến cho vua của họ chết không chính đáng, không có miếu hiệu đẹp. Tiên Hoàng nhà Đinh, Thủy Hoàng nhà Tần đều là xằng bậy. Có lẽ là cái tệ vô học đấy. Người không được thấm nhuần bởi những [kinh nghiệm] xưa nay, thì ít có kẻ làm việc đời mà không lầm lỡ. Không can ngăn việc bỏ con trưởng, lập con thứ, không biết mưu tính lo trước phòng xa. Khi cái loạn đã thành thì bề tôi cường quyền cướp ngôi, là có nguyên nhân sâu xa từ trước đấy. Lúc mới nảy mầm thì không nhổ [sau lớn rồi] thì rìu búa cũng chẳng làm gì được! Cho nên sức làm thì rất chăm, mà công hiệu thì mờ mịt. Song biết giữ nghĩa dẹp giặc cho đến khi chết có thể nói là biết giữ tiết lớn mà không đoạt được chí. Vậy hai người này há có thể coi thường như bọn Phàn Khoái được sao?

<10b> Lê Hoàn nhiếp chính xưng là phó vương. Định quốc công là Nguyễn Bặc, Ngoại giáp là Đinh Điền, Phạm Hạp, dấy binh đánh Hoàn, không được, đều bị chết.

Bấy giờ vua lên nối ngôi mới 6 tuổi, bọn Đinh Điền đều làm đại thần giúp việc chính sự. Riêng Hoàn một mình nắm giữ quân đội được ra vào nơi cung cấm. Thái hậu thấy liền yêu mến rồi tư tình với Lê Hoàn, cho ở ngôi nhiếp chính làm công việc như Chụ Công[1]. Hoàn nắm việc quân việc nước, lại cậy có Thái hậu yêu, lăng nhục người cùng hàng với mình, không kiêng sợ ai. Đinh Điền, Phạm Hạp vốn không bằng lòng bàn với nhau rằng: Thái hậu làm loạn bên trong, Hoàn sẽ bất lợi cho vua nhỏ, chúng ta chịu ơn dầy của nước, nếu không sớm quét sạch giặc bên vua, để chặt đứt nguồn gốc gây loạn, thì mặt mũi nào trông thấy tiên đế dưới suối vàng? Liền cùng nhau dấy quân, chia ra hai đạo thủy bộ, hướng về kinh đô định giết Hoàn. Thái hậu nghe tin sợ hãi, bảo với Hoàn rằng: "Bọn Bặc nổi loạn làm chấn động nước nhà, vua còn thơ ấu, chưa cáng đáng nổi nhiều hoạn nạn, ông hãy mưu toan đi thôi!" Hoàn thưa: "Tôi làm phó vương nhiếp chính, dù sống chết họa hoạn cũng xin gánh lấy trách nhiệm **<11a>**. Hoàn bèn chấn chỉnh quân ngũ, đánh nhau với Nguyễn Bặc, Đinh Điền ở Tây Đô[2]. Bọn Bặc thua chạy, sau lại đưa

(1) Ở ngôi nhiếp chính làm việc như Chu Công: Chu Công người thời Chu ở Trung Quốc, là em Chu Vũ Nương, Chu Vũ Nương mất, con Vũ Nương là :Thành Vương lên ngôi còn nhỏ, được Chu Công nhiếp chính, thiên hạ thái bình thịnh trị.

(2) Tây Đô: Lê Hoàn là người Ái Châu (tức Thanh Hóa ngày nay), Kinh đô lại ở Hoa Lư cho nên sử gọi Ái Châu là Tây Đô.

quân thủy tiến đánh. Hoàn nhân chiều gió to châm lửa đốt thuyền chiến. Đinh Điền chết tại trận, Nguyễn Bặc bị bắt đóng cũi đưa về Kinh đô. Hoàn kể tội rằng: "Tiên đế mắc nạn, thần và người còn đang căm giận, ngươi là bề tôi nhân lúc tang tóc rối ren tự mình cầm đầu bọn giặc, nghĩa tôi con mà như thế sao? Rồi chém Nguyễn Bặc. Nguyễn Bặc, Đinh Điền đã chết, quân của Phạm Hạp nhụt hết chí khí, tan vỡ chạy đến làng Cát Lợi ở Bắc Giang. Hoàn đưa quân đuổi bắt được đem về Kinh đô. (Theo *Dật sử:* Hoàn lúc mới nhiếp chính, bọn Nguyễn Bặc biết Hoàn tất sẽ cướp ngôi, bèn đưa con em đón Hoàn ở ngang đường, lấy đại nghĩa mà trách Hoàn, rồi định đưa thân liều chết, Hoàn nói rằng: "Các ông lầm rồi, ta há phải là kẻ làm phản?" Thế rồi an ủi nhau giải tán ra về, nhưng mỗi người đều có chí nhằm sơ hở để loại trừ nhau. Đến khi Hoàn đưa quân vào trong cung nhận nhường ngôi. Bọn Bặc không chịu khuất phục đều bỏ trốn. Hoàn cũng không hỏi đến.

Đoạn này khác xa với chính sử, hãy chép để tồn nghi).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Chu Công là người tôn thất rất thân, giúp vua nhỏ tuổi còn không khỏi có lời gièm pha phao lên. Lê Hoàn là đại thần khác họ, tay nắm binh quyền, lại làm việc như việc của Chu Công* **<11b>** *kẻ thường tình còn ngờ, huống chi là Nguyễn Bặc ở chức chủ tướng. Vũ Đinh Hiền là đại thần cùng họ. Cuộc khởi binh ấy không phải là làm loạn. Một lòng với nhau là vì Đinh dấy binh đánh Hoàn không được rồi chết, cái chết ấy là đúng chỗ đấy, nay xem lời Đại Hành kể tội của Bặc như là tự kể tội mình. Khi Bặc chết, hắn có nói một lời để tỏ lòng nghĩa khí của mình mà sử không thấy chép là sai lầm đấy.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Thời xưa binh quyền không để riêng một người nắm. Phủ binh của thời Đường có lẽ còn giữ được ý xưa*[(1)]*. Việc nước, việc cung cấm nơi khinh nơi trọng chế ngự lẫn nhau. Họ Đinh đặt binh chế chỉ có 10 đạo, trao cả cho Đại Hành. Ngoài 10 đạo ấy ra, hình như không còn toán quân nào nữa. Các người như Điền, Bặc làm đại thần, mà không dự binh quyền, dẫu ôm ấp chí trung thành cũng không sao ngăn được xu hướng của thế lần ấy. Nhưng vẫn còn tập hợp những người cùng chí hướng, định đưa quân ô hợp* **<12a>** *chống với quân của thân đạo, có lẽ*

(1) Phủ binh: là chế độ chia dân làm 6 hạng: Khi việc nông nhàn rỗi thì dạy cho tập quân sự, hợp tất cả làm 100 phủ, chia thuộc 24 quân, mỗi khai phủ đều lĩnh 1 quân; mỗi tướng quân thống lĩnh 2 khai phủ.

cũng là để tỏ cái nghĩa khí của mình mà thôi. Lẽ nào không biết việc ấy khó thành mà chỉ thử một lần để cầu may sao? Hơn nữa tôi nghe rằng: danh nghĩa không đúng đắn, thì lời nói không xuôi, lời nói không xuôi thì việc không thành. Bấy giờ Hoàn có ý cướp ngôi vua nhưng hình tích thì chưa lộ, Dương Hậu tuy ngầm cấu kết với Hoàn nhưng tội chưa rõ ràng.Vua nhỏ còn ở ngôi trên, Hoàn đương làm nhiếp chính, bọn Điền, Bặc, Hạp thế lực không địch nổi Hoàn. Tuy lấy tiếng là giết giặc bên cạnh vua, nhưng chưa nêu rõ được tội cướp ngôi vua, tư thông với Thái hậu, cho nên Hoàn được nhờ vào mệnh lệnh của mẫu hậu và vua nhỏ để gán cho các người đối lập cái tội phản nghịch. Lòng người không cùng với họ thù oán Hoàn, rốt cuộc vì vội vàng dấy quân, bị cô lập mà chuốc lấy thất bại. Nếu không có sử cũ nêu ra, thì cũng chẳng khác gì bọn Viên Thiệu, Hoàn Huyền (1) *thật đáng buồn thay!*

Ngô Nhật Khánh đưa quân Chiêm Thành vào cướp phá. Nhật Khánh là dòng dõi của Tiên chúa Ngô Quyền. Trước kia xưng là **<12b>**An Vương, cùng với 12 sứ quân chiếm giữ đất ấy. Tiên Hoàng đánh dẹp được, lấy mẹ Nhật Khánh làm Hoàng hậu, cưới em gái Nhật Khánh làm vợ cho Nam Việt Vương Liễn; vẫn sợ Nhật Khánh thù oán sinh biến, nên lại gả công chúa cho Nhật Khánh, Nhật Khánh trong lòng bất bình, bèn đem vợ chạy sang Chiêm Thành, đến cửa biển phía Nam bờ cõi, lấy con dao đeo bên mình rạch vào má công chúa mà kể tội rằng: "Cha mày lừa gạt ức hiếp mẹ con ta. Ta đây đâu phải vì mày mà quên mất mối thù? Cho mày về, ta đi đằng khác để tìm người có thể giúp ta". Nói xong liền bỏ đi. Đến bấy giờ nghe tin Tiên Hoàng mất, dẫn quân Chiêm Thành vào cướp phá. Chúa của Chiêm Thành là Ba Mỹ Thuế Dương Bố Ấn Trà, lợi dụng khi nước ta có sơ hở, bèn dẫn thuyền quân hơn nghìn chiếc theo đường biển mà tiến, định đánh thành Hoa Lư, qua cửa bể Đại Nha và cửa bể Tiểu Khang hơn một đêm, gặp cơn gió bão nổi lên, thuyền bị lật đắm, Nhật Khánh và quân Chiêm Thành đều chết đuối. Riêng thuyền của vua Chiêm Thành thoát được, bèn thu nhặt quân còn lại rút về.

<13a> Canh Thìn năm thứ 11 [980] (Phế Đế vẫn dùng niên hiệu

(1) Viên Thiệu, Hoàn Huyền:
- Viên Thiệu, người cuối thời Hán, đánh Tào Tháo bị Tào Tháo đánh bại.
- Hoàn Huyền, người thời Tấn, cướp ngôi vua của Tấn An Đế bị Lưu Nghị, Lưu Dụ giết chết.

Thái Bình, từ tháng 7 về sau là Lê Đại Hành năm Thiên Phúc thứ 1, Tống Thái Bình năm Hưng Quốc thứ 5), mùa thu, tháng 7, nhà Tống sai bọn Hầu Nhân Bảo tập hợp quân sang xâm lược. Trước đấy, mùa hạ, tháng 6, viên quan trông coi Ung Châu của nhà Tống là Hầu Nhân Bảo dâng thư nói với vua Tống rằng: "Cha con Giao Chỉ quận vương đều bị giết, nước ấy đã gần mất, có thể nhân lúc này đem một toán quân đánh lấy, nếu bỏ qua, không mưu tính thì sợ bị lỡ mất cơ hội, xin đến cửa khuyết để trình bày tình hình có thể đánh lấy được. Vua Tống vui mừng sai người chạy trạm triệu Nhân Bảo đến, Lư Đa Tốn cho là Giao Châu nổi loạn, đấy là lúc trời làm mất, triều đình bất thình lình đem quân đến đánh úp, thì quả như lời "sét đánh không kịp bịt tai". Nếu gọi Nhân Bảo về trước, thì mưu tất sẽ lộ. Kẻ kia nhân đấy phòng bị trước, thì thế được thua chưa thể biết được, chi bằng trao cho Nhân Bảo trách nhiệm vận chuyển lương thực, sai lo liệu việc ấy, rồi chọn tướng đưa 3 vạn quân ở Kinh Hồ một mạch tiến sang, thế tất vẹn toàn, không phí mất một mũi tên **<13b>**. Vua Tống cho là phải. Đến bấy giờ, cho Nhân Bảo làm chức Giao Châu thủy lục chuyển vậnsứ; Lan Lăng đoàn luyện sứ là Tôn Toàn Hưng. Tất tác sứ là Hách Thủ Tuấn, Yên bí khố sứ là Trần Khâm Tộ, Tả giám môn tướng quân là Thôi Lượng làm cung châu lộ binh mã đô bộ thự; Ninh Châu Thứ sử là Lưu Trừng; Phó sứ kho quân khí là Giả Thực, Cung phụng quan các môn chỉ hầu là Vương Soạn làm Quảng Châu lộ binh mã đô bộ thự (Quảng Châu có sách chép là Liêm Châu). Vua Tống lại ban chiếu cho Toàn Hưng, Trương Tuấn, Thôi Lượng đưa bộ binh theo đường Ung Châu tiến vào; bọn Lưu Trừng, Giả Thực, Vương Soạn đem thủy quân theo đường Quảng Châu tiến vào, hẹn ngày cùng sang xâm lược. Thái hậu sai Lê Hoàn đánh quân Tống. Hoàn tự lên ngôi hoàng đế, phế vua làm Vệ Vương. Bấy giờ ở Lạng Châu nghe tin quân Tống sắp đến, lo sợ, tâu lên. Thái hậu sai Lê Hoàn tuyển lựa người có dũng khí ra chống cự; cho Phạm Cự Lạng người sách Nam Giang làm đại tướng quân. Khi đương bàn kế hoạch xuất quân thì Cự Lạng cùng với **<14a>** các tướng đều mặc quân phục đi thẳng vào trong phủ bảo mọi người rằng: "Thưởng kẻ có công, giết kẻ không theo mệnh lệnh là phép hành binh. Nay chúa thượng còn thơ ấu, chúng ta dốc sức liều chết chống kẻ địch bên ngoài, dù có lập được chút công thì ai biết cho? Chi bằng trước hãy tôn Thập đạo tướng quân làm thiên tử, rồi sau sẽ ra quân. Quân sĩ đều hô "Vạn tuế", Thái hậu nghe nói vậy, sai hữu ty đem đủ nghi trượng rước Hoàn vào cung, lấy áo rồng khoác lên mình

Hoàn, khuyên Hoàn lên ngôi, Hoàn bèn lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Thiên Phúc, giáng vua làm Vệ Vương.

Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Xét sự thế lúc bấy giờ thì Thập đạo tướng quân lại là một quan Điểm kiểm*[1] *mà trong phủ lại là một thế trận Trần Kiều*[2]*; Phạm Cự Lạng lại là một Thạch Thủ Tín*[3]*. Tội cướp ngôi đã rõ, chẳng phải đợi người bàn tán rườm rà. Lại xét Cự Lạng là người Chí Linh, ông là người Chiêm theo Ngô Vương làm Đồng giáp tướng quân, cha là Man, làm quan với Nam Tấn, giữ chức Tham chính đô đốc, anh em là Hạp thời Đinh Tiên* ***<14b>*** *Hoàng làm Vệ uý, cùng với Nguyễn Bặc, Đinh Điền bàn mưu khởi nghĩa hoặc là người ấy đấy chăng? Nay lại bội nghĩa hám lợi, mờ mịt tối tăm, so với anh thì ra thế nào? Tạp truyện chép: Cự Lạng sau khi mất, thượng đế bổ làm chủ xét lại vụ án ngờ ở Nam đài*[4]*. Đến nay trăm quan các sảnh đều thờ làm ngục chủ, gọi là Hồng Thánh đại vương vì sao lại được hưởng báo như vậy ?*

Truy phong cha làm Trương Hưng Vương, mẹ là Đặng thị làm Hoàng Thái hậu.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xưa Hoàn Huyền thay nhà Tấn, chỉ truy phong cha là Ôn mà không đề cập đến ông. Người quân tử qua đấy biết được phúc đức của sở Vương* [5] *không được dài. Nay Đại Hành xưng đế mà phong cho cha là vương, còn từ ông trở lên không phong, chẳng khác gì Hoàn Huyền, sao có thể mong cho tông miếu được hưởng phúc đời đời? Hơn nữa, phong cha làm vương mà lại phong mẹ làm hoàng Thái hậu thì thật là điên đảo* ***<15a>*** *sai lầm quá lắm. Vua tôi vô học, hành động đều không thể coi được.*

Tháng 8, vua Tống ban chiếu đem quân sang xâm lược, sai Lư Đa Tốn mang thư sang cáo dụ, (Lời thư rằng: "Kể ra Trung Hạ[6] đối với Man mạch, cũng như thân người có chân tay, việc cử động co duỗi tùy

---

[1] Điểm kiểm: Chức quan thời Hậu Chu.

[2] Trần Kiều: Nơi các tướng sĩ suy tôn Triệu Khuông Dẫn lên ngôi hoàng đế.

[3] Thạch Thủ Tín: Công thần của nhà Tống, có công phò lập Tống Thái Tổ.

[4] Nam Đài: Nơi các quan Ngự sử ở.

[5] Sở Vương: trước khi Hoàn Huyền cướp ngôi nhà Tấn tự phong là Sở Vương.

[6] Trung Hạ: tức Trung Hoa.

theo lòng người. Cho nên nói lòng người là chủ. Nếu có một chân một tay, huyết mạch bị ngưng trệ, gân cốt không yên, thì dùng thuốc men để điều trị, nếu chưa thấy công hiệu, thì lại châm chích cho thấu đến chỗ đau, không phải không biết. Thuốc men thì cay đắng, mà châm chích thì chọc nát thịt da, nhưng vì tốn ít mà ích nhiều, người làm vua thiên hạ cũng như thế chăng? Cho nên Thái Tổ hoàng đế ta nhận ngôi của nhà Chu nhường, đổi quốc hiệu là Tống, văn minh trong sáng, một lần thay đổi mà sánh kịp thời xưa, ở ngôi đế vương mà nhìn thấy Man Mạch có bệnh, cho nên năm thứ nhất, thứ hai thì thuốc thang cho Kinh, Thục, Tương, Đàm; năm thứ ba thứ tư thì châm chích cho Quảng, Việt, Ngô, Sở, gân cốt và mạch máu khoan khoái khoẻ lên, nếu không phải là thần cơ trí tuệ của bậc vương giả thì ai có thể làm đượcnhư thế? Đến khi ta nối giữ cơ nghiệp lớn, tự mình trông nom chính sự, cho rằng: đất Phần, đất Tịnh là bệnh ở trong lòng trong dạ. Nếu chưa chữa khỏi bệnh ở trong lòng trong dạ thì sao chữa khỏi bệnh ở tứ chi? Do đấy mới luyện thuốc thang bằng nhân nghĩa, sắm châm chích bằng đạo đức, đem chữa cho đất Phần, đất Tịnh một lần là khỏi. Nay chín châu bốn biển đã khoẻ mạnh và yên ổn, duy còn Giao Châu của người ở xa nơi cuối trời, thực ra là ở ngoài năm cõi, mà là đầu cuối của tứ chi, ví như một ngón tay trên thân thể mà thôi. Một ngón tay bị đau, lẽ nào thánh nhân lại không nghĩ đến sao? Vì thế cần mở mang sự ngu tối của ngươi, để được thấm nhuần nền giáo hóa của ta, ngươi có theo không? Hèn chi mà ngày xưa về thời Thành Chu [nước ngươi] đã đem dâng chim trĩ trắng, đến thời Viêm Hán dựng mốc cột đồng, đến thời Lý Đường, từng đã là đất của Trung Quốc <15b>. Cuối thời Đường lắm hoạn nạn, chưa kịp khuôn xử, nay thánh triều ta, lòng nhân bao trùm muôn nước, cơ nghiệp thái bình cũng đã tốt đấy, điển lễ nhân phong đã sắp sửa làm, đợi ngươi đến chầu cho ta được vui khoẻ, ngươi chớ úp mặt vào góc nhà, làm ta thêm đau đớn, khiến ta phải dùng đến kế chặt xác băm xương, làm cỏ nước ngươi, thì hối sao kịp! Cho dù biển của ngươi có ngọc châu, ta cũng ném xuống suối, núi của ngươi có vàng, ta cũng quẳng vào bụi, không phải ta tham của báu của ngươi. Dân của ngươi nhảy như bay thì ta có xe ngựa; dân của ngươi uống bằng mũi, thì ta có rượu cơm, dùng để đổi phong tục của nước ngươi; dân của ngươi cắt tóc, thì ta có áo mũ; dân của ngươi nói tiếng như chim thì ta có thi thư sẽ dạy cho ngươi biết lễnghĩa đấy. Cõi nam nóng hừng hực, khói mây nung nấu thì ta thả mây của vua Nghiêu, tưới làm mưa ngọt, khí biển nóng hầm hập, mây đốt đá chảy, ta gảy đàn của vua Thuấn, quạt làm cơn gió mát. Các vì

sao trên trời nước ngươi, ai cũng bảo là không biết, ta quay ngôi tử vi cho ngươi chầu về; đất ngươi có ma quỷ ai cũng sợ là quái gở, ta đúc cái đỉnh to, khiến nó không làm hại ta, đưa ngươi ra ngoài di đảo, ngươi muốn xem nhà Minh đường(1), nhà Bích ung(2) chăng? Ta trút bỏ áo cỏ của ngươi, ngươi muốn mặc áo hoa cồn thêu núi thêu rồng chăng? Ngươi sang chầu chăng? Chớ rước lấy tội lỗi. Ta đương chấn chỉnh xe ngựa quân sĩ chuẩn bị chiêng trống, nên quy phục thì ta tha cho; nếu trái mệnh thì ta quyết đánh. Theo hay không, lành hay dữ, tự ngươi nghĩ lấy" Bài này là lời của Vương Vũ Xứng(3).

Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Xét ra thư này do Vương Vũ Xứng nhà Tống làm ra, lời rất kiêu căng ngạo mạn, sai với thể văn cáo nhiều lắm. Xem bức thư của [Hán] Văn Đế, nhún nhường khiêm tốn biết nhường nào, mà hai bên bỏ binh đao thông hòa hiếu, không hao tổn sức lực. Còn bức thư của Vũ Xứng thì khoa trương khuếch đại hao quân* **<16a>** *tổn thương, rốt cuộc không thành công. Văn thư đưa ra nước người ta quan hệ há phải là nhỏ đâu!*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Đầu thời Tống, văn học xem ra cũng khá, nhưng lời lẽ ý tứ phần nhiều khoa trương khuếch đại, rút cuộc đến chỗ hao quân tổn tướng, tự làm nhờn mất uy thế của mình. Chẳng bao lâu thì thư khen sắc phong lại ban, nhìn lại ngôn ngữ của thư ấy, thực không xứng đáng, cho nên chép đầy đủ cả lại, để thấy lời nói rườm rà là vô ích như thế.*

Mùa đông, tháng 10, sai sứ sang Tống. Vua sắp ra quân chống Tống, trước tiên sai Nha hiệu là Giang Cự Vọng và Vương Thiệu Tộ mang thư sang Tống, giả làm thư của Toàn xin nối ngôi cha, xin ban cho sắc mệnh, muốn để hoãn quân nhà Tống, vua Tống không cho (Lời thư đại lược như sau: Cha và anh tôi đều đội ơn nước, tạm được chia giữ nơi khổn ngoại, kính giữ bờ cõi, đâu giám có sự sai trái, chưa có công lao đánh dẹp đã bị đoản mệnh đau thương. Tôi cơ đồ sắp đổ nát, áo tang chưa cởi bỏ; quân dân tướng lại và kỳ lão trong hạt **<16b>** cùng đến nơi chiếu rơm gối đất, xin tôi tạm coi việc quân, việc nước. Tôi khẩn thiết chối từ ba bốn lần, nhưng lời thỉnh cầu càng kiên

(1) Minh đường: Nơi các chư hầu đến chầu, nơi làm rõ chính giáo của thời đại.

(2) Bích ung: Nhà dạy học.

(3) Vương Vũ Xứng: Người thời Tống ở Trung Quốc, đỗ Tiến sĩ thời Tống Thái Tông, làm quan đến chức Hàn lâm học sĩ.

quyết, tôi định đợi tâu bày, song lại sợ chậm trễ thì cái tục hung giữ của người rừng núi, các dân giảo hoạt ở nơi khe động, nếu không chiều lòng họ, sợ xảy ra biến loạn bất thần, nên tôi đã kính cẩn quyền nhiếp chức tiết độ hành quân tư mã, tạm lĩnh việc quân của châu, cúi mong ban cho chiếu mệnh chân chính cho tôi được liệt vào hàng phên giậu ủi yên tấm lòng tận trung của tôi và làm sáng tỏ lệ ban thưởng của đời vua thánh).

Nhà Tống sai Trương Tông Quyền đưa thư trả lời. Lúc ấy nhà Tống đang trách vua về việc xưng đế đổi niên hiệu, lại có ý muốn lấy nước ta, mới sai Trương Tống Quyền đưa Thư trả lời. Lời thư đại lược như sau: Họ Đinh truyền ngôi ba đời, trẫm muốn cho Toàn làm thống soái, khanh làm phó. Nếu Toàn không đáng tướng tài, hãy còn tính khí trẻ con, thì nên sai mẹ con thân thuộc sang quy thuận. Đợi khi vào chầu, tất cho được thấy sự ưu đãi, sẽ trao cờ tiết cho khanh. Có hai đường ấy khanh nên xét chọn lấy một. Vua đều không nghe. (Xét Nam sử: Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ 8 [984], khi ấy vua đã đánh bại quân Tống, tự xưng quyền Giao Châu, 3 lần sai sứ sang sau lại sai nha tướng vào cống rồi tự trở về, vua Tống ban chiếu thư đến 10 lần, vẫn dụ cho Đinh Toànvà thân thuộc đưa hết cả nhà sang quy phục, sẽ trao cho khanh cờ tiết. Khi ấy vua đã chuyên giữ đất ta, không nghe mệnh lệnh Trung Quốc. Việc đó chính là việc thuộc năm Thiên Phúc thứ 4 ([983], có khác với bản này, chưa biết bản nào đúng, hãy để tồn nghi).

<17a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Nhà Tống thật không làm nên trò trống gì, đương khi họ Đinh mới lấy được nước, sứ thần thông hảo vừa đến, thì sắc phong sang ngay, ban tước cao, phong sắc quý. Nhưng về ban sắc mệnh của họ đâu phải là thật lòng khen con tốt mà sách phong cho cha đâu. Tiếng tăm của Vạn Thắng Vương vang xa, thế quân [nhà Tống] càng yếu. Việc ở biên giới Lưỡng Quảng thường lo ngay ngáy, đành phải ban tước sắc khen ngợi vượt mức là để đề phòng mối lo ngoài ý nghĩ đấy thôi. Không may họ Đinh gặp sự biến, cường thần nắm quyền, vua bé nối ngôi không biết gì, đúng ra lúc ấy nhà Tống phải làm sáng tỏ nghĩa lớn, thương nước có tang, bảo tồn vua côi cút, làm rõ lệ thường nối tước vị, giữ gìn nghiêm ngặt những bậc bồi phó, khiến cho người đã chết hàm ơn, kẻ còn sống đội nghĩa thì lòng nhân nuôi dưỡng nước nhà, đạo nghĩa vỗ về phương xa lẽ nào không sáng rõ ở bốn phương? Đã không làm được như thế, lại theo đấy mà nhòm tổ phá nhà, ban tờ văn cáo không xuôi tai, dấy cuộc binh đao, không*

danh nghĩa, một trận thất bại <17b> phải rút quân về, lại thông hòa hiếu với Đại Hành trong khoảng 10 năm, ban sắc mệnh đến 6 lần, kẻ đáp lễ đã mệt, mà người ban ân mệnh vẫn chưa chán, ra oai vội vàng vỗ về như thế, thì nước láng giềng còn coi ra gì. Thế mới biết đánh hay hòa vốn không định cuộc, chỉ "mềm nắn rắn buông" mà thôi. Nhà Tống yếu đuối không trỗi dậy được thường bị di địch coi khinh là đáng lắm thay!

Trên đây hai vua triều Đinh khởi đầu từ năm Mậu Thìn [968] gồm 13 năm.

Thông luận của Sử thần Ngô Thì Sĩ: *Từ khi vua Thiên Sách không giữ được kỷ cương, các sứ quân xoay quanh đỉnh báu*[1]*, trời gây nên buổi tối tăm, Đinh Tiên Hoàng nổi lên mà diệt trừ, sức mạnh của 12 sứ quân một mai thành gió bụi; đánh dẹp bốn phương làm rạng võ công, nêu tướng anh hùng là Vạn Thắng Vương, tập hợp được cơ đồ chưa thống nhất và quốcthống lâu ngày bị phân chia. Nếu không phải là bậc có tài lược hơn người thì sao được như thế. Thế rồi làm cho đổi mới tai mắt,sắp đặt quy mô, Bắc Nam thông hảo, không cần phải gõ cửa cầu phong, cha con làm vua <18a> không cần phải xin cho nối tước. Thời Ngô, thời Lý trở về trước đều chẳng ai bằng. Thế mà sự nghiệp thái bình 20 năm của nước Cồ Việt bỗng nhiên bị mất là tại làm sao? Có người cho là đất Hoa Lư thấp trũng hẹp, không phải là nơi địa hình tốt đẹp, thế nước không vững, lòng người dễ dao động, lại nạn mưa đá, động đất luôn luôn xảy ra, 3 thứ thiên thời, địa lợi, nhân hòa không được lấy một mà muốn xây dựng kế hoạch lâu dài thì sao làm được? Xin trả lời rằng cố nhiên là thế, nhưng cũng tại người làm không đúng đấy thôi. Tiên Hoàng vũ lược có thừa mà học vấn không đủ, không chính được tâm, không sửa được mình, lại muốn đưa cái thuật trị quân ra mà trị nước; lập 5 Hoàng hậu là trái lẽ, bỏ con đích lập con thứ là trái phép, định chức quan cho nhà sư; đặt vạc dầu làm hình phạt là sai chính sự, gần gũi bọn tiểu nhân, say đắm vui chơi yến tiệc, không biết ngăn ngừa như khi dẫm lên sương thì biết nước sẽ đóng băng. Cho nên ở trong thì con trưởng ngã lòng, vợ đẹp đổi dạ, ngoài thì thành quách không có quân Phòng vệ, trong kẽ nách là*

---

(1) Đỉnh báu: Chỉ một triều đại hoặc chỉ về ngôi vua.

những kẻ thù, nguyên do về sự bại vong thì <18b> kẻ giết Tiên Hoàng là Hạng Lang chứ không phải là Đỗ Thích, người dẫn Chiêm Thành vào cướp phá là Ngô Hậu chứ không phải Nhật Khánh; người cướp ngôi của Vệ Vương là Dương Hậu chứ không phải Thập đạo [tướng quân]. Cội gốc đã đổ thì cành lá tàn lụi, những điểm khác còn bàn làm gì? Vệ Vương Toàn không gặp thời, mẫu hậu cải giá, nước không còn ra nước, đem thân theo người, nhà Đinh ít đức, không có gì để phù trì cho con cháu về sau, thật đáng thương thay!

KỶ NHÀ LÊ

ĐẠI HÀNH HOÀNG ĐẾ

(Vua họ Lê, tên húy là Hoàn, người Ái Châu, ở ngôi 24 năm, thọ 65 tuổi.

Nhà vua nhân trong triều xảy tai nạn mà lấy được nước, đánh đuổi giặc ngoại xâm mà vỗ yên nhân dân, trong nước yên ổn, Bắc Nam được vô sự, song đạo tam cương[1] không đúng đắn, quan hệ giữa vợ chồng, cha con, vua tôi đều chẳng ra gì, cho nên con cháu lục đục với nhau đến nỗi mất nước, đâu phải là chuyện không may.

Xét thấy "Đại Hành" là chữ thường dùng để chỉ vua khi mới mất. Lê Đại Hành chưa đặt huy hiệu, theo phép chép sử đáng phải phép là Thiên Phúc Hoàng đế. Nhưng sử cũ đã theo nhau ghi như thế từ lâu, nay cũng theo vậy).

<19a> Cha vua là Mịch, mẹ là Đặng thị, khi mới có thai, chiêm bao thấy trong bụng sinh hoa sen, phút chốc kết thành hạt lấy chia cho mọi người ăn, riêng mình thì không ăn. Khi tỉnh dậy lấy làm lạ, đến ngày 15 tháng 7 mùa thu năm Tân Sửu [941] là năm Thiên Phúc thứ 6, thời Hậu Tấn sinh ra vua. Đặng thị thấy phong thái của vua khác thường, bảo mọi người rằng: "Thằng bé này lớn lên hẳn được tôn quý, sợ ta không kịp hưởng lộc của nó". Được vài năm thì mẹ chết, cha ít lâu sau cũng chết. Có viên quan sát họ Lê ở Ái Châu trông thấy vua cho là người khác thường, vì là người cùng họ nhận nuôi làm con. Có hôm gặp mùa đông giá rét, vua nằm úp lên gối đêm có ánh sáng lạ tỏa khắp nhà,

---

[1] Tam cương là đạo vua tôi, cha con, vợ chồng.

viên quan sát họ Lê ngầm đến xem thì thấy một con rồng vàng ấp lên mình vua, càng lấy làm lạ. Khi vua lớn lên, theo Nam Việt Vương Đinh Liễn, tỏ ra người phóng khoáng có chí lớn. Đinh Tiên Hoàng khen vua là người có chí dũng, giao cho trông coi 1 ngàn quân thăng dần đến chức Thập đạo tướng quân điện tiền đô chỉ huy sứ. Khi Phế Đế lên ngôi vua nhiếp chính. Quân Tống sang xâm lược, vua đem quân ra chống cự, xưng là **<19b>** đế về triều, cuối cùng thay nhà Đinh trị nước. Vẫn đóng đô ở Hoa Lư. (Xét thấy Lê Đại Hành là người làng Bảo Thái, huyện Thanh Liêm chứ không phải người Ái Châu, sử cũ chép nhầm).

Tân Tỵ [981] năm Thiên Phúc Phúc thứ 2 (Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 6), bọn Hầu Nhân Bảo nước Tống chia đường sang xâm lược nước ta, vua tự đem quân đánh tan, lúc bấy giờ quân của Hầu Nhân Bảo, Tôn Hoàn Hưng đến Lạng Sơn, Trần Khâm Tộ đến Tây Kết, Lưu Trừng đến sông Bạch Đằng. Vua tự làm tướng ra chống giặc. Nhân Bảo đem quân tiến lên trước. Hoàn Hưng dừng quân không đi. Vua sai quân sĩ đóng cọc ngăn sông. Quân Tống rút lui. Lại tiến đến sông Chi Lăng, vua sai người giả hàng dụ bắt đượcNhân Bảo đem chém. Bọn Trần Khâm Tộ nghe tin thủy quân thua, bèn đưa quân về. Vua dẫn các tướng đuổi theo đánh, quân Trần Khâm Tộ thua to, chết đến quá nửa, thây chết đầy đồng bắt được đại tướng của nó là Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân, giải về Hoa Lư. Nhờ thế, đất nước được yên, bề tôi dâng tôn hiệu là: Minh càn ứng vận, **<20a>** Thần vũ thăng bình, Chí nhân quảng hiếu hoàng đế (xét thấy dã sử chép năm Thiên Phúc thứ 1 [980], quân Tống sang xâm lược, quân ta bị thua. Mùa xuân năm thứ 2, quân ta lại thua ở sông Bạch Đằng, chết hơn nghìn người, mất hai trăm chiến thuyền, mũ trận áo giáp tính hàng vạn. Hầu Nhân Bảo đem quân tiến lên, bọn Tôn Hoàn Hưng đóng quân lại ở Hoa Bộ 70 ngày, bọn LưuTrừng, Nhân Bảo nhiều lần thôi thúc. Đến khi họp quân được, theo đường thủy tiến đến thôn Đa La, nhà vua giả hàng dụ bắt Nhân Bảo giết đi. Trận đánh ấy quân ta và quân Tống đều có được có thua. Nhưng bọn họ thì khoe đại thắng, ta thì che dấu các trận thua nhỏ, đều là sự ghi chép không thật. Nay ghi theo cả hai bên).

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Lê Đại hành giết Đinh Điền, bắt Nguyễn Bặc, bắt sống quân Biện, Phụng Huân như xua trẻ con, như sai đầy tớ, chưa đầy vài năm, mà bờ cõi đã yên. Cái công đánh thì thắng lấy thì được đó, dù nhà Hán, nhà Đường cũng không hơn được. Có người hỏi: Lê Đại Hành với Lý Thái Tổ*

ai hơn? Trả lời: "Đứng về mặt dẹp loạn bên trong, đánh giặc bên ngoài làm cho nước Việt ta mạnh lên, người Tống phải sợ mà nói thì công của Lý Thái Tổ không khó khăn bằng Lê Đại Hành. Nhưng về mặt vốn nổi tiếng là có ân có uy, lòng người vui vẻ suy tôn, làm cho lộc nước lâu dài **<20b>**, *truyền cho con cháu thì Lê Đại Hành không biết lo xa bằng Lý Thái Tổ. Vậy thì Thái Tổ hơn ư? Trả lời, hơn thì không biết, nhưng phúc đức nhà Lý hậu hơn phúc nhà Lê, thì nên theo nhà Lý.*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Đạo tam cương là đạo thường của muôn đời, không thể một ngày rối loạn. Đại Hành khi nhiếp chính, dù Vệ Vương còn nhỏ cũng vẫn là vua, mà lại xưng phó vương là làm điều bất lợi, làm tôi không được rắp tâm làm loạn, rắp tâm làm loạn tất phải giết, phép của Kinh Xuân Thu ai ai cũng phải thi hành, Nguyễn Bặc, Đinh Điền sao lại thản nhiên đứng nhìn được? Thế rồi họ lui về khởi binh, kể tội mà đánh, để mưu giữ đất nước thực là người bề tôi trung nghĩa đấy. Việc không thành mà chết thì gọi là người bề tôi chết vì tiết nghĩa. Lời bàn của Lê Văn Hưu lại xếp họ vào giặc nổi loạn, khiến cho đạo luân thường đời sau không sáng rõ. Sẽ gây ra mầm mống cướp ngôi,* **<21a>** *những kẻ có quyền lực tranh nhau bắt chước, thì cương thường bị hỏng hết mất, bởi thế không thể không bàn.*

Nhà Tống ban chiếu bãi binh: Quân Tống đã thua, lại gặp mùa nóng nực, quân sĩ chết nhiều. Giang Nam chuyển vận sứ là Hứa Trọng Tuyên đem việc Nhân Bảo bại trận tâu lên, vua Tống liền ban chiếu rút quân về. Sai sứ đến hỏi tội bọn Lưu Trừng, Giả Thực, Vương Soạn. Lưu Trừng ốm chết, Thực và Soạn đều chịu tội bị chết ở chợ Ung Châu. Tôn Hoàn Hưng cũng bị giao xuống cho nha lại xử tội chết. Nhân Bảo được tặng chức Công bộ thị lang.

Nhâm Ngọ năm thứ 3 [982] (Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 7), lập hoàng Thái hậu cũ của nhà Đinh là Dương thị làm Hoàng hậu. Dương thị trước lấy Đinh Tiên Hoàng sinh ra Vệ Vương Toàn. Khi vualấy được nước, đem vào cung, đến bấy giờ lập làm Đại Thắng Minh Hoàng hậu, cùng với Phụng Càn Chí Lý Hoàng hậu, Thuận Thánh Minh Đạo Hoàng hậu, Trịnh Quốc Hoàng hậu, Phạm Hoàng hậu làm năm Hoàng hậu. Dương hậu sau khi mất, dân lập đền thờ, đắp hai tượng Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành cùng ngồi với Dương hậu. Đến đời Lê Thái Tổ, đầu niên hiệu Thuận Thiên, An phủ sứ là Lê Thúc Hiến mới bỏ đi).

*<21b> **Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:** Phu phụ là điều đầu tiên của đạo nhân luân là đầu mối giáo hóa của vương triều. Tập Hạ Kinh Dịch xếp quẻ Hàn, quẻ Hằng lên đầu là để tỏ ý rằng việc lấy vợ tất phải chọn người chính đáng. Đại Hành thông dâm với vợ vua, đến nỗi nghiễm nhiên lập làm Hoàng hậu, không thấy xấu hổ! Truyền lại quốc thống bằng lối đó thì con mình lại bắt chước, vì dâm dật mà chuốc lấy sự mất nước, há chẳng phải là [Lê Đại Hành] gây ra đầu mối họa loạn đấy ư.*

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Lê Đại Hành là một ông vua mở ra cơ nghiệp mà làm việc ấy xấu như cầm thú mọi rợ. Hơn nữa miếu hiệu Đinh Tiên Hoàng là Đại Thắng Minh hoàng đế, thế mà Lê Đại Hành lại công nhiên lấy hiệu vua cũ đặt tên cho vợ mình là không biết kiêng nể quá mức. Chép vào sử sách để cho nghìn thu chê cười.*

Sai sứ sang nhà Tống, cống sản vật địa phương và dâng biểu tạ ơn.

Vua tự cầm quân đánh thắng Chiêm Thành. Trước đó, vua sai Tự Mục và Ngô Tử Canh đi sứ Chiêm Thành, bị họ bắt giữ. Vua nổi giận, liền **<22a>**đóng thuyền chiến, sắm giáp binh, tự làm tướng đi đánh, chém được tướng Chiêm Thành là Bề Mi Thuế. Chiêm Thành đại bại, bắt được quân sĩ nhiều không kể xiết. Vua Chiêm Thành là Xá Ly Đà Bàn Ngô Nhật Hoan bỏ thành chạy, vua bắt được một trăm kỹ nữ trong cung và một vị sư người Thiên Trúc, lấy đưa đi những vật quý, và thu được vàng bạc của quý tính đến hàng vạn, san bằng thành trì, phá tôn miếu, tròn một tháng thì trở về kinh đô.

Nạn đói.

Quý Mùi, năm thứ 4 [983] ((Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 8), mùa xuân, sai sứ sang nhà Tống thông hiếu và báo tin đánh thắng Chiêm Thành. (Ta nói rằng: Người Chiêm dùng hàng mấy vạn quân thủy, quân bộ, voi ngựa sang cướp phá. Vua đem quân bản bộ đánh đuổi đi).

Đào xong kênh mới trên đường biển, khi vua đi đánh Chiêm Thành, qua núi Đồng Cổ, đến sông Bà Hòa[1], đường núi hiểm trở khó đi, người ngựa đều mệt mỏi, đường biển sóng to, khó đi lại, vua sai người đào kênh mới, đến bấy giờ thì xong, việc công việc tư đều thuận lợi (kênh mới không rõ ở xứ nào? Còn núi Đồng Cổ thì ở Ái Châu, nay thuộc xã

---

(1) Sông Bà Hoà: Nay là Đồng Hòa thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Đan Nê Thượng, huyện Yên Định).

<22b>Giáp Thân năm thứ 5 [984] (Tống Ung Hy năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, đúc tiền Thiên Phúc.

Xây dựng nhiều cung điện: dựng diện Bách Bảo Thiên Tuế ở núi Đại Vân[1] cột điện được trang sức bằng vàng bạc, làm nơi coi chầu. Phía Đông gọi là điện Phong Lưu, phía Tây gọi là điện Tử Hoa, bên tả gọi là điện Bồng Lai, bên hữu gọi là điện Cực Lạc, tiếp đó lại dựng lầu Đại Vân, liền đấy lại dựng điện Trường Xuân. Bên cạnh điện Trường Xuân lại dựng điện Long Lộc, lợp bằng ngói bạc.

Ất Dậu, năm thứ 6 [985] (Tống Ung Hy năm thứ 2), mùa thu, tháng 7, làm núi giả, xem đua thuyền. Ngày rằm tháng ấy là ngày sinh của vua, sai người làm thuyền đặt giữa sông, lấy tre làm núi giả ở trên thuyền, gọi là núi Nam Sơn, rồi đặt trò chơi đua thuyền, sau thành lệ thường (triều nhà Lý đến ngày sinh nhật vua làm núi bằng tre, có lễ tục ấy bắt đầu từ đây).

Vua sai sứ sang nước Tống xin cho chính thức lĩnh chức tiết trấn (sử cũ chép là nhà Tống sai sứ sang là nhầm, nay bỏ đi).

Bính Tuất, năm thứ 7 [986] (Tống Ung Hy năm thứ 3), mùa thu, tháng 8, điểm dân đinh làm lính, chọn những người khoẻ mạnh <23a>bổ vào quân túc vệ, gọi là thân quân, đều thích vào trán ba chữ: "Thiên quân tử" (Cấm quân thời Lý, Trần cũng thích vào trán, vào ngực, vào đùi là bắt đầu từ đây).

Sai sứ sang nhà Tống.

Mùa đông, tháng 10, nhà Tống sai sứ sang sách phong. Nhà Tống sai Tả bổ quyết là Lý Nhược Chuyết, Quốc tử giám bác sĩ là Lý Giác mang chế sách sang phong vua làm Kiểm hiệu Thái bảo, sứ trì tiết đô đốc Giao Châu chư quân sự. An Nam đô hộ tĩnh Hải quân tiết độ sứ, Giao Châu quản nội quan sát sứ. Tước Kinh Triệu Quân hầu, ban thực ấp và danh hiệu công thần. Vua nhận chế hết sức cung kính, thết lễ rất hậu, lại trả bọn Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huân về, và nói với Lý Nhược Chuyết và Lý Giác rằng: "Nước chúng tôi nhỏ bé, núi sông xa xôi, cách thiên triều muôn dặm, ở một nơi xứ đất hẻo lánh, các sứ thần quan lại, trèo non lội suối không vất vả sao?"

Giác trả lời: "Triều đình ta phong cho chư hầu rộng hàng muôn dặm, đặt quận có đến bốn trăm, đất có chỗ bằng phẳng, có chỗ hiểm trở,

[1] Đại Vân: Nay là núi ở xã Trường Yên, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

vùngnày lấy gì làm xa". (Lời chế sách phong của nhà Tống đại lược như sau: "Bậc vương giả dựng đạo Hoàng cực[1] yêu mến phiên bang, **<23b>** dựng phủ đệ ở kinh đô là để trọng lễ hội đồng[2]; cho giữ đất đai một phương là để nêu quyền tiết chế. Huống nay Chu Diên, Giao Chỉ kính dâng lễ cống, lông chim lên đổi tướng kịp thời thì phong hầu mới lợi, chẳng quên cung kính khi ban mệnh lệnh, cử hành điển lễ đền đáp công lao. Nay quyền tri tam ty lưu hậu là Lê Hoàn tư chất kiêm nghĩa dũng; bản tính vốn trung thuần, được lòng dân, giữ tiết phiên trấn. Vừa rồi Đinh Toàn tuổi còn thơ ấu chưa biết vỗ về. Người là kẻ phúc tâm, nắm việc quân ngũ, tự ra hiệu lệnh; kiêm cả ân uy. Họ Đinh tự bỏ quyền ba đời cầm sứ tiết, chiều theo ý mọi người, xa tỏ lòng thành xin lĩnh cờ tiết. Sĩ Nhiếp kiên cường cảm hóa nước Việt được tốt. Uý Đà kính thuận chiều theo nhà Hán, nên xưng danh hiệu đứng đầu dự bậc chư hầu quý hiển, hãy vỗ yên bộ lạc, mà ca ngợi ơn vua".

Cho Từ Mục làm chức tổng quản tri quân dân ban tước hầu; Phạm Cự Lạng làm Thái úy.

Sai Ngô Quốc Ân sang nước Tống đáp lễ (sử cũ) ở dưới chữ đáp lễ còn chép: "Người Chiêm Thành là Bồ La Át được đem bộ tộc của mình xin quy phục". Có lẽ lúc bấy giờ vua ta mới bình định được Chiêm Thành, người Chiêm Thành sợ còn bị xâm lấn nên mới đưa hơn trăm người họ hàng phụ thuộc vào nhà Tống. Đàm Châu nhân đấy đem việc ấy tâu lên. Nhà soạn sử cóp nhặt ở Bắc sử, nhận lầm là việc đó sử nước mình tâu bày sang Tống, nên bỏ đi".

Đinh Hợi, năm thứ 8 [987] (Tống Uy Hy năm thứ 4), mùa xuân, cày ruộng tịch điền. Trước đây vua cày ruộng tịch điền ở Đội Sơn[3] được một hũ vàng, lại cày ở núi Bàn Hải[4] được một hũ bạc, nhân đó đặt tên là ruộng kim ngân.

<24a> Nhà Tống lại sai Lý Giác sang (Giác đến chùa Sách Giang, vua sai vị sư tên là Thuận, giả làm giang lệnh ra đón. Giác hay nói văn chương, gặp khi có đôi ngỗng nổi trên mặt sông, Giác ứng khẩu ngâm rằng:

---

[1] Đạo Hoàng cực: Đạo lớn lao do thiên tử đặt ra cho muôn dân.

[2] Lễ hội đồng: Lễ họp các chư hầu.

[3] Đội Sơn: Từ núi Đọi, còn có tên là núi Long Đội ở xã Đội Sơn, huyện Duy Tiên, nay thuộc tỉnh Nam Định.

[4] Núi Bàn Hải: Chưa rõ ở địa phận nào.

"Nga nga lưỡng nga nga,
Ngưỡng diện hướng thiên nha".

(Ngỗng, ngỗng hai con ngỗng
Ngửa mặt nhìn chân trời)

Sư Thuận đang cầm chèo đọc tiếp hai câu rằng:

"Bạch mao phô lục thủy,
Hồng trạo bãi thanh ba".

(Nước lục lông trắng vỗ.
Sóng xanh chèo hồng bơi)

Giác càng lấy làm lạ, khi về đến quán, Giác lại tặng rằng:

"Hạnh ngộ minh thi tán thịnh du,
Nhất thân nhị độ sứ Giao Châu.
Đông Đô lưỡng biệt tâm lưu luyến,
Nam Việt thiên trùng vọng vị hưu.
Mã đạp yên vân xuyên lãng thạch,
Xa từ thanh chướng phiếm trường lưu.
Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu,
Khê đàm ba tĩnh kiến thiên thu".

Dịch nghĩa:

(May gặp thời thịnh trị giúp mưu mô tốt đẹp,
Một mình hai lượt đi sứ Giao Châu.
Hai lần biệt Đông Đô lòng càng lưu luyến,
Nam Việt xa ngàn trùng trông ngóng chưa thôi.
Ngựa đạp khói mây xuyên sóng đá.
Xe từ ngàn núi xanh bơi theo dòng sông dài,
Ngoài trời có trời nên soi đến cõi xa.
Khe đầm sóng lặng thấy rõ vầng trăng thu).

Thuận đem thơ dâng lên vua xem, vua vời sư Khuông Việt cho xem. Khuông Việt nói bài thơ này tôn trọng bệ hạ không khác gì vua của họ. Vua khen là có hậu ý cho về. Giác từ biệt ra về, vua bảo Khuông Việt làm bài ca khúc để tiễn biệt, bài ca rằng:

Tường quang phong hảo cẩm phàm trương
Dao vọng thần tiên phục đế hương
Vạn trùng sơn thủy thiệp thương lương,

Cửu thiên quy lộ trường,
Tình thảm thiết
Đối ly trường
Phan luyến sứ tinh lang
Nguyện tương thâm ý vị biên cương,
Phân minh tấu ngã hoàng.
(Mây lành gió tốt buồm gấm giương.
Trông vị thần tiên về đế hương.
Muôn lần non nước vượt trùng dương,
Đường về bao dặm trường,
Tình thắm thiết,
Chén đưa đường,
Quyến luyến sứ tinh lang.
Xin lưu ý đến việc biên cương,
Tâu rõ lên thánh hoàng).

Giác lạy tạ rồi ra về.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét sử chép trong một đời Lê ĐạiHành, việc tuần hành đánh dẹp đã chiếm đến một nửa, không thấy nói gì đến chính sách trường học thi cử. Thế mà trong văn kiện bang giao lúc bấy giờ, như bức thư xin nối ngôi của Vệ Vương Toàn thấy được bút pháp uyển chuyển khúc chiết, đúng thể cách <24b> cho đến câu thơ nối vần thơ thiên nha, khúc ca tiễn sứ giả, tình tứ sắc bén đầy đủ, dù văn nhân từ khách ngày nay cũng không hơn được. Chẳng biết trau dồi thấm thía được từ đâu, há phải là sau thời nội thuộc tiếp thu được uy danh giáo hóa của Trung Quốc*[1] *mà được thế chăng? Huống chi anh tài nước ta đời nào cũng có, thường không thiếu người, dù không thấy được cụ thể nuôi dạy thành tài, không chép việc soạn thảo của các văn thần, nhưng Hồng Hiến do học rộng mà làm đến chức Tam sư*[2]*. Sư Thuận, sư Châu Lưu là cao tăng mà cũng đảm đươngđược trách nhiệm đối đáp. Lại nói: Lý Giác sang nước ta hoặc để ban sắc mệnh, hoặc để bàn việc biên giới, chẳng phải chơi phiếm không có việc gì. Chắc sử cũ chép sót đấy thôi.*

---

(1) Trung Quốc: Chỉ nước Trung Hoa. Vì xưa họ tự cho mình là nước trung tâm còn các nước khác ở xung quang là tứ di.

(2) Tam sư: Tức Thái sư, Thái bảo, Thái phó.

Được mùa to.

Mậu Tý, năm thứ 9 [938] (Tống Đoan Củng năm thứ 1), Thái sư là Hồng Hiến mất. Hồng Hiến là người phương Bắc, thông hiểu kinh sử, thường <25a> theo vua đi đánh dẹp, làm quân sư, khuyên vua lên ngôi, ra sức bàn việc nước, có công to. Vua tin dùng như người ruột thịt, đến bấy giờ mất.

Tống sai sứ sang sách phong; lúc ấy nhà Tống mới đổi niên hiệu, sai viên ngoại lang bộ Hộ là Ngụy Tường và Trực Sử quán là Lý Độ mang chế sách sang gia phong cho vua làm Kiểm hiệu Thái úy (Xét sử cũ chép: Năm ấy vua nước Chiêm Thành là Bằng Vương La Duề ở Phật Thành[1] tự đặt hiệu là "Câu Thi Ly Ha Thân Bài Ma La. Có lẽ lúc bấy giờ nước Chiêm Thành suy yếu, vua nhiều lần cất quân đến đánh. Năm Thiên Phúc thứ 6 [985], vua Chiêm Thành là Ngô Nhật Hoan sang tố cáo với nhà Tống là bị vua ta xâm lược. Nhật Hoan chết, Lưu Kế Tông lên ngôi. Kế Tông chết, Dương Đà Bài lên ngôi. Vua ta lại đến đánh. Đà Bài lại tố cáo với Tống. Vua Tống ban chiếu bảo nước nào giữ lấy bờ cõi nước đó, Năm Ứng Thiên thứ 7 [1001], vua nước đó là Dương Phổ Câu Tỳ Trà Xá Lị tránh quân ta chạy về thành Phật Thệ cách xa kinh đô cũ đến 700 dặm, nhà làm sử khảo cứu ghi chép không rõ ràng nên đã chép nhầm vào năm này và cách viết cũng không đúng, nay bỏ đi).

Kỷ Sửu, Hưng Thông năm thứ 1 [989] (Tống Đoan Củng năm thứ 2), mùa xuân tháng giêng, đổi niên hiệu, đại xá tội phạm.

Phong cho con là Thâu làm Kình Thiên Đại Vương, Ngân Bích làm Đông Thành Vương. Việt làm Nam Phong Vương (Thâu là con cả của vua, Ngân Bích là con thứ hai, Việt là con thứ ba).

<25b> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Các hoàng tử thời Lý thời Trần đều phong tước vương. Người nào có công đức trội hơn thì thêm chữ "đại". Có lẽ là phỏng theo lệ này.*

Dương Tiến Lộc làm phản, chịu tội giết. Tiến Lộc làm quản giáp, được lệnh thu thuế theo hai châu Hoan, Ái. Tiến Lộc dùng người hai châu ấy làm phản, theo về Chiêm Thành, nhưng Chiêm Thành không nhận. Vua nghe tin tự đem quân đuổi bắt Tiến Lộc và chém đi; người hai châu bị giết không biết bao nhiêu mà kể.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Người làm phản chỉ là Tiến Lộc thôi, nhân dân có tội gì? Bậc quân tử có thể nhìn thấy ân đức dài hay ngắn là ở chỗ đấy.*

---

(1) Phật Thành: Tức thành Phật Thệ, nay thuộc tỉnh Bình Định.

Canh Dần, năm thứ 2 [990] (Tống Thuần Hóa năm thứ 1), nhà Tống sai sứ sang sách phong; theo chế độ nhà Tống; các nước triều cống đều có sứ sang sách phong.

Ban đầu thì phong đô đốc hoặc Thứ sử, hoặc giả tiết, hoặc sứ trì tiết, tam kiểm hiệu rồi đến Thái sư, được ghi cho chữ công thần và với số hộ thực ấp bốn năm lần **<26a>** rồi mới phong chân Vương. Đến bấy giờ sai Tả Chính ngôn là Tống Cảo, Hữu Chính ngôn là Vương Thế Tắc mang chế sách sang phong cho vua hai chữ "Đặc tiến". Vua sai Nha nội Đô chỉ huy sứ là Đinh Thừa Chính đưa thủy quân đến Thái Bình quân[1] để đón tiếp, theo cửa biển vào, nửa tháng đến sông Bạch Đằng, tắt qua ngã ba vào biển, lướt ngọn triều mà đi. Tháng 9, khi đến trạm Nại Chính thuộc Trường Châu, sứ phong cũng đến, ý vua hơi coi thường, cố ý làm vẻ giản đơn ngạo mạn, cung cấp sứ quán không đầy đủ lắm, sắp đến thành mới thấy làm cái nhà tranh, trên đề chữ "Mao kính dịch" (nhà trạm tranh) đến khi đón tiếp ngoài địa giới thì phô trương quân đội, cờ xí cắm đầy núi hang. Vua cùng bọn Cảo ghìm cương ngựa cùng đi. Đến cửa Minh Đức vua nâng chế.

Thư đặt lên trên điện, không lạy, nói thác là năm gần đây đánh nhau với giặc Man, bị ngã ngựa đau chân, bọn Cảo cũng tin. Hôm sau đặt yến thết đãi. Lại dẫn sứ giả ra ngã ba cửa biển làm trò mua vui cho khách (vua mở tiệc thết đãi sứ nhà Tống, nhân đó cầm sào xuống nước xiên cá làm trò vui cho khách. Lại sai người đưa biếu con rắn dài và hai con hổ để xem chơi). Vua bảo **<26b>** Cảo rằng: "Đường sá xa xôi, núi sông cách trở, sau này có quốc thư nên giao nhận ngay đầu địa giới, khỏi phiền sứ thần đến đây", Cảo về nước tâu lên, vua Tống bằng lòng. (Cảo đi sứ về, tâu hết việc vua ngạo mạn. Lại nói vua [ta] tư chất thô lậu, mặt trợn trạo, có thể là lời phỉ báng).

Tân Mão, năm thứ 3 [991] (Tống Thuần Hóa năm thứ 2), mùa xuân tháng 2, sai Đào Cần sang đáp lễ nhà Tống.

Phong con là Đính làm Ngự Man Vương, cho ở Phong Châu; con là Cân làm Ngự Bắc Vương cho ở trại Phù Lan[2] (Đính là con thứ 4, Cân là con thứ 6).

---

(1) Thái Bình quân: Quân là đơn vị hành chính. Nhà Tống đặt chia toàn quốc làm 18 lộ: Thuộc lộ có phủ, châu, quân giám. Thái Bình là 1 trong 39 quân lúc bấy giờ.

(2) Phù Lan: Nay thuộc Mỹ Hào, Hưng Yên.

Nhâm Thìn, năm thứ 4 [992] (Tống Thuần Hóa năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, vua ngự điện Càn Nguyên xem đèn.

Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Phàm sử chép "xem" là chê đấy, mà xem đèn là càng đáng chê, bấy giờ Đại Hành đã quá tuổi tri thiên mệnh[1]. Trước đấy trong cung lợp ngói bạc, trên thuyền kết núi tre. Lửa ham muốn bùng lên mà xương tuỷ dân đã kiệt. Đến bấy giờ cũng có thể tạm dẹp đi được rồi. Thế mà không tự xét đức hạnh* **<27a>** *còn có tính trẻ con, mở cửa đốt đèn, đùa dỡn làm vui cho là cơ chế cho trăm quan thấy rõ và khoe khoang với đương thời, mà không biết rằng đó không phải là cái để làm sáng tỏ thánh đức được mà chỉ cùng một lối với ngự lầu thời Khai Nguyên nhà Đường và điện cần Nguyên thời Chí Đạo nhà Tống đấy. Nếu như ra khỏi vết xe ấy mà thẳng bút chép ra thì sẽ tự thấy được ý nghĩa.*

Phong cho con là Đĩnh làm Khai Minh Vương cho ở Đằng Châu[2] (Đĩnh là con trai thứ 5, xét thấy sử cũ chép: năm đó Trần tiên sinh (tức Trần Đoàn) ở núi Tuyên Hoa đến cửa khuyết, Quán Vân Đài ở Họa Sơn là nơi cư sĩ Trần Đoàn ở. Sử cũ trích ở Bắc sử chép nhầm vào việc nước ta, nay bỏ đi).

Quý Tỵ, năm thứ 5 [993] (Tống Thuần Hóa năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, ngày mồng một Kỷ Mùi, nhật thực.

Phong cho con là Kiện làm Đình Phiên Vương cho ở thành Ty Doanh thuộc Ngũ Huyện Giang[3], Tương làm phó vương cho ở Đỗ Động Giang[4] Kính làm Trung Quốc Vương cho ở huyện Mạt Liên[5] thuộc Bàn Đà (Kiện là con thứ 7, Tương là con thứ 8, Kinh là con thứ 9), nhà Tống sai sứ sang sách phong. Bấy giờ nhà Tống gờm sự bại trận của Tôn Hoàn Hưng, hơn nữa thấy vua nhiều lần **<27b>**sai sứ tiến cống và dâng biểu xin nhường ngôi của Đinh Toàn, bèn sai Vương Thế Tắc, Lý Cư Giản mang sách thư phong vua làm Giao Chỉ quận vương.

Giáp Ngọ, Ứng Thiên năm thứ 1 [994] (Tống Thuần Hóa năm thứ 5), mùa xuân tháng giêng, đổi niên hiệu.

---

(1) Tuổi tri thiên mệnh là tuổi 50

(2) Đằng Châu: Nay thuộc huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

(3) Ngũ Huyện Giang: Con sông chảy qua 5 huyện là Yên Lãng, Kim Anh, Đông Ngàn, Yên Phong và Tiên Du tỉnh Bắc Ninh.

(4) Sông Đỗ Động: Tức sông Nhuệ.

(5) Huyện Mạt Liên: Nay là huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

Phong con là Mang làm Nam Quốc Vương, cho ở Châu Vũ Lũng[1], (Mang là con thứ 10), sai Nha Hiệu là Phí Sùng Đức sang đáp lễ nhà Tống.

Cháu vua Chiêm Thành là Chế Cai vào chầu. Trước đó, sứ nước Chiêm Thành sang dâng sản vật địa phương, vua trách là trái lẽ không nhận. Vua Chiêm Thành sợ sai Chế Cao vào chầu.

Ất Mùi, năm thứ 2, [995] (Tống Chí Đạo năm thứ 1. Phong con là Đề làm Hành Quân Vương cho ở Châu Cổ Lãm[2] thuộc Bắc Ngạn. Phong con nuôi (khuyết danh) làm Phù Đái Vương cho ở làng Phù Đái[3] (Đề là con thứ 11 tức là Minh Đề).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Vua bấy giờ con cái đã đông đúc rồi lại còn có hạng gọi là con nuôi, đó chẳng qua là muốn thỏa lòng yêu quý đối với người ấy đấy thôi. Có lẽ là trời muốn mở ra cái mầm mống cướp <28a> ngôi đấy chăng? Ngọa Triều cũng làm theo lối cũ, sao mà càn rỡ thế?*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Sự hoạn nạn trong thiên hạ thường xảy ra từ chỗ không ngờ, cố hết sức đề phòng thì sự tai biến phần nhiều lại xảy ra ngoài ý nghĩ, về đường lối giữ gìncho được lâu dài tất phải dùng "trung,tín, nhân, nghĩa" để vun đắp nguồn gốc cho rường cột được vững bền. Nếu không thế thì chỉ đặt phép uổng mà thôi. Tây Hải tránh cái tệ nhà Tần bị mất, phong rất nhiều người họ hàng. Đông Hán đau xót cái nạn Vương Mãng phải kìm hãm ngoại thích. Nhưng hai nhà Hán lại mất, đều xảy ra ở sự không ngờ.*

Lê Đại Hành tránh cái loạn của nhà Đinh phong khắp cho con gồm 13 tước vương chia nhau ở các châu quận. Có lẽ là theo lối phong thừa xưa. Muốn nơi lớn nhỏ ràng buộc lẫn nhau, lúc nguy cấp thì cứu nhau, chống kẻ khinh rẻ mà giữ vững sự bền lâu, không để cho thừa cơ nhòm ngó, như mình đối với nhà Đinh, lo <28b> nghĩ cũng chu đáo đấy, phương pháp cũng chặt chẽ đấy, nhưng chưa được bao lâu thì Long Việt tự lập. Long Đĩnh giết Việt mà cướp ngôi. Người trong nhà ngày càng gây việc can qua như Trung Quốc chống Man Di, kẻ thì chết kẻ thì phải

---

(1) Châu Vũ Lũng: Thuộc tỉnh Thanh Hóa.

(2) Châu Cổ Lãm: Nay là huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

(3) Làng Phù Đái: Nay thuộc huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

đầu hàng, người bốn xung quanh chỉ lạnh lùng xem thành bại mà không tự biết. Đến khi Long Đĩnh mất, trong lúc biến cố, xã tắc là trọng, mà các người hiện còn như Minh Đề, Minh Xương vì không bế được người nối ngôi bé nhỏ cho bách quan chầu, cũng nên hòa thuận nhường nhau quyền nhiếp trong cung phủ trấn áp bọn nổi loạn khiến cho tôn miếu có người nương tựa, mà lại tranh nhau lên ngôi, trong nhà đấu đá lẫn nhau, người khác họ theo đây mà cầm giáo xông vào. Cội gốc bị mất, cành lá bị diệt trừ. Họ Lý dấy lên không thể ngăn chặn được. Ôi làm mười điều ác không có một điều thiện, đâu có phải là cơ sở tích điều thiện và phương pháp dạy con, trong đấy nhiều điều không thể đổ cho ai được.

Sai Đỗ Hạnh đi sứ, sang nhà Tống. Nhà Tống sai Trần Sĩ Long sang dò xét nước ta. Bấy giờ vua ngại việc **<29a>**đi đánh dẹp. Vua ta cậy có núi sông hiểm trở thường dung túng cho dân du đãng sang cướp bóc bên Tống. Mùa xuân năm đó, Quảng Tây chuyển vận sứ của nhà Tống là Trương Quan, Khâm Châu binh mã là Vệ Chiêu Mỹ đều tâu nói về tình trạng hơn 100 chiến thuyền của ta xâm phạm trấn Như Hồng cướp bóc dân cư. Mùa hạ năm đó, châu Tô Mậu[(1)] nước ta lại dùng 5 nghìn hương binh sang xâm phạm Ung Châu nhà Tống. Bị Đỗ Tuần kiểm là Dương Văn Kiệt đánh phải rút quân về, ý vua Tống muốn vỗ yên, không muốn dùng binh, nên đều gác lại không hỏi đến. Trương Quan lại nói dối là vua ta bị họ Đinh đuổi, đem số quân còn lại ra ở hải đảo, cướp bóc kiếm ăn, nay đã chết, nhân đó dâng biểu mừng. Vua Tống bèn sai Thái Thường chưng là Trần Sĩ Long làm Thái Phỏng sứ để dò xét hư thực.

Bính Thân, năm thứ 3 [996] (Tống Chí Đạo năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, vua tự đi đánh lấy được bốn động: Đại, Phát, Đan, Ba ở Ma Hoàng.

Nhà Tống sai sứ sang ban sắc mệnh. Vua Tống vì bọn Trương Quan lúc đó ở Quảng Tây **<29b>** nói tình hình biên giới không thực, đến khi Sĩ Long về, Trương Quan đã chết, bèn sai chém Vệ Chiêu Mỹ tại trấn Như Hồng, và cho Trần NghiêuTẩu sung chức Quảng Tây chuyển vận sứ, sai Khải Khang uý là Lý Kiến Trung mang chiếu sang phong, trước đó bọn Văn Dũng, người Triều Dương[(2)] nước ta làm loạn trốn sang trấn Như Tích thuộc Khâu Châu nước Tống, tướng của trấn là Hoàng Lệnh

---

(1) Châu Tô Mậu: Nay thuộc tỉnh Lạng Sơn.

(2) Triều Dương: Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Đức dấu đi, vua ta sai tướng trấn là Hoàng Thành Nhã đuổi bắt, Lệnh Đức không chịu trả. Nghiêu Tẩu đến Như Tích tra hỏi ra việc ấy, liền đem hết hơn 100 người cả già trẻ trai gái bị dấu trao trả cho Thành Nhã. Vua ta khai là hợp nghĩa, sai sứ sang nhà Tống tạ ơn và nói ta đã bắt được 27 tên giặc biển đưa trả sang chuyển vận sứ và ngăn cấm dân ở khe động không được quấy rối nữa. Nhà Tống lại sai Lý Nhược Chuyết mang chiếu thư và đai ngọc sang ban. Khi Nhược Chuyết đến, vua ra đón ở ngoài ô, khinh mạn không làm lễ, bảo Nhược Chuyết rằng: "Việc cướp trấn Như Hồng là bọn giặc biển ở ngoài cõi, hoàng đế của ngươi có biết đó không phải là quận Giao Châu không? Nếu Giao Châu chống lại mệnh vua thì <30a> đầu tiên phải đánh Phiên Ngung, tiếp đó đánh Mân Việt, chứ đâu chỉ đánh trấn Như Hồng mà thôi?"

Đinh Dậu, năm thứ 4 [997] (Tống Chí Đạo năm thứ 3), mùa xuân, tháng 3, vua Tống băng, Thái tử Hằng lên ngôi là Tống Chân Tông.

Mùa hạ, tháng 4, nhà Tống sai sứ sang sách phong (phong vua làm Nam Bình Vương kiêm Thị trung).

Vua sai sứ sang nhà Tống đáp lễ. Vua Tống ban chiếu yên ủi khen ngợi. Trước đó, sứ nhà Tống sang, vua liền ra lệnh cho trong nước mượn tiếng đánh thuế để tiến cống rồi nhân đấy bắt có sự đóng góp một chút ý là muốn đổ nhà Tống. Vua Tống nghe được chuyện đó, về sau chỉ sai quan ở lại ngoài biên giới, mời đến nhận chiếu mệnh, và không sai sứ sang nữa. (Xét sử cũ thấy Mã Đoan Lâm chép: "Sứ nhà Tống đến, vua liền đặt lời là bổ thuế để tiến cống rồi nhân đấy bắt đóng góp, cho là việc đó không hay. Nhân đấy đổi lời chép rằng: "Sứ nhà Tống đến thường mượn tiếng cống nước mắm, nhân đó bắt đóng góp để đổ tội cho nhà Tống", Xét ra, lệ cống tiến đã có nghi thức thông thường, sứ giả đâu dám mỗi lần đến liền đòi hỏi thuế tiến cống? Hơn nữa, việc sứ giả yêu sách thì cũng có, nhưng sao có thể thu thuế ở nước người ta được? Lúc đó, Lê Đại Hành dựng nước đã lâu, không cần phải dựa vào nhà Tống, không muốn sứ nhà Tống sang luôn. Đầu thời Hưng Thống [989 - 994], vua thường bảo sứ nhà Tống là Tống Cao rằng: "Ngày sau có quốc thư, nên đưa đến chỗ đầu địa giới giao nhận, chớ phiền sứ quân phải đến đây" để nhân việc bổ thuế tiến cống phiền phức mà đổ tiếng ác cho Tống. Tống Chân Tông không muốn sứ Tống mang tiếng yêu sách <30b> cũng như việc năm Ứng Thiên thứ 6 [999], quân Nội thị của nhà Tống là Bùi Dũ có việc sang nước ta, bảo nước ta dùng nhụy hoa long nhỡn là của hiếm có, sung vào lễ cống, vua ta làm theo. Vua Tống giận liền truất Dũ đày ra Nhai Châu và ban

chiếu cho nước ta miễn cống thứ ấy. Cái ý từ đấy về sau, không cho sứ sang có lẽ là vì việc ấy. Sử cũ chép nhầm, nay cải chính).

Mùa thu, tháng 7, vua tự đi đánh giặc ở Đỗ Động Giang, bắt được bọn giặc ấy đem về.

Chiêm Thành đem quân đến biên giới nước ta rồi về.

Lụt to.

Mậu Tuất, năm thứ 5 [998] (Tống Hàm Bình năm thứ 1), mùa xuân, tháng 3, động đất 3 ngày.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng một, nhật thực. Tháng ấy, không mưa, đến tháng 6 dân bị bệnh ho, trâu bò ngựa chết nhiều.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng một là ngày Bính Tuất, nhật thực.

Kỷ Hợi, năm thứ 6 [999] (Tống Hàm Bình năm thứ 2), vua tự đi đánh phá được49 động thuộc vùng Hà Động[1] và các xứ thuộc động Nhất Tắc, châu Định Biên[2]. Từ đó các châu, động đều quy phục.

Canh Tý, năm thứ 7 [1000] (Tống Hàm Bình năm thứ 3), đánh giặc ở Phong Châu là bọn Trịnh Hàng, Trần Lệ Đan.

<31a> Bọn Hàng chạy vào núi Tản Viên.

Đại Thắng Minh Hoàng hậu là Dương Thị chết (xét sử cũ chép chữ "vong" là không đúng cách. Vì Dương Thị được tiếng của chồng trước làm Hoàng hậu của chồng sau, chẳng khác gì loài cầm thú di địch, cho nên chép bằng chữ "tử").

Kình Thiên Đại vương Hoằng (mất).

Sai tướng đi tuần nơi biên giới. Thống tướng là Từ Mục đi tuần cõi Hải Tây, Ngô Tử An đi tuần cõi Bắc, để dò xét tình hình biên giới.

Tân Sửu, năm thứ 8 [1001] (Tống Hàm Bình năm thứ 4), vua tự đi đánh bộ lạc Cử Long[3]. Vua cũ là Vệ Vương Toàn chết trận. Giặc thấy vua liền giương cung lắp tên, nhưng sắp bắn thì tên bị rơi, lại giương cung thì dây cung bị đứt, giặc sợ phải rút lui. Vua đi thuyền vào Cùng Giang đuổi theo. Giặc dàn trận ra hai bên bờ chống lại. Quân nhà vua bị vây hãm ở sông. Vệ Vương Toàn trúng tên chết tại trận. Vua tự đốc quân đánh, giặc mới thua.

---

(1) Hà Động: Tức động Hà Man thuộc đất Mường, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

(2) Động Nhất Tắc châu Định Biên: Tức vùng thượng lưu sông Mã, tỉnh Thanh Hóa.

(3) Cử Long: Thuộc đất Mường, thuộc huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

Nhâm Dần, năm thứ 9 [1002] (Tống Hàm Bình năm thứ 5), mùa xuân, tháng 3, định luật lệnh, tuyển quân ngũ, chia tướng hiệu làm hai ban, đổi mười đạo làm lộ, phủ, châu. Ban chiếu làm mấy ngàn mũ đầu mâu(1) ban cho <31b> sáu quân.

Quý Mão, năm thứ 10 [1003] (Tống Hàm Bình năm thứ 6), vua đến Hoan Châu, vét kênh Đa Cái(2) (nay là Hoa Cái), thẳng đến Trường Tư Củng thuộc Ảm Châu(3). Người Đa Cái làm phản. Vua sai chém đầu đem bêu. Nhân dân thành Nhật Hiệu và đầu mục là bọn Hoàng Khánh Tập đem gia quyến hơn 4 trăm người trốn sang Khâm Châu nhà Tống. Nhà Tống an ủi khuyên họ trở về. Bọn Hoàng Khánh Tập sợ tội không dám về, bèn ở lại bờ biển.

Mùa thu, tháng 8, vua ốm sang tháng thứ 9 thì khỏi.

Giáp Thìn, năm thứ 11 [1004] (Tống Cảnh Đức năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, lập Nam Phong Vương là Long Việt làm Hoàng Thái tử. Trước đó, Kình Thiên Đại vương là Thâu mất. Long Đĩnh xin làm Thái tử, vua cũng muốn cho, nhưng triều thần bàn không lập con trưởng mà lập con thứ là trái lễ, bèn thôi. Đến bấy giờ lập Long Việt làm Thái tử, mà gia phong cho Long Đĩnh, Long Tích tước đại vương.

Sai Hành Quân Vương là Minh Đề mang lễ sang thăm nước Tống, xưng là nhiếp thứ sử Hoan Châu. Minh Đề đến Biện Kinh khẩn khoản xin ân mệnh, vỗ về con cháu, vua Tống bằng lòng, triệu vào điện riêng thăm hỏi, thưởng cho rất hậu. Trao cho chức Kim tử vinh lộc đại phu kiểm hiệu Thái úy, Thứ sử Hoan Châu.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xưa kia Đinh Liễn phò giúp Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn, mở nước, uy danh lừng lẫy, đi sứ nhà Tống về, thì mệnh lệnh phong chức Thái sư đô hộ cũng về theo. Thế rồi thực sự trao cho tước quận vương. Có lẽ người Tống coi Đinh Liễn là người xứng đáng trị được nước đấy. Minh Đề là người thấp kém không tiếng tăm, phận là con thứ, làm sao bằng một phần mười Đinh Liễn được. Đề vâng lệnh đi sứ, khẩn khoản xin một chức quan, mà chức Thứ sử Hoan Châu kia thực chẳng khác gì nhiếp vụ! Minh Đề được chức ấy để làm gì? Ý của Đề là muốn mượn cái đó để lấn át anh em, cầu may cho cái mưu đồ không căn cứ đấy thôi, lưu lạc ở*

(1) Mũ đầu mâu: Tên một thứ mũ đội khi ra trận.

(2) Kênh Đa Cái: Ở phía Tây Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

(3) Ảm Châu: Không rõ là vùng nào.

Quảng Châu, một mai được sống về nước, gặp lúc nước có biến cố còn hy vọng **<32b>** *kịp giành nhau với Minh Xưởng, nhưng rốt cuộc cũng đều bị họ Lý giết. Thế là con cái Lê Đại Hành bị chết hết. Sinh con ra như thế, thực như đàn chó lợn!*

Vua xem đánh cá ở sông Đại Hoàng.

TRUNG TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua húy là Long Việt, là con thứ ba Lê Đại Hành. Năm Ứng Thiên thứ 11, được lập làm Thái tử. Sau khi Đại Hành mất, 8 tháng mới lên ngôi, được 3 ngày thì bị em cùng mẹ là Long Đĩnh giết, thọ 23 tuổi.

Vua không biết phòng xa để xảy ra hoạn nạn, tuy có đức tính nhân hậu, mà không được làm vua, đáng tiếc thay!).

Ất Tỵ, Ứng Thiên năm thứ 12 [1105] (Tống Cảnh Đức năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, vua [Đại Hành] mất ở điện Trường Xuân, táng ở Sơn Lăng, Trường Yên, gọi là Đại Hành Hoàng đế, nhân đấy làm miếu hiệu. Vua [Đại Hành] anh minh quả quyết, nhiều mưu trí, giỏi dụng binh phá giặc như thần, cho nên điều khiển được anh hào, vang động cả Di Hán, vua Tống nhiều lần ban sắc mệnh cho được thuận hoà, trong nước cường thịnh. Song tính nghiêm khắc tàn nhẫn, ưa người **<33a>** nịnh hót, người khéo chiều thì cất nhắc cho được gần gũi, người có lỗi nhỏ thì giết, hoặc đánh vào lưng đến một hai trăm roi. Sai khiến cho quan hơi không vừa ý liền đánh thật đau, rồi truất xuống làm người gác cửa, khi nguôi giận lại triệu về chức cũ. Quần áo phần nhiều chuộng lụa hồng, mũ thì trang sức bằng chân châu, cung điện vua ở cốt cho xa hoa tráng lệ. Nhưng cảnh thụ của các quan, doanh trại của sáu quân lại chật hẹp, mộc mạc. Sứ Tống mỗi lần sang ta thường chê cười về điều đó.

Mùa đông, tháng 10, Thái tử là Long Việt lên ngôi. Sau khi vua Đại Hành băng, Đông Thành Vương là Ngân Tích, Trung Quốc Vương là Kính, và Khai Minh Vương là Long Đĩnh đều nổi loạn, nên Thái tử vẫn chưa được lên ngôi, giằng co nhau đến 8 tháng, trong nước vô chủ, đến bấy giờ mới lên ngôi. Đông Thành Vương thua chạy vào đất Cự Long, vua đuổi bắt, lại chạy sang Chiêm Thành. Long Đĩnh giết vua ở trong cung và tự lên ngôi (Sử cũ chép Đĩnh truy đặt tên thụy cho Ngọa Triều là Trung Tông Hoàng đế. Nhưng lấy việc Lý Thái Tổ truy đặt tên thụy cho Ngọa Triều mà suy, thì có lẽ triều Lý truy đặt tên thụy cho Trung Tông mới đúng sự thật).

Vua lên ngôi được 3 ngày, em cùng mẹ là Khai **<33b>** Minh Vương Long Đĩnh, sai bọn kẻ cướp trèo tường vào trong cung giết chết. Các bề tôi đều chạy trốn, chỉ có quan Điện tiền Lý Công Uẩn ôm xác vua mà khóc. Long Đĩnh lên ngôi, cho Công Uẩn làm tứ sương quân phó chỉ huy sứ, tự đặt tôn hiệu là Khai thiên ứng vận Thánh văn Thần vũ tắc thiên sùng đạo Đại thắng Minh Quang Hiếu hoàng đế.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Ngọa Triều giết anh mà tự làm vua, bạo ngược với mọi người để thỏa lòng hung ác, dẫn đến mất nước mất ngôi, không phải họ Lê không may, mà lỗi ở Đại Hành không sớm đặt ngôi Thái tử và Trung Tông không biết phòng xa, để đến nỗi thế.*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Xét dã sử chép: Trung Tông nối ngôi, Long Đĩnh nổi loạn, Trung Tông cho là em cùng mẹ nên không nỡ giết. Cuối cùng bị Long Đĩnh giết chết. Trung Tông đối với <34a> tình anh em tuy là hậu đấy, nhưng về việc thờ cúng ở nhà tôn miếu thì xã tắc là trọng, tình anh em là khinh, huống đây lại là đứa em bất đễ! Lúc bấy giờ lẽ ra Trung Tông phải lấy việc xử tội bọn Quản Thúc[(1)], Thúc Nha[(2)] xưa mà trị cho đúng tội mới phải. Nếu không thể thì giam kín vào nhà riêng cho hết đời cũng được, thế mà lại tha hắn ra thì tai họa không đến mình sao được. Rút cuộc bị tuyệt diệt tông tự là do Trung Tông gây ra đó, có đáng trách gì Ngọa Triều! Cho nên người làm vua phải ở cho đúng đắn và chú trọng xét cho hết lẽ.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét việc Trung Tông lên ngôi mới được 3 ngày chưa kịp đổi niên hiệu đã bị giết, trước 3 ngày đó thuộc Đại Hành, sau 3 ngày đó thuộc Ngọa Triều. Niên hiệu hình như không hệ thuộc vào đâu, nhưng Trung Tông chính ngôi Thái tử, Lê Đại Hành mất. [Trung Tông] vâng theo di chiếu nối ngôi, tức là Thái tử lên nối ngôi báu đã thành vua rồi* **<34b>**. *Năm đó tuy Ngọa Triều đã cướp ngôi, nhưng cũng chưacó niên hiệu, đối với phép chép sử biên niên không có vướng mắc gì. Xét như Bắc sử, khi vua Minh Thần Tông mất, Thái tử là Hy Tông lên nối ngôi, chưa kịp đổi niên hiệu nhưng sử vẫn chép to chữ "Hy*

---

(1) Quản Thúc là em Chu Vũ Vương. Chu Vũ Vương mất, con là Thành Vương nối ngôi. Quản Thúc nổi loạn bị Chu Công giết chết.

(2) Thúc Nha là em của Trang Công. Khi Lỗ Quang Công mất, nổi loạn liền bị Quý Hữu bắt uống thuốc độc chết.

Tông" cho rõ chính thống mà niên hiệu thì viết to chữ "Vạn Lịch năm thứ 40 vua [Đại Hành] mất". Như vậy kỷ Lê Trung Tông nên chép theo phép chép ấy là đúng, cho nên chép theo như thế.

Long Đĩnh truy tôn mẹ đẻ là Chi Hậu diệu nữ làm Hưng quốc Quảng thánh Hoàng Thái hậu.

Lập 4 Hoàng hậu.

Bấy giờ Ngự Bắc Vương cùng Trung Quốc Vương đều chiếm giữ Phù Lan, Long Đĩnh tự đi đánh, đến Đằng Châu quản giáp là Đỗ Thị tâu việc người anh họ là Lê Hấp Ni làm phản. Long Đĩnh sai bắt tra hỏi, Hấp Ni cùng đồng bọn tất cả 12 người đều bị giết, đến trại Phù Lan, người trong trại đắp tường chắc cố thủ, không hạ được thành, bị bao vây suốt mấy tháng **<35a>**, trong trại hết lương, Ngự Bắc Vương, biết thế cùng quẫn, mới bắt Trung Quốc Vương đem dâng nộp. Vua chém Trung Quốc Vương tha tội cho Ngự Bắc Vương. Nhân đó, kéo quân đánh Ngự Nam Vương ở Phong Châu, buộc phải hàng. Quân trở về đến Đằng Châu, đổi châu đó làm phủ Thái Bình, bèn tự đi đánh Cử Long. Bấy giờ quân nhà vua ở trạm Phù Lan, tên giặc Cử Long vào cướp phủ, đã đi đến cửa biển Thần Đầu[1]. Quân kéo về đến Sông Tham bèn đi Ái Châu để đánh giặc Cử Long).

KHAI MINH VƯƠNG

(Vua tên húy là Long Đĩnh, lại có tên là Chí Trung, là con thứ 5 của Lê Đại Hành và là em cùng mẹ với Trung Tông. Trước được phong làm Khai Minh Đại Vương, Trung Tông lên ngôi được 3 ngày, vua giết Trung Tông mà cướp ngôi, vua có bệnh trĩ, phải nằm mà coi chầu, ở ngôi được 4 năm thì chết, thọ 24 tuổi. Giết vua, cướp nước thỏa tính hoang dâm bạo ngược, tự đưa đến chỗ diệt vong).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét việc Long Đĩnh cướp ngôi, cố nhiên không đáng được thụy hiệu đẹp, mà cái tên "Ngọa Triều" cũng không đúng. Có lẽ Lý Thái Tổ muốn dùng thụy hiệu xấu để gán cho, mà không biết rằng từ xưa những đế vương nào không đáng là vua thì hoặc gọi là phế đế, mạt đế* **<35b>** *hoặc lấy cái tên khi bị phế mà chép. Còn như cái hiệu*

[1] Thần Đầu: Nay thuộc địa phận huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

"Ngọa Triều" thì thô bỉ không căn cứ, hơn nữa Long Đĩnh cướp ngôi của anh mà được nước, thì nên theo cách chép của Cương mục về Tề vương - Trọng Quý, chỉ tước bỏ hiệu đế, vẫn chép là Khai Minh Vương, không cho được tự xưng là "đế".

Bính Ngọ năm thứ 13 [1006] (vẫn theo niên hiệu Ứng Thiên; Tống Cảnh Đức năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, Khai Minh Vương Long Đĩnh phong con trưởng là Sạ làm Khai Phong Vương; con nuôi Thiệu Lý làm Sở Vương, Thiệu Huân làm Hán Vương.

Đổi lại quan chế, triều phục, phẩm cấp cho các quan văn võ và tăng đạo, theo đúng như nhà Tống.

Mùa hạ, tháng 6, nhà Tống sai Thiệu Việp đưa thư sang dụ. Trước đó, khi vua Lê Đại Hành mất, các vương tử giành nhau lên ngôi, trong nước rối loạn. Vua Tống nghe tin, sai Tri châu Quảng Châu là Lăng Sách và Duyên Biên an phủ sứ là Thiệu Việp xem xét công việc mà tâu lên. Lăng Sách dâng thư tâu rằng: "Cứ theo như lời bọn Hoàng Khánh Tập và hơn nghìn người Giao Chỉ từ Liêm Châu đưa lên, thì các con của Nam Bình Vương mỗi người đều phân tán đặt trại sách **<36a>** quan thuộc chia lìa, nhân dân lo sợ, xin đem quân sang đánh dẹp. Khánh Tập nguyện làm tiên phong, hẹn ngày có thể lấy được. Xin cho lấy lính đồn ởcác châu Quảng Nam[1] và cho thêm 5 nghìn quân tinh nhuệ ở Kinh Hồ[2], đường bộ đường thủy cùng tiến, có thể lập tức bình định được". Vua Tống nghĩ họ Lê lâu nay vẫn giữ lễ cống, không nỡ đánh trong lúc có tang. Ban chiếu cho bọn Sách vỗ về như trước, cốt cho được yên ổn, đồng thời sai Việp đưa thư nói rõ về uy đức của triều đình, bảo anh em đừng giết hại lẫn nhau, nếu để lâu không định ngôi thứ, khi đó quân triều hỏi tội, thì hối sao kịp. Khi Minh Vương Long Đĩnh sợ xin được sai em sang cống.

Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Long Đĩnh hung hãn, cướp ngôi, anh em tàn hại lẫn nhau, khắp thiên hạ đều căm ghét. Tống Chân Tông nếu vì cớ họ Lê vẫn giữ chức phận tiến cống đáng mất thì xô đổ đi, đáng còn thì giữ lấy có lẽ cũng là để nói rõ nghĩa lớn làm cho sáng tỏ tội cướp ngôi, rồi chọn một người tốt trong* **<36b>** *các vương mà lập lên, thì cái nghĩa cứu tai nạn, thương láng giềng, cả hai bề không ai chê được, mà dòng dõi của Lê Đại Hành quyết không mất ở đời Ngọa Triều và việc làm của Thiên tử*

(1) Quảng Nam: Tức Quảng Đông, Quảng Tây thuộc Lĩnh Nam.

(2) Kinh Hồ: Tức miền Hồ Bắc Hồ Nam Trung Quốc.

không ai chê được. Nhưng [Tống Chân Tông] lại điềm nhiên nhìn như người nước Việt chẳng để ý đến sự béo gầy của người nước Tần, mà ban chiếu chiêu an, sai sứ hiểu dụ. Thế là làm cho [Long Đĩnh] làm được việc cướp ngôi, cương thường bị mất hết, lại ban ấn tước vương, đặt tên là Chí Trung, sao mà xằng bậy quá thế!

Hành Quân Vương Minh Đề từ Tống về nước. Cuối niên hiệu Ứng Thiên, Đề vâng mệnh sang thăm nước Tống, rồi vì nước loạn không về được, ở lại Quảng Châu. Đến bấy giờ, vua Tống ban chiếu cho Thiệu Việp khuyên dụ Đề về hay ở cho được tự chọn. Nếu muốn về thì cấp cho người, thuyền và quán khoán[1] mà về. Minh Đề về nước, Việp muốn nhân dịp này mưu cướp nước ta, bèn dâng vua Tống bản đồ vẽ đường thủy, đường bộ từ Ung Châu đến Giao Châu, vua Tống đưa cho các cận thần xem và **<37a>** nói: "Giao Châu khí độc, dịch bệnh, nếu cất quân đi đánh tất phải thương tổn nhiều, chỉ nên lo giữ cẩn thận cõi đất của tổ tông thôi". Việc cướp nước ta đành thôi.

Mùa đông, tháng 10, ngày Bính Ngọ, Khai Minh Vương Long Đĩnh nhân ngày sinh nhật làm núi trúc, ban yến cho quần thần.

Châu Vị Long dâng con ngựa trắng, 4 vó đều có cựa (châu Vị Long nay là châu Đại Man).

Đinh Mùi, năm thứ 14 [1007] (vẫn theo niên hiệu Ứng Thiên, Tống Cảnh Đức năm thứ 4), mùa xuân, Khai Minh Vương Long Đĩnh sai em là Minh Xưởng và trưởng thư ký là Hoàng Thành Nhã dâng con tê trắng cho nhà Tống xin kinh Đại Tạng.

Mùa thu, tháng 8, nhà Tống sai sứ sang ban sắc mệnh, phong Khai Minh Vương là Long Đĩnh tước Giao Chỉ quận vương, lĩnh Tĩnh Hải quân tiết độ sứ, ban tên là Chí Trung, ban tước mệnh cho Minh Xưởng và Thành Nhã. Vua Tống đúc ấn "Giao Chỉ quận Vương" ban cho chuyển vận sứ Quảng Tây.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Đầu đời Lê Đại Hành, sự tiến cống thăm hỏi đến luôn. Qua 3 lần ban sắc* **<37b>** *mệnh rồi mới phong vương. Nay cái tội của Long Đĩnh đã không bị giết, mà sứ thăm hỏi mới sang đã liền có sắc mệnh phong là "Chân Vương" và ban cho tên đẹp. Đó là khuyến khích cho người ác, quá lắm*

---

[1] Quán khoán: Tờ khoán ở sứ quán để ghi rõ họ tên chức vụ, quyền hạn, cư trú, v.v...Cũng gần như giấy phép đi đường của ta hiện nay.

thay! Chưa bao lâu thì Long Đĩnh lại xin áo giáp mũ trụ và xin trao đổi buôn bán. Vòi vĩnh như trẻ con, há không phải là yêu bừa bãi mà.sinh nhờn sao!

Mậu Thân [1008] (Cảnh Thụy năm thứ 1, Tống Đại Trung, Tường Phù năm thứ 1), Khai Minh Vương Long Đĩnh mới đổi niên hiệu.

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Xét Long Đĩnh, cướp ngôi từ tháng 10 năm Ất Tỵ niên hiệu Ứng Thiên thứ 4 [1005], trải qua năm Bính Ngọ, Đinh Mùi gồm 3 năm vẫn chép niên hiệu của Đại Hành. Đến bây giờ mới đổi niên hiệu, có phải là đợi 3 năm hết tang cho hợp với cái nghĩa "3 năm không thay đổi đạo cha" đấy chăng? Việc làm trái với lẽ thường ấy phần lớn làhành động của kẻ mất nước, chẳng phải bàn nhiều. Riêng tội bội nghĩa giếtvua là mọi người cùng được phép trừng phạt, giếtanh cướp ngôi không nối quốc thống của ai nên theo nối chép biến lệ: **<38a>** chia chú niên hiệu thành hai hàng, hàng chép chữ to thì vẫn để niên hiệu được phong cũ, phần chép việc thì chép là "vương" như các vua bị phế truất. Chữ "băng" thì chép lại là "tồ" (chết). Chép như vậy là để nêu tội cướp ngôi, để răn cho muôn nghìn đời sau. Đấy là bắt chước cái ý chép Kinh Xuân Thu. Không chép việc Hoàn Công lên ngôi. Không phải là cố ý thay đổi văn cũ thích làm những điều lập dị... Bài tổng luận của Lê Tung cho Long Đĩnh là đứa bất trung bất hiếu, mà sử thần lại chép "Hoàng đế thì danh nghĩa không đúng đắn đấy. Nếu theo phép chép Kinh Xuân Thu, định lời khen chê cho công bằng thì nên tước bỏ ngụy hiệu của Ngọa Triều để trừng phạt kẻ phản nghịch, sau mới gột rửa được cái sai lầm của sử thần. Đó là lời bàn đích đáng không thể thay đổi được.*

Khai Minh Vương Long Đĩnh phong con nuôi của Cảm Thành Hoàng hậu là Lê Ốc Thuyên làm Tam Nguyên Vương.

***<38b> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Hoàng hậu cũng có con nuôi, thậm chí phong cho đất ăn lộc, hỗn loạn đến thế, không mất nước thì còn đợi gì nữa.*

Khai Minh Vương Long Đĩnh tự làm tướng đi đánh Động Man, bắt được nhiều người nhiều của rồi về. Long Đĩnh lại đi đánh hai châu Đô

Lương[1] và Long Vị[2] bắt được người Man và vài trăm con ngựa. Đánh Án Động bắt được người Man rồi sai người lấy gậy đánh. Người Man đau quá gào thét, nhiều lần xúc phạm đến tên húy của Lê Đại Hành, Long Đĩnh lấy làm thích lắm. Lại tự làm tướng đi đánh Hoan Châu và châu Thiên Liễu, bắt được người, làm chuồng nhốt vào rồi đốt.

Kỷ Dậu [1009] (Cảnh Thụy năm thứ 2, Tống Đại Trung Tường Phù năm thứ 3), Khai Minh Vương Long Đĩnh sai sứ sang biếu vua Tống con tê ngưu đã được thuần dưỡng. Vua Tống thấy con tê ngưu từ xa đưa đến muốn trả lại nhưng sợ phật ý Long Đĩnh, nên sai người đợi cho sứ về thì thả ra bờ biển. Long Đĩnh lại xin áo giáp, mũ trụ và các đồ trang sức bằng vàng, vua Tống cũng cho **<39a>** Long Đĩnh lại xin thông thương với Ung Châu. Vua Tống chỉ cho thông thương với Châu Liêm và trại Như Hồng, vì Ung Châu là nơi khống chế ở biên giới, nên không cho.

Khai Minh Vương Long Đĩnh sai quân dân Ái Châu đào kênh, đắp đường dựng ụ bia từ cửa Văn Long[3] qua Đỉnh Sơn[4] đến sông Vũ Lũng[5] là theo lời xin của Đô đốc Kiều Hành Hiến (sử cũ chép: trên chữ "Đô đốc" có chữ "ngô" là sai, nay bỏ).

Khai Minh Vương Long Đĩnh tuần hành Ái Châu, đến sông Vũ Lũng, nghe đồn dưới sông có thủy quái, người không dám lội qua, Long Đĩnh liền ra lệnh đóng thuyền sẵn ở sông để chở người qua lại.

Mùa thu, tháng 7, Khai Minh Vương Long Đĩnh tự làm tướng, đi đánh các châu Hoan Đường[6], Thạch Hà, quân đến Hoàng Giang, [Long Đĩnh] sai Phòng át sứ là Hồ Thủ Ích dẫn hơn 5 nghìn quân châu Hoan Đường sửa chữa đoạn đường từ sông Châu Giáp đến cửa biển Nam Giới để tiện việc hành quân. Thuyền rồng ra ngoài khơi Hoàn Hải, bỗng nổi mây mưa mù mịt, sóng gió dữ dội, bèn quay thuyền về vì thấy đường biển nguy hiểm, nên lên đường bộ về **<39b>** kinh sư.

Mùa đông, tháng 10, Khai Minh Vương Long Đĩnh băng. Trước đây Long Đĩnh xin làm Thái tử, Lê Đại Hành vì công luận bức bách mà không cho. Long Đĩnh giận, mưu làm phản, dần dần lộ ra, Lê Đại Hành

[1] Đô Lương: Tức huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Long Vị: Tức huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

[3] Văn Long: ĐVSKTT chép là Chi Long.

[4] Đỉnh Sơn: thuộc tỉnh Thanh Hoá.

[5] Vũ Lũng : thuộc tỉnh Thanh Hoá.

[6] Châu Hoan Đường: Thuộc đất Hoan Châu. Lê gọi là châu Hoan Đường, thuộc Minh đổi là Thạch Đường. Hậu Lê đổi là huyện Nam Đường, là Phủ Anh Sơn, tỉnh Nghệ An (CMcb 2).

biết nhưng không nỡ giết , lại dung thứ cho. Long Đĩnh cũng không yên tâm. Khi đã cướp ngôi mới tha hồ làm điều ác, tính thích giếtngười, khi hành hình người thì hoặc lấy cỏ tranh quấn vào người rồi châm lửa đốt, hoặc sai tên hề người Tống là Liêu Thủ Tâm cầm dao cùn mà xẻo thịt người ấy đau đớn kêu la thì Liêu Thủ Tâm lại nói đùa rằng: "Tên này chịu chết không quen". Long Đĩnh cười ầm lên. Đi đánh dẹp bắt được tù binh thì giải đến bờ sông chờ lúc nước triều xuống, sai người làm chuồng dưới nước xua tù binh vào đó, khi nước triều dâng tù binh sặc xụa mà chết. Hoặc sai người trèo lên ngọn cây rồi chặt cây ấy, người trên ngọn cây rơi xuống chết thì reo cười lấy làm vui. Những súc vật định mổ thịt thì Long Đĩnh cầm dao đâm trước. [Long Đĩnh] thường dóc mía trên đầu sư Quách Ngang, giả vờ nhỡ tay cho lưỡi dao trượt xuống đầu sư chảy máu, cười làm trò đùa. Mỗi buổi coi chầu, phải sai bọn hề hầu ở bên cạnh, **<40a>** có ai nói gì thì chúng nhao nhao nhại theo mà cười ồ, làm rối loạn lời tâu của các quan, Long Đĩnh hoang dâm, rượu, gái, lâu dần thành bệnh trĩ, phải nằm mà coi chầu. Đến bấy giờ chết, vì thế gọi là Ngọa Triều (nằm mà coi chầu).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Vua Kiệt nhà Hạ thích giếtngười, đến nỗi cổ hình "bào lạc"*(1)*. Vua Trụ nhà Thương thích giếtngười, đến nỗi chặt chân người già lội nước*(2)*, dù tốt như Long Bàng*(3)*, Tỷ Can*(4) *trung thành hết sức can ngăn cũng bị giết nên mất nước rất nhanh. Những vua thích giết người đời sau như Tôn Hạo*(5) *nước Ngô cũng nhiều, đều bị diệt vong nhanh chóng. Ngọa Triều không những thích giếtngười, lại còn oán vua cha không lập mình làm Thái tử, đánh đau người Man để họ kêu gào, nhiều lần phạm đến tên húy của cha mà lấy làm thích như thế lại còn tệ hơn. Chóng mất nước há phải là không có nguyên nhân. Lại xét Trung Tông và Ngọa Triều đều không chép chôn ở đâu. Đó là lỗi của nhà làm sử, há dám coi vua mình như mọi rợ mà không chép*

---

(1) Bào Lạc: Là một hình phạt thời vua Trụ. Vua Trụ cho bôi mỡ lên cột đồng trên lò than hồng, bắt tội nhân leo lên cột rồi vì trơn bị rơi xuống lò than chết.

(2) Chặt chân người già lội nước: Thủy Kinh chú chép rằng có người già sắp phải lội qua dòng nước cứ chần chừ không dám lội qua; vua Trụ thấy vậy hỏi vì sao, các quan tả hữu tâu rằng "ông già tuỷ yếu sợ lạnh", vua Trụ bèn sai chặt chân ông già để xem tuỷ.

(3) Long Bàng: Người bề tôi hiền thời Hạ. Cuối cùng bị Kiệt giếtchết vì hay can những điều bạo ngược của Kiệt.

(4) Tỷ Can: Người bề tôi hiền đời nhà Thương, bị Trụ mọi tim chết vì tội khuyên Trụ làm điều phải.

(5) Tôn Hạo: Tên bạo chúa của nước Ngô thời Tam Quốc, sau phải hàng nhà Tống.

nơi chôn sao ?

<40b> Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Thời xưa những vua thích giếtngười thì Kiệt Trụ đã là quá rồi, Ngọa Triều ban hình phạt, thích giếtngười nhưng sao lại tệ quá đến như thế! Nay qua những việc nhà làm sử đã ghi chép như: róc mía trên đầu sư, quấn cỏ tranh vào lưng tù, ngày ngày lấy sự chém giếtlàm vui. Những hình phạt như nhốt người dưới nước, bắt người leo cây! Coi mạng người không bằng cỏ rác. Tính người ai chẳng có, riêng Ngọa Triều lại không có hay sao? Thậm chí oán vua cha không lập mình làm Thái tử đến nỗi đánh người Man đau để chúng chửi rủa tên cha mình. Đó là điều cả đến Kiệt Trụ cũng không nỡ làm. Ôi cũng một duộc với bọn loạn tặc thì không thể không mất nước.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Từ xưa, những vua vô đạo, ở thời Tam Đại và cuối thời Hán Đường mà hoang dâm bạo ngược thì có nhiều. Riêng đạo cha con là bắt gốc từ bẩm tính trời sinh. Con hổ, con sói dù dữ tợn nhưng cũng chung một đạo ấy. Thế mà Long Đĩnh chứa chất thù giận cha, coi cha như người đi đường! Khác nào Đông Hậu hầu*[1]***<41a>*** *thấy Minh Đế ốm nặng, liền viết một chữ "hỉ" thật to và viết xung quanh 36 chữ "hỉ" nhỏ; Chu Thiên Nguyên*[2] *oán Cao Tổ không lập mình làm vua, đến khi Cao Tổ mất thì nói với mọi người rằng: "Chết muộn quá đấy!" Khai Minh Vương xin làm Thái tử không được, bèn nhân đấy mang lòng oán giận đánh đau người Man, khiến chúng gào chửi tên cha thì lấy làm hả dạ. Xét chủ tâm của Khai Minh Vương thì cũng một loài cú cáo như bọn Lưu Thiệu*[3]*, DươngQuảng*[4] *và Chu Bạt Văn*[5] *cả thôi, làm gì đáng chép bằng chữ "tổ" và nơi chôn được? Sử trước không chép nơi chôn là phải. Ngô Sĩ Liên lại coi ngang với Trung Tông và cho là không dám coi vua như man mọi là không đúng. Có người hỏi Khai Minh Vương hung hãn bạo ngược, Lý Thái Tổ địa vị danh vọng ngày một cao, trong ngoài đều đã tâm phúc, Lý Thái Tổ lại rất căm phẫn về tội ác giết*

---

[1] Đông Hậu hầu: Con vua Minh Đế thời Nam Tề, tính rất tàn bạo, nối ngôi 3 năm thì bị giết chết.

[2] Chu Thiên; Nguyên: Tức Chu Thuyên Đế thời Bắc Chu.

[3] Lưu Thiệu: Con vua Văn Đế thời Nam Tống, giết cha để làm vua, cuối cùng bị giết.

[4] Dương Quảng: Tức Tùy Dạng Đế cũng phạm tội giết cha để làm vua, cuối cùng cũng bị giết.

[5] Chu Bạt Văn: Có lẽ là Chu Bạt Khuê thì đúng hơn. Vì Chu Bạt Khuê đã giết cha và em là Chu Bạt Văn để lên ngôi. Cuối cùng phải tự sát.

anh cướp ngôi của Khai Minh [vương] nhân lúc Khai Minh Vương bệnh tật, sai người vào đầu độc giếtđi rồi dấu kín việc đó, nên sử không được chép, nếu quả như vậy, cũng là đạo trời hay báo, cho nên chép phụ vào đây để làm răn.

<41b>Ngày Quý Sửu, Tả thân vệ điện tiền chỉ huy sứ là Lý Công Uẩn tự lập làm vua. Trước đó, ở làng Diên Uẩn, châu Cổ Pháp có sét đánh vào cây gạo. Người trong làng nhận ra vết sét đánh có chữ rằng:

Thụ căn diểu diểu
Mộc biểu thanh thanh
Hòa đao mộc lạc
Thập bát tử thành
Đông A nhập địa
Mộc di tái sinh
Chấn cung xuất [1] nhật
Đoài cung ẩn tinh
Lục thất niên gian
Thiên hạ thái bình

(Gốc cây thăm thẳm
Ngọn cây xanh xanh
Hạt hòa đao rụng
Mười tám hạt thành
Đông A vào đất
Cây khác lại sinh
Đông mặt trời mọc
Tây sao náu mình
Khoảng sáu bảy năm
Thiên hạ thái bình).

Sư Vạn Hạnh bảo riêng với Lý Công Uẩn rằng: "Gần đây cứ suy lời sấm thì họ Lý đáng nổi lên. Nay họ Lý trong nước có ai khoan từ nhân thứ rất được lòng người như Thân vệ, binh quyền trong tay, làm chủ muôn hộ, nếu bỏ Thân vệ thì còn ai đương nổi". Công Uẩn sợ lời ấy tiết lộ ra, sai người anh giấu sư Vạn Hạnh ở Tiên Sơn. Vì thế cũng nhân đấy

[1] ĐVSKTT chép là "kiến". Nguyên bản này là chữ "xuất". Nhưng chữ "xuất" là chữ mới thay. Vì ở trang <43a> là chữ "kiến".

mà tự phụ, bắt đầu có ý ngấp nghé ngôi vua và cũng có nhiều người theo. Khai Minh Vương từng ăn quả khế, được hạt mận ở trong, liền tin lời sấm, ngầm tìm người họ Lý để giết đi, mà Công Uẩn hàng ngàyhầu ở bên cạnh vẫn không hay biết. Đến khi **<42a>** Khai Minh Vương chết,con nối dòngcòn bé, Công Uẩn cùng Hữu Vệ chỉ huy sứ Nguyễn Đê mỗi người được đưa 500 quân tùy long vào cung bảo vệ. Chi hậu Đào Cam Mộc đoán biết Công Uẩn có ý muốn nhận sự nhường ngôi, nhân lúc vắng nói khích Công Uẩn rằng: "Chúa thượng ngu tối bạo ngược, trời chán ghét đức tính ấy, con nối dòng còn bé nhỏ, chưa cáng đáng nổi nhiều hoạn nạn. Mọi việc phiền nhiễu bách thần không ưa, dân chúng xôn xao muốn tìm chúa chân chính sao Thân vệ không nhân lúc này nghĩ ra mưu hay, quyết đoán sáng suốt, xa thì noi dấu cũ của Thang Vũ(1), gần thì xem việc làm của Đinh, Lê(2) trên thuận lòng trời, dưới theo lòng dân, mà cứ khư khư giữ đức hạnh nhỏ làm gì!" Công Uẩn trong lòng vui thích về lời nói ấy nhưng còn ngờ Cam Mộc có mưu đồ gì khác, giả vờ trách mắng rằng: "Sao ông lại nói như thế? Tôi phải bắt ông nộp quan". Cam Mộc nói: "Tôi thấy vận trời, việc người như thế, nên mới dám nói ra, nay ông lại cáo giác với quan, tôi thực không tránh nổi cái chết". Công Uẩn nói: "Tôi đâu nỡ cáo giác ông, chỉ sợ lời nói tiết lộ ra thì bị giếtcả nhà, nên răn ông đó thôi" **<42b>**. Hôm sau Cam Mộc lại bàn với Công Uẩn rằng: "Người trong nước đều biết họ Lý đáng nổi lên, lời sấm đã hiện ra, đó là cái họa không thể che giấu nổi, chuyển họa thành phúc chỉ một sớm một chiều. Đây là lúc trời trao mệnh và người hưởng ứng theo. Thân vệ còn ngờ gì nữa". Công Uẩn nói: "Tôi biết rõ ý ông không khác ý Vạn Hạnh. Nếu đúng như lời ấy, thì nên tính kế thế nào?" Cam Mộc nói: "Thân vệ là người công bằng nhân hậu, lòng người rất phục. Hiện nay trăm họ khốn khổ, dân không chịu nổi, Thân vệ nhân đó lấy ân đức mà vỗ về, thì họ tất đổ xô theo ông như nước chảy xuống chỗ trũng, ai ngăn được?" Cam Mộc sợ việc gấp sinh biến, bèn đem việc đó nói với khanh sĩ, các quan, không ai dám có ý gì khác. Ngày hôm ấy, họp nhau ở triều đường bàn với nhau rằng: "Nay (đối với nhà Lê) ức triệu người đã khác lòng, thần dân đều lìa ý, mọi người chán ghét sự hà khắc bạo ngược của tiên đế, không muốn theo về vua nối dòng và đều có ý suy tôn Thân vệ. Nếu không nhân dịp này cùng suy tôn Thân vệ làm Thiên tử, phút chốc xảy ra tai biến, thì liệu chúng ta có giữ được đầu không?" **<43a>**. Bèn đem việc ấy tâu lên

(1) Thang là vua nhà Thương. Vũ là vua nhà Chu. (Trung Quốc).

(2) Đinh, Lê: Ý nói việc vua Lê Đại Hành làm việc thay nhà Đinh.

Thái hậu, Thái hậu vời Công Uẩn vào khuyên lên ngôi, quần thần cùng phò Công Uẩn lên điện ngọc, lên ngôi hoàng đế, trăm quan quây quần lạy dưới sân hô "vạn tuế" vang dậy trong ngoài. Đại xá cho thiên hạ, lấy năm sau làm năm đầu niên hiệu Thuận Thiên, đốt lưới đi săn, bãi việc kiện tụng, ban chiếu cho từ nay ai có việc gì kiện tụng, thì đến triều đường tâu bày, vua sẽ xét xử. Các bề tôi dâng tôn hiệu là Phụng thiên chí lý ứng vận tự tại Thánh minh long hiện Duệ văn anh vũ Sùng nhân quảng hiếu, thiên hạ thái bình, khâm minh quang trạch chương minh vạn bang, hiển ứng phù cảm, uy chấn phiên nam, duệ mưu thần trợ, thánh trị Tắc thiên đạo chính Hoàng đế.

(Xét bài văn ở vết sét đánh cây gạo, sư Vạn Hạnh bình riêng rằng: "Thụ căn diểu diểu" thì chữ "căn" (**trang 225**) nghĩa là gốc, chữ "diểu" ( ) đồng âm với chữ "yểu" nên coi là chữ "yểu", "Mộc biểu thanh thanh" thì chữ "biểu" ( ) nghĩa là ngọn ( ), ngọn ví bề tôi, "thanh" ( ) gần âm với chữ "thanh" ( ) chữ thanh ( )

phải coi là chữ thanh ( ), thanhlà thịnh vượng. "Hoà" ( ) "đao" () "mộc" ( ) là chữ Lê ( ),"thập" ( ) "bát" ( ) "tử" () là chữ "Lý" ( ), "đông" ( ) "a" ( ) làchữ Trần ( ) "vào đất" ( ) là người phương Bắc vào cướp phá "mộcdị tái sinh" ( ) là họ Lê lạixuấthiện, "Chấn cung hiệnnhật" ( )chấn ()làphươngĐông, hiện ( ) là xuấthiện "nhật" là vua, "Đoài cung ẩn tinh" ( ) "đoài" ( ) làphương tây, "ẩn" () là mất đi **<43b>** "tinh" ( ) là sao, ví như dânchúng. Bài ấy nói rằng: "Vua yếu, tôi mạnh, nhà Lê đổ, họ Lý thành, phương Đông vua xuất hiện phương Tây dân chúng mất, qua sáu bảy năm thì thiên hạ được thái bình".

Ôi! Trời có nói gì đâu! Một tiếng sét thành ra chữ, chỉ bốn mươi chữ, mà việc hưng phế của dòng họ các đời trong khoảng trăm nghìn năm đều khái quát vào đấy cả. Có lẽ sư Vạn Hạnh giỏi về suy đoán, nhân sét đánh cây gạo, giả thác bài chữ sét đánh để tỏ sự thần dị. Ngoại sử chép: Sư Vạn Hạnh thông hiểu đầy đủ Tam học[1] phát ra lời là thành sấm. Vua Lý Nhân Tông tặng bài thơ rằng:

Vạn Hạnh dung tam tế,
Chân phù cổ sấm ky.
Hương quan danh Cổ Pháp,

[1] Tam học là học thuyết Nho, Đạo, Lão.

Trụ tích trấn vương kỳ.

(Vạn Hạnh thông ba kiếp,

Phúc hợp cổ sấm thi.

Quê hương làng Cổ Pháp,

Cắm gậy trấn kinh kỳ).

Xem lời ông bình thì từ câu "Mộc dị tái sinh" trở lên thì sự phân thích tinh thông ẩn tự không sai. Từ câu "chấn cung" trở xuống thì còn hàm hồ, có lẽ có ý gì tinh vi thần diệu khác chưa lộ ra hết. Gần đây có một loại người hiểu sự việc theo ý riêng của mình suy diễn để mê hoặc người nghe, khiến cho bọn gian phu mưu làm bậy trái với chức phận mình, dẫn đến chết chóc liên miên, binh đao không ngớt, tác hại của lời sấm thật ghê gớm thay! Tử Trương[1] hỏi: Việc người đời sau có thể biết được không? Khổng Tử liền đem việc nhà Ân phải theo lễ nhà Hạ, nhà Chu phải theo lễ nhà Ân mà trả lời, nào có suy diễn linh tinh gì đâu. Một đoạn bình riêng của sư Vạn Hạnh đáng lẽ bỏ đi, nhưng để khỏi mất sự thực cho nên chú bằng chữ nhỏ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Kinh Thư tôn xưng vua Nghiêu là Phóng Huân, vua Thuấn là Trùng Hoa, những bề tôi đời sau theo đức hạnh có thực mà tôn xưng vua đến hơn chục chữ, đã là nhiều rồi. Bây giờ bề tôi dâng tôn hiệu cho [Lý Thái Tổ] đến năm mươi chữ, thế là không kê cứu họcvấn đời xưa, chỉ cốt* ***<44a>*** *nịnh vua. Thái Tổ nhận mà không từ chối, đó là muốn khoe khoang để cho đời sau không ai hơn được đều là sai cả. Về sau dâng tôn hiệu Thái Tông cũng đến gần năm mươi chữ, có lẽ cũng bắt chước cái sai lầm ở đây.*

Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Nghiêu Thuấn là vua tốt trong đời Ngũ Đế. Các nhà làm sử tán dương công đức của Nghiêu Thuấn đến tột bậc, không ngoài vài chữ chẳng hề thêm một chữ nào. Thực là một lời đã đủ bao trùm được cả. Lý Thái Tổ nhân khi Ngọa Triều tối tăm dâm loạn, hợp với lòng người vui vẻ suy tôn, một mai được như thế, không khỏi không hổ thẹn phụ trời đất. Nếu quả có đạo đức cao hơn Hiên Hiệu*[2] *vượt hẳn cả*

---

[1] Tử Trương: Học trò Khổng Tử, thông minh nhưng không được bạn mến vì không ưa điều nhân nghĩa.

[2] Hiên Hiệu: Hiên là Hiên Viên tức là vua Hoàng đế, Hiêu là vua Phúc Hy.

Diêu Đường[1] cũng không nên có những lời quá khen như thế. Thời bấy giờ các bề tôi đều tham phú quý, hết lời tán dương. Mấy chữ tôn xưng "chí lý" "tự tại", thực vô nghĩa lý, mà mấy chữ "thánh minh long hiện tại, sao mà quê mùa quá thể? Kể ra một ông vua tài đức trung bình mà bề dưới gia tăng từ đẹp để tôn xưng, thì vua ấy sẽ phật lòng và biết là họ nịnh mình chứ **<44b>** *đằng này Lý Thái Tổ cứ yên lặng mà nhận, không hề từ chối, nghĩa là làm sao? Nếu muốn tự tôn trọng, tự khuếch đại mình mà không biết thế nào là đúng thì chỉ tự làm cho mình hẹp hòi và bị khinh rẻ thôi.*

Truy tôn, cha là Hiển Khánh Vương, mẹ Phạm Thị là Minh Đức Thái hậu.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Nhà Chu dấy nghiệp vương, thì truy phong là Đại Vương, Vương Quý. Nhà Tống xưng đế thì truy phong là Hy Tổ, Dực Tổ, có lẽ là phỏng theo cái nghĩa "cha vì con mà được tôn quý". Lý Thái Tổ đã xưng đế mà lại truy phong cha là Hiển Khánh Vương. Quan bộ Lễ bấy giờ không biết đính chính lại là tự ti đấy.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét theo sử chép: Phạm Thái hậu đi chơi ở Tiêu Sơn giaohợp với thần, rồi có thai mà sinh ra vua. Năm lên 3 tuổi, Lý Khánh Văn' nuôi làm con nên đứng họ Lý. Theo bài Tiêu Sơn tự ký thì Thái hậu cảm thụ tinh khí con khỉ bạch mà sinh ra vua ở chùa này,* **<45a>** *sư Vạn Hạnh đưa về nuôi. Theo Ngoại truyện thì: mẹ vua năm hai mươi tuổi, do nghèo túng lam lũ không có chồng, nương tựa vào vị sa môn già ở chùa Ứng Thiên cho làm việc nấu bếp, đêm đêm dậy đồ xôi. [Một hôm bà] ngủ quên, lửa tắt, sa môn vô tình chạm phải, giật mình tỉnh dậy thấy lòng xáo trộn rồi có thai, bị sa môn đuổi đi, bà vào chùa khác, đủ tháng thì sinh ra vua. Có cái điềm Phật Tam Thế Tôn tán thuốc cho, các sư tăng đều kinh ngạc. Thế rồi mẹ con dắt nhau xin ăn ở nhà chùa, đến nhà thiền sư Lý Khánh Văn, Khánh Văn trước đã thấy chiêm bao lạ, nhân đó xin làm con nuôi. Thế là cha vua thực chưa rõ là ai.*

Xem ở năm Thuận Thiên thứ 9 [1018], vua truy phong tiên tổ

---

[1] Diêu, Đường: Diêu là họ vua Thuấn, Đường là họ vua Nghiêu, ở đây chỉ hai vua Nghiêu, Thuấn thời cổ của Trung Quốc.

tỉ làm hậu và đặt tên thụy mà không nói đến tiên tổ khảo. Như vậy thì tiên tổ tỉ là mẹ của Thái hậu mới thực là bà tổ sinh ra họ Lý. Nhưng mẫu hậu là người không thể đứng chủ tôn miếu được. Châm chước, cân nhắc thì Lý Thái Tổ phải là ông tổ vĩnh viễn cho tôn miếu họ Lý, mà tôn thờ Thái hậu **<45b>** *riêng một miếu khác là hợp lệ hơn, còn như cha nuôi Lý Khánh Văn và bà ngoại họ Phạm thì nên ưu đãi bằng cách phong tước vị, cho lập miếu thờ. Tiếc rằng các bề tôi lúc bấy giờ không ai biết tâu bày với vua những điều ấy, đến khi truy tôn cha làm vương, mẹ làm hậu mà không nói rõ là cha đẻ hay cha nuôi. Nếu coi Hiển Khánh là hư vị thì là thất lễ và tự dối mình, nếu Hiển Khánh là Khánh Văn thì là thất lễ và nhảm nhí. Hai việc làm trái lễ đó ắt phạm phải một điều, có đáng bàn luận gì về sự tự ti mà còn đem so sánh với nhà Chu nhà Tống?*

Lập 6 Hoàng hậu, riêng bà vợ cả thì gọi là Lập GiáoHoàng hậu, chế độ xe cộ áo quần khác hẳn với các bà hậu khác.

Sách phong con trưởng là Phật Mã làm hoàng Thái tử, còn các con khác đều phong tước hầu, 13 người con gái đều gọi là công chúa.

Phong quan tước cho người thân và người có công: Phong Đào Cam Mộc làm Nghĩa Tín hầu và gả con gái đầu là An Quốc công chúa; phong anh vua làm Vũ Uy Vương, phong chú làm Vũ Đại Vương; phong con của Vũ Uy Vương là Trưng Hiển làm Thái úy; con của Dực Thánh Vương là Phó làm tổng quản; Trần Cảo làm tướng công. Ngô Đình làm Khu mật sứ, Đào Thạc phụ làm Thái bảo, Đặng Văn Hiếu làm Thái phó, Phí Xa Lỗi làm Tả kim ngô, Vệ Trúc làm Hữu kim ngô, Đàm Thản làm Tả vệ, Đỗ Giản làm Hữu vệ, còn các người khác đều để như cũ.

Ban quần áo cho các tăng đạo.

Ở trên, triều nhà Lê gồm 3 đời vua, bắt đầu từ năm Tân Tỵ [981] đến năm Kỷ Dậu [1009] cộng 29 năm.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Lê Đại Hành ứng giấc mộng hoa sen kết hạt, hợp với điềm lành rồng vàng ấp trên cái côi. Trời phú cho cái tính công bằng và ban phúc cho từ khi cô đơn cực khổ nối nghiệp nhà từ chức thập đạo tướng quân. Người hiểu biết vốn đã phục, cuối cùng nhân được dân ca tụng mà thay nhà Đinh trị nước.* **<46b>** *Khi đã lên ngôi vua, đánh tan quân Tống ở phương Băc, bắt được tướng giặc; dẹp yên giặc Chiêm ở phương*

Nam, phá huỷ thành trì Trung Hoa, vang dội tiếng anh hùng, các phiên bang sợ oai thần võ. Thế rồi được thượng quốc thông hảo, ban sách văn khen ngợi, sánh với Triệu Đà, bảy lần được sách phong. Sứ thần Trung Quốc phải tôn sùng, tù trưởng sơn động hết chuyện làm phản, thành Hoa Lư phồn thịnh hơn cả nhà Đinh, và còn lưu ý đến công sức của dân, quan tâm đến chính sự của nước, chú trọng nghề làm ruộng, nghiêm mật việc biên phòng, quy định pháp lệnh, tuyển lựa quân ngũ, đổi lại các châu phủ, chia đặt các giậu phên. Có thể nói là "hết sức siêng năng, hết lòng lo tính đấy. Duy có điều là [Đại Hành] đời đời làm tôi với nhà Đinh, thì nước còn hay mất, yên hay nguy không có gì phải là trách nhiệm của mình. Thế mà mình thì đội ơn nhà Đinh, bạn đồng sự cũng báo ơn nhà Đinh, lại nhẫn tâm hại họ, mà trở mặt làm việc phụ ơn nhà Đinh, buộc mọi người vui vẻ suy tôn mà theo về với mình. Áo vàng được khoác lên mình, nhân đấy cưới luôn Hoàng hậu vua trước làm vợ mình. Nhân luân đã hỏng **<47a>** *thì các điều tốt khác còn coi ra gì! Hơn nữa, chỉ thấy có việc lợp cung điện bằng ngói bạc, làm núi trúc giả để ngắm chơi, mà không nghe có ân huệ gì giúp ích cho người cô quả nghèo khó. Sai dịch ở Yên Tử huy động đến 3 vạn người là làm khổ dân đấy; đánh dẹp Tiến Lộc giết đến cả người của 3 châu là lạm dụng sức quân đấy; dung túng cho dân biên giới xâm lấn đất Tống, không phải là nghĩa chịu mệnh trời, và trí khôn giữ nước. Trong khoảng 24 năm, những việc gọi là Lễ, Nhạc, giáo hoá, những thứ để duy trì phép tắc chế độ cùng những lời dạy bảo truyền lại đời sau, không thấy ghi chép lại chút gì trong sách vở. Vậy cho nên võ công tuy giỏi nhưng nguyên khí đã ngầm hao; dòng dõi tuy đông, nhưng mầm họa đã gây sẵn. Cảnh nhà như Tấn Hiến Công*(1)*, nỗi mình giống Tề Hoàn Công*(2)*, mở mang sự nghiệp rõ ràng, mà đến khi chết không được đặt thụy hiệu đẹp, đó chẳng phải do đức mỏng mà đến nỗi thế chăng? Trung Tông thân làm Thái tử, tuổi chẳng phải ấu thơ, nhận sự phó thác của vua cha, thì nước là nước của mình, thế mà không ổn định được nước có biến cố trong lúc nguy nan, để cho sự tai nghe mắt thấy của thần*

---

(1) Tấn Hiến Công: Người thời Xuân Thu ở Trung Quốc vì mê sắc đẹp, nghe lời xúi giục làm cho cảnh nhà tan tác.

(2) Tề Hoàn Công: Người thời Xuân Thu ở Trung Quốc. Đã trở thành nghiệp bá sau vì tin dùng bọn nịnh thần, lấy nhiều vợ sinh lười biếng, lúc sắp chết con cái tranh giành nhau ngôi vị cơ nghiệp suy đồi.

dân được đúng đắn; làm cho **<47b>***đàn em giành nhau lên ngôi, giằng co nhau hàng 8 tháng, con người [Trung Tông] thực khó làm nên việc. May mà Long Tích chết, Long Kính bỏ chạy mới được ngôi vua. Nhưng lại là tiểu nhân như Mục Di*[1] *dung túng đứa phi nghĩa như Thúc Đoạn*[2] *tai họa nổi lên từ trong nhà, không phải là sự không may đâu!*

Khai Minh Vương là đứa con hư của Đại Hành, là đứa em ngỗ nghịch của Trung Tông, ở ngôi nhuận như nhà Tần, nhà Tùy, là kiếp sau của vua Kiệt, vua Trụ, nhốt tù nhân dưới nước, đặt hình phạt ngọn cây, trác táng vì rượu gái, nhiều điều tối tăm hỗn loạn. Không thể nào hình dung được? Thế mà nhờ vào cơ nghiệp cường thịnh của cha, lại gặp lúc vua Trung Quốc nhu nhược, giặcở châu man ở động, hễ đánh là hàng phục, xin thông thương, xin áo giáp đều thỏa yêu cầu, không thấy vua sang hỏi bềtôi, mà sứ sang ban thưởng quá nhàm. Nếu cái ngôi không xứng đáng ấy còn kéo dài nhiều năm, thì những việc làm hung ác càng cực, nhân dân chịu làm sao nổi? Mới được 4 năm thì chết, có lẽ là trời tính kế cho muôn dân đấy. Xét việc dấy lên của nhà Đinh, nhà Lê, tuy có sự tranh ngôi, nhường ngôi khác nhau, nhưng khi mất nước thì cũng theo một lối **<48a>** *Long Đĩnh giếtLong Việt thì cũng như Đinh Liễn giết Hạng Lang. Bọn Phạm Cự Lạng tôn Lê Đại Hành cũng như bọn Đào Cam Mộc phò Lý Thái Tổ; vợ Đinh Tiên Hoàng khoác áo long cổn cho Lê Đại Hành, thì vợ Lê Ngọa Triều cũng khuyên Lý Thái Tổ lên ngôi. Quả báo của kẻ làm nhiều điều ác như xoay theo vòng tròn. Chuyện thấy hạt mận trong quả khế mà người mơ màng còn chưa tỉnh ngộ, há chẳng phải là tấm gương [đạo trời] hay đã trở lại sao? Còn như bề tôi trong một triều đại như Phạm Cự Lạng là nanh vuốt, Hồng Hiền là phúc tâm, sư Khuông Việt giữ việc văn chương, Thành Nhã lo việc trấn thủ, vâng lệnh đi sứ thì có 3 viên nha hiệu, thần trụ biên giới thì có hai viên thống quân cũng đều theo việc lập công, hưởng ứng chờ đón chí vua. Nhưng, thấy vua xa xỉ, hiếu chiến thì nuôi dưỡng thêm lỗi lầm, thấy hà khốc*

---

[1] Mục Di: Anh vua Tương Công nước Tống, không nhận ngôi vua, để Hoàn Công làm vua cuối cùng nước Tống phải hàng nước Sở.

[2] Thúc Đoạn là em vua Trịnh Trang Công. Được Trang Công phong cho ấp ở Kinh cùng với mẹ. Sau cùng mẹ là Vũ Khương toan khởi binh đánh úp nước Trịnh, bị Trịnh Trang Công đánh bại chạy ra ấp Cung.

hoang dâm thì không ngăn chặn sự sai trái. Đến lúc nhường ngôi thì cúi đầu thờ kẻ thù, chẳng một người nào dám xướng lên lời trung nghĩa và giữ tiết lớn. Họ thực xấu hổ đối với các bề tôi triều đình nhiều lắm! Tuy nhiên Minh Đế, Minh Xương đều là thân vương, nhưng người thì nhận việc đi sứ mà xin báo ân, chỉ cần lợi cho mình, <48b> người thì đi cầu kinh mà quyến rũ gái đẹp đưa vua vào chỗ tối tăm, nước mất nhà tan sống chết đều không quan hệ! 12 người xưng vương mà chẳng thấy một người nào có công trạng, huống hồ bọn nhỏ mọn thì đáng kể làm gì!

HẾT QUYỂN I BẢN KỶ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

BẢN KỶ

QUYỂN II

KỶ NHÀ LÝ

<1a>

THÁI TỔ HOÀNG ĐẾ

(Vua họ Lý, tên húy là Công Uẩn, người châu Cổ Pháp[1], Bắc Giang, từng làm quan các đời Lê Trung Tông và Ngọa Triều, được thăng dần đến chức chỉ huy sứ. Khi Ngọa Triều chết, tự lập làm vua, đóng đô ở Thăng Long, làm vua 18 năm[2] thọ 56 tuổi[3], táng ở Thọ Lăng[4]. Vua là người khoan từ nhân thứ, cẩn thận ôn nhã, có độ lượng bậc đế vương, nhân thời cơ được nước và lấy lòng nhân hậu để giữ nước, truyền ngôi lâu dài, có thể gọi là thời thịnh trị. Song chưa làm rõ được chính học, ham thích dị đoan[5], đời sau không khỏi có sự chê trách. Cha vua không

(1) Cổ Pháp: Vốn là châu Cổ Lãm, Lê Hoàn đổi làm Cổ Pháp sau là huyện Đông Ngàn, nay là đất Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

(2) 18 năm: CM chép là 19 năm.

(3) 56 tuổi: ĐVSKTT và CM chép là 55 tuổi.

(4) Thọ Lăng là vùng đất cấm để chôn cất các vua triều Lý, nằm trong châu Cổ Pháp.

(5) Chính học, dị đoan: Theo quan niệm phong kiến thì học đạo Nho cho là chính học, còn tất cả các đạo khác là dị đoan.

rõ là ai, mẹ là người họ Phạm, có thai rồi sinh vua ở chùa Tiêu Sơn[1]. Năm vua 3 tuổi, mẹ bế đến nhà Lý Khánh Văn ở chùa Cổ Pháp, Khánh Văn nuôi làm con. (Dã sử chép: Mẹ vua trao vua cho Khánh Văn làm con, rồi từ biệt ra đi, quanh quẩn ở khoảnh rừng rậm vùng Cổ Pháp, bị ốm đột ngột, chết kiến vùi thành mộ cao bảy tám thước. Đây là nơi đất tốt vùng Cổ Pháp chung đúc nên).

Vua lúc bé đã thông minh, vẻ người tuấn tú khác thường, khi 7 tuổi, **<1b>** Khánh Văn gửi nhờ sư Vạn Hạnh ở chùa Lục Tổ[2]dạy cho học sư Vạn Hạnh trông thấy khen rằng: "Cậu bé này không phải là người thường sau này lớn lên chắc sẽ giải quyết được nhiều việc khó, làm bậc vua sáng suốt trong thiên hạ". Đến khi lớn lên, không chú ý đến sản nghiệp, chỉ học qua loa về kinh sử, khảng khái có chí lớn. Trong thời Ứng Thiên triều Lê xuất thân thờ Lê Trung Tông, được bổ nhiệm làm cấm quân. Trung Tông mất, vua ôm xác Trung Tông mà khóc. Ngọa Triều khen là người trung thành thăng dần lên chức tả thân vệ điện tiền chỉ huy sứ. Đến khi Ngọa Triều mất, vua lên ngôi, đổi niên hiệu là Thuận Thiên.

Trước đây, ở viện Oản Tuyền, chùa Thiên Tâm châu Cổ Pháp, có con chó đẻ con sắc trắng có đốm đen, hình hai chữ "thiên tử", người hiểu biết cho là điềm người sinh vào năm "Tuất" làm thiên tử. Vua sinh năm Giáp Tuất [974] niên hiệu Thái Bình, thứ 5, thời nhà Đinh, sau làm thiên tử quả là nghiệm.

<2a> Canh Tuất [1010] Thuận Thiên năm thứ 1 (Tống đại Trung Tường Phù năm thứ 2)[3].

Mùa xuân, tháng 2, vua về châu Cổ Pháp bái yết lăng Thái hậu, cho các bô lão trong làng tiền và lụa theo thứ bậc khác nhau (vua bái yết lăng, nhìn quanh cây cối xum xuê các bầy chim muông liệng quanh rồi đậu xuống, trong lòng cảm thấy thương xót, nghẹn ngào không tả xiết. Lòng thương xót cảm động đến cả người xung quanh. Vua liền sai hữu tư đến đó đo lấy vài chục dặm cạnh làng để làm nơi đất cấm của Sơn Lăng, các triều vua sau đưa về táng ở xứ ấy, đều gọi là Thọ Lăng).

Sai viên ngoại lang là Lương Nhậm Văn và Lê Tái Nghiêm sang nước Tống xin sắc phong. Các quan nhà Tống có người bàn thế này thế

---

(1) Chùa Tiêu Sơn, ở xã Tiêu Sơn nay thuộc xã Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

(2) Lục Tổ: Tức chùa Trường Liêu ở địa phận huyện Tiêu Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

(3) Tống Đại Trung Tường Phù năm thứ 2: ĐVSKTT chép là năm thứ 3.

khác. Vua Tống nói: "Nhà Lê thay nhà Đinh, nhà Lý bắt chước việc đó, nhà Lê hay nhà Lý có khác gì nhau", bèn nhận lễ sính.

Vua ban chiếu dời đô, vua thấy thành Hoa Lư ẩm thấp, chật hẹp, không đáng làm chỗ ở của Đế vương, muốn dời đi nơi khác, tự tay viết chiếu rằng: "Ngày xưa, nhà Thương đến Bàn Canh dời đô 5 lần, nhà Chu đến Thành vương 3 lần dời đô, phải đâu các vua đời Tam Đại[1] ấy theo ý riêng mình mà tự tiện dời đô! Chỉ vì muốn đóng đô ở nơi trung tâm để mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu mai sau. Trên kính mệnh trời, dưới thể theo lòng dân, nếu có chỗ tiện lợi thì dời đổi. Bởi thế vận nước được dài lâu, nhân dân được phồn thịnh. Thế mà, nhà Đinh, nhà Lê **<2b>** lại theo ý riêng mình, coi thường mệnh trời, không noi theo việc cũ nhà Thương nhà Chu, ở yên nơi ấp đó, đến nỗi triều đại không được lâu bền, vận số ngắn ngủi, trăm họ hao tổn, muôn vật tiêu điều, Trẫm rất đau xót, không thể không dời đi nơi khác. Huống chi thành Đại La kinh đô cũ của Cao Vương[2] ở vào nơi trung tâm trời đất, được cái thế "rồng lượn hổ chầu". Đã đúng ngôi nam bắc tây đông, lại tiện hướng nhìn sông tựa núi, đất rộng mà bằng phẳng, cao mà thoáng mát, dân cư không khổ về ngập lụt, muôn vật rất phồn thịnh. Xem khắp nước Việt, chỗ ấy là nơi tốt hơn cả. Thực là nơi tụ hội của 4 phương, là nơi kinh sư tốt nhất của muôn đời. Trẫm muốn nhân nơi tiện lợi ấy mà định nơi ở, các khanh xem được hay chăng, hãy cho Trẫm rõ". Bầy tôi đều tâu: "Bệ hạ vì thiên hạ mà lập kế dài lâu, để trên cho cơ nghiệp to lớn được thịnh vượng, dưới cho nhân dân được giàu của nhiều người, việc lợi như thế, ai dám không theo". Vua rất mừng.

> ***<3a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Đất Long Đỗ là nơi CaoBiền đóng ở đấy, núi Tản Viên chống vững một cõi, sông Phú Lương như hào trời sinh ra, ngàn dặm bằng phẳng trăm họ giàu có; phía Tây thông với Sơn Tây, Tuyên Hưng; phía Bắc thấu đến Ninh Sóc Kinh Bắc. Miền đông nam thì vận chuyển bằng thuyền, miền Cần Xương thì liên lạc bằng trạm, là nơi trung tâm của nước 4 phương chầu về, núi là vạt áo che, sông là dải đai thắt, sau lưng là sông, trước mặt là biển, địa thế hùng mạnh mà hiểm, rộng mà dài, có thể làm cho nơi vua ở hùng tráng, ngôi báu vững bền. Hình thế nước Việt thật không nơi nào hơn được nơi này. Cho nên trước kia*

---

[1] Tam Đại là thời đại nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu.

[2] Cao Vương là Cao Biền.

nhà Đinh, nhà Lê bỏ đất đó mà ở Hoa Lư, sau đó hai nhà Hồ cũng bỏ đất đó mà ở An Tôn thì đời làm vua ngắn ngủi, thân bị bắt, nước bị mất, là vì không được "địa lợi" đấy! Lý Thái Tổ lên ngôi, chưa vội làm việc khác, mà trước tiên mưu tính việc định đô đặt đỉnh, xét về sự quyết đoán sáng suốt, mưu kế anh hùng, thực những vua tầm thường không thể theo kịp <3b>. *Cho nên, truyền ngôi hơn 200 năm, đánh giặc Tống, dẹp giặcChiêm, nước mạnh, dân giàu, có thể gọi là đời rất thịnh trị. Các vua đời sau noi theo đều giữ gìn được ngôi vua, chống chọi với Trung Quốc. Lý Thái Tổ có thể nói là một bậc vua biết mưu tính việc lớn đấy!*

Mùa thu, tháng 7, dời đô ra Thăng Long. Vua từ thành Hoa Lư sắm sửa xe rồng đi ra thành Đại La đóng đô. Thuyền tạm đỗ dưới chân thành, có rồng vàng hiện ra ở thuyền vua, vì thế đổi tên thành là thành Thăng Long [nghĩa là rồng bay]. Trong thành xây dựng cung điện chùa chiền (hai bên tả hữu dựng điện Tập Hiền, Giảng Võ, lại mở cửa Phi Long thông với cung Nghênh Xuân, cửa Đan Phượng thông với cửa Uy Vũ[1], chính hướng nam là điện Cao Minh, đều gọi là thềm rồng; trong thềm rồng có hàng hiên mái cong bao quanh 4 mặt. Sau điện Càn Nguyên dựng hai điện Long An và Long Thụy làm nơi nghỉ ngơi, các điện Nhật Quang, Nguyệt Minh ở hai bên tả hữu, phía sau dựng hai cung Thúy Hoa và Long Thụy làm chỗ ở cho hậu phi cung tần. Dựng kho tàng, đắp thành, đào hào, bốn mặt thành mở 4 cửa, phía Đông gọi là cửa Tường Phù, phía Tây gọi là cửa Quảng Phúc, phía Bắc gọi là cửa Diệu Đức, phía Nam gọi là cửa Đại Hưng. Trong thành làm chùa Hưng Thiên là lầu Ngũ Phượng. Ngoài thành về phía Nam dựng chùa Thắng Nghiêm). Đổi châu Cổ Pháp làm phủ Thiên Đức, sông Bắc Giang gọi là sông Thiên Đức[2] thành Hoa Lư làm <4a> phủ Trường An; ban chiếu phát 2 vạn quân tiền kho thuê thợ làm 8 ngôi chùa ở phủ Thiên Đức và đều có dựng bia ghi công.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Lý Thái Tổ lên ngôi mới được 2 năm, tông miếu chưa dựng, đàn xã, đàn tắc*[3] *chưa lập, mà trước tiên đã dựng 8 ngôi chùa ở phủ Thiên Đức, lại sửa chữa chùa*

(1) Uy Vũ: ĐVSKTT chép là "Uy Viễn".

(2) Sông Thiên Đức: Nay là Sông Đuống.

(3) Xã tắc: Thời phong kiến, nhà vua lập ra đàn xã, đàn tắc, đàn xã để vua tế thần Đất (Thổ Thần), đàn tắc để vua tế thần Lúa (Cốc Thần).

quán ở các lộ và cấp độ điệp[1]*cho nghìn người ở kinh sư làm sư, thế thì tiêu phí của cải sức lực của dân về việc thô mộc biết bao nhiêu mà kể! Của không phải là trời mưa xuống, sức không phải là thần làm ra, đấy chẳng phải là vét máu mủ của dân sao? Vét máu mủ của dân lại có thể gọi là việc làm phúc chăng? Bậc vua gây dựng cơ nghiệp, tự mình cần kiệm còn lo con cháu ngày sau xa xỉ lười biếng, mà Thái Tổ để lại phép tắc cho con cháu như thế, cho nên đời sau mới xây tháp cao ngất trời, dựng cột chùa bằng đá đẽo (Thái Tông từng mộng thấy đức Phật Quan Âm dẫn vua lên đài Liên Hoa (hoa sen). Vua bèn thuật lại chuyện đó cho các bầy tôi nghe, có người cho đó là điềm không lành, nhà sư Thiền Tuệ khuyên vua xây dựng chùa, dựng cột đá giữa ao và* <4b> *dựng chùa lên đấy, đúng như vua thấy trong mộng, đặt tên là chùa Diên Hựu*[2] *cung Phật lộng lẫy hơn cung điện nhà vua, thế rồi kẻ dưới đều bắt chước người trên, đến nỗi có kẻ huỷ hoại thân thể, đổi lối ăn mặc, bỏ cả nghề nghiệp, trốn cả cha mẹ, dân chúng quá nửa làm sư, trong nước chỗ nào cũng có chùa, nguồn gốc há chẳng phải tự đó sao?*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Lý Thái Tổ lớn lên ở cửa Phật, Khánh Văn nuôi nấng, Vạn Hạnh dạy dỗ, hai người đó đều là sư cả. Từ nhỏ vua đã là học trò của sư Vạn Hạnh, cái thuyết "báo ứng" "nhân quả" của nhà Phật thường được nghe luôn. Phàm những điều như sống chết, mất còn, thịnh suy, thành bại đều phó thác vào số mệnh viển vông! Vạn Hạnh khéo về nghề bói toán, lại đặt ra chuyện sét đánh vào cây gạo cho thêm vẻ thần dị. Vì thế, vua càng tin theo, niềm tin đó bắt rễ vào lòng, không thể lay chuyển được. Cho nên, ngay từ khi mới dựng nước, đã thuê thợ xây dựng chùa chiền một cách gấp rút như thế đấy, nhưng vua là bậc dựng nước, để lại quốc thống cho đời sau, bốn phương trông vào, con cháu noi theo, những cái vua thích* <5a>, *những điều vua chuộng đều ảnh hưởng ngay, nếu vua làm sai thì tệ hại sẽ lan ra, sẽ như nước vỡ bờ không gì ngăn nổi. Cơ sự như thế nên không thể không cẩn thận được. Lý Thái Tổ ở châu Cổ Pháp, ở thành Thăng Long, đều có xây chùa, và chùa quán các lộ cũng đều sửa chữa, làm cho kinh Hưng Nghiêm, Pháp Hoa xuất hiện*

[1] Độ điệp: Văn bằng cấp cho người xuất gia đi tu.

[2] Chùa Diên Hựu tức chùa Một Cột.

hàng loạt, đưa thế giới thành nước Tiêu Lương [1], biến cả người hiền người ngu thành thiện nam tín nữ [2], lấy của dân sức dân có hạn để đáp ứng ý muốn vô cùng. Như thế mà không làm cho đắm đuối lòng người, bại hoại thế đạo thì hầu như ít có. Xét sử chép: Từ đó qua 18 năm, vua đã làm lễ chứng nhận cho người trong kinh đô cắt tóc làm sư (ở năm thứ 7 có hơn nghìn người); lại làm lễ chứng nhận cho dân chúng trong thiên hạ cắt tóc làm sư (ở năm thứ 10). Đúc chuông thì ắt dùng vàng bạc (năm thứ 1, phát 1680 lạng bạc kho để đúc chuông lớn đặt ở chùa Đại Gia. Năm thứ 5 tháng 9, ban chiếu phát 310 lạng vàng kho đúc chuông lớn đặt ở chùa Hưng Thiên. Tháng 10 ban chiếu phát 900 lạng bạc kho, đúc hai chuông đặt ở chùa Tinh Nghiêm.

<5b>Dựng Kinh Tàng[3] (năm thứ 12 vua sai các ông Nguyễn Khoan Biểu và Nguyễn Thư Bật sang nước Tống tạ ơn việc cho kinh, dựng bát giác Kinh Tạng).

Dựng Giới Trường[4] (năm thứ 5 nhà sư giữ chức Hữu Nhai Tăng thông Trần Văn Uyển tâu xin xây dựng Giới Trường ở chùa Vạn Tuế để cho tăng đồ thụ giới. Vua ban chiếu đồng ý các điều tâu trên).

Xây chùa tô tượng (năm thứ 1 vua sai xây dựng lại các chùa quán đã hư hỏng trong các hương ấp; năm thứ 2, trong thành dựng cung Đại Thanh, lại dựng chùa Vạn Tuế, ngoài thành xây chùa Tứ Đại Thiên Vương và chùa Cẩm Y Long Hưng Thánh Thọ; năm thứ 7, dựng hai chùa Thiện Quang, Thiện Đức và tô 4 tượng Thiên Đế; năm thứ 15, xây chùa Chân Giáo ở trong thành để tiện việc vua đến xem tụng kinh).

Xin kinh và rước kinh (năm thứ 9, sai quan viên Ngoại lang Nguyễn Đạo Thanh và Phạm Hạc sang nước Tống xin kinh Tam Tạng[5], năm thứ 12, sứ xin được kinh trở về, vua ban chiếu sai Tăng Thống là Phí Trí đến Quảng Châu rước; năm thứ 14, vua lại ban chiếu cho viết kinh Tam Tạng để ở kho Đại Hưng). Công việc bề bộn, không thể kể một điều mà đủ được, suốt đời nhà Lý lấy việc thờ Phật làm phép thường của người trị

---

[1] Nước Tiêu Lương: Tức nước Lương thời Nam Triều, vua Lương Vũ Đế tên là Tiêu Diễn, ham mê đạo Phật, tu ở chùa Đồng Thái, bị Hầu Cảnh làm phản, vây đánh Đài Thành, vua bị chết đói.

[2] Thiện nam tín nữ: Dịch từ chữ "di tắc" từ nhà Phật.

[3] Kinh Tàng: Kho chứa kinh Phật.

[4] Giới Trường: Nơi thụ giới cho người cắt tóc đi tu.

[5] Kinh Tam Tạng: Tức Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng.

nước, một lần khởi công xây dựng đến 350 ngôi chùa. (Năm thứ 4 Canh Tuất đời Thái Tông vua ban chiếu phát tiền thuê thợ xây chùa quán ở các hương ấp gồm 150 nơi. Đúc một quả chuông đồng nặng đến 12.000 cân (năm Kiền Phù Hữu Đạo thứ 3 đời Thái Tông đã phát 7.560 cân đồng đúc Phật Di Lặc, hai vị Bồ Tát là Hải Thanh, Công Đức và chuông đặt ở viện Thiên Phúc. Sau đó, Thánh Tông cho xây chùa Sùng Khánh Báo Thiên và phát 12.000 cân đồng đúc chuông lớn, vua tự làm bài minh) **<6a>**. Dựng tấm bia đá có một chữ cao đến một trượng sáu thước (Thánh Tông viết một chữ "Phật" lên bia cao 1 trượng 6 thước đặt ở chùa Tiên Du). Ngày mở hội khánh thành, tha các tội nhân (Thái Tông từng ra lệnh thuê thợ tô hơn nghìn pho tượng Phật, vẽ hơn nghìn bức tranh Phật, làm hơn vạn cây cờ phướn, khi khánh thành mở hội La Hán ở thềm rồng, đại xá tội nhân, miễn tội cho người bị đày, sửa lại phép cho người bị tội khổ sai và giảm một nửa tiền thuế cho thiên hạ. Nhân Tông mở hội khánh thành tháp Thất Bảo, dẫn sứ nước Chân Lạp đến xem. Lại mở hội khánh thành chùa Tịnh Lữ và mở hội đền Quảng Chiếu 7 ngày đêm. Tha tội nhân ở phủ Đô Hộ. Lại có hội gọi là hội Nhân vương và lễ mừng Ngũ kinh. Thần Tông mở hội khánh thành 87.000 bảo tháp quây quần ở gác Thiên Phù, lại mở hội khánh thành chùa Linh Cảm, tha cho tội nhân trong nước. Đại Định năm thứ 10, đời Anh Tông, mở hội Nhân vương ở thềm rồng, đại xá tội nhân. Ngoài ra những hội khánh thành khác thì không thể ghi hết). Làm tan nát của cải trong nước và mê hoặc lòng người, đến nỗi nhà sư tự thiêu mà cũng đổi niên hiệu(ở đời Thái Tông),tướng đánh giặc mà cũng tạ ơn Phật (ở đời Thần Tông).Cột chùa chưa hẳn đã nghiêng mà tự dối mình là cột đứngtrở lại (Thái Tông thường đến chùa cổ Tùng Sơn ở châu Vũ Ninh, thấy vắng vẻ tiêu điều nền móngtrơ trọi, trong đó có cột đá nghiêng lệch muốn đổ, vua than thở có ý định sửa chữa lại nhưng chưa kịp nói ra mà cột đá bỗng ngay ngắn lại, vua cho là lạ, liền sai quan văn làm phú ghi lại sự việc đó). **<6b>** Cờ phướn ở chùa bay là có duyên cớ mà lại cho là không có gió để tỏ vẻ thần kỳ (năm đầu niên hiệu Thiên Thuận, đời Thần Tông, cờ phướn ở hai chùa Thiên Long và Thiên Sùng không có gió mà tự nhiên bay như múa, vua đến hai chùa đó lạy tạ). Ánh sáng phát ra ở chùa Pháp Vân (Năm Thiên Thành thứ 7, đời Thái Tông, có nhà sư tên là Hưu ở chùa Pháp Vân, châu Cổ Pháp, dâng lời tâu nói rằng trong chùa phát ra mấy luồng ánh sáng, lần theo ánh sáng đào lên thì được một hòm bằng đá, trong hòm bằng đá có hòm bằng bạc, trong hòm bằng bạc có hòm bằng vàng, trong hòm bằng vàng có bình ngọc lưu ly, trong bình lưu ly có xá

ly[1]. Vua rước vào trong cung, xem xong lại trả về). Phật hiện lên ở chùa Ô Lộ (Năm Thông Thụy thứ 3, đời Thái Tông, ở chùa Ô Lộ có pho tượng Phật cổ nhảy vọt lên) tự dối mình để dối người khác, trên dưới như điên như dại, khiến cho ảo thuật của sư Đại Điên dám hoành hành trong cung vua, tà thai Nguyễn Bông suýt nữa đầu thai vào làm vua nối dõi, cuối cùng vua Huệ Tông đến nỗi bỏ nước cho con gái nhỏ mà xuất gia theo Phật. Do sư mà dấy lên cũng lại do sư mà mất nước. Một bát nước công đức[2] theo cơ duyên mà hóa thế gian. Thế nhưng Phật cũng chưa hề cứu giúp được nhà Lý chẳng phải là cái lỗi của Thái Tổ sùng Phật mà đến nỗi như thế ư? Sử cũ ghi chép [sự việc] trong khoảng hơn hai trăm năm, nhà Lý dựng chùa xây tháp, hết thảy các việc thờ Phật đều chép to, chép đặc cách, người biên soạn không biết đó là rườm rà, người hiệu đính cũng theo lối hủ lậu đó thật không đúng với phép làm sử **<7a>**. Cho nên, trong kỷ các vua, chỉ để lại một hai sự việc đại khái ngoài ra đều tước bỏ hết. Nhân đó kèm thêm một đoạn bình luận này, để thấy được cái ham chuộng của một thời đại.

Mùa đông, tháng 12, làm lễ khánh thành cung Thủy Hoa, đại xá các thuế khóa 3 năm cho thiên hạ. Những người mồ côi, góa chồng, già yếu, số thuế thiếu đã lâu, đều miễn cho cả. Những người Man trước bị Ngọa Triều bắt làm tù binh, đều cấp quần áo, lương thực thuốc men cho về quê cũ:

> ***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Lý Thái Tổ vừa mới lên ngôi, liền ban chiếu tha tô, có ý nuôi dân như thế, có thể nói là một bậc vua biết được việc nên làm trước đấy. Chính sách nhân hậu, truyền cho con cháu, cậy nhờ giúp đỡ, đời đời giữ được mạnh khoẻ yên vui, đâu phải là sự ngẫu nhiên!*
>
> *Lại bàn thêm rằng: Năm đó đại xá các loại thuế 3 năm cho thiên hạ; năm thứ 7 lại tha thuế tô 3 năm cho thiên hạ; năm thứ 8 lại tha tô ruộng cho thiên hạ; năm thứ 9 lại tha một nửa tô ruộng cho thiên hạ* ***<7b>****, thế mà những việc xây dựng, đánh dẹp thì không năm nào không có, không biết sự chi dùng tại sao vẫn thường đủ được mà chính sách nhân hậu tha thuế bỏ nợ vẫn được*

---

[1] Xá ly: Thời xưa sư tịch, đem hỏa táng, kết lại một cục, đạo Phật gọi đó là xá ly.

[2] Một bát nước công đức: Nguyên văn câu: "Nhất bát công đức thủy, tùy duyên hóa thế gian; Quang quang cùng chiêu tác, một ảnh nhật đăng san". Tục truyền đây là một câu thơ của một vị thần đề ở cột chùa làng Phù Đổng, nghĩa là một bát nước công đức theo cơ duyên mà hóa thế gian. Vàng nặc hai lần sọi rọi, hết bóng khi mặt trời gác núi. Ở đây ý nói nhà Lý tôn thờ đạo Phật như vậy mà cuối cùng Phật cũng chẳng giúp gì cho.

thi hành? Đại để chính sách của nhà Lý, lấy việc chăm nghề nông làm giàucho nước là việc đầu tiên. Vua tự cày cấy và xem xét việc cày cấy làm phép thường cho đời, của cải được tạo ra là gỗ trên núi, trai hến dưới biển, thuế khóa nhà buôn và thổ sản tiến cống, trong 6 thứ thuế chỉ lấy 4 phần tha 2 phần, vẫn đủ cho việc quân việc nước và việc đôn đốc nghề làm ruộng trồng dâu có phong hóa của thời Văn Cảnh[1].

Nhà Tống sai sứ sang sách phong cho vua nước ta. Từ thời Đinh Lê tối nay, nhà Tống sai sứ ban sắc mệnh, đầu tiên phong cho chức kiểm hiệu Thái sư và tiết độ đô hộ, cùng các tự hiệu công thần, đến chức quận vương, lên đến chức nam bình là thôi. Đến bây giờ nhà Tống phong cho vua là Giao Chỉ quận vương, lĩnh chức Tĩnh Hải quân tiết độ sứ. Ngoài ra đều theo như cũ, về sau noi theo làm lệ thường.

Đổi 10 đạo làm 24 lộ, đổi Hoan Châu <8a> Ái Châu làm trại.

Tân Hợi, năm thứ 2 [1011] (Tống Tường Phù năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, đặt quân "tả túc xa" và "hữu túc xa", [mỗi túc] 500 người.

Tháng 2, vua tự đi dẹp giặc Cử Long; Cử Long là giặc Man ở Ái Châu, dựa vào đất hiểm trở, hung hăng tàn bạo. Thời Đinh và thời Lê đánh không được, đến bây giờ càng hung hãn hơn, vua tự đem sáu quân đi đánh, đốt bộ lạc và bắt kẻ đầu sỏ đem về, thế là giặc tan.

Mùa hạ, tháng 4, sai viên ngoại lang là Lý Nhân Mỹ[2] và Đào Khánh Văn sang nước Tống đáp lễ. Khánh Văn nhân đấy trốn ở lại nước Tống. Người Tống bắt trả cho nước ta, ta lấy gậy đánh chết.

Nhâm Tý, năm thứ 3 [1012] (Tống Tường Phù năm thứ 5), sách phong hoàng Thái tử là Phật Mã làm Khai Thiên Vương, dựng cung Long Đức ở ngoài thành cho ở, là muốn cho Phật Mã biết mọi việc của dân chúng.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Đã sách lập làm Thái tử, lại phong tước vương, cũng như các bậc vương khác,* **<8b>** *không phải là cách trọng căn bản của nước và thống nhất quốc thể. Muốn cho biết việc của dân thì nên đặt các bậc sư phó*[3] *tốt, trình bày sự cày cấy khó khăn, bàn cái lợi cái hại nơi thôn xóm,thường*

---

[1] Văn Cảnh: Tức Văn Đế và Cảnh Đế hai vua thời nhà Hán.

[2] Lý Nhân Mỹ: ĐVSKTT chép là Lý Nhân Nghĩa.

[3] Sư phó: Chức quan dạy Thái tử.

xét quan lại ở ngoài, và hỏi rộng tình hình dân chúng,hà tất phải dựng cung ở ngoài thành, như lập nhà phiên đế[1] *làm gì? Đến khi vua mất, Thái tử còn ở cung ngoài nên bọn trẻ con Đông Chinh, Dực Thánh mới nổi lên cái lòng gian tà dòm ngó ngôi vua mà gây nên cuộc đại biến, anh em đánh đấm lẫn nhau. Nếu không có những vị quan trung dũng nhân nghĩa như Phụng Hiểu*[2] *để làm đúng đắn dòng họ lớn thuộc về vua Thái Tông lúc ban đầu thì cơ nghiệp nhà Lý sẽ nguy ngập như treo đầu sợi tóc.*

Người làm vua trị nước, nên biết sớm đặt ngôi Thái tử, để tập trung sự trông ngóng của dân trong sự luôn luôn theo lời dạy bảo về "sớm viếng khuya hầu", và định sẵn danh phận giữ quyền cầm quân trị nước, nên một khi có việc cần kíp thì dù chiếc áo cừu[3]*, vẫn không có rối loạn, chỉ có một tờ giấy*[4] *cũng chẳng ai dám làm gì. Đó là đạo giữ nước được lâu đời đấy.*

<9a>Mùa thu, tháng 7, vua ngự điện Hàm Nguyên[5] xem đua thuyền.

Mùa đông, tháng 10, sai Thái bảo Đào Thạc Phụ và Viên ngoại lang Ngô Nhưỡng sang nước Tống để kết hòa hiếu.

Nước Chân Lạp đến cống (nước Chân Lạp ở phía Nam nước Chiêm Thành, cách quận Nhật Nam đi bằng thuyền 60 ngày mới đến. Cách đặt huyện, trấn và phong tục của nước Chân Lạp cũng giống như nước Chiêm Thành. Tục của nước đó hướng đông là trên, tay phải là tay sạch[6]. Sau đời Thần Nghiêu nhà Đường chia làm hai, nửa nước phía Bắc nhiều núi đồi gọi là Lục Chân Lạp, nửa nước phía Nam sát biển nhiều đầm hồ gọi là Thủy Chân Lạp. Đất của Thủy Chân Lạp là 800 dặm. Vua ở thành Bà La Đề Bạt. Đất của Lục Chân Lạp là 700 dặm, quốc hiệu là Hạ Khuất).

Vua tự đi đánh Diễn Châu, khi về đến Vũng Biện[7] gặp lúc trời đất tối sầm, gió mưa dữ dội. Vua đốt hương khấn trời rằng: "Tôi là kẻ ít đức, lạm ở

---

[1] Phiên đế: Nhà riêng của các con vua nhưng không phải là Thái tử.

[2] Phụng Hiểu: Người làng Băng Sơn bây giờ là xã Dương Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, ông là người có sức khỏe, được Lý Thái Tổ vời ra làm tướng.

[3] Chỉ chầu chiếc áo cừu: Khi vua chết chưa có con trai mà vợ đang chửa thì tạm đặt chiếc áo cừu của vua lên ngai vàng cho các quan chầu.

[4] Tức tờ di chúc.

[5] Điện Hàm Nguyên: ĐVSKTT chép là Hàm Quang.

[6] Tay phải là tay sạch: Trước kia người ta quan niệm tay phải bẩn vì tiếp xúc với nhiều vật. Do đó khi lấy số, tính can chi v.v... đều xem ở tay trái. Tục của người Chân Lạp thì ngược lại.

[7] Vũng Biện: Tức Cửa Biện ở địa phận huyện Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

trên nhân dân, nơm nớp lo sợ, như sắp sa xuống vực sâu, không dám cậy quân mạnh mà đi đánh dẹp càn bậy, chỉ vì người Diễn Châu[1] không tuân theo giáo hoá, làm bừa bãi những điều ngu tối bạo ngược, tàn hại nhân dân, tội ác chồng chất,không thể không đánh. Còn như trong khi giao tranh, hoặc có kẻ trung hiếu bị giết oan, hoặc có người hiền lương bị giết nhầm, đến nỗi trời phải nổi giận. **<9b>** để nêu tội lỗi, dù gặp tổn hại cũng không ân hận gì, còn về sáu quân thì tội còn có thể tha thứ, xin lòng trời soi xét". Vua vừa khấn xong thì gió sấm đều yên lặng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Vua Thang gặp hạn hán, lấy 6 việc[2] tự trách mình thì mưa xuống ngay. Nay vua gặp tai biến giông tố, lấy việc đánh dẹp tự trách mình, thì gió lặng ngay. Cái cơ cảm ứng giữa trời và người, ảnh hưởng rất chóng, ai bảo là trong vùng thăm thẳm không hằng ngày giámsát ta mà dám dối trời sao!*

Quý Sửu, năm thứ 4 [1013] (Tống Tường Phù năm thứ 6), mùa xuân, tháng 2, định lệ các thuế khóa trong thiên hạ:

1. Đầm ao ruộng đất.
2. Tiền và thóc về bãi dâu.
3. Sản vật các núi non, đồng bằng và phiên trấn.
4. Các quan ải xét hỏi về mắm muối.
5. Các loại sừng tê, ngà voi và hương liệu của người Man Liêu.
6. Các thứ gỗ và hoa quả ở đầu nguồn.

Bấy giờ trong tầu ngựa có con ngựa bạch, khi xe vua sắp đi thì nó hí lên trước, vua sai đặt tên là Bạch Long thần mã.

<10a> Mùa hạ, tháng 6, phong Hoàng tử Đam[3] là Khai Quốc Vương, ở phủ Trường An.

---

[1] Diễn Châu thuộc tỉnh Nghệ An.

[2] Sáu việc nhà Thành Thang nêu ra để xét mình là:
- Chính sự không có chừng mực chăng?
- Dân chúng không có nghề nghiệp làm ăn chăng?
- Cung thất đồ sộ quá chăng?
- Say đắm sắc đẹp quá nhiều chăng?
- Có tệ hối lộ và dân bị oan nhiều chăng?
- Hay nghe lời nịnh hót làm mất hết công bằng chăng?

[3] Hoàng tử Đam: ĐVSKTT và CM chép là Hoàng tử Bồ.

Mùa đông, tháng 10, vua đi đánh châu Vị Long(1). Trước đó người Man đi qua Cột Đồng đến bến Kim Hoa(2) và châu Vị Long để buôn bán, vua sai người bắt được hơn vạn con ngựa, đến bấy giờ châu Vị Long làm phản theo người Man. Vua tự đi đánh, tên cầm đầu là Hà Trắc Tuấn trốn mất.

Vua cho các vương hầu công chúa các thứ thuế nơi cai quản theo thứ bậc khác nhau.

Giáp Dần, năm thứ 5 (Tống Tường Phù năm thứ 7), mùa xuân, tháng giêng, tướng Man là Dương Trường Huệ và Đoàn Kính Chi đem 20 vạn người Man vào cướp phá, đóng đồn ở bến Kim Hoa, bố trí quân doanh gọi là trại Ngũ Hoa. Châu mục châu Bình Lâm(3) là Hoàng Tư Vinh đem việc ấy tâu lên. Vua sai Dực Thánh Vương đưa quân đi đánh, chém đầu giặc kể hàng vạn, bắt sông được quân lính và ngựa không biết bao nhiêu mà kể. Vua ban chiếu cho viên ngoại lang là Phùng Chân và Lý Thạc sang nước Tống báo tin thắng trận, và đem biếu một trăm con ngựa man. Vua Tống ban chiếu cho nơi sở tại đưa sứ nước ta đến **<10b>** cửa khuyết, cung cấp đầy đủ. Khi đến nơi, vua Tống cho vời các ông Phùng Chân vào yết kiến ở điện Sùng Đức, ban cho mũ đai lụa vải theo thứ bậc khác nhau (Xét thấy giặc Man lúc đó, nghi là Man Nam Chiếu, Nam Chiếu từ khi bị Cao Biền đánh thua, không quấy nhiễu nước ta nữa. Đến bây giờ lại bị nhà Lý đánh bại, không còn dám ho he gì nữa).

Mùa hạ, tháng 4, Hoan Châu(4) dâng kỳ lân(5).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Phượng hoàng, kỳ lân vì người ta không thường thấy, nên cho là điềm lành. Xét ra, người ta đã không thường thấy thì con chim có màu sắc, con thú có sừng kỳ dị, há không thể gọi là con phượng con lân được sao? Nhà Lý thường đưa con thú lạ biếu nước Tống và nói là con "lân" bị Tư Mã Quang khước từ thì con thú mà Châu Hoan đem dâng lúc đó, biết đâu không phải là con vật ấy? Lê Văn Hưu rất tin điềm lành, thấy sự việc ghi trong lịch ngày của thời đại trước là ghi chép vào, như việc sư chùa Thái Bình hiến hòm đựng xá lị cũng ghi chép*

(1) Vị Long: Tên châu, nay là đất Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang.

(2) Bến Kim hoa: Theo ĐVSKTT thì có lẽ là ở khoảng Nước Hai hay Mục Mã tỉnh Cao Bằng.

(3) Châu Bình Lâm: Nay thuộc huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng.

(4) Hoan Châu: Nay là Nghệ An, Hà Tĩnh.

(5) Kỳ lân là loài vật truyền thuyết.

vào sử sách. Thế mà điển chương pháp độ <11a> của một thời đại thì lại không ghi rõ ràng là không đúng phép viết sử. Cho nên, từ đó về sau, phàm sử cũ chép là "dâng kỳ lân" hoặc "con thú lạ", đều bỏ không ghi chép.

Mùa đông, tháng 10, đắp thành đất 4 mặt ở kinh đô Thăng Long. Đổi phủ Ứng Thiên[1] làm Nam Kinh.

Ất Mão, năm thứ 6 [1015] (Tống Tường Phù năm thứ 8), mùa xuân, tháng giêng, cho Trịnh Văn Tú làm thiếu sư.

Đào Cam Mộc mất, tặng Thái sư Á Vương. Ban chiếu cho Dực Thánh Vương và Vũ Đức Vương đi đánh các châu Đô Kim[2], Vị Long, Thường Tân[3], Bình Nguyên[4] bắt được thủ lĩnh là Hà Trắc Tuấn đem về kinh sư, bêu đầu ở chợ Đông.

Bính Thìn, năm thứ 7 [1016] (Tống Tường Phù năm thứ 9), mùa xuân, tháng 3, lại lập 3 Hoàng hậu (gọi là Tá Quốc Hoàng hậu, Lập Nguyên Hoàng hậu. Lập GiáoHoàng hậu).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Lý Thái Tổ năm mới lên ngôi đã lập 6 Hoàng hậu, đến khi ấy lại lập 3 Hoàng hậu <11 b>, tất cả là 9 Hoàng hậu, nếu không phải thế thì bỏ các Hoàng hậu trước mà lại lập các Hoàng hậu này, tự ý làm càn, không theo điển lễ, so với nhà Đinh nhà Lê, sự lầm lỗi lại càng quá lắm, người gây dựng kỷ cương mà cắt đặt như vậy, thì con cháu còn bắt chước vào đâu!*

Động đất.

Làm lễ tế vọng các núi có tiếng (vua nhân đi xem xét núi sông, đến bến đò Cổ Pháp[5], thấy nước sông trong suốt, tâm thần cảm động, mới lấy rượu rót xuống đất mà khấn rằng: "Trẫm xem địa phương này núi lạ sông đẹp, nếu có bậc nhân kiệt hiển linh thì nhận lấy lễ này". Đêm vua chiêm bao thấy có người kỳ dị tự xưng là người làng này, họ Lý tên là Phục Man, làm tướng giúp Nam Đế, nổi tiếng là trung liệt, nên được giaocho trông coi 2 dải sông núi Đỗ Động và Đường Lâm, bọn Di Lão không dám xâm phạm biên giới, một phương yên ổn. Đến khi mất, thượng đế khen là người trung, ban sắc cho giữ chức như cũ, phàm giặc

(1) Ứng Thiên: Tên phủ, nay thuộc Hà Nội.

(2) Đô Kim: Nay là đất thuộc huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

(3) Thường tân: Chưa khảo được.

(4) Bình Nguyên: Nay là huyện Vị Xuyên tỉnh Hà Giang.

(5) Cổ Pháp ĐVSKTT chép là Cổ Sở.

Man đi đến cướp phá đều có sự che chở". Người đó lại ung dung nói tiếp: "Thiên hạ gặp lúc tối tăm, trung thần giấu họ tên. Giữa trời gươm nhật nguyệt ai chẳng thấy hình dung". Khi vua thức dậy, đem việc đó nói với Ngự sử đại phu Lương Nhậm Văn rằng: "Đó là ý thần muốn tạc tượng". Vua sai bói xin quẻ âm dương được quẻ tốt. Bèn sai người trong châu lập đền đắp tượng thờ cúng. Khoảng năm Nguyên Phong nhà Trần, người Thát Đát[1] vào cướp phá, đến cõi châu ấy ngựa khuỵu chân xuống không đi được, người thôn ấy đem nhau chống cự, bọn giặc tan, sau đến năm Trùng Hưng người Thát Đát lại vào cướp phá, đến đâu cũng đốt phá, duy ấp ấy như có người chống đỡ, bọn giặc không dám xâm phạm, đúng như lời thần nói).

Nhà Tống cho sứ sang sách phong (phong vua làm Nam Bình Vương).

Năm ấy được mùa to **<12a>**, 30 lượm lúa trị giá 70 đồng tiền.

Bỏ tô thuế 3 năm cho thiên hạ.

Đinh Tỵ năm thứ 8 [1017] (Tống Thiên Hy năm thứ 1), mùa xuân, tháng 3, cho Trần Văn Tú làm thái phó. Ban chiếu tha tô ruộng cho thiên hạ.

Điện Càn Nguyên bị sét đánh, vua coi chầu ở điện phía Đông.

Mậu Ngọ, năm thứ 9 [1018] (Tống Thiên Hy năm thứ 2), mùa xuân tháng 2, mới phong bà nội là hậu và đặt Thụy hiệu.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Vua đến bây giờ mới truy phong bà nội, là lỗi và chậm trễ đấy.*

Mùa đông, tháng 10, phong Hoàng tử Lực làm Đông Chinh Vương.

Tha một nửa tô ruộng cho thiên hạ.

Kỷ Mùi, năm thứ 10 [1019] (Tống Thiên Hy năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2[2], bắt đầu dựng lăng Thiên Đức[3] và Thái miếu.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Lý Thái Tổ lên ngôi đến bây giờ đã 10 năm, mới lập nhà thờ tổ tiên* ***<12b>*** *ở quê hương, còn nơi thái miếu ở kinh thành sử không thấy chép. Đại để cái ý thờ tổ tiên để báo đáp cội nguồn chưa tránh khỏi cái lỗi thời chậm trễ. Cho nên theo sử mà chép rõ là bắt đầu dựng lăng Thiên Đức và*

[1] Thát Đát: Tức người Mông Cổ.

[2] Tháng 2: ĐVSKTT chép là tháng 1.

[3] Lăng Thiên Đức có thể là lăng Lý Bát Đế ở làng Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh chăng?

thái miếu để thấy đượcnghĩa ấy, và cũng giống cách chép: "Mậu Ngọ, năm thứ 9, truy tôn bà nội".

Canh Thìn, năm thứ 11 [1020] (Tống Thiên Hy năm thứ 4), mùa đông, tháng 10(1) sai Khai Thiên Vương và Đạo Thạc Phụ cầm quân đi đánh Chiêm Thành, quan quân đánh nhau với người Chiêm ở trại Bố Chính đuổi đến núi Long Ty(2), tướng Chiêm Thành là Bố Linh thua trận bị chém, người Chiêm Thành chết quá nửa.

Năm ấy, điện phía Đông bị sét đánh, vua coi chầu ở điện phía Tây(3). Khởi công dựng ba điện: điện đằng trước để coi chầu, hai điện đằng sau để nghe chính sự.

Tân Dậu, năm thứ 12 [1021] (Tống Thiên Hy thứ 5), mùa xuân, tháng 2, lấy ngày sinh nhật của vua làm tiết Thiên Thành (lấy **<13a>** tre kết làm một ngọn núi Vạn Thọ Nam Sơn ở ngoài cửa Quảng Phúc(4), trên núi làm nhiều hình chim bay thú chạy muôn vẻ kỳ quái; lại sai người bắt chước tiếng cầm thú để mua vui, ban yến tiệc cho các bề tôi).

Nhâm Tuấn [1022] năm thứ 13 (Tống Càn Hưng năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, bỏ trò chơi kết tre làm núi; vua thấy tiết Thiên Thành làm núi giả, khó nhọc cho dân, nên bãi bỏ, chỉ đặt yến lễ mà thôi.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Trò chơi lấy tre làm núi là cách vui chơi gì? Có lẽ lấy cái ý chúc thọ như Nam Sơn, cho nên làm vào ngày sinh nhật của vua. Xét ra chúc thọ thì có thể được nhưng hà tất phải làm núi giả ấy, mà lại làm ra cho nhọc sức dân? Lê Đại Hành làm thưở trước, các triều làm theo sau đến bấy giờ trở thành lệ thường. Vua Lý Thái Tổ một khi biếtlà khổ dân vô ích, liền bỏ việc ấy! Nên chép vào sử để ngợi khen, về sau Lý Thái Tông nối ngôi. Ngày sinh nhật lại làm núi giả như cũ. Chẳng lẽ cho việc làm đó của Lý Thái Tổ không đáng bắt chước hay sao? Thế thì nối ngôi giữ nghiệp ở chỗ nào?*

<13b> Ban chiếu cho Dực Thánh Vương đi đánh bộ lạc ở Đại Nguyên Lịch. Quân ta đi sâu vào trại Như Hồng đất Tống đốt kho vựa rồi về (xét thấy châu Như Hồng nước Tống giáp với trấn Triều Dương nước ta. Đại Nguyên Lịch có lẽ là người Di ở vào giữa hai đất ấy. Về sau,

---

(1) ĐVSKTT chép là mùa đông tháng 12.

(2) Núi Long Ty: Ở xã Thuần Chất huyện Bình Chánh, nay là huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

(3) Điện phía Tây: Tức điện Giảng Võ.

(4) Cửa Quảng Phúc: Cửa phía Tây thành Thăng Long.

Nùng Trí Cao làm phản, chiếm cứ châu Đảng Do[1] gọi là nước Đại Lịch ngờ là chỗ đất ấy).

Quý Hợi năm thứ 14 [1023] (Tống Nhân Tông Thiên Thánh năm thứ 1), mùa thu, tháng 7, đổi trấn Triều Dương làm châu Vĩnh Yên.

Giáp Tý năm thứ 15 [1024] (Tống Nhân Tông Thiên Thánh năm thứ 2), mùa xuân, ban chiếu cho Khai Thiên Vương đi đánh Phong Châu. Khai Quốc Vương đi đánh châu Đô Kim.

Sửa sang kinh thành Thăng Long.

Mùa thu, tháng 7, xây dựng chùa Chân Giáo ở trong thành để tiện việc vua đến xem tụng kinh.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Từ năm Thuận Thiên thứ 2 trở về sau, việc xây dựng chùa đều không chép vào sử <14a>, lần này làm sao lại chép vào sử? Thái Tổ tụng kinh ở đó là nơi cúng Phật sáng sủa; Huệ Tông đi tu ở đấy là một thế giới phiền não. Truyện có câu rằng: nhà vua khi bắt đầu làm việc ở đấy thì khi mất nước cũng ở chỗ ấy cho nên chép ra để làm răn.*

Ất Sửu năm thứ 16 [1025] (Tống Thiên Thánh năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, ban chiếu lập trại Đinh Phiên ở phía Nam Hoan Châu, cho quản giáp là Lý Thai Gia i làm chủ trại.

Mùa thu, tháng 8, quy định lính theo từng giáp, mỗi giáp 15 người, dùng một người làm quản giáp. Lại định các hạng quản giáp, lại đổi chức hỏa đầu[2] làm chính thủ; chỉ con hát mới gọi là quản giáp (khi ấy con hát là người họ Đào, giỏi nghề hát nổi tiếng thường được ban thưởng, người bấy giờ hâm mộ tiếng tăm của người họ Đào ấy, cho nên phàm con hát đều gọi là cô Đào).

Sư Vạn Hạnh chết (sư Vạn Hạnh là người hay làm thơ, thường có bài đọc cho đệ tử rằng:

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô.
Nhâm vận thịnh suy vô bố uý,
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.

---

[1] Châu Đảng Do: CMcb 2 chép là Thảng Do.

[2] Hỏa đầu là chức đội trưởng thời Lê.

(Thân như ánh chớp có như không,
Muôn cây xuân tốt thu héo khô.
Mặc vận thịnh suy không sợ hãi,
Vận thịnh suy cũng như hạt sương trên cỏ).

Sư không ốm mà chết, người bây giờ gọi là hóa thân, **<14b>** vua nghe tin cáo phó, thân hành đến chùa Lục Tổ viếng và an ủi, lập đàn siêu độ[1] cấp dân hộ làm người coi chùa, mỗi năm hai người).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Sư Vạn Hạnh mới trông thấy Lý Thái Tổ, biết là người phi thường; đến khi thấy dấu chữ sét đánh thì biết sự chuyển biến của thời vận, thế là trí thức hơn người thường. Nhưng quyết tính mệnh, bỏ nhân luân, chán trần tục, nương đạo Phật để cho trong sạch một mình, người quân tử không khen những điều ấy.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Sư Vạn Hạnh có chí khí hơn đời, ôm tài lược phò tá nghiệp vương; kiến thức hơn hẳn mọi người, tính toán, biết trước sự việc, cũng là tay lỗi lạc trong giới thiền, nhưng hay tìm điều bí ẩn để làm việc quái đản, chỉ thuộc về pháp thuật mà không thuộc về đạo đức. Khi thờ vua Lê Đại Hành thường dùng phép bói để đoán việc hành quân, thắng hay bại, nói nhiều điều rất đúng, đến khi biết nhà Lý sắp dấy lên, đặt ra câu sấm, giả làm chữ sét đánh để thần kỳ hóa cái thuật của mình. Dù lời nói có ngẫu nhiên phù hợp với dự đoán hoặc* ***<15a>*** *có điều trúng thì không phải là điều người tu đạo cho là quý. Và cũng không phải là điều người trị đời ưa chuộng;thuyết đó lưu truyền, bọn bất mãn, nhân đó phụ họa thêm, xướng lên những thuyết mê tín hoặc để gieo tai họa cho thiên hạ và đời sau cái đầu mối của ác nghiệp. Nhà Phật nói là: "Hết thảy đều do tâm người ta tạo nên. Vạn Hạnh phạm vào điều ấy đầu tiên đấy. Sử cũ chép "chết" là đáng lắm.*

Bính Dần năm thứ 17 [1026] (Tống Thiên Thánh năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, ban chiếu làm ngọc điệp[2].

Mùa đông, tháng 10[3], ban chiếu cho Khai Thiên Vương đi đánh giặc ở Diễn Châu.

---

[1] Lập đàn siêu độ: Tức lập đàn cầu cho vong linh thoát khỏi nỗi khổ ải.

[2] Ngọc điệp: Tức phả hệ của nhà vua.

[3] Tháng 10: ĐVSKTT chép là tháng 11.

Đinh Mão năm thứ 18 [1027] (Tống Thiên Thánh năm thứ 5), mùa hạ, tháng 6, hạn.

Mùa thu, tháng 8, ban chiếu cho Khai Thiên Vương đi đánh châu Thất Nguyên[1]. Đông Chinh Vương đi đánh Châu Văn[2].

Mậu Thìn, năm thứ 19 [1028] (Từ tháng 3 về sau là Thái Tông Thiên Thánh năm thứ 1; Tống Thiên Thánh năm thứ 6), mùa xuân, tháng 2 vua không khoẻ. Tháng 3, ngày mồng 1, có nhật thực, ngày hôm sau vua mất ở điện Long An Hoàng Thái tử Phật Mã lên ngôi **<15b>** trước lĩnh cữu, đại xá. Trước đấy, vua bệnh rất nguy, bề tôi đều đến cung Long Đức xin Thái tử tuân chiếu lên ngôi. Ba Vương là Đông Chinh, Dực Thánh, Vũ Đức nghe tin, đều đem quân vào cấm thành, chia ra phục ở trong Long Thành và cửa Quảng Phúc, đợi Thái tử đến thì đánh úp. Được một lúc, Thái tử từ cửa Tường Phù đi vào, đến điện Càn Nguyên, biết có sự biến, sai quan hoạn đóng các cửa điện và sai các vệ sĩ trong cung phòng giữ, nhân đó nói với người xung quanh rằng: "Ta đối với anh em không phụ bạc chút nào, nay ba vương làm việc bất nghĩa, quên đi mệnh của tiên đế, muốn chiếm ngôi báu, các khanh nghĩ thế nào? Nội thị là Lý Nhân Nghĩa nói: "Anh em với nhau thì bên trong có thể cùng nhau bàn bạc, bên ngoài có thể cùng nhau chống giặc. Nay ba vương làm phản thì là anh em hay là thù địch? Xin cho tôi đánh một trận để quyết được thua". Thái tử nói; "Ta xấu hổ là tiên đế mất chưa quàn, mà máu mủ tàn hại lẫn nhau, để cho muôn đời chê cười". Nhân Nghĩa nói: "Tôi nghe **<16a>** rằng: mưu việc lớn thì bỏ công nhỏ, giữ đạo công thì đứt tình riêng. Vì thế mà Đường Thái Tông, Chu Công Đán phải làm những việc bất đắc dĩ[3]. Nay Điện hạ cho Đường Thái, Chu Công là mưu việc xa, giữ đạo công chăng? Hay là tham công nhỏ, đắm tình riêng chăng? Điện hạ biết theo việc cũ của Đường Thái, Chu Công thì người đời sau ca tụng công đức còn chưa rỗi, còn rỗi đâu mà chê cười!" Nhân Nghĩa lại nói: "Tiên đế cho Điện hạ là người về đức có thể nói được chí, về tài có thể làm nổi việc, cho nên lấy thiên hạ phó thác cho Điện hạ, nay giặc đến sát cửa cung mà im lặng nhẫn nại như thế, vậy thì đối với sự phó thác của tiên đế ra sao?" Thái tử im lặng hồi lâu rồi bảo Nhân Nghĩa và các quan trong cung là Dương Bình, Quách Thịnh, Lý Huyền Sư, Lê Phụng Hiểu rằng: "Ta chẳng lẽ lại không biết Đường Thái,

---

[1] Châu Thất Nguyên: Nay là miền đất Tràng Định tỉnh Lạng Sơn.

[2] Văn Châu: Nay thuộc tỉnh Lạng Sơn.

[3] Tức việc Chu Công Đán và Đường Thái Tông giết em.

Chu Công làm như thế sao? Vì ta muốn che giấu tội ác của họ cho tự ý rút quân, để được trọn tình nghĩa máu mủ của ta là hơn thôi".

Khi ấy phủ binh của ba vươngđánh càng gấp, Thái tử liệu không thể ngăn được, nói rằng: "Thế đã đến như vậy, thì ta còn mặt mũi nào trông thấy ba vương nữa, ta chỉ biết làm lễ thành phục đến hầu Tiên Đế, ngoài ra đều uỷ thác cho các khanh cả". Bọn Nhân Nghĩa lạy hai lạy nói: "Chết về hoạn nạn của nhà vua là chức phận của bọn tôi, nay đã được chỗ đáng chết, còn từ chối gì nữa". Bèn sai vệ sĩ trong cung mở cửa ra đánh, ai cũng vui lòng xông vào nơi hoạn nạn, đều cố sức một người địch trăm người. Khi đã tiếp chiến, hai bên còn cầm cự, Phụng Hiểu tức giận rút kiếm chạy thẳng đến cửa Quảng Phúc thét to lên rằng: "Bọn Vũ Đức Vương nhòm ngó ngôi báu, khinh miệt vua nối ngôi, trên thì quên ơn Tiên đế, dưới thì trái nghĩa tôi con, về việc này Phụng Hiểu tôi chỉ dùng gươm thôi". Nói đoạn xông thẳng vào ngựa Vũ Đức Vương. Vương quay ngựa tránh, ngựa quỵ xuống, bị Phụng Hiểu bắt giết. Quân của ba vương thua chạy, quan quân đuổi chém không sót người nào, chỉ còn hai vương Đông Chinh và Dực Thánh thoát được. Phụng Hiểu trở về báo tin thắng trận trước linh cữu Thái Tổ, rồi đến điện Càn Nguyên báo cho Thái tử **<17a>** biết. Thái tử cầm tay Phụng Hiểu yên ủi rằng: "Ta sở dĩ được gánh vác cơ nghiệp to lớn của tiên đế, toàn vẹn được thân thể của cha mẹ để lại, là nhờ sức của các khanh. Ta thường xem sử nhà Đường có Uất Trì, Kính Đức cứu nạn mà vua[(1)] tự nghĩ người bề tôi đời sau không ai sánh kịp. Ngày nay gặp biến, mới biết Phụng Hiểu trung dũng hơn Kính Đức nhiều". Phụng Hiểu lạy tạ hai lạy rồi nói: "Đức của Điện hạ cảm động cả trời đất , kẻ nào dám manh tâm mưu toan gì khác, thì trời đất thần linh đều làm hết chức phận của mình mà giết đi, bọn tôi có công gì đâu!". Ngày hôm đó, hai vương là Đông Chinh, Dực Thánh đến cửa khuyết chịu tội. Vua ban chiếu tha tội và cho giữ tước cũ. (Phụng Hiểu người làng Băng Sơn, thuộc Ái Châu, lúc trẻ tuổi khoẻ mạnh, hai thôn Cổ Bi và Đàm Xá tranh nhau địa giới, đem khí giới đánh nhau. Phụng Hiểu bảo người thôn Cổ Bi rằng: "Một mình tôi có thể đánh được bọn họ". Các vị phụ lão mừng lắm, làm cơm rượu thết đãi. Phụng Hiểu ăn một bữa ăn vài đấu gạo uống rượu cũng quá mức, thế rồi đến khiêu chiến với thôn Đàm Xá. Ông rướn mình nhổ cây lên đánh, làm bị thương nhiều người. Thôn Đàm Xá sợ quá phải trả lại ruộng đất cho thôn Cổ Bi. Thái Tổ nghe tiếng ông, bèn dùng làm tướng, thăng làm Vũ

---

(1) Kính Đức phi ngựa đâm chết Hùng Tín khi Hùng Tín định đâm vua Đường Thái Tông.

vệ tướng quân. Đến khi có công dẹp nạn, cho làm Đô thống thượng tướng quân, phong tước hầu. Trong năm Thiên Cảm Thánh Vũ, theo Thái Tông đi đánh phương Nam, làm tiên phong, phá tan quân giặc, uy danh chấn động nước láng giềng, khi thắng trận về, định công **<17b>** Phụng Hiểu nói: "Tôi không thích thưởng tước, chỉ xin đứng trên núi Băng Sơn mà ném con đại đao thật xa, xem cây đao rơi xuống chỗ nào, thì ban chỗ đó cho tôi làm sản nghiệp". Vua nghe theo, Phụng Hiểu lên núi cầm đao ném một cái, xa hơn mười dặm, đao rơi xuống làng Đa Mi, vua lấy đất ấy ban cho và tha thóc thuế cho ruộng ném đao ấy. Vì vậy ở Ái Châu thưởng công thường gọi là ném đao. Băng Sơn nay là xã Dương Sơn huyện Hoàng Hoá).

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Nhà Lý phong cho con đích đều là vương, con thứ đều là hoàng tử, mà không đặt ngôi hoàng Thái tử. Đến khi nào vua ốm nặng, mới chọn một người trong các con để nối nghiệp lớn, lưu truyền thành tục, không biết là ý thế nào. Có người nói: Nhà Lý không đặt Thái tử trước, là vì muốn cho các con đều chăm làm điều thiện. Nếu ngôi Thái tử đã định thì phận vua tôi đã sẵn rồi dù có người con nào tốt như Vi Tử*(1) *thì sẽ xử trí ra sao? Xin trả lời rằng: căn bản thiên hạ đã định rồi, mà còn có cái họa như Dương Quảng*(2) *giả dối để cướp ngôi con đích, huống chi ngôi Thái tử không lập trước, đến khi vội vàng mới muốn chọn lập, không may có việc như ba phu nhân nài ép xin lập vua nối ngôi, Từ Văn Thông múa bút làm tờ di chiếu, thì dù muốn không bằng lòng cũng chẳng được nữa.* **<18a>** *Người làm vua nên lấy đó làm răn.*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Cùng lòng cùng đức, thì sự nghiệp tất phải thành; có vua có tôi, thì gian nan đều vượt được. Thái Tông đang lúc đau xót, biến loạn sinh ngay kẽ nách, mà vua tôi xử trí, gãy gọn phải lẽ, vượt được gian hiểm tôn miếu nhờ đó được yên lành, nếu không phải vua tôi gặp nhau cùng lòng cùng đức mà được như thế ư? Xem sử chép thì lòng xúc cảm chân thành của Thái Tông nói ra câu: "Ruột thịt máu mủ đánh giếtnhau" lòng nhân nghĩa trung thành phẫn uất tỏ rõ ở chỗ dẫn ra việc Đường Thái, Chu Công; lòng nghĩa dũng hăng hái của*

---

(1) Vi Tử: Em của vua Trụ thời nhà Thương, Trung Quốc.

(2) Dương Quảng: Con thứ của Tùy Văn Đế, rất giả dối, lấy lòng cha, để được làm vua; khi thấy cha có ý hối về việc truyền ngôi cho mình thì giết cha để lên ngôi.

Phụng Hiểu tỏ rõ ra ở lúc nhảy ngựa dâng gươm. Đến khi xong việc, vua tôi không có một chút gì là kiêu ngạo khoe khoang, cố nhiên là không có gì đáng chê được. Còn như việc chưa qua năm đã đổi niên hiệu thì không thể không bàn đến. Theo phép Kinh Xuân thu thì vua cũ mất, vua mới lên ngôi ngay khi bắt đầu phát tang, qua năm ấy rồi mới đổi niên hiệu. **<18b>** *Chép việc lên ngôi là theo nghĩa chung thủy, một năm không thể có hai vua được, là theo lòng thần dân, không thể để một năm không có vua, thế là đúng lẽ. Thái Tông lại mạo nhận năm của vua trước mà đặt niên hiệu là nghĩa thế nào? Phàm năm này qua năm khác là sự chuyển vận của trời, người làm vua theo phép trời, theo sự vận hành của Can Chi mà chép năm ở ngôi dài hay ngắn, từ xưa đã thế rồi. Thái Tông tinh thông về lễ, nhạc thư số không khảo sát điểm ấy lại làm rối lên để cho đời sau noi theo việc cũ, nối gót mà làm, lỗi đó rất lớn.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Lý Thái Tổ ở vào cuối đời hỗn loạn, giữ quân cấm vệ nhân vận nước mà thay đổi mệnh trời, chỉ chốc lát thì việc được ổn định, bản thân từng trải sự đời, rất cảnh giác bèn giao quyền đưa quân đội đi đánh dẹp cho con em. Tuy đã lập Thái tử, nhưng vẫn gọi là vương và cũng cầm quân đi đánh giặc như các con khác; nước xa như Chiêm Thành, giặcnhỏ như giặc Man ở Thất Nguyện* **<19a>** *đều sai Thái tử điều khiển quânmã, tự đến nơi chiến trận. Có lẽ vua không muốn để các tướng được giữ binh quyền, các vương riêng lập chiến công, làm cho uy lệnh của Thái tử tự mình tạo ra, các tướng sĩ tin tưởng, công lao sự nghiệp rõ ràng trước tai mắt mọi người, để ngăn ngừa sự trông ngóng khác của thần dân. Thái Tông được thần trao cho ý tinh vi, noi mà làm theo, nên tuy bọn hung đồ Đông Chinh, Dực Thánh cầm đao đâm quàng cũng không hối hận. Khi lệnh ra cho các vương làm đô thống nguyên soái, riêngThái tử cho thêm chữ "Đại" [đại đô thống đại nguyên soái]. Những việc lớn thì ắt sai Thái tử xét đoán; vua đi đánh dẹp thì thường uỷ quyền cho Thái tử ở lại giữ nước. Vậy thì các vương khác làm sao mà sánh ngang hàng được, thế là ở ngôi Thái tử đã định, há phải đợi đến khi gấp rút rồi mới chọn người lập Thái tử đâu. Riêng việc đã là Thái tử mà lại phong vương là việc không học theo đời xưa. Chính sự mà không làm cho đúng đắn danh nghĩa, lỗi đó không thể che giấu được, đó là khuôn phép gia truyền của Thái*

Tổ, Thái Tông. Các triều về sau đều vì Thái tử còn nhỏ tuổi, nên những mệnh lệnh sai đi đánh dẹp và xử kiện thì im lặng không hề nghe thấy, còn như trong khi bệnh vua trầm trọng mà có âm mưu bỏ người này lập người khác, là do Thần Tông ngu tối nênbọn thiếp nuông chiều và bè tôi gian nịnh mới đạt được âm mưu của họ đấy. Lê Văn Hưu cho là: Nhã ý không đặt ngôi Thái tử, đến khi nào vua ốm nặng mới chọn một người trong các con lên nối nghiệp lớn đã là sai lầm, thế mà lại cố ý lấy riêng của mình để phỏng đoán, nói muốn để các con cố gắng làm điều thiện, sao mà ý nghĩ lại nông cạn đến thế? Hoặc có người nói rằng: Thái Tông đối với Phụng Càn hình như có ý đó. Xin trả lời rằng: Phụng Càn là ngẫu nhiên được uỷ thác ở lại giữ nước mà thôi, đâu có ý khác. Huống hồ Thái Tông đã trải qua cảnh đó, lẽ nào lại khơi ra cái đầu mối cướp ngôi con đích hay sao?

Tôn mẹ là Lê Thị làm Linh Hiển Thái hậu. Các bầy tôi dâng tôn hiệu vua là Khai thiên thống vận tôn đạo quý đức thánh văn quảng vũ sùng nhân thượng thiện chính lý dân an thần phù long hiện thể nguyên ngự cực ức tuế công cao, ứng chân bảo lịch, thông huyền chí áo hưng long **<20a>** đại định thông minh từ hiếu Hoàng đế. Ban chiếu lấy lụa ở kho lớn để ban cho thiên hạ. Ban chiếu lập miếu thờ thần núi Đồng Cổ ở trong kinh thành. Trước đây trước một ngày các vương Đông Chinh, Dực Thánh nổi loạn, vua chiêm bao thấy người thần tự xưng là thần núi Đồng Cổ nói với vua rằng: "Các vương Đông Chinh, Dực Thánh sắp nổi loạn đấy, nên nhanh chóng điều quân đánh dẹp". Rút cục, do có sự phòng bị nên dẹp yên được loạn. Đến bấy giờ vua phong Ao thần tước vương, sai hữu ty dựng miếu sau chùa Thánh Thọ bên phải thành Đại La, làm lễ ăn thề lập đàn ở trong miếu và đọc lời thề trước thần rằng: "Ai làm con mà bất hiếu, làm tôi mà bất trung thì xin thần giết chết". Các quan từ cửa đông đi vào cùng nhau uống máu ăn thề. Bắt đầu ngày 25 tháng ấy về sau, đặt làm lệ thường hằng năm.

Mùa hạ, tháng 4, vua tự đi đánh phủ Trường An[1]. Trước đây Khai Quốc Vương được phong ở Trường An, cậy núi sông hiểm trở kiên cố bèn tụ tập những kẻ lưu vong làm giặc cướp bóc. Dân mọn bị khổ sở, người xung quanh không ai dám nói gì. Lý Thái Tổ không hề biết, nên chúng càng tha hồ hung ác. **<20b>** Khi Lý Thái Tổ mất, Vũ Đức Vương bị giết , [Khai Quốc Vương] ý càng bất bình, bèn đem quân trong phủ mình làm

[1] Trường An: Tên phủ, nay là huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

phản, vua tự cầm quân đi đánh, giao cho quan Thị nội Lý Nhân Nghĩa ở lại giữ kinh đô. Ngày Nhâm Thân, đến Trường An. Ngày ấy Khai Quốc Vương hàng, vua hạ lệnh rằng: kẻ nào dám cướp bóc tiền của dân thì chém. Quân sĩ đều nghiêm túc, không dám xâm phạm mảy may. Đại quân tiến vào thành Trường An, dân trong thành đứng dâng trâu rượu đầy đường. Vua sai sứ đọc dụ chỉ yên ủi, cả thành đều rất thỏa lòng. Ban chiếu đưa Khai Quốc Vương và các liêu thuộc về kinh đô Thăng Long. Vua từ Trường An về, ban chiếu tha tội cho Khai Quốc Vương và khôi phục lại tước vương.

Các bề tôi tâu lên rằng: "Thái tử là gốc của thiên hạ, gốc vững thì thiên hạ yên, xin bệ hạ sớm chọn lập người con hiền tài chính vị hiệu Thái tử để yên lòng mong mỏi của thần dân. Vua nghe theo, phong cho Hoàng tử là Nhật Tông làm Thái tử, ở Đông Cung.

Tháng 11, phong cho cha của Hoàng hậu trước là Hỗ làm An quốc thượng tướng; cha của Vương Hoàng hậu là Đỗ làm Phụ quốc thượng tướng, cha của Đinh Hoàng hậu là Ngô Thượng **<21a>** là Khương quốc thượng tướng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Thân thích của Hoàng hậu được quý hiển, đời trước đã từng có, tuy là vì thân thích, nhưng cũng vì là có tài đấy. Bọn Hỗ quả là người có tài chăng? Thì không cứ là cha Hoàng hậu mà dùng cũng được; nếu không có tài chăng? Ban cho lộc hậu thì được còn phong tước thì không được. Có người nói: "Đây chỉ là cho hưởng thụ về tước, chứ không phải cho được nắm giữ về quyền". Trả lời rằng: "Tước đã cao rồi, làm gì có chuyện danh hiệu an quốc, phụ quốc khuông quốc thượng tướng quân, mà lại cho lạm đến kẻ không có công lao gì!*

Cho Lương Nhậm Văn làm Thái sư, Đinh Ngô Thượng làm thái phó, Đào Xử Trung là thái bảo, Lý Đạo Kỷ làm tả khu mật, Lý Triệt làm thiếu sư, Xung Tân làm hữu khu mật, Lý Mật làm tả tham tri chính sự, Kiều Bổng làm hữu quan tham tri chính sự, Liêu Gia Trinh làm trung thư thị lang, Hà Viễn làm tả gián nghị đại phu, Đỗ Sấm làm hữu gián nghị đại phu, **<12b>** Nguyễn Quang Lợi làm Thái úy, Đàm Toái Trang làm đô thống, Vũ Ba Tư làm uy vệ thượng tướng, Nguyễn Khánh làm định thắng đại tướng, Đào Văn Lôi làm tả phúc tâm, Lý Nhân Nghĩa làm hữu phúc tâm, Phan Đường Liệt làm nội thị.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét về quan chế thời Lý thì phẩm cấp tư đồ không thể tra cứu được, đại lược thì có chức tam công,*

*tam thiếu là chức quan thêm vào chứ không làm việc. Quan làm việc thì có nội chức và ngoại chức khác nhau. Quan trị dân là nội chức. Gọi lạ phụ quốc hay Thái úy cũng như tể tướng: gọi là trung thư thị lang; gọi là bộ thị lang (không cần đặt đủ) tả hữu thị lang, tư không, tả hữu lang tướng, tả hữu gián nghị, nội thị viên ngoại lang, đều là quan trị dân; quan trị binh là ngoại chức Thái úy (không ghi hàm phụ quốc), khu mật sứ, đô thống, thượng tướng quân, đại tướng quân, **<22a>** kim ngô, đô lãnh binh sứ, đều là quan trị quân. Lại có chức gọi là thông phán và đô hộ phủ, đều là những quan tạp chức. Những châu ở vùng biên giới rất xa đều có đặt quan mục, như chức phụ đạo ngày nay, đều lấy bọn thổ hào làm chức ấy. Con đường làm quan chỉ có tuyển cử là quan trọng, thứ hai là bổ nhiệm và thứ ba nữa là bổ nhiệm cho người nộp tiền, con cháu của những người thợ, con hát và nô tỳ đều không được tham dự vào việc bổ bán đó. Loại nộp tiền lần đầu được bổ chức lại, nộp tiền lần thứ hai thì bổ chức thừa tín lang, nếu được xứng chức thì làm tri châu ngoài biên giới. Lại có cái gọi là thân vương ban, đại liêu ban và các loại như minh tri, thượng chế đều là tước đặt thêm. Còn như thông tư chức phúc tâm ngày nay cũng đặt tên là tả hữu quan thì thực là hủ lậu quê mùa quá, không còn kê cứu được.*

- Đặt ra phẩm bậc tăng đạo.
- Đặt 10 điện tiền cấm quân: một là quảng thánh, hai là quảng vũ, ba là ngự long, bốn là bổng nhật, năm là trừng hải. Mỗi vệ đều chia làm tả, hữu trực ở nhà xung quanh để bảo vệ trong cấm thành, gọi tóm tắt là 10 vệ.

Tháng 6, lấy ngày sinh nhật của vua làm tiết Thiên Thánh, làm núi Vạn Tuế Nam Sơn bằng tre ở thềm rồng, làm kiểu 5 ngọn núi, trên đỉnh ngọn núi ở giữa dựng núi trường thọ; trên đỉnh bốn ngọn núi xung quanh đều đặt núi hạc trắng (bạch hạc sơn;) trên núi làm hình dạng các giống chim bay thú chạy, lưng chừng núi lại có rồng thần lượn quanh, cắm các loại cờ, treo lẫn vàng ngọc, sai con hát thổi sáo thổi kèn trong hang núi, múa hát làm vui. Cho các quan ăn yến, lệ làm núi 5 ngọn bắt đầu từ đấy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Mừng ngày sinh nhật là lễ lớn, bề tôi chúc mừng vua, vua ban yến cho bề tôi. Vua và tôi hòa hợp, để thông trình trên dưới, lễ vốn nên như thế. Song vua đang để tang mà vui chơi thỏa lòng thỏa mắt, không từng nghĩ đến việc Tiên đế chưa chôn cất hay sao? Cái lòng thương xót đau đớn có lẽ không còn nữa!*

*<23a>**Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Kinh Thi có câu: Ai ai phụ mẫu, sinh ngã cù lao*[1] *con sinh ra 3 năm, mới khỏi sự ôm ấp trong lòng cha mẹ, cho nên sự để tang cha mẹ, từ thiên tử đến nhân dân, thánh nhân định ra hạn ba năm là để ngăn sự thái quá mà theo mức trung bình, chứ lòng thương mến thì vô cùng. Từ khi Hán Văn Đế xướng lên cái phép để tang ngắn ngày do đấy những kẻ bất hiếu trong đời mới mượn cái thuyết [để tang thời gian dài] thì "bỏ mất lễ nhạc" để thỏa lòng mặc đẹp ăn ngon, lấy tháng ngay bằng ngày, trở thành lẽ thường của đời sau. Than ôi, thật là tệ quá. Còn như vua cha mới mất chưa chôn cất mà vui chơi quên cả xót thương, đương khi đau khổ, mặc áo tang mà nỡ lòng với cha mẹ thế sao! Cả vua tôi trong một thời, cùng nhau say khướt, cam làm cái tục mọi rợ mà không ai nói lên được cái sai đó. Khổng Tử bảo Tể Dư rằng: "Mày có yên tâm không? Yên tâm thì mày cứ làm"*[2]*. Nói như thế, cũng là bất đắc dĩ đó thôi.*

<23b> Mùa đông tháng 10, táng ở Thọ Lăng phủ Thiên Đức, đặt thụy là Thần Vũ Hoàng đế, miếu hiệu là Thái Tổ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Lý Thái Tổ dấy lên, tự trời mở điềm lành, hiện ra ở vết cây sét đánh có đức được ngôi báu, bởi vì lòng mọi người vui theo, lại đúng vào sau khi Ngọa Triều hoang dâm bạo ngược, mà Thái Tổ vốn nổi tiếng là rộng rãi nhân từ. Trời tìm người làm chủ dân, dân theo người có đức, trừ vua thì còn theo ai? Xét ra vua mưu mô kín đáo, dời đô định nước, lòng nhân thương dân, lòng thành cảm động đến trời, cũng là đánh dẹp kẻ phản loạn. Nam Bắc thông hiếu, thiên hạ yên lành, truyền ngôi lâu đời, có thể thấy là có mưu lược của bậc đế vương. Chỉ có một việc ham đạo Phật là làm cho kém phần tốt đẹp thôi.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Ngày xưa thiên tử mất, để 7 tháng thì chôn cất, nơi chôn cất gọi là Sơn Lăng. Lăng đều có tên, như các vua thời Hán, đều chôn ở Trường An. Đầu tiên* **<24a>** *gọi là Trường An Lăng, sau lại lấy tên của huyện xã gần để gọi, đại loại*

---

[1] Câu trong *Kinh Thi thiên Tiểu nhã* bài "Lục nga" nghĩa là thương thay cha mẹ sinh ta khó nhọc.

[2] Đây là câu trả lời Tể Dư của Khổng Tử. Tể Dư hỏi Khổng Tử rằng: "Để tang 3 năm thì lâu quá, chỉ để 1 năm là đủ?" Khổng Tử trả lời: "Thế là chưa hết 3 năm mà ăn thức ăn ngon, mặc áo gấm đẹp, mày có yên tâm không? Yên tâm thì mày cứ làm" (Sách *Luận ngữ*).

như ở làng Mậu thì gọi là Mậu Lăng, đều lấy một chữ làm tên; cũng có nơi không đặt theo tên đất. Từ thời Ngụy, thời Tấn về sau, lấy tên đất làm tên lăng như lăng ở Cao Bình thì gọi là lăng Cao. Đó là tên lăng một chữ. Từ lăng Tuấn Dương trở xuống, đều lấy tên ấp mà gọi. Đó là tên lăng hai chữ. Các thời Nguyên, Ngụy, Tùy, Đường, lại lấy một chữ đặt tên lăng, phần nhiều đặt chữ đẹp mà đặt. Nhà Tống bắt đầu đặt tên lăng là Vĩnh Xương, sau đó các tên lăng đều thêm chữ "Vĩnh". Đó là tên lăng của đế vương xưa nay, hoặc do tên đất tên ấp, hoặc chọn nghĩa chữ. Chôn cất nơi khác thì đặt tên lăng khác như Hán Quang Đế, đầu tiên đặt là Thọ Lăng, là lấy cái nghĩa được lâu dài. Về sau lại đặt tên là Nguyên Lăng. Chưa có đời nào các vua nối nhau lại đều gọi là Thọ Lăng như thời nhà Lý.

Lê Văn Hưu cho là vua bấy giờ không có học, mà các nho thần cũng không biết sửa chữa hoặc không có sức kê cứu đời xưa là đúng thế.

<24b>

THÁI TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua tên húy là Phật Mã, lại đổi là Đức Chính, là con trưởng của Thái Tổ, ở ngôi 27 năm, thọ 55 tuổi. Vua là người trầm mặc cơ mưu, biết trước mọi việc, đánh dẹp bốn phương chỗ nào cũng thắng. Nhưng làm việc không theo lễ, khoe khoang tự mãn, người quân tử thường lấy điều đó mà đòi hỏi về đạo đức tốt đẹp).

Vua sinh ra có tướng lạ (sau gáy vua có 7 nốt ruồi, giống như 7 ngôi sao[1] lại có nhiều điềm lạ, vua sinh vào ngày 26 tháng 6 năm Canh Tý [1000] Lê Ứng Thiên năm thứ 7, ở phủ Trường An. Lúc đó có con trâu nhà dân tự nhiên thay sừng khác, có người giỏi bói toán nói rằng: "Đó làđiềm đổi mới". Sau làm Thái tử, làm nguyên soái đi đánh quân Chiêm Thành. Đại quân vượt biển, đến núi Long Tỵ có rồng vàng hiện lên ở thuyền vua, vua riêng tự phụ, khi đến nơi đánh tan quân địch. Vua lại lấy áo thường mặc ban cho Trần Tuệ Long là đạo sĩ ở Nam Đế Quán. Đêm ấy có ánh sáng khắp trong quán. Tuệ Long kinh ngạc, dậy xem, thì

---

[1] Bảy ngôi sao là chòm sao Bắc Đẩu tượng trưng ngôi vua.

thấy rồng vàng hiện ở áo mặc. Người hiểu biết cho là việc đó là điềm được nhận mệnh trời).

Khi còn nhỏ vua cùng trẻ con chơi đùa, tự biết dàn xếp xử trí, bắt chúng đi dàn hầu trước sau và hai bên, như nghi vệ của các quan theo hầu vua. Thái Tổ thấy thế, vui vẻ, nhân nói đùa rằng: "Con nhà tướng thì nên bắt chước việc binh lính, chứ dùng nghi vệ theo hầu vua làm gì? **<25a>**Vua trả lời ngay rằng: "Nghi vệ theo hầu vua có cách biệt gì với con nhà tướng? Nếu cách biệt thì sao ngôi vua không ở họ Đinh mãi mà lại sang họ Lê? Do ở mệnh trời thôi. Thái Tổ cho là lạ, khi Thái Tổ đã nhận nhường ngôi, lập vua làm Đông Cung Thái tử. Vua vốn có tính nhân từ, trí tuệ thông minh, thông hiểu những nét lớn về văn võ còn như các môn: Lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số[(1)] không môn nào không am hiểu tường tận.

Kỷ Tỵ[(2)] [1029] (niên hiệu Thiên Thành năm thứ 2, Tống Thiên Thánh năm thứ 7), mùa xuân, tháng 2, khánh thành miếu Thái Tổ.

Mùa xuân, tháng 3, đem công chúa Bình Dương gả cho châu mục Châu Lạng[(3)] là Thân Thiệu Thái.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét thấy từ thời Lê Lý trở về trước, bọn tù trưởng ở miền thượng du có nhiều đứa ngoan cố ngang ngạnh không tuân theo pháp luật, hễ không vừa ý là chúng kéo nhau trốn sang phương Bắc như bọn Hoàng Khánh Tập, Trần Công Vinh... đem cả gia thuộc bộ lạc hàng vài bốn trăm người theo nước Tống. Quan lại ở quan ải cũng không ai dám làm gì, thậm chí như cha con bọn Nùng Tồn Phúc, Nùng Trí Cao chiếm đất lập nước, làm hại Trung Quốc,* ***<25b>*** *nước ta hết sức vỗ về đánh dẹp mới được tạm yên. Những nơi ấy từ trước đến nay không đặt chức tiết trấn[(4)] cho nên như thế, quân dân một châu do châu mục thâu tóm, không có chức giámsuý để mà kiềm chế. Một khi có sự biến loạn, thiên tử tự đem sáu quân[(5)] lặn lội nơi hiểm trở xa xôi so thắng bại với bọn man tù, không phải cái đạo "thủ tại tứ di"[(6)]. Thái Tông*

(1) Lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số tức là lễ, nhạc, bắn, đánh xe, viết, toán học; là 6 môn học của kẻ sĩ ngày xưa.

(2) Kỷ Tỵ: Nguyên bản chép là Ất Tỵ. Theo chúng tôi Kỷ Tỵ là đúng.

(3) Châu Lạng: Tức Lạng Sơn.

(4) Tiết Trấn: Chức quan đứng đầu một trấn.

(5) Sáu quân: Quân chế thời thượng cổ. Mỗi một quân có khoảng 12.500 người.

(6) Thủ tại tứ di là thành ngữ cổ, ý nói làm vua cho các miền yên ổn làm họ phải thuần phục.

là bậc vua anh kiệt, há không có phép gì khác để chế ngự mà đến nỗi phải đặt quan hệ dâu gia để mà ràng buộc hay sao? Suốt thời nhà Lý lấy việc đó làm thường, con gái nhà vua mà lại hạ mình lấy phiên man làm nhục thể thống nhà nước, làm thấp uy thế triều đình còn gì hơn thế nữa! Kế hoạch làm yên biên giới của nhà Lý là theo cái ngọn đấy. Từ đấy về sau, phàm những việc gả công chúa cho châu mục đều bỏ đi không ghi chép.

Giáp Đãn Nãi ở Châu Ái nổi loạn. Mùa hạ, ngày mồng 1 tháng 4, vua tự đi đánh, cho Đông Cung Thái tử trông coi việc nước , khi đến nơi đánh được giặc, vua sai trung sứ[1] đôn đốc dân nơi ấy đào kênh Đãn Nãi.

Tháng 6 **<26a>**, rồng hiện ở nền cũ điện Càn Nguyên. Vua bảo các quan xung quanh rằng: Nền điện đã phá rồi, mà rồng thần còn hiện, hay nơi ấy là nơi đất tốt đức lớn dấy nghiệp, ở chính giữa trời đất chăng? " Vậy sai quan hữu tư sửa chữalại, nhân đấy đặt là điện Thiên An (bên phải bên trái điện dựng 2 điện Tuyên Đức và Diên Phúc; thềm trước điện gọi là thềm rồng, phía Đông và phía Tây thềm rồng đặt 2 điện Văn Minh và Quảng Vũ; bên trái, bên phải dựng lầu chuông đối mặt nhau để nhân dân ai có việc gì kiện tụng oan uổng thì đánh chuông lên. Bốnxung quanh thềm rồng đều dựng hành lang Giải Vũ để làm nơi các quan và lục quân túc vệ hội họp. Phía trước làm điện Phụng Thiên[2], trên điện dựng lầu Chính Dương, làm nơi giữ giờ khắc. Phía trong làm điện Trường Xuân, trên điện dựng gác Long Đồ, làm nơi ăn uống nghi ngơi. Bên ngoài đắp một lần thành bao quanh gọi là Long Thành).

Nhà Tống sai Đồng Dĩnh sang viếng tế. Lại sai sứ sang sách phong vua làm Quận vương.

Canh Ngọ [1030] năm thứ 3 (Tống Thiên Thánh năm thứ 8), mùa xuân, tháng 2, làm điện Thiên Khánh ở trước điện Trường Xuân để làm nơi nghe chính sự (kiểu điện làm 8 góc trước sau điện đều bắc cầu Phượng Hoàng).

Mùa hạ, tháng 4, sai Đại liêu ban[3] là Lê Óc Thuyên và Viên ngoại lang là Nguyễn Việt Thân sang nước Tống để đáp lễ. Quy định kiểu mũ áo của công hầu và quan văn quan võ **<26b>**.

---

[1] Trung sứ: Sứ nhà vua phái về địa phương.

[2] Điện Phụng Thiên: CM chép là Phụng Tiên.

[3] Đại liêu ban: Một tước vua ban.

Mùa đông, tháng 10, được mùa to. Vua ra xem gặt ở ruộng xứ Ô Lộ[1], nhân đó đổi tên ruộng ấy là Vĩnh Hưng, cùng ngày ấy vua trở về cung. Tân Mùi, năm thứ 4 (Tống Thiên Thánh năm thứ 9), mùa xuân, tháng giêng, người Châu Hoan nổi loạn.

Ngày mồng 1 tháng 2, vua tự đi đánh Châu Hoan, cho Đông Cung Thái tử trông coi việc nước. Xuất phát từ kinh sư đến đóng ở Châu Hoan. Người châu ấy đầu hàng, ban chiếu tha tội cho quan mục thú, sai trung sứ vỗ về bảo ban dân.

Tháng 3, vua từ Châu Hoan về đến kinh. Ban chiếu phát tiền thuê thợ làm chùa chiền ở các làng ấp gồm 150 chỗ[2].

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Những việc như xây chùa, đúc chuông; viết kinh, mở hội đều không chép vào sử, nhưng ở đây sao lại chép vào sử? Vì một lần thuê thợ làm đến 150 ngôi chùa, thì những lần khác biết là bao nhiêu, cũng như một lần mở hội mà đến tha tội đồ, giảm tiền thuế, thì các lần mở hội khác cũng có thể biết được thế nào. Cho nên việc này cùng với việc mở hội La Hán vào năm thứ 2 niên hiệu Thiên Phù Hữu Đạo đều ghi chép mà không bỏ, là để suy sang các hội khác.*

<27a>Mùa đông, mồng 1 tháng 10, đạo sĩ là Trịnh Trí Không tâu xin cho đạo sĩ nhậm chức ký lục ở cung Thái Thanh. Vua ban chế chấp thuận.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Lý Thái Tông có thể nói là một ông vua có nhiều ham muốn, việc này giống như việc Hán Vũ Đế được thần bằng vàng ở đất Hung Nô, xây dựng cung Cam Tuyền để thờ. Sau đó lại cảm cái mộng bà "Tây Vương Mẫu" ở Dao Trì dựng bàn người tiên hứng nước mưa ngọt[3]. Bản thân làm đế vương, lại còn muốn làm tiên làm Phật, chí hướng lăng nhăng như thế. Nên vẫn ghi việc đó để chê.*

Nhâm Thân, năm thứ 5 [1032] (Tống Minh Đạo năm thứ 1), mùa hạ, ngày mồng 1 tháng 4, vua đến Làng Tín ở sông Đỗ Động cày ruộng tịch điền; nông dân dâng một cây lúa chiêm có 9 bông thóc. Vua ban chiếu đổi tên ruộng ấy là ruộng Ứng Thiên, ngày ấy vua trở về cung **<27b>**.

---

[1] Ô Lộ Vĩnh Hưng: Chưa rõ đích xác là nơi nào.

[2] ĐVSKTT và CM chép 950 chỗ. ĐVSKTT bản Chính Hòa chép là 150 chỗ.

[3] Bàn người tiên hứng nước mưa ngọt. Bàn này do Hán Vũ Đế dựng, cao 20 trượng, rộng 7 người ôm, trên có bàn tay tiên nữ hứng nước mưa ngọt.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Suốt đời nhà Lý rất trọng nghề nông, không năm nào mà vua không tự đi cày ruộng tịch điền. Xem xét việc cày cấy thu hoạch của nhân dân cũng đủ thấy đượcđại thể trị nước của nhà Lý. Cho nên dù chỉ là việc thường, cũng ghi chép, đó là để trọng việc căn bản.*

Mùa thu, tháng 9, vua đi Châu Lạng xem bắt voi.

Quý Dậu, năm thứ 6 [1033] (Tống Minh Đạo năm thứ 2), mùa xuân, tháng giêng, nước Chân Lạp sang cống (cả đời vua, Chân Lạp đến cống 2 lần).

Tháng 2, châu Định Nguyên(1) nổi loạn, vua tự đi đánh, giaocho Thái Tổ trông coi việc nước. Ngày mồng 8, xuất phát từ kinh đô, đóng lại ở Chân Đăng(2) có Đào Đại Di(3) đem dâng con gái, vua nhận cho làm phi. Ngày 17, dẹp được châu Định Nguyên vua đem quân về.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Đem quân đi, đem con gái về, binh uy vũ lực do đấy trở thành nhảm nhí!*

<28a> Mùa thu, tháng 7, châu mục châu Vĩnh Yên(4) là sư Dụng Hòa tâu rằng: châu Áo Lục có vực ngọc trai. Vua sai sứ đến tìm, quả nhiên tìm được.

Mùa đông, tháng 10(5), sách phong Đông Cung Thái tử làm Khai Hoàng Vương(6), ở cung Long Đức, vua ban chiếu đúc quả chuông nặng vạn cân, đặt ở lầu chuông trong thềm rồng.

Tháng 9, người châu Trệ Nguyên(7) nổi loạn. Mùa đông, tháng 10, vua tự đi đánh châu Trệ Nguyên, giao cho Khai Hoàng Vương trông coi việc nước. Dẹp yên châu Trệ Nguyên, ngày mồng 1 tháng 12 vua đem quân về.

Giáp Tuất, Thông Thụy năm thứ 1 [1034] (Tống Cảnh Hựu năm thứ 1), mùa hạ, tháng 4, ban chiếu cho các quan tâu việc ở trước mặt vua thì gọi vua là "triều đình".

---

(1) Châu Định Nguyên: Có lẽ là miền đất Yên Bái. Chưa khảo được.

(2) Châu Chân Đăng: Một miền thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

(3) Đào Đại Di: CM chép là Đào thị.

(4) Vĩnh Yên: Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

(5) ĐVSKTT và CM chép là tháng 8.

(6) Khai Hoàng Vương tức Thái tử Nhật Tôn.

(7) Châu Trệ Nguyên: thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn (cũ).

Lúc ấy có nhà sư là Nghiêm Bảo Tính và Phạm Minh Tâm tự thiêu, cháy hết biến thành "thất bảo"(1). Vua ban chiếu đem thất bảo ấy để ở chùa Trường Thánh thờ cúng đèn hương. Vua cho là việc lạ bèn đổi niên hiệu.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Thiên tử tự xưng là "trẫm", là "Dư nhất nhân", đó là cách vua tự xưng từ xưa đến nay không thay đổi,* **<28b>** *Thái Tông bắt bề tôi gọi mình là "triều đình", về sau Lý Thánh Tông tự xưng là "Vạn Thặng"(2) Lý Cao Tông bắt người ta gọi mình là "Phật", đều không căn cứ vào đâu cả, mà chỉ là thích khoe khoang thôi. Khổng Tử nói: "Danh nghĩa không đúng đắn, thì lời nói không thuận tai là như thế đấy!"*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Thuyết nhà Phật có cái gọi là xá lỵ, tức là khi tự thiêu mình, tinh khí ngưng tụ lại kết thành một thứ lửa mà lửa đốt không cháy được cho nên gọi là của báu. Tương truyền là người nào học thành Phật, thì thân mình hóa ra thứ ấy. Vì rằng người đi tu đoạn tuyệt tình dục cho nên tinh khí kết tụ lại thành thứ ấy đấy, người đời vì không thường thấy nên cho là lạ. Vua bị mê hoặc nên nhân đó mà đổi niên hiệu, vềsau những người hiếu danh, cạo đầu làm sư nhẫn nại chịu chết như loại Trí Thông, cũng nhiều lắm đấy.*

Tháng 6, Châu Hoan dâng con thú một sừng, vua sai Viên ngoại lang là Trần Ứng Cơ và Vương Văn Khánh đem lễ biếu nhà Tống. **<29a>** Vua sai Viên ngoại lang là Hà Thụ, Đồ Khoan, sang nước Tống để biếu 2 con voi đã thuần, nhà Tống biếu kinh Đại Tạng để đáp lại.

Kỷ Hợi(3) Năm thứ 2 [1035] (Tống Cảnh Hựu năm thứ 2), mùa hạ, tháng 4, vua ban chiếu làm mũ "kim bát giác tiêu đao" (cách làm mũ bát giác tiêu đao không tra cứu được).

Mùa thu, tháng 7, lập nàng hầu yêu (không chép tên) làm Thiên Cảm Hoàng hậu; phong Hoàng tử Nhật làm Phụng Càn Vương; các hoàng tử khác đều phong tước hầu. Vua ban chiếu bắc cầu Thái Hòa ở sông Tô Lịch. Tháng 9, cầu bắc xong, vua đến xem, sai các quan hầu làm thơ.

Mùa đông, tháng 10, vua tự đi đánh Châu Ái, giaocho Phụng Càn Vương làm lưu thú kinh sư, vua đến Châu Ái, ngự ở hành doanh, làm yến

(1) Thất bảo: 7 của quý như vàng, bạc.

(2) Vạn thặng: Chữ "thặng" là cỗ xe. Vua dùng chữ vạn thặng để tự xưng; ý nói mình có hàng vạn cỗ xe.

(3) Kỷ Hợi: ĐVSKTT chép là Ất Hợi.

tiệc đãi quan hầu và tướng soái. Vua ngầm trỏ Định Thắng đại tướng là Nguyễn Khánh mà bảo các phi tần rằng: "Khánh thế nào cũng làm phản". Các phi tần đều xin vua cho biết duyên cớ. Vua nói: "Khánh có lòng bất bình, trông thấy trẫm có vẻ hổ thẹn, đi đứng mất điều độ lời nói việc làm như khi bình thường, lấy những việc đó mà xem đủ biết là nó có mưu đồ khác; **<29b>** hiện tượng làm phản rõ ràng rồi đấy! Vua đánh được Châu Ái, định tội châu mục châu Ái, sai sứ vỗ về dân châu ấy. Phụng Càn Vương báo tin rằng bọn nhà Hồ và em nuôi của Nguyễn Khánh là Đô Thông, Đàm Toái, em vua là Thắng Càn và Đại Phúc mưu làm phản. Các phi tần đều lạy hai lạy nói: "Bọn thiếp nghe nói bậc thánh nhân biết trước khi việc chưa xảy ra, nay được chính mắt trông thấy bậc thánh nhân ấy".

Vua ban chiếu bắt bọn Khánh nhốt vào cũi đem về Kinh sư.

Mồng 1, tháng 11, vua từ Châu Ái về, đặt tiệc khao tướng sĩ có công dẹp giặc. Vua ngự điện Thiên An(1) xét án bọn sư Hồ, Nguyễn Khánh, chúng đều phải xẻo thịt băm xương ở chợ Tây, còn những người khác thì theo tội nặng nhẹ mà trị theo từng bậc.

Vua ban chiếu phát 6.000 cân đồng để đúc chuông đặt ở chùa Trùng Quang(2) (chuông đúc xong vua sai người kéo đưa đi, nhưng chuông đó không đợi sức người, tự di chuyển đến chùa trong chốc lát).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Phàm vật hình vuông thì đứng, hình tròn thì di chuyển; chuông có thể di chuyển được là vì hình tròn* ***<30a>*** *có thể kéo lăn đi được không nhọc đến sức người, như là có sức thần gì úp. Nay ta hãy xem, như cây gỗ lớn, mười người khiêng đi thì nặng không đi nổi, một người đẩy ngang thì cứ lăn tròn mà đi. Chuông cũng thế. Sư chùa muốn làm cho tôn giáora vẻ thần diệu, mới nói phao lên thế để lừa dối mà thôi. Còn về: dấu vết người thần (sử cũ chép năm Thiên Thành thứ 1, có dấu vết người thần hiện lên ở chùa Vạn Tuế; năm Thiên Thành thứ 2 cũng có dấu vết người thần hiện ra ở chùa Thắng Nghiêm; năm thứ 5 dấu người thần hiện ra ở chùa Đại Thắng, không thấy ghi. Ánh sáng xá lỵ (bỏ không ghi, ghi chú xem phần Thái Tổ dựng chùa Thắng Nghiêm). Cây ưu đàm nở hoa (sử cũ chép năm Thiên Thành thứ 5, ở chùa Thích Ca trước quán Lôi Công có cây ưu đàm có hoa). Tượng phật cổ vọt lên (xem chú ở trước) đều do bọn*

---

(1) Điện Thiên An: ĐVSKTT chép điện Thiên Khánh.

(2) Chùa Trùng Quang nay ở huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

nhà chùa nói ra cả. Người chép sử khi ấy, không lấy lý mà suy xét, cứ theo thế mà ghi vào sử sách).

Bính Tý năm thứ 3 [1036] (Tống Cảnh Hựu năm thứ 3), mùa hạ, tháng 4, đặt hành doanh ở Châu Hoan đổi tên châu ấy là châu Nghệ An.

Mùa đông, tháng 10, giáp đông ở đạo Lâm Tây[1] và các châu huyện: Lạng Châu, Tô Mậu, Quảng Nguyên[2]**<30b>** Đan Ba, Bình Nguyên[3], Đô Kim[4], Thường Tân cùng khởi binh làm phản, xâm lấn 3 châu là Tư Lăng, Tây Bình, Thạch Tây và các động thuộc Châu Ung của nước Tống, cướp trâu ngựa, đốt nhà cửa rồi về. Người nước Tống bắt nước ta phải đánh dẹp, vua ta bèn xuất quân đi đánh.

Đinh Sửu, năm thứ 4 [1037] (Tống Cảnh Hựu năm thứ 4), mùa xuân, ngày mồng 1, tháng 2, vua tự đi đánh đạo Lâm Tây cho Khai Hoàng Vương làm nguyên soái đánh giặc châu Đô Kim, Tân Thường, Bình Nguyên cho Phụng Càn Vương lưu thủ Kinh sư. Quân xuất phát từ Kinh sư đến đạo Lâm Tây dẹp yên được. Tháng 3, vua về Kinh.

Vua ban chiếu cho châu Nghệ An dựng các kho Tư Thành, Lợi Nhân, Vinh Phong cả thảy 50 sở.

Mùa thu, tháng 7, vua đến điện Hàm Quang xem đua thuyền (tháng 8 năm sau cũng thế, trò đua thuyền hàng năm làm thường lệ, khiến đời sau bắt chước, làm say đắm vào cuộc rong chơi. Nước to.

Lập đền thờ Hoằng Thánh Đại vương (lúc đó, vua thấy ở phủ Đô Hộ có nhiều án nghi ngờ, quan sĩ không xét đoán được, muốn sao có được sự linh thiêng xét rõ để ngăn chặn hết đường gian trá, mới đốt hương khấn trời. Đêm ấy, vua chiêm bao thấy sứ giả mặc áo đỏ vâng sắc chỉ của trời cho Cự Lạng làm chức Đô Hộ phủ ngục tụng minh chủ. Vua hỏi sứ trời rằng: **<31a>** Người ấy là người nào? Giữ chức vụ gì của ta?" Sứ giả nói: "Người ấy làm Thái úy, triều Lê Đại Hành". Vua tỉnh dậy, gọi các quan vào hỏi, xét việc làm của Cự Lạng, phong cho tước vương, sai quan hữu ty dựng đền ở phía Tây cửa nam thành để hàng năm cúng tế).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Trong lòng không lo nghĩ gì mà tự nhiên thấy mộng, mới là chính mộng. Thái Tông suy nghĩ về việc xử kiện sao cho công bằng, nhờ vào thần linh, nên trong lúc hoảng hốt bèn nhìn

---

[1] Đạo Lâm Tây: Thời Nguyễn là phủ Gia Hưng, tương đương với đất một số huyện tỉnh Vĩnh Phú, Hòa Bình, Sơn La.

[2] Châu Quảng Nguyên là châu Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

[3] Bình Nguyên là châu Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang.

[4] Châu Đô Kim là huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

thấy. Như thế trong Chu Lễ gọi là vì nghĩ mà có mộng chứ không phải là chính mộng đấy. Xét ra thần thì phải là chính mộng. Thần thì phải thông minh chính trực chỉ một lòng, còn Cự Lạng lại hai lòng trong khi triều đình thay đổi vua. Nếu ở âm ti mà bị Đinh Điền, Nguyễn Bặc tố cáo, thì tự mình không thể trả lời nổi cho mình, còn xét việc án nghi ngờ của nhân dân được sao? Thái Tông quả là bậc đại nhân trung chính, thì người không trung chính, không thể xử kiện được, mà lại muốn nhờ vào thần để ngăn lấp đường gian trá, há không phải là vu vơ lắm sao? Thờ chúa ngục, đầu tiên chỉ có một đền ở nhà ngục phủ Đô Hộ thôi, thế mà dần dần đến nay, các ty ở đâu cũng thờ **<31b>**phụng như thế, mà việc kiện tụng vẫn rối bời, người ngay kẻ gian lẫn lộn, chủ ngục chưa hề giếtđược một kẻ gian tham xảo trá nào và cũng chưa xử được một vụ oan uổng nào; Ôi! Sắc của thượng đế và vị sư áo đỏ, có chăng? Người đó đúng là Cự Lạng hay không phải Cự Lạng? Mộng của Thái Tông không đáng tin, người đời sau vẫn tin mà thờ cúng, thật là mê hoặc lắm đấy.

Mậu Dần, năm thứ 5 [1038] (Tống Bảo Nguyên năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, vua đến cửa Bố Hải cày ruộng tịch điền. Sai quan hữu ty dọn đất đắp đàn, vua tự tế Thần Nông rồi cầm cày toan làm lễ tự cày, các quan xung quanh có người can rằng: "Đó là việc của nhà nông, bệ hạ cần gì làm thế? " Vua nói: "Trẫm không tự cày thì lấy gì mà làm xôi cúng, lấy gì làm mẫu cho thiên hạ?" Thế rồi đẩy cày ba lần rồi thôi.

Tháng 3, vua về kinh sư.

> ***<32a> Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:*** *Thái Tông làm lại lễxưa, tự đi cày ruộng tịch điền, xướng xuất cho thiên hạ, trên để kính thờ tôn miếu, dưới để làm gương cho muôn dân, công hiệu trị nước, khiến cho dân được giàu có đông đúc là đáng lắm thay!*

Mùa đông, tháng 10, dựng kho ngự,

Tháng 12, Nùng Tồn Phúc ở châu Quảng Yên nổi loạn. Nhà Tống sai sứ sang nước ta để sách phong (phong vua làm Nam Bình Vương); Đông Chinh Vương Lực mất.

> ***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Lực có tội như Luân Đĩnh nước Tấn, thế mà Thái Tông không giận. Sau khi tha tội, cũng không hề nghi kỵ gì, khiến giữ được toàn vẹn thân thế. Đến khi chết mới ghi chép vào sử, khá khen ông vua giữ được lòng nhân hậu đấy.*

Kỷ Mão, năm thứ 6 [1039] (tháng 6 về sau là Càn Phù Hữu Đạo năm thứ 1, Tống Bảo Nguyên năm thứ 2), mùa xuân, tháng giêng, thủ

lĩnh Tây Nông[1] là Hà Văn Trinh tâu việc Tồn Phúc nổi loạn. Trước đây Tồn Phúc làm thủ lĩnh châu Thảng Do, em là Tồn Lộc <32b> làm thủ lĩnh châu Vạn Nhai[2], Tồn Phúc yêu cầu cho em A Nùng[3] là Dương Đạo làm thủ lĩnh châu Vũ Lặc[4] đều thuộc châu Quảng Nguyên, hằng năm tiến cống thổ sản. Sau Tồn Phúc giết Tồn Lộc và Dương Đạo thôn tính các đất ấy tấu[5] xưng là Chiêu Thánh Hoàng đế, lập A Nùng làm Minh Đức Hoàng hậu, phong con là Trí Thông làm Nam Nha Vương, đổi châu ấy làm nước Trường Sinh sắm sửa binh giáp, đắp thành kiên cố để tự giữ, không nộp cống không xưng là tôi nữa (Quảng Nguyên ở về phía Tây nam Châu Ung, đất vắng vẻ mà hiểm trở, sản xuất vàng, đan sa. Tuy nói là bị các quan Châu Ung ràng buộc, thực tế là lệ thuộc nước ta).

Tháng 6[6], vua tự cầm quân đi đánh Tồn Phúc, cho Khai Quốc Vương trông coi việc nước. Quân xuất phát từ kinh sư, qua bến Lãnh Kinh[7] có con cá trắng nhảy vào thuyền. Đến châu Quảng Nguyên, Tồn Phúc nghe tin đại quân đến, đem cả bộ lạc, dắt cả vợ con trốn nấp ở nơi núi khe. Vua cho quân đuổi theo bắt được bọn Tồn Phúc và Trí Thông tất cả 5 người, duy có vợ là A Nùng, con là Trí Cao chạy thoát. Sai đóng cũi nhốt bọn Tồn Phúc đem về kinh sư, sai quân sĩ san bằng thành hào, chiêu dụ vỗ về bọn bè đảng của nó rồi đem quân về.

<33a> Tháng 3, vua từ Quảng Nguyên về đến kinh sư, ban chiếu rằng: "Trẫm từ khi làm vua đến giờ, tướng văn tướng võ cùng các bề tôi, không ai là không giữ tiết lớn, phương xa cõi khác không đâu là không thuần phục, mà bọn họ Nùng cũng đời đời giữ bờ cõi, thường nạp thổ cống. Nay Tồn Phúc càn rỡ tự tôn, tiếm vị hiệu, ra mệnh lệnh, tụ họp loại quân rắn rết, độc hại dân nơi biên thuỳ, trẫm vì thế phụng mệnh trời đi đánh (Đoạn kết của bài chiếu, sử cũ bỏ sót), chém bọn Tồn Phúc 5 người ở chợ.

Mùa hạ, tháng 5, động Vũ Kiến (thuộc châu Quảng Nguyên dâng một khối vàng sống nặng 112 lạng. Huyện Liên, châu Lộng Thạch, châu Định Biên[8] tâu rằng trong gò núi có khí phun ra.

---

(1) Tây Nông: Tức huyện Tây Nông tỉnh Bắc Thái (cũ).

(2) Châu Vạn Nhai: Tức huyện Bắc Sơn tỉnh Lạng Sơn.

(3) A Nùng: Vợ Tồn Phúc.

(4) Châu Vũ Lặc: Có lẽ là đất tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn.

(5) Tấu: ĐVSKTT chép là "Tiếm", có nghĩa hơn.

(6) Tháng 6: ĐVSKTT chép là tháng 2.

(7) Lãnh Kinh: Có lẽ là đất cùng Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh.

(8) Châu Định Biên: Thuộc tỉnh Cao Bằng.

Tháng 6, bầy tôi xin đổi niên hiệu là Càn Phù Hữu Đạo và dâng tôn hiệu là: "Kim dũng sinh ngân, Nùng bình phiên phục"(1). Vua nói thời Đường Ngu, chỉ vẽ ra tượng hình phạt mà người không dám phạm, không đánh mà khuất phục được quân của người, rủ áo khoanh tay mà thiên hạ thịnh trị, cho nên các vì sao không đi trái, sấm mưa không mê loạn, chim muông nhảy múa **<33b>** phượng hoàng đến chầu, 4 phương đều thần phục, trăm Man theo giáo hoá, không biết làm sao mà được như thế! Trẫm là người ít đức, đứng đầu thần dân, sớm dậy khuya nằm, lúc nào cũng lo sợ như lội vực sâu, chưa biết lấy đạo gì để thấu đến trời đất , lấy đức gì để ngang được Nghiêu Thuấn. Vừa rồi, giặcNùng dẹp yên, Chiêm Thành quy phục, ở động thì sinh ra vàng, ở đất thì sôi ra bạc, ý chừng có điều gì mà được thế chăng? Hay là có điều gì mà trời đe răn chăng? Trẫm rất lấy làm lo sợ, sao đáng để tôn danh hiệu tốt đẹp, lời bàn của các khanh nên bỏ đi thôi". Bầy tôi cố xin, vua mới bằng lòng.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Các vua Nghiêu, Thuấn, Văn Vương, Vũ Vương đều lấy một chữ làm việc, chưa từng thấy có thêm tôn hiệu bao giờ. Các đế vương đời sau thích sự khoe khoang, mới có tôn hiệu đến hơn vài chục chữ. Nhưng chỉ lấy những chữ công đức mà xưng, chưa bao giờ lấynhững chữ về sản vật và man di mà chắp nối vào tôn hiệu cả. Thái Tông lại nhận* ***<34a>*** *tám chữ của bầy tôi dâng làm tôn hiệu, thì trong cái khoe khoang lại còn sa vào thổ lộ đấy. Thái Tông không có học không biết, mà bọn nho thần dâng những chữ ấy để xiêm nịnh vua không thể nói là không có tội!*

Mùa thu, tháng 8, sai Đại liêu ban là sư Dụng Hòa và Thân Vương ban là Đỗ Hưng sang nước Tống tiếp tục việc thông hiếu cũ (Đại liêu ban, Thân vương ban đều là tên tước, sư Dụng Hòa làm quan mục ở châu Vĩnh An mới nhận tước ấy).

Mùa đông, tháng 10, ban chiếu sửa lại miếu Thái Tổ Vũ Hoàng đế.

Canh Thìn, Càn Phù Hữu Đạo năm thứ 2, [1040] (Tống Khang Địnhnăm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1 Đinh Hợi có nhật thực.

Tháng 3, vua ban chiếu phát hết gấm vóc lụa chứa trong kho cho các quan. Trước đây, vua dạy cho các cung nữ dệt gấm lụa, đến bấy giờdệt

---

(1) Kim Lũng sinh ngân, Nùng bình phiên phục: Nghĩa là vàng sôi lên, bạc sinh ra, họ Nùng bị dẹp yên, các phiên bang phục tùng.

xong, bèn ban chiếu xuất hết gấm vóc Tầu may áo cho các quan từ Tứ phẩm trở lên, cửu phẩm trở xuống, có từng bậc khác nhau (Ngũ phẩm trở lên thì áo bào gấm, cửu phẩm trở xuống đều áo bào bằng vóc), **<34b>** để tỏ ra rằng vua không dùng gấm vóc nữa.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Làm việc này, vua đã tốt, lại tốt hơn, không quý của lạ, là tỏ ra giữ đức kiệm ước; ban cho các quan, là tỏ ra hậu đãi kẻ dưới.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Kinh Xuân Thu nói: "Làm ra phẩm phục để mở triều hội" tức là lấy 5 sắc làm 12 vẻ để làm chính nghi thức áo xiêm, phân biệt thứ bậc trên dưới, chứ không phải là đồ chơi đẹp đẽ khéo léo đâu! Đời sau, cái văn vẻ hơn lên, làm mất cái chất, nên cái khéo léo xa xỉ sinh ra. Nghề dệt của Trung Quốc rất tinh, các nước khác không đuổi kịp được, thuyền buôn hằng năm đến nước ta, các nhà giàucó tranh nhau mua, không chỉ để dùng vào việc may mặc, mà đến xe tang cũng dán bằng gấm vóc, làm phí phạm của trời, hao tổn sức người, chưa có lúc nào tệ hơn lúc này.* ***<35a>*** *Gần đây, một cái ấm, một cái chén lại càng chuộng hàng Tầu, thậm chí có người lấy vài bốn mươi nén bạc để đổi, người trên đã ham chuộng, kẻ ở dưới tất ham chuộng hơn. Khoảng đời Hồng Đức [1470 - 1497], những đồ dùng như chậu, âu, bát của nước ta đều thuê người làm ra để cung cấp cho vua dùng, chưa từng thấy coi hàng Tầu là trọng. Tôi trộm nghĩ: gấm vóc đồ dùng của nước ta, nghề thợ không kém Trung Quốc. Nghề thợ là một trong bốn nghề của dân. Nghề thợ, nếu được dạy bảo, đưa cho kiểu mẫu, dạy cho cách làm, những người thợ thuộc vào ty vào cục, thì cho hưởng lương cao, những người thợ ở phường ở chợ thì được đánh thuế nhẹ, như thế thì lo gì các nghề thợ không tinh, lo gì không hợp với người dùng! Còn như quần áo của công và tư, đồ dùng của quan và dân, cần phân biệt màu sắc văn vẻ, hạn chế cho nghiêm ngặt, để ngăn ngừa sự xa xỉ, tiếm vượt, và phân biệt đẳng cấp, đó là một đường lối, bỏ xa xỉ, bớt lãng phí, làm cho dân giàu nước mạnh đấy. Người làm vua, nếu biết nhìn xa thấy rộng thì* ***<35b>*** *Lý Thái Tông làm gương, gần thì lấy đời Hồng Đức làm chuẩn, đến thần tượng vua Nghiêu vua Vũ cũng đến thế mà thôi.*

Mùa hạ, ngày 1 tháng 4, vua ban chiếu rằng: Từ nay về sau phàm nhân dân trong nước ai có việc kiện tụng gì, đều giao cho Khai Hoàng Vương xét xử rồi tâu lên, và cho lấy điện Quảng Vũ làm nơi Vương xử kiện.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Chức vụ của Thái tử, ngoài việc thăm hỏi hầu cơm ra, khi ở lại giữ nước thì gọi là giám quốc, khi đem quân đi thì gọi là phủ quân, chỉ thế mà thôi, chưa từng nghe thấy ai sai hỏi kiện bao giờ. Xét ra phần hỏi kiện là việc của quan có trách nhiệm. Thái Tông sai Khai Hoàng Vương làm, việc ấy là không đúng chức phận, lấy điện Quảng Vũ làm nơi Vương xử kiện cũng là không đúng chỗ.*

Mùa thu, tháng 8, người giữ trại Bố Chính của nước Chiêm Thành là Bố Linh, Lan Đà Tinh đem bộ thuộc hơn trăm người sang theo ta.

Mùa đông, tháng 10, mở hội La Hán ở thềm rồng, đại xá thiên hạ **<36a>**. Trước đây, vua ra lệnh thuê thợ tạc hơn nghìn pho tượng Phật, vẽ hơn nghìn bức tranh Phật, làm hơn vạn cây cờ phướn, đến khi ấy làm xong, mở hội khánh thành, đại xá thiên hạ, tha người bị tội lưu[1] bỏ phép xử tội đồ[2] và tha một nửa tiền thuế cho thiên hạ.

Tân Tỵ, năm thứ 3 [1041] (Tống Khánh Lịch năm thứ 1), mùa hạ, tháng 4[3], đặt phẩm cấp các cung nữ, Hoàng hậu và phi tần 13 người, Ngự nữ[4] 18 người, nhạc kỹ hơn 100 người. Tháng 6, Điện tiền chỉ huy sứ là Đinh Lộc và Phùng Luật mưu làm phản, vua ban chiếu bắt Lộc, Luật và bè đảng giao cho quan trị tội. Khai Hoàng Vương xử và quyết định bọn Lộc, Luật đều chịu tội chết.

Mùa đông, tháng 11, vua ban chiếu cho Uy Minh hầu là Nhật Quang làm Tri châu Nghệ An, Nùng Trí Cao cùng mẹ là A Nùng từ động Lôi Hỏa lại về chiếm cứ châu Thảng Do, đổi châu ấy làm nước Đại Lịch. Vua sai tướng đi đánh, bắt sống được Trí Cao đem về kinh sư. Vua thương tình vì cha và anh nó đều bị giết, tha tội cho, cho giữ chức châu Quảng Nguyên **<36b>**như cũ, các động Lôi Hoả, Bình An (có bản chép chữ An là Tần) Bà Tứ và châu Tư Lang[5] (có bản chép chữ Lang là lãng) phụ thêm vào.

Nhâm Ngọ, năm thứ 4 (tháng 10 trở về sau là Minh Đạo năm thứ 1. Tống Khánh Lịch năm thứ 3), mùa xuân, tháng 3, vua đến cửa biển Đa Lâm để cày ruộng tịch điền, tháng ấy vua trở về kinh sư.

---

[1] Tội lưu: Tội đày đi xa.

[2] Tội đồ: Tội khổ sai.

[3] ĐVSKTT chép là tháng 5.

[4] Ngự nữ: Những người gái hầu vua.

[5] Châu Tư Lang: Nay là huyện Thượng Lang, Hạ Lang tỉnh Cao Bằng.

Mùa hạ, tháng 5, vua ban chiếu: Thân quân của các quan chức bỏ trốn thì xử phạt 100 gậy, thích vào mặt 50 chữ và chịu tội khổ sai, quân sĩ trốn vào rừng núi, cướp của cải của người thì xử phạt 100 gậy, thích vào mặt 30 chữ; Người giữ trấn giữ trại mà bỏ trốn, cũng xử như vậy.

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Việc binh là phải nghiêm, cho nên người lính đào ngũ, lần đầu thì xử tội khổ sai, lần thứ hai thì xử tội đi đày những người chứa chấp dung túng và không phát giác thì cũng có tội, còn những người đóng thú ở trấn bỏ trốn, nhẹ thì xử tội khổ sai, nặng thì xử tử hình đều ghi rõ ràng trong cấm lệnh, không ai được thay đổi, lẽ nào người lính đào ngũ lại đi cướp bóc của người <37a>, giữ trấn giữ trại bỏ trốn, và người khi vua đi mà không theo xe vua, chỉ xử tội phạt gậy mà thôi. Lại đối với kẻ trộm cướp không kể tội cướp của cải công hay tư, đều xử tội phạt gậy! Thái Tông quá hiền từ, cho nên việc chính sự rộng rãi cẩu thả đại loại là như thế thì làm sao nghiêm được quân luật và đe răn kẻ gian?*

Mùa thu, tháng 7, ban chiếu rằng: những kẻ ăn trộm trâu của công thì xử phạt 100 gậy, trộm một con trâu phải đền thành 2 con.

Tháng 9, ban chiếu rằng những người vắng mặt trong buổi thề đều phạt 50 gậy. Vua sai viên ngoại lang là Đỗ Khánh và Lương Mậu Tài biếu nhà Tống con voi đã thuần (tiếp tục việc thông hiếu cũ).

Động đất.

Châu Văn nổi loạn.

Tháng nhuận, vua ban chiếu rằng: Kẻ nào đêm vào nhà người ta, gian dâm vợ cả vợ lẽ ngườita, người chủ đánh chết ngay lúc ấy cũng không phải tội. Vua ban chiếu rằng nhân dân nộp thuế, cho phép ngoài số nộp quan, 10 phần thì người thu được lấy thêm một phần gọi là hoành đầu, nếu lấy quá thì theo tội ăn trộm mà xử; nhân dân ai tố giác thì tha thuế cho nhà ấy 3 năm; người ở Kinh thành cáo giác thì thưởng <37b> cho số vật đã tố giác ấy. Trải qua hằng mùa hằng tháng mà bị tố giác, thì quản giáp, chủ đô và người thu thuế cùng chịu tội như nhau (Hoành đầu theo như ngày nay, ngoài tiền thuế có thu tiền giấy bút).

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, cho Khai Hoàng Vương làm Đô thống Đại nguyên soái đi đánh Châu Văn.

Vua ban chiếu đổi niên hiệu làm Minh Đạo năm thứ 1.

Ban sách *Hình thư*. Trước kia, trong việc nước kiện tụng phiền nhiễu, quan lại giữ pháp luật, hay làm khắc nghiệt, nhiều người bị oan uổng, vua lấy làm thương xót, bèn sai quan Trung thư sửa định luật lệnh, châm chước cho thích hợp với thời bấy giờ, chia làm môn loại, biên riêng cho một triều đại, để cho người xem dễ hiểu. Sách làm xong, ban chiếu thi hành trong dân cho tiện. Đến khi ấy phép xử kiện rõ ràng dễ hiểu, cho nên có lệnh đổi niên hiệu là Minh Đạo và đúc tiền Minh Đạo.

Tháng 11, ban chiếu rằng: Những người từ 70 trở lên, 80 tuổi trở xuống; từ 10 tuổi, 15 tuổi trở xuống và những người ốm yếu cho đến các thân thuộc nhà vua có <38a> tang từ 9 tháng một năm trở lên, phạm tội thì được chuộc tội. Riêng phạm tội thập ác(1) thì không tha.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Trong tám điều bàn ở Chu Lễ thì một điều bàn về người thân. Trong ba loại người được tha tội thì một là người già lẫn, hai là thơ ấu. Thái Tông ban chiếu này có thể nói là lấy tấm lòng không nỡ hại gì để thi hành chính sách không nỡ hại người ràng buộc lòng người, bồi đắp vận nước, giữ được ngôi lâu dài, thật đúng vậy!

Đói to. Ban chiếu cho Nguyễn Châu ở viện Khu Mật hạ lệnh cho những người phạm tội trốn ở các lộ nhận các cầu đường ở địa phương mà đắp đất ụ, cắm biển gỗ ở trên, để tiện cho việc đi về 4 phương.

Quý Mùi, Minh Đạo năm thứ 2 [1093] (Tống Khánh Lịch năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, Châu Ái nổi loạn.

Tháng 2, vua đến điện Thiên Khánh ban chiếu rằng: các quan chức 3 người cùng bảo đảm cho 1 người, nếu có ai giấu giếm đại man thì 3 người đều phải tội (Xét thấy về triều Lý. Việc kê khai hộ khẩu làm rất kỹ lưỡng nghiêm ngặt, con trai 18 tuổi đều ghi vào sổ bìa vàng, gọi là <38b> hoàng nam; 20 tuổi trở lên gọi là đại nam; quan chức nghĩa là 3 người đều là quan. Quan chủ chưởng quản cấm quân thì chỉ được cùng nuôi một người loại hoàng nam làm gia nô, nếu có ai giấu đại nam thì cả 3 người quan chức đều có tội. Vì lúc đó nuôi tư nô thì chỉ được nuôi người chưa đến tuổi hoàng nam mà thôi).

---

(1) Thập ác: 10 tội lớn, các tội mưu làm phản; mưu đại nghịch; mưu nổi loạn, mưu giết ông bà cha mẹ; giết 3 người vô tội trong một gia đình hoặc giết người rồi cắt xẻ ra; đại bất kính (không kính vua, ăn trộm đồ thờ của vua, khắc ấn giả, chế thuốc men đồ dùng không đúng phép, nấu cho vua ăn những vật cấm, đóng thuyền vua đi không chắc chắn) bất hiếu, bất mục; bất nghĩa; nổi loạn.

Châu Văn nổi loạn. Ngày mồng 1, tháng 3, cho Khai Hoàng Vương làm Đô thống đại nguyên soái, đi đánh Châu Ái, cho Phụng Càn Vương làm Đô thống nguyên soái, đi đánh Châu Văn, dẹp yên được (Phụng Càn Vương dâng 4 con ngựa tốt bắt được. Vua cho đặt tên 4 con ngựa đó là: Tái Thiên, Quảng Thắng, Truy Phong, Nhật Ngựa.

Mùa hạ, tháng 4, giặc sóng gió Chiêm Thành (là nói loài giặcdựa vào sóng gió để đi cướp) cướp bóc dân ven biển. Vua sai Đào Xử Trung trấn giữ ở đó, địa phương lại yên.

Mùa thu, tháng 8, ban chiếu rằng: Kẻ nào đem bán hạng dân hoàng nam làm gia nô cho người ta, đã bán rồi thì xử phạt 100 gậy, thích vào mặt 20 chữ; chưa bán nhưng đã cho làm công việc cũng phạt gậy như thế, và thích vào mặt 10 chữ; Người nào biết mà vẫn mua thì cũng xử tội như thế, người không biết mà mua thì giảm tội cho một bậc.

Vua hỏi những người xung quanh rằng: "Tiên đế qua đời, đến nay đã 16 năm rồi, mà Chiêm Thành chưa từng sai một người sứ thần nào sang là cớ gì? Hay là uy đức của trẫm không đến họ chăng, hay là Chiêm Thành cậy thế núi sông hiểm **<39a>** trở chăng? " Các quan tâu lại rằng: "Bọn thần cho là đức của bệ hạ tuy có đến, nhưng uy thì chưa rộng thôi. Sao lại thế? Là vì từ khi bệ hạ lên ngôi đến nay, nó trái mệnh không đến chầu, mà bệ hạ chỉ ban ân bố đức mà vỗ về, chưa từng ra oai dũng võ để đánh dẹp, đó không phải là cách làm cho người xa sợ oai. Bọn thần e rằng các chư hầu khác họ ở trong nước, sẽ đều như Chiêm Thành cả, há chỉ riêng người Chiêm mà thôi đâu! Từ đấy vua quyết ý đánh Chiêm Thành.

> ***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:*** *Bọn giặc sóng gió của Chiêm Thành cướp bóc dân ven biển nước ta thì không đem quân đánh để hỏi tội sao được! Đó là để nêu rõ tội danh của nó đấy. Nếu bảo là người xa không phục cứ lấy văn đức mà cảm hóa cho họ theo về, thì cần gì phải đem quân đi xa.*

Ngày mồng 1, tháng 9, sai Ngụy Trưng đến châu Quảng Nguyên cho Nùng Trí Cao đô ấn phong làm Thái bảo.

> ***<39b> Sử thần Lê Văn Hưu bàn:*** *Tồn Phúc phản nghịch, tiếm hiệu, dựng nước, đặt quan thuộc, Thái Tông đã giết đi, mà dùng con nó là Trí Cao, nay Trí Cao lại noi theo việc trái phép của cha nó, thì tội to lắm, giết đi cũng phải, không cho tước lộc, không phong ấp, giáng làm dân thường cũng phải. Thái Tông đã tha tội cho nó, lại cho thêm mấy châu quận, ban cho ấn tín phong*

làm Thái bảo, thế là thưởng phạt không còn có phép tắc gì nữa. Đến khi Trí Cao nổi loạn ở châu Quảng Nguyên, lại đem quân đi đánh, viện cớ là viện trợ láng giềng, có khác gì thả con hổ con beo cho nó cắn người, rồi mới từ từ đến cứu người ta. Có lẽ là Thái Tông say đắm lòng nhân nhỏ nhặt của nhà Phật, mà quên mất nghĩa lớn của người trị nước đấy. Vua định sang năm đánh Chiêm Thành, ban chiếu sai đóng các chiến hạm hiệu Long Phượng, Ngư, Xà, Hổ, Báo, Anh, Vũ, hơn vài trăm chiếc.

Mùa đông, tháng 10, cái thuẫn của vua dùng để ở điện Trường Xuân tự nhiên động. Vua ban chiếu cho bề tôi **<40a>** bàn, đều nói rằng: "Thuẫn là đồ binh khí, thần nghe nói rằng chim loan liệng trước khi trời gió, đá tảng ướt trước khi trời mưa. Nay bệ hạ muốn đem quân đánh dẹp kẻ không đến chầu mà binh khí tự nhiên cử động, đó là điềm thần và người ngầm ý hiểu nhau, loài vật cảm ứng với nhau. Kinh Thư có câu "Mình động thì mọi việc ứng theo mà đón trước chí của mình". Nay vật ấy đã động trước để ứng chí mình, còn ngờ gì nữa". Vua cho là phải.

Quy định phép xử tội kẻ trốn tránh, vua ban chiếu rằng: Quân sĩ bỏ trốn quá 1 năm thì xử phạt 100 gậy, thích vào mặt 50 chữ, bỏ trốn chưa đến 1 năm, thì trị tội theo mức nhẹ; kẻ nào trốn tránh mà tự trở về thì cho trở về chỗ cũ. Khi vua đi ra mà không đi theo xe vua, thì cũng xử phạt như thế, và thích vào mặt 10 chữ.

Tháng 12, vua ban chiếu cho quân sĩ may áo giáp, sắm binh khí, hẹn đến mùa xuân, tháng 2 sang năm đi đánh Chiêm Thành.

Vua đến hành dinh Cổ Lãm(1) ban chiếu rằng: Kẻ nào ăn cướp lúa mạ và tài vật của nhân dân, nếu đã lấy rồi thì xử phạt 100 gậy, nếu chưa lấy được mà làm cho người bị thương thì xử tội đi đày.

Lại đúc tiền Minh Đạo, ban cho các quan văn quan võ.

<40b> Giáp Thân, năm thứ 3 [1040] (tháng 11 về sau là Thiên Cảm Thánh Vũ năm thứ 1. Tống Khánh Lịch năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, phát khí giới trong kho vũ khí cho các quân.

Ngày Quý Mão, vua ban chiếu tự đi đánh Chiêm Thành, cho Khai Hoàng Vương làm lưu thủ kinh sư (ngày ấy quan hữu ty cúng thần núi bằng lễ thiếu lao(2) lấy được cái mật to bằng quả bưởi đem dâng lên. Vua

(1) Cổ Lãm: Tức Khả Lãm, Phú Lãm thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

(2) Thiếu Lao: Con bò nhỏ. Thường người ta hay thay bằng con dê khi làm lễ cúng.

nói đùa rằng: "Chữ "đảm" (mật) với chữ "đam" (vui) âm gần giống nhau, con thiếu lao mà có mật to, có lẽ là điềm báo cho ta biết là chỉ chịu khó nhọc một chút mà được vui lớn đó").

Ngày Giáp Thìn, vua xuất phát từ kinh sư, ngày Kỷ Tỵ đến cửa biển Đại Ác, gặp khi sóng gió yên lặng, đại quân qua biển dễ dàng, vua ban chiếu đổi tên Đại Ác làm Đại An[1], đến núi Ma Cô[2] có đám mây tía nâng vừng mặt trời. Qua vũng Hà Não có đám mây che trên thuyền vua ngồi, thuyền đi thì mây đi, thuyền đứng thì mây đứng. Hôm ấy đến cửa biển Trụ Nhai (có sách chép là Trụ Thân) đóng lại. Ngày hôm sau ra đi, nhờ thuận buồm xuôi gió, trong một ngày qua 2 bãi Đại Tiểu Trường Sa[3] đến cửa biển Tư Khách[4](Tư Khách, còn có tên gọi là Ô Long, thuộc huyện Hương Trà, Thuận Hoá, các dòng nước hội tụ lại đó, sóng gió hiểm nghèo, thế núi cài răng lược, quanh co khúc khuỷu rất hùng vĩ, Trần Nhân Tông gả công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành, thuyền đi đến đó, đổi tên là Tư Dung, sau Mạc Đăng Dung cướp ngôi, vì chữ "Dung" đồng thanh nên lại đổi là Tư Khách), có con cá trắng nhảy vào thuyền vua. Vua nghe tin Chiêm Thành đem quân **<41a>** và voi bày trận ở bờ bên nam sông Ngũ Bồ, muốn chống lại quan quân, vua cho quân bỏ thuyền lên bộ, đem quân sĩ đến bờ sông bên bắc, thấy quân địch đã dàn ở bên sông. Vua bèn cắt đặt quân sĩ, dựng cờ nổi trống, sang tắt ngang sông để đánh, binh khí chưa chạm nhau, quân Chiêm đã tan vỡ, quan quân đuổi chém được 3 vạn đầu. Quách Gia Di chém được đầu vua Chiêm là Sạ Đẩu tại trận, dâng lên. Bắt được 30 con voi đã thuần, bắt sống được hơn 5.000 người, còn lại bị quan quân giết chết, xác chất đầy đồng, vua lấy làm thương xót, mới hạ lệnh rằng: "Kẻ nào giết bậy người Chiêm Thành sẽ giết không tha".

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Tấm lòng này của vua cũng như tấm lòng của Thái Tổ nhà Tống đấy[5], truyền ngôi được lâu dài là phải lắm.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét về phương hướng vị trí và tốc độ của việc đi biển về phương Nam thì mùa thu mùa đông đi vào*

---

(1) Đại An: Nay thuộc tỉnh Nam Định.

(2) Núi Ma Cô: Ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

(3) Đại Tiểu Trường Sa: Bãi cát từ cửa Nhật Lệ đến Cửa Tùng là Đại Trường Sa; Bãi cát từ Cửa Việt đến cửa Tư Hiền là Tiểu Trường Sa.

(4) Tư Khách: ở phía Nam tỉnh Thừa Thiên – Huế.

(5) Tống Thái Tổ sai Tào Bân đi đánh Giang Nam, khi đi răn Bân rằng: "Khi lấy được thành phải cẩn thận không được giết hại dân".

là thuận, mùa xuân mùa hạ đi ra là thuận <41b>. Đi vào giương buồm từ Cửa Lác[1], thấy gió tây bắc nổi lên, đặt ở vị Cấn[2] kim chỉ thẳng phương Khôn[3] đi nửa ngày sẽ đến Biện Sơn. Từ Biện Sơn đặt ở vị Nhâm[4] kim chỉ thẳng phương Bính [5] đi một ngày sẽ đến Cửa Hội Thống[6], từ cửa Hội Thống đặt ở vị Càn[7] kim chỉ thẳng phương Tốn[8] đi 1 ngày đến cửa Bố Chánh, từ cửa Bố Chánh đặt ở vị trí Tân [9] kim chỉ thẳng phương Ất[10] đi một ngày rưỡi mới đến cửa Tư Khách. Đó là thuận buồm xuôi gió, tính ngày đường cũng phải 3 ngày rưỡi mới đến. Nay mùa xuân vượt biển là không thuận gió. Thế mà ngày Kỷ Tỵ xuất phát tự Đại An, ngày Canh Ngọ đã đến Tư Khách, thì quyết không có cái lý ấy, có lẽ chỉ là sử chép nhầm đấy thôi.

Lại bàn rằng: Chiêm Thành từ trước đến nay khi thì làm loạn, khi thuần phục không thường. Thái Tông nổi giận dùng binh, một lần ra quân là phá tan nước đó dễ như bẻ cành khô, nhanh như đuổi gió, thanh thế chấn động Trung Quốc, nên vua Tống sai người dò hỏi. Từ nhà Đường trở về sau, nước ta mở thông đường sá gồm 16 nơi, sai quan chuyển vận sứ là Đỗ Kỳ xem những nơi nào lợi hại trọng yếu, đều thêm lính thú. Xem thế, có thể thấy được thế mạnh của nước ta lúc đó.

Mùa thu, tháng 7, vua đem quân vào thành Phật Thệ[11] bắt vợ cả vợ lẽ của Sạ Đẩu và các cung nữ giỏi hát múa khúc điệu Tây Thiên. Sai sứ đi khắp các làng xóm, phủ dụ nhân dân, các quan mừng chiến thắng.

Tháng 8, vua kéo quân về. Đến Nghệ An gọi Uy Minh hầu là Nhật Quang đến để an ủi và trao tiết việt[12] cho trấn thủ châu ấy, tiến phong tước vương. Trước đây, vua uỷ nhiệm cho Uy Minh hầu thu thuế hằng năm

---

[1] Cửa Lác: Trong địa phận huyện Hải Thịnh, tỉnh Nam Hà (cũ).

[2] Cấn: Phương đông bắc.

[3] Khôn: Phương tây nam.

[4] Nhâm: Phương tây bắc.

[5] Bính: Phương đông nam.

[6] Hội Thống: Tức Cửa Hội thuộc tỉnh Nghệ An.

[7] Càn: Phương tây bắc.

[8] Tốn: Phương đông nam.

[9] Tân: Phía Tây.

[10] Ất: phía Đông.

[11] Thành Phật Thệ: Kinh đô của Chiêm Thành.

[12] Tiết việt: Là vật làm tin vua trao cho quan ải giữ trấn và tướng ra trận.

của châu Nghệ An và sai đặt trại Bà Hòa[1] cho có thể giữ vững được.Và đặt điếm canh các nơi, chứa lương thực đầy đủ. Đến khi ấy quân về được vừa ý vua, đặc biệt được phong tước vương, ân huệ có phần hơn các anh em khác. (Nhật Quang là con thứ 8 của Thái Tổ, trấn giữ đất Nghệ An, có chính sách ân huệ, đến khi mất, quân dân nhớ ơn, lập đền thờ ở cửa biển Hội Thông, đến nay vẫn còn). Ngày 1 tháng 9, vua phong cho người phụ nữ trinh tiết của Chiêm Thành Mỵ Ê là Hiệp chính hựu thiện phu nhân. Lúc ấy vừa về đến hành điện Lỵ Nhân sai người hầu trong cung gọi Mỵ Ê là phi của vua Chiêm Sạ Đẩu sang hầu thuyền vua. Mỵ Ê vô cùng phẫn uất, ngầm lấy chăn chiếu quấn vào mình nhảy xuống sông chết, vua khen là trinh tiết, phong là Hiệp chính hựu thiện phu nhân.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Phu nhân vì nghĩa không chịu nhục, chỉ lấy một chồng cho trọn đời để giữ trọn trinh tiết của người phụ nữ. Người bề tôi mà thờ hai vua là người có tội với phu nhân đấy. Vua khen là trinh tiết, phong làm phu nhân để khuyến khích người sau là đáng lắm thay!*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Thái Tông nghe nói Mỵ Ê đẹp, sai người hầu ngầm vời vào hầu. Mỵ Ê từ chối rằng: "Tôi là đàn bà quê mùa, vợ tên Man mọi không được bằng con gái thượng quốc, nước mất, chồng chết, tự cam một cái chết nữa thôi, không biết gì khác", rồi nhảy xuống nước mà chết, dân địa phương ấy thường đêm nghe tiếng khóc ở bên bờ nước, về sau ngày càng linh ứng, bèn lập đền thờ. Ngẫm nghĩ lời bà nói <43a> tưởng tượng tiết tháo của bà lẫm liệt như bà còn sống. Ôi! Phu nhân xứng đáng là một phụ nữ trinh liệt lắm thay!*

Vua từ Chiêm Thành trở về, làm lễ báo tin thắng trận ở miếu Thái Tổ, xong rồi ngự điện Thiên An để nhận chầu, ban yến ăn mừng thắng trận. Bầy tôi dâng hơn 5.000 tù binh và các thứ vàng bạc châu báu. Vua ban chiếu cho các tù binh nhận bộ thuộc của mình cho ở từ Trấn Vĩnh Khang[2] thẳng đến Châu Đăng (nay là Quy Hoà) đặt ra làng xóm, phỏng theo tên hiệu cũ của Chiêm Thành.

Mùa đông, tháng 11, thưởng cho những người đi đánh Chiêm Thành có công, từ Lục phẩm trở lên thưởng áo bào gấm, từ Thất phẩm trở xuống thưởng áo the. Các quan xin đổi niên hiệu là Thiên Cảm

---

[1] Trại Bà Hòa: Nay là xã Đồng Hòa, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Trấn Vĩnh Khang: Thuộc huyện Vĩnh Hòa, phủ Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

Thánh Vũ, tăng tôn hiệu thêm 8 chữ là: "Thánh đức thiên cảm, tuyên uy thánh võ". Vua nghe theo và ban chiếu rằng: Đi đánh dẹp phương xa, có hại đến công việc làm ruộng, có ngờ đâu mùa đông năm nay lại rất được mùa, nếu nhân dân đã đầy đủ, thì ai để cho trẫm không đủ. Vậy tha cho một nửa tiền thuế năm nay, để yên ủi sự lặn lội khó nhọc. Vua ban chiếu cho ty Quyến khố rằng[1]: "Ai nhận riêng một thước lụa của người ta, thì xử phạt 100 gậy, từ 1 tấm đến 10 tấm <43b> thì tính số tấm mà tăng thêm đến 10 năm khổ sai.

Ngày 1, tháng 12, đặt trạm Hoài Viễn ở bờ sông Gia Lâm, để làm nơi sứ nước ngoài đến nghỉ ngơi.

Nùng Trí Cao đến chầu.

Lại định phép xử tội quân trốn tránh, ban chiếu rằng: Các quân bỏ trốn thì xử theo ba hạng tội lưu. Cấm quan coi ngục sai tù làm việc riêng, ai vi phạm thì xử phạt 80 gậy, thích chữ vào mặt đày đi tù.

Ất Dậu, Thiên Cảm Thánh Vũ năm thứ 2 [1045] (Tống Khánh Lịch năm thứ 5), làm xe Thái Bình, lấy vàng trang sức mui xe bắc lên cho voi kéo.

(Xét thấy chữ "Thiên Cảm Thánh Vũ" đã lấy làm tôn hiệu, lại lấy làm niên hiệu là không đúng. Lại xét chữ "la ngã" là cái mui đặt trên lưng voi. Thời Anh Tông lấy voi đã thuần để biếu nước Tống, có mui con voi để vua cưỡi được trang sức bằng vàng bạc. Sử cũ chú lại cho là cáibành voi của nước Chiêm Thành, là sai).

Bính Tuất, năm thứ 3 [1046] (Tống Khánh Lịch năm thứ 6), dựng cung riêng cho phụ nữ Chiêm Thành ở.

Đinh Hợi, năm thứ 4 [1047] (Tống Khánh Lịch năm thứ 7), Mùa xuân, tháng 3, đặt trấn Vọng Quốc và 7 trạm: Quy Đức, Bảo Ninh, Tuyên Hoá, Thanh Bình, Vĩnh Thông, Cảm Hoá, An Dân, đều dựng ụ bia để làm chỗ ngủ lại cho người Man Di <44a>.

Mậu Tý, năm thứ 5 [1048] (Tống Khánh Lịch năm thứ 8), mùa thu, tháng 9, vua sai Phùng Trí Năng đánh Ai Lao, bắt được nhiều người và súc vật đem về (Ai Lao bắt đầu xuất hiện từ đó. Tổ tiên Ai Lao là người đàn bà, tên là Sa Đài, ở trên núi Lào, thường lội xuống nước bắt cá, chạm phải khúc gỗ chìm rồi có thai, 10 tháng sau sinh con trai, sau khúc gỗ chìm đó hóa ra rồng bay lên cạn và liếm vào lưng người con trai ấy, vì vậy giống người đó chạm vẽ vào người như áo vẽ rồng. Họ chia ra

---

[1] Quyến Khố: Kho chứa lụa.

làm nhiều vua nhỏ ở rải rác các vùng hang suối rất xa. Thời Hán Quang Vũ, vua nước ấy là Hiền Lật xin phụ thuộc vào Trung Quốc, bấy giờ mới thông với Trung Quốc. Vào năm Vĩnh Bình đời vua Hiếu Minh, vua nước ấy là Úc Bảo lại xin phụ thuộc vào Trung Quốc. Nước ấy có đến 70 người xưng là ấp vương, có hơn 5 vạn hộ. Vua Minh đặt nước ấy làm hai huyện Ai Lao và Bắc Nam[1]. Nay giống người ấy rất nhiều, ở đâu cũng có, đều gọi là Lào. Tuy có người khoẻ người yếu, người giàu, người nghèo, nhưng tục lấy vải hoa quấn vào người, rồi vào chùa để tránh giặcthì đều giống nhau, sản vật có ngà voi, tê giác, sáp trắng, vải nệm, chiêng đồng rất khéo, không có chữ nghĩa, chỉ lấy lá để ghi sự việc. Đất nước ấy, gần với nước ta, cống tiến liên tục).

Nùng Trí Cao làm phản chiếm cứ động Vật Ác[2]. Vua sai Thái úy là Quách Thịnh Dật đi đánh, không được rồi trở về. (Xét thấy khi Trí Cao đã thua, liền chiếm cứ châu An Đức, tiếm xưng là nước Nam Thiên, đổi niên hiệu là Cảnh Thuỵ. Vua sai Thái úy là Quách Thịnh Dật đi đánh không thắng rồi trở về. Trí Cao bèn cướp phá Châu Ung[3] nước Tống, bắt được chỉ huy sứ nước Tống là Khai Mân. Trí Cao hỏi về tình hình hư thực của Trung Quốc, Mân bảo Trí Cao xin phụ thuộc vào Trung Quốc, Trí Cao bèn sai Mân về nước, dâng biểu xin hằng năm tiến cống các sản vật <44b> địa phương, lại dâng voi đã thuần, vàng bạc và hòm đựng sách bằng vàng để xin, bấy giờ Tống đang hòa thuận với nước ta, vì châu Quảng Nguyên là đất thuộc nước ta, nên khước từ không nhận. Trí Cao ngoài thì xin phụ thuộc vào nước Tống không được, trong thì bị triều đình ta đánh dẹp, nhân chiếm cứ nguồn lợi ở núi đầm cùng với bọn Nùng Kiến Hầu, Nùng Trí Ân mưu cướp biên giới nước Tống. Một hôm, y tự đốt sào huyệt của mình và nói dối mọi người rằng của tích trữ từ bao lâu, nay bị trời đốt hết, không còn gì để sống nữa, đã cùng lắm rồi, phải đánh hạ Châu Ung, chiếm Châu Quảng để mà làm vua. Mọi người đều nghe theo, bèn đem 5.000 người men theo Sông Uất xuống phía Đông, đánh trại Hoành Sơn[4] rồi phá Châu Ung. Trí Cao lúc đầu muốn phụ thuộc vào nước Tống để chống lại nước ta; đến khi thấy thế quẫn bách, lại sinh lòng càn trả để cầu may. Những mưu đồ tập hợp đã từ lâu, đâu phải một ngày. Há một cánh quân nhỏ của Thịnh Dật có thể hạ

---

[1] Bắc Nam: Tức Vân Nam Trung Quốc.

[2] Vật Ác: Tức miền tây bắc tỉnh Cao Bằng.

[3] Châu Ung: Địa danh Trung Quốc.

[4] Trại Hoàng Sơn: Địa danh Trung Quốc.

là thuận, mùa xuân mùa hạ đi ra là thuận <41b>. Đi vào giương buồm từ Cửa Lác(1), thấy gió tây bắc nổi lên, đặt ở vị Cấn(2) kim chỉ thẳng phương Khôn(3) đi nửa ngày sẽ đến Biện Sơn. Từ Biện Sơn đặt ở vị Nhâm(4) kim chỉ thẳng phương Bính (5) đi một ngày sẽ đến Cửa Hội Thống(6), từ cửa Hội Thống đặt ở vị Càn(7) kim chỉ thẳng phương Tốn(8) đi 1 ngày đến cửa Bố Chánh, từ cửa Bố Chánh đặt ở vị trí Tân (9) kim chỉ thẳng phương Ất(10) đi một ngày rưỡi mới đến cửa Tư Khách. Đó là thuận buồm xuôi gió, tính ngày đường cũng phải 3 ngày rưỡi mới đến. Nay mùa xuân vượt biển là không thuận gió. Thế mà ngày Kỷ Tỵ xuất phát tự Đại An, ngày Canh Ngọ đã đến Tư Khách, thì quyết không có cái lý ấy, có lẽ chỉ là sử chép nhầm đấy thôi.

Lại bàn rằng: Chiêm Thành từ trước đến nay khi thì làm loạn, khi thuần phục không thường. Thái Tông nổi giận dùng binh, một lần ra quân là phá tan nước đó dễ như bẻ cành khô, nhanh như đuổi gió, thanh thế chấn động Trung Quốc, nên vua Tống sai người dò hỏi. Từ nhà Đường trở về sau, nước ta mở thông đường sá gồm 16 nơi, sai quan chuyển vận sứ là Đỗ Kỳ xem những nơi nào lợi hại trọng yếu, đều thêm lính thú. Xem thế, có thể thấy được thế mạnh của nước ta lúc đó.

Mùa thu, tháng 7, vua đem quân vào thành Phật Thệ(11) bắt vợ cả vợ lẽ của Sạ Đẩu và các cung nữ giỏi hát múa khúc điệu Tây Thiên. Sai sứ đi khắp các làng xóm, phủ dụ nhân dân, các quan mừng chiến thắng.

Tháng 8, vua kéo quân về. Đến Nghệ An gọi Uy Minh hầu là Nhật Quang đến để an ủi và trao tiết việt(12) cho trấn thủ châu ấy, tiến phong tước vương. Trước đây, vua uỷ nhiệm cho Uy Minh hầu thu thuế hằng năm

---

(1) Cửa Lác: Trong địa phận huyện Hải Thịnh, tỉnh Nam Hà (cũ).

(2) Cấn: Phương đông bắc.

(3) Khôn: Phương tây nam.

(4) Nhâm: Phương tây bắc.

(5) Bính: Phương đông nam.

(6) Hội Thống: Tức Cửa Hội thuộc tỉnh Nghệ An.

(7) Càn: Phương tây bắc.

(8) Tốn: Phương đông nam.

(9) Tân: Phía Tây.

(10) Ất: phía Đông.

(11) Thành Phật Thệ: Kinh đô của Chiêm Thành.

(12) Tiết việt: Là vật làm tin vua trao cho quan ải giữ trấn và tướng ra trận.

của châu Nghệ An và sai đặt trại Bà Hòa[1] cho có thể giữ vững được.Và đặt điếm canh các nơi, chứa lương thực đầy đủ. Đến khi ấy quân về được vừa ý vua, đặc biệt được phong tước vương, ân huệ có phần hơn các anh em khác. (Nhật Quang là con thứ 8 của Thái Tổ, trấn giữ đất Nghệ An, có chính sách ân huệ, đến khi mất, quân dân nhớ ơn, lập đền thờ ở cửa biển Hội Thông, đến nay vẫn còn). Ngày 1 tháng 9, vua phong cho người phụ nữ trinh tiết của Chiêm Thành Mỵ Ê là Hiệp chính hựu thiện phu nhân. Lúc ấy vừa về đến hành điện Ly Nhân sai người hầu trong cung gọi Mỵ Ê là phi của vua Chiêm Sạ Đẩu sang hầu thuyền vua. Mỵ Ê vô cùng phẫn uất, ngầm lấy chăn chiếu quấn vào mình nhảy xuống sông chết, vua khen là trinh tiết, phong là Hiệp chính hựu thiện phu nhân.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Phu nhân vì nghĩa không chịu nhục, chỉ lấy một chồng cho trọn đời để giữ trọn trinh tiết của người phụ nữ. Người bề tôi mà thờ hai vua là người có tội với phu nhân đấy. Vua khen là trinh tiết, phong làm phu nhân để khuyến khích người sau là đáng lắm thay!*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Thái Tông nghe nói Mỵ Ê đẹp, sai người hầu ngầm vời vào hầu. Mỵ Ê từ chối rằng: "Tôi là đàn bà quê mùa, vợ tên Man mọi không được bằng con gái thượng quốc, nước mất, chồng chết, tự cam một cái chết nữa thôi, không biết gì khác", rồi nhảy xuống nước mà chết, dân địa phương ấy thường đêm nghe tiếng khóc ở bên bờ nước, về sau ngày càng linh ứng, bèn lập đền thờ. Ngẫm nghĩ lời bà nói <43a> tưởng tượng tiết tháo của bà lẫm liệt như bà còn sống. Ôi! Phu nhân xứng đáng là một phụ nữ trinh liệt lắm thay!*

Vua từ Chiêm Thành trở về, làm lễ báo tin thắng trận ở miếu Thái Tổ, xong rồi ngự điện Thiên An để nhận chầu, ban yến ăn mừng thắng trận. Bầy tôi dâng hơn 5.000 tù binh và các thứ vàng bạc châu báu. Vua ban chiếu cho các tù binh nhận bộ thuộc của mình cho ở từ Trấn Vĩnh Khang[2] thẳng đến Châu Đăng (nay là Quy Hoà) đặt ra làng xóm, phỏng theo tên hiệu cũ của Chiêm Thành.

Mùa đông, tháng 11, thưởng cho những người đi đánh Chiêm Thành có công, từ Lục phẩm trở lên thưởng áo bào gấm, từ Thất phẩm trở xuống thưởng áo the. Các quan xin đổi niên hiệu là Thiên Cảm

---

[1] Trại Bà Hòa: Nay là xã Đồng Hòa, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Trấn Vĩnh Khang: Thuộc huyện Vĩnh Hòa, phủ Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

Thánh Vũ, tăng tôn hiệu thêm 8 chữ là: "Thánh đức thiên cảm, tuyên uy thánh võ". Vua nghe theo và ban chiếu rằng: Đi đánh dẹp phương xa, có hại đến công việc làm ruộng, có ngờ đâu mùa đông năm nay lại rất được mùa, nếu nhân dân đã đầy đủ, thì ai để cho trẫm không đủ. Vậy tha cho một nửa tiền thuế năm nay, để yên ủi sự lặn lội khó nhọc. Vua ban chiếu cho ty Quyến khố rằng[1]: "Ai nhận riêng một thước lụa của người ta, thì xử phạt 100 gậy, từ 1 tấm đến 10 tấm **<43b>** thì tính số tấm mà tăng thêm đến 10 năm khổ sai.

Ngày 1, tháng 12, đặt trạm Hoài Viễn ở bờ sông Gia Lâm, để làm nơi sứ nước ngoài đến nghỉ ngơi.

Nùng Trí Cao đến chầu.

Lại định phép xử tội quân trốn tránh, ban chiếu rằng: Các quân bỏ trốn thì xử theo ba hạng tội lưu. Cấm quan coi ngục sai tù làm việc riêng, ai vi phạm thì xử phạt 80 gậy, thích chữ vào mặt đầy đi tù.

Ất Dậu, Thiên Cảm Thánh Vũ năm thứ 2 [1045] (Tống Khánh Lịch năm thứ 5), làm xe Thái Bình, lấy vàng trang sức mui xe bắc lên cho voi kéo.

(Xét thấy chữ "Thiên Cảm Thánh Vũ" đã lấy làm tôn hiệu, lại lấy làm niên hiệu là không đúng. Lại xét chữ "la ngã" là cái mui đặt trên lưng voi. Thời Anh Tông lấy voi đã thuần để biếu nước Tống, có mui con voi để vua cưỡi được trang sức bằng vàng bạc. Sử cũ chú lại cho là cáibành voi của nước Chiêm Thành, là sai).

Bính Tuất, năm thứ 3 [1046] (Tống Khánh Lịch năm thứ 6), dựng cung riêng cho phụ nữ Chiêm Thành ở.

Đinh Hợi, năm thứ 4 [1047] (Tống Khánh Lịch năm thứ 7), Mùa xuân, tháng 3, đặt trấn Vọng Quốc và 7 trạm: Quy Đức, Bảo Ninh, Tuyên Hoá, Thanh Bình, Vĩnh Thông, Cảm Hoá, An Dân, đều dựng ụ bia để làm chỗ ngủ lại cho người Man Di **<44a>**.

Mậu Tý, năm thứ 5 [1048] (Tống Khánh Lịch năm thứ 8), mùa thu, tháng 9, vua sai Phùng Trí Năng đánh Ai Lao, bắt được nhiều người và súc vật đem về (Ai Lao bắt đầu xuất hiện từ đó. Tổ tiên Ai Lao là người đàn bà, tên là Sa Đài, ở trên núi Lào, thường lội xuống nước bắt cá, chạm phải khúc gỗ chìm rồi có thai, 10 tháng sau sinh con trai, sau khúc gỗ chìm đó hóa ra rồng bay lên cạn và liếm vào lưng người con trai ấy, vì vậy giống người đó chạm vẽ vào người như áo vẽ rồng. Họ chia ra

---

[1] Quyến Khố: Kho chứa lụa.

làm nhiều vua nhỏ ở rải rác các vùng hang suối rất xa. Thời Hán Quang Vũ, vua nước ấy là Hiền Lật xin phụ thuộc vào Trung Quốc, bấy giờ mới thông với Trung Quốc. Vào năm Vĩnh Bình đời vua Hiếu Minh, vua nước ấy là Úc Bảo lại xin phụ thuộc vào Trung Quốc. Nước ấy có đến 70 người xưng là ấp vương, có hơn 5 vạn hộ. Vua Minh đặt nước ấy làm hai huyện Ai Lao và Bắc Nam[1]. Nay giống người ấy rất nhiều, ở đâu cũng có, đều gọi là Lào. Tuy có người khoẻ người yếu, người giàu, người nghèo, nhưng tục lấy vải hoa quấn vào người, rồi vào chùa để tránh giặcthì đều giống nhau, sản vật có ngà voi, tê giác, sáp trắng, vải nệm, chiêng đồng rất khéo, không có chữ nghĩa, chỉ lấy lá để ghi sự việc. Đất nước ấy, gần với nước ta, cống tiến liên tục).

Nùng Trí Cao làm phản chiếm cứ động Vật Ác[2]. Vua sai Thái úy là Quách Thịnh Dật đi đánh, không được rồi trở về. (Xét thấy khi Trí Cao đã thua, liền chiếm cứ châu An Đức, tiếm xưng là nước Nam Thiên, đổi niên hiệu là Cảnh Thuỵ. Vua sai Thái úy là Quách Thịnh Dật đi đánh không thắng rồi trở về. Trí Cao bèn cướp phá Châu Ung[3] nước Tống, bắt được chỉ huy sứ nước Tống là Khai Mân. Trí Cao hỏi về tình hình hư thực của Trung Quốc, Mân bảo Trí Cao xin phụ thuộc vào Trung Quốc, Trí Cao bèn sai Mân về nước, dâng biểu xin hằng năm tiến cống các sản vật <44b> địa phương, lại dâng voi đã thuần, vàng bạc và hòm đựng sách bằng vàng để xin, bấy giờ Tống đang hòa thuận với nước ta, vì châu Quảng Nguyên là đất thuộc nước ta, nên khước từ không nhận. Trí Cao ngoài thì xin phụ thuộc vào nước Tống không được, trong thì bị triều đình ta đánh dẹp, nhân chiếm cứ nguồn lợi ở núi đầm cùng với bọn Nùng Kiến Hầu, Nùng Trí Ân mưu cướp biên giới nước Tống. Một hôm, y tự đốt sào huyệt của mình và nói dối mọi người rằng của tích trữ từ bao lâu, nay bị trời đốt hết, không còn gì để sống nữa, đã cùng lắm rồi, phải đánh hạ Châu Ung, chiếm Châu Quảng để mà làm vua. Mọi người đều nghe theo, bèn đem 5.000 người men theo Sông Uất xuống phía Đông, đánh trại Hoành Sơn[4] rồi phá Châu Ung. Trí Cao lúc đầu muốn phụ thuộc vào nước Tống để chống lại nước ta; đến khi thấy thế quẫn bách, lại sinh lòng cắn trả để cầu may. Những mưu đồ tập hợp đã từ lâu, đâu phải một ngày. Há một cánh quân nhỏ của Thịnh Dật có thể hạ

---

[1] Bắc Nam: Tức Vân Nam Trung Quốc.

[2] Vật Ác: Tức miền tây bắc tỉnh Cao Bằng.

[3] Châu Ung: Địa danh Trung Quốc.

[4] Trại Hoàng Sơn: Địa danh Trung Quốc.

được? Sử cũ chép là: "Khi đang giao chiến, trời đất tối sầm lại, bỗng chốc sét đánh trong động, các tù trưởng động ấy thân thể đều bị xé tan, cả động sợ hãi. Trí Cao hàng". Đó là nhận lầm lời nói dối của Trí Cao là thật, nên ghi việc không đúng sự thực. Nay đính chính lại). Lập đàn xã tắc ở ngoài cửa Trường Quảng, bốn mùa cầu đảo cho được mùa thóc.

Mùa đông, tháng 12, ngày Lập xuân, ban chiếu cho các quan làm lễ đón xuân.

Kỷ Sửu, Sùng Hưng Đại Bảo năm thứ 1 [1049] (Tống Hoàng Hựu năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, đổi niên hiệu sử cũ ghi chữ to: Kỷ Sửu năm thứ 6, rồi phân chú là tháng 3 trở về sau là Sùng Hưng Đại Bảo năm thứ 1, đổi niên hiệu từ tháng 2, nhưng tháng giêng không có việc gì đáng ghi, nên thay đổi ghi là năm thứ 1).

<45a> Canh Dần năm thứ 2 [1050] (Tống Hoàng Hựu năm thứ 2), mùa hạ, tháng 6, nước to. Mùa thu, tháng 9, động Vật Dương[(1)] nổi loạn (xét thấy năm Nhâm Dần niên hiệu Quảng Hựu năm thứ 2, vua sai sang nước Tống để xin lại đất động Vật Ác, Vật Dương. Vua Tống không đồng ý. Có lẽ hai động Vật Ác, Vật Dương, từ sau khi Trí Cao làm phản, thì đất đó đều thuộc nước Tống. Lúc đó nếu dẹp được loạn thì động Vật Dương vẫn lệ thuộc nước ta, vậy về sau sao lại phải xin nước Tống? Sử cũ ghi là đánh dẹp yên là sai).

Châu Ung nước Tống dụ bọn Vi Thiệu Tự, Vi Thiệu Khâm và hơn hai ngàn người ở châu Tô Mậu nhập về Trung Quốc. Vua ta sai người đem thư sang nước Tống để xin lại những người bị dụ ấy. Vua Tống ban chiếu trả về hết.

Tân Mão, năm thứ 3 (1051) (Tống Hoàng Hựu năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, đặt ra đội Tùy xa long quân[(2)] nội và ngoại, sai Tả kiêu vệ tướng quân là Trần Nẫm trông coi.

Quy định lệ cho các quan văn, võ lâu năm không phạm lỗi gì được thăng tước có thứ bậc khác nhau.

Mùa thu, tháng 8, cho cả nước được ăn uống và cho nhân dân vải lụa tiền bạc có thứ bậc khác nhau.

Mùa đông, tháng 11, mở Cảng Lẫm[(3)].

---

(1) Động Vật Dương: Miền tây bắc tỉnh Cao Bằng.

(2) Đội tùy xa long quân: Quân đi theo vua.

(3) Cảng Lẫm: Nay không còn.

Nhâm Thìn, năm thứ 4 [1052] (Tống Hoàng Hựu năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, phong cho con trai vua tước vương tước hầu; cho con gái vua **<45b>** làm công chúa.

Tháng 3, đúc chuông lớn đặt ở thềm rồng, cho dân ai có điều gì oan ức không kêu lên được thì đánh chuông để tâu lên vua nghe.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Triều nhà Lý đúc rất nhiều chuông, chỉ có chuông này là lưu ý đến việc của dân, nên ghi lại để khen.*

Lúc đó, Nùng Trí Cao đã phá được Châu Ung nước Tống, tiếm xưng là Nhân Huệ Hoàng đế, đổi niên hiệu là Khải Lịch, đặt quốc hiệu là Đại Nam. Biên giới nước Tống đã lâu không phòng bị, nên Trí Cao đến đâu cũng được thỏa chí, các tướng ngoài biên phần lớn bỏ thành chạy trốn. Trí Cao liên tiếp hạ các châu Hoành, Quý, Đằng, Ngô, Khang, Đoan, Cũng, Tầm[1] v.v... rồi đến đánh thành Quảng Châu, trèo lên thành mà đánh, đánh đến 5 tuần[2] không hạ được. Lại phá hai châu Thiên và Tân, lại chiếm cứ Châu Ung, giết tướng tá nhà Tống hơn 3.000 người, bắt nhân dân kể đến hàng vạn, đi đến đâu đốt cháy trụi hết. Người Tống lo sợ, Khu Mật sứ nhà Tống là Địch Thanh dâng biểu xin đánh. Vua Tống cho Thanh làm Tuyên uý sứ đô đại đề cử, cầm tiết việt đi đánh **<46a>**.

Quý Tỵ, năm thứ 5 [1053] (Tống Hoàng Hựu năm thứ 5), mùa xuân, tháng giêng động đất 3 lần, ngày 20 tháng ấy có mây không mưa; rồng vàng hiện ra ở gác Thụy Minh.

Bầy tôi chúc mừng, duy có nhà sư Pháp Ngữ nói: "Rồng bay trên trời, nay lại hiện ra ở dưới đất là điềm không lành".

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Các vua thời nhà Lý đều ham thích điềm lành, cho nên thời đó, từ quan đến dân đều tranh nhau mà săn đón, bắt được một con thú lạ, liền nói đó là con lân, mọi người theo đó mà cho là con lân; có một cây cỏ lạ, nói đó là cỏ chi, mọi người theo đó mà cho là cỏ chi; một bông hoa lạ, nói là hoa ưu đàm, mọi người lại theo đó mà cho là hoa ưu đàm. Thì lúc đó, tất nhiên là phải tâu lên triều đình, ghi chép giao cho sử quán, rồi mọi người khúm núm chúc mừng, không một ai nói ra sự sai trái. Cho nên, người viết sử cũng theo đó mà chép. Một cuốn sử đời Lý Thái Tông nào cũng là chép:Châu Hoan dâng con kỳ lân; chép hoa ưu đàm nở ở chùa Thích Ca* **<46a>**, *chép cỏ chi*

[1] Châu Hoành, Quý, Đằng, Ngô, Khang, Đoan, Cũng, Tầm: Địa danh Trung Quốc.
[2] Tuần là 10 ngày.

mọc ở trước điện Thiên Khánh, chép: ánh sáng loé lên ở chùa Cổ Pháp; chép trời mưa ra thóc thành đống trước thềm chùa Vạn Tuế; chép rồng vàng hiện lên; chép dấu vết người thần hiện lên, kể ra không biết bao nhiêu cho đủ. Thậm chí, con sẻ trắng đậu ở sân nhà vua, việc ấy sao đáng cho là điềm lành, mà trong sử Thái Tông, Thần Tông cũng thấy ghi đến 2 lần. Bề tôi cả một triều đình, không ai nói được một lời như nhà sư Pháp Ngữ. Cái thói hớn hở xiểm nịnh cũng đáng hổ thẹn đấy. Ôi, giá nhà sư Pháp Ngữ mà thường có mặt ở đó, thì những thứ như con ngươi rùa, cựa ngựa, hươu xám, chim trắng, một cây rau 9 ngọn, 10 ngọn, làm sao mà đến tai vua được! Địch Thanh nhà Tống chỉ huy 3 tướng và binh lính đến phố Quy Nhơn, Châu Ung, Trí Cao đem quân ra chống, bị Địch Thanh đánh bại, chạy hơn 10 dặm, tướng tin cẩn của Trí Cao là Hoàng Sư Mật và đồng bọn 57 người đều chết tại trận. Quân nhà Tống đuổi theo giết hơn 2.200 người. Trí Cao đốt thành, đêm bỏ trốn <47a>.

Mùa thu, từ tháng 7 đến tháng 8 nước lên to.

Mùa đông, tháng 10. Trí Cao sai người của đảng nó là Lương Châu đến xin hàng ta. Vua ban chiếu cho chỉ huy sứ là Vũ Nhị đem quân cứu viện. Địch Thanh lại đánh tan quân Trí Cao. Trí Cao chạy sang nước Đại Lý[1]. Nước Đại Lý chém Trí Cao rồi bỏ đầu vào hòm dâng vua Tống. Họ Nùng từ đấy bị diệt.

Trước đấy, Trí Cao cướp phá biên giới nước Tống. Vua Tống sai Khu Mật trực học sĩ là Tôn Miện và Nhập nội áp ban là Thạnh Toàn Bân, cùng với Kinh lược sứ bản lộ là Dư Tỉnh, đánh dẹp giặc cướp. Vua ta xin đưa quân đánh giúp. Vua Tống cho được tùy tiện. Vua bèn sai tướng đem 2 vạn quân đi theo đường thủy tiến lên, khi sắp vào cáo quan thì vừa đúng lúc Địch Thanh thay Dư Tỉnh, Địch Thanh tâu với vua Tống rằng: "Mượn quân ở ngoài mà trừ giặc ở cửa nhà mình là không có lợi cho mình. Chỉ một thằng Trí Cao mà sức 2 tỉnh Quảng vẫn không trị nổi, lại phải mượn quân ở ngoài nếu quân đó nhân đấy mà nổi loạn thì làm sao mà chống được?" Vua Tống bèn ban chiếu thôi viện binh của ta. Đến khi Trí Cao xin quân, vua lại nghe theo lời xin của nó. Sau Trí Cao bị thua. Mẹ của Trí Cao là A Nùng vào giữ Đặc Ma[2] rồi <47b> thu thập những số

[1] Nước Đại Lý: Là nước Nam Chiếu. Nay thuộc Trung Quốc.

[2] Đặc Ma: Địa danh Trung Quốc.

quân còn lại được 3.000 người, lại muốn vào cướp phá. An Phủ sứ nước Tống là Dư Tĩnh đôn đốc quan lại bộ thuộc đem quân lính các động tiến vào Đặc Ma đánh úp, bắt được A Nùng và em Trí Cao đều giết chết.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Thái Tông rộng rãi với Trí Cao, sử trước chê điều đó, nhưng không biết rằng đó là ẩn ý quỷ quyệt của Thái Tông đấy, vì Quảng Nguyên là châu ràng buộc của nước ta, mà Trí Cao là tay dữ tợn sứ phiên man không thể so sánh với bố nó là Tồn Phát được.Nó bỗng chốc thần phục, lại bỗng chốc nổi loạn [Thái Tông] vốn coi nó là đứa nhập nhằng, lại toan mượn sức của nó để làm bình phong che ở mặt biên giới nước Tống. Cho nên khi Thịnh Dật đưa quân về, vua cũng không để ý. Đang khi nó vây Châu Ung, phá Châu Quảng thì ta mừng là nhà Tống không trị được nó và khi Trí Cao bị thua Địch Thanh thì [Thái Tông] lại thương Trí Cao không đạt được mưu đồ, cho nên ta xin giúp Tống là để xem hai bên thắng và bại sẽ thừa cơ thuận tiện khi Tống không thành công; Ta viện Trí Cao, là thử xem sức nó mỏng hay dày và đòi sự báo đền khi Cao không thất bại <48a>. Nhưng, Vũ Nhị không có công trạng, người Tống khước từ viện binh. Trí Cao trốn rồi chết. Thế là không còn sơ hở nào khác, thời cơ khó gặp là như thế đấy! Sau khi cột đồng chia bờ cõi, trời ngăn cách nam bắc đã lâu rồi. Cho nên rốt cuộc không thể lấy cái đuôi của thiên hạ mà đánh lên cột sống. Gặp nhà Tống suy nhược mà còn như thế, huống chi là triều đại khác. Xét thấy Trí Cao đã bại, nhà Tống bèn nhân đất đai đó mà chia nơi lớn thành châu, nơi nhỏ thành huyện, nơi nhỏ nữa thành động, gồm hơn 50 nơi, rồi đến bọn hùng trưởng làm thủ lĩnh, ghi sổ dân ở đó làm đinh tráng để làm phên dậu cho họ và hình thế đất đai của ta lại ngày càng cách xa hai tỉnh Quảng đấy. Cho nên tôi thường tiếc cho nhà Lý vào dịp đó.*

Giáp Ngọ, năm thứ 6 [1054] (Từ tháng 9, về sau là Thánh Tông Long Thụy Thái Bình năm thứ 1, Tống Chí Hòa năm thứ 1), mùa thu, tháng 7, vua ban chiếu cho Hoàng Thái tử Nhật Tôn coi chầu nghe chính sự.

<48b> Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Xem như dưới đây tháng 9 chép là vua không khoẻ, thì tháng ấy ban chiếu cho Thái tử ra coi chầu nghe chính sự là việc bất đắc dĩ.*

Tháng 9, vua không khoẻ.

Mùa đông, ngày 1, tháng 10, vua băng ở điện Trường Xuân, Thái tử lên ngôi trước linh cữu; đổi niên hiệu là Long Thụy Thái Bình năm thứ 1. Truy tôn hiệu tên thụy cho Đại Hành Hoàng đế, miếu hiệu là Thái Tông, mẹ là Mai Thị làm Kim Thiên Hoàng Thái hậu, đặt quốc hiệu là Đại Việt. Ban quan tước cho các bề tôi cũ ở Đông Cung theo thứ bậc khác nhau. Cho Bùi Hựu làm văn minh điện đại học sĩ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Sử khen vua là người nhân trí thông minh, có văn võ tài lược, trong lục nghệ không gì không tinh thông vì có tài đức ấy cho nên làm nên việc, nhưng câu nệ về lễ yến tiệc vua tôi, đương lúc đau thương mà lại vui chơi, có kém về đạo hiếu, lại mê hoặc về thuyết từ ái của nhà Phật tha tội cho kẻ loạn thần, trở thành cẩu thả. Đó là chỗ thiếu sót của Thái Tông.

<49a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Từ xưa, các bậc đế vương nổi lên đều có quốc hiệu. Nhà Thương, nhà Chu, nhà Hán, nhà Đường đặt quốc hiệu bằng những đất được phong, sau nhà Nguyên, nhà Minh, nhà Thanh, lại tìm riêng những chữ đẹp để đặt quốc hiệu; đều là để làm đúng đắn hiệu của một thời đại. Ở Trung Quốc không có quốc hiệu mà chỉ lấy họ để ghi thì chỉ có họ Trần ở Giang Tả mà thôi. Nước ta ở vùng trời phía Nam, tuy đời này nối đời khác, nhưng vẫn ở trong khu vực đất Việt. Há không nên đặt tên hiệu riêng mà chỉ gọi là "Việt", lấy họ mà ghi sao? Như lấy hai chữ Văn Lang, Vạn Xuân làm hiệu, tuy không phải là tên đẹp cũng vẫn là hơn. Nho thần các đời không nói lên được điều đó, chỗ thiếu sót của văn hiến, đáng tiếc thay!

HẾT QUYỂN II BẢN KỶ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

BẢN KỶ

QUYỂN III

THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ

<1a> (Vua tên húy là Nhật Tôn là con trưởng của Thái Tông, ở ngôi 17 năm, thọ 50 tuổi. Vua khéo nối nghiệp xưa, thực lòng yêu dân, coi trọng nghề nông, thương kẻ bị tội, vỗ về người xa, an ủi kẻ gần, sửa sang việc văn, chuẩn bị việc võ, trong nước yên tĩnh, đáng là bậc vua tốt. Song làm nhọc sức dân để xây tháp Báo Thiên[1], làm phí của dân để dựng cung Dâm Đàm[2], đó là chỗ kém).

Ất Mùi [1057], Long Thụy Thái Bình năm thứ 2 (Tống Chí Hòa năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, lấy ngày sinh làm Thừa Thiên Thánh tiết[3].

Mùa đông, tháng 10, trời rét, vua sai thăm hỏi người tù bị giam và bảo các người xung quanh rằng: "Trẫm ở trong cung, nào ngồi lò sưởi, nào mặc áo cừu, còn rét như thế này, nghĩ đến những người tù trong ngục, khổ sở vì bị trói buộc, kẻ gian người ngay chưa phân biệt được, ăn không được no, mặc không đủ ấm, lại bị gió rét bức bách, hoặc có kẻ chết mà vô tội, trẫm rất thương xót họ. Vậy hạ lệnh quan hữu ty[4] cấp chăn chiếu và **<1b>** cơm ngày hai bữa.

---

(1) Tháp Báo Thiên: Tức bảo tháp Đại Thắng tư thiên ở chùa Báo Thiên huyện Thọ Xương thuộc nội thành Hà Nội ngày nay.

(2) Cung Dâm Đàm: ở vùng Hồ Tây Hà Nội ngày nay.

(3) Thừa Thiên thánh tiết: Tiết lễ của thánh vâng mệnh trời.

(4) Hữu ty: Quan giúp việc cho triều đình.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Vua Thánh Tông ở Đông Cung*[1] *27 năm, nhận nhiệm vụ xử án và đánh dẹp. Những khó khăn về điều bí ẩn trong dân gian, không điều gì là không biết, lại sẵn tính ôn hoà, đức nghiệp ngày càng tiến. Cho nên ngay khi lên làm vua, nhân khi rét mướt mà thương kẻ tù giam, suy lòng yêu con mà thương người trong ngục, suy lòng yêu con mà thương người oan uổng trong tù. Ban chiếu khuyên dân làm ruộng, hạ lệnh chẩn cấp người nghèo. Yêu dân xuất phát từ dạ chân thành, chấn chỉnh việc văn, khuếch trương việc võ, những chính sự tốt đẹp, sử ghi không ngớt. Xét rõ những việc vua làm lầm lỗi rất ít, thật là bậc vua hiền từ thời Lý đấy. Dù là tư thời thuần tuý, nhưng cũng do vua Thái Tông có đường lối dạy con đấy. Các bậc vua đời sau, hoặc vì muộn sinh hoàng tử, hoặc vì giữ nước không được lâu, những phép nhà do cha ông để lại không thực hiện được. Duy có Nhân Tông bẩm sinh cao siêu thông đạt về sự sống chết, sáng suốt <2a> trong việc phó thác, trong nước yên ổn, không sai với miếu hiệu là nhân. Từ đời Thần Tông trở xuống, đức nhà vua ngày càng kém, công trị nước ngày càng thấp, cơ đồ nhà Lý chìm đắm rồi mất. Tuy nói là số trời, nhưng công dạy dỗ và những phép để lại cho con cháu thì những người cầm đầu trong nước há có thể không chú ý sao?*

Vua sai sứ sang Tống báo tin Thái Tông mất, Tống sai sứ viếng tế và sứ sách phong cùng đến (nhà Tống phong cho vua làm Giao Chỉ quận vương như việc cũ).

Bính Thân năm thứ 3 [1056] (Tống Gia Hựu năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, nước Chân Lạp sang cống (lần thứ nhất).

Mùa hạ, tháng 4, ban chiếu khuyến khích việc làm ruộng.

Đinh Dậu năm thứ 4 [1057] (Tống Gia Hựu năm thứ 2), mùa xuân, tháng giêng, xây bảo tháp Đại Thắng tư thiên, cao vài chục trượng, kiểu làm thành mười hai tầng (tức là tháp Báo Thiên).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Việc dựng tháp không chép vào sử, lần này sao lại chép vào sử. Tục truyền: Nước An Nam <2b> có bốn vật là: tháp Báo Thiên, bụt Quỳnh Lâm*[2]*, vạc Phổ*

[1] Đông Cung: Nơi Thái tử ở.

[2] Bụt Quỳnh Lâm: Bụt đặt tại chùa Quỳnh Lâm, tỉnh Hưng Yên cũ. Nay đã mất.

Minh[1]*, chuông Quy Điền*[2] *không muốn mất sự thực nên ghi lại từ đầu. Đó cũng thấy được việc làm cho dân vất vả.*

Vua sai sứ sang Tống, đem biếu con thú lạ, nói là con lân. Tư Mã Quang nói: "Nếu là con lân thực, mà đến không phải thời, cũng chẳng lấy gì làm điềm tốt; nếu không phải con lân thực thì bị người phương xa chê cười. Xin hậu thưởng cho sứ giả rồi bảo đem về".

Mậu Tuất năm thứ 5 [1058] (Tống Gia Hựu năm thứ 3), mùa xuân, sửa chữa cửa Tương Phù[3].

Kỷ Hợi, Chương Thánh Gia Khánh năm thứ 1 [1059] (Tống Gia Hựu năm thứ 4), mùa xuân, tháng 3, đánh doanh[4] Tư Lẫm ở Khâm Châu nước Tống, diễu binh rồi về. (Theo sách cũ: Việc này do ghét nhà Tống phản phúc, nhưng xét lúc đó nhà Tống mới sách phong vua ta, bên ta dâng tạ ơn, ngoài biên cương cũng không hiềm khích vậy thì có phản phúc gì đáng ghét. Hay là việc đem quân sang KhâmChâu[5], do Thánh Tông muốn làm theo chí của Thái Tông, muốn thử vũ lực của mình mà không được đấy thôi).

Mùa thu, tháng 8, vua ngự điện Thủy Tinh cho bách quan chầu, truyền các quan đội mũ phác đầu[6] và đi hia mới cho vào **<3a>** chầu, nghi thức vào chầu đội mũ, đi hia bắt đầu từ đây.

Vua định quân hiệu gọi là Ngự Long, Vũ Thắng, Long Dực, Thần Điện, Phụng Thánh, Bảo Thắng, Hùng Lược, Vạn Tiệp, đều chia làm tả hữu. Theo phép viết chữ vào trán của thời Tiền Lê quân lính đều thích vào trán chữ "Thiên tử quân".

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Chế độ binh bị của buổi đầu nhà Lý, đại lược phỏng theo quân phủ vệ của nhà Đường, quân cấm sương của nhà Tống. Gọi thân quân là thắng binh. Cũng có khi gọi là cấm quân, Cấm vệ có 10 quân. Mỗi quân có 200 người, đều có tả hữu, túc trực lâu dài. Ngoài ra lại có chín quân, như Sương quân để phòng khi điều khiển, sai khiến, mỗi tháng một lần đến*

---

[1] Vạc Phổ Minh: Tục truyền vạc này do Nguyễn Minh Không lấy đồng đúc đặt ở chùa Phổ Minh, Nam Định. Nay đã mất.

[2] Chuông Quy Điền: Chuông đúc thời Trần Nhân Tông, đúc xong đánh không kêu bèn thả xuống ruộng sâu ở trước chùa Diên Hựu. Ruộng này có rất nhiều rùa nên gọi tên như vậy.

[3] Việt sử lược chép là mở cửa Tường Phù.

[4] Nguyên bản chép chữ "quán", CM chép là "doanh" mới có nghĩa.

[5] Khâm Châu: Địa danh Trung Quốc.

[6] Mũ phác đầu: mũ cánh chuồn.

phiên gọi đi canh, hết hạn canh cho về quê làm ruộng, hoặc làm công nghệ, tự túc lương thực, không cấp lương kho. Khi có việc đánh dẹp lại lệ thuộc vào các tướng. Nếu không đủ thì bắt dân làm lính, khi việc đã xong lại tha cho về quê làm ruộng. Cấm quân thì chỉ cấp cho mười bó lúa. Hằng năm lấy ngày mồng 7, tháng giêng mở tiệc ăn mừng, mỗi người được cấp tiền ba trăm, lụa <3b> *vải mỗi thứ một tấm; ngày mồng 1 tết là ngày triều hội lớn, cho ăn các thứ cơm nếp và mắm cá. Cơm nếp gọi là đại hoà, ngày thường ăn lương, đều cấp gạo mạch gọi là gạo chiêm. Cho nên ngày tết được ăn đại hòa thì cho là quý. Còn như việc tuyển lựa hoàng nam vào sổ hạng, tăng quân cấm vệ thì các đời đều có khi theo khi bỏ, còn những phương pháp tuyển lựa và thao luyện thì không biết rõ. Tóm lại, khi đánh nước Tống, khi bình nước Chiêm, đánh dẹp thắng lợi, đều nhờ vào số quân ấy. Không có phí tổn nuôi quân, mà có công hiệu dùng quân, cũng là chế độ hay của một thời đại.*

Canh Tý năm thứ 2 [1060] (Tống Gia Hựu năm thứ 5), mùa xuân, châu mục ở Lạng Châu[(1)] là Thân Thiệu Thái đem quân vào Ung Châu nước Tống. Thiệu Thái bắt số lính đào ngũ của ta chạy vào bờ cõi nước Tống, bắt được chỉ huy sứ là Dương Bảo Tài và quân lính, trâu ngựa đem về.

Mùa thu, tháng 7, quân nước Tống sang xâm lấn không được. Khi quân Tống đã trở về, lại sai Lại bộ thị lang Dư Tĩnh đến hội bàn ở Ung Châu, vua sai Phí Gia Hựu <4a> sang, Tĩnh đưa biếu Gia Hựu rất hậu và gửi thư xin cho Bảo Tài trở về. Vua ta không cho. (Theo ngoại sử thì việc này quân ta xâm phạm Ung Châu. Vua Tống ban chiếu cho bọn Tri Quế Châu[(2)] là Tiêu Cố, Chuyển vận sứ là Tống Hàm,Đề Lĩnh là Lý Sư Trung, cùng nhau bàn đánh úp quân ta. Lại ban chiếu cho An phủ sứ là Dư Thinh đem quân đến xâm lược. Tĩnh trở về đưa tờ điệp dụ Chiêm Thành cùng quân Lưỡng Quảng[(3)] để tiến đánh. Vua ta dâng biểu xin nhà Tống răn cấm quan lại ở biên giới, phải giữ vững bờ cõi, không nên huy động đại binh. Vua Tống đồng ý, việc động binh bèn thôi: so với bài ghi chép trong sử này hơi khác, đều ghi lại để tiện tham khảo).

---

(1) Lạng Châu: Nay là tỉnh Lạng Sơn

(2) Quế Châu: Địa danh Trung Quốc.

(3) Lưỡng Quảng: Tức Quảng Đông, Quảng Tây.

Tháng 8, truyền bá khúc nhạc và cách đánh trống của Chiêm Thành, sai nhạc công hát. Làm hành cung ở hồ Dâm Đàm để xem đánh cá (Dâm Đàm tức Hồ Tây).

Tân Sửu năm thứ 3 [1061] (Tống Gia Hựu năm thứ 6), mùa xuân, tháng 2, chọn 12 người con gái dân thường vào hậu cung(1).

Quý Mão năm thứ 5 [1063] (Tống Gia Hựu năm thứ 8), năm đó, Tống Nhân Tông, mất, Thái tử là Thụ nối ngôi tức là Anh Tông.

Giáp Thìn năm thứ 6 [1064] (Tống Anh Tông Trị Bình năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, sai sứ sang Tống (có lẽ là mừng vua Tống lên ngôi). Vua Tống **<4b>** đem những vật của Nhân Tông để lại ban cho nước ta.

Mùa hạ, tháng 4, vua ngự điện Thiên Khánh xử kiện. Khi ấy công chúa Động Thiên hầu bên cạnh, vua chỉ vào công chúa bảo ngục lại rằng: "Ta yêu con ta, cũng như lòng ta làm cha mẹ dân, nhân dân không biết gì mà mắc vào hình pháp, lòng ta rất thương. Từ nay về sau, không cứ gì tội nặng hay nhẹ, đều nhất luật theo sự rộng lượng.

> ***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Xem đoạn này ta thấy lòng thành của Thánh Tông thương dân, dùng hình phạt rộng rãi, vua tôi thân mật với nhau, không có sự ngăn cách trên dưới, phong cách trung hậu giản dị chất phác, đầm ấm. Noi theo đạo đó thì thói xấu không thể che lấp; tình kẻ dưới không thể không thông, thiên hạ không thể không thịnh trị.*

Bính Ngọ Long Chương Thiên Tự năm thứ 1 [1066] (Tống Trị Bình năm thứ 2)(2), mùa xuân, tháng giêng, sinh hoàng tử Càn Đức, lập hoàng Thái tử, đổi niên hiệu, đại xá. Vua vì thấy tuổi đã cao, trong cung chưa có **<5a>** người con nào, gặp Ỷ Lan phu nhân(3) lấy về, Chi hậu Nội nhân là Nguyễn Bông đến chùa Thánh Chúa dâng hương(4) cầu tự (việc này xảy ra năm Quý Mão thứ 5 [1063], Sau vài năm, phu nhân có thai, đến bấy giờ sinh ra Hoàng tử Càn Đức, hôm sau lập làm Thái tử, phong phu nhân có thai, đến bấy giờ sinh ra Hoàng tử Càn Đức, hôm sau lập làm Thái tử, phong phu nhân làm tần phi (tục truyền rằng: Khi vua 40 tuổi chưa có con trai, cầu chưa hiệu nghiệm, nhân đó đi chơi khắp các chùa chiền.Xe vua đi đến đâu,con trai con gái đổ xô đến xem không

(1) Hậu cung: Nơi ở của các cung tần.

(2) ĐVSKTT chép "Tống Trị Bình năm thứ 3"

(3) Ỷ Lan phu nhân: Người làng Thượng Lỗi, xã Thổ Lỗi, thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

(4) Chùa Thánh Chúa: ở xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

ngớt, khi đến làng Thượng Lỗi, thấy người con gái hái dâu, đứng tựa vào bụi lan, cho vời vào cung, được vua yêu, phong làm Ỷ Lan phu nhân, nhân đó sai người đến chùa Thánh Chúa cầu đảo. Nhà sư dạy cho Bông thuật "đầu thai thác hoá"[1], Bông nghe theo, việc bị phát giác, đem chém Bông ở trước cửa chùa, người sau gọi chỗ ấy là đồng Bông. Chùa ở xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm. Đồng Bông ở phía Tây trước cửa chùa, nay vẫn còn).

> ***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:*** *Thái tử là căn bản của nước, không lập sớm không được. Kinh Xuân Thu chép: "Con là Đồng sinh"*[2] *ý cũng bởi đó. Vua Thánh Tông tuổi đã cao, may mà sinh hoàng tử, lập ngay làm hoàng Thái tử, để yên lòng mong muốn của muôn dân là phải lắm.*

Đinh Mùi năm thứ 2 [1067] (Tống Trị Bình năm thứ 4), mùa xuân, tháng 2, các nước Ngưu Hống và Ai Lao[3] đến dâng sản vật địa phương như **<5b>** vàng bạc, trầm hương, sừng tê, ngà voi. Phong cho viên ngoại lang là Ngụy Trọng Hòa và Đặng Thế Tư làm đô hộ phủ sĩ sư[4], đổi 10 người thư lại làm án ngục lại[5]. Cho Trọng Hòa và Thế Tư mỗi người lương mỗi năm là 50 quan tiền, 100 bó lúa và các thứ mắm muối; ngục lại mỗi người 20 quan tiền, 100 bó lúa để nuôi lòng liêm khiết.

> ***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Thời nhà Lý, trăm quan trong ngoài đều không được cấp bổng lộc, quan trong kinh thỉnh thoảng được ban thưởng; quan bên ngoài thì giao cho họ trị dân một phương; cho họ được sai khiến và thu thuế ruộng đất, ao chuôm; cho họ dạy dân cày bừa, đánh cá để thu lợi. Đến khi ấy quan xử kiện mới bắt đầu có lương bổng hàng năm, nhưng người xử kiện đáng nuôi lòng liêm khiết, còn người trị dân, làm việc, há riêng họ không đáng nuôi lòng liêm khiết hay sao? Kinh thư có câu: "Kỳ phú phương cốc"*[6]*. Cho nên triều đình có làm phải cho các quan, thì các quan mới làm phúc cho nhân dân. Kể ra thì người*

---

[1] Đầu thai thác hóa: Làm phép cho linh hồn mình nhập vào thai, để sau này đứa trẻ sinh ra sẽ làm vua.

[2] "Con là Đồng sinh": Năm 706 trước Công nguyên, Lỗ Hoàn Công sinh con là Đồng – Khổng Tử ghi vào kinh Xuân Thu: "sinh con là Đồng" tỏ ý coi trọng việc này.

[3] Ngưu Hống: Tên một dân tộc Mán, ngôn ngữ giống ngôn ngữ Ai Lao: tức nước Lào ngày nay.

[4] Đô hộ phủ sĩ sư: Giữ việc xét các án còn nghi ngờ.

[5] Án ngục lại: Quan xử kiện.

[6] "Ký phủ phương cốc": nghĩa là làm cho người ta giàu rồi mới có thể bắt người ta làm điều lành.

*nhìn thấy cái đáng muốn mà không muốn như Dương Chấn[1] từ chối **<6a>** vàng, Lưu Ôn Tẩu[2] từ chối tiền. Đời có mấy người được như thế. Nếu không được như vậy thì năm được mùa mà con kêu đói, trời ấm mà vợ kêu rét. Có sự nghèo túng như thơ Bắc môn [3], thì phải có lòng tham lam như loài chim cắt[4]. Đó cũng là ý muốn thường tình. Lấy phong thái của thánh hiền mà đòi hỏi ở thế tục, chẳng thà lấy đạo bình thường để cảm hóa lòng người còn hơn. Cho sói chăn dê, cho vịt nuôi chim cắt, mặc cho họ bóc lột. Nếu không đặt ra bổng lộc thì những tệ hại sẽ lan ra, không có thể nói hết được. Tục ngữ có câu: "Giảm bớt quan lại thì dân mới được thanh nhàn", kẻ trị nước phải coi việc nuôi dân làm giàu, gộp các châu huyện, giảm bớt quan lại, bàn việc định cấp bổng lộc là then chốt trong việc nuôi dân.*

Giáp Thân[5] Thiên Huống Bảo Tượng năm thứ 1 [1068] (Tống Thần Tông Hy Ninh thứ 1), mùa xuân, tháng 2, châu Chân Đăng dâng 2 con voi trắng, vua cho là điềm tốt ban chiếu đổi niên hiệu.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Năm thứ 4 niên hiệu Thiên Bình, vua Hiếu Tình nhà Nguyên Ngụy bắt được con voi lớn **<6b>** ở châu Nam Duyên, bèn đổi niên hiệu là Nguyên Tượng[6]. Bấy giờ niên hiệu Bảo Tượng của Thánh Tông cũng giống như thế, từ xưa tới nay cái bệnh thích điềm tốt thật giống nhau. Kể ra cái mức đặt niên hiệu là để cho rõ nghĩa thống nhất, thế mà đến nỗi dùng loài vật mà đặt niên hiệu thì quá càn rỡ.*

Năm đó Tống Anh Tông mất, Thái tử Chuyên nối ngôi, tức là Thần Tông. Vua Tống sai sứ sang sách phong. (Tiến tước Nam Bình Vương, gia Khai phủ Nghi đồng tam ti; sách cũ chép nhầm là năm Long Chương Đại Tự thứ 2, là việc cũ thời vua Tống Anh Tông, cho nên đổi chép ra đây).

---

[1] Dương Chấn: Người thời Hậu Hán, Trung Quốc. Khi ông làm quan, có người đem vàng đến hối lộ và nói rằng: "Bây giờ đêm tối không ai biết" . Ông bèn trả lời: "Trời biết, thần biết, anh biết, tôi biết sao lại bảo không ai biết" và không nhận số vàng ấy.

[2] Lưu Ôn Tẩu: Người thời Tống, Trung Quốc. Ông làm quan rất liêm khiết được nhân dân mến phục.

[3] Bắc môn: Tên một bài thơ trong Kinh Thi.

[4] Loài chim cắt: Loài chim ác hay ăn thịt các loài chim khác.

[5] CM chép năm Mậu Thân.

[6] Nguyên tượng: Việt sử tiêu án chép là Thiên tượng.

Ất Dậu[1] năm thứ 2 [1069] (từ tháng 7 về sau là Thần Vũ năm thứ 1; Tống Hy Ninh năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, vua tự cầm quân đi đánh Chiêm Thành, bắt được vua nước ấy là Chế Cũ. Chiêm Thành thường dâng voi trắng, rồi lại quấy nhiễu vùng biên giới, vua giận tự mình đem quân đi đánh, mãi không hạ được, đem quân về đến Châu Cư Liêm, nghe tin Nguyên phi giúp việc trị nội, lòng dân hòa thuận, trong cõi yên lành, vua than rằng: "Nguyên phi là một người đàn bà, còn làm được như thế, ta là đàn ông thì được việc gì?". Lại sang đánh được. Bắt Chế Cũ, đem về 5 vạn người (Nguyên phi chuộng <7a> Phật giáo, tục gọi là Quan Âm nữ).

Mùa hạ, tháng 6, vua đem quân về.

Mùa thu, tháng 7, vua từ Chiêm Thành về đến nơi, làm lễ dâng tù binh ở Tháimiếu[2], đổi niên hiệu là Thần Vũ năm thứ 1. Chế Cũ xin dâng ba châu: Địa Lý[3], Ma Linh[4], Bố Chính để chuộc tội, vua bằng lòng cho, tha Chế cũ về nước. (Địa Lý nay là tỉnh Quảng Nam, Ma Linh nay là châu Minh Linh).

Mùa đông, tháng 10, ngày Đinh Sửu, có tán đỏ liền sát mặt trời. Vua sai sứ sang Tống báo tin thắng trận, vua Tống ban chiếu phong cho sứ chức quan để tỏ ý yêu quý.

Canh Tuất năm thứ 2 [1070] (Tống Hy Ninh năm thứ 3), mùa xuân, làm điện Tử Thần.

Mùa hạ, tháng 4, hạn, phát thóc và tiền lụa trong kho để chẩn cấp cho dân nghèo.

Mùa thu, tháng 8, sửa Văn Miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ phối[5], vẽ tượng Thất thập nhị hiền[6] bốn mùa thờ cúng, Hoàng Thái tử đến đấy học.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Thời Lý kể từ Lý Thái Tổ được nước đến bấy giờ, trải qua ba triều đại, gồm 60 năm[7] mới sửa*

---

(1) CM chép là năm Kỷ Dậu.

(2) Thái miếu: Nơi thờ tổ tiên nhà vua.

(3) Châu Địa lý: Nay khoảng tỉnh Quảng Bình.

(4) Châu Ma Linh: Là huyện Minh Linh và Do Linh tỉnh Quảng Bình.

(5) Tứ phối: 4 người được phối hưởng ở Văn Miếu là Nhan Uyên, Tăng Sâm, Mạnh Kha và Khổng Cấp.

(6) Thất thập nhị hiền: Tức 72 người học trò giỏi của Khổng Tử.

(7) CM chép 55 năm.

sang nhà học, thờ cúng thánh hiền, làm lễ khi Hoàng tử nhập học. Cần làm chùa chiền <7b> mà hoãn làm trường học, trước trọng đạo Phật, sau mới đến đạo Nho. Xin Kinh Phật ở nước Tống, không biết sai sứ mấy lần, còn như việc tìm mua sách vở thì mãi đến đời Nhân Tông mới bắt đầu thấy, tôn chuộng chính học, không bức thiết bằng theo mê tín dị đoan, thế cho nên lập 7 Hoàng hậu, buổi yến tiệc làm 5 quả núi tre, chôn cất ở Thọ Lăng lại không đặt biệt hiệu. Lên ngôi trước linh cữu liền đổi niên hiệu. Nhận lời tôn xưng thô bỉ mà không từ, dâng chim sâu không phải điềm tốt mà không xấu hổ. Ban ơn huệ cho bọn gian thần, rộng pháp luật với bọn giặc cướp, điển lễ không biết tô điểm, pháp lệnh nhiều điều ngang trái. Ở vào thời thái bình mà không có nền chính trị văn minh, cái lệ đó đâu phải không biết duyên do. Chỉ lạ lùng những bài chiếu, lệnh một thời ấy ôn hòa trung hậu, giản dị cổ kính hệt như văn chương thời Tiền Hán. Những giấy tờ đưa sang Trung Quốc chưa từng làm mất quốc thể, đó lại là vì sao? Có lẽ những kẻ tài cao học rộng, hoặc đó là con cháu các bậc công thần được tiến lên, hoặc theo vua từ khi còn ở tiềm để [1] mà được dùng. Còn những người làm văn hay, dùng từ <8a> khéo thì không phân biệt đạo Nho hay đạo Phật đều được chọn dùng. Sách cũ chép là đời Thánh Tông đặt ra khoa bác sĩ, nhưng sử lại không có, hoặc giả người ghi chép có tra cứu được ở đâu thì lúc đó đã đặt khoa thi về nho học rồi, cho nên đủ để tô điểm cho nền chính trị một thời chăng?

Tân Hợi năm thứ 3 [1071] (Tống Hy Ninh năm thứ 4). Từ mùa xuân đến mùa hạ không mưa.

Chiêm Thành sang tiến cống (triều Thánh Tông sang cống 3 lần).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét thấy biên giới nước Chiêm Thành thì phía nằm liền với Nghệ An, sợ ta lấn bức cho nên sửa lễ cống hiến, còn như sự Chiêm Thành giao thông với Trung Quốc thì là theo lệ các nước phiên bang, ở Giang Tá từ thời Lục Triều cho đến thời Đường thời Tống đều không bỏ thiếu, lại sợ nước ta biết chuyện đó, xin tránh nước ta, khiến hai bên không gặp nhau. Khi vào chầu vua Trung Quốc thì sứ của ta vào điện Thuỳ Củng còn sứ của họ vào điện Tử Thần, để không nghe biết*

[1] Tiềm để: Nơi vua ở khi chưa lên ngôi.

gì nhau. Từ đời Tống Hy Ninh mới bắt đầu cùng sứ nước ta yết kiến vua Trung Quốc. Thời nhà Trần **<8b>** *[Chiêm Thành] thường vào cướp phá nước ta, lại còn luôn luôn sai sứ sang tố cáo với nhà Minh là bị nước An Nam xâm lược. Thời nhà Hồ, đem voi trắng sang cống tiến nước ta, lại nói dối với nhà Minh là đem cống voi nhưng bị nhà Hồ cướp mất. Cuối cùng gây nên cái họa nước Nam bị xâm lược. Người Chiêm quỷ quyệt đại loại là như vậy, há vì nó là man di xấu xí mà không chú ý sao?*

Định tiền chuộc tội theo từng bậc khác nhau. Mùa đông, tháng 12, vua không khoẻ.

Nhâm Tý năm thứ 4 [1072] (từ tháng giêng về sau là Nhân Tông Thái Ninh năm thứ 1; Tống Hy Ninh năm thứ 5), mùa xuân, tháng giêng, vua băng ở điện Hội Tiên. Dâng tôn hiệu là Ứng thiên sùng nhân chí đạo uy khánh long tường minh văn duệ võ hiến đức thánh thần hoàng đế, niên hiệu là Thánh Tông.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Thương xót kẻ bị hình phạt, yêu thương nhân dân là việc đầu tiên của chính sự đời vua. Thánh Tông lo rằng: tù giam trong ngục, hoặc có kẻ không có tội, nhân đói rét mà chết, thì cấp cho chăn chiếu, ăn uống để nuôi sống; lo rằng quan lại giữ việc hình ngục hoặc có kẻ vì* **<9a>** *nhà nghèo mà nhận tiền đút lót, thì cấp thêm cho tiền lương và thức ăn để nhà được no đủ; lo rằng nhân dân thiếu ăn thì ban chiếu khuyến khích làm ruộng; gặp năm đại hạn đói kém thì ban lệnh chẩn cấp người nghèo, trước sau một lòng, đều là xuất phát từ chỗ rất thành thực. Huống chi lại tôn sùng đạo học, định rõ chế độ, việc văn được mau chóng cử hành. Bên trong phía Nam dẹp nước Chiêm; phía Bắc đánh nước Tống. Uy danh lừng lẫy vang dội bên ngoài, dù có việc lầm lỗi nhỏ khác, cũng vẫn là bậc vua hiền. Có người bảo là vua nhân nhu có thừa mà cương đoán không đủ, nhưng tôi chưa thấy như thế.*

Thái tử là Càn Đức lên ngôi ở trước linh cữu, đổi niên hiệu là Thái Ninh. Khi ấy vua mới 7 tuổi, tôn mẹ đẻ là Ỷ Lan nguyên phi Lê Thị làm hoàng thái phi, mẹ đích là Thượng Dương Thái hậu Dương Thị làm Hoàng Thái hậu, buông rèm cùng nghe chính sự, Thái sư Lý Đạo Thành[1] giúp đỡ công việc.

---

[1] Lý Đạo Thành: Người huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

Bắt đầu ngự điện Thiên An coi chầu.

Tha các tù ở phủ đô hộ.

Sai sứ sang Tống báo tang.

<10a>

NHÂN TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua tên húy là Càn Đức, con trưởng của Thánh Tông, ở ngôi 56 năm, thọ 63 tuổi. Vua trán cao, mặt rồng, tay dài quá gối, sáng suốt thần võ, trí tuệ hiếu nhân, nước lớn thì sợ, nước nhỏ thì mến, thần giúp, người theo, nhân dân giàu có đông đúc, tự mình làm nên thái bình, là bậc vua giỏi của triều Lý. Tiếc rằng mộ đạo Phật, thích điềm lành, đó là điều làm lụy cho đức tốt).

Quý Sửu Thái Ninh năm thứ 2 [1073] (Tống Hy Ninh năm thứ 6), trời mưa dầm, rước Phật Pháp Vân[1] về kinh để cầu tạnh và cúng thần núi Tản Viên[2].

Giam Hoàng Thái hậu Dương thị, tôn Hoàng thái phi làm Linh Nhân Hoàng Thái hậu. Linh Nhân có tính ghen, cho mình là mẹ đẻ mà không dự chính sự, mới kể với vua rằng: "Mẹ già này khó nhọc mới có ngày nay, mà bây giờ giàu sang thì người khác hưởng, sẽ đặt mẹ già này vào đâu?". Vua tuổi nhỏ, chưa phân biệt được phải trái, bèn giam Hoàng Thái hậu và thị nữ 76 người vào cung Thượng Dương[3], rồi bức phải chết, chôn theo lăng Thánh Tông.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Nhân Tông là người nhân hiếu, Linh Nhân là người tôn chuộng đạo Phật, sao đến nỗi giết mẹ đích <10a>, hãm hại người vô tội, tàn nhẫn đến thế ư? Có lẽ ghen là thường tình của đàn bà, huống chi là mẹ đích mà không được dự chính sự, Linh Nhân dẫu là người hiền cũng không thể nhẫn nại được, cho nên phải kêu với vua. Vua lúc ấy còn nhỏ, chỉ biết chiều lòng mẹ là thích, mà không biết là lỗi lớn. Thái sư Lý Đạo Thành phải ra trấn bên ngoài, biết đâu chẳng là do can ngăn việc ấy! Nhà Tống phong vua làm Giao Chỉ quận vương. Thái sư Lý*

---

[1] Pháp vân: Một trong tứ Pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện).

[2] Núi Tản Viên: ở huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây (cũ) trên đỉnh núi thờ thần Tản Viên.

[3] Cung Thượng Dương: Cung của Hoàng Thái hậu Dương thị ở.

Đạo Thành do chức Tả gián nghị đại phu[1], ra giữ châu Nghệ An. Đạo Thành dựng Viện địa tạng ở trong miếu vương thánh thuộc châu ấy, đặt tượng Phật và vị hiệu của Thánh Tông ở trong viện sớm hôm thờ phụng.

***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:** Đạo Thành là đại thần cùng họ với vua, đương khi để tang Thánh Tông, nhân vì việc phải ra trấn ở ngoài, lòng cảm nhớ tiên đế là thành thực. Nhân mượn tiếng thờ Phật để **<10b>** thờ vua, đó chỉ là việc làm tạm thời mà thôi. Đến sau những người trấn thủ Nghệ An, lại lấy làm chỗ phụng thờ Thánh Tông, suốt cả thời Lý không ai cho việc ấy là trái. Kẻ ra thì vua không tế ở nhà bề tôi, cha không được thờ ở nhà con thứ, huống chi lại là chỗ man di. Có lẽ là do lỗi của nhà Lý, chuộng đạo Phật đấy.*

Mùa xuân, nhà Tống dùng Trầm Khởi làm Tri Quế Châu[2] mưu xâm lược nước ta, nhà Tống từ khi Vương An Thạch cầm quyền, thích cầu mong lập công ngoài biên giới. Tri Ung Châu là Tiêu Chú săn đón ý của Vương An Trạch, dâng sớ nói rằng: "Giao Chỉ tuy dâng lễ triều cống, nhưng thực là giữ hai lòng, nếu nay không lấy, ắt gây tai họa về sau. Có người lại nói: nước ta bị người Chiêm đánh bại, quân còn lại không đầy vạn người, đánh lấy rất dễ. Nhà Tống liền cho Tiêu Chú giữ Quế Châu chuẩn bị việc đó, Tiêu Chú vào chầu vua Tống hỏi kế hoạch đánh lấy, Tiêu Chú lại cho là khó. Độ chi phán quan là Trầm Khởi nói nước Nam nhỏ bé, không có lẽ nào không lấy được **<11a)** vua bèn dùng Khởi thay Chú. Khởi nhận chiếu chỉ ở An Thạch, bèn một lòng sinh sự quấy nhiễu.

Giáp Dần năm thứ 3 [1074] (Tống Hy Ninh năm thứ 7), mùa xuân, có con sẻ trắng đến đậu ở cấm đình.

***Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn:** Sẻ trắng là con vật nhỏ đậu ở cấm đình, cũng chẳng phải là việc lạ, thế thì nó là điềm gì mà nhà viết sử cũng được chép vào.Khi ấy chắc cũng vì có người phô trương việc đó rồi tấm tắc khen là lạ đấy. Tệ hại thay sự ham thích của nhà vua không thể khiến cho người ta dò xét được. Từ khi con sẻ trắng đậu ở cấm đình được liệt vào loại điềm tốt, do đó những điềm lạ như rồng vàng, hươu đen, phượng đẹp, rùa ngũ sắc, một ngọn cỏ, một thân cây, đều nhan nhản, chép rồi lại chép,*

(1) Gián nghị đại phu: Xưa là một chức quan, sau đó chỉ là hàm.

(2) Tri Quế châu: Chức tri châu ở Châu Quế.

không chỉ một lần là hết, đều bắt đầu từ con sẻ trắng đó. Từ xưa, những thời đại rất thuận hoà, trời không tiếc đạo, đất không tiếc của quý. Từ đời Hoàng đế Đường Nghiêu trở xuống, chưa từng thấy cái gì xuất hiện trùng điệp, chỉ riêng đời Lý Nhân Tông lại có nhan nhản như thế? <11b> ngay như việc nhà viết sử ghi chép: Năm thứ 6 niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ, vua đến hành cung Lỵ Nhân, Nội thường thị là Mâu Du Đô vâng chỉ tuyên bố với bá quan rằng: "Con rồng vàng hiện lên ở nhà bí điện trong hành cung, chỉ có hoạn quan và cung nữ nhìn thấy". Riêng một việc này cũng thấy được cùng một lối với bức thư của trời trong niên hiệu Tường Phù[1]*. Sự ham muốn của nhà vua đã thiên lệch thì những kẻ săn đón ý vua, xu nịnh như điên, như dại lại có thể nói hết được sao? Thế là mặt trời thì nói là sáng trở lại, mặt trăng thì nói là tròn trở lại, sương thì nói là sương ngọt, tuyết thì nói là tuyết lành. Điềm tốt của trời còn nói dối được, thì những loài chim sâu cây cỏ là vật nhỏ mọn có gì chẳng nói được. Hơn nữa xét về đời Nhân Tông nói về điềm lành khi bắt đầu là chép con sẻ trắng đến điềm cuối cùng cũng là chép con sẻ trắng thế thì việc chép con sẻ trắng gọi là điềm lành cũng được mà gọi là điềm gở cũng được.*

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** cả thời nhà Lý đều thích điềm lành, mà sự ham muốn của Nhân Tông <12a> lại càng tha thiết, đầu là chuộng đạo Phật, mà ý của Nhân Tông là muốn cầu khẩn, thêm vào đó là ý của Linh Nhân muốn sám hối. Cho nên việc xây dựng càng nhiều, trên thì thích điềm tốt thành nghiệm; dưới thì xu mị như điên. Đã thêm vào ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, lại biểu cả tính chất của loài cầm, loài thú. Còn rùa thì ghi nhiều hơn trong thiên Lễ vận*[2]*, còn Hươu thì ghi nhiều hơn trong thơ Linh đài*[3]*, người trị làm ra điềm lành, mọi vật đều có thể cho là điềm tốt. Sự ham muốn thiên lệch, đời sau bắt chước. Cho rằng có thể nêu rõ điềm lành, phô trương trí lý. Do đó mà có những việc bắt được rùa thì nhận*

[1] Trong niên hiện Tường Phù, đời vua Chân Tông nhà Tống có tấm lụa vàng kéo lên trên nóc cửa Thừa Thiên, lính giữ cửa báo cáo rồi tâu lên vua, vua cùng các quan ra đón rước ở điện Triều Nguyệt, gọi là bức thư của trời (Tống sử).

[2] Thiên lễ vận: Một thiên trong *Kinh Lễ*.

[3] Thơ Lich đài: Một bài trong *Kinh Thi*.

tôn hiệu, bắt được voi thì dâng biểu mừng. Dâng một con thú, một hạt châu, không ai là không được thăng quan, miễn tội. Thế mà Nhân Tông thì không có con, Thần Tông thì mất sớm, chính trị ngày càng rối, trộm cướp ngày càng nhiều, cơ nghiệp nhà Lý dần dần suy yếu rồi mất. Vậy thì điềm lành có ích gì? Còn như cái lỗi về việc sùng Phật, trước đã bàn cái tệ ấy rồi, duy Nhân Tông sùng đạo Phật thái quá đến nỗi bắt cung nữ tuẫn táng[1] *ở hỏa đàn. Phong cho sư chùa là quốc sư* **<12b>** *đó lại là những lỗi rất lớn. Nay xét trong một giai đoạn sử triều Lý. Trước sau gần năm mươi lần chép về điềm lành (Kỷ Nhân Tông) bản cũ mười lần chép về rồng vàng hiện ở Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ 6, vua đến hành cung Ly Nhân, Trung Thừa là Mâu Du Đô tuyển chỉ cho quan viên trong ngoài rằng: "Rồng vàng hiện ra ở bí điện, trong hành cung, chỉ có cung nữ và hoạn quan trông thấy", đấy là điều tự lừa dối hết mức. Lại năm Anh Vũ Chiêu Thắng thứ 8, ghi: "Rồng vàng bay từ điện Từ Thần đến điện Hội Long. Cũng thế, 6 lần ghi dâng hươu trắng, 1 lần ghi dâng hươu đen, 2 lần ghi dâng mang trắng, 1 lần ghi dâng chim phượng nhỏ, ghi hổ trắng, ngựa trắng, sinh cựa, mỗi thứ một lần, 1 lần ghi dâng ngựa đỏ, sinh cựa, 4 lần ghi chim sẻ trắng, 1 lần ghi cá vàng, 4 lần ghi con rùa, 1 lần ghi cây lúa chín bông, 1 lần ghi mưa ra lúa và cây ưu bát đàn nở hoa, 2 lần ghi tuyết lành, 1 lần ghi mặt trời sáng trở lại, 1 lần ghi mặt trời 2 quầng tròn, 1 lần ghi mặt trăng 2 quầng tròn, 1 lần ghi móc ngọt. Vua tự tay viết vào bia mấy chữ: "Thiên hạ thái bình; thánh cung vạn tuế", sai thợ khắc, 1 lần ghi cây cau 1gốc 12 ngọn, một lần ghi 9 ngọn, 1 lần ghi ngọc bích trắng, 1 lần ghi khối vàng sống. Ngoài ra những thứ như voi trắng, hoa vàng do người Chiêm cống thì không dự vào số ấy. Người thợ, người đàn bà đều được ghi tên, những loài cầm thú nhỏ mọn đem dâng đều được vua nhận, duy sư Vương Ái, dâng cây cau 1 gốc 7 ngọn, Thái sư là Trần Đỗ nói là không đáng coi là điềm tốt, liền bỏ đi, và 2 lần từ khước việc dâng ngọc, cau mà thôi). Chép việc nhà Phật lớn nhỏ gần 30 lần. (Nhân Tông vì muộn con trai, ý muốn cầu khấn, cho nên nhiều*

---

[1] Tuẫn táng: Chôn theo. Khi vua Thánh Tông chết, Hoàng Thái hậu và 76 cung nữ đều bị chôn theo.

lần dựng chùa, làm cỗ chay. Hoàng Thái hậu cũng hối lại việc làm cho Thượng Dương Thái hậu và thị nữ phải chết vô tội, muốn được sám hối rửa oan, dựng nhiều chùa thờ Phật, trước sau hơn 100 ngôi chùa. Hoàng hậu cũng cho là thiên hạ vô sự, đi chơi khắp núi sông, muốn **<13a>** *xây dựng chùa tháp. Năm Long Phù Nguyên Hóa thứ 5, vua xây 2 tháp bạch manh chùa Diên Hựu, xây 3 tháp thạch manh ở chùa Lãm Sơn, lại sửa lại chùa Diên Hựu, đào thêm ao, Liên Hoa đài ở quê cũ đặt tên là Linh Chiểu, bên ngoài ao làm một hành lang bao quanh, bênngoài hành lang lại đào ao Bích Trì, đều bắc cầu để thông qua, trước sân dựng bảo tháp để đến ngày rằm, ngày mồng một hàng tháng và ngày mồng 8 tháng 4 xe vua đến, làm lễ cầu phúc. Đặt ra nghi thức tắm bụt, hằng năm đặt làm lệ thường, lại đúc chuông lớn ở chùa Diên Hựu, đúc xong đánh không kêu, vứt bỏ ở ruộng Quy Điền cửa chùa, ruộng thấp ướt sinh ra nhiều rùa người bấy giờ gọi là chuông Quy Điền; lại quy định các chùa trong thiên hạ, làm các hạng đại danh lam, trung danh lam, tiểu danh lam, chùa có điền nô, có kho của . Cho quan văn quý chức kiêm chức đề cử, thường mở ra hội khánh thành tháp Thất Bảo, dẫn sứ Chân Lạp đến xem; mở ra hội khánh thành thiên Phật, dẫn sứ Chiêm Thành đến xem. Việc làm chùa, dựng tháp, mở hội không thể kể hết được. Đấy có lẽ khi ấy ghi vào cuốn lịch hàng ngày, người viết sử bèn theo thứ tự trên dưới từng năm, lần lượt ghi hết vào. Biết đâu Kinh Xuân Thu không ghi điềm lành; thánh nhân không nói việc quỷ thần quái đản. Huống chi những vật tầm thường nhỏ mọn, không phải là điềm lành; những thuyết hư vô tịch diệt không phải là giáo hoá, không liên quan đến chính thể; lại có hại đến đạo làm người. Tên của những kẻ vợ góa người hèn; những việc như nuôi sư tắm Bụt, há cũng đáng ghi vào thực lục sao?* **<13b>** *Cuốn* ***Việt sử bị lãm*** *của quan Nội các Nguyễn Nghiễm viết về mùa xuân năm đó, có con sẻ trắng đậu ở cấm đình, dưới phần chính văn thì chia chú tóm tắt tất cả những câu chép về điềm lành làm một khoảnh; Năm Anh Vũ Chiêu Thắng thứ 2 chép: "mở hội nhân vương" dưới phần chính văn thì chia chú tóm tắt tất cả những câu chép thờ Phật làm một khoảnh. Làm như thế cũng đủ bỏ được cái tệ ghi chép rườm rà của sử cũ, tiện cho học giả dễ xem, cũng là một cách chép sử đấy.*

Chiêm Thành lại quấy rối biên giới.

Cho Lý Đạo Thành làm thái phó, Bình chương quân quốc trọng sự[1].

Ban chiếu cho các công thần 80 tuổi trở lên đều ban cho ghế ngồi, gậy chống để vào chầu.

Ất Mão năm thứ 4 [1075] (Tống Hy Ninh năm thứ 8), mùa xuân, tháng 2, chọn người thông kinh học rộng vào thi nho học tam trường, Lê Văn Thịnh được dự vào hàng trúng tuyển, cho vào hầu vua học (Văn Thịnh người làng Đông Cứu, huyện Gia Định)[2].

Mùa đông, tháng 11, sai bọn Lý Thường Kiệt[3] chia Đường sang đánh Tống, đánh hạ Châu Khâm, Châu Liêm[4]. Trước kia, quan Tư Quế Châu nhà Tống **<14a>** Trầm Khởi ở châu ngấm ngầm khởi binh ở Man Động, đóng thuyền tập thủy chiến, làm kế đánh ta, lại dung nộp Tri Ân sảnh châu là Nồng Thiện Mỹ vào nội địa [Trung Quốc]. Vua Tống cho là gây càn thù hấn ở ngoài biên, liền bãi miễn Thầm Khởi cho Lưu Di thay. Lưu Di nghe lời tướng hiệu, cho là nước ta có thể lấy được, muốn gây cho sinh biến, mượn cớ mà khởi binh. Cấm các châu huyện không được buôn bán với nước ta. Vua ta lại xin vua Tống trả lại Thiện Mỹ và 700 người thuộc dân ở Tống về. Di giữ biểu lại không dâng lên, vua giận sai Lý Thường Kiệt và Tôn Đản đem hơn 10 vạn binh, chia làm 3 đường tiến đánh; một đường từ phủ Quảng Châu tiến sang, một đường từ Khâm Châu tiến sang; một đường từ cửa ải Côn Lôn (Côn Lôn nay là phủ Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây) tiến sang. Thường Kiệt liên tiếp vây hãm Châu Khâm, Châu Liêm giết 8 nghìn người thế đinh. Tôn Đản bao vây Châu Ung, Đô giám Quảng Tây nhà Tống là Trương Thủ Tiết bị chém tại trận. Vua Tống nghe được tin này, bắt Khởi đi đày, **<14b>** an trí tại Châu Sính[5] và gạt bỏ tên của Di.

Bính Thìn năm thứ 5 [1070] (từ tháng 4 về sau là Anh Vũ Chiêu Thắng năm thứ 1. Tống Hy Ninh năm thứ 9), mùa xuân, tháng giêng, Tôn Đản đánh hạ Châu Ung. Trước kia Đản bao vây Châu Ung. Tri châu Tô Giam cố sức giữ, quân ta đánh đến hơn 40 ngày, chồng bao đất trèo lên thành mà tiến. Thành bị hạ, lệnh cho thân thuộc trong nhà 36

[1] Bình chương quân quốc trọng sự: Một chức quan to cũng giống chức tể tướng.

[2] Gia Định: Tức huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

[3] Lý Thường Kiệt: Người làng Thái Hòa thành Thăng Long, tức là Hà Nội ngày nay.

[4] Châu Khâm, Châu Liêm: Địa danh Trung Quốc.

[5] Châu Sính: Địa danh Trung Quốc.

người chết trước, chôn xác vào hố, rồi châm lửa tự đốt chết. Người trong thành cảm ân nghĩa của Giam, không một người nào chịu hàng, thế là quân ta giết sạch quân trong thành tất cả hơn 5 vạn 8 nghìn người, cộng với số quân bị giết ở các Châu Khâm, Châu Liêm có đến hơn 10 vạn người. Bọn Thường Kiệt bắt sống quân 3 châu ấy đem về. Tô Giam nhà Tống đã chết, vua Tống nghe được việc ấy, ban chiếu truy tặng Giam làm Phụng quốc Tiết độ sứ đặt tên thụy là Trung Dũng, cho một khu nhà lớn ở kinh thành, mười khoảnh ruộng tốt, cho 7 người họ thân làm quan. Cho con là Nguyên làm Các môn chi hậu (Trước kia đất Quảng tây nhà Tống có 20 đồn binh, bọn chỉ huy việc binh bị cố gắng sửa sang. Từ khi Lưu Di tâu xin bãi bỏ chính sách binh, mà dùng **<15a>** tay giáo, gậy làm lính thú thì quân đội đều bạc nhược, không thể địch nổi với ta.Thường Kiệt lại khéo dùng binh, tướng sĩ đều vui vẻ theo mệnh lệnh cho nên đi đến đâu lập công đến đó).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Nước ta đánh nhau với quân Bắc triều nhiều lần, từ vua Nam Đế trở về trước, khi thắng khibại không thường. Những việc cũ đã trôi qua, về sau Ngô Tiên chú*[1] *đánh thắng ở Bạch Đằng, Lê Đại Hành thắng trận ở Lạng Sơn; Trần Nhân Tông đánh bại Toa Đô, bắt sống Ô Mã Nhi, đánh đuổi Thoát Hoan, đều là bẻ gẫy lũ giặcmạnh, khi nó đang ngang ngược, làm cho thế nước lẫm liệt, không ai xâm phạm được, những chiến thắng oanh liệt là câu chuyện tự hào của ta. Nhưng đều là giặc đến đất nước, bất đắc dĩ mà phải ứng chiến, những hình thái nó vất vả ta nhàn rỗi khác nhau, thế ta là chủ, nó là khách cũng khác nhau. Còn như đường đường chính chính bày trận giương cờ, đem 10 vạn quân tung hoành đi sâu vào đất khách phá tan quân ba châu như bẻ gẫy cũi khô, khi ở nước họ không ai dám đương mũi nhọn; khi kéo quân về không ai dám đuổi theo sau. Dụng binh như thế há chẳng phải là việc ít có của nước ta sao? Cho nên tôi cho là chiến dịch ở Châu Ung, Châu Liêm là* **<15b>** *võ công bậc nhất từ trước đến nay. Lý Thường Kiệt là một hoạn quan, lập được công trạng thần kỳ, người Tống phải hổ thẹn với ta nhiều lắm. Có người hỏi: Tại sao không đánh trống tiến lên, dù không đến được đất Biện Lương*[2] *thì cũng khôi phục được đất cũ của Triệu Đà? Ta trả lời rằng: biết người biết*

---

(1) Ngô Tiên chủ: Tức Ngô Quyền.

(2) Biện Lương: Kinh đô nhà Tống.

mình thì đánh trăm trận cũng không nguy, đó là phép hay trong việc dùng võ. Xét thấy, chiến dịch này nước ta tỏ rõ được binh uy. Người Tống cho là nước ta đang mạnh, muốn lấy ân ý mà vỗ về, từ đó những lễ nghi tiến cống và hình thức giấy tờ đều không dám trách móc hà khắc, chỉ sợ trái ý ta lại sinh ra thù hận. Đến thời Anh Tông, nhằm giấy tờ qua lại không hỏi với Suý ty Quảng Tây và Ung Châu thì dùng 2 tấm ván sơn đen ghép buộc văn thư, rồi khắc chữ lên, gọi là văn thư ván ghép. Văn thư của Suý ty biên châu báo với ta cũng dùng bình thức này, thư của nước ta chỉ liệt tên vài vị đại thần, chữ trong ấn thì đề là "Nam Việt quốc ấn" (ấn nước Nam Việt) sau lại dùng ấn "Trung thư môn hạ" **<16a>** *người nhà Tống đều không dám hoạch hoẹ, chỉ dùng thuyết giản dị với người xa để tự giải đáp. Về sau lại đặt tên nước cho nước ta, làm cho cõi nam thêm hùng tráng, vậy thì nhà Lý được thắng lợi với nhà Tống cũng nhiều rồi.*

Sai Lý Thường Kiệt tổng lĩnh chư quân đi đánh Chiêm Thành, không được rồi trở về. Thường Kiệt đánh Chiêm Thành không được bèn vẽ địa đồ hình thế núi sông của ba châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh rồi về. Đổi châu Địa Lý làm châu Lâm Bình, châu Ma Linh làm châu Minh Linh, chiêu mộ nhân dân đến ở đấy. Cho Thường Kiệt làm Thái úy (xét theo sử cũ: Thường Kiệt đánh Chiêm Thành việc xảy ra sau tháng 8 mùa thu năm Quý Mão thứ 4 [1063]. Nay tham khảo sử nhà Tống. Thường Kiệt đánh Châu Khâm, Châu Liêm vào mùa đông năm Ất Mão[1075] đánh Châu Ung vào mùa xuân năm Bính Thìn [1076], vậy không có lẽ quãng giữa lại gây sự với Chiêm Thành. Sử Bị lãm cho rằng: quân ở Châu Khâm, Châu Liêm đã về, Thường Kiệt mới bắt đầu mở chiến dịch đánh Chiêm Thành, có thứ tự hơn hãy theo như thế).

Tháng 3, nhà Tống sai Quách Quỳ làm chiêu thảo sứ, Triệu Khế làm phó, hợp với quân ở Chiêm Thành, Chân Lạp sang xâm lấn nước ta. Trước đây Vương An Thạch nhà Tống nghe tin Châu Khâm, Châu Liêm bị công phá đã không vui, lại thấy **<16b>** bài lộ bố(1) của nước ta nói rằng: "Nhà Tống thi hành phép thanh miêu(2) miễn dịch(3) làm cho nhân

---

(1) Bài lộ bố: Bài hịch do Lý Thường Kiệt viết, nội dung kể tội ác của Vương An Thạch và nhiệm vụ của mọi người phải đánh dẹp để cứu dân.

(2) Phép "thanh miêu": Là lối nhà nước cho nhân dân vay lãi, đến mùa sau khi gặt hái xong thì trả. Đây là chính sách do Vương An Thạch đặt ra.

(3) Phép miễn dịch: Cũng là chính sách do Vương An Thạch đặt ra. Chính sách này là không cho một đối tượng nào được miễn đóng tiền miễn dịch hàng năm kể cả người ở chùa, người con một, người làm quan v.v...

dân cùng khổ, nay ta xuất quân là muốn để cứu giúp nhân dân". Vương An Thạch càng giận, bèn dùng Thiên Chương các thị chế là Triệu Tiết làm chiêu thảo sứ đem quân tiến đánh. Tiết nói: "Quách Quỳ lão luyện về việc ngoài biên, xin cho làm sứ, còn mình làm phó. Vua Tống nghe theo lời đó cho tổng lĩnh tướng quân, hợp với các nước Chiêm Thành, Chân Lạp sang xâm lấn.

Vua sai Lý Thường Kiệt đón đánh quân Tống ở sông Như Nguyệt[1]. Quách Quỳ lui quân về lấy châu Quảng Nguyên, Thường Kiệt đón đánh tan quân Tống ở sông Như Nguyệt, quân Tống chết đến hơn nghìn người, Quách Quỳ đem quân rút lui lại lấy các châu Quảng Nguyên của ta. Tục truyền rằng Thường Kiệt đắp luỹ làm rào ở dọc sông để cố giữ, một đêm các quân sĩ chợt nghe ở trong đền Trương tướng quân[2] có tiếng đọc to rằng:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên phận định tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

(Sông núi nước Nam vua Nam ở
Cõi bờ ngăn cách tự sách trời
Cớ chi quân giặc sang xâm lấn?
Thất bại bay xem sẽ tới nơi).

Rồi sau quả như thế. Trương tướng quân anh em hai người, anh tên là Hống em tên là Hát, đều là tướng giỏi của Triệu Việt Vương. Triệu Việt Vương bị Lý Nam Đế đánh bại, mất nước, Nam Đế vời cho làm quan, hai người cùng nói:

"Bề tôi trung không làm quan với vua đã làm hại chúa của mình". Rồi ẩn náu ở núi Phù Long. Nam Đế vời mấy lần không chịu ra, mới hạ lệnh ai chém được đầu hai người thì thưởng nghìn vàng <17a>. Hai người đều uống thuốc độc chết. Ngô Nam Tấn đánh giặc Lý Huy ở Châu Tây Long. Khi đóng quân ở cửa Phù Lan mộng gặp hai người đều nói rõ họ tên. Và nói rằng: Thiên đế thương là người bày tôi trung không hai lòng, liền bổ chức Lang quân phó tuần vũ lượng nghị giang Chi Man nguyên tuần giang Đô bộ quốc thần vương, lập đền thờ ở sông Như

(1) Sông Như Nguyệt: Tức Sông Cầu thuộc tỉnh Bắc Ninh ngày nay.
(2) Đền Trương tướng quân: Tức đền thờ Trương Hống Trương Hát ở bờ sông Như Nguyệt.

Nguyệt; em là Tiểu đương giang Đô bộ quốc thần vương, lập đền thờ ởcửa sông Nam Quân.

Xét *Chích Quái lục* và *Dật thư* chép là: năm thứ 2 niên hiệu Thiên Bảo đời Lê Đại Hành, bọn Hầu Nhân Bảo nhà Tống xâm lược nước Nam, đến sông Đại Hoài, vua cùng với tướng quân Phạm Cự Lạng đem quân đến sông Đồ Lô đắp chống nhau với quân Tống, đêm mộng gặp hai người tự xưng họ tên như trước và nói: đã từng theo Tiền Ngô Vương đi đánh dẹp, lại từng thờ Nam Tấn Vương. Kịp khi Đinh Tiên Hoàng khởi binh. Nghe tiếng bức bách triệu vào, vì nghĩa không chịu khuất phục, đều uống thuốc độc chết, thiên đế ghi sự trung tiết, đều cho thống lĩnh quỷ binh. Nay quân địch đến sát bờ cõi, nguyện báo ơn cho nước. Bỗng một hôm giữa ban ngày mà trời tối mù mịt, mưa to gió lớn nổi lên, trong quân Tống có tiếng hét lớn như trước, bèn không đánh mà tan, quân Tống đã về, vua bèn phong cho hai vị thần, một vị là Khước địch đại vương, lập đền thờ ở sông Như Nguyệt. So với đoạn này hơi khác, hãy giữ cả hai thuyết.

Lại xét *Tống sử* và sách khác ghi chép: Quân Quách Quỳ tiến đến đóng ở ải Quyết Lý sai tướng lấy lại Châu Ưng, Châu Liêm, còn mình tự cầm quân đi về phương tây, tiến đến sông Phú Lương(1), quân ta cưỡi thuyền đón đánh, quân Tống không thể qua được. Triệu Tiết sai tướng lại dẫn gỗ làm công cụ, máy bật đá xuống như mưa; thuyền chiến của quân ta đều tan nát. Bọn Tiết nhân đó đặt quân phục kích chém đầu vài nghìn người, Thái tử là Hồng Chí chết tại trận. Lúc đó quân Tống có 8 vạn người, chết đến 6 phần mười. Quỳ không dám vượt sông Phú Lương, liền dẫn quân rút lui. Chiếm các Châu Quảng Nguyên **<17b>** Tư Long, Tô Mậu(2) và huyện Quang Lang(3) của ta. Đoạn này so với sử nước ta chép nhà Tống bị thất bại có khác nhau. Trộm nghĩ Hồng Chí không phải là Thái tử đã rõ ràng rồi, hoặc là các tước vương có ai bị tử trận mà khi ấy ta giấu việc đó đi, hoặc là bọn Quỳ giấu sự thất bại bày càn ra công trạng để làm chiến công. Nếu không phải là như vậy thì 8 vạn quân chết mất quá nửa, sông Nhị Hà chỉ cần thả một chiếc lá lau mà không dám bơi ngang qua, để một mạch thẳng đến kinh sư thì làm gì có chuyện thắng ta được. Bọn Quỳ muốn trốn cái tội không có công trạng, mới đặt ra lời nói láo ấy. Chỉ có bốn châu một huyện gần kề biên giới

---

(1) Sông Phú Lương: Tức Sông Cầu.

(2) Châu Quảng Nguyên, Châu Tô Mậu: Đều là địa danh thuộc tỉnh Cao Bằng ngày nay. Châu tư Long không rõ.

(3) Huyện Quang lang: Thuộc tỉnh Cao Bằng.

nhà Tống, bị nó cướp lấy đất, bắt lấy dân thì là có thôi. Sách Quế Hải trì của Phạm Thành Đại nói: Quân của bọn Quách Quỳ đến, quân ta dùng voi cự chiến, bị người Tống lấy dao lớn chém vòi voi, voi chạy quay trở lại tự giẫm vào trận địa, quân ta tan vỡ, quân Tống thừa thắng chiếm huyện Quang Lang, người trông coi huyện ấy là con rể của vua, trốn tránh trong đám cỏ, thấy quân Tống xẻo ăn thịt những người bị nó bắt được, cho là thiên thần. Quân Tống đóng ở sông Phú Lương, giết Thái tử, bắt đại tướng, vua sợ hãi dâng biểu xin quy thuận nộp tiến cống. Vua Tống cho là Quỳ không tiến, không chiếm được nước ta, truất xuống làm Vũ vệ thượng tướng quân. Lời nói đó có lẽ là khoác lác chưa chắc đã thực. Nhưng lại nói: chiến dịch này điều dân phu hơn 87 vạn, tiền và thóc cũng tương xứng, mà rút cuộc không thành công, thế thì họ cũng chưa từng giấu việc của nước họ, nhân đấy ghi lại cả để thấy việc khi ấy nước ta tướng văn tướng võ thuận hoà, đánh giữ đều giỏi, cho nên nhà Tống dù huy động binh lực đến mức tột cùng, rốt cuộc vẫn thỏa chí như thế, có thể thấy được thế nước và sức binh của ta. Lại xét theo sử cũ: năm Đinh Tỵ Anh Vũ Thiên Thắng năm thứ 3 [1077], tháng 2, ghi là: đại cử binh đánh Châu Khâm, Châu Liêm nhà Tống, đánh tiếng là nhà Tống thi hành phép "thanh niên" miễn dịch, tàn hại nhân dân Trung Quốc nên ta đem quân đến hỏi tội là muốn cứu nhau đấy. Mùa đông, tháng 12, Triệu Tiết nhà Tống sang xâm lược, không đánh được phải trở về, nay tham khảo sử nhà Tống thì năm đó chưa từng có việc nam bắc gây binh **<18a>** trộm nghĩ việc đánh tiếng trong tờ lộ bố là ở lúc mới xuất binh, mà Triệu Tiết là phó tướng của Quách Quỳ đồng thời sang xâm lược. Phải là vào tháng 12 năm Bính Thìn [1076] sử cũ ghi nhầm 2 việc, tập lãm bỏ đi là đúng sự thực nay ta theo)

Mùa hạ, tháng 4, đại xá. Đổi niên hiệu. Ban chiếu trưng cầu người nói thẳng.

Cất nhắc những người hiền có tài văn võ, chia ra cai quản quân dân. Chọn quan viên văn chức người nào biết chữ cho vào Quốc Tử Giám.

Đinh Tỵ, Anh Vũ Chiêu Thắng năm thứ 2 [1077] (Tống Hy Ninh năm thứ 10), mùa xuân, tháng 2[1], [tổ chức] thi Lại viên bằng các môn viết chữ tính toán và hình luật.

Mậu Ngọ năm thứ 3 [1078] (Tống Nguyên Phong năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, sửa lại thành Đại La[2].

---

[1] ĐVSKTT chép là tháng 3 thi Lại viên.

[2] Thành Đại La: Tên Kinh đô khi Cao Biền sang cai trị nước ta. Sau Lý Thái Tổ đổi là Thăng Long.

Sai Đào Tông Nguyên đem biếu nhà Tống 5 con voi đã thuần và xin trả lại các châu Quảng Nguyên, Tô Mậu đã mất và những người bị bắt.

Nhà Tống hẹn là ta phải trả lại tất cả những người dân bị bắt ở Châu Ung, Châu Khâm, Châu Liêm, đưa hết sang biên giới, rồi sau họ mới trả lại cho ta.

<18b> Ất Mùi[1] năm thứ 4 [1079] (Tống Nguyên Phong năm thứ 3). Mưa bão, được mùa

Canh Thân năm thứ 5 [1080] (Tống Nguyên Phong năm thứ 3, mùa thu, tháng 8, vua xem đua thuyền (xét thấy triều Lý hằng năm đến mùa thu, tháng 7, tháng 8 có trò đua thuyền. Nhân Tông năm đó và năm thứ 1 niên hiệu Đại Khánh vua ra điện Hội Quang xem đua thuyền, đặt ra lễ yến tiệc mùa thu. Từ đó về sau, mỗi năm xem đua thuyền, đặt yến cho là lệ thường. Niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ 1. Vua ngự ra điện Linh Quang[2] xem đua thuyền, đặt lễ tiệc lộng vàng.

Tân Dậu năm thứ 6 [1081] (Tống Nguyên Phong năm thứ 4), mùa xuân, trả lại cho nhà Tống những dân binh bị ta bắt được ở ba Châu Ung, Khâm, Liêm. Trước kia ta hẹn sẽ trả lại Tống 1.000 người quan lại bị ta bắt, đến bấy giờ ta mới đưa trả 221 người. Con trai từ 15 tuổi trở lên đều thích vào trán chữ "Thiên tử binh". Từ 20 tuổi trở lên thì thích chữ "Đầu nam triều quy" (đầu hàng nam triều trở về). Con gái thì thích vào tay trái chữ "quan khách", dùng thuyền chở, lấy bùn trát kín cửa sổ, trong đốt đuốc, khiến cho họ không phân biệt được ngày và đêm, đưa bằng đường biển tất cả mất vài tháng mới về tới nơi, người Tống rất căm tức.

<19a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Triều Lý xem rẻ người Tống cũng quá lắm đấy. Chia binh làm ba đường, khua chiêng đánh trống, lấn sâu vào đất người, phá thành chém tướng, giết hại nhân dân, bắt lấy con trai con gái, toàn thắng trở về, không người nào dám chống lại. Đến khi người Tống đưa thư xin trả lại những người bị bắt, quân dân 3 châu chỉ trả lại hơn 200 người, lại thích chữ vào tay vào trán để làm nhục, thế mà người Tống trả lại đất 4 châu 1 huyện và những người bị bắt không sai lời ước hẹn. Nếu không phải cậy vào sức binh hùng cường, thế nước thịnh vượng mà được như thế sao? Những việc thích chữ thì là ngạo mạn, việc trát đất lên thuyền*

[1] Ất Mùi: ĐVSKTT chép năm Kỷ Mùi. Theo chúng tôi năm Kỷ Mùi là đúng.

[2] Điện Linh Quang: ở bên sông Nhị Hà.

thì là xảo quyệt, sau đó nào là đề chữ "sát đát"(1) dùng kế dùi thuyền!(2) tuy rằng đủ để giải sự phẫn uất của ba quân, khoái chí một thời, nhưng không khỏi kích động lòng hờn giận của Trung Quốc, khơi lên mối nghi ngờ cho kẻ địch, không phải là đạo sợ mệnh trời để giữ nước. Sau khi Thái Tổ triều ta bình định quân Ngô đem những quân quan, dân quan và các quân nhân đã bị bắt sống được **<19b>** *hơn một vạn người, đường thủy thì cấp tàu thuyền, đường bộ thì cấp phu ngựa, đưa hết về nước, người Minh cảm lòng tin thuận liền thông hiếu với ta, trong khoảng 100 dặm, Nam Bắc hòa thuận. Việc binh đao không xảy ra, tác dụng của bậc anh hùng đủ làm phép cho muôn thuở.*

Nhà Tống trả lại ta 4 châu 1 huyện. Trước kia khi Quách Quỳ xâm lược nước Nam, các châu huyện bị mất về nước Tống, nhà Tống đổi châu Quảng Nguyên làm Thuận Châu(3) cho các môn sứ là Đào Bật trông coi việc châu, ngoài ra đềutheo tên cũ, đặt quận thú trấn giữ, dùng xen người địa phương làm trưởng suý.Bật bị chết,quan quân liên tiếp bị chết vì khí độc núi rừng, người Tống sinh chán, đến khi được nước ta trả lại người bị bắt ở 3 châu Ung, Khâm, Liêm, nhà Tống bèn trả lại đất ấy cho nước ta. (Người Tống có thơ rằng: "Nhân tham Giao Chỉ tượng, khước thất Quảng Nguyên kim" [vì tham voi Giao Chỉ bỏ mất vàng Quảng Nguyên]. Có lẽ chỉ việc biếu voi để xin lại đất này. Theo sử cũ thì: Kỷ Mùi năm thứ 4 [1079] ghi: "Nhà Tống đem Thuận Châu trả cho ta". Tân Dậu năm thứ 6 [1081] ghi "ta trả dân 3 châu Ung, Khâm, Liêm bị ta bắt được về nước Tống, vì có nhà Tống đem các châu Quảng Nguyên trả lại cho ta". Giáp Tý năm thứ 9 [1084] ghi: "Nhà Tống đem 6 huyện 3 động trả cho ta". Người Tống có thơ rằng: "Nhân tham Giao Chỉ tượng, khước thất Quảng Nguyên kim" là sau khi sai Văn Thịnh đến trại Vĩnh Bình(4)**<20a>**bàn việc biên giới. Xét ra nước ta xin lại các châu Quảng Nguyên thì người Tống hẹn ta trả lại người bị bắt ở ba châu Ung, Khiêm, Liêm. Đến năm Tân Dậu thứ 6 [1081] ta mới trả về, thì người Tống há chịu trả châu Thuận cho ta trước, về việc trả người bị bắt của 3 châu là trước kia ta hẹn xin Quảng Nguyên, rồi sau ta mới trả người bị bắt đấy.

Lại sau khi Văn Thịnh bàn việc biên giới, nhà Tống trả lại cho ta là đất khác chứ không phải là Quảng Nguyên, thế mà lại dẫn câu thơ

---

(1) Sát đát: Nghĩa là giết giặc Nguyên, thể hiện lòng quyết tâm đánh giặc Nguyên.

(2) Kế dùi thuyền: Khi trả Ô Mã Nhi về, ta đã dùng kế này để nó bị chết đuối.

(3) Châu Thuận: Tức châu Quảng Nguyên (xem thêm chú thích 2 Bản ký q.3 tr 391).

(4) Trại Vĩnh Bình: Địa danh thuộc Trung Quốc (CMcb 6)

"tham voi mất vàng" làm chứng? Lại những đất khác do nhà Tống trả là 6 huyện động chứ không phải là 3 động, khảo xét không rõ ràng, thứ tự lẫn lộn, làm sai sự thực đương thời cho nên đính chính lại).

Mùa đông, tháng 10, Thái sư Lý Đạo Thành mất.

Trước kia bà Thái hậu Linh Nhân rủ mành, Lý Thượng Cát làm quan "ngự trụ" (ngự trụ là tên riêng của hoạn quan triều Lý) được vua thân yêu cho tham dự chính sự. Đạo Thành không hợp với ý Thượng Cát liền bị bổ ra làm quan bên ngoài; khi ông lại vào phụ chính, hết lòng giúp đỡ chính sự triều đình, kế hoạch biên giới được nhiều điều bổ ích, đến khi ông mất, ai cũng thương tiếc.

Quý Hợi năm thứ 8 [1083] (Tống Nguyên Phong năm thứ 6), mùa xuân, vua thân duyệt hạng hoàng nam[1] định làm 3 bậc.

Đánh châu Quy Hoá, trước kia Lưu Kỷ ở châu Quảng Nguyên đem quân đánh lấy châu Ung Quản, tri châu Quy Hóa là Nồng Trí Hội đem con là Tiến An đón đánh có công, nhà Tống cho Tiên An làm quan Cung phụng **<20b>**đến khi ấy mượn tiếng là đuổi bắt Trế Hội, đánh lấn châu ấy.

Giáp Tý năm thứ 9 [1084] (Tống Nguyên Phong năm thứ 7), mùa hạ, tháng 6, sai Thị lang bộ Binh là Lê Văn Thịnh sang Tống bàn việc biên giới. Họp với hữu giang Tuần kiểm nhà Tống là Thành Tác ở Quảng Tây bàn về biên giới Thuận An[2], Quy Hoá. Văn Thịnh đến nơi, mọi việc đều lựa chiều uốn nắn, không hề biện bác, chỉ từ từ lấy lý mà giảng giải, có câu rằng: "Bồi thần này không dám tranh chấp". Vua Tống nghe tin, ban chiếu cho Văn Thịnh là biết theo ý kính thuận, ban cho áo đại rồi nhân đó trả cho ta 6 huyện thuộc Bảo Lạc[3] 6 động thuộc Túc Tang ở phía ngoài cửa ải.

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Văn Thịnh đáng được gọi là viên sứ giỏi, thung dung chu đáo, không cần nhiều lời, mà làm cho vua Tống phải khen, trả cho 6 huyện đã bị xâm chiếm, tài đó chưa dễ mà có được. Cuối cùng vì mưu làm phản mà phải chịu tội, làm bại thanh danh, để lại tiếng xấu. Có thể gọi là **<21 a>** có chút tài mà chưa được nghe đạo lớn đó chăng? Lại xét Phạm Thành Đại nói rằng: nhà Tống từ năm Đoan Củng đến năm Gia*

(1) Hoàng nam: Con trai đã đến tuổi đi lính.

(2) Thuận An: Tức xã Phú Nghĩa huyện Bất Bạt, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội).

(3) Bảo Lạc: Tức 2 huyện Bảo Định và Để Định tỉnh Tuyên Quang. Ngày nay nhập vào tỉnh Cao Bằng.

Hựu cho đến nay, các châu động ở Lưỡng Giang nhập vào đất Giao Chỉ là 62 thôn, đến nay trở thành hùng mạnh. Có lẽ nhà Tống ân hận vì đất đai bị mất nhiều, khi ấy ta nhân uy thắng lợi, giữ thế hùng cường, người Tống nhiều lần phải trả lại bờ cõi đã xâm lược cho ta, lại đặc biệt cho họp chợ chung. Cuối cùng lại đặt tên nước cho ta. Sau này hối về những việc đó, nhưng không thể đổi được. Tiếp sau nhà Lý cho đến ngày nay, nước An Nam ta trở thành nước lớn đàng hoàng. Bàn về thế nước thì không thời nào mạnh hơn thời Lý.

Ất Sửu Quảng Hựu năm thứ 1 [1085] (Tống Nguyên Phong năm thứ 8), cho Lê Văn Thịnh làm Thái sư.

Năm đó, Tống Thần Tông băng, Thái tử là Hủ lên ngôi, tức là Triết Tông.

Bính Dần năm thứ 2 [1086] (Tống Triết Tông Nguyên Hựu năm thứ 1), mùa thu, tháng 8, thi người có văn học trong nước <21b>sang làm quan Hàn lâm viện.

Mạc Hiển Tích[(1)] trúng tuyển, bổ làm Hàn lâm học sĩ.

Đinh Mão năm thứ 3 [1087] (Tống Nguyên Hựu năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, xây dựng gác bí thư[(2)].

Vua Tống phong vua ta tước Nam Bình Vương.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến chùa Lãm Sơn, ban đêm ban yến cho quần thần. Vua thân làm 2 bài thơ "Lãm Sơn dạ yến" [Đêm ăn yến ở chùa Lãm Sơn]. Mậu Thìn năm thứ 4 [1088] (Tống Nguyên Hựu năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, phong nhà sư Khô Dầu làm quốc sư (có người nói là: "ban cho tiết việt, cùng với Tể tướng đứng trên điện xét, đoán công việc và việc kiện tụng của thiên hạ", chưa chắc có việc như thế. Có lẽ vì bấy giờ Nhân Tông sùng Phật, muốn hỏi về việc nước, cũng như Lê Đại Hành đối với Ngô Khuông Việt mà thôi, sử cũ chữa như thế là đúng).

Đặt 10 người hỏa thư gia[(3)].

Kỷ Tỵ năm thứ 5 [1089] (Tống Nguyên Hựu năm thứ 4), mùa xuân, tháng 3, định các chức văn võ và tụng quan tạng lưu.

Quân nhà Tống vào châu Thạch Tê[(4)] (xét thấy quân này chắc là

---

(1) Mạc Hiển Tích: Người làng Long Động, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương ngày nay.

(2) Gác bí thư: Nơi để sách của nhà vua.

(3) Hỏa thư gia: Tên một chức quan cũng như "nội hỏa thư gia".

(4) Châu Thạch Tê: Nay là huyện Thạch Lâm tỉnh Cao Bằng.

đuổi bắt bọn trốn tránh và thổ quan kinh lược, tình cờ vào bờ cõi nước ta, rồi lại trở về ngay, không gây sự tranh chiếm gì khác, cho nên ta cũng không hạ lệnh đưa quân đi ứng chiến và không chép vào sách).

Đào sông Lãnh Kinh.

<22a> Canh Ngọ năm thứ 6 [1090] (Tống Nguyên Hựu năm thứ 5), xây dựng cung Hợp Hoan (xét thấy, đời Nhân Tông, ngoài việc xây dựng chùa chiền, còn xây dựng cung điện lâu đài thì có 5 lần. Năm đó xây dựng cung Hợp Hoan. Năm Kỷ Sửu, Long Phù thứ 9 [1009], mùa xuân, xây dựng đài Động Linh. Năm Canh Tý, Thiên Phù Duệ Vũ thứ 1 [1120], mùa đông, tháng 10 xây dựng đài Chúng Tiên. Quý Mão năm thứ 2 [1123], tháng 11, xây dựng đài Tử Tiêu. Giáp Thìn năm thứ 5 [1224], mùa đông, tháng 10, xây dựng đài Uất La. Những việc xây dựng cung điện, không khỏi làm cho dân cùng khổ, lại còn nhiều lần làm hại đến nông nghiệp trong khi thu hoạch. Cho nên ghi lại những việc ấy, và chép ra đây để chê trách).

Tân Mùi năm thứ 7 [1091] (Tống Nguyên Hựu năm thứ 6), mùa xuân, vua ngự đến Lạng Sơn xem bắt voi (Nhân Tông xem bắt voi đến 30 lần: năm đó là năm Kỷ Hợi, Hội Tường Đại Khánh thứ 10, mùa xuân, tháng giêng đi Khoái Trường (1). Quý Mão Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ 4 [1123], Tháng 2, đi Long Thủy Hải(2).

Mùa đông, tháng 11, cho Hà Ư làm thiếu uý trước điện tiền chư quân sự.

Nhâm Thân năm thứ 8 [1092] (Từ tháng 8 về sau là Hội Phong năm thứ 1, Tống Nguyên Hựu năm thứ 7), mùa thu, tháng 8, đổi niên hiệu là Hội Phong.

Được mùa to.

Định thuế ruộng, thu tô mỗi mẫu 3 thăng, để cấp lương cho quân.

Giáp Tuất năm thứ 3 [1094] (Tống Thiệu Thánh năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, sai Hàn lâm học sĩ là Mạc Hiển Tích sang sứ <22b>Chiêm Thành, đòi lễ tiến cống hằng năm.

Kỷ Hợi(3) năm thứ 4 [1095] (Tống Thiệu Thánh năm thứ 2), mùa xuân, các vương vào chầu. Tháng 6 đại hạn. Thả tù, giảm thuế khoá.

Trời mưa.

(1) Khoái Trường: Địa danh huyện Cẩm Thủy.

(2) Long Thủy Hải: CM chép là Long Thủy Hiệp.

(3) Kỷ Hợi: ĐVSKTT chép năm Ất Hợi, là đúng.

Bính Tý năm thứ 5 [1096] (Tống Thiệu Thánh năm thứ 3), mùa xuân, tháng 3,Lê Văn Thịnh mưu làm phản, an trí ở Sông Thao[1]. Trước đây Văn Thịnh có tên đầy tớ riêng người nước Đại Lý[2], tên này có phép biến hóa kỳ lạ. Khi ấy Thịnh làm chức Tam công, cầm quyền chính trong nước, tự cho là trong quần thần không có người nào dám khinh rẻ mình, bèn manh tâm làm phản. Gặp khi vua đi chơi hồ Dâm Đàm, ngự trên thuyền nhỏ xem đánh cá, chợt có mây mù nổi lên, trong đám mù nghe có tiếng thuyền bơi đến, tiếng mái chèo rào rào, từ xa đến gần, vua lấy giáo đâm vào. Chốc lát mây mù tan, thấy trong thuyền có con hổ, mọi người sợ tái mặt, hô lên rằng việc nguy lắm rồi! Người đánh cá là Mục Thận[3] quăng lưới trùm lên trên con hổ, thì ra là Thái sư Lê Văn Thịnh. Vua thấy Văn Thịnh là đại thần, có công giúp đỡ ***<23a>***không nỡ giết chết, đày lên đầu trại Sông Thao. Thưởng cho Mục Thận quan chức và của cải, lại cho đất Tây Hồ làm ấp ăn lộc.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Người làm tôi định cướp ngôi, giết vua mà được miễn tội chết, là sai hình pháp đấy. Có lẽ đó là lỗi của vua tín sùng đạo Phật.*

Đinh Sửu năm thứ 6 [1097] (Tống Thiệu Thánh năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, ban chiếu kiểm định các lệ, phỏng theo điển cũ.

Mùa thu, tháng 8, sao mọc ban ngày.

Mậu Dần năm thứ 7 [1098] (Tống Nguyên Phù năm thứ 1), mùa thu, tháng 8, động đất.

Sao chổi mọc.

Canh Thìn năm thứ 9 [1100] (Tống Nguyên Phù năm thứ 3), mùa đông, tháng 12, có bệnh dịch lớn.

Năm đó, Tống Triết Tông băng, em là Cật nối ngôi, tức là Huy Tông.

Tân Tỵ Long Phù năm thứ 1 [1101] (Tống Huy Tông Kiến Trung Tĩnh Quốc năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, đổi niên hiệu. Cho Thái úy là **<23b>**Lý Thường Kiệt kiêm chức Nội thị phán sảnh đô áp nha, hành điện nội ngoại đô tri sự[4].

Nhâm Ngọ năm thứ 2 [1102] (Tống Sùng Ninh năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, nước to.

---

[1] Sông Thao: ở phía Bắc huyện Tam Nông tỉnh Hưng Hóa tức miền Sơn La, Lai Châu ngày nay.

[2] Nước Đại Lý: Địa danh Trung Quốc.

[3] Mục Thận: Người huyện Vĩnh Thuận tức Hà Nội ngày nay.

[4] Hành điện nội ngoại đô tri sự: Trọng chức của bậc đại thần.

Quý Mùi năm thứ 3 [1103] (Tống Sùng Ninh năm thứ 2). Mùa xuân, Thái hậu phát tiền trong phủ, để chuộc những con gái nhà nghèo đi bán đợ mình, đem gả cho những người nghèo không có vợ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Con gái nghèo đến nỗi phải đợ mình làm mướn; con trai nghèo đến nỗi không có vợ, đó là những người dân bần cùng trong thiên hạ. Thái hậu dựng vận mệnh cho họ, đó là thi hành chính sách nhân nghĩa đấy.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Thượng Dương Thái hậu ở đâu? 76 thị nữ chết vô tội đều không thể sống lại được, lại nghĩ đến những người con gái nghèo khó không chồng và những người dân khốn cùng không biết kêu vào đâu. Muốn mượn cái nhân nghĩa nhỏ nhen này để cầu phúc, Phật có linh thiêng nên không cho* **<24a>** *hối đấy.*

Mùa đông, tháng 10, Lý Giác ở Diễn Châu làm phản. Vua sai bọn Lý Thường Kiệt dẹp yên. Trước đây, Giác học được thuật lạ, có thể biến vỏ cây thành người, mới chiêu tập những kẻ vô lại chiếm cứ châu ấy đắp thành làm loạn. Việc đến tai vua, vua sai bọn Lý Thường Kiệt đi đánh, Giác thua trốn sang Chiêm Thành. Dư đảng đều bị dẹp.

Chiêm Thành sang cướp phá biên giới. Trước kia Lý Giác trốn sang Chiêm Thành nói hết tình hình hư thực của ta, vua Chiêm là Chế Ma Na nhân thế đem quân vào cướp phá, lấy lại ba châu Địa Lý do Chế Củ đã dâng khi trước.

Giáp Thân năm thứ 4 [1104] (Tống Sùng Ninh năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, sai Lý Thường Kiệt đánh Chiêm Thành thắng lợi. Người Chiêm phải nộp lại đất đã xâm lấn.

Tháng 3, định lại binh hiệu của quân cấm vệ.

Ất Dậu năm thứ 5 [1105] (Tống Sùng Ninh năm thứ 4), mùa xuân, tế thần Cao Môi[1].

Mùa hạ, tháng 6, Thái úy Lý Thường Kiệt mất. Lý Thường Kiệt nhiều mưu lược, có tài làm tướng. Khi còn ít tuổi, vì có tướng mạo đẹp, tự thiến **<24b>** sung chức Hoàng môn chi hậu. Ông từng thờ 3 triều vua, đánh Tống, bình Chiêm, công lao danh vọng ngày thêm lớn, được vua thân yêu hơn hẳn các quan. Đến khi mất, tặng chức Nhập nội điện đô tri kiểm hiệu Thái úy, bình chương quân quốc trọng sự, tước Việt quốc

(1) Thần Cao Môi: Thần về việc sinh con trai.

công; cho ấp ăn lộc một vạn hộ. Cho em là Lý Thường Hiến kế phong tước hầu (Thường Kiệt người phường Thái Hòa thành Thăng Long. Khi còn trẻ là Hoàng môn chi hậu thờ Thái Tông, dần dần thăng lên đến chức Nội thị sảnh đô tri, Thánh Tông phong làm thái bảo, ban chiếu cho tiết việt, đi xét hỏi các lại dân ở Thanh Hóa, Nghệ An. Đến khi vua đi đánh Chiêm Thành, được làm Tiên phong tướng quân, bắt được vua Chiêm là Chế Củ, vì có công được phong chức phụ quốc thái phó, giao chức tiết độ, đồng trung thư môn hạ, thượng trụ quốc, thiên tử nghĩa đệ phụ quốc thượng tướng quân, tước khai quốc công. Đến nay vì có công, được phong Thái úy rồi mất).

Bính Tuất năm thứ 6 [1106] (Tống Sùng Ninh năm thứ 5), mùa xuân, tháng giêng, sao Chổi mọc ở phương tây, đuôi dài khắp trời.

Sao Thái bạch mọc ban ngày.

Đại xá cho thiên hạ, trừ bọn đảng nghịch.

Đinh Hợi năm thứ 7 [1107] (Tống Đại Quan năm thứ 1), mùa hạ, động đất.

Mậu Tý năm thứ 8 [1108] (Tống Đại Quan năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, đắp đê ở phường Cơ Xá[1].

Mùa hạ, không *<25a>*mưa.

Kỷ Sửu năm thứ 9 [1109] (Tống Đại Quan năm thứ 3), mùa thu, bọn phản nghịch là Tô Hậu và Đỗ Sùng mưu làm phản, bị giết.

Tân Mão Hội tường Đại Khánh năm thứ 2 [1111] (Tống Chính Hòa năm thứ 1), mùa thu, được mùa to.

Nhâm Thìn năm thứ 3 [1112] (Tống Chính Hòa năm thứ 2), ban chiếu chọn người tôn thất để lập làm con nối dõi.

Quý Tỵ năm thứ 4 [1113] (Tống Chính Hòa năm thứ 3), mùa hạ, tháng 6, phu nhân của châu mục châu Chân Đăng là công chúa họ Lý mất (phu nhân tên là Ngọc Kiều, con gái lớn của Phụng Càn Vương[2], Thánh Tông nuôi ở trong cung; khi lớn lên được phong công chúa, gả cho châu mục Châu Đăng. Người họ Lê, phu nhân tự thề ở goá, đi tu, đến khi ấy mất, thọ 72 tuổi. Thần Tông tôn làm ni sư[3].

---

[1] Phường Cơ Xá: Nay thuộc bãi Phúc Xá, quận Ba Đình, Hà Nội.

[2] Phụng Càn Vương: Em Lý Thái Tông.

[3] Ni sư: Vị sư nữ giỏi.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Chỉ một lần sau khi ghi về việc Bình Dương gả con gái cho Thiệu Thái, còn tất cả các châu mục lấy công chúa đều không ghi, ở đây vẫn theo như sách cũ mà ghi là khen sự toàn tiết.*

Ất Mùi năm thứ 6 [1115] (Tống Chính Hòa năm thứ 5), mùa xuân, tháng giêng, lập 3 Hoàng hậu là: Lan Anh, Khâm Thiên, **<25b>**Chấn Bảo và 36 cung nhân. Bấy giờ vua không có con trai, nên lập nhiều Hoàng hậu và cung nhân, làm đàn chay để cầu tự.

Bính Thìn năm thứ 7 [1116] (Tống Chính Hòa năm thứ 6), mùa hạ, tháng 6, em vua là Sùng Hiền hầu sinh con là Dương Hoán (trước đây vua tuổi đã nhiều, mà không có con trai, ban chiếu chọn con nhà tôn thất để nuôi. Em vua là Sùng Hiền hầu cũng chưa có con, vừa gặp lúc sư núi Thạch Thất là Từ Đạo Hạnh đến chơi nhà. Sùng Hiền hầu nói về việc cầu tự. Đạo Hạnh hẹn rằng: "Bao giờ phu nhân sắp sinh thì phải báo tôi biết trước". Sau phu nhân là Đỗ Thị có mang, đến khi ấy trở dạ mãi không đẻ được. Hầu nhớ lại lời dặn của Đạo Hạnh, vội sai đến báo, Đạo Hạnh vội thay áo chạy vào hang núi trút xác mà chết. Phu nhân liền sinh con trai, tức là Dương Hoán. Thạch Thất là tên huyện, tức huyện Ninh Sơn ngày nay, sau đổi là An Sơn Phật Tích là tên núi ở thôn Thiên Phúc, xã Lật Sài ngày nay. Núi cao chót vót, sáng đẹp, nổi lên ở giữa đất bằng, trên có hang động, trong động có ngấn đầuvà vết chân in vào đá, những đá ở bên cạnh đều hình vẩy rồng. Đạo Hạnh trụ trì ở núi này, vì phù hợp với vết in đầu và chân, tục nhân đó truyền là chỗ Đạo Hạnh trút xác. Đạo Hạnh đã chết, người làng cho là việc lạ, để xác của Đạo Hạnh vào trong khám mà thờ. Hằng năm ngày mồng 7 tháng 3, con trai con gái hội họp ở chùa ấy là cuộc vui chơi của một vùng. Người đời sau ngoa truyền đấy là ngày kỵ của nhà sư. Xác của Đạo Hạnh đến khoảng năm Vĩnh Lạc nhà Minh, bị người Minh thiêu huỷ. Người làng lại đắp tượng để thờ, cùng được thờ ngang với tượng của Thần Tông. Năm Quang Thuận triều Lê, sai Nguyễn Đức Chinh đến cầu tự ở trong động, thì lạ thay có phiến đá ở đâu bay đến, Chinh mang về dâng vua, thế rồi Trường Lạc Thái hậu **<26a>** nằm mơ có con rồng vàng bay vào hông bên phải, liền sinh ra Hiến Tông. Từ đó ngày càng linh thiêng, đến nay trở thành nơi nổi tiếng.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Dã sử chép Đạo Hạnh là con Từ Vinh, nhà ấy nổi tiếng về phép thuật, chứ không phải là cao tăng; các tăng thì trong lòng sáng suốt, thấy rõ chân tính, đâu lại đưa*

pháp thuật để mê hoặc người ta; huống chi như việc trút xác đầu thai, thuyết quái gở. Người ta nhận được khí tinh tú thì trở thành thánh nhân; người chịu khí nhơ bẩn là người phàm tục, làm gì có chuyện kiếp trước kiếp sau. Sử cũ chép về việc Đạo Hạnh từ trước năm Nhâm Thìn thứ 3 [1112], đến nay là năm thứ 7, Đạo Hạnh trút xác. Đặc biệt ghi lên dòng chữ lớn, rồi lấy việc Dương Hoán sinh ghi tiếp phía sau. Đó chẳng phải là ý tôn phù đạo chính, ngăn chặn tà gian. Cho nên đem gộp cả những việc ghi chép trong năm Nhâm Thìn và Bính Thân làm một, mà chia chú ở dưới việc Dương Hoán sinh. Hãy truyền lại tồn nghi.

<26b>Đinh Dậu năm thứ 8 [1117] (Tống Chính Hòa năm thứ 7), mùa xuân, tháng giêng, Diên Thành hầu (tên là Khâm) mất. Ban chiếu bãi bỏ trò chơi "tàng cưu"(1) và mở tiệc ăn mừng. Phát vàng, bạc, tiền, lụa ở kho để phúng rất hậu.

Tháng 2, định rõ lệnh cấm giết trộm trâu bò. Hoàng Thái hậu nói: "Gần đây, ở kinh thành, hương ấp nhiều người trốn đi làm nghề trộm trâu bò, trăm họ cùng quẫn, mấy nhà cày chung nhau một con trâu bò. Trước đây ta đã từng nói đến việc ấy, nhà nước đã lệnh cấm, nay giết trâu bò lại nhiều hơn trước". Vua bèn ban chiếu rằng: kẻ nào mổ trộm trâu bò thì phạt 80 gậy, đồ làm khao giáp(2), vợ người ấy bị phạt 80 gậy, đồ làm tang thất phụ(3) và phải đền lại trâu bò. Nhà láng giềng không tố cáo thì phạt 80 gậy.

Tháng 3, vua đến núi Chương Sơn rồi lại đến hành cung Ứng Phong xem cày ruộng công (Ứng Phong nay thuộc huyện Thiên Bản, phủ Nghĩa Hưng(4)).

Tháng 6, trời không mưa, vua cầu mưa ở hành cung Ứng Phong (nhân khi đi xem cày ruộng).

Mùa thu, tháng 7, Ỷ Lan hoàng Thái hậu băng, hỏa táng, đem 3 người thị nữ chôn theo, dâng tên thụy là Phù Thánh Linh *<27a>*Nhân Hoàng Thái hậu.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Hỏa táng là giáo lý đạo Phật; chôn theo là phong tục nhà Tần, Nhân Tông đều làm cả hai việc ấy. Hoặc giả là theo lời dặn của Thái hậu chăng?*

(1) Tàng cưu: Trò chơi giữa vua với các liêu thần trong cung đình.

(2) Đồ làm khao giáp: Bị đày đi phục vụ cho quân đội.

(3) Đồ làm tang thất phụ: Bị đày làm người phục dịch cho nhà chăn tằm.

(4) Phủ Nghĩa Hưng: Thuộc tỉnh Thái Bình ngày nay.

Tháng 8, chôn ở Thọ Lăng phủ Thiên Đức (chôn Linh Nhân Hoàng Thái hậu).

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến hành cung Khải Thụy xem gặt. Nuôi con người tôn thất ở trong cung. Lập Dương Hoán con của Sùng Hiền hầu làm hoàng Thái tử. Ban chiếu rằng: "Trẫm trị muôn dân, mà mãi không có con nối dõi, ngôi báu của thiên hạ truyền lại cho ai? Nên nuôi con của các hầu Sùng Hiền, Thành Khánh, Thành Quảng, Thành Chiêu, Thành Hưng, chọn người nào tốt thì lập làm Thái tử". Bấy giờ Dương Hoán con của Sùng Hiền hầu mới 2 tuổi mà thông minh, lanh lợi, vua rất yêu, bèn lập làm hoàng Thái tử.

Mậu Tuất năm thứ 9 [1118] (Tống Tuyên Hòa năm thứ 1), ban chiếu chọn hoàng nam trong dân và binh.

Tháng 2, Chân Lạp sai ***<27b>***sứ sang chầu (Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ 1 lại sang).

Tháng 3, lấy đại hạng hoàng nam, người nào khoẻ mạnh sung vào các đô Ngọc Giai, Hưng Khánh và binh Ngự Long tất cả là 350 người.

Hộ bộ Tả thị lang là Lý Tú Quyên mất.

Mùa hạ, tháng 5, giáng Lễ bộ Hữu thị lang làm Lê Bá Ngọc là Nội hỏa thư gia[1].

Trời hạn, vua cầu đảo liền được mưa.

Chiêm Thành sang cống (Hội Tường Đại Khánh năm thứ 1 dâng voi trắng, năm thứ 8, dâng 3 đóa hoa vàng, Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ 1 và năm thứ 5 đều sang).

Mùa đông, tháng 11, sai Viên ngoại lang là Nguyễn Bá Nghi và Lý Bảo Quan[2] đi sứ sang Tống, biếu 2 con tê 1 trắng 1 đen và 3 con voi thuần.

Định lệ cấm con ở nhà nô bộc thích mực [vào người]. Các nô bộc các nhà trong ngoài Kinh thành không được thích dấu mực vào ngực và chân như kiểu cấm quân, và thích hình rồng lên thân mình, ai phạm thì mất chức quan.

Kỷ Hợi năm thứ 10, [1119] (Tống Tuyên Hòa năm thứ 2), mùa thu, tháng 7, đóng 2 thuyền chiến Cảnh Hưng và Thanh Lan. Ban chiếu cho các quan đóng thuyền chiến, sửa đồ binh giáp, vì vua muốn đi đánh

---

(1) Nội hỏa thư gia: ĐVSKTT chép là "Nội nhân thư gia".

(2) ĐVSKTT chép là Nguyễn Bá Độ và Lý Bảo Thần.

động Ma Sa[1] (đóng thuyền làviệc nhỏ không ghi. Đây <28a>vì có chiến dịch Ma Sa, cho nên theo sử cũ ghi lại).

Mùa đông, tháng 10, duyệt binh, duyệt những người khoẻ mạnh trong sáu binh tào thuộc quân Vũ Tiệp, Vũ Lâm làm quân hỏa đầu cho các quân Ngọc Giai, Hưng Thánh, Bông Nhật, Quảng Thành, Vũ Đô; còn các bậc kém thì cho làm quân Ngự Long ở các quân Ngọc Giai, Hưng Thánh, Bông Nhật, Quảng Thành, Vũ Đô.

Hội các quân trong thiên hạ thề ở sân rồng. Vua thân đi đánh động Ma Sa, ban chiếu rằng: Trẫm nối cơ nghiệp của một tổ hai tông, cai trị dân đen; coi dân chúng trăm họ bốn phương đều như con đỏ, cho nên những nơi khác mến lòng nhân mà nộp cống, phương xa mộ điều nghĩa mà sang chầu, vả lại dân đinh động Ma Sa sinh trong lãnh thổ của ta, mà động trưởng động Ma Sa là kẻ phiên thần của ta, thế mà tù trưởng ngu mê, bỗng phụ ước thề của ông cha, quên việc cống hiến, bỏ thiếu điển lệ cũ thông thường. Trẫm vẫn ngẫm nghĩ, việc không dừng được. Vậy nên bây giờ trẫm tự cầm quân đi đánh. Hỡi các tướng soái sáu quân, các ngươi hãy hết lòng mình, theo lệnh trẫm". Vua bèn ban khí giới cho các tướng sĩ <28b>.Vua ngự thuyền Cảnh Hưng xuất phát từ bến Thiên Thu, đánh trống hò reo mà tiến, khí thế của quân sĩ tăng lên gấp trăm lần (sử cũ ghi: ngày hôm ấy rồng vàng lượn bay theo thuyền vua). Quân đóng ở thác Long Thủy (thác Long Thủy ở núi Long Môn thuộc Vạn Pha[2]).

Vua tự cầm quân đánh động Ma Sa, phá tan quân địch, bắt được động trưởng là bọn Ngụy. Bàng vài trăm người, lấy được vàng lụa, trâu dê không kể xiết. Vua sai viên thiên tướng [tỳ tướng] vào các động dọc biên giới, chiêu dụ những người trốn tránh bảo họ về làm ăn.

Tháng 12, ngày mồng 1, vua từ động Ma Sa về, dâng tù binh ở Thái Miếu. Khao thưởng tướng sĩ, ban cho tiền lụa theo thứ bậc khác nhau.

Canh Tý, Thiên Phù Duệ năm thứ 1 [1120] (Tống Tuyên Hòa năm thứ 2), mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, quần thần dâng biểu, khuyên tăng thêm tôn hiệu và xin đổi niên hiệu, vua nghe theo.

Được mùa lớn.

Mùa đông, tháng 12, cho Nội hỏa thư gia là Phan Cảnh và Mâu Du Đô làm nội thường thị.

---

[1] Động Ma Sa: Là đất châu Đà Bắc, tỉnh Hưng Hóa (CMcb). Nay thuộc huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình.

[2] Vạn Pha: Tức tỉnh Hòa Bình.

Tân Sửu năm thứ 2 [1121] (Tống Tuyên Hòa năm thứ 3), mùa hạ, tháng 5, nước to, tràn vào bên ngoài cửa Đại Hưng[1].

Nhiều <29a>sâu keo.

Mùa đông, tháng 10, lại cho Lê Bá Ngọc làm nội thường thị.

Nhâm Dần năm thứ 3 [1122] (Tống Tuyên Hòa năm thứ 4), mùa xuân, tháng 3, cấm mọi người không được dùng tre gậy, gỗ và đồ nhọn đánh nhau.

Mùa hạ, tháng 4, bọn Lý Phụng 20 người làm quan ngục xét việc kiện tụng của dân.

Bắt đầu làm dây bằng bạc treo trên đồ mỗ bạc[2].

Mùa đông, tháng 12, sai viên ngoại lang là Đinh Khánh An và Viên Sĩ Minh đem voi thuần biếu nhà Tống. Khi ấy Viên Sĩ Minh vì có tang, không được thăng quan, bèn cho Sùng là con trai của Sĩ Minh làm phụng tín lang.

Quy định luật lệnh thu bắt bọn bỏ trốn hạ chiếu cho mọi người rằng: Thu bắt bọn giặc cướp bỏ trốn, những kẻ mà bị nhà thế gia [3] cướp mất,thì tội nhà thế gia ấy cùng với tội kẻ trốn như nhau. Bọn lại đi bắt tội nhân mà giữ lại ở nhà mình, không dẫn đến quan thì phải phạt 80 gậy.

Quý Mão năm thứ 4 [1123] (Tống Tuyên Hòa năm thứ 5), mùa xuân, tháng giêng, tiết Đản thánh[4] bắt đầu làm nhà múa có bánh xe đẩy, sai cung nữ múa ở trên nhà ấy để dâng rượu.

Bắt đầu làm lọng cán cong che mưa.

Mùa hạ, tháng 4 <29b>người Chân Lạp đến theo ta (năm này, 5 người nước Chân Lạp đến theo ta. Giáp Thìn năm thứ 5 tháng giêng vua đến hành cung Ứng Phong có người Chiêm là Cụ Hấp và 3 người em họ vào chầu. Tháng 2, Kim Đinh A Phó và 4 tên gia đồng[5] đến theo ta. Tháng 5, người Chiêm Thành là bọn Ba Ty Bồ Đà La 30 người đến theo ta. Tất cả đều ghi để tham khảo).

Cấm giết thịt trâu bò, ban chiếu rằng: "Trâu bò là con vật quan trọng cho việc cày cấy, lợi cho người không ít. Từ nay về sau, cứ ba nhà

---

(1) Cửa Đại Hưng: Tức là cửa phía Nam kinh thành.

(2) Mỗ bạc: Nghi trượng của nhà vua như tán, cờ, gươm, mác, v.v...

(3) Thế gia: Nhà mấy đời có người làm quan.

(4) Tiết Đản thánh: Tiết ông thánh ra đời, ở đây là ngày sinh của vua.

(5) Gia đồng: Đầy tớ là con trai còn ít tuổi.

làm một bảo[1], không được giết mà ăn thịt nó, ai làm trái thì trị tội theo pháp luật.

Tháng 8, ngày mồng 1, vua ngự điện Thiên An, ban áo mùa thu cho quần thần.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự cung Ứng Phong xem gặt.

Tháng 11, vua về kinh sư, các nhà Nho, Đạo, Thích đều dâng thơ mừng.

Năm ấy được mùa lớn.

Giáp Thìn năm thứ 5 [1124] (Tống Tuyên Hòa năm thứ 6), mùa xuân, tháng giêng vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem cày ruộng.

Tháng 2, vua về kinh sư.

Tháng 9, Thành Khánh hầu mất (không rõ tên).

Tháng 12, phu nhân của Thành Khánh hầu là Hà Thị uống thuốc độc chết theo chồng.

> ***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:*** *Đàn bà trọn đời chỉ theo một chồng, không có nghĩa là phải chết theo. Hà thị làm theo tình riêng, đến nỗi uống thuốc độc chết, tuy nói là thái quá, nhưng đối với người khác cho là khó mà Hà thị coi là dễ cũng thật hiếm đấy. Hay là Thành Khánh hầu lúc ấy mới chôn cất, Hà thị chết để chôn theo chăng?*

Lại cho Nội thương thị Lê Bá Ngọc làm Lễ bộ thị lang. Tiểu thủ lãnh châu Quảng Nguyên là Mạc Hiền và bộ thuộc của hắn trốn sang động Cống thuộc Châu Ung nước Tống.

Ất Tỵ năm thứ 6 [1125] (Tống Tuyên Hòa năm thứ 7), mùa xuân, tháng giêng, cho Nội thương thị là Mâu Du Đô làm Trung thư thừa. Nhà Tống trả tên thổ tù làm phản là Mạc Hiền ở Quảng Nguyên về cho ta. Châu Ung bắt bọn Mạc Hiền hẹn ta cử người đến Giang Nam để giao trả. Vua sai Trung thư là Lý Hiến giữ phủ Phú Lương đến nhận đem về kinh. Sau đấy Hiền ra châu Nghệ An, vợ con đều sang làm quan nô.

Vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem cày ruộng.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem gặt.

Tháng 11, sai Nhập **<30b>**nội Lễ bộ thị lang là Lê Bá Ngọc đi đánh châu Quảng Nguyên. Khi đó bọn Nùng Quỳnh và Mạc Hiền tất cả 7

---

[1] Tức 1 nhóm 3 nhà phải cùng giữ gìn, nếu nhà nào phạm tội thì 2 nhà kia cũng phải chịu chung.

người ở châu Quảng Nguyên làm phản. Vua bèn sai Bá Ngọc đem quân đến đánh. Bá Ngọc sắp đi, họp quân thề ở ngoài cửa Đại Hưng, tuyên bố quân lệnh.

Ban chiếu: phàm những kẻ đánh chết người thì phải khao giáp, phạt 100 gậy, thích vào mặt 50 chữ.

> ***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Kẻ giết người thì xử tử hình là phép xưa đấy. Sao đánh người đến chết mà chỉ xử nhẹ vào loại phạt gậy, tội khổ sai mà thôi ư? Do đấy, bọn dân hào cường gian giảo, nổ khoái chí gây oán báo thù, coi mạng người như cỏ rác; kẻ tiểu nhân dễ phạm, người lương thiện ngậm oan. Sai lầm về hình chính không điều gì hơn điều này. Tử Kiều có câu nói về khoan hồng và mạnh mẽ[1]; Thôi thực có người bàn về rộng rãi và nghiêm ngặt người làm sử không thể không biết.*

Bính Ngọ năm thứ 7 [1126] (Tống Khâm Tống Tĩnh Khang năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, tha tội nhân ở Đô hộ phủ (vì bấy giờ đặt ra hội đèn Quảng Chiếu **<31a>** cho nên tha tội).

Cấm nhân dân, đương mùa xuân không được chặt cây.

Mùa thu, tháng 7, đại hạn. Bỗng lại mưa dầm làm lễ cầu tạnh.

Mùa đông, tháng 11, vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem gặt.

Tháng nhuận sai Lệnh thư gia là Nghiêm Thường Ngự khố thư gia là Từ Diên sang Tống biếu 10 con voi thuần và vàng, bạc, sừng tê, sừng hoẵng để tạ ơn việc bắt Mạc Hiền: Bọn Thường đến Quế Châu thấy ty kinh lược bảo rằng: Bây giờ ở Đông Kinh và các xứ Hồ Nam, Đỉnh Châu, Lễ Châu, đều điều binh mã đánh người Kim, lúc này thì đi ngựa tải phu trạm chỗ nào cũng hiếm, xin sứ giả trở về cho tiện". Thế là bọn Thường và Diên quay về. Năm ấy người nước Kim là Niêm Hãn Cán Ly Bất đem quân vây Biện Kinh, bắt 2 vua nhà Tống (Khâm Tông và Huy Tông) đem về phương Bắc. Nước Tống đại loạn (lúc ấy vua Kim là Oa Khoát Trai dựng nước ở Mạc Bắc đổi niên hiệu là Thiên Hội).

Đinh Mùi, Thiên Phù Khánh Thọ năm thứ 1 [1127] (Tống Tĩnh Khang năm thứ 2, từ tháng 5 về sau là Cao Tôn Kiến Viêm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, cho Ngự khố thư gia là Phạm Tín đi giải quyết công

---

[1] Tử Kiều tức Công Tôn Kiều làm quan đại phu nước Trịnh thời Xuân Thu. Ông nói với con rằng: "Chỉ người có đạo đức thì mới lấy độ lượng khoan dung để người phục; còn kẻ dưới thì không gì bằng pháp luật gắt gao".

việc ở phủ Thanh Hoá. Tháng 2, quần thần dâng tôn hiệu <31b> thêm bốn chữ "Khoan từ thánh thọ". Mưa dầm từ tháng giêng đến tháng này không thôi. Sai quan làm lễ cầu tạnh.

Mùa hạ, tháng 4, vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem gặt lúa.

Lúc đó hai vua Tống đã bị bắt sang phương Bắc. Con thứ của Huy Tông là Khang Vương Cấu chạy về Giang Nam, lên ngôi ở phủ Ứng Thiên tức là Cao Tông.

Mùa đông, tháng 11, người Châu Khâm nước Tống đưa trả 7 người phản nghịch của đảng Mạc Hiền ở châu Quảng Nguyên. Trước kia khi quân của Ba Ngạc đến Quảng Nguyên, 7 người đó chạy vào bờ cõi nước Tống, vua sai đưa thư cho nhà Tống xin cấm các quan ở biên giới dung chứa bọn nước ta chạy trốn, ẩn nấp ở đất họ. Vua Tống ban chiếu cho quan Kinh lược Quảng Tây kiểm soát nghiêm ngặt, cho nên bọn phản nghịch chạy trốn ngoài biên giới đều đưa trả về. Tháng 12, sao Thiên Cẩu rơi, có tiếng kêu như sấm.

Vua không khoẻ, vời Thái úy là Lưu Khánh Đàm nhận di chiếu rằng: "Trẫm nghe, sinh vật phải biến đổi, không loài gì không phải chết, chết là số của trời đất, cũng là lẽ đương nhiên của vạn vật. Thế mà tất cả mọi người trên đời không ai là không thích <32a> sống, sợ chết. Chôn cất cho hậu để bỏ cả làm ăn; trọng tang phục đến tổn hại tính mệnh, trẫm rất không muốn như thế. Trẫm đã ít đức, không lấy gì làm cho trăm họ được yên, đến khi chết đi, lại để cho nhân dân mình mặc sô gai, sớm tối khóc lóc, giảm sự ăn uống, bỏ sự cúng tế, làm cho lỗi trẫm nặng thêm, thì thiên hạ sẽ bảo trẫm là người thế nào? Trẫm đau xót vì tuổi còn nhỏ đã nối nghiệp, nhận ngôi báu ở trên các vương hầu, lúc nào cũng nghiêm túc, cung kính sợ hãi. Đã 56 năm, nhờ anh linh của tổ tông, đức hoàng thiên tin giúp, bốn biển yên lành, biên thuỳ ít biến động. Khi chết được đứng hàng sau các tiên quân là may lắm rồi, có gì mà phải thương? Trẫm từ khi đi xem gặt lúa đến giờ, bỗng nhiên bị ốm, bệnh đã kéo dài, sợ không kịp nói đến việc nối ngôi, mà Thái tử là Dương Hoán nay đã tròn 12 tuổi, là người có độ lượng, thông minh, thành thực, trang nghiêm kính cẩn, có thể theo lệnh cũ của thần, mà lên ngôi hoàng đế, để cho kẻ thơ ấu kính nhận mệnh trời, kế thừa cơ nghiệp, làm lớn thêm công đời trước. Nhưng cũng nhờ ở quan dân các ngươi một lòng <32b> giúp đỡ. Ôi! Bá Ngọc, ngươi thật có tư cách bậc đại trượng phu, ngươi nên sửa sang giáo mác để phòng sự không ngờ, chớ làm sai mệnh trẫm, dù trẫm có nhắm mắt cũng không ân hận gì. Việc tang thì sau 3 ngày bỏ

áo tang, nên thôi thương khóc; việc chôn cất thì theo vua Hán Văn[1] cốt phải tiết kiệm; không xây lăng mộ riêng, nên chôn ngay bên cạnh tiên đế. Than ôi! Mặt trời đã xế, tấc bóng khó dừng, từ giã cuộc đời; nghìn thu vĩnh biệt. Các ngươi nên thực lòng kính nghe lời trẫm, bảo rõ cho các vương công, tuyên bố trong ngoài". Ngày hôm sau vua băng ở điện Vĩnh Quang. Hoàng Thái tử lên ngôi trước linh cữu. Hạ lệnh cho Vũ vệ là Lê Bá Ngọc truyền bảo cho vương hầu và bách quan mọi người đều chờ mệnh lệnh ở ngoài cửa Đại Hưng. Sai quan lại đóng các cửa thành, trong ngoài canh giữ cẩn mật. Lại sai cấm quân mặc áo giáp cầm binh khí đứng ở dưới điện Thiên An. Lát sau mở cửa nách bên trái dẫn quần thần vào thềm rồng. Sai Bá Ngọc truyền bảo các vương hầu và các quan văn võ rằng: "Không may tiên đế từ bỏ bầy tôi, ngôi trời không **<33a>** thể bỏ trống lâu được, trẫm còn ít tuổi cố gắng nối ngôi, các ngươi nên bền vững lòng mình, giúp đỡ nhà vua, không những không phụ lòng tiên đế, mà cũng là để con cháu các khanh hưởng lộc vị lâu dài cùng đất nước". Quần thần lạy mừng, rồi đều thương khóc. Nhân đó sai nội nhân là Đỗ Thiện, xá nhân là Bồ Sùng, đem việc ấy báo với Sùng Hiền hầu. Ban chiếu cho các làng mạc trong thiên hạ đều yên nghiệp như cũ, không được chứa giấu bọn giặc cướp trốn tránh và đánh nhau giết người. Quân ở điện Hồ Thiên. Các quan mặc áo tang ở ngoài gác Vĩnh Bình. Dâng biểu xin vua ngự chính điện. Vua bắt đầu ngự điện Thiên An coi chầu. Quần thần bỏ áo tang liền ngày hôm ấy vua ngự ra Na Ngạn[2] xem các cung nữ lên dàn thiêu để chết theo Đại Hành Hoàng đế.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Con sinh được 3 năm, sau đó mới không ôm ẵm trong lòng mẹ cha. Cho nên từ thiên tử đến thường dân, tuy sang hèn khác nhau, nhưng tình thương nhớ ba năm* ***<33b>*** *thì như nhau cả. Thần Tông đối với Nhân Tông được nuôi nấng ở trong cung, ân ấy không gì hậu bằng. Nay chưa đầy một tháng mà đã vội sai các quan bỏ áo tang; chưa đến lễ tốt khốc[3] mà đã đón hai phi hậu vào cung. Không hiểu bấy giờ lấy gì mà làm khuôn phép cho bốn biển, và làm gương cho bách quan? Thần Tông dù còn thơ ấu, nhưng các quan trong triều cũng cho việc để tang ngắn là may, không ai có một lời nói đến việc ấy. Có thể bảo là trong triều không có người.*

---

(1) Hán Văn là vua Văn Đế thời Hán, ông vua rất tiết kiệm.

(2) Na Ngạn: Nay là huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

(3) Lễ tốt khốc: Lễ thôi khóc tổ chức sau khi chết 100 ngày.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Nhân Tông học thức cao minh, biết rõ cớ sống chết, như việc ngày tất phải có đêm. Lời di chiếu nói ra rất đúng lý, đủ biết cái ý "không gõ chậu sành mà hát thì lại than thở là già lẫn quá chừng*[1]. *Dạy người sau như thế thực là sâu đấy. Tuy nhiên lời Nhân Tông nói ra là lời nói biết rõ đạo lý, nhưng Thần Tông làm theo thì lại là việc làm thất hiếu. Văn Hưu bàn là phải lắm.*

Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Hán Văn Đế sắp mất, di chiếu cho quan lại và nhân dân trong thiên hạ sau 3 ngày bỏ áo tang. Có lẽ Văn Đế khéo dùng đạo Hoàng, Lão*[2]*, việc gì cũng lui một bước. Cảnh Đế tuân theo mệnh lệnh sai lầm của người sắp chết, không biết lấy lẽ mà đắn đo, nên để cho nghìn đời chê cười. Lý Nhân Tông học thức cao minh, há không biết việc đặt phép để tang ngắn ngày là không thể đặt cho người ta noi theo. Nhưng vì mình nối ngôi đã lâu mà thiếu người thừa kế, nay bệnh đã lâu ngày, phải lấy cháu làm con, dựa ghế nói mấy lời. Kẻ không biết đạo lý thì không có thể nói như vậy được. Nhưng lời lẽ đau buồn chua xót vô hạn, kẻ làm tôi con há nỡ theo lời di mệnh mà không nghĩ đến sự báo đền ân đức của tiên đế sao? Thần Tông tuổi nhỏ, chưa biết theo lễ. Đương thời những bề tôi trong triều như bọn Mâu Du Đô, Lê Bá Ngọc không một người nào biết lấy lễ làm cho đúng đắn là tại làm sao?*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Nhân Tông có tư chất hiền hòa sáng suốt, lại thêm sự tôi luyện của các bậc Sư Bảo* **<34b>**, *học vấn đã rộng, kiến thức lại cao, ở ngôi hơn 50 năm. Đến khi ấy biết rõ việc đời, nghĩ đến kẻ còn người mất, hối hận lại sự việc ở cung Thượng Dương*[3]*, sám hối cầu khấn không đón được ân phúc, nên đã nuôi con người tôn thất, giao cho ngôi vua, mà những tướng văn tướng võ như bọn Thường Kiệt, Đạo Thành có thể gửi đứa con côi nhỏ bé, giao sứ mệnh của đất nước, thì họ đều đã chết trước mình, nghĩ thấm thía đến sự phó thác của tổ tông, sợ người nối ngôi sau không chịu được khó khăn chồng chất. Cho nên di chiếu bất giác nói ra những lời đau đớn, lại noi theo phép để tang ngắn*

---

(1) Câu này ở quẻ Ly trong Kinh Dịch. Ý nói người già lẩn thẩn, khi thì gõ chậu mà hát, khi lại than thở về sự già lẫn

(2) Hoàng, Lão: Hoàng Đế và Lão Tử, là 2 vị tổ của Đạo giáo.

(3) Chỉ việc giết Hoàng hậu Dương Thị và 70 cung nữ.

ngày của Hán Văn Đế. Kẻ ra thì sống chết là việc lớn mà xem như bình thường. Người có kiến thức cao minh vốn là lỗi lạc, nhưng nghĩ lại việc để tang 3 năm là thông lệ, từ Nghiêu Thuấn trở xuống không bao giờ bỏ. Hán Văn Đế làm sai đi thì cái tội khơi đầu ra là lớn lắm đấy, há có thể nhân điều hủ lậu mà nối sự sai lầm, đem điều ấy mà dạy trăm quan, bảo thiên hạ làm khuôn mẫu cho con cháu được sao? Những việc gọi Dương Hoán <35a> bảo Bá Ngọc, chỉ định cho lên ngôi, dặn dò được người tốt. Đương lúc dựa ghế nguy nan mà nghiêm trang có hiệu lệnh giữa triều đình. Vua cũ mới mất, vua mới nối ngôi mà trong ngoài yên tĩnh, không chút dao động. Thiên cố mệnh của Thành Vương [1] cũng không hơn thế. Nhân Tông thật là bậc vua giỏi lắm thay! Còn như cái lỗi về làm tôi, làm con thì các bậc nho giả đã bàn rồi.

THẦN TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua tên húy là Dương Hoán, là cháu vua Thánh Tông, con của Sùng Hiền hầu, Nhân Tông không có con nối dõi, nuôi ở trong cung lập làm Hoàng Thái tử. Nhân Tông băng, bèn lên ngôi báu, ở ngôi 11 năm thọ 23 tuổi. Vua năm mới lên ngôi, còn có tính trẻ thơ. Khi lớn lên, sửa sang chính sự, dùng người hiền tài, đúng đắn từ trước đến sau, cẩn thận chu đáo, không điều gì là không chính đáng, cũng đủ thấy có thể làm lên được. Song quá ưa thích điềm lành, tôn sùng đạo Phật thì cũng chẳng đáng quý gì).

Mậu Thân, Thiên Thuận năm thứ 1 (Tống Kiến Viêm năm thứ 2), mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu, đại xá, tôn mẹ nuôi là Thần Ánh phu nhân làm Hoàng Thái hậu.

Ban chiếu rằng: Phàm dân bị tịch thu ruộng đất vào nhà nước *<35b>*và những người bị ghi tên làm điền nhi[2] đều trả về cả. Các tăng đạo và những người dân làm lộ ông đều tha cả (xét thấy: điền nhi và lộ ông là người phải đi phu dịch, phép phu dịch ở triều Lý, nay không khảo được).

Cho 6 quân thay phiên nhau về làm ruộng (theo chế độ cũ).

---

[1] Thành Vương nhà Chu – Khi sắp mất sai Thiệu Công Tất cầm đầu chư hầu giúp Khang Vương làm ra thiên "cố mệnh" trong Kinh Thư.

[2] Điền nhi: Người nông dân có tội phải ghi vào sổ để đi làm ruộng cho nhà nước.

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Thời cổ ngụ quân ngũ ở nơi tỉnh điền, dấu cái rất hiểm trong thời đại thuận*[1] *phủ độ nhà Đường rất hợp với ý xưa. Có tiện lợi trong việc dùng binh, lại không tổn hại trong việc nuôi binh. Chế độ buổi đầu nhà Lý làm theo nhà Đường là thay phiên nhau về làm ruộng để chia sự vất vả và nhàn rỗi, giảm bớt sự cung cấp lúa kho. Về sau thay đổi bất thường, đến khi ấy mới làm theo phép cũ. Đó là một chính sách hay khi Lý Thần Tông mới lên ngôi.*

Tôn thụy hiệu cho Hoàng đế mới qua đời, thụy là Hiếu Từ Thánh thần văn vũ hoàng đế, miếu hiệu là Nhân Tông.

Biếm chức[2] quan Đại liêu ban là Lý Sùng Phúc. Sùng Phúc đi qua cửa thành Tây Dương, người quan tuần **<36a>** hỏi, hắn không trả lời, cho nên bị biếm chức.

Ban chiếu rằng: Trong nước đương có tang, nhân dân không được cưỡi ngựa và đi kiệu màu lam cùng xe che màn (chế độ đi kiệu ngồi xe không khảo được).

Vua bắt đầu ngự kinh diên[3].

Thăng tước trật cho các quan văn võ. Cho Nội vũ vệ là Lê Bá Ngọc làm Thái úy, thăng tước hầu; cho Nội nhân hỏa đầu là Lưu Ba và Dương Anh Nhị làm Thái phó tước Đại liêu ban; Trung thừa Mâu Du Đô làm Gián nghị đại phu, thăng trật chư vệ; Nội nhân hỏa đầu là Lý Khánh, Nguyễn Phúc, Cao Y làm Thái bảo, tước Nội thượng chế, Nội chi hầu; Quản giáp là Lý Sơn làm điện tiền chỉ huy sứ, tước Đại liêu ban; Linh nhân là Ngô Toái làm Thượng chế; Ngự khố thư gia là Từ Diên làm viên ngoại lang, lại ban tiền lụa cho Bá Ngọc, Lưu Ba; Du Đô cùng các quan chức theo thứ bậc khác nhau. Đó là đền công phó giáp khi vua lên ngôi.

Sai Hòa Trại sang cáo phó với nhà Tống và báo việc vua lên ngôi.

Ban chiếu cho Phi kỵ Đỗ Lại mang di chiếu của Nhân Tông và chiếu vua lên ngôi sang báo với Chiêm Thành **<36b>.** Phát vàng bạc và lụa trong kho nhà vua cho các quan theo thứ bậc khác nhau.

Thăng quan cho bọn Đào Thuấn, Lý Bảo. Cho Đào Thuấn làm thượng thư sảnh viên ngoại lang hành tây thượng cáp môn sứ; Thượng

---

[1] Đại thuận: Theo Thiên Lễ vận trong Kinh Lễ, thiên tử có đạo đức, có nhạc; chư hầu có nghi lễ; đại phu có pháp độ; nhân sĩ có lòng tin; nhân dân thì hòa mục, như thế là thời đại thuận.

[2] Biếm chức: Giáng chức và đổi đi nơi xa.

[3] Kinh diên: Nơi vua và các quan giảng bàn nghĩa kinh.

thư sảnh viên ngoại lang là Lý Bảo hành đông Thượng cáp môn sứ; Phạm Thưởng, Đỗ Lục, Khổng Nguyên, Phạm Bảo, Kim Cát, Lý Khái, Đào Lão; Nguyễn Hoàng làm viên ngoại lang Thượng thư sảnh; Lượng Cửu, Đào Sâm, Quách Thục, Nguyễn Nhân, Nguyễn Khánh, Đào Tương, Quách Cự Tầm, Nguyễn Toái làm Trung thư Hoả; Lý Ngũ, Kiều Nghĩa, Lý Cá, Nguyễn Biếm, Nguyễn Bộc, Nguyễn Khoan, Đào Lục, Đỗ Ký, Kiều Thiệu làm Chi hậu thư gia.

Ban chiếu cho Gián nghị đại phu là Mâu Du Đô chọn quân Long dực cũ làm các quân tả hữu Ngọc giai, Hưng thánh, Quảng thành, Vũ đô.

Hơn 2 vạn người Chân Lạp vào cướp phá bến Ba Đầu châu Nghệ An. Vua ban chiếu cho Nhập nội thái phó là Lý Công Bình đem các quan chức và người châu Nghệ An ra đánh.

Tháng 2, ban chiếu xá tội cho những tội nhân ở phủ Đô Hộ, và miễn cho những kẻ bị biếm truất là 130 người **<37a>**.

Lý Công Bình đánh bại người Chân Lạp ở bến Ba Đầu, bắt được chủ tướng và quân sĩ.

Các quan dâng tôn hiệu là: Thuận Thiên Quảng Vận Khâm Minh Nhân Hiếu hoàng đế. Vua bảo các quan rằng: "Trẫm tuổi còn trẻ, nối nghiệp lớn của tiên thánh, mà thiên hạ yên tĩnh, trong nước đều sợ uy, đó đều là nhờ sức của các khanh, các khanh nên cẩn thận giữ chức vụ của mình, chớ sinh lòng lười biếng để giúp đỡ trẫm những điều còn thiếu sót".

Lập Lý Thị làm Hoàng hậu. Trước đây sai Viên ngoại lang là Lý Khánh Thần và vợ của ông đi đón con gái của Điện tiền chỉ huy sứ là Lý Sơn. Viên ngoại lang là Trần Ngọc Khánh và vợ của ông đi đón con gái của Lê Xương là cháu chú bác của Thái phó là Lê Bá Ngọc, rồi sách lập con gái của Sơn làm Nghiễm Thiên Hoàng hậu, con gái của Lê Xương làm Minh Bảo phu nhân. Thăng Sơn lên trật ký hậu, Tri Lạng Châu quân sự, cho Xương tước Đại liêu ban.

Mưa dầm.

Thư báo tin thắng trận của Lý Công Bình đến kinh sư, vua cho đạo Phật ngầm giúp **<37b>** ngự đến hai cung Thái Thanh, Cảnh Linh và các chùa chiền trong thành để lạy tạ.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Kể ra sự trù tính trong nơi màn trướng, quyết định phần thắng ở ngoài nghìn dặm, đều là công của người tướng giỏi ra quân, áp chế địch làm nên chiến thắng. Lý Công Bình đánh tan quân Chân Lạp ở Nghệ An, sai người*

báo tin thắng trận. Thần Tông đáng lẽ phải báo tin thắng trận ở thái miếu, bàn công ở triều đình để thưởng công cho tướng sĩ đánh thắng địch mới phải. Nay lại quy công cho Phật, đến các chùa chiền mà lễ tạ. Như thế thì không phải là để uý lạo kẻ có công và cổ vũ khí thế quân sĩ.

Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Xét theo sử ký thì tháng giêng Chân Lạp cướp phá châu Nghệ An, vua lập tức sai Lý Công Bình đến đánh. Tháng 2, Bình đánh bại Chân Lạp ở bến Ba Đầu, thư báo tin thắng trận về đến kinh sư. Tính từ khi xuất quân đến khi dâng tin thắng trận chỉ có 2 tháng thôi. Kể về đi đánh giặc mau lẹ, đánh tan giặc mau chóng nếu không có công của tướng thần thì không được như vậy. Nhưng nay thì <38a> bắt đầu đượctin thắng trận không nghe thấy một lời khen thưởng công lao, ngược lại quy công cho đạo Phật, đi khắp các chùa chiền lạy tạ. Thế thì tất cả những người khoác áo giáp mà đi, vác giáo mà đánh đều không có chút công gì để ghi chép lại mà ngược lại các Phật trong đám mờ ảo kia lại được nhận công lao. Không biết các tướng sĩ đương thời theo việc lãnh đạo thì lấy gì mà khuyến khích họ?*

Vua ngự điện Thiên An xem nhân dân trong nước thề ở thềm rồng, ban chiếu phát quần áo tiền lụa ở trong kho.

Ban chiếu cấm nô lệ của trăm quan không được lấy con gái nhà tử tế.

Tháng 3, Lý Công Bình đem quân về, dâng nộp tù binh 169 người.

Cho Nội thư gia[1] là Phí Công Tín làm Phụng ngự[2], Nội thư gia là Ngụy Quốc Bảo làm Tả ty. Sau lại cho Công Tín và Ngụy Quốc Bảo làm Nội thường thị.

Mùa hạ, tháng 4, trời hạn, nhà vua phải kiêng khem, ăn cơm rau để cầu đảo.

Trời mưa.

Tháng 5, độ[3] những lính già là Đô, Tào, Vũ, Đại làm sư. Ban chiếu thu thuế cho <38b> trăm người của họ [Thần] anh Thái hậu, biên vào sổ hộ.

---

(1) ĐVSKTT chép là "nội lệnh thư gia".

(2) ĐVSKTT chép là "phụng nghị lang".

(3) Độ: Từ nhà Phật. Đây có nghĩa là công nhận.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Lính già mà độ làm sư, thế thì cái khí mạnh như hùm beo bị mất hết đấy. Là vuốt nanh của nhà nước không được ngồi yên, cùng mọi người cùng đi, có mẹ mà mẹ phải tự nấu ăn. Khi già sắp đến xương cốt đã yếu, bỏ gươm mà lần tràng hạt; cởi giáp mà khoác cà sa, mộtmình một bát, nơi cửa thiền vắng vẻ, sao không nghĩ đến tình của người khuê phụ đang mong mỏi được vui cảnh cuốc ruộng đưa cơm lúc tuổi già.Quân ở các đô cấm vệ e rằng sẽ không vui khi phải ghi vào sổ quân đấy. Nhưng kẻ được độ làm sư ấy chỉ có 4 người mà thôi, hoặc là do ý nguyện của họ đấy chăng?*

Ban chiếu rằng: những việc kiện tụng do tổ tông rồi, thì không được đem bàn tâu lên nữa, ai trái lệnh phải chịu tội.

Tháng 6, vì gần ngày xây lăng Nhân Tông, ban chiếu cho quần thần và các quan chức *<39a>*ở ngoài cửa Đại Hưng[(1)] rồi chôn cất ở lăng Thiên Đức (trước đó 2 tháng, sai Mâu Du Đô đến phủ Thiên Đức xem đất xây lăng của Nhân Tông đến bấy giờ mới chôn cất).

Lấy ngày sinh của vua làm tiết Thiên thụy[(2)].

Mùa thu, tháng 7, vua ngự điện Thiên An, các quan dâng biểu mừng.

Tháng 8, ban chiếu cho Lưu Khánh Đàm, Mâu Du Đô chọn các quan chức.

Đưa tờ di chiếu của Nhân Tông cho các quan xem (chiếu này xem ở trên).

Chân Lạp vào cướp phá hương Đỗ Gia[(3)], châu Nghệ An, chúng có đến hơn 700 chiếc thuyền. Vua ban chiếu cho Nguyễn Hà Viêm ở phủ Thanh Hóa và bọn Dương Ô ở châu ấy đem quân đến đánh phá tan bọn giặc ấy.

Mùa đông, tháng 11, cho Thái úy là Lê Bá Ngọc làm Thái sư, đổi làm họ Trương.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Tình thân do trời định, không thể do người làm ra, họ hàng là như vậy. Đời trước có người yêu quý bề tôi mà cho cải sang họ nhà vua, người bàn còn chê là cưỡng ép. Huống hồ như Bá Ngọc là đại thần tuổi cao, có danh vọng, đã không dự vào hàng cho đổi sang họ nhà vua như Phí Công Tín*

---

(1) Cửa Đại Hưng tức cửa phía Nam kinh thành.

(2) Thiên thụy: Điềm lành của trời.

(3) Hương Đỗ Gia: Sau là huyện Đỗ Gia, nay là huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

<39b> mà lại đổi thành họ Trương là ý nghĩa gì? Đó cũng là một việc biểu hiện Thần Tông còn mang tính trẻ con.

Người châu Quảng Nguyên có tội phải đày đến phủ Thanh Hoá.

Người châu Nghệ An chạy trạm tâu dâng một phong thư của nước Chân Lạp, xin sai sứ sang nước ấy. Vua không trả lời.

Kỷ Dậu, năm thứ 2 [1129] (Tống Kiến Viêm năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, tôn cha sinh là Sùng Hiền hầu làm Thái Thượng hoàng, và mẹ là Đỗ Thị làm Hoàng Thái hậu.Ở cung Động Nhân.

***Sử thần Lê Văn Hưu bàn:** Thần Tông là con người tôn thất, Nhân Tông nuôi làm con để nối nghiệp lớn. Đáng lẽ phải coi Nhân Tông là cha,mà gọi cha sinh là Sùng Hiền hầu là hoàng thúc (chú vua), mẹ thân sinh là Đỗ Thị làm vương phu nhân như Tống Hiếu Tông đối với Tú An Hy vương và phu nhân Trương Thị, để thống nhất về một gốc là phải. Nay lại tôn Sùng Hiền hầu làm Thái Thượng hoàng, Đỗ Thị làm Hoàng Thái hậu, chẳng hóa ra hai gốc ư? <40a> Có lẽ bởi Thần Tông bấy giờ còn trẻ thơ, mà các công khanh trong triều đình như Lê Bá Ngọc, Mâu Du Đô lại không có người nào biết lễ cho nên thế đấy.*

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Thần Tông khi ấy đã 14 tuổi, tuy không có tư chất như Hán Chiêu, nhưng cũng không đến nỗi còn thơ trẻ không biết gì. Làm lễ tôn sùng cho người sinh ra mình, tự cho là việc dĩ nhiên, chưa từng có một lần triệu tập quần thần để bàn bạc, sao chẳng nghĩ tới khi được nuôi dưỡng ở trong cung, vốn cùng bọn các con như Thành Khánh, Thành Quảng, Thành Chiêu, Thành Hưng cùng đều một bực thôi. Nhân Tông chọn mình ra trong những người đó mà giao cho ngôi báu quan trọng. Công ơn đó như thế nào? Thế mà một mai đắc chí, làm tỏ ân riêng đối với người sinh ra mình, còn ơn nuôi nấng, phó thác thì lại làm lơ. Không đoái hoài đến. Bạc với tiên đế há lại hậu với thiên hạ được sao? Nhân Tông cho là người thông minh nhanh nhẹn nên chọn làm Thái tử từ lúc mới 2 tuổi, ân hận sẽ nhiều đấy, Bá Ngọc là đại thần nhận lời di chúc <40b> mà không từng có một lời can ngăn, để vua sa vào điều lầm lỗi, tội không gì lớn bằng. Còn như Mâu Du Đô đương mua ngựa có cựa để cùng với bọn Đào Nhân, Tượng Công tranh nhau dâng điểm tốt lập công, hạng người đó há còn đáng lấy điều biết lễ mà trách họ được sao!*

Tháng 2, không mưa, vua ăn chay kiêng khem để cầu mưa.

Ban chiếu xá cho những người có tội trong thiên hạ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Nhân Tông thường nhân việc mở hội mà xá người có tội trong thiên hạ là sai, nhưng cũng còn mượn tiếng là mở hội Phật để mà tha, còn vua thì không có việc gì mà cũng tha. Xét ra những tội nhân phạm pháp có nhẹ có nặng, năm bậc hình pháp*[1] *có cao có thấp, sao có thể tha hẳn cả được? Nếu như nhất loạt tha cả, thì kẻ tiểu nhân gặp may mà được miễn tội, đó không phải là phúc của người quân tử. Cho nên người xưa bàn về việc trị nước dù rằng không thể không có việc ấy, nhưng cũng lo về việc ân xá, thì được, còn xá tội thì không thể được. Kinh Dịch có câu "tha người có lỗi, giảm người có tội". Kinh thư có câu "Lầm <41a> lỗi thì cho tha, không sửa lỗi thì gia hình" là như thế đấy.*

Tháng 3, cho Lý Tử Khắc làm Khu Mật sứ. Khi đó Tử Khắc tâu lên rằng: Rừng ở Đế Giang[2] có hươu trắng. Vua sai Thái úy là Lưu Khánh Đàm đến bắt được. Thăng Tử Khắc làm Khu Mật sứ, lệ vào hàng minh tự, đội mũ 7 cầu.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Xét ra người xưa gọi là điềm lành tức là dùng được người hiền, hoặc là năm được mùa, ngoài ra không có gì đáng gọi là điềm lành cả, huống chi chim quý thú lạ không nuôi ở trong nước. Đó cũng là lời khuyên răn của tiên vương để lại. Thần Tông nhân việcNguyễn Lộc, Nguyễn Tử Khắc (Lộc và Tử Khắc vốn là người họ Lý, Văn Hưu kiêng húy triều Trần nên gọi là họ Nguyễn). Lông hươu trắng cho là điềm lành, phong cho Lộc làm Đại liêu ban, Tử Khắc trật Minh tự (năm đó tháng 2, Thân vương ban là Lý Lộc tâu lên là núi Tản Viên có con hươu trắng, vua sai Thái úy là Dương Anh Nhị đến bắt được, bèn cho tước Đại liêu ban). Thế thì người thưởng và người nhận thưởng đều không phải cả. Tại sao vậy? Thần Tông vì dâng thú mà phong chức <41b> quan tước, thế là lạm thưởng; Lộc và Khắc không có công mà nhận thưởng thế là lừa vua. Vua tôi đều sai cả đấy.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét một tập sử đời vua Thần Tông, sử cũ chép 29 điềm tốt (1 lần cờ phướn trong chùa không*

---

[1] 5 bậc của hình phạt: Thích bằng mực vào mặt hoặc trán; cắt mũi, cắt gót, thiến, giết.

[2] Đế Giang: Tên huyện. Nay là huyện Sơn Dương, tỉnh Hòa Bình.

*gió tự bay; 8 lần dâng hươu; 3 lần dâng cục vàng sống; 2 lần dâng ngựa sinh cựa; 4 lần dâng rùa; 1 lần dâng cá diếc vàng, 3 lần có chim sẻ trắng; 1 lần tấu thần giáng; 2 lần dâng cá xương công; 2 lần có rồng vàng hiện; 1 lần dâng ngọc thiền; 1 lần chuông lớn cổ hiện lên. Bọn đại thần như: Thái úy là Dương Anh Nhị dâng hươu trắng; Thiếu sư là Lý Công Tín dâng khối vàng. Cận thần như: Nhập nội điện trung là Lý An Dậu dâng hươu trắng; Nhập nội long đồ là Mâu Du Đô dâng ngựa mà bốn chân sinh cựa; Ngự tiền chỉ huy sứ là Vương Cát tâu là thần giáng. Ngoài ra như bọn Quản Giáp, Hỏa đầu, Châu mục, Thủ lĩnh, Đào Nhân, Tượng công, Hương thị, Tăng nhân, mỗi người đều có dâng, không lần nào vua không nhận. Còn những cái bị khước từ thì chỉ có Đỗ Khánh dâng cá xương công màu vàng, và Hỏa đầu lính ngự lang là Quách Tư dâng ngọc thiềm hình như mắt cóc, vua cho rằng vật nhỏ không đáng quý nên khước từ. Chỉ có hai lần đó mà thôi). Trong đó điềm con hươu có 8 lần, 8 người dâng hươu mà 3 người được chức quan, ba người vì hươu mà được làm quan thì trong đó 2 người vì đi dò xét ở trong rừng mà được thưởng. Thần Tông đáng gọi là người thích **<42a>** hươu đấy. Nhưng nhiều như thế dùng để làm gì mà không chán? Có lẽ còn chưa hết tính trẻ con, mà các bề tôi lúc đó xu mị như điên như dại. Nhờ vào đó mà được quan cũng không lấy làm xấu hổ. Ghi chép vào sử thật là đáng nực cười.*

Mùa hạ, tháng 6, cho Nội thị[1] là Phí Công Tín làm Tả ty lang trung, Ngụy Quốc Bảo làm Viên ngoại lang.

Mùa thu, tháng 8, làm thần chủ của Nhân Tông ở Linh điện,chạm cây trúc và rắn quấn ở ngai thờ.

Tháng nhuận, rước thần vị của Nhân Tông thờ ở Thái Thất.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Tiên vương đặt lễ, thì người lúc chết cũng như khi còn sống, cho nên làm thần chủ để tượng trưng thần, thế thì thần chủ là chỗ tựa của thần. Tế Ngu[2] rồi mới làm thần chủ; Tế luyện[3] rồi mới đổi thần chủ, đổi thần chủ rồi mới thờ phụ vào thái miếu[4], tiết mục của lễ là như vậy. Nhân Tông đã chôn cất từ tháng 6 năm trước, đến bấy giờ đã 14 tháng rồi, kỳ tế*

[1] ĐVSKTT chép là Nội thường thị.

[2] Tế ngu: Tế liền 3 ngày sau khi chết; tế ngày đầu là tế thượng Ngu, ngày thứ 2 là trung Ngu, ngày thứ 3 là hạ Ngu.

[3] Tế luyện: Tế hết tang.

[4] Thái miếu: Miếu thờ tổ của vua.

Luyện cũng quá lâu rồi, thế mà mới bắt đầu làm thần chủ để thờ phụ vào thái miếu thế là khinh nhờn và bất kính. **<42b>** *Thật quá lắm!*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Theo lễ thì phải có hai thần chủ: 1 là ngu chủ, 1 là thần chủ. Theo sách Lễ nghi chí thời Hán thì ngu chủ làm bằng gỗ dâu, cao một thước 2 tấc, không đề tên thụy. Sách Thông điển của Đỗ Hựu nhà Đường cũng không nói đến việc đề ngu chủ; đến trước một ngày thờ phụ vào thái miếu, lấy nước thơm rửa cho thần chủ làm bằng gỗ dẻ, lau bằng khăn lụa, quan đề chủ nâng đặt trên đệm đề chữ mực, viết xong đem quang dầu. Thể chế của nhà Tống. Ngu chủ cũng không đề tên thuỵ, đưa quan tài vua lên hoàng đường, làm lễ yểm toàn sắp xong, quan Nội yết rửa cho ngu chủ, lấy lụa lau rồi rước ngu chủ đến trước quan tài, tâu xin thần linh nhập vào ngu chủ, rồi rước lên xe, đưa lên điện, chờ đậy nắp quan tài xong thì làm lễ tế ngu lần thứ nhất; tế ngu lần thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, đều làm lễ ở dọc đường, do các quan làm lễ. Lần tế ngu thứ sáu làm tại kinh đô, do quan Tổng chánh khanh làm lễ. Lần tế ngu thứ bảy,* **<43a>** *thứ tám, thứ chín thì vua làm lễ, các quan ở ngôi bồi tế. Khi chín lần tế ngu xong mới đến làm lễ tốt khốc. Tốt khốc xong rồi mới rước vào thờ ở thái miếu. Trước một ngày vào thờ ở Thái miếu thì làm lễ hưởng ở Thái miếu, còn các miếu khác thì sai một viên quan thị tụng để chủ như thể chế tế ngu. Kể ra lễ chín lần tế ngu của thiên tử có từ đời nhà Chu, đến đời nhà Tống không ai thay đổi được. Chu tử chôn cất cho mẹ theo lễ của kẻ sĩ tế ngu ba lần. Ngày nay tế ngu ba lần làm thành quốc lễ, thế mà từ trước đến nay những người bàn về việc lễ không ai nói việc đó và chỉnh đốn lại, thế thì cái tệ lần nữa sơ suất không gì bằng. Còn như nhà Lý làm lễ đưa Thần chủ vào thờ ở thái miếu, đã lỗi vì để chậm, mà lời bàn của Sĩ Liên cho rằng tế luyện rồi đổi Thần chủ, đổi chủ rồi cho thờ vào Thái miếu, đó là lễ của quan sĩ đại phu trở xuống, chứ đâu phải là quốc lễ, nhân đấy tôi bàn thêm.*

Ban chiếu rằng: nô tì của vương hầu và các quan không được cậy thế đánh đập quan quân và nhân dân, **<43b>** kẻ nào phạm thì gia chủ phải tội khổ sai, kẻ nô tì sang làm quan nô.

Mùa đông, tháng 10, thăng quan Tả ty là Phí Công Tín làm Chư vệ, cho đổi sang họ Lý. Cho Nội thường thị là Đỗ Nguyên Thiện làm Tham

tri chính sự, giữ phủ Thanh Hoá; Ngự khố thư gia là Phạm Tín làm Viên ngoại lang.

Canh Tuất, năm thứ 3 [1130] (Tống Kiến Viêm năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, ban chiếu rằng; con gái các quan, không được lấy chồng trước, đợi sau khi chọn sung vào hậu cung, người nào không trúng tuyển, sau đó mới được phép lấy chồng.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Trời sinh ra dân, đặt ra vua để chăn nuôi họ, chứ không phải để cấp cho vua. Lòng cha mẹ, ai chẳng muốn con gái có vợ, có chồng, thánh nhân thể theo lòng ấy, chỉ sợ người đàn ông đàn bà không được có nơi có chốn. Cho nên Kinh Thi hình dung điều ấy trong thơ "Đào yêu"*[1] *và thơ "Siếu hữu mai"*[2] *để khen ngợi người lấy chồng kịp thì, và chê việc để nhỡ thì đấy. Thần Tông ban chiếu cho con gái các quan phải đợi sau khi tuyển lựa vào cung xong mới được lấy chồng, há phải là đạo làm cha mẹ dân!*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Vua bấy giờ chưa đến tuổi 20, ra lệnh ấy là muốn tuyển con gái các quan sung vào hậu cung thôi. Việc ấy chưa có gì là lầm lỗi. Còn các loại như đánh được giặc mà quy công cho Phật; dâng hươu mà ban cho tước trật, đều là do tính trẻ thơ gây nên, mà không ai can ngăn giúp đỡ. Nếu có người lấy lòng chí thành mà cảm hoá, lời nói kính cẩn mà can ngăn, thì vua vốn tư chất thông minh, tất nghe theo đấy.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Sĩ Liên bàn như vậy là sai đấy, sau cung của vua thiên tử thiếu gì cung tần, nếu có kén chọn thì cũng chỉ cần người hiền lành, đức hạnh. Là người ở trên dân, há lại tham sắc đẹp mà cứ muốn chọn khắp con gái của bách quan? Xưa kia Ngô Tôn Hạo hạ lệnh cho con gái các đại thần ăn lương hai nghìn thạch hằng năm đều phải báo tên, vua lựa chọn không trúng mới được lấy chồng. Vũ Đế nhà Tấn ban chiếu chọn con gái công khanh trở xuống, khi kén chọn chưa xong thì tạm cấm việc gả chồng lấy vợ.* **<44b>** *Tờ chiếu này của Thần Tông có sự ham mê sắc đẹp, thật không hẹn mà giống nhau. Kể ra không biết sửa mình cho đúng đắn để mà chỉnh đốn trong nhà, quen thói dâm*

---

(1) Thơ "Đào yêu": Thơ trong thiên *"Chu Nam" (Kinh Thi)*, khen người con gái lấy chồng đúng thì.

(2) Thơ "Siếu hữu mai" là bài trong thiên *"Thiệu Nam" (Kinh Thi)*, tả tâm trạng người con gái sắp qua thì.

đãng, thì dù nơi cung cấm thâm nghiêm vẫn có việc xấu xa trong bờ vách treo áo[1] thế mà cố ý tuyển lựa cho thỏa lòng ham muốn, há chẳng phải là ngu lắm sao? Sĩ Liên cho rằng: "Chưa có gì là lầm lỗi quá" lời ấy há có thể làm lời dạy bảo được sao?

Cho Ngự Khố thư gia là Lương Cải giữ phủ Thanh Hoá. Tháng 5, cha sinh của vua là Thái Thượng hoàng băng, thụy là Cung Hoàng.

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Thần Tông nhận nước ở Nhân Tông, Nhân Tông đã băng, thế mà còn có người được gọi là Thái Thượng hoàng không sợ người ta trông thấy, nghe thấy mà kinh ngạc sao? Thay đổi lệ mà chép là "cha đẻ của vua" là không đồng tình về sự có hai gốc đấy.*

Tháng 6, trời hạn, lễ cầu mưa.

Mùa thu, tháng 7[2] mưa lâu, làm lễ cầu tạnh. Vua ngự điện Linh Quang <45a) xem đua thuyền.

Ban chiếu tha tù ở phủ Đô Hộ.

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Năm thứ 2 tha tội nhân trong thiên hạ, năm đó lại tha tù ở phủ Đô Hộ, năm nào cũng xá, thì những kẻ gian ác trong dân gian sợ gì mà không phạm vào luật cấm. Cuối thời Lý, trộm cướp giặc giã nổi lên rất nhiều là do Thần Tông gây ra nơi ẩn nấp cho họ từ lâu đấy, say đắm về học thuyết kiêng sát sinh của đạo Phật, cho nên tha cho những kẻ phạm tội chết để cầu được sống lâu, có biết đâu nuôi kẻ ác để hại lương dân, chỉ làm cho ngắn số mệnh mà thôi. Ngô Hán[3]can đừng tha kẻ phạm tội Vũ Hầu[4] không tha tội bừa bãi mới thật là biết cách trị dân.*

Mùa đông, tháng 10, vua ngự điện Thiên Linh, duyệt sáu quân, định ra cấp bậc.

Vua sai sứ sang thông hiếu với nhà Tống, nhà Tống sai sứ mang ấn báu và sắc vàng sang phong vua làm Giao Chỉ quận vương (sử cũ ghi năm thứ năm, mùa đông, tháng 12, nhà Tống phong vua làm Giao Chỉ quận vương. Năm đó cách năm Nhâm Tý mới 2 năm, không có lý gì lại

---

[1] Chỉ việc Lã Hậu vợ Hán Cao Tổ tư thông với Lịch Tự Cơ, vẫn thường giấu Lịch Tự Cơ ở trong bờ vách treo áo.

[2] ĐVSKTT chép là tháng 9.

[3] Ngô Hán: 1 viên tướng giỏi của Hán Quang Vũ.

[4] Vũ hầu: Tức Gia Cát Lượng thời Tam Quốc.

hai lần sách phong quận vương, có lẽ là tiến phong Nam Bình vương mà nhà sử <45b> chép nhầm, chưa tra cứu được, nay bỏ đi).

Tháng 11, nước Chiêm Thành sang cống.

Tháng 12, vua đánh cầu ở thềm rồng, cho sứ thần nước Chiêm Thành vào hầu đứng xem (nước Chiêm Thành tuy khi đó thường có sứ sang cống, nhưng thực vẫn mang hai lòng, còn thông với Chân Lạp, thường có người phục ở nơi hiểm yếu, bắt người châu Nghệ An, mang đến bán cho Chân Lạp. Năm thứ 5, tháng 8, Lệnh thư gia là Trần Lưu Mậu ở châu Nghệ An phục kích bắt được 3 người đem dâng).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xưa kia Đường Hy Tông giỏi về đá cầu, tự nói: nếu như trẫm thi tiến sĩ đá cầu thì sẽ đỗ trạng nguyên, người hề nói: "Nếu bệ hạ gặp phải vua Nghiêu, vua Thuấn mà làm Lễ bộ thị lang thì sợ không tránh khỏi bị đuổi". Lời chê bai ấy thật là sâu sắc. Nay Thần Tông đá cầu mà cho sứ thần nước Chiêm xem, chẳng qua chỉ để khoe mình đá cầu giỏi, mà không nghĩ như vậy là làm hỏng chế độ, làm hỏng lễ nghi, há chẳng làm cho người nước ngoài chê cười sao? Kinh Thi có câu: "Uy nghi bất thắc, chính thị tứ quốc"*[1] *[uy nghi không sai thì sẽ chỉnh đốn được các nước]. Lại có câu: "ức ức uy nghi, duy dân chi tắc"*[2] *[uy nghi trang nghiêm, sẽ làm phép tắc cho dân]. Vua có lẽ chưa học đến.*

Sai viên ngoại lang là Lý Phụng Ân và Lệnh thư gia là Bản Anh Khái sang nước Tống để đáp lễ.

<46a> Tân Hợi năm thứ 4 [1131] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2[3], dựng hai gác ở trong điện Diên Hoà.

Tháng 4, ban chiếu cấm gia nô của vương hầu, công chúa và các quan, không được lấy con gái của các quan chức đô và nhân dân.

Cấm con gái dân gian không được bắt chước kiểu vấn đầu tóc như cung nhân.

Tháng 5, trời hạn, cầu đảo được mưa như trút nước.

Dựng nhà cho Thái sư Minh Không.

Mùa thu, tháng 7, các quan dâng biểu mừng được mùa.

---

(1) Bài "Thư cưu" trong thiên Tào phong (Kinh Thi).

(2) Bài "Tân chi sơ diên" trong thiên Tiểu nhã (Kinh Thi).

(3) ĐVSKTT chép tháng giêng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Quá lắm thay! Cho sự xiểm nịnh của triều thần lúc bấy giờ. Tháng 3, trời hạn, cầu đảo, may mà được mưa, đến tháng 7 thì lúa mùa hạ đã quá vụ, lúa mùa thu thì chưa chín, đã vội cho là năm được mùa mà dâng biểu chúc mừng. Nếu đến tháng 9, tháng 10 mà gặp lụt, hạn, hay bị sâu keo thì nói với tờ biểu mừng như thế nào?*

Tháng 9, mở vườn Bảo Hoa.

Ban chiếu cho Mâu Du Đô coi chầu Nghệ An.

Mưa lâu ngày **<46b>** làm lễ cầu tạnh.

Mùa đông, tháng 12, Nguyễn Mãi ở làng Thái Bình dâng con hươu trắng, lính tả vũ tiệp là Đỗ Khánh dâng cá xương công sắc vàng tức là cá hầu). Vua cho là điềm lành, ban chiếu cho các quan chúc mừng. Các môn sứ là Lý Phụng Ân tâu rằng: Đó là vật nhỏ mọn mà bệ hạ cho là điềm lành, nếu có lân phượng đến, thì bệ hạ cho là vật gì?" Vua cho lời nói đó là phải.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Thái Tông thích điềm lành, nào là vàng sôi lên, bạc sinh ra, đến nỗi quần thần lấy làm tôn xưng như việc rồng vàng hiện ra. Chỉ riêng tăng pháp cho là không phải điềm lành. Thần Tông thích điềm lành, các bậc đại thần như Thái úy, thiếu sư hoặc là kẻ dâng con hươu, hoặc kẻ dâng khối vàng; việc dâng cá xương rồng, chỉ một mình LyPhụng Ân cho là không phải điềm lành. Cả triều đình đều xu nịnh thế mà lời nói thẳng lại thốt ra từ một nhà sư; quần thần đều chúc mừng mà dám can ngăn lại là một viên Cáp môn sứ. Vậy thì những kẻ ca ngợi công đức những gì gì và những kẻ nhao nhao cống hiến điềm lành ở trong cái triều đình ấy, há chẳng phải là kẻ có tội với hai người <47a> kia sao? Nhưng một việc thì vua không trả lời; một việc thì vua chỉ khen là nói phải, không từng nghe có một lời khen ngợi hoặc một lệ biểu dương, thế thì cái thói xiểm nịnh làm sao lại không nhiều thêm; cái khí trung thực làm sao lại không mai một dần đi được!*

Nhâm Tý, năm thứ 5 [1132] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 2), tháng 5, hàng thứ trưởng tử là Thiên Lộc sinh.

Tháng ấy, gió bão, lụt đắm thuyền Diên Chương.

Mùa thu, tháng 8, Chân Lạp và Chiêm Thành cướp phá châu Nghệ An. Vua ban chiếu cho Thái úy là Dương Anh Nhĩ đem người ở châu Thanh Hoá, Nghệ An đi đánh bại quân giặc.

Mùa đông, tháng 10, sai viên ngoại lang là Lý Phụng Ân và Phụng nghị lang là Doãn Khải sang Tống đáp lễ.

Dựng điện Cảm Linh và gác Phụng Thiên.

Tháng 12, vua đón xuân ở đình Quảng Văn; khánh thành điện Cảm Linh, ban yến cho quần thần.

Giết thượng thư là Lý Nguyên. Vì con gái của Nguyên là thứ phi Chương Anh có lỗi, Nguyên bị tội chết ở trong ngục.

<47b> Giáp Dần, Thiên Chương Bảo Tự năm thứ 2 [1134] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một, cho viên ngoại lang là Ngụy Quốc Bảo tước Đại liêu ban.

Tháng 2, cho Gián nghị đại phu là Mâu Du Đô tước Đại liêu ban.

Lại mưa. Làm lễ cầu tạnh.

Mùa hạ, tháng 4, ban chiếu rằng: các viên chi hậu và Nội nhân hỏa đầu không được tự tiện ra ngoài, ai trái lệnh thì trị tội nặng, nếu bỏ việc công thì tâu lên trước.

Lính hữu hưng vũ là Vương Cửu dâng con rùa mắt có 6 con ngươi, trên ức có chữ Triện. Vua ban chiếu cho các học sĩ và các tăng đạo biện rõ ra thành tám chữ: "Thiên thư hạ thị thánh nhân vạn tuế" [sách trời ban xuống cho biết rằng nhà vua sống lâu muôn tuổi].

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Rùa là vật linh thiêng vì nó có thể báo điềm trước. Nhưng đời nào cũng có, không phải như rồng, phượng, kỳ lân ít thấy. Thế mà khi ấy lại cho là điềm lành, nhiều người dâng là tại sao? Còn như trên ức có nét chữ, đó chỉ là những nét trắng, nét đan xen lẫn nhau mà thôi, bầy tôi nhận thành ra chữ, đó là đón ý vua đặt ra lời xiểm nịnh để xu mị vua,* ***<48a>*** *há phải thực có chữ đâu, cho nên người làm vua phải cẩn thận về cái mình ham thích.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Rùa thần ở Lạc Thủy*(1) *trên lưng có số từ 1 đến 9, thánh nhân bắt chước bầy thành cửu trù (9 loại). Đấy là trời mở ra nền thịnh trị, văn minh cho muôn đời. Ngoài ra trên ức rùa có đường đen, đường trắng xen kẽ nhau thành nét thì con nào cũng thế, có gì là lạ. Vua Lý thích điềm lành, bầy tôi xuyên tạc phụ họa theo, gò ép thành chữ để xiểm. nịnh vua. Có con rùa thì 2 chữ: Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ 5 đời Nhân Tông*

(1) Vua Vũ bắt được con rùa ở Lạc Thủy, theo vết trên lưng rùa mà làm ra thiên Hồng phạm cửu trù.

có Nội tác giám giáp chủ là Đô Tô, dâng con rùa trên ức có 2 chữ "Thiện đế. Có con rùa thì 4 chữ: Thiên Chương Bảo Tự năm thứ 4 đời Thần Tông có Hỏa đầu là Tô Vũ dâng con rùa trên ức biện thành 4 chữ "Nhất thiên vĩnh khánh" [Ông thánh sống mãi trong bầu trời]. Đại Định năm thứ 6 đời Anh Tông. Nguyễn Phụng dâng con rùa, bề tôi biện chữ triện ở trên ức thành 4 chữ "Vương dĩ công pháp" [vua giữ phép công). Năm thứ 13, Lý Nguyên dâng con rùa ba chân bề tôi xem chữ triện trên ức biện thành 4 chữ "Vương dĩ bát phương" [vua trị 8 phương]. Chính Long Bảo Ứng năm thứ 4, có người dân dâng con rùa trên ức có 4 chữ "Thiên tử vạn niên" [thiên tử muôn tuổi]. Có con rùa thì 8 chữ: Năm ấy vào năm Đại Định thứ 8 đời Anh Tông, Lý Sùng dâng con rùa trên ức có 8 chữ triện). Xét ra thì tội lừa dối vua, quả thực giết đi cũng không hết tội, mà kẻ nhận <48b> có thể bảo là tự lừa dối mình đấy. Xưa kia thời Tiêu Tề[1] nhiều lần bắt đượcrùa có lông, tất cả 8 con. Đời Vĩnh Minh bắt được3 con rùa, một con dưới bụng có chữ "Vạn hoan". Một con dưới bụng có chữ "Vạn tề"; một con dưới bụng có quẻ "Tốn Đoái", thế mà bản thân thì bị giết, nước thì bị mất, rùa không thể gọi là điềm lành thật đã rõ ràng. Xét ra cái thời xiểm nịnh đến nỗi biện những đường ở bụng con rùa thành chữ, xưa nay cũng có điều không hẹn mà giống nhau, há phải đâu chỉ riêng bầy tôi nhà Lý? Đáng khen thay!

Bầy tôi dâng thêm tôn hiệu là Thuận Thiên Duệ Vũ Tường Linh cảm ứng Khoan Nhân Quảng Hiến Hoàng đế. Đại xá.

Ất Mão, năm thứ 3 (Tống Thiệu Hưng năm thứ 5), mùa xuân, tháng giêng, cho Ngự Khố thư gia là Dương Chưởng giữ phủ Thanh Hoá.

Tháng 2, nước Chân Lạp và Chiêm Thành sang cống.

Mùa hạ, tháng 4, vua ban chiếu cho Tả ty lang trung là Lý Công Tín được ra vào cung cấm để tâu việc, không ai được ngăn cản.

<49a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Trong cung cấm đâu phải là nơi các bề tôi được ra vào? Huống chi lại không ngăn cấm. Giả sử Công Tín có lòng gian tà thì bà Lê Hậu đã là Dương phi của Lộc Sơn rồi, há đợi đến Anh Vũ mới dám thất lễ hay sao? Nơi buồng the của Thần Tông không đúng đắn vì là không biết cẩn thận từ việc nhỏ đấy. Kinh Dịch có câu: "Lý sương kiên băng trí"[2] là lời răn rất nghiêm ngặt đấy.

[1] Tiêu Tề: Tên một triều đại của Trung Quốc do họ Tiêu sáng lập, thuộc Nam Triều.

[2] Câu trong quẻ Khôn Kinh Dịch nghĩa là giẫm lên sương thấy lạnh thì biết là nước sắp đóng băng.

Từ mùa xuân đến tháng ấy không mưa.

Tháng 5, ngày mồng 1. Mưa.

Tháng 6, ban chiếu rằng: những người bán ruộng ao, không được thêm tiền mà chuộc lại, ai trái lệnh phải chịu tội.

Thái sư là Trương Bá Ngọc mất.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Đạo Thành, Bá Ngọc kẻ là người tôn thất giúp việc chính sự; kẻ là bậc đại thần được gửi gắm đứa trẻ mồ côi; họ đều ở ngôi Thái sư, Thái bảo. Khi mất đi đáng lẽ phải có sự phúng viếng yên ủi, tặng tên thụy, Văn Hưu đều bỏ thiếu không ghi, mà 2 lần ghi "Hoàng bà chết". Sĩ Liên cho là bảo mẫu* **<49b>** *nếu đúng là bảo mẫu, thì phải xưng hô thế nào, theo lễ xưa thì không có, mà dùng bằng quốc âm thì không đúng, lỗi ấy càng nặng hơn. Huống chi bảo mẫu sống hay chết cũng chẳng quan hệ gì lớn, cần gì phải ghi nhàm vào sử sách, cho nên bỏ đi.*

Bính Thìn năm thứ 4 [1136] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 6), mùa xuân, tháng giêng, mở vườn Diên Quang ở làng Lãnh Kinh(1).

Tháng 2, Thành hầu mất.

Tháng 3, Thái úy là Lưu Khánh Đàm mất.

Phong sư Minh Không là quốc sư. Khi ấy vua bị bệnh nặng, thầy thuốc chữa không hiệu nghiệm, nhà sư Minh Không chữa khỏi, phong làm quốc sư, cho hưởng vài trăm hộ (sử cũ chép: tục truyền rằng: khi sư Đạo Hạnh sắp trút xác, đem thuốc về thần chú giao cho học trò là Nguyễn Chí Thành tức Minh Không và dặn rằng: "20 năm sau, nếu thấy quốc vương bị bệnh lạ thì đến chữa" có lẽ là lượm lặt chuyện chép trong sách *Chích quái* cho Minh Không là học trò của Đạo Hạnh đấy. Lại xét theo ngoại truyện: cha Đạo Hạnh là Từ Vinh vì phép thuật bị sư Đại Điên giết chết, Đạo Hạnh nghĩ cách báo thù cho cha vào tu đạo ở Tinh Xá chùa Hương Tích, đi đường gặp Nguyễn Minh Không(2) kết bạn cùng đi, đến chùa Vân Mộng, sư chùa ấy dạy cho quyết thần thông, được 3 năm từ giã trở về, Đạo Hạnh muốn thử pháp thuật, đùa nấp vào nơi hiểm, hóa làm con Hổ để dọa Minh Không, Minh Không biết, trách là có nết tà và lại có lời thần chú, Đạo Hạnh thẹn **<50a>** và hối hận xin tạ lỗi và nói: "Nghiệp chướng kiếp khác chưa trừ bỏ hết, dám phiền giải thoát cho". Đạo Hạnh về Sài Am; Minh Không về Giao Thủy. Sau nghe Đạo Hạnh

---

(1) Làng Lãnh Kinh: Chưa rõ.

(2) ĐVSKTT chép là Không Minh Không.

trút xác, cười bảo với học trò rằng: "Vị hòa thượng này, còn mộ giàu sang ở cõi đời chăng?". Đến khi ấy vua Thần Tông bị đau kêu gầm lên muốn biến thành hổ, thầy thuốc chữa không hiệu nghiệm, bọn trẻ con hát rằng: "Dục y Lý cửu trùng, tu đắc Nguyễn Minh Không" [Muốn chữa bệnh cho vua nhà Lý, phải tìm ông Nguyễn Minh Không]. Thái hậu nghe thấy, sai sứ đón về, Minh Không đến trình bày "nhân quả"(1) kiếp trước cho vua nghe, vua tỉnh ngộ bệnh liền khỏi, thưởng cho vàng lụa,Minh Không từ chối không nhận, nên có câu kệ rằng: "Kỳ lân đồ hậu mạt, nguyệt vọng đáo trung thiên". Người đời bấy giờ không hiểu câu nói đó, sau vua ở ngôi và tuổi thọ ngầm đúng như lời kệ. Minh Không người làng Đàm Xá, huyện Gia Viễn, đến đời Anh Tông Đại Định năm thứ 2 thì mất, thọ 76 tuổi. Nay ở các chùa Phả Lại, Giao Thủy đều có tượng thờ).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Triều Lý sùng đạo Phật, từ Vạn Hạnh là vị cao tăng nổi tiếng, sau này nhiều người hâm mộ và bắt chước. Thời Nhân Tông, Thần Tông có Dương Không Lộ, Nguyễn Giác Hải đều là người Hải Thanh đều thờ Hà Trạch Sa Môn làm thầy, lại có người gọi là Thông Huyền Chân Nhân, đều dùng đạo pháp để giành hơn nhau. Cho nên Nhân Tông có câu tán rằng: "Giác Hải tâm như hải; Thông Huyền đạo hựu huyền" [sư Giác Hải lòng rộng như bể; Sư Thông Huyền đạo càng huyền bí]. Nhưng bắt rồng phải hàng, bắt hổ phải phục không phải là tài* **<50b>** *dẹp loạn cứu nguy; bước nơi hư ảo, bay lên trên không, không phải là kế trị dân giữ nước. E rằng của một loại như Cưu La Ma Thập(2) và Thập Đồ Trừng(3) đó thôi. Học thuyết dị đoan có ích gì cho cuộc đời đâu. Đời này, qua đời khác đều cho Phật giáo là thần dị, ban hộ khẩu cho làm đinh phu ở các chùa, so với nhà Lý không biết gấp bao nhiêu lần, hao tốn của cải, hết cả thuế khóa để thờ phụng, thực là mê hoặc quá lắm!*

Hoàng Thái tử là Thiên Tộ sinh, các quan dâng vàng bạc tiền lụa và dâng biểu mừng.

Tháng 6, cho Tả ty lang trung là Lý Công Tín làm Thiếu sư, trật Minh tự.

Mùa thu, tháng 9, Gián nghị đại phu là Mâu Du Đô bị bãi chức.

Mùa đông, tháng 10, Dương Anh Nhị mất.

---

(1) Nhân quả: Là thuyết đạo Phật.

(2) Cưu La Ma Thập: Một vị sư thời Tần ở Trung Quốc có nhiều phép lạ.

(3) Thập Đồ Trừng: Vị sư thời Tần ở Trung Quốc cũng có nhiều phép lạ.

Tháng 12, ngày Lập xuân, vua ngự điện Sùng Uyên,quần thần dâng biểu mừng.

Vua ngự đến phủ Thanh Hóa xem bắt voi.

Đinh Tỵ năm thứ 5 [1137] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 7), mùa xuân, tháng giêng, châu Nghệ An chạy trạm tâu tướng nước Chân Lạp là <51a> Phá Tô Lăng cướp phá châu ấy. Vua ban chiếu cho Thái úy là Lý Công Bình đem quân đi đánh. Tháng 2, châu Nghệ An động đất, nước sông đỏ như máu. Công Bình sai Nội nhân hỏa đầu là Đặng Khánh Hưng về kinh tâu việc ấy lên.

Công Bình đánh bại người Chân Lạp.

Mùa hạ, tháng 4, hoàng tử thứ ba sinh (khuyết danh).

Tháng 6, trời hạn, ban chiếu cho Nguyễn Công Đào tới đàn Nam Vu làm lễ cầu mưa.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến hành cung Lỵ Nhân xem gặt.

Tháng 12, về kinh sư.

Cho Ngự Khố thư gia giữ phủ Thanh Hóa là Dương Chưởng làm viên ngoại lang.

Mậu Ngọ năm thứ 6 [1138] (Từ tháng 10 về sau là Anh Tông Thiệu Minh năm thứ 1; Tống Thiệu Hưng năm thứ 8), mùa hạ, tháng 6, trời hạn. Sai Nhập nội tả tylang trung là Ngụy Quốc Bảo triệu tập các quan họp bàn. Chư vệ là Phạm Tín Ngôn xin đến Vu đàn làm lễ cầu mưa. Vua nghe theo.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Thần Tông ở ngôi trong khoảng 10 năm; không năm nào là không hạn <51b>. Hạn thì lại lập tức ăn chay lễ cầu đảo. Khi thì đến cung Báo Thiên; khi thì lễ Phật ở chùa Pháp Vân, để cầu khấn, may mà đượcmưa thì cho là hiệu nghiệm của việc cầu khấn, chưa thấy ban một tờ chiếu trách mình, hoặc ban một ân huệ thương dân. Đến khi ấy quần thần họp bàn về sự thiếu sót của chính sự đương thời; sự đau khổ của dân gian, há không có một việc gì đáng nói sao? Không dám mở miệng, im lặng như ngậm lá. Ngoài việc xin cầu khấn ở Vu đàn không hề ban đượcviệc gì. Có lẽ các bề tôi khi ấy đều là bọn xiểm nịnh hèn kém, không một người nào tài giỏi hơn vua, cho nên không giúp được đạo đức nhà vua, chỉ biết dâng biểu mừng là hết chức phận, dâng điềm tốt là hết lòng trung. Nhân tài thấp kém chưa khi nào bằng khi ấy, đáng than thở lắm thay!*

Mùa thu, tháng 7, không mưa. Vua sai Hữu ty cầu mưa ở Vu đàn, ban áo mùa đông cho quần thần.

Tháng 9, vua không khoẻ. Lập hoàng tử là Thiên Tộ làm Hoàng Thái tử. Trước kia vua đã **<52a>**lập Thiên Lộc làm con nối dõi. Đến khi ấy vua nằm bệnh, ba phu nhân là Cảm Thánh, Nhật Phụng, Phụng Thánh muốn đổi lập Thái tử khác, bèn sai người đem nhiều của đút lót cho Tham tri chính sự là Từ Văn Thông, nói rõ ý muốn thay đổi Thái tử và nhờ giúp việc đó. Văn Thông nhận lời. Đến khi vua bệnh nặng, triệu Văn Thông thảo di chiếu, Văn Thông không dám xin thay đổi, nhưng đã chót nhận hối lộ, nên chỉ cầm bút mà không viết. Một lát sau, ba phu nhân đến, cùng nhau nghẹn ngào trước vua mà rằng: "Bọn thiếp nghe rằng: Từ xưa lập con nối ngôi thì lập con đích chứ không lập con thứ; Thiên Lộc là con người nàng hầu yêu, nếu cho nối ngôi thì mẹ nó tất lấn át sinh ghen ghét, thế thì mẹ con bọn thiếp biết có khỏi tai nạn được không?". Vua bèn ban chiếu rằng: "Hoàng tử là Thiên Tộ, tuy tuổi còn thơ ấu, nhưng là con đích, thiên hạ đều biết cả, nên cho nối nghiệp của trẫm, còn Thái tử là Thiên Lộc thì phong làm Minh Đạo vương". Ngày 26, vua băng ở điện Vĩnh Quang, quàn ở thềm bên tây điện ấy. Các quan dâng tôn hiệu là Quảng Nhân Sùng Hiếu Văn Vũ hoàng đế" **<52b>** miếu hiệu là Thần Tông.

Mùa đông, tháng 10, Hoàng Thái tử là Thiên Tộ lên ngôi vua trước linh cữu, lúc lên 3 tuổi. Đổi niên hiệu là Thiệu Minh năm thứ 1, tôn mẹ là Cảm Thánh phu nhân Lê Thị làm Hoàng Thái hậu.

Họp người trong nước thề ở thềm rồng.

Sai sứ sang cáo phó với nhà Tống.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Thần Tông nối nghiệp lớn của tiên vương, làm thiên tử thời bình, về việc bỏ con đích đang còn măng sữa, muốn lập con thứ đã trưởng thành là lấy việc lầm lỗi khi trước mình còn non dạ làm răn. Nhưng rốt cuộc chí ấy không thành, là vì Từ Văn Thông ăn hối lộ đã rõ ràng và lời nói của ba phu nhân thì thẳng thắn đấy, tiếc rằng khi ấy không triệu loại xã tắc đại thần mà uỷ thác con côi đấy thôi. Than ôi! Bề tôi gian tà cấu kết với nội đình để làm việc của người ta, từ xưa vẫn có. Song về việc Từ Văn Thông và ba phu nhân này, há chẳng còn hơn việc dạy vệ vương xin mệnh[1] đấy sao? Tuy nhiên, truyền ngôi cho con đích là nghĩa thông thường từ xưa tới nay* **<53a>** *nếu được người hiền giúp như Y*

(1) Tức việc Dương Hậu mưu với Lê Hoàn cướp ngôi của vệ vương nhà Đinh.

Doãn, Chu Công giúp Thái Giáp và Thành Vương thì cuối cùng cũng có tiếng khen mãi mãi cho đời sau đấy.

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn**: Nhân Tông nuôi Thần Tông làm con mà không cho quan sư phó tốt để dạy bảo, nên vua Thần Tông đã tròn 12 tuổi mà chưa biết lễ nhạc, không ai cứu chữa được, Đại Hành mất đương quàn ở đấy mà vội đi rước hậu, lập hậu, làm con nối nghiệp của Nhân Tông mà tôn sùng người sinh ra mình, cùng với việc làm thần chủ tế phụ mà không theo lễ đó, là những lỗi lầm lớn. Còn như đánh được giặc mà tạ ơn Phật; dâng con hươu mà cho làm quan, vô cớ mà tha tù tội, kén gái đẹp mà cấm lấy vợ gả chồng, hành vi càn bậy, không một việc gì coi được. Bá Ngọc là bố vợ được dùng, cũng là bậc hiền tài đấy, nhưng cũng không làm thay được đức tính nhà vua, hoặc vì uỷ nhiệm quyền lực chưa đến nơi đến chốn, không tránh khỏi để lại tai tiếng nên không dám nói những điều phải trái đó chăng? Kinh Dịch có câu: "Lục ngũ âm nhu chi quân, tất đắc* **<53b>** *Cửu từ dương cương chi thần dĩ vi chi trợ nhiên hậu năng hưu tế" [gặp phải vua nhu nhược, tất phải có bề tôi cứng rắn mà giúp đỡ mới làm nên việc]. Thái Tổ do có thần vũ mà nhận mệnh trời, Thái Tông, Thánh Tông đều lớn tuổi ở ngôi Thái tử, quyền bính đều do mình nắm, không đặt người giúp đỡ là vì ngôi vua trung chính ở trên nên ở dưới đều nghe theo. Nhân Tông 7 tuổi làm vua, được Đạo Thành giúp đỡ nên trong thì chính sự được sửa sang, ngoài thì chống giặc nghiêm ngặt. Cao Tông 2 tuổi nối ngôi, có sự sáng suốt của Tô Hiến Thành mà đánh tan mưu mô bỏ vua này lập vua khác. Còn 2 vua Thần Tông và Anh Tông thì bên cạnh không có người nào tốt, đến nỗi chính sự thiếu sót, rối ren, bề tôi gian tà khuấy rối, kẻ làm thì không kiêng sợ; kẻ biết lại không nói ra, cùng nhau chìm đắm cẩu thả trong cõi say mê. Giả sử cuối đời Anh Tông không có Hiến Thành mà uỷ nhiệm, thì sẽ không giữ được nước đấy. Cho nên người ta nói rằng: dùng người đúng hay sai, quan hệ không phải là nhỏ, mà trách nhiệm của một ông tướng không thể xem nhẹ được. Xét ra có vua như Nghiêu Thuấn thì có bề tôi như Cao, Quỳ, Tắc, Tiết[1] thì sau đạo trị nước mới dấy lên được. Huống chi nhà vua hèn kém mà bề tôi lại lười biếng!*

HẾT QUYỂN III BẢN KỶ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

---

[1] Cao, Quỳ, Tắc, Tiết: Các bề tôi thời Nghiêu Thuấn.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

BẢN KỶ

QUYỂN IV

ANH TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua tên húy là Thiên Tộ, con trưởng của Thần Tông, ở ngôi 37 năm, thọ 40 tuổi. Trong việc bỏ con nọ lập con kia, vua không mê hoặc về lời nói của đàn bà, ký thác được người phụ chính hiền tài, có thể gọi là không thẹn với việc gánh vác. Song không phân biệt được kẻ gian tà, không sáng suốt trong việc hình phạt, cho nên trời sinh tai biến để đe răn, giặc cướp nổi lên, rường mối nổi loạn, không thể kể xiết).

Kỷ Mùi, Thiệu Minh năm thứ 2 [1139] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 9), nhà Tống sai sứ sang sách phong (phong vua là Giao Chỉ quận vương).

Canh Thân, Đại Định năm thứ 1 [1140] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 10), mùa xuân, tháng 2, đổi niên hiệu.

Cho Đỗ Anh Vũ làm cung điện lệnh Tri nội ngoại sự. Anh Vũ là con trai của Đỗ Thái hậu, được Lê Thái hậu thân yêu tin dùng cho nên mới trao cho chức này (xét: Đỗ Thái hậu là mẹ của Thần Tông. Thần Tông băng, Anh Tông tôn mẹ là Lê Thị làm Hoàng Thái hậu, không tôn Đỗ Thị làm Thái Hoàng Thái hậu mà cùng gọi hai bà là Hoàng Thái hậu là sai lễ đấy).

Mùa hạ, tháng 4, lấy ngày sinh nhật làm tiết Thọ Ninh.

Từ mùa xuân sang mùa hạ không mưa.

Tháng 5, có mưa.

Mùa đông, tháng 10 được mùa to.

Người thầy bói tên là Thân Lợi làm phản. Thân Lợi tự xưng là con của Nhân Tông, đem đồ đảng theo đường thủy đến châu Thái Nguyên[1] sang Tây Nông qua Lục Lệnh[2] (Tây Nông, Lục Lệnh đều là tên châu) vào chiếm cứ các châu Thượng Nguyên, Hạ Nông[3], thu nhặt những kẻ trốn tránh, chiêu mộ thổ binh, bọn chúng có đến hơn 800 người cùng mưu làm loạn.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét niên hiệu Thiệu Hưng thứ 9 thời Tống, quan súy ty Quảng Tây nói rằng: "Vua Nhân Tông nhà Lý có người con của cung thiếp, không nhận mà lại lập vua Thần Tông, con người cung thiếp đó chạy sang Đại Lý đổi làm họ Triệu, tên là Trí Chi, tự xưng làm Nam Bình vương. Thần Tông mất, nước Đại Lý cho Trí Chi về nước, muốn tranh ngôi với vua Anh Tông. Anh Tông cho quân chống lại, Trí Chi nhân thế tiến xin mượn quân của nhà Tống , Quan suý ty nhà Tống an ủi bảo về, rồi đem việc đó tâu lên cho vua Tống biết, vua Tống ban chiếu khước từ. Ỹ chừng Trí Chi và Thân Lợi khi ấy chỉ là một người, họ tự trần tình với Quảng Tây để xin nhà Tống cho viện binh, lấy tên là Trí Chi, nói dối là con của Nhân Tông để đánh lừa nhà Tống mà thôi". Sử ghi: Tháng giêng, mùa xuân năm sau, Thân Lợi tiếm hiệu Bình vương, bỏ thiếu chữ Nam có lẽ vì cớ không rõ Thân Lợi đầu cuối ra sao. Lại xét sách QuếHải chí của Phạm Thành Đại nói: Anh Tông có người anh từng làm Tri châu ở Lạng Châu mưu đoạt ngôi, việc bị phát giác đày ở châu Tuyết Hà, cạo đầu làm sư. Có thể nói người Tống ưu đãi nhà Lý, không muốn gây ra hiềm khích, đã cự tuyệt Trí Chi khiến nó không thể tung hoành được. Còn kẻ cạo đầu làm sư tuy không do người nào, hoặc là Thiên Lộc bị phế, bè đảng của nó chạy sang tố cáo với nhà Tống, người Tống bắt tội nó, có lẽ có sự cảnh giác như việc Nùng Trí Cao.*

Tân Dậu, năm thứ 2 [1141] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 11), mùa xuân, tháng giêng, Thân Lợi tiếm xưng là Nam Bình vương, lập vợ cả vợ lẽ làm Hoàng hậu và phu nhân, con làm vương hầu, cho đồ đảng quan

---

(1) Châu Thái Nguyên: Gồm 2 châu Thạch Lâm và Thạch An tỉnh Cao Bằng.

(2) Tây Nông, Lục Lệnh: Nay thuộc tỉnh Bắc Kạn.

(3) Châu Thượng Nguyên: Nay thuộc tỉnh Bắc Kạn. Châu Hạ Nông nay thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

tước theo thứ bậc khác nhau. **<2b>** Khi ấy đảng của Thân Lợi chỉ có hơn nghìn người, đi đến đâu cũng phao tin là Thân Lợi giỏi dùng binh, để uy hiếp người vùng biên giới.

Người các khe động dọc biên giới đều khiếp sợ, không ai dám chống lại.

Tháng 2, quan nơi biên giới dâng thư cáo cấp, vua ban chiếu cho Gián nghị đại phu là Lưu Vũ Xứng đem quân tiến theo đường bộ, Thái phó là Hứa Viêm đem quân tiến theo đường thủy để đánh. Vũ Xứng sai tướng tiên phong Thị vệ đô là Tô Tiệm và Chủ đô trại Tuyên Minh là Trần Thiêm tiến lên phía trước, đóng ở sông Bác Đà gặp thủy quân của Lợi cùng giao chiến. Tiệm thua bị Lợi giết chết. Lợi trở về giữ châu Thượng Nguyên, đắp đồn ải ở huyện Bác Nhự để chống lại quan quân. Vũ Xứng đánh hạ được ải Bác Nhự tiến đến Bồ Đinh gặp thủy quân của Lợi đánh nhau ở đó, Vũ Xứng bị bại trận, tướng sĩ chết quá nửa bèn rút quân về.

Mùa hạ, tháng 4, Vũ Xứng về đến kinh sư. Lợi ra chiếm cứ châu Tây Nông lùa nhân dân ở các châu Thượng Nguyên, Tuyên Hóa, Cảm Hóa, Vĩnh Thông[1] đánh hạ phủ Phú Lương[2]. Lợi chiếm giữ phủ trị ngày đêm họp bè đảng mưu cướp kinh sư. Vua sai Thái **<3a>** úy là Đỗ Anh Vũ đem quân đi đánh.

Tháng 5, Lợi đem quân cướp phá kinh sư đóng ở Quảng Dịch, gặp quân của Anh Vũ, đánh nhau to, quân của Lợi bại trận chết không kể xiết. Anh Vũ sai chém hết đầu bọn chúng bêu ở bên đường cho mọi người thấy, suốt từ cửa Bình Lỗ đến sông Nam Hán. Bắt được thủ lĩnh châu Vạn Nhai[3] là Dương Mục, thủ lĩnh động Kim Kê là Chu Ái, đóng cũi giải về kinh sư. Lợi chỉ chạy thoát một mình về châu Lục Lệnh. Vua ban chiếu cho Anh Vũ chiêu tập tàn quân của Lợi ở cửa quan Bình Lỗ, giải bọn Mục và Ái về giam ở phủ huyện của chúng, phát muối trong kho của nhà vua cho bọn chúng.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1 sai Anh Vũ đi đánh châu Lục Lệnh bắt được đồ đảng của Lợi hơn 2.000 người. Lợi chạy sang Châu Lạng. Thái phó là Tô Hiến Thành bắt được Lợi giao cho Anh Vũ đóng cũi giải về kinh sư. Sai Lý Nghĩa Lâm vỗ yên bè đảng còn sót của Lợi. Vua

---

[1] – Châu Tuyên Hóa: Ngay là huyện Định Hóa, tỉnh Bắc Kạn.
– Châu Cảm Hóa: Ở hía bắc tỉnh Bắc Kạn.
– Châu Vĩnh Thông: Nay thuộc tỉnh Bắc Kạn.

[2] Phú Lương: Nay thuộc tỉnh Bắc Kạn.

[3] Châu Vạn Nhai: Tức huyện Bắc Cạn, nay thuộc tỉnh Bắc Kạn.

ban chiếu cho bọn Đình úy xét tội của Lợi. Án xong vua ngự điện Thiên Khánh xử tội Lợi và bọn chủ mưu 20 người đều bị chém, ngoài ra theo thứ tự tội nặng nhẹ mà xử, tha cho những kẻ bị ức hiếp đi theo. Các **<3b>** quan dâng biểu mừng.

Lưu Vũ Xứng dâng rượu trắng, rồi lại dâng ngọc cau.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Lúc bấy giờ Lưu Vũ Xứng có tội về sai quân luật để bại trận, lại dâng điềm lành để che lỗi, mà không một người nào dám bàn đến, có thể thấy được hình chính bấy giờ nhiều việc sai trái. Đỗ Anh Vũ lăng loàn lấn át há phải không có duyên do đâu.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Suốt thời nhà Lý, chính sự phần nhiều lỏng lẻo. Văn Thịnh làm phản mà không bị giết; Vũ Xứng thua trận mà không bị tội, tệ hại đó dẫn đến sự im lìm[1] cẩu thả, trộm cướp tung hoành, bầy tôi lộng quyền, nước cũng do đấy mà mất, có lẽ tại lỗi khoan hậu quá đáng đấy.*

Nhâm Tuất, năm thứ 3 [1142] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 12), mùa đông, tháng 10, sai thủ lĩnh phủ Phú Lương là Dương Tự Minh[2] đến châu Quảng Nguyên để chiêu tập người châu ấy.

Tháng 12, định phép chuộc ruộng và nhận ruộng. Vua ban chiếu <4a> rằng: Những người cầm đợ ruộng thục[3] trong vòng 20 năm thì cho phép chuộc lại; ruộng đất tranh nhau trong vòng 5 năm hay 10 năm còn được phép kiện; ai có ruộng vườn bỏ hoang bị người khác cấy cày trồng trọt mà tranh kiện để nhận thì không được để quá một năm. Kẻ nào làm trái thì phạt 80 gậy. Người có ruộng thục hoặc ruộng hoang bán hẳn đi đã có văn khế thì không được chuộc lại, kẻ nào làmtrái cũng phạt tội như trên. Nếu tranh nhau ruộng ao mà lấy đồ khí giới nhọn sắc đánh chết hay làm bị thương người thì cũng phạt 80 gậy, xử tội khổ sai, đem ruộng ao ấy trả lại cho người chết hay người bị thương.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Giết người thì xử tử, đó là lệ phép từ đời xưa. Nay tội giết người cũng xử như người phạm tội khác thì thực là không phân biệt mức tội, mất sự cân nhắc nặng nhẹ đấy.*

Ban chiếu tha tội đi đày cho các bè đảng của Thân Lợi.

---

[1] Nguyên bản chép là chữ "Hy" không có nghĩa. Có lẽ phải là chữ "mặc" nghĩa là thầm lặng.

[2] Dương Tự Minh: Người Quán Triều, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

[3] Ruộng thục: Ruộng đã được canh tác nhiều năm.

Quý Hợi, năm thứ 4 [1143] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 13), mùa xuân, tháng 2, cấm thiên hạ tự tiện mổ thịt trâu bò. Nếu có việc cúng tế phải tâu xin, có lệnh rồi mới đượcmổ thịt, kẻ nào làm trái phải trị tội. Cứ 3 nhà làm một bảo **<4b>**. Nhà láng giềng không cáo giác cũng bị xử cùng tội.

Từ mùa xuân đến mùa hạ không mưa. Vua thân chinh làm lễ cầu đảo, tháng 6, trời mưa.

Mùa thu, tháng 8, ban chiếu cho Dương Tự Minh cai quản các khe động dọc theo biên giới về đường bộ.

Tháng 9, ban chiếu rằng: Các nhà quyền thế, ngoài giới hạn đầm ao của mình, không được ngăn cấm gì bậy, ai làm trái sẽ bị trị tội.

Mùa đông, tháng 10, sai Thái phó Hoàng Nghĩa Hiền và Viên ngoại lang Khổng Trường đem quân các khe động dọc biên giới về đường bộ đi đãi vàng ở các xứ Như Cá.

Giáp Tý, năm thứ 5 [1144] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 14), mùa hạ, tháng 5, Mâu Du Đô dâng chim sẻ trắng. Vua cho Mâu Du Đô làm Thái sư, giao lãnh việc ở các khe động dọc biên giới đường bộ.

> ***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Vào năm Thiên Chương Bảo Trị thứ 4 [1136], Mâu Du Đô bị bãi chức, cho đến nay đã 8 năm, lại đem sẻ trắng dâng điềm lành, mong rằng lại được tiến quan. Quả nhiên khi chim sẻ được dâng vào thì sắc lệnh cũng theo đómà ban ra. Vua Lý thích điềm lành, làm con đường tắt cho bọn tiểu nhân cầu công danh như thế. Từ Khắc* ***<5a>*** *dâng hươu được lên chức khu mật; Du Đô dâng chim sẻ được thăng chức Thái sư. Trách nhiệm nặng nề của kẻ chủ binh, chức trách cao lớn của bậc luận đạo trị nước, mà không kể đến người, lại kể đến loài cầm thú. Thần Tông đem mưu mô ấy để lại cho con cháu, cho nên Anh Tông theo đó mà làm có gì là lạ đâu.*

Ất Sửu, năm thứ 6 [1145] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 15), mùa hạ, tháng 4, mưa dầm, làm lễ cầu tạnh.

Ban chiếu rằng: Những người tranh nhau của cải ruộng ao, không được cậy vào nhà quyền thế, ai làm trái phạt 80 gậy, xử tội khổ sai.

Mùa thu, tháng 7, làm các đền thờ thần (đền núi Tản Viên và các đền Bố Cái, Ông Nghiêm, Ông Mẫn).

Tháng 8, bắt bè đảng yêu thuật Đàm Hữu Lượng của nhà Tống là

bọn Bá Đại đưa về nước Tống. Lúc đầu người yêu thuật nước Tống là Đàm Hữu Lượng trốn sang châu Tư Lang (chữ Lang có bản chép là Lãng) nói dối là vâng lệnh đi sứ để hiểu dụ cho nước ta, các khe động ở dọc biên giới nhiều người theo. Hữu Lượng đem đồ đảng cướp phá châu Quảng Nguyên. Khi đó nam bắc thông hữu với nhau đã lâu, bỗng nghe ngoài biên giới báo về, triều đình không biết tại sao, gặp lúc Kinh lược Súy ty lộ Quảng Tây nhà Tống đưa thư **<5b>** nhờ đuổi bắt Hữu Lượng. Vua bèn ban chiếu cho phò mã là Dương Tự Minh và văn thần là bọn Nguyễn Như Mai, Lý Nghĩa Vinh đi đánh, rồi lại sai Thái sư là Mâu Du Đô đem quân các khe động dọc biên giới về đường bộ tiến tiếp. Khi quân của Mâu Du Đô đến nơi thì Tự Minh đã lấy được ải Lũng Đỗ châu Thông Nông[1], bắt được bè đảng của Hữu Lượng là bọn Bá Đại 21 người, duy có Hữu Lượng chạy thoát, trốn vào núi rừng, đầm trạch. Vua ban chiếu cho quản quân xứ là Nghĩa Vinh, áp giải bọn Bá Đại giao trả về nước Tống. Quan Ung Châu nước Tống tạm cấp giấy cáo thân[2] đồng thời với Hữu Lượng và hơn 20 người thủ lĩnh ở châu Quy Thuận (Quy Thuận sử cũ chép là Tư Minh, Tư Minh là đất nhà Tống, Tư Thuận là đất của ta. Khi đó Hữu Lượng đang trốn tránh ở bờ cõi nước ta thì sao có thể vượt được mà vào Tư Minh, cho nên đổi làm Quy Thuận là phải), mỗi người đều mang theo ấn đồng, địa đồ và vật thổ sản về Tống. Khi đến trại Dương Sơn (có bản chép là Hoành Sơn), quan Ung Châu nhà Tống là Triệu Nguyện bắt Hữu Lượng giải đến Suý ty, chém chết. Trong đảng của Hữu Lượng có người tên là Dương Ư, ở ngực có thích vân rồng đen, người Tống biết là người nước ta, nhân đấy cùng với các thủ lĩnh đều trả lại cho ta, đều bỏ ngục chết **<6a>**.

Xây dựng cung Quảng Từ, rước Hoàng Thái hậu đến ở đấy.

Cấm thợ bách tác[3] không được làm đồ dùng theo kiểu nhà quan mà tự tiện bán cho dân.

Bính Dần năm thứ 7 [1146] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 16), mùa xuân, tháng 3, Mâu Du Đô chết.

Mùa hạ, tháng 4, trâu và gia súc chết dịch.

Trời hạn, cầu đảo được mưa.

Sao chổi mọc.

---

[1] Châu Thông Nông nay là huyện Thạch Nông, tỉnh Cao Bằng.

[2] Giấy cáo thân: Như giấy thông hành, dùng để đi đường.

[3] Thợ bách tác: Thợ thủ công chuyên làm đồ dùng cho vua và triều đình.

Tháng 6 nhuận, vua ban chiếu cho các ty xử án, kẻ nào tranh bậy, không hợp điều chế phạt 60 gậy.

Mùa thu, tháng 7 dựng 6 nhà kho Thiên Tư.

Tháng 8, vua ban chiếu các quan quản giáp, chủ đô phàm sung bổ làm cấm quân đều nên chọn những hộ nhiều người, không được lấy người cô độc, kẻ nào làm trái thì bị trị tội.

Đinh Mão, năm thứ 8 [1147] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 17), mùa đông, tháng 10, dựng hành cung ở trại Yên Hưng[(1)].

Ban chiếu cho Đỗ Anh Vũ đến phủ Phú Lương khảo xét quan liêu và định số mục hộ tịch.

Hoàng Thái hậu Đỗ Thị, băng. Dâng tên thụy là Thiên Kiến Hoàng Thái hậu[(2)].

<6b> Mậu Thìn năm thứ 9 [1148] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 18, mùa xuân, tháng 2, vua ngự đến hành cung Lý Nhân xem cày ruộng tịch điền, rồi lại đến hành cung Ứng Phong.

Mùa hạ, tháng 6, ban chiếu cấm các thủ lĩnh và quan lang người Man Lý (có bản chép là Man Lai) và Sơn Liên ở hai trấn Đại Thông và QuyNhân[(3)] không có việc gì thì không được về kinh.

Mùa đông, tháng 10, khánh thành cung Quảng Từ (xét ra cung Quảng Từ là chỗ ở của Lê Thái hậu, dựng vào mùa thu, năm Ất Sửu [1145] đến nay khánh thành, công xây dựng hết cả năm, thế thì phí tổn nhiều lắm. Lê Thái hậu đang lập cung riêng để tư thông với Đỗ Anh Vũ. Anh Tông còn nhỏ không biết, nhà sử ghi lại để biết việc đó).

Kỷ Tỵ, năm thứ 10 [1149] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 19), mùa xuân, tháng 2, lập trang Vân Đồn. Khi đó thuyền buôn ở nước Qua Oa, Lộ Lạc, Xiêm La vào Hải Đông xin cư trú buôn bán. Vua cho rằng thuyền buôn ngoài biển có nhiều hàng hóa quý và sản vật địa phương, tiện cho việc cùng nhau trao đổi để dâng lên. Sai các nơi ngoài hải đảo lập trang gọi là Vân Đồn cho họ ở (ngày nay ở châu Vạn Ninh, An Quảng có phố An Lãng đều có người buôn bán phương Bắc ở là bắt đầu từ khi ấy).

Mùa hạ, tháng 4, vua ngự ở thềm rồng xem bắt voi (thềm rồng không phải là nơi bắt voi, ghi là vua xem để chê đấy).

---

(1) Trại Yên Hưng: Thuộc huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh.

(2) ĐVSKTT chép: Hoàng hậu.

(3) Quy Nhân: Thời Lý không có trấn Quy Nhân, có lẽ là trấn Quy Hóa.

Mùa đông, tháng 10[1], cho Trung thư hỏa giữ phủ Phú Lương <7a> là Nguyễn Quyền làm Trung thư xá nhân đến Na Đàm Điền ở đầu phía Nam Châu Văn, hội với Triều phụng lang châu Thất Nguyên là Nông Ngạn Cương để bàn việc biên giới, vì người châu Quảng Nguyên bắt Liêu Ngũ ở châu Thất Nguyên, cho nên mới sai bọn Quyền xử lý việc đó.

Xây dựng hành cung Lỵ Nhân.

Canh Ngọ, năm thứ 11 [1150] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 20), mùa xuân, tháng 3, hạn.

Tháng 9, người Chân Lạp cướp phá châu Nghệ An, đến núi Vụ Thấp gặp khí trời nắng và ẩm thấp, trong quân nhiều người chết vì khí độc núi rừng, nên tự tan vỡ.

Tả Hưng thánh hỏa đầu[2] là Nguyễn Dưỡng mưu giết Đỗ Anh Vũ không được, bị chết.

Trước đây, vua mới lên ngôi còn trẻ thơ, chính sự bất cứ mọi việc lớn nhỏ, đều uỷ cho Đỗ Anh Vũ giải quyết, Anh Vũ ra vào nơi cung cấm thông gian với Lê Thái hậu (Anh Vũ trạng mạo đẹp đẽ đẫy đà, múa khéo hát hay, 8 tuổi được tuyển lựa vào đội Thượng lâm đệ tử[3], năm 16 tuổi, Thần Tông cho vào hầu nơi màn trướng, được yêu hơn cả các quan lục thượng[4]. Lê Thái hậu thích tiếng hát và sắc đẹp của Vũ, từ lâu muốn thông gian với Vũ, đến nay xây dựng cung Quảng Từ, ngày đêm cùng ăn ở với nó), tự cậy mình nắm quyền trong nước, lại có sự giúp đỡ ngầm, nhân thế càng kiêu căng, thường ở triều đình giơ tay quát tháo <7b>sai bảo, quan lại ai cũng gườm mà không dám nói. Điện tiền chỉ huy sứ là Vũ Đái, Quảng vũ đô hỏa đầu là Lương Thượng Cá, Ngọc giai đô hỏa đầu là Đồng Lợi, Nội thị là Đỗ Ất cùng với bọn Trí Minh vương (khuyết danh), Phò mã lang là Dương Tự Minh mưu giết Anh Vũ. Bàn tính xong, bọn Đái đem quân lính đến ngoài cửa Việt Thành, hô lớn rằng: "Anh Vũ ra vào cung cấm, làm bừa tội ác ô uế, tiếng xấu đồn ra ngoài, không tội gì lớn bằng. Bọn thần xin sớm trừ đi, đừng để mối lo về sau". Có chiếu sai cấm quân bắt Anh Vũ giam ở hành lang Tả Hưng Thánh. Sai Đình úy xét việc đó. Thái hậu sai người đem cơm rượu cho Anh Vũ

---

(4) ĐVSKTT chép là tháng 11.

(2) Tả Hưng thánh hỏa đầu: Lính cấm quân.

(3) Thượng lâm đệ tử: Đội ca múa trong vườn của vua.

(4) Quan lục thượng: Quan hầu hạ các việc trong cung cho vua như: hầu ăn, hầu áo, hầu tắm, hầu chiếu, hầu xe, hầu mã...

ngầm để vàng vào trong đồ đựng món ăn để hối lộ cho Đái và các người canh giữ. Tả Hưng Thánh Hỏa đầu là Nguyễn Dương nói: "Các người tham của hối lộ, ta với các người ắt không thoát khỏi tay Anh Vũ đâu, chi bằng giết đi, để khỏi tai vạ về sau. Bèn cầm giáo định đâm, Tả hưng đồ là Đàm Dĩ Mông ôm Dương rồi cướp giáo <8a> lấy giáo ngăn lại mà nói là quan điện tiền nói "Anh Vũ tội đáng chết nhưng phải đợi mệnh lệnh của Vua, không nên tự tiện". Dương giận lắm, thậm chí lấy việc bẩn thỉu mà chửi rằng: "Vũ Đái sao tham của hối lộ của người ta mà không tiếc tính mạng của mình!". Nói xong, tự biết mình không tránh khỏi chết, mới nhảy xuống giếng tự tử. Vua xét vụ án của Anh Vũ, đầy Anh Vũ làm Tảo điền nhi. Thái hậu lo buồn, nghĩ làm thế nào để phục hồi địa vị cho Anh Vũ, mới nhiều lần mở hội để xá tội cho các tội nhân, mong rằng Anh Vũ được dự vào đấy. Anh Vũ quả vì qua nhiều lần tha tội, lại được làm Thái úy phụ chính như cũ, càng được yêu mến tin dùng hơn, do đó chuyên quyền gây họa ban phúc, cho sống hoặc giết chết không chút sợ kiêng, hàng ngày nghĩ kế báo thù. Sợ quan lại không vừa ý mình, bèn dâng hơn 100 người nó thường sai bảo làm Đô phụng quốc vệ, người nào phạm tội đều giao cho bắt trị tội. Anh Vũ nhân đấy mật tâu với vua rằng: "Trước kia bọn Vũ Đái tự tiện đem cấm quân xông vào cung đình, tội ấy không gì to bằng, nếu không trừng trị sớm đi, sợ một ngày kia có biến thì không thể mưu tính được". Vua, <8b> chẳng biết gì, lập tức nghe theo lời tâu. Anh Vũ liền sai Đô phụng quốc vệ bắt bọn Vũ Đái hạ ngục trị tội. Ban chiếu giáng Trí Minh vương xuống tước hầu, giáng Bảo Minh hầu xuống tước Minh tự, giáng Bảo Thắng hầu làm phụng chức, nội thị là bọn Đỗ Át 5 người bị cùm chân (chữ mộc mã, viết ngoa từ chữ mã cổ tức là lấy dây buộc hai đầu miếng gỗ rồi khóa lại như loại cùm chân). Hỏa đầu Ngọc giai là bọn Đồng Lợi 8 người bị chém ở chợ Tây Giai, Điện tiền Đô chỉ huy là bọn Vũ Đái 20 người bị chém bêu đầu ở các bến sông. Phò mã là bọn Dương Tự Minh 30 người đày đi những nơi xa xôi hiểm độc. Những kẻ dự vào mưu đó đều làm khổ sai ở Điền An, Khúc Giáp.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Đỗ Anh Vũ ra vào cung đình, tư thông với mẫu hậu, không tội gì to bằng. Bọn Vũ Đái tâu bày tội trạng gian dâm đó ở triều đình, bắt giam vào ngục mà giết đi thì phải. Nay lại đem quân đột nhập cửa Việt Thành, ức hiếp vua nhỏ tuổi, ép xin chiếu* **<9a>** *chỉ. Đến khi bắt được Anh Vũ rồi lại nhận vàng của Thái hậu mà không nghe lời nói của Nguyễn Dương. Sau này lại bị Anh Vũ giết chết, liên lụy đến mấy mươi người, có thể bảo là nuôi hổ để họa về sau đấy?*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Anh Vũ là kẻ đại ác, bọn Đái đã cùng với các người tôn thất hợp mưu mà không tuyên bố tội trạng ở triều đình, để làm rõ tội của nó, lại đem quân sĩ bắt hiếp vua nhỏ tuổi. Lúc bấy giờ Anh Vũ mừng vì đã có chỗ để mà nói đấy, biết đâu nó lại không lập kế tư thông với Thái hậu, khiến phải đút lót nhiều cho bọn Đái mong tạm khỏi chết, để thỏa lòng báo thù sau này. May Nguyễn Dương nói rõ cái chỗ gây tai hoạ. Đến khi bọn Đái không nghe, Dương thà phải nhảy xuống giếng để cho họ biết, thế mà cũng không tỉnh ngộ, chuốc lấy tai vạ về sau này thì còn trách ai! Vậy thì Thái hậu vô tội ư? trả lời rằng: "Tội nặng lắm chứ. Không có tài đức quyền vị như Y Doãn, Chu Công*[1]**<9b>** *mà muốn ngăn chặn nó thì khó lòng tránh khỏi cái sai lầm.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Anh Vũ là bề tôi lại tư thông với mẫu hậu, tội đó không thể tha được. Vũ Đái cùng với các vương hầu xuất phát từ lòng căm phẫn, bất đắc dĩ phải làm chuyện như Dục Quyền*[2]*. Anh Tông còn nhỏ không hiểu. Khi đầu sợ quân vây bức cửa Việt Thành nên ban chiếu cho bắt Anh Vũ. Sau đó lại nghe theo bản kết án của Đình Uý mà đày Anh Vũ đi làm ruộng, vốn là không có ý giết nó. Do đó Lê Thái hậu muốn che đậy tội ác, đặt lời là Vũ Đái vu không mà tố cáo bên trong; Anh Vũ muốn phục thù nên đem việc Vũ Đái tự tiện dùng binh dọa nạt bên ngoài, thế thì làm gì mà vua chẳng động lòng nghe theo. Kể ra vua đã ban chiếu cho cấm quân thu bắt, đã ra lệnh cho Đình Uý xét xử, nếu bọn Đái có giết Anh Vũ cũng có lý rồi đấy. Nếu làm rõ tội của hắn ghép ngay vào hình phạt nặng. Anh Tông đã ban chiếu mệnh rồi thì Thái hậu sao có thể lập mưu khác được. Bây giờ lại dùng vũ lực mà bắt, nhận của hối lộ* **<10a>** *mà than, khiến cho ông vua nhỏ tuổi ít nghi ngờ, mưu kế của người đàn bà dâm đãng được thực hiện; tính hung ác của kẻ nghịch thần được tung hoành, chỉ có Nguyễn Dương biết là không phải, nhưng không được làm theo ý của mình; còn những người khác thì đều ngu muội. (Về việc 5 tước vương thời Đường chết vì Vũ*

---

[1] Y Doãn, Chu Công: Hai bầy tôi giúp vua nhỏ tuổi làm nên sự nghiệp lớn.

[2] Dục Tuyền: Quan đại phu nước Sở thời Xuân Thu. Lúc đầu Quyền can ngăn Sở Tử: Sở Tử không nghe, liền dùng binh lực để dọa. Sở Tử sợ mà nghe theo. Dục Tuyền nói: Ta lấy binh lực để dọa vua, tội này không gì lớn hơn bèn tự chặt chân.

Tam Tư[1] cũng như vậy đấy. Nguyễn Dương muốn giết Anh Vũ, là người trung đấy; biết là không tránh khỏi mà chết là dũng cảm đấy. Cho nên đặc biệt chép vào sử để khen.

Ban chiếu cấm bọn hoạn quan không được tự tiện vào cung, ai phạm bị tội chết. Nếu dung túng cho người khác vào cung cũng chịu tội như thế.

Cấm các quan trong triều, không được đi lại nhà các vương hầu. Ở trong cung cấm không được hội họp nhau năm ba người bàn luận, chê bai, kẻ nào làm trái phải chịu tội. Mảnh đất phía ngoài hành lang để khí giới của Đô phụng quốc vệ không ai được qua lại, kẻ nào phạm cấm phạt 80 gậy; xử tội khổ sai. Kẻ nào vào đến trong hành lang bị xử tử. Quân phụng quốc vệ ở trong hành lang nếu không có chiếu chỉ mà tự tiện cầm khí giới đi qua ra ngoài khu vực ấy thì tội cũng như thế.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Quá lắm thay, cái kế của Lê Thái hậu để phòng người ta, tuy nói rằng* **<10b>** *mưu tính cho nước, nhưng thực ra là mưu tính cho bản thân đấy. Có lẽ là nết xấu đã rõ ràng, đồn đại khắp trong ngoài. Dù đã giết Vũ Đái để bịt miệng một thời, nhưng vẫn sợ có kẻ giữ lòng trung nghĩa kể rõ tội đó ra, kẻ có trí khôn cao hơn Vũ Đái đương bàn tính ở phía sau. Cho nên mới đặt ra cấm đoán gắt gao. Không cho bọn hoạn quan vào cũng là sợ tai tiếng không thể che đậy được mãi đấy; quan trong triều không được đi lại nhà các vương hầu là sợ bên ngoài có nhiều người mưu tính về mình đấy, trong cung không được bàn luận chê bai là sợ tiếng xấu kín đáo lan ra bên ngoài đấy; Đô phụng quốc vệ không được qua lại, không có chiếu chỉ không được cầm vũ khí là sợ các vệ thân sớm hôm lại sinh biến đấy. Anh Tông lúc đó đã trưởng thành, không biết phòng ngừa mẹ, lại bị mẹ làm mê hoặc khiến cho đứa gian thần là Anh Vũ dâm loạn mà không kiêng nể gì. Vua thật là ngu dại lắm thay!*

<11a> Tân Mùi, năm thứ 12 [1151] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 21), mùa xuân, tháng 2, vua đến Long Thủy bắt được voi trắng, các quan dâng biểu mừng:

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Thần Tông bắt được rùa thì các quan dâng tôn hiệu; Anh Tông bắt được voi thì các quan dâng biểu mừng, thật xiểm mị lắm thay!*

---

[1] Vũ Tam Tư: Cháu Vũ Hậu thời Đường, mưu làm Thái tử, nhưng không được, khi Vũ Hậu chết, thông đồng với một số bọn khác lập mưu phế Thái tử, bị Thái tử giết chết.

Mùa thu, tháng 8, vua đến cung Quảng Trì xem đua thuyền.

Mùa đông, tháng 11, Hoàng trưởng tử là Long Xưởng sinh ở hành cung Ứng Phong, liền sách phong làm Hiển Trung vương.

Xây dựng gác Vĩnh Thanh ở phía Tây điện và làm 2 chiếc thuyền Vĩnh Diệu, Thanh Lan.

Nhâm Thân, năm thứ 13 [1152] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 22), mùa hạ, tháng 4, động đất.

Tháng 5, trời mưa ra cát vàng.

Mùa thu, tháng 7, trời mưa ra cát vàng.

Mùa đông, tháng 10, thi Điện (xét thấy khi ấy phép thi cử chưa có quy định, hoặc là khi ấy có chiếu cho cử học trò trong nước, vua tự xem thi ở sân điện, sử ghi không rõ không thể tra cứu được).

Người Chiêm Thành là Ung Minh Tá Điệp, đến cửa <11b> khuyết xin mệnh cho làm vua nước ấy, vua ban chiếu cho Thượng chế là Lý Mông đem hơn 5.000 quân đến Thanh Hóa, Nghệ An đưa về nước ấy lập làm vua. Lý Mông đến Chiêm Thành bị vua nước ấy là Chế Bì La Bút chống cự, Ung Minh Tá Điệp và bọn Lý Mông đều chết.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Chiêm Thành khi phản bội khi thần phục bất thường, nên là loại thuộc quốc ràng buộc của ta. Nếu như bề tôi của nó có người làm phản nghịch như Tô Văn*[1]*, vua nước nó có người phải bỏ chạy như Vệ Khoái*[2] *thì cũng phải có lời văn nói rõ ra, chấn chỉnh việc chuẩn bị dẹp yên biên giới, bảo ban hai ba lần cho quân nó thần phục. Nếu quân nó không theo thì kể rõ tội mà đánh, dẹp hết loạn rồi lại nhận nó, thế tức là ngăn chặn kẻ mạnh, nâng đỡ kẻ yếu. Ân và uy đều tỏ rõ, tức là làm được cái đạo nuôi dưỡng nước nhỏ, vỗ về người xa đấy. Nếu việc họ xin không đúng đắn nghĩa không nên đánh thì từ chối. Cậy thế chỉ dựa vào lời xin của Ung Minh Tá Điệp mà không xét về ý hướng phải hay trái; sự việc khó hay dễ,* <12a> *mà đã vội vã sai tướng đem quân đưa nó về nước, lập nó làm vua. Cuối cùng đã dẫn đến việc không thành, làm tan quân nhục nước, lại còn nhận đứa con gái Man Di, để thêm xấu hổ. Quẻ "vô vọng" trong*

---

[1] Tô Văn: Tức Cáp Tô Văn người Cao Ly chống nhau với Tiết Nhân Quý nhà Đường.

[2] Vệ Khoái: Tức Khoái Hội con vua Linh Công nước Vệ. Vệ Linh Công mất, Khoái được lập làm vua bị quân Tấn giết chết.

Kinh Dịch có câu: "Hoặc kế chi ngưu, hành nhân chi đắc, ấp nhân chi tai" (có kẻ buộc trâu, người đi đường thì được, người trong ấp bị tai hoạ). Câu nói đó có thể bảo là ám chỉ vào Anh Tông chăng? Đương thời Anh Vũ nắm quyền, gây càn hiềm khích ngoài biên, bầy tôi trong triều hẳn là không dự biết chuyện đó. Nếu không thì sự khinh suất làm càn, dù đứa trẻ mới cao ba thước[(1)] cũng biết là làm thế không được, huống hồ bề tôi trung như Tô Hiến Thành lại không có một lời can ngăn nào ư?

Quý Dậu, năm thứ 4 [1153] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 23), xây dựng cửa Tân Quan.

Giáp Tuất, năm thứ 15 [1154] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 24), mùa xuân, tháng Giêng, người Liêu ở núi Chàng Long làm phản, tháng 2, vua ban chiếu cho Đỗ Anh Vũ đi đánh, nó phải hàng.

Mùa thu, tháng 8, thủ lĩnh của bọn Sơn Liêu ở sông Đại Hoàng (nay là phủ Trường Yên) là Mông Khả Lai làm phản.

Tháng 9, vua ngự ra cửa nam thành Đại La xem đắp đàn Viên Khâu[(2)]<12b>.

Mùa đông, tháng 10, vua nước Chiêm Thành là Chế Bì La dâng con gái, vua nhận.

Sử thần Lê Văn Hưu bàn: *Kể ra thì các bậc đế vương đối với người Di Địch nếu nó phục thì lấy đức mà vỗ yên, nếu nó phản thì lấy uy mà trừng trị. Anh Tông sai Lý Mông đem hơn 5.000 quân để giúp lập Ung Minh Tá Điệp làm vua nước Chiêm Thành mà bị Chế Bì La Bát giết chết, đáng lẽ phải đem quân hỏi tội, chọn lập một người khác lên thay làm vua nước ấy thì uy mới vang động đến người khác, phong tục, ân đức mới thấu đến vua sau của nước ấy. Nay lại nhận con gái của họ mà không hỏi tội họ, có thể bảo là sai lầm đấy. Về sau Chiêm Thành, Chân Lạp liên tục vào cướp phá một rẻo Nghệ An, tàn tệ không sao kể xiết, thực là do Anh Tông gây ra đó.*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Nước nhỏ nhờ nước lớn là vì có thể giúp cho nước mình được yên tĩnh. Nếu chẳng may có gặp loạn, Công tử chạy ra ngoài thì có đường lối đưa họ trở về nước.*

---

(1) Thước ở đây là nói đơn vị đo chiều dài xưa (3 thước = 1 mét).

(2) Đàn Viên Khâu: Nơi vua tế trời.

Nhưng nếu không <13a> đúng đắn thì chưa bao giờ làm nên việc được, như việc nước Lỗ đưa Tử Củ về nước vậy. Đưa về nước mà biết là không đúng đắn, như việc nước Tấn đưa Công tử Tiệp Tri về nước ấy. Anh Tông đưa Ung Minh Tá Điệp về nước nếu quả là đúng đắn mà bị bọn kia chống mệnh giết càn, thì không thểđem quân đi hỏi tội được. Nếu quả là không đúng thì sao không tự kiểm điểm bản thân mình. Song việc đã đến thế thì nên sai một viên sứ đến hỏi tội, đợi cho họ hối hận tạ lỗi là được.Ấy thế mà say đắm tình riêng về sắc đẹp con gái mà quên mất việc lớn của nhà nước. Thế mà người làm quan ăn lộc bấy giờ không có lời nói là lẽ vì sao?

Tháng 12, vua thân đi đánh Mông Khả Lai, thắng lợi. Từ khi ra quân đến khi về kinh sư tất cả 10 ngày.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Chiến dịch này từ khi ra quân đánh dẹp đến khi về Kinh mới <13b> có 10 ngày, không phí của nước, không nhọc sức dân, dùng binh hành quân có thể bảo là thần tốc đấy. Núi khe ở Trường An không hiểm trở lắm. Khai Quốc vương làm phản khi trước; Mông Khả Lai làm phản khi sau. Ý chừng từ khi không đóng đô ở Hoa Lư mà bỏ nơi ấy làm chốn biên thùy, trong liền với Thiên Quan[(1)] ngoài thông với Nga Tống[(2)]. Sự rậm rạp của núi rừng, sự quanh co của khe ngòi là thế có thể dựa được.Vậy nên bọn phản nghịch còn có chỗ lén lút tụ họp, nhiều lần phải huy động đại quân. Thế xưa nay không giống nhau, điều ấy ta có thể thấy được.*

Xây dựng hành cung Ứng Phong, hành cung Ly Nhân, và đóng thuyền Vĩnh Chương.

Ất Hợi, năm thứ 16 [1155] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 25), mùa thu, tháng 8, đua thuyền.

Nước to.

Động đất.

Tháng 9, thu tô ruộng chiêm.

Mùa đông, tháng 10, sao Mộc xâm phạm phận dã sao Kim.

Làm phủ đệ ở Phú Lương.

---

(1) Thiên Quan: Tức Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

(2) Nga Tống: Tức huyện Nga Sơn và Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tháng 11, nước Chiêm Thành sang cống.

Tháng 12, động đất.

Làm <14a> cung Lệ Thiên và hành lang triều cận ở hiên Long Khánh.

Bính Tý năm thứ 17 [1156] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 26), mùa xuân, tháng 2, trời mưa ra cát vàng.

Mùa hạ, tháng 4, làm phủ đệ ở Châu Quảng.

Mùa đông, tháng 12, ban đêm kho Ngự cháy.

Hưng công lớn về việc thợ mộc. Làm hành cung Ngự Thiên, điện Thụy Quang, gác Ánh Vân, cửa Thanh Hoa, thềm Nghi Phượng, gác Diên Phú, đình Trường Hoa, thềm Ngọc Hoa, ao Kim Liên, cầu Minh Nguyệt, và đóng thuyền lớn cho ngự trù[1], thuyền lớn cho Nội cung.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Các vua triều Lý ngoài việc xây dựng chùa tháp, dùng sức dân nhiều, không vua nào bằng vua Anh Tông. Trong khoảng thời gian 37 năm, sử ghi 2 lần dựng miếu, 3 lần làm đền thờ, 6 lần đóng thuyền, còn việc xây chùa, sửa chùa, xây đàn, mở cửa, làm nhà kho, sửa sang cầu, mỗi việc đều một lần. Mười lần làm cung điện phủ đệ đài các lộng lẫy, ao sâu <14b> rộng rãi thì không khi nào nhiều bằng. Lúc đó nước lụt, nắng hạn luôn luôn, nạn đói bệnh dịch dồn đến, thế mà không ra ân thu thuế hay phát chẩn, công việc xây dựng vẫn liên tục, ơn huệ của mộ tông vua tổ ba vua tông, đến bấy giờ tiêu tan hết. Cho nên cái mà sử trước ghi về việc sai dân phần lớn đều theo cũ mà ghi đầy đủ. Xem thế thấy được vua không thương dân đấy. Duy có việc lập miếu Khổng Tử và sửa miếu Văn Tuyên Vương là việc tôn sư, và xây đàn Viên Khâu, sửa đền Hậu Thổ là việc kính trời thờ đất, chỉ có mấy việc ấy là hợp nghĩa mà thôi.*

Thái phó là Lý Du Đô dâng sớ xin hưu trí, thăng chức Thái sư, ban vàng cho về quê hương.

Dựng miếu Khổng Tử.

Năm ấy đói to, gạo một thăng giá 70 đồng.

Đinh Sửu năm thứ 18 [1157] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 27), ban chiếu định luật lệnh.

<15a> Mậu Dần, năm thứ 19 [1158] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 28), mùa xuân, tháng 2, đặt hòm bằng đồng ở sân điện để ai có việc gì muốn

[1] Ngự trù: Bếp của vua.

nói thì cho phép được viết thư bỏ vào trong đấy. Trước đấy Nguyễn Quốc đi sứ nước Tống về nói rằng: Nhìn thấy ở sân điện nước Tống có hòm đồng để nhận sớ tấu của bốn phương, xin được làm theo như vậy, để thấu được tình của kẻ dưới, vua nghe theo. Vừa gặp lúc có kẻ ngầm bỏ thơ nặc danh nói là Anh Vũ làm loạn. Tìm bắt người đó không được, Anh Vũ cho là Quốc làm việc ấy đem đày Quốc ở trại Đầu thuộc Thanh Hoá, không bao lâu vua gọi Quốc về. Anh Vũ lại đưa rượu có thuốc độc cho Quốc, Quốc tự xét không thể tránh khỏi, bèn uống thuốc độc chết.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Từ xưa bọn gian thần chuyên quyền ngang ngược vốn là bên trong nhờ cậy mẫu hậu, bên ngoài thì áp chế triều đình, đều vì vua mới nối ngôi còn nhỏ tuổi mới dám như vậy mà thôi. Vua Thủy Hoàng lớn lên, thì Lao Ái bị giết;gian tình của Hồ hậu lộ ra, thì Đàm Hiến phải chết. Chưa có người nào dám nắm quyền bính trong nước* **<15b>** *20 năm quyền sinh, quyền sát, gây họa giáng phúc cũng riêng mình nắm và cản trở vua như của Anh Vũ. Vua Anh Tông đã ngoài 20 tuổi, việc tư tình của mẫu hậu, gian trá của quần thần vốn đã tai nghe mắt thấy rõ ràng. Từ sau khi binh biến ở Việt Thành*(1) *thì vua bên trong phải phòng bị cẩn thận, bên ngoài phải ngăn chặn, để dần dần thu lấy uy quyền của mình mới phải. Nay Anh Vũ vì thư nặc danh nghi cho Nguyễn Quốc, bắt Quốc đi đày, đến khi Nguyễn Quốc được triệu về thì Anh Vũ lại đưa thuốc độc để giết Nguyễn Quốc. Đại Phương*(2) *vì sao phải đến Kiền Châu? Ông đầu bạc mọi ngày nay ở đâu? Mình ngồi không ở trên mà oai quyền họa phúc lại cho người khác, dù nói là chưa biết gì thì cũng biết còn hay mất. Nhu nhược như vậy thì làm sao không bị tiểu nhân lộng quyền được.*

Sai Thiếu bảo là Lý Công Tín tuyển dân đinh, định các hạng và lấy người sung vào việc thờ cúng ở Thái miếu và Sơn Lăng (Công Tín phục lại họ cũ).

Mùa thu, tháng 8, Đỗ Anh Vũ chết.

<16a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Vua Anh Tông lên ngôi mới 3 tuổi, còn nhỏ hơn Đinh Toàn. Lê hậu tư thông với Anh Vũ*

---

(1) Chỉ việc xảy ra năm Canh Ngọ (1150), bọn Vũ Đái đem quân đến cửa Việt Thành kể tội Anh Vũ.

(2) Đại Phương: Là bề tôi của nhà Tống, bị tên gian thần là Chương Đôn biếm đi Kiền Châu. Vua Tống là Triết Tông không biết gì và hỏi Đại Phương tại sao đến Kiền Châu?

tiếng xấu đồn vang hơn cả Dương Thị; Anh Vũ làm Thái úy, giữ binh quyền, mạnh hơn Thập đạo tướng quân. Bè đảng Đàm Dĩ Mông không kém bọn Phạm Cự Lạng, bọn Lưu Vũ Xứng, Mâu Du Đô lại không làm được những việc như Đinh Điền, Nguyễn Bặc. Đánh một hồi trống mà bắt được Thân Lợi; một lần vây bắt mà bọn Vũ Đái 5, 6 mươi người kẻ thì chết, kẻ bị đày, triều đình phải sợ uy thế, lại có Thái hậu làm chủ, bên trong vẫn giữ vững khí tiết bề tôi, khiến cho Anh Tông vẫn xứng "quả nhân" giữ việc tế tự, bấy giờ đã 19 năm, cho đến khi chết là vì sao ? Vì Lý Thái Tổ lấy điều nhân hậu mà dựng nước, các vua sau bồi đắp thêm, không bạo ngược như Đinh Tiên Hoàng. Mới trỗi dậy như họ Đinh, Anh Vũ là kẻ tiêu nhân dâm tà trộm giữ quyền vị, chí nguyện đã thỏa mãn, cũng chẳng dám ví với Đại Hành là bậc **<16b>** *anh hùng. Cho nên không nảy ra ý nghĩ nhòm ngó ngôi vua, mà bè đảng của ông cũng không dám khuyên ông làm việc thay ngôi và nhường ngôi. Nếu không thế thì sao đường đường là vị Hoàng hậu tôn quý, lại đưa cơm rượu cho thằng tù bị giam; hối lộ vàng cho kẻ coi ngục, công nhiên không hề kiêng nể gì? Mở hội xá tội bừa bãi mong khôi phục quyền vị của nó. Nếu có sơ hở nào có thể làm được, thì nào có đoái thương đến đứa con thơ và xã tắc của họ Lý, mà không mang cho người mình yêu thích để làm một bà Thắng Minh Hoàng hậu của nhà họ Đỗ hay sao? Thế mới biết nhà nước thịnh hay suy, vận mệnh dài hay ngắn đều do mưu mô tốt hay xấu của cha ông để lại. Bề tôi cầm quyền gian tà đời nào chẳng có, nhưng trời chưa chán ghét đứa con của nhà Lý, thì ai làm gì để thay đổi đượcmệnh trời.*

Mùa hạ, tháng 5, Ngưu Hống và Ai Lao làm phản. Trước đấy NgưuHống từng dâng voi hươu, đến bấy giờ lại làm phản, vua sai Tô Hiến Thành đi đánh, bắt được người, ngựa, trâu, voi, vàng bạc, châu báu rất nhiều, vua phong Hiến Thành làm Thái úy.

<17a> Canh Thìn, năm thứ 21 [1160] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 30), mùa xuân, tháng Giêng, làm đền Hai Bà và đền Xuy Vưu ở phường Bố Cái.

Tháng 2, sai Tô Hiến Thành và Phí Công Tín, tuyển lựa dân đinh mạnh khoẻ sung vào quân ngũ; chọn các tướng hiệu, người nào thông hiểu binh pháp, thạo võ nghệ chia cho cai quản.

Tân Tỵ, năm thứ 22 [1161] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 31), mùa xuân, sai đem voi thuần sang biếu nước Tống.

Xây dựng chùa Pháp Vân ở châu Cổ Pháp.

Mùa đông, tháng 10, Thái phó là Hoàng Nghĩa Hiền mất, nghỉ chầu 5 ngày. Vì có công giúp vua lên ngôi nên đặc ân hơn lễ thường.

Tháng 11, sai Tô Hiến Thành làm Đô tướng, Đỗ An Di làm phó, đem 2 vạn quân đi tuần ở các nơi ven biển miền Tây Nam, để trấn an bờ cõi. Vua thân đưa đến cửa biển Thần Đầu huyện Đại An mới trở về.

Thái úy là Lưu Khánh Đàm mất.

<17b> Nhâm Ngọ, năm thứ 23 [1162] (Tống Thiệu Hưng năm thứ 32), mùa xuân, tháng Giêng, ban chiếu rằng: kẻ nào tự hoạn thì xử phạt 80 gậy, thích vào cánh tay trái 23 chữ.

Động đất.

Tháng 2, khảo xét các quan văn võ, người nào không phạm lỗi thì thăng trật. Làm lệ thường, cứ 9 năm làm một kỳ khai.

Năm đó, Tống Cao Tông nhường ngôi cho Hoàng Thái tử Vĩ (Vĩ là con của Tú Công người tông thất. Cao Tông không có con nên nuôi làm con thừa tự) tức là Hiến Tông.

Quý Mùi Chính Long Bảo Ứng năm thứ 1 [1163] (Tống Hiến Tông Long Hưng năm thứ 1), cấm thiên hạ không được dùng trân châu giả.

Mùa thu, tháng 8, khi đó lính các vệ đảo ngũ tụ họp khắp nơi cướp bóc cư dân trên đường. Vua sai Phí Công Tín đem 10 vạn quân đi đánh, dẹp yên được.

Giáp Thân, năm thứ 2 [1164] (Tống Long Hưng năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, nước Chiêm Thành sang cống.

Mùa thu, tháng 9, nước to, lúa mạ bị ngập hết.

Sai Trung vệ đại phu là Doãn Tử Tư đi sứ thăm hỏi nhà Tống .

<18a> Ất Dậu, năm thứ 3 [1165] (Tống Càn Đạo năm thứ 1), mùa hạ, tháng 6, đại hạn, dân bị dịch lớn, trâu bò gia súc chết nhiều, giá gạo cao vọt.

Mùa thu, tháng 8, thi học sinh.

Bính Tuất, năm thứ 4 [1166] (Tống Càn Đạo năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, sứ Chiêm Thành đi đến miền Ô Lý, dùng quân phong thủy (sử cũ chú là bọn tang ma) vượt biển, cướp bóc nhân dân ven biển nước ta rồi về.

Đinh Hợi, năm thứ 5 [1167] (Tống Càn Đạo năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, sai Thái úy Tô Hiến Thành đi đánh Chiêm Thành.

Mùa đông, tháng 10, Chiêm Thành sai sứ sang dâng trân châu và sản vật địa phương để xin hoà. Vua ban chiếu cho Hiến Thành mang quân về. Từ đó nước Chiêm Thành giữ lễ phiên thần, dâng lễ cống đầy đủ.

Đóng thuyền Nhật Long.

Mậu Tý, năm thứ 6 [1168] (Tống Càn Đạo năm thứ 4), mùa thu, tháng 8, sứ nhà Tống sang, sứ nước Kim cũng sang. Vua sai ngầm tiếp lễ hậu, đừng để họ gặp nhau (xét Càn Đạo là niên hiệu đầu tiên của vua Hiến Tông nhà Tống. Khi ấy nước Kim đang mạnh. Vua Thế Tông nước Kim mới lên ngôi. Nước Mông Cổ mới nổi lên ở mạn Bắc, đang làm thần thuộc của nước Kim. Vả lại nước Kim đang đóng đô ở đất Biện, nhà Tống đóng đô ở Lâm An. Nhà Tống với nhà Nguyên như con ngựa con trâu động hứng đuổi nhau. Có liên quan gì mà người Nguyên <18b> dám vượt qua đất Biện, qua Lâm An để gây sự với nước ta? Sử cũ ghi là sứ "Thát Đát" là không tra cứu rõ. Hoàn Nhan Mông cổ, danh hiệu khác nhau, người chú cho là sứ nhà Nguyên là lầm, cho nên đính chính lại).

Kỷ Sửu, năm thứ 7 [1169] (Tống Càn Đạo năm thứ 5), mùa xuân, tháng 3, ngày rằm, nguyệt thực, cửa biển có cá chết, vua sai tăng ni đạo sĩ chùa quán ở Kinh và các nơi tụng kinh cầu đảo.

Thái sư trí sĩ Lý Du Đô mất.

Mùa hạ, tháng 4, làm điện Thành Hòa Kính đặt thần vị tiên đế và tiên hậu, theo lễ tiết mà cúng tế.

Canh Dần, năm thứ 8 [1170] (Tống Càn Đạo năm thứ 6), vua tập cưỡi ngựa, bắn cung ở phía Nam thành Đại La gọi là sân bắn, sai các văn võ hàng ngày luyện tập phép đánh giặc phá trận.

Tân Mão, năm thứ 9 [1171] (Tống Càn Đạo năm thứ 7), mùa xuân, tháng 2, điện Vĩnh Nguyên vô cớ tự rung động.

Sửa lại Miếu Văn Tuyên Vương và đền thờ Hậu Thổ.

Vua đi tuần các đảo ngoài biển, xem khắp hình thế núi sông, <19a> muốn biết được sự đau khổ của nhân dân và đường đi các nơi xa gần.

Nhâm Thìn, năm thứ 10 [1172] (Tống Càn Đạo năm thứ 8), mùa xuân, tháng 2, vua lại đi tuần ra các đảo ngoài biển, vẽ bản đồ địa giới các phiên bang nam bắc, ghi chép phong cảnh sản vật rồi về.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Từ khi Anh Vũ chết. Tô Hiến Thành làm Thái úy, nắm binh quyền. Từ đấy mới tuyển quân chọn tướng, cho quan võ luyện tập đánh giặc phá trận. Vua cũng*

tự cưỡi ngựa bắn cung ở sân bắn và thân đi tuần các đảo ngoài biên. Việc quân cơ, việc phòng biên giới một phen chấn chỉnh, Chính sự năm Bảo Ứng so với cuối năm Đại Định, thời có lúc chăm chỉ; có lúc trễ nải lúc làm lúc bỏ khác hẳn nhau. Kinh Thi có câu: "vô cạnh duy nhân" [không gì mạnh bằng người]. Kinh Dịch có câu: "sư chinh trượng nhân cát [dùng quân theo chính nghĩa mà có người giỏi thì tốt]. Hiến Thành là người như vậy.

Quý Tỵ, năm thứ 11 [1173] (Tống Càn Đạo năm thứ 9), mùa xuân, tu sửa lại cầu Thái Hoà.

Mùa hạ, tháng 5, ngày 25, Hoàng tử Long Trát sinh.

Mùa thu, đóng thuyền ngoạn thủy.

Sai bọn Doãn Tử Tư <19b> sang nước Tống, biếu 15 con voi thuần. Buổi đầu nhà Lý sai sứ sang phương Bắc dâng voi thuần, sau coi đó là lệ thường. Cuối năm Đại Định, sứ nước ta đến, vua Cao Tông nhà Tống cho là đem súc vật đi xa làm nhọc sức người, sai soái thần nói rõ: từ nay về sau đình việc cống voi. Đến bấy giờ vua Hiến Tông nhà Tống mới lên ngôi, sắp có việc tế Nam Giao, ban chiếu cho kinh lược Quảng Tây, đem thư sang mua 10 con voi thuần của nước ta để làm mỗ bạ tế giao. Vua sai viết thư lại cho tỉnh Quảng Tây xin đem tiến cống. Sai bọn Lý Tử Tư sang đem 10 con voi làm lễ chính mừng lên ngôi, 5 con dùng làm lễ chính trong kỳ lễ lớn, bành voi vua ngồi và các đồ buộc ở chân và đầu voi đều trang sức bằng vàng bạc. Ngoài ra còn mang theo vàng, bạc, tiền, hương liệu. Bọn Tử Tư đến Lâm An, vua Tống cho ở quán Hoài An, đãi cơm nước rất hậu, rồi dẫn sứ nước ta yết kiến vua Tống để được an ủi.

Giáp Ngọ, năm thứ 12 [1174] (từ tháng 2 về sau là Thiên Cảm Chí Bảo năm thứ 1, Tống Thuần Hy năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, động đất.

<20a> Tháng 2, đổi niên hiệu là Thiên Cảm Chí Bảo năm thứ 1.

Mùa thu, tháng 9, Thái tử là Long Xưởng có tội, phế làm thứ dân và bắt giam. Trước đấy Long Xưởng thông dâm với phi, vua không nỡ bắt tội chết cho nên mới phế và giam lại. Một hôm vua gọi quan Tể tướng bảo rằng: "Thái tử là căn bản của nước, nay Long Xưởng đã làm trái đạo, trẫm muốn cho Long Trát nối giữ nghiệp lớn, nhưng vì còn nhỏ tuổi, sợ không đương nổi, nếu đợi cho lớn lên, trẫm đã tuổi già sức yếu thì làm thế nào? Vừa lúc ấy người trong cung bế Long Trát ra, thấy vua đội mũ, khóc đòi đội, vua chưa kịp tháo mũ đưa cho khóc càng dữ hơn. Vua bèn

tháo mũ đưa cho thì Long Trát cười vang lên, vua lấy làm lạ bèn quyết ý lập làm Thái tử.

Mùa đông, tháng 11, động đất.

Tháng 12, sao Chổi mọc ở phương Nam.

Ất Mùi, Thiên Cảm Chí Bảo năm thứ 2 [1175] (Tống Thuần Hy năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, sách lập Long Trát làm Hoàng Thái tử đông cung, phong Tô Hiến Thành làm Nhập nội kiểm hiệu Thái phó, Bình chương quân quốc **<20b>** trọng sự, tước vương, giúp đỡ đông cung.

Vua Tống phong vua ta làm An Nam quốc vương, đổi Giao Chỉ làm nước An Nam. Trước đấy nhà Tống dời sang phía Nam, mỗi khi sứ thần nước ta đến thì đi theo lộ Quảng Tây đến ty Đề Hình giao sản vật địa phương, quan ở lộ giúp ta dâng lên, vua Tống sai học sĩ ban sắc đáp lại, sứ giả của ta chưa bao giờ đến Kinh đô. Cuối năm Bảo Ứng bọn Tử Tư làm sứ sang thăm hỏi. Vua sai viết thư giao cho họ xin được đến cửa khuyết, vua Tống y theo lời xin. Lệ cũ thì sứ tiến cống chưa bao giờ có đủ ba sứ thần. Đến khi Tử Tư sang, vua cho làm đại sứ và cho Thừa nghị lang là Lý Bang Chính làm chánh sứ, Trung Dực lang là Nguyễn Văn Hiến làm phó sứ, sau ba sứ thần ấy là Thư Trạng, Áp Nha, Trương Hành, bồi giới đều đủ cả. Khi đến nơi vua cho là từ xa đến càng khen là trung thành. Hơn nữa đoàn sứ thần đầy đủ, vật cống nhiều và đẹp, áo mũ, người vật đều chỉnh tề sạch sẽ, vua Tống càng vui lòng. Lại nhận thấy vua ta nối ngôi đã lâu cho nên đặc biệt đặt lễ khác thường, ban chiếu cho quan Hữu ty bàn bạc về lệ đặt tên nước cho ta **<21a>** rồi tâu lên, đặc biệt ban tên là nước An Nam, phong vua ta là An Nam quốc vương, ban cho cái ấn bằng vàng, An Nam gọi là nước bắt đầu từ đấy.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Nước ta gây dựng non sông bờ cõi, đất đai muôn dặm, trời vốn đã trao cho cơ nghiệp đế vương. Từ thời Hùng Vương mới một lần thông với Trung Quốc, nhưng vẫn chưa đặt địa vị ở minh đường; không chép vào sách Xuân Thu, có lẽ là vì còn cho là nước nhỏ. Đến thời Triệu Đà, làm vua đất Phiên Ngung, kiêm tính cả đất đai của ta, ở nhà vàng xưng vương, nhà Hán phong là Nam Việt vương, chỉ mới coi như chư hầu trong nội địa, chưa từng được gọi là nước, về sau nội thuộc vào nhà Hán, nhà Đường, chia nước ta thành quận, huyện, tuy có các bậc hào kiệt nổi lên, nhưng vừa nổi lên rồi lại bị diệt đi. Đến họ Đinh, họ Lê kế tiếp các nơi đất ấy, mới lên ngôi xin mệnh lệnh hoặc gia phong kiểm hiệu Thái sư, hoặc Giao Chỉ quận vương, hồi*

lâu mới tiến phong Nam Bình vương, khi mất mới tặng chức **<21b>** *Thị trung tước Nam Việt vương. Các vua triều Lý kế tiếp nhau đều như vậy. Đến bây giờ Anh Tông tự nắm quyền bính, việc bang giao, chu toàn cẩn mật. Do có trí khôn phụng mệnh trời, hết lòng thờ nước lớn, 3 sứ thần đến cửa khuyết, giữ đủ 2 món lễ. Áo mũ và con người đã thể hiện rõ văn minh trong nước, rất được vua Tống tán thưởng, bèn đặt tên nước, trao cho tước là Chân vương, về sau các đời kế nhà Tống nổi lên, tuy muốn làm nhỏ đi nhưng không thể thay đổi được. Nghi thức khác thường, điển lễ long trọng, hàng mấy ngàn năm về trước chưa từng có. Công gây dựng nước thực bắt đầu từ vua Anh Tông, có thể nói là tốt đấy. Còn như Doãn Tử Tư hai lần vâng mệnh sang Tống, tỏ được ý kính thuận, khiến cho Trung Quốc nổi lòng yêu mến, ân huệ ban cho triều đình. Không chỉ vinh quang một thời mà còn để cho các đời sau được nương tựa. Đi sứ như vậy! thật không thẹn với bậc sĩ phu. Đã ban tên nước nhưng còn đặt chữ An lên trên chữ Nam, là người Tống tỏ ý ngăn ngừa nước ta,* **<22a>** *cho đến nay vẫn chưa đổi được. Muốn đặt cho đúng đắn thì chỉ gọi là nước Nam Việt mới phải. Vua tài sứ giỏi của nước ta chưa từng thiếu, về việc cải chính tên nước còn đợi thời đấy thôi.*

Mùa hạ, tháng 4, vua không khoẻ, cố gượng sai Tô Hiến Thành bế Thái tử mà quyền nhiếp chính sự.

Mùa thu, tháng 7, vua băng ở điện Thụy Quang. Trước đấy vua ốm nặng, Hoàng hậu lại xin lập Long Xưởng, vua nói: "Làm con mà bất hiếu, còn trị dân được sao". Đưa di chiếu cho Tô Hiến Thành giúp đỡ Thái tử, công việc nhà nước nhất nhất tuân theo phép cũ. Đến khi vua băng, Thái hậu lại muốn làm việc phế vua này lập vua khác, sợ Hiến Thành không nghe, mới đem vàng bạc đút lót vợ Hiến Thành là Lữ Thị. Hiến Thành nói: "Ta là đại thần nhận mệnh của tiên đế dặn lại, giúp đỡ vua nhỏ tuổi, nay lấy của đút, mà bỏ vua nọ lập vua kia thì còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế ở dưới suối vàng". Thái hậu lại triệu Hiến Thành dỗ dành trăm cách, Hiến Thành **<22b>** trả lời: "Làm việc bất nghĩa mà được giàu sang há kẻ trung thần nghĩa sĩ lại vui vẻ làm như thế, huống chi lời của tiên đế còn ở bên tai, trong cung há không nghe việc của Y Doãn, Hoắc Quang[1] hay sao? Thần không dám vâng lời dạy". Việc phải

---

[1] Hoắc Quang: Người thời Hán, ở trong cung hơn 20 năm mà không hề có lỗi lầm gì.

thôi (Xét Kỷ Anh Tông, sử cũ không chép việc lập Hoàng hậu, nay khi vua băng, bỗng nhiên xuất hiện chữ "Hoàng hậu", không biết là Hoàng hậu nào? Trên chữ hậu có lẽ là chữ thái viết nhầm, đó là mẹ của Anh Tông, Thái hậu Lê Thị. Cho nên đoạn văn sau lại có chữ Thái hậu. Cao Tông lên ngôi bà Thái hậu này được đặt tên là Chiêu Linh mà sử chỉ ghi tên mẹ đẻ là Đỗ Thị làm Chiêu Thiên Chí Lý Hoàng Thái hậu, là không ghi việc Chiêu Linh. Đến kỷ Cao Tông bỗng nhiên xuất hiện Chiêu Linh Thái hậu, không biết Thái hậu nào làm Chiêu Linh, có lẽ là ghi sót, theo phép biên niên mà xét thì đến niên hiệu Trinh Phù năm thứ 9 chép là "Chiêu Linh băng" là sau khi Đỗ hậu băng, thế thì Chiêu Linh là bà nội của Cao Tông, giữ nước đã lâu, cho nên được dự vào việc phế vua này lập vua kia, thường quen thói dùng vàng bạc hối lộ đại thần, Từ Văn Thông đã trúng mưu hối lộ, Vũ Đái lại bị mua chuộc. Đến Hiến Thành thì kế đó không thực hiện được, đó là cái may của họ Lý đấy. Hơn nữa Cao Tông do thứ phi sinh ra, sinh vào năm Chính Long Bảo Ứng thứ 11, đến năm Thiên Cảm Chí Bảo thứ 2 mới lập làm Hoàng Thái tử, sử lại chép Hoàng Thái tử Long Trát sinh, như thế đều trái với phép chép sử, cho nên đính chính lại).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Anh Tông nối ngôi tuổi còn thơ ấu, việc làm của Đỗ Anh Vũ không thể biết được, <23a> đến khi hơn 20 tuổi, sai Hiến Thành đi tuần nơi biên giới, lại thân đi xem khắp hình thế núi sông, muốn biết được sự đau khổ của nhân dân, đường xá nơi xa nơi gần. Về quy mô giữ dân giữ nước cũng đã thấy được. Lại đặt sân tập bắn, sai quan võ hàng ngày luyện tập đánh trận, về mưu mô luyện quân giảng võ cũng đã thấy được. Thái tử là Long Xưởng có tội thì phế đi mà lập Long Trát làm Thái tử ở đông cung, để lòng người có nơi trông cậy. Đến khi ốm nặng, Hoàng hậu lại xin lập Long Xưởng thà lấy lễ nghĩa mà bác đi, không mê hoặc về lời nói của đàn bà và gắng gượng mời Hiến Thành vào nhận di chiếu, giúp Thái tử, quyền nhiếp chính sự, phó thác được người tốt, để phòng mối lo về sau. Cuối cùng cái mưu mô bỏ vua này lập vua kia của Thái hậu không thực hiện được,trên dưới yên thuận há chẳng phải là công sức của nhà vua sao? Còn như Cao Tông là người bất hiếu, ngay lúc bấy giờ sao có thể nhìn thấy được'? Vua chỉ thuận theo lý mà làm thôi.*

<23b> *Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:* *Buổi đầu thời vua Anh Tông, bọn gian thần lộng quyền, chính sự không do mình truyền*

ra, thưởng phạt không đúng, thợ thuyền phu dịch làm việc quá nhiều dẫn đến thù oán, can phạm đến khí hòa âm dương, sao biến lạm ở trên, đất động ở dưới, ngập lụt hạn hán, bệnh tật tai họa xảy ra luôn luôn. Đến cuối năm Đại Định, Anh Vũ đã chết, Hiến Thành được dự chính quyền, giúp đỡ bên trong, chạy vạy bên ngoài, trung thành lo lắng, có cơ cảm phát, vua cũng động tâm nhân tính, suy việc trước giữ việc sau, trí tuệ ngày càng tăng, đức nghiệp ngày càng tiến, như bùn cát lọc hết thì nước trong chảy ra, mây mù tan hết thì mặt trời sáng tỏ. Luyện kinh giảng võ, chọn tướng sai sứ khiến cho Chiêm Thành phải giữ lễ phiên thần, nhà Tống phải phong là nước lớn, triều đình sáng sủa, biên giới yên lành, hầu như đem lại được nền thịnh trị như thời Thái Tông, thời Nhân Tông. Tuổi già gửi đứa trẻ mồ côi, biết rõ Tô Hiến Thành là người tốt, dù **<24a>** *khác họ cũng phong tước vương, để cho tựa bình phong*[1] *nhiếp chính mà không nghi ngờ. Đến khi sắp mất, tinh thần sáng suốt, dặn bảo rõ ràng nghiêm ngặt, trong cung không thể đưa được lời xin bỏ người nọ lập người kia, quan đại thần được làm hết chức trách giúp đỡ, bế vua nhỏ chầu mà xã tắc yên lành, nếu không phải là người rất sáng suốt, rất anh dũng thì không được như vậy. Xa thì ví với Thành Vương nhà Chu, có sự rạng rỡ trên thì xét với tổ tông nhà mình cũng không hổ thẹn. Nhìn lại buổi đầu khác hẳn như hai người đó là vì sao? Có lẽ vì vua có tư chất rất cao, cho nên khi tính trời thư thái ổn định thì đức sáng thiên nhiên phát hiện ra. Nếu khi vua tuổi nhỏ mà được mẹ hiền dạy bảo, được người thầy tốt dìu dắt, sẽ làm nên sự nghiệp, chứ không chỉ như thế mà thôi.*

Thiên Thái giáp Kinh Thư có câu: "Không cẩn thận được lúc ban đầu, thì phải lo tính lúc về sau", là nói như Anh Tông đấy.

Hoàng Thái tử Long Trát lên ngôi trước linh cữu, khi ấy mới lên 3 tuổi, tôn mẹ đẻ là Đỗ Thị **<24b>** làm Chiêu Linh Chí Lý Hoàng Thái hậu, cho Đỗ An Di làm Thái sư đồng bình chương sự; Tô Hiến Thành làm Thái úy (An Di là em trai Hoàng Thái hậu).

Họp người trong nước thề ở Long Trì.

---

[1] Dịch từ chữ "Phụ ỷ". Thời xưa, khi vua mất, Thái tử lên nối ngôi nhưng còn nhỏ tuổi chưa biết gì, quan đại thần nhiếp chính được ngồi tựa lưng vào bức bình phong ngoảnh mặt về hướng nam để làm chính sự thay vua.

CAO TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua tên húy là Long Trát, con thứ 6 của Anh Tông, ở ngôi 35 năm, thọ 38 tuổi. Vua chơi bời không điều độ, hình chính không rõ ràng, giặc cướp như ong, đói kém liên tiếp, cơ nghiệp nhà Lý từ đấy suy kém).

Bính Thân, Trinh Phù năm thứ 1 [1176] (Tống Thuần Hy năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, đổi niên hiệu, đại xá cho thiên hạ.

***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:** Cao Tông lên ngôi từ tháng 7 năm trước, đến bấy giờ mới đổi niên hiệu, có lẽ vì có Tô Hiến Thành phụ chính nên mới biết trở lại theo lễ cổ.*

Đinh Dậu, năm thứ 2 [1177] (Tống Thuần Hy năm thứ 4), mùa xuân, tháng 3, Chiêm Thành cướp phá châu Nghệ An.

Nhà Tống phong vua là An Nam quốc vương (Lời chế đại lược có câu: Đến nơi vui vẻ mà xây dựng bờ cõi, đã theo lệ đời đời nối ngôi, theo tước Chân Vương cao nhất mà ban sắc mệnh, cần gì đợi thăng theo thứ tự". Đó là lời văn của học sĩ Chu Tất Đại).

Buổi đầu đời Anh Tông còn theo lệ cũ, trải phong Quận vương, rồi Nam Bình vương, **<25a>** sau mới có sắc mệnh phong Quốc vương. Đến bây giờ Cao Tông mới nối ngôi lập tức được phong quốc vương có lẽ là lễ khác thường đấy (xét năm sau khi Anh Tông băng tức là Tống .Thuần Hy năm thứ 3, nhận được lời báo tang của nước ta, quan Hữu ty nước Tống nói là con An Nam Quốc vương chưa phong tước, muốn làm sắc thư ban cho con nối ngôi của Quốc vương, vua Tống nghe theo. Năm thứ 4, mới ban sắc thư cho vua ta được nối tước của cha. Năm thứ 5, vua sai sứ mang biểu sản vật địa phương để tạ ơn. Đó là thứ tự năm nhận tước phong rõ ràng, sử cũ chép việc năm Bính Ngọ thứ 11, làm việc Tống Thuần tông năm thứ 13 là lầm, cho nên chép vào đây).

Mậu Tuất, năm thứ 3 [1178] (Tống Thuần Hy năm thứ 5), sai sứ sang Tống tạ ơn về việc sách phong.

Hết quốc tang, Chiêu Linh Hoàng Thái hậu ban yến cho các quan ở điện riêng bảo rằng: "Hiện nay tiên đế về chầu trời, vua nối ngôi còn thơ ấu, nước Chiêm Thành vô lễ, người Man quấy rối ngoài biên giới, các ngươi chịu ơn nặng của nước, nên lo việc của nhà nước. Kế hoạch ngày nay không gì bằng lại lập Thái tử để cho nước được lâu dài, lòng người được yên". Các quan đều dập đầu nói rằng: "Thái phó nhận mệnh lệnh sáng suốt của Thiên tử, bệ hạ cũng nhiều lần yên ủi rồi loạn thần không

dám trái lệnh", bèn đều lạy tạ rồi lui ra. Hiến Thành lĩnh cấm **<25b>** binh, nghiêm hiệu lệnh, thưởng phạt công bằng, người trong nước đều quy phục.

Mùa hạ, tháng 5, lấy ngày sinh nhật của vua làm tiết Càn Hưng.

Kỷ Hợi, năm thứ 4 [1179] (Tống Thuần Hy năm thứ 6), mùa xuân, tháng giêng, tuyển các đinh nam người nào khoẻ sung vào quân ngũ.

Tháng 2, động đất.

Tháng 3, xét công trạng các quan, người có văn học tài cán làm một loại; người tuổi cao đức hạnh thuần khiết biết rõ xưa nay làm một loại. Không thông chữ nghĩa nhưng siêng năng tài cán làm một loại, cứ theo thứ tự mà trao cho chức vụ để trị dân, cầm quân, các quan đều đáng tài không có người lạm nhũng.

Mùa hạ, tháng 6, hai mặt trời cùng mọc.

Thái úy Tô Hiến Thành mất. Vua bớt cơm 3 ngày, nghỉ chầu 6 ngày.Trước kia khi Tô Hiến Thành ốm, Tham tri chính sự là Vũ Tán Đường ngày đêm hầu bên cạnh; Gián nghị đại phu là Trần Trung Tá vì có việc khác không lúc nào rỗi đến thăm. Lúc bệnh nặng Thái hậu tới thăm và hỏi rằng: "Nếu như ông không may thì ai là người có thể thay ông?" Hiến Thành trả lời rằng: "Trung Tá có thể thay được". Thái hậu nói: "Tán Đường ngày nào cũng hầu thuốc thang ông lại không nói đến, thế là tại sao? Ông trả lời: "Vì bệ hạ hỏi người nào đáng thay tôi, nên tôi nói là Trung Tá, nếu như bệ hạ hỏi người nào hầu việc ăn uống thì không phải Tán Đường còn ai?". Thái hậu khen là trung, nhưng cũng không dùng lời của ông.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Tô Hiến Thành nhận việc ký thác con côi, hết sức trung thành, khéo xử trí khi biến cố. Tuy có lúc bị sóng gió lay động xô đẩy, nhưng vẫn vững như cột đá sừng sững giữa dòng, cuối cùng khiến trên dưới phải thuận, không thẹn với phong độ của bậc đại thần ngày xưa. Huống chi đến khi mất còn vì nước tiến cử người hiền, không vì ơn riêng. Thái hậu không dùng lời của Hiến Thành, đó là điều không may cho họ Lý đấy.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Từ xưa, các bậc đại thần nhận di mệnh giúp chính sự, có thể gửi gắm vua còn nhỏ tuổi, có thể giao cho nắm mệnh lệnh, những địa bàn hàng trăm dặm, không phải là ít. Còn như vua nhỏ mới 3 tuổi côi cút phải ôm ẵm trong lòng, bà nội thì ngầm kiềm chế ở bên trong, hàng ngày tìm cách bỏ vua này*

lập vua khác, phản phúc hàng trăm kế, lần lữa đến 4 năm, xô đẩy ngờ vực, chưa thời nào có việc như vậy. Thế mà một mình Hiến Thành điều khiển công việc, dùng quyền hạn của người nhiếp chính, chống lại thế lực của người rủ mành. Cuối cùng làm yên được vua nối ngôi, định được xã tắc mà không thấy có sự vận dụng khó nhọc của ông. Nếu không phải là bậc rất trung rất công, được khắp kẻ trên người dưới tin cậy, đức vọng tài trí thấu khắp cả người thấy người nghe, thì sao được như thế? Thật đáng gọi là bầy tôi quan trọng của xã tắc, không thẹn với Y Doãn, Chu Công. Có người hỏi: Đạo Thành và Hiến Thành ai hơn? Trả lời rằng: Hai người ấy đều có tài mà chưa dễ ai có được, để đảm đang nhiệm vụ phi thường. Duy có Đạo Thành ở vào thế dễ, cho nên công trạng của ông khó nhìn thấy. Hiến Thành gặp phải vận hội khó khăn, cho nên công của ông được rạng rỡ. Vả lại Thánh Tông tin dùng Đạo Thành lại không giống Anh Tông tin dùng Hiến Thành. Thánh Tông không giao việc nặng nề phó thác con côi, cho nên Đạo Thành không khỏi phải gìn giữ tiếng tăm; Anh Tông có lòng thành ký thác con côi, cho nên Hiến Thành không thể trốn tránh hiềm nghi. ĐạoThành <27a> do chức Gián nghị bổ ra ngoài, có nhiều kẻ níu tay, cho nên ngăn được công việc ở cung Thượng Dương, trong cung trong phủ là một, cho nên cuối cùng đã thay đổi được tấm lòng của bà Chiêu Linh. Đó là quan hệ do sự uỷ nhiệm quyền lực không giống nhau, không thể lấy việc hơn kém mà bàn được.

Ban chiếu cấm không được mang mắm muối đồ sắt đến đầu nguồn để buôn bán trao đổi.

Canh Tý, năm thứ 5 [1180] (Tống Thuần Hy năm thứ 7), mùa xuân, định lệ các vương hầu vào chầu.

Mùa thu, tháng 8, nước to.

Động đất ở 2 điện Vĩnh Quang và Hội Tiên.

Tân Sửu, năm thứ 6 [1181] (Tống Thuần Hy năm thứ 8), mùa xuân, tháng Giêng, Thái tử cũ là Long Xưởng đem bọn gia thuộc, nô lệ làm việc trộm cướp bừa bãi, nhân đó mưu làm loạn.

Mùa hạ, tháng 4, sao Huỳnh Hoắc vào phận dã sao Nam Đẩu.

Đói to, dân nhiều người chết.

<27b> Nhâm Dần, năm thứ 7 [1182] (Tống Thuần Hy năm thứ 9), mùa xuân, tháng Giêng, ban chiếu tiến người hiền.

Đắp đàn, phong tướng cho Ngô Lý Tín làm Thượng tướng quân, đem quân thủy bộ đi tuần bắt trộm cướp.

Cho Lý Kính Tu làm đế sư. Kính Tu bên trong thì hầu nơi màn trướng; bên ngoài thì dạy dân trung hiếu. Từ đấy Chiêu Linh Thái hậu không dám manh tâm mưu đồ gì khác.

Cấm thiên hạ không được mặc màu vàng.

Nước Xiêm La sang tiếng cống (Xiêm La vốn là 2 nước Xiêm và La Hộc trong vùng Nam Hải, đất nước Xiêm xấu không cày cấy được, đất nước La Hộc bằng phẳng màu mỡ, trồng cây thu hoạch được nhiều, nước Xiêm nhờ nước La Hộc cày cấy cho. Sau đó nước Xiêm phải hàng nước La Hộc hợp lại gọi là nước Xiêm La, nước này đất đai hơn ngàn dặm, núi non bao bọc xung quanh cao ngất, lởm chởm, khí hậu khi nóng khi gió không đều. Từ Chiêm Thành đi thuyền về phía Tây nam 7 ngày đêm mới đến nước đó, tục chỉ thích đánh nhau, cướp bóc).

Thổ sản có đá quý, hương liệu, lông chim chả, sư tử và voi.

Bỏ việc cống voi cho nhà Tống. Khi đó sắp sai sứ sang thăm hỏi; trước khi đến có viết thư gửi sang Quảng Tây, Kinh lược sứ Quảng Tây tâu lên vua Tống rằng: cống vật đã sẵn rồi. Vua Tống cho rằng cống voi đi dọc đường quấy nhiễu nhân dân, bèn bỏ lệ đó, những cống vật thì mười phần chỉ nhận một, đặt làm lệ thường.

<28a> Quý Mão, năm thứ 3 [1183] (Tống Thuần Hy năm thứ 10), mùa xuân, tháng Giêng, cho Ngô Lý Tín làm Đốc tướng đi đánh Ai Lao.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Khi đó dân đói, giặc chỗ nào cũng có, việc tuần bắt chưa dẹp yên được, chính trị bên trong không tu sửa mà lại làm nhọc sức binh ở nơi xa, Kính Tu mưu việc nước cũng sai đấy.*

Mùa đông, tháng 11, ngày mồng 1, có nhật thực.

Giáp Thìn, năm thứ 9 [1184] (Tống Thuần Hy năm thứ 11), mùa xuân, tháng 3, nước Chiêm Thành sang cống.

Mùa đông, tháng 10, các sách Tư Nông làm phản, đánh lẫn nhau.

Ất Tỵ, năm thứ 10 [1185] (Tống Thuần Hy năm thứ 12), mùa xuân, tháng Giêng, thi kẻ sĩ trong nước, người nào từ 15 tuổi thông thi thư thì vào hầu Ngự điện. Lấy bọn Bùi Quốc Khải, Đặng Nghiêm gồm 30 người **<28b>** ngoài ra đều phải họp lại.

Mùa thu, tháng 7, sai Kiến Khang vương(1) là Long Ích đem quân

(1) *Việt sử lược* chép là *Kiến Ninh Vương*

đánh dẹp được người Man ở sách Viêm.

Bính Ngọ, năm thứ 11 [1186] (Từ tháng 7 về sau là Thiên Tư Gia Thụy năm thứ 1. Tống Thuần Hy năm thứ 13), mùa xuân, tháng 3, sách phong Đàm Thị làm An Toàn nguyên phi (phi là con gái của tướng quân Đàm Thì Phụng).

Mùa thu, tháng 7, bắt được voi trắng cho đặt tên là Thiên Tư. Ban chiếu đổi niên hiệu là Thiên Tư Gia Thụy năm thứ 1.

Sai Lê Hòa Khanh sang nước Tống đáp lễ.

Đinh Mùi, Thiên Tư Gia Thụy, năm thứ 2 [1187] (Tống Thuần Hy năm thứ 14), mùa hạ, tháng 4, sét đánh nhà Thái miếu.

Nhà sư Tây Vực[1] đến, vua ban chiếu hỏi nhà sư ấy có tài năng gì, trả lời là có tài khuất phục được hổ, cho thử tài thì không nghiệm.

Mậu Thân, năm thứ 3 [1188] (Tống Thuần Hy năm thứ 15), mùa hạ, tháng 5, trời hạn. Vua thân đến chùa Pháp Vân ở Duềnh Bà để cầu mưa, nhân đó rước tượng Phật Pháp Vân về chùa Báo Thiên (theo *Ngoại truyện* chép: có một người con gái tên là Man Nương, ngụ cư ở chùa Phúc Nham thuộc Bắc Giang, **<29a>** sư trong chùa là Ám Lê tình cờ đụng phải rồi có thai, đủ ngày đủ tháng sinh ra người con gái, Man Nương đem người con gái ấy cho nhà sư, nhà sư bỏ người con gái ấy vào lỗ hổng trong gốc cây cổ thụ bên đường rồi về. Sau này cây ấy đổ nổi lên mặt nước trôi đến bờ sông trước cửa chùa, nhân dân trong làng hợp sức kéo lên bờ nhưng không được, Man Nương đùa kéo thử thì theo tay mà lên, người trong làng ấy lấy làm lạ sai thợ đẽo làm 4 pho tượng Phật, rồi cùng nhau tìm đến chỗ giấu người con gái thì thấy đã hóa đá, nhân đó rước về chùa làm tượng thờ cúng gọi là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Chùa Pháp Vân một ngôi ở Gia Định, một ngôi ở Thượng Phúc, đều có linh ứng. Các triều vua mỗi khi gặp hạn, liền rước tượng ấy đến kinh đô cầu đảo đều có hiệu nghiệm, đến nay cho là lệ thường, ở đây sử chép là: đến chùa rước Phật là chép việc ghi buổi đầu đấy).

Tháng 6, động đất, gió bão.

Mùa thu, tháng 7, có nhật thực.

Thái sư là Đỗ An Di mất, cho Thái phó là Ngô Lý Tín làm phụ chính.

Kỷ Dậu, năm thứ 4 [1189] (Tống Thuần Hy năm thứ 16), mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 1, có nhật thực, mặt trời, mặt trăng đỏ như máu.

---

(1) Tây Vực: Thuộc vùng Tân Cương, Trung Quốc.

Động đất.

Tháng 3, phong hiệu cho các vị thần. Khi đó vua ngự đi khắp núi sông, phàm những nơi vua đến mà có đền thờ thần, thì đều ban phong hiệu và lập miếu thờ.

*Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Thiên Tế pháp trong Kinh Lễ bàn về chế độ của thánh vương về phép tế tự **<29b>**. Người có ơn với dân thì được thờ, người có tài chống đỡ tai họa cho dân thì được thờ. Đại phàm mặt trăng, mặt trời và các vì sao là chỗ dân thường trông lên, núi sông gò đông là nơi dân thu hoạch của cải, ngoài những loại ấy ra thì không thuộc về lệ thờ cúng. Tục đời sau tôn sùng quỷ thần càng nhiều hơn, ở đâu cũng đềunhưvậy mà nước ta lại càng quá. Trong ngoài bốn cõi những nơi gọi là đền thờ các vị trung thần, hiếu tử, cao sĩ và tiết phụ thì trăm nơi thờ không có lấy một, ấy mà những hạng dâm uế gian tà như Hoàng hậu Thắng Minh nhà Lê, Đỗ Anh Vũ nhà Lý, những danh hiệu bách thần ở bộ Lễ, lại được liệt vào hạng được tôn sùng, nhận tên thụy đẹp, các loại ấy rất nhiều, dân gian lần lữa đã quen, quen tục cầu khấn, lấy việc thần thiêng để dọa nhau, lấy việc thần bảo hộ để tự lừa dối mình, dẫn đến đem hết của cải, sức lực để tu sửa miếu đình cho đẹp, giết trâu bò lợn gà để làm lễ cho hậu. Các vị được dự phong sắc thì quan thú quan lệnh cũng đi vái lạy lảm nhảm. Những ngày lễ ngày tết dân trong làng xóm đều như điên như cuồng. Kể ra thì đạo trị dân **<30a>** không gì lớn bằng chỉnh đốn lễ giáo, làm cho lòng người đúng đắn. Nhân Kiệt[(1)] tâu xin phá huỷ các đền thờ nhảm nhí là có công về việc mài dũa phong tục lớn lắm đấy. Tiếc thay các bề tôi nhà Lý dẫn vua đi chơi để tế thần chỉ làm điều mê hoặc, trên làm dưới bắt chước, không có người nào thay đổi đi được, tội của kẻ khơi đầu ra kể sao cho hết.*

Canh Tuất, năm thứ 5 [1190] (Tống Quang Tống Thiệu Hy năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, Hoàng Thái hậu Đỗ Thị băng.

Mùa thu, tháng 7, Thái phó là Ngô Lý Tín mất, cho Đàm Dĩ Mông làm Thái phó.

Mùa đông, tháng 10, vua lễ yết Sơn Lăng[(2)] thờ phụ tượng mới tô của Hoàng Thái hậu.

---

(1) Nhân Kiệt: Tức Địch Nhân Kiệt tướng thời Đường ở Trung Quốc.

(2) Sơn Lăng: Mộ của vua.

Đóng thuyền ngoạn dao.

Tân Hợi, năm thứ 6 [1191] (Tống Thiệu Hy năm thứ 2), mùa xuân, nước Chân Lạp sang tiến cống.

Mùa đông, tháng 12, sao Huỳnh Hoặc phạm sao Thái Bạch.

Nhâm Tý, năm thứ 7 [1192] (Tống Thiệu Hy năm thứ 3), mùa hạ, tháng 6, động đất.

Mùa thu, tháng 7, sét đánh vào **<30b>** điện Vĩnh Ninh 2 chỗ.

Người giáp Cổ Hoằng, phủ Thanh Hóa làm phản, sai tướng đi đánh, dẹp được. Trước đấy người giáp ấy nhìn thấy dấu tích con trâu ở trên cây muỗm, xem ra thì là trâu bạc, hồi lâu lại từ cành khác đi xuống. Người ở giáp ấy là Lê Vãn đoán rằng: trâu trắng là vật ở dưới, nay lại ở trên cây thế là điềm kẻ dưới lại lên trên, nhân đấy rủ nhau làm phản, đến bấy giờ mới dẹp yên được.

Khơi sông Tô Lịch.

Quý Sửu, năm thứ 8 [1193] (Tống Thiệu Hy năm thứ 4), khảo sát các quan trong ngoài, phân loại để thăng giáng.

Thi các kẻ sĩ trong nước để vào hầu vua học.

Giáp Dần, năm thứ 9 [1194] (Tống Thiệu Hy năm thứ 5), Hoàng Thái tử là Sản ra đời, Phong Đàm nguyên phi làm An Toàn Hoàng hậu. Đại xá thiên hạ. Ban cho người già lão từ 70 tuổi trở lên mỗi người một tấm lụa. Mở tiệc lớn ở miếu 2 ngày.

> ***<31a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Cho uống rượu thì được, nhưng thanh miếu[1] không phải là nơi đãi yến. Trái lễ lắm đấy.*

Mùa đông, tháng 10 [1195] (Tống Minh Tông Khánh Nguyên năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, động đất.

Sét đánh gác Lê Minh.

Thi tam giáo, ai đỗ thì cho xuất thân.

> ***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Người thi tam giáo tức là phải thông hiểu ba giáo: Nho, Đạo, Thích, ai đỗ thì cho xuất thân. Kể ra các bậc chân Nho xưa, cũng có người xét rộng đến trăm nhà, nghiên cứu về Lão Thích, cuối cùng họ biết được Lão và Thích thì mờ mịt mông muội không thể nắm được, mới quay lại tìm ở Lục*

---

[1] Thanh miếu tức Thái miếu.

kinh. Lục kinh tức là truyền đạo của Khổng Tử, có đạo nghĩa về vua tôi, cha con; có lời dạy về quy tắc của vạn vật và luân thường của nhân dân, bản lĩnh tôn chỉ của nó chỉ **<31b>** *ở câu "duy tinh duy nhất" mà thôi, khiến cho người đã theo Nho lại thông cả Đạo và Thích. Đạo có câu rằng: "Thiên biến vạn hoá, có đức không có đức tùy cảm mà ứng với vật. Khuyết tích vô thường". Đạo Thích có câu: "Không sinh; không mất; không đến; không đi, không gân sức cũng không tướng mạo". Học thuyết đó của họ lỗ mỗ mà không thuần nhất, trong lòng họ phức tạp không chuyên nhất, thế thì đã có kinh của Hiên Viên, Đế Cốc* [1] *để lại, hiểu được bí quyết kỳ diệu của A Na Ma Kha thì giúp được gì cho đời, ích gì cho người. Vậy cho họ xuất thân để làm cái gì? Người làm vua phải là người làm thầy của ức triệu người, trong lòng không bận một điều gì, chỉ cần giữ đạo thật đúng đắn. Do sợ dị đàm tà thuyết còn đủ để lừa đời dối dân, huống chi lại mở ra đầu mối khiến cho thuyết gian tà và đạo đúng đắn cùng được lưu hành thì cái hại đó không thể kể hết được.*

Đinh Tỵ, năm thứ 12 [1197] (Tống Khánh Nguyên năm thứ 3), mùa hạ, tháng 6, trời hạn.

Xây dựng cung Nghênh Thiềm.

<32a> Mậu Ngọ, năm thứ 13 [1198] (Tống Khánh Nguyên năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu sa thải bọn tăng đồ là theo lời đề nghị của Đàm Dĩ Mông đấy.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Điều mà trên đã thích thì dưới càng quá hơn, các vua triều Lý tôn kính bọn nhà sư thật quá lắm, như Thái Tổ đối với sư Vạn Hạnh, Nhân Tông, Thần Tông đối với sư Minh Không, sư Giác Hải. Người thì được tôn sùng ban hiệu Quốc sư, người thì được gọi là bậc tôn giả, cấp hàng vài trăm hộ, cho hàng nghìn khoảnh ruộng. Cho nên thiên hạ rạp mình mà chạy theo những bọn du thủ cạo đầu vào cửa Phật, có lẽ đến một nửa số dân. Sự vật gì đến nước tột cùng thì cũng quay trở lại cái ban đầu là lẽ đương nhiên. Nhưng vua Cao Tông không phải thành thực bài trừ dị đoan. Rước Phật Pháp Vân, thi khoa tam giáo, ý hướng luẩn quẩn không ổn định. Đến khi lòng sùng Phật đã thiên về mộ quỷ thần, Đàm Dĩ Mông nhòm thấy ý ấy mới nói*

---

[1] Hiên Viên, Đế Cốc: Hai vua thời thượng cổ ở Trung Quốc.

về việc ấy, cũng như Đường Vũ Tông <32b> tôn trọng các phương sĩ[1] *mà bài bác đạo Phật, cũng không cho là đúng đắn.*

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Chiêm Thành sai sứ sang tiến cống, xin sách phong cho vua nước ấy.

Bọn Ngô Công Lý ở Diễn Châu làm phản. Công Lý người làng Cao Xá thuộc Diễn Châu, chiêu tập những kẻ vô lại cùng với người châu Đại Hoàng[2] là Đinh Khả, Bùi Đô làm loạn. Đinh Khả tự xưng là dòng đõi Đinh Tiên Hoàng dụ dỗ nhân dân làm loạn, đều dẹp yên được.

Kỷ Mùi, năm thứ 14 [1199] (Tống Khánh Nguyên năm thứ 5). Mùa thu, tháng 7, nước to, lúa mạ ngập hết.

Đói to.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến phủ Thanh Hóa bắt voi và sai sứ sang phong vua nước Chiêm Thành.

Canh Thân, năm thứ 15 [1200] (Tống Khánh Nguyên năm thứ 6), mùa xuân, tháng Giêng, phát thóc kho chẩn cấp cho dân nghèo.

Mùa thu, tháng 7, Chiêu Linh Thái hậu tồ (xét Hoàng Thái hậu khi chết, theo lệ chép là băng đây lại chép là "tồ" là tại sao? vì Chiêu Linh thông dâm với Anh Vũ, nết xấu đó đều vang, cuối đời lại còn muốn lập con nọ bỏ con kia, suýt làm nguy cơ cho xã tắc, tội hơn cả Lã Hậu và Vũ Hậu cho nên đổi lệ chép là "tồ" là để trị tội dâm loạn đấy).

<33a> Nhâm Tuất, năm thứ 17 [1202] (Từ tháng 8 về sau là Thiên Gia Bảo Hựu năm thứ 1, Tống Gia Thái năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, động đất.

Mùa thu, tháng 8, Hoàng thứ tử Thầm sinh. Đổi niên hiệu làm Thiên Gia Bảo Hựu năm thứ 1.

Sai nhạc công soạn khúc nhạc gọi là nhạc Chiêm Thành, tiếng nhạc trong trẻo ai oán buồn sầu, người nghe phải chảy nước mắt, Tăng phó là Nguyễn Thường nói: "Tôi nghe bài tựa *Kinh Thi* nói rằng: âm thanh của nước loạn ai oán và bực tức. Nay dân loạn nước nguy, chúa thượng thì chơi bời không điều độ, chính trị của triều đình rối ren, lòng dân chia lìa, đó là điềm mất nước.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Đường lối của thanh âm thông với chính sự. Thiên nhạc ký ở Kinh Lễ bàn đã đủ rồi. Đời xưa khi*

---

[1] Phương sĩ: Phù thủy.

[2] Châu Đại Hoàng: Tức huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

thành công việc gì đều làm nhạc để hình dung bức ảnh của đạo đức ấy, tâu lên triều đình dâng lên tế giao, tế miếu, âm điệu du dương. Nhạc của nước ta đều dùng thổ âm, đại để là khác với âm của Trung Hoa. Nhưng âm và thanh có tác dụng của họng và lưỡi, âm thì từ lưỡi mà ra; thanh thì từ họng mà ra. Như âm của các nước Đột Quyết, Khiết Đan, Hoàn Nhân, Mông Cổ[1] *dịch ra tiếng Trung Hoa về bằng trắc thực không giống nhau. Còn như tiếng của đàn ông đàn bà người già người trẻ thì nơi này nơi kia đều như nhau cả. Thanh âm của nước ta cũng như thế đấy, có lẽ vì thanh từ cổ họng ra trong hay đục, cao hay thấp không khác với Trung Hoa, dù âm hưởng tiết tấu không giống các thể loại ở Nhã tụng nhạc phủ*[2]*, nhưng buồn, vui, oán giận nghe mà cảm thấy được thì như nhau cả. Nếu dùng âm của nước ta mà hài hòa với thanh của Trung Hoa dùng để giữ nét trung chính mà vui đượchòa bình thì có khác gì nhau, thế mà lại dùng âm Chiêm Thành soạn làm khúc nhạc thì âm và thanh của Chiêm Thành lưỡi thì đụt, họng thì nhỏ, xem về những lời đưa đẩy đại khái là theo âm thất, âm ma ríu rít như tiếng chim sẻ, sao đáng để phổ vào âm luật. Triều Lý làm nhạc không biến theo Trung Hoa mà biến theo mọi rợ, không đợi lời nói của Tăng phó Nguyễn Thường mà cái điềm bại vong đã quyết định từ khi ấy.*

Quý Hợi, Thiên Gia Bảo Hựu năm thứ 2 [1203] (Tống Gia Thái năm thứ 3), mùa xuân, tháng 3[3], mở ra nhiều việc thổ mộc, xây dựng các cung điện.

Mùa hạ, tháng 4, có chim thước [chim khách] làm tổ trên gác Kính Thiên. Khi đó gác Kính Thiên xây dựng sắp xong có chim thước làm tổ lên trên, có chim con, các quan can rằng: xưa kia Ngụy Minh Đế làm gác Lăng Tiêu có chim thước đến làm tổ, Cao Đường Long can rằng thần nghe nói chim thước có tổ, chim cưu đến ở. Nay chim thước làm tổ nơi

---

[1] Đột Quyết: Xưa nay là một giống người Hung Nô, sau thành quốc gia tức Thổ Nhĩ Kỳ.

- Khiết Đan: Vốn là một dân tộc, sau bị Hung Nô đánh bại, đến thời Tấn đổi là Liêu rồi sau bị nước Kim tiêu diệt.

- Hoàn Nhan: Tên một bộ lạc thời Tống, sau mạnh lên lập thành nước Kim, cuối cùng bị Mông Cổ diệt.

- Mông Cổ: Vẫn là nước Mông Cổ ngày nay.

[2] Nhã, tụng, nhạc, phủ: Nhã và tụng đều là danh từ chỉ về âm luật; nhạc phủ là một cơ quan sưu tập thơ ca phổ vào âm nhạc, bắt đầu có từ thời Hán Vũ Đế.

[3] ĐVSKTT chép tháng 2.

cung khuyết, theo ngu kiến của thần thì gác làm xong ắt có người họ khác đến ở, mong bệ hạ xét lời của Cao Đường Long, trước hãy tu sửa đạo đức, sau sẽ hưng công mới phải. Vua nghe lời của hoạn quan là Phạm Bỉnh Di,giục làm càng gấp, nhân dân rất khổ.

Mùa thu, tháng 8, người Chiêm Thành là Bố Trì, đem quân đến Nghệ An giết Tri châu Đỗ Thanh và châu mục là Phạm Diên ở đất Cơ La. Trước đó Điện tiền chỉ huy sứ coi châu Nghệ An là Đỗ Thanh **<34b>** và châu mục là Phạm Diên tâu rằng: "Vua nước Chiêm Thành là Bố Trì bị chú là Bố Điền đuổi đi, hiện đem vợ con đến ngụ ở cửa biển Cơ La có ý muốn cầu cứu". Vua sai bọn Đàm Dĩ Mông và Đỗ An đến để liệu tính công việc. Khi sắp đến cửa biển Cơ La, Đỗ An nói: "Kẻ kia đem quân đến đây lòng nó khó tin được", ngạn ngữ có câu rằng: "Tổ kiến có thể vỡ đê, tấc khói có thể cháy nhà". Nay Bố Trì há chỉ là tổ kiến, tấc khói mà thôi đâu. Dĩ Mông đem câu ấy bảo cho Thanh và Diên biết, khiến họ phòng bị. Bọn Thanh nói: "Kẻ kia vì hoạn nạn đến xin cầu cứu, cần gì phải nghi ngờ quá đáng". Dĩ Mông giận đem quân về. Thanh và Diên mưu đánh úp Bố Trì, để làm kế tự bảo toàn. Mưu bị tiết lộ, lại bị Bố Trì giết. Quân Nghệ An tan vỡ, chết không kể hết, Bố Trì thả sức cướp bóc rồi về.

> ***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Thanh và Diên là bề tôi giữ bờ cõi, không xét rõ tình hình địch, bàn càn công việc biên cương, ương bướng càn rỡ tự chuốc lấy sự chết chóc, đáng làm răn cho những người sinh sự cầu công,* ***<35a>*** *để đến nỗi gây tai họa đến nhân dân, làm cho bọn mọi rợ nhỏ khinh nhờn, làm mối nhục cho đất nước thì dù chết đến vạn lần cũng chẳng đủ chuộc được tội. Sử đặc biệt chép là: "Chiêm Thành giết" là rất ghét bọn Thanh và Diên đấy.*

Tháng 9, bọn Phí Lang ở sông Đại Hoàng[1] làm phản. Trước kia Phí Lang và người làng là Bảo Lương dâng thư bài bác về tội hại nước hại dân của Đàm Dĩ Mông, bị Dĩ Mông đánh roi làm nhục, vì thế nuôi lòng oán giận. Nhân đấy thiên hạ sầu khổ muốn làm loạn, mới tụ tập quân chúng làm phản. Vua sai Chi hậu Trần Lệnh Hinh làm nguyên soái, đem quân đi đánh. Lại sai Thượng thư Từ Anh Nhĩ đem quân phủ Thanh Hóa cùng tiến. Bọn Minh đánh nhau với Phí Lang ở sông Lộ Bố bị thua [Lệnh Hinh và Anh Nhĩ] đều chết cả.

Ất Sửu, Trị Bình Long Ứng năm thứ 1 [1205] (Tống Khai Hy năm thứ 1), mùa xuân, tháng 3, đổi niên hiệu là Trị Bình Long Ứng năm thứ

---

[1] Sông Đại Hoàng: Khúc Sông Hồng ở phía Bắc tỉnh Nam Định.

1. Khi đó người Tống <35b> quấy rối ở biên giới, dân ta phải khó nhọc chạy vạy, giặc cướp dần dần nổi lên, vua cũng ham thích tiền của, quần thần phần nhiều bán quan buôn ngục, hối lộ công khai.

Bính Dần, năm thứ 2 [1206] (Tống Khai Hy năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, phong Đàm Dĩ Mông làm Thái bảo, đội mũ củng thần.

Lúc bấy giờ xây dựng cung điện liên tục, rong chơi không chừng mực, hàng ngày cùng với cung nữ dạo chơi làm vui, nghe ngoài thành có trộm cướp, giả cách không biết. Tính lại sợ sấm, nghe sấm là kinh hoàng. Bề tôi yêu của vua là Nguyễn Dư tự nói có thuật cấm sấm, gặp khi sấm động vua sai Dư làm thử, Dư ngửa mặt lên trời đọc thần chú, nhưng sấm càng lớn hơn, vua hỏi vặn, Dư trả lời: "Thần răn cấm đã lâu rồi, vì trời cao quá, nên nó còn cường bạo như thế".

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Cao Tôngthất đức, taibiến nổi lên luôn luôn, nhật thực, động đất, lụt lội, hạn hán, đói khát, các ngôi sao đi sai vĩ độ, mưa bão khác thường, sét đánh Thái miếu và điện các <36a> 3 lần, 2 mặt trời cùng mọc, mặt trăng, mặt trời sắc đỏ như máu, trâu bạc trèo lên cây, kẻ trên người dưới khắc nhau, đó đều là những tai biến đáng sợ, há chỉ sợ uy của một lần sấm động đâu. Đã không biết nhân tai họa mà răn sợ để sửa lỗi tu đức, đây lại chơi bời không điều độ, xây dựng cung điện không ngớt, chạy theo tiền của, theo dục vọng của mình, động đến lòng phẫn nộ của trời, khinh nhờn mặt trời chứng giám ở trên cao, mà chỉ sợ sau khi tiếng sấm ầm ầm. Cái sợ đó không chỉ để làm nên phúc được, lại còn sai bề tôi cấm sấm mà không biết là nó nói dối, thì còn ai ngu hơn. Cuối cùng lòng nhân ái cũng không thể kéo lại được uy quyền thưởng phạt của dân ta, giặc dã càng tăng thêm. Cuộc binh biến của Quách Bốc ở Lương Thạch cũng giống những tiếng sấm bất thình lình đấy, Cao Tông còn kịp bịt tai chăng?

Đinh Mão, năm thứ 3 [1207] (Tống Khai Hy năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, giặc cướp nổi dậy hàng bầy.

Vua ban chiếu tuyển những đinh nam, người nào khoẻ mạnh sung vào quân ngũ.

Sai quan các bộ thống quản để bắt giặc cướp.

Mùa đông, tháng 10, <36b> người Man ở núi Tản Viên châu Quốc Oai làm giặc, cướp bóc hương Thanh Oai, bọn chúng rất nhiều, không thể trị được.

Mậu Thìn, năm thứ 4 [1207] (Tống Gia Định năm thứ 1), sách lập Hoàng tử Sảm làm Hoàng Thái tử, ở Đông cung.

Đói to, xác người chết nằm gối lên nhau.

Cho Phạm Du coi việc quân ở châu Nghệ An. Du luôn làm phản, thu nạp những kẻ trốn tránh và trộm cướp gọi là hậu nhân(1), chia đi cướp bóc các nơi. Người châu Quốc Oai cũng đem bè lũ đến đóng đồn ở Tây Kết, đường xá vì thế không thông. Vua sai Thượng phẩm phụng ngự là Phạm Bỉnh Di đem quân Đằng Châu(2) đi đánh.

Kỷ Tỵ, năm thứ 5 [1205] (Tống Gia Định năm thứ 2), mùa xuân, tháng Giêng, Phạm Bỉnh Di đem người Đằng Châu và Khoái Châu(3) đánh lại Phạm Du. Du chạy sang Hồng Châu(4), Bỉnh Di tịch thu nhà cửa của nó rồi đốt hết đi, Du càng oán giận hơn. Vua sai phụng ngự vời Du về kinh.

Mùa thu, tháng 7, giết Thượng phẩm là Phạm Bỉnh Di. Tướng của Di là bọn Quách Bốc đem quân xâm phạm cửa khuyết, vua chạy ra sông Quy Hóa(5). Bỉnh Di đã đánh bại quân của Du <37a> được triệu về kinh sư, sắp vào tâu có người cản rằng: "Lời của Du đến tai vua trước rồi, vua còn chưa nguôi giận, Bỉnh Di nói: "Ta thờ vua hết sức trung, mà lại bị kẻ gian dèm pha ư? Và lại có mệnh vua đòi, ta còn tránh vào đâu?". Rồi Bỉnh Di vào, vua sai bắt lại cùng với con là Phụ giam ở Thủy Viên. Khi sắp hành hình tướng của Di là bọn Quách Bốc nghe tin đem quân đánh trống hò reo mà vào, đến ngoài cửa Đại Thành, bị người coi cửa chống cự liều chém người giữ cửa vào, vua thấy việc gấp quá sai đưa bọn Bỉnh Di và Phụ vào xứ Lương Thạch, thềm Kim Tinh đâm chết. Bọn Bốc xông vào Lương Thạch lấy xe của vua chở xác Bỉnh Di, lấy chiếu của vua bọc xác của Phụ từ cửa Việt Thành ra đến bến Đông Bộ Đầu, rồi lại trở vào cung Văn Diên lập Hoàng tử Thẩm làm vua. Đàm Dĩ Mông, Nguyễn Chính lại đều chịu ngụy chức của Thẩm. Vua chạy đến sông Quy Hoá.

Người ở Động Trư là Nguyễn Phả Lân đem bè đảng đang đêm lấy hầu hết của cải trong kho của Đội Sơn(6). <37b> Hoàng Thái tử đến thôn

(1) Hậu Nhân: Người tuần sát do thám.

(2) Đằng Châu: Thuộc huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên ngày nay.

(3) Khoái Châu: Tên huyện thuộc tỉnh Hưng Yên.

(4) Hồng Châu: Tức Bình Giang và Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

(5) Sông Quy hóa: Miền Sông Thao thuộc tỉnh Phú Thọ.

(6) Đội Sơn: Ở huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam.

Lưu Gia[1] miền biển, nghe thấy con gái của Trần Lý có sắc đẹp bèn lấy làm vợ. Nhà Trần Lý do nghề đánh cá mà làm giàu, người quanh vùng quy phụ, nhân dân nhiều người cũng nổi lên làm giặc. Thái tử đã lấy con gái của Trần Lý trao cho Lý tước minh tự, trao cho cậu của người con gái ấy là Tộ Trung Từ làm Điện tiền chỉ huy sứ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Thái tử đi lần này là vì nước có loạn mà đi tránh nạn, sao lại buông lòng dâm dục ở ngoài, mà tự tiện phong tước cho người? Có lẽ do Cao Tông chơi bời không chừng mực, rường mối bị huỷ hoại đấy, nhưng họ Lý nhân thế mà mất nước, họ Trần nhân thế mà dựng nước là do trời cả.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Phạm Du mới lĩnh chức ở châu trấn, đã lập tức mưu đồ làm giặc, bề tôi tất phải giết đi và tịch thu gia tài thì có làm sao? Thế mà còn dung túng cho vào triều, nghe lời tố càn của nó. Bỉnh Di không được thưởng công mà còn bị giết, mê muội đến như thế, tuy có cái nhục phải chạy vạy* **<38a>** *nhưng còn có thể giữ được thân đã là may rồi. Sử chép là giết Bỉnh Di, chép là phải chạy ra ngoài để thấy được cái lỗi vua giết càn. Huệ Tông là Thái tử đi theo, mà không đoái hoài đến tai nạn của vua cha, lại thông dâm với con gái thường dân, tự tiện trao chức quan cho người, nếu không như thế thì không thể mất nước, còn nói gì nữa.*

Xe vua trở lại phủ Thiên Trường. Anh em họ Trần tập hợp hương binh dẹp được mối loạn ấy rước vua về kinh sư, trừng trị bọn Quách Bốc làm loạn, xử tội theo từng bậc khác nhau.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Cao Tông ở ngôi 24 năm, uy quyền ở tay mình, người phò tá cũng không thiếu. Đến khi phải lặn lội nơi sông nước, phải nhờ họ hàng nhà thuyền chài giúp đỡ đưa về kinh, nhà Trần sắp nổi lên, nên trời bày ra việc ấy để làm nền móng. Nhưng bách quan văn võ nhà Lý không có ai, không có quân lính phòng bị, lòng người không còn dựa được, thế nước không thể làm nên* **<38b>** *đó cũng có thể thấy được.*

Canh Tý[2], năm thứ 6 [1210] (Tống Gia Định năm thứ 3), Hoàng Thái tử từ thôn Lưu Gia về đến kinh, vua sai Thượng thẩm phụng ngự là Đỗ Quảng đem quân đón Thái tử ở nhà riêng của Tô Trung Từ. Hoàng Thái tử về kinh sư, con gái Trần Thị về nhà cha mẹ. Trần Lý bị bọn giặc

---

[1] Lưu Gia: Tức xã Lưu Xá, huyện Hưng Nhân, tỉnh Thái Bình.

[2] ĐVSKTT chép năm Canh Ngọ. Có lẽ đúng hơn.

khác giết chết, con thứ là Trần Tự Khánh thay cha trông coi bè đảng, được phong tước Thuận Lưu bá.

Mùa thu, tháng 7, vua đã về kinh sư, những kẻ nhận chức quan của giặc đều tha không hỏi tội. Đỗ Anh Triệt kể tội Dĩ Mông tại triều đình rằng: "Người làm đại thần, đã mang lòng không có vua, nhận riêng chức tước của giặc, nay lại đứng ngang hàng với ta, ta tuy bất tài, nhưng mặt mũi nào đối diện với ngươi!" Dĩ Mông vừa xấu hổ vừa sợ rồi lui ra.

Sao Chổi mọc.

Mùa đông, tháng 10, vua không khoẻ, gọi Đỗ Kính Tu vào và nhận cố mệnh[1]. Ngày 28 vua băng ở cung Thánh Thọ.

<39a> Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Cao Tông tuổi nhỏ lên nối ngôi. Chiêu Linh Thái hậu mang lòng bỏ vua này lập vua khác, bản thân vua cũng sắp bị nguy ngập, nhờ Tô Hiến Thành vốn có quyền vị, nhận sự ký thác con côi, hết lòng phù hộ, ngôi báu không lung lay, thiên hạ quy phụ, chắc là phải có mưu hay kế tốt tâu với đức vua. Đến khi Hiến Thành mất, Đỗ Kính Tu hầu nơi màn trướng, giúp vua nên đức tốt, phải đâu là không có người. Thế mà vua đắm đuối chơi bời, ham mê thanh sắc, ham của cải, thích xây dựng cung điện, dạy cho các quan lối vui chơi thỏa thích, khiến cho trăm họ phải than vãn oán hờn, phúc nhà Lý ngày một hao mòn, rồi dẫn đến mất nước. Kinh Thư có câu: "Bên trong thì mê gái đẹp; bên ngoài thì mê săn bắn, ham rượu thích nhạc, nhà cao tường vẽ, người nào phạm một trong những điều ấy thì chưa bao giờ không bị diệt vong"[2]. Vua kiêm đủ các điều ấy thì còn nói gì nữa.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Lý Kính Tu vào năm thứ 7 niên hiệu Trinh Phù đời Lý Cao Tông làm Đế sư. <39b> Đến bấy giờ trải qua 28 năm không thấy chép ở sử, nay người nhận cố mệnh là Đỗ Kính Tu, hay là trước đã cho đứng họ nhà vua nay mới phục hồi họ cũ, như lệ chép Phí Công Tín, trước chép là họ Lý, sau lại chép là họ Phí đó chăng? NhưngCông Tín trước sau còn có thể kê cứu được, còn Kính Tu đúng hay sai không thểtra khảo được. Lời bàn của Sĩ Liên cho rằng: Đỗ Kính Tu tức là Lý Kính Tu thì không biết ông ta căn cứ vào đâu? Tôi trộm nghĩ nếu Kính*

[1] Cố mệnh: Những mệnh lệnh dặn lại khi vua sắp mất.

[2] Trong thiên "Ngũ tử thi ca" (Kinh Thư)

Tu hãy còn thì mình giữ trách nhiệm Đế sư hàng bao nhiêu năm mà ngồi nhìn Cao Tông hoang dâm, đến Huệ Tông lại càng quá thì là người tốt ở chỗ nào? Hay là người đó đã mất rồi, khiến cho nước nhà bị khốn cùng, trời sắp làm mất nhà Lý cho nên một hai vị nguyên lão cũng không chịu để sót lại. Thiên Thành mất buổi trước, Kính Tu mất buổi sau mà nhà làm sử bỏ không chép. Còn Đỗ Kính Tu người nhận di mệnh ở cuối đời Cao Tông, chính là người mà vào thời Thiên Gia Bảo Hựu năm thứ 3, đánh Đại Hoàng không được, cùng tên mà khác họ **<40a>** *thì người đó cũng có thể thấy được.*

Hoàng Thái tử lên ngôi trước linh cữu, khi đó mới 17 tuổi, tôn mẹ là Đàm Thị làm Hoàng Thái hậu, cùng nghe chính sự, lại sai đem thuyền rồng đi đón Trần Thị. Anh Trần Thị là Trần Tự Khánh cho là đương thời loạn lạc chưa đưa đi ngay.

Sai sứ cáo phó với nhà Tống , nhà Tống sai sứ sang làm lễ vương.

HUỆ TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua tên húy là Sảm, con trưởng của Cao Tông ở ngôi 14 năm, bị Trần Thủ Độ giết, thọ 33 tuổi. Vua tư chất hèn kém, lại gặp thời loạn lạc, nghe người vợ đẹp xúi giục, không có con nối dõi mà ký thác, họ Lý mất).

Tân Mùi, Kiến Gia năm thứ 1 [1211] (Tống Gia Định năm thứ 4), mùa xuân, tháng Giêng, đổi niên hiệu.

Tháng 2, vua lại sai Phụng ngự Phạm Bố đi đón Trần Thị. Trần Tự Khánh bèn sai bọn Phùng Tá Chu đưa Trần Thị đi. Gặp khi Tô Trung Từ(1) đương đánh nhau với Đỗ Quảng ở Triền Đông(2), Tá Chu bèn đỗ thuyền ở bến Đại Thông. Đến khi Đỗ **<40b>** Quảng bị thua, vua sai Bố và Trung đón Trần Thị vào cung, lập làm nguyên phi, cho Trung Từ làm Thái úy phụ chính, phong tước cho Thuận Lưu Bá, Trần Tự Khánh làm Chương Thành hầu(3).

Lúc bấy giờ, nhân thái bình lâu ngày, kỷ cương bỏ lỏng, dân không biết đến việc binh, giặc cướp khắp nơi lén lút nổi lên, không thể ngăn

(1) Tô Trung Từ: Người Thái Bình, là cậu của Hoàng hậu Trần Thị.

(2) Triền Đông: Tức Đông Bộ Đầu phía Đông thành Thăng Long.

(3) CM chép là Chương Tín hầu.

cấm. Vua mới lên ngôi, đem việc nước giao cho Đàm Dĩ Mông. Dĩ Mông là người không có học thức, không có phương pháp, lại nhu nhược không quyết đoán, chính sự ngày càng rối ren.

Nhâm Thân, năm thứ 2 [1212] (Tống Gia Định năm thứ 5), mùa xuân, tháng 2, sai Đoàn Thượng chiêu mộ dân Hồng Châu bắt giặc cướp. Bấy giờ thế nước suy yếu, triều đình không có chính sách hay, mất mùa đói kém luôn luôn, nhân dân cùng khổ. Đoàn Thượng cho rằng mình với vua cùng một vú nuôi, thừa thế loạn lạc tự tiện làm oai làm phúc, không một ai dám nói gì. Về sau tội trạng dần dần lộ rõ, bị các quan tâu hạch, phải giam vào ngục để hỏi tội.

Thượng rút kiếm, cởi trần chạy ra Hồng Châu, nhóm họp bè đảng, đắp thành ở, tự xưng vương, cướp bóc nhân dân địa phương, triều đình không ngăn cấm được.

<41a> Quý Dậu, năm thứ 3 [1213] (Tống Gia Định năm thứ 6), mùa xuân, tháng 2, Trần Tự Khánh đem quân xâm phạm cửa khuyết, xin đón rước xe vua. Vua nghi ngờ ban chiếu lấy quân các đạo bắt Tự Khánh, giáng nguyên phi làm Ngự nữ(1).

Giáp Tuất, năm thứ 4 [1214] (Tống Gia Định năm thứ 7), mùa xuân, tháng Giêng, Trần Tự Khánh đem quân đến bến Triều Đông, đến cửa quân tạ tội, lại xin đón xe vua, vua càng ngờ bèn cùng với Thái hậu và Ngự nữ chạy sang Từ Sơn, Lạng Châu. Tự Khánh nghe tin xe vua phiêu bạt mà Ngự nữ lâu nay bị Thái hậu làm khổ, lại đem quân đến xin đón xe vua như trước, vua cũng chưa tin, lại cùng với Thái hậu và Ngự nữ chạy sang huyện Bình Hợp(2).

Mùa hạ, tháng 5, Tự Khánh đánh bọn Đinh Khả và Bùi Đô ở chùa Đại Hoàng.

Bính Tý, năm thứ 6 [1216] (Tống Gia Định năm thứ 9), sách phong Ngự nữ làm Thuận Trinh phu nhân. Thái hậu cho Trần <41b> Tự Khánh là phản trắc, thường chỉ mặt phu nhân là bè đảng của giặc, bảo vua đuổi đi. Lại sai người bảo với phu nhân bắt tự tử, vua biết nên ngăn lại. Thái hậu bỏ thuốc độc vào món ăn uống của phu nhân, mỗi bữa ăn vua chia cho phu nhân một nửa và không lúc nào rời xa. Thái hậu lại sai người cầm chén thuốc độc bắt phu nhân phải tự tử, vua lại ngăn

---

(1) Ngự nữ: con gái hầu.

(2) Huyện Bình Hợp: Đất huyện Phúc Thọ, nay thuộc Hà Nội.

không cho. Đêm cùng với phu nhân chạy đến quân của Tự Khánh. Đến sáng vua trú lại ở nhà tướng quân Lê Mịch ở huyện Yên Duyên, gặp tướng của Tự Khánh là Vương Lê đem binh thuyền đến đón, đỗ lại ở bãi Cửu Liên[1] truyền cho Tự Khánh vào chầu.

Mùa hạ, tháng 6, Hoàng trưởng nữ sinh ở bãi Cửu Liên (sau phong làm Thuận Thiên công chúa).

Mùa đông, tháng 12, sách phong phu nhân làm Hoàng hậu, phong Tự Khánh làm Thái úy phụ chính, cho anh trai Tự Khánh là Trần Thừa làm Nội thị phán thủ. Tự Khánh cùng với Thượng tướng quân là Phan Lân xếp đặt quân ngũ, chế binh khí, tập võ nghệ, thế quân dần dần mạnh lên.

Vua mắc bệnh phong, chữa thuốc không khỏi, chưa có Thái tử, trong cung <42a> mới chỉ sinh công chúa mà thôi.

Chiêm Thành, Chân Lạp cướp phá châu Nghệ An. Châu bá là Lý Bất Nhiễm đánh bại bọn giặc.

Đinh Tỵ[2] năm thứ 7 [1217] (Tống Gia Định năm thứ 10), mùa xuân, tháng 3, vua dần dần phát chứng điên, lúc nói là thiên tướng giáng, tay cầm thuẫn, cắm cây cờ nhỏ vào búi tóc, đùa múa từ sớm đến chiều không thôi, hoặc khi thôi đùa nghịch lại đổ mồ hôi, miệng ráo khát nước, uống rượu ngủ li bì, ngày hôm sau mới tỉnh.Chính sự không giải quyết, giao phó cho Trần Tự Khánh, quyền lớn trong nước dần dần về người khác.

Mậu Dần, năm thứ 8 [1218] (Tống Gia Định năm thứ 11), mùa xuân, tháng 3, động đất.

Sao Chổi mọc ở phía Tây nam.

Tháng 9, Hoàng thứ nữ sinh, sau phong làm Chiêu Thánh công chúa.

Mùa đông, tháng 10, Trần Tự Khánh đi đánh người Man ở Quảng Oai không được.

Chiêm Thành và Chân Lạp lại đến cướp phá châu Nghệ An. Lý Bất Nhiễm đánh bại bọn chúng, được thăng tước hầu, cho thực ấp 1.500 hộ[3].

<42b> Kỷ Mão, năm thứ 9 [1219] (Tống Gia Định năm thứ 12), mùa đông, tháng 10, sai Nguyễn Nộn[4] đem quân đi đánh người Man ở châu

---

[1] Bãi Cửu Liên: Theo ***Việt sử lược*** chú thì Bãi Cửu Liên có thể là bãi ở phía Nam sông Thiên Đức. Sông Thiên Đức lúc bấy giờ là sông lớn.

[2] Nguyên bản chép Đinh Tỵ là sai, phải là Đinh Sửu mới đúng.

[3] ĐVSKTT chép 7500 hộ.

[4] Nguyễn Nộn: Người Tiên Du nay là Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Quảng Oai... Trước đấy, Nguyễn Nộn là cư sĩ ở chùa Phù Đổng[1], được vàng ngọc không dâng, vua bèn xuống chiếu bắt. Trần Tự Khánh cho rằng Nguyễn Nộn đang mạnh, muốn dùng sức của Nộn mới tâu xin tha cho Nộn, bắt theo quân đánh giặc để chuộc tội, vua cho, cho nên mới có mệnh lệnh ấy.

Canh Thìn, năm thứ 10 [1220] (Tống Gia Định năm thứ 13), mùa xuân, tháng 3, Nguyễn Nộn chiếm cứ làng Phù Đổng, tự xưng là Hoài Đạo vương, dâng biểu xưng thần, xin đi dẹp loạn để chuộc tội. Vua sai người đem sắc thư đến tuyên dụ, cuối cùng vì nhiều khó khăn nên không chế ngự được.

Tân Tỵ, năm thứ 11 [1221] (Tống Gia Định năm thứ 14), mùa xuân, tháng Giêng, vua bị bệnh, thầy thuốc chữa đã lâu không hiệu nghiệm, ở sâu trong cung, giặc cướp thả sức tung hoành, dân ở ngoài thành phần nhiều lưu lạc, mất nơi ăn chỗ ở, đều ngầm muốn nổi loạn.

<43a> Nhâm Ngọ, năm thứ 12 [1222] (Tống Gia Định năm thứ 15), mùa xuân, tháng 2, chia trong nước làm 24 lộ. Lộ chia cho công chúa ở dùng các hành nô thuộc lệ và quân nhân bản lộ chia nhau làm giúp.

Làm khí giới và thuyền lớn, thuyền nhỏ để đi tuần bắt trộm cướp.

Tân Tỵ, năm thứ 13 [1223] (Tống Gia Định năm thứ 16), Trần Tự Khánh mất, truy phong làm Kiến Quốc đại vương, cho Trần Thừa làm phụ quốc Thái úy[2], khi vào chầu lạy không gọi tên.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Năm đầu niên hiệu Kiến Gia, giặc cướp đua nhau nổi dậy, Huệ Tông nhu nhược không dẹp được. Trần Tự Khánh lấy cớ là Huệ hậu bị Thái hậu làm khổ, dấy quân xâm phạm cửa khuyết xin đón xe vua. Đương lúc bấy giờ, lòng người không thể không ngờ vực. Huệ Tông sở dĩ có lệnh bắt Tự Khánh mà không bắt được vì Tự Khánh muốn làm việc ấy cho kỳ được nên luôn luôn làm kinh động, xe vua phải phiêu bạt đến 2 lần, tội đã rõ ràng rồi đấy. Nhưng Huệ Tông* ***<43b>****, Huệ hậu cuối cùng lại dựa vào Tự Khánh cho được yên thì tội ấy lại hết, thật là việc thì trái nhưng tình lại thuận, sử không khen nhưng thực là khen đấy. Nếu không phải thế thì Tự Khánh chỉ là đầu sỏ bọn cướp mà thôi.*

---

(1) Chùa Phù Đổng: Tại xã Phù Đổng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

(2) Phụ quốc Thái úy: Chức đứng đầu các quan cũng như chức tể tướng.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*Huệ Tông mê gái đẹp ở trong làng giang hồ chài lưới, không thưa với cha mẹ mà được vợ, cam lòng phối hợp cẩu thả. Ngay khi trước linh cữu mà sai người đi đón gái, quên rằng cha còn chưa chôn, trong cung đương lúc lo buồn mà bỏ mẹ để cùng gái chạy trốn, lòng ân ái thắm thiết như thế. Tự Khánh sao lại xâm phạm cửa khuyết, sau khi xâm phạm cửa khuyết tại sao lại muốn rước xe vua về nhà. Lúc bấy giờ kỷ cương lỏng lẻo, giặc dã tung hoành, triều đình không có người, tôn thất không mạnh. Đó là điều họ Lý bị mất nhưng còn nằm im lìm mà chưa bị mất hẳn, còn làm vua chung của thiên hạ. Tự Khánh gặp đượcmón hàng quý ấy, muốn nắm lấy để sai khiến thiên hạ, cho nên nói thác ra là nhờ em gái, làm cho Huệ Tông tin chắc mà giao phó thân mình cho nó. Nếu Tự Khánh* **<44a>** *không chết thì nó sẽ bóp họng Huệ Tông mà cướp lấy ngôi báu, còn đợi gì đến việc nhường ngôi cho em gái nữa. Đại khái là trời muốn cho nhà Trần nổi lên, cho nên đem Ngự nữ làm mê hoặc tâm trí Huệ Tông, lại muốn trao ngôi cho con trai Trần Thừa cho nên lại bắt Tự Khánh chết đi, để cho Nhật Cảnh nhận ngôi vua ở Phật Kim. Dã tâm của Tự Khánh và bản án quyết định nhà Lý mất nước, nhà Trần nổi lên, có lẽ là như thế đó. Sĩ Liên cho rằng Huệ Tông, Huệ hậu cuối cùng nhờ vào Tự Khánh mà được yên, sử không khen mà thực là khen, chẳng phải là che đậy tội cho kẻ gian hùng sao?*

Giáp Thân, năm thứ 14 [1224] (từ tháng 10 về sau là Chiêu Hoàng Thiên Chương Hữu Đạo năm thứ 1) (Tống Gia Định năm thứ 17), khi đó bệnh của vua ngày càng tăng, các công chúa đều chia nhau các lộ làm ấp thang mộc, uỷ nhiệm cho một mình Chi huy sứ Trần Thủ Độ lãnh các quân điện tiền để hộ vệ nơi cấm đình.

Mùa đông, tháng 10, sách phong thứ nữ là Chiêu Thánh công chúa làm Hoàng Thái tử. Vua truyền ngôi cho Chiêu Thánh, đi tu ở chùa Chân Giáo trong Đại Nội **<44b>**. Chiêu Thánh lên ngôi đổi niên hiệu là Thiên Chương Hữu Đạo năm thứ 1, tên hiệu là Chiêu Hoàng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Đạo trời khi thường khi biến, thánh nhân phối hợp với trời đất, giúp đỡ việc sinh thành thì có đạo lúc biến mà cũng không lỗi đạo thường. Con của vua Nghiêu là Đan Thu là người không tốt, không thể truyền thiên hạ cho được,thì vua Nghiêu tiến vua Thuấn với trời mà thiên hạ thịnh trị; con của vua Thuấn là Thương Quân là người không tốt,*

không thểtruyền thiên hạ cho được, thì vua Thuấn tiến vua Vũ với trời mà xã tắc được yên, đều là ở vào lúc biến mà không lỗi đạo thường. Đời sau, chỉ truyền ngôi cho con mà không truyền ngôi cho người hiền vì là không có người nào được như vua Thuấn và vua Vũ đấy. Nếu chẳng may không có con nối thì chọn con người tôn thất nuôi làm con mình, đổi nối giữ cơ đồ cũng là cách xử trí khi biến. Lý Nhân Tông đã làm như thế rồi, Huệ Tông sao không noi việc cũ mà làm theo, lại để đến khi ốm nặng mới lập con gái làm con nối dõi và truyền ngôi cho, há có phải là hợp lý đâu? Lúc bấy giờ **<45a>** *các quan không nghĩ đến mưu kế cho xã tắc để cho Phùng Tá Chu viện dẫn việc Lã Hậu và Vũ Hậu*(1) *làm cớ, để thành việc Chiêu Hoàng nhường ngôi cho họ Trần, đó là người có tội với họ Lý đấy.*

Cháu tôn thất dần dần suy yếu. Hai con của Anh Tông, một người có tội bị phế; hai con của Cao Tông thì một người làm giặc nổi tiếng, người thân mà tốt ý chừng cũng không có người nào đáng lập làm vua. Nhưng nếu Huệ Tông còn có một chút ít tri năng, há không tìm rộng ở những người họ xa, chọn người đáng lập, như Tống Cao Tông, Tống Ninh Tông đối với Tống Hiến Tông, Tống Lý Tông chẳng hơn là dòng dõi bị tuyệt diệt ư? Huệ Tông vốn ngu muội, lại bị nguyên phi Trần Thị mê hoặc. Dù là mẫu hậu cũng không tự lập được, huống hồ nó đã không có con há chịu lập người tôn thất làm thừa tự, thà rằng đem ngôi vua cho con gái rồi sau này dần dần làm mưu kế vun đắp cho bè lũ thân thuộc của nó. Huệ Tông mê muội không biết gì, bị nó mê hoặc **<45b>**. Sau khi quy thiền, dần dần tỉnh ngộ, nhưng quyền bính đã mất rồi không làm gì được nữa. Cho nên mới có câu: "Có dây mơ rễ má còn hơn người khác". Cũng đáng thương đấy. Xưa kia Vi Thứ nhân(2) thời Đường đã đắc chí hâm mộ

---

(1) Lã Hậu: Vợ Hán Cao Tổ mẹ Huệ Đế. Khi Huệ Đế chết lập Thiếu Đế, Lã Hậu lâm triều coi chính sự, giết Thiếu Đế lập Hằng Sơn Vương Nghĩa làm vua, phong vương cho những người họ Lã. Khi Lã Hậu chết, di chúc cho Lã Sản làm Tướng quốc, các người họ Lã muốn làm loạn. Sau Chu Bột, Trần Bình giết hết họ Lã lập Văn Đế.

- Võ Hậu: Tức Võ Tắc Thiên, vợ Đường Cao Tông. Trước được Thái Tông tuyển làm Tài nhân; khi Thái Tông chết nàng cạo đầu đi tu. Đến thời Cao Tông lại để tóc và được lập làm Hoàng hậu. Cao Tông mất, Trung Tông lên ngôi, hậu lâm triều coi chính sự, bỏ Trung Tông lập Duệ Tông, rồi lại bỏ Duệ Tông mà tự lên làm vua, vì là người dâm cuồng bạo ngược, triều chính rối ren cuối cùng phải trả ngôi cho Trung Tông.

(2) Vi Thứ nhân: Tức Vi Hậu người thời Đường, vợ của Trung Tông. Khi Trung Tông bị phế, muốn tự sát, hậu ngăn lại, đến khi Trung Tông được lập lại làm vua, hậu tham dự chính sự tư thông với Vũ Tam Tư. Cuối cùng giết Trung Tông.

việc làm của Vũ Hậu,cho con gái của nó là An Lạc công chúa làm Hoàng thứ nữ thì Trung Tông liền bị uống thuốc độc chết. Huệ Tông điên cuồng bất tỉnh, anh em họ Trần đều ở bên cạnh, hoặc làm những nết xấu như loài cầm thú; hoặc tính mưu kế cho gia đình. Trong ý của Ngự nữ, há lại nghĩ đến việc ngăn chén thuốc độc, chia cơm cho nó ăn là ân huệ ở đâu? Cho nên, khuyên vua đi ở chùa, khiến cho kế nhường ngôi ở bên trong được thành; lại bắt thắt cổ khiến cho việc lấy lẫn nhau được ổn định. Cuộc nhường ngôi của họ Trần, án bị giết của Huệ Tông, tất cả đều do Ngự nữ và người anh chú bác của nó ngấm ngầm vạch ra. Sự quỷ quyệt của mụ đàn bà dâm loạn này, từ trước đến nay chưa có người nào phát hiện ra, thần cho là Lý Huệ Tông cũng giống như Đường Trung Tông; Trần Ngự nữ cũng giống như Vi Thứ Nhân. Nhưng họ Lý cuối cùng bị diệt, không giống nhà Đường **<46a>** khôi phục lại được, vì rằng không có ai là người tôn thất làm phên giậu như Lâm Trung Vương(1). Người bàn chỉ đổ lỗi cho Huệ Tông và các bầy tôi, còn mụ ấy là kẻ lọt lưới được không?

LÝ CHIÊU HOÀNG

(Lý Chiêu Hoàng trước húy là Phật Kim, sau đổi là Thiền Hinh, con gái thứ của Huệ Tông, ở ngôi 2 năm rồi nhường ngôi cho họ Trần. Bản thân là nữ lại ở vào địa vị đàn ông đó là phản lại đạo thường, trái với lẽ phải, khi thì làm vua, lúc lại làm Hoàng hậu, con gái trẻ có biết quái gì!)

Ất Dậu, Thiên Chương Hữu Đạo năm thứ 2 [1225] (tháng 12 là Trần Thái Tông Kiến Trung năm thứ 1, Tống Lý Tông Bảo Khánh năm thứ 1), mùa đông, tháng 10, ban chiếu nhường ngôi cho Thị Nội chính phủ(2) Trần Cảnh(3). Khi Chiêu Hoàng mới lên ngôi, Thái hậu là Trần Thị cùng với người anh họ chú bác của bà là Trần Thủ Độ nắm chính trị bên trong, bên ngoài, ban chiếu chọn con em của quan viêntrong ngoài sung vào Nội sắc dịch(4) lục hỏa thị cung, ngoại chi hậu, nội nhân thị nội(5), ngày đêm thay phiên nhau chầu hầu theo Điện tiền chỉ huy sứ Trần Thủ

(1) Lâm Trung Vương: Con Đường Huyền Tông là người tài giỏi trực tiếp dẹp loạn, giết Vi Thị đưa cha là Huyền Tông lên ngôi, sau được truyền ngôi. Làm vua được 44 năm.

(2) Thị nội chính phủ: Quan chức, Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên 16 đổi là Hỏa đầu tức là chức Hỏa đầu trong cung.

(3) Trần Cảnh: Con thứ của Trần Thừa, cháu họ của Trần Thủ Độ.

(4) Nội sắc dịch: Người hầu các việc vặt như lấy nước rửa mặt, cầm khăn, têm trầu…

(5) Nội nhân thị nội: Người hầu giữ trách nhiệm truyền lệnh và dẫn người ra vào.

Độ trông coi việc quân trong thành ngoài nội. Thủ Độ tiến cháu chú bác là Trần Bất Cập làm Cận thị thự lục cục chi hầu[1] Trần Thiên làm Chi Ứng **<45b>**, Trần Cảnh làm Chính thủ. Cảnh lúc ấy mới 8 tuổi, trực hầu ở bên ngoài. Một hôm, đến phiên giữ việc bưng nước rửa, nhân thế được vào hầu bên trong, Chiêu Hoàng trông thấy yêu thích, mỗi khi chơi đêm cho gọi Cảnh đến cùng chơi, thấy Cảnh ở chỗ tối thì chạy đến trêu chọc, hoặc nắm lấy tóc, hoặc đứng vào bóng, Cảnh lạithường bưng chậu nước đứng hầu, Chiêu Hoàng rửa mặt lấy tay vốc nước té vào mặt Cảnh rồi cười trêu, hoặc khi Cảnh bưng khăn trầu, lại lấy khăn ném cho Cảnh. Cảnh không dám nói gì, và ngầm nói với Thủ Độ. Thủ Độ nói: "Nếu quả như thế thì họ mình làm vua chăng? Chết cả họ chăng?".

Tình cảm giữa Chiêu Hoàng và Cảnh khá thân. Chiêu Hoàng lại cho Trần Cảnh khăn trầu, Cảnh cúi lạy nói: "Bệ hạ có tha tội cho thần không? Thần xin vâng mệnh". Chiêu Hoàng cười và nói: "Tha tội cho ngươi. Nay ngươi đã biết nói khôn đấy". Từ đó cùng ở với nhau như vợ chồng. Cảnh lại về nói với Thủ Độ. Thủ Độ sợ việc tiết lộ, mới đem gia thuộc thân thích vào trong cung cấm, sai đóng cửa thành và các cửa cung, cắt người coi giữ **<47a>** các quan chầu không được vào. Thủ Độ loan báo rằng: "Bệ hạ đã có chồng rồi". Các quan đều nói: "Vâng, xin chọn ngày vào chầu". Ngày 21, các quan vào chầu lạy mừng, liền ban chiếu rằng: "Từ xưa, nước Nam Việt ta đã có các bậc đế vương trị thiên hạ. Duy họ Lý ta vâng mệnh trời, gồm có bốn biển truyền nối hơn 200 năm, nhưng vì Thượng hoàng mắc bệnh, không có người nối dõi, thế nước gian nguy, sai trẫm nhận minh chiếu, cố gượng lên ngôi, từ xưa đến nay chưa từng có việc đó. Than ôi! Trẫm là vua đàn bà, tài đức đều thiếu, không có người giúp đỡ, giặc cướp nổi lên như ong, sao có thể giữ được ngôi báu quá nặng nề, trẫm dậy sớm thức khuya, chỉ sợ không cáng đáng nổi, vẫn thường nghĩ đến tìm các bậc hiền lương quân tử để cùng giúp chính sự, ngày đêm lo lắng đến thế là cùng. *Kinh Thi* có câu: "Quân tử hảo cầu, cầu chi bất đắc, ngụ mị tư bặc, du tai du tai"[2]. Nay trẫm tính đi tính lại chỉ thấy có Trần Cảnh văn chất vẹn toàn, thực là có **<47b>** thể cách tư chất của bậc hiền nhân quân tử, uy nghi đạo mạo, có tư chất thánh thần văn võ, dù đến Hán Cao Tổ, Đường Thái Tông cũng không hơn được. Sớm hôm nghĩ kỹ thể nghiệm từ lâu, có thể nhường

[1] Cận thị thự lục cục chi hầu: Chức chi hầu ở 6 cục của cận thị thư.

[2] Quân tử tìm bạn tốt, tìm mãi không được, khi thức khi ngủ, không lúc nào nguôi, lâu thay! lâu thay!... (Bài "Quan thư" trong ***Kinh Thi***).

ngôi báu, để thuận lòng trời, để thỏa lòng trẫm, may ra có thể đồng tâm giúp sức, cùng giúp việc nước để hưởng phúc thái bình.

Vậy bố cáo thiên hạ để mọi người đều biết".

Tháng 12, ngày 11 là ngày Mậu Dần, Chiêu Hoàng đặt hội lớn ở điện Thiên An, ngự trên bảo sàng, các quan mặc triều phục vào chầu lạy ở dưới sân. Chiêu Hoàng trút bỏ áo ngự, khuyên mời Trần Cảnh lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu làm Kiến Trung năm thứ 1, đại xá cho thiên hạ, xưng là Thiện Hoàng, sau lại đổi làm Văn Hoàng, các quan dâng tôn hiệu là: Khải thiên lập cực chí nhân chương hiếu hoàng đế, phong Trần Thủ Độ làm Quốc Thượng phụ, coi việc thiên hạ. Thủ Độ nói: "Hiện nay giặc cướp đều nổi lên, họa hoạn càng ngày càng nhiều. Đoàn Thượng chiếm cứ mạn đông, Nguyễn Nộn chiếm cứ mạn bắc, các châu Quảng Oai, Đại Viễn cũng chưa dẹp yên. Nhà Lý suy yếu, thì nước nghiêng đổ **<48a>** nguy ngập, nữ chúa Chiêu Hoàng không gánh vác nổi, mới uỷ thác cho nhị lang, là người chưa am hiểu việc nước, chính sự nhiều chỗ thiếu sót, vận nước mới mẻ, lòng người chưa phục, mối họa không nhỏ. Ta tuy là chú, nhưng không biết chữnghĩa gì, còn phải khi chạy về đông, khi chạy sang tây để ngăn bọn giặc cướp, không gì bằng mời thánh phụ tạm coi việc nước làm Thượng hoàng. Đợi vài ba năm, thiên hạ thái bình, sau đó sẽ trả lại quyền hành cho vua sáng suốt, các ông thấy thế nào?" Các quan cho là phải mời Thánh phụ là Trần Thừa nhiếp chính.

> ***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:*** *Đến đời Huệ Tông, cái mối hưloạn trong thiên hạ đã quá lắm rồi, mà người làm vua lại không phải là người cứng cáp, bề tôi đảm đương việc nước thì nhu nhược hèn kém, thế mà lại muốn chữa mối tệ hại đã lâu thì làm sao nên việc được. Huống chi vua lại bị bệnh hiểm ác, chữa không công hiệu, lại không có con trai để nối nghiệp lớn, điềm nguy loạn trước đã hiện ra rồi. Tục truyền rằng: Lý Thái Tổ khi mới được thiên hạ, xe vua về Cổ Pháp, đến nơi chùa làng Phù Đổng, có thần đề thơ ở cột chùa* **<48b>** *rằng: "Nhất bát công đức thủy, tùy duyên hóa thế gian, quang quang trùng chiêu thác, một ảnh nhật đăng san"*[1]*. Sư chùa ấy là Vạn Hạnh đem bài thơ ấy dâng lên, Lý Thái Tổ xem rồi nói: "Việc của thần thì không thể hiểu được". Người đời truyền tụng không ai biết thơ ấy nói gì.*

---

[1] Câu đó có nghĩa: Một bát nước công đức theo cơ duyên điểm hóa thế gian, vằng vặc hai lần soi dọi hết bóng khi mặt trời gác núi.

Đến khi họ Lý mất, mới cho bài thơ là nghiệm. Vì từ đời Huệ Tông trở lên đến Thái Tổ là tám đời, mà Huệ Tông tên là Sảm[1] *tức là "hết bóng khi mặt trời gác núi" đấy. Thế thì nhà Lý được nước là tự trời, mất nước cũng là tự trời thôi.*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Trần Liễu và Trần Cảnh đều là con của Trần Thừa, Cảnh cùng sinh một năm với Chiêu Hoàng, còn Thuận Thiên thì lớn hơn hai tuổi, đã hứa gả cho Liễu. Thủ Độ cho rằng: Người mà lấy Chiêu Hoàng để thay nhà Lý tất không ai bằng Cảnh, có lẽ cũng là xét về trí bẩm, xem về phong cách có thể đảm đương được việc ấy, bèn ngầm mưu cùng Huệ hậu đưa Cảnh vào trong cung, cho chúng cùng* ***<49a>*** *chơi với nhau. Chiêu Hoàng thường đùa bảo Cảnh làm, voi ngựa, mình cưỡi lên trên, Cảnh lấy hai tay đỡ lấy, sớm gió đêm trăng, liên tiếp yến tiệc riêng tư với nhau như những loại té nước ném khăn, tuy đó là thói thường của con trai con gái, nhưng nó cũng mở ra tình dục khiến cho sớm hôm quen nhau, tình ái với nhau, khi nữ chúa có chồng, các quan còn ai dám có lời gì khác. Cái thiên hạ 260 năm của nhà Lý, nữ chúa chỉ một lần hàng phục mà đã về nhà chài lưới, dãi con rồng làm mất nhà Hạ, mở con én làm đổ họ Lưu*[2] *cũng không độc ác như thế.Có lẽ là lúc "được" dễ cho nên lúc "mất"cũng không khó chăng? Bài địa quyết ở đất Cổ Pháp có câu: "Tộ truyền bát diện, diện lạc âm sinh*[3]*. Có lẽ từ Thái Tổ đến Huệ Tông tất cả là tám đời, đến Chiêu Hoàng là đàn bà là vua cuối cùng. Thế thì sự hưng vong của nhà Lý do số trời và cả đất nữa, có gì đáng cho là lạ đâu.*

Trở lên, là nhà Lý, 9 đời vua bắt đầu từ Thái Tổ năm Canh Tuất [1010] cuối cùng là Chiêu Hoàng năm Ất Dậu [1225] cộng 216 năm.

<49b> Thông luận của sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Lý Thái Tổ nhân khi Ngọa triều hỗn loạn, trời chán nết xấu, lòng*

---

[1] Chữ "Sảm" (旵) Theo cách phân tích mặt chữ thì ở trên là chữ "nhật" (日) là mặt trời; chữ "sơn" (山) là núi ở dưới và giải nghĩa là mặt trời gác núi.

[2] Dãi con rồng làm mất nhà Hạ. Khi nhà Hạ suy, có con rồng bay xuống sân nhà vua, nhỏ dãi ra, vua sai bốc vào rương cất đi. Sau đó nhà Hạ mất nhà Ân thay. Nhà Ân mất nhà Chu thay. Đến đời Lệ Vương mở rương ra xem, dãi rồng chảy ra sân hóa thành con dải chạy vào hậu cung, đứa con thứ 7 mới 8 tuổi dẫm phải liền có thai, đến 15 tuổi không chồng sinh ra 1 con gái tức là Bao Tự. Sau đó Bao Tự lấy U Vương làm mất nhà Chu. Như vậy là dãi con rồng làm mất nhà Chu, không hiểu sao nguyên bản chép là mất nhà Hạ?

- Mở con én làm đổ họ Lưu: Điển này chưa rõ.

[3] Câu này nghĩa là truyền ngôi 8 đời, lá rụng xuống âm khí sinh.

người mong vua sáng suốt. Lý Thái Tông ung dung thay đổi, không xuống khỏi nhà mà thiên hạ được yên, bèn bỏ phép hà khắc, thi hành chính sách rộng rãi, đặt đỉnh dựng đô mới làm kế ngàn vạn năm, kính trời chăm dân, giảm nhẹ tô thuế. Lấy lòng trung hậu dựng căn bản cho nước; đem ân trạch để gắn bó lòng người, đáng gọi là ông vua tốt xây dựng cơ nghiệp. Tiếc rằng lòng ưa chuộng quá thiên lệch, xây nhiều tháp, độ nhiều sư, làm cái đích cho đời sau tôn sùng dị đoan, không phải là đạo để lại cho con cháu.

Thái Tông buổi đầu còn cư tang, dẹp yên được hoạn nạn bên trong, ở vào sự biến cố như Chu Công[1] *mà không có điều hổ thẹn như Tần Vương*[2]*. Thế rồi tu sửa chính sự, đặt đủ bách quan, đặt ra danh hiệu thập quân, khi cày ruộng tịch điền thì cử hành lễ đẩy cày ba lần; thương kẻ bị hình phạt thì làm sách dạy cho một thời. Có chuông Đăng Văn*[3] *để* ***<50a>*** *hiểu thấu nỗi oan của dân; đặt lệ nộp thuế để phòng ngừa quan lại tham nhũng. Đặt ra chính sách tu sửa nội trợ và chống đỡ ngoại xâm, quân đi đánh dẹp rất giỏi, đánh hạ Định Nguyên*[4]*, lấy Lâm Tây*[5] *giết Tồn Phúc bắt Xạ Đẩu. Về vũ lực không thể cạnh tranh, nước khác đều phải thần phục, phong hóa tốt đẹp, gần thời ấy ít ai sánh kịp. Nhưng khi đang buồn mà lại vui là tự đặt mình vào hàng di địch, mê hoặc điềm lành, cho xá lị là của lạ mà đổi niên hiệu, ưa thích xiểm nịnh mà lấy tên đứa phiên Nùng làm hiệu, đều là những điều người thông thái không cho là phải.*

Thánh Tông bẩm sinh tư chất thuần tuý, lại có chí học chuyên nhất. Yêu dân trọng nông, thương kẻ bị hình, thu nhẹ thuế khoá, chỉnh đốn nghi thức triều đình, quy định chế độ quân

---

[1] Ở vào biến cố như Chu Công: Chu Công là em của Chu Vũ Vương, chú của Chu Thành Vương. Khi Vũ Vương mất, Thành Vương lên ngôi, Chu Công nhiếp chính. Quản Thúc là em họ của Chu Công nổi loạn, phao tin là Chu Công sẽ làm hại Thành Vương.

[2] Không có điều hổ thẹn như Tần Vương: Tần Vương là con thứ của Đường Cao Tổ tên là Thế Dân có anh là Kiến Thành Nguyên Cát. Khi Kiến Thành Nguyên Cát chết, Đường Cao Tổ lập Thái Tông làm Thái tử. Khi ấy có lời đồn Tần Vương đã giết anh để cướp ngôi.

[3] Chuông Đăng Văn: Chuông treo ở sân nhà vua, ai có điều oan ức thì vào đánh chuông vua sẽ sai người xét hỏi.

[4] Định Nguyên: Hiện chưa rõ.

[5] Lâm Tây: Tên đạo thời Lý là đạo Lâm Tây. Thời Trần là đạo Đà Giang. Thời thuộc Minh là châu Gia Hưng. Thời Lê đổi là phủ Gia Hưng. Thời Nguyễn (Tự Đức) vẫn là phủ Gia Hưng, tỉnh Hưng Hóa. Nay tương đương một số huyện thuộc các tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Hòa Bình và Sơn La.

sự đều là việc đầu tiên khi trị nước, là rường lớn cho việc làm chính sự. Đối với nước Chiêm Thành khi họ phản bội thì đánh, khi họ hàng phục thì tha, mở rộng bờ cõi ở Ma Lý, Bô Chính, nước Man Di ngày càng thu lại, nước ta ngày càng rộng ra. Còn cấp nhiều bổng lộc cho quan lại để cổ lệ lòng liêm khiết; sửa văn miếu để trộm hưng phong hóa đạo Nho, lại còn làm đầy đủ những điển lễ đời trước còn thiếu sót **<50b>**. *Xét kỹ việc đã làm lỗi lầm rất ít, miếu hiệu là Thánh há chẳng đáng lắm sao.*

Nhân Tông khi nhỏ bị mẹ khống chế, sự việc xảy ra ở cung Thượng Dương sa vào tội bất hiếu. Đến khi lớn lên biết lấy việc đó làm răn đã cố gắng rèn rũa tinh thần để trị nước. Cho Đạo Thành làm chính sự, cho Thường Kiệt nắm quân đội, tướng văn tướng võ đều là bậc nhất một thời. Cho nên trong thì tu sửa chính sự, ngoài thì mở rộng bờ cõi, hạ được thành ở Châu Khâm, Châu Liêm, lấy lại đất Bảo Lạc[1]*, thế nước ngày một mạnh dần. Lại vì phép thi cử chưa đầy đủ đã tuyển những người biết rõ về kinh điển để hầu hạ, chọn những người có học thức vào Quốc Tử, thi văn học sung vào Hàn lâm. Tuy rằng điều lệ về khoa mục chưa được hoàn bị bằng đời sau, nhưng về ý tốt trong việc tìm bậc hiền tài kén chọn kẻ sĩ thì cũng đủ để khen đấy. Trong khoảng hơn 50 năm, mùa màng bội thu, nhân dân yên ổn, phong tục thuần phác, hình phạt không phải dùng đến, chỉ dùng lời trối trăng cuối cùng cũng biết rõ xử lý cẩn thận từng việc nhỏ. Nếu không phải là bậc tinh anh sáng suốt thì không được như vậy. Duy có việc ham thích* **<51a>** *điều lạ, quá sùng đạo Phật, chưa thoát ra được cái hủ lậu theo thói cũ, đó là điều kém thôi.*

Thần Tông làm con nối dõi người ta mà làm phản lại tiên đế, tôn sùng ơn riêng, siêng việc đón Hoàng hậu, lười việc làm vua, thích đi săn, mê gái đẹp, phạm vào 2 điều mất nước. Nịnh Phật mà quy cho công dẹp giặc; cầu phúc mà tha tội cho kẻ giết người. Nhà viết sử đã chép: trong vòng 10 năm, những điều làm được chỉ có vài việc như đặt ra chế độ quân sự và ngự kinh diên, ngoài ra không có điều gì đáng kể. Đến khi hấp hối việc lập Thái tử nối ngôi là việc lớn mà lại để cho bọn gian thần, bọn cung thiếp chỉ dùng một lời nói mà cướp mất ý mình thì biết sự tối tăm mê loạn đến chừng nào.

---

[1] Bảo Lạc: Tên châu xưa thuộc phủ Yên Bình, xứ Tuyên Quang. Nay là huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

Anh Tông khi mới lên ngôi, mẹ thì làm loạn bên trong, bọn gian thần chuyên quyền bên ngoài, chính sự rối ren, tai biến xảy ra liên tiếp. Cuối niên hiệu Thiệu Minh, uỷ nhiệm được người tốt chọn tướng suý, kén quân ngũ, nghiêm việc biên phòng, dò xét về địa lợi. Tu sửa văn miếu là biết việc đáng tôn trọng, tập bắn ở sân là không quên làm lớn mạnh quân đội, lại kinh sợ mệnh trời **<51b>** *cẩn thận việc bang giao, dựng nước mở bờ cõi làm vẻ vang đời trước, rạng rỡ đời sau. Cho đến việc lập Thái tử ký thác con côi nắm vững điều giải quyết xác đáng, mệnh lệnh cuối cùng không ai có thể làm rối loạn được, tình yêu riêng cũng không thể lay chuyển được,đủ để đặt miếu hiệu là Anh đấy.*

Cao Tông lên ngôi không vừa lòng Chiêu Linh Thái hậu, nhờ có Hiến Thành giúp đỡ nên ngôi vua được yên, chính sự trước sau niên hiệu Trinh Phù Gia Thuy, những việc làm có thể chép vào sử được, như xét thành tích để đặt các quan lại, đắp đàn để phong các tướng, một lần tìm bậc hiền lương, hai lần thi học trò. Nhưng những điều hay không bù được điều dở, tật xấu nhiều hơn đức tốt, rong chơi hoang đãng, làm mối lo cho chư hầu, xây dựng cung điện làm mối hại cho trăm họ, buôn quan bán ngục, tin lời gièm, nghi người trung. Quách Bốc đuổi ra thì ngôi vua lung lay; Tự Khánh rước về thì quyền bính đảo ngược. Nhà Lý mất nước là bắt đầu từ đấy.

Huệ Tông làm vua như giữ cái âu vàng đã sứt mẻ, như tượng gỗ không ràng buộc bị trôi lênh đênh. Chính sự thì ở tay Dĩ Mông; binh quyền thì về tay Tự Khánh. Mình thì không nghĩ ngợi gì, thiên tướng nhập vào càng thêm điên dại, **<52a>** *người vợ hoang dâm lừa phỉnh điều khiển trong tay, dụ cho đi tu thì đi tu, bảo truyền ngôi cho con gái thì truyền ngôi cho con gái. Như vua Huệ Tông thì đúng như lời người ta nói: trời đã bỏ thì ai còn có thể nâng lên được. Chiêu Hoàng vừa đem thân gái mà kiêm việc con trai, liền bị xuống ngôi vua mà làm Hoàng hậu. Là một người đàn bà còn ấu thơ làm hại nước hại cả bản thân, người con gái nhà thuyền chài ở Thiên Trường, mà rốt cuộc đã làm thay đổi xã tắc, mệnh trời bất thường như vậy thật đáng sợ thay!*

Xét triều Lý hưởng nước lâu nhất, bốn triều kế tiếp nhau 216 năm đều không làm điều thất đức, nhiều bậc thánh hiền ra đời, thái bình lâu dài, từ thời thượng cổ chưa có triều đại nào hơn được. Đại khái là trị thể của một triều đại chỉ dùng pháp

*mà không dùng người; chuộng điều dễ dãi mà không chuộng điều nghiêm ngặt. Trong khi vô sự thì chỉ mở sách cũ, giữ lệ cũ, đó là vua thơ ấu ở trên, trị nước vẫn còn thừa sức. Đến khi suy yếu phép tắc chế độ bị đổ nát không thểu sửa lại được, uy thế đã hỏng thì không thể chấn chỉnh lại được***<52b>***. Sáu quân mà không có kẻ địch nổi quân thù; trăm quan mà không có người đảm đang công việc. Có lẽ nhân nhu quá dần dần dẫn đến cẩu thả; sau khi buông lỏng thì dần dần dẫn đến đắng cay, chất phác thì bị bọn quỷ quyệt lừa dối, nhu nhược thì bị kẻ tàn bạo ném đá. Tuy nói rằng: Huệ Tông làm mất nước, nhưng nguyên nhân của nó cũng không phải trong một ngày mà nó dồn lại đã lâu, đó cũng là cái thế tất nhiên ấy. Các bề tôi trong triều như Đào Cam Mộc giúp vận nước; Lê Phụng Hiểu dẹp yên hoạn nạn; Lý Thường Kiệt mở rộng bờ cõi, Bá Ngọc bảo vệ vua thơ ấu. ĐạoThành giúp việc chính sự buổi đầu; Kính Tu hầu nơi màn trướng; Tử Tư mang sứ mệnh. Tất cả đều tỏ rõ công trạng, rạng rỡ tiếng vang. Nhưng lòng thành khẩn, tài vọng đủ đầy; gánh vác công việc khó khăn vẫn ung dung xoay chuyển, làm cho vua nối ngôi được đúng đắn từ lúc ban đầu, đặt nhà nước vào sự yên ổn thì Tô Hiến Thành là hơn cả. Thế nhưng lễ văn thiếu sót mà không bắt giảng cầu, chính sự đơn sơ mà không biết thêm bớt, khiến cho* **<53a>** *mấy đời thái bình cơ hội có thể làm được, thế mà thể thống trị nước không thuần tuý. Vậy thì những người có chức vị đều không thể từ chối trách nhiệm của mình. Còn như Du Đô dâng chim sẻ để mưu đồ thăng quan, Vũ Xứng dâng ngọc châu để mong tha tội; Văn Thịnh hóa hổ thì trách nhiệm Sư Bảo đã có vết dơ; Tử Khắc dâng hươu thì kẻ nắm binh quyền không phải người tốt; Vũ Đán tha Anh Vũ thì độc hại lan ra triều đình; Đỗ Thanh, Phạm Diên mưu bắt Bố Trí thì tai họa lan ra nơi biên giới. Bắt voi mà dâng biểu mừng, phán đoán con rùa mà thành chữ trên ức thì không thể gọi là văn được; đưa Ưng Minh về nước mà không thành công, Quách Bốc vào cướp phá mà không ai chống được thì sao có thể gọi là võ được.*

Những người được chép tên vào sử sách thường chỉ thấy chép quan chức mà không thấy chép công trạng. Có lẽ không riêng bọn kiêu dâm ngang ngược là bọn người làm bậy, mà cả bọn bẩn thỉu hèn nhát làm hỏng việc nước cũng đều như thế. Nhân tài sao mà ít ỏi thế? Có lẽ do sùng chuộng chính học

không bằng tin vào dị đoan và tin dùng **<53b>** *bọn xiểm nịnh mà không có gì để cổ vũ sĩ khí. Chính sách về trường dạy học chỉ thấy chép vào sử hai lần, chép khoa cử không nhất định, kẻ sĩ sinh vào thời ấy không có gì để mài dũa và bồi dưỡng họ, kẻ chưa làm quan thì cho mượn điềm lành để làm bậc thang cầu tiến; người đã được làm quan thì chỉ a dua để làm kế giữ chức vị, thế thì phong thái kẻ sĩ tránh sao cho khỏi bị suy vong, còn những người vững vàng không bị thế lực lôi cuốn, đứng vững được ở đời như các ông họ Tô, họ Lý*[1] *thì cũng là ngẫu nhiên mà thôi. Người xưa có câu: ông vua sáng suốt dấy lên thì các bậc phò tá cũng không phải từ trên trời rơi xuống, bậc đại nhân nhận mệnh trời thì tìm nhân tài cũng không phải từ dưới đất mọc lên, chỉ vì sự suy nghĩ đến thành tựu của mình chưa đến nơi đến chốn, há lại đổ cho vận trời được sao?*

HẾT QUYỂN IV. BẢN KỶ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

[1] Tô và Lý: Chỉ Tô Hiến Thành và Lý Thường Kiệt.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

BẢN KỶ

QUYỂN V

KỶ NHÀ TRẦN

THÁI TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua họ Trần, húy là Cảnh, trước húy là Bô, được Chiêu Hoàng nhường ngôi. Ở ngôi 33 năm, nhường ngôi 10 năm, thọ 60 tuổi, chôn ở Chiêu Lăng. Vua là người nhân từ độ lượng của bậc Đế Vương, điển chương chế độ rõ ràng, đáng được nêu lên. Song sự xếp đặt công việc của đất nước đều do Trần Thủ Độ làm, đạo tam cương không giữ đúng, trong chốn buồng the còn nhiều điều hổ thẹn).

Tổ tiên vua là người đất Mân, ông tổ thứ tư tên là Kinh đến ở hương Tức Mặc[1], phủ Thiên Trường, sinh ra Hấp, Hấp sinh Lý, Lý sinh Thừa, đời đời làm nghề đánh cá. Vua là con thứ tư của Thừa, mẹ người họ Lê sinh ra vua vào năm Mậu Dần[2] năm Kiến Gia thứ 9 [1218] triều Lý. Vua mũi cao, mặt rồng, thông minh, tuấn tú. Khi mới 8 tuổi làm Chi hậu chính chi ứng cục triều Lý, nhân có chú là Trần Thủ Độ làm Điện tiền Chỉ huy sứ, nên vua được vào hầu trong cung, bèn <1b> được Chiêu Hoàng nhường ngôi, lên làm vua.

---

[1] Hương Tức Mặc: Sau là xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

[2] Nguyên bản chép năm Mậu Thìn. Chúng tôi theo ĐVSKTT hợp lý hơn.

Bính Tuất, Kiến Trung năm thứ 2 [1226] (Tống Bảo Khánh năm thứ 2), mùa xuân, tháng Giêng, sách phong Chiêu Hoàng làm Hoàng hậu, đổi gọi là Chiêu Thánh. Phong Trần Thủ Độ làm Thái Sư Thống quốc làm Quân vụ chinh thảo sự.

Phế Thượng Hoàng nhà Lý cũ gọi là Huệ Quang Thái sư.

Tháng 2, định luật lệnh, điều lệ.

Sai Trần Thủ Độ đem quân đi đánh Nguyễn Nộn, Đoàn Thượng và Các San. Khi ấy tiếp sau khi nhà Lý suy yếu, giặc cướp ở đâu cũng tụtập hàng bầy, những người Man ở núi Tản Viên và Quảng Oai xâm lấn lẫn nhau. Thủ Độ điều động các quân đi đánh dẹp được yên. Nhưng Nguyễn Nộn chiếm cứ miền Bắc Giang, Đoàn Thượng chiếm cứ vùng Hồng Châu(1) binh thế còn mạnh, đánh chưa thể thắng được. Thủ Độ cho rằng: Thượng và Nộn đương mạnh chưa thể bắt hàng phục được, bèn xin phong cho Nộn làm Hoài Đạo vương, chia cho các huyện Đông Ngàn(2), Bắc Giang Thượng, Bắc Giang Hạ. Cũng hứa sẽ phong cho Thượng, định ngày đến thề, nhưng Thượng không đến.

Mùa hạ, tháng 5, phong em là Nhật Hạo <2a> làm Khâm Thiên đại vương (khi ấy mới 2 tuổi). Trao phẩm cấp cho các quan văn võ, theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 6, lấy ngày sinh nhật làm tiết Càn Ninh.

Mùa thu, tháng 8, Trần Thủ Độ giết Lý Thượng hoàng ở chùa Chân Giáo. Trước đây, khi Thượng Hoàng nhà Lý đã đi tu, thường ngày ra ngồi xổm trước cửa chùa nhổ cỏ, Thủ Độ đi qua nhìn thấy nói rằng: “Nhổ cỏ thì nhổ hết rễ". Thượng hoàng đứng dậy phủi tay nói: "Ta hiểu ý câu nói của nhà ngươi rồi". Thủ Độ đã từ lâu muốn giết hại Lý Huệ Tông, nhưng chưa thực hiện được, sau Huệ Tông thường ra chơi chợ Đông, nhân dân tranh nhau chạy đến xem, có người thương khóc. Thủ Độ sợ lòng người nhớ vua cũ sinh biến loạn, mới bắt đầu phòng ngừa cẩn thận.

Đến khi ấy sai người đem hương hoa tới và bảo rằng: "Thượng phụ có lời mời". Thượng Hoàng nhà Lý căm giận nói: "Ta tụng kinh xong sẽ tự tử". Rồi vào buồng ngủ khấn rằng: "Thiên hạ của nhà ta, đã về nhà mày rồi, mày lại còn giết ta, một ngày kia con cháu nhà mày cũng lại như thế". Nói xong tự thắt cổ ở vườn sau chùa. Thủ Độ sai các quan đến viếng

---

(1) Hồng Châu: Một số huyện thuộc hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên.

(2) Huyện Đông Ngàn: Nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh và một số xã ở Đông Anh, Hà Nội.

khóc, khoét <2b> thành phía Nam làm cửa (người bấy giờ gọi cửa ấy là cửa khoét) đưa linh cữu ra phường Yên Hoa để thiêu, chứa xương vào tháp chùa Bảo Quang, tôn miếu hiệu là Huệ Tông (xét thấy Lý Thượng hoàng khi đã nhường ngôi cho Chiêu Hoàng liền đi tu ở chùa Chân Giáo. Thủ Độ cùng Huệ hậu mới được chuyên quyền lập mưu nhường ngôi bên trong, chứ không phải khi đó Thượng Hoàng còn ở trong cung, đến nay mới phế truất đuổi ra ngoài, đầu sách ghi lầm nay cải chính).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Thời Tam Đại xưa lấy được thiên hạ là vì lòng nhân, cho nên những vua không làm nhiều điều ác quá thì trời chưa bao giờ vội vứt bỏ. Nhà Hạ nếu không có Kiệt, nhà Thương nếu không có Trụ thì phúc trời truyền nối có lẽ cũng chưa hết. Xem như cuối nhà Chu, các nước chư hầu hùng cường, tiếm lấn, mà ngôi chính thống cứ truyền nối mãi không dứt, cũng chính vì nhân sâu ân hậu của tổ tông đểlại mãi đến đời sau đấy. Họ Lý được nước, không thẹn với thời Tam Đại, truyền đến Huệ Tông không có con trai, lại mắc bệnh tật có lẽ là ân trạch của tiên vương đến đấy là hết, cho nên họ Trần mới lấy được nước. Đã cướp nước của người ta lại giết vua của người ta thì thực bất nhân* <3a> *quá lắm. Đến sau này Phế Đế*[1] *phải thắt cổ chết, nhà vua bị giết, tự mình làm thế nào thì sau lại phải chịu như thế ấy. Đạo trời là như vậy. Cho nên, dù không có lời nguyền rủa của Huệ Tông, thì cũng chắc là phải như thế. Thủ Độ cho rằng làm như vậy là hết lòng mưu việc nước, có biết đâu thiên hạ sau này đều vạch ra đó là giặc giết vua, huống hồ lại còn làm thói chó lợn.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Thủ Độ và Huệ hậu nhân lúc vua Huệ Tông bắt đầu mắc bệnh cuồng, xui giục cho đi tu để thành cái mưu Chiêu Hoàng nhường ngôi cho nhà Trần. Mưu bàn định trong cung cấm; việc phút chốc truyền ra, dùng thuật lừa người, dùng uy bức hiếp người. Thần dân nhà Lý chưa từng giây phút quên vua cũ, một khi gặp vua cũ ở trong phố phường. Xưa kia cưỡi xe vàng cắm cờ tả đạo, tế Nam Giao, tế Tôn Miếu; ngày nay lê đôi giày cỏ, chống cây gậy tre, thất thểu là một nhà sư. Ân trạch để lại hơn hai trăm năm; đạo thường của ức vạn người*

---

[1] Phế Đế: Tức Đế Nghiễn bị Nghệ Tông phế làm Linh Đức đại vương rồi phải thắt cổ ở phủ Thái Dương; Thuận Tông sau này bị Quý Ly ép nhường ngôi cho Thái tử Án tức Thiếu Đế, sau bị Quý Ly giết ở quán Ngọc Thanh.

<3b> ai có thể không thương xót mà rơi lệ. Lòng người như thế, há không phải đề phòng xảy ra những việc bất ngờ. Huệ Tông còn một ngày thì ngôi của Thái Tông còn chưa thể yên được và Thủ Độ cũng không thể có một ngày ngồi yên trên chiếu được. Do vậy bức cho chết đi rồi nói với trăm quan rằng: "Thượng hoàng cũ đã băng rồi". Nay linh cữu của Thượng hoàng thiêu đi và nói với mọi người trong đô thành đến xem là Huệ Quang Thái sư[1] *đã lên cõi Nát Bàn rồi, có lẽ là cắt đứt lòng tưởng vọng của người đời mà ngăn ngừa những biến cố khác đấy. Thủ Độ lập tâm nham hiểm phải chịu tiếng ác giết vua, khiến cho cuối nhà Trần phải chịu tai họa báo ứng. Vua Thái Tông là con rểđã cướp nước lại còn giết cha vợ. [Sau này] Quý Ly cũng là con rể cướp nước lại còn là cha vợ giết con rể. Sự hưng vong như giấc mộng; việc báo ứng như vòng tròn. Ăn ở bất nghĩa có ích gì đâu.*

<4a> Giáng Thái hậu của nhà Lý là Trần Thị làm Thiên Cực công chúa, gả cho Thái sư Trần Thủ Độ, lấy Châu Lạng làm ấp thang mộc[2].

Đem các cung nhân của nhà Lý và các con gái thân thích họ Lý gả cho các tù trưởng người Man.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Người ta sinh ra đã có dục vọng, nếu không có vua sẽ sinh rối loạn, cho nên Thánh nhân đặt ra lễ để đề phòng. Đạo tam cương ngũ thường nêu lên như mặt trăng, mặt trời khiến cho tất cả những người có mắt không ai không nhìn thấy. Nghĩa vua tôi là để tỏ rõ danh phận không thể xâm phạm được, vợ chồng có phân biệt là để ngăn tình dục không thể buông lỏng được. Nàng Thiên Cực kia, vốn là người đàn bà góa của nhà Lý, cũng từng là mẹ của Trần Thủ Độ ở triều vua Huệ Tông. Con lợn nái sao đến nỗi mất thể diện; con cáo đực sao lại dám vô lễ, mà lại lấy ngày thầy Tăng chùa Chân Giáo lên cõi Nát Bàn làm ngày Kiến Gia Hoàng hậu hạ giá, tuy đã đổi gọi là công chúa, nhưng ở trong họ* ***<4b>*** *còn là anh em gần, thật là làm trái lễ rối loạn đạo thường, thực không bằng loài cầm thú. Có lẽ vì con nhà chài lưới không biết lễ nghĩa, tập tục loạn luân ấy từ đời Kinh, Hấp đã có thế rồi. Không may cho vua Huệ Tông gặp phải, tự cho là người đẹp khó tìm được, có biết đâu người con gái nước Tề về nhà*

---

[1] Huệ Quang Thái sư: Tên hiệu của Huệ Tông khi đã xuất gia.

[2] Ấp thang mộc: Ấp quê hương của nhà vua, thu thuế rất nhẹ chỉ lấy đủ tiền mua nước tắm gội.

chồng, cũng như cái vó rách, không giữ nổi con cá phòng, cá quan, đã từ lâu rồi[1] *đến khi ấy cuộc cướp ngôi đã thành, hai người con gái như Thiên Cực mỗi người đều trở về họ của mình, tính ra chỉ có Thủ Độ là người thân thích nhất có thể gửi gắm tâm sự. Thủ Độ cũng sợ Thiên Cực còn giữ hiệu Thái hậu, có người sẽ dựa vào danh hiệu đó làm giả ra mật chiếu của Thái hậu để ban hiệu lệnh ra bốn phương, nêu lên tội cướp ngôi, giết vua thì mọi người được cùng nhau đánh nó, chi bằng giáng xuống phong làm công chúa, cho cải giá, ngăn mầm mống nổi loạn và lấy tình yêu gian díu làm đắc sách đấy thôi. Đấy là ý của hai người kia làm việc cẩu hợp đấy, há có nhìn lại việc cải giá là việc làm quá nhục; mà việc dâm loạn với Hoàng hậu là điều ác đâu!*

Còn việc loạn luân là việc thường có trong gia đình nhà ấy. Trần Cương Trung đời Nguyên nói: Cùng họ lấy nhau chỉ kể tuổi không kể hàng cha, hàng con. Cướp nước của nhà Lý rồi đề phòng mà làm như thế đấy. Than ôi! Thiên Cực và Thủ Độ đã vì Thái Tông gây dựng nên triều đình mọi rợ. Trong khoảng 170 năm hôn nhân không đúng đắn, nam nữ không phân biệt đều từ việc lấy vợ lấy chồng này mà ra, để vết nhơ trong sử xanh, bị nghìn đời chê cười. Nói ra thì xấu; bỏ đi thì không lấy gì làm răn cho kẻ loạn tặc. Cho nên thay đổi lối văn sử cũ chép là: Lấy Trần Thị là Thái hậu của triều Lý gả cho Thái sư Trần Thủ Độ.

Mùa đông, tháng 10, tôn cha là Thừa làm Thượng hoàng ở cung Phụ Thiên, về bên tả phường Hạc Kiều. Khi nào nước có việc lớn thì ở trong đó mà quyết đoán; tôn mẹ là Lê Thị làm Quốc Thánh Hoàng Thái hậu (có sách chép là Bảo Thánh quốc mẫu).

Định phép dùng tiền. Ban chiếu cho dân gian tiêu dùng tiền "tỉnh bách", mỗi tiền 69 đồng, nộp vào nhà nước thì mỗi tiền 70 đồng.

Tuyển thục nữ trong thiên hạ sung làm cung nhân.

Sai Phụ quốc Thái phó **<5b>**Phùng Tá Chu làm quyền tri châu phủ Nghệ An, được phép ban tước phẩm cho người từ tá chức Xá nhân trở xuống, rồi sau về triều tâu lên.

***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn**: Trao tước cho người ta là quyền của Thiên tử, không phải là việc mà người làm tôi được dự. Phùng Tá Chu là bề tôi cũ của triều Lý, không phải là việc ra*

---

[1] Đây nói việc Thiên Cực đã là Hoàng hậu song vẫn dâm loạn với Thủ Độ.

biên giới làm lợi cho nhà nước và giữ nhân dân có thể cho chuyên quyền mà lại cho chuyên quyền, thế thì người cho và người được cho đều là sai cả. Bề tôi nhà Trần người mà biết đạo ấy phải chăng chỉ có Hưng Đạo Vương? Thánh Tông thấy Hưng ĐạoVương là người có công lớn cho phép được tự chuyên phong tước cho người, nhưng Hưng Đạo chưa từng cho một người nào. Đương lúc giặc Hồ xâm lấn, người cầm quân chuyên chế, thu thóc của nhà giàu để cấp lương thực trong quân, mà cũng chỉ cho làm giả Lang tướng, chứ không dám cho làm Lang tướng thực.

Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Ban tướccho người là mệnh lệnh của trên chứ không phải người dưới được chuyên quyền.* **<6a>** *Hoặc trao tiết việt cho người giữ việc quân để chuyên chế ngoài bờ cõi và trao cho người cầm quyền phong hầu bái tướng, cũng tùy từng người, chứ không thể xem nhẹ mà trao được. Phùng Tá Chu kia là người tốt hay xấu chưa vội biện luận, ngay như việc nhận chức tước của triều Lý mà lại đứng trong triều đình nhà Trần, đổi mặt thay lời không xấu hổ, xét tư cách làm người thì lại là tên Phùng Đạo*(1) *đời Ngũ Quý đấy. Kinh Thư nói: Tước không ban đến người đạo đức xấu, huống chi là người làm hại đạo đức, mà có thể cho nó được quyền ban tước cho người hay sao? Có lẽ vì nhà Trần làm điều bất nghĩa mà được nước. Đối với 8 quyền ngự trị*(2) *phần nhiều sai lầm như thế.*

Đinh Hợi, [Kiến Trung], năm thứ 3 [1227] (Tống Bảo Khánh năm thứ 3), thi Tam giáo tử (những người nối nghiệp các nhà Nho giáo, Đạo giáo, Thánh giáo).

Ban chiếu: phàm các giấy tờ, văn khế đều dùng phép in ngón tay vào nửa tờ giấy.

---

(1) Phùng Đạo: Người thời Ngũ Quý (Trung Quốc), từng làm tướng thời Tấn, Hán, Chu song không chú ý dẫn đến việc mất nước mất vua bị người đời chê cười.

(2) Tám quyền ngự trị là: Tước, lộc, dư, trí, sinh, đoạt, phế, giết.

a/ Tước: Ngự trị người sang.

b/ Lộc: Ngự trị người giàu.

c/ Dư: Ngự trị người may mắn được mình yêu.

d/ Trí: Ngự trị người kiêm nhiếp.

đ/ Sinh: Ngự trị người có phúc.

e/ Đoạt: Ngự trị kẻ nghèo đói.

g/ Phế: Phế trí người có tội.

h/ Giết: Giết để ngự trị người có tội.

- Tuyên bố các điều khoản thề, theo việc cũ của triều Lý: Hàng năm vào ngày 4 tháng 4, vào lúc gà gáy, Tể tướng và trăm quan đến ngoài cửa thành, mờ <6b> sáng vào triều. Vua ngự ở cửa Tả Lang điện Đại Minh, trăm quân mặc quân phục làm lễ lạy hai lạy rồi lui ra, tất cả đều đem đủ đội ngũ xe ngựa đi theo hầu ra Cửa Tây kinh thành, đến đền thờ thần Đồng Cổ, họp nhau uống máu ăn thề. Quan Trung thư kiểm chính đọc lời thề rằng: "Làm tôi tận trung, làm quan trong sạch; Ai trái thề này, thần minh giết chết". Đọc xong, quan Tể tướng bắt đầu đóng cửa điểm duyệt, trong trăm quan người nào vắng mặt thì phạt 5 quan tiền. Ngày hôm ấy con trai con gái đến xem chật ních, cho đó là việc tốt đẹp.

Mậu Tý, [Kiến Trung], năm thứ 4 [1228] (Tống Thiệu Định năm thứ 1), mùa xuân, tháng Giêng, phong Khâm thiên vương Nhật Hiệu làm Quận vương.

Tháng 2, thi lại viên, lấy những người trúng cách làm bạ đầu (những hình thức di chuyển công văn gọi là bạ đầu, những người trúng cách xung vào thuộc viên các sảnh viện).

Mùa thu, tháng 8, phong anh là Liễu làm Thái úy. Xét định số đinh ở phủ Thanh Hoá. Theo lệ cũ hàng năm vào đầu mùa xuân, xã quan khai báo nhân khẩu gọi là quân số, đều theo số mà định. Kê rõ các hạng tôn thất, văn quan thì là văn giai, võ quan thì là võ giai, quan theo hầu, quân nhân, tạp <7a>, lưu, hoàng nam, già yếu, tàn tật, phụ tịch - phiêu bạt..., người có quan tước, con cháu được thừa ấm mới được vào làm quan, những người giàu có khoẻ mạnh mà không có quan tước thì đời đời làm lính.

Mùa đông, tháng 10, nước Chiêm Thành sang cống.

Gia phong giặc ở Bắc Giang là Nguyễn Nộn làm Hoài Đạo Hiếu Vũ vương. Xưa kia Đoàn Thượng chiếm cứ huyện Đường Hào, Châu Hồng đắp luỹ ở An Nhân, dùng dân binh các ấp xung quanh để giữ, Nguyễn Nộn đem quân đến đánh, đánh nhau ở Đồng Đạo, Thượng bị bại trận rồi chết. Nộn nhân đó chiếm giữ luôn quân của Thượng, cướp cả con trai, con gái, của cải, trâu ngựa ở Châu Hồng. Con của Thượng là Văn đem gia thuộc đến hàng, thanh thế của Nộn lừng lẫy, Thủ Độ rất lo, chia quân chống giữ. Lại sai sứ mang thư đến mừng, gia phong làm Hoài Đạo Hiếu Vũ vương, mang công chúa Ngoạn Thiềm gả cho Nộn, để dò la tin tức. Nộn chia nha trướng cho công chúa ở riêng, vì thế công chúa không hề biết tin tức gì.

***Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn**: Quá lắm thay! Trần Thủ Độ không có mưu lược gì cho nước. Trước đây, **<7b>** Nguyễn Nộn và Đoàn Thượng chia nhau chiếm cứ trong huyện, Thủ Độ chịu trách nhiệm chuyên chính mà có thành tích, không khỏi phải cắt đất chia cho Nguyễn Nộn và Đoàn Thượng để che giấu tội của mình là cầm quân không được công trạng gì. Đến khiNộn đã giết Thượng, thanh thế của Nộn to quá, kinh ngạc, hoang mang không biết làm thế nào được, do vậy sai sứ sách phong, đưa thư chúc mừng, thế nước nhục nhã đến mức phải đem công chúa gả cho nó để dò la tin tức, mà có đượcviệc gì! Người dụng binh giỏi, vốn cũng đã có người dùng việc dò la để xét tình hình địch, há lại không có người nào có thể sai được, hà tất phải như vậy để tự làm nhục mình, đến nỗi nó phải chia nhà cho ở chỗ khác, tin tức không thông, thì kế hoạch cũng đã cùng rồi đấy. Ngạn ngữ có câu: "Không có người quân tử có thể trị nước được chăng?". Thủ Độ chỉ là một kẻ vũ phu không đáng trách lắm. Đương thời những người mưu việc nước cũng không có một lời nói đến là tại sao?*

***<8a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Người không có vết thì sau mới có thể công kích người khác. Nhà Trần bịt tai để ăn trộm chuông, lo đau đáu, sợ người ta bàn luận về mình. Lúc bấy giờ nhà nước mới lập căn bản chưa vững, giặc Man ở miền núitụ tập thành bầy, tuy đã lần lượtdiệt trừ đi, nhưng Nộn, Thượng còn mạnh, đến nay Nguyễn Nộn đã thôn tính được quân của Đoàn Thượng, có vẻ không thể chống cự được, biết đâu nó không đặt lời là nhà Trần cướp ngôi nhà Lý để kích động những người hào kiệt, dụ dỗ dân trăm họ. Thủ Độ dùng số quân chưa một dạ theo mình mà đánh quân giặc đang mạnh. Biết là thế chưa thể thắng được cho nên trước hãy làm việc vỗ về để đợi thời cơ. Có lẽ bất đắc dĩ, nhưng đưa thư mừng và phong hiệu đẹp. Công nhiên đối đãi như người ngang hàng thì mất thể thống và tổn hại đến uy danh đấy. Còn như đem công chúa gả cho, nhưng không hề biết rằng: nó đương như con hổ mạnh, con diều dương cánh, đương ngang nhiên tự đắc, coi như có vẻ tôn quý, mọi người đều là thân thiết của nó, thì không phải là một người con gái có thể ràng buộc được, huống lại dò xem khi động, khi tĩnh và thế mạnh yếu của nó hay sao! Chỉ là đem mà vứt bỏ cho bọn địch mà thôi. Sau này lại mang Thiên Tư công chúa gả cho Thoát Hoan để mong được thoát nạn, thế mà quân Mông Cổ vẫn ngày càng kéo đến, há không bị bọn giặc gian hoạt cười cho sao!*

Kỷ Sửu [Kiến Trung], năm thứ 5 [1229] (Tống Thiệu Định năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, có nhật thực.

Nguyễn Nộn chết. Trước kia Nộn đã kiêm tính được quân của Đoàn Thượng, tự xưng là Đại Thắng Vương, ăn chơi không điều độ. Song cũng tự biết thế hai bên không thể cùng đứng vững được, định đến tháng 10 vào chầu, đến khi ấy bệnh nặng, vua sai Nội nhân đến hỏi thăm. Nộn cố gượng ăn cơm, phi ngựa để tỏ ra mình còn khoẻ, không bao lâu thì chết. Người dưới quyền là Phan Ma Lôi ngầm phóng ngựa chạy trốn, không biết đi đâu. Ma Lôi là người Chiêm Thành, sang buôn bán ở Ai Lao, Nộn đem về làm nô lệ. Ma Lôi biết tình thế địch đã chiến thắng, giỏi dùng binh. Nộn đã chết, thiên hạ được thống nhất.

Sai sứ sang thăm nước Tống, Tống phong vua làm An Nam quốc vương.

<9a> Canh Dần, [Kiến Trung] năm thứ 6 [1230] (Tống Thiệu Định năm thứ 3), mùa xuân, tháng 3, san định sách *Quốc triều thống chế,* khảo đính các lệ triều trước mà làm ra. Và sửa đổi hình luật lễ nghi, gồm 20 quyển.

Quy định phép sai dịch cho người bị tội đồ? Người tội vừa thì đồ làm cảo điền hoành, thích vào mặt 6 chữ, cho ở xã thu thóc 300 thăng; Người đồ làm Lao thành[(1)] binh thì phải thích vào cổ 4 chữ, phải làm cỏ ở Phượng thành, thành Thăng Long, lệ thuộc vào quân Tứ Sương[(2)].

Định các phường về hai bên tả hữu kinh thành, bắt chước đời trước chia làm 61 phường.

Đặt ty Bình bạc[(3)].

Đổi ty phủ lộ, đặt 1 viên An phủ Phó sứ.

Xây đắp thêm bốn cửa thành ở phía ngoài thành Đại la, quân Tứ Sương thay phiên nhau canh giữ. Trong thành dựng cung điện lầu các và nhà lang ở phía Đông và phía Tây; bên tả là cung Thánh Từ (nơi Thượng hoàng ở), bên hữu là cung Quang Triều (nơi vua ở).

Ban chiếu chép công việc của quốc triều làm bộ sách *Quốc triều thường* lễ 10 quyển.

Mùa thu, tháng 7, định lệ bắt hỏi người kiện tụng ban chiếu rằng: phàm người coi ngục đi đòi người kiện tụng thì cho lấy tiền cước lực[(4)] tùy

---

(1) Lao thành: Tức La Thành.

(2) Quân Tứ Sương: Quân đôi chia đóng ở 4 cửa thành.

(3) Ty Bình bạc: Chức kinh doãn, xét đoán việc kiện tụng ở kinh đô Thăng Long.

(4) Tiền cước lực: Tiền đi đường.

theo từng quãng đường **<9b>** gần hay xa.

Tháng 9, Quốc Thành Hoàng Thái hậu băng, truy tôn làm Thuận Từ Hoàng Thái hậu.

Tân Mão [Kiến Trung] năm thứ 7 **<1231>** (Tống Thiệu Định năm thứ 4), mùa xuân, tháng Giêng, sai hoạn quan là Nội minh tự Nguyễn Bang Cốc trông coi các binh nữu đương phủ (Đương phủ là của người ấy trông coi, binh nữu cũng như là binh tướng). Nạo vét các kênh Trầm, Hào[1] từ phủ Thanh Hóa đến Châu Diễn. Việc xong thăng Bang Cốc làm Phụ Quốc Thượng hầu.

Mùa thu, tháng 8, vua ngự đến hành cung Tức Mặc làm lễ triều hưởng ở tiên miếu, ban yến cho các bô lão trong hương, và cho lụa theo thứ bậc khác nhau.

Ban chiếu các đình trạm đều tô tượng Phật để thờ. Trước kia tục nước ta vì nắng nóng nên phải làm nhiều đình cho người đi đường nghỉ chân, trát vách bằng vôi trắng, gọi là đình trạm. Thượng hoàng khi còn hàn vi thường nghỉ ở đó, một hôm có một nhà sư bảo rằng: "Người trẻ tuổi này ngày sau sẽ đại quý". Nói xong không thấy nhà sư đâu nữa. Đến nay Thượng hoàng bảo trong nước phàm chỗ nào có đình trạm đều phải tô tượng Phật để thờ.

> ***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:*** *Việc này của Trần Thái Tông cũng giống như việc Vạn Hạnh đời Lý Thái Tổ, nhà* ***<10a>*** *Lý nhà Trần là mầm mống của việc sùng Phật đấy. Kể ra, người có tri thức phàm mọi việc đều biết trước, có gì đáng cho là lạ đâu.*

Nhâm Thìn [Kiến Trung] năm thứ 8, từ tháng 7 về sau là Thiên Ứng Chính Bình năm thứ 1 [1232] (Tống Thiệu Định năm thứ 5), mùa xuân, tháng Giêng, bắt đầu định triều nghi, phong em là Bà Liệt làm Hoài Đức Vương (xưa kia Thượng hoàng còn hàn vi, lấy người con gái, quê ở Bà Liệt, huyện Tây Chân, đã có thai mà bị (Thượng hoàng) bỏ. Khi sinh ra Bà Liệt, Thượng hoàng không nhận, khi lớn lên mặt mũi khôi ngô, giỏi võ nghệ, xin vào đội đánh vật thường. Một hôm Bà Liệt cùng người trong đội đánh cầu, bị người kia bóp hầu gần nghẹt thở, Thượng hoàng hét to lên "con ta đấy". Tuy không gọi là con mà gọi là Bà Liệt, nhân thế có mệnh này).

---

[1] CMCB. 6, chú là tên hai con kênh thuộc huyện Ngọc Sơn. Nay là huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá.

Tháng 2, thi thái học sinh. Cho Trương Hanh, Lưu Diễm đỗ đệ nhất giáp. Đặng Diễn, Trịnh Phẫu đỗ đệ nhị giáp, Trần Chu Phổ đỗ đệ tam giáp theo từng bậc.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Phép khoa sử của nước ta chia ra giáp đệ bắt đầu từ đấy, nhưng số năm chưa hạn định, phép thi chưa rõ ràng, có lẽ khi mới bắt đầu thì như thế. Về sau này mới định ra kỳ hạn 7 năm chọn đủ tam khôi*[1]*, điều lệ khoa thi ngày thêm cẩn mật, lệ ban ân ngày càng long trọng* **<10b>**. *Các bậc công khanh cũng từ đó mà ra, nhân tài nườm nượp. So với triều Lý về trước thì đây là thịnh nhất, há không có căn bản của nó hay sao?*

Mùa hạ, tháng 5[2], ban bố tên húy của cả nước và tên húy của các miếu. Vì nguyên tổ húy là Lý mới đổi triều Lý làm triều Nguyễn và để cắt đứt lòng mong nhớ của nhân dân đối với nhà Lý.

Sửthần Ngô Thì Sĩ bàn: *Lý sinh ra Thừa, Thừa sinh ra Cảnh tức là vua Thái Tông. Vậy Lý là ông của vua Thái Tông. Đã lên làm vua thì tôn cha là Thượng hoàng mà ông lại không truy tôn làm Hoàng đế chỉ gọi là vương, đến bấy giờ đã 8 năm, lệ truy tôn vẫn còn thiếu sót. Đến cuối năm Long Hưng đời Anh Tông đã hơn 80 năm mới làm được cũng muộn lắm rồi. Lễ nghi và thường lễ biên dịch ra quả là làm được việc gì cũng thấy được vua tôi triều nhà Trần không hiểu gì về lễ. Đại khái là như vậy.*

<11a> Mùa thu, tháng 7, đổi hiệu là Thiên Ứng Chính Bình năm thứ 1.

Tháng 8, gió bão, dân gian bị bệnh dịch, nhiều người chết. Mùa đông, giết hết tôn thất nhà Lý. Khi ấy Trần Thủ Độ chuyên chính đã lâu, sau khi Huệ Tông bị giết, tôn thất nhà Lý nhiều người bùi ngùi thất vọng. Đến khi ấy những người họ Lý làm lễ cúng các vua Lý ở Thái đường thuộc xã Hoa Lâm, Thủ Độ ngầm đào hố sâu rồi làm nhà lên trên đợi khi mọi người uống rượu say, giật mái tất cả đều bị chôn sống.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Thủ Độ là người bày mưu cho nhà Trần, không việc gì là không làm, Huệ Tông còn bị giết thì còn nghĩ gì đến họ Lý nữa. Sĩ Liên cho là Phu Tiên không chép chưa chắc đã có việc ấy. Lại lấy việc vào thời Anh Tông, còn cótướng người họ Lý làm chứng. Kể ra Phu Tiên không chépcó lẽ là nhà*

---

[1] Tam khôi: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa.

[2] ĐVSKTT chép là tháng 6.

viết sử chỉ chép đại khái đấy thôi. Những người tôn thất nhà Lý không may vùi dưới hố sâu, nòi giống còn sót lại có lẽ chưa hết đấy, còn ngờ gì nữa? Sử cũ chia dòng chú thích **<11b>** *biện luận, là muốn giảm bớt tội ác của Thủ Độ chăng?*

Quý Tỵ, [Thiên Ứng Chính Bình], năm thứ 2 [1233] (Tống Thiệu Định năm thứ 6), sai Phùng Tá Chu duyệt định các ấp lớn ở phủ Nghệ An.

Hoàng Thái tử là Trịnh mất, (Xét chép sử, Hoàng Thái tử sinh đều phải chép rõ năm tháng ngày, khi mất cũng thế. Đây chỉ chép khi mất. Có lẽ là mới sinh bị chết ngay cho nên lược bỏ).

Nước to.

Giáp Ngọ [Thiên Ứng Chính Bình], năm thứ 3 [1234] (Tống Đoan Bình năm thứ 1), mùa xuân, tháng Giêng, Thượng hoàng băng ở cung Phong Thiên[1], thọ 51 tuổi.

Mùa thu, tháng 8, táng ở Thọ Lăng, phủ Long Hưng (lăng ở hương Tinh Cương[2] - Chiêu Lăng, Dụ Lăng, Đức Lăng, 3 lăng[3] đều ở hương ấy) miếu hiệu là Huy Tông, tên thụy là Khai vận lập cực hoằng nhân ứng đạo thần chân chí đức thần vũ thánh văn thuỳ dụ chí hiếu hoàng đế.

Cho Thái úy Trần Liễu làm phụ chính, sách phong làm Hiển hoàng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Thái Tông đối với anh là Liễu có ý muốn tôn trọng khác người, cho nên làm việc sai trái ấy. Sách phong làm Hiển hoàng thì danh phận không chính đáng, xét ra danh mà không chính thì nói không thuận* **<12a>**, *nói không thuận thì việc không thành. Liễu manh tâm làm loạn, chưa chắc đã không phải đấy mà ra.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Ngôi tôn thì không có hai người, đó là lẽ của trời đất, Thái Tông trọng người anh đến nỗi sách phong là hoàng không biết lễ nghi khi triều hội; hình thức của biểu dương quả là không có gì trở ngại chăng? Kỷ cương vua tôi không đúng, đạo đức chồng vợ có nhiều điều hổ thẹn, có lẽ không thể kể hết vết xấu được.*

---

[1] ĐVSKTT chép là cung Phụ Thiên.

[2] Hương Tinh Cương: Nay là huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

[3] Chiêu Lăng: Lăng của Trần Thái Tông.
Dụ Lăng: Lăng của Trần Thánh Tông.
Đức Lăng: Lăng của Trần Nhân Tông.

Phong Trần Thủ Độ làm Thống quốc Thái sư, trông coi việc ở phủ Thanh Hoá. Gia phong Thái phó triều Lý là Phùng Tá Chu làm Hưng Nhân vương, quan nội hầu Phạm Kính Ân làm Thái phó, phong tước Bảo Trung quan nội hầu.

Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Xét sử chép Phùng Tá Chu và Phạm Kính Ân đều ghi đủ chức quan <12b>cùng hàng với các bậc danh nhân, như thế không phải là khen mà làm cho xấu hổ đấy. Hai gã họ Phùng, họ Phạm là bề tôi cũ của triều Lý, một mai đổi vua mà không hề áy náy trong lòng. Bán nước tham vinh, cam tâm làm chó săn. Như bọn người đó nên phân biệt mà ruồng bỏ đi, khiến cho chúng không được dự vào hàng với các quan trong triều mới đúng. Đến nay thì kẻ lớn được phong vương, kẻ nhỏ phong hầu trước sau được hiển vinh đãi ngộ hết mức. Không biết nhà Trần khen gì ở hai người ấy và hai người ấy vẫn mặc nhiên mà nhận, sao mà không hổ thẹn? Tất cả chép đủ quan chức của họ là làm cho nhục đấy.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Tá Chu có lẽ là thân thuộc gần của họ ngoại nhà Trần được sự thân tín. Xem buổi đầu đời Huệ Tông, nó được sai đi đón các Ngự nữ. Tự Khánh sai Tá Chu đưa đi, có thể biết họ được nhận quan chức của triều Lý. Có lẽ đấy là vì họ là thân đảng của nhà Trần <13a> cùng một phường với Trung Từ, Tự Khánh. Nhà Lý mất, nhà Trần lên vốn là điều mong muốn của bọn họ. Há có thể lấy lễ nghĩa mà trách thằng Đạo Chích*[1] *được sao? Thái Tông trước sau yêu quý, ân lễ hơn người khác. Có lẽ để trả công lao sai khiến và tôn phò mà thôi. Kính Ân cũng vậy.*

Ất Mùi, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 4 [1235] (Tống Đoan Bình năm thứ 2), mùa xuân, tháng Giêng, sét đánh trong thành 30 chỗ.

Đại xá cho thiên hạ.

Bính Thân, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 5 [1236] (Tống Đoan Bình năm thứ 3), mùa xuân, tháng Giêng, định lệ cấp lương bổng cho các quan văn võ trong ngoài và các quan ở trong cung điện lăng miếu, chia tiền thuế theo thứ tự cấp bậc.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Đặt quan để trông coi công việc tất là phải có bổng lộc để nuôi, sau đó mới đòi hỏi phải liêm khiết. Ở*

---

[1] Đạo chích là tên trộm cướp nổi tiếng thời Xuân Thu ở Trung Quốc. Sau từ "đạo chích" được dùng để chỉ bọn trộm cướp.

đây đã định bổng cấp cho trăm quan. Đến năm thứ 13, lại định bổng lộc cho trăm quan và các quan túc vệ. Bàn luận về chế độ bổng lộc, riêng nó rất rõ ràng, chính sự nhà Trần **<13b>** *chỉ có điều này đúng hơn cả, rất đáng khen đấy.*

Tháng 2, định quan hàm cho các đại thần gồm người tôn thất vào chính phủ, hoặc là Thái sư, Thái phó, Thái bảo, Thái úy hoặc là tư đồ tả hữu Tướng quốc đều kiêm trao chức kiểm hiệu đặc tiến nghi đồng tam ty, Bình chương sự.

Mùa hạ, tháng 6, nước to, vỡ tràn vào cung Lệ Thiên.

Khi đó Hiển hoàng Liễu trông coi công việc ở cung Thánh Từ, nhân nước to đi thuyền vào hầu, thấy bà phi cũ của nhà Lý, liền bức hiếp ở cung Lệ Thiên. Đình thần tâu hạch, đổi cung ấy là cung Thưởng Xuân, giáng Hiển hoàng làm Hoài vương (cung Thánh Từ ở bên tả trong Phượng Thành).

Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Khi hòa thuận dẫn đến điều tốt; khi ngang trái sẽ dẫn đến điều xấu. Đạo trời không xa, lời khiển trách không phải là sai. Nhà Trần vì dâm loạn mà được nước cho nên trời lụt để cảnh cáo họ, đến nỗi làm vỡ cung Lệ Thiên, tai họa cũng nặng lắm đấy. Vua tôi trong thời ấy không nghe có sự thực sợ hãi mà tự xét lỗi mình để sửa đổi* **<14a>**.*Đến nỗi có người nhân khi nước lớn, bức hiếp cung nữ, lại lấy chữ Thưởng Xuân đặt tên cung, về sự khinh nhờn há chẳng quá lắm sao? Không đầy vài năm sau Thưởng Xuân cũng bị vỡ, trời chỉ bảo cho người cũng rõ ràng đấy. Nhà Trần lại coi thường mà không tỉnh ngộ là tại sao?*

Mùa thu, tháng 7, chọn những nho sinh thi đỗ vào chầu, sau định làm lệ thường.

Mùa đông, tháng 10, cho con em quan văn và quan hầu vua vào học; lấy Phạm Ưng Thần làm thượng tri Quốc Tử viện Đề điệu.

Gia phong Hưng Nhân vương Phùng Tá Chu làm Đại vương, quan nội hầu Phạm Kính Ân làm Thái úy, ban cho áo mũ Đại vương.

Đinh Dậu [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 6 [1237] (Tống Gia Hy năm thứ 1), mùa xuân, tháng 3, ban chiếu định phép in tay vào giấy tờ (gồm các chúc thư, văn khế về ruộng đất, hoặc những thư khế vay mượn thì người làm chứng in tay ở 3 dòng trước, người bán in tay ở 4 dòng sau).

Lấy Thuận Thiên công chúa Lý Thị, vợ của anh là Hoài vương Liễu lập làm Thuận Thiên Hoàng hậu, giáng Chiêu Thánh làm công chúa.

Khi đó Chiêu **<14b>** Thánh không có con mà Thuận Thiên thì đã có thai 3 tháng (sau sinh ra Quốc Khang). Trần Thủ Độ và Thiên Cực công chúa mật mưu với vua cho là nên mạo nhận lấy để nhờ sau này, cho nên mới lấy về. Liễu phẫn nộ họp quân ngoài sông lớn làm loạn. Vua trong lòng không yên, đêm ra khỏi thành đến ở nhà Kinh Vân Quốc sư (Quốc sư là bạn cũ của Thái Tông) trên núi Yên Tử. Ngày hôm sau, Thủ Độ đem các quan đến đón vua về kinh sư. Vua nói: "Trẫm còn ít tuổi, chưa kham nổi công việc nặng nề, vua cha đã vội lìa bỏ, sớm mất chỗ nhờ cậy, không dám ở ngôi vua để làm nhục xã tắc". Thủ Độ cố nài xin, vua vẫn không nghe. Thủ Độ bèn bảo với mọi người rằng: "Nhà vua ở đâu tức là triều đình ở đó". Bèn cắm nêu trong núi, bắt chước các tên như điện Thiên An, các Đoan Minh, sai thợ xây dựng. Quốc sư nghe thấy vội bèn xin vua rằng: "Bệ hạ nên gấp trở về, đừng để làm nát núi rừng của đệ tử", vua mới chịu về kinh. Được 2 tuần Liễu tự biết mình thế cô mới ngầm đi thuyền độc mộc giả làm người đánh cá, đến chỗ vua xin hàng. Lúc đó, vua ở trong thuyền lớn, hai người **<15a>** nhìn nhau khóc. Thủ Độ nghe tin đến thẳng thuyền vua, rút gươm thét lớn: "Giết giặc Liễu". Vua vội vàng giấu Liễu trong thuyền rồi bảo Thủ Độ rằng: "Phụng Càn Vương (Phụng Càn là hiệu của Liễu ở thời Lý) đến hàng rồi đấy, đoạn lấy thân mình che cho Liễu. Thủ Độ tức lắm, quẳng gươm xuống sông nói: "Thủ Độ này chỉ là con chó săn thôi, biết đâu được sự thuận nghịch trong anh em nhà vua". Vua giải hòa rồi bảo Thủ Độ mang quân về. Lấy đất các địa phương Yên Phụ, Yên Dưỡng, Yên Sinh, Yên Hưng, Yên Bang cho Liễu làm đất thang mộc; lấy tên đất phong cho Liễu làm An Sinh vương; giết hết những binh lính theo An Sinh vương làm loạn ở cổng lớn (theo *Ngoại truyện*:Giờ Tý ngày rằm, tháng 4 năm Bính Thân, Thái Tông cùng 7 cận thần bơi qua sông Bàn Than đên chùa Hoa Yên núi Yên Tử gặp Trúc Lâm Thiền sư muốn xin được trụ trì ở đó, không bao lâu, Thủ Độ cùng quân thần đến tiếp rước nhà vua. Nhà vua hỏi Thiền sư, Thiền sư tâu rằng: "Kể ra người làm vua thì phải lấy lòng dân làm lòng mình, ý muốn của dân làm ý muốn của mình. Nay dân tình như thế xin xe vua hãy tạm trở về, những việc kê cứu về nội điển thì nên chớ quên tu tâm luyện tính. Sau này Hoàng tử khôn lớn, có thể nhường được ngôi thì lúc đó hãy vào núi tu luyện cũng được". Vua cho lời nói đó là phải mới trở về kinh. Sau này khi nhường ngôi cho Thánh Tông, vua mới hơn 40 tuổi đã có ý chán trần tục muốn tu luyện. Cho nên các vua triều Trần đều noi

theo <15b> việc cũ. Có lẽ đó là hiểu được cái bí quyết của Trúc Lâm. Nhà Trần sùng Phật, trọng tăng cũng bắt đầu từ đó. Vì vậy chép cả vào "Trúc Lâm" sử lại chép là "phù vân" chưa rõ ai đúng).

Sử thần Phan Phu Tiên bàn: *Đạo "tam cương ngũ thường" là luân lý của loài người,. Thái Tông là vua mở cơ nghiệp, đáng lẽ phải dựng khuôn phép để lại cho đời sau, nhưng lại nghe mưu tà gian của Thủ Độ, cướp vợ anh lập làm Hoàng hậu làm bại hoại luân thường đạo lý, chẳng phải đã mở ra mối dâm loạn đó sao? Liễu vì thế mà sinh hiềm khích mới dám làm loạn, đó là do Thái Tông đã nuôi lên tội ác cho Liễu vậy. Chưa giết anh vì lẽ trời chưa diệt hẳn thôi, sao lại gọi là nhân được? Sau này Trần Dụ Tông dâm loạn*[1] *vô lễ chưa hẳn không do Thái Tông khơi ra vậy.*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Vua Thái Tông mạo nhận con anh làm con mình, sau này Dụ Tông và Hiến Từ*[2] *đều cho Nhật Lễ làm con của Cung Túc vương, đến nỗi cơ nghiệp nhà Trần suýt bị đổ, nguyên nhân của nó* **<16a>** *há chẳng phải từ đó sao ?*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Thái Tông và Chiêu Thánh khi đó mới 20 tuổi, họ chưa có con cũng chưa phải là muộn. Thủ Độ và Thiên Cực đã một mực lập mưu để nhờ cậy về sau, đến nỗi cướp vợ của anh là tại sao vậy? Thiên Cực đã được quyền làm Hoàng hậu trong nước để dìu dắt người thân thuộc của riêng mình, làm đổ cơ nghiệp nhà Lý, gây dựng cơ nghiệp nhà Trần, đều là việc do mình tự làm. Còn con gái là Chiêu Thánh tuy làm Hoàng hậu nhưng chưa có con, nhỡ ra trong cung, người khác sinh Hoàng tử, Thái Tông một mai mất đi, rồi lại có người noi theo việc làm của mình rủ rèm nghe chính sự, lại đem nước trao cho người thân thì sẽ xử trí thế nào? Cho nên phải tạm, mượn cái thai trong bụng Thuận Thiên chưa đoán được là con trai hay con gái để mà dự phòng. Việc xảy ra ngoài ý nghĩ. Thuận Thiên nếu sinh con trai sẽ làm Thiên tử tôn quý cũng là cháu của Thái Tông, còn nếu con gái thì gương của Chiêu Hoàng còn đấy há lại không* **<16b>** *chọn một người thân thuộc như Thái Tông sao? Khiến lấy rồi nhường ngôi cho có thể nói chuyện này chuyện khác thì ngôi vua đó vẫn là ngôi báu của nhà Trần. Hay hai người ấy bầy mưu cho nhà*

---

[1] Chỉ việc Dụ Tông thông dâm với chị ruột là công chúa Thiên Ninh.

[2] Hiến Từ: CM chép là Huệ Từ.

Trần chẳng cũng khổ tâm nhưng cũng là ngu đấy. Trời thì khó tin, mệnh lại không thường, có thể lấy ống sậy mà nhòm thấy đượcsự xoay vần của tạo hóa, nhưng tất không thể vượt khỏi mối lo của mình, làm việc sao lại loạn luân nghịch lý ấy, khiến cho không ai dám chỉ như bài thơ "Nhuế đống"(1) *không ai dám nói được như bài thơ "Tương hữu tư"*(2).

Các loại án dâm loạn từng thấy ở buổi đầu khi được nước. Không dạy con cháu giữ đức hạnh trong thơ "Hán Quảng"(3) *đưa quốc dân vào phong tục dâm bôn của nước Tề nước Vệ thì dơ bẩn không thể rửa được. Tội đó quy về ai? Thái Tông há lại tối tăm, ương ngạnh, đến mức nghe người ta vun vào cho, để tự lâm vào tội ác và cả đến cái loạn ở ngoài sông lớn. Việc đụng đến thì xấu hổ hối hận, rồi vội vàng thay áo toan ẩn náu nơi rừng thiền. Liễu biết rằng Thuận Thiên cũng cam tâm để người ta cướp, nhưng không muốn để người khác biết mình là người vợ* **<17a>** *thất tiết. Liễu đi thuyền độc mộc đến hàng cũng là cách giải quyết cuối cùng. Thái Tông dâm loạn với Thuận Thiên, thì Phụ Trần cũng dâm loạn với Chiêu Thánh. Mình cướp vợ anh, người khác lại cướp vợ mình. Tuy là tự mình đem đến nhưng cũng là trời làm cho tối tăm tâm thần, khiến cho làm những điều ngông cuồng đến mức ấy mới thôi, kể cũng khéo đấy!*

Quần thần dâng tôn hiệu là Thống Thiên Ngự cực, long công Hậu đức, hiến công hựu thuận,thánh văn thần vũ, Hiếu nguyên Hoàng đế.

Tháng 2, di chuyển dựng điện Linh Quang ở Đông Bộ Đầu gọi là điện Phong Thủy (từ đấy về sau mỗi khi xe ngựa vua đi chơi đều nghỉ ở đó, trăm quan đưa đón đều dâng cau và trà, cho nên tục gọi là Điện Trà).

Mùa hạ, tháng 5, ngày tiết Đoan Ngọ, làm lễ viếng Khuất Nguyên và những người giỏi xưa kia như Giới Tử Thôi. Từ đó hàng năm lấy làm lệ thường.

Mậu Tuất, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 7 [1238] (Tống Gia Hy năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, sai Thống quốc Thái sư là Trần Thủ Độ duyệt định sổ đinh phủ Thanh Hóa **<17b>**

(1) Bài thơ " Nhuế đống" là bài thơ trong thiên "Dung phong" *(Kinh Thi)*, chê Vệ Văn Công là người dâm, nhưng người trong nước không ai thèm đếm xỉa đến.

(2) Bài thơ "Tương hữu tư" trong *Kinh thi* chê vợ Vệ Tuyên Khương dâm loạn.

(3) Thơ "Hán Quảng" trong *Kinh Thi* nói về đức hóa của Văn Vương, khắp vùng Giang Hán con gái đi rong chơi không phạm lễ nghĩa.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: Kiến Trung năm thứ 4, đã duyệt sổ đinh ở Thanh Hoá, đến khi đấy lại sai Trần Thủ Độ làm việc này, ngoài ra chỉ sai Phùng Tá Chu một lần duyệt các ấp có tiếng ở phủ Nghệ An. Sổ dân đinh ở các lộ khác mãi đến năm thứ 20 mới làm, chỉ có riêng phủ Thanh Hóa làm trước và làm kỹ. Lại lấy các bậc trọng thần trông coi việc đó. Hoặc giả sau khi kế tiếp nhà Lý, sự kinh lý tiết chế của Thanh Hoá, Nghệ An còn sơ lược, đến bấy giờ mới một phen chỉnh đốn lại không thể không làm cẩn thận như thế chăng?

Mùa thu, tháng 7, nước to vỡ vào cung Thưởng Xuân.

Tháng 8, định ra chế độ thuyền xe của vương hầu, công chúa, văn, võ quần thần và tôn thất.

Kỷ Hợi, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 8 [1239] (Tống Gia Hy năm thứ 3).

Mùa xuân, tháng Giêng, lại trao cho Phùng Tá Chu chức Nhập nội Thái phó, đôn đốc xây dựng cung điện ở làng Tức Mặc.

Tháng 2, thi Thái học sinh.

Cho Lưu Miễn, Vương <18a> Giáp đỗ đệ nhị giáp, cho Ngô Khắc đỗ đệ nhị giáp, cho Vương Thế Lộc đỗ đệ tam giáp.

Tháng 3, chọn dân đinh người khoẻ mạnh làm lính, định ra 3 bậc thượng, trung, hạ.

Mùa thu, tháng 8, người nổi loạn là Kiều Hiền bị giết.

Canh Tý, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 9 [1240] (Tống Gia Hy năm thứ 4), mùa xuân, tháng Giêng, sai Phùng Tá Chu xây dựng hành cung ở phủ Thanh Hoá, gồm 5 nơi.

Mùa thu, tháng 7, gió bão, mưa to, động đất.

Tháng 9, sinh Hoàng tử là Hoảng, lập làm Đông Cung Hoàng Thái tử. Đại xá cho thiên hạ.

Mùa đông, tháng 10, sai Thị thần là Bùi Khâm đi xử lý công việc ở biên giới. Khi đó thủ thần ở Lạng Giang chạy trạm tâu về việc trong hạt ấy bị người phương Bắc đến cướp bóc của cải của dân cho nên mới sai Khâm đi xử lý.

Tân Sửu, [Thiên Ứng Chính Bình, năm thứ 10 [1241] (Tống Thuần Hựu năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, chọn những người có võ nghệ và sức khoẻ sang làm quân thượng đô túc vệ.

Mùa hạ, tháng 4, hạn, núi các nơi bị lở, đất ở Chợ Dừa[1] nứt toác ra.

Mùa thu, <18b>tháng 8, nước to.

Tháng 9, ban chiếu cho các ty xử kiện được lấy tiền bình bạc (bình tức là xét xử, là cho lấy tiền để xử kiện).

Mùa đông, tháng 10, giặc Man ở phía Bắc cướp phá biên giới, và sai đốc tướng Phạm Kính Ân đi đánh, lấy lại được các Man động rồi trở về.

Hoàng tử thứ 3 là Quang Khải sinh (Quang Khải và Thái tử Hoảng đều do Thuận Thiên sinh ra, Thuận Thiên lấy Hoài Vương Liễu sinh được An Thành Vương. Khi có thai Quốc Khang 3 tháng, Thái Tông lấy về, sau cùng với Quốc Khang đều được phong đại vương, rồi đến Nhật Vinh, Ích Tắc, Nhật Duật, đều được phong vương; các con thứ nữa thì phong Thượng vị hầu, con trưởng của các vương thì phong vương; các con thứ thì phong Thượng vị hầu, mãi mãi làm chế độ nhất định).

Vua thân đi tuần ở biên giới vào đất Tống. Đi qua các trại Vĩnh An, Vĩnh Bình rồi đi qua các Châu Khâm, Châu Liêm, đều tự xưng là Trai lang, bỏ thuyền lớn ở trong cõi, chỉ đi bằng những thuyền nhỏ như loại kim phượng, nhật quang, nguyệt quang. Người châu ấy không biết đó là vua, đều kinh ngạc bỏ chạy, khi phát hiện ra thì lấy dây sắt khóa ở giữa dòng sông để chặn đường thủy. Vua trở về, phải sai nhổ mấy chục neo sắt đem về.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Thái Tông đi lần này thật quá cuồng bậy, có lẽ tuổi còn trẻ* **<19a>**, *khí huyết chưa ổn định, đã sinh cái nhuệ trí của mình, muốn xem núi sông của nội địa Tống, cho là người Tống không làm gì được ta, rốt cuộc mặcquần áo thường dân đi chơi xuýt bị Dự Thả làm khốn[2] vua thoát được miệng hùm là may đấy, Thủ Độ giữ việc nước lo phòng cho Thái Tông, không việc gì là không đến nơi đến chốn, thế mà lại không ngăn được chuyến đi này, còn trách gì được người khác.*

Phùng Tá Chu mất (Phùng Tá Chu là bề tôi cũ của nhà Lý), vua đãi rất có ơn có lễ. Sau khi chết lại trao cho cha của Tá Chu là Tá Thang chức Tả Nhai tước Tán Lang. Tả Nhai là phẩm cao nhất của Tăng đạo, ban cho Tá Thang, có lẽ là ưu đãi đấy.

---

(1) CMCB chép là "đất ở phường Thịnh Quang ngoài kinh thành bị rạn tách ra". Phường Thịnh Quang lại có Ô Chợ Dừa. Nay Ô Chợ Dừa thuộc quận Đống Đa nội thành Hà Nội.

(2) Dự Thả làm khốn: Bài phú của Trương Sung có câu: "Bạch Long ngư phục kiến khốn Dự Thả". Xưa kia con bạch long xuống náu mình dưới vực trong, hóa thành con cá, bị người đánh cá bắn trúng mắt. Bạch long kiện trời. Khi xử kiện Dự Thả cũng không bị tội. Đây ý nói vua mặc áo giả làm người thường dân đi chơi, nếu có người làm gì thì họ cũng không có tội.

Nhâm Dần, [Thiên Ứng Chính Bình], năm thứ 11 [1242] (Tống Thuần Hựu năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, quy định trong nước thành 12 lộ, đặt chức An phủ, chức Trấn phủ, 2 viên chánh và phó để cai trị. Các xã, sách thì đặt chức Đại, Tiểu Tư xã,từ Ngũ phẩm trở lên là Đại Tư xã, từ Lục phẩm trở xuống là Tiểu Tư xã, hoặc có người kiêm 2, 3, 4 xã, cùng với Xã Chính, Xã sử, Xã Giám, làm Xã quan, làm sổ hộ khẩu. Con trai lớn, **<19b>** gọi là đại hoàng nam, nhỏ gọi là tiểu hoàng nam; 60 tuổi gọi là lão; già lắm thì gọi là long lão. Những nhân đinh có ruộng có đất thì nộp tiền thóc. Có 1,2 mẫu thì nộp một quan tiền, có 3,4 mẫu thì nộp 2 quan tiền, có từ 5 mẫu trở lên thì nộp 3 quan tiền. Tô ruộng thì 1 mẫu 100 thăng thóc, người không có ruộng thì miễn cả (xét theo Trần Cương Trung nhà Nguyên có tập *"Trần cố sự sao"*nói rằng: thời nhà Trần thuế cau là nặng nhất. Gỗ an tức thân dùng lấy nhựa và lá của nó mềm vê thành viên nhỏ to vài tấc, hàng năm thu tô đó, còn vàng bạc trong dân gian thì dù từng phân từng lạng cũng phải nộp hết cho quan, có ai riêng tây thì bị tội chết. Ở huyện đặt ra chức quan lớn, những thứ như cá, tôm, rau, quả đều phải nộp thuế, đều do viên quan lớn thu. Khi nhà Trần và nhà Nguyên đánh nhau, nhà Nguyên lại đặt chức Đạt lỗ hoa xích. Sau khi bãi binh sứ giả và thư thường đến, cho nên pháp chế nước ta mới viết được đại lược, nhân đấy tùy việc mà chép phụ vào để đề phòng khi tham khảo. Đạt lỗ hoa xích là chức quan nhà Nguyên, theo tiếng Trung Hoa là Giám Quốc.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Có người hỏi triều nhà Trần đặt ra chức Tư xã tất phải dùng quan trong triều làm chức ấy, đời sau có thể phỏng theo đó mà làm được không? Trả lời rằng: Chức Cai mục của triều ta cũng giống như thế, nhưng thực chất của nó lại không giống nhau, người lấy từ quan về làm việc thì gọi là chế lộc dân; người lấy từ binh về làm việc thì* **<20a>***gọi là khẩu phần dân cũng chỉ thu thuế ruộng thuế thân mà thôi, còn công việc sai dịch thì có quan phụng sai; thuế lặt vặt thì có quan trưng phủ; việc kiện tụng thì có quan cai khám, chức Cai mục không dựvào đó.Những dân đó nếu có người bị khổ vì sợ quấy nhiễu của quan tư khác, có đến chỗ cai mục khiếu tố thì cũng chẳng qua mặc họ than thở ngầm chứ chẳng làm gì được. Công việc của một làng, ông Xã Trưởng cũng không làm chủ được, cũng mặc cho dân tự chống đỡ mà thôi. Thời Thành Chu, hạ sĩ làm chức Lý tể, trung sĩ làm chức Lư tể hoặc làm Tán trưởng, thượng sĩ thì làm tộc bí sư. Các chính sự trong làng đều do mệnh quan làm chủ. Thời Hán, các chức Hương Tam Lão và đình sắc phu còn có ý cổ, đời sau*

xem thường chức Xã Quan, đều lấy bọn hèn hạ trong làng giữ chức ấy, ra khỏi làng thì bị nhục về roi vọt của quan phủ; về nhà riêng thì bị khổ về sự lăng nhục của bọn hào cường.

Những người làm chức này cũng tự coi rẻ thân mình. Nếu có thể dựa vào đó làm kế gian, để mưu kiếm miếng ăn, là họ lừa dối bóc lột không có cái gì là không làm, coi dân như kẻ thù không chỉ bọn tham quan ô lại mà từ tên Xã Trưởng cũng như vậy. Đó là chỗ khiến cho dân ngày càng khốn cùng đấy. Trong năm Cảnh Trị triều ta, có đặt ra chức Xã Trưởng, quan huyện xét sự trạng của họ mà dâng lên. Những người làm nổi trách nhiệm thì chọn giao cho họ chức quan, coi trọng trách nhiệm của họ để khuyến khích họ, để họ làm chính sự một làng. Đó là phép tốt vì dân đấy. Về sau lâu ngày bỏ cách đó, đến giữa năm Bảo Thái mới làm lại, cũng không làm được. Tôi trộm nghĩ: Xã Quan nên chọn những cử nhân liêm khiết, làm việc trong địa phương hoặc những quan viên đã mãn hạn không nhận chức ra làm. Phàm những việc kiện tụng, giáo hoá, phong tục đều giao cho nắm giữ, rồi cho lý chính tự lệ thuộc vào để đề phòng khi giao thiệp sai khiến những điều xét công bổ nhiệm; lệ nêu khen đàn hặc thì nên tham khảo lập ý pháp của triều Trần mà tùy <21a> thời đặt chức quan để người ta vui vẻ với công việc, rồi sau đó mới đòi hỏi cái công làm cho dân giàu, tục tốt. Đại khái dân có chỗ dựa thì kẻ làm phiền nhiễu cũng không dám tung hoành, kẻ điêu hoạt không được bao dung; nghề cày ruộng trồng dâu mới được yên ổn; tục kiện tụng mới được thay đổi, sự đau khổ của dân mới ngõ hầu có thể hết được, há cứ phải quan trong triều mới lên nổi chức ấy hay sao?

Mùa hạ, tháng 4, sai thân vệ tướng quân là Trần Khuê Kình mang quân trấn giữ biên giới phía Bắc. Khi đó người Nguyên xuống Vân Nam, dụ binh đến Ung Châu, Quảng Châu, cắt đứt đường quan ải. Nước ta tuy thông hảo với Tống, những sứ giả nhà Trần sai đi qua biên giới phải lén lút không quá 4 người. Lệ cống vật hàng năm chỉ đưa đến đầu biên giới giao cho Thổ quan đưa lên nộp mà thôi, những cống vật đó cũng không đến nơi được cả. Vua sai Khê Kình đem quân chống giữ ở các địa phương Chính Lược, Tự Tường để thông đường với Tống.

Tháng 5, tháng 6, soát lại tù. Đại xá cho thiên hạ.

Mùa Thu, tháng 7, mưa, miễn một nửa số tô ruộng <21b> Tháng 9, ngày mồng 1, có nhật thực.

Mùa đông, tháng 10, rồng vàng hiện ra.

Quý Mão, [Thiên Ứng Chính Bình], năm thứ 12 [1243] (Tống Thuần Hựu năm thứ 3), mùa xuân, tháng Giêng, sai các lộ tu sửa sổ đinh.

Tháng 2, xây dựng thành Long Phượng ở trong thành và sửa lại Quốc Tử Giám.

Mùa hạ, tháng 6, sai viên ngoại lang là Trương Thất xét xử các việc kiện cáo ở Đô Vệ phủ[1].

Mùa thu, tháng 7, nước to, vỡ vào thành Đại La.

Mùa đông, tháng 10, chọn người bổ làm điệu dịch ở các quân bộ.

Giáp Thìn, [Thiên Ứng Chính Bình], năm thứ 13 [1244], (Tống Thuần Hựu năm thứ 4), mùa xuân, tháng Giêng, chia sai các quan văn đi nhận chức ở các phủ, lộ, gồm 12 nơi; phủ có Tri phủ, lộ[2] có Thông phán, châu có Tào Vật sứ, chủ việc vận tải đường thủy.

Định ra các hình luật (theo lời trong Khả lao cố sự sao thì hình phép của triều Trần vô cùng tàn khốc, bọn cướp, bọn trốn tránh thì chặt ngón chân của họ, giao cho người ấy giết hoặc giao cho voi dày chết. Ghi lại để tham khảo).

Mùa đông, tháng 10, định lương bổng cho trăm quan trong ngoài và quan túc vệ.

<22a> Ất Tỵ, [Thiên Ứng Chính Bình], năm thứ 14 [1245], (Tống Thuần Hựu năm thứ 5), mùa xuân, tháng Giêng, vua ngự hành cung Ứng Phong.

Mùa thu, tháng 8, nước lớn vỡ đê Thanh Đàm [3].

Mùa đông, tháng 12, gió bão mưa lớn 3 ngày liền, nước sông lên to, rắn và cá chết rất nhiều.

Bính Ngọ, [Thiên Ứng Chính Bình], năm thứ 15, [1246], (Tống Thuần Hựu năm thứ 6), mùa xuân, tháng 2, định các quân, chọn những người khoẻ mạnh sung vào quân Tứ Thiên, Tứ Thánh, Tứ Thần[4]. Các lộ Thiên Trường[5], Long Hưng[6], sung làm quân Thiên Thuộc, Thiên

---

(1) Đô vệ phủ: Cũng như Đô hộ phủ thời Lý.

(2) Bản chữ Hán chép chữ (tri), không có nghĩa.

(3) Đê Thanh Đàm: Tức đê huyện Thanh Trì thuộc Hà Nội.

(4) Tứ thiên, Tứ thánh, Tứ thần đều là tên quân túc vệ, tức hiệu quân Thiên thuộc, Thánh dực và Thần sách.

(5) Lộ Thiên Trường: Tức tỉnh Nam Định.

(6) Long Hưng: Tên phủ, nay gồm phần lớn đất tỉnh Thái Bình.

Cương, Chương thánh, Củng thần; người hai lộ Hồng [(1)], Khoái[(2)] sung làm quân tả hữu Thánh Dực; các lộ Trường Yên [(3)], Kiến Xương [(4)] sung làm quân Thánh dực, Thần sách. Ngoài ra quân ở các lộ khác sunglàm cấm vệ, cấm quân, Tam đẳng sung làm đội Trạo nhi đoàn[(5)] (có sách chép là phong đội).

Tháng 3, khảo duyệt các quan văn võ trong ngoài. Cứ 15 năm một lần duyệt, định 10 năm thăng tước cấp, 15 năm thăng chức một bậc.Chức quan nào khuyết thì cho chức chánh kiêm chức phó, nếu cả chánh cả phó đều khuyết thì lấy quan hạt khác, đợi đủ hạn khảo duyệt mới bổ cho chức này. Khi đó nhà nước vô sự, nhân dân yên vui, người làm quan làm chức ấy, người ở quán các 10 năm mới được xuất thân. Chức Tể tướng cũng phải chọn trong tôn thất, người nào hiền năng có đạo đức, tài nghệ, thông thi thư thì cho làm.

Mùa hạ, tháng 5, tháp ở núi Long Đội đổ.

Mùa thu, tháng 7, định lệ thi Đại tỵ[(6)] để chọn kẻ sĩ, cứ 7 năm 1 khoa.

Mùa đông, tháng 12, cho Trương Mông làm Ngự Sử Đại phu (Mông người phủ Thanh Hóa).

Đinh Mùi, [Thiên Ứng Chính Bình], năm thứ 16 [1247], (Tống Thuần Hựu năm thứ 7), mùa xuân, tháng 2, thi Đại tỵ để chọn kẻ sĩ cho Nguyễn Hiền đỗ trạng nguyên, Lê Văn Hưu đỗ bảng nhãn, Đặng La Ma đỗ thám hoa, đỗ thái học sinh 48 người, cho xuất thân theo thứ bậc khác nhau. Trước kia 2 khoa Nhâm Thìn (1232) và Kỷ Hợi (1239) chỉ gọi là giáp, ất. Đến nay mới bắt đầu chọn tam khôi[(7)].

Mùa hạ, tháng 4, động đất.

Mùa thu, tháng 8, thi các khoa Thông tam giáo, Ngô Tần đỗ giáp khoa, Đào Diễn, Hoàng Hoan, Vũ Vị phụ trúng ất khoa <23a> (Tần người Trà Lộ, Hoan người Thanh Hoá, Vị người Hồng Châu).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Đạo chỉ có một mà thôi, ngoài tu, tề, trị bình không còn gì gọi là đạo nữa. Giáo lý của đạo Lão, đạo*

---

(1) Lộ Hồng: Tức Lộ Hồng Châu, nay gồm một phần đất tỉnh Hải Dương.

(2) Lộ Khoái: Tức Lộ Khoái Châu. Nay gồm phần đất các huyện: Khoái Châu, Kim Động, An Thi, Phù Cừ, Tiên Lữ thuộc tỉnh Hưng Yên.

(3) Lộ Trường Yên: Tức tỉnh Ninh Bình ngày nay.

(4) Lộ Kiến Xương: Nay là một phần đất tỉnh Thái Bình.

(5) Tức đội chèo thuyền.

(6) Thi Đại Tỵ: Tức thi Tiến sĩ.

(7) Tam khôi: Tức ba bậc đỗ đầu: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa.

Thích tuy nói có khác nhưng chỗ tốt của nó không thoát khỏi đạo Nho. Trương Dung nói ví dụ việc xem chim hồng rằng: người Việt gọi là chim phù; người sở gọi là chim ất. Về người thì có người Sở, người Việt, chứ chim hồng thì chỉ có một mà thôi. Nhà Phật tự tôn đạo của mình mới có thuyết 3 người bạn là Mao Đầu, Na Ấn, Côn Sài cho là Mao Đầu chứng già điện Bồ Tát giáng sinh là Lão Tử; Na Ấn chứng tĩnh quang Bồ Tát giáng sinh là Khổng Phu Tử; Côn Sài chứng hộ minh Bồ Tát giáng sinh là Thích Ca. Thế là người đời tin tưởng mê hoặc tự đặt ra cách may mặc ăn uống mong được thành tiên; đặt ra nghiệp ăn chay tụng kinh muốn được thành Phật. Đến khi hỏi đến những việc họ làm thì tông chỉ của họ ấy chẳng có gì. Chính như Cố Hoan bảo là: bọn Khắc Dân sa môn thủ châu đạo sĩ có thông gì mà thi, mà đặt ra khoa giáp khoa ất để ban cho họ.

Mậu Thân, [Thiên Ứng Chính Bình], năm thứ 17 [1248] (Tống Thuần Hựu năm thứ 8), mùa xuân, tháng Giêng, đổi miếu hiệu của Huy Tông gọi là miếu Thái Tổ; Thọ Lăng gọi là Huy Lăng.

Tháng 3, đắp đê quai vạc[1]. Sai các lộ đắp đê phòng nước, đắp suốt từ đầu nguồn đến bờ biển để ngăn nước to tràn lên, đặt chức Hàn đê chánh phó sứ để đôn đốc việc đó. Những nơi đắp đê, phải đo xem đắp vào bao nhiêu ruộng đất của dân, tính giá trả tiền cho dân và đặt tên là đê quai vạc. Đắp đê quai vạc bắt đầu từ đó.

Mùa hạ, tháng 4, xây dựng cầu Lâm Ba ở chùa Chân Giáo bắc qua ao Ngoạn Thiềm, cho đến quán Thái Thanh, cung Cảnh Linh rất là lộng lẫy.

Tháng 6, Thuận Thiên Hoàng hậu băng, truy tôn là Hiển từ Thuận Thiên hoàng Thái hậu.

Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Xét Thuận Thiên Hoàng hậu Lý Thị là vợ của An Sinh vương Liễu **<24a>**, Thái Tông nhân lúc ả đang có mang cướp lấy lập làm Hoàng hậu, việc đó làm tổn hại luân thường trái đạo lý cũng quá lắm đấy. Đến khi chết lại được tôn là Thái hậu, quả là nghĩa gì? Hoặc giả sau khi Thánh Tông nối ngôi mới truy tôn mẹ đẻ mà sử chép nhầm như vậy, cũng chưa thể biết được. Nếu không phải thế thì đã cướp chị dâu làm vợ, lại tôn vợ hơn mẹ, trước sau đều sai trái cả, há còn đạo làm người ư?*

---

[1] Đê quai vạc: Còn gọi là đê quai, tức ngoài đê chính ra người ta đắp thêm đê phụ để ngăn không cho nước vào đê chính.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Hoàng hậu mất thì chép là băng, nay đổi lệ mà chép tồ thì vì cớ gì? Không coi là mẫu hậu của nhà Trần đấy. Suốt một đời Trần vốn gọi là nước vô lễ, truy tôn Thuận Thiên làm Hoàng Thái hậu việc có như vậy, hành động của họ sai lầm như thế đáng cười lắm thay!*

Sai những nhà thuật sĩ đi yểm trấn các núi sông. Trần Thủ Độ xin sai những nhà phong thủy đi xem khắp núi sông trong nước, xem nơi nào có vượng khí thì dùng phương thuật mà yểm trấn đi như núi Chiêu Bạc, Bà Mã, sông Bà Lễ ở Thanh Hóa đều sai thợ lấp các khe ngòi, mở đường ngang, đường dọc không thể kể xiết.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Từ khi có trời đất đã có núisông này, mà khí trời vận hành, Thánh nhân sinh ra đều có số cả. Khí trời từ bắc sang nam, hết ở nam rồi lại quay sang bắc, bậc Thánh nhân trăm năm thì lại sinh ra, đủ số lại trở lại. Thời vận có lúc chậm lúc nhanh, khi thưa, khi nhặt không đều, đại khái là như thế đấy, có can gì với núi sông. Nếu nói là núi sông có thuật yểm trấn thì khí trời chuyển vận thánh nhân sinh ra, có thuật gì yểm trấn được? Như Tần Thủy Hoàng biết phía Đông nam có khí thiên tử thường đến chơi để yểm trấn. Thế mà Hán Cao Tổ vẫn nổi dậy, cuối cùng vẫn không thể thắng nổi.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Đời truyền rằng: Lời di cảo của Cao Vương (Biền) bình luận về sa thủy trong nước, đất sinh ra đế vương, khanh tướng, đều làm thành những bài ca. Những nơi kết phát lớn, huyết mạch lớn, hoặc nói rằng nơi đất nào đó đã dựng chùa hoặc đắp đường hoặc đào giếng, hoặc chôn sắt để yểm đi rồi. Có lẽ là khi đó làm ra, lại mượn tiếng là Cao Vương (Biền) để phép thuật được thần thánh hóa đấy, yểm trấn có nghiệm hay không, không cần chứng minh những việc xảy ra. Cứ như đời Nhuận Hồ từ đất Bào Giang dấy lên cướp ngôi, giết gần hết tôn thất, sau thuật ấy lại không thi thố được? Cứ bo bo đi đào sông phá núi, phá hại biết bao nhiêu khí thiêng liêng, Thủ Độ thật là người có tội với nghìn đời.*

Kỷ Dậu, [Thiên Ứng Chính Bình], năm thứ 18 [1249], (Tống Thuần Hựu năm thứ 9), mùa xuân, tháng Giêng, sửa lại chùa Diên Hựu, ban chiếu vẫn dựng chùa ở nền cũ.

Đại xá cho thiên hạ.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, có nhật thực.

Mùa thu, tháng 7, mưa đá to.

Canh Tuất, [Thiên Ứng Chính Bình], năm thứ 19 [1250] (Tống Thuần Hựu năm thứ 10), mùa xuân, tháng 3, động đất. Ban chiếu cho thiên hạ gọi vua là quốc gia[1], đổi phủ Đô Vệ làm viện Tam Ty, gọi là các viện Phụng Tuyên, Thanh Túc, Hiến Chính.

Mùa hạ, tháng 5, ban chiếu rằng: các việc kiện tụng đã xét xong, phải cùng với quan viện thẩm hình xem xét định tội.

Cho Lê Phụ Trần làm Ngự sử trung tướng, trông coi công việc ở viện Tam ty.

Mùa thu, tháng 7, cho Minh tự là Lưu Miễn làm An phủ sứ lộ Thanh Hóa.

Tân Hợi, Nguyên Phong năm thứ 1 [1251] (Tống Thuần Hựu nămthứ 11, Hiến Tông Mông Kha năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, đổi niên hiệu. Vua tự viết bài minh cho các Hoàng tử, lấy những điều trung hiếu, hòa tốn, ôn lương, cung kiệm để dạy các Hoàng tử.

Đem trưởng công chúa Thiên Thành gả cho Trung Thành vương (khôngrõ tên). Con trai của An Sinh vương là Quốc Tuấn cướp lấy, công chúa về với Quốc Tuấn. (Theo sử cũ, công chúa đã hứa gả cho Trung Thành vương định đến ngày 15 tháng ấy làm lễ hợp cẩn, vua cho mở hội lớn 7 ngày đêm, bày những đồ dùng đưa dâu và những trò chơi cho người trong triều ngoài nội đến xem. Trước tiên cho công chúa đến ở nhà Nhân Đạo vương là cha của Trung Thành. Quốc Tuấn muốn cướp lấy, đêm lẻn vào nơi ở của công chúa thông dâm. Thụy Bà công chúa là cô của Quốc Tuấn nuôi Quốc Tuấn làm con, nghe việc đó, sợ xảy ra tai hoạ, vội đếngõ cửa nhà vua để tâu lên. Vua hỏi nguyên do, Thụy Bà tâu rằng: Quốc Tuấn điên cuồng càn rỡ, đêm vào chỗ Thiên Thành ở, Nhân Đạo đã bắt giữ lại rồi, sợ bị hại xin bệ hạ thương cho. Vua lập tức sai hội nhân đến nhà Nhân Đạo vương, không thấy động tĩnh gì, liền vào nơi Thiên Thành công chúa ở thì thấy Quốc Tuấn ở đó, lúc ấy Nhân Đạo mới biết. Sớm hôm sau Thụy Bà dâng 10 mâm vàng sống làm lễ cưới. Vua bất đắc dĩ phải mang Thiên Thành gả cho Quốc Tuấn và lấy 2 nghìn khoảnh ruộng ở Ứng Thiên[2] trả lại lễ cưới cho Trung Thành vương. Quốc Tuấn tuổi trẻ liến láu, mê sắc đẹp của Thiên Thành cam làm việc trèo tường

[1] Có lẽ là quan gia mà nguyên bản chép lầm. Vì các vua đời Trần sau này đều thấy gọi quan gia, không thấy gọi quốc gia.

[2] Ứng Thiên: Sau là phủ Ứng Thiên. Nay gồm phần đất các huyện: Ứng Hoà, Mỹ Đức, Thanh Oai, nay thuộc Hà Nội.

khoét vách theo nhau, có lẽ thói nhà không đúng đắn thường ngày tai nghe mắt thấy đã quen những việc đó. Thánh nhân không tước bỏ bài Thuần bôn [1], này cũng ghi lại để làm răn, cho nên phải chua dòng chú thích xuống dưới).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Con gái vua đi lấy chồng tất phải nhờ các vương trong họ đứng ra làm lễ cưới. Thái Tông đem Thiên Thành công chúa gả cho Trung Thành vương mà công chúa lại về với Hưng Đạo Vương, thì việc hôn nhân không đúng quá lắm thay! Vậy thì lễ cưới đó không có người chủ trì chăng? Giữ việc lễ sao lại không có người chủ trì được. Có lẽ vua đối với đạo vợ chồng không đúng đắn, cho nên những người làm tôi làm con cũng bắt chước đấy. Hơn nữa việc cưới xin lại không lấy người họ khác mà cứ phải lấy người trong họ, duy chỉ có nhà Trần là thế. Trong việc trái lễ lại càng trái đấy.

<26b>Vua ban yến cho quần thần ở nội điện. Vua ban yến quần thần đều đến dự. Khi rượu say, những người hầu đứng dậy dang tay mà hát. Ngự sử Trung tướng (sau đổi Trung uý) là Trần Chu Phổ cũng theo mọi người mà dang tay hát nhưng không hát câu nào khác, chỉ nói: "Sử quan hát thế thôi! Sử quan hát thế thôi". Sau này mỗi khi có yến tiệc có người đội mo nang cầm cái dùi làm tửu lệnh như vậy càng thô bỉ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Xem như thế biết được khi bấy giờ vua tôi cùng vui, không câu nệ vào lễ phép, cũng là sự giản dị chất phác của phong tục đó, nhưng không có chừng mực đấy. Thầy Hữu Tử nói rằng: "Chỉ biết nhu hòa để vui nhưng không biết lấy lễ mà hạn chế thì cũng không thể làm được". Quan Ngự sử là bề tôi giữ việc can ngăn, theo chức phận của mình là phải uốn nắn nhà vua, không nói thì thôi lại còn vào hùa, vậy kỷ cương của triều đình ở đâu?

Mùa hạ, tháng 4, An Sinh vương Liễu mất, gia phong tước Đại vương.

Phạm Kính Ân mất <27a>(Kính Ân là Thái úy tước quan nội hầu của triều Lý trước).

Nhâm Tý, [Nguyên Phong năm thứ 2] [1252] (Tống Thuần Hựu năm thứ 12), mùa xuân, tháng Giêng, vua thân đi đánh Chiêm Thành.

---

[1] Thuần bôn: Tên một bài thơ trong *Kinh Thi*. Bài này chê nàng Tuyên Khương nước Vệ thông dâm cùng Ngoan Phi.

Mùa đông, tháng 12, thắng lớn, rồi trở về. Chiêm Thành từ khi nhà Lý suy yếu, thường đi thuyền nhẹ đến cướp phá dân ven biển. Vua lên ngôi, sai sứ sang dụ bảo, tuy thường sang tiến cống, nhưng lại đòi đất cũ, lại còn có ý nhòm ngó nước ta. Vua giận, bèn thân đi đánh, sai Khâm Thiên đại vương Nhật Hạo ở lại giữ nước. Đến khi ấy bắt được vương phi Chiêm là Bố Đà La và thần thiếp dân chúng của họ rồi về.

Quý Sửu, [Nguyên Phong năm thứ 3] [1253] (Tống Bảo Hựu năm thứ 1), mùa hạ, tháng 4, cho Khâm Thiên đại vương Nhật Hạo làm Thái úy.

Tháng 6, lập quốc học viện, tô tượng Chu Công, Khổng Tử, Mạnh Tử, vẽ tượng 72 người hiền để thờ.

Mùa thu, tháng 8, lập giảng võ đường.

Tháng 9, ban chiếu cho các kẻ sĩ trong nước đến quốc học viện giảng học Ngũ kinh Tứ thư.

> ***<27b> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Dựng nhà quốc học, tôn thờ thánh hiền là chuộng văn giáo, dựng nhà võ là chú ý việc võ. Đạo văn võ nhà Trần từ đấy rạng rỡ. Rốt cuộc các ông Hán Siêu, Trung Ngạn, Nhật Duật, Ngũ Lão đều có tài văn chương, tướng suý nối nhau mà xuất hiện. Văn Trinh, Hưng Đạo lại là những danh nho, danh tướng lỗi lạc của nghìn đời. Để cổ vũ mọi người có lẽ bắt đầu từ đấy chăng!*

Giáp Dần, [Nguyên Phong năm thứ 4] [1254] (Tống Bảo Hựu năm thứ 2), mùa hạ, tháng 4, định ra chế độ xe kiệu mũ áo và người hầu cho tôn thất và các quan văn võ theo thứ bậc khác nhau (quy chế: từ tôn thất đến quan ngũ phẩm đều được đi kiệu, ngựa, thả diều giấy; người tôn thất thì kiệu đầu phượng sơn son; Tướng quốc thì kiệu chạm chim anh vũ sơn đen, lọng tía hoặc xanh; Tam phẩm trở xuống thì đầu kiệu chạm mây, lọng vàng xanh; Tứ phẩm trở xuống thì kiệu bằng đầu LụcThất phẩm thì lọng giấy đen; theo hầu thì nhiều là 1.000 người, ít thì 100 người. Xét tập "cố sự sao ngôn" của Trần Cương Trung thời Nguyên có nói: quan phẩm của chế độ nhà Trần cao, thấp cứ nhìn tán thì phân biệt được; các bậc khanh tướng thì dùng 3 tán màu xanh, thứ nữa thì 2 tán, thứ nữa thì 1 tán màu tía. Có lẽ chỉ người trong họ được dùng, người ngoài không được dùng. Có thể thấy được ở đây.

Tháng 6, bán ruộng công cho dân mua làm của riêng cứ mỗi đầu 5 quan tiền. **<28a>** Mùa đông, tháng 10, sai Phạm Ứng Mộng tự hoạn để vào hầu. Trước đây vua mộng khi đi chơi có một thần nhân chỉ một người

mà bảo rằng: "Người này có thể làm chức Hành khiển, khi tỉnh dậy thì ghi nhớ đến bấy giờ đi ra ngoài thành chơi thấy có một người con trai đang theo học ở Cửa Nam kinh thành, hình dáng giống hệt người trong mộng. Theo lệ cũ, chức Hành khiển chỉ dùng những người hầu gần, vua muốn trao cho chức ấy nhưng mà khó nghĩ, mới ban cho 400 quan tiền, bảo tự hoạn và đặt tên là Ứng Mộng. Sau thăng dần làm đến chức Hành khiển. Đó có lẽ bắt chước triều Lý dùng Lý Thường Kiệt và Thường Hiến đấy.

Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Dùng người không phải chỉ có một đường lối, không thể câu nệ vào lệ thường. Vua Thái Tông được Ứng Mộng không phải ngẫu nhiên. Nếu vì cho giấc mộng trong một đêm là chưa đúng, thì sao không tham khảo ý của quần thần, và xét khi anh ta ở một mình, nếu biết là người hiền tài có thể dùng được thì dù họ là người áo vải* **<28b>** *muốn dùng làm khanh tướng cũng được, còn chức Hành khiển thì có ngại gì: Hơn nữa vua Cao Tông cho Phó Duyệt làm tướng là vì mộng; Chu Văn Vương coi Lã Vọng là thầy vì mộng, đó là việc cũ. Còn việc Thường Kiệt, Thường Hiến lại há đủ làm bài học, huống chi người xưa vì bọn hoạn quan mà bị chìm đắm, xã tắc đến tám chín phần mười. Ứng Mộng nếu quả là người như vậy thì cũng nên xua đuổi đi, huống chi muốn dùng người mà lại tổn hại thân thế người ấy. Há phải là hợp lý đâu! Ứng Mộng hăng hái tiến thân cam tâm tự thiến mình thì cách làm người cũng có thể thấy được.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Vua Cao Tông là người cung kính lặng lẽ suy nghĩ về đạo, tinh thần thông được với trời. Vua Văn Vương là người thuần nhất đức hợp với trời. Cho nên trời cho những bậc thánh hiền phò giúp để dấy lên cơ nghiệp trung hưng, mở ra nền móng 800 năm. Người như Thái Tông, cái cảm cách tinh thành* **<29a>** *quả đã dung hợp với trời chăng? Nếu như vậy há không lấy những bậc có tài tướng văn, tướng võ mà ban cho, sao cứ phải bo bo cho người hoạn quan?*

Giấc mộng của Thái Tông đáng ngạc nhiên đấy. Xưa kiaThúc Tôn Mục Tử[1] mộng có người giúp mình gọi là Ngưu, sau đó gặp một người giống như trong mộng bèn cho làm người hầu, rút cuộc trong nhà bị loạn, còn Mục Tử bị chết vì bất lương, thế thì mộng há đủ để làm chỗ dựa đâu! Trần Thái Tông đối với Ứng Mộng

---

[1] Thúc Tôn Mục Tử: Tức Thúc Tôn Báo làm quan đại phu thời Xuân Thu.

thực cũng vậy, nhà vua thoát được loạn như Mục Tử có người hầu tên là Ngưu cũng là may đấy.

Ất Mão, [Nguyên Phong năm thứ 5] [1255] (Tống Bảo Hựu năm thứ 3), mùa hạ, tháng 4, chọn Tản quan(1) làm hà đê Chánh Phó sứ ở các lộ. Hàng năm khi nào nhà nông rỗi việc thì đốc quân đắp đê, đào mương để phòng hạn lụt.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Dùng chức Tản quan đôn đốc việc đê sông, tuy không phải chế độ xưa, nhưng công việc của họ được chuyên, ý của họ được thống nhất, không còn lo họ làm cẩu thả sơ sài. Đó chẳng hơn là việc đến nơi* **<29b>***mới sai khiến, rồi họ làm qua loa xong việc, khi việc xong rồi không còn ai đổ trách nhiệm cho mình nữa. Như vậy có thể nghiêm khắc với việc thăng giáng, khiến những người siêng năng hay lười biếng có khuyến khích hay trừng phạt, đấy là phép hay không thể thay đổi được.*

Hoàng tử Nhật Duật sinh (Nhật Duật là con thứ 6 của vua. Sử cũ ghi: đạo sĩ ở cung Thái Thanh làm lễ cầu tự cho vua, khi dâng sớ xong tâu rằng: thượng đế đã y lời sớ tấu liền sai Chiêu Văn đồng tử giáng sinh ở trần thế bốn kỷ đấy. Thế rồi hậu cung có thai, quả nhiên sinh con trai, trên má có chữ "Chiêu Văn đồng tử", nét chữ khá rõ ràng vì thế đặt hiệu là Chiêu Văn. Khi lớn lên những nét chữ mới mất đi. Đến năm 48 tuổi nằm bệnh hơn một tháng, các con lập đàn lễ cầu xin bớt tuổi thọ của mình để kéo dài tuổi thọ của cha. Đạo sĩ khấn xong đứng dậy nói. Thượng đế xem lời tâu cười mà nói rằng: "Quyến luyến trần tục mà ở lâu chăng? Nhưng các con có lòng thành hiếu đáng tin có thể cho thêm kỷ nữa". Sau này Nhật Duật thọ 77 tuổi được đủ 6 kỷ lẻ 5 năm. Việc đó thật hoang đường, tạm để truyền nghi.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Việc đạo sĩ cầu tự cho là đúng thế chăng? Đạo trời ở xa, không thể biết được; cho là đúng thế chăng? lòng thành cảm động* **<30a>** *xa mấy cũng được. Nhưngkhi người đạo sĩ rạp lạy đội mệnh trời, thì trời hoặc hiện ra giấc mộng để đảm bảo cho đấy. Xét ra thì lý và số nương tựa lẫn nhau, lý sinh ra trong số, số cũng chưa từng không sinh ra trong lý. Tính mệnh dài, ngắn là số đấy, lòng hiếu thành là lý đấy. Có người nói rằng: đạo sĩ có thể nắm giữ chân tính mà bay lên, tôi thì chưa tin.*

---

(1) Tản quan: Những quan nhàn rỗi, ít việc.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Trong vòng luẩn quẩn, những việc kỳ quái, có việc gì là không có, nhưng phải là người có đạo đức rất cao mới đủ để cảm thông đến trời, khi tinh thần đã gây nên, hoặc trong khoảng hình như có hình như không, cũng chỉ có người kỳ diệu hiếm có ở đời, rồi sau đó mới có việc kỳ diệu trên đời hiếm có. Nhật Duật tuy là bậc thân vương tài giỏi, nhưng vẫn chưa phải là bậc kỳ tài hiếm có ở đời. Đạo sĩ vừa cúi đọc sớ, thì lập tức được Thiên đế ban cho Chiêu Văn đồng tử, trời có nói gì đâu mà năm sinh tuổi thọ của Nhật Duật trời đều tỉ mỉ đáp lời nói của đạo sĩ, việc càn rỡ đấy* ***<30b>***. *Văn Vương nhà Chu bảo Vũ Vương rằng: Ta nằm mơ thấy Thượng đế cho ta 9 tuổi, thế thì ta thọ 100, mày thọ 90. Ta cho mày 3 tuổi. Sau Văn Vương thọ 97 tuổi, Vũ Vương thọ 93 tuổi, đúng như lời nói trước. Các nhà Nho trong đời còn cho rằng: Thiên Văn Vương Thế tử do Thế tử ghi chép chưa chắc đã có việc ấy. Hơn nữa các con của Nhật Duật nếu biết thành hiếu, có thể trông được hiệu quả như vua Văn Vương cảm cách đến trời chăng? Có lẽ nước ta phần nhiều chuộng thuật mê tín, lấy phong thư để vào tay áo người đồng rồi đọc thần chú để cho người đó hôn mê, khi tỉnh dậy lần nói những việc ma quỷ, cũng có câu ngẫu nhiên đúng. Nhà Trần tôn trọng quỷ thần cho nên dựa vào lời nói hoảng hốt rồi sau khi việc xong thì gò ghép vào cho là thần dị mà thôi.*

Tháng 5, trồng cây muỗm ở bờ đê (trồng từ bến Hồng Tân đến đê quai vạc Cầu Thần. Dài 500 trượng).

Mùa thu, tháng 8, nước to, vua ngự chơi Hồ Tây.

<31 a> Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Nước và đất đều là chất thuộc khí âm, nước lụt, đất lở đều do khí âm suy đấy. Suốt đời Trần Thái Tông, 6 lần nước lớn, 3 lần động đất, 1 lần đất nứt ra. Có lẽ do cái lỗi trên dưới dâm loạn, khí dương sai quy luật, khí âm thì buông thả. Khi đó, không chút lo sợ tự sửa mình tai dị hiện ra luôn luôn như chuyện bình thường. Vua thì nhân nước lớn mà đi chơi Hồ Tây; bề tôi thì nhân nước lớn mà bức hiếp cung nữ, cho tai họa là may, lấy tai biến làm vui, dâm dục bừa bãi chưa có khi nào quá đáng như vậy. Nhà chép sử ghi đủ vào sách thì tội ác tự hiện ra đấy.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Nhà Trần vì dâm loạn mà được nước, giết vua, diệt cả họ nhà vua. Trên dưới dâm loạn đều như*

loài cầm thú mọi rợ, đến nỗi động đến lòng trời tức khiến trời giận. Tức năm Thiên Ứng Chính Bình về sau, gió bão, nước lớn, núi lở, đất động, mưa đá, dịch bệnh, sét đánh 1 lần sập 10 nơi, đã đánh cung Thiên An lại đánh cung Thái Thanh, đến nỗi làm đổ tượng Thiên Tôn. Trời ra oai cũng rất mực đấy. Trong vua tôi mơ màng, không biết cảnh tỉnh, chơi bời hưởng lạc tự cho là bình thường, chẳng bao lâu thì Mông Cổ đánh sang nước Nam, cung điện bị tàn phá, xe vua phải chạy ra ngoài, nhân dân một nước gan óc vùi vào bùn đất, cơ nghiệp họ Trần cũng nguy ngập.Kinh Dịch có câu: "Liên tục sét đánh người quân tử phải lo sợ mà tu chính". Kinh Thi có câu: "Kính sợ sự thay đổi của trời, không dám rong ruổi; kính sợ sự tức giận của trời không dám vui chơi". Người làm vua há có thể sao nhãng điều trời đe răn mà không sợ hay sao?

Bính Thìn, [Nguyên Phong năm thứ 6] [1256] (Tống Bảo Hựu năm thứ 4), mùa xuân, tháng 2, mở khoa thi chọn học trò, cho Trần Quốc Lặc đỗ kinh Trạng nguyên, Trương Xán đỗ trại Trạng nguyên, Chu Hinh đỗ Bảng nhãn, Trần Uyên đỗ Thám hoa lang, đỗ thái học sinh thi ở kinh 42 người, trại 1 người, đều cho xuất thân. Buổi đầu dựng nước số người thi đỗ chưa phân **<32a>** biệt kinh trại, người đứng đầu bảng thì cho đỗ Trạng nguyên. Đến nay chia ra Thanh Hóa, Nghệ An, gọi là trại, mới có sự phân biệt kinh trại.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Triều Trần chọn học trò có sự phân biệt kinh và trại, cũng như triều Thanh ở Trung Quốc ngày nay có phân biệt Mãn và Hán đấy. Nhưng dùng người hiền không kể nòi giống há có thể phân biệt để tỏ cho người ta thấy là không rộng rãi. Thời nhà Lý có Châu Hoan (1), Châu Ái (2) là châu biên giới, thanh giáo chưa được thấm nhuần, nhân tài không nhiều bằng kinh trấn. Cho nên mỗi khoa thi tất rút ra người học trò rất giỏi của trại cho đỗ Trạng nguyên, cho ngang hàng với kinh cũng là ngụ ý khuyến khích đấy.*

Tháng 6 nhuận, đúc 330 chiếc chuông.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Triều Lý sùng Phật đúc chuông dựng nhà chùa phần nhiều không chép, việc này tại sao lại chép?* ***<32b>*** *Một lần đúc đến 330 chiếc, tốn đồng tốn của để cung cấp*

---

(1) Châu Hoan: Nay là đất thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

(2) Châu Ái: Nay là đất thuộc tỉnh Thanh Hóa.

vào việc vô dụng, lại còn hơn cả triều Lý đấy, cho nên vẫn theo sách cũ mà chép.

Mùa hạ, tháng 5, sét đánh điện Thiên An lại đánh cung Thái Thanh, pho tượng Thiên Tôn đổ xuống đất gãy một ngón tay.

Vét sông Tô Lịch.

Mùa thu, tháng 7, Vũ Thành Vương Doãn chạy sang Tống, thổ quan ở phủ Tư Minh là Hoàng Bính bắt đưa về trả cho ta. Vì thế quan ải ngày thêm cẩn mật (Doãn là con của An Sinh vương, do Hiển Từ sinh ra. An Sinh vương có hiềm khích với nước; đến khi Hiển Từ băng, vì mất chỗ dựa, bèn mang gia thuộc chạy sang Tống, thổ quan phủ Tư Minh là Hoàng Bính bắt đưa trả lại cho nhà Trần, vua thưởng vàng lụa cho Bính).

Định Tỵ, [Nguyên Phong] năm thứ 7 [1257] (Tống Bảo Hựu năm thứ 5), mùa xuân, tháng 2, Hoàng Bính ở phủ Tư Minh đem cả nhà đến cửa khuyết để dâng người con gái, vua nhận rồi sách phong làm Huệ Túc phu nhân.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Khi đó nước Mông Cổ ngày càng mạnh. Trong khoảng 7 năm đời Hiến Tông Mông Kha* **<33a>***nhà Tống không năm nào là không bị nạn binh đao. Bính biết Tống sắp mất, cho nên đem gia thuộc chạy sang ta, để làm bầy tôi yên phận giữ đất, như vậy có thể gọi là không trung thành với chức phận của mình đấy. Ý của Bính để tránh nạn giặc Hồ lại xâm lược phía Nam, Bính rốt cuộc vẫn không tránh được. Bọn Ích Tắc, Lê Trắc cho là nhà Trần ắt bị mất, bèn đem gia thuộc đầu hàng nhà Nguyên, mong chiếm được nước cùng giữ được giàu sang. Nhưng nhà Trần thì chưa từng mất. Bọn ấy chuốc lấy cái nhục hàng giặc, phản nước phản vua quả có ích gì? Bính thì thực chẳng đáng nói, chỉ chép lại việc đó để răn những kẻ làm tôi mà hai lòng.*

Mùa thu, tháng 7, ban chiếu phát binh ra chống cự ở biên giới phía Bắc, trại chủ Quy Hóa[1] là Hà Khuất vào hồi tháng 8, sai người chạy trạm tâu có sứ Mông Cổ sang. Đến khi đó, ban chiếu cho tả hữu tướng quân, đem quân thủy bộ ra ngăn giữ biên giới, chịu sự chỉ huy của Quốc Tuấn.

Mùa đông, tháng 10, lại hạ lệnh cho trong nước tu sửa khí giới.

<33b> Tháng 12, Mông Cổ đến xâm lược, vua tự đem quân ra chống giặc. Quân đóng ở sông Lô, tướng Mông Cổ là Ngột Lương Hợp Thai

---

(1) Trại Quy Hoá: Gồm một phần đất tỉnh Yên Bái và các huyện Lâm Thao, Thanh Ba, Hạ Hòa, Yên Lập thuộc tỉnh Phú Thọ.

xâm phạm Bình Lệ Nguyên, sai người đến dụ vua đầu hàng, 3 lần sứ giả đến vua đều sai giam lại, giặc đến Sông Thao, sai con là A Thuật đến dò xem hư thực. Vua sai chư tướng dàn nhiều quân để đợi, Hợp Thai đi gấp đường mà tiến. Vua tự cầm quân đốc chiến, đi trước, xông pha vào tên đạn, quan quân hơi lui, Vua trông hai bên chỉ có Lê Phụ Trần (vốn tên là Lê Thái người Ái Châu)[1] một mình cưỡi ngựa ra vào trận địa của giặc, sắc mặt như thường. Khi đó có người khuyên vua dừng lại để cự chiến, Phụ Trần cố sức can rằng: "Nay nán lại chỉ là đánh liều một ván cuối cùng,nên lánh đi, chớ tin lời người khác". Bấy giờ vua mới lui quân đóng ở Sông Lô, Phụ Trần che đỡ ở sau, quân giặc bắn tới tấp, Phụ Trần lấy ván thuyền che mới thoát nạn. Thế giặc rất mạnh, lại phải lui về đóng ở sông Thiên Mạc[2] Phụ Trần theo vua, bàn việc cơ mật, ít có người biết. Vua ngự thuyền nhỏ đến thuyền Nhật Hạo để hỏi kế **<34a>**, Nhật Hạo đương ngồi tựa mạn thuyền không đứng dậy được, chỉ lấy tay chấm nước viết hai chữ "nhập Tống" lên mạn thuyền. Vua hỏi quân Tinh cương ở đâu (Tinh cương là quân của Nhật Hạo trông coi), Nhật Hạo trả lời "gọi không đến rồi"! Vua hỏi Thái sư Thủ Độ, Thủ Độ trả lời: "Đầu thần chưa rơi xuống đất thì bệ hạ đừng lo" (Hợp Giải có sách chép là Hợp Thai).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: Nhật Hạo là bậc đại thần cùng họ nhà vua, khi giặc đến thì khiếp sợ hèn nhát, không có phương kế để chống giữ, lại còn dẫn vua đi ra ở nhờ nơi khác, thì dùng nó làm tướng làm gì?

Vua cùng quân Mông Cổ đánh nhau ở Đông Bộ Đầu, phá tan quân giặc. Khi đó vua cùng Thái tử ngự thuyền lầu tiến quân đến Đông Bộ Đầu, đánh nhau với quân Mông Cổ. Thắng lớn, quân Mông Cổ trốn về đến trại Quy Hóa, chủ trại là Hà Bổng chiêu tập người Man đánh úp, lại đánh tan được. Khi đó Mông Cổ mới lấy được Vân Nam, quân du binh[3] đến không có ý đánh nhau, khi đó người ta gọi là giặc Phật. Khi giặc **<34b>** đã lui, ban cho Bổng tước hầu.

Tha tội cho tiểu hiệu là Hoàng Cự Đà. Trước đây vua cho các quan ăn quả xoài, riêng Cự Đà không được ăn, đến khi quân Nguyên đến Đông Bộ Đầu, Cự Đà đi thuyền bỏ trốn. Đến Hoàng Giang[4] gặp Hoàng

---

[1] Ái Châu: Nay là đất của tỉnh Thanh Hóa.

[2] Sông Thiên Mạc: Khúc sông Hồng chảy qua bãi Mạn Trù thuộc địa phận xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

[3] Quân du binh: Đội quân nhỏ có nhiệm vụ tuần tra, truy kích.

[4] Hoàng Giang: Khúc sông Hồng ở ngã ba tuần thuộc tỉnh Hà Nam.

Thái tử đi ngược lên. Cự Đà tránh sang bờ bên kia, thuyền đi rất vội, quan quân hô to hỏi: "quân Nguyên ở đâu?" Cự Đà trả lời: "Không biết. Các người nên đi hỏi những người ăn quả xoài ấy". Đến khi ấy Thái tử xin khép Cự Đà vào tội cực hình để răn những kẻ bất trung. Vua nói: "Tội của Cự Đà đáng giết cả họ, nhưng đời xưa có anh Dương Châm không được ăn thịt dê đến nỗi quân Trịnh(1) bị thua, tội của Cự Đà là do lỗi của ta đấy, tha tội chết và cho hắn đi đánh giặc chuộc tội".

Mậu Ngọ, [Nguyên Phong] năm thứ 8, từ tháng 3 về sau là Thánh Tông, Thiệu Long năm thứ 1 [1258] (Tống Bảo Hựu năm thứ 6), mùa xuân, tháng Giêng, đem Hoàng Thái hậu cũ là công chúa Chiêu Thánh gả cho Ngự sử đại phu Lê Phụ Trần. Sáng ngày mồng 1, vua ngự thượng điện cho trăm quan vào chầu, trăm họ yên ổn như cũ. Định công, phong tước, trao cho Phụ Trần làm Ngự sử đại phu **<35a>** và đem công chúa Chiêu Thánh gả cho. Vua nói rằng: "Trẫm nếu không có khanh, há lại có được ngày nay, khanh nên cốgắng để cùng hưởng phúc đến cùng".

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Lời can đánh liều một ván cuối cùng của Phụ Trần là trung, đi sau che chở cho vua khi rút quân ở Sông Lô là có công đấy. Thái Tông muốn báo ơn cho hậu thì lấy quan tước, ruộng đất, vàng lụa để đền ơn cũng không tiếc, sao lại làm nhục bà Hoàng hậu cũ mà đem gả cho Phụ Trần. Thái Tông như vậy là vô đạo quá đấy, vậy thì người gả và người được cho cũng đều có tội. Xưa kia Hầu Cảnh cướp ngôi nhà Lương đem bà phi của Thái tử nhà Lương gả cho tướng của mình là Quách Nguyên Kiến, Nguyên Kiến từ chối rằng: "Đâu có việc phi của Hoàng Thái tử lại giáng xuống làm vợ người thường", cuối cùng không chịu gặp bà phi ấy. Phụ Trần cúi đầu mà nhận thì lại không bằng đứa làm giặc có lương tâm. Ở Ngô Trung có người thua cờ bạc phải gạt vợ cho người ta, người vợ giận mà tự tử, cuối cùng không cam chịu nhục* **<35b>**,*bà Chiêu Thánh một đời đã từng làm vua, làm Hoàng hậu, rồi lại làm vợ của một thường dân, vui thích với sự gả bán đó, thật không bằng một người đàn bà thường dân có liêm sỉ. Giả sử Phụ Trần biết từ chối, Chiêu*

---

(1) Phải là "quân Tống bị thua" mới đúng. Vì đây muốn dẫn lại chuyện. Thời Xuân Thu ở Trung Quốc, nước Trịnh đánh nước Tống,. Khi sắp đánh nhau, Hoa Nguyên nước Tống làm thịt dê cho quân sĩ ăn, người đánh xe tên là Dương Châm không được ăn. Khi vào trận, Dương Châm nói: "Con dê hôm trước quyền ở anh, việc đánh nhau hôm nay là quyền ở tôi". Nói đoạn ông cho xe chạy sang với quân Trịnh, vì vậy quân Tống bị thua.

Thánh biết giữ chí của mình, thì dù Thái Tông có ngông cuồng sai trái cũng không đến nỗi quá lắm như thế. Tuy nhiên, thói dâm loạn của nhà Trần đã tập nhiễm từ lâu, cả trên lẫn dưới, cả trong lẫn ngoài cho là chuyện bình thường, bà Thiên Cực là Thái hậu mà gả cho bề tôi: Thái Tông là em mà cướp vợ của anh; Thuận Thiên là chị dâu mà lấy em chồng. Cho nên Chiêu Thánh cũng là Hoàng hậu lại lấy bề tôi làm chồng; Phụ Trần là bề tôi mà lấy Hoàng hậu làm vợ.Có mẹ ấy cho nên có con ấy, có chị ấy cho nên có em ấy, có chồng ấy cho nên có vợ ấy, có vua ấy cho nên có tôi ấy. Những bài thơ biến phòng, dâm loạn thì một bộ sử buổi đầu nhà Trần đã ghi có đủ cả, là một điều đáng than thở cho đạo đức phong tục trên đời.

Sai sứ sang Tống.

Sai sứ sang Mông Cổ. Khi đó sứ Mông Cổ sang đòi lễ vật tiến cống hàng năm, lôi thôi không ổn định **<36a>,** vua sai Lê Phụ Trần sang sứ, Chu Bác Lãm làm phó, cuối cùng định ra 3 năm một lần cống, lấy làm lệ thường.

Tháng 2, vua truyền ngôi cho Hoàng Thái tử Hoảng, vua đã nhường ngôi lui về ở cung phía Bắc. Thái tử lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiệu Long, đại xá cho thiên hạ, tôn Thượng hoàng làm Hiển Nghiêu Thánh Thọ Thái Thượng Hoàng đế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Từ sau khi Hạ Vũ truyền ngôi cho con thì cha chết con nối, anh chết em nối, mãi mãi được xem là lệ thường. Phép nhà của họ Trần lại khác thế, con đã lớn thì cho nối ngôi chính, còn cha thì lui về ở cung Thánh Từ, xưng là Thượng hoàng, cùng trông coi chính sự. Thực chỉ truyền ngôi để ổn định việc sau này, đề phòng việc bất trắc xảy ra, còn mọi việc đều do Thượng hoàng quyết định, vua nối ngôi cũng không khác gì Hoàng Thái tử, như thế thì đối với đạo có đúng chăng? Có lẽ đó là lấy ý quẻ Càn lui về ở phương Tây Bắc, còn quẻ Chấn tiến ra phương đông. Nhưng* **<36b>** *chưa đến lúc tuổi già mỏi mệt thì không nên. Sao bằng cứ nối tiếp nhau như thời tam vương cho trước sau được đúng đắn là hơn. Mạnh Tử nói: "Những người theo phép của tiên vương mà bị lầm lỗi thì chưa bao giờ có".*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Vua Thái Tông lên ngôi, khi tuổi ấu thơ, tất cả công việc chưa tự chủ được, cho nên mọi hành động tà gian cử chỉ cuồng vọng, đều do Thủ Độ dẫn dắt. Xong tư trời vốn cao, khi nhiều tuổi thì chú ý về học vấn, tiến tới cũng sâu,*

nghiên cứu nhiều sách Phật, làm sách ***Khóa hư lục****, yên cảnh rừng núi, coi sông chết như nhau, tuy ý gần giống "hư không tịch diệt", nhưng chí thì khoáng đạt, sâu xa. Cho nên bỏ ngôi báu như trút đôi giày. Còn việc thừa kế của nhà Lý không ổn định, đến nỗi mất nước, Thái Tông thực lấy đó làm răn. Như Sĩ Liên bảo đúng là: ổnđịnh việc sau này, phòng khi bất trắc là đúng ý ấy. Chỉ có một việc theo đạo Phật không phải là đạo thuần tuý đúng đắn, khiến cho đời sau truyền cho nhau thành gia pháp, người quân tử không cho là đúng.*

Các quan dâng tôn hiệu: Hiến thiên thể đạo đại minh quang hiếu hoàng đế.

Mùa thu, tháng 8, gió bão, đỉnh tháp Báo Thiên gãy rơi xuống đất.

Lập con gái thứ 5 của An Sinh vương tên là Thiều làm Thiên Cảm phu nhân, rồi sách phong làm Hoàng hậu.

Mùa đông, tháng 11, Hoàng trưởng tử Khâm sinh.

Phong em là Quang Khải làm Chiêu Minh đại vương.

THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua tên là Hoảng con trưởng của Thái Tông mẹ là Thuận Thiên Hoàng hậu Lý Thị, ở ngôi 21 năm, thọ 51 tuổi, táng ở Dụ Lăng, vua là người trung hiếu nhân thứ, tôn người hiền, trọng đạo, cha làm ra trước, con nối nghiệp sau, cơ nghiệp nhà Trần được bền vững. Song lưu tâm vào đạo Tam muội[1], kê cứu đạo Nhất thừa[2], không phải là đức tốt của đế vương).

Kỷ Mùi, Thiệu Long năm thứ 2 [1259] (Tống Khai Khánh năm thứ 1), Thái hậu cũ của nhà Lý là phu nhân của Trần Thủ Độ Trần Thị mất. Buổi đầu niên hiệu Kiến Trung, Trần Thị bị giáng làm Thiên Cực công chúa, gả cho Trần Thủ Độ. Vì đã từng làm Hoàng hậu của nhà Lý không nỡ gọi là công chúa, cho nên phong là Quốc mẫu, Linh Từ Quốc mẫu là phỏng theo hiệu của Tiền Ngô phu nhân, cũng là tên gọi riêng của Hoàng hậu. Xe kiệu, áo mũ, người hầu đều ngang với Hoàng hậu.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Linh Từ trước lấy Lý Huệ Tông không phải là đúng đắn, sau lại lấy Trần Thủ Độ là thất tiết.*

---

(1) Tan muội: Chữ nhà Phật có nghĩa là phép giải thoát.

(2) Nhất thừa: Có nghĩa là cỗ xe duy nhất - ở đây có nghĩa là giáo lý của nhà Phật.

Nhưng vì con gái là Chiêu Hoàng nhường ngôi cho nhà Trần, Thuận Thiên lại làm Hoàng hậu của Thái Tông, sinh ra Thánh Tông. Yên Sinh vương có hiềm khích với Thái Tông, Linh Từ điều đình khiến họ lại hòa hợp làm anh em như xưa. Đến khi người Nguyên đi đường tắt sang cướp phá, khi thành thất thủ, Linh Từ ở Hoàng Giang giữ gìn Hoàng Thái tử, cung phi, công chúa và vợ con của các tướng thoát khỏi giặc cướp, lại khám xét thuyền của các nhà có giấu đồ quân khí, tịch thu đưa hết đến quân. Về việc giúp nội trị cho nhà Trần thì nhiều; nhưng báo đáp cho nhà Lý thì không có gì. Thế mới biết trời sinh ra Linh Từ để cơ nghiệp nhà Trần, việc làm thì giống họ Đồ Sơn(1) dấy nhà Hạ, nhưng đức thì không có. Đạo thay đổi của trời như thế, huyền vi lắm thay!

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Linh Từ học theochí của Võ Chiếu(2) nhưng không có tài của Võ Chiếu, cho nên rốt cuộc lấy được ngôi cho Thái Tông mà mình lại về với Thủ Độ; trước sau đều mưu tính cho nhà Trần việc nội trị, với nhà Lý có gì mà phải bàn luận việc báo đáp có hay không. Sĩ Liên lại lấy việc họ Đồ Sơn dấy nhà Hạ để so sánh há chẳng là sai lầm sao? Sử cũ chép là: Linh Từ quốc mẫu Trần Thị mất, nay đổi câu văn viết: "Thái hậu nhà Lý cũ, tức là phu nhân của Trần Thủ Độ chết" là rất ghét đấy.*

Mùa hạ, tháng 6, cho Nguyên Giới Huân làm đại Hành khiển Thượng thư tả phụ; Lê Phụ Trần làm thủy quân đại tướng quân.

Mùa thu, tháng 7, bái yết Sơn Lăng, đặt quan Sơn Lăng, phong cho các cung tần của tiên đế để thờ cúng.

Tháng 9, lấy ngày sinh nhật làm tiết Hưng Thiên (theo ngày sinh nhật của nhà Trần <38b> từ khi Thánh Tông xưng là Hưng Thiên, sau đó đều lấy chữ Thiên làm hiệu, Nhân Tông là Thọ, anh Tông là Sùng, Minh Tông là Ninh, Hiến Tông là Hợi, Dụ Tông là Khánh, Nghệ Tông là Kiến, Duệ Tông là Tế, Phế Đế là Quang).

Mùa đông, tháng 10, Thượng hoàng ngự Bắc cung (tức cung Thánh Từ) trăm quan vào chầu mừng.

Canh Thân, [Thiệu Long] năm thứ 3 [1260] (Tống Cảnh Định năm thứ 1, Nguyên Thế Tổ, Hốt Tất Liệt năm thứ 1), mùa xuân, tháng 3,

(1) Họ Đồ Sơn: Vợ vua Vũ nhà Hạ sinh ra Khải.

(2) Võ Chiếu: tức Võ Tắc Thiên.

ngày mồng 1 Mậu Thìn có nhật thực. Ngày Nhâm Thìn mặt trời có hai vầng sắc vàng.

Tân Dậu, [Thiệu Long] năm thứ 4 [1261] (Tống Cảnh Định năm thứ 2, Nguyên Trung Thống năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, chọn dân đinh khoẻ mạnh ở các lộ, cho làm binh, người còn lại thì sung vào sắc dịch các sảnh, viện, cục và đội tuyển phong ở các huyện, lộ, phủ.

Thi lại viên bằng viết chữ và làm tính, những người thi đỗ được sung vào làm huyện lại ở nội lệnh sử. Các ty Thái y, Thái chúc khi khảo thí ai tinh thông nghề nào thì bổ vào chức ấy.

Mùa hạ, tháng 6, Mông Cổ sai Lễ Bộ Lan Trung là Mạnh Giáp, Viên ngoại lang Lý Văn Tuấn mang dụ thư đến (Dụ thư đại lược viết: Tất cả quan liêu, sĩ thứ nước An Nam, gồm áo, mũ, lễ, nhạc, phong tục đều theo như lệ cũ ở trong nước không phải thay đổi. Phải bảo các tướng ở biên giới không được tự tiện dấy binh cướp bóc xâm lấn biên cương, quấy nhiễu nhân dân, nhân dân nước ấy đều nên yên ổn như cũ). Bọn Giáp đến dự yến ở cung Thánh Từ. Sai Thông thị đại phu Trần Phụng Công, Chư vệ ký ban Nguyễn Thám, Viên ngoại lang Nguyễn Diễn, sang Mông Cổ để thông hiếu. Mông Cổ phong vua làm An Nam vương, ban cho 3 tấm tây cẩm, 6 tấm gấm kim thục và trao cho hổ phù, lại dụ kỳ tiến cống 3 năm nên chọn nho sĩ, thầy thuốc và người thông âm dương bói toán, các hạng thợ thuyền mỗi loại 3 người, cùng là trầm hương, tê giác, trân châu, đồi mồi, vàng bạc, ngà voi, chén sứ. Vua lại sai Viên ngoại lang là Dương An Dưỡng đến tạ ơn và xin định cống vật, xin miễn đòi các hạng người. Vua Mông Cổ đồng ý, ban cho đai ngọc, vải lụa, thuốc men, yếm xe, theo thứ bậc khác nhau.

Cho Chiêu Minh đại vương Quang Khải làm Thái úy. Khi đó, anh của vua là Quốc Khang tuổi đã lớn vì tài tầm thường cho nên không dùng mà cho Quang Khải làm Tướng.

<39b> Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Chế độ nhà Trần, các vương hầu đều ở phủ đệ thuộc các hương, đến kỳ triều kiến thì mới vào kinh, xong việc lại về phủ đệ như: Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp, Thủ Độ ở Quắc Hương, Quốc Chẩn ở Chí Linh, đến khi vào làm tướng mới nắm giữ công việc trong thiên hạ, nhưng cũng chỉ những nét đại cương thôi, còn quyền lực thuộc về quan Hành khiển. Kẻ khinh lại thành trọng, người trọng lại thành khinh. Không phải phiền đến công việc, cũng là ý bảo toàn đấy. Hơn nữa như năm Đinh Tỵ đời Nguyên Phong giặc Hồ sang cướp phá, các*

vương hầu cũng mang người nhà cùng những hương binh thổ hào ra làm lính giúp cho vua. Trong cuộc biến loạn thời Đại Định[1] *lại đem người thôn trang đi đón vua ở Long Đại, đó cũng là làm mạnh cái thế bảo vệ đấy.*

Nhâm Tuất, [Thiệu Long] năm thứ 5 [1262] (Tống Cảnh Định năm thứ 3, Nguyên Trung Thống năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, Thượng hoàng ngự đến hành cung Tức Mặc ban tiệc lớn. Các hương lão từ 60 tuổi trở lên mỗi người được ban tước nhị tư, đàn bà ban cho 2 tấm lụa. Đổi **<40a>** hương Tức Mặc thành phủ Thiên Trường, cung gọi là cung Trùng Quang, dựng cung riêng cho vua nối ngôi vào chầu ở, gọi là cung Trùng Hoa, lại dựng chùa thờ Phật ở phía Tây cung Trùng Quang gọi là chùa Phổ Minh[2].

Từ đây về sau các vua nhường ngôi đều ở cung đó. Vì thế đặt chức sắc dịch sứ ở 2 cung để hầu hạ cho đầy đủ, lại đặt quan lưu thủ để nắm giữ.

Tháng 3, ban chiếu cho các quân làm chiến khí chiến thuyền, tập trận ở 9 bãi trên sông Bạch Hạc.

Mùa hạ, tháng 6, sứ nhà Tống sang phong. Trước đó khi quân Mông Cổ đã về, ta liền sai sứ sang báo cho nhà Tống biết và cống 2 thớt voi, nhà Tống phong vua ta làm An Nam Quốc Vương,thăng Thái Thượng hoàng làm An Nam Đại vương.

Mùa thu, tháng 7, soát tù, kẻ nào khi giặc phương Bắc sang mà đầu hàng giặc thì không tha.

Nước Chiêm Thành sang cống (đến cuối đời Thánh Tông tất cả 6 lần).

Mùa đông, tháng 10, Mông Cổ sai bọn Mã Hợp Bộ 12 người sang (hỏi lễ chúc mừng).

Tháng 12, mưa to, gió lớn,

<40b> Quý Hợi, [Thiệu Long] năm thứ 6 [1263] (Tống Cảnh Định năm thứ 4, Nguyên Trung Thống năm thứ 4), mùa xuân, tháng Giêng, sai bọn Điện tiền chỉ huy sứ Phạm Cự Địa và Trần Kiều sang Mông Cổ. Khi đến nơi, vua Mông Cổ ưu đãi ban chiếu đáp lại, mới đặt ra lệ 3 năm một lần cống.

---

(1) Đại Định: Nguyên bản chữ Hán chép là "Thiên" là không đúng. Niên hiệu của Dương Nhật Lễ là Đại Định.

(2) Chùa Phổ Minh ở xã Tức Mặc thuộc huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Tháng 2, mưa đá.

Tháng 3, sét đánh điện Thiên An.

Mùa hạ, tháng 4, cho Lê Cư làm trại chủ Thanh Hoá.

Mùa thu, tháng 7, Thủ Độ đi tuần nguồn sông ở Lạng Sơn.

Tháng 9, bệnh dịch phát.

Mùa đông, tháng 11, mưa to, gió bão.

Thổ quan phủ Tư Minh nước Tống là Hoàng Bính sang quy phụ, dâng sản vật địa phương và đem theo bộ thuộc 2100 người.

Giáp Tý, [Thiệu Long] năm thứ 7 [1264] (Tống Cảnh Định năm thứ 5, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 1), mùa xuân, tháng Giêng, Trần Thủ Độ mất, thọ 71 tuổi, truy tặng Thượng Thư Thái Sư Trung Vũ Đại vương. Thủ Độ là người không có học vấn, nhưng tài lược hơn người, làm quan triều Lý được mọi người tôn trọng, Thái Tông lấy được thiên hạ đều do công sức của Thủ Độ, cho nên là chỗ dựa cho nhà nước. Khi đó có người đàn hặc vào khóc nói với Thái Tông rằng: "Bệ hạ thơ ấu mà <41a> Thủ Độ quyền hơn cả vua, như vậy xã tắc sẽ ra sao?" Thái Tông lập tức hạ lệnh xa giá đến nhà Thủ Độ mang theo cả người đàn hặc. Đến nơi vua đem hết lời của người hặc ấy nói cho Thủ Độ biết. Thủ Độ trả lời: "Quả đúng như lời người ấy nói", rồi lấy tiền lụa thưởng cho người hặc, Thái Tông từng muốn cho người anh của Thủ Độ là An Quốc làm tướng, Thủ Độ từ chối nói rằng: "An Quốc là anh của thần nếu là người tốt, tài giỏi thì thần xin thôi chức nhường cho An Quốc. Còn như cho là thần tài hơn An Quốc thì không nên cử An Quốc. Nếu anh em đều làm tướng thì việc trong triều sẽ ra sao?" Vua bèn thôi. Thủ Độ tuy làm đến Tể tướng mà tất cả mọi việc không việc gì không để ý, vì thế mà giúp nên nghiệp vương giữ được công danh cho đến trọn đời. Thái Tông có làm bài văn bia ở sinh từ để tỏ ý quý mến khác người.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Thủ Độ mất không chép chức quan là kết tội nó đấy. Có người nói: Thủ Độ là thân thích nhà vua, giúp vận nước khi mới mở mang, huân nghiệp quý trọng không ai so sánh được, thế mà không nhận sự phong tước vương, thật là thân không thể ví với Bà Liệt; sơ không thể ví với Tá Chu. Đến khi chết mới tặng. Đó ắt là vì Thủ Độ giữ trọng trách đảm đương việc nước, nhường sự yêu mến của vua mà khôngnhận, cũng là có chỗ đáng khen đấy. Có người lại nói: giết vua, thông dâm với Hoàng hậu, tội ác không gì lớn bằng. Tuy có công mở ra*

nhà Trần, biết giữ gìn khiêm tốn lui về, giữ được yên lành mà mất cũng không thể chuộc được cái tội đó, sao lại được chép chức quan để khen.

Tháng 2, sao Chổi mọc ở đông bắc.

Tháng 3, cho Khâm Thiên đại vương Nhật Hạo làm Tướng quốc Thái úy, nắm giữ việc nước. Vua muốn cho Nhật Hạo làm Thái sư, nhưng Nhật Hạo vì việc viết chữ vào mạn thuyền khi trước, lấy làm xấu hổ cố từ chối không nhận, mới phong làm Tướng quốc Thái úy.

Mùa thu, tháng 7, sao Chổi mọc ở hướng đông bắc đuôi dài suốt trời, khi đó Thượng hoàng đang ban yến cho quần thần ở điện Diên Hiền, tiệc chưa tan, thấy sao Chổi mọc ở địa phận sao Liễu, sáng rực trời, dài vài chục trượng, Thượng hoàng ra trông <42a> thấy nói rằng: "Ta xem ánh sáng rất lớn và đuôi rất dài, không phải là tai họa của nước ta. Đoạn lại truyền cho ăn xong tiệc yến. Tháng 10 năm đó, vua nhà Tống băng (sao Liễu thuộc địa phận Lâm An).

Ất Sửu, [Thiệu Long] năm thứ 8 (Tống Độ Tông Hàm Thuần năm thứ 1, Mông Cổ[1]Chí Nguyên năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, đổi Ty Bình hạc ở kinh sư làm Đại Phủ sứ. Theo chế độ xưa, An phủ sứ phải qua trị nhậm ở các lộ, đủ lệ khảo duyệt thì cho vào làm An phủ sứ Thiên Trường, người còn thừa thì khảo bổ làm Đại hình viện sự, rồi mới cho làm An phủ sứ kinh sư.

Mùa thu, tháng 7, nước to, vỡ vào phường Cơ Xá, người và súc vật chết đuối nhiều. Đại xá cho thiên hạ.

Hoàng tử Đức Việp sinh.

Bính Dần, [Thiệu Long] năm thứ 9 [1266] (Tống Hàm Thuần năm thứ 2. Mông Cổ Chí Nguyên năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, sứ Mông Cổ là Nậu Thích Đinh đến. Ta sai sứ sang Mông Cổ, Mông Cổ sai Nậu Thích Đinh sang bảo ta: "Ta trước sai sứ sang thông hiếu. Vì người làm việc mê muội không biết nghĩ lại, vì thế ta có việc dụng binh năm trước. Vua sai Dương An Dưỡng và Vũ Hoàn sang để đáp lễ. Trước đấy Ngột Lương Hợp Thai người Mông Cổ bình định nước Đại Lý rồi đem quân xâm lược phía Nam, 3 lần sai sứ mang chỉ dụ đến, đều bị ta bắt giữ, họ liền đánh Bình Lệ. Thượng hoàng phải chạy ra ngoài để lánh nạn. Quân

[1] Từ đấy đến năm Tân Mùi Thiệu Long năm thứ 14 [1271] (Tống Hàm Thuận năm thứ 7, Mông Cổ Chí Nguyên năm thứ 18) đều ghi Mông Cổ. Trước và sau đó đều ghi là Nguyên Chí Nguyên.

Mông Cổ vào kinh sư, gặp 3 người sứ trước, đưa ra khỏi ngục, thấy lạt tre trói thân thể hằn sâu vào tận da, đến khi cởi trói thì 1 người sứ bị chết, bèn thỏa ý chém giết, ở được 9 ngày, vì không chịu được nóng, bèn kéo quân về, Thượng Hoàng sai quân đón đánh. Mông Cổ, lại sai 2 người sứ trước dụ Thượng hoàng vào chầu, Thượng hoàng không nghe. Khi ta đã lấy lại được kinh thành, thấy cung khuyết bị tàn phá, rất căm phẫn sự tàn bạo của Mông Cổ, liền trói 2 người sứ rồi thả cho về. Cho nên Thích Đinh đến bảo và nói việc 2 người sứ bị trói, có lẽ là trách ta đấy ("Nậu" có bản chép là "Nạp").

Tháng 3, mở khoa thi chọn học trò, cho Trần Cố đỗ kinh Trạng nguyên, Bạch Liêu đỗ trại Trạng nguyên, đỗ Bảng nhãn (khuyết danh), Hạ Nghi đỗ Thám hoa, 47 người đỗ Thái học sĩ, cho xuất thân theo thứ bậc khác nhau (Liêu người Nghệ An, trí thông minh, nhớ lâu, đọc sách liếc mắt là được 10 dòng. Khi đó Thượng tướng Quang Khải quản châu Nghệ An, **<43a>** Liêu chỉ làm khách, không ra làm quan).

Mùa đông, tháng 10, ban chiếu cho các vương hầu đều đặt điền trang. Các vương hầu, công chúa, phò mã, cung phi đều cho phép được chiêu tập những người phiêu tán không có sản nghiệp làm nô tì, để khai khẩn ruộng hoang lập làm điền trang. Các vương hầu có điền trang bắt đầu từ đấy. (Xét sử cũ ghi chép: tháng 2 năm đó, thủy quân lộ Đồng Hải đi tuần biên, đến núi Ô Lôi mới biết được thời gian người Nguyên sang xâm lược. Nay xét: Từ năm đó là năm Bính Dần, đến năm Ất Hợi niên hiệu Bảo Phù gồm 10 năm mới thấy người Nguyên đi tuần biên giới xem địa thế. Lại từ năm Ất Hợi đến năm Nhâm Ngọ niên hiệu Thiệu Long gồm 8 năm, quân Nguyên mới xâm lược phía Nam, há lại có thể biết được thời kỳ hành quân trước mười mấy năm, hoặc là khi đó trên biên giới có sự xâm lược, nhỡ nhà viết sử bỏ không chép, cho nên đều cắt bỏ đi).

Đinh Mão**,** [Thiệu Long] năm thứ10 [1267] (Tống Hàm Thuận năm thứ 3, Mông Cổ Chí Nguyên năm thứ 4), mùa xuân, tháng 2, định lệ phong ấm cho tôn thất, chính phái ngọc diệp[1] của hoàng tông; vương hầu, công chúa phong ấm gọi là Kim chi Ngọc diệp[2], cháu ba đời được phong là quận vương, cháu bốn đời được ban tước minh tự, cháu năm đời được ban tước thượng phẩm, tước dựa theo ngũ phục đồ[3].

---

(1) Ngọc diệp: Gia phả của nhà vua.

(2) Kim chi ngọc diệp: Cành vàng lá ngọc.

(3) Ngũ phục đồ: 5 thứ tang phục có hình vẽ ở trong luật. Những người cùng 1 tông tộc để tang

Mùa hạ, tháng 4, chọn dùng các nho sinh hay chữ sung vào quán, các, sảnh, viện. Khi đó, Đặng Kế <43b> làm học sĩ viện Hàn lâm, Đỗ Quốc Tá làm trung thư sảnh trung thư lệnh, đều là những người có văn học. Theo chế độ cũ, nếu không phải là hoạn quan thì không được làm Hành khiển, chưa từng dùng những người có văn học. Người có văn học được giữ quyền bính bắt đầu từ đó.

Tháng 5, phong em là Ích Tắc làm Chiêu Quốc vương (Ích Tắc là con thứ của Thượng hoàng là người thông minh, hiếu học, thông kinh sử, lục nghệ, giỏi văn chương và những kỹ năng nhỏ không gì là không tinh xảo. Từng dựng nhà học ngay cạnh nhà để tập hợp văn sĩ bốn phương đến giảng tập, cung cấp cho họ cả cơm áo, học trò như bọn Mạc Đĩnh Chi ở Bàng Hà, Bùi Phong ở Hồng Châu tất cả 20 người đều được dùng ở đời).

Mùa thu, tháng 8, ban chiếu quy định quân ngũ, mỗi quân 30 đô, mỗi đô 80 người, chọn những người thông võ nghệ, tinh binh pháp trong tôn thất để cai quản.

Phong em là Nhật Duật làm Chiêu Văn Vương.

Mậu Thìn, [Thiệu Khánh] năm thứ 11 [1268] (Tống Hàm Thuận năm thứ 4,

Mông Cổ Chí Nguyên năm thứ 5), mùa xuân, tháng Giêng, ban chiếu cho các vương hầu tôn thất khi lui chầu thì vào nội cung hầu, vua thường bảo các tôn thất rằng: "Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông, nối nghiệp tổ tông thì nên cùng hưởng phú quý với anh em trong họ. Bên ngoài tuy lấy thiên hạ <44a>, được thiên hạ thờ phụng một người, bên trong cùng các khanh là anh em ruột thịt, buồn lo có nhau. Các khanh nên lấy câu nói ấy mà truyền cho con cháu để nhớ lâu, chớ quên, đó là cái phúc muôn đời cho tôn miếu xã tắc". Đến khi ấy ban chiếu cho các vương hầu tôn thất, xong buổi chầu thì vào nội điện và lan đình, cùng nhau ăn uống. Có khitrời tối không về, thì đặt gối dài chăn rộng liền giường cùng ngủ với nhau để tỏ lòng hữu ái. Còn những ngày lễ lớn chầu

---

nhau theo thứ tự ở trong họ.

Tang phục chia làm 5 hạng:

a/ Trảm thôi: Mặc áo sổ gấu để tang 3 năm

b/ Tư thôi hay Cơ niên: Mặc áo vén gấu để tang 1 năm.

c/ Đại công: Để tang 9 tháng.

d/ Tiểu công: Để tang 5 tháng.

đ/ Tỵ ma: Để tang 3 tháng.

mừng yến tiệc, tất phải đúng ngôi thứ phẩm cấp. Vì thế bây giờ các vương hầu không ai là không hòa thuận kính sợ, cũng không ai có lỗi về sự khinh nhờn kiêu căng ngạo mạn.

> ***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Nhà Trần đối với họ hàng thân thuộc thật hòa vui thân mật, tin yêu không hề có sự hiềm nghi. Vua tôi sống với nhau như người trong nhà, khi vô sự thì cùng nhau thù tạc xướng họa vui vẻ thân mật; khi hữu sự thì giúp sức cùng chống kẻ thù như chân tay cùng bảo vệ thân thể. Đó là chỗ tốt của phong tục, chưa có triều đại nào theo kịp* **<44b>***. Vua Thánh Tông có tư chất nhân hậu lại có học vấn nuôi dưỡng tâm tính, thường xem những lời nói trong "cơ cừu lục" ví như những bài tụng Đà mã. Toàn quy, nghĩa lý tinh vi nhập thần, ngoài racâu nào câu ấy huyền diệu, chữ nào chữ ấy thiết thực. Nếu không phải là người hiểu sâu đạo lý thì không thể có sự nắm vững được như thế. Cho nên tùy việc mà suy rộng ra thì không làm gì là không do lẽ trời. Những lời dụ "cùng lo cái lo cùng vui cái vui", những sự thân mật như "cùng gối gối dài, đắp chăn rộng" cũng đủ thấy lòng yêu quý rất chân thành, việc vui vẻ trong đạo lý làm người, hàng nghìn năm sau đó còn có thể tưởng tượng thấy được. Hiệu quả chống ngoại xâm đã thấy được ở đương thời; lời dạy thân mật với người thân thì truyền cho con cháu. Thánh Tông thật giỏi thay! Nhưng chú bác đồng đường mà dâu gia với nhau lại để yên thói hủ lậu không thay đổi được? Thay đổi cái tệ hại lưu truyền đến nỗi chung chạ cùng người ruột thịt, như vua Dụ Tông thì thật là điều không hay đối với luân sĩ. Thiết nghĩ bậc hiền tài mà như vậy thật đáng trách lắm thay.*

Tháng 6, đại hạn.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Nhật Hạo mất, thọ 44 tuổi được tặng Tướng quốc Thái Sư.

Mùa đông, tháng 10, vua vào chầu Thượng Hoàng. Vua cùng với anh là Quốc Khang đùa nhau trước mặt Thượng Hoàng, Quốc Khang múa kiểu người Hồ, Thượng hoàng cởi áo bông đương mặc ban cho Quốc Khang. Vua cũng múa kiểu người Hồ để xin áo. Quốc Khang nói: "Cái quý nhất là ngôi Hoàng đế, hạ thần không dám tranh với chú hai. Nay đức chí tôn cho thần vật nhỏ này mà chú hai lại muốn cướp lấy chăng?". Thượng Hoàng cả cười nói: "Mày coi ngôi vua với áo thường này không hơn kém nhau", rồi cho Quốc Khang cái áo ấy, họ thỏa chí vui đùa rồi về.

Đói to.

Phó sứ Mông Cổ là Hốt Lăng Hải Nha đến dụ về việc biên giới, Trương Đình Trần làm sứ phó. Khi đến nơi vua ta nhận chiếu nhưng không lạy, thế rồi Trung thư sảnh của Mông Cổ đưa tờ điệp đến nói về việc ấy và dẫn nghĩa *Kinh Xuân Thu* để trách vua ta. Vua sai người viết thư trả lời rằng: "Vua nước chúng tôi không thể có lễ ngang hàng với sứ thần, hơn nữa tục của nước khi nhận chiếu thì để ở điện chính, sau đó lui vào nhà riêng đó là lệ cũ. Tờ điệp thư sau của Mông Cổ cho rằng người của vua tuy nhỏ, nhưng **<45b>** mệnh của vua trọng, chiếu trước cho rằng mọi người đều có tục lệ riêng, không muốn bỗng chốc thay đổi, cho nên cho phép dùng tục của nước mình, há cho là không lạy chiếu là theo tục đâu. Cuối cùng vua không nghe.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Dụ thư năm trước của Mông Cổ có nói: áo, mũ, lễ, nhạc phong tục trăm việc đều theo lệ cũ của mình, vua ta cố ý không lạy chiếu, cứ giữ lời là phải theo lễ tục,lại không chịu cung lễ ngang hàng với sứ thần để nêu rõ sự nghiêm trọng. Đương lúc nước Mông Cổ mạnh dữ hung ác, luôn có ý muốn nước Nam. Vua ta vì quốc thể không chịu khuất phục chút nào, có thể gọi là anh hùng đấy, cuối cùng 2 lần đánh bại được bọn giặc giảo hoạt, để thành sựnghiệp Trung hưng làđáng lắm thay! Vậy nên ghi cả lại.*

Kỷ Tỵ, [Thiệu Long] năm thứ 12 [1269] (Tống Hàm Thuần năm thứ 5, Mông Cổ Chí Nguyên năm thứ 6), mùa hạ, tháng 5, đất nứt sao sa.

Tháng 6, hạn, soát tù, trời mưa. Đến mùa thu, tháng 7 dân mới cày cấy được.

Tháng 8, mưa to.

Tháng 9, phong Quốc Khang làm Vọng Giang phiêu kỵ đô Thượng Tướng quân.

Mùa đông, tháng 10, được mùa nhỏ.

Tháng 12, sứ Mông Cổ đến bảo vua ta phải thân vào chầu gửi con làm tin, nộp sổ dân số, đóng góp quân dịch, nộp phú thuế, đặt người cai trị, gồm 6 việc, vua đều không theo, mà sai Lê Đà, Đinh Cũng Viên sang Mông Cổ.

Canh Ngọ, [Thiệu Long] năm thứ 13 [1270] (Tống Hàm Thuần năm thứ 6, Mông Cổ Chí Nguyên năm thứ 7). Mùa thu, tháng 7, nước to.

Tháng 9, vua ngự đến hành cung Thiên Trường.

Tân Mùi, [Thiệu Long] năm thứ 14 [1271] (Tống Hàm Thuần năm thứ 7, Mông Cổ Chí Nguyên năm thứ 8), mùa xuân, tháng giêng, soát tù.

Tháng 2, ngày mồng 1, động đất.

Tháng 3, phong Quang Khải làm Tướng quốc Thái úy, nắm giữ công việc trong thiên hạ.

Mùa đông, tháng 11, Mông Cổ sai Sứ đến. Khi đó Mông Cổ đổi quốc hiệu là nước Nguyên, sai sứ đến bảo vua sang chầu, vua từ chối vì có bệnh không đi.

<46b> Nhâm Thân, [Thiệu Long] năm thứ 15 [1272] (Tống Hàm Thuần năm thứ 8, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 9), mùa xuân, tháng Giêng, Hàn Lâm viện học sĩ kiêm Quốc Tử viện Giám sử Lê Văn Hưu dâng sách *Đại Việt sử ký*. Văn Hưu phụng sắc biên chép sử từ Triệu Vũ Đế đến Lý Chiêu Hoàng gồm 30 quyển, đến lúc đó thì sách làm xong dâng lên, vua ban chiếu khen ngợi.

Mùa hạ, tháng 4, nhà Nguyên sai sứ là Ngột Lương sang hỏi về địa giới cột đồng cũ. Vua sai Viên ngoại lang là Lê Kính Phu hội khám, nói rằng: Nơi Mã Viện dựng cột đồng qua nhiều năm đã mai một không còn tung tích gì.

Tháng 6, mặt trời lay động (ngày 23 giờ Mùi).

Sai Đồng tử Đỗ Dã Mộc sang nước Nguyên (xét khi đó nhà Nguyên đòi nước ta phải nộp các hạng người. Đỗ Dã Mộc có lẽ là trúng khoa thần đồng cho nên được tuyển lựa).

Mùa đông, tháng 10, ban chiếu tìm người hiền tài hiểu rõ kinh nghĩalàm Quốc Tử Tư Nghiệp, người có thể giảng ý nghĩa tứ thư, ngũ kinh, vào hầu nơi vua học.

Quý Dậu, Bảo Phù năm thứ 1 [1273] (Tống Hàm Thuần năm thứ 9, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 10), mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1 đổi niên hiệu.

<47b> Tháng 3, sét đánh ngoài cửa Đại Hưng 7 chỗ.

Mùa đông, tháng 10, cho Nhân Túc vương Toản làm Nhập nội phán đại, Tông chính phủ Đại tông chính.

Giáp Tuất, [Bảo Phù] năm thứ 2 [1274] (Tống Hàm Thuần năm thứ 10, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 11), mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, người Tống sang theo ta. Khi đó nước Tống ở riêng về phía Lâm An, người Nguyên luôn luôn đến xâm lấn, đến bấy giờ

người Tống đem 30 chiếc thuyền chở vợ con và của cải vượt biển đến Cát La Nguyên, đến tháng 12 dẫn về kinh, an trí ở phường Giai Tuân, gọi là Hồi Kê. (Người Tống thường lấy vóc đoạn, thuốc men, mở chợ buôn bán, người nước ta thường gọi nước Tống là Kê Quốc cho nên mới gọi là: Hồi Kê).

Tháng 12, sách phong Hoàng trưởng tử Khâm làm Hoàng Thái tử. Cưới con gái lớn của Hưng Đạo Vương lập làm phi của Thái tử.

Chọn nho sĩ trong nước, những người có đức hạnh vào hầu Đông cung choLê Phụ Trần làm Thiếu sư kiêm chức Sư cung giáo thụ. Lấy bọn Nguyễn Thánh Huấn, Nguyễn Sĩ Cố" sung chức Nhập thị học sĩ. Vua thân **<47b>**viết thư để dạy Hoàng tử và làm 2 quyển *Di hậu lục* để ban cho.

Ất Hợi, [Bảo Phù] năm thứ 3 [1275] (Tống Cung Đế Đức Hựu năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 12), mùa xuân, tháng giêng, mở khoa thi chọn học trò, cho Đào Tiêu đỗ Trạng nguyên, Quách Nhẫn đỗ Thám hoa, 27 người đỗ Thái học sinh. Trước đây 2 khoa Bính Thìn và Bính Dần phân ra kinh trại đến khi ấy lại hợp làm một (đỗ Bảng nhãn không rõ tên).

Người Nguyên hạ được thành đô nước Tống, kéo quân tràn xuống biên giới phía Bắc nước ta.

Mùa hạ, tháng 6, ngày Canh Tý mồng 1, có nhật thực.

Mùa đông, tháng 11, sai Lê Khắc Phục và Lê Tuý Kim sang nước Nguyên. Trước đó người Nguyên cho Điệp Thức Niết làm chức Đạt lỗhoa xích đến giám sát nước ta, liền lại thay Nạp Thích Đinh làm chức ấy. Khi vua mới lên ngôi, sai Dương An Dưỡng dâng 3 tờ biểu; 1 là định vật tiến cống; 2 là miễn đòi các hạng người, 3 là xin cho nhận Thích Bình Trường làm chức Đạt lỗ hoa xích, vua Nguyên đồng ý. Sau lo Nạp Thích Đinh thông tình với ta, không biết được động tĩnh của ta, **<48a>** lại sai đặt lại. Vua sai đưa tờ biểu sang nước Nguyên nói: "Nước chúng tôi nay đã được phong mà lại đặt chức Đạt lỗ hoa xích để giám sát, hành động bị gò bó và bị chèn ép. Hơn nữa chức Đạt lỗ hoa xích có thể đặt ở những nước mọi rợ nhỏ bé, xin thay quan khác đổi làm Dẫn tiến sứ, cho khỏi bị Đạt lỗ hoa xích quấy nhiễu. Vua Nguyên không cho và lấy 6 việc trách ta. Vua sai bọn Lê Đà sang Nguyên xin miễn. Đến khi ấy vua Nguyên có ý muốn xâm lược phương Nam lại trách hỏi về 6 việc trước, muốn làm đầu mối gây binh đao, lại cho quân tuần tra xem xét địa thế. Các tướng thần ở biên giới phía Bắc chạy trạm tấu tình hình, cho nên mới sai bọn Khắc Phục sang giải quyết việc đó.

Bính Tý, Bảo Phù năm thứ 4 [1276] (Tống Đức Hựu năm thứ 2, từ tháng 5 trở về sau là Tống Đoan Tông, Cảnh Viêm năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 13), mùa xuân, tháng 2, sai Đào Thế Quang sang Long Châu, mượn tiếng đi mua thuốc để thăm dò tình hình người Nguyên.

Tháng 3, trong mặt trời có chấm đen to bằng quả trứng gà, nó lay động hồi lâu.

Có sao đấu nhau ở giữa **<48b>** trời, một ngôi sa xuống.

Mùa hạ, tháng 4, sứ nước Nguyên là Hợp Tán Nhi Mâu sang, lại dụ về 6 việc, vua đều không nghe, mới sai bọn Trung thị đại phu Chu Trọng Ngạn và Trung lượng đại phu Ngô Đức Thiệu sang nước Nguyên, (sử cũ chép: Nguyên Thế Tổ đánh được Giang Nam, sai sứ sang dụ ta phải điều dân giúp quân gồm 6 việc. Xét ra người Nguyên đòi ta 6 việc đều chép vào năm Thiệu Long thứ 13, chứ không phải là bình định Giang Nam đòi hỏi ta phải điều dân, giúp quân cũng không phải đến khi đó mới dụ, cho nên đính chính lại).

Mùa thu, tháng 9, Hoàng trưởng tôn Thuyên sinh, lập làm Hoàng Thái tôn. (Sử cũ chép: không bao lâu lập Hoàng Thái tử. Xét năm đó là năm Bính Tý, đến năm Bính Dần, Nhân Tông mới được nhường ngôi, gồm 3 năm, thì việc lập Thái tử phải vào sau việc Nhân Tông được nhường ngôi. Nay Nhân Tông còn đang là Thái tử mà Hoàng trưởng tôn không bao lâu lại lập làm Thái tử. Nói về lý thì đáng ngờ, vậy đính chính lại).

Đinh Sửu, [Bảo Phù] năm thứ 5 [1277] (Tống Cảnh Viêm năm thứ 2 Nguyên Chí Nguyên năm thứ 14), mùa xuân, tháng 2, vua thân đi đánh người Man Liêu ở động Nam Bà La, bắt sống bè đảng của họ hơn nghìn người đem về.

Mùa hạ, tháng 4, Thượng hoàng băng ở cung Vạn Thọ. Theo chuyện cũ: Buổi sáng Thượng hoàng băng thì đánh chuông. Con gái của Thượng hoàng là công chúa Thiều Dương đã **<49a>** gả cho Thượng Vị Văn Hương hầu, nhiều lần sai người đến thăm hỏi, những người hầu gần đều trả lời là Thượng hoàng đã bình phục. Ngày Thượng hoàng băng, công chúa đang ở cữ, nghe tiếng chuông đánh liên hồi kinh hãi nói: "Thượng hoàng mất chăng? " Những người hầu bên cạnh nói dối, công chúa vẫn không nghe, cứ thương khóc kêu gào rồi chết, người trong nước ai cũng thương. (Trước kia, khi vua Thái Tông đã đi tu thì việc thờ Phật càng chu đáo. Tất cả những chùa ở kinh sư và các chùa Quỳnh Lâm, Hoa Yên đều mở đàn làm chay, các nhà sư thường có tới 500 người). Quốc sứ nước

Tống là Tống Đức Thành thường đi thuyền vượt bể mà đến. Vua dạo chơi chùa Chân Giáo, mời vào nói chuyện, Đức Thành hỏi về lễ Phật Thích Ca tế độ người, vua xem câu kệ rằng:

"Thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt,

Vạn lý vô vân vạn lý thiên"

(Nghìn sông có nước thì nghìn sông có trăng; Vạn dặm không có mây thì vạn dặm thấy trời). Đức Thành lại đem việc Thế Tôn đắc đạo và tu hành chứng lý có hay không, cùng nhau biện luận, vua liền trả lời nhanh như tiếng vang đều thành vần thơ nhã như những câu:

"Xuân vũ vô cao hạ,

Hoa chi tự đoản trường".

(Mưa xuân không kể chỗ cao chỗ thấp, Cành hoa tự nhiên có cành dài cành ngắn) và câu:

"Mạc vị vô tâm vân thịđạo, vô tâm do cách nhất trùng quan"

(Đừng bảo vô tâm tức là đạo, vô tâm còn cách một lần cửa nữa mới tới đạo). Đức Thành lại bảo: "Các bậc Đế vương khi đã giác ngộ đạo thì được nhân duyên gì?". Vua nói: "Ta và người như dậu mộc cùng có tính hoả, hơn nữa đạo chỉ có một mà thôi, phóng ra thì như trời đất vô cùng, thu lại thì đầu cái lông có thể chứa được. Người ta ai cũng có chất sáng suốt trong mình, như mùa xuân đến thì hoa tự nhiên nở". Đức Thành phục vua là người giác ngộ, bái tạ rồi xin về.

Xét sách cũ: Thái Tông thường đến ngự đường, bỗng thấy con rết bò trên áo ngự, Thái Tông kinh ngạc lấy tay phủi đi, con rết rơi xuống đất có tiếng kêu, nhìn ra thì đó là cái đinh sắt, nhân bói xem thì nói rằng: Đó là điềm về năm Đinh. Vua lại thường đùa sai Minh Tự Nguyễn Mặc Lão dùng phép quan sát bên trong để nghiệm xem đó là điềm lành hay dữ. Mặc Lão lấy những điều biết được tâu rằng: "Thấy một cái hòm vuông bốn mặt đều có chữ nguyệt, trên hòm có một cái kim và một cáilược. Thái Tông lập tức lý giải ra rằng: hòm tức là hòm quan tài, bốn bên có chữ nguyệt tức là tháng 4, cái kim có thể cắm vào vật, đó là điềm nhập quan tài, chữ "sơ" là cái lược đồng âm với chữ "sơ" là thưa có lẽ là xa rời các người đấy". Khi đó trò múa rối, thường có câu hài hước: chóng đến ngày mồng 1 thay phiên. Thái Tông lại đoán: "Đó là điềm, ngày mồng 1 ta chết". Đến khi băng thì ngày, tháng, năm đều phù hợp. Hoặc giả vua Thái Tông đến cuối đời Phật học tiến tới, tinh vi, cho nên khi

mất ngẫu nhiên có sự biết trước được, chỉ mượn việc chiêm nghiệm mà nói ra thôi. Còn về tư thông minh học cao biết rộngqua đó cũng có thể thấy được.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Điềm lành hay điềm gở chỉ có người thành tâm mới có thể biết trước được. Cho nên* ***Đại truyện Kinh Dịch****có nói: "Tượng sự tri khí, chiêm sự tri lai hư" (hình dung được sự vật thì biết chế tạo khí cụ, chiêm đoán được sự việc thì biết tương lai), nhưng tất cả phải sau khi suy nghĩ nghiền ngẫm trong lòng mình, Thái Tông đoán biết những ngày sau là chiêm nghiệm được sự việc đấy. Nếu không phải là người biết rõ lẽ, lòng thành kính, chỉ nhân sự việc mà đoán mà để khẳng định, thì chưa có ai không chuốc tai họa về sau. Đó là sự khác nhau giữa cái học về sấm, ký, thuật số với cái học của Thánh hiền đấy chăng?*

<50a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Công chúa mất theo lệ thì không chép, nhưng nết hiếu thảo của Thiều Dương công chúa là đáng chép. Cho nên vẫn theo tập sách cũ mà chép ngay ở dưới phần Thượng hoàng băng là để khen công chúa đấy.*

Tháng 9, nước to, đất nứt 7 trượng, súc vật và cả sâu bọ chết nhiều.

Mùa đông, tháng 10, chôn cất ở Chiêu Lăng, đặt niên hiệu là Thái Tông, thụy là Thống Thiên Ngự Cực Long Công Mậu Đức Hiển Hòa Hựu Thuận Thần Văn Thánh Võ Nguyên Hiếu Hoàng đế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Dụ Tông có thơ khen Thái Tông rằng:*

"Đường Việt khai cơ lưỡng Thái Tông,
Bỉ xưng Trinh Quán ngã Nguyên Phong.
Kiến Thành[1] tru tử, An Sinh[2] tại,
Miếu hiệu tuy đồng đức bất đồng".

Dịch nghĩa:

Gây nghiệp Việt, Đường, hai Thái Tông,
Họ xưng Trinh Quán, ta Nguyên Phong.
Kiến Thành bị giết, An Sinh sống,
Miếu hiệu như nhau, đức chẳng đồng.

---

(1) Kiến thành là anh của vua Thái Tông nhà Đường. Sau khi vua cha là Lý Cao Tổ mất. Kiến Thành bị em là Lý Thế Dân giết để đoạt ngôi.

(2) An Sinh là thực ấp của Trần Liễu. Sau khi Trần Liễu chết được phong tước cương. Nhân đất phong mà gọi là An Sinh vương.

Đạo đức của Thái Tông sở dĩ được thế, tuy tấm lòng hiếu hữu bắt nguồn từ tính trời. Nhưng cũng do Linh Từ quốc mẫu điều hoà. Còn việc cướp vợ của anh **<50b>** cũng do Linh Từ và Thủ Độ. Vậy Thái Tông mắc vào tội lỗi là do có người dẫn dắt. Đó là vì Thái Tông tuy có tư chất tốt đẹp trời phú nhưng chưa có học thức. Đến khi tuổi cao, hiểu rõ lẽ phải, đức ngày một tiến là đã hiểu được đạo học của Thánh hiền đấy.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Sử thần Phan Phu Tiên bàn: Thái Tông cướp vợ của anh nhưng không giết chết anh; Có lẽ là bản án cố định không thay đổi được, Sĩ Liên đã biết Linh Từ gây nên tội ác, không thể không điều giải khiến cho hòa thuận, mà nhiều lần đem việc đó quy công cho Linh Từ và dẫn thơ của Dụ Tông làm chứng, mà rất tán dương đạo đức của Thái Tông. Kể ra Dụ Tông ca tụng phiếm tổ tông của mình há đủ làm bằng cứ? Trần Thái Tông cướp vợ của anh; Đường Thái Tông lấy vợ của em. Vậy đạo đức tội ác đều như nhau cả; còn có hơn kém gì mà đáng nói đâu!*

<51 a> Mậu Dần, [Bảo Phù] năm thứ 6 [1278] Tống Cảnh Viêm năm thứ 3, từ tháng 5 về sau là Đế Bính Tường Hưng năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 15), mùa xuân, tháng 2, có bệnh dịch lớn, kinh thành bị cháy.

Phong con thứ là Đức Việp làm Tá Thiên Đại Vương.

Tháng 3, Hoàng hậu cũ của Thái Tông là phu nhân của Lê Phụ Trần Lý Thị mất (Lý Thị đã giáng làm công chúa gả cho Phụ Trần hơn 20 năm, sinh con trai tước Thượng Vị hầu Tông; con gái là Ứng Thụy công chúa Khuê, đến khi ấy thì mất, thọ 61 tuổi. Nay ở đầm Minh Châu thuộc Bắc Giang có một hòn đá lớn ở giữa. Đời truyền rằng Chiêu Hoàng đội đá nhảy xuống đầm mà chết, trên bờ có miếu Chiêu Hoàng, có lẽ người bản xứ ngoa truyền ra thuyết ấy, cũng chép cả vào).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Vận nhà Lý không thịnh, contrai ngông cuồng, con gái dâm dục. Chiêu Hoàng sống cẩu thả nhẫn nhục, sánh đôi không vừa lứa, khái quát cách làm người tất không phải là người đội đá nhảy xuống đầm như lời người đời truyền lại. Sử cũ chép là hoăng, ở đây đổi lại lời văn, mà chép Hoàng hậu cũ của Thái Tông, là phu nhân của Lê Phụ Trần, Lý Thị mất khinh Chiêu Hoàng là để chê Thái Tông đấy.*

Tháng 6, có ngôi sao lớn sa về phía Nam rơi xuống biển, hơn nghìn sao nhỏ rơi theo có tiếng vang như sấm **<51b>** vài khắc mới thôi.

Mùa thu, tháng 8, động đất 3 lần, trâu bò gia súc chết.

Mùa đông, tháng 10, vua nhường ngôi cho Hoàng Thái tử, Thái tử lên ngôi, xưng là Hiếu Hoàng, tôn hiệu Thượng hoàng là Quang Nghiêu Từ Hiếu Thái Thượng Hoàng đế, tôn Thiên Cảm Hoàng hậu làm Nguyên Thánh Thiên Cảm Hoàng Thái hậu. Quần thần dâng tên hiệu vua là Pháp Thiên Ngự Cực Anh Liệt Vũ Thánh Nhân Minh Hoàng đế.

Sứ Nguyên là Sài Thung sang, vua nghe tin Thái Tông băng, có ý muốn lấy lại nước ta, bèn sai Lễ bộ Thượng thư Sài Thung sang sứ, lấy cớ là vua ta không xin mệnh lệnh mà tự lên ngôi và bảo phải sang chầu. Khi đó sứ nước ta là Lê Khắc Phục từ nước Nguyên về, gặp quân Nguyên đánh nhà Tống, nên phải đi theo đường Hồ Quảng về nước. Thung cùng đi với Khắc Phục, sang nước ta. Khi đến, vua ta sai bày yến tiệc dưới hành lang để xem ý tứ của Thung; Thung không vào dự tiệc, bèn sai Phạm Minh Tự dẫn về quán, ngày hôm sau mới đổi nơi đặt yến tiệc ở điện Tập Hiền, nhân nói rằng: "Ta sinh trưởng trong cung không quen phong thổ nên chưa vào yết kiến được". Thung bèn về. Vua sai Phạm Minh Tự, Trịnh Đình Toàn, Đỗ Quốc Kế sang nước Nguyên và dâng nhà Nguyên 2 thớt voi thuần. Các bầy tôi nhà Nguyên xin đưa quân xuống phía Nam, vua Nguyên chưa quyết định, bèn giữ Đình Toàn không cho về, Thung tức Sài Trang.

NHÂN TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua tên húy là Khâm, con trưởng của Thánh Tông. Mẹ là Thiên Cảm Hoàng hậu. Ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm, thọ 51 tuổi, băng ở am Ngọc Vân, núi Yên Tử, mang về táng ở Đức Lăng. Vua là người nhân từ, hòa nhã, cố kết lòng dân, phục hưng sự nghiệp, làm vẻ vang đời trước, thực là bậc vua giỏi của nhà Trần. Song để lòng vào kinh Phật, tuy nói là siêu thoát, nhưng đó không phải là đạo trung dung của bậc Thánh nhân).

Kỷ Mão, Thiệu Bảo năm thứ 1 [1279] (Tống Tường Hưng năm thứ 2, năm đó nhà Tống mất, tức Nguyên Chí Nguyên năm thứ 16), mùa xuân, tháng giêng ngày mồng 1, đổi niên hiệu, đại xá cho thiên hạ.

Nước Chiêm Thành sai Chế Năng và Tra Diệp sang cống. Bọn Chế Năng xin ở lại làm nội thần, vua không nhận. Lập phi là Trần Thị làm Hoàng hậu.

Người Nguyên đánh quân Tống ở Nhai Sơn(1), đánh bại được quân Tống. Tả thừa tướng nhà Tống là Lục Tú Phu cõng vua Tống nhảy xuống biển chết, cung tần và các bề tôi chết theo rất nhiều. Qua 7 ngày xác nổi lên mặt biển đến hơn 10 vạn người **<52a>**. Xác vua Tống cũng ở đấy, ứng với điềm sao sa xuống biển đấy. Năm đó nhà Tống mất.

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn**: Trong khoảng trời đất, chỉ có hai khí âm và dương mà thôi. Người làm vua gây được khí trung hòa thì trời đất sẽ yên ổn, vạn vật phát dục và khí tiết điều hoà. Nếu khí âm thịnh mà can phạm đến khí dương thì trời đất tất vì thế mà báo rõ việc biến. Cho nên đã có tai biến xuất hiện trước, thì điềm ứng nghiệm theo sau. Đương lúc bấy giờ, nào nhật thực, nào mặt trời lay động, đất nứt, mưa đá, sao sa đều do khí âm thịnh can phạm khí dương, đó là điềm nếu không phải tôi con mưu hại vua cha thì là Di Địch xâm lấn Trung Quốc. Phàm những người làm vua kính cẩn sự răn đe của trời, hết lòng vì việc của người, đó là cái đạo vãn hồi tai biến của trời đấy. Nhà Tống đã không thể vãn hồi được tai biến của trời, mà nước Việt ta liền cũng bị rợ Hồ xâm lược, may mà vua tôi hiệp mưu, quân dân hết sức; cuối cùng trừ được giặc phương Bắc và thành võ công đại định. Cho nên nói: kính cẩn sự răn bảo của trời, làm hết phận sự của người là đạo vãn hồi tai biến của trời đấy.*

<53a> Mùa đông, tháng 10, lấy ngày sinh nhật làm tiết Thọ Thiên.

Canh Thìn, [Thiệu Bảo] năm thứ 2 [1280] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 17), mùa xuân, tháng giêng, ban hành thước công cộng (thước đo gỗ và thước đo lụa cùng một kiểu).

Tháng 2, xét duyệt và định ra sổ đinh và các sắc dịch trong thiên hạ.

Mùa đông, tháng 10, được mùa lớn, lúa ruộng ở Trà Kiều thuộc Khoái Lộ 1 giò 2 bông.

Hạ mệnh cho hoạn quan là Trần Hùng Thao kiêm chức quan Kiểm pháp. Khi đó em của Đỗ Khắc Chung là Thiên Thư kiện nhau với người ta, tình lý đều trái, người đó đón xe vua để kêu bày. Vua hỏi quan cai ngục, quan trả lời: "Án xử đã xong nhưng hình quan còn thoái thác chưa chuẩn định đó thôi". Vua nói: "Đó là vì sợ Khắc Chung đây". Lập tức ngay giữa đường đi, sai quan Nội Thụ Hỏa Thánh Chưởng là Trần Hùng

---

(1) Nhai Sơn: Thuộc tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Thao kiêm chức Kiểm pháp quan, để xét xử thì Thiên Thư quả nhiên là trái. Quan áo xanh được chức Kiểm pháp, bắt đầu từ Hùng Thao (áo xanh gọi là hoạn quan).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:*Người kiện có điều oan uổng mà đượcdễ dàng kêu bày; hình quan để chậm án kiện* **<53b>***không thấy có lời hỏi trách;hoạn quan nội thần lại cử làm chức pháp quan, vua làm việc này có 3 điều sai theo nó, nhưng tình dân được thấu lên trên. Việc trị dân thà sai vì rộng rãi để cho việc kiện đọng lại được giải quyết, cũng thấy được lòng trung hậu của nhà vua.*

Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Quá lắm thay! Việc nhỏ cũng không thể không cẩn thận đấy. Nếu những việc cần giải quyết trước mắt mà không cẩn thận ở những chỗ rất nhỏ thì cuối cùng nó sẽ truyền tệ hại đó đến mức nào. Nhân Tông cho rằng: Thiên Thư cậy thế, pháp quan xử kiện chậm trễ, dân phải ngậm oan lâu ngày không được xét rõ, ngay lúc ấy mà sai giải quyết thực là đúng đấy. Nhưng muốn giải quyết thì các quan khanh tướng trong triều há không có người nào đáng làm việc đó hà tất phải sai Trần Hùng Thao? Một vụ kiện mà chưa được xử lý, một người dân chưa được có nơi ăn chốn ở, nhưng không đáng làm cho nặng nhẹ, thì quyền bính dần dần di chuyển, quan lại gian tà dần dần nổi lên, một khi nguồn đã khơi ra thì dòng nước chảy sẽ không thể ngăn lại được. Ôi! cũng đáng sợ đấy. Kinh Dịch* **<54a>***có nói: Đấng quân tử khi làm việc phải mưu tính từ ban đầu. Sử chép: hoạn quan làm chức Kiểm pháp bắt đầu từ Hùng Thao đó là chê Nhân Tông đấy.*

Trịnh Giác Mật ở đạo Đà Giang làm phản. Vua sai Chiêu Văn vương Nhật Duật dụ hàng. Khi đó Nhật Duật coi giữ đạo Đà Giang, đem quân của mình đến nơi, Trịnh Giác Mật sai người đến quân doanh thành khẩn nói rằng: "Mật không dám trái mệnh nếu ân chúa một mình cưỡi ngựa đến, Mật lập tức xin hàng". Nhật Duật nhận lời đem theo năm, sáu tiểu đồng đến thẳng trại. Quân sĩ ngăn lại, Nhật Duật nói: "Nếu nó phản bội ta, thì triều đình còn có vương khác đến, đừng lo". Khi đến nơi người Man dàn vây mấy chục dặm, đều cầm khí giới hướng vào, Nhật Duật điềm nhiên vào thẳng, Mật mời ngồi. Nhật Duật thông hiểu tiếng nói và mọi phong tục của người Man, cùng với Mật ăn bốc bằng tay, uống nước bằng mũi, người Man rất thích. Khi Nhật Duật trở về, Mật đem cả gia thuộc đến quân doanh đầu hàng, mọi người đều mừng và kính phục,

không mất một mũi tên mà **<54b>** dẹp được Đà Giang. Khi về kinh sư, đem Mật cùng vợ con của nó vào yết kiến vua, vua rất khen, rồi cho Mật trở về, giữ con của Mật ở lại kinh sư, Nhật Duật rất yêu quý vỗ về, xin triều đình phong tước cho. Vua ban cho tước Thượng phẩm, vào hầu ở ao nuôi cá, rồi sau cũng cho về.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Nhật Duật cùng với tiểu đồng đến chỗ Giác Mật, có phong thái của Tử Nghi nhà Đường một mình cưỡi ngựa đến Hồi Ngột, có lẽ Nhật Duật danh vọng vốnđược trọng và lòng tín nghĩa vốn được tin, nên kẻ địch bất giác phải khuất phục. Sự xảo trá không dám đặt ra, sự hung bạo không dám thi thố. Sở dĩ thắng được kẻ phản mình vì nhờ vào phong thái và cách nói năng. Nếu không canh gác, không phòng bị cẩn thận mà cầu may là kẻ địch không lừa dối mình. Việc làm như thế mà không hỏng hoặc không chuốc lấy điềm xấu về mình thì ít lắm. Việc làm của Nhật Duật không phải là phép đúng đắn của người làm Tướng.*

<55a> Tân Tỵ, [Thiệu Bảo] năm thứ 3 [1281] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 18), mùa xuân, tháng giêng, Hoàng tử Quốc Chẩn sinh. Sai Trần Di Ái, Lê Mục, Lê Tuân sang nước Nguyên. Nhà Nguyên trao quan tước cho bọn Di Ái, sai Sài Thung đem quân đưa về. Trước đây trọng niên hiệu Thiệu Long vua Nguyên nhiều lần sai sứ dụ Thượng Hoàng tự mình vào triều kiến. Thượng Hoàng sai quan thảo biểu nói: đợi ban chức chỉ rồi lập tức sai con em sang làm con tin. Đến khi ấy lại dụ vua vào chầu. Vua chọn Di Ái là người tôn thất sai đi, Di Ái sang đến nước Nguyên, vua Nguyên giận là sai chú sang yết kiến thay, bèn lập Di Ái làm vương, cho Mục làm Hàn lâm học sĩ, Tuân làm Thượng thư, sai Sài Thung đem hàng nghìn quân bảo vệ đưa về nước. Thung kiêu ngạo vô lễ, cưỡi ngựa đi thẳng vào cửa Dương Minh, quân sĩ ở Thiên Trường ngăn lại, Thung lấy roi ngựa đánh họ bị thương ở đầu. Khi đến điện Tập Hiền thấy chăng bày màn trướng mới xuống ngựa. Vua sai Quang Khải đến quán tiếp đãi, Thung nằm không chịu ra, Quang Khải đi thẳng vào trong phòng, Thung vẫn không dậy. **<55b>** Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn nghe thấy việc đó, xin được đến quán xem Thung làm gì. Khi ấy Quốc Tuấn đã cạo đầu, mặc áo vải làm theo hình dáng vị hòa thượng ở phương Bắc, Thung bất giác đứng dậy, vái chào, mời ngồi, mọi người đều kinh ngạc. Khi đã ngồi yên rót chè cùng ngồi uống, người theo hầu Thung cầm cái tên đứng sau Quốc Tuấn, chọc vào đầu Quốc Tuấn chảy máu ra,

sắc mặt Quốc Tuấn vẫn không thay đổi. Khi về Thung tiễn ra đến cửa (Di Ái là chú họ của vua. Theo sử phương Bắc trước đây, vua Nguyên nhiều lần sai sứ dụ vua vào chầu, vua ta đều không nghe. Vua Nguyên lại sai sứ sang dụ rằng: Nếu như quả thực không tự mình đến, thì nên đem vàng bạc châu báu sang thay và đem những bậc hiền sĩ, những thợ giỏi mỗi loại 2 người kèm theo, vua sai bọn Di Ái sang chầu. Vua Nguyên lập ty Tuyên phủ cho Bốc Nhan Thiếp Mộc Nhi làm sứ rồi đặt riêng quan giúp việc, vua vẫn chống lại không nhận, vua Nguyên bèn lập Di Ái làm An Nam quốc vương, đem hàng nghìn quân mới theo đưa về nước, vua ta giết đi. Việc này khác một chút so với quốc sử cũng chép vào để phòng khi tham khảo).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Người Nguyên diệt 40 nước, rồi đến Tây Hạ dẹp nước Kim, lấy nước Tống, dễ như phủi bụi, dùng binh uy hết sức mong nuốt chửng được nước Nam Giao của ta* ***<56a>*** *mới sướng. Bọn sứ nó sai sang kẻ trước, người sau nối tiếp lẫn nhau, bọn chúng đều kiêu căng ngạo mạn xem thường nước ta. Nếu như có một chút tự hạ thấp mình, sẽ khiến bọn nó biết vua tôi cả nước không ai có thể làm gì được, thì dù bắt sống Ô Mã Nhi, đánh bại Thoát Hoan, giết chết Hốt Tất Liệt cuối cùng quân nó vẫn không ngớt kéo xuống phía Nam. Sứ nước Nguyên có Lý Tư Diễn thường sang sứ nước ta, dụ vua ta vào chầu. Khi đến, Tư Diễn nói: "Bề tôi nước lớn không lạy vua nước nhỏ, là lễ đấy", các người tả hữu đều thất sắc, vua vẫn thung dung cười mà nói rằng: "Kính vua nước ấy mà kính lan đến người sứ nước ấy đó cũng là lễ đấy" rồi làm lễ ngang nhau, do đó có thể biết được, trước đây sứ phương Bắc đến nước ta, cùng với vua ta có nghi thức bái đáp và lời vua ta đối đáp với Lý Tư Diễn khi cương khi nhu rất hàm súc, càng làm, mạnh thế thống của nước. Lại có Hoàng Thường cũng vì mệnh đi sứ mà đến, đến cửa Thừa Thiên nó không xuống ngựa, khi quân ta quát dừng lại, nó chạy thẳng vào cửa Thừa Thiên mới chịu xuống, vua ta vái dài mà nhận chiếu* ***<56b>****. Thường nói: "Vua 10 năm không sang cống, sở dĩ nước chúng tôi chưa muốn dùng binh vì cho là nước có lễ nghĩa, cho nên mới ban chiếu này, cũng có ý như nhà Hán ban cho Ngô vương cái ghế và cái gậy đấy. Nay nhà vua nhận chiếu lại không vái, vậy lòng vua có yên chăng?". Qua đó có thể thấy được sứ nhà Nguyên kiêu căng ngạo mạn không chỉ một mình Sài Thung, thế mà vua tôi trong thời ấy ứng đối giao tiếp, mỗi cử chỉ hành động đều có thể thấy được cái*

thế lẫm liệt không ai dám xem thường ta. Cuối cùng phá tan được bọn giặc cường bạo, khiến cho chí nhòm ngó nước Nam cũng tan như tro bụi, có phải chỉ dùng sức binh mà thôi đâu!

Lập trường học ở phủ Thiên Trường, cấm những người ở hương Thiên Thuộc không được vào học (theo chế độ của nhà Trần, quân sĩ ở hương Thiên Thuộc không được học văn chương nghệ thuật vì sợ khí lực kém đi).

Nhâm Ngọ, [Thiệu Bảo] năm thứ 4 [1282] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 19), nước Chiêm Thành sai Thường Bà Ma Các(1) hàng trăm người sang dâng voi trắng.

Mùa hạ, tháng 6, trị tội bọn phán phủ Trần Ái(2), Ái phải đồ làm binh khao giáp, <57a> Lê Tuân phải đồ làm Tống binh(3).

Nhà Nguyên sai Trấn Nam vương Thoát Hoan đi đánh nước Chiêm Thành. Khi đó người Chiêm tuy phải phụ thuộc vào nhà Nguyên, nhưng con của vua Chiêm là Bổ Đích dựa vào nước mình núi sông bền vững nên không chịu theo. Phàm các sứ thần nhà Nguyên đi qua nước Chiêm đều bị bắt, vua Nguyên giận, sai Thoát Hoan mang quân đi đánh, lại sai người đất kinh Hồ là Hành Sảnh, Tả thừa là Đường Ngột Đới và Hữu thừa là Toa Đô đem quân đến hội chiến. Lại sợ nước ta thông mưu với Chiêm Thành, nên bắt nước ta phải cung cấp lương thực cho quân của họ.

Mùa thu, tháng 8, Thủ thần ở Lạng Giang là Lương Uất chạy trạm tâu: "Toa Đô nhà Nguyên đem 50 vạn quân nói dối là mượn đường sang đánh Chiêm Thành, nhưng thật là đến xâm lấn nước ta".

Có con cá sấu đến Sông Lô, vua sai Hình bộ Thượng Thư là Nguyễn Thuyên làm bài văn tế ném xuống sông, cá sấu tự nhiên bỏ đi, vua cho việc này giống việc của Hàn Dũ(4) cho đổi họ là Hàn Thuyên. Thuyên lại giỏi về làm thơ phú bằng quốc ngữ, nhiều người bắt chước (nay những người làm thơ quốc âm gọi là Hàn luật có lẽ cũng bắt đầu từ đấy).

Mùa đông, tháng 10, vua ngự ra Bình Than, ban cho Trần Khánh Dư làm Phó đô Tướng quân. Trước đây khi người Nguyên sang cướp phá nước ta, Nhân Huệ <57b>vương Khánh Dư thường thừa lúc bất ngờ tập kích, Thượng hoàng khen Khánh Dư là người có trí lược, lập làm Thiên

---

(1) ĐVSKTT chép là Bo Ba la.

(2) Trần Ái tức Trần Di Ái, chú họ của vua.

(3) Có lẽ là đạo quân người Tống lưu vong ở nước ta.

(4) Hàn Dũ là một danh sĩ thời Đường. Có bài văn tế cá sấu nổi tiếng.

tử nghĩa nam[1], sau đánh sơn Man thắng lớn, phong Phiêu kỵ Đại tướng quân. Chức Phiêu kỵ nếu không phải Hoàng tử thì không được phong, nhưng vì Khánh Dư là Thiên tử nghĩa nam nên mới phong cho chức ấy. Lại từ tước hầu thăng dần lên Tử phục Thượng vị hầu, quyền làm phán thủ, rồi sau thông dâm với Thiên Thụy công chúa. Khi đó đã gả công chúa cho Hưng Vũ vương Nghiễn, Nghiễn là con trai của Quốc Tuấn, lại có công đánh giặc, vua sợ phật ý Quốc Tuấn mới sai người đánh chết Khánh Dư ở Tây Hồ, nhưng lại ngầm dụ đừng đánh đến nỗi chết, rồi ban chiếu cách hết quan tước, tịch thu hết tài sản của Khánh Dư. Khánh Dư lui về ở Chí Linh bảo vệ sản nghiệp cũ của Thượng Tướng Trần Phó Duyệt để làm nghề bán than. Khi đó nhà vua đến trú chân ở vũng bến Trần Xá, nhóm họp vương hầu bách quan bàn về kế sách đánh và chia giữ các nơi xung yếu. Bỗng nhiên có thuyền lớn chở than củi xuôi dòng. Nhân lúc nước thủy triều xuống và gió to, đi qua bến Bình Than, người lái thuyền ấy đội nón lá mặc áo lụa ngắn, vua chỉ vào người ấy và **<58a>** bảo với quan thị thần rằng: "Người kia có phải là Nhân Huệ vương không?" Lập tức sai người đi thuyền nhỏ đuổi theo, đến cửa Đại Than thì kịp. Quân hiệu gọi rằng: "Ông lái kia, nhà vua có lệnh gọi ngươi". Khánh Dư nói: "Lão già này là người buôn bán, có việc gì mà gọi đến?". Quân hiệu về tâu đầy đủ như thế, vua nói: "Đúng là Nhân Huệ vương đấy, nếu là người thường tất không dám nói như vậy". Lập tức vua sai Nội thị đi gọi, khi Khánh Dư đến nơi mặc áo ngắn, đội nón lá. Vua nói: "Nam nhi phiêu bạt đến thế", ban chiếu tha tội. Khánh Dư lên thuyền lạy tạ. Vua ban cho áo ngự, ngồi ở dưới các vương, trên các công hầu, cùng bàn việc binh, nhiều câu hợp ý, vua lại trao cho chức Phó đô tướng quân. Khi đó có Hoài Văn hầu Quốc Toản và Hoài Nhân vương Kiện theo hầu, vì tuổi còn nhỏ, không cho dự bàn. Quốc Toản tự xấu hổ và tức giận, tay cầm quả cam, bất giác bóp nát lúc nào không biết. Đến khi lui về, đem thân thuộc và gia nô tất cả hơn nghìn người, sắm khí giới chiến thuyền, giương cờ to đề 6 chữ "Phá cường địch, báo hoàng ân" (phá giặc mạnh, báo ơn vua). Khi đối trận với giặc ông thường tiến trước quân sĩ **<58b>**, giặc nhìn thấy đều phải rút lui ẩn nấp, không ai dám đương đầu với ông. Sau này khi Quốc Toản mất, vua rất thương tiếc, tự làm bài văn tế, gia thăng tước vương.

Cho Thái úy Quang Khải làm Thượng Tướng, Thái sư là Đinh Củng Viên làm Hàn lâm học sĩ phụng chỉ.

---

[1] Thiên tử nghĩa nam: con nuôi của Thiên tử.

Quý Mùi, [Thiệu Bảo] năm thứ 5 [1283] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 20), mùa xuân, tháng 2, Trần Lão bị tội, đồ làm binh. Thượng Vị hầu Trần Lão bị tội viết thư nặc danh phỉ báng sự việc trong nước, ban chiếu trị tội Trần Lão, cho hắn chuộc tội 1.000 quan tiền, đồ làm binh. Xử lăng trì tên Khoáng là gia nô của Trần Lão ở Chợ Đông.

Mưa đá to.

Mùa đông, tháng 10, tập trận cả quân thủy lẫn quân bộ.

Tiến phong Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn làm Quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân. Trước đó Trung sứ là Hoàng Ư Lệnh, Nội thư gia Nguyễn Chương sang sứ nước Nguyên trở về có nói: sang năm là thời kỳ dụng binh, do vậy vua thân đem các vương hầu điều động quân thủy bộ tập đánh trận, phong Quốc Tuấn làm Quốc công tiết chế thống lĩnh thiên hạ chư quân, sai chọn trong các quân hiệu người nào có tướng tài **<59a>** chia lãnh các bộ ngũ.

Giáp Thân, [Thiệu Bảo] năm thứ 6 [1284] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 21), mùa xuân, tháng Giêng, vét sông Tô Lịch.

Tháng 2, đất ở đàn thờ xã tắc nứt ra (dài 7 thước, rộng 4 tấc, sâu không thể đo được).

Mùa thu, tháng 8, duyệt binh lớn ở đầu bến Đông. Hưng Đạo Vương điều động các quân của vương hầu để lại duyệt binh lớn ở đầu bến Đông, chia quân đến các xứ Bình Than, đóng giữ những nơi xung yếu.

Tháng 9, mặt trăng và sao Kim mọc ban ngày ở phương tây nam, cách nhau hơn một thước.

Mùa đông, tháng 11, sai Trung đại phu là Trần Phủ sang kinh hồ hành sảnh nước Nguyên xin hoãn binh (Trần Phủ có sách chép là Trần Khiêm Phủ).

Tháng 12, Trần Phủ từ nước Nguyên trở về nói: vua Nguyên sai Thái tử là Trấn Nam Vương Thoát Hoan, Bình chương là A Thích và bọn A Lý Hải Nha đem quân lấy cớ mượn đường đi đánh Chiêm Thành, chia đường xâm chiếm nước ta. Thượng hoàng triệu phụ lão trong nước họp ở thềm điện Diên Hồng, cho ăn và hỏi kế phụ lão đều nói là nên đánh, vạn người cùng hô như phát ra từ một miệng.

<59b> Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Giặc Hồ xâm, lấn là tainạn lớn của đất nước. Hai vua hợp mưu, quần thần họp bàn, há lại không có kế sách gì chống giặc mà phải đợi ban yến hỏi kế các phụ lão hay sao ? Có lẽ vì Thánh Tông muốn xét lòng yêu*

nước của dân và để cho họ nghe lời dụ hỏi mà cảm kích hăng hái lên thôi. Như thế là giữ được ý người xưa nuôi người già để xin lời hay đấy.

Quân của Thoát Hoan nhà Nguyên đến biên giới, vua ban chiếu chia quân chống cự, quân Nguyên xâm phạm Nội Ải, quan quân lui về đóng ở bến Vạn Kiếp, vua ngự sang Hải Đông, quân của Thoát Hoan đến huyện Hoành Sơn, nhiều lần đưa thư giả cớ xin mượn đường, vua sai người viết thư trả lời, nói rằng: Từ nước ta đến Chiêm Thành đường thủy và đường bộ đều không tiện. Lại sai Hưng Đạo Vương phát binh, chia đường chống cự. Quân Nguyên đến Thủy Châu, tiến vào Lộc Châu, quan quân chặn lại ở núi Khâu Ôn, Khâu Cấy (nay là Ôn Châu, Kỳ Lừa). Thoát Hoan sai Tổng bả là A Lý dụ là duyên cớ hưng binh thực vì Chiêm Thành chứ không phải vì An Nam. **<60a>** Tiến gấp đến, bị quân ta chặn lại, giặc không tiến lên được, bèn tiến theo ải Khả Lý. Quân ta phải lui một chút, đến ải Động Bản, lại bị đánh bại. Giặc vào Nội Bàng[(1)], xâm lược các ải Chi Lăng[(2)], quan quân lui về đóng ở bến Vạn Kiếp[(3)]. Khi đó vua ngự thuyền nhẹ sang lộ Hải Đông[(4)], trời đã về chiều mà vẫn chưa ăn cơm sáng. Tiểu tốt là Trần Lai đem cơm gạo hẩm dâng vua, vua khen là trung, ban cho tước Thượng phẩm kiêm chức Tiểu tư xã của xã Triều Môn ở bên phải sông Bạch Đằng.

Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn điều quân các lộ đến hội. Quốc Tuấnvâng mệnh điều quân dân các xã Vân Trà, Bà Điểm lộ Hải Đông, chọn những người khoẻ mạnh làm quân tiên phong vượt biển vào nam. Thế quân khá mạnh, quân ở các đạo nghe tin không quân nào là không đến tập hợp. Vua làm thơ đề ở cuối thuyền rằng:

"Cối Kê cựu sự quân tu ký,
Hoan diễn do tồn thập vạn binh".

Dịch nghĩa:

(Cối Kê việc cũ ngươi nên nhớ,
Hoan Diễn[(5)] còn kia mười vạn quân).

---

(1) Nội Bàng: Thuộc tỉnh Bắc Ninh cũ.

(2) Ải Chi Lăng: Thuộc huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

(3) Bến Vạn Kiếp: Thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

(4) Lộ Hải Đông: Chỉ chung vùng đất tỉnh Hải Dương và Hải Phòng.

(5) Hoan Diễn: huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An ngày nay.

Các vương dụng binh ở Vạn Kiếp theo sự điều khiển của Tiết độ Hưng Đạo Vương để chống quân Nguyên. Khi đó Hưng Vũ vương Nghiễm, Minh Hiến vương Uất, Hưng Nhượng vương Tảng, Hưng Trí vương Hiện, đốc xuất quân các xứ Bàng Hà **<60b>**, Na Sầm, Trà Hương, Yên Sinh, Long Nhãn, tất cả 20 vạn quân đến họp, đều theo sự điều khiển của Hưng Đạo Vương.

Trước đây Hưng Đạo Vương có gia nô là Dã Tượng, Yết Kiêu, Hưng Đạo Vương đối đãi rất hậu. Kịp khi quân Nguyên đến, Yết Kiêu giữ thuyền ở Bãi Tân, chỉ có Dã Tượng đi theo. Khi quan quân thua trận, thuyền quân đều chạy tan, Hưng Đạo muốn đi theo đường chân núi để tiến. Dã Tượng nói: Yết Kiêu chưa thấy Đại Vương tất không dời thuyền đi chỗ khác. Lập tức vương đến Bãi Tân, quả thật riêng thuyền của Yết Kiêu vẫn còn đấy, vương mừng và nói rằng: "Chim hồng hộc bay được cao là nhờ ở sáu cái lông cánh, nếu không có sáu lông cánh ấy thì cũng như các loài chim khác thôi". Vương nói xong thì thuyền dời đi, quân kỵ của giặc đuổi theo không kịp, Vương đến Vạn Kiếp chia quân đóng giữ ở Bắc Giang.

Sai Hàn lâm phụng chỉ là Đinh Củng Viên coi việc Bắc cung nội sát viện.

Ất Dậu [Thiệu Bảo] năm thứ 7 [1285] (Từ tháng 9 trở đi là Trùng Hưng năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 22), mùa xuân, tháng giêng, quân Nguyên đánh vào núi Phả Lại ở Vạn Kiếp, quan quân chạy tán loạn, giặc vào cướp phá các huyện Bắc Giang. Đến Đông Bộ Đầu **<61a>**, sai Đỗ Khắc Chung đến gặp quân Nguyên xin giảng hoà. Trước đây quân của Hưng Đạo đóng ở ải Nội Bàng, quân Nguyên tiến đến thôn Biến Trú dụ sai thu binh dọn đường, Hưng Đạo không nghe. Quân Nguyên bèn chia làm 6 đường tiến đánh. Đến sông Vạn Kiếp thì các ải đều bị giặc đánh vỡ. Hưng Đạo mang hơn nghìn chiến thuyền đóng ở cách Vạn Kiếp 10 dặm mà dàn trận gọi là thủy quân, hăng hái đánh, liêntiếp thắng giặc. Thoát Hoan sai quân đến đánh, quan quân rút lui, 20 vạn chiến thuyền bị giặc cướp mất, giặc bèn xâm phạm Gia Lâm, Vũ Ninh(1), Đông Ngàn(2) bắt được quân của ta người nào cũng thích hai chữ "Sát thát"(3) vào cánh tay, chúng tức lắm giết hại rất nhiều, tiến đến Đông Bộ Đầu, dựng cờ lớn. Vua muốn cho người dò tình hình quân giặc

(1) Vũ Ninh: Nay là huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

(2) Đông Ngàn: Nay thuộc địa phận huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh, và một số xã thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội.

(3) Sát Thát: Nghĩa là giết giặc Nguyên.

mà khó chọn được người. Chi hậu cục thủ là Đỗ Khắc Chung xin đi; vua khen và nói rằng: "Biết đâu trong đám ngựa kéo xe muối lại có ngựa kỳ ngựa lý"- Liền sai Chung đem thư đến quân Nguyên xin hoà. Khi đến nơi, Ô Mã Nhi vặn hỏi 2 chữ "Sát thát", cho là vô lễ nói rằng: Nước người khinh nhờn quân thiên triều **<61b>** tội ấy lớn đấy". Khắc Chung trả lời: "Chó nhà người ta cắn người lạ không phải tội của chủ nó, quốc vương tôi không biết chuyện đó. Tôi là cận thần tại sao tôi không có". Rồi giơ cánh tay cho bọn chúng xem. Ô Mã Nhi nói: "Đại quân từ xa đến, sao nước ngươi không quay giáo tới gặp nhau, lại dám chống mệnh lệnh như thế? " Khắc Chung nói: "Vì hiền tướng không theo kế sách của Hàn Tín bình định nước Yên, đóng quân ở đầu biên giới, đưa thư báo tin trước, nếu không thông hiếu thì có lỗi. Nay lại cưỡng bức nhau, như người ta nói: "Giống thú cùng thì chống lại, chim cùng thì phải mổ lại, huống chi là người". Ô Mã Nhi nói: "Đại quân ta mượn đường để đi đánh Chiêm Thành, nếu vua nước ngươi đến gặp nhau thì bờ cõi yên ổn không mảy may bị xâm phạm; nếu không thì chỉ trong khoảng giây phút, núi sông sẽ thành đất bằng, dù muốn hối hận cũng không được". Khi Khắc Chung về rồi, Ô Mã Nhi bảo các tướng rằng: "Người ấy đang lúc bị uy hiếp mà lời nói sắc mặt vẫn tự nhiên không hạ thấp chủ là Đạo Chích, không nâng cao ta lên là vua Nghiêu **<62a>** mà lại nói "Chó nhà cắn người ngoài" thật khéo ứng đối, có thể nói là không làm nhục mệnh vua, nước nó có người giỏi chưa dễ đánh được". Bèn sai người đuổi theo nhưng không kịp. Khắc Chung về, quân Nguyên cũng theo đến chống nhau với quân ta.

Thoát Hoan nhà Nguyên xâm lược kinh thành. Vua sai Nguyễn Hiệu Nhuệ sang sứ quân Nguyên. Thoát Hoan đã đánh vỡ Đông Ngàn, sai buộc bè lại làm cầu ở sông Nhị Hà để quân qua. Quân ta lập trại ở ven sông, bắn súng lớn, đánh trống reo hò để chống lại chúng, nhưng không được. Trời về chiều, quân giặc qua sông tiến vào sát kinh sư. Ngày hôm sau, Thoát Hoan vào thành, rồi lại quay về đóng trên bờ phía Bắc sông. Vua sai Nguyễn Hiệu Nhuệ đến xin đưa quân về. Sai Thượng tướng Quang Khải chống Toa Đô nhà Nguyên ở Nghệ An, đó là theo lời bàn của Hưng Đạo Vương.

Tháng 2, Chương Hiến hầu Kiện đem gia thuộc đầu hàng quân Nguyên. Bọn Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Địa Lô đón Kiện giết đi. Kiện là con thứ của Quốc Khang, cùng với liêu thuộc là bọn Lê Trắc đem cả gia đình đầu hàng quân Nguyên. Toa Đô sai người đưa bọn Kiện về Yên Kinh. Thổ hào ở Lạng Giang là các ông Nguyễn Thế Lộc **<62b>**, Nguyễn

Lĩnh đánh chặn ở trại Ma Lục. Gia nô của Hưng Đạo là Nguyễn Địa Lô bắn chết Kiện. Trắc đem xác của Kiện để lên mình ngựa mà chạy, ban đêm chạy được mấy chục dặm, đến Khâu Ôn[1] thì chôn ở đấy (Trắc giỏi làm thơ. Sau khi hàng nhà Nguyên cảm thấy rất hổ thẹn, lui về không nhận bổng lộc, lấy sông núi làm vui, nhưng vẫn a dua xu mị người Nguyên, thường làm bài ca "bản quốc chí lược" hết mức chê bai chủ của mình, người quân tử coi khinh). Sai người đem công chúa An Tư gả cho Thoát Hoan, là muốn thư tai nạn cho nước đấy (công chúa là em gái út của vua Thánh Tông).

***Sử thần NgôThì Sĩ bàn:** Thánh Tông gả công chúa cho Thoát Hoan thật là không có kế sách, thế mà Hưng Đạo Vương không can là tại sao?*

Bảo Nghĩa vương là Trần Bình Trọng đánh nhau với quân Nguyên ở bãi Đà Mạc, thua trận chết. Trước đó Hưng Đạo Vương xuất quân, chọn Bình Trọng làm tiên phong, sai Dã Tượng đem chiến thuyền đến sông Lục Đầu, qua Cự Công, huyện Vĩnh Lại, liền với Nông Kỳ (nay là sông Tam Kỳ, huyện Canh Nông). Yết Kiêu đem hơn trăm chiến thuyền đóng ở Sông Bộc **<63a>** từ xa gây thanh thế hỗ trợ nhau. Bình Trọng từ Bồng Châu được điệp báo quân Nguyên đóng ở sông Thiên Mạc (tức Đà Mạc nay là bãi Mạn Trù), vội chèo thuyền tiến nhanh tới đó. Giặc thấy quân ta ít, đem hết quân ra đánh, quân ta thua lớn. Bình Trọng bị giặc bắt, ông nhịn ăn, giặc hỏi việc nước, ông không trả lời. Giặc hỏi: “Có muốn làm vương đất Bắc không? " Bình Trọng thét to rằng: "Ta thà làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc", bèn bị giết hại. Vua nghe tin, vô cùng thương tiếc. Vua triệu Quốc Tuấn hỏi kế sách. Lúc bấy giờ quân Nguyên dàn thuyền từ sông Đại Hoàng trở lên dày đặc hai bên sông. Hưng Đạo xin từ trên thượng lưu sông, buộc tre gỗ làm thành bè mảng, lấy đá sỏi để đầy lên, sai các quân ở ven bờ nhân lúc gió tây bắc thuận dòng thả xuống đầy sông rồi chiến thuyền theo sau. Thuyền của quân Nguyên gặp bè vướng đâm vào, không thể chống cự được, quan quân ta trên đường đánh kẹp lại, quân giặc thua to (Bình Trọng là dòng dõi vua Lê Đại Hành, chồng sau của công chúa Thụy Bảo. Cha ông làm quan dưới triều Thái Tông được ban quốc tính họ Trần).

Vua rước Thái Thượng hoàng đến nguồn Tam Trĩ[2]. Thoát Hoan nhà Nguyên khi đã vào kinh thành, thì trong thành không còn gì. Biết

---

[1] Khâu Ôn: Thuộc tỉnh Lạng Sơn.

[2] Nguồn Tam Trĩ: Tức sông Ba Chẽ, thuộc huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.

nhà vua đã ra <63b> ngoài, chúng liền đuổi theo càng gấp hơn. Vua ngầm ngồi thuyền nhỏ đến nguồn Tam Trĩ, sai người chở thuyền ngự đến Ngọc Sơn để làm nghi binh. Khi ấy vua siêu giạt, thấy Quốc Tuấn vốn tự phụ là bậc kỳ tài, mà mình lại có hiềm khích cũ với An Sinh vương, đến khi ấy Quốc Tuấn đi theo vua, tay cầm gậy gỗ đầu có bịt sắt, mọi người đều để mắt nhìn, Quốc Tuấn liền bỏ cái bịt sắt, chỉ cầm gậy không để đi, nhân tình lại yên.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Bậc đại thần ở vào địa vị nguy ngập ngờ vực tất phải đem lòng thành thực mà tin nhau. Đó là người trí tuệ sáng suốt khéo xử, như hào cửu tứ của quẻ tùy*(1)*, sau mới có thể giữ được danh dự, làm nên công trạng, không thế tất sẽ chuốc lấy tai họa đấy. Quách Tử Nghi nhà Đường*(2)*, Quốc Tuấn nhà Trần được như thế đấy.*

Tháng 3, vua rước Thái Thượng hoàng vào Thanh Hoá, vua cùng Thái Thượng hoàng đậu lại ở nguồn Tam Trĩ. Quân Nguyên dò biết được, lại gặp bọn tướng nhà Nguyên là Toa Đô, Đường Ngột Ỷ kéo quân từ Chiêm Thành về, hợp với <64a> quân của Thoát Hoan. Thoát Hoan chia sai Hữu thừa là Khoan Triệt đem Vạn hộ Mang Cổ Ỷ Bột La, Cáp Đáp Nhi đi đường bộ: Hữu thừa là Lý Hằng dẫn Ô Mã Nhi đi đường thủy cùng tiến. Vua cùng Thái Thượng hoàng phải bỏ thuyền dẫn quân bộ về phía Đông, chiến thuyền đều bị quân Nguyên lấy mất, chúng chọn chiếc còn tốt để đi, số còn lại thì đốt bỏ. Xe vua đến Thủy Trú lại lấy thuyền ra sông Nam Triệu, qua biển Đại Bàng đến Thanh Hóa.

Trần Ích Tắc đem gia thuộc đầu hàng quân Nguyên. Khi ấy Thượng vị Văn Chiêu hầu là Lộng đã đầu hàng Thoát Hoan, Chiêu Quốc vương Ích Tắc và bọn Phạm Cự Địa, Lê Diễn, Trịnh Long đều đem gia thuộc đầu hàng nhà Nguyên. Ích Tắc 15 tuổi, thông hiểu kinh sử và các kỹ nghệ khác, tự phụ là thông minh, ngầm có ý tranh ngôi con trưởng, từng gửi thư riêng nhờ bọn lái buôn ở Vân Đồn, xin nhà Nguyên đem quân xuống nước Nam. Đến khi đó quân Nguyên sang xâm lấn nước ta, Ích Tắc đầu hàng, mong được làm vua cả nước. (Khi Ích Tắc chưa sinh, vua

---

(1) Hào cửu tứ quẻ tùy trong *Kinh Dịch* có câu: " Hữu phu tại đạo dĩ minh hà cữu". Nghĩa là có lòng tin thực sự, làm cho đúng đạo, lấy sự sáng suốt khôn ngoan mà xử sự, tất không có lỗi lầm gì.

(2) Quách Tử Nghi: Người thời Đường, làm tiết độ sứ đời vua Huyền Tông (Trung Quốc): Ông đã gắn bó mình với sự nghiệp an nguy của đất nước hơn 20 năm. Được phong đến Quận vương ở đất Phần Dương.

Thái Tông nằm mộng thấy một vị thần có 3 con mắt từ trên trời xuống nói rằng: "Thần bị thượng đế trách phạt, xin ký thác vào vua, sau này lại về phương Bắc" <64b>. Khi Ích Tắc sinh, giữa trán có vết giống như con mắt, hình dáng cũng giống như người trong mộng).

Mùa hạ, tháng 4, Chiêu Văn vương là Nhật Duật đánh bại quân Nguyên ở Hàm Tử Quan(1). Trước đó Toa Đô từ Chiêm Thành ra họp quân ở Châu Ô, Châu Lý, dần dần cướp phá Châu Hoan(2), Châu Ái(3). Đến đâu nó cũng đốt phá cướp bóc, tiến lên đóng ở Tây Kết(4), định trong 3 năm thì dẹp xong. Vua bàn với quần thần rằng: "Quân giặc đã lâu năm đi qua xa hàng vạn dặm, mang theo quân trang quân dụng, hẳn mỏi mệt. Ta đem quân nhàn rỗi chống lại quân đã mỏi mệt, trước tiên đánh mất nhuệ khí của giặc, thì tất phá tan quân giặc đấy. Đến khi ấy sai các ông Chiêu Thành vương (không rõ tên), Hoài Văn hầu Quốc Toản, tướng quân là Nguyễn Khoái đem quân đi đường tắt đón đánh ở bến Tây Kết. Quan quân đánh nhau với quân Nguyên ở Hàm Tử Quan. Các quân đều ở đó, chỉ có quân của Nhật Duật có người Tống, mặc áo theo kiểu người Tống, cầm cung tên để đánh. Thượng hoàng cho rằng người nước Tống và người Thát Đát tiếng nói và ăn mặc giống nhau, sợ trong quân có người không phân biệt được, bèn sai người ra dụ rằng: đó là quân Thát Đát của Chiêu Văn đấy, nên nhận cho kỹ. Quân Nguyên thấy bên ta có người ăn mặc theo kiểu người Tống, đều sợ hãi cho là có người Tống sang đánh giúp, tự bị tan rã.

<65a> Trước kia, khi nhà Tống mất, nhiều người của họ chạy về nước ta, Nhật Duật thu nhận, trong đó có Triệu Trung rất khoẻ mạnh, Nhật Duật dùng làm gia tướng. Cho nên công đánh bại giặc Nguyên, Nhật Duật đóng góp nhiều.

Tháng 5, vua rước Thái Thượng hoàng thân chinh đánh cho quân Nguyên đại bại ở phủ Trường Yên, chém đầu giặc không kể xiết (xét thấy bản sách cũ dưới bài này có chép lầm là Toa Đô từ Thanh Hóa đến, Toa Đô đã từ Chiêm Thành, qua Châu Hoan, Châu Ái tiến ra Tây Kết hợp với đại quân nhà Nguyên, thì sao lúc đó còn ở Thanh Hóa, bài đó đáng

---

(1) Hàm Tử Quan: Ở ven Sông Hồng thuộc địa phận xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

(2) Châu Hoan: Là đất thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh ngày nay.

(3) Châu Ái: Là đất tỉnh Thanh Hóa ngày nay.

(4) Tây Kết: Dọc theo đê Sông Hồng có thôn Đông Kết thuộc địa phận xã Đông Kinh huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Không rõ Tây Kết có thuộc vùng này không.

phải ở dưới bài Ích Tắc hàng Nguyên, nhà chép sử chép nhầm vào đấy, cho nên không chép vào).

Vua rước Thái Thượng hoàng và lại tiến quân đến bến Đại Mang, đánh cho Toa Đô nhà Nguyên bị đại bại ở bến Tây Kết, chém được nó. Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn đuổi theo đánh úp Thoát Hoan ở Vạn Kiếp. Quân Nguyên tan vỡ chạy về phía Bắc. Trước đấy, Thượng tướng là Quang Khải, Hoài Văn hầu là Quốc Toản, cùng với bọn Trần Thông và em Nguyễn Khả Lạp là Nguyễn Truyền đem dân binh các lộ đánh bại giặc ở các xứ kinh thành, Chương Dương. Bọn Thoát Hoan và A Thích nhà Nguyên chạy qua Sông Lô. Khi đó có người từ trong quân giặc chạy trốn vào Ngự doanh báo tình hình quân giặc. Vua và Thái Thượng hoàng làm lễ bái yết các lăng ở Long Hưng **<65b>**. Khi đó quân của Toa Đô và Thoát Hoan đóng cách nhau hơn 200 dặm. Quân Thoát Hoan tháo lui mà Toa Đô vẫn chưa biết, cùng với Ô Mã Nhi từ đường biển lại đến xâm phạm sông Thiên Mạc, muốn họp binh ở kinh sư để cứu viện cho nhau. Bọn du binh đến Phù Ninh, viên phụ đạo của huyện ấy là Hà Đặc lên Trĩ Sơn cố giữ. Quân Nguyên đóng đồn ở động Cự Đà. Đặc lấy tre đan thành hình người to lớn, cho mặc quần áo, cứ đêm thì dẫn ra, dẫn vào, lại đục thủng cây to, cắm mũi tên lớn vào giữa hai lỗ thủng ấy, khiến giặc tưởng là sức bắn thấu được. Quả nhiên giặc sợ không dám đánh nhau. Quân ta liền đánh tan được. Đặc đuổi đánh đến A Lạp, làm cầu phao vượt qua sông mải đánh rồi bị chết. Em của Đặc là Chương bị giặc bắt được, ăn trộm được cờ và quần áo của giặc trốn về, dâng vua, xin dùng hiệu của cờ ấy giả làm quân giặc, đến phá quân doanh của giặc, giặc không ngờ là quân của ta nên bị thua to. Vua cùng Thái Thượng hoàng tiến quân đóng ở bến Đại Mang. Tổng quản của nhà Nguyên là Trương Hiển đầu hàng, ta đánh bại quân Nguyên ở Tây Kết, quân chết và bị thương rất nhiều, chém đầu Nguyên **<66a>** soái là Toa Đô. Nửa đêm, Ô Mã Nhi chạy trốn, qua cửa sông Thanh Hoá, quan quân đuổi theo nhưng không kịp, bắt được dư đảng hơn 5 vạn người đem về. Ô Mã Nhi chỉ dùng một chiếc thuyền nhỏ vượt biển trốn thoát. Quân Nguyên vì nhiều lần thất bại, quân tướng hao tổn rất nhiều, lại xông pha mưa nắng, chết nối tiếp nhau vì bệnh dịch. Nghe tin quân ta tăng nhiều, mà đường đến Chiêm Thành lại không có, bèn quyết kế lui về. Quân của bọn Thoát Hoan kéo về, Lý Hằng đi sau bảo vệ đến sông Như Nguyệt, vua sai đại quân đuổi gấp phía sau. Quân Nguyên chạy đến Sách Giang chưa kịp qua sông. Hưng Đạo Vương cho quân mai phục sẵn trong rừng Vạn Kiếp, bọn Thoát Hoan đến, quân mai phục nổi lên đánh bại chúng. Giặc chết

đuối vô kể, Lý Hằng bị trúng tên thuốc độc vào đầu gối bên trái bị chết, Tỳ tướng là Lý Quán giấu Thoát Hoan vào trong ống đồng, thu nhặt bọn tàn quân chạy về châu Tư Minh, Hưng Vũ vương đuổi theo, Lý Quán bị trúng tên thuốc độc chết. Quân Nguyên chết đến quá nửa, tướng sĩ của chúng phải liều chết mới hộ vệ được Thoát Hoan vượt qua <66b> biên giới về Bắc. Vua trông thấy đầu của Toa Đô ngậm ngùi nói: "Người làm tôi phải nên như thế đấy", rồi cởi áo ngự sai quan khâm liệm đem mai táng, nhưng vì khi Toa Đô vào nước ta đã đốt phá cung điện giết hại nhân dân, nên lại sai tẩm dầu cái đầu ấy mà đốt để làm gương.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Ôi! Câu nói ấy của nhà vua, quả là lời nói của bậc đế vương đấy! Nói rõ nghĩa lớn khiến cho người bề tôi muôn đời biết được sự vinh quang của kẻ trung với vua chết vì nước. Tuy đã chết nhưng tiếng thơm còn mãi, nó có quan hệ rất lớn đấy. Huống chi lại cởi áo sai khâm liệm mà chôn, làm cho khí thế quân sĩ hăng hái để quét sạch bọn giặc mạnh là đáng lắm thay!*

Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: *Về quân sự, bên lý chính nghĩa là bên mạnh, bên lý gian tà là bên yếu. Phân biệt được chính nghĩa gian tà là phân biệt được thắng bại đấy. Còn số binh nhiều hay ít thì không kể. Người Nguyên là mọi rợ mà làm loạn Trung Hoa còn chưa biết thỏa mãn, lại muốn lấy thanh thế dọa nạt, cầu may là nước ta không dám chống cự, dụ ta* **<67a>** *vào chầu, muốn ta thần phục, rốt cuộc ta không thần phục. Mưu kế của nhà Nguyên cũng thất bại. Còn đánh tiếng mượn đường để làm cái lối đánh cướp, đến nỗi Toa Đô bị giết, Thoát Hoan phải chạy, Lý Hằng, Lý Quán đều bị chết bởi tên thuốc độc, nhiều lần dấy binh chỉ làm tổn uy danh của nước. Chiến tranh phi nghĩa quả có ích gì đâu! Vua tôi triều Trần đương lúc giặc mạnh vào bờ cõi, mà trên dưới hòa hợp, xử trí thung dung, nuôi sức định mưu, xem sơ hở của giặc mà hành động, dù trăm vạn quân mạnh như hùm beo, cũng chỉ cần bẻ roi mà đánh. Thực có thể nói là biết tự cường đấy. Cổ ngữ có câu: "Người biết trị nhà nước thì ai dám khinh" há chẳng đúng vậy sao?*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Triều nhàTrần từ năm Nguyên Phong đời Thái Tông đến khi ấy trải qua ba đời vua.* Trong *khoảng vài chục năm, quân Nguyên nhiều lần sang cướp phá. Mỗi lần có tin báo ngoài biên giới, thì ắt tự ra ngoài trông coi việc quân,*

<67b> chọn người uỷ thác coi giữ kinh thành, vợ con của cải đều cất đặt trước khi sự việc xảy ra, không để cho giặc lợi dụng. Đường vua đi thì khi phía Đông khi phía Tây, không nhất định; dinh vua ở thì khi dưới nước khi trên bờ không nhất định ở đâu. Đó không phải là khiếp sợ. Có lẽ nhà vua ở ngoài sẽ dễ kêu gọi mọi người, cổ vũ tướng sĩ. Thanh niên trai tráng đều là lính, của nhà giàu đều là lương. Thời cơ có thể nắm thì cổ vũ cho tiến lên; thế lực chưa đủ, thì tùy tiện mà lui giữ. Khi tiến lên thì như sấm sét kinh động, khi im lặng thì như rồng rắn ẩn mình không ai lường được, không ai hơn được, mà kẻ địch cũng không thể thừa cơ được. Hơn nữa bản thân ra trận thì mưu cơ được quyết định ngay, thưởng phạt được thi hành ngay. Các tướng tuân theo mệnh lệnh, ba quân vui vẻ hy sinh. Nếu cứ bo bo làm kế giữ thành, kẻ địch có thể xem đó là sào huyệt, nó sẽ chặn bên trong khiến cho đường vận chuyển không thông; chặn bên ngoài khiến cho quân tiếp viện không đến. Như vậy lương hết, lực cùng thì điều bại vong có thể ngồi mà đợi. Đó chính là điều <68a> mà nhà Trần có thể thắng được giặc Nguyên, cũng là đường lối hay trong việc đánh địch và thắng địch. Hơn nữa ba lần dùng binh các chức Tiết chế thống lĩnh, Tổng đốc tất cả binh quyền thuộc Trần Hưng Đạo, giao trọng trách để đòi hỏi sự thành công. Vậy còn lo gì tướng sĩ không tuân lệnh, sự thành công lại không nhanh chóng. Muốn biết công nhà Trần thắng giặc nên tìm ở hai điểm đó.

Tháng 6, vua rước Thái Thượng hoàng về Kinh sư (Thượng tướng Quang Khải làm thơ ghi lại những chiến công như sau):

"Đoạt sáo Chương Dương Độ,
Cầm Hồ Hàm Tử Quan.
Thái bình tu trí lực,
Vạn cổ cựu[1] giang san".

Dịch nghĩa:

(Tước gươm giặc ở bến Chương Dương,
Bắt rợ Hồ ở cửa Hàm Tử.
Được thái bình ta càng gắng sức,
Sông núi ngàn năm mãi vẹn toàn).

---

[1] ĐVSKTT chép là "thử".

Nước to.

Đưa tù binh của Chiêm Thành về nước. Tướng nước Chiêm Thành là bọn Bà Lậu Kê Na Liên tất cả 30 người vì đi theo Toa Đô nên bị bắt. Vua sai Trung phẩm phụng ngự là Đặng Du Chi đưa họ về nước.

Mùa thu, tháng 8, phong công cho các bề tôi. Sai Tả bộc sạ Lưu Cương Giới phong công cho các bề tôi theo thứ bậc khác nhau và trị tội những người hàng giặc.

Tháng 9, đổi niên hiệu là Trùng Hưng năm thứ 1. Đại xá cho thiên hạ.

Cảo Sơn lở (bia ở chùa Báo Thiên bị gãy làm đôi).

Tôn thêm hiệu đẹp cho các tiên đế và tiên hậu.

<68b>Mùa đông, tháng 10, ban chiếu định sổ hộ khẩu trong nước. Triều thần can ngăn, cho rằng dân đương lao khổ, định hộ khẩu quả chưa phải là việc gấp. Vua nói: "Chỉ đúng lúc này mới nên định lại hộ khẩu, không nên để cho kẻ địch thấy sự tiêu hao của ta". Quần thần đều khen phục.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Quân giặc mới rút lui, nhân dân người thương tật chưa khỏi, người lưu lạc chưa trở về, thôn xóm như gò hoang; đồng ruộng tiêu điều, chiêu tập an ủi họ còn chưaxong, mà đã vội vàng tu sửa sổ hộ khẩu, như vậy quan chức thì phải tra xét, người dân thì phải hội họp, khi một con gà, khi nửa con lợn không thể không phí tổn. Đổi sổ cũ thay sổ mới không thể không sai lệch. Người còn sống sót đã phải bỏ nghề riêng đi làm việc quan. Như vậy há chẳng phải quấy nhiễu dân quá lắm ư? Khi đó bề tôi cho rằng không phải là việc gấp đã can ngăn,Nhân Tông bác lại lời can, tô vẽ lời nói để mà chống lại. Thế mà lại thán phục ngay, việc đánh Ai Lao cũng thế. Ngô Sĩ Liên cho rằng quần thần gần như xiểm nịnh là* ***<69a>*** *đúng đấy.*

Bính Tuất, Trùng Hưng năm thứ 2 [1286] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 23), mùa xuân, tháng giêng, thả quân Nguyên về nước.

Tháng 2, sứ nhà Nguyên là Hợp Tán Nhi Hải Nha sang nước ta.

Tháng 3, vua Nguyên ban chiếu cử đại quân sang xâm lược (nước ta) nhưng không thực hiện. Thoát Hoan nhà Nguyên bại trận trở về, vua Nguyên giận lắm, bèn hạ lệnh bỏ việc đi đánh Nhật Bản, đưa hết quân sang nước Nam. Hạ lệnh cho vùng Hồ Quảng làm 300 chiến thuyền, hẹn đến tháng 8 họp ở Châu Khâm, Châu Liêm. Lại hạ lệnh cho 3 tỉnh

Giang Hoài, Hồ Quảng, Giang Tây họp binh xâm lược nước Nam; phong Trần Ích Tắc làm An Nam quốc vương, Tú Viên làm phụ nghĩa công, đem binh đưa Ích Tắc về nước. Thượng thư Lưu Tuyên can, cho là: dụng binh ở nước Namkhông thành công, người thương tật chưa khỏi, nay lại bàn cử đại quân, hẹn đến tháng 7 tập hợp quân đội ở miền đất nắng nóng, người chết vì bệnh tật ắt sẽ nhiều. Một bề tôi ở tỉnh Hồ Nam là Tuyến Ca cũng dâng sớ nói rằng: "Dụng binh mấy năm liền, quân sĩ phần nhiều chết và bị thương, sĩ, nông, **<69b>** công, thương đều phải bỏ nghề nghiệp. Nay lại huy động hàng trăm vạn người, đó không phải là điều thương sĩ dân. Vua Nguyên hạ lệnh cho quân tỉnh nào về tỉnh ấy.Cho Ích Tắc ở Ngạc Châu. Chỉ đánh tiếng là trao cho tước vương, cho 500 khoảnh ruộng ở Hán Dương để tự túc.

Mùa hạ, tháng 6, hạ lệnh cho các vương hầu tôn thất tất cả đều chiêu mộ binh và thống lĩnh thuộc hạ của mình. Vua hỏi Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn rằng: "Năm nay thế của giặc ra sao? " Quốc Tuấn trả lời: "Nước ta thái bình đã lâu ngày, dân chúng không biết đến việc binh, vì thế năm trước quân Nguyên vào xâm lược, có kẻ đầu hàng trốn tránh. May nhờ uy linh của tổ tông và thần vũ của bệ hạ, nên đã quét sạch bụi Hồ.Nếu chúng nó lại sang, quân ta đã quen việc đánh giặc, quân chúng sợ phải đi xa, hơn nữa nó đã sợ cuộc thất bại của Lý Hằng và Lý Quán, sẽ không có lòng chiến đấu. Theo ý thần thì tất sẽ đánh tan được giặc". Vua liền hạ lệnh cho Hưng Đạo Vương làm Tổng đốc các vương hầu tôn thất, điều động quân lính làm khí giới và thuyền bè.

Mùa đông, tháng 10, diễn tập các quân đã điều động.

Ban cho Đinh Củng Viên tước Minh tự. Đinh Củng Viên xin thôi quyền nhiếp Nội mật viện **<70a>**. Vua y cho.

Đinh Hợi, [Trùng Hưng] năm thứ 3 [1287] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 24), mùa xuân, tháng 2, Nguyên Thánh Thiên Cảm Hoàng Thái hậu băng.

Nhà Nguyên lại sai Trấn Nam vương Thoát Hoan đem các quân sang xâm lược nước ta. Nhà Nguyên phái quân thuộc 3 hành tỉnh Giang Hoài, Giang Tây, Hồ Quảng 7 vạn quân và 500 thuyền của quân Mông Cổ, Hán Khoán, 6.000 quân của Vân Nam, 1 vạn 5 nghìn quân người Lê ở 4 châu ngoài biển[1], chia đường vào xâm lược nước ta. Hạ lệnh cho bọn Vạn hộ hầu Trương Văn Hổ đi đường biển chuyển 17 vạn thạch lương

---

(1) Tức bốn châu: Nhai, Quỳnh, Đạm, Vạn trên đảo Hải Nam.

thực đi theo. Lại đặt chức Chinh Giao chỉ hành "Thượng thư sảnh; cho Áo Lỗ Xích làm Bình chương sự; Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp làm Tham tri chính sự nắm giữ các mặt. Tất cả đều chịu sự chỉ huy của Trấn Nam vương. Khi ấy bỗng có tin báo nơi biên giới đưa đến, các quan chấp chính xin tuyển người khoẻ mạnh sung vào quân ngũ cho số quân đông thêm. Hưng Đạo Vương nói: "Quân cần tinh, không cần nhiều. Như Bồ Kiên[1] có hàng trăm vạn, cũng có làm gì được? " (Hán Khoán sử cũ chép là Mạc Nam. 17 vạn thạch, sử cũ chép 70 vạn thạch). **<70b>** Vua sai Trung Đại vương Nguyễn Văn Thông sang nước Nguyên.

Tháng 3, xá tội.

Mùa hạ, tháng 4, lấy Đức Việp làm quyền Tướng quốc sự. Duyệt binh, xử kiện, định lại các danh sắc[2].

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1 có nhật thực.

Tháng 11, ngày mặt trời lay động (ngày 11, giờ Mùi mặt trời lay động thành 4 góc).

Quân của nhà Nguyên là bọn Thoát Hoan đến ải Nam Quan; quân Nguyên đến châu Tư Minh, Thoát Hoan để lại 2.000 quân, cho Vạn hộ là Hạ Chi và Trương Ngọc thống lãnh giữ khí giới xe cộ lương thực. Sai Hữu thừa Trình Bằng Phi đem vạn quânHán Khoán theo đường phía Tây vào Vĩnh Bình. Áo Lỗ Xích cũng đem 1 vạn quân sang theo cửa Nữ Nhi đường phía Đông huyện Ngọc Sơn. Phàn Tiếp và Ô Mã Nhi đem quân thủy theo đường biển vào An Bang. Quan lại ở biên giới là Trịnh Xiển tâu lên. Vua hỏi Hưng Đạo Vương: "Giặc đến thế nào?" Hưng Đạo Vương đáp rằng: "Năm nay thế giặc dễ đánh". Vua liền hạ lệnh cho cấm quân giữ ải Lãnh Kinh. Bằng Phi nhà Nguyên đem quân vây hãm 3 ải Sa, Trì, Trúc, rồi tiến đóng ở La Cảng, lại đánh tan được trại Phù Sơn. Hưng Đức hầu là Quán đem quân đón đánh **<71a>** bắn bằng tên thuốc độc. Quân Nguyên chết và bị thương rất nhiều, phải lui về đóng ở cửa Vũ Cao. Chiến thuyền của giặc Nguyên đỗ ở cửa An Bang. Quân ta hoảng hốt không kịp đánh, bỏ thuyền mà chạy, chiến thuyền bị giặc lấy mất, Phán thủ Thượng vị Nhân Đức hầu là Toàn đem chiến thuyền đánh nhau với giặc ở Đa Mỗ. Giặc Nguyên chết đuối rất nhiều, 40 tên bị bắt, thu được thuyền ngựa và khí giới đem về dâng vua (xét sử nhà Nguyên tháng đó, quan Hữu thừa ở tỉnh Vân Nam nhà Nguyên là Ái Lỗ đem

---

[1] Bồ Kiên: Vua thời Tần. Có một trăm vạn quân nhưng vẫn thua.

[2] Danh sắc: Danh từ nói về giáo lý nhà Phật.

quân đóng ở cửa Mộc Phàm đất Giao Chỉ. Tướng của ta là Chiêu Văn vương đem 4 vạn người chống giữ ở đó. Ái Lỗ đánh được quân ta, bắt được các tướng của ta là Lê Thạch, Hà Anh. Nay quốc sử không ghi, có lẽ là lược bỏ đi đấy).

Tháng 12, sai Nội Minh tự Nguyễn Thức đem quân Thánh dực dũng nghĩa đến cùng với Hưng Đạo Vương giữ cửa Đại Than. Thức gặp giặc, hai bên đánh nhau. Giặc bị thua.

Quân Nguyên đánh vào kinh thành, vua rước Thái Thượng hoàng về phía Nam. Thoát Hoan nhà Nguyên sai Trình Bằng Phi đem 2 vạn quân đánh vào Vạn Kiếp, dựng 2 trại trên núi ở Phả Lại và Chí Linh, chia quân chiếm giữ. Rồi lại thuận dòng xuống Ba Điểm ở phía Đông. Dân ở bên sông đều đầu hàng. Sai **<71b>** Ô Mã Nhi, A Bát Xích hợp thủy lục quân tiến thẳng đến kinh sư, qua sông Phú Lương, đóng quân ở dưới thành, quân ta đánh nhau với giặc không có lợi, vua cùng Thượng hoàng sang đồn Cảm Nam lại dùng chiến thuyền đi về phía Nam (Xét năm đó người Nguyên xâm lược nước Nam, Thoát Hoan làm chủ tướng còn bọn Bằng Phi, Áo Lỗ Xích, Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp đều phải lệ thuộc vào Thoát Hoan, chứ không có ai gọi là A Thai. Hơn nữa số quân tập hợp của các tỉnh đều ở đấy không có chỗ nào gọi là 50 vạn, hay 30 vạn. Sử cũ chép ngày 30 tháng ấy, Thái tử nhà Nguyên là A Thai cùng Ô Mã Nhi họp 30 vạn quân đánh Vạn Kiếp, tên tướng và số quân đều sai sự thực, cũng như năm Thiệu Bảo thứ 5 chép: bọn Trung phẩm là Hoàng Cơ Lệnh sang Nguyên, gặp Thái tử là A Thai tập hợp 50 vạn quân hẹn năm sau sang xâm lược. Năm thứ 6, Trần Phủ đi sứ về, nói rằng: Thái tử nhà Nguyên là Thoát Hoan, Bình Chương là A Thích mượn tiếng đi đánh Chiêm Thành, nhưng thực là chia đường vào xâm lược nước ta. Thế rồi kẻ đến lại là Thoát Hoan, không phải A Thai. Có lẽ là Sử thần nghe những lời truyền miệng ở ngoài đường không thể không có sự sai lệch, có cái đúng cũng có cái sai. Lại năm Thiệu Bảo thứ 7, Nguyên soái Toa Đô nhà Nguyên đem 50 vạn quân đến thẳng Chiêm Thành, cùng hợp với quân Nguyên. Xét ra quân đi đánh Chiêm Thành cũng do Thoát Hoan làm chủ tướng. Vua nhà Nguyên sai Đường Ngột Ỷ cùng với Toa Đô đem quân đến tập hợp mà thôi. Một nhánh của Toa Đô sao có được quân số nhiều như vậy? Có lẽ khi đó kẻ địch đánh tiếng để dọa nạt khoe số quân nhiều, ta cũng tin mà cho là thực. Xét Bắc sử và những truyện ký, Nguyên Thế Tổ xâm lược các nước,số quân chưa từng có 10 vạn, chỉ khi đánh Nhật Bản là có tới 10 vạn. Xâm lược nước ta thường điều động non 10 vạn người, ngoài ra như đánh Chiêm Thành cũng

không quá 1 vạn 5 nghìn người, đánh Miến Điện chỉ 1 vạn **<72a>** 2 nghìn người. Người đọc sách nên suy xét việc rồi tập hợp lại mà hiểu, há có thể tin vào lời truyền sai ngoa mà không suy xét hay sao. Cho nên đều bỏ không chép).

Mậu Tý, [Trùng Hưng] năm thứ 4 [1288] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 25), mùa xuân, tháng Giêng, Ô Mã Nhi xâm phạm phủ Long Hưng. Ô Mã Nhi đem thuyền chiến kéo ra cửa bể Đại Bàng. Phó tướng là Nhân Huệ vương Khánh Dư đánh nhau với giặc bị thua, lại đón đánh bại được tướng chuyển lương của giặc là Trương Văn Hổ ở Vân Đồn. Khi đó Hưng Đạo Vương đem hết công việc biên phòng giao cho phó tướng ở Vân Đồn là Khánh Dư, đến lúc ấy Ô Mã Nhi kéo ra Đại Bàng để đón thuyền lương của Trương Văn Hổ nhưng không gặp. Khánh Dư đánh nhau với giặc không thắng, Thượng Hoàng nghe tin đó, sai Trung Sứ khóa tay Khánh Dư đem về hành tại, Khánh Dư nói với Trung Sứ rằng: "Theo quân luật thì tôi cam chịu, nhưng tôi xin hoãn hai, ba ngày để lập công lần sau sẽ trở về chịu rìu búa cũng chưa muộn". Trung Sứ đồng ý theo lời xin. Khánh Dư đoán chiến thuyền của giặc đã qua, ắt thuyền lương phải theo sau, bèn tập trung số quân còn lại để đợi. Quả nhiên, không bao lâu tướng nhà Nguyên là Trương Văn Hổ chở thuyền lương tới. Khánh Dư đón đánh, quân giặc đại bại **<72b>**. Đến biển Lục Thủy lại đánh bại quân giặc. Thuyền lương đều bị chìm xuống biển, bắt được giặc và lương thực khí giới rất nhiều. Văn Hổ chỉ chạy thoát một mình, trốn đến Quỳnh Châu. Khánh Dư đưa thư chạy trạm về tâu vua, vua tha cho tội trước không hỏi đến và nói rằng: "Cái mà quân Nguyên trông nhờ vào là lương thực, khí giới, nay những thứ đó đã bị ta bắt được, có lẽ không còn mưu may được nữa". Bèn sai thả người bị ta bắt trở về trại quân Nguyên để báo cho chúng biết. Quân Nguyên thiếu lương thực, chia nhau vào núi tìm thức ăn, ngày càng khốn quẫn, đều muốn trở về không còn ý chí chiến đấu nữa. Cho nên năm đó nhân dân không bị tàn hại thảm khốc như những năm trước. Khánh Dư cũng có công đấy.Trước đây Khánh Dư trấn thủ ở Vân Đồn, phong tục ở đấy chỉ buôn bán để kiếm sống. Ăn uống, quần áo đều trông vào khách phương Bắc. Cho nên cách ăn mặc, đồ dùng đều chuộng tục phương Bắc. Khánh Dư điểm duyệt quân các trang rồi hạ lệnh: "Quân trấn giữ Vân Đồn là để phòng ngừa giặc Hồ, không được đội nón của Tần, vì sợ rằng trong lúc thảng thốt khó phân biệt quân hiệu, nên phải đội nón Ma Lôi để phân biệt (Ma Lôi là tên một làng ở Lộ Hồng **<73a>**, ở đó khéo nghề đan tre làm nón cho nên có tên gọi ấy), ai làm trái lệnh sẽ bị phạt". Khánh Dư trước đó đã sai người

ngầm mua thứ nón ấy chở đầy thuyền đem về đậu ở trong cảng trước vụng. Đã hạ lệnh lại sai người ngầm bảo với người trong làng là chỗ thuyền nón đậu ở đâu vì thế nhân dân tranh nhau đến mua. Trước đây giá mỗi cái nón không quá 60 tiền, sau giá cao lên một cái nón trị giá một tấm vải, thu được hàng nghìn tấm vải. Khách phương Bắc làm thơ mừng Khánh Dư có câu "Vân Đồn kê khuyển diệc giai kinh" (gà chó Vân Đồn đều phải sợ). Nói thác là để thán phục uy danh, nhưng thực ra ngầm ý chê bai đấy. Khánh Dư tính người tham lam, tất cả người trong làng ai cũng ghét. Vua tiếc là ông có tài làm tướng, cho nên không nỡ bỏ (xét sử cũ có chép năm đó quan quân hội đánh ở ngay cửa bể Đại Bàng, bắt được 300 chiếc thuyền tuần tiễu của giặc và 10 cái đầu giặc. Người Nguyên chết đuối rất nhiều. Chiến dịch đó có lẽ là Khánh Dư đón đánh thuyền lương của nhà Nguyên. Nhà viết sử không khảo cứu sự thực chỉ nói suông là quan quân, còn chiến thắng của Khánh Dư lại chép vào mùa đông năm Đinh Hợi. Cho nên cải chính lại mà chia dòng chú thích việc đó xuống dưới để giữ lại việc cũ đấy).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Việc đánh lui giặc Hồ ở đời Trùng Hưng, ai cũng khen nhiều về chiến thắng* ***<73b>*** *trên sông Bạch Đằng của Trần Hưng Đạo, mà không biết đến trận thắng ở Vân Đồn là Khánh Dư. Trận thắng đó rất kỳ diệu vàlà căn bản cho trận trắng sau đấy. Ba đường tiến quân bằng thủy bộ của giặc Nguyên đều trông vào thuyền lương vận tải đường biển. Đại quân đã đến mà thuyền lương chưa đến, trèo lên núi Thú Dương mà hô canh quý[1] ngong ngóng chờ lương thực, một sớm,một chiều phải đến lâu rồi. Cho nên từ khi Thoát Hoan xâm phạm Kinh sư lập tức sai Ô Mã Nhi ra cửa biển Đại Bàng đón thuyền lương của Trương Văn Hổ, nhưng không gặp, phải quay về. Không bao lâu lại ra Đại Bàng đến Tháp Sơn rồi lại đến An Bang tất cả đều vì đón Trương Văn Hổ. Chúng có ngờ đâu số lương 17 vạn thạch đã chìm, hết ở Vân Đồn và Văn Hổ cũng chuồn đã lâu rồi. Đi đón đã lâu rốt cuộc lương không đến. Vì thế ba quân đói khát, lương thực đã không có, đồng nội cũng không cướp được gì. Tướng sĩ đều mang lòng căm phẫn. Ép họ chiến đấu thì họ trả lời: "Ốm đau không chiến đấu được". Dụ họ ở lại thì họ trả lời: "Lương hết*

[1] Núi Thú Dương: Là nơi Bá Di, Thúc Tề nhà Chu lên ở ẩn rồi chết đói.

- Hô canh quý: Canh là phương tây chỉ thóc gạo; Quý là phương Bắc chỉ nước. Trèo lên núi Thú Dương mà hô canh quý, ý nói là hết lương thực.

không thể ở lại được". Họ đã quyết kể về **<74a>** *thì không cần ta phải đuổi, tin chiến thắng ở Bạch Đằng chỉ làm tăng thêm binh uy mà thôi. Còn trận đón đánh ở Vân Đồn là chẹt con hổ mà cướp lấy mồi, lòng tham hau háu mà không được thỏa vốn đã bị bẻ gãy móng và đập gãy răng rồi. Mưu tính liệu và công thắng địch của Khánh Dư cũng vĩ đại thay. Nếu không phải thế thì Thoát Hoan lần trước đã không đến. Nay đương muốn làm cho hả giận há lại chịu "mùa đông kéo đến, mùa thu đã về", cụp đuôi mà chạy ra khỏi Nam Quan không dám ngoảnh lại hay sao! Cho nên nói: Trận thắng ở Vân Đồn là căn bản của việc đánh lui giặc Hồ đấy. Sử cũ cho công của Khánh Dư là nhỏ, chỉ so với những trận thắng nhỏ của Trần Toàn, Nguyễn Thức, không có liên quan gì. Việc tính toán để chế ngự địch, cùng những cơ mưu đánh lui giặc khi bấy giờ, cộng với tình hình binh lính và thế của giặc mờ ảo không tra cứu được. Cho nên tôi nêu lên và nói ra.*

Tháng 2, Ô Mã Nhi nhà Nguyên lại kéo ra Đại Bàng. Quan quân chiến đấu với giặc ở Tháp Sơn **<74b>** bị giặc đánh bại. Giặc đánh vào trại Yên Hưng.

Tháng 3, Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn đại phá thủy quân của giặc Nguyên trên sông Bạch Đằng, bắt được tướng của nó là bọn Ô Mã Nhi. Thoát Hoan đem bộ binh trốn về. Từ khi Thoát Hoan xâm lược nước Nam, tuy nói là chiếm được thành Thăng Long nhưng thực ra vẫn lấy Vạn Kiếp để đóng đồn chính và lấy Phả Lại, Chí Linh làm nơi tựa. Lúc đó, lương đã hết từ lâu, quân sĩ đói khát mệt mỏi,Thoát Hoan liền dẫn quân từ Kinh sư về Vạn Kiếp, sai Bát Xích đem quân tiền phong đánh Tam Giang, phá hơn 30 đồn luỹ cướp gạo để tự túc. Lại sai Ô Mã Nhi ra cửa biển An Bang đón thuyền lương của Trương Văn Hổ. Không thấy thuyền lương đến, Ô Mã Nhi lại trở về Vạn Kiếp cướp lương thực của xóm làng lân cận được hơn 4 vạn thạch gạo, mưu tính chia quân đánh đồn ở Phả Lại, Chí Linh, thừa cơ cướp bóc để làm kế cố thủ. Các tướng của nó đều kêu lên là không còn thành trì nào có thể giữ được, không còn kho tàng nào có thể làm lương ăn được, không gì bằng kéo quân về". Thoát Hoan nghe theo. Quân Nguyên lương thực thì hết tướng sĩ lại bị ốm đau nhiều **<75a>** những nơi xung yếu đã bị ta lấy lại, bèn quyết ý rút về. Sai Ô Mã Nhi cùng bọn Phàn Tiếp đem chiến thuyền đi đường thủy về trước. Trước đó Hưng Đạo Vương cho rằng cửa biển An Bang là con đường mà quân Nguyên kéo về tất phải đi qua, nên đã cho người đóng cọc ở sông Bạch Đằng trước rồi phủ cỏ lên trên để che đi, chờ quân giặc đến. Khi

bọn Ô Mã Nhi kéo về, Hưng Đạo thừa lúc nước thủy triều lên đem thuyền ra khiêu chiến rồi vờ chạy, quân giặc phương Bắc kéo hết quân đuổi theo. Khi nước xuống, thuyền của giặc bị vướng hết vào cọc. Nguyễn Khoái đem quân Thánh Đực Dũng Nghĩa đánh nhau với giặc. Vua cùng Thái Thượng hoàng lại mang đại quân tiếp đến, tung quân vào đánh, quân giặc đại bại. Ô Mã Nhi phải thu thập những chiếc thuyền còn lại mà chạy. Khi ấy nước thủy triều rút nhanh, thuyền của giặc gác lên cọc, đều nghiêng đắm, quân Nguyên chết đuối nhiều vô kể, nước sông đỏ ngầu. Bắt được bọn Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp và hơn 400 chiếc thuyền. Nội minh tự là Đỗ Hoành đem Ô Mã Nhi, Tích Lệ Cơ vương dâng Thượng hoàng. Thượng hoàng sai dẫn lên thuyền của mình cùng cho ngồi **<75b>** nói chuyện và uống rượu. Hữu thừa của nhà Nguyên là Trình Bằng Phi chọn quân tinh nhuệ hộ vệ Thoát Hoan đi đường bộ trốn về nước, đến ải Nội Bàng, quan quân ta đã tập hợp rất đông chặn đánh. Tướng giặc là Lại Vạn hộ Trương Quân đem 3 nghìn người liều chết đánh mới qua được biên giới. Tin báo quân ta có hơn 30 vạn giữ từ Nữ Nhi đến ngọn núi Khâu Cấp kéo dài hơn trăm dặm. Người Nguyên tự liệu không thể thoát được nên vừa đánh vừa chạy. Quân ta đứng trên cao dùng tên thuốc độc bắn xuống, bọn Trương Ngọc, Bát Xích đều chết. Tướng sĩ nhà Nguyên băng bó vết thương rồi chống lại. Giặc chết thây gối lên nhau. Thoát Hoan từ huyện Đan Kỷ (có bản chép là Đan Ba, thuộc Lạng Sơn) theo đường tắt Lãi Châu trốn về. Đến châu Tư Minh sai Áo Lỗ Xích đem các quân về Bắc. (Xét sử cũ chép: quân Nguyên họp nhau ở sông Bạch Đằng để đón thuyền lương của Trương Văn Hổ nhưng không gặp lại bị Hưng Đạo đánh bại. Đến khi thuyền của Văn Hổ đến lại bị đánh bại. Thuyền lương gác lên cọc, lương thực đổ gần hết. Nay xét thuyền lương của Văn Hổ vào tháng Giêng đến Vân Đồn bị Khánh Dư đánh bại. Thoát Hoan chờ lâu không thấy đến, sai Ô Mã Nhi đi đón, vẫn không thấy đến bèn tính kế trở về Bắc. Tham khảo các sách ý đều giống nhau. Hơn nữa lấy ngày tháng mà tính thì: Tháng 11 đại quân của Thoát Hoan **<76a>**kéo đến cửa ải, thuyền lương của Văn Hổ tiếp tục xuất phát. Đường biển sóng gió bất thường, lẽ ra tháng Giêng đến nơi mới đúng, há lại có lý tháng 3 mới đến nơi. Xét Khánh Dư tính toán rằng: thuyền giặc đã qua, thuyền lương tất phải tiếp sau, cùng với việc báo tin thắng trận lên Thượng hoàng rằng: lương thực của giặc đã bị ta bắt được. Lại cũng năm đó, tờ biểu của nước ta có nói: "Thái tử Mông Cổ thương sót đem đại quân trở về". Ô Mã Nhi và Tham chính lĩnh quân tuy ra ở ngoài biển vẫn bắt dân vùng biển. Trăm họ bị bức bách mà chết liền dấy lên cái tai họa "chim cùng thì mổ lại, thú cùng thì phải cắn lại".

Xem đó càng thấy rõ cuộc thất bại của Văn Hổ phải ở chiến dịch Vân Đồn, mà chiến dịch đó có lẽ vào lúc đến đánh Ô Mã Nhi kéo quân về.Không còn ngờ nữa cho nên cải chính lại để thấy được việc dùng binh, trước sau như thế mới khỏi sai sự thực. Lại theo sử cũ chép: Nguyễn Khoái đánh nhau với giặc bắt được Bình chương Áo Lỗ Xích. Nay tra Áo Lỗ Xích là tướng đường bộ của nhà Nguyên, người đã cùng Thoát Hoan kéo quân đường bộ trở về. Tham khảo sử phương Bắc và các sách đều nói "Áo Lỗ Xích vâng mệnh của Thoát Hoan đem quân kéo về Bắc". Nó chưa từng đến Bạch Đằng một lần nào mà lại bị Nguyễn Khoái bắt được hay sao? Người mà bị Nguyễn Khoái bắt chỉ là viên tướng nhỏ thôi. Lại sử cũ chép: "Thoát Hoan cùng với A Thai đem quân trốn về phủ Tư Minh, thổ quan là Hoàng Nghệ bắt được đem dâng lên. Những năm đó tướng suý nhà Nguyên không có ai tên là A Thai. Thoát Hoan đã về Tư Minh, vua Nguyên vì thấy nó không có công trạng gì, bèn cho ra trấn ở Dương Châu không cho vào chầu, thì còn ai bắt được? Những loại như thế, khảo xét không rõ, đo đắn không kỹ vội chép vào sách làm cho người đọc nghi ngờ. Cho nên lược bỏ đi).

> ***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Ngô Tiên chủ phá tan quân của Lưu Hoằng Thao; Trần Hưng Đạo bắt sống Ô Mã Nhi đều trên* ***<76b>*** *sông Bạch Đằng, đều là những võ công lớn của nước ta. Tiếng tăm của các vị hào kiệt cùng với cảnh đẹp của núi sông nghìn đời vẫn còn như thế. Trương Hán Siêu làm bài phú trên sông Bạch Đằng có câu:*
>
> *"Triết chiến trầm sa, khô cốt doanh khâu".*
>
> *Nghĩa là:*
>
> Giáo gãy chìm trong cát, xương khô chất đầy gò.
>
> *Lại có câu:*
>
> *"Duy thử giang chi đại tiệp, do Đại Vương chi tặc nhàn" (Chỉ có thắng lớn ở sông này, là do Đại Vương liệu tính giặc đã quen).*
>
> *Ngẫm kỹ ý của lời văn đã mô tả được sự lụn bại của quân Hán, quân Hồ, thật là thảm thiết. Đương khi Hoằng Thao đem hàng trăm vạn lâu thuyền xuống phương Nam, cha là Nghiễm ở gần làm thanh thế viện trợ bảo là chỉ đánh một hồi trống có thể được vừa ý. Ô Mã Nhi là tên đầu sỏ trong đám chó dê, giống trông ra biển tự cho là không ai làm gì được mình. Rốt cuộc đều bị chết trên những chiếc cọc. Dấu vết tanh hôi của Hán và Hồ chảy*

cùng dòng nước. Còn sông núi nước ta, sách trời đã định cho dù người Bắc cậy vào chí lực mà lấy được cũng không thể có mãi được. Chỉ tự chuốc lấy sự chết mà thôi, tham lam dùng binh có làm gì được đâu! Xem rộng các triều đại chỉ có vua Nguyên Đế nhà Hán bỏ quận Châu Nhai và vua Tuyên Tông nhà Minh bãi binh ở Giao Châu, có thể là có ý kiến sáng suốt đấy.

Vua rước Thái Thượng hoàng về phủ Long Hưng, dâng **<77a>** tù binh ở Chiêu Lăng[1]. Vua và Thái Thượng hoàng về phủ Long Hưng, đem bọn tướng nhà Nguyên là Tích Lệ Cơ Ngọc, Nguyên soái Ô Mã Nhi, Tham chính sầm Đoạn, Phàn Tiếp, Điền Nguyên, cùng các bọn Vạn hộ, thiên hộ đến Chiêu Lăng để làm lễ dâng tin thắng trận. Trước kia, người Nguyên đã muốn phá Chiêu Lăng đi, nhưng có quan tài của vua nên chưa động đến. Đến khi giặc thua, chân ngựa đá ở đấy đềulấm bùn. Khi vua làm lễ yết lăng, có câu thơ rằng:

"Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,
Sơn hà thiên cổ điện kim âu".

Dịch nghĩa:

(Xã tắc hai phen làm mệt ngựa đá,
Non sông nghìn thuở vững âu vàng).

Có lẽ vì cảm thấy thần linh ngầm giúp mà làm ra đấy.

Xa giá trở về kinh sư.

Mùa hạ, tháng 4, đại xá cho thiên hạ. Khi đó cung điện bị giặc đốt phá, khi xe vua đã trở về, Thượng hoàng ngự ở nhà thị vệ, đại xá cho thiên hạ. Phàm nơi nào từng bị đốt phá thì được tha tô thuế sai dịch hoàn toàn, còn những nơi khác có miễn giảm theo từng bậc khác nhau.

Vua ban dụ cho ty Hành khiển giao hảo với viện Hàn lâm. Theo lệ cũ: Phàm những chiếu thư thì Viện Hàn lâm nghĩ **<77b>**soạn, quan Hành khiển tuyên đọc. Chức Hành khiển trước đây chỉ dùng hoạn quan làm. Viện Hàn lâm phải đưa trước bản thảo tờ chiếu, cho quan Hành khiển tập đọc, để khi đọc thì giảng cả âm lẫn nghĩa, cho tất cả mọi người dễ hiểu. Bấy giờ Lê Tòng Giáo làm tả phụ vốn không hợp với Hàn lâm phụng chỉ là Đinh Củng Viên. Gặp khi có lệnh đại xá, Củng Viên cố ý không đưa tờ chiếu, Tòng Giáo nhiều lần đòi mà không được. Đến ngày

---

[1] Chiêu Lăng: Lăng Trần Thái Tông.

làm lễ, xe nhà vua đã ra cung, Củng Viên mới đưa bản thảo cho Tòng Giáo. Tòng Giáo tuyên đọc không thông âm nghĩa chỉ lặng yên, vua bảo Củng Viên đứng đằng sau chỉ bảo, Củng Viên đứng ở sân đọc thật to, khiến Tòng Giáo có vẻ xấu hổ. Khi vua trở về, triệu Tòng Giáo dụ rằng: "Củng Viên là văn sĩ, ngươi là hoạn quan sao lại bất hòa với nhau đến thế? Ngươi làm quan Lưu thủ ở Thiên Trường có thể lấy sản vật như tôm biển cam ngọt qua lại tặng nhau thì có hại gì?" Từ đó Tòng Giáo và Củng Viên giao hảo càng thân.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Vua dạy cho bầy tôi giao hảo tặng nhau há chẳng phải là mở ra mối tệ <78a>người làm tôi tư giao với nhau sao? Tôi cho là giao hảo là tư giao, hình tích tuy giống nhau nhưng thực là khác đấy. Xét ra những người, mang lòng riêng ngầm kết cấu với nhau, là tư giao. Như Kinh Xuân Thu chê việc Thái Bá đến nước Lỗ[1] là thế, lấy tình tốt vui vẻ với nhau, thì không phải là tư giao, như người trong Kinh Thi vịnh bài tặng quả dưa quả mận[2] vậy. Vua bảo bầy tôi giao hảo với nhau để cùng hoàn thành công việc nhà vua. Có thể thấy được nhà Trần trung hậu như thế đấy. Nhưng lại dùng hoạn quan không biết chữ làm chức Hành khiển cũng là không phải.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Nhà Trần trung hậu giản dị, vua tôi thân nhau như cha con, quan ở trong hay quan ở ngoài đều đãi ngộ như nhau. Quan ở ngoài không hiềm xa xôi mà có thái độ kiêng kỵ, quan ở trong không cậy gần vua mà đưa lời khen chê riêng tây. Vua lại biết kính trọng các bậc sĩ phu, cho nên các bậc nho học cũng nhờ có văn học mà được kính trọng. Có lẽ đó là phong tục tốt của người xưa. Củng Viện, không đưa trước bản thảo tờ chiếu là trái với lệ cũ, khiến <78b> mọi người cùng xem cùng nghe, tiếng nhục. Lúc nên im lặng thì lại to tiếng để làm nhục quan Hành khiển và khinh nhờn nghi lễ triều đình, Nhân Tông cũng không chút khiển trách. Thấy Tòng Giáo không thông âm nghĩa thì sai Củng Viên chỉ bảo cho xong công việc. Đến khi thấy Củng Viên to tiếng chỉ bảo thì lại bảo Tòng Giáo giao hảo để vui lòng Củng Viên, mà Tòng Giáo và bè đảng của ông cũng không ai làm hại được. Lại còn thờ vua như cha mẹ, công nghiệp to lớn*

---

[1] Chỉ việc Thái Bá tự đến nước Lỗ không có lệnh của vua nhà Chu. Tả truyện cho đó là tư giao.

[2] Tức bài "đầu đào báo lý" trong Kinh Thi.

được bề trên kính nể, được đương thời coi trọng, có chỗ dựa mà như vậy chăng? Giả sử không gặp được vua sáng suốt thìtất không thể yên thân một ngày trong triều đình được. Còn như dùng quan Hành khiển tuyên đọc tờ chiếu,có lẽ là câu nệ vào nghĩa truyền đạt mệnh vua đấy. Đặc biệt lại không biết rằng cái gọi là truyền đạt mệnh vua, phải là lời truyền đạt ra vào trong cung cấm, chứ không phải truyền đạt là tuyên đọc ở nơi triều đình. Thế nhưng vẫn có thể thấy được cái ý trung hậu giản dị.

<79a> Mùa đông, tháng 10, sai Đỗ Thiên Hư đi sứ sang nhà Nguyên. Thiên Hư là em Khắc Chung. Khắc Chung đi sứ sang nhà Nguyên lập được công, nay tiến cử em (xét tờ biểu của nước ta có nói: "Đại quân vừa đi mà thiên sứ chưa đến, tôi sai bọn Trung đại phu Trần Khắc Chung, Tòng nghĩa lang Nguyễn Mạnh Thông, kính dâng lễ mọn trước cửa khuyết" có lẽ là biểu văn của Thiên Hư đi kỳ này, nhưng họtên lại khác không thể tra cứu được).

Kỷ Sửu, [Trùng Hưng] năm thứ 5 [1289] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 26), đưa tù binh nhà Nguyên là bọn Ô Mã Nhi về nước. Sai Nội thư gia Hoàng Tá Thốn đưa về. Dùng kế của Hưng Đạo Vương lấy người giỏi bơi lội làm phu thuyền, đêm dùi thuyền cho chìm, bọn Ô Mã Nhi chết đuối hết (xét: chiến dịch Bạch Đằng bắt sống bọn Ô Mã Nhi, Tích Lệ Cơ vương, Phàn Tiếp, Thượng hoàng cho dẫn đến cùng ngồi để biểu thị lòng kính trọng của mình, liền sai Tòng nghĩa lang Nguyễn Thịnh đưa Tích Lệ Cơ vương về nước cùng khởi trình với Đường Ngột Phản, Phàn Tiếp ốm chết đã hỏa táng và cấp ngựa cho vợ con nó về. Tích Lệ Cơ vương có bản chép là "Tích Lệ Cơ" không có chữ "vương", có lẽ là thân thích của vua nước Nguyên, khi đó đều gọi là đại vương đấy. Duy có Ô Mã Nhi là người gian ác, giết chóc rất thảm khốc. Khi quân Nguyên đến, Mã Nhi từng nói với người nước ta rằng: "Mày chạy lên trời ta cũng đuổi lên trời, mày chạy xuống đất ta cũng đuổi xuống đất, mày trốn vào trong núi ta cũng vào trong núi, mày chạy xuống biển ta cũng đuổi xuống biển". Triều đình rất căm giận, cho nên không cho nó về, làm kế cho nó chết đuối để hả giận. Nhưng trả lời với nước Nguyên lại nói rằng: Tham chính Ô Mã Nhi đương **<79b>** thời kỳ tiếp tục về nước. Vì đường về đi qua Vạn Kiếp. Nhân xin trước với Hưng Đạo giúp cho dụng cụ đi đường, đêm nằm trong thuyền, nước dò vào, thuyền bị chìm, quan Tham chính người to lớn không vớt lên được nên bị chết đuối. Người Nguyên cũng biết ta nói dối nhưng cũng không hỏi vặn).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Chữ tín là vật báu của nước, khiến người ta khâm phục sâu sắc, cũng là cái gốc của vương chính vậy. Hưng Đạo Vương dùng bá thuật*[1]*, muốn cho thành công trong một thời, mà không biết làm thế sẽ mất lòng tin với muôn đời. Đã nói đưa về nước lại dùng mưu giết đi. Thật là quỷ quyệt đấy! Vua Thái Tổ cao hoàng đế triều Lê ta khi dẹp xong loạn muốn thả người Minh về nước, bọn ngụy quan có kẻ đã vì người Minh mà dẫn việc Hưng Đạo Vương dùi thuyền để ngăn trở lòng người muốn về. Nhưng lòng tin thực của nhà vua đã thấu đến cả con lợn con cá, người Minh vẫn tin theo không nghi ngờ gì. Đó mới là làm cho người ta khâm phục sâu sắc là gốc của chính sự. Há lại là bổ ích nhỏ hay sao?*

Nhà Nguyên sai bọn Đề hình Lưu Đình Trực, Lễ bộ **<80a>** Thị lang Lý Tư Diễn sang đưa dụ chỉ và đưa sứ nước ta là bọn Thông thị đại phu Nguyễn Nghĩa Toàn tất cả 24 người về nước. Vào đầu năm Trùng Hưng khi Thoát Hoan trở về nước, vua liền sai Nghĩa Toàn cùng với bọn Hiệp trung đại phu Nguyễn Đức Vinh, Hữu Vũ đại phu Đoàn Hải Khung, Trung đại phu Nguyễn Văn Ngạn mang theo lễ vật địa phương sang. Vua Nguyên tức giận muốn lại đem quân sang nên đều giữ lại. Đến khi ấy vừa lúc ta đưa tù binh là bọn Tích Lệ Cơ về nên mới cho sứ thần ta về nước. Vua sai Hưng Đạo Vương đón bọn Đình Trực ở cửa kinh thành. Khi đã vào thành, đến cửa điện thì xuống ngựa rồi mời vào điện Tập Hiền tuyên đọc dụ chỉ và yêu cầu vua ta vào chầu. Khi sứ thần về quán, mới sai Từ thần đến nói nguyên nhân Ô Mã Nhi bị chết đắm và nói ý vua ta tuổi già không thể vào chầu được, từ đấy có nơi nào xin mời, thì không có nơi nào sứ thần không đến. Bọn Đình Trực ở hơn 10 ngày từ biệt ra về. Hưng Đạo kính thuận như trong tờ biểu đã nói. Vua lại sai bọn Bồi thần Đàm Minh, Thông thị đại phu Chu Anh Chủng mang sản vật địa phương theo đi, từ đó hai bên Nam Bắc lại thông hiếu với nhau **<80b>**.

Tháng 3, ngày mồng 1 có nhật thực.

Mùa hạ, tháng 4 xét công dẹp giặc Nguyên, tiến phong Hưng Đạo Vương làm Đại vương; Hưng Vũ vương làm Khai quốc công; Hưng Nhượng vương làm Tiết độ sứ; Khắc Chung vẫn làm Đại Hành khiển, ban cho họ nhà vua. Đỗ Hành bắt được Ô Mã Nhi không đem dâng vua chỉ được phong quan Nội hầu. Bọn Man trưởng ở Lạng Giang là Lương

[1] Bá thuật: Những thủ đoạn xảo trá để đạt mục đích nhất thời, bất chấp nhân nghĩa.

Uất, Hà Tất Năng vì biết đem người Man ra đánh giặc, cho Uất làm chủ trại Quy Hoá; cho Tất Năng tước quan phục hầu. Riêng Hưng Trí vương vì làm trái lời chiếu, đem quân đón đánh khi quân Nguyên trở về không cho thăng tước trật. Khi ban thưởng ban tước đã thi hành, nếu còn có người nào chưa thỏa mãn thì Thượng hoàng dụ rằng: "Nếu các ngươi biết được giặc Hồ nhất định không đến nữa, thì dù thăng lên cực phẩm trẫm cũng không tiếc. Lỡ ra giặc Hồ lại đến, các ngươi lại lập công thì trẫm lấy gì để thưởng và để khuyến khích thiên hạ". Mọi người đều vui vẻ thán phục. Lại quy định những bầy tôi có công trước sau. Ai có kỳ công xông lên trước phá được trận của giặc đều ghi họ tên vào. "Trung hưng thực lực" và được vẽ hình.

<81a> ***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Hưng Trí vì đón đánhgiặc Nguyên khi rút lui nên không được tiến trật. Thế thì chiến dịch trên sông Bạch Đằng không phải là đón đánh hay sao? Mưu của giặc Nguyên kéo quân trở về Bắc, không phải chúng ta đã dự biết được. Ô Mã Nhi đem thủy quân về trước, há có thể tha giặc mà không đánh chăng? Đến khi Thoát Hoan đem bộ binh của hai đường nhổ trại mà về thì tình hình bỏ về đã rõ ràng rồi. Tờ chiếu "chớ đón đánh khi quân giặc rút lui về" có lẽ ý là "giặc đến đường cùng thì không đuổi nữa" để phòng sinh ra những việc không hay đấy. Thế mà Trí Hưng trái lệnh nênkhông được ghi công. Nhưng giặc Hồ 3 lần đến đây giày xéo lên biên giới nước ta, đốt phá cung điện của ta, giết hại nhân dân ta, khiến cho thôn xóm tiêu điều, đồng nội không còn đám cỏ xanh. Nó tàn hại nước ta thật khốc liệt. Bỗng vì đói mà bỏ về, ta đuổi theo mà đánh, làm cho nó tổn tướng hao binh, tước đoạt hồn phách của nó, khiến cho nó không dám lại nhòm ngó nước Nam nữa. Đó cũng là việc báo thù rửa hận, thế mà không châm chước. Cứ cho là làm trái chiếu chỉ mà át đi, có thể bảo là ban thưởng công bằng chăng? <81b> Đến như Đỗ Hành dâng tù binh lên Thượng hoàng, lại bị Nhân Tông giảm bớt phong thưởng. Như thế há không làm tổn thương đến lòng Thượng hoàng hay sao? Hai vua Thái Tông và Nhân Tông hợp mưu đánh bại kẻ thù, mà trong khoảng cha con lại vì xét công mà nghi kỵ nhau, thế là lấy sự tranh chấp dạy người dưới đấy. Thần nay rất không hài lòng với vua Nhân Tông.*

Tháng 5, trị tội những người đầu hàng giặc. Quân dân được miễn tội chết phải chuyển gỗ đá làm cung điện để chuộc tội. Còn các quan viên thì tùy tội nặng nhẹ xét xử có khác nhau. Trước đây khi quân Nguyên

sang xâm lược, trong các vương hầu thần liêu có nhiều kẻ ra vào biếu xén ở trại giặc. Khi giặc tan quân ta bắt được một tráp đựng những tờ biểu xin hàng. Thượng hoàng sai đem đốt đi để làm yên lòng kẻ phản trắc. Duy những kẻ đã đầu hàng giặc từ trước thì dù nó đã ở trong hàng ngũ của giặc vẫn tuyên bố từ tội lưu đầy, tử hình hoặc tịch thu điền sản. Những người thuộc hàng tôn thất như Minh Hiến hầu Trần Kiện, Văn Chiêu hầu Trần Lộng đều bị tước bỏ họ nhà vua đổi thành họ Mai. Riêng Ích Tắc chỉ gọi là Ả Trần, ý là nhu nhược như đàn bà. Cho nên khi ấy ghi chép có tên gọi là <82a> Ả Trần, Mai Kiện. Có người tên là Đặng Long cận thần của nhà vua là người giỏi văn học nhưng trước ở bậc thấp, vua từng muốn cho làm Hàn lâm học sĩ, nhưng Thượng hoàng không bằng lòng. Long bất bình mới hàng giặc. Đến lúc đó bắt được rồi chém đi. Hai hương Bà Điểm, Bàng Hà khi giặc đến đã đầu hàng trước, nên bắt quân dân hai hương ấy chỉ làm binh thang mộc, không được vào làm quan. Ngoài ra cấp cho các tể thần để làm gia nô sai khiến.

> ***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Vua Thánh Tông đốt những tờ biểu xin hàng, cũng giống vua Quang Vũ đốt sách vở. Cái gọi là chứa đựng cái nhơ bẩn độc hại che đậy cái vết bụi, hai vua đều có những điều ấy. Lượng của bậc đế vương bao la như vậy, đều có thể giữ được dòng dõi ngôi báu để truyền lại cho con cháu, đâu có phải chuyện ngẫu nhiên. Ích Tắc không bị xóa tên trong sổ của dòng họ, điều đó càng nghiệm thấy được lòng thành thực yêu mến anh em đấy.*

<82b> Cho Phùng Sĩ Chu làm Hành khiển. Trước đây khi quân Nguyên sang xâm lược, vua sai Sĩ Chu bói, Sĩ Chu đoán rằng: "Tất thắng lớn". Vua mừng và nói: "Nếu đúng như lời nói ấy sẽ có trọng thưởng". Khi dẹp xong giặc, vua nói: "Vua thiên tử không nói đùa". Cho nên có mệnh lệnh đó. (Sĩ Chu người ở cổ Liễu thuộc Trà Hương, là người trung hiếu, có văn học, dần dần làm quan đến Thiếu phó, hiệu là Thiên Trai tiên sinh[1]).

Phong Nguyễn Khoái làm Liệt hầu, ban cho một quận làm ấp thang mộc, gọi là Khoái Lộ 快路 (nay là phủ Khoái Châu).

Thượng hoàng đến hành cung Thiên Trường. Khi đó giặc Nguyên đã rút lui, Thượng hoàng ngự xe về phủ Thiên Trường, thấy cung khuyết không bị xâm phạm có làm bài thơ rằng:

---

[1] *ĐVSKTT chép là Tốn Trai tiên sinh.*

"Cảnh thanh u vật diệc Thanh u,
Thập nhất tiên châu thử nhất châu.
Bách bộ sênh ca cầm bách thiệt,
Thiên hàng nô bộc quất thiên đầu.
Nguyệt vô sự chiếu nhân vô sự,
Thủy hữu thu hàm thiên hữu thu.
Tứ hải dĩ thanh trần dĩ tĩnh,
Kim niên du thắng tích niên du".

Dịch nghĩa:

(Cảnh thanh u, vật cũng thanh u,
Mười một tiên châu, đây một châu,
Trăm giọng chim ca, trăm bộ sáo,
Nghìn hàng cây quất, nghìn tên nô.
Trăng vô sự soi người vô sự,
Nước có thu in trời có thu.
Bốn biển đã yên, nhơ đã sạch,
Chuyến đi này hơn chuyến đi xưa).

Từ năm Thiệu Bảo về sau, phải dùng binh qua 2 lần để đánh giặc, cho nên có cảm xúc mà làm thơ vậy.

<83a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Từ Trần Thái Tông đến Nhân Tông, người Nguyên 3 lần sang xâm lược nước ta. Lần thứ nhất vào năm Đinh Tỵ [1257] niên hiệu Nguyên Phong; lần thứ 2 vào năm Giáp Thân [1284] niên hiệu Thiệu Bảo; lần thứ 3 vào năm Đinh Hợi [1287] niên hiệu Trùng Hưng. Chiến dịch BìnhLệ năm Đinh Tỵ [1257] trở đi trở lại gần đây 1 tuần, khi đó gọi là, phật tặc. Có lẽ vào thời vua Hiến Tông nhà Nguyên, chưa dẹp được giặc Tống giặc Kim, cho nên chí thôn tính nước ta cũng chưa hăng hái. Sau khi Hợp Thai rút quân về trong vòng 29 năm không dám đến phương Nam. Đến khoảng năm Thiệu Bảo, Trùng Hưng, Thế Tô nhà Nguyên đã chiếm được cả vùng Trung Nguyên thì cái lòng ham dùng binh đao võ lực đến mức tột cùng, muốn đạp bằng nước ta mới thôi. Lúc đầu thì tham làm sau thì tức tối. Cho nên trong vòng 4 năm, quân phương Bắc 2 lần qua cửa ải nước ta. Sau khi tập hợp chống lại quân giặc, cha con vua Thánh Tông và Nhân Tông mưu tính tin dùng anh em Hưng Đạo, Chiêu Văn chống kẻ khinh rẻ, cuối cùng đã chém được Toa*

Đô, bắt được Ô Mã Nhi, 2 lần Thoát Hoan bỏ chạy khiến cho xã tắc 2 hồi loạn lại yên, non sông muôn thuở như mới. Dù là phúc lộc chưa hết, do lòng trời phù giúp, nhưng công việc của người cũng rất khó khăn đấy. Như việc hội vương chư hầu ở Bình Than; đãi tiệc các phụ lão ở Diên Hồng, không việc gì là vua không hỏi đến người. Khi vượt Đại Bàng vào Thanh Hoá, ra Hải Đông, về Thiên Trường, không nơi nào là vua không đến. Ngựa đá phải lấm bùn, nỗi đau đớn thấm sâu ở Sơn Lăng, Thiên An, Thừa Thiên đều thành tro tàn, nỗi thù hận triền miên (giặc Nguyên đến Kinh sư theo cửa Đại Hưng đi vào, qua cửa nách tả hữu 9 gian ngự điện Thiên An và những cung khuyết, gác Triều Thiên đều bị đốt sạch), Trương Hiến hầu xin hàng buổi trước, Văn Chiêu Chiêu Quốc xin hàng buổi sau, bận lòng đến bậc tông thân, một mai quét sạch bụi Hồ, âu vàng lại vững. Về thăm quê cũ, có ngày nay nhớ lại ngày qua, bất giác thốt lên lời thở than ngâm vịnh, cung một giọng như khí tượng của Hán Cao Tổ, hát bài đại phong ca và ngẫm kỹ từ ấy thì bài thơ của Thánh Tông trong lòng thanh thản như đối với bóng cây râm mát, nghe tiếng chim ca líu lo, rót chén rượu dưới ánh trăng trong, gảy lên tiếng đàn trên dòng sông yên tĩnh, tưởng lại khi khói lửa ở Chí Linh, Vạn Kiếp, cơn sóng gió ở Đại Thanh, Bạch Đằng, những buổi con thuyền cô quạnh bị nước rót vào. Và ngày bày ra những bát cơm hẩm. Thế mà vẫn hợp sức vua tôi, cha con một lòng, vượt qua được lúc gian nan. Đến bây giờ loạn lạc đã yên, cùng hưởng tôn vinh, lần rong chơi năm này so với lần rong chơi năm trước, thong dong biết dường nào! Đó là Thượng hoàng cảm động trong lòng mà tỏ ra lời nói. Không phải giống như Hán Cao Tổ gõ cái gậy trúc hát bài nhớ người mãnh sĩ có thể theo kịp được. Bảo là tính tình đúng đắn thì cũng đúng.

Mùa hạ, tháng 6, đại hạn kéo dài đến mùa đông tháng 10.

Canh Dần, [Trùng Hưng] năm thứ 6 [1290] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 17), mùa xuân, tháng 2, tuyển chọn quan văn chia đi trông coi các lộ.

Vua thân đi đánh Ai Lao. Khi sắp đi, triều thần can rằng: "Nay giặc Hồ mới lui, vết thương của dân chưa khỏi, sao đã vội dấy binh". Vua nói: "Chỉ nên ra quân vào lúc này thôi. Vì sau khi giặc lui, lân bang hẳn sẽ cho quân sĩ, xe ngựa của ta chết nhiều, thế không thể dấy quân được, sẽ

có sự khinh nhờn, cho nên đem đại quân đi đánh để thị uy". Quân thần đều nói: "Há lại không biết làm nhụt sức dân là điều đáng lo, điều đáng lo của nhà vua là điều lớn hơn thế nữa. Thánh nhân lo xa, bọn thần không ai theo kịp".

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Khi đó triều thần can ngăn việc dấy binh của nhà vua chưa phải là sai lầm. Đến khi nghe lời nói của Nhân Tông lại vội khen là "thánh nhân lo xa" thì gần như là xiểm nịnh đấy.*

Tháng 3, gia phong cho Tá Thiên đại vương Đức Việp làm nhập nội Kiểm hiệu Thái úy.

Mùa hạ, tháng 4, nước sông Tô Lịch chảy ngược (sử cũ chép sông có mưa to nhiều nước thì mới dềnh trở lại mà chảy ngược. Xét thấy nguồn sông Tô Lịch phát từ sông Nhị Hà từ phường Hà Khẩu thông với Hồ Tây. Những nơi Thụy Chương, Yên Hoà, Yên Quyết nước cạn đi thuyền không được, dân ở hai bên bờ ném gạch đá xuống. Khi nước đầy lại bị hạ lưu chặn lại không chảy được cho nên phải chảy ngược, không phải là tai dị).

<85a> Tháng 5, Thượng hoàng băng ở cung Nhân Thọ, tang Thượng hoàng mới được hơn 3 tháng,Ngự sử đại phu là Đỗ Quốc Kế tâu: thần được biết khi có tang không nên làm người khác bị đau, nay các bậc Thiên tử đều dùng kiệu làm người khác bị đau, xin vua nên cưỡi ngựa, vua nghe theo nhưng chỉ dùng yên mộc (xét sử cũ chép ba chữ "thiên tử giai" (thiên tử đều) thì đáng ngờ. Có người nói: chữ thiên tử, là sai đấy, căn cứ vào chữ dưới: chỉ dùng yên mộc chữ "kiên dư" (kiệu) thì lại hình như ý chỉ vào vua, thì rất càn rỡ).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Xem lời nói của Quốc Kế thì không chỉ học vấn nông cạn mà kiến thức cũng hạn hẹp.Xét ra theo tang chế thì không nên cưỡi ngựa. Làm người bị đau tức là người ta gầy mòn hại đến tính mệnh, thế mà lại bảo đi kiệu làm cho người ta bị đau. Học vấn của hắn như thế thì những việc sửa điều sai, can điều lầm sẽ ra sao? Nhân Tông đang lúc có tang, không phân biệt được điều trái mà gượng nghe theo cũng là sai đấy.*

Lấy Hạ phẩm phụng ngự Phạm Ngũ Lão quản quân Hữu vệ Thánh dực.

Mùa thu, tháng 8, sai Ngô Đình Giới sang Nguyên báo tang và xin phong (có bản chép là: Nghiêm La Trần Tử Lương chưa biết bản nào đúng).

Đói to, 3 thăng gạo trị giá 1 quan tiền. Nhân dân nhiều người phải bán ruộng đất, con cái làm nô tỳ cho người khác, mỗi người trị giá 1

quan tiền. Ban chiếu lấy thóc trong kho chẩn cấp cho dân nghèo và miễn thuế nhân đinh.

Mùa đông, tháng 12, táng Thượng Hoàng ở Dụ Lăng, miếu hiệu là Thánh Tông, truy tôn là Huyền Công Thịnh Đức Nhân Minh Văn Vũ Tuyên Hiếu Hoàng Đế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Vua Thánh Tông nối cơ nghiệp của Thái Tông, giữa chừng gặp giặc cướp loạn lạc, uỷ thác cho các tướng thần cùng với Nhân Tông góp sức làm nên sự nghiệp. Khiến cho thiên hạ đã bị tan mà lại hợp, xã tắc đã bị nguy mà lại yên, cho đến hết đời Trần không còn nạn xâm lấn của giặc Hồ nữa, công đó thật to lớn đấy.*

Tân Mão, [Trùng Hưng] năm thứ 7 [1291] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 28), đói to, ngoài đường nhiều người chết đói.

Sứ nhà Nguyên là Trương Lập Đạo sang **<86a>**.Thoát Hoan nhà Nguyên kéo quân về, vua Nguyên giận chưa nguôi, muốn lại đem quân sang xâm lược. Bốt Hốt Truật xin sai sứ sang ban dụ thì có lẽ ta không điều gì là không theo mệnh.

Sai Lễ bộ Thượng thư Trương Lập Đạo là người thường sang sứ nước ta lập được nhiều công, bèn lại sai sang dụ vua ta vào chầu.

Nhâm Thìn. [Trùng Hưng] năm thứ 8 [1292] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 29), mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1 có nhật thực.

Cho Phí Mạnh làm An phủ ở Diễn Châu. Mạnh nhận chức chưa được bao lâu đã có tiếng là tham ô. Vua cho gọi về phạt trượng, rồi lại cho về lỵ sở, lại được tiếng là công bằng, liêm khiết. Người Diễn Châu có câu rằng: "Diễn Châu An phủ thanh như thủy (An phủ ở Diễn Châu trong như nước).

Cho Trần Thì Kiến[1] làm An phủ ở lộ Yên Khang[2]. Trước đây người Nguyên 2 lần sang cướp phá, nhà vua đều sai Thì Kiến bói. Đến khi giặc bị thất bại chạy tan đúng như lời bói (khi quân Nguyên vào xâm lược, lần đầu bói được quẻ "dự" biến sang quẻ "trấn" đoán là tốt. Mùa hạ năm sau, quân Nguyên thua. Niên hiệu Trùng Hưng năm thứ 6, mùa thu, giặc Nguyên lại vào cướp phá; vua lại sai bói: Bói quẻ "quan" biến sang quẻ "hoán" đoán rằng: Hoán tức là tan, đó là điềm quângiặc tan vỡ.

---

[1] Trần Thì Kiến người Đông Triều tỉnh Quảng Ninh.

[2] Yên Khang: Tức Yên Khánh tỉnh Ninh Bình.

Quân Nguyên kéo đến sông Bạch Đằng, quả nhiên tan đúng như lời dự đoán).

Vua khen tài năng của Thì Kiến, cho nên cất nhắc lên mà dùng.

> ***<86b> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Bói để quyết sự nghi ngờ vốn là việc bậc thánh nhân không bỏ. Sĩ Chu, Thì Kiến nếu giỏi về thuật ấy, mà bói có hiệu nghiệm, thì sau khi công việc xong, thưởng cho vàng bạc ruộng đất là được. Nhưng một người cho làm Hành khiển, một người cho làm An phủ sứ. Ôi! Kẻ đếm cỏ si phỏng đoán đúng mà trả công bằng chức quan cao. Vậy những người vụng mái chèo ở bến Bình Than, bắn tên vào tên Hằng tên Quán đã lập được những công phá địch diệt thù, há lại lấy được hết những chức quan đó mà trao cho họ được sao? So với những kẻ đưa hết thiên hạ vào môn học thuật số và làm tan rã lòng tướng sĩ khác nhau là bao nhiêu?*

Tháng 2, lập đông cung Thái tử là Thuyên làm Hoàng Thái tử, lấy con gái cả của Hưng Nhượng Đại vương Quốc Tảng làm phi của Thái tử.

Cho Đinh Củng Viên làm Thiếu bảo, thăng tước quan Nội hầu.

Tháng 2 nhuận, sai bọn Nguyễn Đại Phạp, Hà Thuỳ Nham sang Nguyên. Sứ nhà Nguyên là Trương Lập Đạo đã sang nói với vua rằng: Trước đây Trấn Nam vương mang đại quân vào sâu chưa đánh đã tan, thiên tử đã biết chuyện đó **<87a>**. Hơn nữa quân năm trước sang không phải chủ ý của nhà vua, mà vì biên thần gièm pha, vua nhân đó mời vua ta vào chầu. Vua từ chối vì đang có tang, bèn sai bọn Đại Phạp theo Lập Đạo dâng biểu tâu bày cảm tạ và làm lễ tiến cống hàng năm. Đại Phạp sang đến nước Nguyên, người Nguyên gọi Đại Phạp là Lão lệnh công. Đại Phạp đến Ngọc Châu tiếp kiến các quan bình chương ở hành tỉnh. Khi đó Ích Tắc cũng ngồi ở đó. Đại Phạp không chào, Ích Tắc nói: "Ngươi không phải là người ghi chép ở nhà Chiêu Đạo vương chăng?" (Chiêu Đạo tên trước là Quang Xưởng, con thứ của Thái Tông, anh cùng mẹ của Ích Tắc). Đại Phạp trả lời: "Thế sự đổi thay, Đại Phạp này vốn là người ghi chép cho Chiêu Đạo vương, nay là sứ giả cũng như Bình Chương trước là con vua nay lại là kẻ đầu hàng giặc đấy". Ích Tắc có vẻ thẹn. Từ đấy khi sứ nước ta đến, không dám ngồi ở sảnh đường nữa. (Xét Ích Tắc từ sau khi đầu hàng nhà Nguyên, người Nguyên nhiều lần cho quân dẫn về nước nhưng không được bèn cho ở Ngọc Châu trao chức Hồ Quảng bình chương chính sự. Thế Tổ nhà Nguyên cấp cho ruộng ở Hán Dương, Thánh Tông lại tước đoạt đi. Khi Vũ Tông lên ngôi vì thương tuổi già lại

ban mệnh lệnh gia ân, trong bài chế có câu: "Như vớt kẻ chết đuối; cứu kẻ bị cháy". Theo vua đã một hai lần cất quân, cho ăn cơm ở công quánhầu 30 năm, lưu ở Hồ Quảng, trải thờ 4 triều vua chí tiết ban đầu vẫn không đổi, cấp ruộng như cũ, 76 tuổi thì chết. Vua Nguyên cho tiền 50 quan, thụy là Trung Ý. Ích Tắc biết làm thơ).

Ban chiếu rằng: những người mua kẻ lương thiện về làm nô tỳ cho chuộc lại, còn ruộng đất thì không theo luật đó (Hai năm Canh Dần và Tân Mão đói lớn, nhiều người phải bán rẻ con trai con gái và ruộng đất, nên mới có tờ chiếu ấy. Đến đời vua Anh Tông vào năm Kỷ Hợi niên hiệu Hưng Long thứ 7 lại ban chiếu, từ những năm Canh Dần, Tân Mão đến naytất cả những aiđã bán ruộng đất và người nhà làm nô tỳ thì cho phép chuộc lại, nếu để qua năm thì không được chuộc nữa).

Vua thường đi chơi, giữa đường nếu gặp gia đồng của các vương hầu thì gọi tên của họ và hỏi chủ nhà người ở đâu, và răn các vệ sĩ không được trách mắng họ. Đến khi về cung thì bảo các quan tả hữu rằng: "Khi bình thường thì có tả hữu thị vệ, nhưng khi quốc gia hoạn nạn thì chỉ có bọn ấy ở lại". Có lẽ vì nhà vua cảm được công lao của họ đi theo vua trong lúc loạn ly cho nên nói đến họ.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Yêu người yêu lây cả con quạ đậu trên nóc nhà. Gọi tên gia đồng mà hỏi là rất yêu chủ của nó đấy. Vua Nhân Tông hết lòng thân với những người thân có lẽ là được khuôn phép của Thánh Tông để lại. Đó há phải là đốt cây đậu nấu hạt đậu, bẻ cành làm tổn thương đến cây, <88a> như các người dòng dõi nhà Trần đem gia thuộc sang triều đình của giặc. Như thế chẳng phải đã phụ lòng hữu ái đó sao? Còn những người gia đồng kia là hạng thấp hèn nhất mà còn được trông nét mặt của vua, nghe tiếng nói của vua, trịnh trọng đầm ấm thường tình như chủ tớ nhà người ta thì lại giản dị biết dường nào! Khi nước rút thì bờ bến mới hiện ra: gặp thời "cùng" thì lòng tiết nghĩa mới rõ rệt. Lúc bình thường nhiều hoạn, hoàn cảnh khác nhau thì tình nghĩa thay đổi. Mới biết kẻ nghêu ngao bép xép không bằng kẻ thực thà mộc mạc. Những người giữ Bãi Tân và đi theo đánh sứ ở Vạn Kiếp là bọn ấy đấy. Những người mặc áo Tống cầm cung tên chiến đấu ở cửa Hàm Tử là bọn ấy đấy. Những người sắm sửa vũ khí đóng chiến thuyền dong đuổi dưới ngọn cờ "phá cường địch báo hoàng ân" (phá giặc mạnh báo ơn vua) cũng là bọn ấy đấy. Những năm Thiệu Bảo, Trùng Hưng, 2 lần đánh lui quân giặc đều là công của các vương hầu: Hưng Đạo, Chiêu Văn, Hoài*

Văn, Hưng Vũ, khi trèo núi vượt biên, khi gối giáo nằm sương, theo vua rong ruổi nơi cát bụi, công lao của các bậc gia thần cũng không phải ít, há có thể việc đã yên thì quên đi sao? Đại khái tình của người thường cũng mày tao trong lúc hoạn nạn và thân yêu như con trong khi sắpđược yên vui. Phù Sai(1) chết thì Văn Chủng (2)cũng bị giết, Hạng Vũ(3) bị giết thì Hoài Âm (4) cũng bị diệt cả họ, lời ví dụ về cái cung con chim(5) từ xưa đến nay đều thương xót! Quan hệ giữa các tướng văn võ, giữa vua tôi còn như vậy, huống chi là bọn gia đồng tầm thường. Quen mặt, nhớ tên, thăm hỏi họ khi ở ngoài đường, khen ngợi họ khi về trong cung, có ý nghĩa vua tôi thân với nhau đấy. Như vua Nhân Tông thật đáng gọi là bậc vua khoan hậu. Nhưng người giải vây cho Tần Mục Công lại là kẻ ăn trộm ngựa, người giải nạn cho Tuyên Tử lại là người bị đói dưới nương dâu. Nếu giữ được lòng người thì có kể chi người sang kẻ hèn. Người xưa có câu: "Còn một người phải than thở thì đạo vua cũng vì thế mà sụp đổ". Cho nên người dân bình thường cũng đáng hỏi, bọn cắt cỏ cũng đáng bàn. Vậy thì an ủi bọn gia đồng cũng có <89a> khác gì? Việc đó tuy nhỏ, nhưng lấy những loại như vậy mà suy ra thì làm rõ được cái nghĩa thân mật, gây nên được phong tục trung với vua, thân với người trên, làm cho vương đạo được sáng tỏ trong thiên hạ đấy.

Mùa thu, tháng 9, nhà Nguyên sai Lại bộ Thượng thư là bọn Lương Tăng sang. Trước đấy Đại Phạp sang sứ nhà Nguyên, vua sai Từ thần làm tờ biểu, dẫn ra các lời nói và có hẹn rằng năm sau tới cửa khuyết, rút cuộc không thực hiện. Vua Nguyên lại sai Tăng và bọn Lễ bộ Lang trung Trần Phu sang trách là lời văn xảo quyệt và dụ vua ta vào chầu.

Quý Tỵ, [Trùng Hưng] năm thứ 9 [1293] (từ tháng 3 trở về sau là

---

(1) Phù Sai: Con của Hạp Lư vua nước Ngô, thời Xuân Thu. Hạp Lư bị Việt Vương Câu Tiễn giết. Phù Sai đánh được nước Việt tiếng tăm ngày càng lừng lẫy. Sau đó họp các chư hầu ở Hoành Địa, Câu Tiễn thừa lúc sơ hở giết được Phù Sai.

(2) Văn Chủng: Là mưu thần của nước Việt. Khi Câu Tiễn diệt Ngô, đã bày được nhiều mưu kế. Khi thành công Phạm Lãi khuyên nên bỏ đi, không nghe cuối cùng bị giết.

(3) Hạng Vũ: Tức Hạng Tịch người Hạ Tương cuối thời Tần, tự là Hạng Vũ có sức khỏe phi thường và tài ba hơn người, cùng chú là Hạng Lang dấy quân ở nước Ngô; Hạng Lang mất, Hạng Vũ cần quân 9 lần đánh đều thắng, tự lập làm Tây Sở Bá vương. Sau khi quân hán và chư hầu bao vây bị thua rồi chết.

(4) Hoài Âm: Tức Hàn Tín người Hoài Âm thời đầu Hán giúp Hán Cao Tổ đánh Hạng Vũ sau bị Lữ Hậu vợ Hán Cao tổ giết.

(5) Tức Câu: "Cao điểu tận lương cung tàng, địch quốc phá mưu thần vong". Nghĩa là: Con chim bay cao đã chết thì cung tốt cùng cũng cất đi. Nước thù địch đã tan thì mưu thần cũng chết.

Anh Tông Hưng Long năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 30), mùa xuân, tháng 3 (có bản chép là mùa hạ, tháng 4), vua truyền ngôi cho Hoàng Thái tử. Thái tử là Thuyên lên ngôi Hoàng đế, xưng là Anh Hoàng, đổi niên hiệu là Hưng Long năm thứ 1. Đại xá cho thiên hạ. Tôn Thượng hoàng là Hiến Nghêu Quang Thánh Thái Thượng Hoàng đế. TônBảo Thánh Hoàng hậu là Khâm Từ Bảo Thánh Hoàng Thái hậu. Quần thần dâng tôn hiệu là: Ứng Thiên Thiên Quảng Vận Nhân Minh Thánh Hiếu Hoàng đế **<89b>** phong cho phi làm Văn Đức phu nhân, sau đó phế bỏ đi lấy em gái của Văn Đức phong làm Thánh Tư phu nhân (trước đây khi vua Nhân Tông 16 tuổi làm Thái tử, đã có chí muốn đi tu, xin nhường ngôi Thái tử cho em, nhưng vua Thánh Tông không nghe. Đêm Nhân Tông nhảy qua thành đi tìm núi Yên Tử. Đi đến núi Đông Viện, trời sáng ẩn ở trong tháp, nhà sư trong chùa tâu lên vua phải trở về. Khi đã nhận Thánh Tông nhường ngôi, ban ngày làm chính sự, ban đêm vẫn chăm tụng kinh. Có vị Huệ trung Thượng sĩ nói sự mầu nhiệm về thuyết tâm học cho vua nghe, vua rất mừng. Đến bấy giờ nhập thiền cùng các vị tăng Pháp Loa, Đồng Kiên Cương, tăng Huyền Quang, Lý Đạo Tái, rồi đi chơi núi Yên Tử ở Hải Dương và các núi Lôi Âm ở An Quảng để giảng cứu hội điển. Việc này ghi rõ ở sách cơ cầu).

Mùa thu, tháng 8, sai Đào Tử Kỳ sang nhà Nguyên. Nhà Nguyên giữ Tử Kỳ lại, rồi bàn cử đại quân sang xâm lược nước ta, nhưng không thực hiện được. Bọn Lương Tăng nhà Nguyên đến, khẽ ngỏ ý bảo vua ta vào chầu, Thượng Hoàng từ chối vì bị ốm, sai Tử Kỳ mang tờ biểu bằng vàng để chúc vạn thọ vua Nguyên. Bầy tôi nhà Nguyên đều bàn xin dấy quân, rồi giữ Tử Kỳ ở Giang Lăng, sai Lưu Quốc Kiệt cùng với các vương là bọn Diệc Lý Cát Ỷ cùng đi đánh nước Nam, chia lập các hành tỉnh ở An Nam, Hồ Quảng cấp cho 2 ấn. Mua hàng nghìn chiếc thuyền, mỗi chiếc chứa hàng trăm hộc, dùng quân có tới 56.570 người **<90a>**, lương thực 35 vạn thạch, lương cho ngựa 2 vạn thạch, muối 20 vạn cân. Dư cấp lương bổng cho các quan. Thưởng cho quân nhân thủy thủ mỗi người đều 2 đĩnh tiền. Chia 2 đường bộ và thủy cùng xuất phát. Lệnh cho Ích Tắc theo quân đến Trường Sa (An Nam hành tỉnh lấy bọn Lưu Nhị, Đề Đô nắm quân đóng ở Tĩnh Khẩu), gặp lúc vua Thế Tổ nhà Nguyên mất, vua Thánh Tông lên nối ngôi, ban chiếu bãi binh và cho Tử Kỳ về nước.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Người Nguyên nổi lên ở sa mạc,lấy tục cướp bóc làm nghề của mình. Những nước chịu thần phục cống hiến nó đều đặt các quan giám sát qua lại nước đó, gọi là Đạt lỗ hoa xích. Trong năm Thiệu Long đời Trần Thánh Tông tức vào*

*niên hiệu Trung Thống năm thứ 3, vua Thế Tổ nhà Nguyên lấy Nạp Thích Đinh làm chức đó. Đến niên hiệu Chí Nguyên năm thứ 5 lại lấy Phu Lung Hải Nha thay chức ấy. Cho nên Quốc sử chép Nậu Thích Đinh sang và Long Hải Nha sang đều là thế cả. Đến Chí Nguyên năm thứ 9, nhà Nguyên lại cho Diệp Thức Niết sang thay. Vua Thánh Tông sai làm tờ biểu nói về sự cậy thế lấn át. **<90b>** Xin đổi gọi là Dẫn tiến sứ. Dần dần cũng bỏ đi không đặt lại nữa. Xét thấy nhà Trần dựng nước gặp vua Thế Tổ nhà Nguyên cường bạo, vua chẳng ra vua, nước thần phục đã không bỏ việc tiến cống, còn muốn đặt quan cai trị dò xét, lại dụ vua nước đó vào chầu. Đến bấy giờ việc không thể làm được; dụ không xong thì lại cho quân áp sát biên giới muốn đặt quận, huyện trên đất nước đó, thu tô thuế của người dân nước đó, như thế mới thỏa lòng. Sự tàn bạo của nhà Tần nhà Tùy cũng không đến nỗi như vậy. Thế nhưng nhà Trần giải quyết mọi việc thật nhẹ nhàng. Ngoài thì lời lẽ khiêm tốn biếu nhiều lễ vật, sứ mệnh qua lại luôn luôn; trong thì chọn tướng luyện quân, phòng bị nghiêm ngặt khi đánh khi giữ, khiến cho bọn Sài Thung, Lý Tư Diễn không thể trổ tài biện luận, bọn Toa Đô, Ô Mã Nhi đứa bị chém đầu, đứa bị bắt làm tù binh. Thoát Hoan sợ hãi bỏ chạy mới được ra khỏi biên giới. Nếu không có sự vua tôi đồng tâm, tướng sĩ vui theo, mưu kế được quyết định, việc phòng ngự được chuẩn bị sẵn, lòng người có thể cậy được, có thể tự cường được, thì sao có được như vậy? **<91a>** Người Nguyên đã tự biết đấy. Nhưng sau 3 lần thất bại còn điều quân tích lương, lại có mưu đồ cử đại binh là nghĩa làm sao? Như Khâu Toàn bảo vì ham cái lợi có châu ngọc mà muốn được đấy thôi. Nhưng nhọc quân tốn của rút cuộc không thu được mảy may gì, 2 lần không thôi lại đến 3 lần. Trời còn giúp nhà Trần. Cuối cùng vì lễ tang của Thế Tổ mới chịu bãi chiến dịch đó. Nếu không như thế thì chuyến đi của Quốc Kiệt, Cát Ngại cuối cùng cũng công không mà làm cho nước ta mệt sức, nhân dân lầm than không có thời kỳ được nghỉ ngơi. Trời sinh ra người dân há lại chịu nuôi bọn lang sói, cho chúng thỏa ý muốn không bao giờ chán hay sao? Đó là đại lược.*

Mùa thu. Tháng 9. Khâm Từ Hoàng Thái Hậu băng.Thái hậu là người thuỳ mị, thông minh, sáng suốt, có nhân đức với kẻ dưới, Thượng hoàng thường làm chuồng hổ ở thềm Vọng Lâu rồi sai quân sĩ đánh nhau với hổ. Có lần Thượng hoàng ngồi xem, Thái hậu cùng các phi tần

cùng theo lên lầu. Vì thềm lầu thấp, con hổ bỗng sổng ra khỏi chuồng nhảy lên lầu, mọi người đều sợ chạy chỉ còn có Thái hậu và bốn, năm người thị nữ vẫn ở đấy, lấy chiếu che cho Thượng hoàng và tự che cho mình, con hổ vội vàng nhảy xuống, không ai bị hổ vồ cào cấu gì cả. Thượng hoàng lại thường ngự điện Thiên An xem đấu voi ở Long Trì, con voi bỗng xông vào sắp lên trên điện, người hầu hai bên đều chạy tản chỉ còn mình Thái hậu ở đấy. Đến khi ấy Thái hậu băng ở Lỗ Giang phủ Long Hưng, tạm quàn ở cung Long Hưng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Con hổ hay vồ, con voi hay quật, há lại không đáng sợ, thế mà trong khi con hổ con voi xông xáo nhảy nhót, Thái hậu vẫn bình tĩnh, xử trí thản nhiên, có lẽ là chí ổn định và tâm lý sáng suốt đấy. Xét ra với tư chất nhu mì của người phụ nữ mà được như thế, so với Tiệp Dư đứng chắn con gấu cũng không hổ thẹn. Các bậc sĩ đại phu sao không bình tĩnh sáng suốt để xử lý khi có sự cơ chuyển biến hay sao. Có người cho rằng: Nhân Tông xem đánh hổ đấu voi, nếu Thái hậu quả là người tốt thì nên can ngăn. Nếu can ngăn không được thì cởi trâm hoa mà tạ tội là đúng. Đằng này lại theo đi xem, đến khi gặp nguy cấp được thoát là may sao, đáng gọi là người tốt? Xin thưa: đó chẳng qua chỉ là lời trách hơi quá, không phải là lời bàn thường tình.*

Nước Chiêm Thành sang tiến cống.

Sao Chổi mọc ở khu vực sao Tử Vi sát đến sao Đẩu sao Khôi, tia sáng dài hơn 1 thước, trăm ngày mới lặn.

Phong cho em là Quốc Chẩn làm Huệ Vũ Đại vương.

HẾT QUYỂN V BẢN KỶ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

BẢN KỶ

QUYỂN VI

ANH TÔNG HOÀNG ĐẾ

<1a> (Vua tên là Thuyên, con trưởng của Nhân Tông, ở ngôi 21 năm, nhường ngôi 6 năm, thọ 45 tuổi, táng ở Thái Lăng. Vua khéo kế nghiệp, cho nên thời bấy giờ đất nước yên ổn, chính trị tốt đẹp, điển chương chế độ dần dần lớn mạnh, cũng là bậc vua giỏi của triều nhà Trần. Nhưng tụ họp các nhà sư trên núi Yên Tử, làm nhọc sức dân để xây gác Ánh Vân, há chẳng phải có cái vết nhỏ trong đức tốt đó sao?).

Giáp Ngọ, Hưng Long năm thứ 2 [1294] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 31), mùa xuân, tháng 2, ban bố các chữ húy trong nước.

Tháng 3, lấy Nhập nội phán thủ Chiêu Hoài hầu là Hiện làm Đô áp nha, trông giữ các sắc mục trong ngoài cung Thánh Từ. Lấy con Văn Túc vương làm Văn Bích thượng vị Uy Túc hầu.

Mùa thu, tháng 7, Thượng tướng Thái sư Chiêu Minh Đại vương Quang Khải mất. Quang Khải là người có học thức, thông hiểu ngôn ngữ các phiên bang. Mỗi lần có sứ phương Bắc đến ông đều được lựa chọn sung vào ban đón tiếp. Trước kia khi vua Thánh Tông nhân đi đánh giặc, Quang Khải theo hầu, ghế Thủ tướng để trống **<1b>** gặp lúc sứ phương Bắc sang, vua Thái Tông triệu Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn ý muốn cho làm Tư đồ để ứng tiếp sứ thần. Quốc Tuấn trả lời: "Việc ứng tiếp sứ thần phương Bắc thần không dám chối, còn việc phong Tư đồ thần

không dám vâng mệnh. Hơn nữa quan gia đi đánh giặc xa, Quang Khải theo hầu mà bệ hạ lại tự phong chức, thì tình trên nghĩa dưới sợ có điều chưa ổn, đợi khi xa giá trở về lúc ấy vâng mệnh cũng chưa muộn. Vừa khi đó Thánh Tông trở về, việc ấy bèn thôi. Quang Khải và Quốc Tuấn vốn không hợp nhau. Sau Quốc Tuấn từ Vạn Kiếp đến, Quang Khải xuống thuyền đánh cờ chơi suốt ngày. Quang Khải không thích tắm gội, Quốc Tuấn cởi áo tắm gội cho, rồi đùa cười với nhau. Từ đó tình nghĩa mới thân. Người làm tướng văn, người làm tướng võ, cùng phò giúp nhà vua, haiông vẫn là người đứng đầu. Quang Khải mất, thọ 54 tuổi. Ông là người ham học hay thơ, có tập ***Lạc đạo*** lưu hành ở đời. Con là Vương Túc vương Đạo Tái cũng nổi tiếng về văn học thời bấy giờ. Thượng hoàng rất yêu, khác với các em thúc bá khác. Cháu là Uy túc Văn Bích **<2a>** từng ở ngôi thái bảo. Chắt là Chương túc Nguyên Đán cũng là người nổi tiếng, ơn đức sâu nặng cùng hướng phúc với nhà vua từ trước đến sau.

Thượng hoàng thân đi đánh Ai Lao, đánh tan quân địch. Trung Thành vương làm tướng tiền phong tiến lên bị giặc bao vây. Phạm Ngũ Lão đem quân yểm hộ, bèn giải vây được. Nhân đó tung quân đón đánh bại quân địch, ban cho Kim phù Ngũ Lão.

Tháng 9, Thiếu bảo là Đinh Củng Viên mất được tặng chức Thiếu phó.

Ất Mùi, [Hưng Long] năm thứ 3 [1295] (Nguyên Thành Tông Thiết Mộc Nhĩ Nguyên Trinh năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 1, sứ nhà Nguyên là Thị lang Lý Khản, Lang trung Tiêu Thái Đăng sang ban chiếu vỗ về. Vua sai Nội viên ngoại lang là Trần Khắc Dụng, Phạm Thảo sang nhà Nguyên (chiếu nhà Nguyên đại lược nói: "Trẫm buổi đầu lên ngôi, rộng lòng xá tội đã ban sắc cho quan lại bãi bỏ việc đem quân đi đánh nước Nam. Từ nay về sau đối với những điều sợ mệnh trời thờ nước lớn nên nghĩ cho kỹ").

Mùa hạ, tháng 6, Thượng Hoàng từ Ai Lao về đến kinh sư. Thượng hoàng đánh Ai Lao về đi tu ở hành cung Vũ Lâm[1], rồi lại về kinh sư. Từ sau khi Khâm Từ Thái hậu mất, **<2b>** Tuyên Từ Thái hậu làm chủ trong cung cấm, tính tình nóng nảy, dạy dỗ nghiêm ngặt, mà vua tuân theo cũng rất kính cẩn, Thượng hoàng khen rằng: Trẫm tự thẹn xưng là Hiếu hoàng, nay nên lấy hiệu đó mà gọi quan gia. Biểu dương người đàn bà tiết nghĩa họ Lê. Bà họ Lê là người phường Tây Nhai, phía hữu kinh thành có chồng là Phạm Mưu đi sứ nhà Nguyên bị ốm chết, Lê Thị nghe

---

[1] Hành cung Vũ Lâm ở xã Vũ Lâm, huyện Yên Khánh. Nay thuộc huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

tin thương nhớ 3 ngày không ăn rồi chết, tin đó đến tai vua, vua cho lấy vàng bạc lụa an ủi.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Thiều Dương công chúa nghe tin Thái Tông băng, kêu gào mãi rồi chết; Lê Thị nghe tin chồng chết nhịn ăn rồi chết. Mỵ Ê phu nhân giữ nghĩa không lấy 2 chồng nhảy xuống sông mà chết. Vợ Ngô Miễn là Nguyễn Thị không phụ nghĩa chồng cũng nhảy xuống sông theo chồng. Mấy người ấy về đức hạnh "Thuần hiếu, trinh tiết" ở đời không thường thấy, được vua thời ấy nêu khen để khuyến khích đời sau thực phải lắm. Nhưng Thiều Dương và Nguyễn Thị chưa thấy nêu khen. Cho nên bàn cả vào đây.*

<3a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Nêu khen những người tiết nghĩa, gây dựng đạo cương thường là việc đầu tiên của chính sách đời vương. Tiết nghĩa của các liệt nữ cũng như sự khảng khái thung dung của các bậc trung thần là một, đều là việc nhà nước phải nêu khen. Chỉ lo những người có chức trách không chịu tìm tòi, nên sự việc bị che lấp người trên không được nghe đấy thôi. Trước đây tôi nhậm chức ở Hoan Châu*[1] *tìm hỏi những người tiết nghĩa trong quận, có biết Chân Thị người Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu, là vợ lẽ của quan Binh bộ Thượng thư Hồ Phi Tích. Bà là người có nhan sắc tuyệt vời vẫn ở góa giữ chí của mình. Bọn "giặc phản nghịch" là Nguyễn Hữu Cầu cướp phá làng xóm cướp ép Chân Thị,Chân Thị nói lừa giặc xin được vào vái ở đền thờ chồng một vái rồi cùng đi ngay. Giặc dẫn đến đền, bà khóc vái xong rồi lấy con dao nhỏ ngầm giấu trong mình tự đâm vào cổ mà chết. Bề tôi triệu tập dân làng ấy hỏi việc đó toan tâu lên nhưng rồi vì họ nghi việc quan không tâu lên được.Than ôi! Chân Thị là người con gái khăn yếm mà dũng cảm chết để bảo toàn tiết nghĩa. Làm tôi con mà quên vua phản nước* **<3b>***chỉ sống lén lút muốn được trọn vẹn như một viên ngói thì như thế nào? Nhưng linh hồn của người trinh nữ mờ mờ trong điển lễ biểu dương, không đến được nơi âm u sâu kín. Cho nên tôi cố chép phụ vào đây, may chăng khiến cho tiếng tăm của người đàn bà trinh tiết không đến nỗi mai một với đời sau.*

Mùa thu, tháng 8, thi quan văn từ loại mũ miện áo sam[2] trở xuống ở nhà An Hoa, sung bổ làm thuộc viên nha ấy.

---

[1] Hoan Châu: Đất hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh ngày nay.

[2] Mũ miện áo sam: Chỉ những người quan văn ở địa vị cao.

Bính Thân, [Hưng Long] năm thứ 4 [1296] (Nguyên Nguyên Trinhnăm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, Thượng phẩm là Nguyễn Hưng phạm luật đánh bạc bị đánh chết.

***Sử thần PhanPhu Tiên bàn:** Phép nhà Trần nghiêm cấm đánh bạc như vậy mà đến đời Dụ Tông còn công nhiên buông thả, chiêu nạp những người nhà giàu vào cung đánh bạc. Về sau người trong nước bắt chước không thể cấm được, rút cuộc vì tệ đánh bạc mà dẫn đến mất nước.*

<4a> Nhân Huệ vương Khánh Dư vào chầu. Khánh Dư từ Bài Áng vào chầu. Có người trong trấn kiện việc Khánh Dư tham lam thô bỉ, quan Hành khiển mang việc đó tâu lên. Khánh Dư nhân đó tâu rằng: "Người làm tướng cũng như con chim ưng, quân dân cũng như con vịt, đem vịt mà nuôi chim ưng thì có gì là lạ". Vua không bằng lòng, Khánh Dư bèn trở về, Khánh Dư mỗi lần vào chầu sợ bị khiển trách không dám ở lâu, ở vài ngày lại về trấn.

Mùa thu, tháng 7, vua ngự đến sông Đông Bộ Đầu xem đua thuyền.

Được mùa lớn.

Đinh Dậu, [Hưng Long] năm thứ 5 [1297] (Nguyên Đại Đức năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, duyệt số dân binh trong thiên hạ, khiến họ đời đời làm binh không được làm quan, theo quy chế cũ.

Đổi giáp thành hương.

Sai Chiêu Văn vương Nhật Duật đi đánh A Lộc; Hưng Nhượng vương Quốc Tảng đi đánh sách Sầm Tử.

Nước Ai Lao xâm lấn sông Chàng Long, Phạm Ngũ Lão đem quân đánh tan giặc, lấy lại được đất cũ. Vua ban Vân phù cho Phạm Ngũ Lão.

Mùa hạ, tháng 4, lấy Trần Thì Kiến làm quan Kiểm pháp nhận chức Đại An phủ kinh sư. Thì Kiến tính người cương trực <4b>. Trước kia ông là môn khách của Hưng Đạo Vương, do Hưng Đạo Vương tiến cử. Thăng làm An phủ sứ ở Thiên Trường, người trong hương mang mâm cỗ đến biếu. Thì Kiến hỏi nguyên do, người ấy trả lời là vì ở gần trị sở nên đem biếu chứ không cầu xin việc gì. Mấy ngày sau, quả nhiên có việc kêu xin, Thì Kiến bèn móc cổ họng nôn ra. Đến bấy giờ lại thăng lên làm quan Kiểm pháp, mỗi khi có việc gì đến thì dùng phép mà ứng phó. Người đời đều cho rằng Thì Kiến giỏi xét đoán kiện tụng. (Thì Kiến người Cự Sạ, huyện Đông Triều).

***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:** Thì Kiến làm ra đức hạnh khác người để uốn nắn cái tệ cầu xin của người thời bấy giờ, cũng giống như Án Anh tiết kiệm quá mức để uốn nắn thói xa xỉ tiếm lễ của Quản Trọng vậy.*

Mùa đông, tháng 10, sai phủ Tông chính xét lại thế hệ gia phả của thân thuộc nhà vua.

Mùa thu, tháng 8, cấm mọi người xưng thần với các nhà đại thần tôn thất.

Tháng 9, gió bão mưa to.

Mùa đông, tháng 10, đánh Ai Lao. Tướng Nguyên đầu hàng ta, Trương Hiển chiến đấu chết tại trận, tặng tước Minh tự, thờ ở nhà Thái thường.

<5a> Lấy Phạm Ngũ Lão làm Hữu Kim Ngô vệ Đại Tướng quân, đặt quân hiệu Thượng đô, Thủy dạ nghệ đô, Chân kinh đô, thích các chữ "Kim Chân" vào trán.

Tháng 12, sao Chổi mọc ở phương Đông. Vua lánh không ngự ở chính điện, giảm món ăn.

Cho Ngự sử đại phu Trần Khắc Chung làm chức Đại an phủ ở kinh sư. Cho Trần Thì Kiến làm Nhập nội Hành khiển hữu gián nghị đại phu và ban cho cái hốt có khắc bài minh ngự chế:

Thái Sơn trinh cao,
Tượng hốt trinh liệt.
Linh trãi tiến giác,
Vi hốt nan chiết.

Dịch nghĩa:

Thái Sơn thật cao,
Hốt ngà thật sáng.
Linh trãi[1] dâng sừng,
Làm hốt khó gãy.

Kỷ Hợi, [Hưng Long] năm thứ 7 [1299] (Nguyên Đại Đức năm thứ 3), mùa hạ, tháng 4, ban chiếu cấm dùng chữ húy của Khâm Minh đại vương Thiện Đạo quốc mẫu, khi viết văn không được dùng, ngoài ra đều giảm nét. Nhà Trần kiêng húy họ ngoại bắt đầu từ đó.

---

(1) Theo truyền thuyết Trung Quốc. Trãi là loài thú không chân, chỉ có một sừng, hễ gặp người không chính trực thì húc. Sau trãi được dùng làm biểu tượng cho quan Ngự sử giữ việc đàn hặc hoặc gián quan giữ việc khuyên can vua.

Cho Phạm Ngũ Lão làm thân vệ tướng quân, kiêm quản quân thiên thuộc phủ Long Hưng.

Tháng 5, cho Đoàn Nhữ Hài làm Ngự sử trung tán. Khi đó Thượng Hoàng từ Thiên Trường về kinh sư **<5b>**mọi người trong ngoài đều không biết. Vua uống rượu xương bồ quá say. Thượng hoàng dạo xem khắp cung điện, khi đồng hồ xuống 2 khắc. Người trong cung dâng cơm, nhìn khắp không thấy vua, Thượng Hoàng tức giận lắm bèn hỏi. Cung nhân vội vào đánh thức vua vẫn không tỉnh. Thượng hoàng cả giận lập tức xa giá trở lại Thiên Trường, xuống chiếu cho trăm quan hôm sau phải đến để điểm danh. Trời về chiều vua mới tỉnh. Cung nhân mang việc đó tâu lên, vua sợ lắm, đi bộ ra khỏi cung, người hầu cũng không kịp theo, qua chùa Tư Phúc gặp học sinh là Đoàn Nhữ Hài, vua bèn hỏi, Nhữ Hài vội vàng phủ phục xuống đất thưa: "Thần vì mải học vào lầm đây thôi". Vua mang Nhữ Hài vào phòng nghỉ và bảo rằng: "Ta vừa rồi vì say rượu mang tội với Thượng Hoàng. Nay ta muốn dâng biểu lên tạ lỗi, ngươi hãy thảo giúp ta". Nhữ Hài vâng chỉ thảo xong ngay. Vua lập tức dùng thuyền nhẹ ra đi cho Nhữ Hài theo. Ngay đêm ấy sang Thiên Trường sáng sớm thì đến phủ, sai Nhữ Hài vào dâng biểu. Thượng hoàng hỏi "Đó là người nào", người trong cung thưa: "Đó là người của nhà vua **<6a>**dâng biểu". Thượng hoàng không trả lời. Trời đã chiều mưa to gió lớn kéo đến, Nhữ Hài vẫn quỳ không đứng dậy. Thượng Hoàng hỏi: "Người ở trong sân có còn đó không?" rồi sai nhận biểu để xem, thấy từng từ, từng ý đều rất cầu khẩn, bèn triệu vua vào dụ rằng: "Trẫm còn có con khác cũng có thể nối ngôi, trẫm còn sống mà đã như thế sau này sẽ thế nào". Vua cúi đầu lạy tạ. Thượng Hoàng hỏi "Người soạn biểu là ai", vua đáp: "Đó là thư sinh Đoàn Nhữ Hài đấy. Lại triệu Đoàn Nhữ Hài vào nói: "Tờ biểu người soạn rất hợp với ý trẫm". Bèn ban chiếu, cho quan gia trở lại ngôi vua, trăm quan lại được về triều như cũ. Ở Thiên Trường trở về, vua phong Nhữ Hài làm Ngự sử trung tán. Khi đó Nhữ Hài tuổi mới 20. Có người ghen ghét vì tuổi trẻ đã được tin dùng, bèn làm thơ chế giễu rằng:

"Phong hiến luận đàm truyền cổ ngữ,
Khẩu tồn nhũ sứ Đoàn Trung tán"

Dịch nghĩa:

Luận đàm phong hiến truyền lời cổ,
Miệng còn hơi sữa: Trung tán Đoàn.

Nhữ Hài là cận thần của vua, một lời nói, một cử chỉ của nhà vua Nhữ Hài đều biết. Đến khi làm quan Ngự sử xem "thực lục" có chỗ nào sai sót đều sửa lại, đốt bản cũ (Nhữ Hài người Trường Tân, huyện Gia Phúc).

<6b>Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Anh Tông ngẫu nhiên một lần bị lỗi vì uống rượu, Nhân Tông đã muốn phế bỏ, phép nhà nghiêm như thế, cho nên con cháu có nhiều bậc vua giỏi. Nhưng đã có lỗi đấy mà vẫn đặt xưng hiệu là Hiếu Hoàng. Đâu có phải không biết vua là người có thể gánh vác được? Há lại có ý phế bỏ? Chỉ mượn cái đó để răn dạy Anh Tông đấy thôi. Còn nhiều truyện đặt ra ở nơi triều đình, khiến cho bậc tôn quý vua nối ngôi và thần hạ phải vội vàng chạy vạy là điều mất thể thống. Sao bằng trong cung đình, dạy bằng cách không nói ra mà ngầm cảm hóa có hơn không. Nhữ Hài là một thư sinh, bỗng chốc gặp được vua biết và hỏi đến liền được vào hầu trong cung điện; hầu trên thuyền, đến Thiên Trường lại về kinh sư, một mình bên vua. Có lẽ là cái duyên tiền định vua tôi gặp nhau hàng nghìn năm mới có, không phải ngẫu nhiên mà nên. Còn như đặt tờ chế, thảo tờ biểu nói hết được ý của Anh Tông, <7a> suốt ngày đợi mệnh vẫn hồi được lòng Thượng Hoàng, trong vòng hai ngày được thấy hai vua. Vốn là người áo vải. Khi gặp mặt rồng mà không kinh hoàng. Trong chỗ cha con là điều người ta rất khó xử. Cái công của Nhữ Hài kéo lại cơ trời dễ dàng như thế mà bảo không phải là bậc kỳ tài trong một đời được sao! Lời chê "miệng còn hơi sữa" có lẽ do miệng lưỡi của bọn đàn bà ghen tuông, không thể dùng chê Nhữ Hài được.*

Vua bái yết các sơn lăng.

Tháng 6, tế khắp các thần núi thần sông.

Mùa thu, tháng 7, tu sửa am Ngự Dược ở núi Yên Tử. Thượng Hoàng lại xuất gia tu hành ở núi Yên Tử. Xưa kia khi Thượng Hoàng từ Vũ Lâm trở về thường qua lại kinh sư và phủ Thiên Trường, đến khi ấy lại xuất gia đi tu ở núi Yên Tử. Đến Long Động từ biệt các cung tần mỹ nữ, cho họ được tự do. Người nào không muốn về quê thì cấp ruộng làm nhà ở dưới chân núi cho họ ở. Thượng Hoàng thường về Thiên Trường ngự ở cung Trùng Quang, **<7b>** khi vua vào triều có Quốc công Quốc Tuấn theo hầu. Thượng Hoàng nói: "Nhà ta vốn thuộc bậc hạ lưu, đời đời chuộng sức hùng dũng, thường xăm hình con rồng vào đùi. Đời đời theo nghiệp võ, cho nên xăm hình vào đùi để tỏ mình không quên gốc cũ. Khi đó, thợ thích đã chờ mệnh lệnh ở ngoài cửa cung. Vua nhân lúc Thượng

Hoàng ngoảnh đi chỗ khác, liền về cung Trùng Hoa để tránh. Thượng Hoàng biết ý của vua nên không ép nữa bèn sai xăm cho Huệ Vũ Quốc Chẩn. Cho nên quốc phụ có xăm hình rồng vào đùi. Vua nối ngôi không xăm hình vào đùi bắt đầu từ đấy. (Khi mới dựng nước quân sĩ đều xăm vân rồng vào bụng, vào lưng và hai đùi. Khách buôn nhà Tống thấy trong mình người nước Việt có xăm hình rồng, cho rằng con thuồng luồng ở biển sợ rồng, nếu gặp gió thuyền đắm thuồng luồng không dám phạm tới cho nên gọi là "thái long").

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Vua Nhân Tông tinh thông kinhđiển, vốn có giác ngộ, trong thiên hạ không vật gì đáng bận tâm. Nhưng đường đường là đấng thiên tử mà ẩn náu nơi hang cùng núi hẻm, sớm hôm cùng một hai nhà sư trên núi* <8a>, *không có hám của cải, sống trong cảnh thái bình cho đến hết đời, công nhiên dùng Phật học mà dẫn dắt con cháu, đưa cả thiên hạ vào giáo lý của đạo Phật, lỗi ấy không gì lớn hơn. Lại nói: tục vua trong nước xăm hình vào đùi, các vua nhà Trần cứ theo nhau không đổi, cam coi mình ngang hàng với bọn mọi rợ vẽ mình là rất hủ lậu đấy. Xét ra xăm vẽ mình hình loài vật há phải bậc tôn quý nên làm? Vua Cao Tổ nhà Chu nói: Từ xưa há có bao nhiêu vua thiên tử lại vẽ vào người? Tuy đó chỉ là lời tự lừa dối để cho người ta khỏi ngờ vực mình, nhưng cũng nóirõ bậc thiên tử không làm việc ấy. Anh Tông thà làm trái ý Thượng hoàng, để bỏ đi lề thói hủ lậu từ lâu, là phải lắm!*

Vua thích vi hành, cứ ban đêm ngồi kiệu cho mười hai người Thị vệtheo, đi khắp trong kinh kỳ đến gà gáy mới về cung. Đã từng có đêm ra đến quân phường, bọn vô lại ném gạch trúng vào đầu vua, những người theo hầu kêu rằng: "Vua ở đây", chúng mới sợ và bỏ chạy. Sau Thượng Hoàng thấy vết thương hỏi <8b> nguyên nhân, vua cũng tâu hết sự thực, Thượng Hoàng trặc lưỡi hồi lâu.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Anh Tông chỉ một lần say rượu mà còn bị tội với Thượng Hoàng, thế mà lại dám làm như vậy là lẽ gì? Ôi! Cũng nguy đấy, tiếc rằng không có ai lấy chuyện vua Hán Vũ Đế ở Bách Cốc, nói cho vua biết.*

Ban chiếu cho kẻ sĩ trong thiên hạ học tập đợi thi.

Cho Nội quan là Trần Hùng Thao làm Tham Tri Chính sự,- Đồng tri thánh từ cung tả ty sự. Sau Hùng Thao can tội phê án thả người nên bị bãi chức.

Sai Nhữ Lâm đi sứ sang Nguyên.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét Nhữ Lâm đi sứ sang Nguyên, đến kinh đô bí mật vẽ bản đồ cung điện, ngầm đem bản đồ các sách bị cấm, mật ghi tình hình quân sự ở biên giới phía Bắc và những việc ở sơn lăng, bị Thừa tướng nhà Nguyên là Hoàn Trạch tâu lên. Vua Nguyên sai bọn Thượng thư* **<9a>** *Mã Hợp, Thị lang Kiều Tông Lượng dụ rằng: Nhữ Lâm làm việc trái phép, về lý nên trị đến cùng. Trẫm vì lòng độ lượng bao dung thiên hạ, ban chỉ cho quan có chức trách tha về. Từ nay về sau người đi sứ phải nên kén chọn. Qua đấy có thể thấy được vua Thành Tông nhà Nguyên đối với nước ta, sự ưu đãi rất mực đấy. Nhữ Lâm vâng mệnh đi sứ mà không cẩn thận, nguy cơ làm hỏng việc nước, có thể làm bài học cho người đi sứ. Sử cũ chép thiếu cho nên ghi lại.*

Canh Tý, [Hưng Long] năm thứ 8 [1300] (Nguyên Đại Đức năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, động đất 3 lần (từ giờ Thân đến giờ Tý).

Tháng 3 nhuận, Trần Quốc Khang mất. Tục nhà Trần lấy vợ lấy chồng đều lấy người cùng họ. Quốc Khang từng trông coi Diễn Châu, nhân đó lấy con gái Diễn Châu làm nàng hầu vợ lẽ, cho nên các con thứ như Huệ Nghĩa, Quốc Trinh đều do những người con gái Diễn Châu sinh ra. Từ đó nhậm chức Tri châu ở Diễn Châu đều để cho con cháu Quốc Khang làm. Về sau vì thiếu người nối dõi mới dùng người bản châu giữ chức ấy.

Tháng 5, ban chiếu: tất cả các quan văn quan võ trong triều **<9b>** có chữ phê mà không có ấn Trướng hạ[1] đều phải giảm một bậc, nếu có công đánh giặc thì không phải giảm (Có lẽ là thiếp ban cho trong thời gian mất ấn).

Người phụ nữ ở Lộ Hồng sinh con trai hai đầu.

Tháng 6, sao sa.

Mùa thu, tháng 8, Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn mất tại phủ đệ nhà ở Vạn Kiếp. Trước đó, khi Quốc Tuấn ốm, vua đến nhà Quốc Tuấn hỏi rằng: "Nếu không may ông mất, giặc phương Bắc đến xâm lấn, thì kế sách như thế nào?" Hưng Đạo đáp rằng: "Xưa kia khi Triệu Vũ Đế dựng nước, vua Hán sai quân sang đánh, nhân dân làm vườn không nhà trống, đại quân kéo sang Châu Khâm, Châu Liêm đánh vào Trường Sa, quân du kích đánh úp sau. Đó là một thời đấy. Thời Đinh, Lê chọn được bậc hiền tài, đất phương Nam vừa mạnh, người phương Bắc đã mỏi

[1] Ấn Trướng hạ: Con dấu đóng khi hành quân đánh dẹp.

mệt suy yếu, trên dưới một dạ, lòng người không ly tán, đắp thành Bình Lỗ[1] mà phá được giặc Tống. Đó là một thời. Nhà Lý mở cơ nghiệp, người Tống xâm phạm đất đai, vua dùng Lý Thường Kiệt đánh Châu Khâm, Châu Liêm rồi tiến đến Mai Lĩnh[2] là vì nhà Lý có cái thế. Trước đây Toa Đô, Ô Mã Nhi bao vây bốn mặt, nhưng vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, nhà nước hợp sức, bọn chúng tự đến cho ta bắt. Đó là trời xui nên đấy. Đại khái chúng cậy vào trường trận ta dựa vào đoản binh. Đem đoản binh mà trị trường trận là lẽ thường của phép dụng binh. Nếu thấy quân giặc ào tới như gió như lửa, đó là thế dễ trị; nếu chúng dùng lối lấn dần như tằm ăn lá, không cần thắng nhanh, thì ta phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét mưu cơ biến hóa như người đánh cờ vậy. Tùy thời mà hành động cho hợp, phải xây dựng được đội quân thân với nhau như cha với con, sau đó mới dùng được. Hơn nữa phải nới rộng sức dân, để làm kế rễ sâu cội chắc. Đó là thượng sách của việc giữ nước vậy".

Quốc Tuấn là con An Sinh vương, lúc mới sinh người xem tướng trông thấy nói: "Người này ngày sau có thể cứu nước giúp đời". Đến khi lớn lên dung mạo khôi ngô, thông minh hơn người, đọc rộng các sách, có tài văn võ.

Trước đây An Sinh vương có hiềm khích với Chiêu Lăng[3] vẫn đem lòng thù oán. An Sinh đã tìm khắp những bậc tài giỏi để dạy Quốc Tuấn. Khi sắp mất cầm tay Quốc Tuấn mà dặn rằng: "Nếu con không vì cha mà lấy được thiên hạ thì dù có chết cha cũng không nhắm mắt được". Quốc Tuấn nói "Vâng", nhưng trong lòng vẫn không cho là phải. Khi trong nước rối ren **<10b>**, quyền cầm quân trị nước do mình nắm giữ, Quốc Tuấn liền đem lời cha dặn nói với bọn gia nô là Dã Tượng và Yết Kiêu. Hai gia nô can rằng: "Làm như vậy tuy được phú quý một thời, nhưng tiếng xấu còn lưu muôn thuở. Nay Đại vương há chẳng đã giàu và sang rồi sao? Bọn thần thề suốt đời làm gia nô, chứ không muốn làm quan bất trung, bất hiếuxin lấy người làm thịt dê là Duyệt[4] làm thầy mà thôi". Quốc Tuấn cảm động phát khóc khen ngợi và thán phục. Quốc Tuấn lại ướm hỏi con của mình là Hưng Vũ vương: "Người xưa giàu sang,

---

[1] Thành Bình Lỗ: Có lẽ nằm trong vùng hương Bình Lỗ. Tức khu vực giữa sông Cầu và sông Cà Lồ gần Phù Lỗ. Nay thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

[2] Mai Lĩnh: Tức đèo Đại Dũ phía Nam huyện Đại Dũ, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

[3] Chiêu Lăng: Tức Trần Thái Tông.

[4] Duyệt là người nước Sở chuyên làm nghề thịt dê. Đã từng theo Sở Chiêu vương chạy ra nước ngoài. Sau Chiêu vương trở về nước, ban thưởng cho Duyệt, Duyệt từ chối không nhận tiếp tục làm nghề thịt dê.

có thiên hạ truyền cho con cháu, con nghĩ thế nào?" Hưng Vũ trả lời: "Nếu như khác họ đã không nên, huống chi người cùng họ?" Tuấn cho là rất đúng. Quốc Tuấn lại đem ý ấy hỏi con thứ là Hưng Nhượng vương Quốc Tảng. Quốc Tảng vội tiến đến thưa: "Tống Thái Tổ vốn là ông lão làm ruộng, thừa thời mở vận có được thiên hạ". Quốc Tuấn rút gươm kể tội: "Kẻ loạn thần từ đứa con bất hiếu mà ra", định giết chết Quốc Tảng. Hưng Vũ vương khóc lóc xin nhận tội hồi lâu Quốc Tuấn mới tha. Khi sắp mất **<11a>** dặn Hưng Vũ vương rằng: "Sau khi ta chết phải đậy nắp quan xong mới cho Quốc Tảng vào viếng".

Trước đây, vào cuối năm Thiên Bảo, quân Nguyên sang xâm lược, thế giặc rất hung hãn, vua Thánh Tông thử hỏi để xem ý của Quốc Tuấn; "Thế giặc như vậy ta nên đầu hàng". Quốc Tuấn trả lời: "Trước hết hãy đem chém đầu thần rồi sau sẽ đầu hàng". Vì vậy trong khoảng năm Trùng Hưng lập được những công danh hiếm có ở đời. Từng nghe giặc phương Bắc mỗi khi nói đến Trần Quốc Tuấn thì chỉ gọi An Nam Hưng Đạo Vương mà không gọi tên. Vua Thánh Tông từng làm văn bia ở sinh từ Quốc Tuấn để ví ông với Thượng phụ[1]. Lại vì Hưng Đạo Vương có công lao lớn, ban thêm tước Thượng quốc công. Lại cho được phép quyền phong tước từ tước minh tự trở xuống, duy tước hầu được phong trước rồi sau tâu lên. Tuy vậy Quốc Tuấn cũng chưa từng phong tước cho một người nào. Ông từng sai nhà giàu đem thóc gạo để cấp phát cho quân, mà chỉ phong cho họ là lang tướng giả chứ không dám phong là lang tướng thật. Ông kính cẩn giữ tiết làm tôi như thế. Quốc Tuấn lại khéo tiến cử người hiền cho nước như Dã Tượng, Yết Kiêu đều là gia thần dự việc đánh dẹp Ô Mã Nhi, Toa Đô. Các ông Phạm Ngũ Lão, Trần Thì Kiến, Trương Hán Siêu, Phạm Lãm, Trịnh Dũ, Ngô Sĩ Thường, Nguyễn Thế Trực đều là môn khách của Quốc Tuấn, họ đều có văn chương chính sự nổi tiếng ở đời. Đến khi ấy mất, tặng Thái sư Thượng phụ, Thượng Quốc công, Nhân Vũ Hưng Đạo Đại vương. Quốc Tuấn lãnh trấn Lạng Giang, quân Nguyên hai lần sang xâm lược, ông nhiều lần đánh bại quân giặc, sợ sau này có chuyện xảy ra với mình, còn di chúc lại rằng: "Ta chết phải đem hỏa táng, lấy ống tròn đựng hài cốt, bí mật chôn trong vườn An Lạc, rồi lại san đất trồng cây như cũ khiến cho người ta không biết chôn ở chỗ nào". Sau khi ông mất, người ở các châu huyện Lạng Giang gặp tai biến ốm đau, nhiều người đến cầu khấn. Hoặc mỗi khi có giặc, đến cầu đảo ở đền Hưng Đạo, thấy hộp đựng kiếm kêu lên thì thắng

[1] Thượng phụ: Tức Lã Vọng, một hiền thần thời nhà Chu, có nhiều mưu lược.

lợi. (Quốc Tuấn thường soạn sách *Binh gia diệu lý yếu lược* để dạy các tì tướng, dụ họ bằng bài hịch rằng: Từng nghe Kỷ Tín[1] lấy thân mình chết thay để Cao Đế thoát chết. Do Vu[2] chìa lưng chịu đâmche cho Chiêu Vương, Dự Nhượng[3] nuốt than phục thù cho chủ, Thân Khoái chặt tay cứu nạn cho nước, Kính Đức[4] còn trẻ một mình giúp Đường Thái Tông thoát khỏi vòng vây của Thế Sung, Cảo Khanh[5] một bề tôi dám chửi An Lộc Sơn không theo kế sách phản nghịch của chúng. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ quên mình chết vì nước đời nào cũng có. Thiết nghĩ, giả sử họ cứ khư khư theo thói đàn bà trẻ con, chỉ chết dưới xó cửa thì tên tuổi làm sao được ghi vào sử sách, mãi mãi cùng trời đất không bao giờ mất? Các ngươi đời đời vốn nòi võ tướng, không hiểu chữ nghĩa, nghe nói như vậy nửa tin nửa ngờ **<12a>**. Thôi việc thời xưa hãy để đấy không bàn. Nay ta chỉ lấy việc thời Tống Nguyên mà nói: Vương Công Kiên là người thế nào? Tỳ tướng của ông là Nguyễn Văn Lập lại là người thế nào, mà dám lấy thành Điếu Ngư[6] nhỏ bằng cái đấu, đương đầu với trăm vạn quân Mông Kha[7] khiến cho nhân dân nước Tống nay còn đội ơn. Cốt Đãi Ngột Lang[8] là người thế nào? Tì tướng của ông là Cân Tu Tư lại là người thế nào, mà xông pha nơi sơn lam chướng khí trên đường vạn dặm, đánh bại nước Nam Chiếu trongvòng mấy tuần, khiến cho quân vương người Thát tên tuổi còn đến ngày nay? Huống chi ta cùng các ngươi sinh ra trong thời loạn lạc, lớn lên giữa lúc gian nan, nhìn thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn tấc lưỡi cú diều mà lăng nhục triều đình; đem tấm thân dê chó mà ngạo mạn với quan tể phụ. Thác mệnh lệnh vua Mông Cổ đòi ngọc lụa để thỏa lòng tham không cùng; giả

---

(1) Kỷ Tín: Bề tôi của Hán Cao Tổ, Hạng Vũ vây Hán Cao Tổ ở Huỳnh Dương, Kỷ Tín đóng giả Hán Cao Tổ ra hàng. Hạng Vũ để Hán Cao Tổ trốn thoát, Kỷ Tín bị Hạng Vũ giết.

(2) Do Vu: Tức Vương tôn Do Vu, người thời Xuân Thu bầy tôi nước Sở. Khi Chiêu Vương nước Sở nằm ngủ, bị thích khách của nước Ngô cầm giáo vào đâm. Lúc ấy Do Vu ở bên cạnh phải lấy thân chịu đâm mũi giáo trung vai, Chiêu Vương thoát nạn.

(3) Dự Nhượng: Người nước Tấn thời Trí Bá làm chủ, rất được Trí Bá tôn trọng. Sau Trí Bá bị Triệu Tương Tử giết chết, Dự Nhượng nuốt than giả câm để tìm cách giết Triệu Tương Tử trả thù cho Trí Bá.

(4) Kính Đức: Tức là Uất Trì Kính, người thời Tùy Đường đã cứu Đường Thế Dân, một tướng mạnh của Đường Thái Tông thoát khỏi vòng vây.

(5) Cảo Khanh: Tức Nhan Cảo Khanh người thời Đường làm Thái thú ở Thường Sơn khởi binh đánh An Lộc Sơn bị thua. Lộc Sơn dụ Cảo Khanh hàng, Cảo Khanh chửi, An Lộc Sơn cắt lưỡi.

(6) Thành Điếu Ngư: Thuộc tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc.

(7) Mông Kha: Tức là vua Hiến Tông nhà Nguyên.

(8) Cốt Ngãi Ngột Lang: Tướng Mông Cổ.

danh là Vân Nam vương[1] đòi vàng bạc để vét hết của có hạn ở trong kho. Ta vẫn từng: tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, muốn xả thịt, lột da, nhai gan, uống máu quân thù cho hả giận. Cho dù thân này có phải phơi ngoài đồng nội, xác ta bọc trong da ngựa, cũng nguyện xin làm. Các ngươi ở dưới trướng ta đã lâu, cho nắm binh quyền, cho ăn cho mặc, ban tước lộc, đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa, khi giao cầm quân thì cùng nhau sống chết, khi ở nhà thì cùng nhau vui cười. So với Công Kiên đối với tì tướng; Ngột Lang đối với người phụ tá cũng chẳng kém gì. Các ngươi ngồi nhìn chủ nhục không lấy làm lo, nếm mùi nhục của nước mà không lấy làm thẹn. Có kẻ lấy việc chọi gà làm thú, kẻ thì lấy việc đánh bạc làm vui, có kẻ chăm ruộng vườn để nuôi dưỡng gia đình, có kẻ vì quyến luyến vợ con mà sinh ra ích kỷ, chăm chú sản nghiệp mà quên việc nước; ham mê săn bắn mà lười việc tập tành, có kẻ lại thích rượu ngon mê hát nhảm. Nhỡ ra giặc Thát Đát nhà Mông đến xâm lấn thì cựa gà sao đâm thủng được áo giáp của giặc; thuật đánh bạc không thể bàn mưu kế việc quân, sự giàu có của ruộng vườn, không thể chuộc được tấm thân ngàn vàng; sự ràng buộc của vợ con không thể dùng vào việc quân, việc nước. Của cải có nhiều cũng không đủ để mua được đầu giặc, sức của chó săn cũng không thể đuổi được kẻ thù, rượu ngon cũng không thể đầu độc cho quân giặc, lời hát nhảm không thể làm điếc tai quân giặc. Đến lúc đó thầy trò ta bị trói, thì dù muốn nghe thỏa lòng vui thú liệu có được chăng? Nay ta nói rõ với các ngươi: nên biết "đặt mồi lửa bên đống củi là nguy"[2], phải lấy việc "sợ canh nóng mà thổi rau nguội[3] làm răn, phải huấn luyện quân sĩ, rèn tập cung đao làm cho người người phải như Phùng Mông nhà nhà phải như Hậu Nghệ[4], bêu đầu giặc dưới cửa khuyết, phơi thịt Vân Nam vương ở Cảo Nhai[5] thì ấp ăn lộc của ta được lưu truyền mãi mãi, bổng lộc của các ngươi cũng suốt đời được hưởng, không những tông miếu của ta được muôn đời tế tự, mà ông cha các ngươi cũng bốn mùa thờ cúng. Lúc bấy giờ dù có không muốn vui thú liệu có được không? Nay ta tuyển soạn binh pháp các nhà viết thành một tập sách này, không được vất bỏ. Vì sao vậy? Giặc Thát Đát nhà

---

[1] Vân Nam Vương: Tức là Hốt Kha Xích con của Thế Tổ.

[2] Câu trong sách Hán thư: Ôm mồi lửa đặt dưới đống củi rồi nằm lên trên. Lửa cháy đến nơi vẫn cho là yên

[3] Câu trong Sở từ: " Kẻ sợ canh nóng thổi cả rau nguội".

[4] Phùng Mông, Hậu Nghệ: Hai nhân vật bắn cung giỏi trong thần thoại Trung Quốc.

[5] Cảo Nhai: Một địa danh của Trung Quốc.

Mông là kẻ thù không đội trời chung. Nếu các người cứ điềm nhiên, không nghĩ đến việc rửa nhục, không để tâm đến việc diệt thù mà lại không rèn tập quân sĩ thế là quay giáo đầu hàng, tay không chịu bắt. Sau khi dẹp giặc, để nhục muôn đời còn mặt mũi nào mà đứng trong khoảng trời che đất chở này nữa, vì thế ta viết bài hịch này". Hưng Đạo lại tập hợp binh pháp các nhà làm thành Bát quái cửu cung đồ đặt tên là "Vạn Kiếp tông truyền thư". Nhân Huệ vương Khánh Dư làm bài tựa rằng: "Phàm người giỏi cầm quân thì không cần bày trận, người giỏi bày trận thì không cần đánh, người giỏi đánh, thì không bại, người giỏi xử lý thì không chết. Xưa kia Cao Dao làm Sĩ sư[(1)] mà không người nào dám trái mệnh; đến Vũ Vương Thành Vương thời Chu bàn việc quân thời Văn Vương, Vũ Vương[(2)] ngấm ngầm tu đức **<13a>** để lật đổ chính quyền nhà Thương mà dấy nghiệp Vương. Cái gọi là giỏi cầm quân không phải bầy trận là như thế đấy! Vua Thuấn múa mộc và lông chim trĩ mà họ Hữu Miêu[(3)] tự đến chầu, Tôn Vũ[(4)] nước Ngô đem mỹ nhân thử tập trận mà phá tan nước Sở hùng mạnh ở phía Tây; uy hiếp nước Tần, nước Tấn ở phía Bắc, nổi tiếng với các nước chư hầu. Đó gọi là người khéo tập trận không phải đánh vậy. Đến Mã Ngập nước Tấn lại dựa vào đồ bát trận

chuyển đánh ngàn dặm, phá được Thụ Cơ Năng lấy lại được Lương Châu. Đó gọi là khéo đánh thì không thua vậy. Cho nên "trận" nghĩa là bày ra, là khéo léo đấy. Xưa kia Hiên Hoàng đế đưa ra phép tỉnh điền để đặt binh chế; Gia Cát[(5)] xếp đá giả sông để làm đồ bát trận, Vệ Công[(6)] sửa lại thành Lục hóa trận, Hoàn Ôn[(7)] đặt "Xà thế trận"; có liệt kê thứ tự tên các trận hay, thành phép rành rành, người thời ấy ít ai làm được, muôn đầu ngàn mối, chỉ thấy rối loạn, chưa từng biến đổi. Như Lý Đáp[(8)]

---

(1) Theo truyền thuyết Trung Quốc: Cao Dao làm Sĩ sư thời Ngu Thuấn. Sĩ sư là chức đứng đầu về việc hình ngục thời đó.

(2) Vũ Vương làm tướng cho Văn Chương. Thành Vương làm tướng cho Vũ Vương. Đều là người có công khai sáng nhà Chu.

(3) Theo truyền thuyết: Hữu Miêu là một tộc ở phía Nam, nổi lên chống lại Thuấn. Thuấn vỗ về thu phục được.

(4) Tôn Vũ người nước Tề, làm tướng cho Ngô vương Hạp Lư, đã lấy cung nhân của Hạp Lư, tập bầy trận đánh. Sau giúp Ngô khôi phục chư hầu, mở rộng đất đai.

(5) Gia Cát Lượng: Tên là Khổng Minh, người thời Tam Quốc, giúp Lưu Bị dựng nên nước Thục.

(6) Vệ Công: Tức Lý Tĩnh đời Đường Thái Tông đã mô phỏng bát trận đồ của Gia Cát Lượng làm ra Lục hoa trận.

(7) Hoàn Ôn: Tên tự Nguyên Tử, một danh tướng thời Tấn làm đến đại tư mã.

(8) Có sách chép là Lý Thuyên người thời Đường soạn Thái bạch âm kinh: nói về mưu lược dụng binh.

thì dựng phép suy, người đời sau không ai hiểu được nghĩa ấy. Vì thế Quốc công ta soạn đồ pháp các nhà tập hợp thành một cuốn đều lấy ngũ hành ứng cửu cung so sánh, cương nhu phối hợp, chẵn lẻ tuần hoàn, không lẫn lộn âm với dương, thần với sát, phương với lợi, sao lành, hung thần, ác tướng, tam cát ngũ hung[1] đều được rõ ràng, châm chước với thời tam đại trăm trận đánh, trăm trận thắng. Cho nên, ngay thời bấy giờ, phía Bắc trấn ngự Hung Nô; phía Tây uy hiếp Lâm Ấp. Bèn lấy sách này truyền dạy trong gia đình, không tiết lộ cho người ngoài. Lại có lời dặn: "Sau này con cháu và các quan hầu, ai học được bí thuật này thì phải lấy điều sáng suốt mà thi hành, không được ngu dốt mà trao chữ truyền lời. Trái thế thì phải chịu tai hoạ". Lại có tin truyền ngoài rằng: "Có người tên là Nguyễn Sĩ Thành chết rồi sống lại, tự nói việc ở trên trời rằng: Ở Đông Triều thuộc Hải Dương có con gái họ Nguyễn là vợ người khách buôn ở Phúc Kiến, mộng thấy giao hợp với con rồng yêu tinh sau đẻ con sẽ làm loạn nước Nam; Có người đem việc ấy tâu với thiên đế, thiên đế lập tức sai Thanh Sơn đồng tử giáng thế để trị. Lúc bấy giờ vợ của Trần Liễu nằm mộng thấy một đồng tử mặc áo xanh gieo mình vào lòng xin làm con, khi tỉnh dậy thì có thai sinh ra Quốc Tuấn. Đến khi giặc Nguyên xâm lược nước Nam, có Nguyễn Bá Linh làm Tướng là con Nguyễn Thị ở Đông Triều, Quốc Tuấn sai quân chống cự lại ở An Bang, bắt được Bá Linh giết đi. Bá Linh chết, thành yêu quái, đàn bà con gái trong nước gặp nó liền sinh bệnh, nên gọi là ma Phạm Nhan, bùa phép không chữa được, chỉ có xin được đồ dùng và chiếu tế thần ở đền Trần Hưng Đạo đem về cho người bệnh nằm, thì nó mới bỏ đi không dám xâm phạm nữa. Đời truyền rằng: những việc mà Sĩ Thành trông thấy cho là linh nghiệm, nhưng việc ấy thuộc loại quái đản. Nay đền thờ Hưng Đạo Vương ở Vạn Kiếp và đền thờ Phạm Nhan ở sông Nam Sách đều còn. Xét phép tế tự nên tôn chính, bỏ tà thì đền Phạm Nhan nên phá đi. Nhưng chép cả để khảo cứu)

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Hưng Đạo Vương trung nghĩa trí dũng ngang hàng với Phần Dương vương nhà Đường mà địa vị ông xử và cái thế ông gặp lại có điều khó hơn. Hưng Đạo Vương là gia thần nắm trọng binh. Đương lúc gian nguy bị ngờ vực mang lời gièm pha. Tài văn võ có thể làm phép cho muôn nước mà riêng không nhận sự tốt đẹp ấy;anh hùng có thể lừng danh hai nước, mà cũng không coi mình là có công nghiệp ấy. Thế lực có*

---

[1] Tam cát, ngũ hung: Là các khái niệm được dùng trong việc lập trận đồ thời xưa.

thể lật núi lấp sông xua tan sấm gió, mà vẫn nơm nớp sợ oai trời gang tấc. Xem việc làm của ông là theo nghĩa lớn chứ không theo lời cha; biết có nước **<14a>***mà không biết có nhà, bỏ cái sắt nhọn ở đầu gậy để theo hầu hai vua; tuốt gươm mà kể tội Hưng Nhượng. Về lòng trung thành thấu đến mặt trời, mặt trăng; khí tiết động đến quỷ thần. Lòng trung nghĩa trí dũng của ông còn cao hơn Phần Dương vương.* ***Kinh Dịch*** nói: *"Biết điều nhỏ biết điều lớn, biết điều mềm, biết điều rắn thì muôn người trông vào". Hưng Đạo Vương là người như thế đấy. Cuối cùng hưởng sự tốt lành trọn đời, giữ được danh dự trọn đời, thật đáng làm gương hàng trăm đời cho những người làm bề tôi.*

Hoàng tử Mạnh sinh. Khi bấy giờ ở hậu cung sinh con phần nhiều không nuôi được. Đến khi ấy Hoàng tử Mạnh sinh, vua nhờ công chúa Thụy Bảo nuôi hộ (tức cô của Nhân Tông). Công chúa lại nhờ Nhật Duật nuôi hộ (Nhật Duật là anh của Thụy Bảo). Nhật Duật hết lòng nuôi dưỡng, lại vì tên con trai con gái của mình đều có chữ thánh nên đặt tên cho Hoàng tử là Thánh Sinh để giống con mình. Nhật Duật nuôi từ bé đến khi lên ngôi vua, phần công lao chăm sóc của ông rất nhiều.

Mùa đông, tháng 10, quy định chế độ mũ áo các quan văn võ. Quan võ đội khăn áo kiểu mới **<14b>,** quan văn đội khăn đen hình chữ đinh; quan theo hầu đội khăn sắc xanh có hoa như cũ. Vạt áo trước của các quan văn võ lấy 1 thước làm chuẩn. Quan văn võ không được mặc áo ngắn tay, quan theo hầu không được mặc xiêm.

Tân Sửu [Hưng Long] năm thứ 9 [1301] (Nguyên Đại Đức năm thứ 5), mùa xuân, tháng giêng, ban chiếu cho toàn thể các quan văn võ đội khăn chữ đinh thêm tua màu tía xen màu biếc (tua ở đầu tấm lụa dùng để buộc chân tóc và bỏ đầu thừa về phía sau).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Chế độ khăn thời nhà Trần phần nhiều không khảo cứu được. Chỉ có khăn hình chữ đinh đến nay vẫn còn, kiểu làm sơ sài, quan lại, quân nhân đều cùng đội. Khi bấy giờ thông dụng làmkhăn của các văn võ không phải là để nhìn xem mà phân biệt tết, buộc. Vào những năm Bảo Thái thuộc triều ta mới đặt lệ quan võ đội khăn lá đơn, quan văn đội khăn lá kép. Mùa thu, mùa đông dùng đoạn, mùa xuân, mùa hạ dùng sa, bậc dưới thì chiếu theo phẩm cấp, có hạng dùng toàn nam sa, có hạng dùng vải thanh cát. Quan Tể tướng Nguyễn Công Hãng triết hình chữ văn vũ, đặt ra chế độ loại khăn này. Tuy rằng*

không bắt chước lối cổ nhưng cũng có theo hình tượng. Tóm lại khăn buộc đầu, kết tóc bắt đầu vua Vũ Văn Cao tổ, thực là chế độ cố định không thể thay đổi được.

Lấy Trần Thì Kiến làm Tham Tri chính sự. Trước đây Thì Kiến làm gián nghị vì dấu dân đinh bị bãi chức. Vua cho rằng không phải ông cố ý, đến khi ấy lại vời dùng.

Tháng 2, Chiêm Thành sang triều cống.

Tháng 3, Thượng Hoàng đi chơi các địa phương, sang Chiêm Thành.

Ai Lao cướp phá Long Giang, Phạm Ngũ Lão đánh bại quân giặc. Ngũ Lão đánh nhau với giặc ở Mường Mai[1], bắt sống rất nhiều, phong Ngũ Lão làm Thân vệ đại tướng quân, ban cho quy phù.

Mùa hạ, tháng 4, trời hạn. Soát tù, trời mưa.

Phong con trưởng của Hưng Nhượng vương Quang Triều làm Văn Huệ vương.

Mùa đông, tháng 11, Thượng hoàng từ Chiêm Thành trở về, Trần Hùng Thao lại làm Tham tri chính sự, liền được thăng Tả bộc xạ <15b>.

Đói to.

Nhâm Dần, [Hưng Long] năm thứ 10 [1302] (Nguyên Đại Đức năm thứ 6), mùa xuân, tháng giêng, lấy Thái úy Đức Việp làm Thái sư. Huệ Vũ đại vương Quốc Chẩn làm Nhập nội Bình chương, Chiêu Văn vương Nhật Duật làm Thái úy Quốc công. Theo quy chế cũ thân vương vào làm tướng lại được xưng là Quốc công thượng hầu. Vào nội đình thì thăng quan Nội hầu. Đến khi ấy Nhật Duật là Thái úy vào giúp đỡ nên có lệnh phong Quốc công.

Bề tôi ngỗ nghịch là Biếm làm loạn. Phạm Ngũ Lão đánh giết Biếm, phong Ngũ Lão làm Điện suý, ban hổ phù.

Cho đạo sĩ phương Bắc là Hứa Tông Đạo ở An Tân (Tông Đạo từ phương Bắc theo thuyền buôn đến ở bến sông Yên Hoa[2], phép phù thủy, đàn chay dấy lên bắt đầu từ đấy).

Quý Mão năm thứ 11 [1303] (Nguyên Đại Đức năm thứ 7), mùa xuân, tháng giêng, Thượng Hoàng ở phủ Thiên Trường.

---

[1] Mường Lai: Là đất huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

[2] Yên Hoa: Vùng Yên Phụ, Hà Nội.

Tháng 2, cho Đô áp thượng vị Chiêu Hoài hầu Hiện làm Nhập nội phụ quốc Thái bảo.

<16a> Mùa đông, tháng 10, quy định kiểu khăn cho các vương hầu (người có tóc dài đội khăn triều thiên, người có tóc ngắn đội khăn bao).

Lấy Trần Khắc Chung làm Nhập nội Hành khiển (chức Hành khiển mà thêm hai chữ "nhập nội" có lẽ do triều Lý chuyên dùng hoạn quan làm chức này. Thời Thánh Tông (Quang Khải ban đầu được phong Thái úy kiêm làm Hành khiển có chữ "nhập nội" liền tâu: "Thần từ bên ngoài vào cho nên thêm chữ "nhập nội", còn các Hành khiển khác đều là hoạn quan xin bỏ chữ "nhập" đi. Thánh Tông nghe theo. Đến khi ấy mới lấy Khắc Chung làm Hành khiển lại thêm chữ "nhập nội" như trước và dùng cả sĩ phu làm Hành khiển).

Lấy Đoàn Nhữ Hài làm Tham Tri chính sự. Trước kia Đoàn Nhữ Hài phụng mệnh đi sứ Chiêm Thành, đến yết kiến Thượng hoàng ở chùa Sùng Nghiêm, núi Chí Linh, suốt ngày không được gặp. Một lúc sau xe của Thượng Hoàng ra chơi, Nhữ Hài yết kiến. Thượng Hoàng nói chuyện với Nhữ Hài không biết bao lâu, khixa giá trở về, Thượng Hoàng nói với tả hữu: "Nhữ Hài đúng là người giỏi, đáng được nhà vua sai khiến đấy". Theo tục cũ của Chiêm Thành, sứ nước ta đến phải vái quốc vương trước, sau mới mở chiếu thư, các người đi sứ noi theo nhau, không ai đổi khác. Khi Nhữ Hài đến, nghĩ kế để dần dần thay đổi, bèn đến thẳng án kinh đặt chiếu thư và nói với vua Chiêm: "Từ khi sứ thần của triều đình, đem chiếu thư của Thiên tử đến, phải xa cách Thiên tử lâu ngày, nay mở chiếu thư như thấy thiên tử, thần lạy chiếu thư rồi sau mới kính đọc". Dù đang ở trước mặt vua Chiêm nhưng vẫn lấy tiếng là lạy chiếu thư để tỏ tiết tháo bất khuất của sứ thần. Ngày hôm sau ở Tì Ni (nơi thuyền buôn tụ tập trong bến thông thương của Chiêm Thành) treo biển cấm buôn. Nhữ Hài đoán biết người Chiêm phản phúc, bảng văn cuối cùng tất bị bỏ đi, bèn triệu quan coi bến bảo: "Nơi đây buôn bán phức tạp, lại là nơi sung yếu của bến, khó mà giữ nổi. Khi sứ về thì thu hồi bảng đó, không được làm hư hỏng". Có lẽ là khiến cho lệnh phế bỏ không phải từ bên họ đặt ra đấy. Về sau những người đi sứ Chiêm Thành không lạy vua Chiêm là bắt đầu từ Nhữ Hài. Đến khi về vua rất khen ngợi bèn quyết ý dùng vào việc lớn, vì thế mới có mệnh lệnh ấy.

Giáp Thìn, [Hưng Long] năm thứ 12 [1304] (Nguyên Đại Đức năm thứ 8), mùa xuân, tháng giêng, người đàn bà phường Các Đài ở cầu bên hữu kinh thành sinh con gái hai đầu, bốn chân, bốn tay.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Một âm một dương gọi là đạo. Đạo nhà Chu lấy vợ lấy chồng không lấy người cùng họ là để phân biệt âm dương rõ ràng đôi lứa. Ý đó rất tinh vi đấy. Nhà Trần cùng họ lấy nhau quen cho là thường, nhưng không lấyngười trong họ* **<17a>** *đời thứ năm trở xuống, mà cứ lấy người thân phải để tang từ một năm trở lên. Cả một thời con trai con gái của anh em lấy lẫn nhau, mất đạo liêm sỉ không bao giờ quá hơn thế. Lần trước chép sinh con trai hai đầu, lần này chép con gái hai đầu, thực là chuyện lạ không thường thấy. Nhà Trần phá bỏ luân thường, âm dương không hợp lứa đôi, trời tỏ sự răn như vậy đã rõ ràng. Đáng sợ lắm thay!*

Tháng 2, lấy Bùi Mộc Đạc làm Chi Hậu Bạ Thư Chánhtrưởng trông coi cung. Thánh Từ (Mộc Đạc tự là Minh Đạo người Hoàng Giang, có tài năng. Trước đây họ Phí tên là Mộc Lạc, Thượng Hoàng vì thấy họ Phí không phải họ có tiếng tăm. Tên Mộc Lạc là điềm không lành. Nhân đó đổi thành họ Bùi và ban tên này, cho ngày đêm theo hầu, đến khi ấy nhận chức này. Sau người họ Phí vì hâm mộ danh tiếng của Mộc Đạc nhiều người đổi thành họ Bùi).

Tháng 3, thi học trò trong nước. Cho Mạc Đĩnh Chi đỗ Trạng nguyên, Bùi Mộ đỗ Bảng nhãn, Trương Phóng đỗ Thám hoa, Nguyễn Trung Ngạn đỗ Hoàng giáp và đỗ Thái học sinh tất cả 44 người **<17b>**. Về phép thi đầu tiên viết ám tả, thiên "y quốc" và truyện "Mục thiên tử"(1) để loại bớt (tập cũ chép là Mục Thái tử) thứ đến Kinh nghi(2) kinh nghĩa(3). Về thơ thì dùng "Cổ thi ngũ ngôn trường thiên" theo luật "tài nan xạ trĩ"(4). Phú thì dùng để 8 vần. Kỳ thứ 3 thi chế, chiếu, biểu. Kỳ thứ 4 thi văn sách. Cho dẫn ba vị đỗ đầu ra Long Môn của Phượng Thành du ngoạn đường phố ba ngày. Trạng nguyên bổ làm Thái học sinh hỏa dũng thủ, sung nội thư gia, Bảng nhãn bổ làm Chi Hậu Bạ Thư, Mạo Sam, sung Nội lệnh Thư gia; Thám hoa bổ làm Thiệu thư quyền sung Nhị tư, ngoài ra còn 330 người đều giữ lại học thêm (Đĩnh Chi là người huyện Chí Linh. Ông tổ là Mạc Hiển Tích đỗ Thái học sinh khoa Bính Dần thời Lý Nhân Tông. Đĩnh Chi thông minh tuyệt vời, nhưng

---

(1) Thiên y quốc: Lấy ở Quốc ngữ, nội dung nói về đạo trị nước " Mục thiên tử truyện" bộ tiểu thuyết cổ của Trung Quốc. Do Quách Phác thời Tấn chú giải.

(2) Kinh nghi: Những điều nghi vấn trong kinh điển Nho gia.

(3) Kinh nghĩa: Bàn về nghĩa lý trong kinh điển Nho gia.

(4) Có tài khó bắn trĩ.

dáng người vừa thấp vừa xấu. Đã thi đỗ nhưng vua hiềm vì nét mặt xấu, ông bèn làm bài "Ngọc tỉnh liên phú" (Hoa sen giếng ngọc) để tự ví mình. Bài phú như sau:

"Khách có kẻ, nơi nhà cao tựa ghế, trưa mùa hè nắng nồng;
Ao trong ngắm làn nước biếc, nhạc phủ vịnh khúc phù dung.
Chợt có người mặc áo quê đội mũ vàng,
Tiên phong đạo cốt khác xa trần gian.
Hỏi: "Ở đâu lại?". Rằng: "Từ Họa Sơn"[1]
Bèn bắc ghế, bèn mời ngồi.
Dưa Đông Lăng đem cắt, quả Dao Trì[2] *đem mời.*
Bèn sang sảng nói, bèn ha hả cười.
<18a>Đoạn rồi trông khách mà rằng: "Anh cũng là người quân tử ưa hoa sen đó chăng?"[3]
Ta có giống ta trong ống áo này
Chẳng phải như đào trần lý tục[4] *chẳng phải như trúc còi mai gầy.*
Câu kỷ phòng tăng khó sánh, mẫu đơn đất Lạc nào bì[5]
Giậu Đào Lệnh[6] *cúc sao ví được, vườn Linh Quân*[7] *lan sá kể gì:*
Ấy là giống sen giống ngọc ở đầu núi Thái Hoa".
Khách rằng: "Lạ thay! Có phải người xưa bảo rằng:
"Ngó như thuyền mà hoa mười trượng, lạnh như sương mà ngọt như mật" đó ư?

---

[1] Họa sơn: Thường đọc lầm là Hoa Sơn, Họa Sơn là 1 trong 5 núi lớn ở huyện Họa Âm, Trung Quốc.

[2] Dưa Đông Lăng, quả Dao Trì: Triệu Bình thời Tần được phong Đông Lăng hầu,sau mất quan về trồng dưa. Dưa ông ngon có tiếng. Nơi Dao Trì của bà Tây Vương mẫu có cây bàn đào, 3 nghìn năm mới có hoa, 3 nghìn năm mới kết quả.

[3] Ưu hoa sen: Chu Đông Di hiệu Khê người thời Tống rất thích sen, có phong cách quân tử có làm bài "Ái liên thuyết". Người đời gọi ông là quân tử ưa sen.

[4] Đào trần lý tục: Do câu cổ thi " Đào lý mãn sơn tổng thô tục", nghĩa là hoa đào hoa lý đầu núi, đều là thứ trần tục quê mùa.

[5] Câu kỷ phòng tăng, mẫu đơn đất lạc:
- Câu kỷ: một thứ cây có hoa dùng làm thuốc. Lưu Vũ Tích thời Đường vịnh cây câu kỷ, có câu: "Tăng phong dược thụ y hàn tỉnh", nghĩa là cây thuốc của nhà chùa tựa nơi giếng lạnh.
- Mẫu đơn: Đất Lạc Dương ở Trung Quốc là nơi hoa mẫu đơn đẹp hơn cả. Người đời thường gọi là "Lạc Dương hoa".

[6] Giậu Đào Lệnh: Đào Lệnh tức là Đào Tiềm, người thời Tấn làm quan lệnh ở Lành Trạch. Thơ Đào Tiềm có câu: "Thái cúc đông ly học" nghĩa là hái hoa cúc ở nơi giậu phía Đông.

[7] Vườn Linh Quân: Khuất Nguyên tên chữ là Linh Quân viết thiên "Ly tao" trong có câu: "Dư ký tư lan chi cửu uyển hề, hựu thụ huệ chi bách mẫu", nghĩa là ta tưới lan quyền lại trồng huệ trăm mẫu (1 quyền là 30 mẫu xưa của Trung Quốc).

Trước đây vẫn nghe tiếng, nay mới thấy thật,
Đạo sĩ lòng vui hớn hở, lấy trong ống áo trưng bày
Khách vừa trông thấy, lòng ngậm ngùi thay.
Giấy mười thức xếp sẵn(1) *bút năm sắc thắm ngay*(2)*,*
Làm bài ca rằng:
"Thủy tinh gác để làm cung,
Cửa ngoài lóng lánh bao vòng lưu li(3)*.*
Bùn thôi tán bột pha lê,
Hạt trai làm móc dầm dề tưới cây,
Mùi thơm ngào ngạt lên mây,
Ngọc Hoàng nghe cũng rủ đầy tình thương.
Lạnh lùng hạt quế không hương,
Tố Nga lại nổi ghen tuông bồi bồi.
Bãi sông hái cỏ dạo chơi,
Bến Tương luống những trông vời Tương Phi(4)*.*
Giữa dòng lơ lửng làm chi,
Nhà xưa sao chẳng về đi cho rồi.
Há rằng trống rỗng bất tài(5)*,*
Thuyền quyên lắm kẻ lỡ thời thương thay.
Nếu ta giữ mực thẳng ngay(6)*,*
Mưa sa, gió táp xem hay cũng thường.
Sợ khi lạt thắm phai hương,
Mỹ nhân đến lúc muộn màng kết xuân".
Đạo sĩ nghe mà than rằng: "Sao anh lại ai oán như thế?
Anh không thấy! "Hoa tử vi trên ao phượng hoàng(7)*.*

---

(1) Giấy mười thức: Do câu thơ của Hàn Phố: "Thập dạng loan tiên xuất Ích Châu). Ích Châu thuộc Tứ Xuyên, Trung Quốc.

(2) Bút năm sắc: Do tích Giang Yên nằm mộng thấy có người cho cây bút 5 màu, từ đó văn chương nổi tiếng.

(3) Cung thủy tinh, cửa cửu ly: Trong khi bài thơ "Hoa sen đình ngọc tỉnh" của Dương Thành Trai có câu: " Cừ tiên sơn xuất một, chiếu nhật trĩ do khiến, quán chi thủy tinh cung, hoàn dĩ lưu ly điện", nghĩa là ông tiên trong ao (chỉ hoa sen mới lấp ló lên còn non, nên e sợ bóng mặt trời chiếu đến, cho vào ở cung thủy tinh có tường thành bằng lưu ly bao bọc.

(4) Tương Phi: Vợ vua Thuấn.

(5) Trống rỗng bất tài: Sách Trang Tử viết: "Quả bầu 5 thạch, bổ ra làm cái bầu, thì trống rỗng không dựng được gì".

(6) Thẳng ngay: Chỉ cọng cây sen cũng thẳng.

(7) Hoa tử vi, ao phượng hoàng: Thời Tấn thời Đường tòa Trung Thư ở trong cung cấm, gần vua. Bên tòa có ao, cho nên người ta gọi là tòa trung thư là ao Phượng hoàng (ý nói địa vị cao quý). Lại vì tòa có hoa tử vi cho nên thời Đường còn có tên gọi là tòa Tử Vi.

Hoa hồng được trước thềm ngọc đường đó sao?
Địa vị cao cả, danh tiếng vẻ vang.
Triều minh thánh chúa đều là được quý, cõi tao nhân anh đi mãi sao đang?"

Khách bấy giờ:
Nghe lọt mấy lời, đem lòng kính mộ.
Ngâm thơ "đình thượng" của Thành Trai(1),
Họa câu "phong đầu" của Hàn Dũ(2).
Gõ cửa thiền môn giãi tấc lòng,
Kính đăng bài "Ngọc tỉnh liên phú".

Vua Anh Tông xem bài phú xong khen Mạc Đĩnh Chi. Phong cho ông chức Thái học sinh hỏa dũng thủ, sung làm Nội thư gia. Mộ người Thanh Oai. Phóng người Thanh Hoá. Trung Ngạn người Thiên Thi đỗ năm 16 tuổi, được gọi là thần đồng.

Thi thủ phân bằng những lời xử kiện <18b> (thủ phân tức người làm lại ngũ hình, chuẩn từ là lời phê chuẩn).

Mùa thu, tháng 8, cấm 8 chữ húy(3) ở triều Lý, phải viết bớt nét.

Tháng 9, ban chiếu định cách thức điểm chỉ vào văn tự (gồm văn tự cầm cố và bán đất, khi điểm chỉ vào văn tự đều dùng đốt thứ nhất, ngón đeo nhẫn tay trái).

Mùa đông, tháng 11, ban chiếu thi các sĩ nhân trong thiên hạ hỏi về 7 khoa(4).

Tháng 12, sao Chổi mọc ở phương Nam.

Trần Hùng Thao từ chối chức Tả bộc xạ, vua bằng lòng.

---

(1) Thành Trai: Tức là Dương Vạn Lý, người thời Tống, có tập thơ Thành Trai gồm 130 quyển (do con là Trương Nhụ chép), lời thơ hùng tráng.

(2) Hàn Dũ: Tức Hàn Xương Lê, thời Đường. Thơ ông có câu rằng: "Thái Họa phong đầu ngọc tỉnh liên, hoa khai thập trượng ngẫu như thuyền; lãnh tỷ tuyết sương cam tỷ mật, nhất phiến nhập khẩu trầm kha thuyên". Nghĩa là: cây sen ở trong giếng ngọc trên núi Thái Họa, hoa cao 10 trượng ngó như thuyền mát lạnh như tuyết sương, ngọt như mật, ăn vào một miếng, bệnh nặng cũng khỏi.

(3) Nhà Lý có 8 chữ húy: Uẩn, Mã, Tôn, Đức, Hoán, Tộ, Cán, Sản.

(4) Thi 7 khoa: Chưa rõ cách thức thi như thế nào.

Lấy Đoàn Nhữ Hài làm Tri Khu Mật viện sự. Từ niên hiệu Kiến Trung đến nay, nắm việc chính sự đều là người tôn thất. Riêng vua không phân biệt kẻ thân người sơ. Năm Bảo Hưng dù người tôn thất thân yêu rất mực, không có tài năng cũng không dùng vào chính sự. Nhữ Hài là một học trò vì có tài nên cất nhắc lên mau chóng.

Ban chiếu cho phủ Tông chính soạn ngọc phả của tôn thất nhà vua.

Ất Tỵ [Hưng Long] năm thứ 13 [1305] (Nguyên Đại Đức năm thứ 9), mùa xuân, tháng giêng, sách phong Hoàng tử thứ tư là Mạnh làm đông cung Thái tử và làm bài "Dược thanh châm" ban cho.

Tháng 3, nước La Hồi sai sứ sang cống **<19a>** dâng vải Liễn La và sản vật).

Lấy Trần Thì Kiến làm Tả bộc xạ (năm ấy sử cũ chép có viênđộc bạ là Trần Cụ, tính người khoan hậu, cẩn thận, giỏi đánh đàn băn nỏ và trò chơi đá cầu. Vua sai dạy Thái tử các nghề ấy. Lại chép nhà của Trần Cụ ở, thuyền của Trần Cụ đi đều có hai cửa đối nhau, xếp đặt bày biện cũng đều bằng phẳng ngay ngắn. Bản tâm như vậy cho nên thể hiện ra việc làm cũng như vậy. Lại chép Trần Cụ là người xã Cứu Liên, đã từng có điều bất bình với xã mà thề rằng: "Chân không đặt lên đất Cứu Liên". Sau này khi về Cứu Liên hoặc đi thuyền hoặc đi kiệu, khi dậy, khi nghỉ đều ở trên giường. Khi đi chơi ở vườn ao thì sai khiêng giường đi theo, hết đời không đặt chân lên đất Cứu Liên nữa. Do lòng kiên quyết như thế, cho nên người xưa cho là người gàn. Theo những việc Trần Cụ làm thì thật không đúng. Phàm phép viết sử không nên viết chữ to. Cho nên chia dòng ghi chú đại lược để bảo tồn chuyện cũ.

Bính Ngọ, [Hưng Long] năm thứ 14 [1306] (Nguyên Đại Đức năm thứ 10), mùa xuân, tháng Giêng, ngày mồng 1, Thống Chính Thái sư, Tá Thiên Đại vương Đức Viện mất (thọ 42 tuổi).

Mùa hạ, tháng 6, gả Công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thànhlà Chế Mân. Trước đây Thượng hoàng vãn du sang Chiêm Thành có hứa gả con gái cho vua Chiêm. Vì lời hẹn cũ, Chế Mân sai bầy tôi là bọn Chế Bồ Đài mang tờ biểu, vàng, bạc, hương liệu lạ, các sản vật quý sang xin định lễ cưới. Bầy tôi trong triều cho là không nên, chỉ riêng Văn Túc vương là Đạo Tái chủ trì, bàn cãi, Trần KhắcChung tán thành. Ý vua lúc ấy mới quyết **<19b>** định gả. Đến khi ấy công chúa về Chiêm Thành. Các văn sĩ trong triều ngoài nội nhiều người mượn việc vua Hán gả Chiêu Quân cho Hung Nô làm thơ quốc ngữ để chê trách.

***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:** Xưa kia Hán Cao Hoàng vì nước Hung Nô luôn luôn làm khổ biên giới, nên đem con gái người nhà là công chúa gả cho Thiền Vu[1] là kết hôn với người không cùng giống nòi. Các bậc tiên nho đã từng chê trách. Nhưng là ý định muốn hoãn binh cho dân được nghỉ còn có thể được. Vua Hán thì nhân việc Hô Hàn[2] đến chầu xin làm rể nhà Hán mà gả Vương Tường[3] cho, đó cũng có nguyên cớ. Còn Nhân Tông đem con gái gả cho vua Chiêm vì nghĩa gì? Nói là nhân chuyến đi chơi trót hứa gả sợ bị mất lòng tin, thế thì sao không đổi mệnh lệnh. Vua đương trị vì còn Thượng Hoàng đã đi tu, vua đổi mệnh lệnh là việc không khó, mà lại đem gả cho người xa không cùng nòi giống để giữ lời nói trước, rồi sau dùng mưu gian trá cướp về thì còn gì là tín nữa?*

***<20a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Nhà Trần chỉ cốt được lợi trước mắt, luôn luôn mượn son phấn để thay bức trường thành. Đem Ngoạn Thuyền gả cho Nguyễn Nộn, Thiên Tư gả cho Thoát Hoan, Huyền Trân gả cho Chế Mân, đều là con gái vua chứ không phải mượn dùng con gái trong họ như đời trước. Khi bình thường quý trọng con gái của mình đến mức không phải là người trong năm thứ tang phục thì không kết hôn; nay đối với bọn giặc mọi rợ khác nòi, thì giao cho không chút đoái tiếc, như thế là thế nào? Tuy vậy nhưng Chế Mân cũng là vua một nước đấy, lấy công chúa Huyền Trân về thì cắt đất bãi binh, rốt cuộc mở mang bờ cõi Thuận Hóa làm lợi cho đời sau chẳng hơn là Nguyễn Nộn không chịu vào chầu; Thoát Hoan không chịu rút quân mà Ngoạn Thiền, Thiên Tư thì uổng chuốc lấy cái nhục thất tiết hay sao? Vua Anh Tông làm việc này chưa phải là sai lầm quá. Còn như việc cướp Huyền Trân về, có lẽ vì Chế Mân đã chết, để lại để chôn theo cũng vô ích, cho nên phải làm việc bất đắc dĩ, còn có thể thông cảm một chút **<20b>**. Còn việc tà dâm trên đường biển thì Khắc Chung đành phải chịu tội, còn công chúa bị nhơ đều không đáng nói.*

Mùa thu, tháng 9, ngày rằm, nguyệt thực.

Sai Thiên Chương học sĩ Nguyễn Sĩ Cố giảng Ngũ kinh. Sĩ Cố hay nói khôi hài, người bấy giờ ví ông với Đông Phương Sóc[4]. Ông hay làm

---

[1] Thiền Vu: Hung Nô gọi vua là Thiền vu.

[2] Hô Hàn: Tên của vua Hung Nô.

[3] Vương Trường: Tức là Vương Chiêu Quân, một cung nhân bị vua Hán gả cho Hung Nô.

[4] Đông Phương Sóc: tên tự là Mạn Thiến người thời Hán, giỏi khôi hài, làm kim mã môn thi trung cho Hán Vũ Đế.

thơ, phú bằng tiếng nước ta. Người sau bắt chước, làm nhiều thơ phú bằng tiếng quốc ngữ bắt đầu từ ông.

Hành khiển hưu chí Nguyễn Kiên Ngô vào chầu. Kiên Ngô tính thực thà, vua quý trọng không gọi tên, để khuyến khích những người già còn cố giữ chức vị (Kiên Ngô tự xưng là Liêu Nhiễu).

Lấy Trần Hùng Thao làm Thiếu Bảo.

Sai Hàn lâm học sĩ Lê Tông Nguyên, Trung thị đại phu là Bùi Mộc Đạc đi sứ sang nhà Nguyên.

Đinh Mùi, [Hưng Long] năm thứ 15 [1307] (Nguyên Đại Đức năm thứ 11), mùa xuân, tháng giêng, đổi tên hai Châu Ô, Lý làm Thuận Châu và Hóa Châu, sai Hành khiển Đoàn Nhữ Hài vỗ yên nhân dân ở đấy. Trước đây vua Chiêm Thành là Chế Mân đem đất đó làm **<21a>** lễ vật dẫn cưới, dân các thôn La Thủy, Tác Hồng, Đà Bồng không phục, vua bèn sai Nhữ Hài đến đó để tuyên thị đức ý triều đình, chọn dân ở đấy ban cho chức quan, cấp cho ruộng vườn, miễn tô thuế 3 năm để vỗ về.

Tháng 3, mặt trời có hai quầng (hình như hai cầu vồng giao nhau).

Mùa hạ, tháng 5, vua Chiêm Thành là Chế Mân mất.

Mùa thu, tháng 9, nước to vỡ đê Đam Đam.

Thế tử Chiêm Thành Chế Đa sai bề tôi là Bảo Lộc dâng voi trắng.

Mùa đông, tháng 10, sai Nhập nội Hành khiển Thượng thư tả bộc xạ Trần Khắc Chung, An phủ Đặng Văn sang Chiêm Thành đón công chúa Huyền Trân và thế tử Đa Da về. Tục lệ nước Chiêm khi vua chết Hoàng hậu phải vào hỏa đàn để chết theo. Vua biết như vậy, sai bọn Khắc Chung đi, mượn cớ sang viếng rồi nói: "Công chúa hỏa táng thì việc làm chay không có ai làm chủ, chẳng bằng ra bờ biển làm lễ chiêu hồn ở ngoài trời, đón linh hồn cùng về, rồi sẽ vào hỏa đàn cho tiện". Người Chiêm Thành tin lời nói của Chung. Khi đã ra bờ biển, **<21b>** Khắc Chung lấy thuyền nhẹ cướp công chúa đem về rồi tư thông với công chúa, lần lữa ngoài biển lâu ngày mới về đến kinh sư. Hưng Nhượng đại vương[1] ghét Khắc Chung, mỗi khi gặp thì mắng:

"Người này đối với nước là điềm không lành, tên họ là Trần Khắc Chung là vận nhà Trần rồi sẽ mất vì người này chăng". Khắc Chung thường sợ hãi né tránh.

---

(1) Tức Huệ Vũ đại vương Trần Quốc Chẩn.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Thói gian tà của Trần Khắc Chung thật quá lắm thay! Nó không chỉ làm trò dê chó này mà sau lại kết đảng với bọn Văn Hiến hãm hại quốc phụ thượng tể, để vẽ tội làm phản, làm chết oan đến hơn một trăm người. Thế mà vẫn hưởng phú quý trọn đời. Khổng Tử nói: "Kẻ gian tà sống được là do may thoát tội". Nhưng sau khi chết, gia nô của Thiệu Vũ*[1] *khai quật băm vằm xác nó ra. Thế thì lời nói của Thánh nhân lại càng đáng tin.*

<22a> Mậu Thân, [Hưng Long] năm thứ 16 [1308] (Nguyên Vũ Tông Hải Sơn Chí Đại năm thứ 1), mùa xuân, tháng Giêng, lấy Trương Hán Siêu làm Hàn lâm học sĩ.

Mùa đông, tháng 11, ngày mồng 1, mặt trời có 2 quầng. Thượng hoàng băng ở am Ngọa Vân trên núi Yên Tử. Khi đó Thượng Hoàng xuất gia tu ở ngọn Tử Tiêu núi Yên Tử, tự hiệu là Trúc Lâm Đại sĩ. Chị là công chúa Thiên Thụy ốm sắp chết. Thượng Hoàng xuống núi thăm và nói: "Đến giờ chị cứ đi, nếu dưới âm có hỏi việc gì thì chị cứ nói: Xin đợi một lát em tôi là Trúc Lâm Đại sĩ sẽ đến". Nói xong trở về núi, dặn người hầu là Pháp Loa những việc sau này rồi ngồi yên mà hoá. Thiên Thụy cũng mất vào ngày đó. Pháp Loa rước lên thiêu ở hỏa đàn, được hơn ba nghìn viên xá lỵ[2] (có bản chép được hơn một nghìn viên, lại có bản chép xá lỵ 15 nghìn, loại lớn hơn 500 viên, còn loại nhỏ như hạt cải, hạt thóc thì không kể) rước về đến Quảng Phúc ở kinh sư. Vua ngờ vực, bề tôi nhiều người xin trị tội Pháp Loa. Hoàng Thái tử Mạnh mới 9 tuổi, đứng hầu bên cạnh, chợt thấy trước ngực có mấy viên xá lỵ đưa cho vua xem, vua sai **<22b>** kiểm lại những viên xá lỵ trong hộp thấy đã đủ vua cảm động rơi nước mắt, trong lòng mới hết ngờ. Thượng Hoàng học thức uyên bác, càng hiểu sâu về tôn chỉ đạo thiền. Những tác phẩm của ông có: Thiền lâm thiết chủy ngữ lục, Đại hương hải ấn thi tập, tăng già toái sự, Thạch thất mỵ ngữ, đều lưu truyền ở đời. (Xét vua Nhân Tông khi đã đi tu, tự hiệu là Trúc Lâm đầu đà, Điền ngự giác hoàng, đi khắp các lộ, trừ bỏ đền thờ nhảm, bố thí thuốc phép, thích núi Yên Tử, đỉnh núi cao vút, cùng với bảy tám người hầu lên đỉnh Ngọa Vân làm am Tử Tiêu rồi ở đấy. Thường qua lại chùa Sùng Nghiêm thuyết pháp. Sau khi đi thăm công chúa Thiên Thụy rồi về núi, đến chùa thôn Cổ Châu, đề bài kệ có câu: "Thế số nhất Tức Mặc, thời tình lưỡng hải ngân, ma quan hồn quản

---

[1] Thiệu Vũ vương là con của Quốc Chẩn.

[2] Xá lỵ là phần còn lại sau khi thiêu xác.

thậm, Phật quốc bất thăng xuân" (Số ở đời chỉ như một hơi thở, còn tình đời như hai biển bạc. Bọn quan ma quỷ quá lắm, nước Phật tươi vui khôn xiết). Đến đỉnh Ngọa Vân triệu Bảo Sát đến. Bảo Sát đến Doanh Tuyền thấy hai con rồng vàng, trong lòng lấy làm lạ. Khi đến đỉnh Ngọa Vân, Nhân Tông mỉm cười nói: "Ta sắp đi đây sao ngươi đến muộn thế?". Từ ngày 21 tháng 10 về sau, trời đất u ám, mưa to gió lớn, khỉ vượn gào khóc quanh am, chim núi bay, kêu ai oán. Ngày mồng 1 tháng 11, đúng nửa đêm, sao sáng vằng vặc, Nhân Tông hỏi giờ gì, Bảo Sát trả lời: "Giờ Tý". Nhân Tông nói: "Đó là giờ ta đi, hình hài này giao phó cho ngươi". Triệu Pháp Loa trao tấm ấn cho làm đệ nhị tổ, rồi hóa theo kiểu Sư Tử nằm. Bảo Sát và Pháp Loa rước hình hài vào thiêu. Nhân Tông kiến thức siêu việt, ý tứ khoát đại, coi thân mình như hình thể của trời đất, sống chết không hề lưu luyến đoái tiếc. Sau khi ngồi hoá, mọi sự phó thác cho các nhà sư, không báo cho vua nối dõi một lời. Bài tựa ngự tập của vua Minh Tông có câu đại lược như sau: Thế Tông bỏ ngôi báu vàng son, nửa đêm vượt thành, cởi áo **<23a>** rồng, cắt tóc lên núi xanh để chim làm tổ trên đỉnh đầu, để mạng nhện giăng lưới ở lông mày. Tu tĩnh mịch mà chứng minh đạo Phật, dứt bỏ bụi trần mà thành chính giác. Tổ ta điều ngự Nhân Tông hoàng đế ra khỏi cõi trần tục, bỏ vương cung, trấn giữ cửa núi nghiễm nhiên như người thường trú"tiếng thơm không mất" nòi thánh nối nền thịnhvượng, có lẽ hiểu sâu tông chỉ ấy. Cho nên so với hình dung vua Thế Tông như vậy là đúng lắm. Lại xét trong niên hiệu Trùng Hưng đời Nhân Tông, sai Tả hành khiển Trần Xương Ngộ dựng bia ở Yên Sinh ghi lệ còn lưu lại ở các chùa Hoa Yên, Thái Đường, Long Động núi Yên Tử. Những gia nô hỏa đầu, thuế dịch, kho tàng, đồng ruộng lương thực hằng tháng đều có quy ước sẵn. Đó là vua đã đặt ra quy củ đi tu. Xếp đặt được ổn định chứ không phải người trụ trì khổ hạnh. Còn đối với việc nước hẳn không phải bỏ qua không nghe biết gì. Lại bia "Yên Sinh thần đạo bi" có ghi: Đời trước nhà Trần vốn là người đất Yên Sinh, Đông Triều, sau đó mới di cư đến làng Tức Mặc. Cho nên các vua Trần đều mang về chôn cất ở đất Yên Sinh mà khi nhường ngôi đi tu cũng lấy Yên Tử, Yên Sinh làm nơi ở ẩn đi tu. Đó là tâm pháp truyền thụ của nhà Trần vậy).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Vua Nhân Tông trên thờ từ cung làm rạng rỡ đạo hiếu; dưới dùng tướng giỏi lập được võ công. Nếu không phải là bậc vua có tư chất nhân hậu thông minh, anh vũ thì sao có được như thế. Duy có một việc đi tu là không hợp với đạo "Trung dung", đó là lỗi của người hiền.*

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Nhân Tông làmThiên tử lại làm Thái Thượng hoàng* **<23b>** *đi tu lên núi, ở am rồi mất. Việc trong thiên hạ có gì lớn hơn việc ấy. Pháp Loa chỉ là một nhà sư mà cáng đáng mọi việc. Kể từ khi bệnh nặng đến khi mất, không hề báo với triều đình, đưa lên thiêu ở hỏa đàn rồi mang hạt xá lỵ về. Thế mà Anh Tông vẫn không cho là lạ, là vì cớ gì? Nhân Tông ở ngôi vua mà quên hình hài; Pháp Loa được chân tính mà quên quyền thế, như là nhân duyên kiếp trước thân mật, cho nên sự giao kết trong cùng một đời càng sâu. Từ khi gặp ở Nam Sách, đặt tên cho là Thiện Lai, rồi đi theo thụ giới tại nhà lều ở Kỳ Lân, theo thuyết pháp tại tu viện ở My Ngữ, tham thiền vãng cảnh, theo đi các nơi Linh Sơn, Long Động, Sùng Nghiêm, Vân Mộng. Coi lục căn[1] đều là hư ảo; xem, mọi sắc đều như là hư không. Bỏ phiền não mà chứng nghiệm cõi vô sinh; tẩy dơ bẩn mà trở về thanh tịnh. Nhân Tông ắt lấy những điều đó làm lời di chúc; Pháp Loa cũng vì điều đó mà mừng vui về lời dặn của Nhân Tông. Cho nên không hâm mộ gì cũng không khiếp sợ.* **<24a>** *Giả sử vua nối ngôi mà không lượng thứ thì Pháp Loa cũng sẽ bỏ thân mà theo là điều tự nguyện trong lòng.*

Pháp Loa trong khoảng niên hiệu Hưng Long thường tâu xin giảm số độ thầy tu, từ chối sự ban cấp cho phu chèo thuyền, khước bỏ những của bố thí như ruộng đất vàng bạccủa các vương công quý chủ, giữ luật răn mình rất nghiêm, giữ đức hạnh rất cao, giác ngộ chân lý rất nhanh, hết thảy những vinh hoa, lợi dục, chung đỉnh, thiết việt không một vật gì có thể lay chuyển được. Cho nên xử những việc lớn vẫn điềm nhiên, phép luật trong đời không ràng buộc được, vậy mà người đời không ai không tôn trọng đạo của ông, tin tấm lòng của ông. Nhà vua cũng phải kính trọng, rốt cuộc không nỡ vì thế mà bắt tội Pháp Loa. Xem thơ viếng của Anh Tông có câu: "Tự tòng Pháp Loa khứ thế hậu, thiên hạ thích tử không vô nhân" (Từ sau khi Pháp Loa qua đời, kẻ theo đạo Phật trong thiên hạ như không có người) thì biết vua đã tin ông. Vị Chân nguyên thượng nhân sắp xếp thứ tự tam tổ: Vua Nhân Tông là tái thế Thích Già, Pháp Loa là Già Diệp, Huyền Quang là A Nàn. Vậy thì Pháp Loa là bậc cao nhất trong các nhà sư cũng là bậc khác

---

[1] Lục căn: Từ nhà Phật, Kinh Phật lấy mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý (tức là thị căn, thính căn, sú căn, vị căn, sức căn, miên lự căn làm lục căn).

thường trong mọi người đấy chăng? Tuy nhiên nhà Trần quá sùng đạo Phật; Anh Tông cũng đơn giản trong việc thờ cha. Những lỗi lầm đó đều không thể che đậy được. Còn số xá lỵ bị thiếu lại thấy ở trong mình Thái tử có lẽ là thuyết của đạo Phật đặt ra chuyện kỳ quái, sử cũ theo mà tin chứ chưa chắc đã có việc đó.

Sứ nhà Nguyên là Thượng thư An Lỗ Uy sang báo tin vua mới lên ngôi (báo tin vua Vũ Tông lên ngôi. Có bản chép là A Lý Khôi).

Vua sai Mạc Đĩnh Chi sang nhà Nguyên (Đĩnh Chi dáng người thấp bé, người Nguyên khinh bỉ, Tể tướng nhà Nguyên mời ông vào trong phủ cùng ngồi. Trong phủ tướng có treo bức trướng mỏng thêu con chim sẻ vàng đậu trên cành trúc. Đĩnh Chi đến xem, người Nguyên đều cười cho là hủ lậu, Đĩnh Chi liền kéo hình chim sẻ xé đi, mọi người lấy làm lạ hỏi duyên cớ tại sao? Ông trả lời: "Tôi chỉ nghe người xưa vẽ chim sẻ đậu cành mai, chưa từng thấy ai vẽ chim sẻ đậu cành trúc bao giờ. Trúc tượng trưng cho bậc quân tử, chim sẻ tượng trưng cho bọn tiểu nhân. Nay tể tướng lấy cảnh ấy mà thêu vào trướng là đem tiểu nhân đặt lên trên quân tử, sợ rằng đạo của bọn tiểu nhân lớn lên, đạo của người quân tử tiêu đi, cho nên tôi vì thánh triều mà bỏ đi". Mọi người đều phục Đĩnh Chi nhanh trí. Đến khi vào triều gặp lúc nước ngoài dâng quạt, Đĩnh Chi phụng mệnh làm bài minh, cầm bút làm xong ngay. Bài minh rằng:

"Lưu kim thước thạch, thiên địa vi lô, nhĩ ư Tư thị hề, Y, Chu cự nho; Bắc phong kỳ thê, vũ tuyết tài đồ nhữ ư tư thị hề Di, Tề ngã phu. Y! dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng, duy ngã dữ nhĩ, hữu như thị phù".

(Khi nhảy vàng tan đá; trời đất nóng như lò, người trung lúc đó được trọng như Y Doãn, Chu Công[1], những bậc đại Nho; Gió bấc lạnh lùng, mưa tuyết đầy đường, người trong lúc đó như ông Bá Di, Thúc Tề[2] là người chếtđói. Ôi! dùng thì làm, bỏ thì nghỉ, chỉ <25a> ta và ngươi được như vậy).

Người Nguyên càng thêm thán phục. Tương truyền sứ nước ta và sứ nước Triều Tiên cùng yết kiến vua Nguyên và cùng phụng chỉ làm bài minh cái quạt. Sứ Triều Tiên làm xong trước, minh rằng:

---

(1) Y Doãn: Làm tướng thời nhà Thương (Trung Quốc), giúp vua Thang tiêu diệt vua bạo ngược nhà Hạ lập nên nhà Thương.

Chu Công: Người họ Cơ tên là Đán làm tướng nhà Chu giúp vua Thành Vương nhà Chu dẹp yên nổi loạn làm nên đời thái bình.

(2) Bá Di, Thúc Tề là hai người con vua nước Cô Trúc (Trung Quốc) thời Chu. Hai ông thấy nhà Chu lật đổ nhà Thương, cho là bất trung không thèm ăn thóc nhà Chu bỏ lên núi Thú Dương hái rau vi ăn rồi đều chết đói.

"Uẩn long trùng trùng Y Doãn, Chu Công

Đông hàn thê thê, Bá Di Thúc Tề".

(Khi hơi nóng hừng hực, thì được dùng như ông Y Doãn, Chu Công; khi mùa đông rét căm căm thì bị bỏ như ông Bá Di, Thúc Tề).

(Bài minh có 4 câu 16 chữ, Đĩnh Chi chỉ liếc nhìn thế bút mà viết, bèn phỏng theo ý thay chữ khác lại dẫn thêm 3 câu trong sách truyện làm câu kết. Rốt cuộc được khen thưởng, càng thấy được tài nhanh trí của Đĩnh Chi).

Kỷ Dậu, [Hưng Long] năm thứ 17 [1309] (Nguyên Chí Đại năm thứ 2), mùa xuân, tháng giêng, đại xá cho các tội phạm trong thiên hạ.

Sách phong Đông cung Thái tử Mạnh làm Hoàng Thái tử, truy tôn Khâm Từ Bảo Thánh Thái hậu làm Thái Hoàng Thái hậu. Sách phong Thánh Từ phu nhân làm Thuận Thánh Hoàng hậu.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Thái Hoàng Thái hậu là tôn xưng của bà lúc sinh thời. Khâm Từ là vợ Nhân Tông và là mẹ của Anh Tông. Nhân Tông đã mất và đã cho Khâm Từ được thờ phụ trong lăng lại phối hưởng ở miếu mà lại truy tôn Thái hoàng Thái hậu, danh hiệu không đúng đắn không việc gì hơn việc này. Anh Tông làm việc này là sai lễ đấy. Đại để nhà Trần trị nước: đặt pháp chế rõ ràng nhưng lễ văn thì sơ lược* ***<25b>***. *Trên dưới học nhau mà làm thành quen không biết là sai, đại loại phần nhiều như thế.*

Mùa đông, tháng 10, trị tội bọn phản nghịch. Tất cả những kẻ có tội đều tước bỏ họ, chỉ gọi tên. Khi đó án phản nghịch xử tội chết có bốn người, trong đó có một người tên là Hân vì trước đây có công lớn nên được tha, chỉ tịch thu toàn bộ gia sản. Còn sáu người xử tội đày ở châu Ác Thủy (ở huyện An Bang[1], những người bị đày đến nơi này không ai có thể về được). Người tên là Lệ là dòng dõi xa của nhà vua, tha không thích chữ vào mặt. Bốn người đày ở các châu xa. Người tên Ma Linh cùng vợ ra thú tội trước nên được tha.

Lấy Bùi Mộc Đạc làm Trung thư Thị lang (theo sử cũ năm đó phu nhân của Uy Túc công là Công chúa Thiên Trân hoăng[2], vua đến viếng tang. Công chúa không phải là người có tài đức tuyệt vời thì không nên chép là "hoăng". Chế độ nhà Trần nếu công chúa mất hay bỏ nhau thì

[1] Huyện Yên Bang: Thuộc tỉnh Quảng Ninh.

[2] Hoăng: Có ý nghĩa là chết.

người chồng không được lấy vợ khác như Uy Túc, Văn Huệ thương khóc nhiều hay ít, có lấy vợ kế hay không, đều là việc thường, không cần chép đủ cho nên đã bỏ đi).

Canh Tuất, [Hưng Long] năm thứ 18 [1310] (Nguyên Chí Đại năm thứ 3), mùa thu, tháng 9, chôn cất Thượng Hoàng ở lăng Quy Đức, đặt niên hiệu là Nhân Tôngđặt tên thụy là Pháp **<26a>**Thiên Sùng Đạo Ứng Thế Hóa Dân Long Từ, Hiển Huệ Thánh Văn Thần Võ Nguyên Minh Huệ Hiếu Hoàng đế. Đem Khâm Từ Bảo Thánh Thái hoàng Thái hậu hợp táng ở Huyền cung. Khi đó linh cữu của Nhân Tông sắp đưa rước, người đứng xem đứng đầy cung điện, quan Tể Tướng cầm roi xua đuổi mà cũng không thể dãn được. Vua triệu quan Chi hậu Chính chưởng Trịnh Trọng Tử đến dãn được người. Trọng Tử đến thềm Thiên Trì gọi quân Hải và quân Khẩu Hổ Dực (quân do Trọng Tử thống lĩnh) đến ngồi bày hàng trong thềm, bảo họ hát vài câu khúc Long ngâm. Mọi người nghe kéo nhau đến xem, cung điện vì thế rộng ra, mới rước linh cữu đi được. Trọng Tử lại lấy những câu nói về cách đi, khi nghỉ, đi ngang, đi dọc phố vào khúc Long ngâm để mọi người hát lên cùng nghe, không phải truyền bảo gì mà khi đi, khi hạ xuống, khi xoay chuyển không nghiêng lệch. Người đời bấy giờ khen ông có ý tứ khéo léo. Trọng Tử là người hiểu rộng các nghề, các việc lớn nhỏ, không việc gì không biết. Vua thường gọi là con nhà trời. "Con nhà trời" có lẽ là từ ca ngợi đấy **<26b>**. (Xét thấy sử cũ chia dòng ghi chú: Trọng Tử nhiều tài nghệ, như cưỡi ngựa lạ mà không cần người giỏi chỉ bảo, chỉ nghĩ cách khống chế con ngựa; còn thuật cưỡi ngựa thì không thuật gì là không biết. Lại học làm thuốc thì chỉ theo phương thuốc và bắt mạch, đựng vị xuyên khung vào túi vải, cho gia đồng đeo để trừ sâu mọt. Học đánh cờ thì chỉ vẽ bàn cờ ở trên trần nhà, ngồi nhìn mà nghĩ kỹ là cũng được khen là cờ cao; những nghề vặt cũng có cái đáng khen. Cho nên ghi lại những điều đại lược còn những điều vụn vặt đều bỏ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Triều đình cốt phải nghiêm. Khi linh cữu phát dẫn thì sao phải cần đến Tể Tướng đi dẹp người, các quan phải dùng mưu kế rồi sau mới đi được? Có lẽ vì cớ nhà Trần khoan hậu thì nhiều, mà nghiêm khắc lại thiếu vậy.*

Rước xá lỵ của Nhân Tông cất vào bảo tháp của am Ngọa Vân (xá lỵ chia làm hai phần, một phần cất vào Đức Long ở Long Hưng, một phần cất ở tháp Yên Tử).

Vua cho rằng am này là nơi ở cũ của Tiên Hoàng nên xe vua thường đến đó khấn vái quét tước như nghi thức lên lăng. (Trước đây khi vua

Nhân Tông đi tu, sư chùa Siêu Loại là Trí Thông đốt cánh tay từ bàn tay đến khuỷu tay mà vẫn ung dung không biến sắc. Nhân Tông đến xem, Trí Thông xếp cho vua ngồi mà lạy nói: "Thần tăng đốt đèn đấy! Lửa tắt thì về viện ngủ kỹ khi tỉnh dậy chỗ phồng lên liền khỏi". Đến khi ấy xá lỵ của Nhân Tông cất ở bảo tháp, nhà sư bèn vào núi ở để hầu bảo tháp. Thời Minh Tông, nhà sư tự thiêu mình chết.

<27a>Nước to, dân đói.

Tân Hợi, [Hưng Long] năm thứ 19 [1311] (Nguyên Chí Đại năm thứ 4), đặt đô Toàn kim cương. Thích 3 chữ ấy vào trán theo lệ như Chân thượng đô. Quân lục thuộc có đô Phù đồ thượng và Phù đồ hạ (binh gọi là đô, có lẽ theo lệ cũ triều Lý, lại học theo quy chế của thời Ngũ Đại làm ra).

Lấy con gái của nhà sư người Hồ là Du Chi Bà Lam vào cung (vào thời Nhân Tông nhà sư người Hồ này đã từng đến nước ta, vẻ người già nua, tự nói là 300 tuổi, có thể ngồi khoanh chân nổi lên mặt nước, lại có thể thu ngũ tạng vào ngực, để bụng chỉ còn da sát vào xương sống, chỉ ăn lưu hoàng, mật, rau dưa. Ở nước ta được vài năm rồi về, đến nay lại sang. Vua lấy con gái của nhà sư ấy là Đa La Thanh vào cung. Cuối cùng nhà sư ấy mất ở kinh sư. Xét thấy nhà Trần sùng Phật lễ, tăng, cho nên những nhà sư có tên tuổi có phép thuật gần xa theo chân nhau đến. Đời Minh Tông lại có một nhà sư tên là Bồ Đề Thất Lý sang ta, cũng có thể nằm ngửa trên mặt nước. Tóm lại đều lấy thuật tà ảo để mê hoặc tai mắt nhất thời tín chuộng và cho là thần thông. Anh Tông thu nhận con gái của nhà sư làm cung tần thì bỉ lậu quá lắm).

Mùa đông, tháng 12, vua thân đi đánh Chiêm Thành vì vua Chiêm là Chế Chí phản trắc cho nên quyết chí đánh.

Nhà Nguyên sai Trương thư là Nãi Mã Thai sang báo tin vua Nguyên lên ngôi. Ban dụ sang năm đổi niên hiệu là Hoàng Khánh và ban lịch mới **<27b>** (Sách cũ chép việc này vào năm Nhâm Tý Hưng Long năm thứ 20 [1312]. Có lẽ không rõ sự việc, cho nên đổi chép xuống dưới năm này, còn gọi là "Nãi Mã" là lầm cho nên đính chính lại).

Nhâm Tý, [Hưng Long] năm thứ 20 [1312] (Nguyên Nhân Tông ÁiDục Lê Bạt Lực Nhân Đạt, Hoàng Khánh năm thứ 1), mùa xuân, tháng giêng, mặt trời lay động.

Mùa hạ, tháng 5, dụ bắt được vua Chiêm Thành là Chế Chí mang về. Phong cho con của Chế Chí là Chế Đa A Bà Niêm làm Á hầu trấn giữ đất ấy. Trước đó Chế Chí sai người sang cống. Người đó là trại chủ đất

Câu Chiêm. Vua sai Đoàn Nhữ Hài bí mật hẹn với người đó. Đến khi vua thân đi đánh, đến phủ Lâm Bình, chia quân làm 3 đường: Nhân Huệ vương Khánh Dư đi theo đường biển; vua thân đem lục quân đi đường bộ. Các quân thủy bộ cùng tiến. Cho Nhữ Hài làm chức Thiên tử chiêu dụ sứ đi trước. Vua đến Câu Chiêm trú chân. Nhữ Hài sai người đến nói rõ lời ước hẹn trước với trại chủ, bảo trại chủ dụ quốc vương ra hàng. Trại chủ đem ý đó nói với Chế Chí, Chế Chí nghe theo đem cả gia thuộc đi đường biển ra hàng. Nhân Huệ vương bèn đi sát theo sau. Nhữ Hài lập tức chạy thư tâu lên rằng: Khánh Dư **<28a>** muốn cướp công đó. Vua cả giận, ban chiếu thu lại chức Giám quân của Khánh Dư, Nguyễn Ngỗi thì bị chặt chân. Nhân Huệ vương đến ngự doanh tạ tội và nói "thần sợ họ ra đến giữa biển sẽ đổi mưu đồ cho nên mới chặn đằng sau". Vua hết giận ban chiếu chia quân đi tuần các bộ lạc. Người Chiêm tụ tập muốn đánh vào ngự doanh. Tiếng chân voi đến gần, quân sĩ có vẻ lo sợ, thế rồi quân của Huệ Vũ vương tự tìm đường đến, người Chiêm mới tan. Trận này không mất một mũi tên mà dẹp được Chiêm Thành, đó là công sức của Nhữ Hài. Khi vua đóng ở Câu Chiêm, Minh Hiến vương Uất (con út của Thái Tông) ở quân doanh bàn luận biện bác làm mê hoặc lòng quân. Vua giận đuổi ra khỏi quân doanh, ban chiếu cho các quân không được chứa. Minh Hiến bèn cùng vài chục gia đồng ngủngoài đồng nội. Phạm Ngũ Lão nghe tin bèn mời vào trong quân và nói với mọi người: "Thánh Thượng đang quở trách ân chúa và đuổi ra ngoài đồng nội, nếu không may bị giặc bắt được, nó sẽ nói là bắt được thân vương, có biết đâu là bị vua quở trách. Ngũ Lão này thà chịu tội trái **<28b>** lệnh vua chứ không nỡ để bị giặc lợi dụng". Vua nghe chuyện cũng không quở trách (Minh Hiến và Ngũ Lão tình nghĩa rất thân, nhưng lễ ý thì đơn giản. Minh Hiến đến nhà Ngũ Lão chơi thường ngồi cùng một chiếu, khi về Ngũ Lão còn tặng vàng bạc. Phàm Minh Hiến cần gì Ngũ Lão đều không tiếc, cho nên Minh Hiến thích chơi với ông. Vua thường quở trách Ngũ Lão là khinh suất, sau Minh Hiến lại đến nhà Ngũ Lão cùng ngồi một chiếu như trước, nhưng Ngũ Lão nói rằng: "Ân chúa đừng đến nhà tôi nữa mà Thánh Thượng trách tôi. Nhưng Minh Hiến vẫn cứ đến không chán; Ngũ Lão vẫn giữ nết cũ. Một người thì cậy của mà che lấp mất khí tiết giản dị, một người thì tham của mà quên phận trên dưới. Người bàn chê cả hai).

Xe vua từ Chiêm Thành trở về, dâng lễ báo tin thắng trận ở các làng thuộc phủ Long Hưng. Đến sông Sâm Thị[1] bỗng gặp sấm sét, mưa to,

[1] Sông Sâm Thị: Khúc Sông Hồng chảy qua xã Sâm Thị, Thanh Trì, Hà Nội.

gió lớn ban ngày tối đen, cách nhau gang tấc mà không nhận rõ, dây thuyền đều đứt, thuyền vua chìm giữa dòng, vua leo lên mui phía đầu thuyền đưa chân xuống cho mỹ nữ, nữ quan bám vào cùng leo lên mui, các thuyền khác đều giạt vào bãi cát. Vua truyền cho các quân chỉnh đốn lại nghi trượng về kinh sư.

Tháng 6, vua từ Chiêm Thành trở về, các quan vì áo quần đều bị ướt nên khi bái yết đều mặc áo ngắn. Khi đó Hoàng Thái tử trông coi việc nước tuổi còn nhỏ, Chiêu Văn Đại vương Nhật Duật và Nghi Vũ hầu Quốc Tú chỉ **<29a>** huy đội quân Tả hữu thánh dực ở lại giữ nước. Vua cho là ở lại giữ nước khác với việc ngày thường nên có chiếu rằng: "Tất cả người ở lại giữ nước và người theo hầu, công đều ngang nhau, còn các tướng đi theo, có công thì thưởng cũng không giống nhau.

Phong Chế Chí làm Hiệu Trung vương, lại đổi là Hiệu Thuận vương. Tôn thêm hiệu đẹp cho Tiên Đế, Tiên hậu và gia phong cho các danh thần.

Lập đền thờ thần ở cửa biển Cần Hải. Trước đây vua đi đánh giặc đến đóng doanh ở cửa Cần Hải (trước còn là Càn Hải, sau vì kiêng húy đổi là Cần). Đêm mộng thấy thần nữ khóc và nói: "Thiếp là cung phi nhà Triệu Tông, bị giặc bức bách gặp nạn sóng gió trôi dạt đến đây. Thượng đế phong thiếp làm thần biển đã lâu nay, bệ hạ mang quân đi, thiếp xin giúp để lập công". Khi tỉnh dậy, triệu các bô lão đến hỏi sự thực, cho tế lễ rồi sau mới xuất phát vì thế biển không nổi sóng, quân tiến thẳng đến thành Đồ Bàn(1), bắt được vua Chiêm đem về (thành Đồ Bàn ở huyện Tuy Viễn, phủ Hoài Nhơn, tỉnh Quảng Nam, dựa vào núi Long Cốt làm thế vững. Nay có 12 tòa tháp gọi là tháp Nữ Nhi). Đến khi ấy sai quan lập đền thờ, bốn mùa cúng tế.

***<29a>Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Trần Anh Tông đánh được Chiêm Thành các thần đều được phong hiệu mà việc thưởng người đi theo hầu lại không thi hành, Lý Thần Tông đánh bại nước Chân Lạp, lại tạ ơn đạo Phật ngầm giúp, mà không ghi nhớ công người dẹp giặc. Như thế thì lấy gì mà khuyến khích sự dũng cảm của tướng sĩ, cùng diệt kẻ thù để cổ vũ cho sự cố gắng diệt địch ngày sau.*

(1) Đồ Bàn: Kinh đô của Chiêm Thành. Nay thuộc tỉnh Bình Định.

Truy Tôn ,Chiêu vương làm Nguyên tổ Hoàng đế, cung vương làm Ninh tổ Hoàng đế, Ý Vương làm Mục tổ Hoàng đế(1).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Vũ Vương nhà Chu lên ngôi, truy tôn tước vương cho hai tổ. Thái Tổ nhà Tống trị nước, truy tôn hiệu đế cho bốn đời có lẽ vì tổ tông tích lũy công đức mới có thiên hạ thì việc tôn hiệu thờ cúng cần phải làm gấp. Nhà Trần có thiên hạ, lên ngôi vua, lấy tước vương truy phong cho ba tổ đã là việc không thỏa lòng người. Thế mà khi ấy mới truy tôn hiệu đế <30a> thì lại bị lỗi để chậm đấy.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Nhà Trần trị nước trải qua bốn đời mới truy tôn hiệu đế cho tiên tổ vốn đã sai lầm về chậm trễ. Vua Anh Tông còn làm được. Điều đó khiến cho việc thất lễ hàng mấy đời nay mới không ân hận. Như thế chẳng hơn là bỏ thiếu mãi hay sao? Việc làm đó là được đấy!*

Quý Sửu, [Hưng Long] năm thứ 21 [1313] (Nguyên Hoàng Khánh năm thứ 2), mùa xuân, tháng Giêng, tôn Ninh Tổ phu nhân làm Ninh Từ Hoàng hậu, Mục Tổ phu nhân làm Mục Từ Hoàng hậu (Hoàng hậu của Nguyên tổ không ghi tên hiệu, sử cũ bỏ sót đấy).

Tháng 2, Hiếu Thuận vương là Chế Chí đến hành cung Gia Lâm thì chết. Đem hỏa táng.

Tháng 3, sao Chổi mọc ở phương Tây.

Hưng Nhượng vương Quốc Tảng mất.

Mùa hạ, tháng 6, sét đánh viện Tam Ty bị cháy (Thủ phân là Lương Lang chết, sai quan ty ấy xuất tiền làm chay lễ tạ).

Theo lệ cũ khi cung điện đường vũ bị cháy, làm lễ cầu đảo thì do nhà nước cấp tiền, quan Hữu ty bày biện. Ngoài ra các xứ <30a> làm chay lễ tạ thì ty ấy phải bỏ tiền ra.

Mùa đông, tháng 10, duyệt định Vũ quân, đổi quân Vũ tiệp làm quân Thiết ngạch. Lấy Đại liêu ban Trần Thanh Lý làm Vũ vệ Đại tướng quân để quản lĩnh.

Lấy An phủ sứ Đỗ Thiên Hư làm kinh lược sứ. Khi đó nước Chiêm Thành bị người Xiêm(2) xâm lược, vua sai Thiên Hư đi làm kinh lược Nghệ

(1) Chiêu Vương: Tức Trần Lý.

Cung Vương: Tức Trần Hấp.

Ý Vương: Tức Trần Kinh.

(2) Xiêm: Tức nước Xiêm La sau này, ở phía Bắc Thái Lan.

An, Lâm Bình để đi cứu Chiêm Thành, về sau tất cả những việc phải trù tính lo liệu ở biên giới phía Tây, Minh Tông đều giao cho Thiên Hư.

Tháng 12, Chiêu Hoài hầu Hiện mất.

Lấy Trần Khắc Chung làm tả phụ, tước quan phục hầu (xét năm ấy sử nhà Nguyên chép là quân ta đem hơn ba vạn đột nhập châu Trấn An, rồi lại chia quân xâm lược châu Quy Thuận. Vua lại thân cầm quân vây hãm châu Dưỡng Lợi, rồi đánh tiếng là quan tri châu Triệu Giác bắt người buôn ở châu Tư Lang của ta, lấy một nón vàng, lấn chiếm hơn một nghìn khoảnh ruộng, cho nên đến báo thù. Khu mật viện nhà Nguyên sai Thiên hộ Lưu Nguyên Hanh đến Hồ Quảng hỏi xét việc đó. Nguyên Hanh thân đến thôn Do Thượng, Do Trung, Do Hạ xem xét đất nơi ấy, đưa thông điệp dụ nước ta đại lược nói: Xưa kia nhà Hán đặt chín quận, nhà Đường đặt năm quận, An Nam thực là nơi thanh danh giáo hóa của triều đình thấm đến. Huống chi dâng bản đồ, đưa lễ cống phận trên dưới vốn đã rõ ràng. Đưa đi nhiều, đưa về ít, cái ơn vỗ về cũng rất mực, thánh triều quả có phụ gì quý quốc. Nay sao tự làm ra điều quỷ quyệt để mở bờ cõi. Tuy rằng đất ở Do thôn là việc rất nhỏ, nhưng liên quan đến bản đồ nước ta rất lớn. Hơn nữa bị chém giết cướp bóc **<31 a>**đều là hộ khẩu thuộc sổ sách triều đình, tỉnh viện chưa dám tâu lên vua, nhưng thực chưa biết ai chủ làm mưu ấy. Nước ta đưa thông điệp lại trả lời: "Bọn trộm cắp nhỏ mọn ở ngoài biên giới tự làm ra việc không yên, nước tôi sao mà biết được". Nguyên Hanh lại đưa thông điệp xin xét kỹ sự tình, chỉ bảo cho rõ, nhưng rút cuộc vẫn không nắm được then chốt, nhân đấy nói với nhà Nguyên nước ta từng xâm phạm biên giới Vĩnh Bình. Nay lại bắt chước thói quen nên sai quan truyền dụ: trả ruộng đất cho ta, trả dân cho ta và sai người có trách nhiệm sửa bờ cõi cho đúng đắn. Xét những người gây ra hiềm khích nên giết trên biên giới, sức cho quan lại ở biên giới không được xâm lấn. Lại đặt trại mộ binh ở Vĩnh Bình, đặt quan thống lĩnh cấp cho ruộng đất trâu bò và nông cụ để tự cày cấy mà an biên chế lập thành bộ ngũ, thưởng phạt rõ ràng, để khi cần mọi người tiếp ứng được. Như vậy bờ cõi mãi mãi yên lành không lo ngại. Việc ấy được tâu lên, vua Nguyên ban chỉ: "Đợi khi sứ An Nam đến sẽ nói cho họ biết". Đây là việc lớn ở bờ cõi mà không thấy trong sách vở. Có lẽ nhà viết sử bỏ sót, cho nên chia dòng ghi chú ở dưới sử biên niên, để thấy được sự thực người Nguyên mềm dẻo, hòa mục với nước ta không gây ra đầu mối binh đao).

Giáp Dần, [Hưng Long] năm thứ 22 [1314] (từ tháng 3 về sau là Đại Khánh năm thứ 1, Nguyên Diên Hựu năm thứ 1).

Mùa xuân, tháng 3, ban chiếu nhường ngôi cho Hoàng Thái tử Mạnh. Thái tử lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Đại Khánh năm thứ 1. Đại xá cho thiên hạ, xưng là Ninh Hoàng, tôn Thượng Hoàng làm Quang Nghiêu Duệ Vũ Thái Thượng Hoàng đế; Thuận Thánh Hoàng hậu làm Thuận Thánh Bảo Từ Thái thượng Hoàng hậu. Quần thần dâng tôn liệu là Thể Thiên Sùng Hóa Khâm Minh **<31b>** Duệ Hiếu Hoàng đế.

Tặng cho Hưng Nhượng vương Quốc Tảng làm Thái úy (Thái Thượng Hoàng hậu là mẹ dích của vua và là con gái của Quốc Tảng).

Mùa đông, tháng 10, thi thái học sinh, ban tước bạ thư lệnh sai Cục hình Nguyễn Bính giảng dạy để sau này bổ dùng.

Đặt đô phu liễn làm long vệ tướng. Chọn các con của cấm quân và thiết ngạch quân người nào có thích chữ kim cương thì sung vào.

Vua đã được nhường ngôi. Sứ thần nhà Nguyên sang làm lễ đọc chiếu thư. Ngày hôm sau ban yến, vua mặc áo giao lĩnh bằng là màu vàng, đội khăn khao, sứ giả khen: "phơi phới như người trong xứ thần lên". Sứ giả về nước rất khen vẻ đẹp của nhà vua. Sau này khi sứ giả của ta sang Nguyên có người hỏi: "Tôi nghe Thế tử vẻ người thanh tú phơi phới như người trong xứ thần tiên. Có đúng không". Sứ nước ta trả lời rằng: "Đúng như thế nhưng cũng là tiêu biểu phong thái cả nước".

Sai Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Mại sang Nguyên đáp lễ.

MINH TÔNG HOÀNG ĐẾ

<32a> (Vua húy là Mạnh, con thứ tư của Anh Tông. Ở ngôi 15 năm, nhường ngôi 28 năm, thọ 58 tuổi, băng ở cung Bảo Nguyên, chôn ở Mục Lăng. Vua lấy văn minh sửa sang chính trị làm rạng rỡ công lao người trước, giữ lòng trung hậu, để điều yêu kính cho con cháu noi theo, giữ yên bên trong, vỗ về bên ngoài, kỷ cương đủ đầy. Tiếc rằng không nhận biết mưu gian của Khắc Chung, đến nỗi Quốc Chẩn phải chết đó là chỗ kém thông minh vậy).

Ất Mão, Đại Khánh năm thứ 2 [1315] (Nguyên Diên Hựu năm thứ 2), mùa hạ, tháng 4, đua thuyền.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Chính sự ban đầu của Minh Tông làm đổi mới tai nghe mắt thấy trong thiên hạ. Chả lẽ không có việc gì mà đã riêng vội vui trò chơi đua thuyền hay sao? Có thể nói đó là điều không đúng đấy.*

Tháng 5, ban chiếu "Phàm tất cả cha con, vợ chồng và gia nô không được kiện cáo lẫn nhau".

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Vua vốn là người nhân hậu với thân tộc, và đối với người thuộc về bậc tôn quý lại càng kính trọng. Những bầy tôi người nào trùng tên với người trong họ vua thì tất phải đổi tên khác, như tên Độ đổi thành Sư Mạnh* ***<32b>*** *vì cùng tên với Thượng Phụ*[1]*. Tên Tung đổi thành Thúc Cao vì cùng tên với Hưng Ninh (Hưng Ninh là con trưởng của An Ninh vương) lại tên của bác, chú, cô, cậu mỗi lần nói đều phải tránh. Vua có quyển sổ nhỏ ghi những chữ húy miệng không được nói, đưa cho Hoàng tử và cung phi. Vì có lòng như thế cho nên chính sự được như vậy.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xưa kia vua Tuyên Đế nhà Hán có điều luật: người trong 5 bậc để tang được giấu tội lẫn cho nhau; vua Thái Tông nhà Đường có lệ cấm các gia nô cáo giác chủ nhà làm phản. Người Nguyên có lệnh trong bốn cõi nếu có tên gia nô nào tố giác chủ nhà mình thì đem bêu xấu, có lẽ là luân thường của thiên hạ, là lẽ trời của người đời cái lớn là để giáo hóa phong tục thuần hậu. Tờ chiếu đó của Minh Tông ngõ hầu có được ý thời xưa. Nhưng Trần Kim là gia nô của Quốc Chẩn, Quốc Chẩn lại là con của Nhân Tông, là bề trên của vua. Ngày sau Trần Kim tố cáo mà Quốc Chẩn bị bỏ ngục. Lệnh ban ra thì như thế mà việc làm lại như* ***<33a>*** *vậy, thì sao đủ dẫn dân làm điều hiếu, khuyên dân giữ điều tín nghĩa được.*

Tháng 6, hạn.

Khi đó Trần Khắc Chung làm Hành khiển. Quan Ngự sử dâng sớ nói: "Chức vụ của quan Tể tướng, việc đầu tiên là phải điều hòa âm dương. Nay Khắc Chung ở ngôi Thủ tướng, không biết phối hợp cùng trời đất, cho khí tiết thuận hoà, để đến nỗi mưa nắng trái thì. Thế là làm quan không có công trạng". Khắc Chung nói: "Khắc Chung này lạm dự vào chức Tể Tướng; chỉ biết làm những việc mà chức vụ mình nên làm, còn hạn hán thì hỏi Long Vương, Khắc Chung đâu phải Long Vương mà đổ lỗi". Sau này nước sông lên to, nhà vua thân đi xem đắp đê. Quan Ngự sử nói: "Bệ hạ nên chăm sửa đức chính xem làm gì việc đắp đê nhỏ nhặt". Khắc Chung nói: "Phàm khi dân gặp nạn hạn hán lụt lội, người

[1] Tức Trần Thủ Độ.

làm vua nên cứu việc nguy cấp. Sửa đức chính không gì lớn hơn việc ấy. Há cứ phải ngồi yên tĩnh trầm lặng mới gọi là sửa đức chính?" Có người bàn rằng: "Khắc Chung đổ lỗi cho Long Vương **<33b>** đài quan chê (đắp đê) là việc nhỏ, đều sai cả.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Châu Quang Đồng làm cho đúng đắn chức quan trị nước, điều hòa âm dương, giúp đỡ trời đất, làm chức quan lẻ loi. Ôi chỉ có Thiên tử dựng đạo trung hòa ở trên, quan đại thần giúp đỡ và đùm bọc, khiến cho khí âm dương điều hoà, đạo trời đất sáng tỏ, nắng lạnh theo tiết, mưa gió theo thời, vạn vật đều đúng thứ tự, há chỉ bo bo về hình hài mà cho lý khí là mờ tối sao? Cho nên Bính Cát*[(1)] *thấy con trâu thở mà lo, hình tích vu vơ, nhưng vẫn là kính trọng chức sự của mình, không mất thể diện làm Tể tướng, mà còn giữ được cái ý người xưa đặt ra chức quan. Còn như Khắc Chung đổ lỗi cho Long Vương thì là sai lắm đấy. Xét ra không có một trận mưa thấm nhuần thì nhân dân sẽ đói. Tìm xem điềm dữ, điềm lành ắt có sự đáp lại. Thế mà lại bảo là hỏi Long Vương. Thế thì nhật thực, động đất, núi lở, nước lụt, thần linh trên dưới* ***<34a>*** *có thể chia nhau chịu lời phỉ báng. Oán hận trời rét, đổ tội mất mùa; tai biến không đáng sợ, điều kính cẩn không đáng làm. Cả đến vật nhỏ như cây cỏ chim muông, cũng ở không yên. Đời sống không thỏa cũng đổ cho là lỗi của các quan. Còn đối với chức quan điều hòa âm dương thì không dự! Vậy còn dùng ông tướng kia ngồi im lặng trông triều đình làm gì? Khắc Chung tự lừa dối mình để lừa dối người khác, có thể nói là coi thường chức trách và khinh nhờn thời tiết. Nhà Trần đặt người làm tướng như thế là lựa chọn sai lầm đấy! Đài quan biết chất vấn việc điều hoàâm dương không có công trạng, mà lại cho đắp đê là việc nhỏ khiến cho Khắc Chung che đậy được điều sai. Kinh Thi có câu: "Không cho nói là dễ". Người có trách nhiệm nóimà lại nói như thế, người bàn bảo đều là sai cả chẳng đúng sao!*

Tháng 9, có sâu keo.

Mùa đông, tháng 10, có sâu keo.

Ban cho Trần Khắc Chung tước Á Quan Nội hầu.

Bính Thìn, [Đại Khánh] năm thứ 3 [1316] (Nguyên Diên Hựu năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, duyệt định lại quan văn võ, cấp cho sổ hộ

[(1)] Bính Cát là người nước Lỗ thời Hán, làm quan đến chức Thừa tướng. Người đời khen ông là bậc hiền quan.

khẩu theo thứ bậc khác nhau <34b>.Khi có quan duyệt định thấy người có thiếp đóng ấn gỗ cho là giả bèn bỏ đi. Thượng hoàng nghe tin ấy nói: "Đó là cái thiếp cũ năm Nguyên Phong là thiếp của nhà nước đấy". Nhân đó nói với quan chấp chính rằng: "Tất cả những người ở trong chính phủ mà không am hiểu điển cũ, thì phần nhiều hỏng việc".

Mùa đông, tháng 11, sai quan Tể tướng, người tôn thất và bách quan thu hoạch ruộng tịch điền.

Sai Nhân Huệ đại vương Trần Khắc Chung duyệt định số dân Nghệ An; lấy Nội Thư Hỏa Chính Chưởng phụng ngự Nguyễn Bính làm phó. Khi Bính trở về cung khuyết, đem tiền bổng thu được dâng nộp, vua sai Hữu ty thu lấy. Có người hỏi nguyên nhân vì sao lại nhận, vua trả lời: "Bính nộp tiền bổng là lòng thành thực, cho nên trẫm nhận để tỏ ra Bính không phải là người dối trá". Bính là bề tôi hầu cận của Thượng Hoàng, tính liêm khiết, thường đứng đầu hành nhân đi sứ nhà Nguyên. Khi về không mua một thứ gì, Thượng Hoàng khen ngợi đặc biệt ban thưởng cho hai tư, theo lệ ban tước các sứ thần.

Cho Trần Hùng Thao làm Thiếu phó.

<35a> Đinh Tỵ [Đại Khánh] năm thứ 4 [1317] (Nguyên Diên Kựu năm thứ 4), Thượng Hoàng ngự cung Trùng Quang, Hình bộ Lang trung Phí Trực theo hầu, cho kiêm chức An phủ sứ phủ Thiên Trường. Bấy giờ giặc cướp bắt đầu nổi lên, có người tên là Văn Khánh đứng đầu bọn cướp. Có người nói: bắt được Văn Khánh đem nộp cho quan, khi tra hỏi người đó, người đó liền nhận càn mình là Văn Khánh. Mọi người đều cho là đúng, chỉ có một mình Trực còn ngờ, án để lâu vẫn chưa giải quyết, Thượng Hoàng hỏi thì Trực trả lời: "Sinh mạng của con người rất quý, lòng thần còn có chỗ ngờ, không dám xét xử càn bậy". Không bao lâu Thượng hoàng lại hỏi, Trực lại trả lời như trước. Thượng họàng giận nói rằng: "Nó đã nhận như vậy, còn có gì ngờ?".Trực tâu rằng: "Nó không bị đánh đập khổ sở mà điềm nhiên tự nhận, thần trộm lấy làm ngờ". Đầy một năm sau quả bắt được Văn Khánh. Từ đây Thượng hoàng khen Trực là giỏi.

Mậu Ngọ, [Đại Khánh] năm thứ 5 [1318] (Nguyên Diên Hựu năm thứ 5), mùa thu, tháng 8, Tuyên từ Thái hoàng Thái hậu băng.

Sai Huệ Vũ đại vương Quốc Chẩn đi đánh Chiêm Thành. Hiếu Túc hầu Lý Tất Kiến chết tại trận <35b>. Quản thiên vũ quân Phạm Ngũ Lão cho quân đánh sau lưng giặc, giặc thua chạy, ta bắt được rất nhiều. Phong Ngũ Lão tước quan Nội hầu, ban cho phù hiệu có hình con cá bay và con của Ngũ Lão làm quan. Tất Kiến là tướng thuộc họ nhà Lý.

Phụ táng Tuyên Từ Thái hậu ở Đức Lăng. Trước đây Nhân Tông thường dặn lại Anh Tông sau này nên đem dì chôn ở cạnh lăng (dì tức là Thái hậu) và vẽ bản đồ chôn cất, làm huyệt hình thước thợ trao cho Thượng Hoàng. Đến khi ấy Thượng Hoàng theo di mệnh của Nhân Tông, trăm quan tâu rằng: "Lăng tẩm không được động vào", Thượng hoàng nói: "Tiên đế đã có mệnh không dám làm trái, nếu như có gì bất lợi ta sẽ chịu cả". Cuối cùng vẫn phụ táng Thái hậu vào lăng.

Kỷ Mùi, [Đại Khánh] năm thứ 6 [1319] (Nguyên Diên Hựu năm thứ 6), mùa hạ, tháng 4, bến Đông Thiên Vương ở Đống Lâm lở 10 trượng.

Tháng 5, Hoàng trưởng tử Vượng sinh, hiệu là Thiên Kiến.

Nước to.

Mùa đông, tháng 11, Hoàng thứ tử Nguyên Trác sinh.

<36a>Canh Thân, [Đại Khánh] năm thứ 7 [1320] (Nguyên Diên Hựu năm thứ 7) mùa xuân, tháng 3, Thượng hoàng băng ở cung Trùng Quang, phủ Thiên Trường. Thượng hoàng tính khiêm tôn, hòa nhã, yêu mến người trong họ, thờ phụng vua Nhân Tông rất kính cẩn.

Năm trước ham uống rượu, vua Nhân Tông răn bảo thì tuyệt nhiên không uống nữa. Thưởng cho quan tước khá nhiều. Vua Nhân Tông biết điều đó sai đem sổ ghi vào xem, nói: "Sao có một nước nhỏ bằng bàn tay mà quan ban hầu lại nhiều đến thế". Từ đó càng thận trọng khi ban tước phẩm. Nguyễn Sĩ Cố và Chu Bộ đều là người hầu gần ở đông cung đều vì không có đức hạnh nên chỉ trao cho Tán chức[1]. Sĩ Cố làm quan đến Thiên chương các học sĩ bộ, nhưng chỉ coi mấy bộ cấm binh mà thôi. Trong cung đình phẩm cấp cũng có phép tắc. Hoàng phi Huy Tư đi xe của Hoàng hậu Bảo Từ ban cho, Thượng hoàng thấy không đúng chế độ dứt khoát không cho. Đến tuổi già lại càng cẩn thận việc hình phạt. Có tên quan nô tên là Hoàng Học bị người trong hương kiện. Học đã dùng mưu kế sảo trá đánh lừa hình quan được thoát tội, cuối cùng người trong hương phải chịu tội. Thượng hoàng biết chuyện đó **<36b>** bảo hình quan rằng: "Người xử kiện giỏi là phải biết dùng cả tình lẫn lý không trái với nhau. Tình ngay mà lý gian thì không được lấy lý mà bỏ tình. Nếu như biết tình không gian thì nên cứ lý mà làm, nếu đã biết là gian thì phải suy lẽ phải hay trái, kẻ gian tự hiện ra. Tên Học gian giảo như thế mà quan xử kiện không biết suy xét tình lý, đó là không làm nổi chức phận

---

[1] Tán chức: Chức quan đặt ra để làm vì.

của mình đấy". Sau khi nhường ngôi, các chính sự trong triều đình vẫn tự giải quyết cẩn thận gìn giữ phép thường, không khinh suất thay đổi. Khi nhàn rỗi thì lưu tâm đến việc bút nghiên. Có tài viết vẽ. Tác phẩm có *Thủy Vân tùy bút ngự tập*. Khi sắp mất sai đốt hết đi. Bảo Từ Thái hậu triệu sư Phổ Tuệ đặt hội quán đỉnh[1] để kéo dài tuổi thọ cho Thượng hoàng. Phổ Tuệ xin ra mắt nhà vua để trình bày về sự sống chết. Thượng hoàng khước từ rằng: "Nhà sư chưa chết thì sao nói về sự chết được".

Tháng 12, chôn cất ở Thái lăng dâng miếu hiệu là Anh Tông, đặt tên thụy là Hiển Văn Duệ Vũ Khâm Minh Nhân Hiếu Hoàng đế.

<37a> Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Gốc của thiên hạ là nước; gốc của nước là nhà; gốc của nhà là mình. Dạy được người trong nhà thì sau đó mới có thể dạy được người trong nước, dù là thời Đường, thời Ngu thịnh trị cũng chẳng bỏ được. Kinh Thư khen vua Nghiêu thịnh trị tất lấy việc thân yêu chính họ làm đầu là bảo rằng: giáo hóa được thi hành từ trong nhà đấy. Tôi đọc tập sách của Anh Tông, thấy nhà vua không ngần ngại sửa đổi lỗi lầm, thờ vua cha rất kính cẩn, hòa thuận với họ hàng, tôn ông bà làm Hoàng đế, Hoàng hậu, việc chôn cất thờ cúng đều đúng đạo lý. Nhà mình đủ làm khuôn phép thì người ngoài mới bắt chước. Cho nên trên thì Nhân Tông khen là người có hiếu; dưới thì Minh Tông noi theo khuôn phép mà làm. Đưa việc trị nước đến chỗ văn minh, đưa phong tục đến chỗ giàu có đông đúc. Đó chẳng phải là gốc của việc thân tu dưỡng thì nhà tề chỉnh đó sao? Những lời khen trong Kinh Thi, Kinh Thư cũng có hơn gì!Lại nói đến việc thiên tử mất 7 tháng thì chôn cất, nay qua 9 tháng mới chôn cất là chậm đấy, có lẽ vì theo thuyết âm dương chăng?*

<37b> Trước đây quan tài vua Anh Tông đưa về ở Thiên Trường. Thuyền của Bảo Từ Thái hậu buộc 8 dây kéo, thuyền của Huy Từ Hoàng phi 2 dây kéo. Trong cấm quân có người có ý nịnh vua, lấy dây buộc thêm vào thuyền của Hoàng phi. Tướng quân là Trần Hựu nói: "Thuyền của Thái hậu có 8 dây kéo là đúng quy chế nhà Trần, làm thế để rõ danh phận kẻ trên người dưới" rồi lập tức rút kiếm cắt bớt dây đi. Việc đến tai vua, vua khen Trần Hựu là người trung.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Huy Từ hoàng phi tuy chưa được ở ngôi chính như ở cung Trường Lạc nhưng đã sinh ra vua, làm*

---

[1] Hội quán đỉnh: Là Phép nhà Phật lấy nước dội lên đỉnh đầu để mong kéo dài tuổi thọ.

mẹ của thiên hạ. Thế mà trong khi làm nghi thức đi chôn cất Trần Hựu dám rút gươm cắt dây kéo thuyền làm rõ danh nghĩa vợ đích, vợ lẽ, có thể nói người trung liệt đấy. Hoàng phi không giận, vua Minh Tông cũng khen là người trung. Khuyến khích người có khí tiết như thế, còn lo gì không có bầy tôi trung thực.

Mùa đông, tháng 10, ban chiếu rằng: các người tranh chấp ruộng đất, quan đã xét không phải của mình mà cứ cố tranh thì người đó phải chịu tội phản tọa[(1)], tính số tiền ruộng đất nhà cửa ấy bồi thường lại gấp hai lần.

Nếu làm văn khế giả mạo thì chặt một ngón tay bên trái.

Tháng 11, <38a> Điện suý Thượng Tướng quân Phạm Ngũ Lão mất. Vua nghỉ chầu 5 ngày. Ngũ Lão khi ngoài 20 tuổi, Hưng Đạo Vương nhìn thấy cho là bậc kỳ tài bèn gả con gái nuôi cho, nhân đấy làm gia thần của vương lại được vương dạy bảo, tài khí tuyệt vời, rồi được vương tiến cử lên. Ngũ Lão xuất thân trong hàng quân ngũ, cũng ham đọc sách, là người phóng khoáng, có trí lớn nhưng không để tâm vào việc võ. Thế nhưng cai quản quân có kỷ luật, đối đãi với các tướng hiệu như người nhà, đồng cam cộng khổ với quân sĩ.Các quân do ông quản lĩnh đều thân nhau như cha con. Cho nên quân đến đâu không ai dám chống lại, khi đánh dẹp lấy được vật gì đều đem sung vào kho quân. Xem của cải như không. Ông thích ngâm thơ, thường có thơ rằng:

"Hoành sáo giang sơn cáp kỷ thu,
Tam quân tỳ hổ khí thôn ngưu.
Nam nhi vị liễu công danh trái,
Thuộc thính nhân gian thuyết Vũ Hầu".

Dịch nghĩa:

(Vung giáo non sông trải mấy thu,
Ba quân tựa cọp nuốt trôi trâu.
Trai chưa trả được công danh nợ,
Ắt thẹn khi nghe chuyện Vũ Hầu[(2)].)

Ông là một vị đại danh tướng, khi mất 66 tuổi (Ngũ Lão là người Phù Ủng, thuộc Đường Hào[(3)] đất ông ở đến nay có đền thờ, tế tự cũng nổi tiếng thiêng liêng).

---

(1) Phản toạ: 1 điều trong pháp luật. Tức là nếu vu oan cho ai thì khi tìm ra phải chịu tội thay người bị oan.

(2) Vũ Hầu: Tức Gia Cát Lượng, một danh tướng nước Thục thời Tam Quốc.

(3) Huyện Đường Hào: Nay thuộc huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

<38b> ***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:*** *Từng thấy các danh tướng thời Trần, như học vấn của Hưng Đạo Vương tỏ ra ở bài hịch; học vấn của Phạm Điện suý thì hiện ra ở những câu thơ, chứ đâu phải chỉ chuyên vào việc võ. Thế mà dùng binh rất tinh diệu, đánh là thắng, đã tiến công là hạ được, từ xưa chưa có người nào hơn. Lê Phụ Trần sức khoẻ hơn cả ba quân, một mình một ngựa ra vào trận địa của giặc, tùy cơ ứng biến chống đỡ cho vua trong lúc gian nguy, thế mà văn học của ông cũng đủ dạy bảo Thái tử. Nhà Trần dùng người tùy tài uỷ nhiệm là thế đấy. Còn đối với quân thiên thuộc (tức quân thiên vũ) thì lại cấm không cho vào học, nếu như có kẻ văn võ toàn tài sinh ra trong ấy thì chẳng bị hạn chế lắm sao?*

Ban ruộng cho Thái học sinh Đặng Tảo (trước đây khi Anh Tông ốm, Đặng Tảo thường đứng hầu trước giường ngự để viết di chiếu. Đến khi Anh Tông băng, vua thân ra khâm liệm, chỉ có quốc phụ là Quốc Chẩn và Tảo cùng với gia nhi chủ đô Lê Chung được dự. Đến khi rước linh cữu về Sơn Lăng, Tảo và Chung đều hầu vua Anh Tông ở lăng tẩm. Mỗi khi vua đến bái yết Sơn Lăng, Tảo đều lánh mặt vì chí hướng của ông chỉ muốn ở lại phụng thờ lăng tẩm chứ không có ý cầu xin gì khác. Vua thương Tảo nghèo, cấp cho 20 mẫu ruộng, sai Trần Thế Hưng mang thiếp đến cho. Số ruộng này xưa kia đã ban cho thứ phi của vua là Thiên Xuân rồi,khi đó Thiên Xuân còn giữ **<39a>** thiếp cũ để cày cấy, Tảo cũng không giành lại. Thế Hưng biết vậy đem sự thực đó tâu với vua, vua lập tức huỷ bỏ thiếp của Thiên Xuân, đem số ruộng đó trả về cho Tảo. Còn Chung thì bán ruộng vườn manggia đình đến làm nhà ở Yên Sinh. Mộ tiên nhân cũng dời đến đấy chôn cất. Hai người đều ở Yên Sinh trọn đời. Nơi Tảo và Chung ở có chùa. Sau Nghệ Tông đến Yên Sinh, nhớ lại hai vị bề tôi liền sai Trần An sửa lại chùa ấy và cấp cho ruộng thờ cúng, ban tên cho chùa là Trung Tiết. Xét việc Đặng Tảo được ban ruộng căn cứ vào sử cũ ghi chép có lẽ ở vào sau năm ấy, nhưng không rõ năm nào cho nên chép vào).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Bầy tôi thờ vua cũng giống như con thờ cha. Nghĩa vua tôi không thể lẩn tránh trong khoảng trời đất. Cho nên ngày đêm chăm chỉ thờ phụng một người, đó là trung với vua đấy. Có thể gửi đứa con côi còn bé nhỏ, gửi mệnh xa trăm dặm đó là trung với dòng dõi vua. Có thể vào phương Nam, có thể ra phương Bắc chỉ làm theo mệnh lệnh đấy là lòng trung của người giữ chức vụ. Cùng còn, cùng mất, có thể chết theo với nước đấy. Người làm bề tôi hết lòng trung không phải chỉ có một*

cách, đâu phải là sớm hôm ở lăng tẩm mới là tận tâm sao? <39b>. Cái ơn tri kỷ còn sâu nặng hơn tước lộc, tình tri kỷ còn sâu nặng cả khi cùng áo vải. Đặng Tảo, Lê Chung người thì bưng cái bô ở trong cung cấm, người thì sách cái túi ở trong doanh trại, không được sang như chức Tam công, không được giàu hàng vạn chung thóc, cái vinh dự tri kỷ riêng mình tự biết. Cho nên trông người hiền nhớ vua Thuấn, xem cây tùng cây bách ở nơi tuyền đài, nâng áo mũ ở nơi đền thờ cho đến hết đời mình, há không phải một bậc người như Tả Triệt đấy sao? Bậc quân tử đối với hai người bề tôi ấy có lẽ chỉ khen về khí tiết là được đấy.

Đổi đô Phù Liễn làm quân khấu mã.

Đói.

Lấy Bùi Mộc Đạc làm Tri thẩm hình viện sự kiêm chức Chuyển vận sứ lộ Hoàng Giang Hạ.

Tân Dậu, [Đại Khánh] năm thứ 8 [1321] (Nguyên Anh Tông Thạc Đức Bát Lạt Chí Trị năm thứ 1), mùa xuân, tôn Thuận Thánh Bảo Từ Thái thượng Hoàng hậu là Hoàng Thái hậu, tôn mẹ đẻ là Huy Từ Hoàng phi làm Hoàng Thái Phi tức Chiêu Từ Hoàng Thái hậu).

<40a> Tháng 2, đói. 1 thăng nhỏ gạo trị giá 1 quan tiền.

Mùa hạ, lúa chiêm được mùa lớn.

Mùa đông, tháng 12, Hoàng tử thứ 3 là Phủ sinh, lấy kinh Kim Cương để làm đề thi cho các nhà sư, sai sứ sang Nguyên mừng vua Nguyên lên ngôi. Cho Nguyễn Trung Ngạn làm Ngự sử đài thị Ngự sử.

Nhâm Tuất, [Đại Khánh] năm thứ 9 [1322] (Nguyên Chí Trị năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, sét đánh vào tháp Báo Thiên (làm sập 2 tầng ở góc phía Đông).

Mùa hạ, người Nguyên tranh giành bờ cõi, sai ty Hành khiển Hìnhbộ Thượng thư là Doãn Ban Hiền sang Nguyên tranh luận. Bang Hiển mất ở dọc đường, vua rất thương tiếc.

Quý Hợi, [Đại Khánh] năm thứ 10 [1323] (Nguyên Chí Trị năm thứ 3). Vua ngự đến nhà Thái học thi (khi đó có người tên là Mặc trong quân thiên thuộc ở Hoàng Giang trúng khoa thi Thái học sinh, vua ban chiếu bắt trở lại quân ngũ làm quan lại quân Thiên đinh).

Khi đó lựa chọn trong các quân lấy những người béo trắng làm hạng trên, cho nên quân sĩ không vẽ và thích vào người bắt đầu từ đó.

Ban chiếu định lệ cho những người tranh ruộng chia thóc (chia thóc trong ruộng hai phần thưởng cho người làm ruộng một phần, còn lưu lại một phần đợi giải quyết. Đó là theo lời tâu của Đại an phủ kiêm Kiểm pháp quan ở kinh sư là Nguyễn Dũ. Dũ và Thiên Hư cùng nổi tiếng ngang nhau. Khi Thiên Hư thôi chức kinh lược sứ ở Lâm Bình Nghệ An, ma sai Dũ thay làm chức ấy, người Chiêm cũng sợ phục.

Bấy giờ, các quan ở trong triều như các ông Trần Thì Kiến, Đoàn Nhữ Hài, Đỗ Thiên Hư, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Du, Phạm Mai, Phạm Ngộ, Nguyễn Trung Ngạn, Lê Quát, Phạm Sư Mạnh, Lê Duy, Trương Hán Siêu, Lê Cư Nhân kế tiếp nhau vào triều đình, nhân tài nườm nượp (Ngộ và Mại vốn họ Chúc, khi Nhân Tông đi tu hai ông làm nội học sinh, theo hầu, vua cho rằng họ Chúc không phải là dòng họ lớn có danh vọng bèn ban cho họ Phạm. Ngộ là người có phong độ, tính cương trực, dám nói thẳng, có phong thái của bầy tôi xưa, biết can ngăn. Sau vào chính phủ không đầy vài năm thì bị bãi chức. Trung Ngạn tên cũ là Cốt, khi Anh Tông ngự cung Trùng Quang có ý muốn đi tu làm bài thơ Chiêu ẩn[1] ban cho tên là Trung Ngạn. Đĩnh Chi là người liêm khiết, tự nuôi dưỡng bản thân đơn bạc, vua biết được sai người đem 10 quan tiền ban đêm đến để trong cửa nhà Đĩnh Chi. Sáng hôm sau Đĩnh Chi vào chầu liền đem việc ấy tâu vua, vua nói: "Nếu không có ai đến nhận thì khanh cứ lấy mà dùng". Đến thời Hiến Tông, Đĩnh Chi làm Nhập nội Hành khiển hữu ty Lang trung, lại thăng tả ty Lang trung. Lê Duy người Cổ Định, huyện Nông Cống. Hán Siêu là người Phúc Thành huyện Yên Khang nay là Phúc An).

Mùa đông, tháng 11, đúc tiền kẽm.

Tháng 12, sách phong con gái cả của Huệ Vũ đại vương Quốc Chẩn là Huy Thánh công chúa làm Lệ Thánh Hoàng hậu (tức Hiến Từ Thái hậu <41a> cho Uy Giản hầu (không rõ tên) làm tham thị triều chính tri quân quốc sự. Khi đó trong những người thân thuộc có người cho là chức ấy thấp, Uy Giản nói: "Các người rất khờ, tất cả những bầy tôi được vua đoái thương đều từ lòng vua kén chọn chứ không phải do sức người mà tới được, sao còn có ý khác. Ta nay được vua yêu mến thực là quá lòng mong muốn, há còn bàn đến chức cao hay thấp". Vua biết chuyện đó cho là người biết nói.

Giáp Tý, [Khai Thái] năm thứ 1 [1324] (Nguyên Thái Định năm thứ 1), mùa xuân, tháng Giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu.

---

[1] Chiêu ẩn là mời bậc ẩn sĩ ra làm quan.

Duyệt định các bậc nội thị tạp lưu.

Mùa hạ, tháng 4, lấy Huệ Vũ đại vương Quốc Chẩn làm Nhập nội Quốc phụ thượng tể, Kiểm hiệu Thái úy Nhật Duật làm tả Thánh Thái sư. Uy Túc công Văn Bích làm nhập nội phụ quốc Thái bảo. Văn Huệ công Quang Triều làm Nhập nội kiểm hiệu Tư đồ.

Nhà Nguyên sai bọn Thượng thư là Mã Hợp Mưu và Dương Thụy sang báo việc <41b>lên ngôi và ban cho một quyển lịch lại đe răn quân sĩ không được xâm lược nước Chiêm Thành. Bọn Hợp Mưu cưỡi ngựa điđến tận đường cầu An Tây thấy không xuống ngựa, những người biết nói tiếng Hán vâng chỉ đến tiếp chuyện từ giờ Thìn đến giờ Ngọ mà vẫn không tranh cãi được. Vua sai Thị Ngự sử Nguyễn Trung Ngạn ra tiếp đón. Trung Ngạn lấy lẽ bẻ lại, Hợp Mưu đuối lý phải xuống ngựa, bưng tờ chiếu đi bộ vào, vua rất mừng. Bọn Hợp Mưu trở về, vua sai Mạc Đĩnh Chi vào chúc mừng.

Ban cho Trần Bang Cẩn một bức họa và thơ. Khi đó Bang Cẩn làm đại Hành khiển Thượng Thư Tả Bộc Xạ. Bang Cẩn là người tin cẩn có ý giữ gìn, giản dị điềm tĩnh không ưa loè loẹt. Bức họa vua ban có bài thơ rằng:

"Hình dung cốt cách nại đông hàn,
Tướng mạo đình đình diệc khả khan.
Phong lưu nhất đoạn hồn miêu tận,
Tâm lý nam miêu cảnh cảnh đan".

Dịch nghĩa:

(Dáng hình cốt cách quen rét đông,
Tướng mạo hiên ngang thật dễ trông.
Một đoạn phong lưu đều vẽ hết,
Vẽ sao hết được tấm lòng trung).

Mùa đông, tháng 12, cấm dùng tiền kẽm.

Năm ấy đại hạn, có sâu keo, trâu bò gia súc chết nhiều.

Ất Sửu, [Khai Thái] năm thứ 2 [1325] (Nguyên Thái Định năm thứ 2), mùa xuân, đặt ty Liêm phóng ở các lộ. Cho Đặng Lộ làm Liêm phỏng sứ hai <42a> lộ Đại Hoàng, An Tiêm.

Mùa thu, tháng 8, ban các lệ mới định. Theo quy chế cũ Hành khiển ở cung Quan Triều và Thánh từ ty cùng với Nội thư hỏa cục vẫn gọi là Nội mật viện.

Tư đồ Văn Huệ công là Quang Triều mất (thọ 39 tuổi).

Bính Dần, [Khai Thái] năm thứ 3 [1326] (Nguyên Thái Định năm thứ 3), mùa xuân, từ tháng 2 đến tháng 6 không mưa.

Tháng 3, Trung thư Thị lang tri Thẩm hình viện sự Bùi Mộc Đạc mất. Trước đây, khi Anh Tông sắp băng bảo vua: "Mộc Đạc trải thờ ba triều vua, là người khiêm tôn kính cẩn, giữ gìn, học thức khả quan, nên đãi cho tốt, đừng bị người ta ngăn trở". Vua nhân đấy sai vẽ chân dung cất vào kho sách có ý dùng vào việc lớn, chưa kịp thăng thì mất (thọ 62 tuổi).

Mùa thu, tháng 7, duyệt định lại các quan văn võ, lấy Nội thư hỏa thính chưởng phụng ngự Tạ Bất Căng làm Nhập nội Hành khiển hành tả ty Lang trung, Trần Khắc Chung làm <42b> Thiếu bảo, hành Thánh Từ cung tả ty sự, ban tên tự là Văn Tiết, gia phong Đồng trung thư mônhạ bình chương sự. Thời nhà Trần mới dựng nước, theo lệ cũ thời Lý, hàm Hành khiển gia thêm hàm Trung Thư môn hạ Bình chương sự, từ khi Thượng tướng là Quang Khải ở ngôi Tể tướng. Hiềm vì hàm Hành khiển và Tể tướng ngang nhau, nhân thế mới tâu lên đổi làm trung thư môn hạ Công sự để phân biệt. Đến khi ấy vua cho Khắc Chung thăng hàm Thiếu bảo, nhưng vẫn làm việc Hành khiển để ưu đãi, nên đặc cách thêm các chữ Trung Thư môn hạ Bình chương sự là theo chế độ cũ đấy.

Giáng Nguyễn Trung Ngạn làm An phủ sứ Thanh Hóa. Trước đây Trung Ngạn ở chức Ngự sử, bàn công việc trái với ý vua, cho ra làm chức Phán ở châu Viên Lãng, làm chính sự nổi tiếng được thăng Thiêm tri Thánh Từ cung sự. Trung Ngạn tính tình hay sơ suất, khi Bảo Vũ vương được thăng Tạo y Thượng vị hầu(1), Trung Ngạn lại ghi lầm vào hàng Tử y(2). Thượng hoàng thương là người có tài, hơn nữa lại do việc lầm lẫn, nên đuổi ra làm quan bên ngoài. Trung Ngạn thường có thơ tự phụ rằng:

"Giới Hiên tiên sinh lang miếu khí,
Diện linh dĩ <43a> hữu thôn ngưu chí.
Niên phương thập nhị Thái học sinh,
Tài năng thập lục sung đình thí.
Nhị thập hữu tứ nhập gián quan,
Nhị thập hữu lục Yên Kinh sứ"

---

(1) Tạo y thượng vị hầu: Tước thượng vị hầu mặc áo đen.

(2) Tử y thượng vị hầu: Tước thượng vị hầu mặc áo tía.

Dịch nghĩa:

(Giới hiên tiên sinh khí tiết cao,
Tuổi trẻ có chí nuốt sao ngưu.
Đỗ Thái học sinh mười hai tuổi,
Đến năm mười sáu đã thi đình.
Giữ chức Gián quan năm hai bốn,
Hai mươi sáu tuổi đi sứ Yên Kinh[1].)

Người ta thường cho ông là người kiêu căng. Sau làm quan ở các sảnh, rồi được vào chính phủ, giữ tiếng tốt đến trọn đời.

Cho Phạm Ngộ làm Tham Tri chính sự, đồng tri Thượng thư Tả ty sự. Khi bấy giờ, Trương Hán Siêu làm Hành khiển nói ở triều đình: "Hình quan Phạm Ngộ và Lê Duy ăn hối lộ, vua liền sai người khám. Hán Siêu nói với người ta rằng: "Siêu này làm trong chính phủ được chúa "Thượng tin dùng, cho nên nói thế, biết đâu lại có chuyện khám xét". Vua nghe được, nói: "Hành khiển là chức quan ở sảnh, Thẩm hình là chức quan ởviện, trẫm đều tin dùng, sao có thể khiến ta tin quan sảnh mà nghi quan viện?" Khi khám hỏi ra thì Hán Siêu đuối lý, bị phạt 300 quan tiền, liền thăng Ngộ lên chức Tham tri, ngang hàng với Hán Siêu, nhưng làm quan thanh liêm cẩn thận được thời bấy giờ khen ngợi.

Huệ Túc vương đi đánh Chiêm Thành **<43b>** không thắng rồi trở về. Vua nói: "Tiên đế tắm gió gội mưa mới bắt được vua nước ấy; quốc phụ là bậc trọng thần vâng mệnh mà để cho vua nước ấy là Chế Năng chạy thoát (Chế Năng chạy sang nước Trảo Oa xin cứu viện) chỉ lập tù trưởng là A Nan làm Hiệu Thành á vương. Nay Huệ Túc chỉ là một tước vương, danh vọng không thể sánh với quốc phụ được, thế mà trẫm ở yên trong cung, giao phó cho việc đánh dẹp, muốn bắt vua nước họ thì có thể đạt được chăng?"

Đinh Mão, [Khai Thái] năm thứ 4 [1327] (Nguyên Thái Định năm thứ 4), mùa hạ, tháng 5, sét đánh lăng tẩm, quần thần bàn về việc ấy. Vua ban chiếu phạt bọn Thiếu bảo Trần Khắc Chung, Hành khiển Đoàn Nhữ Hài theo mức độ khác nhau. Ngay sau ngày sét đánh, quần thần họp bàn ở Nội nhân văn cục. Trong lúc các vương hầu cùng với Trần Khắc Chung, Đoàn Nhữ Hài nghỉ giải lao, Khắc Chung nói có ý khôi hài, Nhữ Hài vội bỏ đi. Khắc Chung nói xong, tất cả đều cười, bị quan

[1] Yên Kinh: Kinh đô nhà Nguyên. Nay là Bắc Kinh, Trung Quốc.

Ngự sử hạch tội. Vua ban chiếu phạt Khắc Chung và Nhữ Hài. Nhữ Hài nói: "Trong lúc cười đùa, thần <44a> đã đi rồi". Vua nói: "Nhữ Hài nghe biết đùa cợt đã không ngăn, lại bỏ đi vậy là có ý đẩy mọi người vào tội lỗi, còn mình tìm cách tránh". Cuối cùng vẫn phạt Nhữ Hài.

Mậu Thìn, [Khai Thái] năm thứ 5 [1328] (Nguyên Trí Hòa năm thứ 1, từ tháng 9 về sau là Văn Tôn Đồ Thiết Mục Nhĩ Đại Lịch năm thứ 1), mùa xuân, tháng 3, giết Quốc phụ Thượng tể Quốc Chẩn. Trước đây vua Anh Tông đã tin cậy Quốc Chẩn, toan ký thác vua cho Quốc Chuẩn. Khi ốm, vua ngày đêm thăm hỏi ở ngoài cung, mỗi khi vào yết kiến thì cho cùng vào với Quốc Chẩn, muốn để cho không có sự hiềm nghi, đến khi đó vua ở ngôi đã lâu, tuổi đã cao mà người nối ngôi vẫn chưa định được; Quốc Chẩn tự cho mình là bậc đại thần nhận lời di chúc; hơn nữa lại là cha sinh ra Hoàng hậu nên cứ giữ ý mình cho là phải, đợi Hoàng hậu sinh con đích rồi mới lập Thái tử. Cương đông Văn Hiến hầu (không rõ tên) là con của Thái sư Nhật Duật muốn lật đổ Hoàng hậu mà lập hoàng tử Vượng, mới đem 100 lạng vàng đến hối lộ cho gia thần của Quốc Chẩn là Trần Phẫu, bảo nó vu cáo Quốc Chẩn về việc mưu làm phản. Vua tin theo, đem giam Quốc Chẩn ở chùa Tư Phúc, rồi đem việc đó hỏi <44b> Thiếu bảo là Trần Khắc Chung. Khắc Chung cùng bè đảng với Văn Hiến và mẹ Hoàng tử Vượng cùng là người Hiệp Sơn, đã từng dạy Hoàng tử Vượng học, bèn trả lời: "Bắt hổ thì dễ, nhưng thả hổ thì khó".Vì thế vua cấm không cho Quốc Chẩn ăn uống, bắt phải tự tử. Hoànghậu phải lấy áo tẩm nước cho Quốc Chẩn uống, uống xong thì mất, truy bắt đồng đảng của Quốc Chẩn hơn 100 người, mỗi lần xét hỏi thì người bị xét phần nhiều kêu oan. Mấy năm sau vợ cả, vợ lẽ của Trần Phẫu ghen nhau, đem việc Văn Hiến hối lộ vàng tâu lên vua. Vua giao xuống cho ngục quan là Lê Duy xét hỏi. Lê Duy là người cương trực. Ngay ngày hôm ấy đem việc xét xử Trần Phẫu phải tội lăng trì[1]. Chưa kịp hành hình thì gia nô của Thiệu Vũ (không rõ tên) là con của Quốc Chẩn đã nhai sống ngay thịt của Trần Phẫu. Văn Hiến được miễn tội chết giáng làm dân thường, xóa tên trong sổ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Ngôi Thái tử là gốc của nước, không thể không lập sớm. Phận chính đích thì chi thứ không thể can dự càn. Vua ở ngôi đã lâu, con thứ đã lớn rồi* **<45a>** *mà con cả chưa sinh thì làm thế nào? Tòng quyền là được. Đợi con cả là*

---

[1] Lăng trì là hình phạt nặng, người chịu hình phạt này bị chặt chân tay, moi gan ruột cho tan nát cơ thể.

đạo thường, lập con thứ là tòng quyền. Khi nào con đích sinh ra lớn lên thì gia phong con thứ tước vương, còn ngôi Thái tử trả lại cho con đích, ai bảo là không nên? Có người nói:"Nhỡ không may, vua cha mất trước thì nguy đấy". Trả lời rằng: cẩn thận những lời dạy thường ngày; nhận rõ những lời trong di chúc, chọn người bề tôi trung thành với xã tắc, để gửi đứa con côi thì không còn lo lắng gì. Huống chi vua Minh Tông bản thân đã ở vào cảnh ấy rồi, tất nhiên sẽ giải quyết được thỏa đáng. Quốc Chẩn là người câu nệ, không linh hoạt để cho bọn gian thần thừa cơ gieo vạ. Thật đáng thương thay! Kinh Dịch có câu: "Quan kỳ hội thông, dĩ hành điển lễ" (xét cơ hội hợp biến thông, để thi hành điển lễ). Có lẽ Quốc Chẩn chưa từng được nghe. Nỗi oan ấy không thể không làm sáng tỏ. Còn như Trần Khắc Chung cũng là nhân vật của một thời, vua đặt lên chức sư bảođể hỏi việc nước, lẽ ra phải hết lòng trung thành, nhận lời dạybảo để cho vua mình được như vua Nghiêu vua Thuấn mới đúng, thế mà lại phụ họa với bọn quyền quý hại người trung chính, ***<45b>*** *bè đảng với bọn gian tà, đẩy người lương thiện tới nỗi oan khiên, hãm hại vua mình vào việc sai lầm. Việc ấy còn nhẫn tâm làm được thì còn việc gì mà không nhẫn tâm làm. Sau này lại xin vua đi đánh Chiêm Thành, để tâng công, thì thói nịnh bợ lại hiện ra đấy. Cho nên người làm vua muốn dùng người giỏi, hẳn phải xét cho kỹ, vì sợ rằng có kẻ tiểu nhân như bọn Khắc Chung có thể lọt vào trong ấy đấy.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Những việc làm thông thường thì gọi là: "Kinh", Đến khi gặp việc làm không dùng lối thông thường được, thì phải dùng phép tòng quyền. Nhưng tòng quyền mà hợp với đạo lý thì cũng không trái với "Kinh". Việc lập Thái tử dùng người con đích là "Kinh", dùng người con lớn hoặc dùng người con hiền từ là tòng quyền. Vua cha, tuổi cao, con đích chưa sinh ra, mà con thứ đã lớn thì không thể bỏ trống ngôi Thái tử để chờ đợi được. Hoàng hậu sớm muộn có sinh con hay không? Chưa dám chắc được.Xã tắc là trọng, kể gì con đích với con thứ. Ngôi Thái tử nên ổn định không còn nghi ngờ gì nữa. Nếu sau khi đã lập Thái tử, con đích mới sinh* ***<46a>*** *ra tiếng tốt đẹp về 3 điều thiện*[1] *đã rõ ràng, tiếng ca tụng bốn bề đã tràn ngập, lẽ nào mới thoát thai còn ở trong nôi bỗng chốc thay giữ quyền trị nước, trị dân, làm thay đổi*

[1] Ba điều thiện: Theo thuyết đạo Phật: Bố thí, từ tâm, trí tuệ là ba điều thiện.

ngưỡng vọng của thần dân hay sao? Thái sư nhà Thương nói: "Có con của vợ cả, không lập con của vợ lẽ, vua Đế Ất không biết gì, bị mê hoặc nên dòng dõi nhà Thương bị mất; vua Ẩn Công nước Lỗ vì xưng là nhiếp vị mà bị Hoàn Công giết, làm cho nước Lỗ suýt bị loạn. Từ Xưa đến nay, cái khoảng con đích, con thứ người thì vì danh phận không đúng đắn, người cho vì xử trí sai trái đến nỗi bị bại vong không sao kể hết. Sĩ Liên lại bảo rằng: Khi con đích sinh ra lớn lên, thì con thứ được phong rồi trả lại ngôi Thái tử cho con đích. Lại cho rằng không may vua cha mất, lấy lời trong di chiếu, đem di mệnh phó thác đứa con côi để thay đổi. Nói về nhân tình đã không hợp, về lý cũng không đúng. Ví như người đưa binh khí cho đánh nhau mở ra sự rối loạn dẫn đến chỗ diệt vong. Khổng Tử nói: "Một lời nói làm cho mất nước". Người bàn không nên cẩu thả là như thế đấy. Còn như Quốc Chẩn thì chết mờ tối. Khắc Chung thì sống vu vơ, chẳng đáng truyền miệng làm gì.

Sách lập Hoàng tử Vượng làm Đông cung Thái tử. Phong con thứ là Nguyên Trác làm Cung Tĩnh Đại vương.

Kỷ Tỵ [Khai Thái] năm thứ 6 [1329] (từ tháng 2 trở về sau là Hiến Tông Khai Hựu năm thứ 1, Nguyên Đại Lịch năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, sách phong Đông cung Thái tử Vượng làm Hoàng Thái tử, truyền ngôi. Vượng lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Khai Hựu. Đại xá cho thiên hạ. Tôn Thượng Hoàng là Chương nghiêu văn triết Thái thượng Hoàng đế, Lệ Thánh Hoàng hậu là Hiến Từ TháiThượng Hoàng hậu (Hiến Từ có bản chép là Huệ Từ). Quần thần dâng tôn hiệu là Thể Nguyên Ngự Cự Dực Thánh Chí Hiếu Hoàng Đế.

Rước Thượng Hoàng về ở hành cung Thiên Trường. Các Hoàng tửngồi hầu, Thượng Hoàng thường bàn đến các nhân vật trong triều đình, Thái bảo Uy Túc vương Văn Bích nói: "Phàm bàn đến những nhân vật để dạy Hoàng tử chỉ nên bàn đến người thiện còn người ác thì bỏ đi, sợ Hoàng tử nghe được **<47a>** rồi có thể có người bắt chước!" Thượng hoàng nói: "Người thiện người ác đều phải so sánh, không thể bỏ bên nào. Nếu con ta quả là người hiền thì nghe thấy điều thiện tất sẽ theo học, nghe thấy điều ác hẳn phải ghét mà tránh xa. Thiện hay ác đều có thể học được cả. Nếu con ta không phải người hiền, thì đợi gì gặp kẻ ác rồi sau mới làm điều ác, như vua Thái Khang[1] thất đức là vì các vua

[1] Thái Khang: Vua nhà Hạ, chơi bời vô độ. Sau bị Hậu Nghệ đuổi.

trước chơi bời mà Thái Khang bắt chước hay sao? Tùy Dương Đế[1] mồm thì nói đạo đức như Nghiêu, Thuấn, nhưng việc làm lại bạo ngược như Kiệt, Trụ. Vậy là ông ta thấy điều thiện mà bắt chước đó chăng? "Uy Túc giập đầu khen là phải. Lại một ngày khác mời Huệ Túc vương vào tẩm điện. Thượng Hoàng đang ăn chay, Huệ Túc vốn ghét Phật lão, nhân đó mới nói: "Thần không biết ăn chay có lợi ích gì?" Thượng Hoàng đoán biết ý của Huệ Túc vương bèn nói: "Cha ông ta thường ăn chay nên ta bắt chước mà thôi. Còn lợi ích thì ta không biết". Huệ Túc im lặng rồi lui ra. Có bề tôi là Hiệu Khả khen Thượng Hoàng giỏi hơn vua Anh Tông, Thượng Hoàng đổi sắc mặt mà nói: "Cái người khen người ta mà bảo **<47b>**người ta hơn cha thì người đó vốn là bất hiếu với cha", vì Hiệu Khả không biết làm cho cha mẹ vui lòng, nên Thượng Hoàng nhân đấy mà đe răn.

> ***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:*** *Câu nói đó của Minh Tông, tuy lúc đó vì Hiệu Khả mà nói ra, nhưng* trong *lòng giữ trung hậu, đó cũng có thể thấy được.*

Phong Tá thánh Thái cư Nhật Duật làm đại thượng[2].

Mùa đông, Thượng Hoàng đi tuần thú đạo Đà Giang, thân đi đánh Man Ngưu Hống cùng với Mật Đạo vào chầu, nhà vua cho về, đến lúc ấy làm phản, cướp bóc đất Đà Giang lại mưu cướp nhà Hoài Trung. Thượng Hoàng bèn thân đi đánh, Trần Khắc Chung can rằng: "Đà Giang là miền đất nhiều khí độc lại thêm ghềnh thác chảy xiết không lợi cho việc hành quân. Chiêm Thành không có khí độc, vả lại các bậc đế vương đời trước thân đi đánh, phần nhiều bắt được vua nước ấy, nên không gì bằng đem quân đi đánh Chiêm Thành" **<48a>**. Thượng Hoàng nói: "Trẫm là cha mẹ của dân, nếu thấy dân rơi vào cảnh lầm than thì phải cứu nguy, há còn phải đắn đo khó dễ, thiệt hơn hay sao?". Khắc Chung lạy tạ nói: "Lòng độ lượng của bậc thánh vương bao la rộng lớn, kẻ hạ thần này không theo kịp được".

Thượng Hoàng sắp đi đánh Ngưu Hống, người trại Chiêm Chiêu đến cửa khuyết xin dâng thư, hứa đem cả trại ra hàng thì khắc phù[3] làm tin. Thượng Hoàng đang muốn trèo lên thành của trại ấy, bắt chước việc

---

[1] Tùy Dương Đế là tên vua vô đạo, giết cha là Văn Đế để cướp ngôi vua, sau bị giết.

[2] Đại thượng: ĐVSKTT chép: Đại vương.

[3] Phù: Vật để làm tin, thường bằng tre, gỗ, đồng, ngọc có khắc chữ, chia làm hai, mỗi bên giữ một nửa. Khi cần ghép lại.

trước đây Hán Vũ Đế lên đài của vua Hung Nô. Đến khi đi đánh, cho Chiêu Nghĩa hầu Phụ Minh lĩnh quân theo đường Thanh Hóa để tiếp ứng cho quan quân ban dụ rằng: "Người trại Chiêm Chiêu đã có ước hẹn đầu hàng, phải đợi quan quân đến nơi không được hành động liều". Thượng Hoàng đến Mường Việt[1] đóng quân lại, ban cho tên đất ấy là phủ Thái Bình. Ở đấy có suối Bắc Tử cho đổi tên là suối Thanh Thủy. Khi Chiêu Nghĩa hầu đến Chiêm Chiêu, muốn lập công bèn ra đánh, bị thua. Tuyên Uy tướng quân Vũ Tư Hoành cố sức đánh, bị giết tại trận. Thượng Hoàng nghe tin nói: "Đã lầm rồi". Nhưng cuộc hành quân ấy Thượng hoàng đích thân chỉ huy, hiệu lệnh nghiêm minh, tiếng tăm vang dội. Ai **<48b>** Lao nghe tin, tự tan vỡ, Thượng Hoàng kéo quân trở về (Thượng Hoàng về đến sông Bạch Hạc, giữa sông có đá ngầm dọc theo dòng nước. Thuyền phần nhiều bị húc vào hoặc chạm phải. Nghe nói thần sông ấy là Phụ Vũ đại vương. Thượng Hoàng ngầm khấn rằng: "Thuyềnngự đi được yên ổn thì sẽ khen thưởng". Sau Hưng Hiếu vương đi đánh người Man ở Đà Giang, đỗ thuyền trên sông Bạch Hạc, đêm thấy thần đến báo mộng: "Chưa được gia phong". Thượng Hoàng bèn phong thêm cho hai chữ để tỏ sự linh ứng).

Cho Vũ Nghiêu Tá làm nhập nội Hành khiển môn hạ hữu ty Lang trung. Nghiêu Tá cùng với em là Nông, khi Thượng Hoàng còn ở ngôi vua, anh em cùng thi đậu một khoa, cùng nổi tiếng về văn học. Nghiêu Tá làm Hành khiển đồng tri nội mật viện sự. Đến nay trao cho chức ấy.

HẾT QUYỂN VI BẢN KỶ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

---

[1] Mường Việt: Nay là huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

BẢN KỶ

QUYỂN VII

HIẾN TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua tên húy là Vượng, con thứ của Minh Tông, mẹ đích là Hiến Từ Tuyên Thánh Hoàng Thái hậu, mẹ đẻ là Minh Từ hoàng Thái phi Lê Thị, ở ngôi 13 năm, thọ 23 tuổi, chôn ở lăng Xương An. Vua tư trời thông minh sáng suốt, gặp vận thái bình, nhưng ở ngôi không được lâu chưa thấy làm được gì, đáng tiếc thay!).

Canh Ngọ, [Khai Hựu] năm thứ 2 [1330] (Nguyên Chí Thuận năm thứ 1), mùa thu, tháng 7, Thuận Thánh Bảo từ Hoàng Thái hậu băng(1) ở am Mộc Cảo ấp Yên Sinh. Thái hậu tính người nhân từ, yêu quý các con vợ thứ như con mình sinh ra (công chúa Thiên Chân là Thái hậu sinh ra, công chúa Huệ Chân là Thứ phi sinh ra mà Thái hậu vẫn rất yêu quý. Mỗi khi cho thứ gì đều cho Huệ Chân trước rồi sau mới cho Thiên Chân, đãi ngộ các cung tần càng có ân huệ (trong cung có nữ quan là Vương Thị được vua yêu có thai, Thái hậu cao Vương Thị đẻ ở nhà Song Hương(2) trong chính tâm). Thái hậu không vì ơn riêng mà lạm cho chức tước (mẹ của Thái hậu là Bảo Huệ quốc mẫu thường xin cho cháu gái Nguyên Huy vào cung làm cung phi, tâu lên Thái hậu không đồng ý). Người đương thời <1b> khen là đứng đầu các bậc mẫu đức. Từ khi rước

(1) Thuận Thánh Bảo Từ là vợ của Anh Tông, mẹ đích của Minh Tông.

(2) Song Hương: Phòng ngủ của Thái Hậu.

linh cữu của Anh Tông về táng ở Yên Sinh, Thái hậu ăn chay tự giữ gìn, không chịu thụ giới của nhà sư, bà nói rằng: "Từ khi tiên đế băng, ta không thể nhìn thấy mặt nhà sư hoặc nói chuyện với nhà sư, chỉ ăn chay, ăn cháo sống khổ hạnh để báo đáp ơn đức lớn như trời của tiên đế mà thôi, sao cứ phải theo đạo Phật làm gì". Thái hậu ở núi 10 năm rồi băng.

Tá Thánh Thái sư Chiêu Văn vương Nhật Duật mất. Nhật Duật là người biết về sử sách, thông hiểu điển lễ, hiểu âm luật, người đương thời khen ông là người học rộng, những chế tác trong triều đình phần nhiều do tay ông làm (vua Anh Tông có hai cái mũ võ dùng đội khi duyệt quân và khi giảng võ, nhưng chưa biết đặt tên là gì, sai Nhật Duật đặt tên cho. Nhật Duật bèn đặt một cái là Vũ uy một cái là Vũ đức. Nhà học của Đông cung Thái tử gọi là Nhất Toát trai; nhà học của Hoàng Thái tử gọi là Tư Thiện đường, đều do ông đặt tên cả). Nhật Duật rất thông hiểu ngôn ngữ các phiên bang. Đối với khách nước Tống, ông có thể ngồi đàm luận suốt ngày. Người Chiêm hay người các xứ Man và sứ của nước Sách Mã Tích đến, ông đều theo quốc tục của họ mà tiếp đãi và nói chuyện với họ. Vua Nhân Tông thường khen Nhật Duật là kiếp sau của các bộ lạc người Phiên.

Khi tiếp sứ nhà Nguyên thì Nhật Duật không cần người phiên dịch, dắt tay nhau vào quán cùng ngồi uống rượu vui vẻ như bình thường. Sứ nhà Nguyên nói: "Ngài là **<2a>** người Chân Định[1] đến làm quan nơi đây chứ gì". Nhật Duật bác lại, nhưng họ vẫn không tin. Ông càng giỏi về nhận định tình thế địch. Cuối đời Thiệu Bảo[2], ông coi giữ Tuyên Quang, giặc Nguyên xâm phạm trại Thu Vật, Nhật Duật men theo dòng nước đi xuống, nhìn thấy quân giặc đuổi theo ở hai bên bờ sông, đi từ từ, ông biết ở hạ lưu tất có quân giặc chặn ngang vội sai người dò xem, quả đúng như vậy, ông liền dẫn quân lên bộ. Mưu của giặc cuối cùng bị bỏ. Chiến dịch ở Chương Dương là chiến công hàng đầu năm Trùng Hưng[3]. Ông là người độ lượng rộng rãi, mừng giận không lộ ra nét mặt, không làm theo những người thinh khác. Ông mất năm 77 tuổi. Ông là bậc thân vương cao quý trải thờ bốn triều vua, ba lần coi giữ trấn lớn, ở nhà không ngày nào là không mở cuộc đàn hát bầy trò chơi, có người ví ông như Quách Tử Nghi[4] thời Đường.

---

[1] Chân Định: Một huyện thuộc tỉnh Bắc Ninh, Trung Quốc.

[2] Thiệu Bảo: Niên hiệu đời Trần Nhân Tông (1279 - 1293).

[3] Trùng Hưng: Niên hiệu đời Trần Nhân Tông (1285 - 1293).

[4] Quách Tử Nghi: Người thời Đường, ông từng làm quan đến Thái úy trung thư lệnh được phong Trần Dương quận vương.

Trần Khắc Chung mất tặng hàm Thiếu sư. Khắc Chung là người kiểu cách, nhỏ nhen mà làm ra vẻ cần mẫn cẩn thận. Mỗi buổi sáng vào chầu thường nghỉ tạm ở cục Thượng Liễn, cửa Vĩnh Xương, xem kỹ sổ tâu để chuẩn bị tâu bày. Khi tan chầu thì đến đông cung (khi đó Minh Tông còn ở đông cung) để dạy học vì thế mà giữ vững được chức quyền <2b> và được vua yêu. Về đức hạnh thì cuối cùng vẫn không che giấu được. Khắc Chung thường cùng với học sĩ Nguyễn Sĩ Cố đánh cờ, hàng mấy ngày liền, đến nỗi ngồi ngay ở bàn cờ mà ăn cháo, không nghỉ chút nào, được thua một vài quan tiền cũng cố làm. Bạn bè có việc mở tiệc đầy năm cho con hoặc mừng nhà hoàn thành hễ mời là đến. Nhà thầy Đốc có nhiều món ăn cũng mò đến, quân lính thết đãi ăn uống thì khen vợ họ để nịnh. Cha mẹ nàng Bảo Hoàn vợ của Khắc Chung vào khoảng năm Trùng Hưng đầu hàng giặc, ruộng đất tài sản đều bị sung công. Khi vua lên ngôi ban chiếu trả lại cho, nhưng Khắc Chung vẫn không dùng vào việc thờ cúng, càng bị bậc thức giả xem khinh. Duy chỉ một việc cầu hòa với nhà Nguyên là làm được, cho nên người ta khen người giỏi. Đưa về chôn ở Hiệp Sơn. Gia nô của Thiệu Võ băm nát xác ấy ra.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Khắc Chung vô lễ đã làm nhục Huyền Trân công chúa, gian ác như con chồn trên xà nhà; mưu đồ giết hại Quốc Chẩn vô tội, tàn ác như con cáo ngậm cát phun người. Cười đùa với thiên tai là không biết sợ trời; đổ lỗi cho Long Vương làm đại hạn là khinh nhờn cả quỷ thần. Xét tâm thuật <3a> không đúng đắn. Hỏi về điều hòa âm dương thì không công trạng, chỉ làm hầu hạ nhanh nhẹn, về tài thì như có thể đáng yêu. Tâu bày cặn kẽ, lời nói ra dễ nghe. Cho nên vua khi ấy rốt cuộc không biết được cái gian của nó, thân với nó trong nơi màn trướng, cho nó ở ngôi Tể tướng trải thờ 4 triều vua được giàu sang trọn đời. Đúng như câu: "Lời nói khéo léo vẻ mặt hơn hớn thì ít có người nhân". Tính cơ xảo không biết xấu hổ mà người đời còn khen là bậc hiền tài, hơn nữa vì thế mà địa vị được vinh hiển thì người ta khó mà biết. Nhưng sau khi chết thì bị hình nhục làm tội án của ngàn xưa, nửa đời người cầu may cũng không đủ để chuộc tội, cũng như Lý Lâm Phủ*[1] *bị bổ quan tài bị đánh vào thây đều là điều răn cho kẻ dâm ác. Kinh Dịch nói: không chứa điều ác thì không đủ để diệt thân. Kẻ tiểu nhân làm điều ác quả có ích gì!*

[1] Lý Lâm Phủ: Tôn thất thời Đường, cấu kết với hoạn quan, phi, tần, ở triều 19 năm.

Tân Mùi, [Khai Hựu] năm thứ 3 [1331] (Nguyên Chí Thuận năm thứ 2), nhà Nguyên sai Lại bộ Thượng thư Tản Chỉ Ngoã sang báo việc Văn Tôn lên ngôi.

Sai sứ thần là Đoàn Tử sang Nguyên tiến cống và mừng vua Nguyên lên ngôi. **<3b>**

Nhâm Thân, [Khai Hựu] năm thứ 4 [1332] (Nguyên Chí Thuận năm thứ 3), mùa xuân, tháng giêng, phụ táng Thuận Thánh Bảo Từ Hoàng Thái hậu ở Thái Lăng. Trước đây Thượng Hoàng sai quan chọn ngày chôn cất, có người bác đi rằng: "Năm nay chôn cất hẳn phương hại đến tế chủ". Thượng Hoàng sai hỏi người ấy rằng: "Người biết sang năm ta chết hay sao? " Họ trả lời: "Không biết". Thượng Hoàng nói: "Nếu như sang năm chắc chắn ta chưa chết thì có thể hoãn việc chôn cất mẫu hậu. Nếu như sang năm ta chết mà việc chôn cất mẫu hậu đã xong, chẳng hơn là chết mà không làm được việc đó hay sao? Xét việc tốt việc xấu theo lễ, phải chọn ngày là vì coi trọng việc ấy đấy, há phải như các nhà âm dương cứ phải câu nệ vào họa hay phúc đâu?" Cuối cùng vẫn làm lễ an táng.

> ***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:*** *Xưa kia đưa tang vua Đại Tông thời Đường, vua Đức Tông thấy xe tang không đi theo đường chính mà lại đi tránh khoảng giữa hướng Đinh*[1] *và hướng Mùi*[2] *vua hỏi duyên cớ tại sao? Các quan tâu rằng: "Bệ hạ bản mệnh ở hướng Ngọ". Vua nói: "Sao lại để xe tang đi trái hướng để mưu lợi cho mình?" Liền truyền mệnh* ***<4a>*** *cho xe tang theo thẳng hướng Ngọ mà đi. Nay vua Minh Tông bác bỏ lời nói của những người bàn luận, để làm xong việc chôn cất Bảo Từ Hoàng Thái hậu tất cả đều do lòng hiếu thảo mà suy ra, không mê hoặc vào hủ tục, có thể gọi là bậc vua giỏi đấy. Xưa kia, thiên tử băng 7 tháng thì chôn cất. Trong nước đều đến viếng. Từ vua chư hầu trở xuống thì giảm dần từng bậc, khiến họ phải làm đủ mọi việc, chuẩn bị đủ thì làm được hoàn thành, hoàn thành thì để có văn sức, văn sức đủ thì làm được hoàn bị. Hoàn bị các vật và tận lễ tức là chọn được ngày tốt, chứ đâu có câu nệ về ngày tháng giờ. Vua nước chư hầu thời Xuân Thu, công việc và sức người là của cả nước thì làm gì chẳng xong. Nhưng ngày Kỷ Sửu mưa không chôn cất được thì giữa ngày Canh Dần sẽ chôn cất, ngày Đinh Tỵ mưa không chôn cất được thì xế chiều ngày Mậu Ngọ sẽ chôn*

---

[1] Hướng Đinh: Hướng đông nam.

[2] Hướng Mùi: Hướng tây nam.

cất. Xét ra, sai một ngày thì cục tứ trụ đã biến chuyển rồi. Nước thịnh hay suy, ngôi vua dài hay ngắn không quan hệ gì đến việc đó. Từ thời Tấn thời Đường về sau, nhà phương thuật đặt ra thuyết kén chọn, xuyên tạc lung tung đến hơn vài chục nhà, một ngũ hành mà người nọ người kia nói không giống nhau. Cùng một hướng núi **<4b>** *mà xấu tốt đều khác nhau, đến nỗi có những thuyết diệt môn thích huyệt, khắc san gia áp tế chủ, để dọa nạt người đời. Kẻ mờ tối bị mê hoặc. Có người định việc chôn cất bố mẹ đến hàng năm, bỏ đất tốt để theo hướng, chia ra phòng bị nhiều mà kiêng kỵ cũng nhiều, quên bố mẹ mà cầu lợi cho mình, bỏ lễ để cầu phúc, nhưng mà hợp khiếu hợp mã, tam kỳ tam bạch, tử vi loan giá, bắc thần hành nha. Bao nhiêu khóa tốt cũng chưa từng làm phúc cho người bất hiếu. Thói câu nệ về âm dương, Minh Tông bài bác đều không đúng và quyết thi hành. Vài câu hỏi vặn thực đủ để dập tan sự mê hoặc của bọn làm nghề mê tín, Bậc đế vương còn như thế huống chi là dân thường? Sau khi chôn cất Bảo Từ Hoàng Thái hậu, Minh Tông vẫn được vô sự. Thế có thể biết được việc chọn ngày nghiệm hay không đấy. Bảo Từ Hoàng Thái hậu băng, đến khi ấy đã ba năm mới chôn cất. Kỳ hạn xây lăng mộ của nhà Trần phần nhiều không noi theo lễ, đó vốn là một sai lầm đấy.*

Tháng 3, cho Nguyễn Trung Ngạn làm Nội mật viện Phó sứ, nắm sổ sách nội sảnh cung Quang Triều.

<5a>Mùa thu, tháng 7, cho Nguyễn Trung Ngạn làm Tri thẩm hình viện kiêm An Phủ sứ Thanh Hóa, Nguyễn Trung Ngạn lập ra Bình Doãn đường để xét xử việc kiện tụng không ai bị oan.

Quý Dậu, [Khai Hựu] năm thứ 5 [1333] (Nguyên Thuận Đế Thảo Hoan Thiên Mục Nhi Nguyên Thống năm thứ 1), mùa thu, tháng 7, nước lớn.

Đói to.

Giáp Tuất, [Khai Hựu] năm thứ 6 [1334] (Nguyên Nguyên Thống năm thứ 2), mùa xuân, đặt thêm chức tả hữu chính ngôn Tham nghị ở Trung thư.

Thượng Hoàng thân đi đánh Ai Lao, Ai Lao chạy trốn xa, bèn rút quân. Thượng Hoàng đi tuần thú đạo Nghệ An rồi thân đi đánh Ai Lao. Cho Nguyễn Trung Ngạn làm Thanh Hóa phát vận sứ chuyển lương đi trước. Khi xe vua đến Kiềm Châu[1], thanh thế quân lừng lẫy, quân Ai

---

[1] Kiềm Châu là đất huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An.

Lao nghe phong thanh bỏ chạy. Thượng Hoàng ban chiếu cho Nguyễn Trung Ngạn mài vách núi ghi chiến công rồi về.

Ất Hợi, [Khai Hựu] năm thứ 7 [1335] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 1) nhà Nguyên sai Thượng Thư là Thiếp Trụ sang báo việc vua Nguyên lên ngôi và ban cho quyển lịch (sách cũ chép Thượng Thư Thiết Trụ là sai).

Mùa thu, tháng 9, Thượng Hoàng thân đi đánh Ai Lao bị thua, **<5b>** Đoàn Nhữ Hài bị chết đuối. Trước đó từ Kiềm Châu kéo quân trở về, Thượng Hoàng lạibàn đi đánh Ai Lao nhưng không thực hiện. Đến khi ấy lại bàn, thân đi đánh Ai Lao nhưng Thượng Hoàng bị đau mắt, có người xin hoãn việc tiến quân, Thượng Hoàng nói: "Năm ngoái đã định đi đánh nhưng không thực hiện, năm nay lại vì đau mà hoãn việc tiến quân, thiên hạ sẽ bảo ta là nhát, nếu giặc phương Bắc đến xâm lược thì ta nhờ cậy vào đâu?". Bèn quyết chí thân đi đánh, bệnh đau mắt cũng khỏi. Đến Nghệ An, mắt lại đau, Thượng Hoàng ngồi thuyền gắng sứcmà đi, khi lên bộ bệnh mới khỏi. Khi đó Nhữ Hài quản lĩnh quân Thần Vũ và Thần Sách, kiêm chức kinh lược đại sứ ở Nghệ An. Vì Ai Lao xâm lược Nam Nhung(1) là ấp của Nghệ An, cho nên lấy Nhữ Hài làm đốc tướng, các quân đều chịu sự chỉ huy. Nhữ Hài chỉ đem quân thần vũ và quân Nghệ An đi, vì Nhữ Hài nghĩ quân Ai Lao chiếm cứ Nam Nhung ít lại yếu, đánh tất sẽ được, và trại của họ đóng ở gần sông lớn Tiết La(2), sau khi đã đánh được, bắt tù binh của họ theo dòng nước xuôi xuống. Đi qua Chân Lạp và các phiên bang đều phô trương uy thế của quân đội, nhân đó dụ bảo con em các nước ấy, **<6a>** sang triều cống. Nhữ Hài muốn lập công lớn để lấn át các người ngang hàng với mình. Đến khi đánh nhau, mây mù che kín, trời đất tối đen, giặc đã phục sẵn, voi hai bên đánh kẹp lại, quan quân ta bị thua lớn, ngã xuống nước chết đến quá nửa, Nhữ Hài cũng chết trong đó, Thượng Hoàng nghe tin nói: "Nhữ Hài dùng mưu tất thắng, thừa thế tất thắng gần thành công cuối cùng bị giặc nhử mồi. Nhữ Hài không phải người không biết liệu tình thế quân địch, nhưng vì muốn làm to quá nên bị như thế đấy thôi. Thế mới biết sự kỳ vọng của con người không nên làm quá giới hạn của mình".

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Trận đánh nhau ở Thành Bộc(3), Tử Ngọc có mưu quyết thắng mà cuối cùng lại bị thua là vì bị Văn*

---

(1) Nam Nhung: Tên ấp, thuộc huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

(2) Sông Tiết La: ĐVSKTT chú là sông lớn, có lẽ là một khúc thượng lưu của Sông Lam ở khoảng cửa Rào.

(3) Thành Bộc: địa danh Trung Quốc. Trận đánh ở Thành Bộc là trận đánh giữa quân Tấn và quân Sở.

Công như mồi. Trận đánh nhau ở Nam Nhung, Nhữ Hài có mưu quyết thắng mà cũng bị thua là vì bị Ai Lao nhử mồi. Hai vị tướng ấy há phải là không có tài lược mà đến nỗi như thế đâu, chỉ vì kiêu căng mà chuốc lấy sự thất bại đó thôi. Khổng Tử nói: "Lâm sự nhi cụ, hiếu mưu nhi thành" (gặp việc thì lo nghĩ, khéo mưu tính thì thành công). Điều then chốt của việc chiến trận không điều gì lớn hơn điều ấy. Há có người làm tướng mà <6b> *kiêu ngạo lại thành công được sao.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Nước Ai Lao khi đó không hiềm khích về biên giới, Minh Tông muốn phô trương uy thế để cướp thành. Một lần đánh Ngưu Hống, rồi lại ra Kiềm Châu mà không thành công, đến khi ấy lại bàn thân đi đánh dẹp thì mắt bị đau, có thể thôi được, thế mà lại không theo lời can ngăn trung thực, cứ gượng đau mà đi. Người xưa có câu: lấy tay mà giật ắt được thiên hạ, huống chi người có tài ba tốt đẹp mà xông pha gió bụi ngoài muôn dặm, để mưu cầu lấy nơi đất không cày cấy được và bắt giống người khó cai quản làm bề tôi. Suy tính phần được phần mất, bên nào nhẹ bên nào nặng. Nếu có sự tính toán trọn vẹn muôn phần cũng còn không nên, huống chi là chỉ cầu may mà khó nắm chắc được. Rốt cuộc khiến cho quân nanh vuốt của mình bị giết, người tâm phúc của mình bị chết, đại bại rồi về, bị bọn mọi rợ nhỏ mọn khinh nhờn, còn không biết hối hận, lại cho là việc quá lớn mà đổ lỗi cho bề tôi của mình, như thế há chẳng phải là sai lầm hay sao?* <7a> *Lời răn của sách Lão Tử là "chỉ dùng binh", lời dạy của sách Quốc Ngữ là "giấu kín việc võ" người làm chủ nhà nước không chăm việc can qua là tốt đấy.*

Khoái Hộ tướng quân Đỗ Thiên Hư mất. Khi Thượng Hoàng đi đánh dẹp thì Thiên Hư cai quản quân Khoái Hộ (tức quân Thần Sách) đang bị ốm nặng, Thượng Hoàng bảo ở lại phía sau, Thiên Hư sai người nhà khiêng đến ngoài cửa Vĩnh An, cố xin theo hầu vua và nói: "Thần thà chết ở ngoài cửa đình chứ không chịu chết nơi giường đệm". Thượng Hoàng khen ngợi ý chí bèn cho theo. Vào đến đất của giặc thì mất. Thượng Hoàng than thở thương tiếc ban sắc cho dùng nhạc thái thường để cúng tế (khi đó dùng nhạc thái thường) trong việc cúng tế chỉ có quan Hành khiển được dùng, còn quan Thẩm hình chỉ dùng lễ tế chay nội, Thiên Hư được dùng nhạc thái thường có lẽ là ân đặc biệt đấy. Sau Nguyên Dũ mất cũng cho như vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Kẻ tiểu nhân nhận thấy lợi thì đến, thấy hại thì lui, chỉ cầu mong vừa ý mình là được.Cho nên có kẻ gặp việc thì từ chối vì khó, có kẻ đương là* **<7b>** *quan mà thác cớ này cớ khác, ít có người khó cai quản làm bề tôi. Suy tính phần được phần mất, bên nào nhẹ bên nào nặng. Nếu có sự tính toán trọn vẹn muôn phần cũng còn không nên, huống chi là chỉ cầu may mà khó nắm chắc được. Rốt cuộc khiến cho quân nanh vuốt của mình bị giết, người tâm phúc của mình bị chết, đại bại rồi về, người sốt sắng đến việc của nhà vua. Thiên Hư đang bệnh nặng, Minh Tông sai để lại phía sau, theo thường tình người ta thì chẳng qua vâng mệnh là xong, lại cố xin đi hầu vua, không muốn chết ở nơi giường đệm, thế thì suy nghĩ của Thiên Hư chỉ sốt sắng đến công việc của nhà vua, há chẳng làm cho những kẻ sợ khó phải hổ thẹn hay sao?*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Thiên tử thì gượng đau mà xuất quân; tướng quân cũng gắng đau mà theo hầu, đáng gọi là người bề tôi tận trung không nghĩ đến mình đấy. Nhưng quân sĩ một phen bị điêu tàn ở chiến trường, thăm viếng không thể hết được. Như thế cũng ngang với chết, sao không liều chết mà can ngăn để đến nỗi vua khó nhọc mà ba quân tổn hại. Nếu như vì ngăn trở việc quân mà bị giết chết, thì chết vì lời can trung nghĩa chẳng hơn là chết mà hại đến sự dũng cảm hay sao?Tuy vậy, nhưng Thiên Hư chỉ là một gã học trò. Ở đời vẫn có người đem chăn vào túc trực, vắng nhà chỉ 1 đêm, là cứ nhìn vợ nói chuyện mãi không thôi được.* **<8a>** *Huống chi một sớm một chiều nhắm mắt cam tâm đi hàng vạn dặm, xem cái xác này không đáng luyến tiếc. Nếu không phải người siêu việt, khác với thường tình, và sự sống thác không bận vào lòng thì sao được như thế. Ôi! Chết nơi giường đệm thì ngại ngùng, mà lấy da ngựa bọc thây thì lại hăng hái, Thiên Hư thực đáng là hiệp sĩ vậy!*

Khi đó Thượng tướng Phạm Thương Cối tính người hòa nhã, chưa từng tranh cãi với ai, Trần Ngô Long từng xem thường, Thương Cối cũng không để ý. Đến khi đánh dẹp lập nhiều chiến công, cũng không vì có công mà xem mình hơn người. Thượng Hoàng thường nói: "Thương Cối khép mình gần giống như Quách Tử Nghi[1] đấy".

---

[1] Quách Tử Nghi: Người đất Trịnh thời Đường là người giỏi về xử thế, gần 30 năm làm Thượng tướng trải 4 triều vua từ Đường Hiến Tông, Túc Tông, Đại Tông, Đức Tông, công to nhất thời bấy giờ mà vua không ngờ, ngôi cao nhất triều mà mọi người không ghét.

Mùa đông, tháng 10[1] động đất.

Bính Tý, [Khai Hựu] năm thứ 8 [1336] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, Thượng Hoàng từ Ai Lao trở về.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, con của Thượng Hoàng là Hạo sinh (tức Dụ Tông).

<8b> Đinh Sửu, [Khai Hựu] năm thứ 9 [1337] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 3), mùa hạ, tháng 6, con của Thượng Hoàng là Kính sinh (tức Duệ Tông).

Sét đánh đình Át Vân, điện Thụy Chương.

Sao Chổi mọc ở phương đông bắc.

Duyệt định lại các quan văn võ và đặt ra thuộc viên ở các sảnh viện.

Mùa thu, tháng 7, lấy con gái trưởng của Huệ Túc vương là Hiền Trinh công chúa làm Thần phi.

Tháng 9, ban chiếu cho các quan trong ngoài khảo xét lại các thuộc viên của mình, người nào có giấy cam kết thì giữ lại, người nào ở nhà không làm việc thì đuổi ra.

Cho Nguyễn Trung Ngạn làm An phủ sứ ở Nghệ An, kiêm Quốc Sử viện giám tu quốc sử, làm Tào vận sứ lộ Khoái Châu. Trung Ngạn kiến nghị lập kho vận chuyểnđường thủy, chứa thóc tô ruộng để chẩn cấp cho dân nghèo. Ban chiếu cho các lộ phỏng theo thế mà làm.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Đấy là cái ý của người xưa lập ra kho thường bình, Trung Ngạn suy ra phỏng theo mà kiến nghị lên, Minh Tông cũng làm theo. Có thể nói là chính sự hay đấy. Nếu khi bình thường không tích trữ sẵn, một khi gặp năm mất mùa dân đói. Về sau mới hạ lệnh cho nộp thóc, lấy* ***<9a>*** *tiền của dân giàu, đong thóc của dân giàu; đến khi phát chẩn thì người đã kế tiếp nhau mà chết; quan thì có sự chi phí uổng, mà dân thì không được đội ơn thực. Người cho việc thu thuế của dân là cần kíp, há không để ý đến việc ấy sao? Vậy thì làm thế nào ? Trả lời: mỗi huyện đặt 1 kho, năm được mùa thì phát vàng trong kho ra mua thóc mà chứa lại. Khi thóc đắt thì bán ra. Tùy thời mà mua vào bán ra, đặt kế hoạch cho kho tàng được đầy, để chuẩn bị cho cấp phát khi không đến nỗi hoang mang và dân không bị cái khổ*

[1] ĐVSKTT chép là tháng 12.

bồng bế dắt díu nhau đi xa, quan cũng không bị phiền phức là phải triệu tập lại một nơi, phát ra nhanh, chia cho được khắp, dân được hưởng đều, ngõ hầu có sự thành công đấy.

Sai Hưng Hiếu vương đi đánh Man Ngưu Hống, dẹp yên được. Hưng Hiếu vương đi đánh Man Ngưu Hống vào trại Trịnh Kỳ phá tan rợ man, chém được tù trưởng của nó là Xạ Phần. Kéo quân trở về, quân sĩ đều được ban thưởng quan tước. Hưng Hiếu vương vin vào việc Nhân Huệ vương đánh dẹp Nam Nhung, xin ban thưởng cho người giữ thuyền. Thượng hoàng nói: "Khánh Dư **<9b>** đi đánh Nam Nhung. Từ Nghệ An đi bộ mấy ngày, đến sông Nam Nhung, rồi đục gỗ làm thuyền, đó là giữ thuyền trên bờ cõi của giặc chứ không phải giữ thuyền ở Nghệ An. Người giữ thuyền lần này thì khác thế, vả lại có thưởng phải có phạt. Thế của nó thường dựa vào nhau, như người giữ thuyền muốn nhờ vào người đánh thắng để lấy thưởng. Giả sử người đi đánh bị chết thì người giữ thuyền cũng chịu chết chăng?" Hưng Hiếu đáp rằng: "Nếu không có người giữ thuyền, hoặc trong quân nghe tin thuyền bị giặc lấy mất, thì quân sĩ có thể vững được không?" Thượng Hoàng nói: "Nếu như thế thì trước hết phải thưởng cho những người ở triều đình mới phải. Nếu kinh sư không yên thì quân sĩ có đi đánh giặc được không?" Hưng Hiếu vương không trả lời được. Khi ấy gia đồng của Hưng Hiếu vương có chiến công, Thượng Hoàng nói: "Bọn gia nô dù có chút công lao, cũng không được dự vào quan tước của triều đình". Ban chiếu cấp cho ruộng mỗi suất năm phần. Lại có người tên là Bảo Vũ được Thượng hoàng yêu, nhưng không đặt vào nơi quan trọng vì không có tài đấy, cũng như Anh Tông đối với Hưng Bảo vậy.

<10a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Chiến thắng ở trại Trịnh Kỳ, Hưng Hiếu vương xin ban thưởng cho người giữ thuyền,chưa phải là không có lý. Thế mà Minh Tông lại tài biện bác miễn cưỡng để ngăn cản, thậm chí nói những lời công kích là trước hết hãy thưởng cho những người ở trong triều, không biết rằng đấy là lẽ đương nhiên, mà biện luận cho đến cùng đấy. Xét ra, người lên yên cương người giữ xã tắc, người ở, người đi, người xưa chưa từng xem khinh, xem trọng bên nào. Xem lời nói của Minh Tông thì biết chế độ của nhà Trần, công người giữ nước chưa từng được thưởng. Đó là lệ khuyến khích không công bằng đấy. Còn như gia đồng có công chỉ được cấp ruộng, thì quá khắt khe, nhưng trọng danh nghĩa, thanh lọc nhân phẩm, là chính sự tốt đẹp của một triều đại. Dã Tượng, Yết Kiêu không được làm quan, thiết tưởng cũng là ý đó.*

Mậu Dần, [Khai Hựu] năm thứ 10 [1338] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 4), mùa thu, tháng 8, nước to.

Mùa đông, tháng 10, gió lớn, nhà cửa, cây cối đổ nhiều.

Lấy Cung Tĩnh vương Nguyên Trác tham dự triều chính, Cung <10b> Định vương là Trấn làm Phiêu kỵ Thượng tướng quân, quản lĩnh trấn Tuyên Quang.

Kỷ Mão, [Khai Hựu] năm thứ 11 [1339] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 5), mùa xuân, đổi lịch "Thụ thì" thành lịch "Hiệp kỷ". Khi đó Hậu nghị lang thái sử cục lệnh là Đặng Lộ cho rằng lịch các đời trước đều gọi là Thụ thì, xin đổi lại gọi là Hiệp kỷ, vua nghe theo. Lộ lại làm ngọc linh long(1) để khảo xét thiên văn, tất cả đều đúng (Lộ người huyện Sơn Minh).

Lấy Trương Hán Siêu làm môn hạ hữu ty Lang trung.

Nhân Huệ vương Khánh Dư chết.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét Khánh Dư làm tướng, có công danh đánh tan giặc Nguyên, trải thờ bốn triều vua, là bề tôi tôn thất của một đời. Ngoài Hưng Đạo vương ra có thể sánh với Chiêu Văn (Trần Nhật Duật). Đến khi ấy mất, mà không nghe có lễ phong tặng đặc biệt, cho nên sử không thấy ghi, sự đãi ngộ của Minh Tông cũng bạc đấy.*

Năm đó sao Huỳnh Hoặc mọc vào giới hạn của sao Nam Đẩu, ở đó một tháng mới ra (chưa rõ tháng nào).

<11a> Tân Tỵ, năm thứ 13(2) [1341] (từ tháng 8 về sau là Dụ Tông Thiệu Phong năm thứ 1, Nguyên Chí Chính năm thứ 1), mùa xuân, lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Đại doãn(3) ở kinh sư.

Mùa hạ, tháng 6, vua băng ở chính tẩm, quàn ở cung Kiến Xương, miếu hiệu là Hiến Tông.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Vua tuy có thiên tư tốt, nhưng vì tuổi trẻ nối ngôi, chính sự trong nước đều ở Thượng hoàng, hầu như vua chưa làm đến chính sự. Đúng như câu nói: "Cha còn sống con không được chuyên quyền". Còn biết bàn vào đâu được!*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Hiến Tông nối ngôi khi tuổi còn nhỏ, trên có Minh Tông nắm quyền bính; dưới có Trung Ngạn,*

---

(1) Ngọc linh là thứ ngọc quý, cứ gió thổi thì ngọc vang thành tiếng.

(2) Nguyên bản chép nhầm năm thứ 14.

(3) Đại Doãn: Chức quan ở kinh sư. Trước gọi là Đại an phủ sứ.

Hán Siêu là những bề tôi giỏi giúp rập. Người Nguyên từ lâu đã hòa mục với nước ta. Những quan lại địa phương ở biên giới cứ xâm lấn. Nhà Nguyên đưa thư bảo ta răn đe. Nước ta gửi thư trả lời, đều được ưu đãi. (Vạn Hộ Diệp ở Long Châu nói rằng: "Đoàn Bế ở Quảng Nguyên nước ta xâm lược động La Hồi thuộc Long Châu, triều đình viết thư biện luận <11 b> *là không phải, vua Nguyên bèn ra lệnh cho Vạn Hộ ở Long Châu phải hoàn lại những cái đã cướp đoạt). Hai nước giao hảo với nhau trong cõi yên ổn, thanh bình được hơn mười năm. Với tư chất có thể làm được, lại gặp thời. Nếu như trời cho nhà vua thêm tuổi, để đợi đến khi tự mình nắm chính quyền thì sự thi thố sắp đặt ắt có điều khả quan. Nhưng vì hưởng nước không được lâu. Dụ Tông nối ngôi theo thói hoang dâm bèn làm suy yếu cơ nghiệp nhà Trần. Từ Nghệ Tông, Duệ Tông về sau ngày càng chìm đắm, rốt cuộc đến nỗi mất nước. Đó cũng là cái cơ sinh ra thời trị, thời loạn nổi lên hoặc bị mất nước đấy.*

Mùa thu, tháng 8, Hoàng tử Hạo lên ngôi Hoàng đế, Thượng Hoàng cho rằng con trưởng là Cung Túc vương Dục là người phóng đãng cho nên lập con là Hạo, khi đó mới 6 tuổi.

Đổi niên hiệu là Thiệu Phong. Đại xá cho thiên hạ. Vua xưng là Dụ Hoàng, các quan dâng tôn hiệu là Thông thiên thể đạo nhân minh quang hiếu hoàng đế.

Sai Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn biên soạn bộ *Hoàng triều đại điển* và Khảo đính bộ *Hình thư* để ban hành.

DỤ TÔNG HOÀNG ĐẾ

<12a> (Vua tên húy là Hạo, con thứ 10 của vua Minh Tông do Hiến Từ Hoàng hậu sinh ra, ở ngôi 28 năm, thọ 34 tuổi, táng ở Phụ Lăng. Vua tính thông minh, học vấn sáng suốt, phòng bị việc võ, sửa sang việc văn, tứ di đều phục. Thời Thiệu Phong chính sự đều tốt. Thời Đại Trị về sau hoang dâm vô độ. Cơ nghiệp nhà Trần từ đó suy).

Phụ Hôn Đức công Dương Nhật Lễ .

Nhâm Ngọ, [Thiệu Phong] năm thứ 2 [1242] (Nguyên Chí Chính năm thứ 2), mùa xuân, tháng 3, xét định các quan văn võ tạp lưu.

Mùa thu, tháng 4, cho Cung Tĩnh vương Trác làm Thái úy.

Tháng 5, chúa nước Chiêm Thành là Chế A Nan mất, con rể là Trà Hòa Bố Đề tự lên làm vua, sai sứ sang cửa khuyết báo tin buồn.

Mùa thu, tháng 7, suy tôn Hiến Từ Hoàng hậu làm Hoàng Thái hậu. Cho Trương Hán Siêu làm Tả ty Lang trung, kiêm kinh lược sứ Lạng Giang; Nguyễn Trung Ngạn làm Hành khiển Tri Khu mật viện sự. Theo chế độ cũ thì Cấm quân thuộc Thượng thư sảnh, đến khi ấy đặt Khu mật viện để thống lãnh. Trung Ngạn **<12b>** chọn đinh tráng các lộ sung vào ngạch thiếu của Cấm quân. Định ra sổ sách. Khu mật viện quản lãnh Cấm quân bắt đầu từ Trung Ngạn.

Thượng Hoàng ngự đến Ngự sử đài. Giám sát Ngự sử là Doãn Định và Nguyễn Nhữ Vi bị mất chức. Khi đó việc sửa lại Ngự sử đài đã xong, sáng sớm Thượng Hoàng ngự đến chỉ có một mình Ngự sử trung tán là Lê Duy theo hầu. Thượng Hoàng về cung thì Doãn Định và Nguyễn Nhữ Vi mới đến, bèn dâng sớ nói: Thượng Hoàng không nên vào Ngự sử đài và hạch Lê Duy không biết can ngăn, lời rất gay gắt. Thượng Hoàng đến dụ rằng: "Ngự sử đài là một trong những cung điện, há có cung điện mà Thiên tử không được vào? Hơn nữa trong đài trước đây có nơi Thiên tử giảng học, các bạ thư chi hậu đều bút nghiên ở đó, đó là việc cũ Thiên tử vào Ngự sử đài. Xưa kia vua Thái Tông nhà Đường còn xem thực lục huống chi vào đài". Bọn Định vẫn ra sức tranh cãi mấy ngày, vua dụ hai, ba lần không thôi, nên mất chức.

> ***<13a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Thiên tử vào Ngự sử đài thì bọn Định nằm ở nhà đã là thiếu cái nghĩa ở công đường rồi, Thiên tử không hỏi đến, người hầu cùng hàng với mình cũng không hạch đã là rộng lượng lắm rồi, huống lại cho là không nên vào đài mà can Thiên tử và hạch các bạn cùng hàng là không biết can vua hay sao. Xét ra đài, sảnh, viện, cục đều là cung phủ cả. Bậc vương giả có thể đến bất thần để xem xét quan lại làm việc, không thể so với việc đi chơi nơi khác. Vậy có gì là không nên mà đến nỗi phải dâng sớ nói gay gắt. Dụ trước mặt mà vẫn tranh cãi, dụ nhiều lần mà vẫn không thôi. Như thế cũng biết được vua Minh Tông là người biết bao dung đấy. Trên có vua biết bao dung mà dưới không có bề tôi trung trực đáp ứng để bày điều tốt, ngăn điều xấu, trừ bỏ điều tà gian, giúp đỡ về đạo đức. Chỉ có bọn Định điên cuồng càn rỡ nói những lời không đáng nói. Có thể nói là các bề tôi thời bấy giờ phụ lòng vua đấy!*

<13b> Quý Mùi, [Thiệu Phong] năm thứ 3 [1343] (Nguyên Chí Chính năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, Thượng Hoàng ngự đến phủ Thiên Trường.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1 có nhật thực.

Tháng 5, tháng 6 hạn, ban chiếu cho giảm một nửa thuế nhân đinh của năm này.

Mùa đông, tháng 11, Khâm Từ Hoàng hậu băng.

Năm ấy mất mùa, dân nhiều người làm trộm cướp, gia nô của vương hầu lại càng quá đáng.

Giáp Thân, [Thiệu Phong] năm thứ 4 [1344] (Nguyên Chí Chính năm thứ 4), mùa xuân, tháng 2, người Trà Hương(1) là Ngô Bệ tụ tập đồng bọn ở núi Yên Phụ(2) làm trộm cướp.

Đổi Thánh từ Hành khiển ty làm Thượng thư sảnh. Hành khiển ty vẫn để là Môn hạ sảnh như cũ.

Đặt Đại sứ và Phó sứ của Viện Tuyên huy.

Đổi quan Kiểm pháp ở Viện Đăng văn làm Đình uý, Tự khanh, Thiếu khanh.

Đặt Đồn điền sứ và Phó sứ ở Ty Khuyến nông.

Lộ lớn đặt An phủ sứ, Phó sứ. Thuộc châu thì đặt Thông phán. Lại đặt chức Đề hình,Tào ty Chuyển vận ở lộ nhỏ. Phủ Thiên Trường thì đặt Thái phủ và Thiếu phủ.

Khôi phục quan tước của Quốc phủ Thượng tể là Quốc Trấn <14a>

Mùa thu, tháng 8, đặt 20 đô phong đoàn ở các lộ để đuổi bắt trộm cướp.

Mai táng Hiến Tông ở An lăng thuộc Kiến Xương (3).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Thiên tử băng 7 tháng mới mai táng; xưa kia Chu Hoàn Vương 7 năm mới mang táng là vì nhà Chu có loạn Tử Nghi, Hắc Kiên đấy(4). Hiến Tông đến khi ấy mới mai táng là để được 4 năm rồi, chưa nghe nói vì cớ gì. Có lẽ Thượng Hoàng còn, nên phải theo mệnh lệnh của Thượng Hoàng đấy chăng?*

---

(1) Trà Hương: Là đất huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

(2) Núi Yên Phụ: Thuộc huyện Hiệp Sơn, tỉnh Hải Dương.

(3) Kiến Xương: Nay thuộc huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

(4) Loạn Tử Nghi, Hắc Kiên: Là chỉ việc Hắc Kiên muốn giết Trang Vương để lập Tử Nghi lên thay Chu Hoàn Vương.

Nhưng khi đó cũng chưa thấy ai dùng lễ mà can ngăn.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Nhà Trần để việc sơn lăng chậm trễ, quen cho là thường, không biết cái trái của nó, cho nên không có người can ngăn. Nhưng vua Minh Tông còn vua cha ở trên, khiến cho việc mai táng Hiến Tông không được theo lễ. Có lẽ không cho đó là việc lớn, chẳng cũng bạc lắm sao!*

Năm ấy mất mùa, dân nhiều người làm sư và gia nô cho các nhà thế gia.

<14b> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Dụ Tông lên ngôi đến khi ấy là 4 năm, nạn đói kém luôn luôn chép vào sử sách. Dân cũng cùng cực lắm đấy mà không nghe có lệnh miễn thuế, cấp chẩn cho người nghèo. Kẻ tiểu nhân bị đói rách thúc bách, còn nghĩ gì đến liêm sỉ, thà rằng cầu may có thể nhảy ra ngoài vòng pháp luật chẳng hơn là sớm chiều có thể chết hay sao? Còn như việc Trâu Canh vụng trộm với gái, Bùi Khoan uống trộm rượu, vua lại quý trọng. Bề trên thưởng cho kẻ ăn trộm mà dân làm theo. Vốn là như thế thì muốn mượn sức của phong đoàn để đánh giặc cỏ trong đám lau sậy liệu hết được chăng?*

Ất Dậu, [Thiệu Phong] năm thứ 5 [1345] (Nguyên Chí Chính năm thứ 5), mùa xuân, tháng 3, thi Thái học sinh. Cách thi là viết ám tả, cổ văn, kinh nghĩa, thơ phú.

Tháng 4, tháng 5, mùa hạ, hạn, ban chiếu soát tù, giảm tội cho bọn phạm tội vặt.

Mùa thu, tháng 8, sứ nhà Nguyên là Vương Sĩ Hành sang hỏi về việc cột đồng. Vua sai Phạm Sư Mạnh đi để biện bạch.

<15a> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét khi ấy, chính sự nhà Nguyên tuy đã suy đồi nhưng chưa đến nỗi bỏ việc bờ cõi không hỏi đến; vả lại Sư Mạnh sang biện bạch có thể chỉ đến suý ty ở Lưỡng Quảng, chưa chắc đã đến kinh đô. Sử cũ vì thấy Sư Mạnh vào tháng 9 năm sau được thăng chức cho là đi về nhanh chóng nên nghi chưa chắc đã có việc này là sai đấy.*

Mùa đông, tháng 11, cho Trương Hán Siêu làm Tả Gián nghị Đại phu.

Sai quân nhân đi bắt Ngô Bệ ở núi Yên Phụ. Quân của Bệ chạy trốn tan hết.

Bính Tuất, [Thiệu Phong] năm thứ 6 [1346] (Nguyên Chí Chính năm thứ 6), mùa xuân, tháng 2, ngày 1, có nhật thực. Sai Phạm Nguyên

Hằng đi sứ sang Chiêm Thành khiển trách về việc thiếu lễ triều cống hàng năm.

Mùa hạ, tháng 5, Ai Lao cướp phá biên giới, vua sai Bảo Uy vương Hiến đánh tan, bắt được người và súc vật rất nhiều.

Mùa thu, tháng 9, cho Phạm Sư Mạnh làm Chưởng bạ thư kiêm Khu mật Tham chính.

Mùa đông, tháng 10, Chiêm Thành sai sứ sang **<15b>**cống lễ vật rất bạc.

Đinh Hợi, [Thiệu Phong] năm thứ 7 [1347] (Nguyên Chí Chính năm thứ 7), mùa xuân, tháng Giêng, ngày 1, có nhật thực.

Mùa hạ, tháng 6, Bảo Uy vương Hiến có tội đuổi ra làm Phiêu kỵ Tướng quân trấn Vọng Giang(1) liền giết chết. Đầu thời Trần, thuyền buôn của nước Tống đến tiến người nước tiểu nhân, thân dài 7 tấc, tiếng như tiếng ruồi nhặng không hiểu ngôn ngữ; lại tiến 1 tấm vải hỏa cán(2), giá mỗi thước 500 quan tiền, lưu làm báu vật. Sau đem may áo vua hơi ngắn, cất ở nội phủ. Bảo Uy tư thông với cung nhân, lấy cắp chiếc áo ấy. Một hôm Bảo Uy mặc áo ấy ở trong vào chầu trước mặt Thượng Hoàng tâu bày việc, để hở ống tay áo ra, Thượng Hoàng nhìn thấy rất nghi, sai người kiểm lại, quả bị mất chiếc áo đó. Cung nhân ngầm đi tìm ở nhà Bảo Uy vương rồi ngầm đem áo ấy vào cung dâng lên. Thượng Hoàng vì thấy Hiến mới lập được công nên không nỡ giết, đuổi ra làm quan ở trấn ngoài. Đi đến sông Vạn Nữ(3) lộ Trường An, sai võ sĩ đi thuyền nhẹ đuổi theo giết đi, vứt **<16a>** xác vào bãi cát rồi về. Giáng làm Bảo Uy hầu.

Mùa thu, tháng 8, Đôn Từ Hoàng Thái hậu Lê Thị băng.

Cung Mẫn vương Nguyên Hủ mất.

Mậu Tý, [Thiệu Phong] năm thứ 8 [1348] (Nguyên Chí Chính năm thứ 8), mùa xuân, tháng giêng, lấy Ngự tiền học sinh là Đỗ Tử Bình(4) làm Thị giảng.

> ***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Nước đến lúc sắp mất, thì trời đất sẽ sinh ra một người để phá hoại. Tử Bình được tiến thân, hiềm*

---

(1) Trấn Vọng Giang: CM chép là Châu Diễn.

(2) Vải hỏa cán: vải giặt bằng lửa chế ra áo ngự ở nội phủ cho vua dùng.

(3) Sông Vạn Nữ thuộc tỉnh Hà Nam.

(4) Đỗ Tử Bình: CM chua: Tử Bình không rõ người ở đâu. Sách *An Nam chí* của Cao Hùng Trưng nhà Minh chép "Ở huyện Cổ Lan có vườn Tử Bình. Trong vườn có mai, trúc, khe suối hồ ao là một chỗ thắng cảnh trong nước để du thưởng. Như thế có lẽ Tử Bình là người huyện Cổ Lan. Huyện Cổ Lan tức là Đông Quan thuộc tỉnh Thái Bình.

khích ở biên giới Nhật Nam ngầm mở ra. Tai họa của Duệ Tông ngầm phục, tai họa của nhà Trần cũng dần dần gây lên. Một học sinh làm Thị giảng mà chép vào sách là sử trước ghi, bắt đầu thời loạn đấy.

Mùa hạ, tháng 5, hạn.

Mùa thu, tháng 7, nước lớn.

Kỷ Sửu, [Thiệu Phong] năm thứ 9 [1349] (Nguyên Chí Chính năm thứ 9), mùa hạ, tháng 5, nước Qua Oa[1] sang cống những sản vật địa phương và **<16b>** chim anh vũ đã biết nói.

Mùa đông, tháng 10, sách lập con gái thứ tư của Bình Chương Huệ Túc vương[2] là Ý Từ công chúa làm Nghi Thánh Hoàng hậu.

Tháng 11, ngày 1, có nhật thực.

Đặt quan sát hải sứ ở trấn lộ Vân Đồn, lại đặt quân Bình Hải để trấn giữ. Xưa kia, vào thời nhà Lý, thuyền buôn đến phải đi theo các cửa biển Tha, Viên[3] ở Diễn Châu để vào nghỉ đêm và buôn bán hàng hoá.

Đến khi ấy đường biển đổi dời, cửa biển nông cạn, phần nhiều tụ tập ở Vân Đồn. Cho nên có mệnh lệnh này.

Canh Dần, [Thiệu Phong] năm thứ 10 [1350] (Nguyên Chí Chính năm thứ 10) Cung Giản Vương Nguyên Thạnh mất.

Tân Mão, [Thiệu Phong] năm thứ 11 [1351] (Nguyên Chí Chính năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, người Thái Nguyên và Lạng Sơn tụ họp làm trộm cướp, đánh lẫn nhau. Sai quân đi đánh, dẹp yên.

Mùa hạ, tháng 5, ngày 1, có nhật thực.

Mùa thu, tháng 7, nước lên to.

Lấy Trương Hán Siêu làm Tham tri chính sự.

Người con gái ở Thiên Cương trấn Nghệ An[4] biến thành con trai.

Trâu Canh có tội đáng chết lại được tha. Trước đây khi vua mới 4 tuổi, đêm Trung thu ngồi chơi trên thuyền **<17a>** ở Hồ Tây, bị ngã

---

(1) Qua Oa (Trang 535): Tên nước. Theo sử nhà Minh, nước này ở phía Tây nam nước Chiêm Thành, còn gọi là Thuận Cảng hoặc Thuận Tháp. Tính người hung tợn kẻ bé người lớn đều đeo dao, hễ trái ý một chút là đánh giết nhau ngay. Sách *Việt chí* chép rằng: Trong kinh Phật gọi là "quỷ quốc" tức là nước này. (CMcbqu. 4).

(2) Huệ Túc vương: Tên là Đại Man.

(3) ĐVSKTT chú là Cửa Thới và Cửa Quèn.

(4) Nghệ An: Nay là đất hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

xuống nước, vớt được trong lưới kéo cá, đã gần tắt thở. Thượng Hoàng gọi thầy thuốc là Trâu Canh đến cứu chữa! Canh nói: Châm cứu thì sẽ sống lại, chỉ sợ bệnh liệt dương thôi. Châm cứu thì quả nhiên như vậy. Khi vua đã lớn, Canh dâng phương thuốc: lấy mật của con trai chưa thành niên hòa với vị dương khởi thạch mà uống, rồi thông dâm với chị em ruột thì khỏi. Vua bèn thông dâm với chị ruột là công chúa Thiên Ninh quả nhiên hiệu nghiệm. Canh từ đấy càng được yêu quý và được ngày đêm ở trong hậu cung để hầu hạ thuốc thang. Canh bèn thông dâm với cung nhân, việc bị phát giác, Thượng Hoàng muốn giết chết, nhưng vì có công chữa thuốc cho vua sống nên được tha tội (Trâu Canh là con của Trâu Tôn người phương Bắc). Khoảng năm Thiệu Phong[1] người Nguyên sang xâm lược nước ta. Tôn là thầy thuốc đi theo quân, khi quân Nguyên thua thì Tôn bị bắt, nhân đó dùng thuốc chữa cho các vương hầu trong nước đa số là hiệu nghiệm. Nước ta nhiều lần cho ruộng và nô trở nên giàu có. Canh nối nghiệp cha vì làm thuốc mà nổi tiếng. Niên hiệu Khai Hựu [1329] vì châm cứu chữa bệnh cho vua hiệu nghiệm, người đời gọi là "Trâu thần y" (thầy thuốc thần diệu họ Trâu) dần dần được thăng lên chức quan Phục hầu Tuyên Huy viện đại sứ kiêm Đại y sứ. Nhưng vì không có đức hạnh, cuối cùng vì thói tà dâm mà bị tội. Sau được phục chức. Dòng dõi của Canh có người tên là Trâu Bảo được của mà Canh cất giấu trong nhà, trở thành giàu có và cũng vì thế mà hư hỏng. Tục truyền rằng: Canh làm nhà cạnh núi Long Châu, nhân khi bắt cá, bắt được loại cây leo ở núi, bèn lấy làm thuốc chữa bệnh cho vua, được yêu quý không ai bằng. Nhưng vì bị thế đá núi yểm, cho nên phú quý chẳng được lâu dài. Không bao lâu thì **<17b>** lụi bại nên chép phụ vào đây.

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn**: Nhà Trần lấy lẫn nhau đã thành thói quen. Cho đến anh em chú bác lấy nhau, vua lấy con gái nhà chú bác lập làm Hoàng hậu, cho nên thầy thuốc dùng anh em ruột làm thuốc chữa bệnh thì không đáng cho là quái gở. Nhưng làm rối loạn đạo trời không khác gì loài cầm thú, khiến cho Dụ Tông tinh còn mà thần mất, người khoẻ mà tâm đã chết. Tối tăm càn rỡ vào tận máu thịt. Dù cho Chu Văn Trinh muốn lấy nghĩa lý mà chữa, cuối cùng cũng không chữa nổi. Minh Tông còn cho đó là công, đến nỗi Trâu Canh làm nhục cả người mình yêu, cũng không hỏi đến thì làm sao được. Vận nước nhà Trần đã suy, mà*

[1] Có lẽ là niên hiệu Thiệu Bảo [1279-1285] mà nguyên bản chép nhầm.

gia thế Trâu Canh cũng bại. Người giữ nhà nước há không xem đấy làm gương sao!

Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Nhập nội Hành khiển vẫn trông coi công việc của Khu mật viện.

Mùa đông, <18a> tháng 11, vua ngự điện Thiên An duyệt cấm quân ở Long Trì. Cho Trung Ngạn mặc chiến bào, đội mũ võ, đeo thẻ bài gỗ và nghiên vàng, duyệt các cấm quân, định hạng hơn kém.

Nhâm Thìn, [Thiệu Phong] năm thứ 12 [1352] (Nguyên Chí Chính năm thứ 12), mùa xuân, tháng 3. Chế Mỗ nước Chiêm Thành chạy sang nước ta, dâng voi trắng, ngựa trắng mỗi thứ một con, một con kiến lớn (dài 1 thước 9 tấc) và các vật tiến cống. Xin đánh Trà Hoà, Bố Đề và lập Chế Mỗ làm vua. Trước đây, khi vua Chiêm là Chế A Nan còn sống, thì con của Chế A Nan là Chế Mỗ làm bố điền (tức Đại vương), con rể là Trà Hòa Bố Đề làm bố đề (tức Tể tướng) nói gì cũng nghe, kế sách gì cũng theo, nhân đấy cùng với Chế Mỗ lập thành bè đảng, có khi Chế Mỗ bị vua quở trách, Bố Đề liền giải hòa cho. Bề ngoài Bố Đề tỏ vẻ thân với Chế Mỗ, nhưng bên trong thực muốn nắm quyền trong nước. Chế Mỗ không biết sa vào thuật của nó. Người trong nước vì thế mà sinh lòng khác, không chuyên theo Chế Mỗ. Đến khi vua A Nan mất, Bố Đề bèn đuổi Chế Mỗ rồi tự lập làm vua, khi ấy Chế Mỗ chạy sang ta.

Mùa thu, tháng 7, nước to chảy tràn lan, lúa mạ <18b> bị ngập ở Khoái Châu(1) Hồng Châu(2) và Thuận An(3) rất thiệt hại.

Quý Tỵ, [Thiệu Phong] năm thứ 13 (Nguyên Chí Chính năm thứ 13), mùa xuân, tháng giêng, ban chiếu cho các vương hầu đóng thuyền chiến chế tạo khí giới, luyện tập quân sĩ.

Phong cho Cung Định vương là Phủ làm hữu Tướng quốc (Phủ khi mới 11 tuổi, hầu Thượng Hoàng ở cung Trùng Quang, gặp hôm mưa to gió lớn, đã làm thơ theo đầu bài của vua ra có câu: "An đắc tráng sĩ lực cái thế, khả ngự đại ốc đồi phong" (Làm sao cho được người tráng sĩ có sức khoẻ hơn đời, có thể chống được trận gió to làm đổ ngôi nhà lớn). Thượng Hoàng cho là lạ, ban cho 10 lạng vàng.

---

(1) Khoái Châu:Gồm đất các huyện: Khoái Châu, Kim Động, Ân Thi, Phù Cừ, Tiên Lữ tỉnh Hưng Yên

(2) Hồng Châu: Gồm đất các huyện: Yên Mỹ, Văn Lâm tỉnh Hưng Yên và Cẩm Giàng, Bình Giang, Ninh Giang, Thanh Miện, Tứ Kỳ, Gia Lộc tỉnh Hải Dương.

(3) Thuận An: Gồm đất các huyện: Thuận Thành, Gia Lương của tỉnh Bắc Ninh. Huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên và Gia Lâm – Hà Nội.

Mùa hạ, tháng 6, đem đại quân sang đánh Chiêm Thành.

Quân bộ đến Cổ Luỹ (nay là phủ Hòa Nghĩa)[1] quân thủy vận chuyển lương thực gặp trở ngại phải quay về. Trước đấy Hưng Hiếu vương quản lĩnh Hóa Châu, Chế Mỗ nói với Tước Tê (gia nhi của Minh Tông người thường đi lại với Chế Mỗ): "Về chuyện cổ của nước Chiêm Thành. Xưa kia có nhà vua nuôi con khỉ lớn, vua rất yêu quý, tìm trong nước có người nào dạy con khỉ nói được sẽ thưởng vạn lạng vàng. Một người nhận lời, vua mừng lắm, sai người ấy nuôi. Người ấy xin mỗi tháng dùng thuốc phí hàng trăm lạng vàng thì mới hiệu nghiệm, vua nghe theo. Có lẽ họ nghĩ quốc vương, mình và con khỉ trong 3 năm tất phải có một kẻ chết, chỉ cần lấy được vàng của vương **<19a>** mà không cần thành công đấy. Chế Mỗ hướng về chúa thượng thực do Hưng Hiếu chủ trương việc ấy. Trải qua bao năm tháng mà chưa biết kỳ hạn đưa về nước. Việc của tôi cũng giống như việc ấy". Triều đình nghe lời nói ấyliền cho quân đưa Chế Mỗ về nước, nhưng không thành công. Chế Mỗ ở lại không bao lâu thì mất.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Nước nhỏ thờ nước lớn là vì nước lớn cứu được hoạn nạn của nước nhỏ và giữ cho nước nhỏ khỏi bị diệt vong. Chế Mỗ là Thế tử của một nước bị kẻ gian thần xua đuổi chạy sang cầu cứu, nhưng ta để chậm hàng tháng, hàng năm đến nỗi Chế Mỗ phải thốt ra lời oán thán mới cử binh đưa về. Khi đường vận lương mới bị ngăn cản thì liền không cử binh nữa. Ta đúng nó sai thế mà không đưa Chế Mỗ về nước được phải trở về. Kỳ hạn xuất quân im lặng làm nhụt lòng thành của Chế Mỗ hướng về ta. Bố Đề được thỏa lòng gây tội ác, cướp ngôi, tỏ sự yếu đuối của mình chuốc lấy sự khinh nhờn. Cuối cùng sinh ra lòng gây nạn binh đao, không bao lâu người Chiêm vào cướp phá Hóa Châu, quan quânbị diệt. Lại đến đời Nghệ Tông, quân chiêm đến sát kinh sư; đến đời Duệ Tông thì xâm phạm xe vua, người Chiêm Thành làm hại. Đến khi* ***<19b>*** *nhà Trần mất nước chưa chắc đã không phải do việc này gây ra thế bên nặng, bên nhẹ vậy. Hán Siêu là người mưu việc nước, Trung Ngạn là người chủ việc binh. Cả hai người đó đều không thể chối cãi được trách nhiệm của mình.*

Thăng Thái úy Nguyên Trác làm Tể tướng quốc.

---

[1] Phủ Hòa Nghĩa thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Mùa thu, tháng 9, Chiêm Thành sang cướp phá Hóa Châu, ta đánh lui quân giặc, quan quân cũng bị bất lợi; sai Trương Hán Siêu lĩnh các quân Thần Sách trấn giữ Hóa Châu (sử cũ chép: vì quan quân bị bất lợi, vua triệu Hán Siêu để bàn. Hán Siêu trả lời: "Vì không nghe lời nói của thần cho nên đến nỗi như vậy". Có lẽ về việc Chiêm Thành hoặc nên mềm dẻo, hoặc nên đánh. Hán Siêu ắt có lời lâu bày can ngăn, nhà viết sử không được biết rõ, đến khi ấy bỗng chép là Hán Siêu trả lời vua thế là không có đoạn đầu mà có đoạn cuối không phải là phép đặt câu nói. Cho nên chia dòng ghi chú để giữ lấy sự thật).

Giáp Ngọ, [Thiệu Phong] năm thứ 14 [1354] (Nguyên Chí Chính năm thứ 14), mùa xuân, tháng 2, quan trấn giữ biên giới phía Bắc chạy trạm tâu: Trần Hữu Lạng nước Nguyên dấy quân, sai sứ sang ta xin hòa thân (Hữu Lạng là con Trần Ích Tắc).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Hữu Lạng thực là con Ích Tắc hay không, không thể biết được. Giả sử gặp Lý Thái Tông thì cho hòa thân, giúp cho quân lương để xem việc làm của Hữu Lạng đấy. <20a> Lại nói: Giả sử Hữu Lạng đúng là con của Ích Tắc, cùng Minh Thái Tổ đều nổi lên ở phương Nam, mà Minh Thái Tổ thì hưng thịnh; Hữu Lạng thì bại vong. Có lẽ vì MinhThái Tổ chiếm cứ được Kim Lăng, mặc dù ở phương Nam, có cảnh đẹp rồng lượn hổ chầu không phải như Hữu Lạng dùng cái đuôi mà đánh vào xương sống. Mệnh trời thế đất thường liên quan đến nhau như thế đấy.*

Tháng 3, ngày 1, có nhật thực.

Bấy giờ vào năm đói, nhân dân lại khổ vì trộm cướp, có người xưng là cháu ngoại của Hưng Đạo Vương tên là Tề, tụ họp các gia nô bỏ trốn của các vương hầu làm trộm cướp ở xứ Lạng Sơn, Nam Sách.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Khi nhà Trần Thịnh vượng đánh đuổi giặc Hồ, giữ gìn thế nước, nhờ sức gia nô của vương hầu rất nhiều. Đến khi nhà Trần suy, tản ra làm trộm cướp, tụ tập thì làm giặc, tai hại do gia nô của vương hầu càng lắm. Các vương hầu nhà Trần đều được cho mở để đệ[1]* ***<20b>*** *nuôi gia đồng. Cho nên mối tệ lưu lại đến đời sau, có lẽ bắt nguồn từ đấy chăng? Nếu không phải thế, ngày mới dựng nước có nhiều người giỏi, tôn thất đều là bậc văn võ toàn tài. Như Trần Hưng Đạo là ngườihơncả.*

[1] Để đệ: Nơi để vương hầu ở tạm khi đến triều kiến.

Còn các ông Nhật Duật, Quang Khải, Hoài Văn, Hưng Vũ, Nhân Huệ cũng không ai là không sáng suốt trong việc biết người, khéo chế ngự người dưới. Người lớn, người nhỏ không ai là không tỏ hết tài năng; người sang, người hèn không ai là không hết lòng, như đẩy xe tiến lên không bỏ bễ. Tiến thì như Phạm Ngũ Lão, thoái thì như Dã Tượng, Yết Kiêu. Làm gia thần thì đều muốn mài giũa để biểu hiện tài năng, Thiên tử cũng coi như người nhà mà đối đãi gọi tên hỏi chủ, ân cần khen ngợi. Vua tướng đối xử như thế thì dù có đuổi cũng không bỏ đi. Há không được họ hết sức giúp đỡ hay sao? Cho đến đời sau có Văn Túc nổi tiếng về văn học, Uy Giản thì quên cả thế lực cao thấp. Trong dòng họ nhà vua cũng gọi là bậc trội hơn. Còn như Huệ Vũ thì hay cố chấp, Bảo Uy thì dâm tà. Huệ Túc không thành công ở Chiêm Thành, **<21a>** *Hưng Hiếu thì cũng không có công trạng với Chế Mỗ, đều là bọn nhỏ mọn tầm thường, chỉ biết chạy ngựa mà chơi đạn vàng mang chim ưng mong ăn chả gà. Vui đàn hát trong nhà lộng lẫy, khoe cung tên với bọn theo hầu không nghe người khách có lời "muốn ăn cá "*[1]*. Bọn gia nô có ước nguyện được miễn đánh đập họ, coi họ như cỏ rác, nuôi họ như súc vật. Những người tài năng không được biểu dương trong triều mà để mặc họ bị đè nén. Kẻ hèn kém thì không thương gia đình họ mà để mặc họ đói rét. Cho nên bọn phóng đãng thích hò hét trong đời gió bụi, bọn hèn hạ thì chỉ nghĩ đến sự ăn uống được no nê. Vì thế cho nên họ đi khắp bốn phương làm trộm cướp. Ôi! Ví như Phàn Nhược Thủy được một chức quan thì nơi hiểm trở ở Thái Thạch*[2] *không ai có thể qua được: Vương Đình Tấu được thuộc vào một đạo quân thì nạn Lư Long chưa xảy ra. Người nắm việc nước không bỏ sót nhân tài, người ta không sinh trộm cắp thì thiên hạ sẽ đến đại đồng đấy.*

<21b> Mùa thu, tháng 9, có sâu keo, vua ban chiếu giảm một nửa thuế ruộng.

Mùa đông, tháng 10, có hổ đen hiện ra ở trong thành.

Tả Tham tri chính sự Trương Hán Siêu trấn giữ Hóa Châu, biên giới trở lại yên ổn. Ông xin về triều vua y cho. Ông về chưa đến kinh sư thì

---

[1] Lời ca muốn ăn cá. Thời Chiến Quốc có Mạnh Thường Quân ham nuôi khách. Một hôm nghe một người khách gõ vào cây gươm mà hát rằng: "Trường giáp quy lai hề, thực vô ngư". (Đeo gươm dài theo về mà ăn không có cá).

[2] Nơi hiểm trở ở Thái Thạch: tức cùng đá ngầm trên khúc sông chân núi Ngưu Chử Trung Quốc.

mất, truy tặng Thái bảo. Hán Siêu ở Hóa Châu, ấm ức không thỏa chí thường có thơ rằng:

"Ngọc kinh hồi thủ ngũ vân thâm,
Linh lạc tàn hồn nhược bất khâm.
Dĩ biện hoang giao mai bệnh cốt,
Hải thiên thảo mộc cộng sầu ngâm".

Dịch nghĩa:

(Quay đầu về kinh đô mây năm mầu thăm thẳm,
Hồn phách tàn tạ như không chịu nổi.
Tìm nơi hoang tàn chôn bộ xương bệnh tật,
Bể trời cây cỏ cùng ngâm điệu sầu).

Đến khi ấy, vì ốm xin về, mất ở dọc đường.

Hán Siêu là người cương trực, luôn bài xích dị đoan, có tài văn chương chính sự. Vua chỉ gọi bằng thầy mà không gọi tên. Riêng Tông chính thái khanh là Lê Cư Nhân thường gọi là "chân đá cầu nhà quê". Vì người trong làng có đá cầu phần nhiều không trúng, ví như Hán Siêu tính toán công việc phần nhiều không đúng đấy. Ông ta khinh bỉ những người cùng hàng, không chơi bời với họ, chơi thân với bọn trung quan là Phạm Nghiêu Tư, gặp thầy thuốc thì cười đùa giễu cợt. Đối với tù trưởng Lạng Giang và tự nô chùa Quỳnh Lâm chỉ mộ họ giàu mà gả con gái cho đều là bọn không cùng nòi giống với mình. Người bàn khi ấy thường chê trách. Hán Siêu từng soạn văn bia ở chùa Quang Nghiêm thuộc Bắc Giang đại lược như sau:

<22a> "Chùa đã tàn phế mà dựng lên đã chẳng phải ý ta; dựng bia mà khắc thì cần gì lời nói của ta. Nay Thánh triều muốn truyền phong hóa nhà vua, để chấn chỉnh phong tục đồi bại, dị đoan đáng bỏ đi. Chính đạo nên trở lại. Là một sĩ đại phu, không phải đạo Nghiêu Thuấn thì không bày tỏ trước vua; không phải đạo Khổng Tử thì không trước thuật. Thế mà cứ bo bo lải nhải về đạo Phật thì ta toan lừa ai? Phúc Am nơi ông ở cách An Đăng một dòng sông. Vì yêu thắng cảnh núi sông Dục Thúy, ông bèn dựng nhà ở đó. Nay chữ khắc ở đá vẫn còn, người trông thấy đều rất mến chuộng".

Lê Cư Nhân mất. Cư Nhân thời Minh Tông làm Nội mật quan kiêm Thẩm hình sự, xử kiện ở nhà bị Trung uý Quách Lao tâu hặc. Minh Tông hỏi: "Sao không che đậy né tránh", ông trả lời: "Thần thà chịu quở trách chứ không dám lừa dối; làm quan mà lừa dối thì lấy gì mà xướng

xuất cho liêu thuộc". Đến khi ấy mất, được tặng chức Nhập nội Hành khiển Hữu ty Lang trung đồng tri Tả ty sự.

Ất Mùi [Thiệu Phong] năm thứ 15 [1355] (Nguyên Chí Chính năm thứ 15), mùa xuân, tháng 2, núi Thánh Chúa[1] ở Trà Hương lở.

Động đất.

Tháng 3 đến tháng 6, hạn hán.

Mùa thu, tháng 7, mưa to, nước to.

Tháng 9, sét đánh cửa Triều Nguyên và cửa nách bên tả, bên hữu.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Theo thời tiết, vào tháng 8 mớihết tiếng sấm. Tháng 9 vẫn còn sét đánh. Sét đánh chẳng là ở một nơi là tai dị nhiều lắm đấy! Dụ Tông lên ngôi 15 năm, sử chép 6 lần nhật thực, hạn hán đến 3 lần. Một lần sâu keo, mất mùa hàng năm. Đến khi ấy từ mùa xuân đến mùa thu,núi lở, động đất, lụt hạn, sét đánh, không tháng nào là không có. Trời phạt tội dâm ác đến cực độ, răn đe nảy ra chính sự lười biếng, thế mà cha con vua tôi trong một thời vẫn bình thản như thường. Kẻ trên không có lòng thành khẩn xét mình, kẻ dưới không có lời tâu cứu giúp thời cuộc, coi thường điềm trời răn không biết sợ, khinh bỏ việc người không biết lo. Sang năm sau, Minh Tông qua đời, Dụ Tông thỏa lòng xa xỉ, giặc giã nổi lên từng bầy, việc thờ cúng không tốt đẹp, ngôi báu nhà Trần suýt di chuyển về họ Dương đấy. Đạo trời nào có xa đâu!*

Chu Đức Dụ nhà Nguyên xưng đế (Đức Dụ người hương Thái Bình, sau đổi tên là Nguyên Chương, tức là Minh Thái Tổ). **<23a>** Cho Nguyễn Trung Ngạn làm Lạng Giang trấn kinh lược sứ nhập nội đại Hành khiển, Thượng thư hữu bật, kiêm tri Khu mật viện sự thị Kinh diên đại học sĩ, trụ quốc Khai Huyện bá.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Dụ Tông đối với Trung Ngạn, có thể nói là uỷ nhiệm chuyên chức trách nặng. Nho thần cả thời nhà Trần chưa dễ ai được tin dùng như Trung Ngạn. Nhưng đạo đức nhà vua thì như thế, chính sự đương thời như thế, vua bị mắc bệnh, người nối ngôi chưa định, thế nước lại như vậy, Trung Ngạn đáng ra không điều gì là không biết. Mình làm đại thần, cùng vui với nước. Có thể nói mà không nói thì giống như lập lờ; có thể*

---

[1] Núi Thánh Chúa ở Kính Chủ, tỉnh Hải Dương.

lo mà không lo thì giống như cẩu thả; đạo học không thi hành được, có thể bỏ đi mà không bỏ đi, thì giống như tham lam luyến tiếc. Vì thế mà riêng Chu Văn Trinh cao siêu không ai có thể bì kịp được đấy. Có người nói: Thường thấy tập văn thơ của Trung Ngạn có nhiều tác phẩm ở biên thành nhớ tới cung khuyết nơi màn trướng và quê hương. Như thế dù tiếng là ở nơi màn trướng **<23b>** *then chốt, nhưng thực ra chưa một ngày được yên ở triều đình, ắt là bị nhiều người làm trở ngại đấy. Làm sao mà có thể phát triển tài năng được? Thế nhưng lại lấy đạo đức nhà vua, chính sự đương thời và thế nước mà đổ lỗi trách người hiền tài đấy thôi. Có người lại nói: "Hán Siêu và Trung Ngạn là bề tôi nổi tiếng một thời, nhưng Trung Ngạn thì đứng đắn, Hán Siêu thì thông thái. Trung Ngạn ít lỗi mà Hán Siêu thì nhỏ mọn, nhiều điều có thể chê trách. Nói về tính trung thực thì Trung Ngạn vẫn là hơn.*

Thượng Hoàng đến hương Phù Ủng (thứ phi của Anh Tông hiệu là Tĩnh Huệ là con gái của Điện suý Phạm Ngũ Lão. Sau khi đi tu, Anh Tông băng, bà về Phù Ủng, một hôm bà lên chùa Bảo Sơn của hương đó than rằng: "Chùa là do tiên quân sáng lập, ta tuổi đã nhiều, ở đây làm nhà có thể hầu vua, có thể thờ gia tiên, trung hiếu vẹn cả hai bề, ấy là nguyện vọng của ta". Thế rồi cho sửa lại chùa, dựng nhà thờ phía Đông chùa và làm nhà ở phía sau để làm nơi thờ phụng. Làm xong, Thượng Hoàng tới thăm cho đề biển để tỏ lòng hiếu kính).

Bính Thân [Thiệu Phong] năm thứ 16 [1356] (Nguyên Chí Chính năm thứ 16), mùa xuân, tháng 3, hai mặt trời rập rờn nhau.**<24a>**Hai vua đi tuần đến Nghệ An[(1)].

Mùa hạ, tháng 5, xe vua về kinh.

Mùa thu, tháng 8, vua ngự đến đền thờ Quốc phụ Thượng tể Huệ Vũđại vương ở núi Kiệt Đặc[(2)], khi ra về vua ngự trên thuyền có con ong vàng đốt vào má bên trái, Thượng Hoàng liền bị bệnh. (Chuyện chép rằng: Con ong vàng là hồn của Quốc Chẩn hiện ra. Xét thấy Quốc Chẩn tuy đã chết vì lời gièm pha, nhưng há lại có lý bề tôi thù ghét vua cha? Con ong đốt có nọc độc có lẽ là việc ngẫu nhiên thôi). Gặp khi Hiến Từ Thái hậu may áo để tang mẹ, Thượng Hoàng nhân đó bảo rằng: "Ta không mặc áo này" vì lúc đó Chiêu Từ Thái hậu mở đàn

(1) Nghệ An: Nay là đất hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

(2) Núi Kiệt Đặc: Ở huyện Chí Linh, thuộc tỉnh Hải Dương.

chay ở chùa Chiêu Quảng, phát tiền cho dân nghèo là để cầu đảo cho Thượng Hoàng đấy.

Đinh Dậu, [Thiệu Phong] năm thứ 17 [1357] (Nguyên Chí Chính năm thứ 17), mùa xuân, tháng 2, Thượng hoàng băng ở cung Bảo Nguyên, miếu hiệu là Minh Tông, thụy là Chương nghiêu văn triết hoàng đế. Trước kia, Minh Tông nối ngôi đã lâu, rồi mẹ đích mới sinh con trai. Ngày đầu năm, Anh Tông đi tuần thú ở ngoài biên, việc ở nhà do Minh Tông giải quyết. Có người xin làm lễ theo nghi thức Thái tử. Quan ngũ ty ngần ngại, Minh Tông nói: "Còn ngần ngại gì nữa? Trước đây vì con **<24b>** đích chưa sinh cho nên ta tạm thời ở ngôi này, nay đã sinh rồi, đợi khi lớn sẽ trả lại ngôi có gì đáng ngại?". Người ấy đáp rằng: "Việc ấy từ xưa phần nhiều nguy hiểm, xin hãy suy nghĩ cẩn thận". Minh Tông hỏi: "Theo nghĩa mà làm, sự yên hay nguy có gì đáng lo". Cuối cùng làm lễ theo nghi thức Thái tử. Được 1 năm thì người con đích mất, Minh Tông rất thương xót và từng dạy Hoàng tử rằng: "Đứa nào hết sức mưu tính, sản nghiệp keo kiệt bủn xỉn để làm giàu thì không phải là con ta. Thà phân tán của cải cho người nghèo đi như vậy không tránh khỏi túng thiếu, nhưng còn là hành động của bậc quý nhân". Khi Minh Tông ốm, triều đình muốn dựng đàn chay cầu đảo. Minh Tông biết, bèn triệu Hữu Tướng quốc Phủ vào chỗ mình nằm. Vua sợ liền nói với Phủ là "Phạm Ứng Mộng xướng nghị xin lấy mình chết thay". Phủ đem lời nói ấy tâu lên, Minh Tông nói: "Ứng Mộng tự vào địa vị Chu Công thì cứ lấy thân mình chết thay cho hắn, còn việc làm thay thì không nên làm". Khi ấy Hiến Từ Hoàng hậu thả các con súc vật để cầu Minh Tông bình phục. Minh Tông nói: "Thân ta không thể lấy con dê, con lợn mà thay được". Quan thầy thuốc là bọn Trâu Canh **<25a>** xem mạch nói là vua phiền muộn, Minh Tông ứng khẩu đọc bài thơ ngắn cho bọn Canh nghe:

"Chẩn mạch hưu luân phiền muộn đa,
Trâu công lương tễ yếu điều hoà.
Nhược ngôn phiền muộn vô hưu yết,
Chỉ khủng trùng chiêu phiền muộn gia".

Dịch nghĩa:

(Bắt mạch không nên nói muộn phiền,
Trâu công dùng thuốc hay cốt phải điều hoà.
Nếu còn cứ nói phiền muộn mãi,
Chỉ sợ chuốc thêm những muộn phiền).

Có lẽ vì Canh ra vào nơi cung cấm, hay nói câu kỳ lạ, nghĩ những kế xảo quyệt để mê hoặc vua nối ngôi. Cho nên mới mượn bài thơ để ngụ ý châm biếm. Đến khi dâng thuốc lên thì Thượng Hoàng không uống. Khi đã nguy kịch, sai thị thần là Nguyễn Dân Vọng đem những bản thảo thơ vua làm đốt đi. Dân Vọng chần chừ muốn để lại Thượng Hoàng dụ rằng: "Vật đáng tiếc còn không tiếc, tiếc làm gì cái thứ này?" Các Hoàng tử đứng hầu bên cạnh, nhân đó bảo rằng: "Các con nên xem việc làm của những người xưa, tốt thì theo, không thì tránh xa, cần gì phải cha dạy". Lại thường nói: "Người làm vua dùng người không phải là có tình riêng với người đó, mà chỉ nghĩ là người đó tốt thôi. Vì người ấy theo lòng của ta, giữ chức vụ cho ta, làm việc cho ta, chịu khó nhọc cho ta. Cho nên ta cho là người tốt mà dùng họ. Nếu ta thực là người tốt, thì những người ta dùng cũng tốt. Như Nghiêu, Thuấn đối với Tắc, Tiết, Quỳ, Long vậy; nếu ta không tốt thì người ta dùng cũng không **<25b>** tốt như Kiệt, Trụ đối với Phi Liêm, Ác Lai vậy. Đó chính là đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, cùng loại thì hợp nhau. Kiệt, Trụ há có tình riêng với bề tôi của hắn, nếu bảo hắn là tối tăm thì đúng, còn bảo là có tình riêng thì không đúng". Lại dặn Hiến Từ Hoàng hậu rằng: "Sau khi ta mất, người ở cung Thánh Từ, đừng về núi". Đến khi vua băng, Thái hậu theo lời đó, không theo đạo Phật.

Sử thần Phan Phu Tiên bàn: *Minh Tông có tư chất nhân hậu, thừa nương cơ nghiệp thái bình, phép tắc của tổ tông, không sửa đổi điều gì. Khi ấy có người học trò dâng sớ nói: "Dân phần nhiều là du đãng, đến già cũng không có tên trong sổ không đóng thuế, không chịu sai dịch". Vua nói: "Nếu như không thế, há đủ thành cơ nghiệp thái bình? Ngươi muốn ta trách họ thì được việc gì". Bề tôi trong triều đình là Lê Bá Quát, Phạm Sư Mạnh muốn thay đổi chế độ, vua nói: "Nhà nước tự có phép tắc, Nam Bắc đều khác. Nếu như nghe kế cầu tiến thân của bọn học trò tuổi trẻ thì <26a> sinh loạn đấy". Chỉ đáng tiếc là nghe lời Trần Khắc Chung mà giết Quốc phụ Thượng tể. Đó là điều thiếu thông minh.*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Minh Tông được nên người đạo đức vốn là do trời tốt đẹp, nhưng cũng do sức dạy bảo của vua cha. Khi vua còn nhỏ ở đông cung, từng nghịch làm cây đènngắn bằng tre. Anh Tông đòi xem, sợ không dám dâng. Hôm sau vào hầu ở tâm điện, Anh Tông rửa mặt, nhân đấy liền hỏi. Anh Tông nổi giận liền quăng chậu rửa mặt, vua tránh vào cánh cửa, chậu trúng cửa vỡ tan. Được sự dạy dỗ nghiêm ngặt như thế cho nên đạo đức của vua mới đều có tài nghệ.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Minh Tông là con thứ được nhường ngôi, ở ngôi đã lâu mà **<26b>** con đích mới sinh. Ngày đầu năm theo nghi thức Thế tử mà làm lễ và nói:"Đợi lớn lên sẽ trả lại ngôi vua". Giả sử con đích nuôi được thì Minh Tông có thể giữ được lời nói ấy chăng? Thưa rằng: các vua triều nhà Trần tuổi trung niên nhường nước, không đợi đến khi mỏi mệt, vốn chưa từng tham tiếc ngôi trời. Sau khi đã nhường ngôi, thong dong tu đạo Phật. Xem việc bỏ ngôi vua như từ bỏ bát canh đậu. Đấy là sự dạy dỗ của tổ tiên. Trong nhà đã như thế huống chi Minh Tông, tư trời vốn cao há chịu giữ ngôi vua cho riêng con mình mà không trả lại cho con đích hay sao? Nghệ Tông có thể cho em, Minh Tông há không thể trả lại cho anh sao? Tuy như thế không thể dùng làm bài học. Xưa kia Ẩn Công nước Lỗ có chí tuổi già ở ấp Thỏ Cừu, mà Lỗ Hoàn Công cuối cùng phải chịu tiếng đứng đầu tội ác. Nói là nhiếp chính, nói là nhường ngôi, danh từ tốt đẹp làm hại cũng ghê gớm đấy. Ôi! Đã nhận nước ở vua cha đã làm chủ trông nom thần dân, lại nói: "Ta sẽ trả lại ngôi vua" rồi lại ngoảnh mặt về phương Bắc mà ở địa vị làm bề tôi, há chẳng phải là trái với lẽ đúng đắn và trái với lẽ thường tình đó sao? **<27a>** Giả sử Minh Tông đúng là có lòng thành như Quý Trát, Tử Tàng, mà con đích của Anh Tông như con thứ của Lữ Quang muốn nhường ngôi mà không được, mong toàn vẹn mà không xứng, mở ra cái cơ cướp ngôi vua, gây ra cái điềm bị chết chóc, há phải đợi Nhật Lễ mà sau mới ngấm ngầm di chuyển đến Quý Ly, rồi tiến tới mất xã tắc hay sao? Kẻ háo danh có thể nhượng nước có nghìn cỗ xe. Mạnh Tử không cho là đúng, chưa từng nói kỹ về tai họa ấy, cho nên phải bàn lời nói của Minh Tông.*

Mùa thu, tháng 4, ban chiếu cho các lộ Nghệ An, Thanh Hóa khơi cảng cũ.

Phong cho anh là Thiên Trạch làm Cung Tín vương.

Mùa thu, tháng 9, tôn Hiến Từ Thái hậu là Thái Hoàng Thái hậu.

Mùa đông, tháng 11, táng Minh Tông ở Mục Lăng[1] vì câu nệ ngày giờ cho nên để chậm.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Hiến Từ là mẹ Dụ Tông. Tôn mẹ là Thái hoàng là **<27b>** theo điển lễ nào? Không biết kê cứu thời*

(1) Mục Lăng: Thuộc đất Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

cổ, thật quá lắm. Đương thời Nho thần đầy khắp triều đình mà không một người nào nói về việc ấy là tại sao? Lại nói, kỳ hạn sơn lăng của nhà Trần phần nhiều không theo lệ, hoặc vì việc khác, hoặc vì cấm kỵ, câu nệ vào ngày giờ mà để chậm việc mai táng. Có lẽ không chỉ riêng việc này.

Từ năm Ất Mùi [1355] đến năm ấy Đinh Dậu (1357) gồm 3 năm giá 1 thăng gạo là 1 mạch tiền.

Mậu Tuất, [Đại Trị] thứ 1 [1358] (Nguyên Chí Chính năm thứ 18), mùa xuân, tháng giêng, ngày 1, đổi niên hiệu.

Đại xá.

Truy tặng Quốc phụ Thượng tể là Quốc Chẩn làm Đại vương.

Từ tháng 3 đến tháng 7 hạn, sâu cắn lúa, cá chết nhiều.

Mùa thu, tháng 8, ban chiếu khuyên nhà giàu ở các lộ bỏ thóc phát chẩn cho người nghèo. Các quan ty sở tại liệu giá trả tiền.

Cho Phạm Sư Mạnh làm Nhập nội Hành khiển Tri khu mật viện sự.

Ngô Bệ lại đem quân tụ họp ở núi Yên Phụ dựng cờ lớn, tiếm ngôi <28a>, yết bảng; rằng: "Phát chẩn cứu dân nghèo". Từ Thiện Liêu đến Chí Linh, Bệ đều chiếm giữ.

Mùa đông, tháng 11, ban chiếu cho An phủ sứ lộ đem quân đội phong đoàn bắt bọn trộm cướp.

Kỷ Hợi[1], [Đại Trị] năm thứ 2 [1359] (Nguyên Chí Chính năm thứ 19), nhà Minh sai sứ đến thông hiếu. Khi ấy chúa nhà Minh chống nhau với Trần Hữu Lạng chưa phân thắng bại. Vua sai Lê Kính Phu đi sứ sang Bắc để xem hư thực.

Mùa thu, tháng 4, Chiêu Từ Hoàng Thái phi băng.

Truy tôn là Chiêu từ Hoàng Thái hậu (mẹ của Minh Tông).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Chiêu Từ sinh ra Minh Tông, được hưởng nước đã lâu mà mẹ vẫn gọi là Thái phi vì mẹ đích Bảo Từ còn sống còn có thể nói là được. Bảo Từ băng vào năm Khai Hựu thứ 2, thời Hiến Tông đến khi ấy đã 30 năm rồi. Chiêu Từ được thấy 1 con 2 cháu là Thiên tử chưa được chính ngôi ở cung Trường Thu, thấy được sự phân biệt vợ đích, vợ thiếp của*

---

[1] Nguyên bản chép nhầm là Kỷ Dậu.

thời nhà Trần nghiêm ngặt như thế. Nhưng há lại không nghe biết cái nghĩa mẹ vì con mà được quý hiển hay sao? **<28b>** *Minh Tông coi thường việc phụng dưỡng mẹ cũng quá lắm đấy. Hiến Tông việc gì cũng chưa được tự chủ. Đến khi Minh Tông băng, Dụ Tông đã trưởng thành, được tự quyền cũng không biết lấy chữ Thái hoàng tôn cho bà nội mà vẫn gọi là Thái phi là tại sao? Là do hàng ngày tai nghe mắt thấy đã quen mà các bề tôi đương thời không ai biết lấy lễ nghĩa mà nói. Cả đến việc truy tôn Thái hậu thì lại là sai quá.*

Mùa thu, tháng 7, cho Đỗ Tử Bình làm Tri Khu mật viện sự. Cuối tháng 8, đầu tháng 9, mưa to, nước trôi mất nhà ở của dân, lúa ngập hết.

Mùa đông, tháng 10, cho Phạm Sư Mạnh làm Hành khiển Tả ty Lang trung; Lê Quát kiêm Hàn lâm viện phụng chỉ.

Canh Tý, [Đại Trị] năm thứ 3 [1360] (Nguyên Chí Chính năm thứ 20), mùa xuân, tháng 2, đúc tiền Đại Trị thông bảo.

Thăng Huệ Túc công Đại Niên làm Bình chương Chính sự, khôi phục tước vương. Trước kia, các tước vương đều xưng là công **<29a>**. Đến Huệ Túc truy phục tước vương, không đúng lệ.

Tháng 3, Ngô Bệ bị giết. Lúc bấy giờ quân các lộ bắt được Bệ ở Yên Phụ, Bệ chạy trốn, muốn về kinh để tự thú. Quan quân bắt được cả bè đảng là 30 người đem về tống giam ở kinh sư rồi giết chết.

Mùa hạ, tháng 5, ngày 1, nhật thực.

Tháng 6, nước Nguyên loạn, Trần Hữu Lạng tiếm xưng đế đặt quốc hiệu là Hán, đổi niên hiệu là Đại Nghĩa, đánh nhau với Minh Thái Tổ. Quan Trấn thủ ở biên giới phía Bắc là Hoàng Thạc cho trạm làm tờ tấu rằng: "Minh và Hán đánh nhau ở Bằng Tường thuộc Long Châu. Bọn Thạc nhân chuyện họ tranh nhau giành nước, thu về hơn 300 người".

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 12, ban chiếu cấm quân tuần phủ bắt giặc cướp ở các lộ. Ban chiếu cho các gia nô của vương hầu công chúa phải thích vào trán hàm mình được phong, không chịu thích, không khai sổ bị coi là trộm cướp. Nặng thì trị tội, nhẹ thì mất chức (xem chế độ nhà Trần, phàm là gia nô đều ghi lên trán chữ "Quan trung khách" gọi là quan nô. Chữ "Tọa thương nô" tức là người hầu cận vua, còn lại đều không thích chữ gì. Thời Minh Dụ gia nô của vương hầu công chúa phần nhiều bỏ trốn làm trộm cướp cho nên bắt phải thích chữ).

<29b> Tân Sửu, [Đại Trị] năm thứ 4 [1361] (Nguyên Chí Chính năm thứ 21). Mùa xuân, tháng Giêng, sao Chổi mọc ở hướng đông bắc, vua tránh không ngự chính điện.

Tháng 2, Minh Thái Tổ đánh Giang Châu, Trần Hữu Lạng lui về giữ Vũ Xương, sai người (sang ta) xin quân, vua không cho.

Tháng 3, giặc cỏ Chiêm Thành vượt biển đánh cướp cửa biển Di Lý[1], quân của bản phủ đánh tan được.

Mùa hạ, tháng 5, cho Phạm A Song làm Tri phủ phủ Lâm Bình (tức Di Lý).

Mùa thu, tháng 7, Tạ Lai phạm tội bị giết chết. Lúc bấy giờ vua ngủ ngày ở nhà Lương Phong, chỉ có mình Ngự thư hỏa Tạ Lai đứng hầu, chung quanh không có ai. Lai rút gươm ra xem, vua chợt tỉnh, sai đem chém ngay.

Nhâm Dần [Đại Trị] năm thứ 5 [1362] (Nguyên Chí Chính năm thứ 22, mùa xuân, tháng Giêng, ra lệnh cho các nhà Vương hầu, công chúa hiến các trò chơi. Vua duyệt trò nào hay nhất sẽ được thưởng. Trước đây khi đánh Toa Đô, bắt được người hát hay là Lý Nguyên Cát. Bọn trẻ tuổi con các nhà thế gia theo tập hát điệu phương Bắc, Lý Nguyên Cát **<30a>** sáng tác các vở tuồng truyện cổ như Tây Vương Mẫu dâng bàn đào. Trong tuồng đó có nhân vật là Quan Nhân, Chu Tử, Đán Nương, Câu Nô cộng tất cả là 12 người, mặc áo gấm, áo thêu, đánh trống, thổi sáo, đánh đàn, gõ phím đàn, thay đổi nhau diễn, cảm động lòng người, lúc vui, lúc buồn, tùy cảnh theo truyện. Nước ta có tuồng bắt đầu từ đó.

Vua lại tập hợp số người nhà giàu có trong thiên hạ như ở Đình Bảng[2] thuộc Bắc Giang, làng Nga Đình thuộc Quốc Oai[3] vào cung đánh bạc làm vui. Một lần đặt là 300 quan, ba lần đã gần nghìn quan rồi. Lại ban lệnh cho tư nô cày 1 mẫu ở bờ bắc sông Tô Lịch trồng hành tỏi rau dưa, đem bán, phường đó gọi là "Toán viên" (vườn Tỏi). Làm quạt cũng đem bán như vậy. (Xét chế độ nhạc vũ nhà Trần xướng xuất là vài chục người con trai đều cởi trần đóng khố", lượn vòng rồi hát, lúc đi một người giơ tay thì hơn chục người cùng giơ tay, buông tay cũng như vậy. Hát có Trang Chu mộng điệp, Bạch Nhạc thiên mẫu biệt tử, Vi Sinh

---

[1] Cửa biển Di Lý: Ở xã Lý Hoà, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[2] Đình Bảng: Nay thuộc Bắc Ninh.

[3] Quốc Oai: Nay thuộc Hà Nội.

Ngọc Túc, than thở về thời thế thực đau thương. Khi yến hội ở điện Tập Hiền, trai tài **<30b>** gái sắc mỗi bên mười người đều ngồi dưới đất. Lại có các loại đàn sáo, mỗi lần có tiệc lớn, trên điện có nhạc nổi lên, nhạc khí và người ở dưới giải vũ, đều không thể thấy. Mỗi lần chuốc rượu thì lại hô lớn, nhạc cử lên, ở dưới lại giơ theo. Những khúc nhạc đó là Giáng hoàng long, Nhập hoàng đô, Án giao trì, Nhất thanh phong, âm điệu đều gần với cổ, nhưng lại êm ái. Nhà Trần cho như thế là văn minh. Khúc ca nhạc đó truyền đi, điệu nào điệu ấy đều có thể chế chứ chẳng phải từ nước Nguyên đem lại, sau đó có truyện kịch).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Minh Tông lấy việc làm giàu từ sự keo kiệt để răn con. Còn Dụ Tông lại công nhiên gọi sòng bạc để mưu kiếm tiền, bán rau để kiếm lời, những lời cỏ rác còn chẳng nề hà vẫn coi là hành động của quý nhân, huống là sự chỉ bảo tinh vi. Như thế có thể nối nghiệp để giữ nền trị bình chăng? Dụ Tông bị bệnh liệt dương không có con, lại giữ ngôi báu của tổ tông mà không sớm lo người hiền kế cận để giữ cho mình vẫn cứ lao vào cái lợi nhỏ mọn, đem giang sơn cẩm, tú, kim thành thang trì bỗng chốc đổ vào <31a> những đứa con phường trò họ Dương; những đồng tiền đánh bạc ở Nga Đình, Đình Bàng; vườn tỏi, chiếc quạt với giá rất hậu, kết cục cũng chẳng làm gì. Xem thế thì tây viên của Hán Kinh Đế*[1] *cũng chưa quá đáng!*

Tháng 2, sao Chổi mọc ở phương Bắc.

Tháng 3, Chiêm Thành cướp phá Hóa Châu.

Mùa hạ, tháng 4, sai Đỗ Tử Bình định bổ quân ở Lâm Bình, Thuận Hóa và sửa xong thành Hóa Châu.

Tháng 5, sét đánh điện Thiên An.

Từ tháng 5 đến mùa thu, tháng 7 hạn. Soát lại tù nhân. Được mưa to, ban chiếu miễn một nửa tô thuế năm đó cho thiên hạ.

Tháng 8, cho Hành khiển Phạm Sư Mạnh làm Tri Khu Mật viện sự.

Đói to. Ban chiếu cho các nhà giàu dâng thóc phát chẩn cho dân nghèo. Ban tước theo những thứ bậc khác nhau.

Tháng 9, vua đến phủ Thiên Trường. Dân có ai đau ốm, cho thuốc công và tiền gạo nhiều ít khác nhau (thuốc có tên gọi là *"Hồng ngọc*

[1] Ý chỉ vườn Thượng Lâm nơi nuôi thú của Hán Vũ Đế.

sương hoàn" có thể trị được bách bệnh. Người nghèo đến cho 2 viên thuốc, 1 mạch tiền, 2 thăng gạo).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Hạn hán thì miễn một nửa tô; đói thì khuyên nhà giàu* ***<31a>*** *bỏ gạo ra để phát chẩn; người nghèo ốm đau thì cho thuốc, cho tiền, cho gạo. Như thế không thể là không để ý đến dân. Dụ Tông có thể coi là thiện đấy. Nhưng dân càng ngày càng cùng khổ, mà không cứu nổi sự loạn lạc diệt vong là tại sao? Trong khoảng 8 năm hạn lụt liên tiếp, ruộng thấp thì nước đọng, ruộng cao thì cỏ mọc. Người giàu thì không thể cày bừa, người nghèo thì không ai thuê mướn, chính sách cứu đói thì mờ mịt, chỉ trông vào thóc thừa của nhà giàu thì được là bao. Huống hồ Dụ Tông có lòng lo cho dân nhưng vừa hé ra lại khép lại ngay. Nào là cung điện vườn ao, vìcái vui làm mất cái lo, tìm bắt chim quý, thú lạ ở khắp nơi, chuyên chở cá tôm nước mặn nặng nề, đắp núi đào sông ngày đêm không nghỉ. Chuyển đá, chở quế ngoài đường liên miên, người dân sống sót đến tấm cám cũng chẳng chê, thế mà làm kiệt sức người sức của để phụng sự thói xa xỉ của một người. Như thế mà muốn dân không cùng, nước không loạn thì có được không? Người khéo nuôi dân là phải ít phu dịch cho sức dân được thư thái,* ***<32a>*** *nhẹ thuế khóa cho của dân được dồi dào, tích trữ nhiều để phòng khi đói kém, thế thì dân mới "vui vẻ yên ổn". Chẳng may gặp thiên tai cũng không đến nỗi kéo dài chết đói. Thời vua Nghiêu, vua Thang thì đã hơn rồi, còn kho Thường bình, kho Nghị thượng của thời Hán Đường cũng đều như thế đấy. Dụ Tông thì sao đủ nói là làm những việc như thế được.*

Mùa đông, tháng 10, núi Thiên Kiện[1] lở.

Tháng 12, cho Đỗ Tử Bình làm Đồng tri môn hạ.

Quý Mão, [Đại Trị] năm thứ 6 [1363] (Nguyên Chí Chính năm thứ 22, mùa xuân, tháng 2, ban chiếu tuyển dân binh để bổ sung vào quân của các lộ.

Tháng 3, thi học trò bằng văn học, để lấy người bổ sung vào quán các[2]. Thi lại viên bằng viết chữ để bổ sung làm thuộc viện các sảnh viện.

---

[1] Núi Thiên Kiện: Nay thuộc địa phận tỉnh Hà Nam.

[2] Quán các: CM chú: **"Theo quan chức chế"** trong **Lịch triều hiến chương loại chí** thì quán các là những cơ quan trọng yếu của nhà nước phong kiến như lục bộ (bộ Lại, bộ Binh, bộ Lễ, bộ Hình, bộ Công, bộ Hộ) và Tôn Chính phủ (tức là Tôn Nhân phủ trông coi việc thuộc về hoàng tộc) CM. Tập VI. NXB Văn sử Địa Hà Nội. năm 1958, tr 55.

Truy tặng Thiếu bảo Hán Siêu làm Thái phó.

Mùa hạ, tháng 5, trả lại chức tước cũ cho Trâu Canh.

Tháng 6, tịch thu gia sản của chủ trại Đại Lai là Ngô Dẫn (trước kia thời Minh Tông cha Dẫn <32b>lấy được viên ngọc rất lớn đem đến Vân Đồn, các thuyền buôn xô nhau mua. Một chủ thuyền buôn muốn được của lạ đó, bèn dốc hết tài sản để mua. Dẫn nhờ đó giàu có. Minh Tông đem công chúa Nguyệt Sơn gả cho. Dẫn cậy mình giàu có lấy vợ lẽ và ở với vợ lẽ, lại có lời nói khinh công chúa. Công chúa tâu lên, vua tha tội chết cho Dẫn, nhưng tịch thu gia sản).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Minh Tông dạy các con rằng kinh doanh để làm giàu không bằng tán tài cho nghèo đi. Bỗng chốc hâm mộ sự giàu có của một gian thương mà gả con gái yêu của mình cho kẻ khác loài, cái gọi là: dạy bằng lời nói thì phải biện luận phải trái là như thế chăng?*

Dụ Tông đặt sòng bạc để dụ kẻ giàu, tự mình tưới vườn để cầu giá đắt, vẫn lo mình chưa giàu cho nên nhân việc Ngô Dẫn mắc lỗi nhỏ mà tịch thu gia sản, chí ham của được thỏa mãn đấy nhưng không biết dùng để làm gì? Như thế cũng đủ để răn kẻ quý vật lạ và chất chứa nhiều của cải làm giàu.

Mùa đông, tháng 10, khởi công làm nhiều công việc thợ mộc đào ao ở vườn Ngự uyển trong hậu cung; chất đá làm núi ở giữa ao, 4 mặt đều mở đường sông chảy thông với nhau. Trên bờ ao trồng tùng, trúc và các loại cây cùng hoa quý cỏ lạ <33a>. Lại nuôi nhiều chim quý, thú lạ ở trong vườn. Phía Tây ao trồng hai cây quế, dựng điện Song Quế đặt tên điện là Lạc Thanh, đặt tên hồ là hồ Lạc Thanh. Lại làm một hồ nhỏ khác, sai người ở Hải Đông chở nước mặn chứa vào đó, rồi lấy các con vật ở biển như đồi mồi cá, ba ba đến nuôi ở trong hồ, lại sai người Hóa Châu chở cá sấu thả vào đấy. Lại đào hồ Thanh Ngư để thả cá diếc. Đặt chức khách đô để trông coi.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Hoa, đá, cầm thú thịnh như thời Tống Huy Tông, cho đến việc chứa nước mặn để nuôi cá sấu càng là tư tưởng lạ lùng. Tùy Dạng Đế có biển cũng không có cái thú thật sự đấy. Có thể nói là vui mà quên chết. Giả sử chuyển cái trí tuệ khôn khéo ấy để trị nước thì làm gì phải lo đến sự bại vong?*

Giáp Thìn, [Đại Trị] năm thứ 7[1] [1364]. (Nguyên Chí Chính năm

[1] Nguyên bản chữ Hán in năm thứ 4, có lẽ là năm thứ 7 mới đúng.

thứ 24), mùa xuân, tháng 2, dựng khách lang[1] tây điện thẳng đến <33b>cửa Quảng Phúc.

Mùa hạ, tháng 4, thưởng cho Bùi Khoan tước Nhị tư. Khoan là quan chính trưởng phụng ngự ở cung Vĩnh Yên, vua vời cho uống rượu, Khoan làm kế giả uống hết 100 thăng cho nên thưởng Nhị tư.

Tháng 5, vua có bệnh, khi ấy nhân vua hóng gió xem trăng uống rượu quá say tự xuống sông tắm thế là bị bệnh, sai các quan thầy thuốc là bọn Trâu Canh ngày đêm trực hầu thuốc thang. Mùa thu, tháng 7, vua khỏi bệnh.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Hoàng tổ đã dạy: "Nội tác sắc hoang, ngoại tác cầm hoang. Cam tửu thị âm, tuấn vũ điêu tường. Hữu nhất vua thử, vị hoặc bất vương.*

Nghĩa là:

Trong thì mê gái đẹp, ngoài thì mê săn bắn. Thích rượu, ham âm nhạc. Làm nhà cao, đắp tường đẹp. Phạm một điều trong 4 điều này. Chưa từng ai không bị diệt vong. Tuy may mà được chết yên lành, nhưng mình làm những việc làm đáng mất nước, để lại sự răn đe cho nghìn đời. Đương thời thân vương tốt như Trang Định, Cung Tuyên, triều thần giỏi <34a> như Sư Mạnh, Bá Quát không biết thốt ra lời để ngăn lại, ngồi mà nhìn vua thất đức, không cứu vớt cái tai họa theo sau là tại sao vậy ? Đó chẳng phải là chỉ ngăn chặn những mầm mống chứ không muốn phạm vào cái nhục can ngăn rõ ràng, nên như thế chăng? Mạnh Tử bàn về cái khó khăn của người cùng họ và người khác họ, hai bậc ấy không thể từ chối về trách nhiệm của mình đấy.

Tháng 8, tuyển hoàng nam trong nước, định ra 3 hạng quân ngũ, sắm sửa chiến thuyền, vũ khí để phòng việc biên giới.

Mùa đông, tháng 10, Cung Túc vương là Nguyên Dục mất.

Ất Tỵ, [Đại Trị] năm thứ 8 [1365] (Nguyên Chí Chính năm thứ 25), mùa xuân, tháng Giêng, Chiêm Thành cướp phá ở biên giới Hóa Châu. Trước kia theo tục của Hóa Châu, hàng năm cứ đến mùa xuân, tháng Giêng, con trai con gái họp lại đánh đu ở Bà Dương. Người Chiêm Thành đã ngầm phục từ tháng chạp năm trước ở đầu nguồn của Châu, để ngày hội ập đến cướp người chơi xuân đem về.

---

[1] Khách lang: Nhà hành lang.

Mùa đông, tháng 11, ban chiếu cho các quân sơn liêu(1) ở Lạng Giang trấn thủ biên phòng, vì đất phía Bắc loạn. Minh Hán tranh giành nhau(2). Đặt đồn ở Nam Ninh, Long Châu. Cho nên phải phòng bị nghiêm ngặt.

Khi đó người Thanh Hóa là Thiều Thốn làm Phòng Ngự sứ Lạng Giang, thống lĩnh quân Lạng Giang, đóng đồn ở Đông Bình Giang khéo vỗ về quân sĩ, quân nhân vui vẻ. Sau vì em trai kiêu ngạo bị truất bỏ, ông bị liên lụy mất chức. Trong quân đặt ra câu rằng: "Trời biến nỗi oan, ông Thiều được làm quan". Không được bao lâu thì mất.

> ***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Thiều Thốn là một viên tướng ở biên trấn, ông mất quan, mất chức cho đến khi được quan, trong quân ban đầu thì tiếc, tiếp đó thì nhớ rồi lại mừng. Được lòng người sao mà lâu thế! Chừng khi ông ở trong quân, một dạ vỗ về, gồm việc gì cũng dễ dãi, có ơn huệ như người che khi nắng, ủ khi lạnh, không kiêu ngạo, lúc khó nhọc che chở, khéo vỗ về quân sĩ* **<35a>** *như nhà viết sử đã khen. Trong quân vui vẻ về sự rộng rãi của ông đã lâu có thể không tiếc lúc ông đi, mà buồn lúc ông về chăng? Một lỗi nhỏ không che nổi đạo đức lớn! Có cái mừng là cùng trong hàng ngũ, không có cái khổ bắt ta phải lo buồn. Có lẽ là mừng được ý nguyện của ta mà quy cho trời, đấy là điều đáng chú trọng ở 3 bài ca đấy. Ôi! Là viên tướng nhỏ mà còn như thế nếu thống lĩnh ba quân mà làm Đại tướng thì như thế nào? Nếu được trấn giữ các thành mà chăn dắt dân thì sẽ ra sao ? Thế mới biết không gì mạnh hơn lòng người, có thể lấy lòng thành thực mà cảm hoá, không có cơ tâm nhòm ngó con chim muông. Trong lòng đức tin có thể thấu đến con lợn con cá. Chỉ sợ ta không có lòng thành nhất mực đấy thôi. Người quân tử xem việc của Thiều Thốn thì biết được cái đạo nuôi dân.*

Minh Từ Hoàng Thái phi Lê Thị mất, Minh Từ là mẹ đẻ của Nghệ Tông. Minh Từ và Hiến Từ cùng mẹ, là con gái của Nguyễn Thánh Huấn gả cho người họ Lê rồi sinh ra.

<35b> Bính Ngọ, [Đại Trị] năm thứ 9 [1366] (Nguyên Chí Chính năm thứ 26), mùa xuân, tháng Giêng, sai Tả bộc sạ là Tăng Khoan; Hữu bộc sạ là Lê Quát, duyệt định sổ đinh của Thanh Hóa (Quát là người

(1) Sơn liêu: Chỉ các dân tộc miền núi.

(2) Minh Hán tranh giành nhau: Tức Trần Hữu Lạng và Minh Thái Tổ.

Thanh Hóa, lúc ít tuổi đi học ở kinh sư. Bạn của ông đi sang sứ Yên Kinh, Quát tiễn bạn có làm thơ rằng:

"Dịch lộ tam thiên quân cứ an,
Hải môn thập nhị ngã hoàn san.
Trung triều sứ giả yên ba khách,
Quân đắc công danh ngã đắc nhàn".

Dịch nghĩa:

Ba ngàn dặm đường trạm anh lên ngựa.
Mười hai cửa biển tôi về ngàn.
Kẻ sang sứ ở Trung triều, người làm khách nơi mây nước,
Anh được công danh tôi được nhàn.

Người hiểu biết cho rằng Quát sắp được quý hiển. Quả nhiên sau ông đỗ làm quan còn hơn cả bạn ông.

Tháng 3, giặc Chiêm Thành sang cướp phá phủ Lâm Bình, quan phủ Phạm A Song đánh bại giặc. Song được nhận chức Đại Tri phủ Lâm Bình, hành quân thủ ngự sứ.

Mùa hạ, tháng 4, ban chiếu cho An phủ sứ các lộ phải thu bắt bọn giặc cướp.

Tháng 6, vua đến chơi hương Mễ Sở. Mễ Sở là nơi ở của Thiếu uý Trần Ngô Lang. Vua đi thuyền nhỏ đến nhà ông, đến canh ba mới vềkinh. Thuyền đi đến sông Chử Gia(1) bị mất trộm ấn báu và kiếm báu. Vua tự biết mình không sống lâu, lại càng thả sức chơi bời <36a>. Năm ấy nhà Hán mất(2).

Đinh Mùi, [Đại Trị] năm thứ 10 [1367] (Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương Hồng Vũ năm thứ 1)(3), mùa xuân, tháng Giêng, sao Chổi mọc ở khoảng sao Mão.

Tháng 2, Chiêm Thành sai Mục Bà Ma sang xin trả lại biên giới Hóa Châu. Tháng 3, làm hành lang dài từ gác Nguyên Huyền kéo thẳng đến Đại Triều phía Tây (làm chỗ che mưa nắng cho quan tiến triều).

Mùa hạ, tháng 4, quân của bọn Trần Thế Hưng kéo đến Chiêm Động(4), quân mai phục của người Chiêm nổi lên, quân ta tan vỡ. Thế

(1) Sông Chử Gia: Tức khúc sông ở bãi Chử Xá thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

(2) "Năm ấy nhà Nguyên mất" mới phải.

(3) ĐVSKTT chép là Nguyên Chí Chính năm thứ 27.

(4) Chiêm Động: Thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ).

Hưng bị giặc bắt được. Tử Bình đem quân về.

Minh Thái Tổ lên ngôi vua ở Kim Lăng, đặt niên hiệu là Hồng Vũ. Sai Địch Tế Dân sang thăm nước ta.

Mùa thu, tháng 8, sai Thị Lang bộ Lễ Đào Văn Đích sang nước Minh đáp lễ.

Mùa đông, tháng 10, triệu đạo sĩ Chí Linh là Huyền Vân vào cửa khuyết để hỏi về phép tu luyện. Gọi tên động ông là động Huyền Thiên.

Kỷ Dậu, [Đại Trị] năm thứ 12 [1369] (từ tháng 6 trở đi là Dương Nhật Lễ Đại Định năm thứ 1, Minh Hồng Vũ năm thứ 2), mùa hạ, tháng 4, ngày 1, nhật thực.

<36b> Ngày 25 vua băng ở tẩm điện, miếu hiệu là Dụ Tông.

Ngày 10, tháng 6, mưa to gió lớn.

Kiến Từ Hoàng Thái hậu cho con thứ Cung Túc Đại vương Dục là Nhật Lễ lên ngôi vua, đổi niên hiệu là Đại Định.

Nhật Lễ là con người phường chèo tên là Dương Khương. Mẹ Nhật Lễ gọi là Vương Mẫu, lúc diễn trò (có truyện "Vương Mẫu hiến bàn đào", mẹ Nhật Lễ đóng là Vương Mẫu, do đấy lấy làm hiệu), đang có thai, Dục thích sắc đẹp của nàng nên lấy về, đến khi sinh cho là con của mình. Đến khi ấy vua băng, không có con nối ngôi, Thái hậu bảo quần thần rằng: "Dục là con đích trưởng không được làm vua lại mất sớm, Nhật Lễ không phải là con của Dục hay sao? Thế là sai người đón về lập làm vua, truy tôn Dục làm Hoàng Thái bá.

> ***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:*** *Dụ Tông vì đắm thuyền mắc bệnh, há lại chẳng biết mình không có con nối ngôi sao? Nhật Lễ là con của người phường chèo họ Dương há lại không biết không phải là con của Dục sao? Huống chi các con của Minh Tông đều có tài nghệ. Nếu nghĩ rằng xã tắc là quan trọng thì chọn người có tài đức để lập làm con nối ngôi* ***<37a>*** *để yên lòng trông mong của thiên hạ, gốc của nước vững vàng đấy, Dụ Tông đã không làm được như vậy, đến khi mắc bệnh lại không mưu tính cùng Thái hoàng đặt kế cho xã tắc, lại ban chiếu cho Nhật Lễ nối dòng để làm tuyệt dòng dõi của mình. Sau khi mình đã mất thì tai họa lây đến Thái hoàng và Thái tổ. Nếu không có Nghệ Tông và các tôn thất thì nhà nước đã chẳng phải của nhà Trần nữa. Vua biết tôn trọng thầy dạy mà không biết bàn việc nước với thầy. Cho nên người hiền không nên chỉ để làm vì. Chu An bỏ đi, không có ai*

nói cho đạo tốt đẹp, như câu người ta thường nói: "Không tin bậc nhân hiền thì nước trống rỗng như không có người vậy".

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Dụ Tông tuổi trẻ bị bệnh liệt dương, lúc già lại vì tắm sông mà mang bệnh, vốn là cái điềm không có con. Ở ngôi 20 năm, hơn 30 tuổi, chỉ biết có yến tiệc, chơi bời, vơ vét, không lo đến căn bản của nước. Có con nối dõi hay không <37b> người dòng họ có ai đáng lập hay không? Cũng mơ màng không biết. Bản cũ chép: Đến ngày sắp mất, vì không có con nối dõi, ban chiếu rước Nhật Lễ nối ngôi chỉ là lời phỏng đoán đấy thôi! Không nghe Nhật Lễ lên ngôi là do mệnh của Hiến Từ, chứ làm gì có di chiếu của Dụ Tông? Nghệ Tông và bọn Nguyên Trác đều là bậc Tướng quốc thân vương giữa lúc vua mất, con nối ngôi chưa định, mẫu hậu không biết chọn lập, người giỏi trong các thân vương chỉ bo bo tránh sự hiềm khích, không nghe có sự đem việc có nên chọn người lập lên hay không, tâu lên Thái hậu. Hiến Từ là đàn bà một mình giải quyết việc ấy. Thử hỏi rằng: theo lệ Cung Túc là đích trưởng mà không được lập, không biết rằng vì Cung Túc là người điên cuồng. Cho nên Minh Tông không trao ngôi cho, thế mà cứ muốn dành riêng cho con Cung Túc, khiến cho kẻ phường chèo không phải nòi giống, giả mạo mà được có nước thì còn gì tối tăm lệch lạc hơn nữa. Chẳng bao lâu Hiến Từ bị giết, Nguyên Trác bị hại, Nghệ Tông đơn thân bỏ nước, chỉ lo giữ mình. Nhà Trần chưa mất <38a> có lẽ là do trời đấy. Nhà làm sử khen Hiến Từ ví là Nghiêu Thuấn thời cổ trong giới nữ. Còn Nghệ Tông và các tôn thất khác thì không trách đến, há phải là lời bàn đích đáng sao!*

Mùa thu, tháng 8, Nhật Lễ tôn Hiến Từ Hoàng Thái hậu là Hiến Từ Tuyên Thánh Thái Hoàng Thái hậu; Nghị Thánh Hoàng hậu là Huy Từ Tá Thánh Hoàng Thái hậu.

Lấy con gái Cung Định vương Trần làm Hoàng hậu.

Mùa đông, tháng 11, mai táng Dụ Tông ở Phụ Lăng.

Vua minh sai Ngưu Lạng, Trương Dĩ Ninh đem ấn sắc sang, chưa có mệnh phong sách, đến khi ấy mới đưa đến thì Dụ Tông đã mất đành trở về. Dĩ Ninh bị ốm mất ở dọc đường, Lạng có thơ viếng Dụ Tông rằng:

"Nam phục thương sinh điện chẩm an,
Long Biên khai quốc không chư man.

Bao mao sạ hỷ thông vương cống,
Gối lộ Ninh kỳ biệt thứ quan.
Đan chiếu viễn ban kim ấn trọng,
Hoàng trường tân bế ngọc y hàn.
Thương tâm tối thị thiên triều sứ,
Dục kiến vô do lệ mãn an".

Dịch nghĩa:

Dân cõi An Nam được trị an,
Long Biên mở nước giữ người Man.
Vừa mừng lễ vật sang dâng cống,
Bi ca đâu nỡ bỏ các quan.
Chiếu báu ấn vàng xa ban xuống,
Chén vàng áo ngọc đã lìa trần.
Sứ thần là kẻ thương tâm nhất,
Không thấy dung nhan huống lệ tràn.

Cung Định vương Phủ tiễn bọn Lạng có thơ rằng:

An Nam Tể tướng bất năng thi,
Không bả trà âu tống khách quy.
Viên Tản Sơn thanh Lô thủy bích,
Tùy phong trực nhập ngũ vân phi.

Dịch nghĩa:

An Nam Tể tướng thơ kém hay,
Tiễn khách bình trà lễ mọn này.
Non Tản xanh, Sông Lô nước biếc,
Gửi qua làn gió, bay theo mây.

Lạng bảo rằng Phủ tất có nước (làm vua). Quả đúng như lời nói.

Nhật Lễ phong Hữu Tướng quốc Nguyên Trác làm Thượng **<38b>** Tướng quốc thái tể.

Tháng 12, Nhật Lễ giết Hiến Từ Tuyên Thánh Thái Hoàng Thái hậu ở trong cung. Thái hậu bản tính nhân hậu. Trước kia Minh Tông ngự ở bắc cung, có người canh cửa bắt được ở giếng Nghiêu Quang 1 con cá bống, trong miệng ngậm 1 vật, moi ra có các chữ tên húy của "Dụ Tông, Cung Túc, Thiên Ninh" đều là lời bùa yểm, Thái hậu ngầm hỏi biết được người mua cá là Thứ phi Triều Mộng, do Thứ phi của Cung Tĩnh vương

Nguyên Trác sinh ra. Minh Tông muốn trị đến cùng, Thái hậu xin thôi không hỏi đến. Đến khi Minh Tông băng, Tướng quân Trần Tông Hoắc đem việc này tố cáo với Dụ Tông, Thái úy suýt bị hại (Thái úy tức Cung Tĩnh vương, được phong năm Thiệu Phong thứ 2), Thái hậu hết sức cứu mới thoát được. Đương thời khen Thái hậu là trọn đạo làm mẹ. Tuy phận con đích, con thứ không giống nhau, nhưng lòng nhân từ không khác nhau, để cho ân nghĩa của anh em, cha con, vua tôi không thiếu sót chút nào, thật là từ xưa tới nay chưa hề có. Thái hậu thường hối hận về việc lập Nhật Lễ, Nhật Lễ ngầm bỏ thuốc độc giết chết bà.

HẾT QUYỂN VII BẢN KỶ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

BẢN KỶ

QUYỂN VIII

NGHỆ TÔNG HOÀNG ĐẾ

<1a> (Vua tên húy là Phủ, con thứ 3 của Minh Tông, mẹ đích là Hiến Từ Tuyên Thánh Thái Hoàng Thái hậu, mẹ đẻ là Minh Từ Hoàng Thái phi, ở ngôi 3 năm, nhường ngôi 27 năm, thọ 74 tuổi. Vua dẹp yên nội loạn, khôi phục cơ đồ; trung hưng cơ nghiệp, rạng rỡ đất trời, tính tình điềm đạm, không coi việc được lên ngôi vua làm vui. Cũng là bậc vua hiền cuối thời nhà Trần. Chỉ tiếc là lòng nhân từ có thừa, mà tính cương quyết không đủ. Giặc bên ngoài xâm lấn kinh kỳ, gian thần bên trong nhòm ngó ngôi báu, cơ nghiệp nhà Trần ngày một mòn mỏi cho đến lúc mất).

Phụ: HÔN ĐỨC CÔNG DƯƠNG NHẬT LỄ 1 NĂM

Canh Tuất, [Thiệu Khánh] năm thứ 1 [1370], tháng giêng trở về trước là Dương Nhật Lễ năm Đại Định thứ 2 (Minh Tông Vũ năm thứ 3),mùa xuân, tháng Giêng, vua nhà Minh sai đạo sĩ là Diên Nguyên Phục đến tế thần ở núi Tản Viên và các thủy thần ở Sông Lô. Vua thân làm bài văn tế. Nguyên Phục vào đô thành làm lễ, khắc đá để ghi việc này. Sau đó từ biệt <1b> ra về.

Nhật Lễ đã tiếm ngôi, rượu chè dâm dật, hàng ngày chơi bời, thích chơi các trò, muốn đổi lại họ Dương, tôn thất và trăm quan đều thất vọng.

Mùa thu, tháng 9, Thái tể Nguyên Trác và con là bọn Nguyên Tiết giết Nhật Lễ không được, bị giết chết. Cha con Nguyên Trác và hai con của công chúa Thiên Ninh đang đêm đưa những người tôn thất vào thành giết Nhật Lễ. Nhật Lễ vượt tường nấp ở dưới cầu mới, mọi người tìm không được bèn tản ra về. Trời gần sáng, Nhật Lễ vào cung, cho người đi bắt những người chủ mưu, cộng 18 người. Bọn Nguyên Trác đều bị giết hại.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Nhật Lễ tiếm ngôi trời, là người tôn thất, há lại có thể ngồi trông để cho xã tắc chuyển sang họ khác được ư? Giữa lúc đó Nhật Lễ có tội giết Thái hậu, tiếc rằng những đại thần, tôn thất không biết vạch tội của nó ra mà giết đi* ***<2a>****, mưu kế vụng về sơ hở lại bị nó giết hại. Đáng thương thay.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Nguyên Trác và Nghệ Tông đều là con của Minh Tông. Dụ Tông không có con, Hiến từ đều không có ý chọn người lập lên mà cứ bo bo muốn vun đắp cho Nhật Lễ làm con đích. Nguyên Trác và Nghệ Tông ở vào thế hiềm nghi, mà mẫu hậu làm chủ kế hoạch xã tắc, dám nói ra điều khác thì Nguyên Trác và Nghệ Tông ngậm miệng không dám nói, cũng bị níu tay mà không hành động được. Đến khi ấy, Hiến từ đã mất, tội ác của Nhật Lễ đã rõ ràng rồi, mới tập hợp đồng minh trong tôn thất mưu giết Nhật Lễ ở trong cung cấm, rồi sau mới kể rõ tội ác của nó. Có lẽ chưa lường được lòng người, theo họ Lưu hay theo họ Lữ, cho nên chưa dám hành động đàng hoàng, trong lòng cũng thật đau khổ đấy. Tên hung thủ lọt lưới mà người trung nghĩa bị tội chỉ vì sự báo ứng về thiện ác đến hơi chậm, nhưng cũng không vì thế mà che lấp đại nghĩa.*

<2b> Mùa đông, tháng 10, Cung Định vương Phủ chạy đến Đà Giang. Vương có con gái là Hoàng hậu của Nhật Lễ sợ tai họa đến mình tránh ra ở trấn Đà Giang (tức là Gia Hưng) lánh nạn, ngầm hẹn với các em là Cung Tuyên vương Kính Chương, Túc Quốc thượng hầu Nguyên Đán, và Thiên Ninh công chúa Ngọc Tha họp nhau ở sông Đại Lại[1] phủ Thanh Hóa để dấy binh. Khi ấy Nhật Lễ dùng thiếu uý Trần Ngô Lang làm việc. Ngô Lang cùng mưu với Cung Định vương, mãi khi sai quân tướng đi đánh bắt, thì ngầm bảo đi theo Cung Định vương chớ về. Nhiều lần sai các quân Nam Bắc không một người nào trở về. Ngô Lang xin đi,

[1] Sông Đại Lại: Tức chi lưu Sông mã thuộc địa phận Thanh Hóa.

[Nhật Lễ] không cho. Trước kia Cung Định vương vốn không có ý lấy nước, công chúa Thiên Ninh bảo rằng: "Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông sao lại bỏ nước cho người khác, ông nên đi, tôi sẽ đem bọn gia nô dẹp yên được". Chi hậu nội nhân phó Nguyễn Nhiên biết là Nhật Lễ muốn hại Cung Định vương, cũng khuyên Vương nên sớm thấy cơ mà tránh. Ý Cung Định vương mới quyết (khi Phủ đi, làm bài thơ gửi cho em là Kính). Thơ rằng:

Vị cực sàm thâm tiện khứ quan,
Trắc thân, độ lĩnh, nhập sơn man.
Thất lăng hồi thủ thiên hàng lệ,
Vạn lý lương tâm <3a> lưỡng mấn ban.
Khử Võ đồ tồn Đường xã tắc,
An Lưu phục đổ Hán y quan.
Minh Tông sự nghiệp quân tu ký,
Khôi phục Thần kinh chi nhật hoàn".

Dịch nghĩa:

Ngôi lớn gièm nhiều ở làm chi?
Lánh thân vượt núi, đến man di.
Bảy lăng[1] ngoảnh lại châu tuôn ứa,
Muôn dặm đau lòng tóc bạc đi.
Trừ Võ[2] cho yên Đường xã tắc,
An Lưu[3] phục lại Hán quan y.
Minh Tông sự nghiệp em nên nhớ,
Thu phục Thần kinh nhất định về.

Người bấy giờ cho bài thơ ấy là lời sấm. Đến khi lên ngôi, vua muốn trả ơn cho Nguyễn Nhiên nên cho Nhiên làm Hành khiển, thăng Tả Tham tri chính sự. Nhiên biết chữ không nhiều, khi phê giấy tờ, Nghệ Tông thường viết chữ bảo cho.

***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:** Nói cho vua biết để tránh nạn là ơn riêng, ban tước ở triều đình là việc công. Vua nghĩ đến ơn của*

---

[1] Bảy lăng: Tức 7 lăng của 7 vua nhà Trần là Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông, Anh Tông, Minh Tông, Hiến Tông và Dụ Tông.

[2] Trừ Võ: Tức là trừ họ Võ (Võ Tắc Thiên) bắt Võ Hậu phải trả lại ngôi cho Trang Tông và đổi lại quốc hiệu là Đường.

[3] Lưu: Tức họ Lưu Lữ Hậu (vợ Hán Cao Tổ) chiếm ngôi làm vua; sau Lữ Hậu chết. Chu Bột đem quân đánh giết bọn vây cánh họ Lữ, khôi phục nhà Hán tức họ Lưu.

Nguyễn Nhiên thì cho vàng lụa là được. Chức Hành khiển khi ấy cũng như chức Khanh đời Chu. Để giúp đỡ chính sự trong nước mà cho người không biết chữ làm, là không phải sự kén chọn công bằng đấy.

Tháng 11, Cung Định vương đem quân tiến về kinh thành phế truất Nhật Lễ, giết chết rồi lên ngôi Hoàng đế. Đổi niên hiệu. Đại xá cho thiên hạ. Trước đây vua vì thấy Nhật Lễ vô đạo, tránh nạn mà chạy ra. Trần Ngu Lang ngầm xin làm nội ứng. Tôn thất, bách quan lần lượt ra khỏi thành theo vua, khuyên vua sớm trở về nước để thanh trừ loạn trong nước, vua nghẹn ngào cảm tạ. Mọi người đều náo nức cầu xin định ngày lên đường **<3a>**. Khi quân tiến, tiếng hô xa gần vang trời.

Ngày 13, đến phủ Kiến Hưng hạ lệnh phế Nhật Lễ làm Hôn Đức công. Ngày 15, sắm lễ vật sai quan tế cáo các miếu nói: "Sự việc ngày hôm nay không phải ý của tôi nghĩ tới, vì việc của xã tắc không thể tránh được, trong lòng lo thẹn. Xin nhận ngôi tôn vinh để đền đáp chút chí nguyện sẵn có. Hôm ấy lên ngôi vua, đổi niên hiệu, đại xá, xưng là Nghĩa Hoàng. Quần thần dâng tôn hiệu là Thể Thiên Kiến Cực Thuần Hiếu Hoàng đế. Ban chiếu từ nay đồ dùng và xe đều dùng sơn đen, không được trang sức bằng vàng son châu báu.

Huệ Ý phu nhân mất ở Sông Hổ thuộc châu Trường An (ở phủ Kiến Hưng) truy phong là Thục Đức Hoàng hậu (vợ cả của vua).

Xe vua đi đến bến Chử Gia, quần thần đón mừng tung hô vạn tuế. Ngày 21, quân đóng ở Đông Bộ Đầu, Ngô Lang xin Nhật Lễ viết thư nhận tội, nhường ngôi rồi kéo nhau ra đón vua. Vua ôm lấy khóc lóc và an ủi rằng: **<4a>** "Không ngờ ngày nay sự thế như thế". Các tướng đều phẫn nộ vung kiếm thét lớn rằng: "Trời sai đánh kẻ có tội. Tên phạm tội kia sao còn được nói nhiều! Bệ hạ há nên vì lòng nhân từ bịn rịn mà bỏ nghĩa lớn sao?". Quát quân sĩ lôi (Nhật Lễ) ra, sai giam ở phòng Giang Khẩu. Nhật Lễ triệu Ngô Lang vào trong màn rồi nói dối: "Ta có hũ vàng giấu ở trong cung, ngươi hãy vào mà lấy". Ngô Lang quỳ xuống nghe lệnh, Nhật Lễ bóp cổ giết chết. Cháu Ngô Lang là Trần Thế Đô đem chuyện ấy tâu lên vua. Vua sai đánh chết Nhật Lễ và con nó là Liễu, truy tặng cho Ngô Lang chức Nhập nội Tư mã, đặt tên thụy là Trung Mẫn á vương. Vua đã về nước, thưởng phạt phân minh, dùng người hiền tài, chọn những trẻ con trai gái mồ côi của người tôn thất đưa hết về nuôi ở trong cung. Việc cưới xin, ma chay, cúng tế đều lấy của công cấp, quy định thành chế độ. Còn các việc như lệ cũ. Vua thường nói:

"Tiên triều dựng nước, tự có chế độ phép tắc, không theo chế độ nhà Tống, bởi lẽ phương Nam, phương Bắc đều có vua của nước mình, không phải theo nhau". Khoảng năm Đại Trị, kẻ học trò mặt trắng được dùng làm việc không thấu đạt được ý **<4b>** của sự lập pháp, đem phép cũ của tổ tông bày đặt theo tục ở phương Bắc. Như các loại quần áo nhạc chương không kể hết được. Cho nên chính sự buổi ban đầu việc gì cũng theo lệ cũ của đời Khai Thái.

Trị tội Trần Nhật Hạch làm nguy đến xã tắc. Nhật Hạch và Nhật Lễ đồng mưu khuyến khích việc giết người tôn thất, cho nên giết đi.

Quốc Tử Giám Tư nghiệp Chu An mất, tặng Văn Trinh công, cho được thờ phụ ở Văn Miếu. An tính cương trực trong sạch giữ tiết tháo, không cầu danh lợi hiển đạt, ở nhà đọc sách, học vấn tinh thông thuần thục gần xa ai cũng biết tiếng, nhiều người đến học. Thường thường có người được vào chính phủ như Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát đã làm đến chức Hành khiển cũng đều giữ lễ học trò, khi đến thăm hỏi vẫn lạy dưới giường, được chuyện trò vài câu là mừng lắm. Có điều gì không phải thì quở trách, thậm chí quát mắng không cho vào. Ông nghiêm nghị đáng sợ như thế. Minh Tông mời vào phong làm Tư nghiệp, dạy Thái tử họckinh. Dụ Tông ham chơi bài, lười làm chính sự, quyền thần nhiều người làm điều phi pháp. An can ngăn không được **<5a>** bèn dâng sớ xin chém 7 tên nịnh thần, đều là những người có quyền được vua yêu. Lúc bấy giờ người ta gọi là "Thất trảm sớ". Sớ dâng lên không được trả lời, ông bèn treo mũ về quê. Ông yêu cảnh núi Chí Linh, đến ở đấy. Khi nào có triều hội lớn mới đến cửa khuyết. Dụ Tông muốn uỷ thác chính sự cho ông, ông từ chối không nhận. Hiến Từ Thái Hoàng Thái hậu nói: "Ông ta là kẻ sĩ sửa mình trong trắng, Thiên tử còn không bắt làm bề tôi thì sao có thể đem chính sự mà giao cho được? " Vua sai nội thần đem áo ban cho, ông lạy tạ rồi lại cho người khác. Thiên hạ khen ông là có khí tiết cao thượng. Đến khi ấy, Dụ Tông băng, quốc thống gần như bị đứt, nghe tin quần thần rước vua về lập, ông mừng lắm bèn chống gậy đến bái yết, rồi lại xin về quê. Ông từ chối không nhận chức tước. Vua ban cho hậu lễ rồi đưa về. Không được bao lâu thì ông mất ở nhà. Vua sai quan dụ tế ban tên thuỵ, rồi có mệnh lệnh cho thờ phụ (Văn Miếu). (Lê Bá Quát vốn tên là Lê Quát, hiệu Mai Phong là học trò giỏi của Chu An, nhiều lần làm quan đến chức Thượng Thư hữu bật. Ông muốn làm sáng tỏ đạo thánh, bài trừ dị đoan nhưng cuối cùng không làm được. Ông từng làm văn bia ở chùa Thiệu Phúc, Bắc Giang. Bài văn như sau: "Nhà

Phật dùng họa phúc làm lay động lòng người, sao được người ta tin theo sâu sắc và bền vững đến thế". Trên từ vương công, dưới đến thứ dân hễ bố thí vào việc nhà Phật thì dù có hết tiền của cũng không đoái tiếc **<5b>**. Nếu ngày nay phó thác vào chùa tháp, thì cũng vui mừng sung sướng như giữ được bản khoán ước để lấy được sự báo đáp ngày sau. Cho nên trong từ kinh thành, ngoài đến châu phủ, cho đến thôn cùng ngõ hẻm không có lệnh mà vẫn theo, không ăn thề mà vẫn tin. Đâu có người ở thì đấy có chùa Phật, bỏ rồi lại lập, hỏng thì lại chữa, lầu, đài chuông trống chiếm gần phần nửa dân cư, dấy lên rất dễ dàng, tôn sùng rất mực. Ta khi còn nhỏ đọc sách chú ý khảo cứu xưa nay, cũng tạm hiểu được đạo của thánh nhân, để giáo hóa cho dân, nhưng rốt cuộc cũng chưa có nổi một lòng tin theo. Ta thường dạo xem sông núi, dấu chân tới nửa thiên hạ chưa tìm được học cung, văn miếu ở đâu. Vì thế ta rất lấy làm xấu hổ với tín đồ của nhà Phật. Bèn viết ra đây để tỏ lòng ta".

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Người hiền tài được dùng ở đời thường lo người làm vua không theo điều mình học được; người làm vua dùng người hiền tài thường sợ người hiền tài không theo ý mình. Cho nên vua tôi hợp nhau, từ xưa là điều khó. Những người Nho học nước Việt ta được dùng ở đời không phải là không nhiều. Nhưng có kẻ để chí ở công danh, có kẻ để chí ở giàu sang, kẻ hòa chung ánh sáng trong bụi đời, có kẻ hưởng lộc giữ mình. Nhưng chưa có người để chí đến đạo đức suy nghĩ giúp vua có đức tốt cho dân được nhờ ơn. Tô Hiến Thành thời Lý, Chu Văn Trinh thời Trần <6a>gần được như thế đấy. Nhưng Hiến Thành gặp được vua tốt nên công nghiệp xuất hiện đương thời. Văn Trinh không gặp được vua tốt nên chính học được thấy ở đời sau. Hãy lấy Văn Trinh mà nói, thờ vua thì nói thẳng trước mặt; khi ra làm quan, khi lui về thì giữ điều đứng đắn. Đào tạo nhân tài thì công khanh đều từ cửa ông mà ra, khí tiết cao thượng, Thiên tử không bắt làm bề tôi. Huống chi nét mặt nghiêm nghị mà đạo làm thầy được nghiêm; lời nói lẫm liệt làm kẻ nịnh phải sợ. Sau hàng nghìn năm nghe nói phong thái của ông há kẻ điêu ngoa không trở thành liêm chính, kẻ nhu nhược không thể tự lập được sao? Nếu không tìm hiểu duyên cớ thì ai mà biết được tên thụy ấy là xứng đáng với thực tình. Thực đáng là bậc tông nho của nước Việt ta và được thờ phụ ở Văn Miếu. Còn như Trần Nguyên Đán là bậc quan khanh hiền tài cùng họ, tuy có khí phách trung thành khảng khái, nhưng bỏ mặc thế nước cho là không làm thế*

nào được, trốn tránh quyền làm Tướng quốc để hòng bảo toàn gia thuộc của mình khi nước bị sụp đổ **<6b>**. *Trương Hán Siêu là bề tôi văn học bậc giỏi, tuy có tính thẳng thắn, nhưng lại kết bạn với người không đáng kết bạn, gả con gái cho người không đáng gả con, so với Văn Trinh sao được; huống hồ còn những người kém nữa.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Khổng Tử không sinh vào thời Văn, Vũ, Thành, Khang*(1) *mà sinh vào thời Xuân Thu Chiến Quốc. Chu, Trình, Trương,Chu*(2) *không từng một ai lên địa vị tướng thần, mà nhiều lần bị bọntiểu nhân vùi dập. Trời không phải không để ý đến đời, có lẽ không chuyên vì lợi ích nhất thời, mà thực vì danh giáo cho muôn đời, sự vun trồng vì lâu dài. Chu Văn Trinh đạo học thuần tuý, khí tiết cao thượng, ngay thẳng không nghĩ đến thân, lòng trung không quên vua, thong dong nơi triều hội, coi thường tước lộc, khi đi khi tới, khi tiến, khi lui, từ hay nhận, lấy hay cho, rất chính đáng. Nước Việt, người được tôn là bậc tông Nho, từ xưa đến nay mới chỉ có một. Tuy không được* **<7a>** *đem hết tài năng để giúp khi thời thế gian nan mà thong dong nơi đồng ruộng, khi làm khi nghỉ tự do, nhưng vua thì kính tin, quan thì tôn trọng. Bọn quyền gian dù giận cũng nín thở chẳng dám làm gì. Có lẽ làm cho quânlười biếng biết tự lập, kẻ ương ngạnh trở thành liêm chính, quan hệ rất lớn. Trời sinh ra người tài giỏi cố nhiên là muốn để có ích cho đời và càng muốn cho họ còn mãi với đời. Người đời sau tiên sinh, nhìn về núi Chí Linh có trông dòng sông Cung Hoàng há không tôn trọng khí tiết của tiên sinh mà ngưỡng mộ hay sao? (Chu An người xã Thanh Liệt huyện Thanh Đàm*(3)*. Nơi ông ở gọi là thôn Văn, giáp địa giới vớiCung Hoàng để dạy học trò, tự đặt hiệu là Thôi Ẩn, người đến học rất đông. Trước nhà học có một cái đầm. Sau khi ông mất, người trong huyện lập đền thờ ông ở nơi này, nay vẫn còn).*

Tân Hợi, [Thiệu Khánh] năm thứ 2 [1371] (Minh Hồng Vũ năm thứ 4), mùa xuân, tháng giêng, truy tôn Anh Tư nguyên phi làm Minh từ Hoàng Thái phi (mẹ sinh của vua).

Tháng 2, ban yến cho các quan ở điện Thiên An, thưởng có thứ bậc khác nhau.

---

(1) Tức: Văn Vương, Vũ Vương, Thành Vương, Khang Vương thời Chu ở Trung Quốc.

(2) Tức: Chu Đôn Di, Trình Hạo, Trình Di, Trương Tái, Chu Hy, đều là người Tống ở Trung Quốc.

(3) Nay là Thanh Trì – Hà Nội

Phong Thiên Ninh công chúa làm Lượng Quốc Thái trưởng công chúa, đổi tên là Quốc Hinh (Xét Thiên Ninh công chúa <7b> là chị cả của Dụ Tông, Dụ Tông thông dâm thực không bằng loài cầm thú mọi rợ, nay tuy vì có công phong làm Thái trưởng và lại đổi tên nhưng về cái xấu ấy, đến chết cũng không che giấu được).

Phong tôn thất Sư Hiền làm Cung Chánh vương, Nguyên Đán làm Tư đồ, Nguyên Uyên làm Phủ quân Tướng quân.

Bỏ phép xăn chân bãi cát bồi, bỏ lệnh kiểm duyệt tài sản.

Trước đây các nhà vương hầu công chúa có điền trang ở ven sông, những bãi cát mới bồi đều là quyền sở hữu của chủ nhà. Chiêu Từ Thái hậu đặt ra phép xăn chân bãi cát bồi (tức là xăn lấy chỗ cát mới bồi). Người quyền quý chết đi, thì tài sản tất cả thuộc về con cháu của họ. Dụ Tông bắt đầu có lệnh kiểm duyệt tài sản (những của quý phải nộp cho nhà nước) đều do bọn bề tôi vơ vét khơi mối cả. Đến khi ấy đều bãi bỏ hết.

Tháng 3 nhuận, vua Chiêm Thành là A Đáp A Giả vào cướp phá kinh sư từ cửa bể Đại An tiến sang, xâm phạm thẳng vào kinh sư, quân đến bến Thái Tổ (nay là Phục Cổ), vua phải đi thuyền lánh sang sông Đông Ngàn. Lúc bấy giờ hưởng tháibình đã lâu, biên thành không phòng bị, giặc đến không có quân chống cự. Giặc vào thành làm loạn, bắt con gái, cướp ngọc lụa, đốt phá cung điện <8a> sổ sách sạch như không như quét. Trước đây mẹ Dương Nhật Lễ trốn sang Chiêm Thành, xúi bọn giặc vào cướp phá để phục thù cho Nhật Lễ. Người Chiêm Thành đã thỏa chí. Từ đó hàng năm thêm mối lo về nơi biên giới nhà nước bắt đầu thêm việc.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Không lo có nước đối địch bên ngoài, thường hay mất nước. Đó là điều răn dạy từ xưa đến nay. Chiêm Thành với nước ta có thù từ bao đời, nhà Trần há không biết mà để phòng sao? Chỉ biết an nhàn bừa bãi, phép tắc bỏ lỏng, pháp độ buông lơi, năm tháng đã lâu, việc giữ bờ cõi bị lãng quên. Giặc vào bờ cõi thì biên thành thất thủ, giặc đến kinh đô thì không có cấm binh bảo vệ, vậy còn giữ nước sao được! Dụ Tông quen yên vui yến tiệc, vốn chẳng đáng bàn, Nghệ Tông thì bản thân đã trải nhiều biến cố, mà cũng không lo đến điều ấy. Há chẳng phải là chỉ học tập văn chương mà không chủ trương việc vũ bị đó sao'?*

<8b> ***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Nhà Trần dấy lên ở Thiên Trường thuộc lộ Sơn Nam Hạ, rất gần cửa biển. Những nơi trọng yếu như cửa ải, bến đò đáng lẽ đều phải có sự phòng thủ, nay việc*

phòng thủ bỏ trống khiến cho kẻ địch vào thẳng sát kinh sư như vào nơi không có người. Khi nó đến không chống được, khi nó đi cũng chẳng dám đuổi theo, một lần cũng đã quá lắm rồi. Năm Đinh Tỵ, năm Mậu Ngọ, Bồng Nga 2 lần xâm phạm cửa khuyết, tiến thoái tự do, không ai dám làm gì, thế mà từ năm Thiệu Khánh có việc này về sau, đồn phòng thủ đường biển cũng không từng đặt ra. Việc biên phòng sơ hở, việc võ bị buông lơi, tệ đến mức như thế, bị giặc man khinh rẻ đáng cho là quái gở đấy! Xét thấy năm ấy Chiêm Thành cướp phá nước ta, tiến thẳng vào kinh sư, mà lại sai sứ là Đáp Ban A Bốc Nông đem vàng lá và biểu dâng cho nhà Minh, nói là: "An Nam nhiều lần xâm lấn bờ cõi, xin vua cho binh khí và nhạc công để cho An Nam biết rằng chúng tôi được đội thanh danh giáo hóa không dám coi khinh". Minh Thái Tổ không cho. Như thế đủ **<9a>** *thấy được cái xảo trá của người Chiêm Thành. Người Chiêm Thành từ khi Dương Mại, Phàn Chi nắm quyền tới nay, nhiều lần là mối lo của nước. Vào thời Lý Trần tuy nhiều lần bị đánh rất đau nhưng cũng khi phản khi phục không thường, đến cuối thời Trần thì lại ngang ngạnh quá lắm.*

Mùa hạ, tháng 4, lập em là Cung Tuyên Đại vương Kính làm Hoàng Thái tử, làm tập "Hoàng huấn" gồm 14 chương ban cho. Sách phong cho vợ cả của Hoàng Thái tử là Lê Thị làm Hoàng Thái tử phi.

Tháng 5, cho người họ ngoại là Lê Quý Ly làm Khu Mật Viện Đại Sứ. Hai chị em người cô của Quý Ly, Minh Tông đều lấy làm cung nhân. Một người sinh ra vua tức là Minh Từ, một người sinh ra Duệ Tông tứclà Đôn Từ. Cho nên lúc vua mới nắm chính quyền rất tín nhiệm Quý Ly. Lại gả em gái mới góa chồng là công chúa Huy Ninh cho Quý Ly (Huy Ninh trước là vợ của tôn thất Nhân Vinh. Nhân Vinh bị Nhật Lễ giết).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Nhân Vinh chết vì mối thù của nước, Huy Ninh để tang chồng mới được 6 tháng,* **<9b>** *mà vua lại đem gả cho Quý Ly. Thế thì việc phá hoại nhân luân bắt đầu từ vua, kẻ lấy làm vợ và kẻ làm vợ đều là không phải lòng người. Phá luân thường chồng vợ, làm rối loạn đạo tam cương. Như vậy thì làm sao mà không sinh loạn.*

Ban chiếu cho xây dựng cung thất cốt phải mộc mạc, chỉ lấy người tôn thất nhàn rỗi phục dịch, không làm phiền nhiễu đến dân.

Mùa thu, tháng 8, sai Quý Ly đi Nghệ An[1] chiêu tập nhân dân, vỗ yên chốn biên giới.

Tháng 9, gia phong cho Lê Quý Ly làm Trung Tuyên quốc thượng hầu.

Mùa đông, tháng 10, cho sử quan Phan Nghĩa làm Lang trung bộ Lễ, định ra thông chế của quốc triều và các lễ nghi. Ra lệnh cho những người có tước mệnh phải khai báo làm sổ sách, dân nhiều người giả dối, lấy không làm có rất nhiều.

Tháng 12, truy phong mẹ đẻ của Hoàng Thái tử là Lê Thị Khắc Viện làm Quang Hiến thần phi.

<10a> Nhâm Tý, [Thiệu Khánh] năm thứ 3 [1372] (Minh Hồng Vũ năm thứ 5), mùa xuân, tháng giêng, xét công tích của các quan văn võ.

Mùa hạ, tháng 4, Cho Đỗ Tử Bình làm Hành khiển tham mưu quân sự.

Tháng 5, lấy Nguyễn Nhiên kiêm chức Chánh trưởng Tri Khu Mật viện, Hồ Tông Thốc làm Hàn lâm viện học sĩ. Cho người Hóa Châu là Hồ Long làm Tri châu Hóa Châu.

Mùa thu, tháng 7, ban tước Minh tự cho quan phủ Lâm Bình là Phạm A Song.

Tháng 8, ban chiếu cho các lộ phải làm đơn số (sổ hộ tịch).

Mùa đông, tháng 10, vua đến phủ Thiên Trường tu sửa miếu thờ ở các lăng.

Tháng 11, vua nhường ngôi cho Hoàng Thái tử Kính. Kính lên ngôi Hoàng đế. Đại xá. Xưng là Khâm Hoàng, quần thần dâng tôn hiệu là Kế thiên ứng vận nhân minh khâm ninh hoàng đế.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Người Minh khen Nghệ Tông là "hiếu hữu cung kiệm, bác học minh mẫn. Dẹp được loạn Nhật Lễ mà không có lòng tham ngôi vua cho đến việc bỏ con mà lập em* ***<10b>*** *rồi lại lập cháu" chép vào Bắc sử, phô trương làm câu chuyện tốt đẹp. Bản thân làm Thiên tử mà không dành riêng cho con mình, thật là người hết lòng vì thiên hạ như vua Nghiêu, vua Thuấn. Tống Thái Tổ trao ngôi vua cho Thái Tông còn vì mệnh lệnh của Đỗ Hậu. Còn vua trị nước, chưa được bao lâu liền nhường ngôi cho Duệ Tông. Xem thường như cởi chiếc giày. Duệ Tông chết vì nạn nước, lại lập con của Duệ Tông, nếu chẳng phải*

[1] Nghệ An: Nay thuộc đất hai tỉnh Nghệ An & Hà Tĩnh.

là người có thiên tư cao há được như thế. Năm tuổi già tin cậy Quý Ly mà gửi con, gửi nước tuy có lời nói bóng gió là gửi con cho con quạ già[1] nhưng cuối cùng vẫn không tỉnh ngộ há lại cho lòng người ta cũng như lòng mình, cho nên thanh thản không ngờ gì chăng? Sao lại lẩn thẩn đến như vậy!

Truy tôn mẹ đẻ là Quang Hiến Thần phi làm Đôn Từ Hoàng Thái phi.

Phong phi là Cung Thị làm Hiển Trinh Thần phi.

Khi vua mới lên ngôi, Thượng Hoàng làm bài "Đế Châm" 150 câu ban cho.

Ban tặng Thiếu bảo Trương Hán Siêu được thờ phụ ở sân miếu Khổng Tử.

***<11 a>Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:** Nghệ Hoàng cho Trương Hán Siêu được thờ phụ ở Văn Miếu là vì Hán Siêu viết bài trừ dị đoan đấy chăng? Hình như vậy. Nhưng xét ra Hán Siêu là người cậy tài, kiêu căng. Thời Nhân Tông, Hán Siêu làm Hành khiển, khinh bỉ người cùng hàng đến nỗi vu cho Phạm Ngộ, Lê Duy nhận của đút lót, khi đuổi lý phải chịu phạt, lại nói với người khác rằng: "Cứ tưởng chúa thượng tin tưởng, nào ngờ có chuyện xét hỏi lại". Đó thực là thói kiêu ngạo keo bẩn. Khổng Tử đã nói: "Tuy có tài như Chu Công mà kiêu ngạo và bủn xỉn thì những điều khác cũng chẳng ra gì", thiết tưởng rằng bậc hiền tài như Trương Hán Siêu, nếu như thực có thiêng liêng thì tất không dám dự hưởng ở sân miếu Khổng Tử.*

***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:** Được thờ phụ ở Văn Miếu tất là người đó đã được Khổng Tử của chúng ta khen ngợi, mà không có thể viết, có thể nói được thì ngoài 4 vị phối hưởng, 10 vị tiên triết cho đến 72 vị hiền tài đã là rộng rồi, huống lại là bậc nhà Nho đời sau nữa chăng? Chỉ chọn lấy người viết ra sách, đặt ra lời nói hay, để lại đời sau dựng nền giáo **<11b>** hoá, có công làm vây cánh cho đạo thánh, được vua thời ấy cho phép, được dư luận thời ấy thỏa mãn, đời sau cũng tôn kính tin tưởng. Nếu chỉ vì văn chương tài nghệ và công nghiệp nhất thời, liền đưa lên thờ phụ thì sẽ lắm đồ thờ không kể xiết đấy. Nhà Trần cho 3 người là Chu Văn An, Hán Siêu, Tử*

(1) Nghệ Tông chiêm bao thấy có người đọc câu thơ rằng: "Nhân ngôn ký tử lão nha, bất thức liên ái bất". Nghĩa là người ta nói: gửi con cho con quạ già, chẳng biết quạ già có thương yêu chăng?

Bình được thờ phụ ở Văn Miếu. Chu Văn An là hơn rồi, Hán Siêu không làm nổi chức vụ, Tử Bình dù chép cũng chưa hết tội, mà lại chen vào nơi cung đình lễ nhạc, thì còn sai lầm gì hơn. Nay ở giải vũ phía Tây vẫn thờ Chu Văn Trình, còn Hán Siêu, Tử Bình đã bỏ đi, không biết từ thời đại nào. Cũng thấy được lẽ trời lòng người công bằng, há nhất thời có thể nâng lên đè xuống được sao!

DUỆ TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Vua tên húy là Kính, con thứ 11 của Minh Tông và là em Nghệ Tông; mẹ là Đôn Từ Hoàng Thái phi. Khi Nghệ Tông đi tránh loạn, quân lính, khí giới đều do sức vua tập hợp cho nên Nghệ Tông nhường ngôi cho. Làm vua 4 năm, thọ 41 tuổi. Vua là người ngang bướng, tự theo ý mình, không nghe lời can, coi thường giặc, nên tai vạ đến mình, chứ không phải là không may).

<12a> Quý Sửu, Long Khánh năm thứ 1 [1373] (Minh Hồng Vũ năm thứ 6), mùa xuân, tháng Giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu.

Tôn Thượng Hoàng làm Quang Hoa Anh Triết Thái Thượng Hoàng đế, tôn Thục Từ Hoàng hậu làm Thuận Từ Hoàng Thái hậu.

***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:** Mẹ Trần Thái Tổ hiệu là Thuận Từ. Vợ Nghệ Tông cũng hiệu là Thuận Từ. Người bàn đặt tên thụy khi ấy không thấy đó là sai hay sao? Hay cho là đã lâu rồi mà đặt như thế chăng? Đối với ý nghĩa nhớ về cội nguồn thì như thế nào? Tiên vương theo lòng người mà đặt ra lễ. Bàn đặt tên thụy cho Thái hậu cùng chung với tên thụy của cụ tổ bà, thì lòng người có thể yên được sao?*

Tháng 2, định số các quan văn võ.

Sách phong cho Nguyên phi Lê Thị làm Gia Từ Hoàng hậu.

Tháng 3, phong cho con trưởng là Vĩ làm Chương Vũ Đại vương (14 tuổi), muốn lập làm Hoàng Thái tử **<12b>**, sau bị bệnh ung thư mất.

Mùa hạ, tháng 6, lấy ngày sinh làm tiết Tề Thiên.

Mùa thu, tháng 8, định việc sung bổ quân ngũ, đóng các hạng thuyền để chuẩn bị đánh Chiêm Thành.

Ban lệnh cho quân dân nộp thóc vào kho công, ban tước theo từng thứ bậc khác nhau.

Thi lại viên để sung vào nội lệnh sử.

Mùa đông, tháng 11, ban chiếu nhà vua thân đi đánh Chiêm Thành.

Năm ấy, trộm cướp đua nhau nổi dậy.

Giáp Dần, [Long Khánh] năm thứ 2 [1374] (Minh Hồng Vũ năm thứ 7), mùa xuân, tháng 2, Thượng hoàng ở cung Trùng Hoa, phủ Thiên Trường.

Thi đình lấy các tiến sĩ. Cho Đào Sư Tích đỗ Trạng nguyên, Lê Hiến Phủ đỗ Bãng nhãn, Trần Đình Thâm đỗ Thám hoa. Cho bọn La Tu đỗ Hoàng giáp cập đệ và đồng cập đệ đều cho ăn yến và áo mặc ngoài. Cho làm quan theo thứ bậc khác nhau. Dẫn 3 người đỗ đầu đi chơi phố 3 ngày. Theo lệ cũ, Thái học sinh 7 năm thi 1 lần, chỉ lấy 30 người thôi. Thi Trạng nguyên thì không có lệ cố định, nhưng thuộc quan của ba quán Thái học sinh, Thị thần học sinh, Tướng phủ học sinh và những người có tước đều được vào thi.

Tháng 3, ban chiếu cho Thanh Hóa <13a>, Nghệ An đào cảng đến cửa biển Hà Hoa[1].

Mùa hạ, tháng 5, tháng 6, hạn.

Mùa thu, tháng 8, tuyển dân đinh sung vào quân ngũ. Loại một sung vào Lan Đô; tiếp đến loại hai, loại ba. Người nhỏ nhưng tinh nhanh khoẻ mạnh cũng được sung lên loại trên. Trước kia quân túc vệ chỉ có quân Tứ Thiên, Tứ Thánh, Tứ Thần. Sau đặt thêm các quân Uy Tiệp, Bảo Tiệp, Long Dực, Thần Dực, Hiển Hậu, Long Tiệp, Tả Ban, Hữu Ban. Quân thị vệ thì xăm trán, đặt thêm quân Trích Huyền ngạch. Các sứ Thiên Trường, Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Hóa Châu, Thuận Châu, Lâm Bình đều đặt quân hiệu. Có Đại đội trưởng, Đại đội phó là tướng hiệu.

Mùa đông, tháng 10, quy chim loại tụng quan; đặt 6 cục cận thị chi hậu, cho vương hầu tôn thất làm chánh chưởng. Chi hậu, trong đấy 800 người làm thị vệ trong các chi hậu đó. Phán thủ trông coi đều đội khăn bồn hoa.

Ban chiếu cho các quân dân không được mặc kiểu áo người phương Bắc và không được bắt chước tiếng nói của các nước Chiêm, Lào.

<13b> Ất Mão, [Long Khánh] năm thứ 3 [1375] (Minh Hồng Vũ năm thứ 8), mùa xuân, tháng Giêng, cho Khu mật đại sứ là Lê Quý Ly

---

[1] Thuộc huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

làm tham mưu quân sự. Ban chiếu chọn các quan viên có ai biết luyện tập võ nghệ, thông thao lược, không kể là người tôn thất đều bổ làm tướng coi quân.

Đổi Châu Diễn làm lộ Diễn Châu, Châu Hoan[1] làm các lộ Nhật Nam, Nghệ An Nam, Bắc, Trung; đổi Lâm Bình làm phủ Tân Bình. Sai Đào Lực Đinh và Hà Tử Công đôn đốc nhân dân Thanh Hoá, Nghệ An, Tán Bình sửa đắp đường sá từ Cửu Trân đến Hà Hoa, 3 tháng thì xong.

Mùa hạ, tháng 6, sao Kim mọc ban ngày.

Mùa thu, tháng 8, định lại sổ quân, thải những người già yếu, lấy người khoẻ mạnh bổ sung vào. Tất cả những người các hộ, các xá[2] ở Nghệ An, Thanh Hóa đi làm thuê lấy tiền công đều sung vào quân ngũ (Tá công cũng như người làm thuê ngày nay; hội họp người các xứ làm một phường; phường có người trưởng phường, có người thuê mượn thì lấy tiền công, không ghi vào hộ tịch).

Ban chiếu cho những người giàu ở các lộ dâng thóc, (người dâng thóc) được ban tước có thứ bậc khác nhau.

Tháng 9, gả công chúa Trang Huy cho con trai Cung Định vương là Nguyên Dận.

Sách phong cho con gái của Thái bảo Trần Liêu làm phi.

<14a> Mùa đông, tháng 10, cho con của Thượng Hoàng là Thúc Ngạc làm Tư đồ trông coi trấn Thái Nguyên, Tư đồ Nguyên Đán trông coi việc quân ở trấn Quảng Oai.

Bính Thìn, [Long Khánh] năm thứ 4 [1376] (Minh Hồng Vũ năm thứ 9), mùa xuân, tháng Giêng, gả công chúa Tuyên Huy cho Quan Phục đại vương Húc (concủa Thượng Hoàng). Thượng Hoàng thân đi đón dâu (Xét thấy Quan Phục không phải là hiệu để phong, có lẽ là khi ấy Húc được ban mũ áo đại vương cũng như Cung Giản vương được truy tặng mũ áo đại vương đấy. Thuở đầu thời nhà Lê có danh hiệu Quan Phục hầu. Có lẽ là theo lệ cũ của nhà Trần đấy).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Vua tôi, cha con, vợ chồng là ba rường mối luân lý của loài người, có gì lớn hơn điều ấy đâu. Lễ của tiên vương xưa thường cẩn thận những việc nhỏ, huống là những*

---

[1] Châu Hoan: Nay thuộc đất hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

[2] Hộ, xá: những người không có tên trong sổ hộ khẩu, đi làm thuê lấy tiền công, họp thành các hộ các xá.

việc lớn. Đi đón dâu là nghi tiết lớn trong lễ cưới. Duệ Tông gả Tuyên Huy cho Quan Phục hầu thì người đi đón dâu phải là chú rể. Nghệ Tông lại thân đi đón, thì đạo tam cương rối loạn rồi đấy. Quan Phục sau không được trọn vẹn[1], cái điềm gở đã hiện ra từ đó. Người làm vua làm cha há không nên cẩn thận sao?

<14b> Mùa hạ, tháng 4, định rõ chế độ thuyền, xe, kiệu, tán, nghi trượng và y phục, vì sắp làm lễ hội thề.

Tháng 5, Chiêm Thành cướp phá Hóa Châu.

Tháng 6, ban chiếu cho các quân sửa sang vũ khí, thuyền chiến để đợi nhà vua thân đi đánh giặc.

Mùa thu, tháng 7, Ngự sử trung tán là Lê Tích dâng sớ rằng: "Xét ra binh khí là dụng cụ hung ác, không nên tự mình khởi ra. Huống hồ ngày nay mới dẹp yên giặc trong nước, thế như cái nhọt đau lâu chưa khỏi. Chúa Thượng không nên vì tức giận riêng mà dấy binh. Tướng không nên vì tham công mà đánh càn. Chiêm Thành tuy không có lòng làm tôi tớ thì nên sai tướng đi đánh để đợi trời diệt. Nếu nhà vua thân đi đánh thì hạ thần cho là không nên". Vua không nghe.

Tháng 8, ban chiếu cho quân dân Thanh Hoá, Nghệ An[2], Diễn Châu, chở 5 vạn thạch lương thực đến Hóa Châu.

Mùa đông, tháng 10, đại duyệt quân thủy bộ ở bãi cát sông Bạch Hạc. Hai vua thân tới làm tướng.

<15a> Tháng 12, vua thân đi đánh Chiêm Thành, dẫn 12 vạn quân, xuất phát từ kinh sư. Đến bến sông Bát Tràng, có người làng làm lễ tang, vua truyền phạt 30 quan tiền. Sai Lê Quý Ly đốc thúc Nghệ An[3], Tân Bình, Thuận Hóa chở lương bằng đường thủy cấp cho quân.

Trước đây, chúa Chiêm Thành là Chế Bồng Nga sang quấy rối biên giới, vua sai Hành khiển Đỗ Tử Bình đem quân trấn giữ Hóa Châu, Bồng Nga đem 10 mâm vàng dâng lên, Tử Bình giấu đi làm của mình, rồi nói dối là Bồng Nga ngạo mạn vô lễ, nên đem quân đánh. Vua nổi giận nên quyết ý thân đi đánh. Khi ấy quân đến cửa biển Di Luân[4], các quân vượt biển mà đi, vua cưỡi ngựa lĩnh quân bộ đi ven bờ biển. Đến

[1] Chi việc Húc bị Phế Đế giết sau này.

[2] Nghệ An: Nay thuộc đất 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

[3] Nghệ An: Nay thuộc đất 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

[4] Cửa biển Di Luân: Thuộc Quảng Bình.

cửa biển Nhật Lệ(1) thì đóng dinh luyện tập 1 tháng.Người Tân Bình, Thuận Hóa bắt được người Chiêm Thành đi trốn đem đến dâng.

Đinh Tỵ, [Long Khánh] năm thứ 5 [1377] (từ tháng 5 về sau là năm Xương Phù thứ 1 thuộc Phế Đế. Minh Hồng Vũ năm thứ 10), mùa xuân, tháng Giêng, ngày 23 đại quân đến Chiêm Thành, quân đóng ở động Ỷ Mang.

Ngày 24, tiến đánh, quan quân tan vỡ **<15b>** vua bị hãm trận băng. Lúc bấy giờ đại quân đến cầu đá cửa biển Thi Nại(2), quan quân đóng quân ở động Ỷ Mang, Bồng Nga dựng trại ở ngoài thành Đồ Bàn sai viên quan nhỏ là Mục Bà Ma giả hàng, nói là Bồng Nga đã trốn chỉ còn thành không, nên tiến binh nhanh vào chớ bỏ mất cơ hội.

Ngày 24, vua mặc áo đen, cưỡi ngựa Nê thông(3), sai Ngự Câu vương Húc, mặc áo trắng cưỡi ngựa trắng vội truyền lệnh tiến quân. Đại tướng là Đỗ Lễ can rằng: chúng đã xin hàng là muốn cho vẹn toàn đất nước. Quan quân vào sâu đánh thành là bất đắc dĩ. Hãy sai một người biện luận giỏi cầm thư đến hỏi tội, để xét tình hình hư thực thế nào như kế hoạch của Hàn Tín phá nước Yên, không khó nhọc mà thành công. Người xưa có câu: "Lòng giặc khó lường", thần xin bệ hạ xét kỹ. Vua nói: "Ta mình mặc áo giáp, tay cầm gươm sắc, dãi gió dầm mưa, trèo non lội suối vào sâu trong đất của giặc, không một ai dám chống lại. Thế là trời đã giúp ta, huống nay chúa giặc nghe tin bỏ trốn, **<16a>** không có lòng chiến đấu. Người xưa có câu: "Dùng binh quý ở thần tốc", nay dùng dằng không tiến, tức là trời cho mà không lấy, để chúng có ý đồ khác thì hối sao kịp. Ngươi chỉ là hạng đàn bà". Sai lấy áo đàn bà mặc cho Lễ. Quân bèn nối nhau như xâu cá mà đi, cánh quân đi trước và cánh quân đi sau cách xa nhau, giặc thừa thế xông ra chặn đánh đến giờ Tỵ quan quân tan vỡ, vua băng ở trận. Đại tướng Đỗ Lễ, Nguyễn Nạp Hoà, Hành khiển Phạm Huyền Linh đều chết. Giặc bắt sống Ngự Câu vương rồi gả con gái cho. Đỗ Tử Bình lãnh hậu quân, không đến cứu, nên thoát chết. Lê Quý Ly dẫn quân lương nghe tin vua băng, bỏ chạy về trước. Hôm ấy kinh sư ban ngày trời tối sầm lại, các chợ phải đốt đuốc để mua bán với nhau, xe cũi chở Tử Bình về qua Thiên Trường. Người ta đua nhau ném gạch ngói vào thuyền và chửi mắng. Quân về, trị tội Tử Bình, tha cho tội chết, bị đồ làm quân. Trước đây, Ngự sử đại phu Trương Đỗ (có bản chép là Xã) can

(1) Cửa biển Nhật Lệ: Thuộc Quảng Bình

(2) Cửa biển Thi Nại: Tức cửa Quy Nhơn.

(3) Ngựa Nê thông: Ngựa lông màu trắng đen lẫn lộn trông giống bùn.

rằng: "Chiêm Thành trái mệnh, tội chết cũng chưa xứng, nhưng nó ở cõi phía Tây xa xôi, núi sông hiểm trở, nay bệ hạ **<16b>** mới lên ngôi, chính hóa chưa thấm đến nơi xa, nên sửa sang văn đức để họ tự đến. Nếu họ không theo thì sai tướng đi đánh cũng chưa muộn". Ba lần dâng sớ can vua đều không nghe, bèn treo mũ bỏ đi (Xét thấy dã sử chép: vua đóng quân ở động Ỷ Mang, đường núi nhỏ hẹp, 4 phía đều là rừng rậm. Người Chiêm đưa thư giả hàng rồi mai phục quân và voi ở trong rừng, quan quân không biết, đêm canh năm, quân mai phục nổi dậy đánh úp vào dinh vua, vua không kịp mặc áo giáp, quân bị tan vỡ, vuabăng. Trong đám quân rối loạn, các quân cố sức chiến đấu, giặc rút lui mới nhận thấy xác vua, người Chiêm Thành liền sai sứ tới kinh tạ lỗi vì phạm vào xe vua đều là ngoài ý nghĩ. Thượng Hoàng yên ủi rồi cho về. Đoạn này hơi khác với văn chép trong sử, cũng cứ chép lại cho đủ mục tồn nghi. Trương Đỗ là người Phù Đái, Đồng Lại, ngụ ở phường Nghi Tàm, kinh sư, ông là người trong sạch khác thường, khẳng khái có chí lớn khi tuổi trẻ thường chơi ở Hồ Tây, xem tướng quân tập bắn nói đùarằng: "Nghề này có gì là khó". Tướng quân lấy làm lạ hỏi; "Mày có bắn trúng được không?". Trả lời: "Xin cho thử", 3 phát trúng cả 3, tướng quân kinh ngạc muốn nuôi làm con. Đỗ không theo, rồi bỏ nhà đi du học, đỗ Tiến sĩ có danh vọng lớn. Ông làm quan trong sạch nghèo túng, không tậu ruộng nương tài sản. Ông làm đến Ngự sử đài Tư gián Đình uý Thị Lang trung Đỗ phủ Tổng quản, rồi mất, con cháu kế tục làm quan vẫn giữ được tiếng trong sạch).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Trương Đỗ nói không giấu lời nói thẳng là làm nổi chức vụ đấy. Nói đến 3 lần* ***<17a>****, là dám phạm đến vua, không được vua nghe, là tâm trí của vua mê loạn đấy. Người có trách nhiệm phải nói, nói không được thì bỏ chức mà đi. Sự tiến lui của Đỗ là hợp nghĩa đấy. Tuy nhiên lời nói trung thành thường trái tai vua, nhưng lợi cho bản thân vua. Việc này có thể làm gương được.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Xét thấy ngoại kỷ chép: trước đây Duệ Tông khởi nghĩa giết Nhật Lễ, có quan văn là Trần Thâm tính kế hoạch. Có quan võ là Đỗ Lễ điều quân. Khi đã vào thành, Nhật Lễ vẫn cầm quân đánh lại, trách Duệ Tông là làm trái chiếu chỉ của Thái hậu, Duệ Tông tức giận chỉ huy các quân. Hỏa pháo đều bắn ra. Kinh thành lửa sặng rực trời. Nhật Lễ từ cửa Thanh Dương trốn ra, Duệ Tông bắt được, sai quân sĩ vào trong điện cứu hoả, rồi sắm xe pháp giá ra đón Nghệ Tông ở Thiên*

Trường, xét ra đương sau khi hỏng việc, Nhật Lễ mài nanh toan cắn, tà đảng đắc chí, tông phiên không có quyền. Cái thế thời gian hít vào thở ra nhanh hơn sấm gió, cơ thắng bại không xen sợi tóc mảy lông <17b>. Duệ Tông một niềm mưu toan giữ nước ngầm mưu khởi nghĩa ở thủ đô mà không tiết lộ công việc, vào nước mà không ai ngăn trở quan quân, rốt cuộc quét sạch được hoạn nạn bên trong, khôi phục thần kinh để kế tục sự nghiệp của Minh Tông, xoay chuyển mặt trời như trở bàn tay, không phải anh hùng thì không làm được đấy.

Riêng việc thích dùng binh, coi thường địch, chống lại lời can, làm theo điều sai trái nhận sự đầu hàng nhưng không xét tình hình; vào nơi hiểm mà không phòng bị thăm dò nghiêm ngặt, thúc ngựa nơi hiểm trở gập ghềnh, quân đi liên tiếp như xâu cá, cuối cùng sa vào mưu lừa dối của địch, không ai ra cứu khi bị đánh cắt ngang, ba quân sụp đổ, xe vua phải chở xác về, để lại sự chê cười ở rợ man, không nói được gì với trong nước sự thất bại ở Ỳ Mang há chẳng phải là tự mình chuốc lấy đó sao? Thế nhưng Nghệ Tông không ngăn chặn chuyến đi ấy là tại sao vậy? Vì căm giận Chiêm Thành vô lễ, như điều hổ nhụcphải cưỡi thuyền đi tránh ở Đông Ngàn, mong được có một lần rửa đi, cho nên khi duyệt quân ở Bạch Hạc thì hai vua càng cầm quân. Duệ Tông thân đi đánh, Nghệ Tông tất cho là <18a> làm được việc ấy mà không ngờ là đến nỗi phải vấp ngã đấy.

Lại nói: Tử Bình giấu vàng của Bồng Nga tiến cống, mà nói là Bồng Nga ngạo mạn xin đánh; kích động sự tức giận của Duệ Tông thì cái chết của Duệ Tông, nếu theo phép Kinh Xuân Thu mà kết luận thì thực Tử Bình giết vua đấy. Còn việc Tử Bình lãnh hậu quân mà không tiến, lại nên theo quân pháp mà xử tội riêng. Thế mà đi đem quân về lại được miễn tội chết, sau đó lại tin yêu. Luật pháp kỷ cương của nhà Trần đến khi ấy hư hỏng cực độ! Làm sao mà không mất nước được?

Mùa đông, tháng 5, Thượng Hoàng cho rằng vua vì nạn nước mà băng, lập con cả của vua là Kiến Đức Đại vương. Hiện làm con nối nghiệp, lên ngôi Hoàng đế, xưng là Giản Hoàng đổi niên hiệu là Xương Phù. Đại xá. Quần thần dâng tôn hiệu là Khâm Minh Nhân Hiếu Hoàng đế.

Tháng 6, Chiêm Thành lại đánh phá kinh sư, ban đầu Thượng Hoàng nghe tin giặc đến sai Trần Quốc tướng quân Cung Chính vương là Sư

Hiền giữ cửa biển **<18b>** Đại An[1]. Giặc biết là có chuẩn bị, lại theo cửa biển Thiên Phù[2] đánh thẳng vào kinh sư, thả sức cướp bóc vơ vét, ở 1 ngày rồi lại dẫn quân về, ra cửa biển Đại An, gặp gió to chết đuối rất nhiều.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Khi nhà Trần cường thịnh, giặc Hồ Nguyên mỗi lần đến xâm lấn liền bị đánh tan rồi về, đến khi suy thì giặc Chiêm Thành mỗi lần rút quân sang cướp phá là đánh thẳng vào kinh ấp, luôn luôn được thỏa mãn sự ham muốn rồi về. Xét thấy Hồ Nguyên là bọn giặc mạnh làm chủ Trung Quốc, Chiêm Thành cố nhiên không thể mạnh hơn giặc Nguyên mà nhà Trần há lại riêng yếu với nước Chiêm sao? Nghệ Tông khiếp nhược, đã không được sáng suốt như Thái Tông, Nhân Tông, Thánh Tông mà nhân tài sút kém, võ bị không lợi, trên miếu đường không có bề tôi biết mưu tính, ngoài biên thành không có tướng tài có thể giao phó được, không tuần phòng ngoài biển, chẳng có đồn cửa sông, Kinh sư không có luỹ kiên cố; bọn lính bảo vệ kinh đô thì giặc đến là hốt hoảng chạy, giặc lui thì lần lữa tạm yên để chúng được thả sức hoành hành, mà hàng ngày cứ lo nơm nớp. Đến nỗi phải lánh thần tượng ở Yên Sinh, giấu của nước ở Thiên Kiện cũng quẫn không có kế để giữ, chỉ cầu may là kẻ địch không sang. Giả sử Bồng Nga chưa chết, thì không hiểu vua tôi Nghệ Tông xử trí ra sao. Cho nên có câu rằng: "Quân thì không có quân mạnh, quân yếu; mà tướng thì có tướng giỏi, tướng hèn". Giả sử đương thời có một Trần Hưng Đạo thì nó sẽ dâng công cầu phong không rỗi, huống chi còn dám nổi lên hay sao. Tử Bình giỏi ăn trộm vàng mà không biết tính việc quân; Quý Ly giỏi cướp nước mà không biết làm tướng. Chỉ có một Nguyên Đán thì chẳng qua là khi chìm khi nổi, cúi xuống ngửa lên chỉ là mưu tính cho bản thân được trọn vẹn. Bọn Man có lẽ khinh nước ta không có người giỏi đã lâu rồi đấy. Ôi! Người như Hưng Đạo cố nhiên không thể có được dễ dàng, còn các ông cướp giáo giặc ở Chương Dương, triệt lương giặc ở Vân Đồn, bắn tên độc ở Quan Thượng. Những nhân vật như hạng đó cũng không nghe có ai nữa, thật đáng thở dài về khí vận nhân tài cuối thời Trần!*

<19b> Mùa thu, tháng 9, sách phong cho con gái Thượng Hoàng là Thiên Huy công chúa làm Hoàng hậu, hiệu là Quang Loan.

---

[1] Cửa biển Đại An: Thuộc huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

[2] CM chép là Thần Phù.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Việc loạn luân thất lễ của nhà Trần chép chẳng xiết và cũng chẳng biện luận xiết. Nhưng việc này càng quá đấy. Tháng Giêng, vua cha băng, tháng 9 đã sách lập Hoàng hậu. Công nhiên làm lễ cưới nơi tông miếu triều đình. Nghệ Tông đối với cháu ra vẻ yêu quý mà vẫn cho là việc thất lễ, khiến cho Xương Phù là người không cha, buổi đầu không cẩn thận được thì sau còn trọn vẹn được chăng? Khi diễn ra việc này thực là do Nghệ Tông đấy.*

Chiêu hồn Duệ Tông chôn cất ở Hy Lăng, miếu hiệu là Duệ Tông. Sai Trần Đình Thâm sang các phó với nước Minh và nói là Duệ Tông tuần hành ở biên giới bị chết đuối và báo tin lập vua nối ngôi. Người Minh từ chối rằng, có ba loại chết không có lễ viếng là sợ mà chết, bị đè nặng mà chết và chết đuối. Đình Thâm tranh luận là người Chiêm Thành quấy rối vùng biên giới. Duệ Tông có công chống nạn cứu dân tộc tại sao lại không viếng. Nhà Minh mới sai sứ sang viếng **<20a>**. Khi ấy vua Minh đang muốn sang chiếm nước ta, muốn nhằm lúc sơ hở này. Thái sư nhà Minh là Lý Thiên Trường can rằng: "Em chết vì nạn của nước mà anh lại lập con của em làm vua. Việc người như thế có thể biết được mệnh trời". Thế là bỏ việc ấy (Đình Thâm làm quan các chức Trung thư, Thị lang kiêm Tri thẩm hình viện sự, An phủ sứ Thanh Hoá, lên Ngự sử trung tán, quyền Giám tu Quốc sử Bí thư giám).

Sử thần Ngô SĩLiên bàn: *Phàm kẻ sĩ lúc bé đi học là vì muốn biết để làm việc, lớn lên thì làm cái mà mình học được. Học ba trăm bài thơ trong **Kinh Thi**, đi sứ bốn phương không làm nhục mệnh vua. Đình Thâm là thế đấy. Huống chi gặp buổi cướp ngôi lại biết tự giấu mình để tránh quyền vị. Có thể nói là không phụ điều mình học đấy.*

PHẾ ĐẾ

(Vua tên húy là Hiện, con trưởng của Duệ Tông. Duệ Tông đi đánh phương Nam rồi băng, được Nghệ Tông lập làm vua. Sau bị giáng làm Linh Đức vương rồi bị phải thắt cổ chết. Làm vua 12 năm, thọ 28 tuổi, chôn ở núi An Bài).

Vua ngu tối hèn nhát, không làm nên được việc gì, uy quyền ngày càng thuộc về kẻ dưới. Xã tắc lung lay, không thể bảo vệ được bản thân. Thương thay!

<20b> Mậu Ngọ, Xương Phù năm thứ 2 [1378] (Minh Hồng Vũ năm thứ 11), mùa xuân, tháng Giêng tuyển vệ sĩ là Trần Tông Ngoạn cai quản quân Thiên Đinh[1], Trần Trung Hiếu trông coi quân Bảo Tiệp, Trần Thế Đăng[2] trông coi quân Thần Dực, Bùi Bá Ngang trông coi quân Thần Sách, Bùi Hấp trông coi quân Thiên Uy, Hoàng Phụng Thế trông coi quân Thánh Dực, Lê Mật Ôn trông coi quân Hoa Ngạch, Đỗ Dã Kha trông coi quân Thị Vệ, Nguyễn Tiểu Luật trông coi quân Thiên Trường, Trần Na trông coi quân Long Tiệp, Nguyên Kim Ngao trông coi quân Thần Vũ.

Ban chiếu cho các quân sắm khí giới và thuyền chiến.

Mùa đông, tháng 8, người Chiêm Thành dẫn người giữ Ngự Câu vương Húc đã đầu hàng vào cướp phá phủ Nghệ An, tiếm xưng hiệu vua để chiêu tập nhân dân, có nhiều người nhận sắc mệnh của giặc.

Tháng 6, giặc xâm phạm vào sông Đại Hoàng. Vua sai Hành khiển Đỗ Tử Bình chống cự, quan quân tự tan vỡ, giặc bèn đánh vào kinh sư, cướp bóc rồi về. An phủ sứ Lê Giác[3] bị giặc bắt được. Giặc bắt Giác phải lạy, Giác nói: "Ta là quan nước lớn **<21a>** sao lại phải lạy mày?". Giặc tức giận giết chết. Giác chửi giặc luôn mồm. Việc đến tai vua, Giác được truy phong là "Xạ tặc Trung Vũ hầu", cho con là Nhuế làm Chánh trưởng bốn cục Cận thị chi hậu (Giác là con của quan Hành khiển Thượng thư hữu bật Lê Quát cũ).

> ***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:*** *Bỏ sự sống mà giữ nghĩa còn hơn sống; cầu sống mà chịu nhục thì người quân tử không làm. Kinh Dịch nói rằng: "Người quân tử thà hy sinh tính mạng để thỏa chí hướng của mình" thì Giác là người như vậy.*

Mùa thu, tháng 7, nước lớn.

Đỗ Tử Bình[4] kiến nghị thu các đinh nam mỗi hộ 3 quan tiền, vua nghe theo. Bấy giờ việc quân lữ đương dấy lên mà kho tàng trống rỗng, Tử Bình nhân thế mới kiến nghị như vậy. Theo như lệ cũ thì khi các trấn có việc quân ngũ, sai dịch, thì dùng số ruộng tùy theo ngạch ruộng mà bỏ ra tiền, lụa, vàng, bạc, người có ruộng lúa bãi dâu ao cá thì nộp thuế,

---

[1] Quân Thiên Đinh: Nguyên bản chữ Hán là "quân Thiên Hạ", chúng tôi theo ĐVSKTT sửa là "quân Thiên Đinh".

[2] Nguyên bản chữ Hán bị đục chữ "Đăng". Nay bổ sung theo ĐVSKTT.

[3] Lê Giác: Người huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

[4] Nguyên bản chép là Đỗ Tử, thiếu chữ Bình.

người không có thì miễn thu. Nhân dân đi lính có thành ngạch. Người sinh ra không kể, người chết đi không trừ. Các lộ lại có đơn binh[1] **<21b>** phải chịu sai dịch không được ra làm quan. Đến khi ấy Tử Bình mới bắt chước phép đánh thuế dung[2] của nhà Đường để làm, thuế càng nặng thêm đấy.

Mùa đông, tháng 10, tuyển quân các vệ, người nào khoẻ mạnh thông võ nghệ thì cho vào làm vệ sĩ.

Cho Nguyễn Bát Sách, người cùng vú nuôi với nhà vua cai quản quân Thiết Sang, Nguyễn Văn Nhi cai quản quân Thiết Giáp. Nguyễn Hộ, Lê Lạc cai quản quân Thiết Liêm. Nguyễn Thánh Dụ cai quản quân Thiết Hổ, Trần Quốc Hưng cai quản quân Ô Đồ.

Năm ấy con Thượng Hoàng là Ngung sinh (tức Thuận Tông Hoàng đế).

Kỷ Mùi, [Xương Phù], năm thứ 3 [1379] (Minh Hồng Vũ năm thứ 12, mùa xuân, tháng 2, cho Lê Quý Ly làm Tiểu tư không kiêm khu mật đại sứ như cũ. Quý Ly tiến cử Nguyễn Đa Phương làm Tướng quân. Đa Phương là con của Sư Tề. Quý Ly khi trẻ học với Sư Tề, Sư Tề dạy cho võ nghệ nhân đó nhận Đa Phương làm em.

Đa Phương từng bị Chiêm Thành bắt, sau trốn về, đến khi ấy Quý Ly tiến cử. Lại có chủ thư thị Ngự sử là Phạm Cự Luận giỏi về bày mưu tính kế, Quý Ly tiến cử **<22a>** làm quyền đô sự. Người bấy giờ bảo Quý Ly có phương viên tá lự[3].

Mùa hạ, hạn hán, đói to.

Mùa thu, tháng 8, người ở lộ Bắc Giang là Nguyễn Bổ[4] tự xưng là "Đường lang tử y", dùng pháp thuật, tiếm xưng vương làm loạn, chịu tội chết.

Tháng 9, sai quân dân chở tiền đồng dấu ở núi Thiên Kiện.

Mùa đông, tháng 10, chôn tiền ở khám Khả Lãng, Lạng Sơn, vì sợ người Chiêm Thành gây biến loạn đốt cung điện.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Vua Thiên tử, giàu có bốn biển không kho tàng nào không phải là của vua. Đương lúc nhà nước nhàn rỗi, làm rõ chính sự hình phạt, tu sửa lễ nghĩa, như con chim bóc rễ cây dâu ràng buộc cửa tổ, thì ai dám khinh thường*

---

[1] Đơn Binh: Binh ghi trong sổ.

[2] Phép dung: Phép thuế thân.

[3] Người lo giúp việc chu đáo.

[4] Nguyễn Bổ: Nguyên bản chép là Ký Bổ, chúng tôi sửa lại là Nguyễn có lẽ đúng hơn.

mình được? Nhưng lại sợ Chiêm Thành gây biến loạn đốt phá cướp bóc mà chở tiền của giấu vào nơi thâm sơn cùng cốc để mưu tránh giặc. Thế tức là như giặc đến, chuốc lấy tiếng chê cười ở đời sau. Có thể bảo là nước không có người giỏi vậy.

<22b> Hữu Tướng quốc Cung Tín vương Thiên Trạch mất.

Canh Thân, [Xương Phù] năm thứ 4 [1380] (Minh Hồng Vũ năm thứ 13, mùa xuân, tháng 2, người Chiêm Thành xúi giục người Tân Bình, Thuận Hóa vào cướp phá Nghệ An, Diễn Châu, cướp bắt nhân khẩu.

Tháng 3, cướp phá các quận huyện ở Thanh Hóa. Thượng hoàng sai Lê Quý Ly đem thủy quân, Đỗ Tử Bình đem quân bộ đi chống giữ, đến Sông Ngu[1] đóng cọc giữa sông chống cự với người Chiêm.

Mùa hạ, tháng 5, Quý Ly đem tướng quân Thần Vũ là Nguyễn Kim Ngao, tướng quân Thị Vệ là Đỗ Dũ Kha ra đánh. Kim Ngao quay thuyền trở lại để tránh giặc, Quý Ly chém để bêu trong quân. Các quân đánh trống reo hò mà tiến lên, chúa nước Chiêm là Chế Bồng Nga thua phải trốn về. Tử Bình từ đó cáo bệnh để trả lại binh quyền. Chỉ còn Quý Ly chuyên lĩnh chức nguyên nhung hành Hải Tây đô Thống chế.

Mùa đông, tháng 11, cho Đỗ Tử Bình làm Nhập nội Hành khiển, Tả Tham tri chính sự **<23 a>** lãnh chức Kinh lược sứ trấn Lạng Giang, được vài năm thì mất, tặng hàm Thiếu bảo, cho thờ phụ ở Văn Miếu.

Sử thần Phan Phu Tiên bàn: *Bậc Nho học nổi tiếng ở các đời, có ai bài trừ dị đoan, truyền đạo thống thì mới được thờ phụ ở Văn Miếu, là để làm sáng tỏ đạo học có nguồn gốc đấy. Nghệ Tông cho Chu An, Trương Hán Siêu, Đỗ Tử Bình được dự vào. Hán Siêu là người cương trực, bài trừ đạo Phật, Chu An là người sửa mình trong sạch, cố giữ khí tiết, không cần hiển đạt cũng tạm được. Còn như Tử Bình là người học nhảm, chiều người, tham lam vơ vét, là kẻ gian thần hại nước há lại xen vào được sao?*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Tử Bình giấu trộm vàng tiến cống của Bồng Nga, lừa vua tâu càn, đến nỗi khiến cho Duệ Tông tuần hành phương Nam không trở về được. Nước nhà từ đấy luôn luôn có mối lo. Giặc Chiêm Thành cướp phá* **<23b>**. *Tội ấy giết chết cũng chưa hết. Còn việc học nhảm, chiều người thì đáng kể gì.*

Tân Dậu, [Xương Phù] năm thứ 5 [1381] (Minh Hồng Vũ năm thứ 14), mùa xuân, tháng 2, thi Thái học sinh.

---

[1] Sông Ngu là một nhánh sông thuộc Hoằng Hoá, Thanh Hóa.

Tháng 3, sai Đại Thanh Quốc sư đôn đốc các người tu hành trong nước và người tu hành không có độ điệp ở rừng núi, người nào khoẻ mạnh thì tạm làm quân đi đánh Chiêm Thành.

Mùa hạ, tháng 4, giết người Diễn Châu là Hồ Vệ(1) vì nhân khi có giặc Chiêm, Vệ dụ người đi cướp của, việc phát hiện liền bị chém chết.

Tháng 5, cho Đào Sư Tích làm Nhập nội Hành khiển hữu ty Lang trung. Cha Sư tích là Toàn Mân làm Tri thẩm Hình viện sự.

Tháng 6, rước thần tượng ở các lăng Quắc Hương, Thái Đường và Long Hưng, Kiến Xương về lăng lớn Yên Sinh để tránh giặc Chiêm Thành.

Mùa thu, tháng 10, Gia Hiến Hoàng hậu băng ở am tây chùa Chiêu Khánh hương Long Đàm(2).

Vua dụ giết quan phục đại vương Húc.

<24a> Nhâm Tuất, [Xương Phù] năm thứ 6 [1382] (Minh Hồng Vũ năm thứ 15), mùa xuân, tháng 2, Chiêm Thành vào cướp phá Thanh Hóa. Vua sai Quý Ly đem quân đi chống cự, đóng đồn ở núi Long Đại(3), cho Thần khôi Tướng quânNguyễn Đa Phương giữ cọc ở cửa biển Thần Đầu. Giặc Chiêm Thành cho quân thủy, quân bộ đều tiến, quân ta ở trên núi lấy đá ném xuống, thuyền quân của giặc bị hỏng nhiều. Đa Phương khôngđợi Quý Ly ra lệnh tự nhổ cọc ra đánh, giành phần thắng. Các quân thừa thắng tiến đánh, Chiêm Thành đại bại chạy tản vào rừng núi. Quân ta vây núi 3 ngày, giặc phần nhiều bị chết đói. Ta đốt hết thuyền, quân còn lại chạy về Bắc. Tháng 3, đuổi đến thành Nghệ An rồi về.

Mùa hạ, tháng 4, báo tin chiến thắng, phong Đa Phương làm Kim Đô vệ đại Tướng quân.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, ban chiếu cho quân dân ở Diễn Châu, Nghệ An(4) đào các cảng ở Hải Tây.

Quý Hợi, [Xương Phù] năm thứ 7 [1383] (Minh Hồng Vũ năm thứ 16) mùa xuân, tháng Giêng, sai Lê Quý Ly lãnh thủy quân đi đánh Chiêm Thành. Khi ấy mới đóng thuyền lớn, có các tên như Diễm Dã,

---

(1) Hồ Vệ: ĐVSKTT chép là Hồ Thuật.

(2) Hương Long Đàm: Nay là huyện Thanh Trì, Hà Nội.

(3) Núi Long Đại: Ở địa phận huyện Đông Sơn, tức Đông Thiệu, tỉnh Thanh Hóa.

(4) Nghệ An: Nay thuộc đất hai tỉnh Nghệ An và Thanh Hóa.

Ngọc Đột, Nha Tiệp <24b> đi đến vũng biển Lại Bộ Nương[1] và Ô Tôn[2] bị sóng gió đánh hỏng phải đem quân về.

Mùa hạ, tháng 6, chúa Chiêm Thành là Chế Bồng Nga cùng với chủ tướng của nó là La Ngai đem quân đi bộ theo chân núi ra trấn Quảng Oai tìm đường đóng đồn ở sách Khổng Mục. Kinh sư rất sợ hãi. Thượng Hoàng sai tướng quân Hoa Ngạch là Lê Mật Ôn đem quân đi chống giữ. Mật Ôn đến bãi Tam Kỳ (nay là phủ Quảng Oai)[3] định bày trận chống cự, giặc cho quân voi mai phục từ trước, quân voi đều xông vào, quan quân thua chạy. Mật Ôn bị giặc bắt được. Chiêm Thành từ thời Lê, thời Lý trở về trước, quân lính hèn nhát, quân ta đến thì dắt cả nhà chạy trốn, hoặc khóc lóc xin hàng. Bồng Nga, La Ngai xum họp dạy dỗ dần dần bỏ được thói cũ, mạnh bạo chịu khó, cho nên thường đến cướp phá, trở thành mối lo cho nước ta.

Nguyễn Đa Phương đốc quân dựng rào kỹ ở kinh thành, ngày đêm phòng bị. Thượng Hoàng đến sông Đông Ngạn để tránh giặc. Khi ấy có người học trò là Nguyễn Mộng Hoa để cả mũ áo xuống nước kéo níu thuyền vua xin ở lại đánh giặc. Vua không nghe.

> ***<25a> Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:*** *Nghệ Hoàng không có dũng khí, giặc chưa đến đã trốn, thế thì người trong nước sẽ ra sao? Mộng Hoa là người học trò, còn dám giữ Thượng Hoàng lại. Những kẻ làm quan ăn lộc đáng khinh bỉ lắm thay.*

Mùa đông, tháng 12, Chiêm Thành đem quân về. Thượng Hoàng ở cung Bảo Hòa[4] sai Thiêm Tri nội mật viện sự Nguyễn Mậu Tiên, Lễ bộ Lang trung Phan Nghĩa và gia thần (khuyết danh) của Vũ Hiến hầu ở Tiên Du thay phiên nhau chầu chực. Thượng Hoàng cho ăn, hỏi han việc cũ, ghi chép từng ngày, biên thành 8 quyển đề là Bảo Hòa dư bút sai Đào Sư Tích đề tựa ở đầu sách để dạy bảo.

Giáp Tý, [Xương Phù] năm thứ 8 [1384] (Minh Hồng Vũ năm thứ 17), mùa xuân, tháng 2, Thượng Hoàng thi Thái học sinh ở chùa Vạn Phúc núi Tiên Du, lấy đỗ bọn Đoàn Xuân Lôi, Hoàng Hối Khanh 30 người.

---

(1) Tức cửa biển Nương Loan thuộc địa phận huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

(2) Tức vùng Vĩnh Sơn, thuộc địa phận huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

(3) Phủ Quảng Oai: Gồm đất huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, một phần đất huyện Ba Vì, nay thuộc Hà Nội.

(4) Cung Bảo Hòa: Ở núi Lan Kha tức núi Phật Tích, huyện Tiên Du, nay là huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Mùa hạ, tháng 5, chọn những Thái học sinh còn lại cho làm Thư sử ở cung Bảo Hòa.

Mùa thu, tháng 9, nhà Minh bắt đầu đánh Vân Nam, **<25b>** sai bọn Dương Bàn, Hứa Nguyên đem tờ tư văn của bộ Hộ đến đòi cấp lương cho quân giữ ở Lâm An. Sai Hành khiển ty là Trần Nghiêu Dụ đốc thúc vận sứ của các lộ, vận chuyển lương đến đầu huyện Thủy Vĩ[(1)] để đưa cho. Các quân bị sai đi, nhiễm khí độc, chết rất nhiều.

Ất Sửu, [Xương Phù] năm thứ 9 [1385] (Minh Hồng Vũ năm thứ 18) mùa xuân, tháng Giêng, duyệt định sổ các tụng quan văn võ.

Tháng 3, nhà Minh sai sứ sang xin 20 vị sư. Trước đấy nước ta đưa hoạn quan là Nguyễn Tông Đạo và Nguyễn Toán đến Kim Lăng, vua Minh cho làm cận thần, đãi ngộ rất hậu. Tông Đạo nói: "Sư phương Nam dựng đạo tràng giỏi hơn sư phương Bắc". Đến khi ấy mới xin sư.

Mùa thu, tháng 7, Tư đồ Chương Túc Quốc Thượng hầu là Nguyên Đán về hưu, Nguyên Đán tự hiệu là Băng Hồ, là bậc đại thần người tôn thất. Thấy quyền bính trong nước chuyển xuống những kẻ dưới, nên không để trí vào việc trị nước giúp dân, bèn xin cáo tuổi già về Côn Sơn[(2)] vui với núi đá rặng tre. Thượng Hoàng thường đến chơi nhà hỏi những việc cũ làm bài minh ban cho. Nguyên Đán biết Quý Ly tất sẽ cướp nước mưu tính tránh tai họa về sau, ông bèn gửi con là Mộng Dữ cho Quý Ly xin làm thông gia. Quý Ly đem con gái của Nhân Vinh người tôn thất là Hoàng Trung công chúa gả cho Mộng Dữ. Sau đó cho làm Đông Cung Phán thủ. Em Mộng Dữ là Thúc Dao, Thúc Quỳnh đều làm tướng, về sau Quý Ly giết gần hết người tôn thất nhà Trần, chỉ riêng có con cháu của Nguyên Đán là còn. Nguyên Đán hay làm thơ, có tập thơ Băng Hồlưu hành ở đời. Thơ gửi cho bạn hữu có câu:

"Kim cổ hưng vong chân khả giám,
Chư công hà phẫn gián thư hy".

Dịch nghĩa:

(Xưa nay việc dựng nước, mất nước, gương đã rõ,
Các ông sao nỡ không can ngăn).

Trang Định vương là Ngạc làm thơ nôm yết hậu để ngầm bảo Nguyên Đán. Nhưng khi việc đời đã hỏng, cũng không làm được. Nguyên Đán ở Côn Sơn thường gửi thơ cho Trang Định rằng:

(1) Thủy Vĩ: Tên châu thuộc tỉnh Lào Cai.
(2) Côn Sơn: Núi ở huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

"Ngã thị câu trung(1) khí vật,
Công phi đại hạ kỳ tài.
Hội thủ nhất ban lão khứ (2),
Điền viên tảo biện quy lai",

Dịch nghĩa:

(Tôi thực là đồ bỏ ra ngoài rãnh rồi,
Bác không có tài lớn chống được nhà lớn.
Nay cùng già nua một bọn,
Ruộng vườn mau liệu sớm về).

Đến khi thấy Quý Ly chuyên quyền ngang ngược, Thượng Hoàng đưacon ký thác cho Quý Ly. Lại đặt lời tục ngữ gửi cho Trang Định có câu: "Đêm nay con cáo vào tổ gà, không ăn thịt mẹ cũng ăn thịt con". Ngạc nhận được cũng chỉ than thở mà thôi (bản cũ cho là Thích gửi cho Nguyên Đán là sai).

<26b> Bính Dần, [Xương Phù] năm thứ 10 [1386] (Minh Hồng Vũ năm thứ 19), mùa xuân, tháng 2, nhà Minh sai Lâm Bột sang xin giống các loại cây cau, vải, mít, nhãn. Vì hoạn quan là Nguyễn Tông Đạo nói ở phương Nam có nhiều giống hoa quả cho nên mới sang. Vua sai bọn Viên Ngoại lang là Phạm Đình đem sang cho, nhưng các cây đó không chịu được rét, giữa đường bị chết gần hết. Nhà Minh lại sai cẩm y vệ Xá nhân là Lý Anh sang mượn đường đi đánh Chiêm Thành, đòi 50 thớt voi từ phủ Nghệ An, đặt trạm cấp lương và cỏ, đưa voi đến Vân Nam.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Từ khi nhà Trần đưa bọn hoạn quan Nguyễn Tông Đạo đến Kim Lăng, bọn chúng nói tình hình nước ta với nhà Minh, khoe hết mức về những nhân vật tài hoa, vàng ngọc giàu có. Nay thì nêu nhà sư nổi tiếng; mai thì khoe cây quý rồi lại nói những người con gái xoa bóp kỳ diệu. Người Minh theo ý thích mà đòi hỏi đến nỗi đòi lương thực, đòi voi không năm nào nghỉ* ***<27a>,*** *do đấy lại sai sứ bắt phu mệt mỏi vì chạy theo mệnh lệnh còn cho là giữ lễ thờ nước lớn, mong có thể hết lời gièm pha và hết mối hiềm khích. Không biết rằng người Minh vốn đã mưu thôn tính nước ta, nhưng không tìm được sơ hở, liền công nhiên sai bọn Tông Đạo sang dò thế nước đấy. Ôi! bọn xiểm nịnh*

(1) "Ngã thị câu trung khí vật". ĐVSKTT chép là "Ngã thị đương niên khí vật".
(2) "Hội thủ nhất ban lão khứ" ĐVSKTT chép là "Hội thủ nhất ban lão bệnh".

nhanh nhảu săn đón dễ được người ta ưa thích. Người làm vua thường thường tin dùng. Nhà Trần sai bọn Tông Đạo sang Bắc thì việc nước hỏng, đến nỗi trăm vạn sinh linh trong nước, phải tan nát trong nạn can qua, trẻ con 3 tuổi cũng bị làm mồi cho quân giặc. Người Minh tin bọn Tông Đạo, xâm lược miền Nam mở ra hấn khích từ biên giới được lợi mười mấy năm về sự thu nhập thuế má hộ khẩu. Đến khi Thái Tổ triều Lê ta khởi nghĩa ở Lam Sơn lại không tránh khỏi sự hao binh tổn tướng, đến sinh mạng của nhân dân nước ta, đất đai bản đồ lại thuộc về ta, mà điều xấu hổ vì tham lam mà hỏng việc, càng là chứng cớ đích xác cho người đời sau. Vậy thì người làm chủ nhà nước trong việc dùng người, há chẳng đáng cẩn **<27b>** *thận sao? Còn như bọn Tông Đạo về Nam ngầm cho các người thân thuộc lá cờ làm bằng để phòng quân phương Bắc, mưu lợi ích cho mình mà không sợ hại đến người. Chỉ biết có nhà mà không biết đến nước. Nước chưa bị phá thì nhà đã mất. Kẻ tiểu nhân phản nước quên vua. Cái gọi là "điều mày làm ra thì nó quay lại với mày", lưới trời chưa từng để lọt đấy, há chẳng đáng cẩn thận sao ?*

Cho Hồ Tông Thốc làm Hàn lâm Học sĩ phụng chỉ. Tông Thốc vì văn học được thời ấy trọng. Trước làm An Phủ có xâm phạm của dân. Nghệ Tông giận hỏi, ông lạy tạ rằng: "Một người con đội ơn vua thì cả nhà ăn lộc trời". Vua tha tội. Nhiều lần được thăng đến chức quan ấy, kiêm "Thẩm hình Viện sự. Hơn 80 tuổi thì mất (Tông Thốc, người huyện Thổ Thành, phủ Diễn Châu. Có tài học. Tuổi trẻ thi đỗ. Ban đầu chưa nổi tiếng lắm. Gặp tiết Nguyên Tiêu[1] có đạo nhân là Lê Pháp Quan mở hội treo đèn, mời văn khách dự tiệc vui. Tông Thốc được giấy mời, ngay trên bữa tiệc làm xong một trăm bài thơ, mọi người đều xúm lại xem và thán phục. Từ đó tiếng tăm lừng lẫy ở kinh sư. Những bài ông làm có bài phú *Địa lý chỉ nam*, từ và nghĩa đều rất hay. Quý Ly cầm quyền nhà nước, ông biết thời thế không thể làm được, lấy điều an nhàn phóng khoáng tự gửi gắm mình, không ngày nào không làm thơ uống rượu. Có tập thơ *Thảo nhàn hiệu tần* đều là cảm thời thế **<28a>** mà làm ra.

Đinh Mão, [Xương Phù] năm thứ 11 L1387] (Minh Hồng Vũ năm thứ 20), mùa xuân, tháng 2, Thượng Hoàng từ cung Bảo Hòa về kinh.

---

[1] Tiết Nguyên Tiêu: Tết đêm rằm tháng giêng.

Tháng 3, cho Lê Quý Ly làm Đồng bình chương sự, cho thanh gươm và lá cờ đề chữ "văn, võ toàn tài, quân thần đồng đức". Quý Ly làm thơ bằng quốc ngữ để tạ ơn.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Kẻ loạn thần tặc tử thực hiện được mưu kế của chúng, chẳng phải là một sớm một chiều mà nó đến dần dần từ lâu rồi. Cho nên thánh nhân phải nhận biết được từ sớm mà cẩn thận phòng giữ như khi "đạp lên sương thì biết sẽ có băng"*(1)*. Họ Hồ cướp ngôi nhà Trần, không chỉ vì Nghệ Hoàng không cẩn thận trước âm mưu của nó mà còn tự gây nên đầu mối nữa.*

Mậu Thìn, [Xương Phù] năm thứ 12 [1388] (từ tháng 11 về sau là Thuận Tông năm Quang Thái thứ 1, Minh Hồng Vũ năm thứ 21), mùa hạ, tháng 5, cho Trần Đỗ làm cung lệnh. Đỗ là con Thượng vị hầu Tông. Mẹ nó cải giá lấy Quý Ly nên có **<28b>** mệnh lệnh này. Sau lại đổi là họ Hồ.

Tháng 6, cho Lê Quý Ly làm Phán thủ Tri tả hữu Ban sự, Nội nhân là Nguyễn Vị làm Tri điện nội, Trần Ninh làm Tri khu mật Viện sự. Nhập nội Hành khiển Tả ty là Vương Hữu Chu về hưu trí, cho Lê Dữ Nghị thay.

Mùa thu, tháng 8, sao Chổi mọc ở phương tây.

Mùa đông, tháng 10, ngày rằm, nguyệt thực lấp cả mặt trăng.

Tháng 12, Quý Ly lấy chiếu chỉ của Thượng hoàng phế vua làm Linh Đức Đại vương, rồi giết đi.

Trước đây vua vì thấy sao Chổi xuất hiện, cùng bàn mưu với Thái úy Ngạc rằng: "Thượng Hoàng yêu quý người họ ngoại là Quý Ly cho tự ý dùng người, nếu không lo trước thì sau ắt sẽ khó trị đấy". Còn Vương Nhữ Chu là Nhữ Mai hầu vua học tiết lộ mưu ấy. Quý Ly biết được. Đa Phương khuyên Quý Ly ra núi Đại La(2) để chờ biến động. Phạm Cự Luận nói: "Không nên, một khi đã ra ngoài thì khó mà mưu tính sinh tồn được". Quý Ly nói: "Nếu không có phương kế gì thì ta nên tự tử chứ không lọt vào tay người khác". Cự Luận nói: "Thượng Hoàng rất căm vua vì cái chết của **<29a>** Quan Phục Đại vương, vua không hài lòng, nay quyền bính ở trong tay đại nhân mà vua lại mưu tính thì Thượng Hoàng càng ngờ lắm. Đại nhân hãy tiến vào phân trần lợi hại, Thượng

---

(1) Ý nói phải thận trọng đề phòng sự biến xảy ra, khi mới thấy triệu chứng như thấy sương là biết sẽ có băng.

(2) Núi Đại La: Ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

Hoàng tất sẽ nghe theo. Thượng Hoàng có nhiều con chính đích mà lại lập cháu chú bác. Ngạn ngữ có câu: "Chưa thấy ai bán con nuôi cháu, mà chỉ thấy bán cháu nuôi con". Dùng lời nói để cảm động Thượng Hoàng, may ra Thượng Hoàng tỉnh ngộ, đối lập Chiêu Định thì chuyển họa thành phúc dễ như trở bàn tay. Nếu Thượng Hoàng không nghe theo thì chết cũng chưa muộn". Quý Ly nghe theo kế đó, ngầm tâu như lời Cự Luận, Thượng hoàng cho là phải lắm. Đến mờ sáng ngày hôm đó, Thượng Hoàng nói là đến Yên Sinh, sai quân điện hậu theo bảo vệ, rồi sai cho chi hậu nội nhân gọi vua đến để bàn việc nước. Vua chưa ăn sáng vội đi ngay, chỉ có hai người theo hầu. Vua đến, Thượng Hoàng nói: "Đại vương lại đây" rồi sai người đưa ra giam ở chùa Tư Phúc, ban tờ nội chiếu rằng: "Trước đây Duệ Tông không trở về, dùng con đích để nối ngôi là đạo từ xưa. Nhưng từ khi nhà vua lên ngôi **<29b>** tới nay, càng nhiều tâm tính trẻ con, đức hạnh không thường, thân thiện với bọn tiểu nhân, nghe bọnLê Á Phu, Lê Dữ Nghị vu oan cho công thần làm lung layxã tắc, nên giáng làm Linh Đức Đại vương. Nhưng nhà nước không thể không có chủ, ngôi vua không thể để trống lâu ngày, nên đón rước Chiêu Định vào nối giữ nghiệp lớn. Bố cáo cho thiên hạ đều được nghe biết". Bèn giáng con vua làm Thuận Đức vương. Các tướng của quân phủ cũ là Nguyễn Khoái, Nguyễn Vân Nhi, quản Thiết Giáp quân là Nguyễn Kha, Lê Lặc, quản Thiết Sang quân là Nguyễn Bát Sách muốn đem quân cướp vua ra, vua viết hai chữ "giải giáp"(1) và dặn họ đừng trái ý của Phụ Hoàng. Bọn họ lại thôi. Lúc sau đưa vua xuống phủ Thái Dương thắt cổ cho chết.

Trước đây Hoàng hậu của Duệ Tông tức là mẹ của Linh Đức, là em họ của Quý Ly. Duệ Tông đi đánh phương Nam không trở về, bà bèn cắt tóc làm sư. Đến khi Nghệ Tông cho Linh Đức nối ngôi, bà từ chối không bắt vào cung. Gặp Thái úy Ngạc nói chuyện có vẻ lo thì lại khóc bảo thân nhân rằng **<30a>** "Con ta phúc mỏng, khó đảm nhiệm được việc lớn. Tiên hoàng qua đời. Kẻ chưa chết này chỉ muốn chết, không muốn thấy việc đời, huống chi là trông thấy con sắp nguy hay sao?" Bà mất được hai năm thì Linh Đức vương bị hại.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Việc lập Linh Đức cũng là do Nghệ Hoàng, mà phế bỏ cũng do Nghệ Hoàng. Trước kia Nghệ hoàng không nghe lời của Lê hậu là vì nghĩa, sau nghe lời gièm của Quý Ly là vì lòng riêng. Nhưng trước kia lập lên sao mà sáng*

(1) Tức giải tán quân lính.

suốt thế, mà sau bỏ đi sao lại tối tăm vậy. Lại thắt cổ giết đi là quá đáng đấy! Lại nói thế của họ Hồ, lúc đó mọi người đều biết là sẽ cướp ngôi. Trang Định vương Ngạc làm Thái úy và là con của Nghệ Hoàng thấy xã tắc sắp đổ, nếu biết lấy lẽ phải làm cho vua cha sáng tỏ hiệu lệnh, khiến cho quần chúng theo như bạn bè, thì nếu Nghệ Tông già lẫn lại trở về, Giản Hoàng nhu nhược lại lập **<30b>** *lên, thì quyền bính có chủ, lệnh do trên ban ra thì gian tình của họ Hồ tự phải xẹp đi đấy. Trang Định không tính đến kế ấy. Á Phu không lường được vua là người không có tài cương đoán, lại khuyên giết Quý Ly, mà mưu kế không cẩn mật, khiến cho nó biết trước. Trang Định lại không quyết đoán sớm, để lỡ cơ hội đến nỗi việc hỏng bản thân bị chết, vạ lây cả đến những quân tướng giỏi. Đáng than thay! Có người nói: họ Hồ trên được lòng vua, dưới làm chủ việc quân, cho dù Nguyên Đán có kiến thức lại già dặn với công việc còn không làm gì được, huống là Trang Định vương sao! Xin nói rằng: Xem trong lòng Quý Ly không tự yên mà muốn tự tử, thì biết Quý Ly cũng dễ trị thôi. Trước hết hãy trừ khử Đa Phương, Cự Luận để chặt vây cánh của nó thì thế nó tự bị cô lập đấy.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Trời muốn làm cho người ta mất nước, tất làm cho tối tăm cái trí của những kẻ làm việc, như là có vật gì che lấp người xem chung quanh, dù thấy nhưng cũng rối ren, khiến cho không làm gì được. Nghệ Tông mê hoặc về Quý Ly, tự cho Quý Ly là toàn tài, có thể giao cho việc văn, việc võ mà người thường không thể đảm đương được, lại tự cho là cùng một đức tính có thể gửi gắm lòng dạ được, còn con em thì không đủ tin. Linh Đức, đứa cháu mồ côi vì mưu giết Quý Ly bị phế rồi chết. Trang Định, người con hiền tài vì trái ý Quý Ly chạy trốn rồi chết. Nguyên Đán gửi gắm vào lời nói bóng mà không được. Nhật Chương vì mang lòng khác mà bị giết. Bùi Mộng Hoa lấy lời hát của trẻ con mà thẳng thắn can ngăn đến nỗi lấy bản tâu của mình đưa cho xem. Người ta nhiệt tình mà mình thì lơ đãng, do đấy ma quỷ bảo cho sự hưng vong, nhưng Xích Chuỷ hầu bị mê hoặc ở lầu Bạch Kê đã sâu, không sao giải thoát được. Nghệ Tông mời kẻ trộm đến nhà, nuôi hổ chờ nó cắn, tích luỹ tội ác, nhòm ngó ngôi vua, đã thành cướp đoạt. Trang Định gặp phải người cha tối tăm, cũng chẳng làm gì được. Á Phu bày mưu cho vị vua nhu nhược tầm thường cũng là rất bất đắc dĩ, việc tuy không thành chí cũng*

đáng thương <31b>. Có lẽ lấy nhà Hồ làm mất nhà Trần, ý của trời không thể xoay chuyển được và cũng không thể lấy lẽ thường mà trách được đấy.

Phong Thái úy Ngạc làm Đại vương. Trước đây Linh Đức bị giáng, Quý Ly nói phao là lập Ngạc làm con nối ngôi; Ngạc từ chối không được. Quý Ly nhân sơ hở nói với Thượng Hoàng rằng: "Thái úy biết nhường ngôi báu là có đức lớn đấy". Thượng Hoàng cho lời nói đó là đúng, cho nên có nệnh lệnh này. Trước đây ở sảnh đài từ Đồng bình chương sự trở lên được ngồi ghế tựa sơn đen. Ngạc lúc ấy làm Thái úy, Quý Ly làm Đồng bình chương sự. Tri thẩm hình viện Lê Á Phu xin bỏ ghế của Quý Ly không cho ngồi cùng với Ngạc, lại ngầm tâu Linh Đức giết Quý Ly. Mưu bị tiết lộ. Đến khi ấy Á Phu, Khoái, Vân Nhi, Kha, Bát Sách, Lặc và học sinh yêu của Linh Đức là Lưu Thường đều bị giết (khi Thường bị hành hình làm thơ rằng:

Tàn niên tứ thập hựu dư tam,
Trung ái phùng chu tử chính cam.
Báo nghĩa sinh tiền ưng bất ngộ,
Bộc thi nguyên thượng cánh hà tàm.

Dịch nghĩa:

(Năm tàn tuổi mới bốn mươi ba,
Bị chết vì trung cũng đáng mà.
Không thẹn bình sinh giữ điều nghĩa,
Thây phơi đồng nội có xấu gì).

Riêng có Dữ Nghị phải tội đày đến Trại Đầu. Dữ Nghị là anh họ của Á Phu. Bát Sách trốn, bắt giam mẹ của Bát Sách, Bát Sách mới ra chịu hành hình. <32a>.

Thượng Hoàng lập con út là Chiêu Định vương Ngung làm Hoàng đế. Ngung lên ngôi, đổi niên hiệu là Quang Thái năm thứ 1. Đại xá, xưng là Nguyên Hoàng.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Quá lắm thay cái già lẫn của Trần Nghệ Tông đấy. Đầu tiên nhường ngôi cho em, em chết lại nhường ngôi cho cháu, không mảy may coi ngôi báu là của riêng mình. Tấm lòng ông sao mà trong sáng thế! Đến khi tuổi già, bị Quý Ly mê hoặc. Nghe lời nịnh "bán cháu nuôi con", như thế tức là giữa con và cháu có ý cân nhắc nặng nhẹ và lợi hại. Nhưng cũng chưa phải là quá. Xã tắc là trọng: người hiền đức thì nên lập có kể gì*

con hay cháu. Các con của Nghệ Tông chỉ có Trang Định là lớn và giỏi, có lẽ là người mà Quý Ly kiêng sợ phải nói phao là sẽ lập làm con nối ngôi, để cho Trang Định từ chối. Một khi từ chối liền tôn là người có đức lớn để ngăn cái ý muốn lập Trang Định của Nghệ Tông. Nghệ Tông trong lòng không có định kiến <32b>*, nhận cái giả làm cái thật. Ông già 60 tuổi nhường ngôi cho đứa trẻ hơn 10 tuổi, gửi con cho con quạ già, mà vẫn cứ cố khuyên rằng chớ ăn thịt con mới nở của ta. Không biết con quạ già có thể tin được chăng? do đó ban bức tranh "tứ phụ" mong Quý Ly được như Chu Công, Võ Hầu. Còn lo là lòng thành chưa thoả, lại dụ là: Có thể giúp được thì giúp, thực tối tăm quá. Mong cho con chim yêu quái thay đổi tiếng kêu, không biết rằng nó đã gác mỏ trực ở bên rồi. Ôi! Sao mà già lẫn đến thế!*

Nhà Minh sai Đỗ Tử Hiền, Ô Lân, Hình Văn Bác mang sắc sang phong, khi tới nơi thì Linh Đức đã bị giết hại. Trước kia sứ phương Bắc sang thì dẫn vào cửa Tường Phù, riêng bọn Lân sang thì dẫn vào cửa Cảnh Dương.

HẾT QUYỂN VIII BẢN KỶ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

BẢN KỶ

QUYỂN IX

THUẬN TÔNG HOÀNG ĐẾ

<1a>(Vua tên húy là Ngung, con út của Nghệ Tông làm vua hơn 9 năm, đi tu hơn 1 năm rồi bị Quý Ly giết, thọ 21 tuổi. Làm vua chỉ giữ ngôi suông, sống nhờ, năm nào sống, ngày nào chết đều do bọn gian thần nắm giữ, đáng thương thay!).

Kỷ Tỵ Quang Thái năm thứ 2 [1389], (Minh Hồng Vũ năm thứ 22), mùa xuân, tháng Giêng, lập con gái đầu của Quý Ly làm Hoàng hậu, gọi nơi ở của bố là điện Hoàng Nguyên.

Tháng 2, mai táng Linh Đức Đại vương ở núi An Bài.

Tháng 3, cho Đô Tử Trưng làm Ngự sử đại phu.

Mùa hạ, tháng 4, cho Phạm Cự Luận làm Thiên thư Khu mật viện sự. Quý Ly hỏi ai làm được thuộc Khu mật viện, Cự Luận bèn tiến cử em là Phạm Phiếm và Vương Khả Tuân, Dương Chương, Hàn Tử Tây, Nguyễn Sùng, Cảnh Chân đều là những người có danh tiếng, nhất là Đỗ Tử Mãn.

Tháng 5, cho **<1b>** Vương Khả Tuân giám sát quân Thần Dực ở Ý Yên, Dương Chương giám sát quân Thần Dũng.

Mùa thu, tháng 8, có người tên là Nguyễn Thanh xưng là Linh Đức lánh nạn ở Sông Lương[1] dân đều hưởng ứng.

---

[1] Sông Lương: Tức Sông Chu ngày nay.

Tháng 9, người ở Nông Cống[1] là Nguyễn Kỵ tụ tập dân chúng cướp bóc tự xưng là Lỗ Vương Điền Kỵ[2].

Mùa đông, tháng 10, người Chiêm Thành đánh cướp Thanh Hoá, xâm phạm vùng Cô Vô. Vua sai Quý Ly đem quân chống cự bị thua to,

Quý Ly trốn về. Lúc đó bọn giặc đắp đập ở vùng thượng lưu, quan quân đóng cọc ở vùng Bàn Nha để chống lại. Giặc cho quân và voi mai phục giả bỏ trại không trở về. Quý Ly chọn những người giỏi khoẻ làm đội quân cảm tử truy kích giặc. Thủy quân nhổ cọc ra đánh. Giặc bèn phá đập, cho voi xông ra. Lúc đó quân tinh nhuệ đã đi xa, quân thủy khó ngược dòng, bởi thế bị thua.

Tướng Thánh Dực là Nguyễn Chí (có bản chép là Trần Đình Quý) bị giặc bắt. Quân và tướng còn lại 70 người đều bị chết. Quý Ly trốn về, để tỳ tướng là Phạm Khả Vĩnh ở lại chống nhau với giặc. Nguyễn Đa Phương tạm giữ quân Thánh Dực. Đa Phương bàn với Khả Vĩnh rằng: **<2a>** "Thế giặc như vậy, quân ta đơn độc, khó mà chống chọi được lâu. Nếu rút, quân giặc tất sẽ thừa cơ đuổi sau". Bèn hạ lệnh cho các quân giương cờ xí, buộc thuyền lớn vào cọc, sai người trông giữ, lấy thuyền nhẹ chạy trốn từ ban đêm. Quý Ly đến triều đình xin lấy thuyền chiến Châu Kiều đưa thêm ra. Thượng Hoàng không cho nhân đấy Quý Ly xin trả binh quyền không đi đánh nữa.

> ***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:*** *Quý Ly thêm làm Đại tướng, có quan hệ đến sự yên nguy của nước, mà đến nỗi mất kỷ luật, tan rã quân đội. Tội thực lớn thay, đã không biết lo tính dốc sức trận sau, để chuộc tội lần trước, lại bỏ quân lính về trước. Làm kế tránh giặc, lại không tự cầm tù nhận tội, như người xưa đã làm. Lòng khinh vua lớn lắm đấy. Theo phép quân mà làm việc thì Thiên tử phải nên trừng phạt đấy. Trong trận đánh ở Thành Bộc, Tử Ngọc làm quân tan rã, sở Tử giết đi. Như vậy tuy hơi quá đáng, nhưng nước sở càng ngày càng mạnh là uy lệnh được thi hành. Nghệ Hoàng không bắt tội Quý Ly là sai chính sự hình phạt. Còn như* **<2b>** *Đa Phương, Khả Vĩnh thế quân cô đơn mà đương đầu với giặc mạnh phải trốn đi ban đêm thì không đáng trách lắm. Vì dụng binh thì đánh lui giặc là có công, khi bất lợi rút lui là không có lỗi, dùng mưu lừa giặc mà lui quân là thuật*

---

[1] Nông Cống: Xưa là huyện Tư Nông, nay là huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Điền Kỵ: Tướng nước Tề, Trung Quốc.

của nhà binh, có hại gì đâu? Nghệ Tông chẳng biết dùng Đa Phương đấy thôi.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Quý Ly nắm binh quyền, giữ nước, bỏ vua, lập vua, điều khiển vua Nghệ Tông như con rối, sai sang trái thì sang trái, sai sang phải thì sang phải, lòng khinh vua đâu phải đến khi ấy mới có. Trong chiến dịch Bàn Nha bỏ quân mà về, tiến lui tự do, không kiêng sợ ai, bởi vì Nghệ Tông đã mê muội từ lâu, há dám hỏi cái tội làm tan quân mà ra lệnh trừng phạt của Thiên tử được đâu. Còn như bọn giặc Man chiếm nơi trọng yếu mà Đại tướng, Ty tướng lần lượt trốn về, phó thác dân cả một quận vào mồm giặc đói, không mảy may đoái hoài cả đến việc trừng phạt, tội quân mất kỷ luật cũng không hề nghe thấy. Quân chính cuối thời Trần bại hoại đến như vậy! Nghệ Tông cũng chẳng đáng trách,* **<3a>** *Quý Ly toan cướp nước của người ta, mà chí lại tồi tệ như vậy thì bị bắt làm tù binh là đáng lắm thay!*

Tháng 11, Thượng Hoàng sai Trần Khát Chân đem quân Long Tiệp đi chống quân Chiêm Thành. Khát Chân vâng lệnh khảng khái ứa nước mắt tạ từ rồi ra đi. Thượng Hoàng cũng khóc, đưa mắt tiễn nhau. Quân xuất phát từ Sông Lô đến Sông Hoàng thì gặp giặc. Khát Chân thấy không có địa thế có thể đánh được, lui về phòng thủ ở sông Hải Triều. Em Linh Đức là Nguyên Diệu muốn báo thù cho Linh Đức, đem quân đầu hàng giặc.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Quý Ly chuyên quyền, làm bậy, từ lâu nuôi dưỡng lòng không muốn làm bề tôi, nhưng từ khi Linh Đức bị phế bị giết và sau khi bọn Á Phu Nguyễn Khoái bị giết. Quý Ly vẫn còn im lặng không dám thành công, cái đó chẳng phải vì sợ Nghệ Tông và người trong nước, mà chỉ sợ giặc Chiêm Thành thôi. Sự mê muội của Nghệ Tông đã nuôi thành tội ác của nó, không sao gỡ ra được. Đương khi ấy trung thần nghĩa sĩ đã hăng hái lên nhưng chỉ là mượn bọn giặc Chiêm Thành để quét sạch bọn giặc bên cạnh nhà vua. Có lẽ Quý Ly từ khi* **<3b>** *ở Bàn Nha rút lui trốn về xin giải binh quyền, chí ngang ngược đã tan rồi. Khát Chân được người trong đời khen là người khoẻ mạnh trong một thời, quân tinh nhuệ nắm giữ trong tay, cầu xin không gì là không được, mưu kế không gì là không xuôi, lại không nhân khi ấy xin với Nghệ Tông vạch tội Quý Ly mà giết đi, giết tên quyền gian để tạ thiên hạ, rồi sau giương cờ, gõ trống tiến nhanh lên mà đón đánh giặc, hả được lòng căm phẫn của thần dân, thì*

khí thế của quân sĩ cũng nhân lên gấp bội, bọn giặc Man lo gì không đủ sức dẹp được hay sao.

Muốn kéo lại mặt trời khi sắp lặn, muốn chống lại ngôi nhà lớn sắp đổ, đấy há chẳng phải là cơ hội tốt sao? Mất thời cơ ấy không lo tính, khiến cho đứa gian tà im hơi đợi tin chiến thắng, được thêm mưu đồ cướp ngôi, dùng dằng mười năm, càng ngày người theo nó càng đông, để thành bè đảng, rồi sau mới làm việc cầu may, vẫn không biết tự quyết cả mọi người chết uổng, xã tắc cũng mất theo, há chẳng phải là có sức mà không có mưu, lòng trung có thừa mà <4a> mưu trí không đủ đấy chăng! Tuy vậy Khát Chân sao đủ cân nhắc việc ấy, bởi vì giẫm lên đuôi hổ mà hổ không cắn người, thì những kẻ bất học vô thuật làm sao có thể làm được.

Cho con của Thái tể Nguyên Trác là Nhân Tĩnh vương Nguyên Dĩnh làm Tư đồ; cựu Hàn lâm học sĩ Trần Tôn làm Thiếu bảo.

Giết tướng quân Thánh Dực là Nguyễn Đa Phương. Đa Phương từ khi ở Lô Giang về, cho mình là có công cao lên mặt, nhiều khi chê Quý Ly là không có tài, Quý Ly bèn gièm pha rằng: vì Đa Phương mà bị thua trận, bèn thu quân của Đa Phương; Đa Phương vẫn có vẻ kiêu ngạo. Thượng Hoàng nói: "Nên xử tội nhẹ để răn". Quý Ly nói: "Đa Phương là người khoẻ mạnh, nó có thể sang nước Minh ở phía Bắc xuống Chiêm Thành ở phía Nam, thả hổ để mối lo về sau, chi bằng giết đi". Vua bèn cho xử tội chết, Đa Phương than rằng: "Ta vì có tài mà được sang, cũng vì tài mà bị chết, nhưng chỉ ân hận là không được chết ở nơi trận địa mà thôi".

<4b> Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Đa Phương bè đảng với nhà Hồ, trời hoặc xui ra việc ấy để giết đi đấy. Khả Vĩnh sau vì giúp nhà Hồ mà giết Thuận Tông, cũng vì bè đảng mà chết kẻ theo hùa. Bọn bề tôi làm giặc hãy lấy đó mà làm gương.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Giặc Chiêm Thành ngang ngược, hung hăng thì Quý Ly trốn trước, Đa Phương cũng trốn theo, lại cho mình có công cao mà kiêu ngạo, há phải lấy việc tránh né giặc bảo toàn quân làm công, sao không biết xấu hổ với người lính giữ cọc neo thuyền? Còn chê Quý Ly để chuốc lấy sự gièm pha, đã bị thu quân còn vì tự kiêu mà chuốc lấy cái chết. Lại tự khoe tài của mình mà không biết hối. Ôi! Con chim nhạn biết kêu thì không bị mổ, cây gỗ cứng thì bị bỏ. Giả sử Đa Phương không sai lầm vì kiêu ngạo, thì có bao giờ vì tài mà chết đâu! Cái chết của Đa Phương có thể làm răn cho kẻ có chút tài mà kiêu ngạo với người.*

<3a> Tháng 12, nhà sư là Phạm Sư Ôn làm phản, xâm phạm kinh sư. Hai vua chạy đến Bắc Giang. Sư Ôn tụ tập quân ở trên đường Quốc Oai, tiếm xưng đại hiệu. Cho Nguyễn Tông Mại người Lư Mộ, Cổ Sở[1] và Nguyễn Khả Hành người La Xã[2] làm chức Hành khiển, tập hợp bọn không quê quán làm các đội quân Thần Kỳ, Dũng Đấu, Vô Hạn kéo đến nơi cung khuyết. Hai vua chạy đến châu Bắc Giang để tránh. Sư Ôn ở kinh 3 ngày, ra đóng đồn ở Nộn Châu[3]. Thượng Hoàng sai Hoàng Phụng Thế Tướng quân Tả Thánh dực đi đánh dẹp yên. Lúc ấy Phụng Thế và Tướng Chiêm là La Ngải chống nhau ở sông Hoàng. Nhận được mệnh lệnh, đường đi phải qua sông Miệt[4] mùa đông nước sông bị cạn, PhụngThế cho khai dòng sông để đưa thuyền chiến đi ra đánh một trận đã bắt được Sư Ôn, Tông Mại, Khả Hành đều bị giết. Những người còn lại bị cưỡng bức theo không hỏi đến một ai (Phụng Thế người Hoằng Hoá).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Cuối đời Trần võ bị bê trễ, kinh thành trống rỗng* ***<5b>*** *giặc đến là chạy trốn, trai, gái, lụa, ngọc đều bỏ không đoái hoài. Bọn giặc Chiêm Thành hung hãn khó chống cự đã đành, đến cả bọn giặc ở nơi thôn dã cũng đánh một trận đã chạy thẳng đến kinh thành. Lần lữa 3 ngày không dám chống cự. Sao mà hèn nhát đến như thế! Nghệ Tông vốn kém võ lược, răng rụng đởm run, Quý Ly đảm đương việc nước, là chủ việc quân, chỉ biết xiểm nịnh để được sự yêu quý, ngầm mưu cướp ngôi, cho đến việc tuyển lựa quân cấm vệ tu sửa thành quách không từng lưu ý đến việc đặt quân canh gác, bọn yêu tăng xướng lên một tiếng thì kinh thành đã thất thủ, xe vua đã bỏ chạy, thế còn gọi là trong nước có người nữa hay sao ? Mà còn muốn được trăm vạn quân để chống giặc phương Bắc. Thực là ngu và viển vông quá lắm đấy. Có người bàn rằng: Nhà Trần từ khi mới dựng nước nếu có sự khẩn cấp thì nhà vua chạy ra ngoài, kêu gọi bốn phương giết giặc để giành phần thắng, không phải cần giữ thành, ta đáp rằng: giặc Nguyên vào cướp phá, quân giặc đầy rẫy trong bờ cõi mà cứ khư khư giữ thành* ***<6a>*** *thì ít khi không bị quân giặc bắt. Vua Thái Tông, vua Nhân Tông cho việc ra ngoài để đánh là giữ chứ không cho việc ở lại*

---

[1] Cổ Sở: Nay là xã Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội.

[2] La Xã: Nay là xã Xuân La, thuộc Từ Liêm, Hà Nội.

[3] Nộn Châu: CM chép là lộ Quốc Oai. Nay chưa rõ.

[4] Sông Miệt: Tức sông Châu Cầu ngày nay.

mà giữ là giữ đấy. Còn như bọn nhỏ mọn trộm cắp ngoài biên giới, bọn gian dân múa máy giáp binh, thì sao không bẻ roi mà đánh? Đàng hoàng vua Thiên tử mà hoảng hốt bỏ chạy chép vào trong sách, thật đáng xấu hổ lắm thay!

Canh Ngọ [Quang Thái] năm thứ 3 [1390] (Minh Hồng Vũ năm thứ 23), mùa xuân, tháng Giêng, Đô tướng Trần Khát Chân đánh bại quân Chiêm Thành ở Hải Triều. Chúa Chiêm Thành là Chế Bồng Nga chết. Khi đó Chế Bồng Nga và hàng tướng là Nguyên Diệu lãnh hơn 100 chiến thuyền đến xem hình thế quan quân. Nhiều thuyền chưa tụ tập được, 1 quan nhỏ của Bồng Nga là Ba Lâu Kê bị Bồng Nga trách phạt, chạy đến quân doanh chỉ vào thuyền sơn xanh mà nói rằng: "Đó là thành của quốc vương". Khát Chân ra lệnh cho súng lửa cùng bắn, bắn xuyên Bồng Nga vào ván thuyền mà chết. Người trong thuyền kêu khóc ầm ĩ. Nguyên Diệu chạy lại lấy đầu của Bồng Nga chạy về với quan quân. Đại đội phó Thượng **<6b>** đô quân Long Tiệp là Phạm Nhữ Lặc, đầu ngũ là Dương Ngang bèn giết Nguyên Diệu, lấy đầu của Bồng Nga. Quân giặc tan rã, Khát Chân ra lệnh cho quân giám Lê Khắc Khiêm bỏ đầu Bồng Nga vào hòm, dùng thuyền con chở gấp về hành tại Bình Than, báo tin thắng trận. Lúc đó mới trống canh ba, Thượng Hoàng ngủ say, chợt tỉnh dậy tưởng giặc đến dinh, đến khi nghe tin thắng trận mừng lắm triệu quân thần, lấy đầu Bồng Nga ra xem kỹ. Trăm quan mặc áo triều phục hô vạn tuế. Thượng tloàng nói: "Ta với Bồng Nga chống cự nhau đã lâu rồi, nay mới được thấy nhau, khác nào Hán Cao Tổ gặp đầu Hạng Vũ, thiên hạ yên rồi đấy".

La Ngải dẫn quân còn lại đến bờ sông Lô hỏa táng hài cốt Bồng Nga, rồi ngày đêm đi bộ men theo chân núi, làm đường sàn, nấu cơm ở trên vừa đi vừa ăn giữ trọn vẹn số quân trở về. Khi có quan quân truy kích thì dừng voi vất của cải ra để ngăn lại. Lúc ấy người Nghệ An ăn ở hai lòng. Người Tân Bình[1] và Thuận Hóa phần nhiều làm phản, theo người Chiêm Thành cho nên người địa phương **<7a>** đánh du kích khắp nơi, không ai chống cự được. Tuy triều đình cho Lê Khả Chú làm An Phủ sứ ở hai lộ ấy, nhưng chỉ ở Kinh chỉ đạo, từ xưa chưa hề đến quận. Riêng có thổ hào là Phan Mãnh và Phạm Cang đem dân quy thuận. Mãnh can đảm mưu lược, dò xét tình hình địch có công đón đánh quân bỏ chạy. Vua thưởng rất hậu, khi về thăng làm chức

---

(1) Tân Bình: Xưa là Địa Lý. Nay thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình.

Uy Minh tướng quân cai quản quân Thánh Dực ở vùng Tân Bình và Thuận Hóa đeo vân phù vàng.

Tháng 2, vua ngự đến Long Hưng, Kiến Xương, Yên Sinh bái yết các lăng. Ban chiếu bắt đảng giặc là Nguyễn Đĩnh, Nguyễn Đông, Nguyễn Doãn, Hoàng Khoa, Nguyễn Khang. Người bị cưỡng bức theo thì không trị tội. Nguyễn Đĩnh, Trần Tôn nhảy xuống nước chết. Khang chạy về phía Bắc, nước Minh sang nói dối là con cháu nhà Trần và đổi tên là Thiêm Bình.

Cho Trần Khát Chân làm Long Tiệp, phụng thần nội vệ ThượngTướng quân, phong tước Vũ tiết quan nội hầu; Phạm Khả Vĩnh làm Xa kỵ vệ Thượng Tướng quân. Phong tước Quan Phục hầu; Phạm Lặc, Dương Ngang thưởng tước Ngũ tư. Cho Lặc làm Giám cấm vệ đô; cho Ngang 30 mẫu ruộng <7b>. Còn những người khác thăng chức tước thứ bậc khác nhau.

Tôn thêm huy hiệu cho các tiên đế, tiên hậu và thụy hiệu cho thần kỳ các nơi.

Tháng 6, bão to, mưa lụt lớn.

Cho em Nguyên Diệu là Chương Tịnh vương Nguyên Hy làm Nhập nội kiểm hiệu hữu Tướng quốc bình chương sự; cái chết của Nguyên Diệu làm cho Nguyên Hy không yên tâm cho nên có lệnh này.

Tướng Chiêm Thành là La Ngải chiếm giữ nước tự làm vua. Con của Bồng Nga là Chế Ma Nô Đà Nan và em là Chế Sơn Nô sợ bị giết, bèn chạy về với ta. Phong Ma Nô Đà Nan là Hiệu Chính hầu, Sơn Nô làm Á hầu.

Mùa đông, tháng 10, khơi sông Thiên Đức. Sai thợ đá đào cửa độngở núi Thiên Kiện và động ở núi Lan Mai để lấy tiền của chôn trước kia. Khi ấy hai núi đều bị lở, cửa động bị lấp, không đào được đành bỏ.

Tháng 11, Tư đồ Chương Túc quốc Thượng hầu là Nguyên Đán mất. Nguyên Đán là người nhân từ, nho nhã, có phong cách của người quân tử. Thượng Hoàng thường đến chơi nhà hỏi thăm bệnh và việc về sau. Ông đều không trả lời chỉ nói: "Xin bệ hạ hãy kính nước Minh như cha, yêu Chiêm Thành như con, thì nước nhà sẽ vô sự. Thần tuy chết cũng không mục nát. Thượng Hoàng làm thơ đề trên mộ Nguyên Đán. Nguyên Đán thường làm thơ *"thập cầm"*.

Có câu rằng:

Nhân ngôn ký tử dữ lão nha,

Bất thức lão nha liên ái bất.

Dịch nghĩa:

(Đem con mà gửi cho con quạ

Đâu biết quạ già chẳng đoái thương).

Có lẽ là ngầm bảo Thượng Hoàng về việc phó thác Thuận Tông cho Quý Ly đấy. Nguyên Đán có hai con gái, lớn là Thái, bé là Hợp, sai Nho sinh là Nguyễn Ứng Long và Nguyễn Hán Anh dạy học. Ứng Long đi lại với Thái có mang, Nguyên Đán phải gả cho Ứng Long, sau đổi tên là Phi Khanh, sinh con trai là Trãi, là Khai quốc công thần triều Lê. Nguyên Đán ở động Thanh Hư núi Côn Sơn. Cháu ngoại là Trãi làm bài ca rằng:

Dịch nghĩa:

"Côn Sơn có suối tiếng nước chảy lanh lảnh, ta coi như tiếng đàn.

Côn Sơn có đá, mưa rửa rêu phô biếc, ta lấy làm đệm chiếu,

Trong núi có thông, muôn chiếc lọng biếc um tùm, ta nằm nghỉ ngơi ở trong đó,

Trong rừng có trúc nghìn mẫu in màu xanh mát lạnh, ta ngâm nga ở bên cạnh đấy,

Hỡi người, sao chẳng về đi, nửa đời người còn trói buộc mãi trong đám cát bụi.

Muôn chung, chín đỉnh[1], có cần chi, uống nước lã ăn cơm rau tùy phận mình cũng đủ.

Anh chẳng thấy như Đổng Trác vòng chất đầy một ổ. Nguyên Tái hồ tiêu tám trăm hộc[2],

Lại chẳng thấy như Bá Di cùng Thúc Tề, chết đói.[3]

Hiền ngu hai đàng không ngang nhau nhưng mỗi đàng đều tự tìm cái thích của mình.

Đời người ta trong vòng trăm năm rốt cuộc rồi cũng nát với cỏ cây.

---

[1] Muôn chung, chín đỉnh: Chung là đơn vị đo lường dùng để đong thóc thời cổ; đỉnh là cái vạc có 3 chân, ở đây ý muốn nói cảnh giàu sang.

[2] Đổng Trác, Nguyên Tái là người giàu sang phú quý, thời Hán thời Đường.

[3] Chỉ việc Bá Di và Thúc Tề, 2 con vua nước Cô Trúc chư hầu của nhà Thương - Khi Vũ Vương diệt vua Trụ nhà Thương lập ra nhà Chu, Di và Tề cho đó là việc bất nghĩa của vua nhà Chu, nên không thèm ăn thóc của nhà Chu, ẩn trên núi Thú Dương ăn rau vi rồi chết đói ở đó.

Vui buồn, lo, sướng đổi thay nhau, tốt tươi rồi khô héo cùng nối tiếp nhau

Ở nhà đẹp hoặc ở gò núi cũng là ngẫu nhiên[1] khi chết rồi thì còn ai vinh và ai nhục?

Trên thế gian này <8b> nếu có hạng Sào Phủ, Hứa Do[2] xin khuyên họ hãy nghe ta hát khúc ca trong núi.

Dịch thơ:

Côn Sơn suối chảy rì rầm,
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.
Côn Sơn có đá rêu phơi,
Ta ngồi trên đá như ngồi chiếu êm.
Trông lên thông mọc như nêm,
Tha hồ muôn lọng ta xem chốn nằm.
Trong rừng có trúc bóng râm,
Giữa màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn.
Về đi sao chẳng sớm toan,
Nửa đời vương víu bụi trần làm chi.
Muôn chung chín vạc cần gì,
Cơm rau nước lã đủ tùy phận thôi.
Đổng Trác, Nguyên Tái kia coi,
Hồ tiêu ăm ắp, vàng mười chan chan.
Lại kìa trên ngọn Thú Sơn,
Di, Tề nhịn đói chẳng màng thóc Chu.
Hai đàng khó sánh hiền ngu,
Mỗi đàng sở thích làm như ý mình.
Trăm năm trong cuộc nhân sinh,
Đều như cây cỏ thân hình nát tan.
Đổi thay mấy cuộc bĩ hoan,
Đây lần tươi tốt, đó lần héo khô.
Khi lâu đài, lúc núi gò,
Chết rồi lại kể cái trò nhục vinh.

---

[1] Câu này mượn ý câu thơ của Tào Thực "Sinh tồn hoa ốc xứ, linh lạc quy sơn khưu" nghĩa là khi còn sống thì ở nhà đẹp lộng lẫy, đến khi chết về nơi gò núi (Thơ văn Nguyễn Trãi, tuyển tr. 161, NXB Văn học 1980).

[2] Sào Phủ, Hứa Do: Hứa Do là một cao sĩ, vua Nghiêu sai người mời đến để nhường ngôi, Hứa Do cho rằng đó là lời nói danh lợi làm bẩn tai mình bèn đi rửa tai. Lúc ấy Sào Phủ đang cho trâu uống nước biết chuyện bèn dắt trâu ra chỗ khác vì sợ trâu uống sẽ bẩn miệng trâu.

Sào, Do bằng có tái sinh,
Côn Sơn một khúc nghe mình ngâm nga[1].

Đều là khen Nguyên Đán lui về ở đấy. Còn Hợp lấy Hán Anh, làm quan đến chức Chuyển vận sứ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Làm điều chính đáng mà không mưu lợi, làm rõ đạo lý mà không kể công, đó là tấm lòng người quân tử. Nguyên Đán là bậc đại thần cùng họ với vua, biết họ Hồ sắp cướp ngôi, cơ nghiệp nhà Trần sắp mất, không chịu gian nan cùng đất nước mà phó thác đứa con cho họ Hồ để lo kế về sau, như thế là tính toán đến lợi ích mà không nghĩ đến điều nghĩa, đạo lý mà nghĩ đến công, sao có thể coi là người hiền. Vả lại khuyên yêu Chiêm Thành, phụng sự nhà Minh, thì thờ nước lớn, yêu nước nhỏ là câu nói tầm thường có bổ ích gì trong lúc đó đâu. Tiếc rằng kiến thức học vấn của ông biết trước được việc mà điều nhân lại không giữ được.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Nguyên Đán là bầy tôi họ nhà vua, lúc bấy giờ cùng hưởng phúc với nước. Gặp khi nhà nước không yên, Thượng Hoàng già yếu, vua sắp nối ngôi còn non nớt, giặc lớn ở bên ngầm cướp* **<9a>** *ngôi vua. Vận của trời và việc của người như vậy. Những người có tri thức đều thấy đau lòng trước vận xã tắc, con người. Nguyên Đán chỉ coi việc về nghỉ giữ thân là đắc sách. Ôi nhìn cảnh đẹp của khe suối động Thanh Hư, sao lại không nghĩ đến sự yên nguy của xã tắc ở ThiênTrường? Nỗi lo lắng cho anh em về sau, há không đoán nhìn cái lợi hại trước mắt của cha con Nghệ Tông. Người ta thường nói: ngồi trên đá bàn thạch thì muốn thế nước được yên, cúi xuống dòng nước trong mà muốn bàn sâu chuyện nước, há không phụ những điều hứa hẹn hay sao? Còn như Nghệ Tông hỏi tới việc sau này, chính là lúc tỏ niềm thương xót nói những điều hay, cũng nên có một lời để báo đền cho nước. Mà cứ khư khư nói câu tầm thường: "Kính nước Minh, vỗ về nước Chiêm. Có lẽ là sợ Quý Ly nghe thấy đấy. Họ Hồ cướp ngôi chưa được bao lâu, Quý Ly cũng không tự che chở được cho mình. Quân phương Bắc tới, con cháu Nguyên Đán vì nhận chức quan của giặc mà bị giết cùng kết thúc cùng với họ Trần. Đường Thái Tông từng nói vua đã mất* **<9b>** *nước bề tôi há tồn*

[1] Bản dịch: Thơ văn Nguyễn Trãi. NXB Văn học 1960. Tr.161

tại được. Nguyên Đán vốn không được là bậc trung, cũng há được gọi là bực trí sao!

Tháng 12, cho Phạm Thản làm Tri Phủ phủ Nghệ An[1].

Tân Mùi, [Quang Thái] năm thứ 4 [1391] (Minh Hồng Vũ năm thứ 24), tháng 12, Lê Quý Ly đem quân đi tuần ở Châu Hoá, duyệt quân ngũ, sửa sang thành trì.

Tháng 3, Quý Ly sai tướng quân Tả Thánh Dực Hoàng Phụng Thế dẫn quân đi dò xét Chiêm Thành. Người Chiêm Thành đặt quân mai phục đón đánh, quân của Phụng Thế tự tan rã và bị giặc bắt. Quý Ly bắt 30 người đại đội phó của Phụng Thế đem giết hết. Phụng Thế dùng mưu trốn thoát, được phục chức như cũ.

Tháng 4, mùa hạ, quân của Quý Ly trở về.

Tháng 5, Quý Ly giết Thái úy Trang Định vương Ngạc ở Vạn Ninh[2]. Trước kia Thượng Hoàng đã phế Linh Đức muốn lập Ngạc nối ngôi. Quý Ly lập kế lừa, **<10a>** Ngạc và Quý Ly có mâu thuẫn, nhiều điều bị gièm pha, trong lòng hoài nghi lo sợ. Ngạc bèn trốn ra trang Nam Định, người ở trang lấy thuyền đưa đến trại Vạn Ninh, người ở trại là Dương Độ không nhận. Thượng Hoàng sai tướng coi quân Ninh Vệ là Nguyễn Nhân Liệt đuổi bắt về. Quý Ly ngầm sai giết đi. Nhân Liệt bèn đánh Ngạc chết về tâu là Ngạc bất thần đánh trả nên bị giết chết. Bèn giáng làm Mẫn vương; sau Thượng Hoàng tỉnh ngộ hối hận hỏi người đuổi bắt Mẫn vương là ai? Nhân Liệt sợ tự thắt cổ chết (sau Quý Ly cướp ngôi giáng Ngạc làm Liệt hiệu Á hầu).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Quá lắm thay! cái chết của Trang Định đáng giận và cũng đáng tiếc, nhưng cái mê muội lẩn thẩn của Nghệ Tông thật đáng giận đấy. Trang Định và Linh Đức mưu giết quyền thần, việc bại lộ bị Quý Ly oán, ban đầu không được ngôi vua, cuối cùng không được yên thân; đường đường là con vua phải vội vã trốn đi, gặp phải lòng lang sói của người ở trại, lại gặp tay độc ác của tên thiên tướng, vua cha ở trên không xét đến nguyên nhân chạy trốn bỏ đi, không biết nguyên do cái chết. Nơi ngòi rãnh cùng đau thương, bậc trung lương làm quỷ dữ. Nhân Liệt dù có trăm thân làm sao màchuộc tội được. Trang Định chết*

---

[1] Nghệ An: Nay là đất thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

[2] Vạn Ninh: Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

thì hiền thân vương cũng hết. Quý Ly mới được nằm yên không đợi Thuận Tông bị giết. Thiên Đế nhường ngôi mà ngôi báu của nhà Trần đã nát từ thời Nghệ Tông đấy. Nghệ Tông có quyền ra oai làm phúc, bị người ta ăn cắp mất mà không biết, đã không che chở được cho con, cuối cùng không giữ được nước của mình, tối tăm mê muội đến thế! Chẳng cũng đáng căm giận lắm sao.

Mùa thu, tháng 8, cho Đặng Tất(1) làm Hóa Châu Hữu châu phán, Hoàng Hối Khanh(2) làm Chính hình viện Đại phu. Lúc ấy các tướng ở Hóa Châu bàn về thế lợi hại. Phan Mãnh nói: Trời không thể có hai mặt trời, dân không thể có hai vua; Chu Bỉnh Khuê nói: "Dương liễu nói nhiều, mọi người đều ngậm miệng" (sử cũ nói rằng: lời của Bỉnh Khuê ý chưa rõ. Đại khái là lời của Phan Mãnh có lẽ chỉ vào Quý Ly chuyên quyền tiếm ngôi. Lời của Bỉnh Khuê cũng có ý chỉ Quý Ly nói nhiều kiềm chế mọi người bàn luận. Cành cây dương cứng mà dựng lên cành liễu mềm mà rủ xuống. Lưu Nhã có thơ rằng: Dương liễu còn đó, âm của nó là 1 trong 5 cung thuộc cung vũ). Bọn Tất, Hối Khanh ngầm gửi thư cho Quý Ly **<11 a>**, Quý Ly cho là ngầm mưu làm loạn bèn giết Bỉnh Khuê, Mãnh và trao cho bọn Tất chức quan. Ngự sử là Đỗ Tử Trừng cũng không nói, Quý Ly làm thơ đưa cho Tử Trừng:

Tá vấn Tử Trừng nọa Trung uý,

Thư sinh hà nhẫn phụ bình sinh.

Dịch nghĩa:

(Thử hỏi Tử Trừng viên Trung uý,

Thư sinh sao nỡ phụ bình sinh).

Mùa đông, tháng 10, cho La Tu làm Tri Phủ phủ Thanh Hóa.

Dựng điện Thụy Chương.

Nhâm Thân, Quang Thái năm thứ 5 [1392] (Minh Hồng Vũ năm thứ 25, mùa xuân, tháng 2, giết người tôn thất là Trần Nhật Chương. Nhật Chương mưu giết Quý Ly, Thượng Hoàng cho là mang lòng dạ khác bèn giết đi.

Mùa hạ, tháng 4, hạn. Thượng Hoàng ban chiếu cầu lời nói thẳng. Bùi Mộng Hoa tâu lên đại khái là: Thần nghe bọn trẻ hát rằng: "Thâm

---

(1) Đặng Tất: CM chú là người ở Thiên Lộc, Nghệ An; có thuyết cho Đặng Tất là người Hóa Châu, chúng tôi chưa tra được.

(2) Hoàng Hối Khanh: Người Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

tai, Lê sư"(Thâm độcthay Thái sư họ Lê) lấy đấy mà xem thì Quý Ly tất có ý nhòm ngó ngôi báu. Thượng Hoàng xem tờ tâu rồi đưa cho Quý Ly xem. Về sau Quý Ly chuyên chính, Hoa đi trốn ở ẩn không ra.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Kinh Dịch nói: "Nhà vua không giữ kín thì mất bề tôi" sao đã cầu* **<11b>** *lời nói thẳng lại cho người bị nói biết. Vua Nghệ Tông tối tăm lẩn thẩn đến thế là cùng. Mộng Hoa không gặp vua tốt là do trời đấy! Cũng là điều không may của nhà Trần vậy.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Bùi Mộng Hoa, sử không chép rõ thân thế của người ấy. Nếu là ở nơi giang hồ mà lo cho vua càng là kẻ sĩ có khí tiết. Lúc đó Quý Ly nắm quyền bính trong nước, công khanh phải cúi đầu, người trong nước phải nín thở, thế mà giữa triều đình ông dám dâng sớ nói ý Quý Ly nhòm ngó ngôi báu thực là người lợi nước mà không biết bơi. Khi Quý Ly tiếm đoạt ngôi vua thì ở ẩn trốn tránh như chim hồng chim hộc bay ở ngoài trời. Quý Ly cũng không thể bắn được, đáng là bậc hào kiệt lắm thay! Thế mới biết cuối đời Trần chưa từng không có nhân tài, chỉ lo là vua lúc ấy không biết cất nhắc, thu dùng, để nhờ cái sức phù trì giúp đỡ khi đổ nát nguy khốn đấy thôi. Khí vận nhà Trần đã hết cho nên Mộng Hoa phải là dật khách trong thơ Khảo Bàn[1] không gặp thời thì có lo gì.*

<12a> Tháng 6, cho Phạm Cự Luận làm Tri khu Mật viện sự.

Mùa thu, tháng 7, cho Lê Nhân Thống làm Hành khiển, vào chính phủ, đổi tên là Cảnh Kỳ.

Tháng 9, cho Hà Đức Lân làm Hành khiển tả ty.

Mùa đông, tháng 10, đặt các cửa sông và chức tuần thú để bắt bọn giặc cướp hoặc 3 đô, 4 đô, 5 đô[2] tùy theo nơi sung yếu mà đặt.

Sử thần Phan Phu Tiên bàn: *Nhà Trần từ sau khi Dụ Tông hoang dâm phóng túng; thêm vào đó giặc Chiêm Thành quấy nhiễu, giặc dã càng nhiều. Ban ngày cướp bóc, luật pháp không ngăn cấm được. Quý Ly nắm chính quyền mới đặt pháp luật tuần tra bắt bớ mới hơi đỡ đấy.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Mông Trang[3]bàn rằng: kẻ ăn trộm lưỡi câu thì bị giết; kẻ ăn trộm nước thì cho làm chư hầu,*

---

[1] Thơ Khảo bàn: Tên một bài trong thiên Vệ Phong Kinh Thi.

[2] Đô: Chỉ đơn vị quân đội, 3 đô cũng như 3 đội...

[3] Mông Trang: Tức Trang Chu người nước Tống thời Chiến Quốc, tác giả của sách Trang Tử.

Quý Ly là tên kẻ trộm lớn. Trừ bỏ bọn móc túi cậy hòm để giữ thân thằng trộm lớn. **<12b>** *Người ta không phải lo về bị khoét nhà nạy cửa mà nước thì phải cái lo thay đỉnh đổi ngôi đấy.*

Tháng 12, ban chiếu rằng: phàm quân dân, hễ trốn việc công thì bị phạt tiền 10 quan; thích 4 chữ vào gáy; kẻ đầu mục thì xử tội chém, ruộng đất sung công. Quý Ly làm 14 thiền minh đạo dâng lên, đại khái lấy Chu Công làm Tiên Thánh, Khổng Tử làm Tiên Sư; ở Văn Miếu đặt Chu Công ngồi chính giữa, nhìn về hướng nam, Khổng Tử ngồi bên cạnh nhìn hướng tây. Sách *Luận Ngữ* có 4 điều nghi như: Khổng Tử ra mắt Nam Tử; ở nước Trần hết lương thực, Công Sơn, phật Hốt triệu, Khổng Tử muốn đến... cho Hàn Dũ là bậc Nho trộm cắp, cho bọn Chu Mậu Thúc,Trình Hạo, Trình Di, Dương Thì, La Trọng Tố, Lý Diên Bình, Chu Tử học rộng nhưng tài kém, không quan thiết sát đến sự tình mà chuyên cóp nhặt. Thượng Hoàng ban chiếu khen ngợi. Quốc Tử trợ giáo Đoàn Xuân Lôi dâng thơ nói là không đúng, bị đầy đi châu gần đó. **<13a>** (Xuân Lôi người huyện Tân Phúc, là người minh mẫn nhanh trí, sau làm quan đến chức Trung thư Hoàng môn Thị lang kiêm Thông phán Châu Ái[1], mất khi đương làm quan. Lời thư liên quan đến quan Hành khiển Đào Sư Tích từng xem thư ấy, bị giáng làm Trung thư Thị lang Đồng tri Thẩm hình viện sự).

> ***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:*** *Đạo của tiên thánh trước nếu không có Khổng Tử thì không thể rõ được; đạo của bậc thánh sau nếu không có Khổng Tử thì không thể làm khuôn phép được. Từ khi có sinh dân đến nay chưa có ai hơn Khổng Tử thế mà dám kinh suất bàn đến, cũng là chẳng biết lượng mình đấy.*
>
> ***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Nhan Uyên nói đạo của Khổng Tử rất lớn, thiên hạ không thể hình dung được, cho nên ở Lỗ bị trục xuất, ở Tề bị cùng khốn, ở Vệ phải giấu hình tích, ở Trần Thái bị bao vây. Yến Anh gièm pha, Vũ Thúc huỷ báng, Liễu Chích làm nhục đấy còn là người đồng thời. Nay sau hàng nghìn năm lại có kẻ chê là bậc trung hiền, giáng làm tiên sư như người mù chê mặt trăng, mặt trời không có ánh sáng, sao đủ làm vết xấu cho cả vùng trời. Còn như bậc tiên sinh ở nhà Quốc Tử mà có người coi là bậc Nho trộm cắp. Các bậc hiền triết ở Liêm Mận cũng có người chê là trộm cắp. Đạo ở phương Bắc đã không được sáng tỏ với*

[1] Châu Ái: Nay là đất thuộc tỉnh Thanh Hóa.

đương thời, đạo vào phương Nam cũng bị đời sau bài bác, vận rủi của các nhà Nho đến như thế thực đáng than thở lắm thay! Còn như cái ngu của Quý Ly thì tội không kể xiết.

Quý Dậu, [Quang Thái] năm thứ 6 [1393] (Minh Hồng Vũ năm thứ 26) mùa xuân, tháng Giêng, cho Hồ Cương làm Giám quân Tả thánh dực (Cương người Châu Khê). Quý Ly ngầm tìm được dòng dõi họ Hồ, muốn trở lại họ cũ, cho Cương làm người tâm phúc.

Tháng 2, thi Thái học sinh, cho đỗ bọn Hoàng Quán Chi, Lê Vị Tẩu, Mai Tú Phù, Đồng Thức gồm 30 người.

Mùa hạ, tháng 4, thi Lại viên.

Tháng 6, hạn hán.

Mùa thu, tháng 7, gió bão, mưa to.

Tháng 8, động đất, nước to.

Tháng 9, có sâu keo.

Mùa đông, tháng 10, đem Hoàng hậu cũ của Linh Đức là công chúa Thái Dương gả cho Thái bảo Nguyên, Linh Đức bị hại, Thượng Hoàng muốn tìm ngườiđể cải giá cho Hoàng hậu cũ. Thái Dương nhân đi chơi Hồ Tây, chạy về với Phủ quân ty là Nguyên Uyên **<14a>** (con của Cung Tín vương Thiện Trạch). Thượng Hoàng giận lại gả cho em Nguyên Uyên là Nguyên để cho nhục.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Đem Hoàng hậu cũ gả cho bề tôi; về với anh mà bắt lấy em, phép hôn nhân nam nữ của nhà Trần bắt đầu từ thời Thái Tông chấm dứt vào thời Nghệ Tông, chép vào sách để lại tiếng xấu nghìn đời.*

Giáp Tuất, [Quang Thái] năm thứ 7 [1394] (Minh Hồng Vũ năm thứ 27), tháng 2, Thượng Hoàng sai thợ vẽ tranh Chu Công giúp Thành Vương, Hoắc Quang giúp Chiêu Đế, Gia Cát Lượng giúp Thục Hán Hậu chúa, Tô Hiến Thành giúp Lý Cao Tông, gọi là tranh tứ phụ[1] ban cho Quý Ly, để khiến giúp nhà vua nên như thế đấy.

Mùa hạ, tháng 4, hội thề xong, Thượng Hoàng gọi Quý Ly vào cung ung dung nói rằng: "Bình Chương là người thân tộc, công việc nhà nước đều uỷ thác cho ông. Nay thế nước suy yếu, trẫm già nua, sau khi trẫm qua đời, quan gia có thể giúp thì giúp, nếu ngu tối thì khanh giữ lấy ngôi vua. Quý **<14b>** Ly bỏ mũ giập đầu khóc và lạy tạ, chỉ trời đất mà thề

---

[1] Tứ Phụ: Chỉ bốn viên đại thần giúp vua khi mới lên ngôi.

rằng: "Thần không hết lòng dốc sức giúp nhà vua để truyền đến con cháu đời sau, thì trời ghét bỏ thần". Lại nói: "Linh Đức vương không có đức nếu không nhờ uy linh của bệ hạ, thì thần đã ngậm miệng dưới đất đâu được đến ngày nay. Dù cho tan xương nát thịt cũng chưa thể báo đáp được trong muôn một, dám đâu có mưu đồ khác". Trước đấy Thượng Hoàng nằm mơ thấy Duệ Tông đem quân đến và ngâm bài thơ rằng:

Trung gian duy hữu xích chuỷ hầu,
Ân cần tiếm thượng bạch kê lâu.
Khẩu vương dĩ định hưng vong sự,
Bất tại tiền đầu tại hậu đầu.

Dịch nghĩa:

(Trung gian chỉ có hầu mỏ đỏ,
Một mực ngầm lên lầu gà trăng.
"Khẩu vương" đã định viộc còn hay mất,
Không ở trước mà ở sau).

Thượng Hoàng tự chiết đoán là: sinh năm "Tân Dậu" là bạch kế; "xích chuỷ" là Quý Ly; "khẩu vương" là chữ "quốc" việc còn hay mất sau này sẽ rõ. Thế là Thượng hoàng cứ suy nghĩ, nhưng do thế của mình mà không làm sao được.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Nghệ Tông lúc đầu ngầm tưởng Quý Ly là người ký thác được nên đã giao* **<15a>** *nước và con cho. Khi sắp mất quyền mới tỉnh ngộ thì đã rơi vào tay Quý Ly. Thượng Hoàng cho bức họa "tứ phụ" là mong cứu vãn lấy một trong muôn phần đấy. Đến khi tuổi già sắp chết, lòng sáng suốt bỗng tỉnh ngộ. Xem bên trong thì lông cánh dòng dõi trong họ đã hết. Xét bên ngoài thì bè đảng bọn cường thần ở công đình ngày càng vững. Sự việc không thể xoay chuyển được, hối không kịp. Cho nên câu nói "Con của mình có thể lấy thì lấy, có thể giúp thì giúp muốn làm gì thì làm" có lẽ là lời của con chim đã bay đi cầu mong sự thương hại, không còn dám mong Quý Ly được như Chu Công dựa lưng vào cái ỷ[(1)] và Gia Cát Lượng ra quân[(2)] nữa. Quý*

---

(1) Dựa lưng vào cái ỷ: Chu Công người thời Chu, là em vua Vũ Vương và là chú của Thành Vương; khi Vũ Vương mất Thành Vương còn nhỏ, Chu Công để Thành Vương ngồi dựa lưng vào cái ỷ cho chư hầu triều kiến, hết lòng giúp đỡ Thạnh Vương. Đây ý nói Quý Ly không thể giúp gì cho Thuận Tông được.

(2) Gia Cát Lượng ra quân: Gia Cát Lượng nhiều lần ra quân giúp Lưu Thiện là con Lưu Bị để dựng lại cơ nghiệp nhà Hán.

Ly đặt ra lời thề đáp lại thì đã ngầm phục ý giết Thuận Tông rồi, chẳng nghĩ rằng khi chỉ trời vạch đất mà thề, Quý Ly đã 60 tuổi há chịu cúi mình làm hết sức, không phản lại lời thề trước. Hoàng thiên chứng giám, lợi hại dù chưa thể giải quyết được nhưng là một ông già được trời để sót lại há không có điều gì trả lời được cho đời sau. Nay đất ở Yên Sinh chưa khô, nghiệp của nước đã ban **<15b>** *kéo dài hơi tàn một kỷ, làm kẻ tù binh đi xa muôn dặm, để tiếng xấu lan cả hai nước, vết nhơ để lại nghìn năm. Là bề tôi mà bất trung, là người mà không có lương tâm, trời chưa từng không ghét bỏ. Ai bảo lời thề có thể dựa được. Còn như thời đại nhà Trần, cùng họ lấy nhau là tránh cái gương họ ngoại lấy mất nước nhà Lý. Con gái họ Hồ làm dâu họ Trần sinh ra hai vị Thiên tử là mảnh đất trước tiên cho Quý Ly nắm. quyền. Con gái họ Trần gả cho họ Hồ sinh một cháu ngoại làm cho Hán Thương mượn lời xin tạm giữ việc nước. Minh Tông lấy hai cô của Quý Ly, Nghệ Tông gả cho Quý Ly một người em gái, sự việc xảy ra ngẫu nhiên, đều ngoài ý nghĩ của mọi người nhưng lại là ý trời mượnviệcđó để làm mất nhà Trần, báo thù cho Lý Huệ Tông. Tạo hóa khéo xoay vần đến thế, há chẳng đáng sợ lắm sao!*

Mùa thu, tháng 7, cho Phùng Cụ làm kinh sư doãn, đổi làm Trung đô doãn.

Tháng 8, **<16a>** cho Hoàng Hối Khanh làm Tam Đái An Phủ sứ.

Mùa đông, tháng 11, bãi bỏ viện Đăng Văn kiểm pháp đặt Thượng Lâm tự. Cho con trưởng của Lê Quý Ly là Lê Nguyên Trừng làm Phán tự sự.

Ngày 15 tháng 12, Thượng Hoàng băng, táng ở Nguyên Lăng, Yên Sinh, miếu hiệu là Nghệ Tông, thụy là Quang Nghiêu Anh Triết Hoàng đế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Nghệ Tông thiên tính hòa nhã, giữ lòng kính sợ nhưng uy vũ không đủ để đánh lui bọn giặc bên ngoài; lòng cứng rắn trí thông minh không đủ để phân biệt được lời gièm pha. Có một Nguyên Đán mà không biết dùng, lại giao quyền chính sự cho người họ ngoại, để xã tắc nhà Trần dần dần đến chỗ nguy vong, thế gọi là trước mặt người gièm pha mà không thấy, sau lưng có giặc mà không biết đấy.*

Ất Hợi, [Quang Thái] năm thứ 8 [1395] (Minh Hồng Vũ năm thứ 28), mùa xuân, tháng 2, Quý Ly mưu giết hết tôn thất, là Phủ Quân ty Nguyên Uyên, Cung Chính vương là Sư Hiền và con thứ của ông là Nguyên Dận. Vìkhi để tang Nghệ hoàng **<16b>** thường bàn đến việc

Nhật Chương[1], lại giết cả người học trò là Nguyễn Phù, thế rồi Sư Hiền giả điếc được tha giết. Bọn Nguyên Uyên lại tước sổ họ cũ đổi là họ Mai[2] cho Quý Ly làm Nhập nội Phụ chính Thái sư Bình chương Quân quốc Trọng sự, Nghi Trung Vệ Quốc Đại vương đeo kim lân phù.

Mùa hạ, tháng 4, ban chiếu cho Quý Ly được vào ở bên Hữu sảnh đài[3]gọi là Họa Lư. Quý Ly nhân đó biên soạn thiên *Vô dật*[4] rồi giải bằng quốc ngữ để dạy nhà vua, có lệnh thì xưng là Phụ chính cai giáo Hoàng đế.

> ***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Lương Hầu Cản tự xưng là Vũ Trụ tướng quân, Nguyên Đế nghe nói rằng: Tướng quân lại có hiệu Vũ Trụ ư? Nay phụ chính lại có hiệu là Cai giáo Hoàng đế càng là việc ít có của bọn gian thần nghìn xưa không còn kiêng sợ ai. Có thể nói là nước không còn có người đấy!*

<17a> Tháng 6, cấm bách quan không được dùng áo rộng tay chỉ cho dùng áo hẹp tay. Dân gian ngày tế ngày giỗ đồ dùng không được sơn son thiếp vàng.

Nhà Minh sai bọn Nhâm Hanh Thái đòi 5 vạn quân, 50 con voi, 50 vạn thạch lương thực để cấp cho quân đi đánh người Man. Lúc bấy giờ người Minh đánh người Man làm phản ở châu Phụng Nghĩa và Châu Long, bèn ngầm đặt kế đó, luôn đổ cho gạo lương không đủ rồi bắt cóc người ta. Bọn Hanh Thái bí mật báo cho ta điều đó. Do đó không cấp quân và voi mà chỉ cấp cho ít lương thực, sai quân đưa đến Đồng Đăng rồi trở về.

Nhà Minh lại sai sứ sang đòi sư đàn bà xoa bóp, người đã hoạn ta đưa sang mỗi loại một ít.

Mùa đông, tháng 12, cho Lương Nguyên Bưu làm Hành khiển. Chi đại tông chính Hà Đức Lân làm Nhập nội Hạnh khiển, môn hạ tả ty, Hoàng Hối Khanh làm phát vạn ty, Phạm Cự Luận làm Tham mưu quân sự kiêm Khu Mật viện sự.

Bính Tý, [Quang Thái] năm thứ 9 [1396], (Minh Hồng Vũ năm thứ 29, mùa xuân, tháng Giêng, ban chiếu sa thải tăng đạo (những tăng nhan chưa đến 50tuổi trở lên **<17b>** thì bắt về). Lại thì người thông kinh

---

[1] Việc Nhật Chương mưu giết Quý Ly bị Nghệ Tông giết.

[2] Họ Mai: Theo lệ cũ, người tôn thất có tội nặng, phải tước bỏ họ Trần đổi làm họ Mai.

[3] Sảnh đài: Trung thư sảnh và Ngự sử đài.

[4] Vô dật: Tên một thiên trong *Kinh Thư*,đại ý khuyên người ta không nên để thì giờ nhàn rỗi.

giáo thì cho làm chức Đương Đầu thủ, Tri cung, Tri quán, Tri tự. Số còn lại thì làm kẻ hầu cho người tu.

Tháng 3, xét định quân ngũ.

Mùa hạ, tháng 4, bắt đầu phát hành tiền giấy thông bảo hội sao (Cách làm, giấy 10 đồng vẽ rau tảo, giấy 30 đồng vẽ làn sóng, giấy 1 mạch vẽ mây, giấy 2 mạch vẽ con rùa, 3 mạch vẽ con lân; giấy 5 mạch vẽ chim phượng; giấy 1 quan vẽ rồng. Ai làm tiền giả thì bị tội giết; tịch thu ruộng vườn gia sản. Khi in xong ra lệnh cho mọi người đến đổi tiền, mỗi quan tiền đồng lấy 1 quan 2 mạch tiền giấy. Cấm ngặt tiền đồng, không được cất và dùng riêng; thu chứa về kinh thành Ngao Trì và nơi đúc ở các xứ. Người thu nhặt nếu cất dấu riêng tiền đồng và làm tiền giấy giả cũng bị tội như trên).

Ban chiếu định lệ thi Cử nhân, năm trước thi Hương, năm sau thi Hội; người đỗ thì vua cho thi 1 bài văn sách để xếp cao thấp. Đầu thời Trần thi Thái học sinh và thượng trai, hạ trai và nhà vua cho thi phân ra kinh trại, có tuyển lựa tam khôi. Thể văn không nhất định đến khi ấy dựa theo phép nhà Nguyên (Đặt lệ thi cử nhân, dùng thể văn tự bốn kỳ bãi bỏ phép ám tả cổ văn; Nhất trường dùng 1 bài kinh nghĩa có phá đề, tiếp ngữ, tiểu giải nguyên đề, đại giảng, kết luận, 500 chữ trở lên; Nhị trường thi 1 bài thơ Đường luật, 1 bài phú dùng cô thể hoặc ly tao hoặc Văn tuyển cũng từ 500 chữ trở lên; Tam trường thi 1 bài dùng thể thời Hán chế, biểu đều 1 bài dùng thể tứ lục thời Đường; Tứ trường thi 1 bài văn sách lấy kinh sử hay thời vụ <18a> mà ra đề, 1.000 chữ trở lên).

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Phép khoa cử của thời Trần đến đây mới hoàn bị, thể văn tự tứ trường đến nay phải theo dùng, kết cục không thể thay đổi. Dùng văn để chọn kẻ sĩ cách ấy không gì tốt hơn. Cứ xem kẻ sĩ vì đặt khoa thì kén được vào cuối thời Trần như Nguyễn Liễu Trai là giỏi nhất, về văn học, mưu trí được dùng từ ban đầu thuở dựng nước của bản triều. Lại đến những người như Lý Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên, Phan Phu Tiên, Nguyễn Thiên Túng cũng siêu việt là những nhà văn chương lớn của một thời. Từ thời Tam Đại về sau phép tìm kẻ sĩ ở khoa mục văn chương há có thể bỏ thiếu được đâu! Riêng khoa thi kinh nghĩa quyết định thì Bắc triều từ thời Minh tới nay vẫn dùng cách ấy. Suy cùng lẽ để sử dụng thì không phép nào then chốt bằng phép này. Nay cũng nên suy ra theo đó mà làm.*

<18b> Tháng 6, quy định mũ áo cho quan văn, quan võ (Nhất phẩm màu tía; Nhị phẩm màu đỏ sẫm; Tam phẩm màu hoa đào; Tứ phẩm màu

lục; Ngũ phẩm, Lục phẩm, Thất phẩm màu biếc; Cửu phẩm màu xanh, riêng nội thị mặc quần không dùng xiêm. Không có phẩm hàm và hoành nô dùng màu trắng. Lại chức tước tụng quan, từ Lục phẩm trở lên dùng khăn cao sơn; Chánh Lục phẩm được thắt đai đội mũ rộng chính phẩm thì màu đen, Tòng Phẩm thì màu xanh, người tôn thất đội mũ phượng thắng màu đen; quan võ tước Lục phẩm thì dùng mũ chiết xung; tước cao không có chức thì được thắt đai đội mũ giác đỉnh; Thất phẩm trở xuống thì dùng mũ thái cổ; Tòng Thất phẩm thì đội mũ toan hoa, tước vương, tước hầu thì đội mũ viễn du; Ngự sử đài thì đội mũ khước phi. Các quy định chế độ về tiền giấy áo mũ đều là kiến nghị của Thiếu bảo Vương Nhữ Chu cả.

Mùa thu, tháng 8, sai tướng quân Long Tiệp là Trần Tùng đánh Chiêm Thành, bắt được Tướng của Chiêm là Bố Đông rồi trở về, được ban họ, tên là Kim Trung Liệt, giữ quân Hổ Bôn.

Mùa đông, tháng 10, cho Hồ Tế làm đại chi châu lộ Diễn Châu; Đặng Tư Thành làm phán châu sự.

Tháng 11, Quý Ly làm sách quốc ngữ thi nghĩa và bài tựa; sai nữ sư dạy hậu phi và cung nhân học tập. Ý trong bài tựa phần lớn theo ý mình không theo tập truyện của Chu Tử.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Từ khi Mạnh Tử mất, người làm, thầy đều chuyên theo môn của mình, trò đều theo riêng môn học của mình. <19a> Nguồn chia, dòng tách ra, sai một ly đi nghìn dặm, hoặc chia ra làm ngả khác; hoặc quay giáo đánh nhau, không thống nhất được. Những kẻ đáng khen tuy gọi là đại thần cũng chưa khỏi có vết nhỏ, chưa có ai là rất thuần trong bậc người thuần đấy. Chu Tử sinh ở cuối thời Tống, nối theo sau khi các tiên Nho thời Hán thời Đường chú giải 6 kinh, mới ngược dòng tìm nguồn, hiểu được tâm ý của Thánh nhân trong lời giải. Còn lại nghiền ngẫm tinh thần ý tứ, lý dung hợp với tâm. Lời nói rõ ràng ý nghĩa sâu xa, cái gọi là tập hợp thành tựu lớn của các nhà Nho mà làm khuôn mẫu cho người học về sau đấy. Huống chi lại có Trình Tử xướng lên vài buổi trước Chu Tử bồi bổ những chỗ chưa tròn vẹn vào buổi sau thì nghĩa đã tinh rồi. Người sau có dấy lên thì mở mang cho rộng lớn ra, chau chuốt cho bóng bẩy thêm. Chỉ có thế thôi làm sao mà chê bai được!*

<19b> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Quý Ly từ trẻ biết sớm, nhớ lâu, khéo làm văn đỗ thi hương lại đỗ cả khoa hoành từ, được*

chọn bổ làm Thái học sinh, cho nên sau khi nắm quyền nhà nước cũng dùng Nho thần, hâm mộ cổ điển và sính tài thông minh khoe khoang biện bác, không tự biết rằng: cái lối học chép hỏi từng bài từng câu sao đủ biết được điều sâu kín của Thánh hiền. Nghiên cứu ý nghĩa của bậc hiền triết điều ngờ trong Luận Ngữ cùng với nghĩa Kinh Thi dùng lẫn lộn với ý mình. Như thế gọi là ếch ngồi đáy giếng, không thể nói về chuyện biển cả và con vượn, con khỉ khiến răng xé áo của Chu Công đấy.

Đinh Sửu [Quang Thái] năm thứ 10 [1397] (Minh Hồng Vũ năm thứ 29, mùa xuân, tháng Giêng, sai Lại bộ Thượng thư kiêm Thái sử lệnh là Đỗ Tỉnh (có sách chép là Mẫn) đi xem đo đạc động Yên Tôn phủ Thanh Hoá. Xây thành, đào hầm, lập miếu xã, mở đường phố, muốn dời đô đến đó. Tháng ba thì xong. Ban đầu triều đình bàn quyết định. Hành khiểnlà Phạm Cự Luận can ngăn Quý Ly nói chí của ta đã định từ trước, người còn nói vậy. Đến khi ấy thì tiến hành **<20a>**. Khu mật chủ sự thị sử là Nhữ Thuyết dâng thư can ngăn đại lược nói rằng; xưa kia nhà Ngụy, nhà Chu dời đô đều thấy không lành. Nay đất Long Đỗ[1], có núi Tản Viên, có sông cầu, đất bằng phẳng rộng rãi. Từ xưa các bậc đế vương ở cơ nghiệp dựng nước, không ai là không lấy đất ấy làm nơi gốc sâu rễ bền. Giặc Nguyên bị chết, giặc Chiêm Thành phải nộp đầu, việc trước đã nghiệm. Xin hãy suy nghĩ để thế nước được vững như bàn thạch. Yên Tôn là nơi chật hẹp hẻo lánh, cuối nước đầu non chỉ tốt với thời loạn mà không tốt với thời trị, chỉ cậy vào hiểm trở mà thôi. Cứ theo như thời xưa nói thì "cốt ở đức, không cốt ở hiểm". Quý Ly không nghe. Sau đến kỳ xét các quan lại, thấy tên Nhữ Thuyết liền nói: "Người này thường nói cốt ở đức không cốt ở hiểm. Liền bỏ không dùng. (Xét thấy đô cũ của Quý Ly gọi là Tây Đô thành ở huyện Vĩnh Phúc, các ấp Tây Nhai, Hoa Nhai, Phương Nhai đều thuộc thành. Thành có cửa là nơi ra vào và có lẽ là đường phố thời xưa cho nên đặt tên như thế. Nay đường lớn, đường nhỏ xây đá vẫn còn. Từ Đốn Sơn vào qua Hoa Nhai đến Cửa Nam thành ước vài dặm. Chỉ có một con đường thẳng đều xây đá vân làm đường, cho nên có tên gọi là Nhai. Cửa Nam thành xây 3 cửa đá như cửa Chu Tước, cửa thành Thăng Long, còn các cửa đông, tây, bắc thì chỉ xây có một cửa. Chung quanh dưới đều xây đá xanh làm móng, xây thành bằng gạch nung rất rắn, dưới thành có hào kéo dài khắp thành, trong thành ước rộng hơn 300 mẫu đều để ruộng; nơi nào hơi có bùn lầy thì làm ao. Bên

[1] Long Đỗ: Chỉ Thăng Long (Hà Nội).

tả bên hữu thành có núi đá, sát là một con sông phát nguồn từ Ai Lao tức Sông Mã, một con sông phát nguồn từ Quảng Bình tức Sông Lương (nay gọi là Sông Chu) hai sông chảy hợp với nhau ở phía trước. Cái gọi là địa giới chật hẹp, đầu núi cuối sông đúng như lời nói của Như Duyệt không phải là nơi Đế vương Đóng Đô, hai vua nhà Hồ ở đấy chưa được bao lâu thì bị bắt, mất nước. Lấy nước bằng điều bất nghĩa, chính sự hà khắc, làm mất lòng dân là chuốc lấy sự bại vong và cũng là do hình thế xui khiến ra như thế).

Sử thần Phan Phu Tiên bàn: *Tào Tháo dời đô nắmquyền Thiên tử để sai khiến chư hầu. Nhà Hán mất nước thực là nguyên do từ đó. Quý Ly dời đô đến An Tôn giết vua diệt họ vua, nhà Trần sụp đổ há chẳng phải tự đó sao ? Tuy nhiên loạn thần tặc tử đời nào chẳng có. Duy có người làm vua phải cương quyết mà xử đoán, sáng suốt mà suy xét, để không có mối lo về sau.*

Mùa hạ, tháng 4, đổi trấn Thanh Hóa làm trấn Thanh Đô; trấn Quốc Oai làm trấn Quảng Oai, trấn Đà Giang **<21a>** làm trấn ThiênHưng; trấn Nghệ An làm trấn Lâm An; trấn Trường An làm trấn Thiên Quan, trấn Lạng Giang làm trấn Lạng Sơn; trấn Diễn Châu làm trấn Vọng Giang; trấn Tân Bình làm trấn Tây Bình; bãi bỏ chức đại tiểu tư xã, riêng chức đạitoát quản giáp vẫn để như cũ.

Định quy chế quan lại trấn nhậm bên ngoài; lộ đặt chức An phủ sứ và Phó sứ; phủ đặt chức Trấn phủ sứ và phó sứ; châu đặt chức Thông phán thiêm phán; huyện đặt chức Lệnh uý chủ bạ để cai quản. Lộ thì nắm phủ, phủ thì thống lĩnh châu, châu thống lĩnh huyện. Phàm những việc hộ tịch, tiền, thóc, kiện tụng gộp làm một số của lộ, cuối năm báo lên sảnh để làm bằng chứng mà tra xét. Lại đặt Đô đốc, Đô hộ, Đô Thống, Tổng quản phủ, Thái Thú ty để cai quản. Cho Phó Trường là Lê Hán Thương lãnh Đông Đô lộ Đô hộ phủ, Thái Bảo Trần Hãng lãnh Bắc Giang Đô Thống phủ; Thiếu bảo Vương Nhữ Chu làm Tri Thiên Trường phủ lộ quân dân sự, Hành khiển Hà Đức Lân làm Thái thú phủ **<21b>** Tân An; ở châu và trấn đặt chức Giáo thụ và Giám Thư khố.

Tháng 5, ban chiếu rằng: xưa kia nước có nhà học, đảng có nhà tự, toại có nhà tường[1] là để cho giáo hóa được sáng tỏ, phong tục được đôn hậu ý trẫm rất mộ.Nay chế độ kinh đô đã đủ mà châu huyện còn thiếu thì làm sao mở rộng giáo hóa cho dân được? Nên ra lệnh cho các lộ phủ

---

[1] Đảng và toại: là đơn vị hành chính; tự, tường: là trường học.

Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương mỗi nơi đều đặt một học quan, cho ruộng theo từng bậc khác nhau, phủ châu lớn cho 15 mẫu, phủ châu vừa cho 12 mẫu, phủ châu nhỏ cho 10 mẫu để chi phí cho nhà học (một phần cho lễ cúng ngày mồng một, một phần cho học phí, một phần cho đèn sách). Quan lộ, quan đốc học dạy bảo học trò cho thành tài nghệ, cứ cuối năm chọn người ưu tú tiến cống lên triều đình, trẫm sẽ tự coi thi để chọn dùng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Lúc bấy giờ có chiếu lệnh này có điều gì đẹp bằng. Thế nhưng không thấy thi hành thì chẳng phải là ý của nhà vua mà là Quý Ly muốn cướp ngôi, nên mượn việc ấy để thu phục lòng người mà* **<22a>** *thôi.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Quý Ly vụn vặt giống Vương Mãng mà sính học thuật thì lại hơn, ham bắt chước đời cổ giống Vũ Văn Thái, mà Tài kinh tế lại không bằng. Từ khi đảm đương việc nước, sửa đổi hết chế độ cũ mà đặt chế độ mới, đặt thượng lâm tự mà bỏ đăng văn, phát hành tiền giấy thông bảo mà cấm tiền thực; định, lệ khoa cử, ban rõ lệnh lập trường học; phân biệt cấp bậc mũ áo, đổi tên châu trấn, hạn định ruộng công, bày đặt lung tung, toan để làm công cụ tô vẽ thái bình. Nhưng kỷ cương lớn đã sai, cũng như câu nói: "không có ý nghĩa của thơ "quan thư" thơ "lân chi" mà muốn làm theo phương pháp chế độ nhưthiên "chu quan" thì sao mà làm được? Huống chi thời ấy người Minh đang cố ý xâm chiếm nước ta, hằng ngày tìm sự sơ hở, công việc nhà nước còn có việc gì gấp hơn việc chọn tướng luyện quân? Chuẩn bị lương thực, sửa sang võ bị, dự nắm cơ hội đầu tiên để ứng phó với quân* **<22b>** *địch, thế mà không cẩn thận việc đóng cửa cài then, lại đi đổi ngói thay dui chỗ chưa hư hỏng. Sớm thay chiều đổi, chính lệnh phiền phức chỉ sớm dẫn đến chỗ mất nước mà thôi. Người nắm quyền không nên khinh thường phép trị nước là được.*

Tháng 6, ban chiếu hạn chế ruộng đứng tên. Khi ấy các nhà tôn thất thường sai nô tỳ đắp đê ngăn nước mặn ở bãi biển, hai, ba năm sau khai khẩn thành ruộng, rồi ở đó lập nhiều ruộng đất trại riêng, đến khi ấy đặt phép hạn chế ruộng. Riêng Đại vương, trưởng công chúa thì ruộng không hạn định, dân thường ruộng không quá 10 mẫu, còn thừa nạp vào nhà nước. Những người có tội được phép chuộc bằng ruộng. Kẻ bị biếm truất cũng được chuộc như thế. Hữu Thiên Tri chính sự hành Khu Mật viện sự là Phạm Cự Luận, lĩnh quân thần sách đi đánh bọn giặc cỏ áo đỏ

ở trấn Tuyên Quang, thua trận bị chết, được tặng tả bộc sạ (Cự Luận người huyện Đường An). Lấy Hành khiển Đỗ Thế Mãn thay lãnh chức Kinh lược **<23a>** sứ Tuyên Quang.

Mùa đông, tháng 10, Quý Ly bức vua dời đô về phủ Thanh Hoá, giết hai cung nữ của vua. Khi ấy vua đến An Sinh bái yết các lăng tẩm. Quý Ly ép vua cùng đến hành tại Đại Lại. Cung nhân Trần Ngọc Cơ và Trần Ngọc Kiểm mật nói với vua là: "Dời đô tất có sự cướp ngôi". Quý Ly nghe được cho rằng: Lê Hợp ở Miếu Hợp, Phụ Đạo Lương Ông ở Hữu Lũng đồng mưu liền đem giết cả.

Sai Hành khiển Đồng tri Đại Tông Chính sự là Lương Nguyên Bưu dỡ các cung điện Thụy Chương, Đại An, tất cả gạch ngói gỗ to giao cho các châu Từ Liêm, Nam Sách chuyển về đô mới, gặp gió to chìm mất quá nửa.

Nước Minh đưa hai người họ nhà Nguyễn là Đại Hồ và Tiểu Hồ sang an trí, đặt cho Đại Hồ là Địa Phục Cơ, Tiểu Hồ là Địa Bảo Lang (năm ấy bọn trẻ con hát rằng: "thâm tai Lê sứ" mà nhà Minh lại đưa hai tên Hồ sang an trí, đó là điềm cha con Quý Ly Hán Thương phải bỏ nước mà đi và là lời sấm của vua Lê Thái Tổ khởi quân).

Tướng Chiêm Thành là Chế Đa Biệt cùng em là Mộ Hoa Tử Gia Diệp đưa cả nhà sang hàng ta **<23b>**; đặt tên cho Đa Biệt là Đại Trung, - chức Kim Ngô Vệ Tướng quân; Gia Điệp làm Cấm Vệ đô, đều Ban họ Đinh, lại cho trấn thủ Châu Hóa để chống Chiêm Thành.

Mậu Dần [Quang Thái] năm thứ 11, (từ tháng 3 về sau là Thiếu Đế Kiến Tân năm thứ 1 [1398] (Minh Hồng Vũ năm thứ 31), mùa xuân,ngày 15, tháng 3, Quý Ly bức vua phải nhường ngôi cho Hoàng Thái tử An. Thái tử lên ngôi đổi niên hiệu, đại xá. Quý Ly có ý cướp ngôi từ lâu, nhưng chót đã có lời thề với Nghệ Tông, nguyện giúp đỡ con vua nhưng khó trái lời thề của mình ngầm sai đạo sĩ là Nguyễn Khánh ra vào trong cung nói với vua rằng: "Cảnh đẹp thanh u khác hẳn trần gian. Các tiên thánh triều ta chỉ thờ đạo Phật chưa từng theo đạo Chân Tiên. Bệ hạ ở ngôi vua, tôn quý khó nhọc với muôn việc, chi bằng nhường ngôi cho Thái tử để giữ khí thanh hoà". Vua nghe theo lời Khánh, bèn tân lục văn[1] phụng lĩnh đạo giáo ghi tên vào sổ tu tiên. Quý Ly làm cung Bảo Thanh ở phía Tây nam núi Đại Lại, rồi mời vua ở đó. Vua bèn truyền ngôi cho Hoàng Thái tử **<24a>**. Tờ chiếu truyền ngôi đại lược nói: "Trẫm sớm đã mộ đạo, không để tâm tới việc làm vua. Đức kém, tạm giữ ngôi,

[1] Nguyên văn là "tấn lục"

thực khó bề làm nổi, huống chi bệnh tâm thần thường nổi dậy. Việc thờ cúng, việc chính sự đều có trở ngại. Lời thề xưa trời đất quỷ thần đều đã nghe cả. Nay nên truyền ngôi để kéo dài cơ nghiệp lớn. Hoàng Thái tử An lên ngôi vua, phụ chính Thái sư Lê Quý Ly nhiếp chính. Trẫm tự làm Thái thượng nguyên quân Hoàng đế, nuôi chay sạch ở cung Bảo Thanh để thỏa chí xưa".

Hoàng Thái tử An lên nối ngôi đổi niên hiệu là Kiến Tân năm thứ 1. Đại xá. Tôn Khâm Thánh Hoàng hậu là Hoàng Thái hậu. Lúc ấy Thái tử mới được 3 tuổi, nhận lễ truyền ngôi không biết lạy, Quý Ly bảo Hoàng Thái hậu lạy ở trước cho Thái tử lạy theo. Quý Ly tự xưng là Khâm Thánh Hưng Liệt Đại Vương. Chữ đề biển làng: "Trung Thư Thượng Thư sảnh phụng nhiếp chính cai giáo hoàng đế thánh chỉ". Ngày ấy lên ngự điện ở kinh đô mới làm lễ khánh thành, ban yến từ quan Ngũ phẩm trở lên, cho đàn ông đàn bà chơi xem ở cửa **<24b>** nam thành cả ngày lẫn đêm.

Ra lệnh cho các người có ruộng phải khai báo số mẫu. Hành khiển là Hàn Đức Lân ngầm nói với người nhà rằng: đặt phép ấy là để đoạt ruộng của dân đấy thôi. Quý Ly nghe được giáng làm Thượng Thư bộ Hộ. Lại ra lệnh cho dân đề rõ họ tên ở trên ruộng các quan lộ, phủ, huyện, châu cùng kiểm đo làm sổ 5 năm mới xong. Ruộng không cung khai cam kết thì lấy làm ruộng công.

THIẾU ĐẾ

(Vua tên húy là An, con cả của Thuận Tông, làm vua 2 năm, Quý Ly cướp ngôi phế làm Bảo Ninh Đại Vương).

Phụ: HỒ QUÝ LY, HÁN THƯƠNG

(Quý Ly tự là Lý Nguyên, tự suy tôn cụ tổ của mình là Hồ Hưng Dật gốc người Chiết Giang. Thời Hậu Hán đến làm Thái thú đất Diễn Châu về sau nhà ở hương Bào Đột thuộc bản châu, rồi làm trại chủ. Đến thời Lý, lấy công chúa Nguyệt Đích, sinh ra công chúa Nguyệt Đoan, đến cháu đời thứ 12 là Hồ Liêm rồi đến hương Đại Lại thuộc Thanh Hóa làm con nuôi của Tuyên uý là Lê Huấn bèn đổi sang họ Lê. Quý Ly là cháu 4 đời của Liêm. Thời Trần Nghệ Tông từ chức Chi Hậu Tứ Cục Chánh Chưởng, thăng lên Khu Mật Đại Sứ thiên, Tiểu tư không tiến phong

Đồng bình Chương sự, dần dần lên phụ chính Thái sư nhiếp chính Khâm Đức[1] Hưng Liệt Đại vương, Quốc Tổ **<25a>** Chương Hoàng, rồi cướp ngôi nhà Trần, đặt quốc hiệu là Đại Ngu. Trở lại họ Hồ chưa được 4 năm thì truyền ngôi cho con là Hán Thương. Hán Thương tên cũ là Hoả, tiếm ngôi hơn 6 năm. Về sau cả hai người họ Hồ đều bị nhà Minh bắt).

Kỷ Mão, Kiến Tân năm thứ 2 [1399] (Minh Kiến Văn năm thứ 1, mùa hạ, tháng 4, Quý Ly bức vua phải xuất gia theo Đạo giáo ở quán Ngọc Thanh thôn Đạm Thủy[2]. Ngầm sai nội tẩm học sinh là Nguyễn Cẩn đi theo để trông nom, vua hỏi rằng: "Ngươi theo hầu ta muốn làm gì chăng?" Cẩn không nỡ nói. Quý Ly làm thơ cho cẩn rằng: Nguyên quân[3] không chết thì ngươi phải chết". Lại làm thơ dâng lên Nguyên quân rằng:

Tiền hữu dung ám quân,
Hôn Đức cập Linh Đức,
Hà tất tảo an bài,
Đồ sử lao nhân lực.

Dịch nghĩa:

(Trước có vua ngu hèn,
Hôn Đức và Linh Đức,
Sao không sớm an bài,
Để bận cho người khác).

Cẩn dâng thuốc độc, vua không chết, lại dâng nước dừa, không cho ăn cũng không chết. Đến khi ấy sai Kỵ vệ Thượng Tướng quân là Phạm Khả Vinh thắt cổ giết chết, chôn ở lăng Yên Sinh, miếu hiệu là Thuận Tông. Thái Bảo là Trần Hãng, Thượng Tướng quân là Trần Khát Chânmưu giết Quý Ly **<25b>** không thành liền bị giết chết. Hôm ấy Quý Ly ăn thề ở Đốn Sơn[4]. Quý Ly ngồi trên lầu nhà Khát Chân để xem, cũng như lệ Thiên tử đến miếu đến chùa. Phạm Tổ Thu là cháu Khả Vĩnh cùng thích khách là Phạm Ngưu Tất cầm kiếm ở bên cạnh, Khát Chân trừng mắt ngăn lại. Quý Ly chột dạ đứng dậy. Vệ sĩ đưa xuống lầu. Ngưu Tất vứt kiếm xuống đất nói rằng: "Cả lũ chết uổng thôi". Việc bị

---

[1] Kỷ trên ghi: Quý Ly tự xưng là Khâm thánh hưng liệt đại vương. Sang kỷ này lại ghi đức hưng liệt đại vương.

[2] Thôn Đạm Thủy: Thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

[3] Nguyên quân: Tức Thuận Tông.

[4] Đốn Sơn: Núi thuộc xã Cao Mật, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

phát giác. Thái bảo là Hãng, tôn thất là Nhật Đông, Tướng quân là Khát Chân, Khả Vĩnh, Hành khiển là Hà Đức Lân, Lương Nguyên Bưu, Phạm Công Thiện, Phạm Ngưu Tất và các liêu thuộc thân thích tất cả có hơn 370 người đều bị giết chết, tịch thu gia sản, con gái bắt làm nô tì, con trai từ 1 tuổi trở lên chôn sống, sơ sinh thì dìm xuống nước cho chết. Lùng bắt dư đảng hàng mấy năm không thôi. Trên đường chỉ nhìn nhau không dám nói, người quen biết nhau không dám đứng nói chuyện với nhau, người đi đường muốn ngủ đỗ thì phải có láng giềng, cùng hỏi giấy tờ, hành lý, lý do đi qua mới để cho ở. Các xã đều đặt các điếm tuần tra canh phòng ngày đêm. Lễ ăn thề từ đây **<26a>** không làm nữa (Khát Chân là người làng Hà Lãng, huyện Vĩnh Ninh, nay đổi là làng Hà Lương, huyện Vĩnh Phúc. Ba đời làm Thượng Tướng quân. Đời truyền rằng: Khát Chân lúc sắp bị chém, lên núi Đốn Sơn hét lên ba tiếng. Sau khi chết ba ngày sắc mặt vẫn như còn sống, ruồi nhặng không dám bâu. Nay còn đền thờ. Khi bị hạn cầu rất linh ứng. Nguyên Bưu là người Tuyên Quang, tổ tiên làm quan với nhà Lý, làm phụ đạo, thời Trần con cháu đều được phong hầu).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Quý Ly đến bấy giờ thì tội ác chất đầy rồi. Trần Hãng trước đã hẹn ước với tướng văn tướng võ rồi. Nếu biết nắm lấy thời cơ mà quyết đoán, nói rõ tội giết vua của Quý Ly ra rồi cùng Khả Vĩnh giết đi thì "danh chính ngôn thuận" mà lại được việc. Đáng tiếc là lại do dự sợ hãi để chuốc lấy bại vong.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Quý Ly nắm việc nước, cầm quân, bỏ vua, lập vua dễ như đổi quân cờ, không một người nào dám dị nghị. Nếu kêu gọi thì ai là người hưởng ứng, tất muốn như việc cũ đời trước. Vâng lệnh Thái hậu để đánh giặc, thì Thái hậu là con gái của Quý Ly* ***<26b>****, chỉ có kế là: liên hợp các bạn đồng minh, đều đem số quân của mình, dàn quân mà tuyên thệ với mọi người, kể rõ tội giết vua, rồi người ta có theo hay không, việc có thành hay không thì không kể [làm như thế] dù có thất bại cũng thỏa được lòng căm phẫn của nhà vua ở dưới chín suối. Nay không làm như thế, lại dùng cái mưu một người đánhlén để cầu may, sự cơ ở trong chốc lát mà còn trù trừ để chuốc lấy cái chết. Nhân tài cuối thời Trần suy thoái đại loại là như thế. Khát Chân phải chịu trách nhiệm chính, rồi đến Trần Hãng. Cái chết của Khả Vĩnh là muộn đấy.*

Tháng 6, Quý Ly tự xưng là Quốc tổ Chương Hoàng, mặc áo màu bồ hoàng[1] ở cung Nhân Thọ, theo lệ Thiên tử[2] ra vào dùng 12 cây lọng vàng. Con là Hán Thương xưng Nhiếp Thái Phó, ở phía bên phải điện Hoàng Nguyên. Nguyên Trừng làm Tư đồ. Văn đề biển là "Phụng nhiếp chính Quốc Tổ Chương Hoàng". Chỉ xưng là "ta" mà chưa dám xưng là "trẫm".

<27> *Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:* *Công tử Ngữ nước Sở, trước khi chưa cướp ngôi đặt ra quân phục vụ, bảo vệ bồ cung, trước tiên tỏ ra khá kiêu ngạo để uy hiếp người ta không ai dám trái. Sau đó không còn phải kiêng sợ ai mà trổ hết ngón ác. Những việc họ Hồ làm cũng theo một lối ấy.*

Mùa thu, tháng 7, người Cổ Đằng[3], Thanh Hóa là Nguyễn Dụng Phủ dâng thư, đại lược rằng: Chương Hoàng là hiệu gì? Bồ Hoàng là sắc gì? Đối với tiên đế thì sao? Quý Ly giam mấy ngày rồi tha.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Quý Ly khi còn Nghệ Tông, Bùi Mộng Hoa đã chỉ thẳng vào sự dòm ngó [ngôi vua]. Nhưng vì còn có vua. Đến bấy giờ Quý Ly đã nghiễm nhiên xưng là Chương Hoàng để huống chi Dụng Phủ dâng thư chỉ thẳng vào tội của Quý Ly khí thế ngang nhiên so với Bùi Mộng Hoa càng lẫm liệt hơn. Mạnh Thi Xã nuôi dưỡng dũng khí có lẽ cũng không hơn được, ắt là người nơi thôn dã, cho nên sử cũng chỉ chép châu mà thôi.* **<27b>** *Quý Ly thấy sớ tấu của Bùi Mộng Hoa mà không tìm việc hãm hại, nhận được thư của Dung Phủ cuối cùng tha cho khỏi tù có lẽ kẻ loạn thần tặc tử trong lòng thấy sợ cho nên không dám giết hại mà hai người ấy thì việc sống chết lo sợ không bận trong lòng, tạo hóa cũng giúp cho được an toàn đấy.*

Tháng 8, tên trộm cướp là Nguyễn Nhữ Cái trốn vào núi Thiết Sơn làm tiền giả để dùng. Gặp khi Phạm Tông bị giết, Khát Chân bị giết, bèn chiêu dụ lương dân hơn một vạn người, qua lại các vùng như Lập Thạch, Đề Giang, Tản Viên, Lịch Sơn, Đà Giang cướp bóc bừa bãi. Châu huyện không thể ngăn được. Tháng 9, đắp thành bao quanh đô mới. Chung quanh thành trồng tre gai. Người ăn trộm măng thì bị tội chết.Lại từ cầu Đại Tân đến bến đò Đàm Xá khai phá đất rừng, đất nội, làm hàng quán, nhà cửa, đặt sở Tuần kiểm ở sông Đại Lại, chăng dây thừng lớn ở giữa

---

[1] Màu bồ hoàng: Màu vàng như nhị hoa cây xương bồ.

[2] Bản chữ Hán in là Thái tử, chúng tôi sửa theo CMCB.

[3] Cổ Đằng: Tên một giáp thuộc huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

sông, phàm những thuyền ngược dòng phải kéo dây mà đi <28a> liền đổi người bị tội đi đày cho làm quản đào kênh, cho đào các kênh Trầm, Hào đến tận cửa bể Hà Hoa.

Tháng 12, sai Đông lộ An Phủ sứ là Nguyễn Bằng Cử đánh Nguyễn Nhữ Cái. Dẹp yên.

Canh Thìn, [Kiến Tân] năm thứ 3 [1400] (Minh Kiến Văn năm thứ 3), mùa xuân, tháng Giêng, Lê Quý Ly lập con là Hán Thương làm Thái tử. Mới đầu Quý Ly muốn lập Hán Thương nhưng chưa quyết, mới mượn danh cái nghiên mà nói rằng: "Thử nhất quyền kỳ thạch hữu thời vi vân, vi vũ, dĩ nhuận sinh dân" (Hòn đá bằng nắm tay này có khi làm mây, làm mưa, để thấm nhuần dân chúng). Trừng đối lại rằng: "Giá tam thốn tiêu tùng, tha nhật tác đống tác lương dĩ phù xã tắc" (Cây thông nhỏ ba tấc này một ngày nào đấy có thể làm sa, làm cột để chống đỡ cho xã tắc). Bấy giờ ý mới quyết.

Tháng 12, Lê Quý Ly ép vua phải nhường ngôi, bắt quần thần và người tôn thất ba lần dâng biểu khuyên lên làm vua, lại giả vờ cố từ chối rằng: "Khi ta chết còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế ở dưới đất nữa". Thế rồi tự làm vua, đặt niên hiệu là Thánh Nguyên, quốc hiệu là Đại Ngu, đổi họ là Hồ.

<28b> Sử thần Phan Phu Tiên bàn: *Khổng Tử nói rằng: "Không phải là quỷ thần mà tế là xiểm nịnh đấy" cho nên Địch Thanh(1) từ chối không nhận làm con cháu của Lương Huệ Công, Lưu Việp từ chối không nhận làm họ hàng của Lưu Thái hậu, nhà Đường tế Đế Nghiêu mà tiên Nho chê, Chiêu Liệt(2) nói là từ dòng dõi của Trung Sơn Tĩnh Vương mà Ôn Công(3) cho là không phải. Ôi việc nhận hay bỏ đâu có phải là theo ý riêng. Có lẽ vì họ hàng xa, đời thay đổi khó mà tin được. Quý Ly lại nhận là dòng dõi xa của Hồ Công Mãn(4) tế vua Ngu Thuấn cho là từ đấy mà ra thì tội dối đời để tiếm ngôi không gì lớn bằng.*

Quý Ly phế đế làm Bảo Ninh Đại Vương. Vì vua là dòng dõi cháu ngoại nên Quý Ly không giết.

Quý Ly sai thuộc quan ở Tam Quán, chi hậu nội nhân, nội tâm học sĩ, chia đi các lộ dò hỏi quan lại hay dở, dân gian lợi hại để từ đó

---

(1) Địch Thanh: Tức Địch Nhân Kiệt người thời Tống.

(2) Chiêu Liệt: Tức Lưu Bị con Hán Cảnh Đế.

(3) Ôn Công: Tức Tư Mã Quang người thời Tống.

(4) Hồ Công mãn: Dòng dõi của Ngu Thuấn.

mà thăng giáng rồi lấy làm lệ nhất định, từ đó để thay đổi các quan thú lệnh.

Mùa thu, tháng 8, Quý Ly cho thi Thái học sinh cho bọn Lưu Thúc Kiệm **<29a>** 20 người. Nguyễn Trãi[1], Lý Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên[2], Hoàng Hiến[3], Nguyễn Thành[4], đều dự đỗ. Đầu bài phú là "Linh Kim tàng"[5]. Các học trò xin giảng nghĩa đầu bài, quan trường hỏi: "Có việc cũ như thế không?" Chỉ có Bùi Ứng Đẩu trả lời rằng: "Thời Tống đã có Tôn Hà Khoa hỏi nghĩa bài phú: "Chi ngôn nhật xuất"[6] cho nên quan trường giảng cho" (Ứng Đẩu người Sơn Vi, ở triều Trần làm Giám Thư khố đến khi ấy bị giải chức, vào thi đã 50 tuổi, được làm chức Gián quan. Sau nói việc trái ý vua bị giáng làm Thái tử thuyết thư, rồi lại bị giáng làm Thái Tử tân khách).

Mùa đông, tháng 12, Quý Ly tìm hỏi gia phả họ nội họ ngoại, bà là họ Chu, mẹ là họ Phạm gọi là họ Hoa Thị.

Quý Ly cho Hành khiển Đỗ Mãn làm thủy quân đô tướng,Tướng Tả Thánh Đực quân Trần Vấn (được ban họ Hồ) làm Đồng Đô Tướng; Tướng Quân Long tiệp là Trần Tùng (được ban họ Hồ) làm Bộ quân đô tướng; tướng Tả thánh dực quân là Đỗ Nguyên Thạc làm Đồng đô tướng lãnh 15 vạn quân đi đánh Chiêm Thành.

> ***Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:*** *Quý Ly cướp nước, nội chính không tu sửa, căn bản chưa vững mà cứ bo bo về công trạng nơi biên giới* ***<29b>****. Người Chiêm bức bách vì bị đánh, sang phương Bắc xin cứu viện. Chưa mưu tính lấy được nước Chiêm cuối cùng vì nước Chiêm rút mà phải chịu nạn binh đao, họ Hồ mất nước bắt đầu từ đấy. Lão Tử nói rằng: "Giai binh bất tường"*[7] *há lại chẳng đáng tin lắm sao?*

Quý Ly truyền ngôi cho con là Hán Thương rồi tự xưng là Thái thượng Hoàng cùng coi chính sự. Hán Thương phong cho vợ là Hiến Gia Hoàng hậu ở cung Phù Cực.

---

[1] Nguyễn Trãi: Người huyện Thượng Phúc tức Thường Tín, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội).

[2] Vũ Mộng Nguyên: Người huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Hoàng Hiến; Người huyện Tiên Du, tức Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[4] Nguyễn Thành: Người huyện Thần Khê tức Tiên Hưng, tỉnh Thái Bình.

[5] Linh kim tàng: Kho chứa gươm của Linh Quý (tức Hán Cao Tổ) chém rắn khi mới nổi lên.

[6] Chi ngôn nhật xuất: Câu nói của Trang Tử, ý nói chén rượu như câu nói mỗi lúc một thay đổi.

[7] Giai binh bất tường: Quân tinh nhuệ không phải điềm lành. Đây muốn nói quân chỉ giỏi đánh nhau mà không lo xây dựng giữ gìn. Như thế chẳng là điều tốt.

Quý Ly sai sứ sang nước Minh, trước đây mẹ Hán Thương là Huy Ninh công chúa (truy tôn làm Thái Tư Hoàng hậu) là con gái Trần Minh Tông tính gả cho Trần Nhân Vinh, Nghệ Tông bắt về gả cho Quý Ly,sinh ra Khâm Thánh Hoàng hậu và Hán Thương. Đến khi ấy sai sứsang nói với nhà Minh rằng: họ Trần đã tuyệt, Hán Thương là cháu ngoại của Minh Tông tạm coi giữ việc nước.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Quý Ly không lập Nguyên Trừng chính vì Hán Thương là cháu ngoại của Minh Tông, làm cuộc cướp ngôi nhà Trần. Nguyên Trừng cũng tự biết thân phận mình không được lập, cho nên* **<30a>** *đã thác ý vào câu đối hòn đá lạ và cây tùng nhỏ để nói rõ mình chỉ nên làm người giúp đỡ thôi. Quý Ly dùng thuật đối với con, cho nên Nguyên Trừng cũng dùng thuật để đáp lại cha, bọn giặc gian tà trong vòng cha con như thế thì những việc khác cũng có thể biết được. Cứ xem Quý Ly cướp ngôi chưa được một năm đã truyền ngay cho Hán Thương, để tiện đặt lời nói với nhà Minh không biết rằng nhà Minh đã nuôi ý muốn nuốt chửng. Tuy có văn vẻ dối trá cũng không bổ ích gì. Về sau, Mạc Đăng Dung nhẫn nhục phụng sự nước lớn, để tránh Bắc Triều sang đánh, cũng nhường ngôi cho con là Đăng Doanh, kết quả được vô sự. Có lẽ là có sự e ngại như nhà Hồ đấy, tâm sự của hai tên cướp ngôi thì họ Mạc lại gian hùng hơn.*

Hán Thương đánh thuế thuyền buôn, định ba bậc thượng, hạ, trung (bậc thượng mỗi chiếc 5 quan, bậc trung mỗi chiếc 4 quan, bậc hạ mỗi chiếc 3 quan).

Năm ấy chúa Chiêm Thành là La Ngai chết, con là Ba Đích Lại lên ngôi.

Tân Tỵ, [1401] Hán Thương Thiệu Thành năm thứ 1, (Minh Kiến Văn năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, sét đánh ở đô thành.

Hán Thương đổi **<30b>** lịch Hiệp kỷ của nhà Trần, dùng lịch Thuận Thiên.

Tháng 2, sét đánh ở Đông cung, ba người chết.

Mùa hạ, tháng 4, Hán Thương cho làm sổ hộ khẩu khắp trong nước, ghi hết nhân khẩu từ 2 tuổi trở lên. Người kinh thành trú ngụ ở phiên trấn, đều yết bảng bắt về nguyên quán, không cho lưu lạc tản mạn, ghi cho họ Hồ hai phái ở Diễn Châu và Thanh Hoá. Trước kia Quý Ly thường nói với quan thần rằng: "Làm thế nào để có được trăm vạn quân để đối địch với giặc phương Bắc?". Đồng tri khu mật sứ là Hoàng Hối

Khanh dâng kế sách đó. Khi sổ làm xong, điểm số người từ 15 tuổi trở lên, từ 60 tuổi trở xuống, được gấp bội số so với trước, cho nên năm Thiệu Thành thứ 3, điểm binh càng nhiều.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Quý Ly không lượng sức mình mà muốn điểm binh đến từng nhà để khoe nhiều với Trung Quốc. Không nghĩ rằng già nua yếu đuối là con số suông thì có ích gì cho việc thắng bại, chỉ là xua đuổi ra chỗ diệt vong mà thôi. Kế sách của Hối Khanh là như thế đấy. Duyệt định hộ khẩu, khắc bạc thái quá còn sợ hại dân, huống chi lại dựa vào đấy mà tăng ngạch lính sao?*

<32a> Hán Thương lập phép hạn chế gia nô, chiếu theo phẩm cấp khác nhau. Các nô tỳ đều có hình ghi vào trán làm dấu nô của công hoặc sung điện tiền quân thì thích kiểu hỏa châu, của công chúa thì thích kiểu hải đường; của đại vương thì thích 1 khuyên đỏ, của quan nhất nhị phẩm thì thích 1 khuyên đen, của quan tam phẩm trở xuống thì thích 2 khuyên đen. Ngoài ra người tiến vào nhà nước, mỗi người được trả 5 quan tiền. Người đáng được có gia nô phải trình chúc thư ba đời. Gia nô người nước ngoài thì không có lệ. Lúc đó có sĩ đại phu theo ý của họ Hồ tranh nhau dâng thư khuyên giết con cháu họ Trần và giảm bớt điền nô đè nén thế lực như bọn Hoàng Hối Khanh, Nguyễn Hy Chu, Đông Thức, tham vọng phú quý, nhiều không kể xiết. Hồ Tùng đi đánh Chiêm Thành không có công trạng phải trở về. Tùng nghe lời Đinh Đại Trung, cho quân bộ đi theo sườn núi, cách xa quân thủy. Nước lũ ập tới, tướng sĩ hết lương, ba ngày phải nướng áo giáp bằng da làm thức ăn khi quân trở về. Vì Tùng cho quân đi đường hiểm trở làm lỡ quân cơ đáng chém, nhưng xét công ở Tiềm Để[1] nên miễn tội chết **<31b>** đồ làm xã binh.

Hán Thương đặt kho Thường Bình[2] cấp tiền giấy cho các lộ theo thời giá đong thóc chứa vào kho. Lúc đó các quan lộ, phủ, châu, huyện thay đổi luôn nên không làm được. Hán Thương đặt quan hương đình, có chánh phó (về sau chỉ dùng một viên).

Hán Thương ra lệnh cho các lộ phải nung gạch xây đô thành mới.

Hán Thương đặt hình luật quan chế cho nước Đại Ngu.

Mùa đông, tháng 12, Hán Thương cho Nguyễn Phi Khanh làm Hàn lâm học sĩ.

---

(1) Tiềm Để: Nơi vua ở khi còn là Thái tử.

(2) Kho Thường Bình: Kho chứa thóc mua vào bán ra lúc nào cũng theo giá bình thường.

Nhâm Ngọ, Hán Thương Thiệu Thành niên hiệu 2 [1402] (Minh Hiến Văn năm thứ 4), mùa xuân, tháng 2, Hán Thương duyệt định quân ngũ.

Tháng 3, Hán Thương sửa sang đường xá từ thành Tây Đô đến Châu Hoá, dọc đường đặt phố xá trạm chạy giấy, gọi là đường Thiên Lý.

Mùa hạ, tháng 6, Hán Thương cho Đồng Thức(1) làm Trung tán, ban cho họ Ngụy (ví với Ngụy Trưng(2) nhà Đường).

Mùa thu tháng 7, Hán Thương cử đại quân đi đánh Chiêm Thành, cho Đồ Mãn làm Đô Tướng, Điện Nội Phán Thủ Nguyễn Vị làm Chiêu Dụ sứ; Đông Đô lộ An Phủ sứ **<32a>** là Nguyễn Bâng Cử làm Đồng Chiêu dụ sứ. Khi đại quân sắp đến bờ cõi giặc, Đinh Đại Trung đem kỵ binh đi trước, gặp tướng giặc là Chế Tra Nan đánh nhau, đều bị chết cả. Chúa Chiêm Thành là Ba Đích Lại sợ, sai cậu là Bố Điền dâng một voi trắng và một voi đen cùng các sản vật địa phương, lại dâng đất Chiêm Động(3) xin rút quân. Bố Điền đến, Quý Ly bắt ép phải đổi tờ biểu là dâng nộp cả động Cổ Luỹ(4), rồi chia đất đó làm bốn châu: Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa đặt An Phủ sứ và Phó Sứ lộ Thăng Hoa để cai trị; miền đầu nguồn đất ấy thì đặt trấn Tân Ninh(5). Chiêm Thành thu dân gần đấy đem về nước. Còn người ở lại thì bổ làm quân. (Xét thấy địa giới Thuận Hóa thì đường bộ qua núi Ải Vân đã đến Thăng Hoa, từ thời Trần về trước là Hóa Châu, chỉ có đất từ Thuận Hóa trở ra Bắc. Đến khi ấy Ba Đích Lại mới hiến Chiêm Động tức ranh giới Đại Chiêm, đường bộ từ Toàn Trạm phường, qua Câu Đê Cẩm Sa đến doanh Quảng Nam, tức là đông Đại Chiêm, quân đi 2 ngày rưỡi đường thủy qua 4 cửa: Hải Vân, Câu Đê, Đà Nẵng, Đại Chiêm. Quý Ly lại ép nạp thêm động Cổ Luỹ. Đi từ doanh Quảng Nam qua sông qua Bình An, Hà Lam, Chiên Đàn, Trà Lý đến Chi Giang mất 2 ngày rưỡi, từ Chi Giang qua Châu Tràng khoảng ba canh, lại từ Châu ở đến Trà Khúc qua sông, hạ lưu sông ấy là cửa luỹ Đại Chiêm **<32b>**. Đường thủy qua Tiền Yểm, Hiệp Hoà, Thái Tịnh, Sa Cơ đến Chiêm Luỹ gồm 5 cửa biển là nhà Nhuận Hồ đã thu được một nửa đất Quảng Nam; hai vua Hồ đánh bại người Chiêm lại

---

(1) Đồng Thức: người huyện Chí Linh, Hưng Yên.

(2) Ngụy Trưng: tể tướng nhà Đường, nổi tiếng thẳng thắn can ngăn vua. Nhà vua cũng phải nể.

(3) Chiêm Động: Thuộc tỉnh Quảng Nam.

(4) Cổ Luỹ: Gồm phần đất các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ tỉnh Quảng Ngãi.

(5) Tân Ninh: Vùng phía Tây tỉnh Quảng Nam.

chiếm cứ Thăng Hoa, đất đai chiếm được trả lại người Chiêm. Năm Hồng Đức thời Lê, chúa Chiêm Thành là Trà Toàn cướp phá Hóa Châu, Thánh Tông phải đi đánh phá thành Đồ Bàn, bắt Trà Toàn mới thu phục được bờ cõi cũ, lại mở đến núi Thạch Bi. Đường thủy là cửa biển Phan Rang. Từ cửa Cổ Luỹ về Cửa Tiển, Tây Sa, Hoàng Tân Quan, Thời Phú, Hà La, Lãnh Thủy, Thi Nại, Xuân Đài, Đà Diễn, Trà Nông, Tiểu Môn, Nha Du, Cù Huân, Phan Rang gồm 14 cửa biển, đặt ra phủ Hoài Nhân, có 3 thuộc huyện. Về 4 phủ thuộc Phan Rang, Định Tường, phía Nam là địa giới Chiêm Thành, họ Nguyễn ở Tông Sơn chiếm cứ Nam Hà lại xâm lược Chiêm Thành, lấy đất ấy đặt làm 4 phủ Bình Khang, Diên Khánh, Bình Thuận, Gia Định, Chiêm Thành ở riêng vào ven núi. Ở dinh Bình Thuận tức là phía Tây dinh Phan Lỵ họ Nguyễn phong làm Thuận Thành vương, từ Bình Khang về phía Nam đều đặt chức Thủ Ngự ở dinh và cácdinh Trấn Biên, Định Viễn, Định Viễn tức là dinh Long Hồ, từ Long Hồ đến phía Nam dinh giáp với địa giới nước Cao Miên. Hán Thương điều bổ An Phủ lộ Thuận Hóa là Nguyễn Cảnh Chân làm An Phủ sứ lộ Thăng Hoa. Cảnh Chân dâng sớ nói: xin theo việc cũ của nhà Hán nhà Đường, mộ người nạp thóc chứa vào kho ở biên giới. Hoặc ban tước, hoặc miễn tội, đều có từng thứ bậc khác nhau. Quý Ly phê rằng: "Biết được mấy chữ mà biết nói việc Hán Đường thực là: người câm biết nói, chỉ chuốc lấy sự chê cười mà thôi".

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Lời bề tôi nơi biên giới xin chứa kho thóc ở biên giới, đã không được chấp nhận, lại còn sỉ nhục. Kiêu căng ương bướng như vậy, không bị diệt vong còn đợi gì nữa!*

Hán Thương cho Hiệu Chính hầu là Chế Ma Nô Đà Nan làm Thượng Hầu huyện Cổ Luỹ, trấn giữ châu Tư Nghĩa, vỗ về dân chúng người Chiêm để mưu tiến đánh.

Đặt nhã nhạc, lấy con quan văn làm kinh Vĩ lang, lấy con quan võ làm chỉnh đốn lang, tập điệu múa văn, võ.

Tháng 8, Hán Thương xây dựng đàn tế Giao ở Đôn Sơn, làm lễ tế giao, đại xá. Ngày ấy, Hán Thương ngồi kiệu chạm mây rồng, đi từ cửa nam ra, các cung tần bách quan mệnh phụ[1], thứ tự theo hầu. Mũ áo của đàn bà kém chồng một bậc, bản thân là tôn quý thì không phải giảm. Theo lệ cũ, lễ tế giao bách quan lính cưỡi ngựa theo hầu rất nhiều. (Cứ ba năm một lần đại lễ, Thiên tử ngồi xe Thái Bình, khắc gỗ làm 40 hình

---

[1] Mệnh phụ: Vợ các quan đã được phong.

người tiên mặc áo vóc cầm cờ đi trước, hoặc đi thuyền nhỏ ở hồ Chu Tước lấy dây gấm để kéo thuyền. Hai năm làm trung lễ, Thiên tử ngồi ngai bách cầm. Hằng năm là tiểu lễ, Thiên tử ngồi ngai nhỏ). Thời Trần chưa từng làm lễ tế giao. <33b> Hán Thương bắt đầu làm. Khi dâng chén rượu, tay run run đổ xuống đất rồi thôi.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Từ thời Trần trở về trước, lễ giao tế trời không thể cử hành được , có lẽ là lễ nhạc chế độ còn thiếu thốn nhiều đấy. Cái gian tà cướp ngôi của Hán Thương sao có thể nhờ được Thượng Đế, huống chi lại dùng lễ Hoàng hậu nuôi tằm ở cõi phía Bắc mà làm ở cõi phía Nam, sai mệnh phụ của bách quan đem mũ áo đi theo. Thế là ăn cắp cái cặn bã của lễ, không tra cứu vào đâu được, thật là bỉ ổi. Từ xưa bọn loạn thần cướp nước, lấy lễ lớn tế giao có nhiều, sính dùng âm thanh màu sắc để khoe cái đẹp thì thường thường gặp phải tai biến bất ngờ, liền bãi bỏ không làm xong được như Hán Thương là nhiều đấy.Kinh Thi có câu: "Hoàng kỹ Thượng Đế hạ hữu hách"*[1] *lại có câu "Thượng đế lâm nhữ, vô nhị nhữ tâm*[3]*" trời há có xa đâu!*

Hán Thương định lệ mới về tô thuế đinh điền (triều trước mỗi mẫu ruộng thu 3 thăng thóc, nay thu 5 thăng; bãi dâu mỗi mẫu thu 9 quan **<34a>** hoặc 7 quan, nay loại thượng đẳng thu mỗi mẫu 5 quan tiền giấy, loại trung đẳng 4 quan tiền giấy, loại hạ đẳng 3 quan tiền giấy. Tiền hàng năm của đinh nam là 3 quan nay theo sốruộng làm ngạch thu. Cứ 5 sào thu 5 tiền giấy; 6 sào đến 1 mẫu thu 1 quan; một mẫu 1 sào đến 1 mẫu 5 sào thu 1 quan rưỡi tiền giấy; 1 mẫu 6 sào đến 2 mẫu thu 2 quan tiền giấy; 2 mẫu 6 sào trở lên thu 3 quan tiền giấy). Đinh namkhông có ruộng và trẻ mồ côi, đàn bà góa có ruộng cũng không phải đóng.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Đinh nam không có ruộng; trẻ mồ côi, đàn bà góa có ruộng đều được miễn thu cũng là chính sách rộng rãi với dân, nhưng phép có thân thì có dung, có ruộng thì có tô, không thể thay đổi được, đến bây giờ ruộng 1 mẫu thu 1 sào 1 mạch thì như vậy là quá nặng mà bên kia thì quá nhẹ đều không được vừa phải.*

Sĩ nhân là Nguyễn Bẩm dâng thư nói rằng: Tiền Hồ (Hồ Quý Ly) nên nhường ngôi rút về ở Kim Âu[2], Hậu Hồ (Hồ Hán Thương) tôn làm

---

(1) *Kinh Thi* thiên "Hoàng hỹ" trong thơ Đại Nhã. (Lớn thay thượng đế, giám sát kẻ dưới rõ ràng. Thượng đế giám sát mày, mày chớ hai lòng).

(2) Kim Âu: Vùng đất thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Thượng Hoàng, Thái tử chính vị quan gia. Quý Ly giận lắm, cho là Bẩm chỉ trích nhà vua, sự việc nguy hại bèn chém đi **<34b>**.

Quý Mùi, Hán Thương Khai Đại năm thứ 1 [1403] (Minh Thành Tổ Vĩnh Lạc năm thứ 1), mùa xuân, tháng 2, Hán Thương đưa những người không có ruộng nhưng có của về Thăng Hoa ở, biên chế thành quân ngũ. Các quan lộ, phủ, châu, huyện, chọn đất cho họ ở, ở châu nào thì thích hai chữ tên châu ấy vào hai cánh tay để nhớ. Năm sau đưa vợ con họ theo sau, giữa đường gặp bão chết đuối, dân chúng nhiều người oán ghét, Hán Thương mộ dân nạp trâu ban tước để cấp cho dân mới dời ởThăng Hoa.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Người Chiêm Thành trước kia không ghi họ. Nay từ Thăng Diện về phía Nam có người ghi họ đều là sau khi di dân đấy. Lúc bấy giờ người Chiêm Thành dâng đất mà không có dân, cho nên Hán Thương mới làm kế di dân cho kín nơi biên giới. Không biết rằng chính sách di dân xưa đã có nhiều. Có lẽ là chiêu mộ những kẻ vô lại tình nguyện di chuyển cấp cho trâu bò cày, khí cụ làm ruộng và thóc* ***<35a>****giống cho ở đất tốt, khiến cùng nhau ở thành thôn xóm, khai khẩn ruộng hoang chứ chưa từng cưỡng ép dân giàu có khiến họ phải xa quê hương chuyển vợ con mà bắt phải đến đấy xum họp, huống đất Thăng Hoa là nơi mới được, phải đặt đồn canh giữ, sao không đem cái mưu kế dời dân làm mưu kế đóng quân, phát lương hậu và cấp giấy chứng nhận, khiến cho dìu dắt cả vợ con đi theo làm việc thì ai không muốn đi, cần gì phải thúc ép. Sinh sản xum họp 10 năm, đều trở thành người bản xứ là dân mà nằm trong số quân, thì có chỗ nào sơ hở mà đáng lo? Tiếc thay vua tôi Hán Thương không đủ kiến thức nói được như thế. Nhưng dùng mệnh lệnh bạo lực trong nhất thời, lâu rồi cũng yên. Đến nay cùng một cỗ xe, cùng một văn tự, cùng một luân lý, thế là như bức trường thành của thời Tần thời Tùy và cái lợi của sông ngòi đấy.*

Hán Thương lấy phủ lộ Thanh Hóa làm Tam phụ(1) của kinh kỳ. Đổi phủ Thanh Hóa làm phủ Thiên **<35b>** Xương, gồm với Cửu Chân, Ái Châu(2) gọi là tam phụ, lại đổi Diễn Châu làm phủ Linh Nguyên, cộng là tứ phụ, đổi phủ Kiến Xương làm phủ Kiến Ninh, núi Đại Lại làm núi

(1) Tam phụ: Đất thuộc phạm vi kinh đô.

(2) Ái Châu: Nay là đất thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Kim Âu. Đặt chức Thị Giám[1] ban bố cân, thước, thăng, đấu, định giá tiền giấy để trao đổi với nhau. Người buôn bán thời ấy phần lớn không ưa tiền giấy, lại lập ra điều: luật xử tội không tiêu tiền giấy, bán giá cao, đóng cửa hàng bao che cho nhau.

Người phương thuật là Trần Đức Huy chịu tội chết (Đức Huy mồm rộng cho lọt nắm tay, tay dài quá gối. Có người nói sau này tất quý. Khi lớn lên học phương thuật. Ban đêm thường đánh mõ làm phép kỳ binh, như có nghìn muôn người đánh nhau. Lại đi khắp các xã thôn lấy trộm tên những người đi tuần, biên làm sổ quân. Việc bị phát giác, bị bắt, thu được 1 sách, phương thuật, 1 ấn giả, 1 kiếm nhỏ, 1 mỏ đồng, xử tội lăng trì, quân tịch bị ném xuống nước và vứt vào lửa không hỏi đến. Xét ra Đức Huy có tướng lạ nắm thuật yêu quái tự can tội chết, cho nên thay đổi cách chép của sử cũ, mà chép là chịu tội chết, là cho đúng tội của nó để răn cho bọn giặc yêu quái, không phải là Hán Thương chuyên chém giết đấy, chỉ giết một người có tội còn những người khác thì không hỏi đến. Hán Thương làm điều ấy cũng tạm được. Hán Thương dựng miếu Thiên Xương ở các lăng tẩm để tế tổ khảo của mình, sớm chiều cúng tế. Lại xây dựng các miếu Linh Nguyên, Bào Đột, để thờ tổ tiên, xây dựng Đông Thái Miếu để thờ tổ tiên họ mình **<36a>**, xây dựng Tây Thái Miếu để thờ tổ tiên họ ngoại là Trần Minh Tông, Trần Nghệ Tông.

Nước Minh sai Ổ Tu sang báo việc vua nhà Minh lên ngôi. Trước đây Thái tử của Thái Tổ là Ý Văn mất sớm, Thái Tông là Doãn Văn nối ngôi, đặt niên hiệu là Kiến Văn. Yên Vương Lệ là con thứ của Thái Tổ, ngầm nuôi chí khác, đến bấy giờ dấy binh làm phản. Đến đâu cũng đều đón hàng, bèn vào Kim Lăng, Kiến Văn chạy trốn, Lệ tự lập làm vua, đổi niên hiệu là Vĩnh Lạc, tức là Thánh Tổ.

Hán Thương sai sứ sang nhà Minh xin phong. Vua nhà Minh sai sứ đem sắc dụ cho kỳ mục trong nước hỏi họ Trần có người thừa kế hay không? Việc người trong nước tôn lập Hán Thương là thực hay giả? Hán Thương liền sai sứ đem đồ tiến cống và xin phong. Sứ nhà Minh về tâu bèn ban chiếu phong cho Hán Thương làm Nam quốc vương. Hán Thương sai tướng là Phạm Nguyên Khôi đi đánh Chiêm Thành không được, quay về. Hán Thương cho đóng thuyền đinh thành đội quân thuyền đi đánh Chiêm Thành. Dự chia các đất Bản Đạt Lang, Hắc Bạch, và Sa Li Nha từ phủ Tư Nghĩa về phía Nam đến địa giới Tiên La **<36b>** làm châu huyện. Gia phong Nguyên Khôi làm Đại tướng quân

[1] Thị Giám: Quan coi chợ.

hai vệ Thiên Ngưu và Phụng Thần, lĩnh quân Long Tiệp, hành thủy quân đô tướng Hồ Vấn làm phó. Đỗ Mãn lĩnh quân Thiên Cương, Chương Thánh, Củng Thần Hành Bộ Quân Đô tướng, Đỗ Nguyên Thác làm phó. Quân thủy quân bộ cộng 20 vạn, đều theo sự tiết chế của Nguyên Khôi. Người nào ra trận mà sợ giặc thì chém, vợ con tài sản sung công. Các quân vào đất Chiêm Thành sửa nhiều chiến cụ; vây thành Đồ Bàn sắp lấy được, nhưng vì quân đi đã 9 tháng, hết lương thực không thắng đành rút về, Đỗ Nguyên Thác vì trái lệnh Đô Tướng, tha tội chết, đày làm binh.

Chiêm Thành cầu cứu nhà Minh. Người Minh cho 9 thuyền vượt biển đến cứu. Các quân ta trở về, gặp quân Minh ở ngoài biển, người Minh bảo Nguyên Khôi rằng: Phải cấp tốc đem quân về, không được ở lâu. Nguyên Khôi từ Chiêm Thành về, Quý Ly trách rằng: cớ sao không giết hết được quân nhà Minh?

<37a> Sử thần Phan Phu Tiên bàn: *Nguyên Khôi vốn không có tài làm tướng, chỉ giỏi về những việc khéo léo. Chỉ vì ân nghĩa là họ ngoại mà được đặc cách gia phong tước hầu. Thế mà, việc này mong được thành công thì có khác gì Hán Vũ Đế sai Nhị sư Lý Quảng Lợi đi đánh nước Đại Uyên?*

Hán Thương cho phương sĩ là Nguyễn Đại Năng làm Quảng Tế Tự Thừa, đặt quan thuộc thự Quảng tế[1] bắt đầu từ đấy (Đại Năng người Giáp Sơn có thể lấy lửa thích hoặc lấy kim châm để chữa bệnh cho người, lại xảo trá, có sức khoẻ có thể bắn được nỏ cứng sau làm Quảng tế lệnh kiêm chỉ huy binh rồi được điều chỉ huy quân Sùng Uy <37b>).

Bấy giờ sứ Minh đi lại nước ta liên tiếp, có lần thì yêu sách, có lần thì trách hỏi, Hán Thương sai tùy tình hình giải quyết. Vất vả vì việc ứng tiếp.

Mùa đông, tháng 10, Hán Thương giết thân thuộc của bọn Nguyễn Toán làm nội quan ở phía Bắc. Trước kia Minh Thái Tổ thường đòi những người bị thiến, tăng nhân, đàn bà xoa bóp, ta thường vì tình cảm mà cho. Được vài năm cho tăng nhân, con gái về, để người bị thiến lại sung làm quan thuộc. Đến khi Thành Tổ lên ngôi, có ý xâm lược phương Nam. Sai bọn Nguyễn Toán, Từ Cá, Nguyễn Tông Đạo, Ngô Tín, sang sứ thăm hỏi bọn thân thuộc, bí mật bảo người thân rằng: Có quân phương Bắc đến thì dựng cờ vàng đề nội quan thân thuộc họ tên thì không bị giết. Việc tiết lộ bị bắt hết giết đi.

---

[1] Thự Quảng tế: Cơ quan y tế.

Giáp Thân, Hán Thương Khai Đại năm thứ 2 [1404] (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 2), mùa xuân, tháng 2, Hán Thương thưởng cho An Phủ sứ lộ Tân Hưng kiêm Đông Đô phán là Trần Quốc Việt tước Một tư vì biết đắp đê ngăn nước mặn cho dân cày cấy.

<38a> Hán Thương sai Phan Hòa Phủ đem hai con voi đen và trắng sang biếu nước Minh. Trước đây Chiêm Thành cống voi và dâng đất để cầu viện quân, nhưng lại nói điêu với nước Minh rằng: Họ Hồ lấn đất và bắt cống voi. Đến bấy giờ nhà Minh sai sứ sang trách hỏi cho nên đưa biếu voi. Hán Thương định cách thức thi cử nhân. Cứ tháng 8 năm nay thì hương, người đỗ miễn sai dịch. Tháng 8 năm sau, thi ở bộ Lễ, người đỗ thì được tuyển bổ. Lại tháng 8 năm sau, thi hội, người đỗ thì được sung làm Thái học sinh. Đều 3 năm một lần thi. Lúc bấy giờ học trò chuyên nghiệp có chí tiến thủ, nhưng chỉ được thi ở bộ Lễ rồi gặp loạn phải ngừng. Cách thi bắt chước thời nhà Nguyên. Thi tam trường lại chia văn sách thành tứ trường lại có thêm trường thi toán. Những quân nhân và người phường hát phạm tội, đều không được dự bổ. Hán Thương lập quân tả hữu. Trước đây, năm Nhâm Ngọ, chọn tráng đinh. Người nghèo làm quân trợ địch, rồi lại đổi làm quân bồi vệ. Đến khi ấy cho làm hàng tả hữu lấy tên cầm thú đặt danh hiệu ví dụ như phượng hoàng, kỳ lân... <38b> cho các quan văn võ người tôn thất kiêm quản.

Hán Thương cho đào cảng vận chuyển từ Tân Bình đến địa giới Thuận Hóa bị bùn cát ùn lên nên không thành công; Cửa biển Eo[1] ở Hóa Châu bị lở, Hán Thương sai quân ở kinh đến đắp.

Hán Thương cho làm thuyền đinh, có tên là "trung tào tải lương", tải lương là kiểu thuyền lầu cổ trên có đường sàn đi thông để tiện việc chiến đấu; dưới thì hai người chèo một mái chèo, giả đặt tên là thuyền tải lương, thực ra là để phòng giặc phương Bắc.

Quý Ly giết Tướng Quân cũ là Hồ Tùng. Trước đây Tùng đã giải chức, xin bán đồ quân khí, Quý Ly muốn dùng nên không cho. Tùng lại ngầm thông dâm với vợ Nguyên Bưu là con gái Trần Quý, Quý Ly giận nói: "Như ngọc khuê như ngọc chương ra từ cửa nhà Tùng" (không rõ nghĩa câu nói). Đến bấy giờ Tùng cùng với người Chiêm đầu hàng là Chế Sơn Nô mưu làm phản. Ngầm kết với người Chiêm, trao đổi tin tức. Việc tiết lộ, Tùng và con gái Quý đều bị xử tử.

---

[1] Tức cửa biển Thuận An, tỉnh Thừa Thiên – Huế ngày nay.

Nhà Minh sai hành nhân là Lý Kỳ sang. Kỳ tự tiện làm oai làm phúc <39a> đánh đập các người bạn tống và đốc biện, thúc phải đi nhanh không kể ngày đường. Trước kia sứ giả đi từ Đông Đô đến Tây Kinh mất 12 ngày, Kỳ đi 8 ngày. Khi đến công quán, xem hết hình thế, Kỳ về, Quý Ly sợ sự tình bị tiết lộ sai Phạm Lục Tài đuổi theo để giết. Đến Lạng Sơn thì Kỳ đã ra khỏi cửa ải rồi, Kỳ về tâu hạch họ Hồ xưng đế và làm thơ có những câu khinh mạn.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Quý Ly đã muốn diệt quân nhà Minh, lại muốn giết sứ nhà Minh. Việc nội trị không tu sửa, việc chống giặc không có chiến cụ mà cứ khư khư khiêu khích nước lớn để chuốc lấy sự giận dữ. Ngu muội đến như vậy sao!*

Hán Thương ra lệnh quan viên không được đi hia, chỉ cho phép đi giày gai sống (Lệ cũ đời trước, quan từ Chánh lục phẩm trở lên mới được đi hia) cấm nhân dân không được dùng lụa mịn tơ chín làm áo mặc, chỉ cho nện qua. Lại ra lệnh cho các lộ xếp những người không có ruộng làm đội cùng nhân.

<39b> *Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:* *Hán Thương cai trị cả nước, không thể làm cho dân có thừa áo mặc mà lại phân biệt lụa sống hay chín; không thể làm cho người nghèo không bị thất sở mà lại gọi rõ là đội cùng đinh, để làm nhục những người không có ruộng. Chính sách phiền toái là việc làm của người mất nước, không một việc gì có thể coi được, đại loại như thế.*

Hán Thương ra lệnh các lộ phải đồ chín gạo cấp cho các châu Thăng Hoa, theo lời của Hoàng Hối Khanh.

Ất Dậu, Hán Thương Khai Đại năm thứ 3 [1405], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 3), mùa xuân, tháng 2, Quý Ly giết kẻ sĩ là Nguyễn Ông Kiều và Lê Địch. Trước kia Quý Ly thường làm thơ răn Hán Thương và Trừng. Thơ đại khái nói rằng:

Thiên dã phú,
Địa dã tái,
Huynh đệ nhị nhân như hà bất tương ái?
Ô hô ai tai hề ca khảng khái!

Dịch nghĩa:

(Trời thì che,
Đất thì chở,
Hai anh em ngươi, sao nỡ ghét nhau?
Than ôi! thương thay! lời ca buồn thảm).

Vợ Ông Kiều ra vào trong cung nói với Ông Kiều. Ông Kiều truyền tụng ở cầu Hoa Cái. Học trò trong phủ của Trừng là Nguyễn Miên, Nguyễn Nhữ Minh đem nói với Trừng <40a>, Trừng lại nói với Quý Ly. Quý Ly bí mật ra lệnh cho Trung uý Doãn là Đỗ Tử Triệt bắt bỏ ngục. Ông Kiều thất thố làm liên lụy đến cả bọn Lê Địch, Đỗ Loát. Loát trốn thoát được, Ông Kiều và Địch đều bị giết, người cùng bị tội là Hà Nhật Tuyên bị đày ra châu xa; bọn Nguyễn Nhữ Minh ngồi nghe bị tội khổ sai ra châu Cửu Chân (sau vài tháng Tử Triệt bỗng đột ngột ốm, đòi lấy bútviết rằng: "Ta cùng với Nhữ Minh kiện nhau". Lát sau thì chết. Sau Nhật Tuyên lại can tội bè đảng bị chết).

Nhà Minh sai sứ sang đòi cắt đất châu Lộc thuộc Lạng Sơn (châu Lộc tức châu Lộc Bình. Bấy giờ thổ quan ở Tư Minh tỉnh Quảng Tây là Hoàng Quảng Thành nói rằng: Châu Lộc nguyên là đất cũ của phủ ấy). Quý Ly cho Hành khiển là Hoàng Hối Khanh làm Cát Địa sứ(1). Hối Khanh đem đất Cổ Lâu gồm 59 thôn trả cho nhà Minh. Quý Ly trách mắng Hối Khanh là đem trả quá nhiều. Phàm là thổ quan do người Minh đặt [Quý Ly] đều ngầm sai người Thổ đánh thuốc độc chết (nay các ải phía Bắc Lộc Bình các thổ quan nội địa đều họ Vi. Những thôn ấp phần nhiều còn chép theo tên xã ở Lộc Châu, phong tục dân không khác gì Lạng Sơn đất bị mất ước tính phải đi mất vài ngày đường; Cái tội bán đất của Quý Ly giết đi cũng không hết tội được).

Hán Thương ra lệnh các trấn đầu nguồn phải nạp gỗ làm cọc. Châu Vũ Ninh nạp gỗ Ô Mễ lấy ở <40b> lăng Cổ Pháp đưa vào đem quân đóng ở cửa biển, và chỗ xung yếu ở sông lớn để phòng giặc phương Bắc.

Nạn đói.

Hán Thương ra lệnh cho các quan ở các huyện, châu, lộ, phủ xem xét số thóc các nhà giàu nhiều ít để bán theo giá phải chăng cho dân theo thứ bậc khác nhau.

Mùa hạ, tháng 6, sét đánh vào Đông cung, Hán Thương ra lệnh cầu lời nói thẳng.

Xá tội.

Hán Thương bàn sửa cung điện ở Đông Đô. Lúc ấy giặc phương Bắcsắp nổi lên, dân từ lâu vẫn sợ làm việc ở nơi xa, cho nên đặt ra việc đó để thu hút nhân tâm. Cuối cùng cũng không làm được.

---

(1) Cát địa sứ: Sứ giả phụ trách việc cắt đất.

Mùa thu, tháng 7, Quý Ly, Hán Thương tuần hành thăm các núi sông ở kinh, lộ, và các cửa biển là muốn biết nơi hiểm nơi dễ đấy. Tháng 8, trở về.

Hán Thương đặt 4 kho quân khí, bất kể là quân hay dân, gồm người có nghề khéo đều sung vào làm việc. Hán Thương sai bộ Lễ thi cử nhân, 170 người trúng tuyển. Cho Hồ Ngạn Thần, Lê Củng Thần sung làm Lý hành, Thái học sinh cho bọn Cồ Xương Triều 6 người sung làm Tư Thiên Đường học sinh.

Nhà Minh sai bọn nội quan là Nguyễn Tông Đạo sang <41a> (nhòm ngó đất nước ta đấy).

Tháng 9, Hán Thương ra lệnh thi lại viên. Hán Thương định quân Nam ban, Bắc ban, chia làm 12 vệ. Quân Điện Hậu Đông Tây, chia làm 8 vệ, mỗi vệ 18 đội, mỗi đội 18 người; đại quân có 30 đội; trung quân có 20 đội; mỗi dinh 15 đoàn, mỗi đoàn 10 đội; cấm vệ đô 5 đội. Đại tướng quân cai quản cả (tổng kê nam bắc 12 vệ binh 4.320 người; đông tây 8 vệ binh 2.820 người; Số đại quân, trung quân, đoàn, dinh chưa rõ. Số quân kiểm lần trước muốn có được trăm vạn, cũng là khuếch trương số ma mà thôi).

Hán Thương sai Tả Tư Lang trung là Phạm Canh sang nước Minh cầu hoà, Thông Phán là Lưu Quang Đình làm phó. Nước Minh giữ một mình Canh, còn Quang Đình cho về.

Quý Ly biếm Nguyễn Cảnh Chân làm An Phủ sứ lộ Thăng Hoa, lấy Phong Quốc Giám Quản Cán Nguyễn Ngạn Quang làm Tuyên Phủ sứ kiêm Chế Tri Sứ trấn Tân Ninh. [Quý Ly] làm thơ cho Ngạn Quang, rằng:

"Biên quận thừa tuyên tư tráng chí,
Hùng phiên tiết chế hữu huy du.
Thanh tùng bảo nhĩ tuế hàn tiết,
Bạch phát khoan dư tây cố ưu.
Huấn sức binh nông giai tựu tự,
Giải đình trấn thú thị hà thu.
Cần lao vật vị vô tri giả,
***<41b>** Tứ mục nguyên phi tế miện lưu.*

Dịch nghĩa:

(Trấn trị biên cương giúp một tay,
Hùng phiên tiết chế sẵn mưu hay.
Thông xanh ngươi giữ bền khi rét,

Tóc bạc ta không ngại phía Tây.
Dạy bọn binh nông giữ nghiệp tốt,
Rút quân đồn thú chẳng bao ngày.
Chớ lo khó nhọc không ai biết,
Tua mũ đâu che nổi mắt này).

Quý Ly cho cả kinh thành ăn uống. Quý Ly tự thấy mình 70 tuổi, ban cho phụ lão các lộ từ 70 tuổi trở lên tước nhất tư; các cụ bà cho tiền giấy, kinh thành ban tước và cho ăn uống.

Hán Thương sai Đông lộ Thái thú là Hoàng Hối Khanh đốc dân phu xây thành Đa Bang[(1)] để chống giặc (lúc ấy có đền thờ thần bị phá. Hối Khanh nằm mơ thấy vị thần đến nơi, bèn sửa lại). Nhân đó làm thơ rằng:

Mao thiềm mệnh đã cung tiêu thoán,
Lão đại[(2)] thì hồ ách phủ cân.

Dịch nghĩa:

(Nhà tranh đành phận nơi đun nấu,
Cây cỗi thường luôn bị búa rìu).

Người đời biết rằng ông sẽ không chết yên lành.

Hán Thương sai vệ Đông Đô đóng cọc chặn cửa sông Bạch Hạc để ngăn giặc từ phía Tuyên Quang đến.

Hán Thương ban chiếu cho An phủ sứ các lộ về kinh đô để họp với các quan ở kinh bàn kế nên hòa hay nên đánh. Có người bàn nên đánh, chớ để lại mối lo về sau. Trấn phủ Bắc Giang là Nguyễn Quân cho rằng: Hãy hòa đi theo ý muốn của họ để hoãn quân cũng tốt. Tả Tướng Quốc Trừng nói: "Thần không sợ đánh mà chỉ sợ lòng dân theo hay không thôi". Quý Ly liền cho chiếc cơi trầu bằng vàng.

<42a> Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Mệnh trời là ở lòng dân. Lời nói của Trừng là nắm được then chốt, không nên vì cớ là người họ Hồ mà bỏ lời nói của Trừng.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Lòng người theo hay không là lẽ thường đấy, người ta đều biết mà cũng đều nói được. Lúc ấy quân phương Bắc sắp đến, thế nước nguy nan như nhiều quả trứng để*

---

(1) Thành Đa Bang: Thuộc Hà Đông, Hà Nội.

(2) Lão đại: ĐVSKTT chép là "Lão mộc" mới có nghĩa.

chồng lên nhau. Hồ Trừng là người chí thân cứu nước, không cùng các công khanh lo kế sách đánh hay giữ mà còn nói những lời sáo để khoe với vua cha. Chẳng bao lâu giặc đến, vì coi thường giặc nên chuốc lấy thất bại, rơi vào chỗ chết. Cái gọi là "người câm cũng có thể nói được" chính là loại ấy đấy!

Hán Thương cấm nấu rượu (vì cho là tốn gạo), Hán Thương bỏ chức quan Thương Đình.

Bính Tuất. Hán Thương Khai Đại năm thứ 4 [1406] (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 4), mùa hạ, tháng 4, nhà Minh sai Chinh Nam Tướng Quân, Hữu Quân Đô Đốc Đồng Tri Hàn Quan, Tham Tướng Đô Đốc Đồng Tri Hoàng Trung, đem quân ở Quảng Tây sang xâm lược, **<42b>** nói là 10 vạn, mượn cớ đưa Ngụy vương Trần Thiêm Bình về nước: quan ở lại đầu biên giới không đi. Tháng 8, quân Hoàng Trung xâm phạm vào cửa ải Lãnh Kinh, quân Hồ bị thua. Hôm ấy mờ sáng, các quân thủy bộ đánh nhau. Nhị Vệ Đại Tướng Phạm Nguyên Khôi, Chấn Cương Tướng Quân Chu Bỉnh Trung, Tam Phụ Quân Tướng Trần Nguyên Huyên, Tả Thần Dực Quân Trần Đại Bộc đều bị thua chết. Tả Tướng Quốc Trừng thấy quân giặc ít coi thường, muốn quyết chiến, bỏ thuyền lên bờ, suýt bị hãm, đưa gấp xuống thuyền chạy thoát được. Riêng Tả Thánh Dực Quân Hồ Vấn đem quân từ Vũ Cao đến yểm hộ đánh bại quân địch, Hoàng Trung liệu không địch nổi, ban đêm canh hai bỏ trốn về; Hữu Thánh Dực Quân Tướng Hồ Xạ, Bắc Giang Thánh Dực Quân Tướng Trần Đình Đĩnh từ trước theo lệnh chặn giữ cửa Chi Lăng. Người Minh sai quân y Cao Cảnh Chiếu đưa thư xin giải đưa Thiêm Bình và cho quân phương Bắc ra khỏi ải. Hồ Sạ bằng lòng (đại ý thư như sau: Quan tổng binh họ Hoàng sai tiểu nhân tôi sang báo cho quan nhân biết sự tình này. Trước hết vì Trần Thiêm Bình chạy đến triều đình tâu nó chính là con của An Nam quốc vương, vì vậy sai đại binh sang vỗi, không ngờ dân ở nơi **<43a>** đấy đều không phục, rõ ràng là chuyện không đúng, nay quan quân lui về tâu rằng: Gặp các cửa ải chỗ nào cũng canh giữ, đường bị tắc không thông, nay đem Thiêm Bình tới dâng, cho đi thì may lắm). Vì thế tù binh tuy nhiều mà vẫn có người Minh chạy trốn. Thiêm Bình đã tới, tra hỏi ở tông phái nào, nó không nói, bèn ra lệnh ai biết được sẽ thưởng tước nhất tư, không ai dám nhận. Thiêm Bình tức Nguyễn Khang, là gia nô của Trần Nguyên Huy. Trong năm Quang Thái, ngầm theo giặc Chiêm, đến khi giặc yên bị bắt trị tội bèn trốn vào Bắc quốc, nói dối là con Nghệ Tông, đổi tên là Thiêm Bình, xin quân để trả thù, cho nên sai bọn quan đem quân đưa về. Đến bấy giờ xử Thiêm Bình tội lăng trì, tù binh phương

Bắc thì phân tới Nghệ An[1] cấy ruộng của bọn quan lại Nghệ An, quan lại làm ruộng thì giữ ở kinh sư giao cho nhà quý nhân nuôi.

Nội Cẩm y vệ người Minh là Phạm Chất nói với Hán Thương rằng: Lưu Quang Đình vâng mệnh đi sứ đến Bắc Kinh lạy Thiêm Bình, lập tức bắt Quang Đình chém đi. Hán Thương thưởng chiến công mỗi người tước tam tư, Hồ Sạ vì nghe được kế người Minh bắt **<43b>** đưa Thiêm Bình, đến nỗi bọn Hoàng Trung chạy mất mà không được vẹn toàn, cùng với bọn dưới chỉ được thưởng Nhất tư.

Văn võ trong ngoài dâng biểu mừng từ chối không nhận.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Khổng Tử nói: danh không chính thì nói không xuôi; nói không xuôi thì việc không thành, cuối thời Trần, người hầu trong cung là bọn Tông Đạo lấy tình hình trong nước đưa cho người Minh. Vua Minh bị mê hoặc. Vốn nuôi chí thôn tính phương Nam, nhân lấy danh nghĩa là đưa Thiêm Bình để thử xem trong nước thực hay giả đấy thôi. Thiêm Bình thật hay giả thì không cần hỏi đến. Cha con Quý Ly đã tự mình phạm tội giết vua, thế là danh không chính, cho nên về việc Thiêm Bình, trước không dám nói rõ là giả mà sai sứ sang đón, đến khi nhà Minh đem quân nộp Thiêm Bình, Hoàng Trung sang lại chống cự nơi biên giới, có lẽ là việc lộ kế cùng mà làm cách bực dọc rối ren ấy. Há chẳng phải là tự xét mình mà nhụt đó sao? Ôi, mình xin đón mà người ta đưa về. Đã đưa về* **<44a>** *lại chống lại, thì người ta gọi quân ấy là danh nghĩa gì? Đúng là bại quân tổn tướng không được thành công. Tuy may bắt được Thiêm Bình mà giết đi. Nhưng không biết rằng: Mình đã rơi vào thuật của người Minh đấy rồi mới sai sứ cầu hòa mà biện luận việc Thiêm Bình giả, cũng có ích gì đâu! Từ đó về sau người Minh nhân sơ hở luôn luôn đến quấy rối khiến cho việc can qua làm tan nát đến hơn vài chục năm trời. Tội của cha con Quý Ly thấu lên đến trời đấy.*

Trước đây người Minh vào biên giới, sai dân nhổ hết lúa mạ. Lang Châu, Vũ Ninh, Bắc Giang, Gia Lâm, Tam Đổi đồng ruộng hoang vắng tiêu điều. Quân Minh về, ai nấy mới đều trở về theo nghề nghiệp. Hán Thương sai Tam Giang An Phủ sứ Trần Thiêm Túc sang Minh cầu hòa và giải thích việc Thiêm Bình, Ái Châu Thông phán là Mai Tú Phu làm phó, Thiêm phán là Trương Tư làm Tòng sự. Người Minh **<44b>** giữ lại (về sau, bắt được hai cha con họ Hồ mới thả về).

---

[1] Nghệ An: Nay là đất thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

Hán Thương chiếu cho Thăng Hoa Tuyên Phủ sứ là Nguyễn Ngạn Quang làm Đại lý chính, cho Nghĩa Châu Trấn Phủ sứ là Lê Quang Tổ làm Thăng Hoa Tuyên Phủ sứ; Hối Khanh lo chức Hành khiển Tả Tư Thị lang kiêm lãnh Thăng Hoa Thái Thú, Tân Ninh tiết chế chuyên trị một vùng; Đỗ Mãn giữ chức Thượng thư lệnh, Hữu Tham Tri Chính sự; lấy Hành khiển Binh Bộ Thượng Thư kiêm Thiên Ngưu vệ Đại Tướng quân là Đỗ Nhân Giám giám sát thay Thiên Cương quân, Nội nhân Ngô Miễn hành Thượng Thư lệnh Hữu Tham Chính sự kiêm Tri Thiên Xương Phủ chư Lăng.

Tháng 6, đỉnh tháp Báo Thiên bị lở, Đông Đô An Phủ sứ là Lê Khải không báo, bị phạt nhất tư; Hành khiển môn hạ hữu tư Lang trung là Trần Ngạn Chiêu bị bãi làm Hộ Bộ Thượng Thư, lấy Thiêm Tri Nội mậtviện kiêm Tri thẩm hình viện sự Nguyễn cẩn làm Hành khiển môn hạ hữu tư Lang trung.

Hán Thương bổ sung thêm hương quân, lấy những người **<45a>**có chức tước được quyền chiêu mộ những người trốn tránh làm đội quân dũng hãn, đặt chức Thiên bách bộ để cai quản.

Mùa thu, tháng 7, Hán Thương ra lệnh cho các lộ dựng hàng rào ở phía Nam sông lớn từ thành Đa Bang đến Lỗ Giang, Lạng Châu đến Trú Giang làm kế phòng thủ.

Trước đây, Quý Ly nằm mơ thấy thần nhân ngâm thơ rằng:

Nhị nguyệt tại gia,
Tứ nguyệt loạn hoa,
Ngũ nguyệt phong ba,
Bát nguyệt sơn hà,
Thập nguyệt long xa.

Dịch nghĩa:

(Tháng 2 ở nhà,
Tháng 4 có loạn,
Tháng 5 sóng gió.
Tháng 8 non sông.
Tháng 10 xe rồng).

Đến khi nghe tin người Minh lại cử binh, Quý Ly mới có ý lo sợ.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Sách truyện nói rằng, nhà nước sắp thịnh tất có điềm lành, sắp mất tất có yêu nghiệt, lành hay không lành đều biết trước được. Nghệ Tông mơ thấy "thứ gà trắng mỏ đỏ" thì nhà Nhuận Hồ cướp ngôi; Quý Ly mơ thấy thơ "sóng gió núi*

sông" thì bị làm tù binh ở Kim Lăng, tức là điều không lành tất cũng biết trước. Quý Ly nằm mộng chẳng bao lâu thì quân Minh xâm lược phương Nam rồi đến tháng 2 năm sau, Hồ Trừng bị thua ở Lỗ Giang, tháng 4, hai người họ Hồ phải đi đường biển về **<45b>** *Thanh Hoá, rồi đến cái thua của Điền Canh, tháng 5 bị bắt ở bãi Chi Chỉ và núi Cao Vọng. Ba tháng ấy đều ứng nghiệm. Còn đáng lẽ tháng 8, đưa tù binh, tháng 10, bị giết chết hoặc là chữ trong sử bị thiếu đấy. Quý Ly làm trái đạo trời nên chẳng lành, tích điều ác nên gặp tai ương. Con bọ ngựa chưa bị bắt, con bươm bướm đã ở trong giấc mộng, lời đồn há lại không có thực.*

Hán Thương ra lệnh cho dân ở Tam Đới, Bắc Giang phải dồn qua sông, xây dựng nhà cửa ở nơi hoang dã, để đưa dân đến ở.

Tháng 9, quân Minh sang xâm lược. Trước đây vua Minh đã phong cho Hán Thương. Bề tôi cũ của nhà Trần là Bùi Bá Kỳ sang nhà Minh cáo nạn. Nguyễn Khang lại giả xưng là con cháu của nhà Trần, xin quân để khôi phục nước. Vua Minh mới hối hận là lầm, sai sứ sang hỏi tội cướp ngôi. Hán Thương sai sứ sang tạ tội, xin đón Thiêm Bình về nước. Đến khi bọn Hoàng Trung đưa Thiêm Bình **<46a>** đến thì không nộp được. Vua Minh càng giận. Từ trước được nghe bọn Tông Đạo nói trong nước giàu có, đã có ý muốn đánh nước Nam nhưng không có cớ gây hấn. Bọn Hoàng Trung về bèn quyết chí sang đánh. Trước tiên sai Thái xử Thái phó Thành Quốc Công là Chu Năng đeo ấn "Chinh Di Tướng Quân", đem quân đi đánh phương Nam. Năng đến Quảng Tây lại lấy tên Tân Thành hầu là Trương Phụ làm Chinh Di Hữu Phó Tướng Quân. Người đeo theo ấn Chinh Di Phó Tướng Quốc tước Vinh Dương bá là Trần Húc làm Tham quân, sắp xâm phạm vào cửa Pha Luỹ(1). Người nọ nghỉ người kia đi thay phiên giúp đỡ nhau. Tây Bình hầu là Mộc Thạnh làm Chinh Di Tả Phó Tướng Quân, Phong Thành hầu Lý Bân làm Tham Tướng xâm phạm cửa ải Phú Lệnh(2) hai đạo quân là 80 vạn xẻ núi, đẵn cây mở đường tiến quân.

Tháng 11, gặp nhau ở sông Bạch Hạc, rồi đóng doanh trại bên bờ sông lớn đến thẳng Sông Chú. Hán Thương ra lệnh cho đội quân ở sông lớn phải theo sự điều khiển của Tả Tướng Quốc Trừng; quân ở Sông Chú phải theo sự điều khiển của Thiêm văn triều chính Hồ Đỗ, bên ngoài thì liên lạc với thuyền chiến của thủy quân, **<46b>** trên bờ quân với thành luỹ đối diện với nhau nhưng chưa từng đánh nhau trận nào. Trước kia

---

(1) Tức của Hữu Nghị ngày nay.

(2) Ải Phú Lệnh: Thuộc tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang.

quân Chu Năng chưa vào biên giới, đã ra bảng kể tội nhà Hồ, lại nói phao lên là sẽ khôi phục tước vương của nhà Trần. Bọn Trương Phụ, Mộc Thạnh lấy bài gỗ viết thành bảng rồi thả xuôi dòng. Các quân trông thấy cho là đúng, hơn nữa lại chán ghét chế độ hà khắc của nhà Hồ, nên không có lòng chiến đấu. Lúc đó quân Minh đã đến, từ Sông Lô trở về phía Bắc lại vườn không nhà trống như xưa.

Tháng 12, quân Minh đánh bật được thành Đa Bang, trước đây Quý Ly, Hán Thương cho là quân phương Bắc sẽ đến, ra lệnh cho các lộ từ Sông Thao trở xuống đến sông Nhị Hà hai bên bờ trồng hàng rào cho kiên cố, xây đắp thành Đa Bang rất rộng lớn. Khi bọn Phụ đã đến, đem quân cướp bờ sông Mộc Hoàn ở Việt Trì và nơi đóng cọc của sông Bạch Hạc. Tướng của quân Tả Thánh Dực là Hồ Sạ không giữ được, chuyển trận địa tới bờ nam sông cái.

Đêm mồng 7, người Minh khiêng thuyền ra bờ bắc sông Thiên Mạc.Bị tướng là Trần Đĩnh đánh bại, tướng Minh lấy những người rút lui *để thi hành quân lệnh. Mọi người đều liều chết chống lại* **<47a>.**

Đêm mồng 9, quân Minh đánh úp quân Hồ ở châu Mộc Hoàn, tướng của quân Tả Thần Dực là Nguyễn Công Khôi đang vui với rượu, gái, không phòng bị, thuyền bị đốt cháy gần hết, toàn quân sụp đổ, tuyệt nhiên không có tiếng giao chiến. Thủy quân ở trên và ở dưới không có ai đến cứu, chỉ từ xa hỏi Tả Tướng là Quốc Trừng ai có thể giữ thay? Người Minh bèn qua sông làm cầu phao cho quân sang. Sáng sớm ngày[1] 12, Trương Phụ nhà Minh đem Đô đốc là Hoàng Trung, Đô Chỉ Huy sứ là Thái Phúc đánh phía Tây bắc thành. Mộc Thạnh đem Đô đốc Trần Tuấn đánh phía Đông Nam. Xác chết chất cao ngang với thành mà vẫn tiến đánh không ai dám lên. Đêm, canh tư, Phụ ra lệnh cho quân sĩ vào cầm đuốc thổi còi, vượt hào, bắc thang trèo vào thành, Thái Phúc leo trước, quân sĩ nối nhau như đàn kiến bò lên, tiếng trống tiếng còi huyên náo cả một vùng trời, hàng vạn bó đuốc, bọn Nguyễn Tông Đỗ là tướng quân Thiên Trường phải đào thành cho voi ra. Phụ vẽ sư tử trùm lên ngựa xông ra, Sảng bắn hỏa tiễn, voi phải lùi lại **<47b>**. Giặc Minh liền ùa theo voi vào thành. Quân ở ven sông tan vỡ, rút về giữ Hoàng Giang. Giặc Minh vào Đông Đô, cướp đoạt con gái, của cải, lụa, là, lương thực, chia quân làm việc, chiêu tập dân phiêu bạt làm kế ở lâu dài. Con trai ít tuổi phần lớn bị thiến, của cải ở các lộ bị thu lại rồi chở về Kim Lăng.

HẾT QUYỂN IX BẢN KỶ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

---

[1] Nguyên bản chép là nguyệt (tháng), chúng tôi sửa lại là nhật (ngày) hợp lý hơn.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

BẢN KỶ

QUYỂN X

<1a>

KỶ HẬU TRẦN

GIẢN ĐỊNH ĐẾ

(Vua tên húy là Ngỗi, con thứ của Nghệ Tông, tên cũ gọi là Giản Định họ Hồ đổi phong là Nam Quận Vương, cuối thời Hồ dấy binh khôi phục nhà Trần, ở ngôi 2 năm, bị quân nhà Minh bắt. Vua gặp khi trời bỏ lại không có tài dẹp loạn, bỗng chốc nổi lên, bỗng chốc bị tiêu diệt. Tuy nói là ý trời, nhưng cũng là việc người có nhiều sai trái đấy).

Đinh Hợi, Hưng Khánh năm thứ 1 [1407] (tháng 10 trở về trước là Hán Thương Khai Đại năm thứ 5; Minh Vĩnh Lạc năm thứ 5), mùa xuân, tháng 2, Tả tướng nhà Hồ là Quốc Trừng tiến quân đến Sông Lỗ, giặc Minh chiếm cứ hai bờ đánh kẹp lại. Quân của Trừng thua rút về Cửa Muộn[1]. Quý Ly, Hán Thương đều về Thanh Hoá. Ở kinh lộ phần lớn theo giặc làm phản, Hồ Đỗ, Hồ Xạ bỏ Bình Than sang Thái Bình. Đại Toàn đến Cửa Muộn góp sức đắp lũy, đúc súng, đóng tàu chiến để chống nhau với giặc, mộ những người hiến của, bản thân được cho tước, con trai cho lấy con gái họ nhà vua <1b> cấp cho mười mẫu ruộng. Thị

---

[1] Cửa Muộn: Thuộc tỉnh Nam Định, nay đã bị lấp.

trung của họ Hồ là Trần Nguyên Chỉ và công chúa Thiên Huy đưa dân lánh loạn ra Đồ Sơn. Trung thư lệnh Trần Thư Hiền cùng công chúa Thiên Gia đi ngược dòng sông lớn đầu hàng giặc Minh. Thần Đỉnh Tướng Quân nhà Hồ là Ngô Thành nhân thuận gió nước triều tiến đánh, xông đến Giao Thủy[1]. Phụ và Thạnh chia quân ra hai bờ chặn lại. Thạnh thế cô, hãm trận bị chết, được phong tặng làm Kiêu Vệ Tướng Quân.

Người Kiến Hưng là Nguyễn Nhật Kiên, tụ tập đồng bọn giết Trấn Phủ Sứ là Phan Hòa Phủ, đầu hàng Trương Phụ (về sau Kiên kiêu căng không lễ phép bị Phụ giết).

Giặc Minh và quân nhà Hồ đóng luỹ đối diện nhau, ngày đêm đánh nhau, nắng mưa bệnh tật, lầy lội ẩm thấp khó ở bèn chuyển về đóng ở cửa Hàm Tử, lập trại canh phòng nghiêm ngặt. Tả Tướng Quốc Trừng và Hồ Đồ cùng chuyển quân về Hoàng Giang lại đón Quý Ly, Hán Thương từ Thanh Hóa đến. Lúc đó người mang lòng oán hận, các quân nhân và con trai tranh nhau đến cửa quân xin tự cố sức để lập công.

Tháng 3, ngày 30, **<2a>** Tả tướng là Quốc Trừng nhà Hồ, Hồ Đỗ, Đỗ Mãn, tiến quân đến Hàm Tử Quan; Hồ Sạ, Trần Đĩnh lãnh quân ở bờ bắc; Nguyễn Công Chửng lãnh 100 thuyền chiến làm quân tiên phong. Trừng, Đỗ ở trong doanh trại; bọn Đỗ Mãn, Hồ Vấn lãnh thủy quân; quân thủy bộ hợp lại được 7 vạn nêu là 21 vạn cùng tiến đánh. Quân Minh bèn chia làm hai mặt thủy bộ xông ra. Bộ binh của quân Hồ ở hai bên bờ đều quay giáo nhảy xuống nước chết, riêng thủy quân được thoát, thuyền chiến và thuyền chở lương bị chìm gần hết. Lúc ấy Hồ Sạ sợ quân Minh có mai phục không chịu tiến. Hồ Đỗ sai người đến trách rằng: tướng quân sao không đánh giặc? Sạ bèn tiến, bị thua. An Phủ sứ Bắc Giang là Nguyễn Hy Chu bị Phụ bắt được. Hy Chu mắng Phụ là giặc tàn ác, Phụ giết đi.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 1, nhà Minh ban chiếu tìm lập con cháu của nhà Trần. Các quan lại bô lão nhiều lần nói là đã bị nhà Lê giết hết, không thể tìm được con cháu nối dõi nhà Trần được. Nước An Nam vốn là Giao Châu **<2b>** xin trở lại làm quận huyện như xưa cho dân được đổi mới, rồi đặt Giao Chỉ quận Đô Chỉ Huy Sứ Ty, Thừa Tuyên Bố Chánh Sứ Ty, Đề Hình Án Sát Sứ Ty và nha môn các vệ, sở, phủ, huyện. Lấy Đô Chỉ Huy là Lữ Nghị nắm Đô Ty. Bắc Kinh Hình Bộ

[1] Giao Thủy: Thuộc tỉnh Nam Định.

Thượng Thư là Hoàng Phúc nắm giữ ba ty[1] Bố Chính và Án Sát (hành hoặc hành bộ gì đó cho nên sau chữ hành thiếu một chữ) nhưng cấm sai phái và ngừng thu các loại thuế trong 3 năm.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Minh Thành Tổ đã từlâu nuôi chí nuốt nước Nam, há lại có lòng giữ nhà Trần? Ban chiếu tìm khắp người nối dõi nhà Trần chỉ là để che tai mắt dân trong nước. Người trong nước cũng biết điều đó chẳng thà một mực tuân theo dòng nước xoáy đấy thôi, chứ dân tình thì vui thú gì mà muốn đặt quận huyện.*

Quý Ly, Hán Thương đem tướng tá quen thuộc đi đường về Thanh Hoá. Giặc Minh xâm phạm vùng Lỗi Giang, quân nhà Hồ **<3a>** không đánh mà tan vỡ. Giặc Minh xâm phạm cửa biển Điển Canh[2], quân nhàHồ bỏ thuyền tự tan vỡ. Hai cha con họ Hồ muốn đánh vào Thâm Giang[3] không thành, Ngụy Thức bảo hai cha con họ Hồ hãy tự thiêu, nói: "Nước đã sáp mất, bậc vương giả không chết vào tay người khác". Quý Ly tức giận chém đi.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Quý Ly lấy trộm ngôi vua để đặt mình vào đấy rồi muốn truyền cho con cháu, nhưng chưa hết đời mình thì người khác đã đánh, mong làm bạch ốc[4] mà cũng không được; vào sông không được, lại ra biển; vượt biển không xong, lại trèo núi, long đong trong gió bụi, lận đận nơi núi gò vẫn muốn kéo dài hơi tàn để trộm sống một sớm một chiều. Không biết rằng lưới trời rộng lớn, nước non tươi đẹp há làm nơi vực sâu bụi rậm cho bọn đầu sỏ trộm cướp chui vào. Ngụy Thức xin thiêu mình là trung thành bày mưu cho hai cha con họ Hồ đấy. Hai cha con họ Hồ không biết rõ được điều ấy. Những kẻ loạn thần tặc tử há lại có cái lý được chết trong sạch hay sao!*

<3b> Tháng 5, quân Minh xâm phạm cửa biển Kỳ La[5] châu Nhật Nam. Nguyễn Đại (Đại trước làm quan với nhà Hồ, sau phản nhà Hồ hàng quân Minh, đến khi ấy dẫn đường cho quân Minh bắt được Hữu Tướng Quốc Quý Ly và con của Quý Ly là Phán Trung Đô Nguyên Cữu.

---

[1] ĐVSKTT chép là 2 ty.

[2] Cửa biển Điển Canh: Nay thuộc tỉnh Thanh Hoá.

[3] Thâm Giang: Tức sông Ngàn Sâu thuộc tỉnh Nghệ An.

[4] Bạch ốc: Nhà lợp bằng cỏ gianh. Đây ý nói một người thường dân nghèo.

[5] Cửa biển Kỳ La: Tức Cửa Lặn ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Quân Minh xâm phạm Vĩnh Ninh (nay là huyện Vĩnh Phúc). Bọn vệ quân là Vương Sài Hồ 7 người bắt được Quý Ly ở bãi Chỉ Chỉ; Vệ quân Giao Châu là bọn Lý Bảo 10 người bắt được Tả tướng là Quốc Trừng ở cửa biển Kỳ La. Bọn Mạc Toại, Nguyễn Như Khanh bắt được Hán Thương và Thái Tử Nhuế ở núi Cao Vọng, Hồ Đỗ, Phạm Lục Tai, Nguyễn Ngạn Quang, Đoàn Bồng đều bị bắt còn bọn Trần Nhật Chiêu, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Cẩn, Đỗ Mãn đều đã hàng từ trước. Riêng có Hành khiển Hữu Tham Tri Chính Sự Ngô Miễn, Trực trưởng là Kiều Biểu nhảy xuống nước chết. Miễn chết, vợ là Nguyễn Thị ngửa mặt lên trời mà than rằng: "Chồng ta thờ chúa, cả đời ăn lộc, nay chết vì tiết nghĩa như thế là đúng chỗ, còn oán hận gì? Thiếp nếu như muốn sống nào biết đi đâu? Phụ với ơn vua đạo chồng thì ta không nỡ, **<4a>** thà theo nhau thôi". Nói xong nàng cũng nhảy xuống nước chết.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Vợ Ngô Miễn là Nguyễn Thị chẳng những chỉ chết vì nghĩa mà lời nói của bà còn là lời khuyên nhủ cho đời. Cho nên nêu ra.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Người bề tôi trung thành, người phụ nữ tiết nghĩa; có thể gọi là "song tuyệt". Lại xuất thân từ nhà Hành khiển người ta há có thể xem thường mà bàn được sao!*

Trước kia hai cha con họ Hồ đến Kỳ La, muốn chạy vào Tân Bình có người phụ lão bái yết và nói: nơi ấy tên là Kỳ Lê, là điềm không lành xin chớ ở đó. Quý Ly chém đi. Đến bấy giờ quả nhiên bị bắt ở đấy (xét hai âm Kỳ La và Kỳ Lê gần nhau. Cụ già không muốn hai cha con họ Hồ ở đó. Cho nên đã phiên âm như vậy. Rồi bị giết hại. Khi hai cha con họ Hồ bị bắt thì núi này chưa có tên là Thiên cầm. Sử cũ chép: trên có Thiên Cầm là lầm. Chữ Cầm (擒) nên viết là Cầm (琴). Lê triều Tư mã tham dự triều chính là Lê Khôi thường đến đấy chơi, nghe có tiếng tự nhiên trên trời cho nên đặt tên là Thiên Cầm). Khoảng niên hiệu Hồng Đức, Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành đi qua đây.

Có bài thơ rằng:

Phá hiểu thừa phong đáo hải môn,
Hàm trào húng húng nộ đào bôn.
Trạch viên thủy thị hoàng hà tứ,
Tường nghị giang hồ võng cổ thôn.
Phúc địa linh chiêu tham dự phối,
Không san mộng đoạn Quý Ly hồn.

Bất thăng khảng khái trung lưu niệm,
Kích tiếp trung thần cổ nhã ngôn.

Dịch nghĩa:

(Sớm theo chiều gió ra cửa biển,
Triều dâng cuồn cuộn sóng chồm dữ dội.
Chợ sông hàng tôm cá nhiều vô kể,
Thuyền bè san sát giữa sông có làng chài.
Nơi phúc địa linh thiêng có vợ quan được phối thờ.
Núi vắng đứt giấc mộng của Quý Ly.
Kể sao cho xiết lòng khảng khái nơi sông nước,
Khua mái chèo bày tỏ nỗi người xưa).

Giặc Minh tính đã lấy được: 48 châu, phủ; 168 huyện; 3.169.500 hộ; 112 con voi, 420 con ngựa; 35.700 con trâu bò; 8.865 chiếc thuyền.

Trước kia Hoàng Hối Khanh nhận mệnh đi nhậm chức ở Thăng Hoa. Đến quận lấy thổ quan Đại tri châu Đặng Tất và Phạm Thế Căng là người tin cậy. Tất và Tả châu phán là Nguyễn Lỗ vốn ghét nhau vì tranh công. Gặp lúc hai cha con họ Hồ đi về phía Tây bị giặc Minh đuổi gấp đưa thư cho Hối Khanh lấy một phần ba di dân và quân địa phương cho Lỗ cai quản làm quân Cần Vương, lại sắc phong Thượng hầu huyện Cổ Lũy là Chế Ma Nô Đà Nan làm Quận Vương xứ Thăng Hoa để vỗ về quản Chiêm Thành. Hối Khanh đều giấu đi không cho mọi người xem. Đến khi Chiêm Thành đem quân muốn thu lại đất cũ, sợ dân biên giới chạy tan, bọn Hối Khanh **<5a>** về Hóa Châu riêng Ma Nô Đà Nan chống cự với Chiêm Thành. Thế cô lực kém cuối cùng bị giết chết. Hối Khanh trước đã thề bồi với người Nghĩa Châu. Lỗ biết Tất và Hối Khanh có mưu đồ khác, Lỗ không dự thề. Hối Khanh về Hóa Châu. Lỗ đem di dân đi đường bộ đến chậm, Tất đi đường thủy đến trước. Trấn Phủ Sứ lộ Thuận Hóa là Nguyễn Phong chống cự không nhận vào. Tất cố sức đánh giết Phong vào thành rồi đánh nhau với Lỗ hơn một tháng. Lỗ không có quân cứu viện, chạy sang Chiêm Thành. Hối Khanh giết chết mẹ và gia thuộc của Lỗ (Lỗ chạy sang Chiêm Thành, Chiêm Thành cho Lỗ làm quan to. Sau giặc Minh đòi Lỗ đưa về Kim Lăng, vờ cho làm Hồ Quảng Chỉ Huy Sứ rồi giết đi). Hai cha con họ Hồ đã thất bại, Thế Cảng về Tân Bình đón hàng giặc Minh ở Nghệ An[1], Trương Phụ cấp thiếp tri phủ.

[1] Nghệ An: Nay là đất thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

Thế Căng cướp bóc nhân dân rồi về, Chiêm Thành lại chiếm cứ Thăng Hoa. Nhân đấy cướp phá Hóa Châu, Tất xin Phụ cho quan thuộc để cai quản. Chiêm Thành dẫn quân về. Đến bấy giờ Tất sai người đưa Hối Khanh về, đến cửa biển Chu Thai, Hối Khanh tự vẫn chết **<5b>**. Phụ đem đầu bêu lên ở chợ Đông Đô.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Hối Khanh do chức Hành khiển ra làm tiết chế Thăng Hoa, có quyền chuyên trị một phương. Sự uỷ nhiệm như vậy chẳng phải là không trọng. Giặc Minh xâm lược phương Nam, các lộ chịu nạn binh đao, riêng Thuận Quảng còn vô sự. Hai cha con họ Hồ khốn đốn ở tây nam, binh tàn tướng hết, Hối Khanh bay bổng ở Châu Ô, Châu Lý, kết bè đảng mưu lợi riêng, không thấy dâng mưu kế đánh giặc, sai toán quân cứu nạn. Đến khi được thư báo nhân dân di cư làm quân cần vương, phong Ma Nô để vỗ về quân Chiêm Thành thì lại dấu không nói ra. Làm hỏng việc nước, làm lỡ sự cơ nơi biên giới, vô lương tâm nhiều lắm đấy. Cái chết ở Chu Thai cũng chẳng phải là muộn đó sao ?*

Trương Phụ, Mộc Thạnh sai Đô Đốc Thiêm Sự Liễu Thăng, Hoàn hải Tướng Quân Lỗ Lân, Thần Cơ Tướng Quân Trương Thắng. Đô Chi Huy Du Nhượng, Chỉ Huy Đồng Tri Lương Đình, Chỉ Huy **<6a>** Thiêm Sự Thân Chí, giải Quý Ly các con là Hán Thương, Trừng, Triệt, Uông; cháu là Nhuê, Lỗ, Phạm và cháu nhỏ là Ngũ Lang, em là Quý Tỳ, cháu gọi bằng bác là Nguyên Cữu, Tử Tuynh, Thúc Hoa, Bá Tuấn, Đình Việp, Đình Quảng, Tướng Thần Đông Sơn Hương hầu Hồ Đỗ, Hành khiển là NguyễnNgạn Quang, Lê Cảnh Kỳ, Tướng quân Huyện bá Đoàn Bồng, Đình bá Trần Thang Mông, Trung lang tướng Phạm Lục Thôn, và ấn tín chạy trạm dâng về Kim Lăng.

Họ Hồ đến Kim Lăng, vua Minh hỏi: "Trung Quốc như vậy tại sao không sợ phục mà dám láo xược chống lại?". Chỉ trả lời là "không biết". Vua Minh nói: "Vẫn thường bảo cho các sứ giả sang đây, sao lại không biết". Người Minh bèn cho Vương Nhữ Tương, Đồng Ngạn Hủ, Nguyễn Quân, Lê Sư Khải giả trao cho chức Thị Lang ở Kinh Bắc, Tham Chính ở Sơn Tây, Thiểm Tây, Sơn Đông, sai người đưa đi đến giữa đường giết chết. (Xét thấy hai cha con họ Hồ bị bắt, Trương Phụ nhà Minh chép địa dư của nước ta là đông tây 1.700 dặm, có 50 phủ, 41 châu, 108 huyện, 312 vạn hộ, vua Minh ngự cửa Phụng Thiên nhận Quý Ly và con là Thương cùng bọn Hồ Đỗ đều đưa vào ngục giết chết và tha cho con cháu. Riêng các con Quý Ly là Trừng dâng phép làm súng thần, ban chiếu cho

làm quan. Sự thực so với Sử thần nhà Minh là Trần Kiến biên chép, có hơi khác với sử nước ta. Lại *Ngoại sử* chép: "hai cha con họ Hồ đến Kim Lăng, vua Minh cho Quý Ly họ tên là Hồ Nhất Nguyên, Hán Thương là Hồ Hợi, đưa đến trạm Bắc Nga thì giết đi, đắp hai mộ ấy, để làm gương cho bọn giết vua cướp ngôi"; lại theo Toàn Việt thi chép: "Quý Ly ở ngục tù, con là Trừng dâng cách làm súng thần được giao chức Lễ bộ "thượng thư. Trừng xin ban ơn tha tội, Quý Ly được tha ra, cuối cùng được hưởng thọ rồi mất, chép cả vào để phòng khi tham khảo).

Mùa thu, tháng 7, gió bão, nước lớn. Người Minh chọn tìm những người ẩn dật trong núi rừng, có tài, có đức, thông minh, chính trực vươn mình tự trỗi dậy, thông kinh giỏi văn, học rộng tài cao, thông thạo việc làm quan, biết viết, biết tính, nói năng hoạt bát, hiếu để cố sức làm ruộng, tướng mạo khôi ngô, tài lực dũng cảm, quen thuộc đường biển, thợ nung gạch làm hương... thu thập những người ấy lục tục đưa về Kim Lăng, để trao cho chức quan về nhậm chức ở phủ, châu, huyện. Những người hơi có tiếng tăm đều hưởng ứng, riêng có Bùi Ứng Đẩu vì mắt có tật từ chối, và hạ trại học sinh là bọn Quý Tử Cấu vài người ẩn náu không ra mà thôi. Lúc bấy giờ có câu ngạn ngữ rằng: "Muốn sống hãy vào ẩn ở núi rừng, muốn chết thì làm quan cho Bắc Triều".

<7a> *Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn:* *Sau khi người Minh thôn tính nước ta, khư khư muốn vơ vét nhân tài trong nước, há phải là thật lòng mến kẻ sĩ, chuộng người hiền đâu. Chia đất làm quận huyện mà bắt lệ thuộc vào, có lẽ hơn năm trăm năm, người trong nước thấy mà sợ hãi, tưởng không vui vẻ làm thần thiếp, sợ rằng anh hùng ẩn náu không bao giờ hết, cho nên dùng lời nói ngọt, làm mồi, dùng tước cao mà trói buộc, khiến cho nghe phong thanh đã hưởng ứng lời họ triệu tập, để họ sai khiến, cuộc nội thuộc đã thành sẽ không có ai phá hoại được. Như lũ kiến ham mùi thịt, như con sâu lăn vào đống lửa, chỉ nhòm ngó áo xiêm, không đề phòng mầm mống, cho họ được thu một mẻ lưới, xét là được thì tìm cách mà giết đi, nếu không được thì bỏ chẳng nhìn đến. Chết là ma ở đất Bắc, sống là người đất Nam đi tù. Nguyễn Đại có công bắt giặc Hồ mà bị giết,* **<8b>** *Bá Kỳ có chí giúp nhà Trần mà bắt về, thì tâm của người Minh có thể biết được đấy. Ứng Đẩu từ chối là có bệnh, bọn Tử Cấu phải ẩn nấp trốn tránh, có lẽ là cảm thấy sự nguy nan của tổ quốc. Thấy rõ sự quỷ quyệt của kẻ thù, lưới bủa vây cũng không lụy đến, hình phạt nặng cũng không sợ, thật đáng là bậc*

hào kiệt lắm thay. Bọn thổ quan lúc nhúc thời bấy giờ thực không đáng bàn, Cảnh Tuân phải xấu hổ lắm đấy!

Trương Phụ vì cho rằng Nguyễn Đại có công bắt hai cha con họ Hồ đưa giấy cho làm chức Giao Chỉ Đô Chỉ Huy Sứ. Đại kiêu căng lên mặt, làm nhiều điều trái phép, ham mê tửu sắc lại ngầm có ý làm phản, Phụ giết đi.

Tháng 8, Trương Phụ, Mộc Thạnh lui quân, để lại Đô ty là Lữ Nghị, và Thượng Thư là Hoàng Phúc coi giữ (Phúc là người Xương Ấp, Sơn Đông). Trước đây Hoàng Phúc đốc thổ binh Quảng Tây, chuyển vận lương thực, theo quân tiến đánh, đến bấy giờ lưu lại. Phúc là người thông minh, giỏi ứng biến, có tài trị dân, mọi người <8a>phục tài năng.

Sử thần Phan Phu Tiên bàn: *Họ Hồ mất nước, Nguyễn Hy Chu chửi giặc, Hồ Sạ, Đỗ Nhân Giám (Nhân Giám là con Đỗ Mãn) chết trận. Lê Cảnh Kỳ đến Kim Lăng tuyệt thực, những số người ấy có thể khen chết vì tiết nghĩa. Nhưng Hy Chu thường khuyên họ Hồ giết họ Trần, cha con Nhân Giám là bề tôi cũ của nhà Trần, có thể gọi là bọn ác giúp nhau nên việc đấy. Anh của Sạ là Ông Thiện bị giết vì bè đảng, Sạ không hề bận lòng mà lại đối địch vì vua căm tức. Thế là chỉ biết chết vì người cho mình ăn lộc là nghĩa, mà không biết người cho mình ăn lộc là kẻ bất nghĩa. Cảnh Kỳ là người chỉ lo bản thân mình kiếm chác lộc vị, không chịu chết trong lúc (Quý Ly) cướp ngôi, mà chết giữa lúc (Quý Ly) bại vong thì chẳng đáng khen. Còn như Ngô Miễn, Nguyên Lệnh, Kiều Biêu vốn là hoạn quan, chết là đáng lắm đấy. Ôi! Dương Hùng(1) lao từ trên gác xuống chẳng phải* <8b>*là không trung nghĩa, mà khó tránh khỏi cái tội làm bề tôi cho Vương Mãng Cái chết của Thiệu Hốt(2) dù không đủ làm cho đạo của thánh hiền tốt lên nhưng kẻ phản trắc há chẳng phải vì đấy mà run sợ đó sao?*

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Xưa kia, Hạ Trưng Thư giết Trần Linh Công, Trung Quốc không đánh được; Sở Tử vào nước Trần giết Trưng Thư rồi cho xe xé thây ở Cửa Lật, Kinh Xuân Thu khen việc đánh ấy đấy. Họ Hồ giết chết Trần Thuận Tông rồi cướp*

---

(1) Dương Hùng làm quan cho Vương Mãng. Sau vì có tội, khi sứ giả đến bắt, ông nhảy từ trên gác xuống không chết, được Vương Mãng tha tội.

(2) Thiệu Hốt: Làm quan đại phu nước Tề đã chết theo công tử Củ.

lấy nước. Bọn Trần Hãng, Trần Khát Chân mưu giết không được rồi mình bị giết. Sau khi họ chết khoảng 7,8 năm cũng không ai làm lại được việc ấy. Họ Hồ tự cho là không ai dám làm gì. Nhưng bọn loạn thần tặc tử, ai ai cũng có thể giết chúng được và cả trời không có ngày nào tha trừng phạt chúng dưới gầm trời này. Người trong nước không giết được, thì người nước láng giềng giết đi cũng được; Người nước láng giềng không giết được, thì người Di Địch giết đi cũng được, cho nên người Minh giết đi đấy. Còn như người Minh giả danh **<9a>** *nhân nghĩa giết hại nhân dân, thì là bọn giặc tàn ác thôi. Cho nên Lê Thái Tổ ta lại được giết bọn chúng. Ôi cái tội ác lớn làm sao có thể tránh được đòn trừng phạt của trời! Đạo của trời rõ ràng như vậy, đáng sợ thay!*

Mùa đông, tháng 10, Giản Định Vương lên ngôi ở Mô Độ[1] châu Trường An, đặt niên hiệu là Hưng Khánh. Trước đây Trương Phụ yết bảng thu bắt người tôn thất nhà Trần, và bề tôi cũ, quan đầu mục đem về. Giản Định vương phải náu mình đi lẻn đến Mô Độ. Người Thiên Trường là Trần Triệu Cơ đem quân chúng lập lên, theo hiệu cũ xưng đế. Tháng 4, giặc Minh xâm phạm hành doanh, quân mới lập nên không đánh mà tan, bèn vào phía Tây, đến Nghệ An tạm trú. Người Đại tri châu ở Hóa Châu là Đặng Tất nghe tin giết quan nhà Minh đem quân đến hợp lực, tiến con gái của mình sung vào hậu cung. Giản Định đế phong Tất làm Quốc Công cùng lo việc khôi phục.

Người Minh nghi thổ quan Tham Nghị là Bùi Bá Kỳ mang lòng dạ khác bắt đưa về **<9b>** Kim Lăng. Bá Kỳ (người Phù Nội, Hạ Hồng) vốn là đảng của Trần Khát Chân, xưng là bề tôi trung nghĩa của Nam Triều lưu vong ở nước Minh, từng thấy Trần vương giả là Thiêm Bình đến trước, người Minh hỏi Kỳ có biết người ấy không? Bá Kỳ trả lời là không biết. Đến khi đưa Thiêm Bình về nước, hỏi Thiêm Bình cần dùng baonhiêu người, Thiêm Bình nói: "Chỉ cần vài nghìn thôi, rồi đến đó người ta sẽ tự phục". Bá Kỳ nói là không được, Vua Minh tức giận, bỏ Bá Kỳ an trí ở Thiểm Tây, Cam Túc. Đến khi Thiêm Bình thua, vời Bá Kỳ về, ban sắc ân cần nói về việc lập lại nhà Trần, Bá Kỳ là bề tôi nên giúp đỡ, sai theo về xâm lược phương Nam nên trao cho chức ấy. Bá Kỳ không dự với đồng liêu ở nha môn, mà ở nhà trạm phần nhiều thu nhặt những người làm quan cũ mất nơi ăn chốn ở. Lúc ấy thổ hào Đông Triều

[1] Mô Độ: Thuộc tỉnh Nam Định.

là Phạm Chấn, lập Trần Nguyệt Hồ làm vua ở Bình Than, đề cờ "Chiêu An" gọi là quân trung nghĩa. Vì thế người Minh nghi, Nguyệt Hồ bị người Minh bắt, Phạm Chấn bỏ trốn.

Tháng 12, vua sai Trần Nguyên Tôn, Trần Dương Đình, cựu Hành khiển là Trần Ngạn Chiêu **<10a>** và Phạm Chấn thu quân ở Bình Than chẳng bao lâu thì tan vỡ, chạy về hành tại Nghệ An[1]. Giết, bọn ngụy quan là Chu Thúc Dao, Trần Nhật Chiêu dùng thuộc hạ hơn 600 người. Trước người Minh cho tôn thất nhà Trần là Trần Thúc Dao (con Trần Nguyên Đán) giữ Diễn Châu; cựu Tướng quân Trần Nhật Chiêu giữ Nghệ An. Đến đây Giản Định Đế lên ngôi, vì cả bọn không chịu ra đón trước nên bị giết.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Thiên hạ đại loạn, dân ở Nghệ An, Diễn Châu chưa biết được vua thực sự. Thúc Dao là con nhà thất, Nhật Chiêu là cựu Tướng quân nhận tước của quan nhà Minh, giữ đất coi dân thì dân làm gì mà không theo? Giết Thúc Dao, Nhật Chiêu thì được nhưng còn quân của chúng phải vỗ về mà dùng thì không cảm ơn sao? Nhưng lại giết nhiều như vậy sao gọi là đội quân nhân nghĩa được. Lê Tiệt, Lê Nguyên Đỉnh phục binh ở Hát Giang mưu đánh úp Trùng Quang Đế, Trùng Quang Đế chỉ giết Tiệt và Đỉnh còn lại đều xá tội - Giản Định Đế sao lại như vậy?*

<10b> Năm ấy đói và bệnh dịch, dân không cầy cấy được, người chết gối lên nhau.

Mậu Tý, [Hưng Khánh] năm thứ 2 [1408] (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 6), mùa xuân, tháng giêng, ngày 30 bọn người Minh là Trương Phụ cùng thổ quan là Mạc Thúy[2] xâm phạm Diễn Châu. Vua và Đặng Tất vì quân ít không địch nổi phải chạy vào Hóa Châu ở phía Nam. Giặc Minh đuổi theo, xâm phạm đến cửa biển Bố Chánh, Phạm Thế Căng đón hàng. Phụ cho làm Tri phủ Tân Bình và cho đặt lưu quan[3] chia nhau cai trị, Phụ trở về Đông Đô.

Mùa hạ, tháng 4, Đặng Tất rước vua trở lại Nghệ An. Nhà Minh ban chiếu đại xá, (Đại lược tờ chiếu nói: nghĩ rằng quân còn lại vì vốn ngu muội, hoặc bức bách vì đói nghèo, hoặc bị cưỡng ép xua đuổi, hoặc bị kẻ gian dụ dỗ, việc bất đắc dĩ, về tình đáng thương, nếu bắt tội cả, thì trẫm thực không nỡ, Khi chiếu thư đến thì đều tha cả, quân dân quan

---

(1) Nghệ An: Nay là đất thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

(2) Nguyên bản chép là Mạc Toại. Chúng tôi theo ĐVSKTT có lẽ đúng hơn.

(3) Lưu quan: Quan to triều đình nhậm dụng.

lại nha môn thuộc Giao Chỉ, thể theo lòng chí nhân của trẫm, cốt rộng lòng khoan hồng, thương xót đừng làm nghiêm ngặt, không chiếm đoạt bừa bãi; tất cả những việc không cấp bách thì hãy ngừng bỏ)

Tháng 6, Đặng Tất đánh phá được Tri phủ ngụy là Phạm Thế Căng ở cửa biển Nhật Lệ và bắt cháu chú bác của nó là Phạm Đống Cao đưa về hành tại giết đi. Trước đây Thế Căng nhận chức của nhà Minh, tự tiện làm oai làm phúc, tiếm xưng là Duệ Vũ Đại Vương, <11 a>. Đến bấy giờ tập hợp quân chiếm cứ núi An Đại[1], Tất đánh dẹp yên.

Mùa thu, tháng 9, động đất, nhà cửa cây cối như đổ.

Mùa đông, tháng 10, Quốc công là Đặng Tất điều quân các lộ Thuận Hoá, Tân Bình, Nghệ An, Diễn Châu, Thanh Hóa tiến đánh Đông Đô. Quân đi qua Trường An, Phúc Thành[2] (nay là Phúc An), quen thuộc cũ và các hào kiệt không ai không hưởng ứng đi theo. Tất chọn tài năng của họ đều bố trí làm các chức quan.

Tháng 12, Đặng Tất đại phá quân Minh ở Bô Cô[3]. Khi ấy nhà Minh sai Tổng Binh là Mộc Thạnh tước Kiềm quốc công mang ấn chinh di Tướng quân, lĩnh 5 vạn quân lại từ Vân Nam sang xâm lược đến Bô Cô, gặp vua Giản Định cũng từ Nghệ An, quân ngũ nghiêm chỉnh, gặp đúng lúc nước triều mạnh, gió to, bèn ra lệnh cho quân đóng cọc để giữ rồi đắp lũy hai bên bờ, Thạnh cũng chia quân thủy và bộ cùng nhau cầm cự. Vua Giản Định cầm dùi đánh trống, các quân thừa cơ tiến đánh, từ giờ Tỵ đến giờ Thân, quân Minh phải thua chạy. Chém được Binh bộ Thượng thư Lưu Tuấn, Đô ty Lữ Nghị, Tham chính Lưu Dục[4] và <11b> quân mới, cũ hơn 10 vạn người chết, tan gần hết, Mộc Thạnh chạy được thoát, đến thành Cổ Lộng[5]. Vua Giản Định bảo các quân rằng: "Hãy thừa thế chẻ tre, cuốn chiếu đuổi dài như sét đánh không kịp bịt tai, tấncông thành Đông Quan[6] tất là đánh tan được". Tất nói: "Hãy đánh giặc còn sót lại, khỏi lo về sau", do dự hồi lâu không quyết định, quân giữ thành Đông Quan đến cứu viện, đón Mộc Thạnh về. Tất chia quân đi vây các thành, truyền hịch về các lộ đem quân đánh giặc.

---

[1] Núi An Đại: Thuộc địa phận huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

[2] Phúc An: Tên xã thuộc huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

[3] Bô Cô: Sau đổi là xã Hiếu Cổ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

[4] Tham chính Lưu Dục: Viên tướng này sách ĐVSKTT không chép.

[5] Thành Cổ Lộng: Hay còn gọi là Thành Cách, thuộc xã Bình Cách, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

[6] Đông Quan: Tức thành Đông Đô nay là thủ đô Hà Nội.

Sử thần Phan Phu Tiên bàn: *Đặng Tất chỉ biết hành quân là việc gấp mà không biết việc cứu Đông Đô lại càng gấp. Đông Đô là hình thế của nước, chiếm cứ Đông Đô thì các lộ không đâu không hưởng ứng, mà hào kiệt ở trung châu đều ở đấy cả. Bỏ việc ấy không lo, lại chia quân đi các nơi, cho nên hiệu lệnh không thống nhất. Cuối cùng đến sụp đổ là đáng đấy.*

Sử thần Ngô Sĩ Liênbàn: *Đường Thái Tông dụng binh phần lớn là thừa thế chẻ tre mà giành phần thắng* **<12a>***là vì có tư chất anh hùng mà tướng và quân đã luyện tập sẵn. Vua tính việc quyết thắng nhưng Tất không theo, cố nhiên là đáng tiếc. Có lẽ Tất cho rằng: vua không anh hùng như Thái Tông mà quân từ xa đến, lương thực có khi không tiếp tế được, quân của kinh lộ chưa tập hợp. Thà theo phép hơn địch gấp mười lần thì bao vây, hơn địch gấp năm lần thì đánh*[1]*, nếu không như thế thành Cổ Lộng cách Bô Cô không quá nửa ngày đường, mà còn không thừa thế chẻ tre tiến được, huống thành Đông Quan ? Kế cũng chưa phải là sai lắm. Chỉ tại vua tin lời gièm mà vội giết Tất đi thôi. Than ôi! Đặng Tất sau khi đánh được quân giặc mạnh, sửa sang mới được mười tháng, công chưa làm được một nửa mà chết không đúng tội, cái họa sụp đổ há phải là tội của Tất đâu.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Thành Bô Cô ở sông Thanh Quyết, từ sông Thanh Quyết đi thuyền nhẹ nhân lúc thủy triều lên 3 trống canh thì đến Lạc Trường, bộ binh tiến đến Đông Đô không quá một ngày, nhân trận* **<12b>***thắng lớn ấy, sĩ khí hăng hái gấp trăm lần mà do dự không quyết, ai mà không tiếc là mất cơ hội. Nhưng Tất phải len lỏi ở châu Bố Chánh. Trương Phụ ép phía sau, Thế Căng chặn phía trước, phải đánh tan Thế Căng để thu lại Tân Bình, mới điều được quân ở Thuận Quảng, Hoan Ái*[2] *để tiến đánh Đông Đô, gian nan hàng tuần, hàng tháng mới đến Bô Cô. May mà bẻ gẫy được mũi nhọn ở Điền Kiềm, giương cao được thanh thế của Thanh Nghệ thì Thăng Long có xá gì mà phải dùng dằng? Có lẽ Tất tính toán kỹ rồi đấy. Mộc Thạnh từ phía Tây đến, cách xa hàng nghìn dặm, đói khát mệt mỏi, chưa rõ hư thực, hình thể chủ khách khác nhau, trận Bô Cô thắng được là*

---

(1) Ý nói: Cách đánh cẩn thận chắc thắng.

(2) Hoan Ái: Hoan nay là đất thuộc tỉnh Thanh Hóa. Ái nay là đất thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

may đấy. Trương Phụ là tay già như con hổ nhìn vào Đông Đô, tướng khoẻ, quân mạnh đều tập trung ở đó. Quân ta đơn độc từ xa đến, quân các lộ chưa tập hợp được, quân nó hoặc thu bọn tan tác mà tập hợp lại, hoặc dàn sức nhàn hạ mà đợi quân nhọc mệt, trước mặt sau lưng đều phải đối địch lương thực quân cứu viện đều hết, thì được bao lâu mà không phải xe xác trở về. Cho nên thà nghỉ ngơi điều độ tính kế vẹn toàn **<13a>** *mà không chịu đánh nhanh, nếu không phải là bậc tướng mưu trí thì không làm được đấy. Giả sử Đặng Tất được làm tròn vẹn mưu đồ của mình, thì dù ý trời muốn làm mất nhà Trần, không thể kéo lại được, thì người Minh cũng phải tổn quân chiết tướng, giặc dù hung ác cũng phải dè chừng, quyết không dám coi ta như không có người, vơ vét vàng ngọc, làm thịt làm cá nhân dân, hơn 20 năm rồi mới biết hối, vua Giản Định không biết vỗ về một viên tướng thì còn mong liệu quyết thắng được sao!*

Quan quân đến phủ Kiến Xương, thổ quan là Đồng tri Trần Quốc Kiệt trốn vào rừng chết đói. Hoàng Phúc nghe tin bèn lập đền thờ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Việc Quốc Kiệt chết đói chẳng phải là vì giữ tiết nghĩa với nhà Minh mà là xấu hổ vì đã nhận chức quan của nhà Minh đó thôi. Như thế đủ thấy rằng sự hổ thẹn là đầu mối của điều nghĩa, chỉ tiếc là Quốc Kiệt không biết nhục ngay từ lúc ban đầu.*

<13b> Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Quốc Kiệt biết học địa lý phong thủy, tập sách để lại còn lưu hành trong đời. Những điều nói về họa phúc thường thường có nghiệm, nhưng không thể giữ cho bản thân được tốt lành, nóng ruột về giàu sang, cuối cùng chết đói với chức ngụy quan. Biết có địa lý mà không biết có thiên lý, nhân lý. Đó là nhà phương thuật không đáng quý là như thế, về việc trốn trong rừng chết đói, có lẽ là sợ quan quân không dám ra, trong rừng núi không ai đem biếu mâm cơm cho nên đói, há phải vì xấu hổ mà không ăn đâu!*

Kỷ Sửu, [Hưng Khánh] năm thứ 3, từ tháng 3 trở đi là Trùng Quang Đế năm thứ 1 [1409] (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 7), mùa xuân, tháng 2, giết Quốc công Đặng Tất và Đồng tri Khu Mật Viện sự Tham Mưu quân sự Nguyễn Cảnh Chân. Khi ấy, Hưng Khánh đế (vua Giản Định) đóng ở Hoàng Giang, nội nhân là Nguyễn Quỹ (hoặc Trách) và học trò là Nguyễn Trang bí mật tâu rằng: Cảnh Chân và Tất chuyên quyền cho

làm quan và tước đoạt, nếu như không sớm tính toán, thì e rằng về saukhó trị. Vuacho gọi Cảnh Chân và Tất đến, rồi sai người chặn giết.Cảnh Chân và Tất nhảy lên bờ, lực sĩ đuổi chém chết.

<14a> Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Vua may thoát được sự nguy hiểm, tìm người giúp nạn nước, được cha con Đặng Tất là tướng tài, cha con Cảnh Chân có mưu lược, đủ để lập được công khôi phục, nên nghiệp trung hưng. Chiến thắng ở Bô Cô thế nước lại mạnh. Thế mà nghe lời gièm pha của quan hoạn một buổi sớm giết hai bề tôi giúp đỡ. Như thế là tự cắt chân tay của mình, thì việc làm sao mà nên được. Cho nên đức của người làm vua là phải cương quyết sáng suốt. Cương quyết thì mới có thể quyết đoán được; sáng suốt thì mới có thể xét rõ được. Nếu khi ấy vua triệu hai người bề tôi đến, rồi dẫn hai tên quan hoạn ra, kể rõ tội gièm pha đại thần, rồi chém ngay đi, thì uy lệnh vẫn được thi hành mà bọn Tất sức mạnh càng hăng, sự cảm kích càng sâu sắc. Giả sử có manh tâm chuyên quyền, há chẳng sợ uy mà tự kìm lại, chứ lo gì khó kiềm chế. Đã không làm được như vậy thì cứ chìm đắm đến chết mà thôi.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Trời muốn làm cho nước của người ta bị mất, tất sinh ra người con <14b> không hiểu rõ công việc, lại vun đắp quân gian nịnh để làm cho mê loạn tâm thần, đè nén người trung lương để bẻ gãy lông cánh, Vạn Lý Trường Thành[1] đã đổ nát, thì sau đó nghiệp nước cũng đổ theo. Cho dù sự đổ nát ấy là vô tâm nhưng khi làm việc như có người xui khiến, nhưng đó là chứa nhiều điều bất thiện bị Trời ghét mà như thế đấy. Giản Định, là con thứ của Nghệ Tông, lo sợ, trốn tránh được mọi người ủng hộ lập lên, nước mới dựng chưa vững vàng. May mà Đặng Tất là hào kiệt miền Nam Hà, xướng xuất toàn quân Hóa Châu đến hội. Khi ấy quân Minh giải khắp bốn phương đâu đâu cũng có quân của giặc. Không ai nghĩ đến nhà Trần lại có đất dụng võ. Đặng Tất vừa nghe tiếng khởi nghĩa, là người đầu tiên đem toàn quân ở Hóa Châu đến hội xây dựng, tiến đánh, hộ vệ, khi ở, khi đi, giết kẻ phản bội ở Tân Bình, thu dùng hào kiệt ở Trường An, chiến dịch Bô Cô đánh một hồi trống mà phá được 10 vạn tên giặc mạnh, dễ như bẻ cành khô, như thế há chẳng phải là bậc trung dũng một thời đó sao? <15a> Chưa được ghi công báo*

[1] Vạn lý trường thành: ở đây chỉ là chỗ dựa vững chắc.

nước đã nảy sinh hiềm khích chuyên quyền. Vua tối tăm đến như vậy thì sự đổ nát diệt vong là tự chuốc lấy đấy. Ôi! Đắc Thần còn thì Trùng Nhĩ(1) *chưa hết lo; Phạm Lãi bơi ra biển thì Câu Tiễn mới được nằm yên*(2)*. Trời chán ghét nhà Trần hoang dâm cho nên mới mượn tay Giản Định để giết Đặng Tất, mà không phiền đến Trương Phụ, Mộc Thạch. Trời đã phế bỏ thì ai có thể nâng lên được? Há chẳng đáng sợ lắm sao?*

Con Nguyễn Cảnh Chân là Cảnh Dị và con của Đặng Tất là Đặng Dung đều căm phẫn vì cha không có tội mà bị giết đem quân ở Thuận Hóa về phủ Thanh Hoá, đón Nhập Nội thị trung là Trần Quý Khoáng đến Nghệ An(3) rồi lập làm vua.

Tháng 3, Trần Quý Khoáng lên ngôi ở Chi La(4) đổi niên hiệu là Trùng Quang, dùng Nguyễn Suý làm Thái phó, Nguyễn Cảnh Dị làm Thái bảo, Đặng Dung làm Đồng bình chương sự. Nguyễn Chương làm Tư mã. Giản Định Đế giữ thành Ngự Thiên(5) chống nhau với quân Minh, bọn Suý ngầm tập hợp quân đánh úp bắt được vua Giản Định **<15b>**.

Mùa hạ, tháng 4, Hưng Khánh Thái hậu và Hành khiển là Lê Tiết, Lê Nguyên Đình ngầm dấy binh ở Hát Giang, mưu đánh úp vua Trùng Quang. Người Nghệ An là Nguyễn Trạo tiết lộ việc ấy, Trùng Quang Đế giết bọn Nguyễn Tiệt, Nguyễn Đình, còn người khác đều tha. Bọn Suý liền dẫn vua Hưng Khánh đến sông Tam Chế ở Nghệ An, vua Trùng Quang hàng phục, xuống thuyền ra đón. Khi ấy trời đất tối sầm bỗng có đám mây màu vàng xuất hiện, mọi người đều kinh ngạc bèn tôn vua Hưng Khánh làm Thượng Hoàng cùng găng sức đánh giặc.

Tháng 5, phi của Trùng Quang mất.

Tháng 6, Hưng Khánh Thái hậu băng.

Mùa thu, tháng 7, mưa dầm mấy tuần không tạnh.

Tổng binh nhà Minh là Mộc Thạnh sai Hoàng La đến, vua Trùng Quang sai người tiếp ở Nỗ Giang, Thanh Hoá. Vua Hưng Khánh và vua

---

(1) Đắc Thần còn thì Trùng Nhĩ chưa hết lo: Đắc Thần làm quan đại phu ở nước Sở, luôn hậm hực, luôn muốn giết Trùng Nhĩ vì Trùng Nhĩ được vua Sở trọng đãi.

(2) Phạm Lãi bơi ra biển thì Câu Tiễn được nằm yên: Câu Tiễn nhờ được Phạm Lãi giúp, lại diệt được nước Ngô. Nhưng Câu Tiễn sợ Phạm Lãi, nên Phạm Lãi bỏ đi chu du ngoài biển.

(3) Nghệ An: Nay là đất thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

(4) Chi La: Sau là huyện La Chi, nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

(5) Ngự Thiên: Tức huyện Hưng Nhân, tỉnh Thái Bình.

Trùng Quang đem quân đi đánh giặc. Vua Hưng Khánh tiến quân đến Hạ Hồng, vua Trùng Quang tiến quân đến Bình Than, đóng dinh ở đấy. Giặc Minh đóng cửa thành tự giữ; Vua Trùng Quang ra lệnh cứ 4, 5 ngày một lần ra thăm dò, hào kiệt các lộ **<16a>** đều hưởng ứng. Riêng có Tri phủ Tam Giang là Đỗ Duy Trung (Duy Trung là thổ hào của Thao Giang) bảo dưỡng quân Minh không theo mà thôi. Gặp khi Tổng binh là Trương Phụ tước Anh quốc công đeo ấn Chinh di tướng quân đến cứuviện, Giặc Minh lại mạnh lên. Vua Hưng Khánh bèn bỏ thuyền lên bờ đến Trấn Thiên Quan(1) vua Trùng Quang nghi vua Hưng Khánh có ý khác, ra lệnh cho Nguyễn Suý đuổi theo không kịp. Trương Phụ chìa quân theo đến, bắt được vua Hưng Khánh và Thái bảo là Trần Hy Cát, cùng là ấn quý đưa về Kim Lăng và bị giết hại.

Tháng 8, vua Trùng Quang và Trương Phụ chống nhau ở Bình Than, sai Bình chương là Đặng Dung giữ Hàm Tử Quan. Lương thực hơi thiếu, Dung phải chia quân đi thu hoạch lúa sớm làm lương ăn. Quân Minh dò biết, cho thủy quân xâm phạm cửa Hàm Tử; quân của Dung tan vỡ. Vua nghe tin mất Hàm Tử Quan, tự liệu không chống được, đem quân về Nghệ An để lại mưu tiến thủ. Phụ đi đến nơi nào cũng làm nhiều việc giết hại, hoặc chất xác thành núi, hoặc lôi ruột quấn vào cây, hoặc cắt thịt lấy mỡ, hoặc dùng cực hình bào lạc(2) làm trò đùa, thậm chí còn mổ người có thai lấy 2 cái đầu để làm hiệu lệnh. Kinh lộ lần lượt chịu đầu hàng, những dân còn sót lại bị bắt làm nô tỳ và chuyển bán đi tan tác bốn phương. Thượng thư Hoàng Phúc lại đặt quan chia nhậm từ Thanh Hóa trở ra bắc, người thổ nào có thể chiêu an, hoặc có công chém giết cướp bóc thì Trương Phụ đều cho làm quan. Hoàng Phúc xin thăng hai châu Thái Nguyên, Tuyên Quang làm phủ.

Năm ấy có bệnh dịch và đói to.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Nước ta từ thời Hồng Bàng về sau, chiến tranh giết chóc chưa bao giờ thảm khốc như lúc bấy giờ. Từ khi Hàn Quan đưa tên ngụy Thiêm Bình, mới gây ra đầu mối binh đao, đến khi ấy, trong khoảng 4 năm. Trai tráng khoẻ mạnh chết vì binh đao, người già yếu chết nơi khe ngòi, mấy vạn người. Trương Phụ với sự hậm hực lại đem quân sang mài nanh vảy nọc*

(1) Trấn Thiên Quan: Gồm vùng đất hai huyện: Hoàng Long tỉnh Ninh Bình và Lạc Sơn tỉnh Hòa Bình.

(2) Hình bào lạc: 1 cực hình thời xưa. Đốt 1 lò than đỏ lấy cột đồng bôi mỡ rồi đặt lên trên, bắt tội nhân leo lên rồi rơi xuống hố.

độc, như giống thú ăn thịt người, nhân dân có tội gì mà gặp sự tàn khốc ấy. Mới biết thói tham bạo của Vĩnh Lạc hơn cả Nguyên Tổ. <17a> Sự tàn ác của Trương Phụ còn tệ hơn Toa Đô, Ô Mã Nhi. Trời muốn nhà Trần mất cho nhà Lê dấy lên. Cho nên quân phương Bắc được ở lâu để mà mặc sức điên cuồng không như thời Nguyên Phong trung hưng bỗng chốc đến lại bỗng chốc đi, xét về cơ sở của tai họa bắt đầu từ bọn Nguyễn Tông Đạo báo cáo tình hình, tiếp đến Nguyễn Khang giả mạo. Kết quả là cái họa Hồ Quý Ly cướp ngôi. Vua nhà Minh tham lam là nơi giàu có, vốn đã có chí muốn thôn tính, được mượn cớ ấy mà đặt nên lời và trở thành cái vực sâu bụi rậm cho Lê Thái Tổ ta xua đuổi một phen. Đấy cũng là các cơ hội trên đời khi trị, khi loạn, khi thịnh, khi suy, khi nhiều, khi ít, khi hậu, khi bạc đấy.

Thượng thư nhà Minh là Trần Hiệp ở trong quân cho chạy ngựa tâu với vua Minh rằng: vua nước Chiêm Thành là Chiêm Ba Địch lại vâng mệnh đem quân đi đánh An Nam, trái hẹn không tiến. Đến khi tới Hóa Châu cướp bóc bừa bãi, lại lấy vàng lụa voi chiến giúp cho Quý Khoáng.Quý Khoáng cũng đem con gái của Lê Thương <17b> đưa cho, lại hẹn với bọn cậu của Quý Khoáng là Trần Công Đĩnh hơn 3 vạn người xâm phạm phủ Thăng Hoa, chiếm đất 11 huyện 4 châu, xua đuổi cướp bóc nhân dân. Tôi chỉ kém Quý Khoáng một bậc thôi, xin ra quân đi đánh. Vua Minh vì thấy nước ta mới dẹp yên, chỉ ban dụ bắt trả đất xâm lấn thôi.

TRÙNG QUANG ĐẾ

(Vua tên húy là Quý Khoáng, con thứ của Mẫn Vương Chính, cháu của Nghệ Tông, cháu gọi Giản Định bằng chú bác, ở ngôi 5 năm. Trời không giúp nhà Trần, có chí nhưng không thành, ôm hận mà chết. Thương thay!).

Canh Dần, Trùng Quang năm thứ 2 [1410] (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 8), mùa xuân, tháng giêng, Trương Phụ ra lệnh cho thuộc hạ đặt thêm đồn điền ở nơi gần thành và thu thóc lúa ở Thái Nguyên, Tuyên Quang, Tam Giang để tích trữ nuôi quân.

Mùa hạ, tháng 5, vua Trùng Quang đem bọn Nguyễn Cảnh Dị tiến quân đến bến La Châu, Hạ Hồng, đánh tan quân của Đô đốc Giang- Hạo nhà Minh, thừa thắng tiến thẳng tới Bình Than, đốt phá gần hết thuyền trại của quân Minh.

Khi ấy hào kiệt hưởng ứng mạnh mẽ. Người Thanh Hóa là Đồng Mặc, trước kia nhận mệnh lệnh của <18a> vua Hưng Khánh làm Quận phủ quân, đến khi ấy gọi là Lỗ Lược tướng quân, đánh giết bọn giặc không kể xiết. Chỉ huy của giặc Minh là Tả Địch bị bắt. Vương Tuyên (có sách ghi là Vương Đản) thế cùng phải tự đâm cổ chết. Lại có Nguyễn Ngân Hà tuy không bằng mặt, nhưng cũng là bậc hơn hẳn trong các vị hào kiệt. Người Thanh Oai tên là Lê Nhị giết cha con Đô ty Lưu Vượng ở cầu Ngọc Tản, đem quân đến chiếm Từ Liêm, quân Minh khiếp sợ. Lê Khang người Thanh Đàm, Đỗ Cối, Nguyễn Hiếu người Trường Yên cũng đem quân chống giặc. Nhưng sự chỉ huy không thống nhất, quân không có chỉ huy chung, nên sau đều bị tan vỡ. Gặp khi Trương Phụ đến Diễn Châu, vua Trùng Quang lại đem quân về Nghệ An[1].

Hoàng Phúc xin cấp ruộng cho thổ quan theo phẩm trật để họ gọi người cấy trồng thu tô thay lộc; Lưu quan thì cho lính đến cấy để thu thóc rồi nhà nước chi cho gạo ăn.

Tân Mão, [Trùng Quang] năm thứ 3 [1411] (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 9), mùa xuân, tháng Giêng, Trương Phụ cấp bằng cho thổ quan các phủ có công đi đánh giặc <18b> có thổ quan ở phủ châu cai quản, có người đặt chức thiên trương, bách trưởng lệ để làm chỉ huy thiên hộ.

Tháng 2, nhà Minh ban chiếu ân xá - đại lược nói: "Giao Chỉ đã thuộc vào quan chức phương[2] liền mấy năm chưa được nghỉ ngơi; xét nỗi sau cơn khốn khổ, đặc biệt, ban ơn khoan hồng, thương xót khiến cho triệu dân đều thấm nhuần đức trạch". Lại dụ cho mọi quân dân quan viên rằng: "Người Giao Chỉ đều là dân của trời, đã được vỗ về, đều là con của Trẫm. Chúng nhất thời theo giặc, Trẫm nghe bị giết thực thương xót trong lòng, há nỡ để cho như thế. Nhưng kẻ làm điều ác chỉ có vài người, nhân dân miền bãi biển, hang núi, bị nó bức hiếp hoặc giúp lương thực hoặc đem cùng đi làm giặc ở khắp nơi cũng đều là bất đắc dĩ, bị chúng lừa dối, không phải bản tâm, nếu biết tự hối, thì đều cho đổi mới. Làm điều ác chỉ có vài người, còn trăm họ không có tội. Trong đấy nếu có người dũng cảm, có kiến thức có thể bắt được vài người đến dâng thì tất cho làm quan to, ban tước trọng. Nếu những người ấy biết gội rửa tâm trí, sửa lỗi lầm thì không những được xá tội lại cho làm quan vinh hiển".

Tháng 3, nhà Minh sai quan đem sắc ban ruộng lương cho thổ quan: (Đại lược rằng "Ngươi là người có tài hào kiệt tư chất đôn hậu, sáng suốt

---

[1] Nghệ An: Nay là đất thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

[2] Quan chức phương: Ý nói Giao Chỉ đã nằm trong bản đồ nhà Minh.

hiểu trước sự việc, xưa kia đã hết lòng hết sức tận trung với triều đình, nghĩ về công lao của ngươi, đặc biệt ban chức vinh hiển. Nay nghe các ngươi biết sửa sang chức phận của mình, hết sức lập công, đánh giết bọn giặc làm phản, giữ vững bờ cõi, nghĩ đến lòng trung thành ấy khôn xiết mừng vui. Nay bọn giặc còn sót lại chưa dẹp yên hết, các ngươi hãy làm tốt thêm công trạng của mình gắng sức đánh dẹp để nối tiếp công lao trước. Đặc biệt sai người uý lạo và ban thưởng, ngươi hãy kính cẩn nhận sắc mệnh yêu quý này").

<19a> Mùa thu, tháng 7, nước Sông Đáy lên to, vỡ đê quai trôi nhà của dân.

Tháng 9, vua Trùng Quang và bọn Nguyễn Suý chia quân tiến vào cửa biển, bắt được chỉ huy là Nguyễn Chính người Thổ ở Bài Lâm, chém bêu đầu rồi về. Sai Hành khiển là Hồ Ngạn Thần làm sứ cầu phong, Thẩm hình là Bùi Nột Ngôn làm phó, mang biểu sản vật địa phương và hai tượng người bằng vàng bạc thay mình sang nước Minh.

Trước đây, sai Hành khiển là Nguyễn Nhật Tỷ và Thẩm hình là Lê Ngân cầu phong, Vua Minh giận bỏ tù rồi giết đi. Đến khi ấy lại sai bọn Ngạn Thần sang, đến Yên Kinh. Vua Minh sai Hồ Trùng giả ý ân nghĩa hỏi thăm vua nước ta mạnh yếu, tình hình hư thực. Ngạn Thần nói hết, Nột Ngôn không chịu nói. Nhà Minh vờ cho vua Trùng Quang làm Giao Chỉ Bố Chánh sứ, Ngạn Thần làm Nghệ An[(1)] Tri phủ, khi về, Nột Ngôn nói rõ Ngạn Thần tiết lộ sự việc trong nước và được trao sắc mệnh của giặc, vua bắt giam rồi giết đi. Gả Quốc tỷ trưởng công chúa là chị vua cho Hồ Bối ở Hóa Châu, cho làm Tư đồ, rồi sai ra Thanh Hóa chống giặc **<19b>**. Nhà Minh bắt Tham nghị Giải Tấn bỏ ngục. Tấn là Hàn lâm học sĩ, nói việc trái ý vua, bị ra làm Tham nghị, khi đến ty lại nói: "Giao Chỉ chia đặt quận huyện không bằng để nguyên như cũ để họ cai quản lẫn nhau. Chia đặt quận huyện nếu có được cũng không bù lại được cái mất, cái lợi không bù được cái hại". Vua Minh xem tờ tấu giận lắm, cho là có ý riêng với nhà Trần, không lợi cho nước, ban chiếu bắt giao xuống cẩm y vệ bỏ tù rồi ốm chết. (Đến khi Minh Nhân Tông lên ngôi mới được đem về quê chôn cất, cho gia thuộc về làng). (Tấn là người Cát An, Giang Tây).

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Lời nói của bề tôi ngay thẳng không có lợi cho bản thân nhưng có lợi cho nước. Các vua chúa tầm thường không cho là lợi mà muốn giết hại, cũng là do sự tối*

---

(1) Nghệ An: Nay là đất thuộc 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

tăm quá lắm. Minh Thái Tông một khi manh tâm muốn lập công, ham thích cái lớn, tham được nước ta. Giải Tấn há không biết nói thế thì xúc phạm lòng tức giận hay sao? Đó chính là vì nước mà không nghĩ đến mình đấy **<20a>**. *Thái Tông không theo, cùng binh độc võ cho rằng ắt chiếm được, lời nói của Tấn lúc bấy giờ hình như chưa nghiệm. Đến khi Thái Tổ ta*[1] *dẹp loạn trừ quân tàn bạo, lấy được thư bọc sáp của Vương Thông nói rằng: "Quân để dùng phải được như số quân lúc đầu đi đánh, phải được 6,7 đại tướng quân như Trương Phụ mới có thể đánh được, mà giá lấy được cũng không giữ được". Bấy giờ lời nói của Tấn mới nghiệm. Lời nói của người bề tôi ngay thẳng há chẳng lợi cho nước đó sao ? Người làm vua phải suy xét mới được.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Cuối đời Hồnước thuộc về nhà Minh. Những Tướng tá của giặc Minh sang nước ta đứng đầu về võ có Trương Phụ, về văn có Hoàng Phúc. Phụ giết chóc bừa bãi, tổn hao nhân dân. Phúc thì thu thuế nặng nề đưa đón phiền nhiễu, chẳng qua là lấy công ngoài biên giới để giữ vững lòng vua yêu. A dua điều vua ham muốn để được dung thân, bọn họ không phải không biết là lấy dễ, giữ khó, đặt làm quận huyện thì ắt không được lâu, nhưng không dám vì nước mà quên thân* **<20b>** *như lòng trung thực của Tấn đấy thôi. Giả sử lời của Tấn được thi hành, thì sao có chuyện Tuyên Đức mất quân.Về văn võ tướng sĩ của nó trước sau hàng mấy nghìn trăm vạn, mà chỉ còn bị bắt được đưa về hơn một vạn người, đền sinh mệnh cho trăm họ của nước Nam ta, đến nay vẫn còn tiếng xấu. Ôi! Lời bàn luận hay nhất thời đối với lợi hại, được mất, hình như không quan hệ gì lắm. Nhưng nghe hay không nghe, họa hay phúc nó nằm trong khoảng mảy may thì lại rất lớn. Sĩ Liên bảo rằng: lời nói của bề tôi ngay thẳng, người làm vua cần phải soi xét là đúng đấy.*

Người Minh bắt Giáo thụ Lê Cảnh Tuân, đưa đến Kim Lăng. Trước đây, Cảnh Tuân là hạ trai học sinh[2] của nhà Hồ. Đầu năm Hưng Khánh làm Vạn ngôn thư dâng cho Tham nghị là Bùi Bá Kỳ có ba phương sách thượng, trung và hạ, đại lược nói: "Nhà Minh đã có sắc ban cho ông đi theo quân đánh dẹp, khi bắt được họ Hồ chọn con cháu nhà Trần lập làm vua ban tước cho ông ở nước để giúp đỡ **<21a>**. Nay thiết lập ty Bố Chánh

(1) Chỉ Lê Lợi.

(2) Thời Trần. Học sinh chia làm ba bậc: Thượng trai, trung trai và hạ trai.

ban cho ông tước cao, mà chỉ cấp cho người quét dọn miếu họ Trần thôi. Nếu ông lại tâu lên biện rõ lời nói của các quan lại, kỳ lão nói rõ con cháu nhà Trần chưa hết, để xin lại ban chiếu sắc phong cho họ Trần, đó là thượng sách. Không như vậy thì xin bãi chức và nguyện làm quan coi nhà thờ họ Trần, đó là trung sách. Nếu ông còn ưng làm quan to, tham lộc nhiều, đó là hạ sách. Nếu theo thượng sách thì tôi sẽ làm nhân sâm, cam thảo, chỉ sác, trần bì để sung vào ngăn thuốc của ông và tùy ông sử dụng; nếu theo trung sách thì tôi nguyện cầm cái khay, cái chén trong nhà thờ, ra vào trong ấy và cũng tùy ông sai khiến, còn nếu ông theo hạ sách thì tôi sẽ là người đi cày, đi câu nhàn hạ cho hết năm hết tháng mà thôi". Đến khi tịch thu nhà Bá Kỳ, thấy thư ấy của ông, tâu lên. Vua lệnh bắt, hỏi thì gần đây loạn lạc ông đã trốn đi, không biết ông đi đâu. Đến khi ấy mới đặt Giao Châu học hiệu tìm được bắt ông đưa về Kim Lăng, giam xuống ngục Cẩm Y, ở đó 5 năm cùng với con là Thái Điên <21b> đều ốm chết.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Ba phương sách của Cảnh Tuân có chí khí của bậc trượng phu; ông nhận chức Giáo thụ của nhà Minh là xuất phát từ ý muốn ẩn dật mà không được đó chăng?*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Bá Kỳ đi xa nghìn dặm tới nhà Minh báo cáo tai nạn, là có lòng trung như Thân Bao Tư khóc ở sân nhà Tần[1]. Ba kế sách của Cảnh Tuân khư khư bảo tồn nhà Trần, có chí như ông Đào Uyên Minh đề theo Giáp Tý niên hiệu Nghĩa Hy. Nhưng một là không thể thác cớ là bệnh tật để từ quan làm thổ ty rồi thay đổi tiết tháo; hai là không thể suốt đời ở ẩn vì chức dạy học mà làm mất khí tiết của bản thân, giữ gìn khí tiết, khó đến thế chăng? Xét Bá Kỳ hình tích rõ ràng. Nhà Minh đã phong sắc ban cho bề tôi giúp đỡ nhà Trần, lại có mệnh lệnh tòng quân, một mai thay đổi mưu đồ trao cho chức Tham nghị. Nếu như vội từ bỏ tước lộc, địa vị, thì chỉ gây cho nó tức giận mà không có lợi gì cho công việc. Cho nên thà miễn cưỡng* **<22a>** *nhận chức để đợi khi có thời cơ may ra làm một đòn như Tử Phòng cũng chưa thể biết được. Nhà ở ngang nhà trạm, để thu nhận các quan cũ bị mất chức thì tâm sự của ông vốn chưa thể lường được đấy. Người như Cảnh Tuân ẩn hình tích trong đám nhà tranh đã an phận từ bỏ nơi ô trọc, đưa mình vào nhà quốc học, không sợ cái thảm họa*

---

[1] Thân Bao Tư là đại phu nước Sở thời Xuân Thu. Khi nước Sở bị quân Ngô đánh, ông vào sân triều đình nước Tần khóc 7 ngày, cuối cùng nhà Tần phải cho tướng đi dẹp nạn giúp nước ông.

chôn người đạo Nho, lời nói việc làm trái ngược nhau, trí và nghĩa đều không phải; về nhân phẩm so với Bá Kỳ thì kém đấy. Tuy nhiên lời nói trong ba kế sách, đến nay đọc đến như thơ "Thử ly" thương cảm cung điện nhà Ân. Thơ "Phi phong" thương sót đạo đức thời Chu. Tấm lòng thương lo cho thời thế, cái chí nguyện làm cho nước đã diệt được nối lại, nước đã mất được giữ lại. Sự hùng tráng lẫm liệt làm lời văn khảng khái ta còn có thể tưởng tượng được người ấy. Bậc quân tử bình luận người ta, cũng nên chọn lấy danh tiết. Lời nói ấy vốn không thể mai một được.

Nhâm Thìn, [Trùng Quang] năm thứ 4 [1412] (Minh Vĩnh Lạc năm hứ 10), mùa xuân, tháng Giêng, Phụ đạo là Nguyễn Nhuế ở Đại Từ, Thái Nguyên khởi binh <22b> thường đi qua lại núi Tam Đảo bị Trương Phụ nhà Minh bắt.

Thời bấy giờ ở kinh lộ đều phụ thuộc nhà Minh, dân phải làm sai lịch nộp lương, theo sự sai bảo của quan thú nhậm, thổ quân phải đóng huyền làm đồn điền để giúp việc cho Tổng Binh. Từ Diễn Châu trở vào phía Nam không được trồng cấy.

Mùa hạ, tháng 6, Trương Phụ, Mộc Thạnh nhà Minh đem quân xâm phạm hành tại Nghệ An, gặp bọn Nguyễn Suý, Nguyễn Cảnh Dị, Đặng Dung ở Mô Độ. Đặng Dung cùng Trương Phụ liều chết đánh nhau, chưa phân thắng bại. Đường Mô Độ hiểm trở kỵ binh không tiến được; bọn Phụ ngầm tiến vào rừng xanh, nửa đêm ra đánh úp quân ta. Bọn Suý, Cảnh Dị đánh không địch nổi nhảy xuống biển mà chạy, Hồ Bối bỏ thuyền nhảy lên bờ, Dung thế cô không có tiếp viện bèn đi thuyền nhẹ vượt ra biển trốn.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Cái đạo cầm quân giành phần thắng là ở chỗ đồng tâm hiệp lực. Giả sử bọn Suý và Dung đồng tâm ra sức đánh thì Dung, Phụ chưa biết ai đã thắng ai. Có lẽ là trời không giúp cho nhà Trần đó thôi.*

<23a> Mùa thu, tháng 7, nhà Minh sai Tổng binh Hàn Quan với chức Hữu Quân Đô Đốc Đồng Tri, mang ấn chinh nam tướng quân đến trấn giữ.

Bọn Trương Phụ nhà Minh ra lệnh cho Tam Giang, Tuyên Hóa đóng thuyền để cấp cho quân.

Bọn Trương Phụ nhà Minh tiến sát hành tại Nghệ An[1], Thanh Hoá, Diễn Châu đều bị chiếm.

---

[1]Nghệ An: Nay là đất thuộc 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

Mùa đông, tháng 12, nhà Minh ban sắc dụ các quan lại và các người già ở châu phủ ở huyện thuộc ty Bố Chánh rằng: "Trẫm vâng mệnh trời, thống trị thiên hạ, chỉ muốn khiến cho dân trong thiên hạ đều được yên. Giao Chỉ ở xa tận bờ biển, nay đã trở lại như cũ. Quân dân theo giáo hóa đến nay đã nhiều năm, đã đặt các chức mục bá, thú lệnh và ty quân vệ, đã chọn dùng người trung lương hiền tài để vỗ về cai trị. Trẫm ngày đêm suy nghĩ còn lo rất xa dân đông, giáo hóa có chỗ không thấm, không được đội ơn yêu thương nuôi dưỡng của nhà nước. Nay các ngươi đều là bề tôi trung thành hiền tài, cần thể theo cái ý kính trời yêu dân của trẫm làm lợi cho dân, trừ hại cho dân, thuận theo lòng yêu ghét của dân, trừ bỏ sự gian tệ cho dân; dạy cho dân việc trồng dâu, cày ruộng, khiến cho không trái thời vụ, thì ăn mặc được đầy đủ, dạy dân điều hiếu để, trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ thì sẽ thành phong tục tốt; khi chết, khi hoạn nạn thì thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, khó khăn cùng cực thì nâng đỡ lẫn nhau, người già thì dạy người trẻ, người trẻ thì nghe người già, ai nấy đều noi theo tính tốt, **<23b>** không trái với lễ; chớ làm việc trộn cướp, chớ làm việc lừa dối, chớ múa may chữ nghĩa để làm sai pháp luật, chớ theo lòng riêng làm mất lẽ công bằng. Làm cho dân được an cư lạc nghiệp, vĩnh viễn làm dân vô sự, vui vẻ sự thịnh trị trong thời thái bình. Vậy các ngươi phải giữ cẩn thận chức phận của mình, làm tròn công việc của mình, theo đức ý của trẫm, thay trời nuôi dân như con có thể so sánh với các vị quan lương thiện thời xưa, danh tiếng lưu trong sử xanh, há chẳng tốt đẹp sao?"

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Người Minh đặt nước ta làm quận huyện, tự cho rằng tuy lực có thể áp chế được, sẽ không có người dám ngu động. Nhưng từ tháng 5 năm Đinh Hợi, bắt được họ Hồ; tháng 8, Trương Phụ, Mộc Thạnh đem quân về, tháng 10 vua Giản Định lên ngôi, tiếp đến vua Trùng Quang. Đâu đâu các hào kiệt cũng kéo nhau hưởng ứng, xé quần áo làm cờ, vác quốc làm binh khí. Người ngã thì cứ ngã, người dậy thì cứ dậy, suốt 5, 6 năm chiến tranh không ngừng, mới biết là khó bình định, do đấy ban chiếu sắc cầm quyền hoặc uý dụ quân dân, hoặc khen thưởng an ủi thổ quan. Đến bấy giờ lại ban dụ cho các quan Bố Chánh phủ, huyện và bậc kỳ lão quan lại nhân dân những lòng nhân tha lỗi, những chính sách* ***<24a>*** *biểu dương bậc trung lương những điều khoản giáo hóa cho dân trở thành tục tốt tràn đầy sổ sách. Nhưng Trương Phụ đến đâu cũng tàn nhẫn như loại hổ nuôi con, lệnh của Hoàng Phúc nhiều như lông bò. Vua Minh ở nơi thâm cung, ngồi chắp tay xa xôi hàng vạn dặm không biết rằng, những*

bang nội thuộc, khổ sở với văn võ viên chức như vậy. Họ không thương tâm cho nước của tổ tông mong báo thù cho cha anh sao? Tuy bại vong thảm hại mà không hối hận hay sao? Kinh thư nói: "Người đó vỗ về ta thì người đó là vua của ta, ai ngược đãi ta thì người đó là thù của ta". Mạnh Tử nói: "Lời nói về điều nhân, không bằng tiếng vang của điều nhân vào sâu lòng người vậy". Thế mà lại muốn trách vấn bọn thổ quan về cái thực hiện an dân. Nhưng đấy là bọn công lợi, chí của họ ở giàu sang, đương bị bọn Trương Phụ, Hoàng Phúc nô dịch. Nếu có người cho là phải nghĩ đến nước của cha mẹ, thì cũng đâu dám có sự trình bày thi thố mà bo bo trông cho họ thành người quan lại lương thiện được sao!

<24b> Nông Văn Lịch người Lạng Sơn tụ tập quân chiếm cứ nơi ấy, chặn lấp đường đi lại của người Minh, giết được vô số. Tham Chính là Mạc Thúy thường dẫn quân vào tận trong đất đó, trúng tên độc chết; về sau Văn Lịch thông dâm với vợ của kẻ dưới, mọi người tức giận giết chết. Nguyễn Liễu người Lỵ Nhân chiêu tập người các huyện Lục Na[1], Vũ Lễ đánh phá người Minh vài năm. Vua Trùng Quang ở Nghệ An[2] , đường sá bị ngăn trở không thông, quân của Liễu dần dần bị tan vỡ. Tham nghị Nguyễn Huân giả kết làm thông gia dụ Liễu đến rồi giết chết.

Quý Tỵ, [Trùng Quang] năm thứ 5 [1413] (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 11), mùa xuân, tháng Giêng, vua Trùng Quang dẫn bọn Nguyễn Suý, Nguyễn Cảnh Dị lại đem quân vượt qua biển đến Vân Đồn, Hải Đông và các bãi biển thăm dò lấy lương thực, đánh vào các đồn của người Minh.

Hoàng Phúc nhà Minh chọn lấy thợ và vợ con của họ đưa về Yên Kinh để đóng thuyền.

Tháng 2, Trương Phụ nhà Minh ra lệnh cho quân nhân đem muối đổi lấy lúa ở Tam Giang, Tuyên Hoá, Quy Hóa để làm lương cho quân, lại mộ khách buôn nộp thóc chở thuyền về các xứ Quảng Đông, **<25a>** Phúc Kiến, Triết Giang, Tứ Xuyên, Vân Nam để bán.

Tháng 3, Vua Trùng Quang lại về Nghệ An. Quân mười phần chỉ còn bốn phần.

Tổng binh là Trương Quan[3] nhà Minh ốm chết ở thành Đông Quan.

Mùa hạ, tháng 4, bọn Trương Phụ nhà Minh cướp phá Nghệ An.

---

[1] Huyện Lục Na: Nay là huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Nghệ An: Nay là đất thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

[3] Trương Quan: ĐVSKTT chép là Hàn Quan.

Vua Trùng Quang đến Hóa Châu, sai Đài quan Nguyễn Biểu[1] làm sứ cầu phong, đem sản vật địa phương đến Nghệ An. Trương Phụ giữ lại, Biểu mắng Phụ rằng: "Bên trong thì mưu cướp nước, bên ngoài thì phao lên là quân nhân nghĩa, đã hứa lập con cháu nhà Trần lại còn đặt quận huyện, không những cướp lấy của báu, mà còn tàn hại nhân dân. Thật là bọn giặc bạc ngược đấy! Phụ giận quá giết chết.

Tháng 6, Trương Phụ và Mộc Thạnh nhà Minh họp bàn kế đánh chiếm. Thạnh nói: "Hóa Châu núi cao, biển rộng chưa dễ đã lấy được", Phụ nói: "Ta sống ở Hóa Châu thì ta còn mặt mũi nào trông thấy chúa thượng nữa". Thế là đem thủy quân đi **<25b>**21 ngày, đánh vào thành châu Thuận Hoá.

Mùa thu, tháng 9, bọn Trương Phụ nhà Minh đánh nhau với Nguyễn Suý ở kênh Thái Già. Quân Nam Bắc chống nhau, Đặng Dung phục binh voi đêm ra đánh úp vào binh của Phụ. Dung nhảy vào thuyền của Phụ, muốn bắt sống Phụ nhưng không nhận được mặt, Phụ vội vàng lên thuyền nhỏ trốn. Quân Minh tan vỡ đến một nửa. Thuyền bè khí giới bị đốt phá gần hết. Bọn Suý không cùng góp sức, Phụ thấy quân của Dung ít, lại trở lại đánh, quân của Dung tan vỡ, từ đấy chỉ ẩn nấp ở trong hang núi.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Trận đánh ở Thái Già, Đặng Dung, Nguyễn Suý, đem toán quân cô đơn sau khi thất bại, để địch với quân giặc hung hãn. Ban đêm Dung ra đánh úp dinh của giặc, tướng giặc kinh sợ phải chạy, đốt hết thuyền bè khí giới, nếu không có tài làm tướng thì sao được như thế? Nhưng cuối cùng phải bại vong là do trời đấy; tuy bại nhưng vẫn vẻ vang. Vì sao? Vì bọn Dung giữ nghĩa khí không cùng sống với bọn giặc, phải giết cho kỳ được bọn giặc. Cho nên phải hết lòng hết sức giúp đỡ vua Trùng Quang để mưu đồ khôi phục* ***<26a>****. Trong khoảng 5 năm đánh nhau với giặc, dù có khi bất lợi, nhưng chí vẫn không nao núng, mà càng hăng hái đến kiệt sức mà thôi. Lòng trung của người bề tôi vì nước, hàng trăm đời sau vẫn còn tưởng tượng được. Trước kia nước Lỗ đánh nhau với nước Tề ở Càn Thì, [Lỗ] bị thua, thánh nhân (Khổng Tử) khôngvì thua mà dấu, đặc biệt chép ra để tỏ sự vinh quang là khen đánh kẻ thù đấy, chứ không bàn đến thắng hay bại. Thế thì trận đánh ở Thái Già quân Minh tan một nửa, quân ta kiệt sức rồi mới thua, vẻ vang lắm thay!*

---

[1] Nguyễn Biểu: Người huyện La Sơn, tỉnh Nghệ An.

Mùa đông; tháng 10, Trương Phụ nhà Minh lấy Đô đốc là Hoàng Trung làm quân đi trước thăm dò, ngăn vùng thượng lưu. Nguyễn Suý sai ba thích khách đội cỏ theo dòng nước đến bên thuyền của Phụ. Một người trèo phía mũi thuyền, hai người trèo lên phía cuối thuyền, Phụ biết tìm bắt được hai người, giết chết một thả ra một và còn cho tiền bạc. Hôm sau, họp các tướng. Hoàng Trung nói không hợp ý Phụ, Phụ bực tức bèn kể tội phòng bị không cẩn thận để đến nỗi xảy ra việc thích khách rồi chém Hoàng Trung, các tướng đều sợ tái mặt.

Tháng 11[1], <26b> Nguyễn Cảnh Dị, Đặng Dung bị Trương Phụ nhà Minh bắt được. Cảnh Dị chửi thẳng vào mặt Trương Phụ rằng: "Ta muốn giết mày, lại bị mày bắt". Chửi liên hồi không ngớt, Phụ tức quá giết chết lấy gan ăn.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Chính khi ở trong trời đất không phân biệt xưa hay nay, nam hay bắc, ở trên trời là mặt trời ngôi sao, ở dưới đất là sông núi. Cái linh khí chung đúc vào người là bậc thánh hiền, hào kiệt, trung thần, nghĩa sĩ, liệt nữ tiết phụ. Thánh nhân là hơn rồi còn hiền nhân trở xuống thì phú, quý, lợi, dục không thể làm cho động tâm, gió mưa sấm sét không đủ làm cho sợ hãi, quỷ thần không dám gần, coi sự sống chết là tầm thường can qua tiết việt há có thể huỷ diệt được sương giá và tiêu huỷ được vàng đá hay sao? Cứ xem lời Nguyễn Biểu, Cảnh Dị mắng giặc, chửi giặc lẫm liệt như sấm sét đánh vào các vật, như sương giá giết chết cỏ cây. Tưởng tượng cái khí tiết hừng hực sánh cùng với mặt trời ngôi sao sông núi quanh quất với nhau, hai ông có lẽ là như chưa từng biết* ***<27a>*** *đấy. Giặc Trương Phụ như thế có thể lấy lễ mà bảo toàn ông, thì ông cũng không nhận cái việc để cho mình sống. Thế mà đã giết đi, lại còn ăn gan. Than ôi thật là tên giặc tàn nhẫn.*

Vua Trùng Quang chạy sang Lão Qua, phái tướng chỉ huy là Sư Hựu đánh phá 3 cửa ải của vua, bắt được, đưa đến cửa quân, người Thuận Hóa đều hàng, nhà Trần mất (Có sách chép là Cảnh Dị đóng ở đồn Hải Môn bị người Minh bắt được, khi đó Đặng Dung đóng quân ở Thần Phù, Trương Phụ đem quân vây, Dung thua chạy, người Minh tìm vua Trùng Quang bắt được rồi bắt luôn cả Dung. Nguyễn Suý nghe tinbảo vợ rằng: "Bề tôi thờ vua, sống chết cũng theo vua. Sống thì hưởng

---

[1] ĐVSKTT chép là tháng 2.

lộc, chết nên cùng chịu nạn. Nay vua ta bị bắt mà ta cầu thả cầu may cho khỏi nạn thì sống để làm gì". Rồi bèn tìm gặp vua Trùng Quang cùng ôm nhau mà khóc. Người Minh lấy làm lạ và khen là khí tiết bậc trung thần xưa nay chỉ có một hai người mà thôi).

Trước kia nhà hậu Trần khởi binh để khôi phục. Quan trấn phủ cũ là Phan Quý Hựu có công bày kế hoạch giúp đỡ, được thăng dần đến chức Thiếu Bảo. Đến khi Trương Phụ đánh cướp Nghệ An[(1)] vua Trùng Quang chạy vào Hóa Châu, Quý Hựu đầu hàng giặc, Phụ mừng lắm, được mươi ngày Quý Hựu **<27b>** ốm chết. Phụ cho con là Liêu làm Tri châu Nghệ An, ban thưởng cho người nhà rất hậu. Liêu nói hết với Phụ về tình hình tướng văn, võ ai giỏi ai không, binh số nhiều hay ít, nước sông hiểm trở hay dễ dàng, do đấy Phụ quyết định đánh Hóa Châu.

Trên đây là 12 đời vua nhà Trần, bắt đầu từ năm Bính Tuất [1226] đến năm Kỷ Mão [1399], cộng là 174 năm và hai đời vua nhà hậu Trần, 7 năm.

> ***Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn:*** *Vua Trùng Quang với một lữ quân mưu khôi phục nước, trong lúc loạn lạc lưu ly, cũng như lấy một cây gỗ để chống cả một tòa nhà đã nghiêng đổ. Há lại không biết rằng, thế không thể cứu vãn được hay sao? Nhưng hãy làm hết trách nhiệm mà mình nên làm, may ra có thể kéo lại được mệnh trời đấy? Còn như bị giặc bắt đem về, giữ nghĩa không chịu nhục đành nhảy xuống nước chết, cùng mất với nước. Đúng như câu nói: "Quốc quân chết vì xã tắc". Vua thực là người như thế. Còn các bề tôi của vua* **<28a>** *như Cảnh Dị chửi giặc muốn cho chóng bị giết, Nguyễn Biểu kể tội ác của giặc rồi chết, tất cả đều rạng rỡ đáng khen. Hồ Ngạn Thầnvâng mệnh đi sứ làm nhục mệnh vua đã bị giết rồi. Phan Liêu nói cho giặc biết tình hình mạnh yếu của đất nước, tuy tránh được cái chết lúc bấy giờ, nhưng sau lại bị Lê Thái Tổ ta giết. Ôi! Những kẻ bề tôi trung với nước dù chết vì nghĩa cũng không có tội gì, mà tiếng thơm còn mãi; những kẻ bất trung phản quốc cũng chẳng tránh được cái chết mà còn để lại tiếng xấu đến nghìn năm. Đúng như thế đấy!*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Vua Giản Định, vua Trùng Quang đều là con cháu của Nghệ Tông, vua Giản Định nhu nhược, mê muội, tài trí đều kém. Trần Triệu Cơ tôn phò lên để nối lại cái cơ*

---

(1) Nghệ An: Nay là đất thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

nghiệp đã bị đứt, bọn Đặng Tất, Nguyễn Cảnh Chân dìu dắt để chống lại nước láng giềng đương mạnh; chiến thắng ở Bô Cô đã hơi gây được thanh thế, nhưng đã ngờ người trung, nghe kẻ nịnh, bỏ vuốt nanh của mình cho kẻ thù được khoái, tự chuốc lấy bại vong <28b> chẳng đáng nói nữa. Vua Trùng Quang trỗi dậy trong bước đường cô quạnh. Người nâng bên hữu, đỡ bên tả cũng chỉ có hai tướng họ Nguyễn họ Đặng, ngoài ra đều là người, xem điều mình sơ hở khi ra đánh, khi vào giữ chỉ là một góc xứ Nghệ Diễn. Ngoài ra không còn đất dụng võ góc núi bãi biển, lặn lội gian nan. Chiến thắng ở Bến La, Bình Than không đủ bù được thất bại ở Linh Trường, Nguyệt Thường. Vua Trùng Quang đánh nhau với quân Minh thường bị thua ở cửa biển Linh Trường và sông Nguyệt Thường. Quân theo nghĩa thì gần như hết, sứ cầu phong thì không về. Chí khí của Đặng Dung, Nguyễn Suý tuy không nhụt nhưng bọn giặc bạo ngược thường chiếm mất sự thuận tiện. Nơi hiểm trở ở Thuận Quảng như đủ để nương tựa được, nhưng bọn thổ tù làm phản đã dẫn hình thế cho giặc. Trời chán ghét đạo đức nhà Trần cho nên đã bẻ gẫy lông cánh mà còn quăng vào lưới bẫy. Tai nạn ở Lão Qua há chẳng có phải là tội do người làm ra đâu! Giữa đường nhảy xuống nước chết là vì nghĩa không chịu nhục. Vua chết vì nước, bề tôi chết vì vua. Trang Định có con có thể làm cho nhà Trần khi mất nước được rạng rỡ hơn nhà hậu Thục, cuối thời Minh nhiều lắm. Thành công thất bại, hưng thịnh, <29a> suy vong vốn là việc xoay vần xưa nay, chẳng phải là việc cần bàn.

KỶ THUỘC MINH

Giáp Ngọ [1414] (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 12), mùa xuân, tháng Giêng, Trương Phụ, Mộc Thạnh nhà Minh chiêu vời vỗ về dân chúng phủ Tân Bình, Thuận Hoá, chia đặt quan cai trị cùng làm việc với thổ quan. Thu khám nhân khẩu làm sổ hộ khẩu phủ Thăng Hoa, tuy có đặt quan nhưng Chiêm Thành vẫn có trưởng lộ chiếm giữ, người Minh chỉ ghi tên không mà thôi.

Lúc bấy giờ, quan chức ở Kinh lộ có người trốn giặc theo Trùng Quang để đi Hóa Châu, có người mang theo cả nhà sang Lão Qua, sang Chiêm Thành. Còn lại những người ở trong nước đều làm thần thiếp cho giặc Minh.

Mùa hạ, tháng 4, vua Trần là Trùng Quang băng ở dưới nước. Đồng bình chương sự Đặng Dung, Thái phó Nguyễn Suý đều chết theo vua. Mối đầu Trùng Quang đế bị bắt từ Lão Qua đưa về Đông Quan, cùng cả Nguyễn Suý, Đặng Dung. Các quan phủ, châu, huyện mang **<29b>** lễvật cờ trướng nhảy xuống nước chết; Dung nhảy xuống nước chết theo, Suý trông thấy vua Trùng Quang đế đã nhảy xuống nước chết, hàng ngày cùng người coi giữ mình đánh cờ, dần dần quen, Suý lấy bàn cờ đánh người ấy ngã xuống nước chết, rồi nhảy theo, Quốc thống thế là thuộc nhà Minh.

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Tôi đọc Bắc sử thương than rằng: Gia Cát Vũ Hầu(1) không sinh vào hai thời Hán mà lại sinh vào cuối thời Linh Đế. Hiến Đế; Văn Sơn Thừa tướng không sinh vào thời Bắc Tống mà lại sinh vào cuối thời Đoan Bính. Mạnh Tử nói: 500 năm thì có bậc tu giả nổi lên, thời gian đó tất có bậc nổi tiếng ở đời; bậc nổi tiếng ở đời sinh ra thì làm sao họ lại không gặp thời? Ý là trị loạn, còn mất, về lý số thường có sự chờ đợi lẫn nhau. Kinh Thi có câu: "Duy Nhạc giáng thần, sinh Phủ cập Thân" (núi Ngũ Nhạc giáng sinh bậc thần, sinh ra ông Phủ và ông Thân). Người giỏi ở đời lại gặp được lúc có bậc vương giả nổi lên là lẽ thường đấy, còn sinh ra gặp* ***<30a>*** *hội dương cửu(2), vận đạo đều bế tắc, thì dù tài lực vĩ nhân cũng không làm gì được, là số biến đổi đấy. Trời vốn không bo bo khiến cho bậc hiền tài phải sinh vào thời loạn. Vì một cây gỗ mà chống đỡ một tòa nhà sắp đổ thì dù không làm cho ngay ngắn lại được, nhưng cũng không đến nỗi đổ hẳn; một cột đá mà ngăn dòng nước mạnh, dù không thể kéo cho quay lại, nhưng cũng chưa đến nỗi tan vỡ, con cháu nhà Hán nhà Tống còn có hai vua nên không được Vũ Hầu và Văn San nối lại cái vận nước chỉ còn như sợi chỉ, thì trời cũng biết làm thế nào! Cho nên thời suy loạn thường có bậc hiền tài sinh ra, như vậy cũng không thể nói là không phải ý trời. Nhà Nhuận Hồ cướp nước, ngôi vua đã không thuộc nhà Trần. Sau thời hai vua Hồ, nhà Trần lại chưa mất được* **7** *năm, trời đã phải sinh ra cha con Đặng Tất, Đặng Dung, Cảnh Chân, Cảnh Dị và Nguyễn Suý làm người phụ tá cho Hưng Khánh, Trùng Quang. Năm người ấy không sinh ra thì nhà Trần không tạm hồi phục; năm người ấy*

---

(1) Tức Khổng Minh, tướng nước Thục thời Tam Quốc.

(2) Hội dương cửu: Theo số Thái Ất thì 456 năm là 1 dương cửu. Gặp năm dương cửu sẽ có nhiều tai biến.

không chết thì nhà Trần cũng chưa mất. Ý trời há phải là ngẫu nhiên đâu! Cứ xem Đặng Tất, Cảnh Chân bị hại vì Hưng Khánh, Đặng Dung, Cảnh Dị lại lập một vua, cố sức với nhà Trần, lặn lội vất vả, sống chết cũng liều, chỉ biết có nước mà chẳng biết có nhà, biết có vua mà không biết có thân, Đặng Dung tự mình nhảy lên thuyền giặc muốn bắt sống giặc mà không nhận được mặt; Nguyễn Suý sai thích khách giết giặc Phụ, một người trèo lên mũi thuyền, một người trèo lên đuôi thuyền, gươm giáo chật đất, sức cùng lực kiệt mà chí khí vẫn hăng; đùa với rồng rắn, hét với hổ lang, coi thường như vật trong nắm tay, thề không sống cùng bọn giặc ấy, dũng cảm, oanh liệt biết nhường nào! Bậc anh hùng cái thế không dựng được công nghiệp phi thường mà đều ôm hận với cái chết, hàng trăm đời sau ai không phục chí các ông là mạnh,tiết các ông là cao. Vận đời đến như thế thì bậc nhân tài không chuyên lấy công nghiệp mà bàn được đấy.

<31a> Mùa thu, tháng 7, Trương Phụ nhà Minh sức cho các phủ châu huyện rằng: Phàm quân dân bắt được các loại người như đầy tớ, đàn bà, con gái trốn tránh ở các xứ đều bắt đem về cửa quân. Các quan sở tại săn đón ý của thượng ty bắt nhiều dân lưu tán giải đến.

Tháng 8, Trương Phụ, Mộc Thạnh, Trần Hợp nhà Minh về Bắc chia quân trấn giữ.

Tháng 9, Hoàng Phúc nhà Minh yết bảng nói rõ cho các phủ, châu, huyện, phải lập văn miếu và đàn thờ xã tắc, gió mây, sông núi và các thần không ai thờ để theo thời tiết làm lễ tế.

Nhà Minh cấm con trai, con gái không được cắt tóc, phụ nữ mặc áo ngắn, dài tay đều giống trang phục phương Bắc (xét việc cắt tóc vẽ mình nước ta từ thời Trần về trước vốn có tục đó, từ thời Trần về sau, bậc hạ lưu vẫn tôn chuộng đô vật khoẻ mạnh, lính có người thích vào trán và cắt tóc. Nay các đô vật ở Giao Thủy đều cắt tóc. Tục cũ vẫn chưa thay đổi là vì khoẻ mạnh đấy).

Mùa đông, tháng 10, nhà Minh mở đặt trường học và đưa giấy cho tìm những nhà Nho học, thầy thuốc, nhà âm dương và tăng đạo, hạ lệnh cho phủ, châu, huyện lấy lễ mà mời là theo lời nói của Hữu tham nghị Bành Đạo Tường đấy!

<31b> Nhà Minh khai khẩn ruộng để lấy lương, trồng dâu để lấy tơ, mỗi hộ một mẫu khai là 3 mẫu. Từ đấy về sau khuyến khích hộ khẩu thêm ruộng mỗi hộ 10 mẫu, (3 sào gọi là 1 mẫu, kỳ thực 10 mẫu chỉ là 3

mẫu). Mỗi mẫu thu 5 thăng lúa, đất bãi mỗi hộ thu 2 lạng tơ, mỗi cân tơ dệt 1 tấm lụa.

Ất Mùi [1415] (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 13), mùa thu, tháng 8, nhà Minh mở công trường lấy mỏ vàng, bạc, bắt phu đãi lấy và bắt voi trắng, lặn mò trân châu, thuế khóa rất nặng, dân không biết lấy gì để sống, ruộng muối ở biển cấm dân bán riêng, đều sai nội quan coi giữ. Còn lập ra cục sứ, cục phó ở mỗi trường, chia nhau cai quản, ở phủ, châu huyện đặt ty thuế khoá, ở vùng bờ sông đặt Chánh sứ, phó sứ.

Nhà Minh thi hành phép lấy muối, trước hết ra lệnh cho Chánh phó sứ đôn đốc người đun muối mỗi tháng được bao nhiêu đưa nộp ty để cử thu chứa lại. Nội quan mộ người buôn bỏ tiền lãnh giấy khám hợp(1) của ty Bố chánh. Khám hợp lớn thì lấy 10 cân muối, khám hợp nhỏ **<32a>** khai lấy 1 cân muối. Người không có giấy khám hợp mà bán muối thì xử lý giống như phép bán muối lậu; lại cấm cả người đi đường chỉ được phép đem 3 bát muối và 1 lọ mắm mà thôi.

Tháng 9, Hoàng Phúc nhà Minh sai quan pháp áp giải các tăng đạo, nhà nho, thầy thuốc, nhà âm dương học ở phủ, châu, huyện về Yên Kinh, trao cho quan chức rồi đưa về nha môn của mình làm việc. Lại ra lệnh cho quan ty sở tại cấp lệ phí và người đưa đường. Nếu không có thì bị trừng trị. Trên đường đi phải cấp lương ăn và phương tiện.

Mùa đông, tháng 10, Tổng binh nhà Minh là Trương Phụ, với chức Chinh lỗ phó tướng quân, sang trấn giữ.

Nhà Minh mở đường thủy Vĩnh Yên, Vạn Ninh, đặt trạm đón đưa thủy quân thẳng tới Khâm Châu, lại đặt trạm ngựa thẳng đến Hoành Châu(2).

Bính Thân [1416] (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 14), mùa xuân, tháng Giêng, người Minh bắt đầu đưa các thổ quan văn võ và kỳ lão sang Yên Kinh, đổi giấy của Tổng binh, dùng giấy thiếp vàng của bộ, để thực trao quan chức. Thăng cho quan Tham nghị Nguyễn Huân làm **<32b>** Tả bố chính sứ, Tri phủ Lương Nhữ Hốt, Đỗ Duy Trung làm Tham chính. Còn những người khác thì thăng làm các chức Tri phủ, Đồng tri phủ, Tri châu, Đồng tri châu, Tri huyện. Nhân đó ban sắc thư cho họ (Đại lược sắc thư rằng: "Trước đây bình định Giao Chỉ, các ngươi biết tỏ lòng thành gắng làm việc nghĩa, hướng về triều đình. Trẫm khen lòng thành

(1) Giấy khám hợp: Giấy chứng nhận có đóng dấu được cắt làm 2 nửa, người được phép cầm một nửa, quan nha giữ một nửa

(2) Hoành Châu: Thuộc phủ Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

của các ngươi, trao cho quan chức. Từ khi các ngươi nhận mệnh lệnh đến nay, đã hết lòng hết sức, đem lòng trung giết kẻ phản nghịch, giữ yên bờ cõi, cố làm tròn chức phận, đã nhiều lần thăng thưởng để biểu dương công trạng của các ngươi. Nay các ngươi đến cửa khuyết triều công, trẫm yêu quý lòng thành này, đáng được khen thưởng. Nay đặc biệt thăng các ngươi làm quan chức... Các ngươi cần gắng lòng trung thành, giữ gìn tiết nghĩa bề tôi, vỗ về khuyên bảo cho dân yên nghiệp làm ăn, cùng hưởng phúc thái bình, thì trời cũng giúp cho, lại hưởng nhiều tước lộc, mãi đến đời con cháu, mà tiếng thơm của các ngươi cũng mãi mãi còn trong sử sách".

Tháng 2, Trương Phụ nhà Minh đưa công văn duyệt danh số thổquân lấy một phần ba hộ trong dân, chia lệ thuộc vào các vệ sở. Mỗi hộ định mức 3 đinh. Từ Thanh Hóa trở vào Nam, dân đinh thưa thớt, nên mỗi hộ định mức 2 đinh. Không phải vệ sở là nơi quan trọng, thì cũng lập đồn luỹ lấy dân binh coi giữ.

Tháng 9, quân ở huyện Tân Yên nổi lên Trương Phụ dẹp yên được.

Nhà Minh chiêu dụ các quan cũ của triều trước, giả cách bổ đi các nha môn quân <33a> làm việc, rồi đưa về Yên Kinh giữ lại. Bọn đua chen vốn không phải là quan cũ, chưa được thực giao quan chức cũng hăng hái ra, trong nước trở nên trống rỗng. Ở vài năm thấy gian khổ thỉnh thoảng họ lại trốn về.

Nhà Minh bắt đầu đưa các thể lại đi, ai đầy 9 năm thì giữ lại nha môn ở Kinh làm việc, ai chưa đủ thì cho về.

Đinh Dậu [1417] (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 15), Nội quan nhà Minh là Mã Kỳ tâu rằng: "Tổng binh là Trương Phụ ở Giao Chỉ chọn những người thổ khoẻ mạnh làm Vi tử thủ[1] vua Minh nghi bèn gọi Phụ về, cho Phong Thành hầu là Lý Bân với chức Tổng binh chinh di đại tướng quân sang giữ thay.

Nhà Minh sai Giám sát Ngự sử chia nhau giữ việc với tuần sát bắt đầu từ đấy.

Binh bộ Thượng thư nhà Minh là Trần Hợp lại giúp việc tổng binh quân chính.

Nhà Minh định lệ hằng năm tiến cống các sinh viên nho học xung vào Quốc Tử Giám. Phủ học mỗi năm 2 người, châu học mỗi năm 3 người, huyện học mỗi năm 1 người. Sau lại quy định phủ học <33b> mỗi năm 1 người, châu học 3 năm 2 người, huyện học 2 năm 1 người.

---

(1) Vi tử: Người làm việc nơi quan phủ.

Bộ lại khám hợp lệnh cho hai ty Bố chánh và Án sát cùng quan huyện, châu, phủ ở Giao Chỉ hẹn đến mồng 1 tháng Giêng sang năm đến kinh chầu hầu không kể là chánh hay tá. Những ai làm việc nhiều năm thì đem cả quan lại thủ lĩnh cùng đi. Lại khám các hạng hộ khẩu ruộng đất, lương thực, trong 3 năm từ tháng 7 năm Giáp Ngọ, đến tháng 6 năm ấy, lập sổ tu tri(1) tiến trình để khảo cứu.

Hoàng Phúc sức cho hào phú thổ quan là bọn Nguyễn Huân, Lương Nhữ Hốt, Đỗ Hy Vọng, Lương Sĩ Vịnh, Dương Cự Giác đều đem người nhà tới Yên Kinh phục dịch dựng cung đình. Vua Minh nói là người phương xa đến gian khổ, ưu đãi cho về.

Mậu Tuất [1418] (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 16), mùa xuân, tháng Giêng, Lê Lợi người Thanh Hóa dấy binh ở Lam Sơn(2) xưng là Bình Định Vương. Vương bắt đầu làm chức Phụ đạo (tên quan thổ tù) đời đời là bậc hào trưởng ở Lam Sơn, trước đây theo vua Trùng Quang <34a> được giao chức Kim ngô vệ tướng quân, khi vua Trùng Quang thua, Vương lui về Lam Sơn, Hoàng Phúc vời Vương đến trao cho chức thổ quan Tuần kiểm, Vương thấy quân Minh hà khắc, bạo ngược. Vương bèn nảy chí dẹp loạn, từng bảo mọi người rằng: "Bậc trượng phu sinh ra ở đời, phải cứu nạn lớn lập công to, để lại tiếng thơm muôn thuở, chứ đâu lại cứ hèn nhát cho người ta sai khiến". Bèn xướng xuất các bậc hào kiệt, giương cờ nghĩa ở Lam Sơn, tự lập làm vua. Cho cháu chú bác của vua là Thạch làm Tướng quốc chia đặt các tên quan văn võ, truyền hịch đi khắp nơi xa gần hẹn diệt giặc Minh. Nhà Minh sai bọn Nội thần là Mã Kỳ đem quân vây Lam Sơn, vua lui quân đóng ở Lạc Thủy(3) cho quân mai phục để đợi Kỳ đến vua tung quân xông ra đánh. Lê Thạch và các tướng là bọn Đinh Bồ, Lê Ngân, Lê Lý tranh nhau tiến lên trước hãm trận, giết quân Minh thu được quân khí không thể kể xiết. Thế nhưng vua có tên tướng phản bội dẫn quân Minh đánh úp phía sau, quân của vua bị tan vỡ, về giữ Lam Sơn.

Tổng binh là Lý Bân lại dẫn quân đến tìm quân mai phục của vua ở Mang Văn, quân của vua dùng tên thuốc độc bắn ra chúng chết và bị thương quá nửa, Bân thua phải rút về (theo sử cũ, vua Lê khởi binh năm Mậu Tuất, không chép việc xưng vương đặt quan, dã sử chép: Khi Lê Thái

(1) Sổ tu tri: Sổ ghi số hộ khẩu, ruộng đất, lương thực cần phải biết để nắm tình hình.

(2) Lam Sơn: Tên làng. Thuộc huyện Thụy Nguyên, tỉnh Thanh Hóa.

(3) Lạc Thủy: Nay là Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

Tổ khởi binh xưng là Bình Định Vương, sách Thù tục chu tư lục cũng chép như thế. Nay chọn dùng cho đủ sự thực của sử biên niên). Nhà Minh làm cuộc trưng thu hồ tiêu rất lớn. Trước đây nhà Minh ra lệnh cho phủ, châu, huyện phải trồng hồ tiêu, đến bấy giờ sai Nội quan là Lý Lượng thu nộp cho quan, đốc thúc nghiêm ngặt, mỗi cây trị giá 5 quan tiền; dân chúng rất khổ. Nhà Minh sai Hành nhân Hạ Thanh. Tiến sĩ Hạ Thì sang tìm lấy các sách ký chí của nước ta còn sót. Nhà Minh thiết lập trường sở hạt châu; thu hương liệu, bắt các loài vật như chồn trắng, hươu trắng, voi trắng, rùa 9 đuôi, chim đảo quải[1]. vượn trắng má, trăn... để dâng. Nội quan Sơn Thọ bắt dân bắt voi trắng ở Tam Trĩ, Tĩnh An[2]. Bắt được đóng yên bằng bạc đưa về Yên Kinh. Các quan nội ngoại dâng biểu mừng.

Kỉ Hợi [1419] (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 17), mùa xuân, tháng 2, nhà Minh sai Giám sinh là Đường Nghĩa ban cho các sách **<35a>**Tứ thư Ngũ kinh, tính lý đại toàn, vi thiên âm chất, hiếu thuận sự thực cho các nhà Nho học ở các phủ châu huyện. Lại lập tăng học, truyền Kinh Phật ở ty tăng đạo.

Nhà Minh ban cấp hộ thiếp[3]; Lý Bân tâu xin bộ Hộ lập sổ vàng quy định việc thuế khóa và sai dịch. Ban hành lý trưởng giáp thủ ở châu, huyện quanh năm lo việc hành pháp. Đại khái lấy 110 hộ làm một lý; mỗi năm đặt 1 người Lý trưởng, 10 người Giáp trưởng để làm việc, hết lượt lại cử từ đầu. Người làm Lý trưởng, Giáp trưởng thường bị roi vọt, khổ không kể xiết.

Mùa hạ, tháng 4, Bình Định Vương đánh đồn Nga Lạc[4], bắt được chỉ huy là Nguyễn Sao chém chết.

Mùa thu, tháng 7, Tri phủ Nghệ An của nhà Minh là Phan Liêu làm phản. Liêu bị Nội quan bức hiếp lấy vàng bạc, bèn đem quân bắt giết lưu quan (nhà Minh đặt lưu quan, lại bảo do bộ Lại xét tuyển bổ nhiệm, thổ quan dùng thổ hào làm, thổ lại cũng dùng người thổ) đem quân vây thành Nghệ An[5]. Thành sắp bị hãm, Lý Bân chợt đem quân đến. Liêu

---

[1] Chim đảo quải: Loài chim lúc đậu thường thả mình xuống dưới, 2 chân bám vào cành, treo ngược mình.

[2] Tam Trĩ, Tĩnh An: Tên châu, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

[3] Hộ thiếp: Do bộ hộ đặt ra khi làm hộ khẩu trong thiên hạ, sổ hộ khẩu để ở bộ Hộ còn hộ thiếp giao cho dân giữ để khi kiểm tra, nếu hộ thiếp thừa người nào thì người đó phải đi lính.

[4] Nga Lạc: Tên huyện, nay là huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

[5] Thành Nghệ An: Thành do người Minh đắp. Nay thuộc tỉnh Nghệ An.

chạy sang Ai Lao, Bân đuổi đến Ngọc Ma[1] không kịp rồi quay về. Đồng Tri châu châu Tam Đái là Phan Phi, Đồng Tri châu phủ Trấn Man là Phan Kiệt là anh họ của Liêu nghe tin Liêu chạy trốn, đem gia thuộc chạy theo, chưa ra khỏi bờ cõi đều tự thắt cổ chết.

Mùa đông, tháng 11, quân các xứ Hạ Hồng[2], Tân Minh[3] Khoái Châu, Hoàng Giang nổi dậy. Khi đó giữ thành Đông Quan chỉ còn những người gầy yếu. Các thổ hào ở Hạ Hồng là Trịnh Công Chứng, Lê Hành; người ở Tân Minh là Phạm Thiện, người ở Khoái Châu là Nguyễn Trì[4]; người Hoàng Giang là Nguyễn Đa Cấu; Trần Nhuế đều dấy binh ngược dòng Lộ Giang, đánh phá cầu phao, bị Lý Bân đánh bại, nhưng khắp nơi nổi lên như ong, châu huyện rối bời, chỉ còn các xứ Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hóa hơi yên mà thôi.

Canh Tý [1420] (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 18), mùa hạ, tháng 4, chihuy nhà Minh là Lộ Văn Luật[5] làm phản, khởi binh ở Thạch Thất. Trước kia Lý Bân đi đánh Phan Liêu, sai Luật làm quân tiên phong. Khi đã đi, lại lưu lại để bàn bạc, Luật tự ngờ trốn về Thạch Thất khởi binh làm phản, Lý Bân về Đông Quan đánh tan được, Luật chạy sang Ai Lao, nhân dân trốn tránh vào các hang núi Phật Tích, Yên Sầm. Giặc Minh dỡ nhà **<36a>** người trong động bị hun chết, người ra hàng cũng bị giết hết, vợ con bị bắt làm nô tỳ.

Tháng 6, nhà Minh sai Vinh Xương bá là Trần Trí sang trấn thủ, cho Hùng Tông Lỗ làm Hữu tham nghị. Tông Lỗ là đứa bần tiện đã từng giữ chức Tham nghị Giang Tây nhân đó đổi chức ấy.

Thổ hào ở Đồ Sơn Phụng Hóa là Trần Thái Xung, Phạm Ngọc khởi binh bị Lý Bân đánh bại.

Lê Ngã người Thủy Đường[6] làm loạn. Ngã giả xưng là cháu 5 đời của Duệ Tông từ Lão Qua về. Phụ đạo Đan Ba[7] là Bế Thuấn gả con gái cho rồi lập lên, trong khoảng một tháng mộ được vài vạn người, tiếm xưng là Thiên Thượng Hoàng Đế, đặt niên hiệu là Vĩnh Thiên, đặt quan

[1] Châu Ngọc Ma: Nay thuộc tỉnh Nghệ Tĩnh.
[2] Hạ Hồng: Xưa là Hồng châu, nay thuộc tỉnh Hưng Yên.
[3] Tân Minh: Nay thuộc ngoại thành Hải Phòng.
[4] Nguyễn Trì: ĐVSKTT chép là Nguyễn Đặc.
[5] Lộ Văn Luật: Người Thạch Thất, Sơn Tây. Nay thuộc Hà Nội.
[6] Thủy Đường: Tên huyện, nay thuộc huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
[7] Đan Ba: Thuộc tỉnh Cao Bằng ngày nay.

chức đúc tiền, đốt phá Xương Giang[1] cướp bóc trại Bình Than[2] dư đảng của Trịnh Công Chứng, Phạm Ngọc đều theo, thế rồi Lê Ngã đổi họ tên là Dương Cung, có người biết Ngã là gia nô của Trần Thiên Lại (tôn thất nhà Trần). Thiên Lại đến trông thấy thì đúng như vậy, bèn truyền hịch đến huyện chung quanh tự xưng là Hưng Vận quốc thượng hầu đem quân đánh Ngã **<36b>** bị Ngã giết chết.

Lý Bân đem đại quân thủy bộ đến đánh, Ngã và Thuấn đều trốn, quân còn lại tan tác hết.

Nguyễn Thuật người Kiến Xương khởi binh đánh Hoàng Giang bắt Tả Tham chính nhà Minh là Hầu Bảo giết đi.

Mùa đông, tháng 10, Đồng tri châu Quỳ châu nhà Minh là Cầm Lạn dẫn bọn Lý Bân, Phương Chính đem 10 vạn quân đánh Bình Định Vương ở Mường Thôi. Vua đánh bại chúng. Trước đó vua chiếm cứ Lam Sơn, người Minh dò la mãi. Vua tự biết thân cô thế cô, chưa thể địch nổi, bèn bàn với các tướng tá rằng: "Ai có thể đem thân thay ta để giặc Minh bắt, khiến cho ta được ẩn tích tạm nghỉ quân để thu thập quân sĩ lo cử binh đợt sau?" Lê Lai xin đảm nhận, vua bèn vái trời khấn rằng: "Lê Lai đem thân thay chủ, sau này nếu không ghi đến công thì xin nguyền điện cỏ hóa thành rừng núi, ấn báu hóa thành đồng, kiếm thần hóa thành đao, sắt". Lai bèn đem quân đến thành Tây Đô khiêu chiến, tự xưng là Bình Định Vương. Giặc Minh dốc quân ra bao vây, bắt về **<37a>** xử cực hình. Từ đấy các nơi thuộc thành Đông Quan đều truyền tin là Bình Định Vương đã chết. Nhờ đó Vua được nghỉ ngơi vài năm, giặc Minh không để ý nữa. Đến bấy giờ vua lại chuyển đóng ở Mường Thôi. Bọn Bân, Chính đến thẳng bao vây chặt. Vua cho quân mai phục đánh ở Thi Lang[3], 2 người chỉ chạy thoát được thân. Vua tiến đóng ở sách Ba Lẫm thuộc Lỗi Giang[4]. Bọn tướng nhà Minh là Tạ Phương và Hoàng Thành bỏ đồn Nga Lạc về đóng ở trại Quan Du để giữ thành Tây Đô, cố thủ không dám ra. Vương chia sai bọn Lê Sát, Lê Hào tiến đánh phá tan do đấy các huyện bên cạnh cùng hưởng ứng, thế quân rất mạnh.

Nhà Minh xá tội lặt vặt và tội chết cho quân dân quan lại ở các châu, huyện cho nộp lương để tích trữ lương thực ở biên giới.

---

[1] Thành Xương Giang: Do người Minh đắp thuộc địa phận tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

[2] Trại Bình Than: Thuộc địa phận tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

[3] Thi Lang: Một địa điểm gần căn cứ nghĩa quân Lam Sơn.

[4] Lỗi Giang: Thuộc địa phận huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Nhà Minh miễn quan lại về chầu, Hoàng Phúc tâu xin đình lại vì địa phương chưa yên.

Tân Sửu [1421] (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 19), mùa xuân, tháng Giêng, nhà Minh xây dựng xong điện Phụng Thiên ở Yên Kinh. Vua Minh ngự chính điện <37b> để các quan vào chầu, ban chiếu cho các quan phủ, châu, huyện đến mừng. Sau vì điện bị cháy nên thôi.

Nhà Minh bắt đầu lấy người đã hoạn sung làm việc ở nội phủ (chế độ nhà Trần Nội Thư Hỏa thuộc Khu Mật viện, chủ yếu nắm việc văn thư, bút thiếp. Đến bấy giờ bắt đầu lấy để sung vào các thuộc viện).

Mùa hạ, tháng 6, ở Tam Giang lụt lớn.

Tổng binh nhà Minh là Lý Bân, Nội quan là Lý Lương bắt sinh viên huyện Giáp Sơn là Phạm Luận đưa về Yên Kinh tống vào ngục. Trước đây Lê Ngã chạy trốn, vua Minh ban chiếu trách quan địa phương để mất giặc. Bọn Bân bắt Phạm Luận, cho rằng Phạm Luận vờ cho Lê Ngã đi để lấp chiếu mệnh. Tri huyện Giáp Sơn(1) là Đặc Khiêm làm chứng nói là không phải Ngã, Bân không nghe. Khiêm đã từng lấy nhiều vàng, bạc, chiếu, cáo giao nộp tâu lên. Bân sai người chặn đường bát về. Hoàng Phúc khuyên Khiêm nên thôi, Khiêm không chịu. Bần liền bắt cả Phạm Luận và Khiêm đưa đi. Vua Minh giao cho quan pháp ty xét hỏi. Luận phải nhận tội oan, Khiêm gần chết, anh của Khiêm đánh trống đảng văn(2) được thoát. Cuối cùng Luận chết ở trong ngục.Tháng 11, Tham Tướng nhà Minh là Trần Trí đem quân đánh Bình Định Vương ở ải Kinh Lộng <38a>. Bấy giờ vua đóng ở Ba Lẫm. Trần Trí lãnh 10 vạn quân vệ binh ở Giao Châu hẹn hội với quân, voi ở Ai Lao để đến đánh. Vua không hề biết cho là quân của Trí từ xa đến phải đánh gấp, báo các tướng rằng: "Chúng đông ta ít, chúng mệt ta nhàn, binh pháp bảo thắng bại là tướng chứ không phải tại quân nhiều hay ít. Nay quân của chúng tuy nhiều, nhưng ta lấy nhàn nhã mà đối địch với quân mệt nhọc thì tất đánh tan được. Rồi chia quân ban đêm đánh úp vào doanh trại của Trí. Trí khinh quân của vua ít, lại mở đường núi tiến đánh, vua cho quân mai phục đánh kẹp lại quân của Trí lui một chút. Tù trưởng Ai Lao là Mã Sát đem quân đánh úp vua. Vua phải tự ra đốc chiến, Ai Lao thua chạy, chém chết và bắt được rất nhiều. Vua sai Lê Thạch đuổi đánh, trúng tên thuốc độc chết tại trận.

(1) Giáp Sơn: Nay thuộc địa phận tỉnh Hưng Yên.

(2) Trống đăng văn: Thời phong kiến vua cho treo 1 cái trống ở ngoài nhà chầu. Dân bị quan xử tội, nếu oan ức quá không biết kêu ai thì đến đó đánh trống vua xử lại việc.

Trước kia vua thường kết nghĩa giao hảo với Ai Lao, cứu viện lẫn nhau. Đến khi Lộ Văn Luật làm phản, giặc Minh trốn vào Ai Lao, sợ bị vua thôn tính gây nên hiềm khích, từ đấy Ai Lao cắt đứt sự giao hảo với vua.

Vương Chính và Hoàng Phúc nhà Minh dụ thổ quan văn võ về Yên Kinh để an trí. Bấy giờ thổ quan thường cầu xin thăng bổ. Bọn Phương Chính vì thấy trong nước giặc dã nổi lên hàng bầy, sợ chúng thông đồng làm loạn, thác cớ là đợi khi mãn hạn công, sai tới cửa khuyết để chọn bổ. Rồi tâu xin vua nhà Minh giữ lại.

Nhâm Dần [1422-] (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 20), mùa xuân, tháng Giêng, ngày 1, có nhật thực.

Tháng 2, Tổng binh nhà Minh là Phong Thành hầu Lý Bân chết.

Mùa đông, tháng 12, Tham Tướng nhà Minh là Phùng Quý, Mã Kỳ, Trần Trí từ Ai Lao đánh Bình Định Vương ở Đa Quan[1] bấy giờ quân của vua đánh nhau luôn nhiều người chết và bị thương lui về sách khối, không đánh nhau với giặc Minh. Nhà Minh đưa đại quân bao vây. Vua khóc bảo tướng rằng: "Nay bốn mặt đều có quân địch binh pháp gọi đó là chỗ chết, đánh mau thì sống không đánh mau thì chết". Tướng sĩ đều cảm kích liều chết đánh, bắt được Phùng Quý chém chết. Kỳ, Trí chỉ chạy thoát được thân, từ Ai Lao trốn về. Vua về chiếm cứ núi Chí Linh[2] quân sĩ hết lương, hằng ngày phải lấy rễ rau măng tre. **<39a>** Vua phải giết voi, ngựa để nuôi quân sĩ. Nhân đấy sai tướng thân cận là Lê Vận, Lê Trăn đến gặp Kỳ và Trí nhà Minh để xin hoà, bọn Kỳ, Trí thấy đánh nhau nhiều cũng không có lợi nên bằng lòng.

Nhà Minh sai An Bình bá Lý An và Trần Trí đều với chức Tham tướng trấn giữ. Lại thấy tiền, lương ở kho chi dùng nhiều, nên sai nội quan và Hộ bộ chủ sự về các châu, phủ, huyện để kiểm điểm tâu lên.

Quí Mão [1423] (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 21), mùa hạ, tháng 4, Bình Định Vương về chiếm cứ Lam Sơn. Sai tướng là bọn Lê Trăn giả hòa với quân Minh, Trần Trí nhà Minh giữ bọn Trăn không cho trở về. Vua tức giận, thôi không hòa nữa và càng phòng bị. Nhà Minh ban chiếu cho các quan lại ở phủ, châu, huyện lại làm lễ chầu hầu và dâng sổ thuộc tri (sổ đinh điền). Các lưu quan ở nha môn chỉ có một mình, thổ quan thì sai lưu quan đến cửa khuyết cho quan khác cai quản thay. Lưu

---

[1] Đa quan: Còn gọi là Quan Đa. Nay thuộc địa phận Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.
[2] Núi Chí Linh: Nay thuộc huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

quan chờ đợi hỏi việc phát vận xong mới được về nhận chức, duy có thổ quan thì cho về.

Mùa đông, tháng 11, con trưởng Bình Định Vương là Nguyên Long sinh (sau là Lê Thái Tông).

Giáp Thìn [1424] (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 22, mùa xuân, tháng Giêng, nhà Minh ra lệnh tìm mỏ bạc, nhưng chưa làm thì bỏ.

Mùa thu, tháng 7, vua Minh tự đi đánh Mông Cổ, băng ở sông Du Mộc, di mệnh truyền ngôi cho Hoàng Thái tử về đến Yên Kinh thì phát tang, miếu hiệu là Thái Tông, sau đổi là Thành Tổ.

Tháng 8, Thái tử nhà Minh là Cao Xí lên ngôi, đổi niên hiệu là Hồng Hy, đại xá, ban chiếu nói rằng: "Trẫm nghĩ trời sinh dân, lập ra vua chúa, nhân từ nuôi ức triệu thứ dân, đều được thái hoà, thống trị Trung Hoa, Di Địch đều lên nơi thịnh trị. Tiên Hoàng ta vâng mệnh trời giữ vận nước trị hóa cao hơn trăm vua; văn đức võ công, thanh danh giáo hóa ban khắp bốn biển. Gần đây vì biên giới có tin khẩn cấp, cưỡi xe rồng để tự đi đánh dẹp đến khi chiến thắng trở về thì lại lên nơi Đỉnh Hồ[1]. Di mệnh truyền lại giao ngôi báu cho kẻ hèn này nhưng đương khi đau buồn sâu sắc đâu dám vâng mệnh ngay. Các tôn thân, công hầu bá, phò mã, các quan văn võ, bậc kỳ lão quân dân và các sứ giả triều cống bốn phương, đã phủ phục dưới cửa khuyết dâng biểu khuyên lên ngôi, để khỏi bỏ trống ngôi trời, sinh dân không thể không có người làm chủ. Con trưởng nối ngôi là phép thường của nhà nước. Lời bày tỏ hai ba lần, lòng thành khẩn rất mực, cho nên kính tuân mệnh để lại, dưới theo ý dân, ngày 15 tháng 8 đã **<40a>** kính cáo trời đất tôn miếu, xã tắc lên ngôi Hoàng Ité, đón phúc lớn của tôn miếu, nhờ mưu xa của thánh thần. Nay nhân khi mới lên ngôi, phải ban bố mệnh lệnh đổi mới, lấy năm sau làm năm Hồng Hy thứ 1. Các việc như tìm vàng, bạc, lấy hương liệu ở Giao Chỉ đều đình chỉ. Các quan viên giám đốc nội ngoại sai đi, hạn trong 10ngày đều phải lên đường về Kinh; không được kiếm cớ ở lại để làm hại quân dân. Ôi! Vua tôi cùng lòng yêu dân thì tất phải khoan hồng, thưởng phạt có phép thường, trị nước trước tiên phải sáng suốt tin cẩn nhờ cậy các quan hiền tài văn võ, các bề tôi lương thiện, khắp trong ngoài, hết lòng trung trinh giúp đỡ điều trẫm không làm nổi để nối theo nghiệp lớn, cho nền móng nước được dài lâu, ban ân huệ cho nhân dân để đất nước trị bình được mở rộng, cho mọi người trông coi".

---

[1] Đỉnh Hồ: Theo truyền thuyết Trung Quốc. Hoàng đế đúc đỉnh ở Kinh Sơn. Đỉnh đúc xong, liền cưỡi rồng bay lên trời. Từ đó chữ "đỉnh hồ" được dùng chỉ vua chết.

Tháng 9, nhà Minh triệu Công bộ Thượng Thư Hoàng Phúc về, cho Binh bộ Thượng thư là Trần Hiệp sang trấn giữ, kiêm nắm việc hai ty Bố chánh và Án sát. Bấy giờ vua Minh mới lên ngôi, bề tôi trong triều nói nhiều về lợi hại của việc lấy hay bỏ đất An Nam. Vua Minh không quyết định được phải triệu Hoàng Phúc về để hỏi việc biên cương. Sắc thư nói: "Khanh là bậc lão thần trong nước đã lâu vất vả ở ngoài, trẫm luôn nghĩ tới chẳng quên, muốn được gặp khanh ngay. Khi sắc đến thì khanh chạy ngựa trạm về kinh để thỏa lòng mong chờ của trẫm". Phúc về đến nơi nói An Nam được người giỏi vỗ về ngự trị thì có thể giữ được vô sự, bèn tâu bảo cử cho thổ hào làm quan **<40b>** như Hoàng Ngân Phong, Đỗ Uy Vọng, Đỗ Cứ, Thân Bá Tuân bốn người. Lại tâu rằng các thổ lại còn quyến luyến đất quê hương để cử về kinh, phần nhiều bỏ trốn, đến khi lùng bắt lại chuyển thành giặc cướp. Xin bổ sung cho tỉnh Vân Nam để rồi chuyển dần về các nha môn làm việc. Vua Minh nghe theo.

Quân của Bình Định Vương đi vào thành Nghệ An[1] đánh bật phủ Trà Lân[2]. Lúc bấy giờ Tướng nhà Minh là bọn Trần Trí, Phương Chính, Thái Phúc, Sư Hựu đem quân vào tiếp viện Nghệ An gặp quân vua ở Trà Lân. Quân và voi của vua mai phục ở khoảng giữa rừng, nhử Trần Trí, rồi đón đánh quân Minh tan vỡ chết nằm gối lên nhau, bọn Trí cấp tốc phải chạy về thành Nghệ An cố thủ. Vua sai người chiêu dụ thổ quan ở Trà Lân là Cầm Bành. Bành cự tuyệt, cố thủ chờ tiếp viện, vua đem quân bao vây. Bọn Trí sợ dừng lại không dám ra nhưng sai người đưa thư cho vua, trả Lê Trăn về để giải vây. Vua bảo các tướng tá rằng: "Cầm Bành khốn quẫn, bọn Trí đóng lại không cứu tất là có ý sợ. Chi bằng ta giả cho hòa để **<41a>** xem tình thế. Tuần này qua tuần khác, Cầm Bành tất bắt đấy. Thế rồi Trần Trí, Phương Chính gửi thư cho Cầm Bành xin hòa với vua. Bành biết là quân tiếp viện không đến bèn mở cửa xin hàng. Vua vào thành an ủi, vỗ về tù trưởng các bộ lạc. Thu được quân của giặc tới hơn 5.000 người. Nhà Minh thấy Trà Lân bị mất lại đem quân đi đánh vua. Vua cho quân mai phục xông ra đánh cho đại bại, chém đầu không biết bao nhiêu mà kể, bắt được tướng Minh là Đô ty Chu Kiệt, chém được tướng tiên phong là Đô ty Hoàng Thành. Bọn Trần Trí thu quân còn sót chạy về, nghe được việc ấy vua Minh ban chiếu bắt bọn Phương Chính, Sư Hựu về Kinh để hỏi tội. Hựu đi đến nửa đường

---

(1) Nghệ An: Nay là đất thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

(2) Trà Lân: Thời Trần là đất Mật Châu. Sau là phủ Tương Dương. Nay là đất huyện Con Cuông, Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

uống thuốc độc chết. Phương Chính dấu việc thất bại vẫn được làm Đô Đốc Đồng Tri thăng chức Tham Tướng. Vua Minh ban sắc cho bọn Mã Kỳ lại đến khai thác vàng, bạc, châu báu và hương liệu.

Ất Tị [1425] (Minh Nhân Tông Hy năm thứ 1), mùa xuân, tháng Giêng, Bình Định Vương đem quân bao vây thành Nghệ An.

Tham Tướng nhà Minh An Bình bá là Lý An đem thủy binh từ thành Đông Quan đến cứu viện bị vua đánh bại. Lúc bấy giờ dân Nghệ An bị khổ về chính sách tàn ngược của nhà Minh, thấy vua đem quân đến, tranh nhau mang bò mang rượu ra đón và nói rằng: "Không ngờ hôm nay lại được thấy cái uy nghi của cố quốc. Tri Phủ châu Ngọc Ma[1] là Cầm Quý cũng đem quân và voi theo về, vua xếp đặt các tướng rút về đóng đồn ở huyện Đỗ Gia[2]. Bọn Trần Trí chờ bọn Lý An đến, hợp quân ra đánh. Vua đào cửa sông, cho quân mai phục ở bờ sông cố sức đánh, phá tan quân giặc, quân Minh chết rất nhiều. Trần Trí chạy về Đông Quan. Bọn Lý An vào thành Nghệ An liều chết để giữ. Vua kéo quân đến sát thành, sai Tư không là Lê Lễ đi tuần Diễn Châu (Lễ là cháu gọi vua bằng cậu, vốn họ Đinh, được vua cho đổi là họ Lê). Lễ đến thành Diễn Châu gặp Đô Ty nhà Minh là Trương Hùng dẫn hơn 300 thuyền lương từ Đông Quan đến, Lễ cho quân mai phục đánh cướp lấy. Thừa thắng bao vây thành, vỗ về dân ở ngoại thành, từ đấy người **<42a>** Thanh Hóa đua nhau đến theo. Vua và tướng nhà Minh chống cự với nhau ở thành Nghệ An lâu ngày chưa hạ được, mới bảo các tướng rằng: "Người xưa khéo điều khiển tướng là biết bỏ chỗ kiên cố mà đánh chỗ sơ hở, tránh chỗ thực mà đánh chỗ hư, thì chỉ phải dùng một nửa sức mà công sẽ gấp đôi. Nay quân Minh liều chết giữ hai thành Nghệ An và Diễn Châu; tin tức với Đông Đô đã mất từ lâu, các xứ Tân Bình[3] Thuận Hóa[4] xa xôi, thế cũng không thông với giặc, ta đem một toán quân đến đánh thì không trận nào là không thắng. Bèn sai Tư Đồ Trần Hãn, Thượng Tướng Lê Nỗ đem quân tiến thẳng đến Tân Bình, Thuận Hoá. Lại các tướng Lê Ngân, Lê Bôi, Lê Văn An đem 70 chiếc thuyền chiến vượt biển đến tiếp ứng, tướng nhà Minh là Nhậm Năng Phương đem hết quân đón chặn ở Hà Khương, bọn Ngân đón đánh tan hết, quân dân Tân Bình, Thuận Hóa đều quy thuận. Nhậm, Năng vào thành cố thủ.

---

[1] Châu Ngọc Ma: Nay thuộc tỉnh Nghệ An.

[2] Huyện Đỗ Gia: Tức huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

[3] Tân Bình: Nay thuộc tỉnh Quảng Bình.

[4] Thuận Hóa: Nay thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế và 1 phần thuộc tỉnh Quảng Nam, TP. Đà Nẵng.

Trongngoài đều ngăn trở từ thành Tây Đô đến các xứ Tân Bình, Thuận Hoá. Hiệu lệnh của quân Minh không thi hành được. Bình Định Vương có cả vùng này. Chư tướng suy tôn vua là "Đại Thiên hành hoá"(1)<42b>. Từ đó về sau yết bảng ban dụ đều dùng bốn chữ đó.

Vua Minh băng. Thái tử là Chiêm Cơ lên ngôi, đổi niên hiệu là Tuyên Đức.

Các quan phương diện(2) và các châu phủ huyện đến chầu mừng.

Bính Ngọ [1426] (Minh Tuyên Tông Tuyên Đức năm thứ 1), mùa xuân, tháng Giêng, bộ Lễ nhà Minh ra lệnh mở khoa thi hương để chọn học trò. Tổng binh và hai ty Bố Chính, Án Sát, tâu xin đình lại vì địa phương còn rối loạn. Lại xin miễn lễ chầu hầu năm sau.

Nhà Minh ban chiếu đại xá (Chiếu rằng: "Đạo lý thống trị thì trọng điều yên dân; lòng nhân thương xót nên giữ điều tha lỗi. Giao Chỉ từ khi chuộc vào quan chức phương tới nay đã 20 năm. Nhiều lần gây việc phản nghịch, nhiều lần huy động đến quân nhà vua, thì ghét cái chết, ưa cái sống, ai cũng như ai. Lao xuống vực, nhảy vào lửa, đâu phải là bản tâm. Xét kỹ nguyên do đều tại các quan không biết vỗ về, cướp đoạt không chán. Tình không thông được lên trên, ơn không thấm được xuống dưới. Đến mức khốn khổ thì sinh nghi ngờ, trốn vào núi rừng tụ tập làm loạn; xét tình là bất đắc dĩ; luận tội thực cũng đáng thương. Vậy ban ơn sâu đều cho gội rửa tất cả. Quan lại quân dân Giao Chỉ phạm tội phản nghịch đã phát giác hoặc chưa phát giác, đã trị tội hoặc chưa trị tội, đến ngày có chiếu thư ban ra thì không kể tội lớn hay nhỏ đều được xá hết. Các quân dân ở Giao Chỉ ngoài việc nộp thuế, nộp lương ra, còn việc lấy các thứ vàng, bạc, tiền đồng, muối sắt, hương liệu, thuế cá, đều đình chỉ bãi miễn. Trong vùng với nhau cho được trao đổi, quan phủ không cấm để xứng lòng thương dân của Trẫm")

Mùa thu, tháng 8, Bình Định Vương <43a> chia sai các tướng đi lấy thành Đông Quan. Lúc bấy giờ trong thành Đông Quan, sự phòng thủ đơn độc yếu đuối. Tướng Minh là Trần Trí từ Nghệ An trốn về đắp thêm luỹ, đào thêm hào để làm kế cố thủ. Các tướng tài quân mạnh còn ở Nghệ An. Vua cho là đóng quân nơi thành vững cũng chưa đánh bật ngay được, bèn sai Khu Mật Đại sứ là Phạm Văn Xảo, Thái úy là Lê Triện, Thái Giám là Lê Khả, Á hầu là Lê Bí đem quân đi tuần ở Thiên

(1) Đại thiên hành hoá: Thay trời ban hành giáo hoá.

(2) Quan phương diện: Quan chuyên đảm nhiệm một việc.

Quan[1] Quảng Oai[2], Quốc Oai[3], Gia Hưng, Quy Hoá, Đà Giang, TamĐái, Tuyên Quang chặn quân tiếp viện của địch ở Vân Nam. Thiếu úy là Lê Bí, Thái Giám là Lê Khuyên đem quân đi tuần ở Khoái Châu[4], Bắc Giang, Lạng Giang cắt đứt viện binh của Quảng Đông, Quảng Tây, Tư không là bọn Lê Lễ, Lê Xí đem quân tinh nhuệ tiến sát đến các thành của lộ Đông Đô, thanh thế rầm rộ. Trần Trí đem thư bọc sáp chạy ngựa báo cho Lý An, Phương Chính ở thành Nghệ An phải về để cứu căn bản, Lý An, Phương Chính bèn bỏ Nghệ An vượt biển chạy về Đông Quan, chỉ để lại Thái Phúc giữ thành. Vương đắp vòng vây dài sai bọn Lê Ngân, Lê Văn An vây thành **<43b>** mà tự đem đại quân thủy bộ đi gấp đường theo sau chân Lý An, Phương Chính. Quân đi đến Thanh Hóa các quận huyện đều nghe phong thanh đã đầu hàng. Đô ty Vân Nam là Vương An Lão lãnh viện binh đến cầu Xa Lộc ở Tam Giang bị bọn Phạm Văn Xảo, Lê Khả đánh bại. Lê Triện lại bắt sống Đô ty nhà Minh là Vi Lương ở cầu Nhân Mục. Vua Minh nghe tin thành Đông Quan bị nguy cấp bèn sai bọn Tổng binh Thành Sơn hầu là Vương Thông, Tham tướng là Mã Anh đem 5 vạn quân ra tiếp viện, cho 1 vạn quân Vân Nam tiến lên phía trước đến thẳng Tam Giang rồi xuôi dòng đi xuống. Bọn Lê Khả lại đón đánh tan ở Xa Lộc. Bọn Vương Thông, Phương Chính, Mã Kỳ, Sơn Thọ chia nhau thành ba đường đón đánh bọn Lê Triện, Lê Bí. Bọn Triện cho voi phục kích ở Cổ Lãm[5] (thuộc huyện Thanh Oai), cho dụ binh giả vờ chạy qua cầu Ba La (thuộc huyện Từ Liêm), giặc Minh đuổi theo sa vào bãi bùn lầy, phục binh nổi lên dàn ngang trận mà đánh bắt và giết không thể kể hết được. Phương Chính dẫn quân rút lui rồi cùng Vương Thông phục binh ở Cổ Sở[6] (thuộc huyện Thạch Thất), đan tre giả làm lá chắn, bên trong gài chông sắt, rồi vò bỏ lá chắn chạy. Quân của Triện đuổi theo, trúng phải chông không tiến được. Lê Lễ, Lê Chiến, Lê Xí ban đêm đem quân tinh nhuệ ứng cứu gặp bọn Triện ở Cao Bộ[7] (thuộc huyện Thanh Oai), về người Minh khi bấy giờ qua gián điệp ta biết là Vương Thông đặt súng ở đường tắt, bèn ra lệnh cho quân mai phục ở sông An Duyệt bắn súng để dụ quân Minh.

---

[1] Thiên Quan: Tức phủ Nho Quan. Nay là huyện Hoàng Long, tỉnh Ninh Bình.

[2] Quảng Oai: Nay thuộc Hà Nội.

[3] Quốc Oai: Nay là huyện Quốc Oai, Hà Nội.

[4] Khoái Châu: Nguyên bản chép là Khoái Giang.

[5] Cổ Lãm: Nay thuộc Hà Nội.

[6] Cổ Sở: Nay thuộc Hoài Đức, Hà Nội.

[7] Cao Bộ: Nay thuộc Hà Nội.

Bọn Vương Thông nghe súng dẫn toàn quân vào sâu, chưa được vài dặm bỗng quân mai phục xông ra đánh ở các xứ Tốt Động[1] Chúc Động[2], quân Minh đại bại. Ta chém được Thượng Thư là Trần Hiệp (Trần Hiệp chết trận, việc đến tai vua Minh, được tặng làm Thiếu Bảo, cho tên thụy là Tiết Mẫn. Con là Khu cho làm quan Cấp Sự trung), Nội quan là Lý Lương và quân lính hơn 5 vạn, người chết đuối rất nhiều, nước sông Ninh Giang không chảy được.Bọn Phương Chính, Vương Thông, Mã Kỳ chỉ chạy thoát lấy thân, về thành Đông Quan. Bọn Lễ thừa thắng đuổi theo đến sát Đông Đô. Lúc bấy giờ Bình Định Vương đóng quân ở Lỗi Giang[3] nghe tin chiến thắng bèn cấp tốc về Lũng Giang[4] hợp lực với quân của Lê Triện tiến đánh, sai bọn Tần Thiên đưa thủy quân **<44b>** ngược dòng Lũng Giang ra Sông Hát xuôi dòng hợp với bộ binh ở Đông Bộ Đầu.

Lê Lễ đến cầu Tây Dương, Cương tự đem đại quân đâm thẳng vào phía Nam thành Đại La, quân thủy bộ bốn mặt đánh ập lại. Phương Chính vội vào thành cố thủ do đấy các lộ ở Đông Đô tranh nhau đến cửa quân xin theo. Bọn Vương Thông nhà Minh ở trong thành quân khí hết cả bèn huỷ chuông Quy Điền[5], vạc Phổ Minh[6] làm súng đạn, thế ngày một cùng quẫn, bèn đắp thêm tường luỹ đợi quân tiếp viện. Hữu Bố Chính sứ là Đặc Khiêm thay Trần Hiệp giữ ấn Bố Chính ty; Đô đốc Thiêm sự là Trần Tuấn thay Vi Lượng tạm giữ ấn Đô ty; Án Sát sứ là Dương Thì Tập giữ ấn ty ấy như cũ. Các viên giữ ấn ba ty tuy đầy đủ nhưng hiệu lệnh không thi hành được đến ngoài thành. Các phủ huyện lộ Đông Đô không theo lịch của nhà Minh nữa.

Tri châu phủ Chính Bình nhà Minh là Hà Trung bị bắt không chịu khuất phục bị giết chết (Trung là người Hình Châu, đỗ tiến sĩ năm Vĩnh Lạc. Lúc bấy giờ ở trong thành Vương Thông thấy Trung là người có mưu lược sai ngầm mang biểu tâu về xin quân. Trung ban đêm đi bộ chạy ra khỏi thành **<45a>** 200 dặm, bị quân mai phục bắt được. Các tướng muốn thả, Trung nói những điều láo xược bị giết chết đến khi chết có thơ rằng:

---

[1] Tốt Động: Thuộc huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

[2] Chúc Động: Thuộc huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

[3] Lỗi Giang: Thuộc địa phận Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

[4] Lũng Giang: Tức Sông Đáy.

[5] Chuông Quy Điền: Chuông đúc từ thời Lý, đặt ở huyện Vĩnh Thuận, tức Hà Nội.

[6] Đỉnh Phổ Minh: Đỉnh lớn đúc năm làm chùa Phổ Minh thời Trần Thánh Tông.

Vạn lý cô thành cửu khốn thì,
Phúc trung hoài tấu thỉnh vương sư.
Hồng trận thất lộ phong sương khổ.
Bạch nhật huyền tâm thiên địa tri.

Dịch nghĩa:
(Khốn khổ lâu nơi thành đơn độc.
Trong lòng mang bản tấu xin quân.
Hồng trần bị lạc vì sương gió,
Mong trời đất thấu tấm lòng con).

Việc đến tai vua Minh. Vua Minh ban sắc biểu dương về gia đình ban cho tên thụy là Trung Tiết.

Bình Định Vương chia các lộ, trấn ở Đông Đô làm bốn đạo đặt liêu thuộc văn võ, nội ngoại và đặt quan Tuần kiểm ở các xứ cửa biển khám xét người qua lại và bắt các quan nhà Minh đưa thư về phương Bắc. Lúc bấy giờ thành Đông Quan cùng cực, vua muốn nhân khi quân giặc khốn quẫn, bắt phải thông hòa giải binh mà về. Vương Thông hết kế hoạch hết viện binh cũng sai người đem thư thông hiếu. Nhưng còn sợ vua Minh bắt tội lại đặt lời là năm Vĩnh Lạc có chiếu thư lập con cháu họ Trần khuyên Bình Định Vương tìm con cháu họ Trần để lập lên. Gặp khi có con người ăn mày tên là Hồ Ông náu thân ở Cầm Quý giả xưng tên là Địch là cháu 3 đời của An Nam Quốc Vương là Trần Tư. (Theo sử nhà Trần không thấy có tên Tư). Vua muốn mượn lời để đáp ứng với người Minh bèn sai người đón về lập làm chúa, đổi tên là Cảo, đặt niên hiệu là Thiên Khánh; sai Tả Bộc <45b> sạ là Lê Quốc Hưng làm quan phó, đóng dinh ở núi Không Lộ(1). Từ đấy gửi thư cho người Minh đều lấy Trần Cảo làm thống quốc. Vương Thông cũng muốn mượn cớ ấy để chóng thành hòa nghị, mà người trong nước là Trần Phong, Lương Nhữ Hốt, Trần An Vinh đều đã nhận quan tước của nhà Minh (Trần Phong làm Đô ty; Lương Nhữ Hốt làm Tham chính, Trần An Vinh làm Đô chỉ huy) sợ rằng hòa ước thành, thì thân bị chết, buông lời phản gián, dẫn việc Hưng Đạo Vương nhà Trần đục chìm thuyền giết người Nguyên để dọa Vương Thông. Thông tin lời ngầm sai người đem thư bọc sáp về Bắc xin tiếp viện. Tuy giả giảng hòa với Bình Định Vương, nhưng lại đắp thêm luỹ hai tầng, đào hào, đặt chông. Vua giận tuyệt giao với Thông,

(1) Núi Không Lộ: Ở huyện Thạch Thất, Hà Nội. Tục truyền đây là nơi hóa của thiền sư. Không Lộ nên gọi là núi Không Lộ.

chia sai các tướng đánh lấy các thành Điêu Diêu[1], Thị Cầu[2], Tam Giang[3], Xương Giang[4], Khâu Ôn[5]. Chỉ huy sứ thành Tam Giang là Lưu Thanh ra hạng. Thanh là quan nhà Minh điều quân Tam Giang. Trước kia đánh vua ở Thanh Hóa bị thua, thổ quân có người nói điều khinh mạn, Thanh liền mắng rằng: "Thằng Man vô lễ, ông ấy là Hoàng Đế của lũ mày đấy" đến khi ấy hàng. Các thành cũng lần lượt xin hàng. Vua chia đặt An phủ sứ các lộ. Cho bọn Đào Công Soạn, Nguyễn Dực 24 người làm chức này. Lại đặt viên Ngoại lang 6 bộ cho bọn Nguyễn Tông Vĩ 6 người làm chức này.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Khi Thái Tổ nổi lên, những nơi nghĩa binh đến, người Minh đều phải thua chạy. Đâu có phảiquân nhiều hay ít, mạnh hay yếu mà không địch nổi. Có lẽ vì đạo đức hợp với trời, thì trời hưởng ứng, đẹp lòng người nên người theo về. Không chỉ người nước ta vui phục mà cả đến kẻ làm phản cũng tôn kính như vậy. Cho nên chúng không có chí chiến đấu mà đều đến đầu hàng đấy. Vậy thì việc khởi quân nhân nghĩa so với Văn Vương, Vũ Vương có sự sáng suốt, do đó càng rạng rỡ đấy.*

Đinh Mùi, [1427] (Minh Tuyên Đức năm thứ 2), mùa xuân, tháng Giêng, Bình Định Vương tiến đóng ở dinh Bồ Đề (bấy giờ ở bờ bắc sông Nhị Hà có hai cây bồ đề nên quân lấy dùng để đặt tên) lệnh cho tướng chia đóng ở bốn cửa thành Đông Quan vây đánh càng gấp. Bọn Vương Thông nhà Minh ở trong thành không biết làm thế nào, lại sai người đưa tin xin hoà. Vua ở trên bờ sông xây lầu mấy tầng cao như tháp Báo Thiên, hàng ngày lên lầu xem xét động tĩnh của quân Minh, sai Hàn lâm thừa chỉ là Nguyễn Trãi hầu ở trên lầu, thảo các thư trát qua lại. Quân Minh giả vờ bàn giảng hòa để hoãn binh có ý đợi quân tiếp viện. Hào kiệt các lộ ghét quân Minh tàn bạo, tranh nhau đến cửa quân hiến kế, khuyên vua đánh gấp. Người Đường An là Vũ Cự Luyện, người Cổ Phí là Đoàn Lộ dâng sách đánh thành và kiểu sàn chiến đấu, xe bôn ôn và xe phi mã. Vua ra lệnh theo mẫu đó mà làm; lại đóng thuyền chiến ở trấn Tuyên Quang để phòng bị giặc Minh lại sang. Bọn Vương Thông nhà Minh thấy vua tăng cường làm chiến cụ, âm mưu qua sông tập kích

---

(1) Thành Điêu Diêu: Ở Gia Lâm, Hà Nội.

(2) Thành Thị Cầu: Ở thị xã Bắc Giang, nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

(3) Thành Tam Giang: Ở huyện Phong Châu, nay là huyện Phú Thọ.

(4) Thành Xương Giang: Nay là thị trấn Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

(5) Thành Khâu Ôn: Nay thuộc tỉnh Lạng Sơn.

doanh trại của vua. Vua ra lệnh cho các miền Tam Giang, Tam Đái, Quy Hóa phải nạp tre nứa, làm thành dưới nước dựa vào bờ bắc sông Nhị Hà, cao bằng thành Đông Quan.

<47a> Phương Chính nhà Minh phục quân đánh úp Lê Triện, Lê Bí ở Cảo Động (thuộc huyện Từ Liêm) Triện cố sức đánh bị chết; Bí bị bắt. Vua sai Tư không Lê Lễ, Thượng tướng quân Lê Xí đem quân Thiết đột tinh nhuệ đánh vào quân Minh ở My Động (nay là phường Hoàng Mai). Vương Thông thấy quân của Lễ ít, đem hết quân tinh nhuệ trong thành ra đánh kẹp lại. Voi của Lễ và Xí bị sa lầy, bị giặc Minh bắt được. Lễ không khuất phục bị giết hại. Xí trốn thoát ra yết kiến vua ở dinh Bồ Đề thét lớn 3 lần "sống lại" - Lễ có tướng lược nhưng coi khinh kẻ địch; trận thắng ở Tốt Động ai cũng cho là giỏi. Vua nói: "Trăm trận đánh trăm trận thắng, chẳng phải đã là hay". Lễ coi thường vì thắng được vài lần thì thất bại có thể đứng mà đợi. Đến bấy giờ Triện, Lễ đều thua. Các tướng ở thành Đông Quan đều khuyên Vương Thông thừa thắng qua sông đánh vào dinh của vua, Thông không theo, do dự 3 ngày không ra. Vua biết là Thông sợ càng cho quân bao vây sát cửa thành. Thông lại sai người dụ vua bãi binh thông hòa cầu phong cho Trần Cảo, <47b> vương ưng cho. Thông yêu cầu vua sai sứ sang Yên Kinh cống sản vật địa phương.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Khuất Hà quen mùi chiến thắng Bồ Tao, rồi chuốc lấy bại vong. Đó là quân tàn bạo xâm lấn nước nhỏ. Lê Lễ quen mùi chiến thắng ở Tốt Động rồi chuốc lấy bại vong, đó là đội quân phục thù căm giận quân giặc. Cái thất bại giống nhau nhưng ý nghĩa lại khác nhau. Cho nên tướng giỏi đương thời thì Lễ, Triện là hạng đứng đầu.*

Mùa hạ, tháng 4, vua Minh sai An Viễn hầu là Liễu Thăng đem quân sang cứu viện thành Đông Quan. Lấy Binh bộ Thượng thư là Lý Khánh làm Tham tán quân vụ. Trước kia Trần Hiệp thua chết, việc đến tai đình thần nhà Minh giành nhau nói: "Từ khi Hoàng Phúc được triệu về, Trung quan Mã Kỳ gây ra biến loạn ở Giao Chỉ, xin trả nhiệm vụ cũ cho Hoàng Phúc thì việc loạn ở Giao Chỉ tự yên". Vua Minh nghe theo, lại sai Phúc theo quân đến nhậm chức. Thế rồi chia quân làm hai đạo. Cho Liễu Thăng làm Tổng binh sứ đeo ấn chinh lỗ Phó Tướng quân cùng với <48a> Tham tướng Bảo Định bá Lương Minh, Đô đốc Thôi Tụ. Binh bộ Thượng thư Lý Khánh, Công bộ Thượng thư Hoàng Phúc, Thổ quan Hữu bố chánh sứ Nguyễn Đức Huân lĩnh 10 vạn quân đánh vào cửa ải Pha Luỹ[1] (thuộc Lạng Sơn), Thái phó Kiềm quốc công Mộc Thạnh đeo

[1] Ải Pha Lũy: Tức cửa ải Nam Quan.

ấn chinh Nam tướng quân, cùng với Tham tướng Hưng Yên bá Từ Hanh, Tân Ninh bá Đàm Trung, lĩnh 5 vạn quân đánh vào cửa ải Lê Hoa (thuộc Tuyên Quang) hỗ trợ cho quân Liễu Thăng. Bấy giờ Bình Định Vương sai các tướng chiếm đê Vạn Xuân đắp luỹ. Đến khi nghe tin quân tiếp viện đến, tướng sĩ phần lớn khuyên vua đánh gấp thành Đông Quan để tuyệt đường nội ứng. Vua nói: "Đánh thành là hạ sách". Ta đánh thành kiên cố hằng năm, hằng tháng không hạ được. Quân ta sức mệt, khí nhục, nếu quân tiếp viện của giặc lại đến thì trước mặt sau lưng đều có giặc, như vậy là nguy hiểm đấy. Chi bằng ta dưỡng sức nuôi dưỡng nhuệ khí, để đợi quân tiếp viện của chúng. Quân cứu viện bị đánh tan thì thành tát phải hàng. Vậy là đánh một mặt mà được cả hai đó là kế vẹn toàn đấy, bèn phòng thủ nghiêm ngặt chuẩn bị ứng phó với quân địch.

Mùa thu, tháng 9, Bình Định Vương **<48b>** sai Thái úy Trần Hãn, Tư mã Lê Sát đánh bật được thành Xương Giang. Chỉ huy người Minh là Kim Dận cho là thành ở giữa đường về bèn cùng với quan mới nhậm chức là Lý Nhậm liều chết giữ được hơn 6 tháng. Các quân ở Khoái Châu, Lạng Giang chống cự với quân Minh. Quân Minh vừa đánh vừa phòng ngự, các quân không lên thành được. Vua sai bọn Hãn đắp địa đạo đánh nhau với giặc câu liêm, nỏ cứng tên đạn bốn mặt cùng đánh thành bị hãm, Dận tự sát. Vương Thông làm văn tế. Qua 10 ngày, viện binh tới thì thành đã bị hãm.

Bình Định Vương ra lệnh cho các đạo Lạng Giang, Bắc Giang, Tam Đái, Tuyên Quang, Quy Hóa làm vườn không nhà trống để tránh quân tiếp viện. Khi quân Minh đến đầu biên giới, vua họp các tướng bàn rằng: "Giặc vốn khinh thường ta, cho rằng người nước ta từ lâu sợ uy thế giặc, nghe tin đại quân đến thì tất sợ hãi. Huống chi lấy mạnh đánh yếu, lấy nhiều đánh ít là sự bình thường. Bọn chúng không kịp nghĩ đến hình thế thắng bại của mình, của người, không biết cơ qua lại của thời vận. Quân cứu nguy **<49a>** chỉ cho nhanh chóng là quý, đi gấp ngày đường. Binh pháp đã nói là "500 dặm mà xu lợi thì chết Thượng Tướng. Nay Liễu Thăng đến, đường xá xa xôi quân mệt nhọc, ta lấy quân nhàn hạ để đón quân mệt nhọc thì tất phải thắng. Bèn sai bọn Lê Sát, Lê Nhân Chú, Lê Hiệp, Lê Liệt, Lê Thụ đem quân và voi mai phục ở ải Chi Lăng để đợi. Lúc bấy giờ tướng giữ ải Pha Luỹ là Lê Lựu bỏ ải lui về đóng ở Chi Lăng. Liễu Thăng thừa thắng đuổi theo đi đến đâu không ai dám kháng cự nên có vẻ kiêu căng. Bình Định Vương cũng sai người đến cửa quân của Thăng xin theo ý của Thành Tổ xưa kia là cho nối lại dòng họ đã bị đứt, lập Trần Cảo làm chủ nước ta, bãi binh cho dân nghỉ. Thăng nhận thư

không mở đưa chạy trạm về tâu với vua Minh, vẫn dẫn quân tiến mãi. An, Trần Dung ở mạc phủ nói với Thượng thư Lý Khánh rằng: "Trí của Tổng Nhung kiêu căng lắm, tính tình của giặc quỷ quyệt dối trá, không thể vì chúng luôn luôn bị thua mà coi thường nhãng quên, biết đâu họ không tỏ ra yếu đuối để giữ ta, huống chi sắc **<49b>** thư nhiều lần răn bảo: "Lê Lợi chuyên đặt quân mai phục để giành phần thắng, không nên coi thường, ông nên nhanh chóng can đóng quân lại chớ nên khinh xuất mà tiến". Khánh nói với Thăng, Thăng chỉ dạ dạ mà thôi không có ý lo sợ chút nào. Đã đến ải Chi Lăng, Lê Lựu lại giả thua chạy, Thăng dốc đại quân đuổi đến chỗ quân mai phục. Bọn Sát và Nhân Thụ đưa cả quân mai phục bốn mặt đều nổi lên xông ra đánh, quân Minh đại bại, gối lên nhau mà chết, chém được Liễu Thăng ở núi Mã Yên, Lương Minh chết tại trận. Lý Khánh ốm nằm trong xe cũng sợ mà chết. Thôi Tụ cho là thành Xương Giang chưa bị đánh vỡ, họp số quân còn lại muốn gượng tiến đến nơi, đến khi đến thì thành đã bị hãm lại càng sợ hãi, đắp luỹ ở giữa đồng để tự vệ. Gặp khi mưa to gió lớn người ngựa chỉ nhìn nhau không di chuyển được. Vua ra lệnh cho các quân thủy bộ cùng tiến bao vây. Lại chia quân cắt đường liên lạc giữa các đồn Mã Yên, Chi Lăng, Pha Luỹ. Thế của Thôi Tụ, Hoàng Phúc càng cùng quẫn, ngầm muốn đến thành Chí Linh, bèn giả xin hoà. Vua không cho, ra lệnh cho Trần Hãn chặn đứt đường tải lương. Bọn Lê Vấn, Lê Khôi đem quân tinh nhuệ đến đánh, chém đầu rất nhiều, bắt sống Thôi Tụ, Hoàng Phúc và hàng vạn tù binh. Tụ không khuất phục vua giết chết. Còn Phúc trước nhậm chức Bố chánh vì được lòng dân nên không nỡ giết hại. Phúc nhân đó xin gặp Vương Thông để làm việc điều binhgiảng hòa bãi binh. Bấy giờ quân Minh những kẻ còn lẩn trốn trong vòng bốn năm ngày hết thảy đều bị trẻ chăn trâu và người kiếm củi bắt không sót tên nào.

Tổng binh Vân Nam Kiềm quốc Công Mộc Thạnh cầm cự với bọn Phạm Văn Xảo, Lê Khả ở cửa ải Lê Hoa. Vua tính liệu rằng: Thạnh tuổi đã già, sự đời từng trải, tất ngồi xem Liễu Thăng thành hay bại, không chịu tiến, bèn mật báo với bọn Khả đặt quân mai phục đợi chờ đánh. Đến khi quân của Liễu Thăng thua. Vua sai đem tỳ tướng bị ta bắt và sắc thư, quân tướng, phù ấn bắt được đưa đến quân của Thạnh. Thạnh trông lấy, đại quân sợ hãi tan vỡ. Xảo, Khả thừa thắng **<50b>** tung quân đánh tan ở ngòi nước lạnh. Thạnh chỉ còn một mình cưỡi ngựa chạy. Ta bắt được khí giới, áo giáp, xe cộ nhiều gấp hai lần ở Xương Giang.

Vua đưa Hoàng Phúc đến thành Đông Quan, đồng thời đem những người bị bắt cùng 2 ấn hổ phù và ấn bạc của chính lỗ Phó tướng quân cho

Thông thấy. Bọn Thông lo sợ choáng váng, tập hợp tướng sĩ lại bàn, cho là là thành không thể giữ được, đánh không thể thắng được, chi bằng giữ toàn vẹn quân để về Bắc, mọi người đều cho là phải. Bèn sai Trung quan là Sơn Thọ đem thư cầu hoà, xin mở đường cho về. Vua ưng cho. Tướng sĩ và người trong nước kéo nhau ra cố xin rằng: "Giặc phần nhiều giả dối, nên dùng quân mà chiến thắng, khuyên vua giết đi. Hành khiển Nguyễn Trãi từng hầu nơi màn trướng của vương thấy thư bọc sáp của Vương Thông nói: "Chớ vì 1 mảnh đất mà làm mệt quân đi muôn dặm. Nếu dùng quân được như số quân đi đánh lúc đầu, lại được 6, 7, 8 đại tướng như bọn Trương Phụ mới có thể lo tính được. Nếu như có đánh được cũng không giữ được". Vì thế Trãi chuyển chủ hoà. Cuối cùng vua cũng theo lời bàn đó, bèn ra lệnh cho các tướng giải vây **<51a>** lui về. Nhà Minh cho Sơn Thọ, Mã Đề ra dinh Bồ Đề làm con tin. Vua cũng sai con cả Tư đồ là Tư Tế và Lê Nhân Thụ vào thành Đông Quan làm con tin với quân Minh. Hòa nghị đã thành, vua cùng Vương Thông và Tham tướng hữu đô đốc Mã Anh, Thái giám Sơn Thọ, Mã Kỳ, Vinh Xương bá Trần Trí, Yên Bình bá Lý An, Đô đốc Phương Chính, tướng hiệu văn võ hội thề ở phía Nam thành, hẹn đến ngày 12, tháng chạp rút quân.

Vua Minh ban chiếu bãi quân đi đánh phương Nam.

Trước đó Bình Định Vương sai Nguyễn Trãi viết thư trần tình cầu long cho Trần Cảo,lời lẽ rất tha thiết, 1 bản đưa đến trại quân Mộc Thạnh ở Vân Nam. Hai bức thư đều dâng lên vua Minh. Vua Minh triệu tập quần thần bàn. Anh quốc công Trương Phụ nói: "Tướng sĩ vất vả vài năm mới lấy được đất ấy, tại sao lại nghe lời quỷ quyệt của Lê Lợi. Xin phát binh thêm sang đánh. Quan nội các Kiển Nghĩa, Hạ Nguyên Cát cũng nói bỏ đất là không **<51b>** có danh nghĩa, chỉ để cho thiên hạ thấy cái yếu của mình. Vua Minh hỏi Dương Sĩ Kỳ và Dương Vinh đều nói:năm Vĩnh Lạc đến nay người mệt nhọc chưa được nghỉ ngơi, người khốn khổ chưa được tỉnh lại. Chi bằng theo lời xin của họ, có thể chuyển họa thành phúc, vả lại lòng Thành Tổ khi đầu là lập con cháu họ Trần, nay theo bản tâm của tổ tông, bảo vệ con đỏ của tổ tông, đấy chính là việc đạo đức tốt đẹp đó sao lại bảo là không có danh nghĩa? Nhà Hán bỏ đất Châu Nhai, sử trước cho là vẻ vang, sao lại bảo là tỏ sự yếu đuối? Vua Minh đưa tờ biểu của Trần Cảo ra dụ quần thần rằng: "Người bàn không hiểu thấu cái ý thôi. Việc can qua, cứ bảo nghe theo là không mạnh, nhưng chỉ cần được cho dân yên. Người ta nói thì kể gì". Thế rồi tin quân của Liễu Thăng bại đến nơi. Vua Minh liệu tính là Vương Thông bị khốn quân

bèn sai Lễ bộ Thị lang là La Nhữ Kính đem thư phong Trần Cảo làm An Nam quốc vương và triệu bọn Vương Thông về Bắc. Chiếu thư chưa đến, Vương Thông đã thác cớ là thuận tiện cùng với Bình Định Vương ăn thề ở dưới thành. Vương trước tiên sai bồi thần là bọn Lê Thiếu Dĩnh, Lê Canh Quang, Lê Đức Huy, Đặng Hiếu Lộ đem **<52a>** biểu văn và sản vật địa phương cùng với viên chức của Vương Thông sai đi đưa sang Yên Kinh - và nộp lại song hổ phù và ấn bạc hai tầng của Phó tướng quân do Liễu Thăng lĩnh từ trước và sổ thanh toán số mục đầy đủ về quan, quân dân, quan lại điền, kỳ quân, số ngựa đưa đi.

Mùa đông, tháng 12, Vương Thông nhà Minh giải binh về Bắc. Quân bộ qua sông Lô trước, quân thủy đi theo. Người trong nước rất oán người Minh giết hại cha con thân thích của họ, dẫn nhau khuyên Bình Định Vương giết đi, vua dụ rằng: "Trả thù báo oán là thường tình của mọi người, nhưng không muốn giết người là bản tâm của người nhân, vả lại người ta đã hàng mà mình giết đi là điều xấu không gì lớn bằng. Nếu chỉ thỏa lòng căm phẫn trong chốc lát mà chịu cái tiếng giết người đã hàng đến muôn đời, sao bằng để cho tính mạng của ức vạn người được sống, để biết cái đầu mối chiến tranh cho đời sau, sử xanh ghi chép để tiếng thơm ngàn đời há chẳng vĩ đại lắm sao?". Bèn ra lệnh đường thủy cấp cho 500 chiếc thuyền, Phương Chính, Mã Kỳ nhận lĩnh **<52b>**; đường bộ cấp cho lương và cỏ, Sơn Thọ, Hoàng Phúc nhận lĩnh; số bắt được và ra hàng hơn 2 vạn người, ngựa 2 vạn con, cho Mã Anh nhận lĩnh, tất cả đều tới dinh Bồ Đề lạy từ biệt. Bọn Phương Chính xấu hổ cảm động ứa nước mắt. Bấy giờ người Minh đặt ra các ty văn võ lệ thuộc các thành lớn nhỏ hơn 470 sở. Trước nghe phong thanh đã đầu hàng, chỉ có 3 thành Tây Đô, Cổ Lộng, Chí Linh chưa hạ. Đến khi Vương Thông về Bắc, truyền hịch cho quân thủy, quân bộ tiếp tục rút tiếp. La Nhữ Kính đến thì người và ngựa của Vương Thông đã về đến Long Châu. Người Minh tính số tổn thương được sống trở về chỉ còn 2 phần mười. Số hiện tại không về cũng còn vài chục người. Bọn Vương Thông đã về vua Minh trị tội bỏ đất rút quân về, giam xuống ngục cẩm Y vệ, tha cho tội chết, bị xóa tên và ban dụ cho nước ta phải triều cống theo như lệ cũ năm Hồng Vũ.

Sử thần Phan Phu Tiên bàn: *Nhà Trần dấy lên vào năm Kiến Trung, lại mất nước vào năm Kiến Tân. Người* **<53a>** *Minh sang qua sông vào ngày 12 tháng 12 lại về nước vào ngày 12 tháng 12 năm Đinh Mùi dù nói là mưu cơ của người không tốt nhưng cũng là có số của vận trời đấy. Xét ra Thái Tông húy là*

Cảnh, Thiếu Đế húy là Án đều là những chữ giống nhau. Người Minh sang qua sông về nước đều vào ngày 12 tháng 12, sự gặp nhau há không phải là số trời ngẫu nhiên đấy sao?

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *Thời loạn lạc cực độ thì trời trị sinh ra, là vận trời lưu hành đấy. Sự loạn lạc trong bờ cõi nước Việt ta qua các thời đại thì chưa có thời nào cùng cực như thời ấy. Sự nghiệp đế vương dấy lên chưa có thời nào khó khăn như thời ấy; Triệu Vũ Đế nhân khi nhà Doanh Tần loạn lạc, Trung Quốc không có người thống trị, bọn hùng trưởng tranh giành nhau mà thôn tính đất ấy thì cũng chưa là khó. Đinh Tiên Hoàng nhân khi họ Ngô mất nước, 12 sứ quân tản mạn không có kỷ cương mà* **<53b>** *gây dựng cơ nghiệp ở đất nước ấy thì cũng chưa thấy là khó đấy. Nhà Lê thay nhà Đinh, nhà Lý thay nhà Lê, nhà Trần thay nhà Lý đều là thời nối theo buổi Thái bình, nhân có sự suy loạn thì càng dễ. Nắm điều mấu chốt mà nói thì cũng chưa khỏi là cướp ngôi đấy. Không phải là có cử chỉ nhân nghĩa phơi bầy ra thiên hạ, cho thỏa con mắt của mọi người trông vào như vua Thang vua Vũ thay đổi lệnh trời vậy. Họ Hồ cướp ngôi tự chuốc lấy sự chặt đứt vây cánh của mình. Người Minh thì gian giảo bạo ngược, muốn thay đổi bờ cõi, giả nhân nghĩa để diệt nước người ta, thả tay chém giết dân ta, con thơ cháu nhỏ mắc vào thảm họa đâm giáo ngang thây. Người khỏe mạnh thì chạy sang Chiêm Thành ở phía Nam, chạy sang Đại Lý ở phía Tây, làng xóm hoang tàn, xã tắc thành gò đống, làm hang thỏ ở, làm bãi hươu ăn, làm cánh đồng cho chim đậu, làm ngọn núi cho báo ẩn. Giặc theo đấy mà chia châu, đặt huyện, đắp thành đào hào, đưa quân trấn thú sang ở hơn 20 năm, để thay đổi phong tục thành người phương Bắc đấy. Ôi! Mức loạn lạc tột cùng đến như thế sao? Thái Tổ* **<54a>** *sinh ra trong thời ấy, bẩm thụ tư chất văn võ của bậc thánh thần, đương buổi lòng trời đoái nhìn đến phương tây, không nỡ nhìn cảnh nhân dân lầm than, bọn giặc bạo ngược chà đạp. Nghĩ rằng: việc nhân nghĩa thay trời đánh giặc chẳng ở ta thì còn ai? Lại lo rằng: trời bí ẩn mà chưa thông, việc khó khăn to lớn mà khó thành, do đấy, tập hợp những bầy tôi cùng chung đức luyện cây kiếm ỷ thiên, ẩn náu ở Lam Sơn, đợi thời cơ, tìm sơ hở. Gặp việc thì suy nghĩ, không thể làm nhanh, giữ nơi hiểm mà tụbinh, thường dùng ít mà địch được nhiều, tùy cơ ứng biến. Thường dùng yếu mà trị được mạnh. Khí giới lương thực phần*

nhiều lấy của giặc, xây dựng hơn 10 năm, gắng hết tâm trí. Nhờ được mưu sâu tính kỹ cho nên đánh trận thì thắng được, đánh thành thì hạ được, đánh hồi trống thứ nhất thì bình định Hoan Châu[1]*, Hóa Châu, đánh hồi trống thứ hai thì bình định Diễn Châu, Ái Châu*[2] *vượt biển tiến quân thì quân địch ở Cổ Lộng, Chí Linh khiếp đảm, trèo non tiến quân thì quân địch ở Đông Quan, Tam Giang bay hồn, Vương Thông, Phương Chính kế cùng phải đợi* **<54b>** *quân tiếp viện, dù là Liễu Thăng từ phương Bắc, Mộc Thạnh từ phương Tây tới, để giúp giặc làm điều bạo ngược. Nhưng mà hai toán quân cứu viện chỉ như bọ ngựa giơ càng để chống bánh xe, quả nhiên mang thây chịu trói, há chẳng phải là ngu sao! Đến khi như con thú cùng quẫn nằm trong cũi, vẫy đuôi xin thương, thì Thái Tổ liền cởi lưới mở lòng nhân tha cho về, mười vạn quân đầu hàng được toàn tính mạng, là người chí nhân đánh kẻ bất nhân mà lòng "bất nhẫn" lại được như thế. Đương khi ấy nhân dân trong thiên hạ thỏa lòng mong đợi. Cả đến phương xa đất lạc không đâu là chẳng nhớ ơn sợ uy, chăm lo tiến cống. Ôi! Tốt đẹp lắm thay! Do đấy biết được rằng: Thời cực loạn thì đời trị càng thịnh, lòng nhân sâu thì người nhớ tất xa, vận trời lưu hành, vận đời hanh thông là buổi đầu của vận hội đấy.*

Sử thần Ngô Thì Sĩ bàn: *Khi người Minh sang phương Nam, thì cho Lạng Sơn là nơi cổ họng, ở đấy đắp nhiều thành luỹ, xếp đất đá mà làm, rất cao rộng kiên* **<55a>** *cố Pha Luỹ (nay là Mai Pha) và Chi Lăng có thành xây bằng gạch. Thành Chi Lăng dựa lưng vào núi đá, qua 1 cái khe thì mới đến được, cửa nam của thành có hòn đá nằm, thấy khắc 5 chữ: "Hoàng tráng nhị thập đội" trông như mới. Bên cạnh hòn đá thì gạch nung chất đống như gò, đào ao thì nơi nào cũng có. Đấy chỉ là người Minh xây thành đào hào làm kế cố thủ. Suy 1, 2 điều ấy thì thành khác đều như thế. Xét ra, việc đặt nơi hiểm trở cố nhiên là không thể nhãng quên. Nhưng địa lợi không bằng nhân hoà, người Minh muốn được đất của ta mà lại không lo đến việc vỗ về dân. Dân bị chính sách bạo ngược của họ Hồ đã lâu rồi, thêm vào đấy là thời đói khát bệnh tật binh đao, bị chết hại chỉ còn không được một phần trăm. Bấy giờ Nho thần nhà Minh chức Bố chính sang ta,*

---

[1] Hoan Châu: Nay là đất thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

[2] Ái Châu: Nay là đất thuộc tỉnh Thanh Hóa.

chỉ có Hoàng Phúc là tiêu biểu của bậc văn lại cũng chỉ săn đón cho hợp với ý vua không có mảy may lòng thương xót nhân dân, mệnh lệnh thì dày đặc như lông bò. Chính sự thì hà khắc như hùm mọc cánh, làm rộng thêm số mẫu ruộng, đặt lệnh cấm **<55b>** *muối, nông dân, thương nhân khốn khổ; thổ quan, thổ lại, Nho học, thầy thuốc, thầy bói lần lượt bị đuổi, như vậy là kẻ sĩ, thứ dân khổ về việc xây dựng; đường thủy đường bộ sang Yên Kinh, chia ra từng trạm, thì dân thợ thuyền ở dọc đường bị khốn khổ; bắt đãi vàng bạc, săn tìm trân châu thì tài sản ở núi, ở biển bị kiệt, kiếm hương liệu quý, bắt voi trắng thì cỏ cây chim muông đều không được sống yên ổn. Thế mà lại mưu toan củng cố thành luỹ, chia quan ty, đặt thủ bị, để mãi mãi có quận huyện đất lành, có thể bảo là không tìm đến điều căn bản đấy. Nhân khi bậc vua chân chính chưa dấy lên, thả hết mực dục vọng nhất thời. Chẳng bao lâu Lê Thái Tổ ta ứng vận ở Lam Sơn, nghĩa quân ta đến đâu thì người Minh quân không đánh được, thành không giữ được. Quan lại văn võ của người Minh mà độc ác với người nước ta hoặc bỏ chạy, hoặc bị giết chết; Hoàng Phúc cũng bó tay chịu làm tù binh. Hả được lòng oán hận của quỷ thần, nhân dân rửa được điều hổ thẹn cho non sông. Cho nên tới nay di tích của người Minh cũ chỉ còn luỹ hoang thành đổ, mọc đầy chông gai. Những* **<56a>** *quan quân sang nước Nam không trở về vẫn còn vài chục vạn người, đời đời làm dân nước ta. Người phương Bắc cho là điều ân hận lâu dài. Tham công lớn quá có ích gì đâu!*

Thời thuộc Minh trên đây, bắt đầu từ năm Giáp Ngọ hết vào năm Đinh Mùi, gồm 14 năm, thống kê từ thời ngoại thuộc nhà Triệu là năm Giáp Ngọ, đến năm người Minh về nước là năm Đinh Mùi cộng 1634 năm, cùng với Ngoại kỷ cộng 2.672 năm.

HẾT QUYỂN X BẢN KỶ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

đông như gà, [illegible]
xây thành đào hào lắm kẻ có thừa. Suy 1, 2 điều ấy thì thành khác đâu như thế. Xét ra, việc đất nơi hiểm trở cố nhiên là không thể những quân. Nhưng địa lợi không bằng nhân hòa, người Minh muốn được đất của ta mà lại không lo đến việc vỗ về dân. Dân bị chính sách bạo ngược của họ Hồ đã lâu rồi, thêm vào đây là thời đói khát bệnh tật binh đao, bị chết hại chỉ còn không được một phần trăm. Bây giờ Nhà thần nhà Minh chức Bố chính sang ta,

(1) Hoan Châu: Nay là đất thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

(2) Ái Châu: Nay là đất thuộc tỉnh Thanh Hóa.

SÁCH DẪN

HƯỚNG DẪN TRA CỨU

- Tên người (bao gồm cả tên tự, tên hiệu, niên hiệu, miếu hiệu...): Chữ in hoa tất cả.
- Tên đất (bao gồm tên nước, tỉnh, huyện, châu, xã, chùa, miếu, sông, núi...): Chữ thường, in hoa các chữ đầu.
- Tên sách: in nghiêng, chữ đầu in chữ hoa nghiêng.

A

A BÁT XÍCH: 489
A ĐÁP A GIẢ: 614
A LỘC: 514
A LÝ HẢI NHA: 476
A NA MA KHA: 394
A NAN: 560
A NÙNG: 284, 288, 300
A THAI: 489, 494
A THÍCH: 476, 483, 489
A THUẬT: 450
Ả TRẦN (xem thêm TRẦN ÍCH TẮC): 500
Ác Thủy: 540
Ai Lao: 137, 142, 176, 296, 308, 379, 390, 425, 486, 502, 512, 514, 515, 527, 569, 570, 571, 573, 580, 660, 721, 723, 724
AI VƯƠNG (HƯNG): 35, 78, 79, 80, 81, 84
Ái (châu): 51, 128, 136, 145, 151, 153, 177, 179
Ám Châu: 230
An Cư: 33
AN DƯƠNG (xem AN DƯƠNG VƯƠNG) AN DƯƠNG VƯƠNG: 11, 19, 21, 23, 29, 35, 36, 52, 55, 56, 57, 58, 61, 63, 64, 66, 67, 76, 86, 87
AN HÓA CÔNG CHÚA: 171
AN LỖ UY: 534
AN LỘC SƠN: 203, 517
An Nam: 47, 51, 52, 55, 67, 86, 96, 113, 127, 148, 149, 150, 151, 152, 153, 154, 156, 157, 159, 160, 161, 162, 164, 164, 166, 168, 171, 173, 174, 176, 200, 218, 300, 308, 323, 378, 382, 420, 450, 451, 468, 541, 609, 677, 683, 721, 726, 732
An Nam Đô hộ phủ: 148, 149, 151, 153, 154, 163, 166
AN NAM TƯỚNG QUÂN: 113
AN QUỐC CÔNG CHÚA: 244
AN QUỐC THIẾU QUÝ: 78
AN QUỐC THƯỢNG TƯỚNG: 269
AN SINH VƯƠNG: 426, 435, 437, 438, 444, 448, 476, 515
Bác Bạch: 170
AN TOÀN NGUYÊN PHI: 386
AN TƯ CÔNG CHÚA: 475
ANH TÔNG HOÀNG ĐẾ (xem LÝ ANH TÔNG): 32, 360, 508
ANH TÔNG HOÀNG ĐẾ (xem TRẦN ANH TÔNG): 32, 360, 508
ANH TỀ: 77, 78, 80, 81, 82
ANH VŨ: 315,
Ánh Vân (gác): 42, 374, 508
ÁO LỖ XÍCH: 485, 486, 490, 491
ÁP NHA: 380
Ấn Độ: 125
ÂU CƠ: 49, 50
ÂU DƯƠNG THỊNH: 134
Âu Lạc: 35, 56, 62, 64, 69
Âu Việt: 47, 69

B

Ba Đầu: 342, 343
BA ĐÍCH LẠI: 666, 668
BA LÂU KÊ: 641
BA MỸ THUẾ DƯƠNG BỐ ẤN TRÀ: 208
Ba Thục: 35, 51, 52, 63, 67
BA TY BỒ ĐÀ LA: 334
Bà Hòa (sông): 218
BÀ LẬU: 483
Bà Lễ: 438
BÀ LIỆT: 423, 454
Bà Mã: 438
BÁ DI: 536, 537, 643
BÁ HỮU: 61
BẰNG VƯƠNG LA DUỆ: 223
BẬT NHUỆ BẠT MA: 131
Biện Kinh: 230, 336
Biện Lương: 181, 317
Biệt lục: 99, 158
Binh gia diệu lý yếu lược: 519
BÌNH CHƯƠNG HUỆ TÚC VƯƠNG: 578
BÌNH ĐỊNH VƯƠNG: 716, 717, 719, 720, 721, 722, 723, 727, 728, 729, 731, 733, 734
Bình Giang: 60

BÁC ĐỨC (xem LỘ BÁC ĐỨC): 78, 80, 83
Bác vật chí: 58
Bách Bảo Thiên Tuế (cung): 219
Bách Việt: 47, 60, 62,100
Bạch Châu: 171,188
Bạch Đằng: 44, 180, 181, 191, 216, 224, 317, 474, 488, 489, 490, 491
BẠCH LIÊU: 456
Bạch Long Thần Mã: 529
Bạch vân chiếu xuân hải (bài phú): 156
BÁI CÔNG: 97
Bàn Dương: 21,65
Bản quốc chí lược: 477
Bang giao hảo thoại: 5
BAO TƯ (Xem THÂN BAO TƯ): 704
Báo Thiên: 40, 301, 302, 357, 388, 450, 681, 729
BẢO ĐỘ: 134
Bảo Hoa: 352
Bảo Hòa: 627, 628, 630
Bảo Hòa dư bút: 627
BẢO NGHĨA VƯƠNG: 477
BẢO NINH ĐẠI VƯƠNG: 660, 664
BẢO PHÙ: 31, 456, 460, 461, 462, 465
Bảo Thái: 24, 216
BẢO UY HẦU: 577
BẢO UY VƯƠNG: 577
BÀNH TỔ: 55
Bắc Bàn: 80
Bắc Giang: 60, 207, 249, 252, 388, 415, 420, 465, 475, 854, 592
Bắc Nam: 40, 191, 295
BỐT HỐT TRUẬT: 501
Bột Nê: 155
BÙI BÁ KỲ: 42, 682, 692, 703
BÙI BÁ NGANG: 623
BÙI CỬ: 148
BÙI DŨ: 24, 228
BÙI ĐÔ: 392, 400
BÙI HÀNH: 161
BÙI HẤP: 623
BÙI KHÂM: 431
BÙI KHOAN: 576, 596
BÙI MỘ: 526
Bình Kiều: 38, 190, 193, 196
Bình Lệ Nguyên: 447
Bình Than: 471, 472, 473, 499, 711
Bình Văn: 51
BÌNH VƯƠNG: 183, 184, 186, 187, 189
Bô Cô: 45, 694, 695
BỒ KIÊN: 485
BỒ KIÊN: 58
BỒ LA ÁT: 220
BỒ PHÁ LẶC: 158
BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG: 158
BỐ ĐÔNG: 655
Bố Hải: 196, 282
Bố Hải Khẩu: 190, 191
BỐ LINH: 263, 286
BỐ TRÌ: 394
BỘ ĐÍCH: 471
BỘ CHẤT: 22, 104, 108
Bỗng Bì Thế: 160
CÀN PHÙ HỮU ĐẠO: 31
CẢNH CHÂN (xem NGUYỄN CẢNH CHÂN): 674
CẢNH HƯNG: 18, 33
CẢNH NGUYÊN: 121
CẢNH THỊNH: 5, 9, 10, 11, 19
CẢNH THỤY: 237, 238
CAO BẢO: 119, 120, 202
CAO BIỀN: 57, 162, 163, 171, 172
Cao Biền truyện: 57
CAO CHÍNH BÌNH: 156, 158, 159
CAO ĐẾ: 67, 68, 70, 74, 523
CAO ĐƯỜNG LONG: 397
CAO HẬU: 68, 69, 70, 71, 73
CAO MÔI: 330
CAO SĨ LIÊM: 150
CAO SÙNG VĂN: 168
CAO LỖ: 57
CAO TẦM: 173
CAO THẬN: 69
CAO THÔNG: 58
CAO TÔNG: 31
CAO TÔNG HOÀNG ĐẾ (xem LÝ CAO TÔNG): 31
CAO TUẤT THẮNG KHẢI TRUNG: 132
Cao Yêu: 136, 150

BÙI MỘC ĐẠC: 526, 532, 537, 552, 555
BÙI MỘNG HOA: 633, 647, 648, 663,
BÙI NGUYÊN DỤ: 163
BÙI PHONG: 457
BÙI QUỐC KHẢI: 387
BÙI THÁI: 159
BÙI ỨNG ĐẨU: 665, 690

C

CA ÔNG: 198
CÁC SAN: 418
CAM LỄ: 111
CẢM THÀNH HOÀNG HẬU: 238
CÀN HANH: 178
CÀN NGUYÊN: 226
CÀN PHÙ: 31, 173, 284, 285
Cấm Khê: 95
CÂU LA MA: 79
Chàng Long: 375, 515
Chân Đăng: 279
Chân Định: 62, 66, 67, 69, 568
Chân Giáo: 255, 256, 406, 418, 419, 420, 440, 466
Chân Lạp: 120, 155, 156, 165, 259, 279, 304, 334, 337,
CHẤN LONG: 161
Châu Ái: 161, 277, 281, 290, 448
Châu Văn: 267, 288, 289, 290, 370
CHẾ A NAN: 579, 585
CHẾ BÌ LA: 374, 375
CHẾ BỒ ĐÀI: 535
CHẾ BỒNG NGA: 622, 630, 632, 646
CHẾ CAI: 227
CHẾ CHÍ: 543, 544, 545, 546
CHẾ CỦ: 330, 331
CHẾ ĐA BIỆT: 659
CHẾ MA NÔ ĐÀ NAN: 642, 669, 688
CHẾ MÂN: 530, 531, 532
CHẾ MỖ: 580, 581, 583
CHẾ NĂNG: 466, 556
CHI HẬU DIỆU NỮ: 233
Chi Lăng: 216, 474, 679, 731, 732, 735
Chi ngôn nhật xuất: 665
CẢO NƯƠNG: 139, 140
CÁP ĐÁP NHI: 481
CÁT DUY: 163
Cát La Nguyên: 464
CẦM LẠN: 725
Chiêm Bà (nước): 160
Chiêm Bất Lao (nước): 160
CHIÊM CƠ: 731
Chiêm Chiêu: 565
Chiêu Bạc: 441
CHIÊU ĐỊNH VƯƠNG NGUNG: 639
CHIÊU LINH HOÀNG THÁI HẬU: 387
CHIÊU MINH ĐẠI VƯƠNG: 453, 455, 512
CHIÊU QUÂN: 535
CHIÊU QUỐC VƯƠNG: 457, 478
CHIÊU THÁNH CÔNG CHÚA: 401, 403
CHIÊU THẮNG: 31, 314, 315, 316, 321
CHIÊU TỪ HOÀNG THÁI HẬU: 552, 590
CHIÊU TỪ HOÀNG THÁI PHI: 590
CHIÊU VĂN VƯƠNG: 457, 468, 479, 486, 511, 524, 563
CHÍNH BÌNH: 31, 33, 37, 155, 157, 158, 159, 423, 424, 425, 426, 427, 430, 431, 433, 435, 436, 437, 438, 439, 445, 727
CHÍNH HÒA: 5, 227, 329, 330, 331
CHÍNH LONG BẢO ỨNG: 31, 354, 377, 382
Chợ Dừa: 432
CHU AN: 599, 607, 609, 625
CHU BẠT KHUÊ: 239
CHU BẠT VĂN: 239
CHU BỘT: 404, 605
CHU CÔNG: 35, 41, 52, 204, 206, 207, 232, 266, 267, 268, 308, 359, 369, 386, 409, 441, 536, 537, 587, 613, 635, 649, 650, 651, 656
CHU CƯ KÍNH: 45
Chu dịch: 34
CHUNG QUÂN: 78
CHUYÊN HÚC: 75
CHỬ ĐỒNG TỬ: 133, 136
Chương Dương: 38, 186, 480, 482, 563
CHƯƠNG DƯƠNG CÔNG: 38, 186

Chí Linh (núi): 43, 525, 607, 609, 721
Chích quái lục: 320
CHIÊM BA ĐỊCH: 700
Chu Diên: 51, 92, 121, 131, 159,
CHU DU: 97
CHU ĐỨC DỤ: 585
CHU HINH: 445
CHU HY: 15, 136, 180, 609
CHU KHẢO ĐÌNH: 48
CHU KINH: 112
Chu Nam: 349
CHU NGUNG: 102
Chu Nhai: 24, 69, 83, 89, 92, 94, 112, 113, 149, 165
CHU NHAI: 92, 163, 164, 166
CHU NOÃN VƯƠNG: 29, 54, 55, 56
CHU ÔN: 181
Chu Phẫu: 124
CHU PHIÊN: 120
CHU PHÙ: 103, 112
CHU TÁO: 68
CHU THÁI: 189
CHU THÁI VƯƠNG: 74
CHU THỤC MINH: 168
CHU THỨ: 156
CHU TOÀN DỤC: 174
CHU TOÀN TRUNG: 174, 177, 181
CHU TRỌNG NGẠN: 462
CHU TUẤN: 102, 106,
Chu Tuấn truyện: 102
CHU VĂN TRINH: 579, 586, 608, 609
CHU XƯỞNG: 100
Châu Quan: 112
CHÚC LƯƠNG: 101
Chúc Lý: 33
CỤ HẤP: 334
CUNG CHÁNH VƯƠNG: 610
CUNG ĐỊNH VƯƠNG PHỦ: 601, 604
CUNG GIẢN VƯƠNG NGUYÊN THẠNH: 578
CUNG MẪN VƯƠNG NGUYÊN HỦ 577
CUNG TÍN VƯƠNG: 589, 625, 650
CUNG TĨNH (ĐẠI) VƯƠNG: 559
CUNG TÚC VƯƠNG: 429, 573, 596
Chương Đức: 33
CHƯƠNG THÀNH HẦU: 399
CHƯƠNG THÁNH GIA KHÁNH: 31
CHƯƠNG TỊNH VƯƠNG NGUYÊN HY: 642
CHƯƠNG VŨ ĐẠI VƯƠNG: 614
CỔ VIỆT: 198, 214
CỔ BÍ: 118
Cổ sự sao ngôn: 441
Cổ Dũng: 155
Cổ La: 155, 158
Cổ Lãm: 290, 726
Cổ Loa: 21, 56, 58, 66, 99
Cổ Pháp: 240, 242, 243, 249, 250, 252, 253, 255, 261, 298, 377, 407, 408, 676,
Cổ Sở: 261, 640, 726
Cổ Xâm (động): 98
Côn Lôn (nước): 155,
Côn Lôn (thành): 56, 316
CÔNG TÔN KIỂU: 336
CƠ ĐÁN: 185
CƠ TỬ: 74, 75, 76
CÙ HẬU: 35, 78, 80, 81, 82, 86
CÙ LẠC: 79
CÙ THỊ: 78, 95
Di Hạ: 6
Di hậu lục: 461
Di Liêu: 112, 117, 136, 141, 145, 166
Diên Hồng: 473, 499
Diên Hựu truyện: 153
DIÊN THÀNH HẦU: 331
Diên Uẩn: 240
Diễn Châu: 51, 151, 153, 155, 258, 259, 265, 328, 392, 474, 501, 516, 578, 616, 617, 625, 626, 630, 655, 657, 660, 666, 671, 693, 694, 701, 705, 724, 736
Diệu Đức: 252
DOÃN TỬ TƯ: 377, 379, 381
DOANH: 68
DOANH TÂN: 139, 735
DU CHI BÀ LAM: 539
DỤ TÔNG HOÀNG ĐẾ (xem TRẦN DỤ TÔNG): 32, 573
Dục Thúy: 584
DỤC TUYỀN: 369

CUNG TUYÊN ĐẠI VƯƠNG KÍNH: 611
CUNG TUYÊN VƯƠNG KÍNH CHƯƠNG: 604
Cùng Giang: 229
Cử Trang lục: 158
Cử Long: 229, 233, 257
CỰ LẠNG: 39, 209, 210, 281, 282
Cửu Chân: 24, 51, 67, 89, 90, 94, 100, 101, 104, 106, 111, 112, 113, 115, 117, 118, 124, 151, 152, 155, 676
Cửu Đức: 51, 100, 117, 121, 124, 131, 143, 148, 150, 151, 152
CỮU PHẠM: 45
Cựu Đường thư: 149

D

Dã Năng (động): 36, 135, 136, 140
Dã Năng (nước): 138, 145
Dã sử biệt lục: 158
DÃ TƯỢNG: 475, 477, 517, 518, 571, 583
Dạ Lang: 80, 83, 84
Dạ Trạch: 38, 133, 136, 137, 139, 140, 143
DẠ TRẠCH VƯƠNG: 133
Dâm Đàm: 40, 301, 304, 305, 327
DẬT THƯ: 320
DƯƠNG BÌNH: 121, 266
DƯƠNG BỘC: 80, 81
DƯƠNG CẢNH THÔNG: 41
Dương Châu: 47, 172, 491
DƯƠNG CHÍNH CÔNG: 37, 38
DƯƠNG CHƯỞNG: 354, 357
DƯƠNG DIÊN NGHỆ: 195
DƯƠNG ĐÀ BÀI: 223
DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ: 37, 178, 179, 182, 195
DƯƠNG HÀNH: 173
DƯƠNG HẬU: 183, 184, 185, 208, 215, 217, 358
DƯƠNG HOÁN: 330, 331, 332, 337, 340
DUỆ TÔNG HOÀNG ĐẾ (xem TRẦN DUỆ TÔNG): 32, 614
Duềnh Bà: 388
Dung Châu (cảng): 170
DỤNG HÒA: 278, 284
Dư hà (tập): 43
DƯ TĨNH: 299, 304
DƯ TỒN CỔ: 170
DỰ THẢ: 432
DỰ THIỆN: 77
DỰC THÁNH VƯƠNG: 245, 260, 261, 263
DƯƠNG AN DƯỠNG: 452, 455, 461
DƯƠNG TỐ: 141, 142
DƯƠNG TRẤP TƯ: 168
DƯƠNG TRƯỜNG HUỆ: 260
DƯƠNG TƯ TẤN: 166
DƯƠNG TỰ MINH: 363, 364, 365, 367, 368
Dương Tuyền: 51
DƯƠNG TƯ HÚC: 37, 154
Dương Tư Húc truyện: 154
DƯƠNG VĂN KIỆT: 227
Dương Xá: 183
Dưỡng Chuyết thi văn: 11

Đa Cái: 230
Đa Cương: 130
ĐA LA THANH: 539
Đại Ác (cửa biển): 139, 291
Đại An: 139, 377, 610
ĐẠI BẢO: 31, 35, 296
Đại Cồ Việt: 197
Đại Côn Lôn: 155
Đại Dũ (đèo): 80, 517
ĐẠI ĐỊNH: 31, 32, 255, 354, 356, 360, 379, 383, 453, 599, 603
ĐẠI ĐỒNG: 30, 55, 132
ĐẠI HÀNH HOÀNG ĐẾ (xem LÊ ĐẠI HÀNH): 31, 231, 300, 338
Đại Hoàng: 195, 231, 372, 392, 394, 399, 400, 477, 623
Đại học: 34
Đại Hưng: 118, 252, 254, 334, 336, 338, 344, 460, 499, 334, 344

DƯƠNG HÙNG: 58, 691
DƯƠNG HUY: 190
DƯƠNG KHƯƠNG: 559
DƯƠNG KỲ HỒN: 172
DƯƠNG NHẬT LỄ: 33, 573, 599, 603, 610, 773, 453
DƯƠNG PHIÊU: 132
DƯƠNG PHÓ CÂU TỲ TRÀ XÁ LỊ: 223
DƯƠNG QUẢNG: 268, 239, 268
Dương Sơn: 67, 268, 365, 258
DƯƠNG TAM KHA: 20, 30, 37, 38, 183, 184, 186, 191
DƯƠNG TẮC: 114, 115
DƯƠNG THANH: 23, 161, 162, 163, 175
DƯƠNG THỊ: 183, 205, 217, 229, 330, 311, 376, 339
DƯƠNG THỊ THE: 25
DƯƠNG THỤY: 554
Dương Thư Dương (thành): 170
Dương Thư Mỹ (thành): 170
DƯƠNG TIẾN LỘC: 223

Đ

Đại La: 160, 169, 251, 252, 270, 321, 372, 378, 422, 435, 631, 727
Đại Ngu: 661, 664, 667
Đại Nguyên Lịch: 263
Đại Nha (cửa biển): 139, 143, 208
ĐẠI PHƯƠNG: 375
Đại Thanh nhất thống chí: 98
ĐẠI THẮNG MINH HOÀNG HẬU: 217, 229
Đại Thắng Tư Thiên: 301
ĐẠI THẮNG VƯƠNG: 442
Đại Thuần: 74
Đại Tiểu Trường Sa: 291
Đại Tỵ (kỳ thi tiến sĩ): 436
Đại Vân (núi): 219
Đại Việt: 177
Đại Việt sử ký: 11, 27, 33, 460
Đại Việt sử ký tiền biên: 5, 9, 11, 18, 19, 25, 27
Đại hương hải ấn thi tập: 533
ĐẠI KHÁNH: 32, 43, 322, 543, 544, 546, 547, 548, 552
Đào Áo: 196
ĐÀO CAM MỘC: 41, 241, 245, 247, 261, 412
ĐÀO CẦN: 224
ĐÀO DIỄN: 436
Đào Giang: 22, 136, 145
ĐÀO HOÀNG: 22, 104, 114, 116
ĐÀO KHẢN: 118, 119,
ĐÀO KHÁNH VĂN: 257
ĐÀO KHIẾT: 45
ĐÀO LANG VƯƠNG: 22, 30, 36, 135, 136, 138, 144, 145
ĐÀO MY: 104
ĐÀO SƯ TÍCH: 615, 626, 627, 649
ĐÀO TÊ LƯỢNG: 155
ĐÀO THẠC PHỤ: 41, 245, 258
ĐÀO THẾ QUANG: 462
ĐÀO THUẦN: 341
ĐÀO THỤC: 104
ĐÀO TIÊU: 461
ĐÀO TÔNG NGUYÊN: 322
ĐÀO TUY: 104
ĐÀO TỬ KỲ: 505
ĐÀO VĂN ĐÍCH: 599
ĐÀO XỨ TRUNG: 289
ĐÀO XỬ TRUNG: 41, 271
ĐẠO CHÍCH: 242
Đặc ma: 298, 299
Đăng Văn (chuông): 532
Đằng Châu: 38, 198, 225, 233, 396
ĐẶNG ĐÔN CHI: 121
ĐẶNG TUẤN: 121
ĐẶNG DIỄN: 424
ĐINH BỘ LĨNH (xem ĐINH TIÊN HOÀNG): 187, 189, 191
ĐINH CÔNG TRỨ: 195
ĐINH CỦNG VIÊN: 472, 475, 484, 502, 509
ĐINH ĐIỀN: 39, 199, 205, 206, 207, 211, 216, 217, 282, 376
ĐINH KHẢ: 392, 400
ĐINH KHÁNH AN: 334

Đại Việt sử ký toàn thư: 5, 6, 9, 26
Đại vương HẰNG: 69
Đam Đam (đê): 532
ĐÀM CHÂU: 220
ĐÀM DĨ MÔNG: 41, 368, 376, 389, 391, 394, 395, 396, 400
ĐÀM ĐẠO TẾ: 46
ĐÀM GIA NƯƠNG: 196
ĐÀM HỮU LƯỢNG: 364, 365
ĐÀM SĨ TẮC: 163
ĐÀM THỊ: 195, 388, 399
Đạm Nhĩ: 69, 83, 89, 92, 99
ĐAN GIA: 198
ĐÀN HÒA CHI: 124, 125, 148
Đảng Do: 264
Đảng Hạng: 168
ĐẶNG DUNG: 45, 698, 699, 705, 708, 709, 711, 712
ĐẶNG HUYỀN QUANG: 199
ĐẶNG KẾ: 457
ĐẶNG LA MA: 436
ĐẶNG LONG: 497
ĐẶNG MINH KHIÊM: 76
ĐẶNG NGHIÊM: 387
ĐẶNG NHƯỠNG: 91
ĐẶNG NHƯỢNG: 90
ĐẶNG TẢO: 551, 552
ĐẶNG TẤT: 45, 647, 688, 692, 693, 694, 695, 696, 697, 698, 711, 712, 713
ĐẶNG THẾ TƯ: 306
Đặng Thiềm: 170
ĐẶNG TUÂN: 113
ĐẶNG VŨ: 146
ĐẦU LÊ: 131, 160
ĐẬU DUNG: 105
Đế châm: 613
ĐẾ CỐC: 391
ĐẾ MINH: 29, 48, 49
ĐẾ NGHI: 50, 54, 56
Đề Giang: 663
Địa lý chỉ nam: 630
Địa lý di cảo: 173,
Địa lý Hoàng Phúc cảo: 174
ĐỊCH NHÂN KIỆT: 389, 664
ĐỊCH THANH: 297, 298, 299, 664
ĐINH KIẾN: 153
ĐINH LIỄN: 189, 199, 201, 216, 230, 247
ĐINH LỘC: 286
ĐINH NGÔ THƯỢNG: 271
ĐINH THỪA CHÍNH: 224
ĐINH TIÊN HOÀNG: 11, 18, 27, 38, 39, 144, 188, 192, 197, 198, 199, 202, 205, 214, 216, 217, 218, 230, 247, 320, 376, 392, 735
ĐINH TOÀN: 213, 221, 226, 275
Định Nguyên: 278, 409
ĐOÀN KÍNH CHI: 260
ĐOÀN NGHĨA TÔNG: 173
ĐOÀN NHỮ HÀI: 44, 513, 525, 530, 531, 540, 553, 556, 567
ĐOÀN THƯỢNG: 400, 407, 415, 421, 422
ĐOÀN TÙ THIÊN: 164, 165, 168
ĐOÀN TỬ: 565
ĐOÀN XUÂN LÔI: 627, 649
Đoạt sáo Chương Dương độ: 482
Đô hộ phủ sĩ sư: 306
Đô Long (núi): 142
ĐỒ BÀ: 155
Đồ Bàn: 148, 541, 618, 669, 673
ĐỒ KHOAN: 279
ĐỒ THƯ: 60
ĐỖ AN DI: 377, 383, 388
ĐỖ ANH HÀN: 37, 158
ĐỖ THỦ ĐĂNG: 165
ĐỖ TỈNH: 656
ĐỖ TỒN THÀNH: 164
ĐỖ TUỆ ĐỘ: 104, 122, 148
ĐỖ TÙNG CHI: 149
ĐỖ TỬ BÌNH: 577, 591, 593, 594, 612, 617, 618, 623, 625
ĐỖ TỬ HIỀN: 635
ĐỖ TỬ MÃN: 636
ĐỖ VIỆN: 22, 104, 122, 123, 148
ĐỘC TĂNG ĐẠT: 124
Đội Sơn: 220, 396
ĐÔN HÒA BÁ: 33
ĐÔN TỪ HOÀNG THÁI HẬU: 577
ĐÔN TỪ HOÀNG THÁI PHI: 613, 614
Đông Âu: 69
Đông Bộ Đầu: 396, 399, 430, 447, 475, 511, 606, 727

ĐIỀN NGUYÊN: 492
ĐIỀN NGỰ GIÁC HOÀNG: 533
ĐỖ ANH VŨ: 41, 74, 360, 362, 363, 366, 367, 368, 372, 375, 382, 389
ĐỖ CẢNH CÔNG: 190
ĐỖ CẢNH THẠC: 38, 184, 186, 190, 196
ĐỖ CHÍNH LUÂN: 150
ĐỖ DÃ KHA: 623
ĐỖ DÃ MỘC: 460
Đỗ Động: 38, 159, 190, 191, 196, 225, 229, 261, 277
Đỗ Động Giang: 190, 191, 196, 225, 229
Đỗ Gia: 344, 724
ĐỖ HẠNH: 727
ĐỖ HOẰNG VĂN: 123
ĐỖ HOẰNG: 119, 123
ĐỖ HƯNG: 284
ĐỖ KHÁNH: 287, 347, 352
ĐỖ KHẮC CHUNG: 467, 475, 476
ĐỖ KÍNH TU: 398, 399
ĐỖ LỄ: 618, 619
ĐỖ MÃN: 665, 673, 681, 685, 687, 691
ĐỖ NGUYÊN THIỆN: 348
ĐỖ QUẢNG: 397, 399
ĐỖ QUỐC KẾ: 466, 500
ĐỖ QUỐC TÁ: 457
ĐỖ SÂM: 271
ĐỖ SÙNG: 329
ĐỖ TÁN: 119
ĐỖ THẾ MÃN: 659
ĐỖ THÍCH: 40, 195, 203, 204, 215
ĐỖ THIÊN HƯ: 494, 542, 553, 568
ĐỒNG DĨNH: 276
ĐỒNG HỒ: 15
ĐỒNG PHỤNG: 110
ĐỘNG ĐÌNH: 34, 48, 49, 50
Động Man: 236
Động Đính (hồ),
ĐỘNG THIÊN CÔNG CHÚA,
Đột Quyết: 393
Đức Châu: 131
Đức Hóa: 430
ĐƯỜNG AI TÔNG: 30
ĐƯỜNG AN CÔNG CHÚA: 156
ĐÔNG CHINH VƯƠNG: 262, 266
Đông Cứu: 168, 316
Đông Di: 74, 78, 102
ĐÔNG HÁN: 19, 29, 52, 89, 91, 97, 106, 128, 143, 146, 152, 226, 773
Đông Hồ: 60
ĐÔNG HÔN HẦU:
Đông La: 166
Đông Ngạc: 33
Đông Ngàn: 58, 60, 225, 249, 310, 415, 475, 476, 610, 620
Đông Phù: 190
ĐÔNG PHƯƠNG SÓC: 531
Đông Sơn: 33, 89, 183, 623, 626, 665, 689
ĐÔNG THÀNH VƯƠNG: 223, 231
Đông Việt: 83
GIẢ THỰC: 209, 216
GIẢ TÔNG: 106
GIẢ XƯƠNG: 100
GIẢN ĐỊNH ĐẾ: 32, 45, 684, 692, 693, 698
GIẢN ĐỊNH VƯƠNG: 692
GIẢN HOÀNG: 43, 620, 633
GIANG CỰ VỌNG: 212
GIANG DU: 122
Giao Châu: 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 135, 136, 137, 142, 148, 149, 150, 151, 152, 157, 159, 162, 164, 165, 167, 168, 169, 172, 174, 175, 177, 178, 179, 182, 189, 191, 209, 211, 213, 221, 228, 235, 492, 685, 687, 704, 720
Giao Châu ký: 124, 172
Giao Chỉ: 21, 22, 24, 48, 51, 52, 62, 65, 69, 76, 83, 85, 86, 87, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 98, 100, 101, 102, 104, 106, 110, 112, 113, 114, 115, 117, 119, 120, 121, 124, 128, 129, 132, 138, 141, 148, 150, 155, 162, 164, 170, 178, 189, 200, 201, 209, 220, 225, 234, 235, 257, 302, 311, 312, 323, 325, 350, 360, 380, 385, 485, 486, 691, 694, 701, 702, 706, 714, 715, 716, 722, 725, 730
Giao Chỉ chí: 113
GIAO CHỈ QUẬN VƯƠNG: 200, 201, 209, 225, 235, 257, 302, 311, 350, 360, 380
Giao chỉ quận vương (ấn): 235

Đường Lâm: 37, 38, 51, 150, 152, 157, 158, 159, 182, 183, 190, 193, 196, 261
ĐƯỜNG MÔNG: 83, 84
ĐƯỜNG NGỘT ĐỚI: 471
ĐƯỜNG NGỘT PHẢN: 494
ĐƯỜNG NGỘT Ỷ: 478, 486
ĐƯỜNG THÁI TÔNG: 42, 150, 266, 406, 465, 519, 645, 695, 266, 267, 519, 521
Đường Thâm: 62
Đường thế kỷ: 163
Đường thư: 51, 154, 161, 163
Đường thư địa lý chí: 168

G

GIA CÁT ÂN: 173
GIA CÁT LƯỢNG: 66, 350, 521, 550, 650, 651
GIA LONG: 10
Gia ngữ: 116
Gia Ninh: 132, 150, 152
GIẢ QUYÊN CHI: 92
HÀ VĂN TRINH: 283
HÀ VIỄN: 271
HÀ XƯỞNG: 91
HẠ DỤC: 124
Hạ Dương: 84
HẠ HẦU KHẢO: 167
HẠ HẦU LÃM: 120
HẠ NGHI: 456
HẠ NGŨ: 48
HẠ PHƯƠNG: 101, 106
HÁCH THỦ TUẤN: 209
HAI BÀ TRƯNG: 6, 20, 23, 24, 87, 114, 93
Hải Lĩnh: 37
Hải Môn: 166, 167, 169, 180, 181, 598, 709
Hải Nam: 148
Hàm Dương: 59, 67, 179
Hàm Nguyên: 258
Hàm Quang: 258, 281
Giao Nam: 21, 66, 73, 75, 85, 171, 179, 182
Giao Quảng Xuân Thu: 89
Giới Trường: 254
GIỚI TỬ THÔI: 430

H

HÀ BỒNG: 447
Hà Động: 229
HÀ ĐỨC LÂN: 648, 653, 657
HÀ KHUẤT: 446
HÀ TẤT NĂNG: 496
Hà Tây: 18, 92, 95, 105, 159, 190, 290, 324, 665
HÀ TRẮC TUẤN: 260, 261
HÀ Ư: 326
HÁN NGUYÊN ĐỈNH: 29, 78, 79, 82
HÁN QUANG VŨ: 29, 91, 95, 96, 103, 146, 295, 350
Hán Quảng: 430
HÁN THƯƠNG (xem HỒ HÁN THƯƠNG): 32
HÁN VĂN ĐẾ: 69, 71, 73, 273, 339, 340
HÁN VŨ ĐẾ: 29, 74, 76, 80, 83, 90, 152, 277, 393, 531, 515, 561, 593, 673
HÁN VƯƠNG: 234
HẠNG LANG: 188, 202, 203, 215, 247, 504
HẠNG VŨ: 188, 504, 641, 519
HÀNH LẬP: 23, 161, 161
HÀNH QUÂN VƯƠNG: 226, 231, 235
HÀNH SẢNH: 471
HÀO NAM VƯƠNG: 136
HẦU CẢNH: 136, 144, 254, 448
HẦU NHÂN BẢO: 209, 216, 320
Hậu Hán thư: 90, 96, 102
HẬU NAM ĐẾ: 22, 30, 36, 136, 138, 139, 143, 145, 147, 148
HẬU NGÔ VƯƠNG: 183, 184, 187, 192, 194
HẬU TRẦN: 20, 32, 45, 46, 394
HIÊN HIỆU: 243
HIÊN VIÊN: 243
HIỂN NGHIÊU THÁNH THỌ THÁI

Hàm Tử: 44, 482, 503
Hàm Tử Quan: 479, 482, 685, 699
HÀN AN QUỐC: 77, 205
Hàn các anh hoa: 5
HÀN DŨ: 471, 529, 649
HÀN THIÊN THU: 79, 80
HÀN THUYÊN: 471
HÀN TÍN: 68, 476, 504, 618
HÀN ƯỚC: 163
HÁN CAO TỔ: 35, 67, 96, 146, 188, 350, 404, 406, 438, 499, 504, 519, 605, 641, 665
Hán chí: 24, 151
HÁN KIẾN VŨ: 29, 91, 93, 94, 95, 97, 100, 106
HIỆT: 48
HIẾU CẢNH ĐẾ: 71
HIẾU HUỆ ĐẾ: 68, 70
HIẾU TỪ THÁNH THẦN VĂN VŨ HOÀNG ĐẾ: 341
HIẾU VŨ ĐẾ: 72, 125, 131
Hình thư: 288, 573
HÌNH VĂN BÁC: 635
Hoa Cái: 230, 676
Hoa Lư: 187, 189, 195, 197, 199, 206, 208, 214, 216, 246, 251, 252, 270, 373, 509
HÒA CHI: 119, 124, 125, 148
HÒA TRỌNG: 86
Hoài An: 159, 379
HOÀI ĐẠO VƯƠNG: 402, 415
Hoài Hoan: 51, 150
HOÀI NHÂN VƯƠNG: 472
HOÀI PHÚC: 159
HOÀI VĂN HẦU: 472, 479, 480
Hoan Châu: 37, 51, 131, 147, 150, 152, 153, 154, 158, 161, 162, 174, 176, 195, 230, 237, 257, 260, 264, 510, 736
Hoan Đường: 237
HOÀN HUYỀN: 208, 210
HOÀN ÔN: 121, 521
HOÀN TRỊ: 111
Hoàn vũ ký: 69
Hoàn Vương (nước): 158, 160
HOÀNG BÍNH: 446, 454
THƯỢNG HOÀNG ĐẾ: 449
HIẾN TRINH CÔNG CHÚA: 570
HIẾN ĐẾ: 22, 29, 103, 712
HIẾN TÔNG HOÀNG ĐẾ (xem TRẦN HIẾN TÔNG): 32, 562
HIẾN TÔNG MÔNG KHA: 439, 446
HIỂN KHÁNH VƯƠNG: 224
HIỂN TRINH THẦN PHI: 613
HIỂN TỪ THUẬN THIÊN HOÀNG THÁI HẬU: 437
Hoàng huấn: 43, 611
HOÀNG KHÁNH TẬP: 230, 234, 275
Hoàng Khê: 67
HOÀNG KHOA: 642
Hoàng Kỳ: 172
HOÀNG LỆNH ĐỨC: 227 - 228
HOÀNG NGHĨA HIỀN: 41, 364, 377
HOÀNG PHÁP CÂU: 136
HOÀNG PHÚC: 46, 174, 686, 691, 696, 699, 701, 703, 706, 707, 713, 714, 716, 720, 721, 723, 730, 732, 734, 737
HOÀNG PHỤNG THẾ: 623, 640, 646
HOÀNG QUẢNG THÀNH: 676
HOÀNG TÁ THỐN: 494
HOÀNG THÀNH NHÃ: 228, 235
HOÀNG TRIỀU ĐẠI ĐIỂN: 573
HOÀNG TRUNG: 628, 679, 680, 682, 683, 709
HOÀNG TƯ VINH: 260
Hoàng tử SÂM: 396
Hoàng tử VƯỢNG: 557, 559
HOÀNG Ư LỆNH: 473
HOÀNG VŨ: 30
Hoành Bồ: 67
Hoành sáo giang sơn cáp kỳ thư: 550
HOẮC GIẶC: 114, 115, 116
HOẮC QUANG: 84, 381, 650
HOẰNG THÁNH ĐẠI VƯƠNG: 281
HOẰNG THAO: 37, 180, 181, 183, 491
HOẰNG VĂN: 123
HỒ CƯƠNG: 650
HỒ DĨNH: 134
HỒ HOÀI NGHĨA: 158
HUỆ VŨ ĐẠI VƯƠNG: 507, 524, 532, 547, 553, 554

HOÀNG CỰ ĐÀ: 447
HOÀNG ĐẾ: 449
HOÀNG HIẾN: 665
HOÀNG HOAN: 436
HOÀNG HỐI KHANH: 627, 647, 652, 653, 666, 667, 676, 678, 688
HỒ HỢI: 60, 690
HỒ HƯNG DẬT: 660
HỒ MẪU KÍNH: 59
HỒ QUÝ LY: 20, 32, 43, 44, 660, 670, 700, 773
HỒ TẾ: 655
Hồ Tôn: 51, 52
HỒ TÔNG THỐC: 612, 630
HỒ TÙNG: 667, 674
HỒ VỆ: 626
Hổ Lao: 84
Hồi Hồ: 38, 196
HỘI PHÙ: 31
HỘI TƯỜNG ĐẠI KHÁNH: 31, 326, 329, 332
HÔN ĐỨC CÔNG: 32, 573, 603, 606, 773
HỒNG BÀNG: 11, 18, 19, 27, 29, 34, 47, 48, 54, 55, 62, 699, 773
HỒNG BÀNG THỊ (xem HỒNG BÀNG): 19, 29, 54
Hồng Châu: 178, 396, 400, 415, 436, 457, 580, 718
HỒNG ĐỨC: 33, 76, 285, 669, 687
HỒNG HIẾN: 222, 223
Hồng liệt: 49
Hồng liệt huấn: 49
Hồng ngọc sương hoàn: 593-594
Hồng phạm cửu trù: 353
HỒNG THÁNH ĐẠI VƯƠNG: 210
HỐT LĂNG HẢI NHA: 459
HỢP TÁN NHI MÂU: 462
HỢP TẢN NHI HẢI NHA: 484
HUỆ QUANG THÁI SƯ: 415, 417
HUỆ TÔNG HOÀNG ĐẾ (xem LÝ HUỆ TÔNG): 31
Hy Sơn: 99
HY THỊ: 47
HY THÚC: 86
Hung Nô: 59, 277, 522, 530, 531, 561
HÙNG LẠC: 15, 18, 21, 63, 66, 87, 93, 116
HÙNG VƯƠNG: 11, 20, 21, 27, 29, 34, 35, 48, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 66, 133, 380
HUY (xem SĨ HUY): 110, 111, 113
HUY NINH CÔNG CHÚA: 666
HUYỀN CÔNG THỊNH ĐỨC NHÂN: 501
Huyền Thiên: 599
HUYỀN TRÂN CÔNG CHÚA: 564
HUYỀN VÂN: 599
Huỳnh Hoắc: 386
HỨA VIÊM: 262
HƯNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG (xem TRẦN QUỐC TUẤN): 516, 518
HƯNG HIẾU VƯƠNG: 561, 571, 581
HƯNG KHÁNH: 32, 332, 684, 692, 693, 696, 698, 699, 701, 703, 712, 713
HƯNG NHƯỢNG ĐẠI VƯƠNG: 502, 532
HƯNG NHƯỢNG VƯƠNG: 475, 495, 511, 518, 524, 542, 544
HƯNG QUỐC QUẢNG THÁNH HOÀNG THÁI HẬU: 233
HƯNG TRÍ VƯƠNG: 475, 496
HƯNG VŨ VƯƠNG: 472, 475, 481, 495, 517, 518
HỨA DO: 193, 644
HỨA TRỌNG TUYÊN: 217
HƯNG LONG: 32, 503, 505, 508, 509, 511, 512, 516, 523, 524, 525, 529, 530, 532, 533, 535, 537, 538, 539, 542, 543
HƯNG THỐNG: 24, 31, 228
HỮU SÀO: 54
Hy Doãn thi văn tập: 5
KHANG VƯƠNG CẤU: 337
Khâm định Việt sử thông giám cương mục: 5, 9, 26
KHÂM THIÊN ĐẠI VƯƠNG: 415, 441, 455
KHÂM TỪ BẢO THÁNH HOÀNG THÁI HẬU: 505
Khâu Cấy: 474
KHÂU HÒA: 148, 149
Khâu Ôn: 474, 477, 729
KHẤU LẠI CÔNG: 44

I

Ích Châu: 101, 108, 170, 528

K

KHAI BÌNH: 30, 177
KHAI ĐẠI: 32, 671, 674, 675, 679, 684
KHAI HOÀNG VƯƠNG: 278, 281, 285, 286, 287, 289, 290
KHAI HỰU: 32, 559, 562, 565, 566, 567, 570, 572, 579, 590
KHAI MINH ĐẠI VƯƠNG: 233
KHAI MINH VƯƠNG: 31, 225, 231, 234, 235, 236, 237, 239, 240, 241, 247
KHAI NGUYÊN: 23, 151, 154, 162, 225
KHAI PHONG VƯƠNG: 234
KHAI QUỐC VƯƠNG: 259, 264, 270, 271, 283, 373
KHAI THÁI: 32, 42, 553, 554, 555, 556, 557, 559, 607
KHAI THIÊN THỐNG VẬN TÔN ĐẠO QUÝ ĐỨC THÁNH VĂN QUẢNG VŨ SÙNG NHÂN THƯỢNG THIỆN CHÍNH LÝ DÂN AN THẦN PHÙ LONG HIỆN THỂ NGUYÊN NGỰ CỰC ỨC TUẾ CÔNG CAO, ỨNG CHÂN BẢO LỊCH, THÔNG HUYỀN CHÍ ÁO HƯNG LONG ĐẠI ĐỊNH THÔNG MINH TỪ HIẾU HOÀNG ĐẾ: 270
KHAI THIÊN VƯƠNG: 257, 263, 264, 265, 266
KHAI THIÊN ỨNG VẬN THÁNH VĂN THẦN VŨ TẮC THIÊN SÙNG ĐẠO ĐẠI THẮNG MINH QUANG HIẾU HOÀNG ĐẾ: 232
KHANG THỪA HUẤN: 165, 167
KHƯƠNG QUỐC THƯỢNG TƯỚNG: 271
KHƯƠNG TRANG: 120
Kiếm ký: 174
KHẨU TUẦN: 146
Khiên Ngưu: 47
Khiết đan: 393
Khoái Trường: 326
KHOAN TRIỆT: 478
KHỔNG TỬ: 15, 34, 40, 48, 88, 243, 273, 279, 308, 374, 391, 441, 533, 559, 584, 609, 613, 649, 664, 680
KHU ĐẠT: 100, 120
KHU LIÊN: 100, 106, 120
Khuất Liêu (động): 23, 130, 133, 134, 135, 139, 140, 144, 145
KHẤT NGUYÊN: 430, 527
KHÚC HẠO: 177, 178, 180
KHÚC THỪA DỤ: 178
KHÚC THỪA HẠO: 37, 178
KHÚC THỪA HỰU: 174
KHÚC THỪA MỸ: 177, 178, 182
KHÚC TRUNG CHỦ: 37
KHUÔNG VIỆT (ĐẠI SƯ): 199, 221, 247
KHƯƠNG CÔNG PHỤ: 24, 155
Khương Công Phụ truyện: 156
Kiệu Nam: 149
KIM ANH KIỆT: 41
Kim Âu: 43, 492, 670, 672
KIM ĐINH A PHÓ: 334
Kim Khê: 95, 106
Kim Ngưu: 140
Kim Ninh: 150, 152
Kim tiên (bài viết): 10, 11, 18
KIM TRUNG LIỆT: 655
Kinh Dịch: 74, 116, 129, 171, 339, 346, 354, 359, 372, 379, 445, 464, 468, 478, 523, 558, 564, 623, 648
Kinh Đại Tạng: 235, 279
Kinh Hồ: 209, 234, 471, 473
Kinh Kim cương: 552
Kinh Lễ: 389, 392, 313, 341
Kinh Tam Tạng: 254
Kinh Tàng: 254
Kinh Thi: 81, 193, 273, 306, 313, 349, 351, 379, 392, 406, 430, 440, 445, 493, 546, 549, 622, 648, 656, 670, 712
Kinh Thư: 243, 290, 306, 340, 346, 383, 398, 419, 549, 653, 707

Kiếm Nam: 154, 172
KIẾN AN: 29, 90, 104, 105, 106, 108, 114, 89
KIẾN ĐỨC: 80, 82, 83
KIẾN GIA: 31, 127, 399, 402, 414, 417
Kiến Khang: 122, 136
KIẾN KHANG VƯƠNG: 387
Kiến Sơ: 53
KIẾN TÂN: 659, 660, 661
KIẾN TRUNG: 31, 155, 227, 327, 405, 407, 415, 419, 420, 422, 423, 431, 450, 530, 734
KIẾN VŨ: 29, 91, 93, 94, 95, 127
Kiến Giang (thành): 99
Kiệt Đặc: 586
KIỆT HIỆT: 147, 180
KIỀU CÔNG TIỄN: 38, 180
KIỀU HUYỀN: 97
KIỀU THUẬN: 38
KIỀU CÔNG HÃN: 38
KIỀU HIỀN: 431
KIỀU LỆNH CÔNG: 190
KIỀU QUỐC: 198
KIỀU THUẬN: 190
KIỀU TAM CHẾ: 190
KIỀU TRI HỰU: 189, 190
LA TU: 615, 648
LÃ ĐƯỜNG: 190
LÃ HẬU: 96, 351, 392, 404
LÃ HOẰNG: 91
LÃ TÁ CÔNG: 190
LÃ THÁI HẬU: 68
LÃ TRĨ: 96
LÃ XỬ BÌNH: 189
Lạc đạo: 509
LẠC ĐIỀU THỊ NGỰ: 168
LẠC LONG QUÂN: 19, 34, 48, 49, 50, 51, 54
LẠC VIỆT: 47, 69, 94, 98, 152
Lái Lão: 122
LẠI CUNG: 106, 112
Lam Sơn: 134, 145, 630, 716, 719, 721, 735, 737
Lãm Sơn: 40, 315, 325
Lãm Sơn dạ yến: 325
Kinh Xuân Thu: 15, 22, 38, 44, 48, 81, 103, 104, 217, 236, 269, 285, 306, 315, 459, 493, 620, 691
KINH DƯƠNG: 48, 49
KINH DƯƠNG VƯƠNG: 19, 27, 34, 48, 49, 54, 55, 56
Kinh Man: 74, 75
KÌNH THIÊN ĐẠI VƯƠNG: 223, 230

L

LA HÀNH CUNG: 163
La Hộc (nước): 387
LA NGẢI: 640, 641, 642
LA NGẠI: 666
LA NHỮ KÍNH: 734
La Thành: 37, 155, 159, 162, 169, 171, 173, 178, 422
Lâm Bình: 318, 540, 543, 553, 592, 593, 598, 612, 615, 616
LÂM ĐỒ PHÙ SINH NAM: 154
LÂM LƯ HẦU: 68
LÂM PHÚNG: 170
LÂM SĨ HOẰNG: 21, 65, 149
LÂM THAO: 59, 446
LẬP NGUYÊN HOÀNG HẬU: 261
LÂU THUYỀN TƯỚNG QUÂN: 80, 82, 94
LÊ Á PHU: 45, 632, 634
LÊ BÁ NGỌC: 332, 334, 335, 338, 339, 341, 342, 344, 345
LÊ BÁ QUÁT: 44, 588, 607
LÊ CẢNH: 45,
LÊ CẢNH HƯNG: 18
LÊ CẢNH TUÂN: 703
LÊ CƯ: 454
LÊ CƯ NHÂN: 553, 584
LÊ DUY: 553, 556, 557, 574, 613
LÊ DỮ NGHỊ: 631, 632
LÊ ĐÀ: 459, 461
LÊ ĐẠI HÀNH: 24, 39, 209, 215, 216, 217, 218, 226, 228, 231, 232, 233, 234, 235, 237, 241, 245, 247, 263, 265, 281, 317, 320, 325, 477
LÊ GIÁC: 45, 623

LAN ĐÀ TINH: 286
Lang Mang: 151, 155
Lãng Bạc: 6, 94, 96
LÃNG CÔNG: 38
Lãng Khung: 170
Làng Tín: 277
Lạng Sơn: 18, 33, 151, 216, 227, 266, 275, 283, 304, 317, 326, 454, 474, 477, 490, 578, 582, 624, 657, 675, 676, 707, 729, 730, 736
Lão Qua: 52, 709, 711, 712, 718
LÃO TỬ: 437, 339, 568, 665
LÃNG SÁCH: 234
Lâm Ấp: 25, 36, 98, 100, 110, 117, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 130, 131, 143, 144, 147, 148, 149, 152, 153, 154, 160, 175, 522
Lâm Ba (cầu): 437
Lê kỷ tục biên: 20
LÊ LẶC: 45, 632
LÊ LỄ: 724, 726, 727, 730
LÊ LỢI: 703, 716, 732, 733
LÊ LÝ: 275, 716
LÊ MẬT ÔN: 623, 627
LÊ MỊCH: 401
LÊ MỤC: 469
LÊ NGÂN: 702
LÊ NGỌA TRIỀU: 247
LÊ NGUYÊN BƯU: 45
LÊ ỐC THUYÊN: 236, 276
LÊ PHỤ TRẦN: 439, 447, 448, 449, 451, 461, 465, 451
LÊ PHỤNG HIẾU: 266, 412
LÊ QUÁT: 553, 591, 597, 607, 623
LÊ QUÝ LY: 611, 612, 615, 617, 618, 624, 625, 626, 631, 646, 652, 660, 664
LÊ SÁT: 719, 731
LÊ TÁI NGHIÊM: 250
LÊ THÁI: 447
LÊ THỊ KHẮC VIỆN: 612
LÊ THỤ: 731
LÊ THÚC HIẾN: 217
LÊ TÍCH: 43, 617
LÊ TÒNG GIÁO: 492
LÊ TRẮC: 446
LÊ HÁN THƯƠNG: 657
LÊ HẤP NI: 233
LÊ HIẾN PHỦ: 615
LÊ HOÀN (xem LÊ ĐẠI HÀNH): 115, 199, 205, 206, 207, 209, 220, 249, 358
LÊ HY TÔNG: 5
LÊ KHẮC KHIÊM: 641
LÊ KHẮC PHỤC: 461, 466
LÊ KÍNH PHU: 460, 590
LÊ TRUNG TÔNG: 233, 249, 250
LÊ TUÂN: 469, 471
LÊ TUNG: 6, 19, 20, 33, 34, 76, 236
LÊ VĂN BẢY: 6
LÊ VĂN HƯU: 6, 19, 20, 33, 74, 75, 76, 84, 95, 109, 124, 134, 170, 183, 189, 197, 198, 216, 217, 232, 244, 252, 260, 268, 270, 274, 279, 284, 289, 338, 342, 345, 346, 349, 368, 372, 436, 460
LÊ VĂN THỊNH: 316, 324, 325, 327
LÊ VẬN: 721
Lệ Thiên: 374, 427
Lịch sử văn học Việt Nam: 157
LỊCH TỰ CƠ: 350
Liêm Châu: 209, 234
Liệt nữ truyện: 155
Liêu Đông: 74
LIÊU GIA TRINH: 41, 271
LIÊU NGŨ: 367
LIÊU THỦ TÂM: 238
LIỄU SỞ HIỀN: 150
LIỄU THĂNG: 46, 689, 730, 731, 732, 733, 734, 736
LIỄU TÔNG NGUYÊN: 160
LINH ĐỨC ĐẠI VƯƠNG: 631, 632, 636, 416
LINH HIỂN THÁI HẬU: 270
Linh Kim tàng: 665
LINH NHÂN HOÀNG THÁI HẬU: 311, 332
Linh Quang (nỏ thần): 57
LINH TỪ: 43, 450, 451, 465
LINH TỪ QUỐC MẪU: 450, 451, 465
Lĩnh Biểu: 35, 36
Lĩnh Kiệu: 149
Lĩnh Nam: 22, 90, 95, 101, 104, 153, 165,

LÊ TRĂN: 721, 723
Lĩnh nam chích quái: 53, 57, 93, 133, 136, 139
Lĩnh Ngoại: 35, 95, 101
Loa Thành: 35, 36, 56, 58, 62, 63, 183
Long An: 252, 266
LONG BÀNG: 238
Long Biên: 22, 89, 119, 129,132
LONG BIÊN HẦU: 108, 109, 123
Long Châu: 60, 462, 573, 579, 591, 597, 734
LONG CHƯƠNG THIÊN TỰ: 31, 305
LONG ĐỘ ĐÌNH HẦU: 106
Long Đội: 39, 220, 436
Long Hưng: 130, 424, 425, 435, 480, 487, 492, 507, 513, 538, 540, 626, 642, 130, 435
LONG KHÁNH: 32, 374, 614, 615, 616, 618
LONG MAN: 169
LONG PHÙ: 31, 326, 327
Long Phượng: 290, 435
Long Thủy Hải: 326
Long Thủy Hiệp: 326
Long Thụy: 252
LONG THỤY THÁI BÌNH: 31, 299, 300, 301
Long Tri: 151, 153, 384, 507, 508
Long Ty: 263, 274
Long Xuyên: 21, 65, 93
LONG XƯỞNG: 371, 379, 381, 382, 386
LÔ TUẦN: 122
LÔ TỬ HÙNG: 131
LỖ QUANG CÔNG: 232
LỖ VƯƠNG ĐIỀN KỴ: 637
LỘ BÁC ĐỨC: 78, 80, 83
Lộ Lạc: 366
LỘC TỤC: 48,
LƯƠNG VŨ ĐẾ: 42, 119, 127, 129, 136, 254
Lưỡng Hà: 167
Lưỡng Hồ: 167
Lưỡng Quảng: 52, 75, 213, 304, 576, 304
LƯỢNG QUỐC THÁI TRƯỞNG CÔNG CHÚA: 610
166, 167, 179
Luận ngữ: 34, 273, 649, 656
Lục Chân Lạp: 155, 258
LỤC DẬN: 113
LỤC GIẢ: 67, 69, 70, 74, 75, 76
Lục Hải: 51
Lục Lệnh: 316, 362
Lục Lương: 60, 153
Lục Tổ: 250, 265,
LỤC TÚ PHU: 467
Luy Lâu: 89, 94
Lư Dung: 94, 121
LƯ ĐA TỐN: 209, 210
Lư Lăng: 126
LƯ TÔ THƯỢNG: 150
LỮ DỤNG CHI: 173
LỮ ĐẠI: 36, 110, 111, 112, 113
LỮ GIA: 35, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 112
LỮ HƯNG: 113, 114
LỮ NGUYÊN KHÁNH: 158
LƯƠNG CẢI: 350
LƯƠNG KHẮC TRINH: 178
LƯƠNG LONG: 102, 106, 178
LƯƠNG MẬU TÀI: 287
LƯƠNG MINH: 46, 730, 732
LƯƠNG NGẠN PHÙ: 201
LƯƠNG NGUYÊN BƯU: 653, 659, 662
LƯƠNG NHẬM VĂN: 250, 262, 271
LƯƠNG NHẬN VĂN: 41
LƯƠNG NHỮ HỐT: 714, 716, 728
LƯƠNG TĂNG: 504, 505
LƯƠNG THẠC: 118, 119, 175, 395, 396
LƯƠNG THÁI TỔ: 30, 177
LƯƠNG UẤT: 471, 495-496
LƯU TẢO: 101
LƯU THIỆN: 21, 66, 651
LƯU THÚC KIỆM: 665
LƯU THƯỜNG: 45, 634
LƯU TRẦM: 119
LƯU TRÙNG: 209, 216, 216, 217
LƯU TUẤN: 114, 694
LƯU VĂN: 6,
LƯU VĂN THÚC: 96
LƯU VŨ NHỊ: 41

LƯU ẨN: 177
LƯU BANG: 67, 188
LƯU BỊ: 66, 521, 651, 664
LƯU BIỂU: 106
LƯU BỘT: 126
LƯU CƠ: 39, 199
LƯU DIỄM: 424
LƯU DIÊN HỰU: 153
LƯU DỤ: 122, 204, 208, 694
LƯU DỤC: 694
LƯU ĐINH TRỰC: 495
LƯU HẬU: 220
LƯU HOẰNG: 83
LƯU HOẰNG THAO: 183, 491
LƯU HÙNG: 120
LƯU HÙNG NGỤY: 120
LƯU KẾ TÔNG: 223
LƯU KHẢI: 126
LƯU KHÁNH ĐÀM: 337, 344, 346, 355, 377
LƯU MIỄN: 431, 439
LƯU MỤC: 119, 125, 126
LƯU NGẠN: 112
LƯU NGHIỄM: 177, 179, 181
LƯU NHAM: 21, 66
LƯU PHIÊN: 122
LƯU PHƯƠNG: 98, 140, 142, 143, 145, 147, 160, 176
LÝ DƯ: 188
LÝ ĐẠO DU: 149
LÝ ĐẠO HƯNG: 150
LÝ ĐẠO KỶ: 41, 271
LÝ ĐẠO NGẠN: 150
LÝ ĐẠO THÀNH: 41, 310, 311, 312, 316, 324
LÝ ĐỘ: 223
LÝ GIÁC: 219, 220, 222, 328
LÝ HẰNG: 322, 478, 480, 481, 484
LÝ HIỆU ÚY: 59
LÝ HÒA THUẬN:
LÝ HỘ: 165
LÝ HÚC: 114
LÝ HUỆ TÔNG: 405, 415, 450, 652
LÝ KHẢN: 509
LÝ KHÁNH: 244, 245, 250, 341, 342,
LƯU VŨ XỨNG: 362, 363, 376
LÝ AN: 347, 721, 724
LÝ ANH TÔNG: 25
LÝ BẢO: 341, 342, 687
LÝ BẢO QUAN: 332
LÝ BẤT NHIỄM: 401
LÝ BÔN: 23, 25, 130, 132, 134, 135, 154
LÝ CẢNH CHI: 124
LÝ CAO TÔNG: 279, 398, 650
LÝ CẦM: 104, 105, 107
LÝ CHIÊU HOÀNG: 41, 405, 460
LÝ CÔNG BÌNH: 41, 342, 343, 357
LÝ CÔNG UẨN: 232, 240
LÝ CƯ GIẢN: 225
LÝ DI: 122
LÝ DỊCH: 122
LÝ DO ĐỘC: 164
LÝ DU ĐỒ: 374, 378
LÝ DUY CHU: 168
LÝ NGUYÊN GIA: 162
LÝ NGUYÊN KHẢI: 127
LÝ NGUYÊN TỐ: 162
Lý Nhân: 53
LÝ NHÂN MỸ: 257
LÝ NHÂN NGHĨA: 257, 266, 271
LÝ NHÂN TÔNG: 242, 313, 339, 404, 526
LÝ NHƯỢC CHUYẾT: 219, 228
LÝ ÔNG TRỌNG: 58, 59
LÝ PHẬT TỬ: 135, 138, 145
LÝ PHÚC: 155, 158
LÝ PHỤNG: 334, 351, 352, 353
LÝ QUÁN: 481, 484
LÝ SÙNG PHÚC: 341
LÝ TẮC: 127
LÝ TẤT KIẾN: 547
LÝ THẠC: 260
LÝ THÁI TỔ: 40, 53, 216, 217, 231, 233, 239, 243, 244, 245, 247, 252, 253, 256, 258, 261, 262, 263, 265, 269, 270, 273, 308, 321, 376, 405, 407, 408, 423
LÝ THÁI TÔNG: 263, 277, 285, 297, 329, 409, 582
LÝ THÁNH TÔNG: 279
LÝ THẦN TÔNG: 341, 541
LÝ THIÊN BẢO: 135, 136

730, 732
LÝ KHÁNH THÀN: 342
LÝ KHÁNH VĂN: 244, 245, 250
LÝ KHẮC CHÍNH: 178, 180
LÝ KHUÊ: 190
LÝ KIẾN TRUNG: 227
LÝ KÍNH TU: 41, 387, 398
LÝ KỲ: 675
LÝ LÃNG CÔNG: 190, 196
LÝ MẠNH THU: 155, 175
LÝ MẬT: 272
LÝ NAM ĐẾ: 22, 23, 36, 97, 134, 135, 197, 319
LÝ THỦ DUNG: 178
LÝ THÚC HIẾN: 126
LÝ THƯỜNG HIẾN: 329
LÝ THƯỜNG KIỆT: 316, 318, 319, 327, 328, 412, 413, 442, 517
LÝ THƯỢNG CÁT: 324
LÝ TIẾN: 102, 104, 107, 178, 179
LÝ TỘ: 115, 116
LÝ TỐN: 121, 122, 175
LÝ TRA: 169
LÝ TRÁC: 164, 169, 170
LÝ TRIỆT: 271
LÝ TRƯỜNG NHÂN: 126
LÝ TÚ CHI: 124
LÝ TÚ QUYÊN: 332
LÝ TƯ DIỄN: 470, 495, 506
LÝ TỬ KHẮC: 346
LÝ TỬ TẤN: 654, 655
LÝ TỰ TIÊN: 153
LÝ TƯỢNG CỔ: 161
LÝ VẠN XUÂN: 141
LÝ VĂN TUẤN: 452
LÝ XUÂN: 141

M

Ma Hoàng: 227
Ma Linh: 308, 318, 537
Ma Lôi: 58, 487
MA LÔI: 422
MA QUANG CAO: 166
LÝ THỌ: 150
LÝ THOÁT: 122

MÃ ANH: 726, 733, 734
MÃ DUNG: 114
MÃ ĐOAN LÂM: 228
MÃ HỢP BỘ: 453
MÃ HỢP MƯU: 554
MÃ KỲ: 715, 716, 724, 726, 727, 730, 733, 734
MÃ PHỤC BA: 6, 96
MÃ VĂN UYÊN: 98
MÃ VIỆN, *Mã Viện Truyện*: 94, 96, 98, 99, 100, 148, 154, 161, 171, 460
MẠC ĐĨNH CHI: 457, 526, 529, 536, 553, 554
MẠC HIỀN: 335, 336, 337
MẠC HIỀN TÍCH: 325, 326, 526
MAI HẮC ĐẾ: 23, 37, 154
MAI KIỆN: 497
Mai Lĩnh: 35, 517
MAI THÚC LOAN: 23, 154, 175
Man Hoàng Động: 162
Man Thục Thoan: 159
Man Vân Nam: 163
MANG TẤT VIỆT: 155
MẠNH BÔN: 124
MẠNH GIÁP: 452
MẠNH TỬ: 34, 49, 62, 181, 441, 449, 589, 596, 655, 707, 712
MAO CẢNH: 114, 115
MAO LINH: 114
Mân Việt: 47, 75, 76, 77, 87, 228
MÂN VIỆT VƯƠNG SÍNH: 76, 77
Mê Linh: 89, 92, 93, 94, 95

N

Na Ngạn: 338
NÃI MÃ THAI: 539
Nại Chính (trạm): 224
Nam Bà La: 462
Nam Bắc phân tranh: 20, 181
NAM BÌNH VƯƠNG: 177, 228, 234, 262, 282, 307, 325, 351, 361, 381, 384

Ma Sa (động): 333
MINH ĐẠO: 31, 286, 287, 288, 358, 526
MINH ĐẾ: 226, 227, 230, 235
MINH ĐỨC THÁI HẬU: 244
MINH KIẾN VĂN: 32, 661, 664, 666
Minh Linh: 308, 318
MINH THÀNH TỔ: 671, 686
Minh thống chí: 98
MINH TÔNG HOÀNG ĐẾ (xem TRẦN MINH TÔNG): 32, 544
MINH TUYÊN TÔNG: 725
MINH TỰ NGUYỄN MẶC LÃO: 463
MINH VĨNH LẠC: 32, 674, 675, 679, 684, 693, 696, 700, 701, 705, 707, 711, 714, 715, 7361, 16, 717, 718, 720, 721, 722
MINH VƯƠNG: 35, 78, 81, 84
MINH XƯỞNG: 231, 235, 248
MỘC THẠNH: 682, 683, 689, 691, 694, 695, 698, 705, 706, 708, 711, 713, 730, 731, 733, 736
Mông Cổ: 378, 393, 421, 445, 446, 447, 449, 452, 453, 455, 456, 457, 459, 460, 484, 490, 519, 722
Mông Tuấn: 170
Mông Xá: 170
Một Cột (chùa): 253
MỤC BÀ MA: 598, 618
MỤC DI: 247
MỤC HY: 147
MỤC THẬN: 327
Mường Mai: 524
Mỹ Lương: 159
MỴ CHÂU: 60, 61, 62, 63, 64
MỴ Ê: 293, 510
MỴ NƯƠNG: 51, 53, 56
NGHỆ TÔNG HOÀNG ĐẾ (xem TRẦN NGHỆ TÔNG): 32, 603
Nghênh Thiềm: 391
Nghi Phượng (lầu): 178
Nghi Xuân: 33
NGHIÊM BẢO TÍNH: 279
NGHIÊM CÔNG TỐ: 161
NGHIÊM LA TRẦN TỬ LƯƠNG: 500
Nghiên Quan: 85,
Nam Chiếu: 57, 59, 102, 155, 161, 163, 164, 165, 166, 168, 169, 170, 171, 172, 174, 176, 260, 298, 519
Nam Dương: 47, 100, 106, 124, 155
Nam Đẩu: 386, 572
Nam Định: 150, 151, 168
Nam Đường: 23, 154, 237
Nam Giao: 24, 48, 52, 86, 153, 379, 416, 470
Nam Hải: 21, 52, 55, 60, 62, 66, 67, 83, 86, 91, 93, 103, 110, 112, 113, 126, 155, 177, 178, 179, 387
NAM HẢI VƯƠNG: 177
Nam Hán: 37, 66, 177, 179, 182, 362
Nam Khang: 126
Nam Man truyện: 90, 121, 165
Nam Phiêu: 170
NAM PHONG VƯƠNG: 223, 230
Nam Quận: 69
Nam quốc sơn hà: 319
NAM QUỐC VƯƠNG: 226, 672
Nam Sơn (núi): 219, 263, 272
NAM TẤN VƯƠNG: 38, 187, 189, 194, 320
Nam Việt: 35, 47, 48, 52, 55, 60, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 76, 77, 79, 80, 83, 93, 104, 116, 119, 132, 143, 149, 221, 318, 381, 406
NAM VIỆT ĐẾ: 132
NAM VIỆT VƯƠNG: 21, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 77, 83, 149, 197, 199, 200, 201, 203, 380, 381
NẬU THÍCH ĐINH: 455, 506
Nê Thông (ngựa): 618
NGÂN BÍCH: 223
Nghệ An: 33, 230, 237, 259, 260, 281, 292, 293, 309, 312, 329, 335, 342, 343, 344, 345, 351, 352, 357, 367, 371, 372, 384, 396, 401, 418, 425, 476, 479, 542, 543, 547, 553, 566, 567, 570, 671, 578, 589, 612, 615, 616, 617, 623, 625, 626, 629, 641, 647, 657, 686, 688, 692, 693, 695, 698, 699, 701, 702, 705, 708, 701, 717, 723, 724, 725, 736, 757
NGÔ KHẮC: 431
NGÔ LÃM CÔNG: 190

NGHIỄM THIÊN HOÀNG HẬU: 342
NGHIÊU TẤU: 228
NGỌ PHONG CÔNG: 11, 18
NGỌ PHONG CƯ SĨ: 18, 33
NGỌA TRIỀU: 39, 40, 44, 226, 231, 232, 233, 234, 236, 238, 239, 243, 249, 250, 256, 273, 408
Ngọa Vân (am): 533, 534, 538
Ngoại sử: 242, 304
Ngoại truyện: 197, 244, 355, 388, 428
NGỌC THA CÔNG CHÚA,
Ngọc Thanh (quán): 43, 661
Ngọc tỉnh liên phú: 527, 529
NGÔ BỆ: 575, 576, 590, 591
NGÔ CHÂN LƯU: 199
Ngô Cối: 74, 75
NGÔ CÔNG LÝ: 392
NGÔ CỰ: 106, 108, 112
NGÔ DẦN: 595
NGÔ ĐÌNH GIỚI: 500
NGÔ ĐỨC THIỆU: 462
Ngũ Huyện Giang: 225
Ngũ Lĩnh: 24, 47, 60, 69, 70, 76, 84, 85, 86, 91, 93, 94, 95, 127, 132, 136, 175, 200
Ngũ tử thi ca: 398
NGŨ VIÊN: 45
NGỤY QUỐC BẢO: 343, 347, 353, 357
NGỤY TRỌNG HÒA: 306
NGỤY TRƯNG: 289, 668
NGỤY TƯỜNG: 223
NGUYÊN DẬN: 616, 652
NGUYÊN ĐỈNH: 95
NGUYÊN GIA: 23, 119, 123, 124
NGUYÊN GIỚI HUÂN: 454
NGUYÊN HÒA:98, 99, 161, 162, 163
NGUYÊN PHONG: 29, 31, 89
NGUYÊN SỞ KHÁCH: 155
NGUYÊN THÁNH THIÊN CẢM HOÀNG THÁI HẬU: 469, 488
NGUYÊN TỐ: 23, 163
NGUYÊN TRÁC: 577
NGUYỄN BÁ LINH: 526
NGUYỄN BÁ NGHI: 334
NGUYỄN BANG CỐC: 426
NGÔ LANG: 604, 606
NGÔ LÝ TÍN: 387, 388, 389
NGÔ NAM ĐẾ: 38
NGÔ NGẠN: 118
NGÔ NHẬT HOAN: 218, 223
NGÔ NHẬT KHÁNH: 38, 190, 196, 208
NGÔ NHƯỠNG: 258
NGÔ QUỐC ÂN: 220
NGÔ QUYỀN: 20, 180, 181, 182, 185, 186, 192, 195, 208, 317
NGÔ SĨ LIÊN: 6, 19, 20, 22, 333, 50, 61, 64, 74, 75, 76, 81, 84, 99, 104, 105, 116, 125, 127, 132, 134, 139, 142, 148, 171, 172, 178, 181, 183, 184, 187, 191, 203, 207, 217, 218, 226, 232, 239, 243, 265, 268, 271, 273, 279, 280, 282, 285, 286, 289, 293, 299, 300, 306, 310, 311, 312, 327, 328, 331, 335, 339, 346, 347, 349, 352, 353, 358, 363, 369, 372, 382, 384, 385, 389, 402, 403, 407, 408, 416, 418, 423, 425, 429, 440, 443, 447, 449, 450, 452, 464, 468, 473, 478, 483, 493, 495, 500, 501, 510, 512, 531, 533, 534, 538, 542, 545, 549, 551, 557, 560, 565, 572, 575, 588, 599, 604, 605, 608, 610, 611, 613, 614, 616, 619, 623, 624, 625, 627, 631, 632, 637, 639, 645, 648, 649, 652, 655, 658, 662, 663, 678, 687, 691, 693, 695, 696, 697, 702, 704, 705, 710, 730, 735, 757
NGÔ Sứ quân: 11, 18, 27, 158, 193
NGÔ TẦN: 436
NGÔ THÌ NHẬM: 5, 9, 11, 18
NGÔ THÌ SĨ: 5, 9, 11, 18, 19, 33, 47, 48, 50, 51, 54, 58, 59, 63, 65, 71, 72, 75, 77, 81, 85, 86, 90, 93, 96, 103, 106, 109, 111, 116, 118, 126, 128, 133, 134, 135, 137, 140, 143, 148, 154, 159, 161, 171, 174, 179, 180, 181, 183, 185, 187, 188, 199, 200, 201, 202, 204, 205, 207, 210, 212, 213, 214, 218, 222, 223, 226, 230, 236, 239, 244, 245, 251, 253, 257, 260, 261, 262, 263, 264, 265, 269, 271, 273, 275, 277, 278, 281, 282, 285, 287, 288, 291, 293, 297, 299, 300, 302, 303, 305, 306, 307, 308, 309, 313, 317, 322, 324, 328, 334, 345, 346, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 354, 355, 356, 357, 359, 361, 364, 369, 370, 371, 373,

NGUYỄN BẶC: 39, 200, 204, 206, 207
NGUYỄN BẰNG CỬ: 669
NGUYỄN BIỂU: 714, 715, 176
NGUYỄN BỐ: 629
NGUYỄN CÁN: 45
NGUYỄN CẢNH CHÂN: 674, 682, 702, 704
NGUYỄN CẢNH DỊ: 704, 706, 711, 713, 715
NGUYỄN CHÍ: 358, 642
NGUYỄN KHANG: 647, 685, 687
NGUYỄN KHÁNG: 45
NGUYỄN KHÁNH: 273, 281, 344, 664
NGUYỄN KHOÁI: 494
NGUYỄN KHOAN: 191, 255, 344
NGUYỄN KHOAN BIỂU: 255
NGUYỄN KIÊN NGÔ: 356
NGUYỄN KIM NGAO: 630
NGUYỄN KỴ: 642
NGUYỄN LỆNH CÔNG: 191, 197
NGUYỄN MÃI: 354
NGUYỄN MINH KHÔNG: 358
NGUYỄN NGẠN QUANG: 682, 686, 693
NGUYỄN NGHIỄM: 33
NGUYỄN NHẬT KIÊN: 691
NGUYỄN NHIÊN: 610, 611, 617
NGUYỄN NHƯ MAI: 368
NGUYỄN NHỮ CÁI: 669
NHỮ VI: 579
NỘN: 418
NGUYỄN ÔNG KIỀU: 675
NGUYỄN PHẢ LÂN: 396
NGUYỄN PHI KHANH: 667, 687
NGUYỄN PHÍ: 122
NGUYỄN PHÓNG: 120
NGUYỄN PHU: 120
NGUYỄN QUỐC: 375
NGUYỄN QUYÊN: 367
NGUYỄN QUYẾT: 45
NGUYỄN SĨ CỐ: 461, 531, 548, 564
NGUYỄN SIÊU: 38, 190
NGUYỄN SỬ: 45
NGỰ NAM VƯƠNG: 233
Ngưu Hống: 306, 560

374, 375, 378, 380, 382, 385, 390, 391, 392, 394, 394, 395, 397, 398, 403, 408, 416, 417, 421, 425, 426, 429, 431, 432, 433, 436, 438, 441, 442, 444, 445, 446, 448, 449, 451, 454, 470, 481, 483, 488, 491, 493, 496, 497, 498, 502, 503, 505, 510, 514, 515, 516, 522, 523, 526, 531, 535, 542, 544, 546, 549, 551, 558, 564, 568, 569, 570, 571, 572, 574, 576, 577, 579, 581, 582, 585, 589, 590, 593, 594, 595, 596, 597, 600, 604, 609, 610, 612, 622, 629, 634, 638, 639, 640, 645, 646, 648 649, 650, 651, 653, 654, 655, 658, 663, 665, 666, 667, 669, 670, 671, 675, 678, 680, 681, 687, 689, 690, 695, 696, 697, 699, 703, 704, 706, 709, 712, 736, 757
NGÔ TÔN QUYỀN: 30, 87, 108
NGÔ TỬ AN: 230
NGÔ TỬ CANH: 219
NGÔ VƯƠNG (xem NGÔ QUYỀN): 10
NGÔ XƯƠNG NGẬP: 38
NGÔ XƯƠNG VĂN: 190
NGÔ XƯƠNG XÍ: 38, 191, 197
NGỘ KHÔNG: 57
NGU BẠO: 112
NGU TỴ: 114, 115
NGUYỄN CHƯƠNG: 476, 704
NGUYỄN CÔNG ĐÀO: 359
NGUYỄN CÔNG KHÔI: 688
NGUYỄN DI CHI: 123
NGUYỄN DOÃN: 647
NGUYỄN DU: 557
NGUYỄN DŨ: 557
NGUYỄN DỤNG PHỦ: 663
NGUYỄN DUY ĐỨC: 166
NGUYỄN DƯ: 395
NGUYỄN ĐA PHƯƠNG: 624, 626, 627, 637, 639
NGUYỄN ĐẠI NĂNG: 673
NGUYỄN ĐẠI PHẠP: 502
NGUYỄN ĐẠO THANH: 254
NGUYỄN ĐĂNG BÍNH: 78
NGUYỄN ĐỊA LÔ: 476, 477
NGUYỄN ĐĨNH: 642
NGUYỄN ĐÔNG: 642
NGUYỄN ĐÔNG CHI: 157

Nhà xuất bản Khoa học xã hội: 25
NHÃ LANG: 138
NHẠC PHI: 46
NHẠC VŨ MỤC: 46
NHÂM DIÊN: 22, 90, 91, 92, 95, 104, 112
NHÂM HANH THÁI: 653
NHÂM HIÊU: 52, 60, 63, 66
NHÂN HOÀNG: 47, 311, 331, 332
NHÂN HUỆ VƯƠNG: 472, 487, 511
NHÂN KIỆT: 45, 261, 389
NHÂN THỌ: 30, 142, 143, 147
NHÂN TĨNH VƯƠNG NGUYÊN DĨNH: 639
NHÂN TÔNG HOÀNG ĐẾ (xem LÝ NHÂN TÔNG) : 31
NHÂN HOÀNG ĐẾ (xem TRẦN NHÂN TÔNG): 291, 317
NHÂN UYÊN HẦU: 33
Nhất Dạ: 62, 133
Nhật Bản: 483, 486
Nhật Nam: 21, 22, 24, 51, 65, 83, 85, 93, 94, 95
NHẬT TÂN: 301
NHẬT TÔN: 299
NHỊ THẾ HOÀNG ĐẾ: 60
NHỊ THẾ: 97
Nhu Viễn: 51, 150, 158, 159
NHỤ TỬ ANH: 184
Nhuế đồng: 430
Như Hồng: 227, 228, 237, 263
Như Nguyệt: 319, 320, 480
NHƯ THUẦN: 60

PHẠM A SONG: 597, 603, 617
PHẠM BẠCH HỔ: 191
PHẠM BỐ: 402
PHẠM BÌNH DI: 397, 399
PHẠM CANH: 682
PHẠM CÔN SA ĐẠT: 125
PHẠM CỰ ĐỊA: 457, 482
PHẠM CỰ LẠNG: 211, 249, 322, 379
PHẠM CỰ LUẬN: 629, 636, 641, 653, 659, 661, 664
PHẠM DU: 399, 400
NGUYỄN ĐỨC CHINH: 330
NGUYỄN GIA LOAN: 190, 196
NGUYỄN HÀ VIÊM: 344
NGUYỄN HÀN: 45
NGUYỄN HÁN ANH: 643
NGUYỄN HIỀN: 436
NGUYỄN HIỆU NHUỆ: 476
NGUYỄN HUỆ: 5
NGUYỄN HỮU CÔNG: 190
NGUYỄN KHA: 45, 632
NGUYỄN KHẢ HÀNH: 640
NGUYỄN THÁI: 38, 190, 196
NGUYỄN THÁI BÌNH: 190, 196
NGUYỄN THÁM: 452
NGUYỄNTHANH: 636
NGUYỄN THÀNH: 665
NGUYỄN THÁNH HUẤN: 461, 597
NGUYỄN THẾ LỘC: 476
NGUYỄN THỊ THẢO: 6
NGUYỄN THỦ TIỆP: 38, 190, 196
NGUYỄN THUYÊN: 471
NGUYỄN THƯ BẬT: 254
NGUYỄN THỨC: 486, 489
NGUYỄN THƯỜNG: 392, 393
NGUYỄN TIỂU LUẬT: 623
NGUYỄN TOÁN: 628
NGUYỄN TÔNG ĐẠO: 628, 629, 673, 677, 700
NGUYỄN TÔNG ĐỖ: 683
NGUYỄN TÔNG MẠI: 640
NGUYỄNTÔNG HIẾU: 127
NGUYỄN TRÃI: 665, 729, 733
NGUYỄN TRUNG NGẠN: 44, 530, 548, 557, 558, 559, 571
NGUYỄN ỨNG LONG: 648
NGUYỄN.VĂN HIẾN: 383
NGUYỄN VĂN NGHÊ: 45
NGUYỄN VĂN THÔNG: 488
NGUYỄN VIỆT THÂN: 278
NGỰ BẮC VƯƠNG: 234
NGỰ CÂU VƯƠNG HÚC: 623, 628
Ngự Dược (am): 518
NGỰ MAN VƯƠNG: 226
Ninh Hải: 51, 151, 153
NỊNH TRƯỜNG CHÂN: 148, 150

PHẠM DƯƠNG MẠI: 123
PHẠM HẠC: 255
PHẠM HẠP: 207, 208
PHẠM HOÀNG HẬU: 219
PHẠM HỒ ĐẠT: 121, 122, 149
PHẠM HÙNG: 117, 120
PHẠM HUYỀN LINH: 45, 623
PHẠM KHẢ VINH: 666
PHẠM KHẢ VĨNH: 642, 647
PHẠM KIỆN: 122
PHẠM KÍNH ÂN: 429, 430, 435, 444
PHẠM LỆNH CÔNG: 185, 186
PHẠM MẠI: 548
PHẠM NGỘ: 557, 560, 618
PHẠM NGŨ LÃO: 44, 504, 513, 515, 516, 517, 522, 528, 544, 552, 554, 588, 591
PHÀN CHÍ: 133
PHẠN CHÍ: 148, 149, 161
PHÀN DIỄN: 100
PHÀN TIẾP: 488, 489, 493, 495, 497
PHÀN XƯỚC: 167
PHÁP LOA: 537, 538, 539, 540
PHÁP NGỮ: 299
PHÁP THIÊN NGỰ CỰC ANH LIỆT VŨ THÁNH NHÂN MINH HOÀNG ĐẾ: 469
Pháp Vân: 256, 313, 360, 380, 391
Phạt mộc: 194
Phân Mao (núi): 98
Phần Thủy: 115
PHẬT KIM (xem LÝ CHIÊU HOÀNG): 408
Phật Thành: 224
Phật Thệ: 224, 294
PHẾ ĐẾ (nhà Đinh): 30
PHẾ ĐẾ (nhà Trần): 119
PHI LIÊM: 59, 588
PHÍ CÔNG TÍN: 343, 347, 348, 376, 377, 398
PHÍ LANG: 394
PHÍ MẠNH: 501
PHÍ SÙNG ĐỨC: 226
PHÍ TRÍ: 254
PHÍ YÊM: 125
Nội Bàng: 477, 478, 493
NÔNG NGẠN CƯƠNG: 370
NÔNG VĂN LỊCH: 713
NÙNG KIÊN HẦU: 297
NÙNG TÔN PHÚC: 277, 284
NÙNG TRÍ ÂN: 297
NÙNG TRÍ CAO: 265, 277, 288, 291, 295, 296, 298, 364
NỮ OA: 97

O – Ô

Oản Tuyền (viện): 250
Ô (châu) : 120
Ô Diên: 138, 141, 142, 145
Ô Hử Man: 102
Ô LÂN: 635
Ô Lộ: 256, 227, 657, 668
Ô Man: 102, 161, 171, 192
Ô TU: 677
Ô MÃ NHI, 319, 473, 479, 481, 483, 484, 488, 489, 490, 493, 494, 495, 497, 498, 499, 502, 509, 521, 522, 706
ÔN PHỐNG CHI: 121
ÔNG TRỌNG (xem LÝ ÔNG TRỌNG): 58, 59

P

Pari: 9
Pha Lũy: 730
PHÁ LẶC: 37, 158
PHÁ TỐ LĂNG: 357
PHẠM NGUYÊN HĂNG: 576
PHẠM NHAN: 522
PHẠM NI TA: 168
PHẠM PHÀN CHÍ: 131
PHẠM PHẬT: 120
PHẠM PHỔNG ÁT: 38, 190, 191, 196
PHẠM PHÙ LONG: 124
PHẠM SƯ MẠNH: 44, 553, 576, 588, 590, 591, 593, 607
PHẠM SƯ ÔN: 640

Phiên Dương: 108, 149
Phiên Ngung: 21, 35, 52, 65, 66, 80, 8283, 86, 93, 112, 113, 149, 177, 228, 380
PHÙNG LUẬT: 286
PHÙNG PHÍ: 114
PHÙNG SĨ CHU: 497
PHÙNG TÁ CHU: 44, 404, 418, 419, 425, 426, 427, 431, 432
PHÙNG TRÍ NĂNG: 294
Phụng Công: 190
PHƯƠNG CHÍNH: 719, 723, 724, 726, 727, 730, 733, 734, 736

Q

Qua Oa: 120, 366, 578
QUA THUYỀN TƯỚNG QUÂN: 80, 83
QUÁCH BỐC: 395, 396, 397, 411, 412
QUÁCH CÔNG: 48
QUÁCH MÃ: 117
QUÁCH NGANG: 238
QUÁCH NHÃN: 461
QUÁCH PHÂN DƯƠNG: 44
QUÁCH QUÂN BIỆN: 216, 219
QUÁCH QUỲ: 318, 319, 320, 321, 323
QUÁCH TỬ NGHI: 478, 563, 569
Quan Lang: 366
QUAN PHỤC ĐẠI VƯƠNG HÚC: 616, 626
Quan Trung: 67, 165, 420
QUÁN TOẠI: 121
QUẢN THÚC: 232
QUANG HIẾN THẦN PHI: 612, 613
QUANG HOA ANH TRIẾT THÁI THƯỢNG HOÀNG ĐẾ: 614

S

Sa Khâu: 60
SẠ ĐẦU: 291, 292, 293
Sách Giang (chùa): 220
Sách Mã Tích: 563
PHẠM THẦN: 646
PHẠM THÀNH ĐẠI: 321, 324, 361
PHẠM THẢO: 509
PHẠM THẦN THÀNH: 131
PHẠM THỊ THOA: 6
PHẠM THƯƠNG CỐI: 569
PHẠM TÍN: 336, 349, 357
PHẠM TÍN NGÔN: 357
PHẠM TRĨ: 120
PHẠM TRUNG HÀNG: 45
PHẠM TU: 123, 131, 132, 144, 148
PHẠM TU ĐẠT: 123
PHẠM ỨNG MỘNG: 441, 487
PHẠM VĂN: 120, 131, 725, 726, 732
PHẠM VĂN TÁN: 131
PHAN CẢNH: 333
PHAN ĐƯỜNG LIỆT: 271
PHAN HÒA PHỦ: 674, 685
PHAN HUY LÊ: 25
PHAN PHU TIÊN: 6, 19, 20, 33, 429, 465, 588, 625, 648, 654, 657, 664, 673, 691, 695, 734
PHAN VĂN CÁC: 25
PHIÊN NGUNG HẦU: 113
Phong Châu: 38, 51, 91, 92, 93, 132, 141, 145, 150, 152, 155, 229
PHONG HIỆU: 389, 421, 541
Phong Khê: 24, 56, 94, 98, 99, 151, 186
Phong Thiên: 425, 610
PHÒNG PHÁP THỪA: 127
PHÓNG HUÂN: 243
Phổ Minh (chùa): 453, 727
Phổ Minh (đỉnh): 727
PHỔ TUỆ: 549
Phù Da: 168
PHÙ ĐÁI VƯƠNG: 226
Phù Đổng: 53, 402, 407
PHÙ ĐỔNG THIÊN VƯƠNG: 53
Phù Lan: 224, 233, 319
Phù Liệt: 38, 190, 196
Phù Ủng: 550, 586
Phủ Lý: 33
PHỤ QUỐC THƯỢNG TƯỚNG: 271, 329
Phúc Lộc: 51, 99, 150, 152, 158
PHỤC BA TƯỚNG QUÂN (LỘ BÁC

SÀI THUNG: 466, 469, 470, 506
SÁI KINH: 165, 166
SÁI TẬP: 165
SÁI TỐN: 131
Sao Chổi: 72
Sao Thái Vi: 72
SẢNG ĐÌNH: 157
Sâm Thị (sông): 540
SẦM ĐOẠN: 492
Sầm Tử: 511
SĨ HUY: 110, 111, 113
SĨ KHUÔNG: 36
SĨ NHIẾP: 6, 21, 22, 103, 106, 108, 110
SĨ VƯƠNG (xem SĨ NHIẾP): 6, 21, 22, 35, 85, 103, 104, 109, 110
Siêu Loại: 38, 190, 196, 539
SIÊU MÃNH TƯỚNG QUÂN: 136
Siếu hữu mai: 349
SỞ KHÁCH: 37
SỞ VƯƠNG: 234
Sơn Nam: 18, 33, 610, 658
Sơn Tây: 33, 158, 251, 689
SƠN TINH: 53, 54, 62
Sùng chân uy nghi: 199
TÀO THÁO: 192, 657
TÀO THỰC: 192
TĂNG CỔN: 169, 172, 174, 178
Tăng già toái sự: 533
TĂNG HIỆP: 120
TĂNG KHOAN: 597
Tân chi sơ diên: 351
Tân Cương: 388
TÂN DỤ HẦU: 131
Tân Đường Thư: 153, 154, 155, 159, 164, 169, 171
TẦN CỐI: 46
TẦN NHỊ THẾ: 29, 62, 66
TẦN THỦY HOÀNG: 56, 58, 59, 60, 85, 438
TẦN CAO TỔ: 30, 180
TẦN HIẾN CÔNG: 246
TẦN THIÊN PHÚC: 30, 180, 181, 183
Tây Âu: 60, 69, 71, 75, 87
Tây Di: 74, 88, 102
Tây Đô: 158, 206, 656, 668, 719, 725,
ĐỨC): 78, 80, 83
PHỤC BA TƯỚNG QUÂN (MÃ VIỆN): 94
PHÙNG AN: 159
PHÙNG ÁNG: 149
PHÙNG BỐ CÁI: 37
PHÙNG CHÂN: 260
PHÙNG CỤ: 652
PHÙNG HƯNG: 23, 104, 157, 158
QUANG LOAN: 621
QUANG NGHĨA: 202
QUANG THÁI: 32, 33, 634
QUANG TOẢN: 9
QUANG TRUNG: 5
QUANG VŨ ĐẾ: 29
Quảng Châu: 21, 60, 66, 86, 87, 110, 111, 114, 117, 118, 119
QUẢNG HỰU: 31, 296, 325
Quảng Nam (Quảng Đông, Quảng Tây thuộc Lĩnh Nam): 234
QUẢNG NHÂN SÙNG HIẾU VĂN VŨ HOÀNG ĐẾ: 358
Quảng Oai: 53, 401, 403, 407, 616, 627, 726
Quảng Phúc: 252, 263, 596
Quảng Tín: 90, 93, 103
Quảng Từ: 365, 366, 367
Quảng Vũ: 276, 285, 286, 367
Quế hải trì: 321
Quế Lâm: 21, 52, 60, 65, 71, 83, 94
Quốc học viện: 441
Quốc sử biên lục: 33
Quốc triều thống chế: 422
Quốc tử giám: 219, 321, 435, 607, 715
Quy Điền (chuông): 40
Quy Nghĩa: 80, 155
Quỳ Khâu: 202
QUÝ HỮU: 232
QUÝ LỊCH: 74
QUÝ TRÁT: 193, 589
SÙNG HIỀN HẦU: 330, 332, 338, 340, 345

735
TÂY HÁN: 19
TÂY HƯNG VƯƠNG: 158
TÂY SƠN: 5, 9, 10, 18
Tây thiên (điệu hát): 40
Tây Vực: 388
TỀ HOÀN CÔNG: 246
Tề Quốc: 160
Thả Lan: 80, 83
THẠCH ĐÁI: 89, 90, 95
THẠCH ĐỨC: 90
Thạch Môn: 82
Thạch Thành: 43, 229
Thạch thất mỵ ngữ: 533
Thăng Long: 249, 252, 253, 261, 264, 271489, 656, 695
THẨM KHÁC: 135
Thất Nguyên: 266, 367
THÂN BAO TƯ: 704
THÂN LỢI: 361, 362, 363, 376
THẦN ÁNH PHU NHÂN: 340
Thần Đầu (cửa biển): 377
THẦN NÔNG: 34, 47, 48, 282
THẦN SÁCH TƯỚNG QUÂN: 165
THẦN TÔNG HOÀNG ĐẾ (xem LÝ THẦN TÔNG): 31
THẦN VŨ: 31, 216, 232, 273, 308, 567, 625, 752, 764
THẦN VŨ HOÀNG ĐẾ: 273
Thập cầm, 642
THẬP ĐẠO TƯỚNG QUÂN: 199
THẬP ĐỖ TRỪNG: 356
Thập thất sử: 59
Thất Diệu: 57, 58, 62
Thi Lãng: 170
Thi Nại: 618, 669
THI SÁCH: 92
Thiên Bình: 172, 307
THIÊN CẢM CHÍ BẢO: 31, 379, 380, 382
THIÊN CẢM HOÀNG HẬU: 279, 466
THIÊN CẢM PHU NHÂN: 450
THIÊN CẢM THÁNH VŨ: 268, 290, 293, 294
THIÊN CHƯƠNG BẢO TỰ: 31, 353,
SÙNG HƯNG ĐẠI BẢO: 31, 296
SÙNG LÃM: 49
SƯ HIỀN: 610, 620, 652, 653
SƯ HỰU: 709, 723
SƯ LỴ: 149
SƯ TẾ: 624,
SƯ THUẬN: 221, 222
SỬ HOÀNG: 106
Sử ký: 343, 69, 83, 185
SỬ LỘC: 60

T

TÁ QUỐC HOÀNG HẬU: 261
TÁ THIÊN ĐẠI VƯƠNG: 465, 500, 530
Tả Thanh Oai: 18, 33
TẠ BẤT CĂNG: 555
TẠ LAI: 592
TẠ TRẠC: 120
Tam Á: 110
Tam Đái: 38, 190, 718, 730, 731
Tam Lang: 6
Tam Phật Tề: 155
TÀM TÙNG: 35
Tản Viên: 53, 54, 229, 251, 311, 346, 364, 395, 415, 603, 656, 663
TÀO HUYỀN TĨNH: 153
TÀO LƯƠNG HÀN: 41
TÀO PHI: 192
TÀO THAM: 68
THÁI BÁ: 74, 75, 76, 493
Thái bình hoàn vũ ký: 132, 168
Thái Dà: 45
Thái giáp: 383
THÁI GIÁP: 84, 359
THÁI HÒA: 23, 162, 279, 329
THÁI NINH: 31, 119, 310, 311
THÁI THÀNH VƯƠNG (KHÔI): 83
THÁI TỔ CAO HOÀNG ĐẾ: 46, 495
THÁI TÔNG HOÀNG ĐẾ (xem LÝ THÁI TÔNG): 31
THÁI TÔNG HOÀNG ĐẾ (xem TRẦN THÁI TÔNG): 31
Tham Lang: 96

354
THIÊN TƯ GIA THỤY: 41, 388
Thiên Uy (cảng): 171
THIÊN ỨNG CHÍNH BÌNH: 31, 33, 423, 424, 425, 426, 427, 430, 431, 433, 435, 436, 437, 438, 439, 445
THIỀN HINH (xem LÝ CHIÊU HOÀNG): 405
Thiền lâm thiết chủy ngữ lục: 533
THIỀN THÔNG: 47
THIẾP MỘC NHI: 470
THIẾP TRỤ: 567
THIỀU THỐN" 597
THIẾU ĐẾ: 32, 39, 43, 90, 659
THIẾU QUÝ: 78, 82, 86, 741
THIỆU BẢO: 32, 466, 467, 469, 471, 563, 579
THIỆU KHÁNH: 32, 457, 603, 609, 611, 612
THIỆU LONG: 31, 448, 449, 450, 451, 452, 453, 454, 455, 456, 459, 460, 462, 469, 505
THIỆU MINH: 31, 358, 360, 411
Thiệu Nam: 349
THIỆU THÀNH: 32, 666, 667
THIỆU VIỆP: 234, 235
THỌ MÔNG: 193
THOÁN CỐC: 114
THOÁT HIÊN: 76
THOÁT HOAN: 317, 4121, 470, 471, 473, 478, 480, 481, 483., 484, 485, 486, 488, 489, 490, 491, 495, 496, 499, 501, 506, 531,
Thổ Phồn: 170
Thổ Nhĩ Kỳ: 393
THÔI CẢNH THÚC: 127
THÔI KÉT: 161
THÔI LƯỢNG: 209
THÔI TỤ: 730, 732
Thông giám ngoại k: 54
Thủy kinh chú: 59, 98
THỦY TINH: 53, 54, 62, 303
Thủy vân tùy bút ngự tập: 549
THỤY BÀ CÔNG CHÚA: 439
Thụy Hương: 59
THANH GIANG SỨ: 57, 62
Thanh Hóa: 329, 344, 430
Thanh Liêm: 24, 33, 216, 556
Thanh nhất thống chí: 168
Thanh Oai (huyện): 18, 33, 190, 726
Thành Đ: 166, 172, 461
Thành Hòa Kính: 378
THÀNH KHÁNH HẦU: 335
THÀNH THANG: 46, 85
THÁNH NGUYÊN: 32, 664
THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ (xem LÝ THÁNH TÔNG): 31
THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ (xem TRẦN THÁNH TÔNG): 31
Thảo nhàn hiệu tần: 630
Thát Đát: 262, 378, 479, 520
THIÊN CHƯƠNG HỮU ĐẠO: 31, 403, 405
THIÊN CỰC CÔNG CHÚA: 417, 428, 450
Thiên Cương: 435, 578, 673, 681
THIÊN ĐỨC: 30, 198
Thiên Đức (lăng): 262
Thiên Đức (sông): 252
THIÊN GIA BẢO HỰU: 31, 392, 393
THIÊN HUỐNG BẢO TƯỢNG: 31, 307
THIÊN HUY CÔNG CHÚA: 621
THIÊN KHẢI: 131
Thiên Khánh: 276, 288, 298, 305, 363, 728
THIÊN KIẾN HOÀNG THÁI HẬU: 366
Thiên Kiện (am): 621
Thiên Kiện (núi): 642
Thiên Liễu: 237
THIÊN LÝ: 167, 668
Thiên Mạc: 447, 477, 480, 683
THIÊN NGUYÊN: 198, 239
THIÊN NINH: 579, 601, 605, 610
THIÊN PHÙ DUỆ VŨ: 31, 313, 322, 326
THIÊN PHÙ KHÁNH THỌ: 31, 336
THIÊN PHÚC: 31
THIÊN PHÚC HOÀNG ĐẾ: 215
Thiên quan: 657, 699
THIÊN SÁCH VƯƠNG: 38, 187, 188, 189
Thiên Tâm (chùa): 250
THIÊN THÀNH: 31
THIÊN THÀNH CÔNG CHÚA: 439, 440

Thư cưu: 351
THƯ TRẠNG: 380
Thương Ngô: 79, 80, 83, 86
THƯỜNG BÀ MA CÁC: 471
Thượng Dương: 311
THƯỢNG DƯƠNG THÁI HẬU: 310, 315, 328
Thượng thư: 104, 105
TÍCH LỆ CƠ: 490, 492, 494, 495
TÍCH LỆ CƠ NGỌC: 492
TÍCH LỆ CƠ VƯƠNG: 490, 494
TÍCH QUANG: 22, 90, 91, 92, 95, 104, 112
Tiêm La: 672
Tiên Du: 38, 40, 43, 60, 255, 627
Tiên Điền: 33
Tiên Linh: 6, 96
TIỀN KHANH: 55
TIỀN LÊ: 31, 303
TIỀN LÝ: 22, 30, 36, 130, 140, 143
TIỀN LÝ NAM ĐẾ (xem LÝ NAM ĐẾ): 22, 36, 135
TIỀN NAM ĐẾ: 22, 36, 134, 138, 140
TIỀN NGÔ VƯƠNG (xem NGÔ QUYỀN): 183
TIẾT HỦ: 114, 115
TÔN QUYỀN: 22, 104, 108, 129
TÔN QUỲNH: 131
TÔN SÁCH: 97
Tôn thất truyện: 163
TÔN TOÀN HƯNG: 209
TÔN TƯ: 113
TÔNG MIỆT: 105
TÔNG XÁC: 124, 125
TỐNG BẢO KHÁNH: 32, 415, 419
Tống Bình: 150, 162
TỐNG CAO TÔNG: 377, 404
TỐNG CẢO: 224
TỐNG CHÂN TÔNG: 24, 228, 234, 235
TỐNG CHI ĐẾ: 154
TỐNG ĐẠI TRUNG TƯỜNG PHÙ: 31, 237, 250
TỐNG HUY TÔNG: 327
TỐNG KHAI BẢO: 30, 197, 199, 200, 201
THIÊN THUẬN: 31, 255
THIÊN THỤY CÔNG CHÚA: 472
THIÊN TRAI TIÊN SINH: 497
THÔNG THỤY: 278
THỐNG THIÊN NGỰ CỰC LONG CÔNG HẬU ĐỨC HIỂN CÔNG HỰU THUẬN THÁNH VĂN THẦN VŨ HIẾU NGUYÊN HOÀNG ĐẾ: 464
Thú Dương: 488
THUẬN LƯU BÁ: 398, 399
THUẬN THÁNH MINH ĐẠO HOÀNG HẬU: 217
THUẬN THIÊN: 31, 33, 242, 244, 664
THUẬN THIÊN CÔNG CHÚA: 410, 428
THUẬN THIÊN QUẢNG VẬN KHÂM MINH NHÂN HIẾU HOÀNG ĐẾ: 342
THUẬN TÔNG HOÀNG ĐẾ (xem TRẦN THUẬN TÔNG): 32
THUẬN TRINH PHU NHÂN: 400
THUẬT DƯƠNG HẦU (KIẾN ĐỨC): 80
THUẬT DƯƠNG VƯƠNG: 35
THÚC NHA: 232
THÚC TỀ: 488, 536, 537, 643
THỤC VƯƠNG: 56, 58
Thủy Chân Lạp; 258
Thủy Hoa: 256
Thủy Hưng: 120, 126, 127
TIÊU ÁNH: 131, 135
TIÊU BỘT: 132, 137
TIÊU CHÚ: 312
TIÊU HÀ: 68
Tiêu Lương (nước): 254
Tiêu thái đăng: 509
TIÊU TIÊN: 149
TIÊU TƯ: 25, 36, 130, 131, 143
Tiểu Côn Lôn: 155
Tiểu Giang: 60
Tiểu Nha (cửa biển): 142
Tiểu nhã: 273, 351
Tìm hiểu kho sách Hán Nôm: 15
Tinh Kỷ (sao): 47
TĨNH HẢI TIẾT ĐỘ SỨ: 188
TĨNH TRAI CÔNG: 11
TOẠI NHÂN THỊ: 54
TÔ HẬU: 329

TỐNG KHÁNH BẢO: 31
TỐNG KIẾN ĐỨC: 30
TỐNG NHUNG: 167
Tống sử: 313, 320
TỐNG THÁI BÌNH HƯNG QUỐC: 30, 31, 202, 203, 216, 217, 218
TỐNG TRIẾT TÔNG: 327
Tổng luận: 34
TRA DIỆP: 466
TRÀ HÒA BỐ ĐỂ: 574, 580
TRAI LANG: 432
TRANG ĐỊNH VƯƠNG NGẠC: 633, 646
TRANG SÂM: 79
TRẦN ÍCH TẮC: 478, 484, 582
TRẦN KHÁNH DƯ: 44, 471
TRẦN KHÁT CHÂN: 45, 638, 641, 642, 661, 692
TRẦN KHẮC CHUNG: 42, 44, 494, 512, 525
TRẦN KHẮC DỤNG: 509
TRẦN KHÂM: 209, 216
TRẦN KHÂM TỘ: 209, 216
TRẦN KHIÊM PHỦ: 473
TRẦN KHUÊ KÌNH: 434
TRẦN KIỆN: 497
TRẦN KIỀU: 210, 453
TRẦN LÃO: 473
TRẦN LỆ ĐAN: 229
TRẦN LỆNH HINH: 394
TRẦN LIỄU: 408, 425, 522
TRẦN MINH CÔNG: 38, 189, 190, 191, 196, 199,
TRẦN MINH TÔNG: 666, 672
TRẦN NA: 623
TRẦN NGẠN CHIÊU: 681, 693
TRẦN NGHỆ TÔNG: 634, 660, 672
TRẦN NGHIÊU TẦU: 227
TRẦN NGỌC CƠ: 659
TRẦN NGỌC KIỂM: 659
TRẦN NGỖ LANG: 598, 604
TRẦN NGÔ LONG: 569
TRẦN NGUYÊN CHỈ: 685
TRẦN NGUYÊN ĐÁN: 44, 608, 693
TRẦN THÌ KIẾN: 501, 511, 512, 518,
TÔ HIẾN THÀNH: 41, 359, 362, 372, 376, 377, 378, 380, 383, 384, 385, 398, 412, 608, 650
TÔ TIỆM: 362
TÔ TRUNG TỪ: 397, 399
TÔ TRUNG TỰ: 41
TÔN ĐẢN: 316
TÔN HẠO: 21, 66, 114, 238, 349
TRANG TRỢ: 77
Trảo Oa: 556
TRẦM KHỞI: 312, 316
TRẦN ÁI (xem TRẦN DI ÁI): 471
TRẦN ANH TÔNG: 541
TRẦN BÀN THẠCH: 167
TRẦN BANG CẨN: 554
TRẦN BÌNH: 45, 69, 477
TRẦN BÌNH TRỌNG: 45, 477
TRẦN CẢNH: 405, 406, 407, 408
TRẦN CẢO: 245, 728, 730, 731, 733, 734
TRẦN CHU PHỔ: 424, 440
TRẦN CỐ: 433, 456
TRẦN CÔNG ĐĨNH: 700
TRẦN CỤ: 530
TRẦN CƯƠNG TRUNG: 418, 433, 441
TRẦN DI ÁI: 469, 471
TRẦN DỤ TÔNG: 429
TRẦN DƯƠNG ĐÌNH: 693
TRẦN ĐÌNH QUÝ: 637
TRẦN ĐÌNH THÂM: 615, 625
TRẦN ĐỨC HUY: 672
TRẦN HÃN; 657, 661, 662, 692, 724, 731
TRẦN HIỆP: 82, 700, 723, 727, 730
TRẦN HÙNG THAO: 467, 468, 515, 524, 529, 532, 547
TRẦN HỮU LẠNG: 582, 590, 591, 592, 597
TRẦN NGUYÊN HÃN: 43
TRẦN NGUYÊN THÁI: 201
TRẦN NGUYÊN TÔN: 693
TRẦN NGUYỆT HỒ: 693
TRẦN NHÂN TÔNG: 291, 317
TRẦN NHẬT CHƯƠNG: 647
TRẦN NHẬT DUẬT: 44, 572
TRẦN NHẬT HẠCH: 607
TRẦN PHẪU: 557

524, 530, 533
TRẦN THIỆU: 45
TRẦN THỦ ĐỘ: 44, 399, 403, 405, 407, 415, 417, 421, 424, 430
TRẦN THUẬN TÔNG: 691
TRẦN THƯ HIỀN: 685
TRẦN THỪA: 401, 402, 403, 407, 408
TRẦN THỰC: 45
TRẦN TÍCH: 45
TRẦN TÔN: 639, 642
TRẦN TÔNG NGOẠN: 623
TRẦN TRÍ: 718, 720, 721, 723, 725, 726, 733
TRẦN TRIỆU CƠ: 692, 710
TRẦN TRUNG HIẾU: 623
TRẦN TỰ KHÁNH: 41, 398, 399, 400, 401, 402
TRẦN UYÊN: 445
TRẦN ỨNG CƠ: 279
TRẦN VĂN GIÁP: 15
TRẦN VĂN TÚ: 262
TRẦN VĂN UYÊN: 254
Trấn Nam Đô hộ phủ: 154
TRẤN NAM VƯƠNG: 471, 473, 484, 485
TRÂU BẢO: 579
TRÂU CANH: 43, 576, 578, 579, 580, 587, 595, 596
TRÂU THẦN Y: 579
TRÂU TÔN: 579
Trệ Nguyên: 278
TRI NGHĨA HẦU: 80, 83
TRÍ BÁ: 45
Trí Châu: 150, 152
TRĨ; 68, 96
TRỊNH NGU: 166, 167
TRỊNH PHẪU; 424
TRỊNH QUỐC HOÀNG HẬU; 217
TRỊNH TRANG CÔNG: 247
TRỊNH TÚ: 39, 199, 201
TRỊNH VĂN TÚ: 261
TRỊNH XIẾN: 485
TRỌNG THỦY: 36, 60, 61, 62, 63, 64, 74, 141, 145
TRỌNG UNG: 74
TRẦN PHÓ DUYỆT: 472
TRẦN PHỦ: 473, 486
TRẦN PHỤNG CÔNG: 452
TRẦN QUANG KHẢI: 44
TRẦN QUỐC CHẤN: 532
TRẦN QUỐC KHANG: 516
TRẦN QUỐC KIỆT: 696
TRẦN QUỐC LẶC: 445
TRẦN QUỐC TUẤN: 44
TRẦN QUÝ KHOÁNG: 698
TRẦN SĨ LONG: 227
TRẦN THẠC TRINH: 97
TRẦN THÁI TÔNG: 41, 405, 423, 442, 444, 465, 498
TRẦN THANH LÝ: 542
TRẦN THÁNH TÔNG: 505
TRẦN THĂNG: 199
TRẦN THẾ ĐĂNG: 623
TRẦN THẾ ĐỒ: 606
TRỊ BÌNH LONG ỨNG: 31, 394
Triều Dương: 227, 263, 264
TRIỆU ÂU: 36, 97
TRIỆU CAO: 97
TRIỆU CHỈ: 118
TRIỆU ĐÀ: 6, 21
TRIỆU KHẾ: 318
TRIỆU LONG MỊ: 172
TRIỆU MINH VƯƠNG: 78
TRIỆU NẶC: 168
TRIỆU PHỤNG HUÂN: 216, 219
TRIỆU QUANG PHỤC: 23, 133, 144, 154
TRIỆU SÓC: 185
TRIỆU TÔNG: 39
TRIỆU TRUNG: 479
TRIỆU TÚC: 131, 132, 135, 143, 144
TRIỆU TƯƠNG TỬ: 45, 519
TRIỆU VĂN VƯƠNG: 76, 78
TRIỆU VIỆT VƯƠNG: 22, 36
TRIỆU VŨ: 52, 87, 129, 185
TRIỆU VŨ ĐẾ: 6, 21, 29, 35, 36, 66, 67, 68, 6974, 109, 516, 735
TRIỆU VƯƠNG HƯNG: 79
TRIỆU XƯƠNG: 37, 59, 159
Triệu Xương truyện: 159
TRINH DỰ: 76

TRỌNG VŨ: 23, 161, 162, 163
Trúc Lâm: 5, 43, 428, 429, 533
TRÚC LÂM ĐẠI SĨ: 533
TRÚC LÂM ĐẦU ĐÀ: 533
TRÚC LÂM THIỀN SƯ: 428
Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh: 5
TRUNG HÀNG (xem PHẠM TRUNG HÀNG): 45
TRUNG MẪN Á VƯƠNG: 606
TRUNG QUỐC VƯƠNG: 225, 231, 233
TRUNG THÀNH VƯƠNG: 439, 440, 509
TRUNG TÔNG HOÀNG ĐẾ: 31, 231
TRÙNG HƯNG: 32, 262, 475, 483, 488, 494, 495, 498, 499, 501, 503, 504, 505, 564
TRÙNG QUANG: 32, 45
Trùng quang (chùa); 280
TRÙNG QUANG ĐẾ; 693, 696, 700
Truyện Kiều: 81
TRƯNG NHỊ; 93, 95, 97
TRƯNG NỮ VƯƠNG: 19, 29, 92
TRƯNG TRẮC (xem TRƯNG NỮ VƯƠNG): 24, 91, 93, 94, 97
TRƯNG VƯƠNG (xem TRƯNG NỮ VƯƠNG): 35, 36, 92, 93, 95, 99
TRƯƠNG BÁ NGHI: 155, 158
TRƯƠNG XÁN: 445
Trường An: 59, 78, 142, 195, 205, 259, 270, 271, 273, 274, 373, 577, 606, 657, 692, 694, 697
Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội: 9, 10, 25
TRƯỜNG KHÁNH BẢO LỊCH
TRƯỜNG LẠC THÁI HẬU: 161
Trường sa: 68, 69, 70, 71, 100, 119, 505, 516
TRƯỜNG SA VƯƠNG: 68, 71
Trường Yên: 231
TU DOÃN; 117
Tu Nữ (sao): 47
TU TẮC; 114
TÙ LONG: 165
TUẦN HÚC: 105
TUẦN ĐẠO PHÚC: 124
TRINH MINH: 177
TRINH PHÙ: 31
TRÌNH ANH: 185
TRÌNH BẰNG PHI: 485, 486, 490
TRÌNH THỊ: 62
TRỊNH GIÁC MẬT: 468
TRỊNH HÀNG: 229
TRƯƠNG BÁ NGỌC: 355
TRƯƠNG BÀN: 102
TRƯƠNG CHU: 160, 176
TRƯƠNG ĐÌNH TRẦN: 459
TRƯƠNG HÁN SIÊU: 44, 491, 518, 533, 553, 556, 572, 573, 574, 576, 578, 582, 583, 609, 613, 625
TRƯƠNG HANH: 424
TRƯƠNG HÀNH: 380
TRƯƠNG HÁT: 319
TRƯƠNG HIỀN: 480
TRƯƠNG HIẾN; 512
TRƯƠNG HỐNG: 319
TRƯƠNG HƯNG VƯƠNG: 210
TRƯƠNG KIỀU: 101, 106
TRƯƠNG LẬP ĐẠO: 501, 502
TRƯƠNG LIỄN: 120
TRƯƠNG MÃ NI: 199
TRƯƠNG MÂN: 106
TRƯƠNG MÔNG: 436
TRƯƠNG NGHỊ: 58
TRƯƠNG NHÂN: 167
TRƯƠNG QUAN: 227, 707
TRƯƠNG QUÂN: 490
TRƯƠNG TÂN: 22, 104, 106, 112
TRƯƠNG THỦ TIẾT: 316
TRƯƠNG THUYÊN: 169
TRƯƠNG TỐNG QUYỀN: 213
TRƯƠNG TRẤP: 168
TRƯƠNG TUẤN: 209
Trương tướng quân (đền thờ): 319
TRƯƠNG ỨNG KẾ: 158
TRƯƠNG VĂN HỔ: 484, 487, 488, 489, 490
Tư Phúc (chùa): 43, 513, 557
TỪ DIỄN: 336, 341
TỪ ĐẠO HẠNH: 330
TỪ KIM CHI: 125

TÙY DẠNG ĐẾ: 147, 148
TÙY NHÂN THỌ: 30, 142, 143, 147, 174
TUYÊN ĐỨC: 11, 27, 725
TUYÊN TÔNG (xem MINH TUYÊN TÔNG): 725
TUYỀN CHÂU BIỆT GIÁ: 156
Tư Lẫm: 303
Tư Long: 150, 320
TƯ LỢI BẠC: 155
TƯ MÃ: 83, 114, 132
Tư Mã (cửa): 59
TƯ MÃ QUANG: 15, 260, 303, 664
TƯ MÃ THIÊN: 15, 185
TƯ MÃ VIÊM: 114
Tư Nông: 151, 388
TƯ PHÙ: 33
Tỷ Ảnh: 148, 153, 154
TỶ CAN: 94, 239

U – Ư

Uất Lâm: 60, 69, 93, 114, 126
Ung Châu: 162, 166, 167, 170, 306
UNG KHẢI: 108
UNG MINH TÁ ĐIỆP: 374, 375, 376
Ung Quân: 166, 167, 326
UY MINH TƯỚNG QUÂN: 137, 647
UY NAM TƯỚNG QUÂN: 114
ỨNG THIÊN: 31, 227, 230, 235, 237
Ứng Thiên (phủ): 160, 191
Ứng Thiên (ruộng): 443
ỨNG THIÊN SÙNG NHÂN CHÍ ĐẠO UY KHÁNH LONG TƯỜNG UY VĂN DUỆ VÕ HIẾN ĐỨC THÁNH THẦN HOÀNG ĐẾ: 310
ỨNG THỤY CÔNG CHÚA KHUÊ: 468
ỨNG XỨNG: 159

V

VẠN HẠNH: 244
Vạn Kiếp: 455, 477, 520
Từ Liêm: 33, 53, 59, 138, 141, 234, 306, 701, 726, 730
TỪ MỤC: 39, 220, 229
TỪ TỐN: 114
TỪ VĂN THÔNG: 268, 358, 382
TỪ VINH: 330, 355
Tứ (sông): 15, 123
TỬ AN: 39, 97
TỬ ANH: 97, 184
TỬ BÌNH: 43, 599, 614, 623
TỬ DƯ: 74
TỬ DƯƠNG: 15, 22, 136
TỬ KIỀU: 336
Tử Phi Đình: 155
TỬ TRƯƠNG: 243
TỰ MỤC: 218
Tự Nhiên: 133
TỨC GIAO LONG: 122
Túc Mặc: 423, 431, 453, 533, 534
TỨC NA NĂNG: 122
Tường Kha (quận): 83
Tường Kha (sông): 84
TƯỜNG PHÙ: 236, 313
Tường Phù (cửa): 252, 266
TƯỚNG ĐẠO SINH: 123
Tượng Lâm: 98, 99, 100, 120
Tượng Phố: 125
Tượng Quận: 35, 52, 60
Vạn Xuân (quốc hiệu): 141
Văn Châu: 266
Văn Cốc: 150
VĂN ĐẾ: 69,71,74,75,137,141,212
VĂN GIAI HOÀNG ĐẾ: 97
VĂN HIẾN HẦU: 557
VĂN HUỆ VƯƠNG: 524
Văn Lang: 51,52,56,152,300
VĂN TÔNG: 23,162
VĂN TRINH CÔNG: 607
VĂN TÚC VƯƠNG: 515, 535
VĂN VƯƠNG: 35, 74, 86
Vân Đồn: 369, 482, 490, 600
Vật Ác: 296, 297
Vật Dương: 297
VỆ CHIÊU MỸ: 228, 229
VỆ VƯƠNG: 203, 206, 210, 211

Vạn Kiếp tông bí truyền thư: 525
Vạn Pha (tỉnh): 333
VẠN THẮNG VƯƠNG: 197, 214, 215
Vạn Thọ: 133, 264, 465
Vạn Thọ Nam Sơn: 264
Việt điện u linh: 58, 63
Việt giám vịnh sử thi tập: 76
Việt sử bị lãm: 33, 317
Việt sử lược: 26
Việt sử thông giám cương mục (xem Khâm định Việt sử thông giám cương mục): 9, 26, 778
Việt sử tiêu án: 18, 33
Việt sử tổng luận: 33
Việt Thường: 51, 52, 56, 100, 148, 151, 153
Việt Thường thị (xem Việt Thường): 52
Việt Tích: 171
Vĩnh Gia: 69
Vĩnh Hưng: 278
VĨNH KHÁNH: 33
VĨNH LẠC: 32, 678
Vĩnh Yên: 265, 279, 601, 720
VÕ CHIẾU: 97, 454
VÕ HẬU: 407, 610
VÕ TẮC THIÊN: 97, 407, 454, 610
VÕ VƯƠNG: 35
Vọng Hải: 24, 94, 98, 152
Vọng Quốc: 296
Vô dật: 658
VŨ BA TƯ: 273
Vũ cống: 47
Vũ Định: 51
VŨ ĐỨC VƯƠNG: 262, 272
Vũ Lũng (sông): 238
VŨ HỒN: 164
VŨ LÂM HẦU: 131, 132
VŨ MỘNG NGUYÊN: 659, 670
VŨ NGHIÊU TÁ: 566
VƯƠNG SOẠN: 210, 218
VƯƠNG THẮNG CHIÊU: 163
VƯƠNG THẨM TRI: 172
VƯƠNG THẾ LỘC: 434
VƯƠNG THẾ TẮC: 225, 227
VƯƠNG THIỆU TỘ: 213
VI THIỆU KHÂM: 297
VI THIỆU TỰ: 297
VI TRỌNG TỂ: 169
Vị Long: 236, 261, 262
VIÊM ĐẾ: 34, 48
VIÊN ĐÀM HOÃN: 135
VIÊN HUY: 22, 104
Viên Khâu: 373, 375
VIÊN SĨ MINH: 335
Viện Nghiên cứ Hán Nôm: 5, 7, 9, 10
Viện Sử học: 9, 10,25
Việt Châu: 132
Việt chí: 85
VIỆT CƠ: 35
Vũ Ninh: 51, 53,57,60,152,191,677
VŨ TAM TƯ: 370
VŨ THÀNH VƯƠNG DOÃN: 447
VŨ TƯ HOÀNH: 562
VŨ VỊ: 437
VŨ VƯƠNG: 445
Vụ Thấp: 368
VỤ TIÊN: 48, 49
Vũng Biện: 259
VƯƠNG AN THẠCH: 313, 319, 320
VƯƠNG AN TRẠCH: 313
Vương Bá truyện: 165
VƯƠNG CHÍ VIỄN: 165
VƯƠNG CHÍNH: 496, 722
VƯƠNG CƠ: 119
VƯƠNG CỬU: 354
VƯƠNG ĐÔN: 119
VƯƠNG HỮU CHU: 632
VƯƠNG KHẢ TUÂN: 637
VƯƠNG KHOAN: 166
VƯƠNG KHÔI: 77
VƯƠNG KHÔI DỰ CHƯƠNG: 77
VƯƠNG LƯƠNG: 119
VƯƠNG LƯỢNG: 119
VƯƠNG MÃNG: 90, 103, 186, 193, 227, 663, 697
VƯƠNG NGHIỆP: 74, 114
VƯƠNG NHŨ CHU: 363, 660, 662
VƯƠNG PHẠM: 89
VƯƠNG QUÝ NGUYÊN: 160
VƯƠNG SĨ HÀNH: 581

VƯƠNG THÔNG: 732, 733, 734, 736, 737
VƯƠNG THỨC: 164, 165
VƯƠNG TIỄN: 76, 91
VƯƠNG TỐ: 114, 115
VƯƠNG TUỆ: 170
VƯƠNG VĂN KHÁNH: 280
VƯƠNG VŨ ĐẾ: 30
VƯƠNG VŨ XỨNG: 213
VƯƠNG YẾN QUYỀN: 169, 170

X

XÁ LY ĐÀ BÀN NGÔ NHẬT HOAN: 218
XÍCH CHỦY: 218
Xích Đằng: 191
Xích Quỷ: 48
Xiêm La: 369, 390
Xuân Lôi: 58
XUÂN QUẬN CÔNG: 33
Xuân Thu: 60
Xuân Thu nguyên mệnh bao: 11, 27
Xuân Thu quản kiến: 5
Xuân Thu tả thị truyện: 59
XUNG TÂN: 272
XUNG THIÊN THẦN VƯƠNG: 53
XUNG THIÊN VƯƠNG: 54
Xuyên Thục: 174
XƯƠNG ẤP VƯƠNG: 84
XƯƠNG PHÙ: 32, 628, 629, 630, 631, 632, 633, 634, 636
Xuyên Thục: 173
XƯƠNG ẤP VƯƠNG: 84
XƯƠNG PHÙ: 32

Y

Y Doãn: 372
Ý TỪ CÔNG CHÚA: 583
Ỷ LAN HOÀNG THÁI HẬU: 334
Ỷ LAN NGUYÊN PHI: 312
Ỷ mang (động): 618, 619
Yên Khang: 58, 505, 558
Yên Phong: 58
Yên Tử (núi): 42, 431, 469
YẾT KIÊU: 478, 480, 521, 522, 577, 588

MỤC LỤC

Lời giới thiệu của Viện trưởng Viện nghiên cứu Hán Nôm 5
Tình trạng văn bản, đặc điểm nội dung, giá trị tác phẩm 9
Ký hiệu chữ viết tắt 26

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN
Sơ đồ quốc thống các đời 28
Sơ đồ đế vương các đời 28
I. Niên biểu, thế thứ các đời 29
II. Họ tên sử thần các triều đại 33
Tổng luận của sử thần Lê Tung 34

NGOẠI KỶ
Quyển I: Kỷ họ Hồng Bàng (2879 – 208 tr.CN) 47
Quyển II: Kỷ ngoại tu Triệu (207 – 111 tr.CN) 65
Quyển III: Kỷ Nội thuộc Tây Hán (110 tr.CN – 39 sau CN) 83
Kỷ Trưng Nữ Vương (40 – 42) 92
Kỷ Nội thuộc Đông Hán (43 – 209) 97
Quyển IV: Kỷ Nội thuộc Ngô, Tống, Tấn, Tề Lương (210 – 540) 108
Quyển V: Kỷ Tiền Lý (541- 602) 130
Quyển VI: Kỷ Nội thuộc Tùy Đường (603 – 906) 147
Quyển VII: Kỷ Nam Bắc phân tranh (907 – 938) 177
Kỷ nhà Ngô (939 – 967) 182

BẢN KỶ
Quyển I: Kỷ nhà Đinh (968-980) 195
Kỷ nhà Lê (981-1009) 215
Quyển II: Kỷ nhà Lý (chép từ năm 1010 đến 1054) 249
Quyển III: Kỷ nhà Lý (chép tiếp, từ năm 1054 đến 1138) 301
Quyển IV: Kỷ nhà Lý (chép tiếp, từ năm 1139 đến 1225) 360
Quyển V: Kỷ nhà Trần (chép từ năm 1226 đến 1293) 414
Quyển VI: Kỷ nhà Trần (chép tiếp, từ năm 1294 đến 1329) 508
Quyển VII: Kỷ nhà Trần (chép tiếp, từ năm 1330 đến 1369) 562
Quyển VIII: Kỷ nhà Trần (chép tiếp, từ năm 1370 đến 1388) 603
Phụ: Hôn Đức Công Dương Nhật Lễ. 603
Quyển IX: Kỷ nhà Trần (chép tiếp, từ năm 1389 đến 1406) 636
Phụ: Hồ Quý Ly, Hán Thương. 660
Quyển X: Kỷ Hậu Trần (1407 - 1413) 684
Kỷ thuộc Minh (1414 – 1427) 711
SÁCH DẪN (Hướng dẫn tra cứu tên người, tên đất, tên sách) 739

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
Địa chỉ: 65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com
Điện thoại: (024) 39260024 * Fax: (024) 39260031

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ
TIỀN BIÊN

*

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc
BÙI VIỆT BẮC
Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập
LÝ BÁ TOÀN

Biên tập:
ThS. NGUYỄN KHẮC OÁNH
Trình bày:
BẢO LỘC
Vẽ bìa:
GIA LONG

Liên kết xuất bản:
CÔNG TY CỔ PHẦN TRI THỨC VĂN HÓA SÁCH VIỆT NAM
(VINABOOK JSC)
Địa chỉ: 44 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (028) 35140632 * Fax: (028) 35140635

In 500 bản, khổ 16 x 24 cm, tại Công ty Cổ phần In Scitech
Địa chỉ: D20/532H Nguyễn Văn Linh, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
Số xác nhận đăng kí xuất bản: 2550-2018/CXBIPH/33-53/HĐ.
Số quyết định xuất bản: 0115/QĐ-NXBHD cấp ngày 15/08/2018.
Mã số quốc tế - ISBN: 978-604-89-4824-5.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2018.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TIỀN BIÊN

Giá: 450.000 Đ
8 935075 943872
ISBN: 978-604-89-4824-5
9 786048 948245